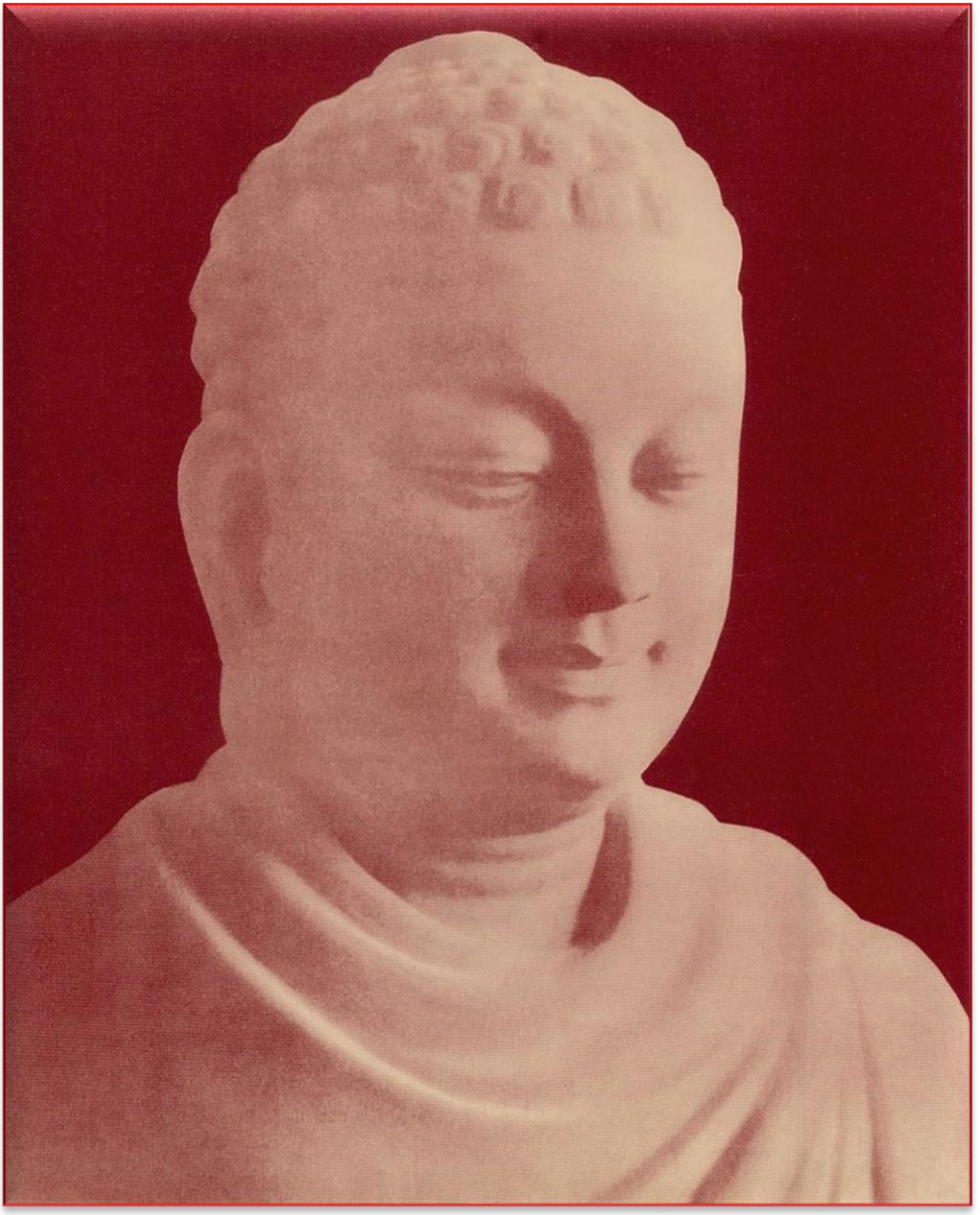

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 5

BỘ A-HÀM

V

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 5

BỘ TRUNG A HÀM BIỆT DỊCH

SỐ 27 → 99

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ A HÀM 5 – T005

TRUNG A-HÀM BIỆT DỊCH & TẠP A-HÀM (I)

SỐ 27 ..... **3**
PHẬT NÓI KINH THẤT TRI **3**
SỐ 28 ..... **6**
PHẬT NÓI KINH VIÊN SANH THỌ **6**
SỐ 29 ..... **8**
PHẬT NÓI KINH DỤ NƯỚC BIỂN **8**
SỐ 30 ..... **11**
PHẬT NÓI KINH TÁT-BÁT-ĐA-TÔ-LÝ-DU-NẠI-DÃ **11**
SỐ 31 ..... **15**
PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT LƯU NHIẾP THỦ NHÂN **15**
SỐ 32 ..... **20**
PHẬT NÓI KINH TỨ ĐẾ **20**
SỐ 33 ..... **29**
PHẬT NÓI KINH NƯỚC SÔNG HẰNG **29**
SỐ 34 ..... **34**
PHẬT NÓI KINH PHÁP HẢI **34**
SỐ 35 ..... **38**
PHẬT NÓI KINH TÁM ĐỨC CỦA BIỂN **38**
SỐ 36 ..... **42**
PHẬT NÓI KINH BỐN TƯƠNG Ỷ TRÍ **42**
SỐ 37 ..... **45**
PHẬT NÓI KINH DUYÊN BỐN TRÍ **45**
SỐ 38 ..... **48**
PHẬT NÓI KINH LUÂN VƯƠNG THẤT BẢO **48**
SỐ 39 ..... **53**
PHẬT NÓI KINH ĐẢNH SANH VƯƠNG CỔ SỰ **53**
SỐ 40 ..... **60**
PHẬT NÓI KINH VUA VĂN ĐÀ KIỆT **60**
SỐ 41 ..... **65**
PHẬT NÓI KINH VUA TẦN-BÀ-SA-LA **65**
SỐ 42 ..... **72**
PHẬT NÓI KINH THIẾT THÀNH NÊ-LÊ **72**
SỐ 43 ..... **79**
PHẬT NÓI KINH NĂM THIÊN SỨ CỦA VUA DIÊM-LA **79**

SỐ 44 ..... **84**
PHẬT NÓI KINH CỔ LAI THẾ THỜI **84**
SỐ 45 ..... **91**
PHẬT NÓI KINH VUA ĐẠI CHÁNH CÚ **91**
QUYỂN THƯỢNG 91
QUYỂN HẠ 101
SỐ 46 ..... **110**
PHẬT NÓI KINH BÁT NIỆM CHO A-NA-LUẬT **110**
SỐ 47 ..... **115**
PHẬT NÓI KINH XA RỜI SỰ NGỦ NGHỈ **115**
SỐ 48 ..... **119**
PHẬT NÓI KINH PHÁP ĐÚNG, PHÁP SAI **119**
SỐ 49 ..... **124**
PHẬT NÓI KINH CẦU DỤC **124**
SỐ 50 ..... **136**
PHẬT NÓI KINH THỌ TUẾ **136**
SỐ 51 ..... **141**
PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ KẾ THỦY TỊNH **141**
SỐ 52 ..... **144**
PHẬT NÓI KINH ĐẠI SANH NGHĨA **144**
SỐ 53 ..... **152**
PHẬT NÓI KINH KHỔ ẤM **152**
SỐ 54 ..... **158**
PHẬT NÓI KINH THÍCH MA-NAM BỔN **158**
SỐ 55 ..... **164**
PHẬT NÓI KINH KHỔ ẤM NHÂN SỰ **164**
SỐ 56 ..... **170**
PHẬT NÓI KINH LẠC TƯỞNG **170**
SỐ 57 ..... **172**
PHẬT NÓI KINH LẬU PHÂN BỐ **172**
SỐ 58 ..... **181**
PHẬT NÓI KINH A-NẬU-PHONG **181**
SỐ 59 ..... **188**
PHẬT NÓI KINH CHƯ PHÁP BỔN **188**
SỐ 60 ..... **190**
PHẬT NÓI KINH CÙ-ĐÀM-DI KÝ QUẢ **190**
SỐ 61 ..... **198**
SỐ 62 ..... **203**
KINH TÂN TUẾ **203**

SỐ 63 212
KINH GIẢI HẠ 212
SỐ 64 216
KINH TỲ-KHEO CHIÊM-BÀ 216
SỐ 65 220
PHẬT NÓI KINH PHỤC DÂM 220
SỐ 66 224
PHẬT NÓI KINH MA NHIỄU LOẠN 224
SỐ 67 234
PHẬT NÓI KINH TỆ MA THỬ HIỀN GIẢ MỤC-LIÊN 234
SỐ 68 242
PHẬT NÓI KINH LẠI-TRA-HÒA-LA 242
SỐ 69 256
PHẬT NÓI KINH HỘ QUỐC 256
SỐ 70 269
PHẬT NÓI KINH SỐ 269
SỐ 71 275
PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ ÁT-BA-LA-DIÊN VẤN CHỦNG TÔN 275
SỐ 72 285
PHẬT NÓI KINH CÔNG ĐỨC CỦA TAM QUY, NGŨ GIỚI, TỪ TÂM VÀ YỂM LY 285
SỐ 73 287
PHẬT NÓI KINH TU-ĐẠT 287
SỐ 74 291
PHẬT NÓI KINH QUẢ BÁO BỐ THÍ CỦA TRƯỞNG GIẢ 291
SỐ 75 300
PHẬT THUYẾT KINH HỌC CHO LÃO BÀ-LA-MÔN Ở VƯỜN HOÀNG TRÚC 300
SỐ 76 305
PHẬT NÓI KINH PHẠM-MA-DU 305
SỐ 77 317
PHẬT NÓI KINH TÔN THƯỢNG 317
SỐ 78 322
PHẬT NÓI KINH ĐÂU ĐIỀU 322
SỐ 79 327
PHẬT NÓI KINH ANH VÕ 327
SỐ 80 337
PHẬT NÓI KINH NGHIỆP BÁO SAI BIỆT CHO TRƯỞNG GIẢ THỦ-CA 337
SỐ 81 355

PHẬT NÓI KINH PHÂN BIỆT THIỆN ÁC BÁO ỨNG 355
QUYỂN THƯỢNG 355
QUYỂN HẠ 371
SỐ 82 386
PHẬT NÓI KINH Ý 386
SỐ 83 390
PHẬT NÓI KINH ỨNG PHÁP 390
SỐ 84 395
PHẬT NÓI KINH PHÂN BIỆT BỐ THÍ 395
SỐ 85 399
PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CHẤM DỨT SỰ TRANH LUẬN 399
SỐ 86 408
PHẬT NÓI KINH NÊ-LÊ 408
SỐ 87 423
PHẬT NÓI KINH TRAI GIỚI 423
SỐ 88 428
PHẬT NÓI KINH ƯU-BÀ-DI ĐỌA-XÁ-CA 428
SỐ 89 433
PHẬT NÓI KINH BÁT QUAN TRAI 433
SỐ 90 435
PHẬT NÓI KINH BỆ-MA-TÚC 435
SỐ 91 440
PHẬT NÓI KINH CON CỦA BÀ-LA-MÔN MẠNG CHUNG THƯƠNG NHỚ KHÔNG NGUÔI 440
SỐ 92 444
PHẬT NÓI KINH MƯỜI VỊ CƯ SĨ NGƯỜI BÁT THÀNH 444
SỐ 93 447
PHẬT NÓI KINH TÀ KIẾN 447
SỐ 94 449
PHẬT NÓI KINH DỤ MŨI TÊN 449
SỐ 95 453
PHẬT NÓI KINH DỤ CON KIẾN 453
SỐ 96 456
PHẬT NÓI KINH TRỊ Ý 456
SỐ 97 458
PHẬT NÓI KINH QUẢNG NGHĨA PHÁP MÔN 458
SỐ 98 473
PHẬT NÓI KINH PHỔ PHÁP NGHĨA 473
SỐ 99 487

KINH TẠP A-HÀM (I) 487
TẠP A-HÀM QUYỂN 1 487
Kinh 1. Vô thường 487
Kinh 2. Chánh tư duy 488
Kinh 3. Vô tri (1) 489
Kinh 4. Vô tri (2) 489
Kinh 5. Vô tri (3) 490
Kinh 6. Vô tri (4) 491
Kinh 7. Hỷ lạc sắc 491
Kinh 8. Quá khứ vô thường 492
Kinh 9. Yểm ly 492
Kinh 10. Giải thoát 493
Kinh 11. Nhân duyên (1) 494
Kinh 12. Nhân duyên (2) 495
Kinh 13. Vị (1) 495
Kinh 14. Vị (2) 497
Kinh 15. Sử 498
Kinh 16. Tăng chư số 500
Kinh 17. Phi ngã 501
Kinh 18. Phi bỉ 503
Kinh 19. Kết hệ 505
Kinh 20. Thâm kinh 506
Kinh 21. Động dao 506
Kinh 22. Kiếp-ba sở vấn 508
Kinh 23. La-hầu-la sở vấn (1) 509
Kinh 24. La-hầu-la sở vấn (2) 510
Kinh 25. Đa văn 511
Kinh 26. ThiỆn thuyẾt pháp 512
Kinh 27. Hướng pháp 513
Kinh 28. Niết-bàn 514
Kinh 29. Tam-mật-ly-đề vấn thuyết pháp sư 514
Kinh 30. Thâu-lũ-na (1) 515
Kinh 31. Thâu-lũ-na (2) 517
Kinh 32. Thâu-lũ-na (3) 519
TẠP A-HÀM QUYỂN 2 521
Kinh 33. Phi ngã 521
Kinh 34. Ngũ Tỳ-kheo 522
Kinh 35. Tam Chánh sĩ 523
Kinh 36. Thập lục Tỳ-kheo 524

Kinh 37. Ngã 526
Kinh 38. Ty hạ 527
Kinh 39. Chủng tử 528
Kinh 40. Phong trệ 530
Kinh 41. Ngũ chuyển 530
Kinh 42. Thất xứ 533
Kinh 43. Thủ trước 537
Kinh 44. Hệ trước 539
Kinh 45. Giác 540
Kinh 46. Tam thế Ấm thế thực 541
Kinh 47. Tín 544
Kinh 48. A-nan (1) 544
Kinh 49. A-nan (2) 545
Kinh 50. A-nan (3) 545
Kinh 51. Hoại pháp 546
Kinh 52. Uất-đê-ca 547
Kinh 53. Bà-la-môn 547
Kinh 54. Thế gian 549
Kinh 55. Ấm 550
Kinh 56. Lậu vô lậu 551
Kinh 57. Tật lậu tận 552
Kinh 58. Ấm căn 555
TẠP A-HÀM QUYỂN 3 560
Kinh 59. Sanh diệt 560
Kinh 60. Bất lạc 561
Kinh 61. Phân biệt (1) 562
Kinh 62. Phân biệt (2) 563
Kinh 63. Phân biệt (3) 564
Kinh 64. Ưu-đà-na 565
Kinh 65. Thọ 568
Kinh 66. Sanh 569
Kinh 67. Lạc 570
Kinh 68. Lục nhập xứ 571
Kinh 69. Kỳ đạo 572
Kinh 70. Thật giác 573
Kinh 71. Hữu thân 574
Kinh 72. Tri pháp 576
Kinh 73. Trọng đảm 576
Kinh 74. Vãng nghệ 578

Kinh 75. Quán 579
Kinh 76. Dục 580
Kinh 77. Sanh (1) 580
Kinh 78. Sanh (2) 581
Kinh 79. Sanh (3) 581
Kinh 80. Pháp Ấn 582
Kinh 81. Phú-lan-na 583
Kinh 82. Trúc viên 586
Kinh 83. Tỳ-da-ly 587
Kinh 84. Thanh tịnh 588
Kinh 85. Chánh quán sát 589
Kinh 86. Vô thường 590
Kinh 87. Khổ 591
TẠP A-HÀM QUYỂN 4 593
Kinh 88. Hiếu dưỡng 593
Kinh 89. Ưu-ba-ca (1) 594
Kinh 90. Ưu-ba-ca (2) 595
Kinh 91. Uất-xà-ca 596
Kinh 92. Kiêu Mạn 599
Kinh 93. Tam hỏa 602
Kinh 94. Mặt Trăng 606
Kinh 95. Sanh Văn 608
Kinh 96. Dị bà-la-môn 610
Kinh 97. Khất thực 612
Kinh 98. Canh điền 613
Kinh 99. Tịnh thiên 615
Kinh 100. Phật (1) 617
Kinh 101. Phật (2) 618
Kinh 102. Lãnh quần đặc 619
TẠP A-HÀM QUYỂN 5 625
Kinh 103. Sai-ma 625
Kinh 104. Diệm-ma-ca 629
Kinh 105. Tiên-ni 633
Kinh 106. A-nậu-la 637
Kinh 107. Trưởng giả 639
Kinh 108. Tây 642
Kinh 109. Mao đoan 644
Kinh 110. Tát-giá 649
TẠP A-HÀM QUYỂN 6 660

Kinh 111. Hữu lưu 660
Kinh 112. Đoạn tri 661
Kinh 113. Đoạn sắc khổ 662
Kinh 114. Tri khổ 663
Kinh 115. Đoạn ưu khổ 664
Kinh 116. Ngã tận 665
Kinh 117. Đoạn hữu lậu 666
Kinh 118. Tham nhuế si 667
Kinh 119. Tận dục ái hỷ 668
Kinh 120. Ma (1) 669
Kinh 121. Tử diệt 670
Kinh 122. Chúng sanh 671
Kinh 123. Hữu thân 672
Kinh 124. Ma (2) 673
Kinh 125. Ma pháp 674
Kinh 126. Tử pháp 675
Kinh 127. Phi ngã phi ngã sở 676
Kinh 128. Đoạn pháp (1) 677
Kinh 129. Đoạn pháp (2) 677
Kinh 130. Cầu Đại sư (1) 678
Kinh 131. Tập cận 680
Kinh 132. Bất tập cận 681
Kinh 133. Sanh tử lưu chuyển 682
Kinh 134. Hồ nghi đoạn (1) 683
Kinh 135. Hồ nghi đoạn (2) 684
Kinh 136. Sanh tử lưu chuyển 684
Kinh 137 686
Kinh 138 686
TẠP A-HÀM QUYỂN 7 687
Kinh 139. Ưu não sanh khởi 687
Kinh 140 689
Kinh 141 689
Kinh 142. Ngã ngã sở 689
Kinh 143 và kinh 144 689
Kinh 145. Hữu lậu chướng ngại 690
Kinh 146. Tam thọ 690
Kinh 147. Tam khổ 690
Kinh 148. Thế bát pháp 691
Kinh 149. Ngã thắng 691

Kinh 150. Tha thắng 692
Kinh 151. Vô thắng 692
Kinh 152. Hữu ngã 692
Kinh 153. Bất nhị 693
Kinh 154. Vô quả 693
Kinh 155. Vô lực 694
Kinh 156. Tử hậu đoạn hoại 695
Kinh 157. Vô nhân vô duyên (1) 696
Kinh 158. Vô nhân vô duyên (2) 696
Kinh 159. Vô nhân vô duyên (3) 697
Kinh 160. Vô nhân vô duyên (4) 697
Kinh 161. ThẤt thân 697
Kinh 162. Tác giáo 698
Kinh 163. Sanh tử định lượng 699
Kinh 164. Phong 700
Kinh 165. Đại Phạm 701
Kinh 166. Sắc thị ngã (1) 701
Kinh 167. Sắc thị ngã (2) 702
Kinh 168. Thế gian thường 702
Kinh 169. Thế gian ngã thường 703
Kinh 170. Ngộ lạc Niết-bàn 704
Kinh 171. Ngã chánh đoạn 704
Kinh 172. Đương đoạn 705
Kinh 173. Quá khứ đương đoạn 705
Kinh 174. Cầu Đại sư (2) 706
Kinh 175. Cứu đầu nhiên thí 708
Kinh 176. Thân quán trụ (1) 709
Kinh 177. Thân quán trụ (2) 710
Kinh 178. Đoạn ác bất thiện pháp 711
Kinh 179. Dục định 713
Kinh 182. Tín căn 714
Kinh 181. Tín lực 714
Kinh 182. Niệm giác phần 715
Kinh 183. Chánh kiến 716
Kinh 184. Khổ tập tận đạo 717
Kinh 185. Vô tham pháp cú 718
Kinh 186. Chỉ 719
Kinh 187. Tham dục 721
TẠP A-HÀM QUYỂN 8 724

Kinh 188. Ly hỷ tham 724
Kinh 189. Ly dục tham 724
Kinh 190. Tri (1) 725
Kinh 191. Tri (2) 726
Kinh 192. Bất ly dục (1) 726
Kinh 193. Bất ly dục (2) 727
Kinh 194. Sanh hỷ 727
Kinh 195. Vô thường (1) 728
Kinh 196. Vô thường (2) 728
Kinh 197. Thị hiện 730
Kinh 198. La-hầu-la (1) 732
Kinh 199. La-hầu-la (2) 733
Kinh 200. La-hầu-la (3) 734
Kinh 201. Lậu tận 737
Kinh 202. Ngã kiến đoạn 738
Kinh 203. Năng đoạn nhất pháp 739
Kinh 204. Như thật tri kiến 740
Kinh 205. Ưu-đà-na 741
Kinh 206. Như thật tri 741
Kinh 207. Tam-ma-đề 742
Kinh 208. Vô thường 742
Kinh 209. Lục xúc nhập xứ 743
Kinh 210. Địa ngục 744
Kinh 211. Thế gian ngũ dục 745
Kinh 212. Bất phóng dật 747
Kinh 213. Pháp 748
Kinh 214. Nhị pháp 749
Kinh 215. Phú-lưu-na 750
Kinh 216. Đại hải 751
Kinh 217. Đại hải (2) 752
Kinh 218. Khổ tập diệt 753
Kinh 219. Niết-bàn đạo tích 753
Kinh 220. Tợ thú Niết-bàn đạo tích 754
Kinh 221. Thủ 754
Kinh 222. Tri thức 755
Kinh 223. Đoạn (1) 755
Kinh 224. Đoạn (2) 756
Kinh 225. Đoạn (3) 756
Kinh 226. Kế (1) 757

Kinh 227. Kế (2) 758
Kinh 228. Tăng trưởng 758
Kinh 229. Hữu lậu vô lậu 759
TẠP A-HÀM QUYỂN 9 760
Kinh 230. Tam-di-ly-đề (1) 760
Kinh 231. Tam-di-ly-đề (2) 761
Kinh 232. Không 761
Kinh 233. Thế gian 762
Kinh 234. Thế gian biên 763
Kinh 235. Cận trụ 764
Kinh 236. Thanh tịnh khất thực trụ 765
Kinh 237. Tỳ-xá-ly 767
Kinh 238. Nhân duyên 767
Kinh 239. Kết 768
Kinh 240. Thủ 768
Kinh 241. Thiêu nhiệt 769
Kinh 242. Tri 771
Kinh 243. Vị 771
Kinh 244. Ma câu 772
KINH 245. TỨ PHẨM PHÁP 772
Kinh 246. Thất niên 773
Kinh 247. Tập cận 775
Kinh 248. Thuần-đà 775
Kinh 249. Câu-hi-la (1) 778
Kinh 250. Câu-hi-la (2) 779
Kinh 251. Câu-hi-la (3) 781
Kinh 252. Ưu-ba-tiên-na 782
Kinh 253. Tỳ-nữu ca-chiên-diên 785
Kinh 254. Nhị-thập-ức-nhĩ 789
Kinh 255. Lỗ-hê-già 793
TẠP A-HÀM QUYỂN 10 798
Kinh 256. Vô minh (1) 798
Kinh 257. Vô minh (2) 799
Kinh 258. Vô minh (3) 801
Kinh 259. Vô gián đẳng 802
Kinh 260. Diệt 804
Kinh 261. Phú-lưu-na 805
Kinh 262. Xiển-đà 807
Kinh 263. Ưng thuyết 810

Kinh 264. Tiểu thổ đoàn 812
Kinh 265. Bào mật 817
Kinh 266. Vô tri (1) 819
Kinh 267. Vô tri (2) 821
Kinh 268. Hà lưu 823
Kinh 269. Kỳ lâm 824
Kinh 270. Thọ 826
Kinh 271. Đê-xá 827
Kinh 272. Trách chư tưởng 831
TẠP A-HÀM QUYỂN 11 834
Kinh 273. Thủ thanh dụ 834
Kinh 274. Khí xả 836
Kinh 275. Nan-đà 837
Kinh 276. Nan-đà thuyết pháp 839
Kinh 277. Luật nghi bất luật nghi 848
Kinh 278. Thoái bất thoái 848
Kinh 279. Điều phục 850
Kinh 280. Tần-đầu thành 852
Kinh 281. Oanh phát Mục-kiền-liên 854
Kinh 282. Chư căn tu 858
TẠP A-HÀM QUYỂN 12 863
Kinh 283. Chủng thọ 863
Kinh 284. Đại thọ 864
Kinh 285. Phật phược 866
Kinh 286. Thủ 867
Kinh 287. Thành ấp 868
Kinh 288. Lô 870
Kinh 289. Vô văn (1) 873
Kinh 290. Vô văn (2) 874
Kinh 291. Xúc 875
Kinh 292. Tư lương 878
Kinh 293. Thậm thâm 881
Kinh 294. Ngu si hiệt tuệ 882
Kinh 295. Phi nhữ sở hữu 884
Kinh 296. Nhân duyên 885
Kinh 297. Đại không pháp 886
Kinh 298. Pháp thuyết nghĩa thuyết 888
Kinh 299. Duyên khởi pháp 890
Kinh 300. Tha 890

Kinh 301. Ca-chiên-diên 891
Kinh 302. A-chi-la 892
Kinh 303. Điếm-mâu-lưu 895
TẠP A-HÀM QUYỂN 13 897
Kinh 304. Lục lục 897
Kinh 305. Lục nhập xứ 899
Kinh 306. Nhân 901
Kinh 307. Kiến pháp 902
Kinh 308. Bất nhiễm trước 903
Kinh 309. Lộc Nữu (1) 905
Kinh 310. Lộc Nữu (2) 906
Kinh 311. Phú-lan-na 907
Kinh 312. Ma-la-ca-cữu 910
Kinh 313. Kinh pháp 913
Kinh 314. Đoạn dục 915
Kinh 315. Nhãn sanh 915
Kinh 316. Nhãn vô thường 915
Kinh 317. Nhãn khổ 916
Kinh 318. Nhãn phi ngã 916
Kinh 319. Nhất thiết 917
Kinh 320. Nhất thiết hữu 917
Kinh 321. Nhất thiết 918
Kinh 322. Nhãn nội nhập xứ 919
Kinh 323. Lục nội nhập xứ 920
Kinh 324. Lục ngoại nhập xứ 920
Kinh 325. Lục thức thân 921
Kinh 326. Lục xúc thân 921
Kinh 327. Lục thọ thân 921
Kinh 328. Lục tưởng thân 921
Kinh 329. Lục tư thân 922
Kinh 330. Lục ái thân 922
Kinh 331. Lục cô niệm 922
Kinh 332. Lục phú 923
Kinh 333. Vô thường 923
Kinh 334. Hữu nhân hữu duyên hữu phược pháp 923
Kinh 335. Đệ nhất nghĩa không 924
Kinh 336. Lục hỷ hành 925
Kinh 337. Lục ưu hành 926
Kinh 338. Lục xả hành 926

Kinh 339. Lục thường hành (1) 926
Kinh 340. Lục thường hành (2) 927
Kinh 341. Lục thường hành (3) 927
Kinh 342. Lục thường hành (4) 928
TẠP A-HÀM QUYỂN 14 929
Kinh 343. Phù-di 929
Kinh 344. Câu-hi-la 932
Kinh 345. Tập sanh 937
Kinh 346. Tam pháp 939
Kinh 347. Tu-thâm 942
Kinh 348. Thập lực 949
Kinh 349. Thánh xứ 950
Kinh 350. Thánh đệ tử 951
Kinh 351. Mậu-sư-la 951
Kinh 352. Sa-môn Bà-la-môn (1) 953
Kinh 353. Sa-môn Bà-la-môn (2) 955
Kinh 354. Sa-môn Bà-la-môn (3) 956
Kinh 355. Lão tử 956
Kinh 356. Chủng trí 957
Kinh 357. Vô minh tăng (1) 958
Kinh 358. Vô minh tăng (2) 959
Kinh 359. Tư lương (1) 959
Kinh 360. Tư lương (2) 960
Kinh 361. Tư lương (3) 961
Kinh 362. Đa văn đệ tử 961
Kinh 363. Thuyết pháp Tỳ-kheo (1) 962
Kinh 364. Thuyết pháp Tỳ-kheo (2) 962
TẠP A-HÀM QUYỂN 15 964
Kinh 365. Thuyết pháp 964
Kinh 366. Tỳ-bà-thi 964
Kinh 367. Tu tập 966
Kinh 368. Tam-ma-đề 966
Kinh 369. Thập nhị nhân duyên (1) 967
Kinh 370. Thập nhị nhân duyên (2) 968
Kinh 371. Thực 968
Kinh 372. Phả-cầu-na 969
Kinh 373. Tử nhục 971
Kinh 374. Hữu tham (1) 973
Kinh 375. Hữu tham (2) 974

Kinh 376. Hữu tham (3) 974
Kinh 377. Hữu tham (4) 975
Kinh 378. Hữu tham (5) 976
Kinh 379. Chuyển pháp luân 977
Kinh 380. Tứ đế (1) 980
Kinh 381. Tứ đế (2) 980
Kinh 382. Đương tri 981
Kinh 383. Dĩ tri 981
Kinh 384. Lậu tận 982
Kinh 385. Biên tế 982
Kinh 386. Hiền Thánh (1) 983
Kinh 387. Hiền Thánh (2) 983
Kinh 388. Ngũ chi lục phần 984
Kinh 389. Lương y 985
Kinh 390. Sa-môn Bà-la-môn (1) 986
Kinh 391. Sa-môn Bà-la-môn (2) 987
Kinh 392. Như thật tri 987
Kinh 393. Thiện nam tử 989
Kinh 394. Nhật nguyệt (1) 991
Kinh 395. Nhật nguyệt (2) 991
Kinh 396. Thánh đệ tử 992
Kinh 397. Khư-đề-la 992
Kinh 398. Nhân-đà-la trụ 994
Kinh 399. Luận xứ 994
Kinh 400. Thiêu y 995
Kinh 401. Bách thương 996
Kinh 402. Bình đẳng chánh giác 996
Kinh 403. Như thật tri 997
Kinh 404. Thân-thứ 998
Kinh 405. Khổng 999
Kinh 406. Manh 1000

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 5

BỘ TRUNG A HÀM
BIỆT DỊCH

SỐ 27

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 27

PHẬT NÓI KINH THẤT TRI

Hán dịch: Đời Ngô, nước Nguyệt chi,
Cư sĩ Chi Khiêm.

Nghe như vầy:

Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, hãy nghe những lời giáo huấn từ Đức Phật:

–Có bảy pháp nêu dạy cho đệ tử, khiến đời này được an ổn vui vẻ, đa hạnh, tinh tấn quán pháp làm cho sự tu tập đạt được cứu cánh. Những gì là bảy pháp?

Tri pháp.

Tri nghĩa.

Tri thời.

Tri tiết.

Tự tri.

Tri chúng.

Tri nhân.

Này các Tỳ-kheo, sao gọi là Tri pháp?

Đó là có thể hiểu mười hai bộ kinh:

Văn.

Ca.

Thuyết.

Tụng.

Thí dụ.

Bổn khởi ký.

Sự giải.

Sanh truyện.

Quảng bác.

Tự nhiên.

Hành.

Chương cú.

Đó là Tri pháp. Không hiểu mười hai bộ kinh là không Tri pháp.

Sao gọi là Tri nghĩa? Tất cả những điều nói trong kinh pháp đều phải hiểu rõ ý nghĩa, đó là Tri nghĩa. Tất cả những điều nói ra đều không hiểu ý nghĩa, đó là không Tri nghĩa.

Sao gọi là Tri thời? Biết lúc này có thể dùng tưởng tịch diệt, lúc này không dùng tưởng Thọ hành, lúc này có thể dùng tưởng Thận hộ, đó là Tri thời. Không hiểu thời thích hợp để hành động, đó là không Tri thời.

Sao gọi là Tri tiết? Có thể ăn uống ít, việc bài tiết tiện lợi, được tiêu hóa, có thể điều tiết sự ra vào, ngồi, đứng, đi, nằm, thức, nói, im phải kiềm chế, soi xét. Đó là Tri tiết. Không tự kiềm chế soi xét là không Tri tiết.

Sao gọi là Tự tri? Tự biết thân mình, ý mình, biết mức độ nhiều ít về Trí, về Giới, về Văn, về Thí, về Tuệ, về Giải, chỗ đạt được, chỗ đã thâm nhập hoặc sâu, cạn, dày, mỏng, mọi việc đều phải tự biết. Đó là Tự tri. Không biết ý mình về mức độ thâm nhập nhiều ít, đó là không Tự tri.

Sao gọi là Tri chúng? Có thể biết chúng kia là chúng quân tử, hay chúng Lý gia, hay chúng Phạm chí, hay chúng Sa-môn, nếu có lúc đến chỗ các chúng ấy, nên ngồi hay nên đứng, nên nói hay nên im, phải biết tùy thời tùy nghi. Đó là Tri chúng. Không biết tùy thời, tùy nghi đối với các chúng kia là không Tri chúng.

Sao gọi là Tri nhân? Như có hai người, một người tin đạo, một người không tin đạo. Người tin đạo thì đáng khen ngợi, còn người không có lòng tin thì không đáng khen ngợi. Người tin đạo cũng có hai hạng: một người thì đến đạo tràng, quý mến Sa-môn, một người thì không thường đến đạo tràng, trí biết sơ lược về Sa-môn. Người thường đến thì đáng khen ngợi, người không thường đến thì không đáng khen ngợi. Người thường đến đạo tràng có hai loại: một người thì ái kính Sa-môn, một người thì không ái kính Sa-môn. Người ái kính thì đáng khen ngợi, người không ái kính thì không đáng khen ngợi. Người ái kính cũng có hai loại: một người thì gần gũi để học tập với Sa-môn, một người thì không thân cận để học tập với Sa-môn. Người thân cận học tập thì đáng khen ngợi, người không thân cận học tập thì không đáng khen ngợi. Người gần gũi học tập cũng có hai loại: một người thì thích hỏi kinh pháp, một người thì không thích hỏi kinh pháp. Người thích hỏi thì đáng khen ngợi, người không thích hỏi thì không đáng khen ngợi. Người thích hỏi cũng có hai loại: một người thì lắng nghe, một người thì không lắng nghe. Người lắng nghe thì đáng khen

ngợi, người không lắng nghe thì không đáng khen ngợi. Người lắng nghe cũng có hai loại: một người nghe pháp rồi thọ trì, một người nghe pháp rồi mà không thọ trì. Người nghe pháp rồi thọ trì thì đáng khen ngợi, người không thọ trì thì không đáng khen ngợi. Người thọ trì cũng có hai loại: một người nghe rồi suy tư về nghĩa lý, một người nghe rồi không suy tư về nghĩa lý. Người nghe mà suy tư về nghĩa lý thì đáng khen ngợi, người nghe mà không suy tư về nghĩa lý thì không đáng khen ngợi. Người nghe pháp mà suy tư về nghĩa lý có hai loại: một người thuận theo kinh để hiểu nghĩa, thọ pháp, thuận theo pháp mà an lập, một người thì không thuận theo kinh để hiểu nghĩa, không thọ pháp, không thuận theo pháp mà an lập. Người thuận theo kinh để hiểu nghĩa thì đáng khen ngợi, người không thuận theo kinh để hiểu nghĩa thì không đáng khen ngợi. Người thuận theo kinh hiểu nghĩa có hai loại: một người chỉ tự tạo an lạc cho mình mà không đem lại an lạc cho người khác, không tạo an lạc cho nhiều người, không thương tưởng thế gian, không đem lại lợi ích cho thiên hạ; một người thì có thể tự làm an lạc cho mình, cũng làm an lạc cho người khác, tạo an lạc cho mọi người trong thiên hạ, thương xót thế gian, lợi lạc an ổn cho người, trời.

Này các Tỳ-kheo, nên phân biệt và biết: người tự an lạc cho chính mình, có thể làm an lạc cho người khác, an lạc cho nhiều người trong thiên hạ, thương xót thế gian, lợi lạc an ổn cho thiên hạ, đó là người tối thượng, tối trưởng, tối tôn, rất tôn quý. Thí như từ sữa bò mà thành lạc, từ lạc làm thành tô, từ tô làm thành đề hồ. Đề hồ là tối thượng. Người như vậy là người ở giữa người, là bậc có hành động trên hết, có hành động tôn quý, có hành động hết sức tôn quý, là bậc tối thắng, là bậc có bổn nguyện tối vô thượng vậy.

Này các Tỳ-kheo, có thể thấy hai loại người ấy thì người sau là bậc có trí tuệ cao vời; có thể phân biệt thấy người này là thiện, người này là vượt hơn. Đó là biết người.

Đức Phật nói như vậy xong, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ, tin tưởng vâng làm.

□

SỐ 28

PHẬT NÓI KINH VIÊN SANH THỌ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ cùng đông đủ chúng Bí-sô. Bấy giờ Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị nên biết, trong cõi Tam thập tam thiên có một cây đại thọ tên là Viên sanh. Cây này rễ lan rộng đến năm do-tuần, cao đến một trăm do-tuần, cành lá bao phủ năm mươi do-tuần. Chúng Thiên tử ở đó đúng thời đến bên gốc cây để thưởng ngoạn, lá cây Viên sanh úa vàng, lúc ấy các Thiên tử thấy vậy liền sanh vui mừng hớn hở. Sau đó không bao lâu, lá cây Viên sanh sẽ rụng. Các chúng Thiên tử đúng thời đến quanh bên gốc cây để thưởng ngoạn, càng thêm vui thích thú. Lại nữa, chẳng bao lâu thì lá cây sẽ mọc lại, che phủ phía trên để trang điểm cho cây, các chúng Thiên tử đúng thời đi dạo quanh gốc cây để thưởng ngoạn, càng tăng thêm vui thú. Thêm nữa, chẳng bao lâu thì cây kết ra mạng lưới, các chúng Thiên tử đúng thời đến bên gốc cây để thưởng ngoạn, thấy việc như vậy càng tăng thêm vui mừng. Chẳng bao lâu thì cây nở nụ như mỏ chim, các chúng Thiên tử đúng thời đi thưởng ngoạn, lại càng tăng thêm vui thích. Rồi chẳng bao lâu thì cây nở hoa như cái bát, các chúng Thiên tử đúng thời đến quanh gốc cây để thưởng ngoạn, lại càng tăng thêm vui thích bội phần. Lại nữa, chẳng bao lâu thì cây nở hoa tròn trịa; hoa này thanh tịnh, thật đẹp, hương thơm khác thường. Gió nhè nhẹ thổi vào hoa làm hương thơm tỏa ngát cả năm mươi do-tuần. Khi có gió lớn thổi thì hương thơm tỏa ngát cả trăm do-tuần. Hoa này lại có ánh sáng thù diệu chiếu đến tám mươi do-tuần. Cây ấy khi đã nở hoa, chúng Thiên tử thấy cây nở hoa rồi càng thêm vui mừng hơn trước. Vào thời gian bốn tháng mùa hạ, họ ở quanh bên gốc cây để hưởng thụ sự vui sướng.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị nên biết, cây Viên sanh ấy có những việc như vậy: hoa đẹp, hương thơm khác thường, ai cũng ưa thích. Các vị, chúng Thanh văn cũng lại như vậy. Nếu lúc cây mới có lá vàng úa thì liền biết vị Thanh văn mới phát tín tâm xuất gia theo đạo. Lại nữa, lúc lá của cây ấy bắt đầu rụng thì như vị Thanh văn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa thành tướng Thanh văn. Thêm nữa, khi lá của cây ấy mọc lại thì như vị Thanh văn nhàm chán các dục, bỏ pháp bất thiện, xa lìa các thứ tư duy phân biệt, đạt được Sơ thiền, được định Ly sanh hỷ lạc.

Lại nữa, khi cây ấy kết sanh mạng lưới thì như vị Thanh văn tướng bên ngoài thì vắng lặng, tâm bên trong thì an trụ tịch tĩnh, xa lìa các tư duy, định tâm vào một tướng, được thiền định thứ hai: định Sanh hỷ lạc.

Lại nữa, khi cây ấy nở nụ như mỏ chim thì như vị Thanh văn lìa các hỷ ái, thân được nhẹ nhàng, thư thái, diệu lạc, đạt được thiền thứ ba: định Ly hỷ diệu lạc.

Lại nữa, khi cây ấy nở hoa như cái bát thì như vị Thanh văn trừ bỏ tất cả sầu khổ, hỷ lạc, trụ tâm bình đẳng, đạt được thiền thứ tư: định Xả niệm thanh tịnh.

Lại nữa, khi cây ấy nở hoa tròn trịa vi diệu, mùi thơm khác thường, bay khắp, ai cũng yêu thích, thì như vị Thanh văn đã dứt hết các lậu, vô lậu tăng trưởng, chứng quả Vô học, không còn thọ sanh lại nữa, được nhân thiên chiêm ngưỡng, kính trọng, thọ sự cúng dường lớn. Cũng giống như lúc cây Viên sanh nở hoa vậy.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị nên biết, các chúng Thiên tử ở Tam thập tam thiên mỗi vị đều có sắc tướng trang nghiêm, tốt đẹp thù thắng, trang sức nhiều cách. Họ ở trong Thiện pháp đường, tập hội vây quanh để nghe Thiên chủ Đế Thích tuyên nói Diệu pháp.

Này các Bí-sô, các vị đều được quả chứng thanh tịnh viên mãn, phạm hạnh đầy đủ, ai thấy cũng đều kính trọng, đang vây quanh Đức Thế Tôn để nghe và thọ trì diệu pháp, cũng giống Thiên chúng kia không khác.

Bấy giờ các Bí-sô nghe Đức Phật tuyên nói về cây Viên sanh xong, ai nấy trong lòng cũng hoan hỷ, phấn khởi, tín thọ phụng hành.

□

SỐ 29

PHẬT NÓI KINH DỤ NƯỚC BIỂN

Hán dịch: Mất tên người dịch,
nay phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta sẽ nói bảy thí dụ về nước cho các ông nghe. Hãy lắng nghe, suy tư thật kỹ. Ta sẽ nói.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng theo Đức Thế Tôn để nghe giáo pháp. Đức Thế Tôn bảo:

–Này các Tỳ-kheo, thế nào là bảy thí dụ về nước? Hoặc có người chìm dưới nước, có người thoát ra khỏi nước lại bị chìm trở lại, hoặc ra khỏi nước rồi quan sát khắp bốn phương, hoặc ra khỏi nước rồi không bị chìm trở lại, hoặc có người muốn ra khỏi nước, hoặc có người muốn đến bờ bên kia, hoặc có người đã đến bờ bên kia rồi, gọi là tịnh chí được đứng ở bờ bên kia.

Thế nào là có người bị chìm dưới nước? Đó là hoặc có người lấy pháp bất thiện trói chặt thân mình. Khi tội ác đã chín muồi, liền đọa vào địa ngục một kiếp để chịu tội, không sao cứu vãn được. Đó gọi là hạng người thứ nhất thường chìm dưới nước.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi bị chìm vào nước trở lại? Đó là hoặc có người tạo ra sự chìm đắm này, mặc dù có lòng tin nơi pháp thiện, ôm lòng xấu hổ để cầu phương tiện, nhưng lại ôm lòng xấu hổ với các pháp thiện vì không làm được. Kẻ ấy đã ra khỏi nước nhưng bị chìm trở lại. Đó gọi là hạng người thứ hai bị chìm trong nước.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi quan sát khắp bốn phương? Đó là hoặc có người ra khỏi nước, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm

biết xấu hổ, có ý dũng mãnh đối với các pháp bất thiện đều có lòng hổ thẹn. Kẻ ấy ra khỏi nước rồi không còn chìm trở lại nữa. Này chư Hiền, đó là dụ cho hạng người thứ ba ra khỏi nước.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi đứng vững? Hoặc có người đã ra khỏi nước, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm hổ thẹn, có lòng tinh tấn, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Kẻ ấy đối với ba kết sử đã chấm dứt, thành Tu-đà-hoàn, không còn thoái chuyển, phải sanh trở lại nhân gian rồi đắc đạo. Đó là dụ cho hạng người thứ tư ra khỏi nước rồi đứng vững.

Sao gọi là có người ra khỏi nước rồi muốn đến bờ bên kia? Đó là có người đã ra khỏi nước rồi, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm biết hổ thẹn, có ý dõng mãnh, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Kẻ ấy đã đoạn trừ ba kết sử: tham dục, sân hận, ngu si, đã thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, sanh trở lại nhân gian rồi mới chấm dứt nguồn gốc của khổ. Đó là dụ cho hạng người thứ năm đã ra khỏi nước rồi muốn đến bờ bên kia.

Sao gọi là có người đã đến bờ bên kia? Đó là hoặc có người đã ra khỏi nước, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Kẻ ấy đã đoạn trừ năm hạ phần kết sử, thành bậc A-na-hàm, ở nơi đó chứng đắc Niết-bàn, không còn trở lại nhân gian nữa. Đó là dụ cho hạng người thứ sáu đã ra khỏi nước, đã đến bờ bên kia.

Sao gọi là có người đã đến bờ bên kia, là Tịnh chí được đứng ở bờ bên kia? Đó là hoặc có người đã ra khỏi nước rồi đứng trên bờ, kẻ ấy có tín tâm với pháp thiện, có tâm hổ thẹn, có ý dõng mãnh, đối với các pháp thiện đều ôm lòng hổ thẹn vì thực hiện chưa đầy đủ. Hoặc có người đã đoạn trừ hết hữu lậu, thành vô lậu, niệm giải thoát, trí tuệ giải thoát, đối với pháp hiện tại mau thông đạt, chứng đắc, tự mình vui thích vì đã đoạn trừ tận nguồn gốc sanh tử, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn vào thai mẹ nữa. Đó là dụ cho hạng người thứ bảy đã ra khỏi nước, đã đứng ở bờ bên kia.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, đó là bảy hạng người, Ta nay đã nói cho các vị về ví dụ bảy hạng người ở dưới nước. Những pháp mà Thế Tôn thuyết cho các vị Thanh văn đều giảng nói với lòng đại bi, nhằm khiến cho được an ổn, đều khiến cho họ được độ thoát. Đây chính là ngồi bên cội, nơi vắng vẻ ở chỗ đất trống, các vị hãy tọa thiền, chớ có lười biếng.

Nếu bấy giờ không chịu siêng năng, về sau sẽ hối hận. Đó là lời giáo huấn của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

SỐ 30

PHẬT NÓI KINH TÁT-BÁT-ĐA-TÔ-LÝ-DU-NẠI-DÃ

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại tinh xá Lâu các, giếng Viên hầu thuộc nước Tỳ-xá-lê. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Bí-sô:

–Các vị nay hãy lắng nghe cho kỹ: "Các hành là vô thường, là pháp sanh diệt, không chắc, không thật, không rốt ráo, không nên nhận lãnh, không thể ưa thích". Các vị nên biết, phải siêng năng tinh tấn để cầu giải thoát. Này Bí-sô, thời gian không thể dừng lâu, luôn thay đổi trong từng niệm.

Từ đây về sau, lúc kiếp sắp hết, trời không có mưa, nhân gian bị hạn hán; toàn cả đại địa, với tất cả cây cối, rừng rậm, trăm thứ lúa mạ, hoa quả đều bị khô héo, đều không thành tựu.

Này Bí-sô, hãy nên biết rằng: "Các hành là vô thường, là pháp sanh diệt, không chắc, không thật, không rốt ráo, không nên nhận lãnh, không thể ưa thích". Các vị hãy dốc sức tinh tấn để cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại có hai mặt trời xuất hiện thiêu đốt thế gian, sức nóng càng ngày càng tăng, toàn cõi đại địa với các thứ cây cối, rừng rậm, rễ, cành, nhánh, lá, tất cả đều bị hủy hoại chẳng còn gì cả. Này Bí-sô, sự vô thường như vậy, không thể tồn tại lâu dài được. Hiện tại các vị phải dốc sức tinh tấn để cầu giải thoát.

Lại nữa, này các Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại có ba mặt trời xuất hiện thiêu đốt thế gian, sức nóng dữ dội hơn trước, toàn cõi đại địa, các sông ngòi lớn nhỏ, tất cả khe suối đều bị khô cạn không còn chút nước. Bí-sô nên biết, sự vô thường là như vậy, ai mà thoát được? Cho nên nay Ta ân cần khuyên bảo, các vị hãy mau cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại, có bốn mặt trời xuất hiện thiêu đốt thế gian, sức nóng dữ dội hơn trước, toàn cõi đại địa không có ao nước nào

là không bị nung nóng. Bốn dòng sông lớn: sông Hằng, sông Tín độ, sông Tế-đa, sông Pha-sô, tất cả đều bị khô cạn, không còn chút nước. Các Bí-sô nên biết, vô thường là như vậy, ai mà thoát khỏi? Các vị hãy tự tư duy, không còn tâm kiêu mạn, biếng nhác, để sớm cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại, có năm mặt trời xuất hiện thiêu đốt thế gian, sức nóng dữ dội hơn trước. Nước của biển lớn trong đại địa dần dần rút xuống một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, đến một ngàn do-tuần. Khi mặt trời đã thiêu đốt dữ dội thì cả bầu trời gieo rắc toàn sự tàn hại. Lại nữa, nước biển giảm xuống hai ngàn do-tuần, ba ngàn do-tuần, cho đến bảy ngàn do-tuần, đã giảm như vậy rồi, các nguồn nước ở nơi biển khác cũng chỉ còn bảy ngàn do-tuần.

Này Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy ngàn do-tuần dần dần lại giảm xuống còn sáu ngàn do-tuần, năm ngàn do-tuần, bốn ngàn do-tuần, cho đến còn có bảy trăm do-tuần.

Này Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy trăm do-tuần dần dần lại giảm xuống đến sáu trăm do-tuần, năm trăm do-tuần, bốn trăm do-tuần, cho đến chỉ còn có bảy do-tuần.

Này Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy do-tuần dần dần lại giảm xuống đến sáu do-tuần, năm do-tuần, bốn do-tuần, cho đến chỉ còn có bảy câu-lô-xá.

Này các Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy câu-lô-xá dần dần lại giảm xuống đến sáu câu-lô-xá, năm câu-lô-xá, bốn câu-lô-xá, cho đến chỉ còn có bảy cây đa-la.

Này các Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy cây đa-la dần dần lại giảm xuống đến sáu cây đa-la, năm cây đa-la, bốn cây đa-la, cho đến chỉ bằng bảy người đứng.

Này các Bí-sô, như vậy nước biển từ bảy người đứng dần dần lại giảm xuống sáu người đứng, năm người đứng, bốn người đứng, cho đến chỉ còn một người đứng, rồi đến cổ người, đến hông người, đến rốn người, đến eo người, đến đầu gối, đến mắt cá người, cho đến chỉ còn một ngón chân, tức thì đại địa khô cháy. Bấy giờ thế gian chỉ có đại địa, núi sông, ngoài ra thì chẳng còn gì nữa cả.

Đức Phật dạy:

–Này Bí-sô, các hành là vô thường, sanh diệt, không đứng yên, không thật, không bền chắc. Các vị đối với chúng nên sớm cầu giải thoát.

Này Bí-sô lúc kiếp sắp hoại có sáu mặt trời xuất hiện, cả đại địa bị

đốt cháy, núi đá tiêu chảy, núi chúa Tu-di bốc khói như khi nung gạch ngói có khói đen bốc lên cũng lại như vậy. Bấy giờ thế gian không thể nào quán sát được. Này Bí-sô, vô thường sanh diệt, không tồn tại như vậy. Các vị nên dốc sức tinh tấn, bỏ tâm tham ái, mau cầu giải thoát.

Này Bí-sô, lúc kiếp sắp hoại có bảy mặt trời xuất hiện, sức nóng dữ dội, bỗng nhiên lửa cháy bừng bừng như đốt mười đống củi, trăm, ngàn, vạn đống củi, cho đến tiểu thiên thế giới và sáu cõi trời trong Dục giới đều thành một đám lửa, thiêu đốt Dục giới rồi đến cõi Sơ thiền của trời Phạm thế, ngọn lửa cũng tự bốc cháy thiêu đốt toàn bộ những gì hiện có nơi các cung điện cao một trăm do-tuần, hoặc hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, cho đến bảy ngàn do-tuần. Cung điện như vậy đều thành một đám lửa, cho đến cõi Nhị thiền. Các Phạm chúng mới sanh lên cõi này trông thấy ngọn lửa bừng bừng ở phía dưới, trong lòng hết sức kinh sợ, tìm cách tránh hỏa nạn. Khi ấy những vị trời sanh trước ở cõi Nhị thiền bảo:

-Các ông đã được duyên lành từ đời trước nên sanh đến cung điện của ta, hãy tự an tâm, chớ khiếp sợ. Lửa cháy ở cõi dưới đây không bao lâu nữa sẽ tự tắt.

Nói như vậy xong, bỗng có gió lớn nổi lên thổi tắt khói lửa, không còn tro than gì cả. Thí như có người ở trong hư không lấy dầu bơ đốt thành một ngọn đuốc, đuốc cháy hết rồi không còn khói đen và tro gì cả. Sau khi ngọn lửa diệt rồi cũng lại như vậy.

Đức Phật dạy:

–Này Bí-sô, pháp hữu vi thì sanh diệt, không trụ, là pháp điên đảo, không bền, không thật, không rốt ráo, không thể an vui. Hãy xa lìa tham ái, sớm cầu giải thoát. Nếu không tham ái thì nhân duyên gì mà đại địa, chư Thiên bị hủy hoại không tồn tại?

Lại nữa, này Bí-sô, như kiếp quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là Diệu Nhãn Như Lai, có vô lượng vô biên chúng Thanh văn và các Phạm thiên, chúng ngoại đạo ly dục có thần thông. Đức Diệu Nhãn Như Lai vì các Thanh văn nói pháp phạm hạnh thanh tịnh, ý nghĩa rốt ráo sâu xa. Lúc ấy, các Bí-sô được tất cả giới pháp viên mãn, tùy ý tu hành, hoặc thực hành pháp quán Tứ vô lượng, đoạn trừ dục nhiễm ô uế, sanh lên cõi Phạm thiên. Hoặc có người thích sanh lên cõi trời Tha hóa tự tại, hoặc thích sanh lên cõi trời Hóa lạc, thích sanh lên cõi trời Đâu-suất, thích sanh lên cõi trời Dạ-ma, thích sanh lên cõi trời Đao-lợi, thích sanh vào cõi trời Tứ

thiên vương, thích sanh vào nhà Sát-đế-lợi, thích sanh vào nhà Bà-la-môn, thích sanh vào nhà Trưởng giả, Cư sĩ.

Bấy giờ Đức Như Lai Diệu Nhãn suy nghĩ: "Nay Ta hãy khiến cho các chúng Thanh văn đồng hạnh nguyện, đồng thọ sanh, đồng một oai lực, nhập vào cõi thiền định thứ hai của Đức Từ Thị". Nghĩ như vậy xong liền nhập vào cõi thiền định thứ hai của Đức Từ Thị. Khi ấy có vô lượng trăm ngàn Thanh văn, ngoại đạo... đều tu định đó và đều được sanh lên trên cõi Phạm thiên.

Đức Phật nói:

–Này Bí-sô, Đức Như Lai Diệu Nhãn thời ấy thật ra chẳng phải Đức Phật nào khác mà chính là thân Ta. Các chúng sanh ấy tuy sanh ở Nhị thiền, thoát khỏi tai nạn lửa cháy ở cõi dưới, nhưng chưa lìa chủng tử tham, sân, si cho nên không thể giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết.

Này Bí-sô, Như Lai là Bậc Ứng Chánh Đẳng Giác, là thầy của trời, người, đã xa lìa tham, sân, si... tất cả phiền não, đã giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não; lại vì chúng Phạm thiên, Thanh văn... tùy theo căn cơ mà thuyết giảng pháp hạnh thanh tịnh. Mọi người nghe xong hoặc có người đoạn hẳn sự phân biệt và dục câu sanh, chứng quả A-na-hàm. Hoặc có người dứt trừ hẳn sự phân biệt và sáu phẩm câu sanh, chứng quả Tư-đà-hàm. Hoặc có người tuy đoạn tận sự phân biệt nhưng chưa đoạn câu sanh, chứng quả Tu-đà-hoàn, thọ quả báo nơi cõi nhân thiên, trải qua bảy lần sanh trở lại nữa mới thành A-la-hán.

Đức Phật dạy:

–Này Bí-sô, xuất gia như vậy, phạm hạnh như vậy, quả chứng như vậy, lìa khỏi biên vực của khổ đau đạt được giải thoát. Nay, các vị nên quyết chí lìa bỏ tham ái, mong cầu con đường giác ngộ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp này xong, các Bí-sô nghe Đức Phật thuyết, trong lòng hết sức hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.

□

SỐ 31

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT LƯU NHIẾP THỦ NHÂN

Hán dịch: Đời Hậu Hán,
Sa-môn An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật tại pháp nghị Tư duy, Lưu quốc tụ hội thuộc nước Câu-lưu. Bấy giờ Phật gọi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng.

Các Tỳ-kheo liền theo Đức Phật để nghe dạy. Đức Phật dạy:

-Người có trí, có kiến, này Tỳ-kheo, nên các lậu được tận diệt, chứ không phải người không có trí, không có kiến mà các lậu tận diệt được.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là người có trí, có kiến mới khiến các lậu được tận diệt, chứ người không trí, không kiến thì các lậu không thể tận diệt được? Đó là do có chánh tư duy (*bổn quán*) hay không chánh tư duy (*phi bổn quán*) mà thôi. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, dục lậu đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu (*hữu lưu*) và vô minh lậu chưa sanh liền sanh, hữu lậu và vô minh lậu đã sanh liền tăng trưởng. Những người ngu si, này Tỳ-kheo, là kẻ thế gian không nghe chánh pháp, không thấy bậc trí tuệ, cũng không theo bậc trí tuệ để nghe chánh pháp, cũng không theo bậc trí tuệ để được chỉ dạy, cũng không theo bậc trí tuệ để được phân biệt hiểu rõ. Do đó mới không có chánh tư duy (*phi bổn niệm*) nên khiến cho dục lậu chưa sanh liền sanh, dục lậu đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh liền sanh, đã sanh liền tăng trưởng. Do không biết, không hiểu cho nên pháp không đáng ghi nhớ thì lại ghi nhớ, còn pháp nên ghi nhớ thì lại không ghi nhớ. Do vì pháp đáng ghi nhớ mà không ghi nhớ, pháp không đáng ghi nhớ mà lại ghi nhớ, nên ái lậu chưa sanh liền sanh, ái lậu đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh liền sanh; hữu lậu, vô minh lậu đã sanh liền tăng trưởng. Người nghe là đệ tử của bậc Tỳ-kheo đạo đức, nhờ gặp được bậc trí tuệ, theo bậc trí tuệ

để thọ giáo, cũng theo bậc trí tuệ để phân biệt hiểu rõ, liền biết pháp như thật. Kẻ không có chánh tư duy (*phi bổn niệm*) thì ái lưu (*dục lậu*) chưa sanh liền sanh, ái lưu đã sanh liền tăng trưởng, dục lậu chưa sanh, vô minh lậu liền sanh; dục lậu đã sanh, vô minh lậu liền tăng trưởng. Người có chánh tư duy (*bổn niệm*) thì dục lậu chưa sanh liền không sanh, dục lậu đã sanh liền xả bỏ, dục lậu chưa sanh, vô minh lậu cũng không sanh, đã sanh liền xả bỏ. Nếu biết như thật như vậy thì không ghi nhớ đối với pháp không nên ghi nhớ, ghi nhớ đối với pháp nên ghi nhớ. Nhờ không ghi nhớ đối với pháp không nên ghi nhớ, ghi nhớ đối với pháp nên ghi nhớ thì ghi nhớ nên khiến cho dục lậu chưa sanh liền không sanh, đã sanh liền xả bỏ; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh liền không sanh, đã sanh liền xả bỏ.

Này Tỳ-kheo, có bảy pháp đoạn trừ lậu, phiền não nóng bức và ưu sầu. Những gì là bảy? Này Tỳ-kheo, hữu lậu được đoạn do kiến, hữu lậu được đoạn do thủ, hữu lậu được đoạn do xa lánh, hữu lậu được đoạn do dụng *(xúc)*, hữu lậu được đoạn do nhẫn, hữu lậu được đoạn do hiểu, hữu lậu được đoạn do nhớ nghĩ *(hành tăng)*.

Này Tỳ-kheo, thế nào là hữu lậu được đoạn do kiến? Hãy lắng nghe, này Tỳ-kheo, kẻ thế gian ngu si không nghe chánh pháp, không gặp bậc Hiền giả, cũng không theo Hiền giả để được khai mở, cũng không theo bậc Hiền giả để được chỉ dạy khai mở, do đó đối với pháp không tự nhớ nghĩ: "Ta có đời trước chăng? Ta không có đời trước chăng? Đời trước ta làm những gì? Đời trước ta như thế nào? Ta sẽ có đời vị lai chăng? Ta sẽ không có đời vị lai chăng? Đời vị lai ta sẽ như thế nào? Đời vị lai ta sẽ làm gì? Tự nghi thân ta là gì? Con người từ đâu mà đến, rồi sẽ đi về đâu? Cốt lõi của vấn đề này là thế nào?". Kẻ ấy do không tự nhớ nghĩ như vậy nên sáu tà kiến phát sanh, theo đó một tà kiến khởi lên cho rằng: "Quả thật có thân (*ngã*) này", "Quả thật không có thân này". Đó là nghi sanh, sanh ra tự chấp vào thân (*ngã*), và thân kiến. Như vậy nghi sanh, sanh ra tự chấp: "Thân là ngã của ta", hoặc sanh nghi: "Thân sanh tương kiến thân", hoặc sanh nghi: "Cái không phải thân thấy là thân", hoặc sanh nghi chấp: "Đó chính là thân của ngã, nó có thể biết, có thể nói, có thể hành động, có thể cảm thọ, có thể nâng lên, có thể đứng dậy, nơi nơi, chốn chốn đã tạo tác, hành động thiện ác và thọ tội, nó chấm dứt không sanh hay sanh thì cũng vậy".

Này Tỳ-kheo, đó là kết sử làm trói buộc trong nghi, khiến có nghi ngờ; niệm nghi ác, không chánh kiến làm cho dao động, đã nghi lại buộc ràng; đắm chấp thêm nghi. Này Tỳ-kheo, người thế gian không nghe chánh

pháp, do đó Khổ, Tập hiện hữu, do đó có sự sanh. Bậc Tỳ-kheo đa văn dạy đệ tử: "Đây là khổ phải nên biết, đây là nguyên nhân của khổ phải nên biết, đây là sự diệt khổ phải nên biết, đây là con đường tu tập để diệt trừ khổ, phải nên biết". Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết được tận trừ:

Thân kết.

Nghi kết.

Hạnh nguyện kết.

Do vì ba kết đã tận trừ liền theo đạo được chuyên nhất, không còn đọa vào cõi ác nữa, liền được thoát khỏi thế gian, ở nhân gian hay thiên thượng không quá bảy lần thọ sanh nữa. Sau bảy lần thọ sanh liền hết khổ. Nếu Tỳ-kheo không biết, không thấy liền sanh dục lậu, phiền não ưu sầu. Nếu có tri kiến thì đoạn trừ dục lậu, phiền não ưu sầu, khiến không còn hiện hữu nữa. Đó là Tỳ-kheo nhờ Kiến mà đoạn trừ hữu lậu.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ thủ? Đó là vị Tỳ-kheo nghe pháp tu tập, khi mắt thấy sắc liền nhiếp nhãn căn để tự phòng hộ, thực hành pháp quán bất tịnh, hướng niệm theo đó. Này Tỳ-kheo, nếu không phòng hộ nhãn căn, thực hành pháp quán bất tịnh, hướng niệm theo đó thì liền sanh sầu lo khổ não. Nếu thâu nhiếp nhãn căn, đình chỉ tâm, nhờ chánh tư duy quán bất tịnh thì phiền não, sầu lo sẽ không còn. Đó là Tỳ-kheo đoạn được hữu lậu nhờ thủ. Đối với tai, mũi, miệng, thân, ý cũng lại như vậy.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ xa lánh? Đó là Tỳ-kheo nghe pháp, tu tập, cần phải theo đó tự phòng hộ, tránh né voi dữ, ngựa chứng, trâu điên, chó dữ, rắn độc, đường hầm hiểm, cây độc, khe độc, chỗ nguy hiểm, ao sâu, núi dốc, nơi bất an, sông ngòi, khe sâu, tri thức xấu ác, bạn ác, kẻ mong cầu điều ác, kẻ thọ nhận điều ác, chỗ ác, đồ nằm để chỗ ác. Này Hiền giả, những thứ đó làm cho người không nghi ngờ khiến cho nghi ngờ. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải xa lìa những chỗ như trên đã nói, nếu không xa lìa liền sanh phiền não ưu sầu, nếu xa lìa thì phiền não ưu sầu sẽ không còn nữa. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ sự xa lìa.

Sao gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ dụng? Đó là Tỳ-kheo nghe pháp, tu tập, khi dùng y phục chẳng phải để khoe đẹp, không phải để vui thích, không phải để tham đắm, không phải để trang sức, mà chỉ vì khiến cho thân không bị muỗi mòng, gió, nắng, các loại độc tấn công, sanh ra loạn ý, nên cần phải tự phòng hộ. Khi ăn không vì để vui chơi, không vì tham lam, không vì để mạnh mẽ, không vì để đẹp đẽ, mà chỉ vì thân được

tồn tại để tu hành. Thọ nhận cúng dường để bệnh cũ được đoạn trừ, không tái phát, bệnh mới không sanh, được hết bệnh, không tạo tội, có sức, an ổn tu hành. Khi thọ dụng đồ nằm, giường, chiếu không phải để khoe khoang, không phải để vui thích, không phải để tham đắm, không phải để trang sức, mà chỉ vì để thân này khỏi bị mệt mỏi, đau khổ dữ dội. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để khoe khoang, không phải để vui thích, không phải để tham đắm, không phải để trang sức, mà mục đích chỉ để khiến cho thân này chấm dứt được những thống khổ kịch liệt, đau đớn, thật khó chịu, nhờ thuốc thang đó mà được cứu thoát. Nếu Tỳ-kheo không dùng nó thì liền sanh phiền não, ưu sầu, nếu dùng nó thì phiền não, ưu sầu sẽ không sanh nữa. Này Tỳ-kheo, đó gọi là đoạn trừ hữu lậu nhờ dụng.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ nhẫn? Đó là vị Tỳ-kheo nghe pháp, tu tập, phát hạnh tinh tấn để đoạn trừ pháp ác, nhận lãnh pháp thanh tịnh, nỗ lực, kiên trì theo phương tiện tinh tấn, không bỏ pháp thanh tịnh. Thà thân này da, thịt, xương khô kiệt, tan nát cho đến tủy, mỡ, đều tiêu hủy tất cả, chỉ vì để đạt được sự pháp khởi tâm tinh tấn, vì để được tâm kiên định, tâm can đảm, theo phương tiện tinh tấn, chừng nào chưa đạt được mục đích mong muốn thì không thể nửa chừng mà bỏ tinh tấn. Này Tỳ-kheo, hãy nên chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát, muỗi mòng, gió nóng, mặt trời bức bách, nghe những lời độc ác, khó chịu của người có ý kiêu mạn cũng có thể nhẫn chịu được. Nếu thân bị ngộ độc đau đớn, nhức nhối kịch liệt, không vừa ý, không sao chịu nổi nhưng vẫn nhẫn được. Nếu Tỳ-kheo không nhẫn nại thì sanh ra phiền não, sầu lo; nếu nhẫn chịu được thì phiền não, ưu sầu sẽ không sanh nữa. Này Tỳ-kheo, đó gọi là hữu lậu được đoạn trừ nhờ nhẫn.

Này Tỳ-kheo, sao gọi là hữu lậu đoạn được nhờ hiểu? Hãy nghe! Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã sanh dục mà không đoạn trừ, không xả ly, đã sanh sân hận mà không đoạn trừ, không xả ly, đã sanh sát sanh, dối láo, trộm cắp mà không đoạn trừ, không xả ly, này các Tỳ-kheo, nếu không hiểu (*xả ly*) thì sanh ra phiền não, ưu sầu, nếu đã hiểu mà xả ly thì phiền não ưu sầu sẽ không sanh ra nữa. Đó gọi là các Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ hiểu.

Sao gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ hành tăng *(tư duy)*? Hãy lắng nghe, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo hãy tư duy về giác chi thứ nhất là Niệm. Hãy ngồi một mình, nương vào sự xa lìa pháp ác, Phân biệt giác chi cũng như vậy, Tinh tấn giác chi cũng như vậy, Hỷ giác chi cũng như vậy, Ý giác chi cũng như vậy, Định giác chi cũng như vậy, cho đến quán sát về

Khước *(xả)* giác chi cũng như vậy. Nếu các Tỳ-kheo không thực hành pháp tư duy thì liền sanh phiền não, sầu lo. Nếu có thực hành tư duy thì không sanh phiền não ưu sầu nữa. Đó gọi là các Tỳ-kheo đoạn trừ hữu lậu nhờ Hành tăng *(tư duy)*.

Này Tỳ-kheo, nếu hữu lậu nhờ kiến để được đoạn trừ thì hãy dùng kiến để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ thủ nhiếp để được đoạn trừ thì hãy dùng thủ nhiếp để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ xa lìa để được đoạn trừ thì hãy dùng xa lìa để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ dụng để được đoạn trừ thì hãy dùng dụng để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ nhẫn để được đoạn trừ thì hãy dùng nhẫn để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ hiểu để được đoạn trừ thì hãy dùng hiểu để đoạn. Nếu hữu lậu nhờ hành tăng để được đoạn trừ thì hãy dùng hành tăng để đoạn. Đó gọi là các Tỳ-kheo đoạn trừ tất cả lậu, đã diệt bỏ nẻo ái xấu ác của thế gian, đã được thoát khỏi thế gian, xả bỏ sự trói buộc, đạt được chỗ trọng yếu là lìa khổ.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ thực hành pháp vượt khỏi thế gian, liền đắc đạo.

□

SỐ 32

PHẬT NÓI KINH TỨ ĐẾ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Phật gọi các Tỳ-kheo; các Tỳ-kheo thưa:

–Dạ vâng.

Các Tỳ-kheo liền theo Đức Phật để nghe dạy. Đức Phật liền nói như vầy:

–Này Tỳ-kheo, nói về pháp chân chánh, thì đó chính là Tứ đế, là pháp cần tư duy một cách đầy đủ, thấy khai mở một cách đầy đủ, hiểu biết rốt ráo, phân biệt, nêu bày, hiển thị.

Nếu có Tỳ-kheo ở trong thời quá khứ, theo các Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Giác nghe pháp thì các Ngài cũng nói điều chánh yếu này, đó là Tứ đế. Đó là pháp cần tư duy một cách đầy đủ, thấy, khai mở, thông tỏ, phân biệt, nêu bày, hiển thị một cách đầy đủ.

Nếu có Tỳ-kheo ở trong đời vị lai, theo các Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Giác nghe pháp thì các Ngài cũng nói chánh pháp này. Thật vậy, này Hiền giả, đó là pháp Tứ đế, như đã nói đầy đủ ở trên.

Nay có Tỳ-kheo đối với Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Giác ở hiện tại, thì Ngài cũng nói về Chánh đế ấy. Hãy tư duy một cách đầy đủ, thấy, khai mở, thông tỏ, phân biệt, phát kiến một cách đầy đủ về Tứ đế như thế.

Đức Phật lại gọi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến và nói:

–Vị Tỳ-kheo này là bậc có trí tuệ nhanh nhẹn, có trí tuệ nhạy bén, có trí tuệ sắc sảo, có trí tuệ cao rộng, có trí tuệ sâu suốt, có trí tuệ tinh diệu, có trí tuệ không nhàm chán nên có thể thấy biết, có trí tuệ quý báu, có trí tuệ tùy thuận. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vừa là bậc thuyết pháp, vừa là bậc nghe pháp. Vì sao? Này Hiền giả, vì Ta nói một cách sơ lược về Tứ đế này thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể vì người khác nói một cách đầy đủ,

tư duy một cách đầy đủ, có thể thấy, có thể khai mở, có thể thông tỏ, có thể phân biệt nêu bày, có thể hiển thị khiến cho nhiều người tùy thuận đạo pháp. Chính Tỳ-kheo Xá-lợi-phất hướng dẫn cho con người không có lỗi lầm, ai theo đường tà thì có thể trở về chánh đạo. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể khiến cho mọi người theo đạo, Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có thể làm cho mọi người phát khởi tâm đạo, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất như mẹ sanh, Tỳ-kheo Mục-kiền-liên như mẹ dưỡng. Nhờ Tỳ-kheo Mục-kiền-liên mà được giác ngộ. Đối với Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên hãy nên tôn thờ, hãy nên cúng dường, hãy nên đến để học hỏi. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên là bạn đồng học, đưa đến ý niệm an lạc cho các vị phạm hạnh chứ không có ai khác.

Đức Phật thuyết như vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất để tĩnh tọa. Lúc đó Hiền giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Vì lợi ích cho chúng ta nên Đức Phật mới xuất hiện ở thế gian, cho nên Ngài nói Tứ đế này. Tứ đế là gì? 1. Khổ; 2. Tập; 3. Tận (*Diệt*); 4. Đạo. Thực hành Tứ đế sẽ được diệt khổ.

Này Hiền giả, những gì là Khổ đế? -Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán thù gặp nhau là khổ, thương nhau mà phải chia ly là khổ, cầu mong không được là khổ, tóm lại, ngũ ấm là khổ.

Này Hiền giả, thế nào là sanh khổ? Đó là con người và tất cả các chủng loại chúng sanh khác, do sanh mà có sự phát triển sanh, do tùy thuận, do lòng dục mà thành, năm ấm đã phát sanh rồi, liền có mạng căn, như vậy gọi là sanh.

Này Hiền giả, sanh là khổ. Do nhân duyên gì mà sanh là khổ? Đó là khi sanh ra, con người có thân cho nên phải thọ khổ, do xúc (*cánh*) tất cả xúc, do thọ tất cả thống (*thọ*), làm cho ý lãnh thọ khổ. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ khiến cho thân ý xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, biết thọ lại sanh thọ khiến cho thân lãnh thọ sự phiền não. Do xúc tất cả xúc, hiểu thọ lại sanh thọ khiến cho tâm ý bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, biết thọ lại sanh thọ khiến thân ý bị nhiệt não mỏi mệt. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên thân bị nhiệt não mỏi mệt, sanh ra nóng bức buồn rầu. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ khiến cho ý bị nóng bức mệt mỏi, sanh ra ý niệm nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ khiến thân ý nóng bức, mệt mỏi, sanh ra ý niệm mệt mỏi. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên này Hiền giả, sanh ra sự khổ như đã nói trên. Cho nên nói: Từ sanh mà có già.

Này Hiền giả, những gì gọi là già khổ?

Già có nghĩa là mọi chúng sanh trở nên già yếu mỏi mệt, da nhăn, sức khỏe giảm sút, vì già yếu lưng còng phải chống gậy mà đi, râu tóc đen nhánh trở thành bạc phơ, các căn đã suy giảm, thân đang hư hoại, nhan sắc tiều tụy, chuyển thành cái già của kiếp người. Đó gọi là già.

Này chư Hiền, già là khổ. Do nhân duyên gì mà nói già là khổ? Do vì người già, thân thể cảm xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, hành thọ tất cả thọ nên ý niệm xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, cảm thọ tất cả thọ nên thân ý cũng khổ. Do xúc tất cả xúc, cảm thọ tất cả thọ nên thân bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên ý niệm bị nhiệt não. Do cảm xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân ý bị nhiệt não. Do cảm xúc tất cả xúc, do thọ tất cả thọ nên thân bị nóng bức mệt mỏi. Do xúc nên tất cả cùng xúc, do thọ nên tất cả cùng thọ, ý niệm bị mệt mỏi, nhiệt não, sầu lo. Do xúc nên tất cả cùng xúc, do thọ nên tất cả cùng thọ, thân ý niệm bị nóng bức, mệt mỏi, sầu lo. Do xúc nên tất cả cùng xúc, do thọ nên tất cả cùng thọ, cho nên này Hiền giả, mới nói già là khổ. Do đó nên mới nói sự khổ trên.

Này Hiền giả, bệnh là khổ. Bệnh là gì? Đó là có lúc đau đầu, đau bụng, đau tai, đau mũi, đau miệng, đau môi, đau lưỡi, đau yết hầu, bị nôn ọe, bệnh biến *(từ trạng thái này sanh trạng thái khác)*, bệnh ở hạ bộ, bệnh nhiệt, bệnh đường tiểu tiện, bệnh điên, bướu cổ, trăn trở bức rức, đau khớp xương, mệt mỏi, bệnh về da, bệnh về mỡ, bệnh máu nóng, bệnh đàm... còn nhiều thứ bệnh như thế do đó mà sanh, không thể thoát khỏi, đều ở trong thân.

Này Hiền giả, đó gọi là bệnh khổ. Do nhân duyên gì mà có bệnh khổ? Nghĩa là khi con người bị bệnh khiến cho thân phải chịu khổ, do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên ý niệm bị khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên cả thân, ý niệm đồng xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên thân bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho ý bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân và ý niệm bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân bị nóng bức, sầu lo. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, ý bị nóng bức sầu lo. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân và ý niệm bị nóng bức, sầu lo. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, này Hiền giả, cho nên gọi đó là bệnh khổ, là do các nhân duyên trên.

Này Hiền giả, chết là khổ. Chết là gì? Đó là điều mà con người không sao tránh khỏi, là con người ở trong vòng sanh tử, thân này bị bỏ đi, tan phế, hoại diệt ở khắp mọi nơi, không còn thấy lại thân hình nữa,

năm ấm đã dứt, mạng căn đã xả bỏ. Khi đã hủy diệt, đã chết, thì gọi đó là chết.

Này Hiền giả, do nhân duyên gì mà gọi chết là khổ?

–Đó là lúc chết, thân con người cảm xúc sự khổ, do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên ý niệm cảm xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên thân và ý niệm cảm xúc sự khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho thân bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho ý niệm bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân ý bị nhiệt não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên thân bị mỏi mệt, nóng bức, hối hận, áo não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ khiến cho thân và ý niệm bị mỏi mệt, nóng bức, hối hận, áo não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, này Hiền giả, cho nên nói chết là khổ. Do nhân duyên đó và cũng từ nhân duyên đó cho nên nói chết là khổ.

Này Hiền giả, oán ghét nhau mà phải gặp nhau là khổ. Những gì gọi là oán ghét nhau mà phải gặp nhau? Này Hiền giả, con người có sáu tự nhập (*sáu xứ bên trong*), không đáng yêu, không đáng thích, nhưng chúng tụ hội tại một chỗ, đó là tướng hủy hoại, không ở đúng vị trí, nhưng cùng nhau tụ hội, cộng sự, sự tương ly ấy gọi là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ cũng lại như thế, đó là: Thức cũng vậy, tư cũng vậy, thống (*thọ*) cũng vậy, tư tưởng cũng vậy, niệm cũng vậy, ái cũng vậy, sáu hành cũng như vậy. Này Hiền giả, con người có sáu thứ gìn giữ không đáng yêu. Những gì là sáu thứ? Đó là địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng và thức chủng. Đó là nhất hội tướng, cùng hiệp hội, cùng cộng sự, đó là khổ. Này Hiền giả, vì chúng không tương ưng, không đáng yêu mà phải ở chung cho nên gọi là khổ. Do nhân duyên gì mà chúng không tương ưng, không đáng yêu mà phải tụ hội, này Hiền giả, gọi là khổ? Do vì chúng không thương nhau mà phải cộng sự, hiệp hội, này Hiền giả, mới khiến cho thân con người xúc khổ, do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, khiến cho ý xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân và ý niệm bị xúc khổ. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân và ý niệm bị đốt cháy. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ nên khiến cho thân bị đốt cháy, mệt mỏi, khổ não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên khiến cho ý niệm bị đốt cháy, mệt mỏi, khổ não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên khiến cho thân và ý niệm bị đốt cháy, mệt mỏi, khổ não. Do xúc tất cả xúc, thọ tất cả thọ, nên không yêu mến với nhau mà phải tụ hội tương phùng, này Hiền giả, đó là khổ. Cho nên nói như trên là do như

vậy.

Này Hiền giả, thương yêu mà phải xa lìa là khổ. Những gì là thương yêu mà phải xa lìa? Này Hiền giả, đó là con người có sáu xứ bên trong, rất đáng yêu, nhưng chúng phải chia ly, mất hẳn, xa cách, từ biệt, không tụ hội với nhau, không hội ngộ, không ở chung, không gặp nhau, không cảm xúc nhau, gọi đó là khổ. Cũng vậy, đối với sáu ngoại xứ: Thức cũng vậy, xúc cũng vậy, Thống (*thọ*) cũng vậy, Niệm cũng vậy, Ái cũng vậy, sáu thứ gìn giữ cũng vậy. Này Hiền giả, có người thương yêu sáu thứ gìn giữ, đó là: Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức, nhưng phải biệt ly, cách biệt xa lìa nhau, không hội ngộ, xa lìa, không ở chung, không gặp nhau, không cảm xúc nhau, đó là khổ. Này chư Hiền, do xa lìa điều mình yêu thương cho nên gọi là khổ. Do đó, do nhân duyên ấy mới nói như vậy.

Cầu mong mà không được cũng là khổ. Này Hiền giả, cho nên lại nói pháp thế gian, con người nếu trong ý sanh ra ước muốn rằng: "Mong tôi đừng sanh ra". Điều ấy không thể muốn mà được. Với sự già, này Hiền giả, con người nếu trong ý sanh ra ước muốn rằng: "Mong tôi đừng già". Ý đó không phải muốn mà được. Đối với sự bệnh, này Hiền giả, con người khi đã thọ bệnh, khởi lên ước muốn rằng: "Mong tôi không bệnh", nhưng vẫn không thoát khỏi. Này Hiền giả, đối với sự chết, con người thì phải chết, nhưng mong rằng: "Mong cho tôi được sống, đừng chết", nhưng không phải mong mà được. Này Hiền giả, có người đã sanh ra ý thống khổ, không ưa, không tham muốn, vô dụng, người ấy sanh ra ước muốn rằng: "Nếu đã sanh ra ý thống khổ, không đáng ưa, vô dụng, mong sao nó đổi thành đáng ưa, đáng muốn, vừa ý". Điều ấy không thể muốn mà được.

Này Hiền giả, có người có tư tưởng mong cầu, suy nghĩ không đáng ưa, không vừa ý, không hiện hữu, người ấy suy nghĩ như vầy: "Hãy khiến cho ý mong cầu nhưng vô dụng, không vừa ý, không đáng ưa, mong sao đổi thành khả dụng, hợp ý, hãy khiến cho ta được vừa ý, đối với cái không thể được thì trở thành có thể được".

Này Hiền giả, có người sanh ra tư tưởng khả ái, hợp ý. Giả sử người ấy sanh ra ý nghĩ: "Nếu cảm xúc ta đã sanh ra khả ái, hợp ý, mong cho nó được thường hằng không ly biệt". Sự mong muốn đó không phải muốn mà được.

Này Hiền giả, giả sử có người sanh ra tư tưởng này: "Niệm ái thật hợp ý đáng yêu", liền sanh ra ý muốn: "Hãy khiến cho tư tưởng này, niệm sanh dục, khả ý dục được thường hằng, kiên cố, đừng xa lìa. Hãy khiến

cho sự mong ước này đừng cắt đứt", nhưng vẫn không được. Điều mong cầu mà không được là khổ, do đó mà nói, cũng do nhân duyên ấy mà nói.

Nói tóm lại, năm ấm là khổ, cho nên lại nói pháp này là pháp vô thường, nguy ách, bệnh tật, phá hoại, bị bệnh tật làm hư hoại, già nua, không kiên cố, không đáng tin cậy, bị chia lìa, cho nên nói gốc năm ấm là khổ.

Này Hiền giả, thời gian quá khứ là khổ đế, thời gian vị lai, này Hiền giả, cũng là khổ đế; thời gian hiện tại, này Hiền giả, cũng là khổ đế. Đó là điều chắc thật, không điên đảo, không mê hoặc. Này Hiền giả, nếu có sự thật nào hợp với chân lý như vậy là phù hợp với chân lý của bậc Hiền giả; này Hiền giả, là đạt được sự tương ứng với tri kiến giải thoát của bậc Hiền giả. Giác ngộ chân lý như vậy cho nên gọi đó là chân lý của bậc Hiền giả.

Này Hiền giả, những gì gọi là Khổ tập đế? Này Hiền giả, hoặc là con người có sáu tự nội ở trong thân *(sáu xứ bên trong)*, trong đó nếu ai có tham đắm, có nhiễm thì gọi là Tập. Như vậy, đối với tự thân, ngoại thân cũng như vậy. Từ thức, cánh *(xúc)*, tri, hành, ái, hữu cũng vậy.

Này Hiền giả, con người có tham ái sáu giới: Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức. Những gì làm cho kẻ ấy phát sanh tham đắm, gần gũi, thì gọi là Tập.

Như vậy phải làm thế nào? Nếu có người tham ái đối với vợ con, nô tỳ, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, chỗ ngồi, đồ nằm, người ấy tạo tác nghiệp có vướng chấp nơi ái, gần gũi, xúc chạm, phát sanh mong cầu. Nên biết ái tập này là Khổ tập đế. Này Hiền giả, thời quá khứ cũng ái tập này là Khổ tập đế. Này Hiền giả, thời vị lai cũng ái tập này là Khổ tập đế, thời hiện tại cũng ái tập này là Khổ tập đế, là như thật, không khác, là như thật, không điên đảo, mê hoặc. Này Hiền giả, chân đế là sự thật đích thực, chân chánh. Này Hiền giả, đó là sự thật của bậc Thánh; xúc, kiến, giải, đắc của Hiền giả, tương ưng với sự giác ngộ, này Hiền giả, cho nên gọi là Khổ tập đế.

Này Hiền giả, những gì gọi là Khổ tận đế? Này Hiền giả, con người có sáu thứ nhập trong tự thân nhưng không thọ, hiểu rõ như vậy, không xúc, đã đoạn, đã xả, xa lìa, đã chấm dứt, không còn mong mỏi, đã diệt, vắng lặng, đó là khổ diệt. Đối với ngoại thân cũng vậy, thức tưởng cận cánh *(xúc)*, tư tưởng, niệm hành, vọng ái cũng thế.

Này Hiền giả, con người có sáu giới nhưng không ái, đó là: Địa,

thủy, hỏa, phong, không và thức. Nhờ hiểu rõ như vậy nên không xúc nhau, đã đoạn, đã xả, đã bỏ, đã thay đổi, không dùng, đó là khổ tận. Đó là những gì? Nếu con người không có tham ái đối với con cái, nhà cửa, nô tỳ, kẻ sai khiến, ruộng đất, phòng ốc, quán xá, đồ nằm, lợi tức của việc mua bán, hoàn toàn không tham đắm thì sẽ không có ý gần gũi, phát sanh mong cầu, nên biết ái này chấm dứt là khổ tận. Này Hiền giả, ở thời quá khứ nếu ái tận thì khổ cũng tận. Này chư Hiền, ở đời vị lai cũng vậy, đời hiện tại cũng thế, nếu ái tận thì khổ cũng tận. Này Hiền giả, như vậy sự thật đó là không thay đổi, không mê hoặc, không điên đảo. Có chân đế ấy thì khổ liền tận. Này Hiền giả, đó gọi là Đế *(tức là điều chắc chắn)*.

Này Hiền giả, những gì gọi là Khổ tận thọ hành đế? Này Hiền giả, có tám chủng đạo: 1. Trực kiến; 2. Trực trị; 3. Trực ngữ; 4. Trực hành; 5. Trực nghiệp; 6. Trực phương tiện; 7. Trực niệm; 8. Trực định.

Này Hiền giả, Trực kiến là gì?

–Đó là khi vị Hiền giả đệ tử đạo đức suy niệm về Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, có thể quán phân biệt, được pháp quán; có thể thọ tưởng, có thể quán tưởng, có thể suy tưởng, có thể thọ hành, gọi đó là Trực kiến; cũng có thể quán sát sự tạo tác trước kia của mình, cũng suy niệm về đạo đức, hoặc thấy các hành là đáng hối hận *(tai họa)*, nên tịnh chỉ, thấy vô vi là tịch nhiên *(Niết-bàn là tịch diệt)*, do không vướng mắc, mà được giải thoát ý, quán phân biệt hành tướng, ý hành đối với pháp, quán bất ly tướng tham thọ. Đó gọi là Chánh trực kiến, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, những gì là Chánh trực trị *(chánh tư duy)?*

–Nếu bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm về Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo; nếu đã nghĩ những gì thì nay nhớ lại thì gọi đó là Trực trị; cũng quán việc đời trước của mình, cũng nhớ lại hành tướng của sở học, do vậy hối hận thấy chúng là tai họa, an trụ trong vô vi tịch nhiên, không còn chấp trước, được ý giải thoát, quán niêm an chỉ những điều mong cầu, suy niệm hành tùy hành. Đó gọi là Trực trị, đó là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực ngữ là gì?

–Đó là bậc Hiền giả vị đệ tử đạo đức suy niệm về Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, đình chỉ bốn lỗi của miệng, và những hạnh ác khác của miệng, từ đó được an chỉ, viễn ly, an chỉ và viễn ly, phòng hộ không làm điều không đáng làm, từ tạo tội nay được vô tội. Đó

gọi là Trực ngữ; cũng lại quán việc làm ngày trước, đã thâm nhập hạnh, thực hành nhớ nghĩ về đạo. Do tụ tập nên sanh tâm hối hận, an trụ trong pháp vô vi, vắng lặng, vượt thế, khả ý; tâm an định, không còn chấp trước nên được ý giải thoát, quán phân biệt, trừ bốn hạnh ác của miệng, xa lìa, đình chỉ, viễn ly, thâu giữ, điều không nên nói thì không nói, từ chỗ thọ tội nay được vô tội, đó gọi là Trực ngữ, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực hạnh là thế nào?

–Đó là bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, trừ ba hạnh ác của thân, cũng trừ các hạnh ác khác của thân. Nhờ đó đình chỉ xa lìa, thâu giữ, điều không đáng làm thì không làm, điều đáng phải bị tội thì làm cho vô tội. Đó gọi là Trực hạnh, cũng quán sát việc làm đời trước, cũng theo hạnh đạo đức suy niệm về các việc làm ở thế gian thấy hối hận, an định trong vô vi, vượt thế, vắng lặng, tịch nhiên. Do tâm đã giải thoát vượt thế không vướng mắc nên được ý giải thoát, được sự quán chiếu để trừ ba hạnh ác của thân, cũng để trừ các hạnh ác khác của thân; xa lìa, đình chỉ, viễn ly, thâu giữ, không làm điều không nên làm, từ có tội được vô tội. Đó gọi là Chánh trực hạnh, đó gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực nghiệp là thế nào?

–Đó là bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, suy niệm về những điều không nên cầu, không nên làm, bao nhiêu nghiệp súc sanh, do tà hạnh mà muốn để mình được sanh sống. Đó gọi là tà nghiệp. Cũng quán sát về việc làm đời trước, do hạnh được đắc đạo, nhớ nghĩ các việc làm ở thế gian, quán thấy hối hận, an định trong vô vi, vượt thế, vắng lặng, tịch nhiên; được tâm định vượt thế gian, không vướng mắc, được ý giải thoát, nhờ đó quán thấy điều không nên mong cầu thì không cầu, với bao nhiêu hạnh nghiệp súc sanh để tự nuôi sống, thì xa lìa, đình chỉ, viễn ly, thâu giữ, không làm, do đó điều đáng phải có tội thì được vô tội. Đó gọi là Chánh trực nghiệp, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Chánh trực phương tiện là gì?

–Đó là bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, có tinh tấn, có phương tiện, có xuất ly, có an chỉ, năng hành, diễn bày, hoan hỷ; không hủy, không diệt niệm Chánh định thì gọi là Chánh trực phương tiện. Vị ấy cũng quán sát việc làm đời trước. Do niệm được tu tập, từ các việc làm ở thế gian thấy hối hận, nên

kiến an định, vượt thế gian, trụ trong vô vi tịch nhiên; nhờ không tham đắm được đắc đạo, quán ý giải thoát, có tinh tấn, có phương tiện, có xuất ly, có an chỉ, diễn bày, hoan hỷ; không hủy diệt niệm, nhiếp ý an định một cách chân chánh. Đó gọi là Chánh trực phương tiện, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Trực chánh niệm là gì?

–Nếu bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, luôn theo đó suy niệm, niệm niệm không quên, ít nói, không lìa niệm, thì gọi là Trực chánh niệm. Vị ấy cũng quán sát việc làm đời trước, cũng nhờ đó được đạo hạnh, suy niệm hạnh thế gian là bất khả hối, nhiếp tâm an định, vượt thế gian, trụ trong vô vi tịch nhiên, kiến chiếu một đức không còn chấp trước, ý giải thoát, quán niệm, tưởng niệm; từ niệm ấy niệm niệm mãi không quên, ít nói, không rời niệm. Đó gọi là Trực chánh niệm, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, Trực chánh định là gì?

–Nếu bậc Hiền giả, vị đệ tử đạo đức suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Tận là Tận, Đạo là Đạo, do ý an chỉ nên không động, không dong ruổi, nhờ nhiếp chỉ cho nên ý niệm được chuyên nhất, đó gọi là Trực chánh định. Vị ấy cũng quán sát về việc làm đời trước, từ đó ý niệm được giải thoát, thấy hành vi ở thế gian mà hối hận, nhiếp ý an chỉ, vượt thế gian, có kiến giải thoát, dứt mọi chấp trước, nhờ nhân duyên giải thoát nên ý quán hướng về sự đình chỉ ý, chánh an, chuyên nhất, không mê hoặc, không dong ruổi, nhiếp ý an chỉ định niệm ở hai niệm. Đó gọi là Trực chánh định, gọi là Đạo đức đế.

Này Hiền giả, thời quá khứ là Khổ tận đạo thánh đế (Đạo đế), thời vị lai sau này cũng là thọ hành thánh đế, thời hiện tại cũng là thọ hành diệt khổ thánh đế, như thật, không khác, không mất, không mê hoặc, là chân đế, đúng căn bản, đúng cái đức của Đạo đức đế. Này Hiền giả, đế chân thật này, nhờ thấy nó mà được giải thoát, cho nên gọi là khổ tận, nhờ thực hành như vậy nên gọi là Đạo đức đế. Do đó nên nói: "Khổ và khổ tập chấm dứt thì thấy đạo. Phật đã nói ra, phải thực hành mãi mãi".

Tôn giả Xá-lợi-phất giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo thọ giáo phụng hành.

□

SỐ 33

PHẬT NÓI KINH NƯỚC SÔNG HẰNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Phật cùng chúng đệ tử Đại Tỳ-kheo Tăng, các Bồ-tát đồng đi đến sông Hằng, chư Thiên, dân chúng, quỷ, thần, rồng, nhân, phi nhân và những vị mới phát tâm theo đạo nhiều vô số, tất cả đều mang hoa hương, kỹ nhạc đi theo sau Phật. Đến sông Hằng, tất cả đều trải tòa ra ngồi, chúng hội đã ổn định. Vào ngày mười lăm trong tháng, ngày thuyết giới, Tôn giả A-nan từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, đến phía trước đảnh lễ, đầu chạm sát chân Phật, rồi quỳ xuống chắp tay bạch:

–Các đệ tử đã an tọa ổn định, cúi mong Đức Phật có thể thuyết Giới kinh.

Đức Phật im lặng không đáp. Tôn giả A-nan liền trở về chỗ ngồi. Thật lâu, mãi đến nửa đêm Tôn giả A-nan lại đứng dậy, đến phía trước, quỳ thẳng bạch Phật:

–Đã nửa đêm rồi, các đệ tử đều ngồi yên lặng, mong được nghe Đức Phật thuyết Giới kinh.

Đức Phật lại im lặng không trả lời, Tôn giả A-nan lại về chỗ ngồi rất lâu, gà sắp sửa gáy, Tôn giả A-nan lại đến phía trước quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

–Gà sắp gáy, các đệ tử mong muốn nghe Phật thuyết Giới kinh.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Con người sống chết xoay vần qua lại trong năm đường, ở thế gian hết sức thống khổ. Kẻ không tự hay biết cội nguồn của đời trước, kiếp trước, đều do tâm ý không được ngay thẳng. Thân người rất khó được, đã được thân rồi lại càng khó được nghe Giới kinh của Phật, đã được nghe Giới kinh của Phật rồi mà tin nhập được Phật đạo lại càng khó, đã tin nhập Phật đạo mà giữ được Giới kinh lại càng khó hơn. Đức Phật muốn nói

Giới kinh, nhưng nay có một đệ tử ở trong nhóm này chẳng thể thọ trì Giới kinh của Phật, do đó nên Đức Phật mới không nói Giới kinh.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Con không biết vị đệ tử không trì Giới kinh ngồi ở chỗ nào?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trong pháp tam-muội đã quan sát khắp lượt, thấy người đệ tử không trì giới, liền đứng dậy đi đến trước vị ấy, nói:

–Ông là đệ tử của Đức Phật mà không thể thọ trì Giới pháp, đó là hạng người phế bỏ, không thể cùng ngồi chung với các Tôn giả. Hãy đứng dậy, đi ra, không được trở lại trong chúng này nữa.

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Tôn giả đã khéo giải thích, khiến cho người đệ tử không giữ giới ra khỏi nơi đây, tự biết xấu hổ nên đi ra.

Đức Phật bảo các đệ tử:

–Lành thay! Nay Ta sẽ thuyết pháp.

Các đệ tử đều chắp tay thưa:

–Thưa vâng, chúng con xin thọ giáo.

Đức Phật dạy:

–Nước thủy triều trong biển lớn lúc dâng lên không vượt qua mức cũ, lúc xuống cũng không vượt qua mức cũ. Các đệ tử đều nên giữ vững tâm, chánh ý quay trở lại tự xem trong năm tạng của mình, suy nghĩ biết sự sanh tử rất đau khổ, hãy phụng trì Giới kinh, đừng để thiếu sót, phạm phải. Người trì năm giới được sanh trở lại nhân gian làm người. Người giữ mười giới được sanh lên trời, người giữ hai trăm năm mươi giới đời này được quả A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, đạo lớn Nê-hoàn của Phật. Nhờ đạo mà được thân người, nên phụng trì giới kinh, dầu có chết thì chịu chết đừng để khiếm khuyết sai phạm dẫu chỉ lớn bằng lông tóc.

Thí như nước trong biển lớn lúc sáng, lúc tối, khi lên, khi xuống, không vượt quá mức cũ. Trong biển có bảy báu. Bảy báu ấy là những gì?

Bạch ngân.

Hoàng kim.

San hô

Bạch châu.

Xa cừ.

Minh nguyệt châu.

Ma-ni châu.

Đó là bảy báu ở trong biển. Nay trong đạo Phật cũng có bảy báu.

Đức Phật dạy:

–Bảy báu đó là:

Tu-đà-hoàn.

Tư-đà-hàm.

A-na-hàm.

A-la-hán.

Bích-chi-phật.

Bồ-tát phát tâm hóa độ tất cả.

Đạo lớn Nê-hoàn của Phật.

Đó là bảy báu. Muốn đạt được đạo báu cần phải lìa bỏ các nẻo dâm dật, sân hận, ngu si; phải trì giới tinh tấn, tích chứa công đức, trong ngoài thanh tịnh, tự giữ sự thanh cao khác thường. Như vậy, nước trong biển không chứa vật ô uế, nếu có người chết ô uế, hôi thối, không thanh khiết, gió mạnh sẽ thổi lên bờ. Nay trong đạo Phật cũng không chứa những người xấu ô uế, không giữ Giới kinh. Các người đã phạm Giới kinh nên cho ra khỏi đại chúng ngay. Thí như có bốn loại chuột. Một là chuột ở trong phòng, hai là chuột ở trong nhà, ba là chuột ở nơi ruộng hoang, bốn là loại chuột ở nơi dơ sạch lẫn lộn. Loại chuột ở trong phòng thì không thể sống nơi đất bằng, loại chuột sống ở đất bằng thì không thể sống trong phòng ốc, loại chuột sống nơi ruộng hoang thì không thể sống trong nhà người được, chuột ở trong nhà người thì không thể sống ngoài đồng hoang, chuột sống nơi vừa sạch vừa dơ thì không thể ra khỏi chỗ ấy mà sống được, vì không biết kho lẫm đầy lúa ở đâu. Con người cũng lại có bốn hạng. Sao gọi là bốn hạng? Một là người tâm ý đoan chánh trì giới không phạm, muốn đạt được đạo quả A-la-hán; hai là người trì giới tinh tấn muốn được đạo quả Bích-chi-phật; hạng người thứ ba là trì giới cầu học thông rõ kinh, có trí tuệ, dốc độ tất cả, muốn đạt được Phật đạo; hạng thứ tư là giả danh làm đệ tử, nhưng không thể phụng trì giới sáng suốt, không muốn học hỏi, tâm ý do dự vì sợ không đắc đạo. Bốn loại đệ tử trên cũng như bốn loại chuột ấy.

Đức Phật dạy:

–Này các đệ tử, trong thiên hạ có năm con sông lớn. Dòng nước ở phương Đông có một con sông lớn tên là Sa lộc, dòng nước ở phương Nam có một con sông lớn tên là A-di, dòng nước ở phương Tây có một

con sông lớn tên là Hằng, dòng nước ở phương Bắc có một con sông lớn tên là Mặc-bồi-hồi, dòng nước ở chính giữa tên là Vi giang. Chúng chảy vào biển đều bỏ tên riêng của mình, chỉ gọi là nước biển.

Đức Phật dạy:

–Này các đệ tử, có chủng tộc Bà-la-môn, có chủng tộc Sát-lợi, có chủng tộc Công sư, có chủng tộc Điền gia, có người ăn xin. Chủng tộc nào cũng tự cho rằng: "Chủng tộc của ta là cao sang", nhưng sự phú quý, hay bần tiện đều giống như nước của năm con sông lớn chảy vào biển cả. Tất cả mọi dòng họ làm đệ tử của Phật đều bỏ tên họ riêng của mình, chỉ gọi là đệ tử của Phật mà thôi, làm gì có giàu nghèo mà tự kiêu mạn? Kẻ biết trước phải dạy lại cho kẻ biết sau. Không được nói: "Ta biết đạo", rồi tự cho là hơn. Không được nói: "Ta học lâu, biết nhiều kinh", không được nói: "Ý ta nghĩ là đúng với đạo, ý của ông nghĩ thì không hợp đạo", nói như vậy đều là phạm giới, không được ở trong chúng. Trong đạo pháp, lớn nhỏ phải cùng nhau dạy dỗ, che chở, hãy cùng nhau thừa kế. Có người chưa hiểu kinh đạo, không được nói cho họ nghe những việc sâu xa, đó là lỗi lớn. Lúc trời mưa to, nước mưa chảy vào rãnh, nước rãnh chảy vào khe nước, khe chảy vào sông lớn, nước sông lớn chảy vào trong biển, nước trong biển thì không tăng, không giảm.

Này các đệ tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn; có người đắc quả Tư-đà-hàm; có người đắc quả A-na-hàm; có người đắc quả A-la-hán; có người đắc quả vị Bích-chi-phật; có người đạt được bậc Bất thoái chuyển; có người đạt được đạo Nê-hoàn của Phật. Người đến, người đi nhưng đạo Phật không hề tăng, giảm. Giống như nước biển không tăng không giảm.

Đức Phật dạy:

–Ở trong biển có loại cá lớn: một là dài bốn ngàn dặm; hai là dài tám ngàn dặm; ba là dài một vạn hai ngàn dặm; bốn là dài một vạn sáu ngàn dặm; năm là dài hai vạn dặm; sáu là dài hai vạn bốn ngàn dặm; bảy là dài hai vạn tám ngàn dặm. Người học đạo nếu không gặp minh sư, đâu biết trong thiên hạ có đạo lớn. Chèo thuyền dạo chơi ở các rãnh, ao, suối đâu biết trong thiên hạ còn có sông to biển lớn nữa. Kinh Phật như sông to bể rộng, tất cả kinh sách của thế gian đều nhờ nơi kinh Phật mà lưu xuất. Kinh đã khó gặp mà được thấy nghe thì nên giữ gìn, đọc tụng. Sau này hàng ngàn, vạn ức năm có còn Giới kinh của Phật chăng? Mặt trời, mặt trăng, tinh tú còn có lúc hủy hoại, nhưng phụng hành Giới kinh của Phật thì không lúc nào bị hoại diệt. Từ nay về sau Đức Phật không còn

thuyết Giới kinh lại nữa. Giới kinh của Phật hết sức quan trọng. Trong đó có người thọ trì giới mà phạm điều ác thì đầu bị bể làm bảy mảnh.

Đức Phật nói kinh này xong, các đệ tử đều một lòng trân trọng thọ trì Giới kinh. Chư Thiên, dân chúng, quỷ, thần, rồng đều đến phía trước, đầu mặt cung kính đảnh lễ Phật rồi lui ra.

Số 34

PHẬT NÓI KINH PHÁP HẢI

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Chiêm-ba, ở trên bờ ao Hán-khư-lợi cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo. Bấy giờ vào ngày thứ mười lăm trong tháng, là lúc thuyết giới. Đức Phật ngồi thật lâu mà vẫn im lặng, không thuyết giới. Thị giả A-nan liền sửa lại y phục, quỳ xuống, bạch Phật:

–Đầu đêm đã qua, nửa đêm sắp đến, đại chúng tập hợp đã lâu, mong Đức Thế Tôn không từ mệt mỏi, xin Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Phật vẫn ngồi im lặng.

Chúng Tăng ngồi đã lâu. Lúc ấy có một Tỳ-kheo tên là A-nhã-đô-lô, lại sửa y phục, quỳ thẳng bạch Phật:

–Đầu đêm, nửa đêm đã qua, bây giờ gà sắp gáy, chúng Tăng nhóm họp đã lâu, mong Đức Thế Tôn không từ mệt mỏi thuyết giới cho chúng Tăng.

Đức Phật vẫn im lặng.

Lại bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, sao mai đã mọc, thời giờ sắp qua.

Đức Phật dạy:

-Này Tỳ-kheo, hãy lắng nghe! Trong chúng Tăng có kẻ bất tịnh cho nên Ta không thể thuyết giới được.

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên trong lòng suy nghĩ: "Ta nên định tâm quán xem ai là kẻ bất tịnh". Hiền giả Mục-kiền-liên bạch Phật:

–Con muốn dùng định tâm quán xem ai là người bất tịnh. Nếu là bất tịnh, con sẽ bảo kẻ ấy ra khỏi chúng.

Đức Phật bảo:

–Hiền giả muốn dùng định tâm quán xem ai là kẻ bất tịnh rồi bảo kẻ ấy ra khỏi chúng. Lời nói ấy rất hay, vậy hãy quan sát đi.

Hiền giả Mục-liên liền dùng định tâm quan sát thấy người đệ tử phạm

trọng giới, rồi từ định tâm đứng dậy, đến trước vị Tỳ-kheo ấy nói:

–Ông làm Sa-môn, phải tôn thờ giới, giới là căn bản, giới giống như cái đầu của con người, giới hạnh của Sa-môn cần phải thanh bạch giống như nước, như ngọc, đó là tòa ngồi của Như Lai, là chỗ hội tụ của Hiền thánh, là nơi y cứ của pháp vượt thế, là chỗ nhóm họp của các vị đạo đức thanh tịnh. Tòa ngồi này giống như rừng Chiên-đàn, ông đã dùng mùi hôi thối của cây Y lan làm rối loạn sự chân chánh.

Hiền giả Mục-liên dùng tay tự dẫn người ấy đi ra ngoài và nói:

–Ông là người phế thải, không được tham dự vào sự tập hợp thanh tịnh đại chúng của Đức Như Lai, không được dùng cái nhà cầu, ô uế dự vào sự tập hợp lớn của đại tăng. Biển cả không thâu nhận xác chết hôi thối. Ông hãy tự suy nghĩ điều ấy, đừng để ô uế chúng Hiền thánh.

Người ô uế đã đi ra, Hiền giả Mục-liên bạch Phật:

–Người uế trược đã đi xa, chúng Tăng đã được thanh tịnh. Cúi mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Thế Tôn vẫn cứ im lặng. Hiền giả Mục-liên thấy lạ, quan sát bốn bên, thấy ở tòa trên, Tỳ-kheo vừa rồi vẫn còn ngồi ở tòa, Hiền giả Mục-liên ra lệnh:

–Ông là người phế thải, tại sao không tự đi ra? Tội ô uế của ông nặng, ngồi ở tòa này làm gì?

Hiền giả Mục-liên khiển trách nặng nề, vị ấy mới rời khỏi tòa ra đi. Hiền giả Mục-liên lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, người ô uế đã ra rồi, đại chúng đã thanh tịnh không còn ô uế nữa. Cúi mong Đức Thế Tôn thuyết giới, khiến cho chúng Tăng được tu tịnh nghiệp.

Đức Phật bảo Hiền giả Mục-liên:

–Từ nay về sau Ta không thuyết giới nữa. Các vị có thể tự cùng nhau thuyết giới. Nếu Ta thuyết giới, người phạm giới ở trong chúng im lặng, không tự phát lồ tội lỗi mà vẫn dự vào tòa của Như Lai, đó là sự im lặng vọng ngữ. Nếu im lặng vọng ngữ thì đầu kẻ ấy bị vỡ làm bảy mảnh. Đức Như Lai thuyết giới cho đại chúng đâu phải là chuyện dễ. Từ nay về sau các vị hãy tự thuyết giới.

Hiền giả Mục-liên bạch Phật:

–Trước kia đệ tử nghe đạo, trước nhờ Đức Như Lai giáo hóa cho, chớ không phải do đệ tử tự ngộ mà thành đạo. Thánh Đức của Như Lai sâu nặng như trời đất. Lời nói chân thật mà trọng yếu, đệ tử tụng tập nên chứng được

đạo quả. Đức Như Lai giống như trời mưa, trăm loài lúa thóc, cây cỏ được tươi tốt, không loài nào không nhờ Ngài mà được tươi tốt. Đệ tử đức mỏng, đạo nhỏ, người không tin phục. Thế Tôn thương xót kẻ phàm tục đui điếc, khiến cho tất cả được an ổn, được lòng tin, được sự chân chánh, vì để tế độ cho ý chí của họ.

Hiền giả Mục-liên ân cần tha thiết thỉnh cầu đến ba, bốn, năm lần. Đức Thế Tôn bảo Hiền giả Mục-liên:

– Hiền giả đã vì tất cả đại chúng mà thỉnh cầu Đức Như Lai, ân cần đến bốn, năm lần, nay Ta sẽ vì các vị mà thuyết giới. Tăng pháp của Ta giống như biển lớn, có tám đức. Các vị hãy lắng nghe:

Nước trong biển lớn không đầy không vơi. Pháp của Ta cũng vậy, không đầy không vơi. Đó là đức thứ nhất.

Nước thủy triều trong biển lớn hễ đúng giờ thì dâng, không có thất thường; bốn bộ chúng thọ giới của Ta không phạm giới cấm, làm sai trái với pháp thường. Đó là đức thứ hai.

Nước của biển lớn chỉ có một vị, không có nhiều vị, hoàn toàn là vị mặn. Pháp của Ta cũng như vậy, chỉ có vị thiền định, chí cầu đạt định tịch tĩnh, đạt đến thần thông. Vị của Tứ đế, chí cầu bốn đạo nên giải thoát khỏi sự trói buộc. Vị của Đại thừa, chí cầu đại nguyện nhằm hóa độ mọi người. Đó là đức thứ ba.

Biển lớn đã sâu mà còn rộng, không có hạn lượng, Pháp của chúng Tăng cũng vậy, hết sức thâm diệu. Tám phương là lớn nhưng không lớn bằng Pháp của Tăng. Pháp của Tăng rất là to lớn. Đó là đức thứ tư.

Ở trong biển lớn có vàng, bạc, lưu ly, pha lê, san hô, xa cừ, mã não, ma-ni hết sức quý giá, rất dồi dào. Trong Tăng pháp của Ta có ba mươi bảy phẩm đạo cao quý vi diệu, thần túc, sống lâu, bay khắp mười phương, không chỗ nào là không thích ứng, chỉ trong nháy mắt mà đã đến khắp cõi Phật, tới cảnh giới thù thắng, có thể lấy đạo của mình hóa độ dẫn dắt quần sanh, làm thanh tịnh cõi Phật. Đó là đức thứ năm.

Trong biển lớn óc trú xứ của các Rồng thần như: Long vương Sa-kiệt, Long vương A-nậu-đạt, Nan-đầu-hòa-la, Ma-na-tư-y-la-mạt. Các Rồng thần như vậy có diệu đức khó lường, có thể tạo ra cung trời, các loại phẩm vật, không ai là không ngưỡng mộ. Tăng pháp của Ta cũng lại như thế, có bốn hướng tám quả, mười hai bậc Hiền, Bồ-tát đại sĩ ra sức giáo hóa vô cùng thịnh mỹ. Đó là đức thứ sáu.

Biển lớn gồm thâu cả trăm sông, vạn dòng nước, kể cả nước của

sông Hằng, không đâu là không đổ về, suốt ngày suốt đêm không thể gọi là đầy vơi hay tăng giảm. Trong Tăng pháp của Ta cũng như vậy. Dòng Phạm thích nhập vào Pháp của Tăng chúng, bốn họ vọng tộc, hoặc Thích, hoặc Phạm, dòng dõi vua chúa, xả bỏ hào quý của thế gian, đi đến nhập vào chánh đạo chuyển hóa; công sư, dòng họ nhỏ cũng nhập vào chánh đạo chuyển hóa. Chủng tộc tuy khác, đến học tập nơi đại đạo, đồng có một vị, đâu chẳng phải là Thích tử. Đó là đức thứ bảy.

Biển lớn thanh tịnh, không dung nạp tử thi, không có các thứ uế trược, chỉ thọ nhận các loài trong biển mà thôi. Tăng pháp của Ta thanh tịnh, cũng như biển lớn không chấp nhận kẻ không có phạm hạnh thanh tịnh, vi phạm giới cấm, ô uế, nhất thiết không thọ nhận loại người ấy, phải lìa bỏ, phải xa lánh, giống như biển cả không thọ nhận tử thi vậy. Đó là đức thứ tám.

Đức Phật bảo Hiền giả Mục-liên:

–Đại chúng của Như Lai chỉ lấy sự thanh tịnh, làm tiêu chuẩn để thực hiện giới cấm, nếu không giữ được sự thuần nhất thì không phải là dòng họ Thích nữa. Do đó Ta không thuyết giới. Các vị hãy khéo cùng nhau dựa vào giới luật răn bảo nhau, đừng để chánh pháp bị hủy diệt.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 35

PHẬT NÓI KINH TÁM ĐỨC CỦA BIỂN

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng
Pháp sư Cưu-ma-la-phục

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Vô thắng, lúc ấy đang ở bên bờ sông. Thường lệ vào ngày thứ mười lăm trong tháng, Đức Phật nói Giới kinh cho các Sa-môn nghe, nhưng bây giờ cũng vào ngày ấy Ngài lại ngồi im lặng thật lâu chẳng nói. Tôn giả A-nan sửa lại y phục, quỳ xuống thưa:

–Các Sa-môn đã ngồi ổn định, muốn được nghe pháp thanh tịnh.

Đức Thế Tôn vẫn im lặng. Tôn giả A-nan ba lần đứng dậy thưa:

–Đã nửa đêm, mong Thế Tôn có thể nói Giới kinh.

Đức Thế Tôn bèn nói:

–Trong các Sa-môn có kẻ ô uế vẩn đục, dùng tâm tà làm điều sai trái, lời nói và việc làm ngược với giới hạnh của Sa-môn, thần thái rất nặng nề, không phải kẻ hạ tiện thì ai có thể làm được điều ấy, khiến cho sự trong, đục chống trái nhau, nên Ta không nói.

Tôn đức Mục-liên nhất tâm nhập định, dùng đạo nhãn thanh tịnh quán sát thấy rõ tâm vị Tỳ-kheo kia có hành vi đáng vứt bỏ. Tôn giả Mục-liên bảo vị kia:

–Hãy đứng dậy, đây không phải là chỗ ngồi của người thế tục.

Nhưng vị kia vẫn không đứng dậy, Tôn giả liền nắm tay kéo ra ngoài, bảo:

–Ông không phải là bậc chí đức, trong lòng ôm sáu thứ tà, sao lại dám đem cái thân hôi thối này mà ngồi trên tòa Thiên hương? Ông là loại người đáng vứt bỏ, không phải Sa-môn.

Tôn giả Mục-liên liền trở về ngồi lên tòa thanh tịnh. Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Tại sao kẻ ấy ngu si đến vậy? Đã dùng ví dụ rõ ràng như thế mà

không chịu ra, chờ nắm tay kéo đi mới chịu ra.

Đức Phật bảo các Sa-môn:

–Hãy lắng nghe Ta nói.

Các Sa-môn thưa:

–Thưa vâng, chúng con xin thọ giáo.

Đức Phật dạy:

–Hãy xem biển lớn kia có tám đức tốt đẹp. Nó rộng lớn mênh mông, độ sâu và đáy của nó không lường được, càng xuống càng sâu, chỗ gây chướng ngại của nó không gì bằng. Đó là đức thứ nhất của biển.

Nước thủy triều hễ đúng giờ thì dâng lên, không có thất thường. Đó là đức thứ hai.

Biển cả chứa các châu báu, chẳng gì mà chẳng có, biển cả không dung chứa tử thi hôi thối, gió thần sẽ thổi lên trên bờ. Đó là đức thứ ba.

Biển cả có các châu báu, đó là: hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh, san hô, long văn, minh nguyệt, thần châu, ngàn vạn thứ kỳ dị quý giá, không tìm thì chẳng được. Đó là đức thứ tư.

Khắp thiên hạ có năm con sông lớn đều chảy ra biển, dòng nước ở Tây gọi là Hằng, dòng nước phía Nam gọi là Tà vân, dòng nước ở phía Đông gọi là Lưỡng hà, còn gọi là Sa lục, còn gọi là A-di-việt, dòng nước ở phía Bắc gọi là Mặc. Nước của năm sông tuôn chảy đều đổ vào biển, chúng đều bỏ tên cũ, chỉ gọi chung là nước biển. Đó là đức thứ năm của biển.

Năm sông, vạn dòng nước lúc trời hết mưa dầm, nước từ trên trời đổ xuống đất, nước mưa lại dồn xuống sông, lại chảy ra biển, mà nước biển vẫn y như cũ, chẳng có tăng giảm. Đó là đức thứ sáu.

Trong biển có các loài cá, thân hình to lớn, đồ sộ, thân cá thứ nhất dài bốn ngàn dặm, thân cá thứ hai dài tám ngàn dặm, thân cá thứ ba dài một vạn hai ngàn dặm, thân cá thứ tư dài một vạn sáu ngàn dặm, thân cá thứ năm dài hai vạn dặm, thân cá thứ sáu dài hai vạn bốn ngàn dặm, thân cá thứ bảy dài hai vạn tám ngàn dặm. Đó là đức thứ bảy.

Nước biển toàn vị mặn, trong ngoài như nhau, đó là đức thứ tám.

Vì những lẽ ấy cho nên Rồng thần Chất lượng trong lòng sung sướng thích ở trong biển.

Diệu lý trong kinh điển của Ta cũng có đức to lớn, đọc mãi mà vô cùng tận, ý nghĩa của nó ngày càng sâu xa, dù Phạm, Ma hay Đế Thích cũng không thể lường tính được. Giống như biển xa rộng, thâm sâu khó

lường, vì lẽ ấy cho nên các Sa-môn đều ưa thích kinh. Đó là đức thứ nhất.

Các đệ tử của Ta luôn cùng nhau đốc suất khuyến khích tụng kinh, tọa thiền, nghi lễ nghiêm trang, không sai thời, giống như nước biển không sai thời trước khi dâng lên bờ. Đó là đức thứ hai.

Pháp của Ta thanh khiết, chí ở nơi đạm bạc, y phục thức ăn uống được cúng dường không chứa cất nhiều. Nếu có Sa-môn tâm ý hướng theo nẻo uế trược thì dùng pháp xử trị, không được ở chung, giống như biển rộng bao la không dung chứa thây chết hôi thối. Đó là đức thứ ba.

Kinh của Ta giảng nói nghĩa lý đầy đủ, Sa-môn tư duy một cách sâu xa, rèn luyện, bỏ tâm cấu uế, tham dâm, sân hận, ganh ghét, ngu si, và những thứ uế tạp khác. Giống như mài gương ngọc, khi chất dơ đã hết, lại quét sạch những bụi dơ li ti trên đó, thì chẳng gì mà chẳng hiện. Một, ngồi tư duy về nguồn gốc của sanh tử từ xưa thì chẳng gì mà chẳng biết. Hai, suy tư thấy vạn vật trong trời đất như huyễn, hễ có tụ hội thì phải có biệt ly. Ba, thường khởi lòng từ, thương thế gian do ngu si lầm lạc, làm việc điên đảo, không tự biết đó là mê lầm. Bốn, tự suy tư một cách tinh túy, đã biết được việc xưa, lại quán chiếu thấy vị lai, thần thức của chúng sanh sẽ quy hướng về đâu; nẻo đạo của Ta lấy tâm thanh tịnh làm châu báu. Sa-môn bỏ ô uế được hạnh thanh tịnh, trong lòng hoan hỷ, giống như vị thần Chất lượng kia yêu thích các báu trong biển. Đó là đức thứ tư.

Đạo của Ta rộng lớn, hợp mọi người thành một, dòng vua chúa, dòng Phạm chí, dòng quân tử, dòng hạ tiện đến để làm Sa-môn đều bỏ cái họ gốc của mình, lấy đạo mà thương yêu nhau; trí ngu đồng cố gắng, ý như anh em, giống như các dòng nước hợp lại gọi là biển. Do vì điều này khiến Sa-môn vui thích. Đó là đức thứ năm.

Đạo của Ta vi diệu, kinh điển thì uyên áo, bậc Thượng sĩ đắc đạo được gọi là:

Câu cảng (*Tu-đà-hoàn*).

Tần lai (*Tư-đà-hàm*).

Bất hoàn (*A-na-hàm*).

Ứng chân (*A-la-hán*).

Đạo của bậc Ứng chân là trong tâm thì thanh tịnh như hạt minh châu của trời, đức hạnh được tàng trữ, thân tướng ứng hiện khắp chốn, sống chết tự tại, thọ mạng lâu vô lượng, cũng không già bệnh. Giống như biển cả có các thần Long, Ngư. Chính vì lẽ đó mà Sa-môn ưa thích.

Kinh sách của Ta, ý nghĩa tốt đẹp như cam lộ, Tiên thánh chưa được

nghe, Phạm Thích ít thấy. Từ xưa đến nay chẳng có gì mà chẳng ghi chép trong kinh; trong ngoài đều chân chánh, giống như toàn biển cả đều là vị mặn. Vì thế mà Sa-môn thích đạo. Phàm ai xem kinh của Ta thì ý họ đều hướng về giải thoát. Biển có tám đức, kinh của Ta cũng vậy.

Tôn giả A-nan lại đứng dậy đảnh lễ Đức Phật và bạch:

–Mặt trời ở phương Đông sắp sáng, cúi mong Đức Thế Tôn nói trọng giới.

Đức Thế Tôn bảo:

–Từ nay về sau Ta sẽ không nói Giới kinh nữa. Có giới mà không giữ thì e rằng sẽ làm cho thần sấm sét càng thêm ra oai tức giận. Chính vì thế mà Ta không nói Giới kinh. Từ nay về sau các vị hãy thay nhau kiểm điểm sách tấn. Cứ mười lăm ngày, hội lại mà nói Giới kinh.

Các Tỳ-kheo đều đứng dậy, đảnh lễ sát chân Đức Phật.

□

SỐ 36

PHẬT NÓI KINH BỔN TƯƠNG Ỷ TRÍ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Không thấy, không rõ nguồn gốc của hữu ái, nhưng nay thấy có từ hữu ái. Giả sử nguồn gốc của hữu ái này không có, nhưng nay lại có, nay thấy rõ ràng, từ nhân duyên căn bản đó đưa đến hữu ái.

Này Tỳ-kheo, hữu ái có nguồn gốc chớ không phải không có nguồn gốc. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của hữu ái là những gì?

–Đó là si (*vô minh*).

Này Tỳ-kheo, si cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của si là gì?

–Đó là năm triền cái.

Này Tỳ-kheo, năm triền cái cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của năm triền cái là gì?

–Đó là ba hạnh ác.

Này Tỳ-kheo, ba hạnh ác cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của ba hạnh ác là gì?

–Đó là không thu nhiếp các căn.

Này Tỳ-kheo, không thu nhiếp các căn cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của không thu nhiếp các căn là gì?

–Đó là không có Chánh niệm.

Này Tỳ-kheo, không có Chánh niệm cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của không có Chánh niệm là gì?

–Đó là bất tín.

Này Tỳ-kheo, Bất tín cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của bất tín là gì?

–Đó là nghe điều ác, phi pháp.

Này Tỳ-kheo, nghe điều ác, phi pháp cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của sự nghe điều ác, phi pháp là gì?

–Đó là gần gũi người không hiền.

Này Tỳ-kheo, người không hiền cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, những gì là nguồn gốc của người không hiền?

–Đó là hội họp cùng vui chơi với người không hiền.

Như vậy, này Tỳ-kheo, do đầy đủ sự tụ hội với người không hiền nên khiến cho có nhiều người không hiền, do có nhiều người không hiền nên khiến có đầy đủ sự phi pháp, do có đầy đủ sự phi pháp nên có đủ sự bất tín, do có đầy đủ sự bất tín nên khiến có đầy đủ sự không chánh niệm, do có đủ sự không chánh niệm nên khiến có đủ sự không thu nhiếp căn, do có đủ sự không thu nhiếp căn nên khiến có đủ sự phạm pháp của ba hạnh ác, do có đủ sự phạm pháp của ba hạnh ác nên khiến có đủ năm triền cái, do có đủ năm triền cái nên khiến có đủ sự si mê (*vô minh*), do có đủ sự si mê nên có đủ hữu ái của thế gian; như vậy sự ái lạc đầy đủ càng lúc càng tăng trưởng.

Trí tuệ giải thoát khỏi thế gian cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Những gì là nguồn gốc của trí tuệ giải thoát khỏi thế gian? –Đó là Bảy giác ý.

Bảy giác ý cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Những gì là nguồn gốc của Bảy giác ý?

–Đó là Bốn ý chỉ.

Bốn ý chỉ cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, những gì là nguồn gốc của Bốn ý chỉ?

–Đó là Ba hạnh thanh tịnh.

Này Tỳ-kheo, Ba hạnh thanh tịnh cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của ba hạnh thanh tịnh là gì?

–Đó là thu nhiếp các căn.

Thu nhiếp các căn cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của việc thu nhiếp các căn là gì?

–Đó là Chánh niệm.

Này Tỳ-kheo, Chánh niệm cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, những gì là nguồn gốc của Chánh niệm?

–Đó là Tín căn.

Này Tỳ-kheo, Tín căn cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Này Tỳ-kheo, nguồn gốc của Tín căn là gì?

–Đó là nghe kinh pháp.

Nghe kinh pháp cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Nguồn gốc của sự nghe kinh pháp là gì?

–Đó là tôn thờ bậc Hiền giả.

Tôn thờ bậc Hiền giả cũng có nguồn gốc chớ không phải không có. Nguồn gốc của sự tôn thờ bậc Hiền giả là gì?

–Đó là tụ hội với bậc Hiền giả.

Như vậy, này Tỳ-kheo, do tụ hội với bậc Hiền giả mới có thể tôn thờ bậc Hiền giả, nhờ tôn thờ bậc Hiền giả nên liền được nghe lời pháp, nhờ nghe lời pháp nên liền có đức tin, do có đức tin liền được Chánh niệm, do có Chánh niệm nên thu nhiếp các căn, do thu nhiếp các căn liền được Ba hạnh thanh tịnh, nhờ Ba hạnh thanh tịnh nên liền được Bốn ý chỉ, nhờ được Bốn ý chỉ, nên liền được Bảy giác ý, nhờ có Bảy giác ý liền có vô vi, giải thoát, được thoát khỏi thế gian. Như vậy nhờ chuyển hóa nguồn gốc, khiến cho thoát khỏi thế gian.

Đức Phật giảng nói như vậy, các đệ tử phụng hành.

□

SỐ 37

PHẬT NÓI KINH DUYÊN BỔN TRÍ

Hán dịch: Mất tên người dịch. Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ái khó nói ra, nhiễm ái có hình sắc tốt tươi, khi chưa sanh khởi, nó có tính năng trói buộc, làm chìm đắm và khiến vướng mắc vào, nó cũng có nguồn gốc. Không thể không có nhân duyên đưa đến ái, từ hữu ái có sự đam mê, từ nguồn gốc đó đưa đến sự cuồng nhiệt, mê say. Cho nên không sáng suốt, quán xét và hiểu rõ. Đó là nguồn gốc của si.

Duyên của si sanh ra cũng có nguồn gốc, là nguồn gốc gì?

–Đó là say đắm sắc thinh, năm triền cái, dong ruổi mê hoặc, do đó sanh ra năm nguồn gốc si mê.

Năm triền cái ngăn che làm cho tăm tối, đưa đến tình trạng do dự, điều này cũng có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là ba thứ hạnh ác lôi kéo, nên gọi đó là nguyên do.

Ba thứ hạnh ác huân tập cũng có nguyên do, là nguyên do gì?

–Không thu nhiếp căn thức là nguyên do.

Không thu nhiếp thức căn cũng có nguyên do, là những nguyên do nào?

–Đó là không chánh niệm; niệm điều không nên niệm là nguyên do.

Không chánh niệm cũng có nguyên do chứ không phải không có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là không chánh tín; mê mờ phương hướng là nguyên do.

Không chánh tín mê mờ cũng có nguyên do chứ không phải không có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là do thầy ác dẫn dắt, nghe theo và thọ trì điều phi pháp là nguyên do.

Không gần thầy chân chánh, không được nghe điều hay cũng có nguyên do, là những nguyên do nào?

–Đó là chống trái với Hiền thánh; không tụ hội với bậc tài trí thông minh là nguyên do.

Chống trái với bậc hiền tài cũng có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là mất chỗ tôn kính ngưỡng mộ, tâm hư dối mà tập theo sự vui thích, đó là nguyên do.

Như vậy, này Tỳ-kheo, phàm hễ mất chỗ hội tụ với bậc hiền thánh thanh cao thì hành động thấy nghe của thân, khẩu, ý toàn là mê hoặc, nên trong tâm bế tắc. Vì thấy phi pháp cho nên tín tâm hướng tới sự hủy diệt. Do đi ngược với chánh đạo cho nên tà kiến tăng trưởng, vì tà kiến tăng trưởng cho nên bên trong ôm sự tang tóc, do bên trong ôm sự tang tóc nên ba hạnh ác phát triển; ba hạnh ác phát triển thì năm triền cái sung mãn, do năm triền cái sung mãn nên đầy đủ gốc si mê; do đầy đủ gốc si mê mới đầy đủ ái thọ. Do vậy ái thọ này lần hồi tăng trưởng tạo ra nhiễm bẩn bụi trần không bờ bến.

Nguồn gốc của trí tuệ giải thoát vượt khỏi thế gian cũng có nguyên do. Sao gọi là nguyên do của trí tuệ giải thoát vượt khỏi thế gian? Diệu pháp của bảy Giác (chi) là nguyên do.

Gương sáng của bảy Giác chi cũng có nguyên do, là những nguyên do gì?

–Đó là bốn ý chỉ, nó là nguồn gốc của giác ngộ.

Bốn ý chỉ cũng có nguồn gốc chứ không phải không có nguồn gốc là những nguồn gốc gì?

–Đó là ba hạnh thanh khiết trong sạch.

Ba hạnh trong sạch cũng có nguồn gốc chứ không phải không có. Ý nghĩa căn bản của nó là gì?

–Đó là giữ gìn các căn, chính điều này là nguyên do.

Giữ gìn các căn cũng có nguyên do chứ không phải không có. Nghĩa căn bản của nó là gì?

–Đó là chánh niệm sáng soi, rọi chiếu.

Chánh niệm chiếu soi cũng có nguyên do để tư duy chân chánh, là những nguyên do gì?

–Đó là nhờ tín tâm mà chánh niệm được thù thắng.

Tín tâm cũng có nguyên do chứ không phải không có. Nguyên do của

tín tâm là gì?

–Đó là nghe nhiều kinh đạo; thứ lớp nắm được chỗ cốt yếu của kinh là nguyên do.

Nghe kinh pháp cũng có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do của nghe kinh pháp là gì?

–Đó là vị Hiền giả làm cho nghiệp được thanh tịnh, chân chánh.

Hiền giả thanh tịnh cũng có nguyên do, là những nguyên do nào?

-Đó là tụ hội với những bậc tài trí, thanh cao chân chánh, trong trắng.

Như vậy, này Tỳ-kheo, Hiền giả học tập thắng pháp, nương tựa bậc minh triết, phụng sự bậc đa văn nên có thể đưa đến nguồn gốc của tín, gốc tín đã lập, liền được chánh niệm, chánh niệm đã trồng liền thâu nhiếp được các căn, đã thâu nhiếp được các căn thì Ba hạnh được thanh tịnh, Ba hạnh đã thanh tịnh liền được Bốn ý chỉ, Bốn ý chỉ đã vững liền có Bảy giác ý, Bảy giác ý đã thành lập, đó chính là Vô vi, giải thoát vượt khỏi thế gian.

Đức Phật nói như vậy, tất cả đệ tử đều vâng làm.

□

SỐ 38

PHẬT NÓI KINH LUÂN VƯƠNG THẤT BẢO

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ cùng đông đủ chúng đại Bí-sô. Bấy giờ Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị nên biết, có đại vương Quán Đảnh thuộc dòng Sát-đế-lợi, đã thọ pháp quán đảnh, được ngôi vị Luân vương, oai đức tự tại, mọi người tôn trọng, xuất hiện ở đời. Lúc vua xuất hiện, thì có bảy báu xuất hiện. Những gì là bảy báu? -Đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, quan chủ báu, quan chủ binh báu, Ma-ni báu, nữ báu. Bảy báu như vậy đã theo vua xuất hiện.

Sao gọi là xe báu?

–Đó là bánh xe bằng vàng có một ngàn căm, tuyệt diệu không gì hơn, các tướng viên mãn, oai lực lớn lao. Kim luân báu này từ không trung hạ xuống, đứng trước cửa cung vua. Lúc ấy vua Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh Luân vương thấy xe báu kia xuất hiện, trong lòng hết sức vui mừng, liền bảo quan hầu:

–Ngươi hãy mau chuẩn bị bốn loại binh để ta du hành.

Quan hầu vâng lệnh, chuẩn bị bốn loại binh xong liền đến chỗ vua tâu:

–Bốn thứ binh đã chuẩn bị sẵn sàng, mong đức vua hãy du hành, nay đã đúng lúc.

Bấy giờ vua Chuyển luân Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh liền từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, đi ra cửa cung, chiếc xe báu ngàn căm ấy đến trước nhà vua theo phía tay mặt của vua lần lượt chuyển bánh. Khi ấy vua du hành bốn biển, chỉ trong nháy mắt đã trở về cung, chính nhờ công năng thù thắng của xe báu. Này các Bí-sô, đấy gọi là khi vua Chuyển luân Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh xuất hiện thì thứ nhất là xe báu xuất hiện. Lại nữa, này các Bí-sô,

khi Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh Luân vương xuất hiện, lại có voi báu xuất hiện. Voi báu có thân tướng đẹp đẽ đặc biệt, thuần một màu trắng, giống như rồng lớn có bảy chỗ đầy đặn viên mãn để an trụ. Voi báu từ phương Bắc từ hư không lướt đến, đứng trước cung vua. Các quan viện trông thấy voi báu xuất hiện liền tâu lại đầy đủ cho vua. Vua Chuyển luân Đại Quán Đảnh thấy voi báu này xuất hiện, trong lòng rất vui mừng, tự nghĩ: "Hết sức tốt lành, vô cùng thù thắng! Nếu ta cần dùng thì nên giữ lấy voi báu này mà dùng".

Vua bảo các quan:

–Voi báu xuất hiện, các ngươi hãy nên hết lòng bảo vệ để phòng lúc ta cần đến.

Quan hầu vâng lệnh vua, luôn siêng năng giữ gìn, khéo tập luyện voi báu, không để sơ sót, phòng lúc vua dùng tới.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Ngày xưa vua Chuyển luân Sát-đế-lợi Đại Quán Đảnh xuất hiện ở đời, bấy giờ cũng có voi báu xuất hiện. Nhà vua vào lúc sáng sớm cưỡi voi báu ấy du hành bốn biển, ngay tức khắc liền trở về cung. Các vị nên biết, voi báu có công năng thắng diệu như vậy.

Này các Bí-sô, đó gọi là khi Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện thì có món báu thứ hai là voi báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện, lại có bốn con ngựa báu xuất hiện. Các bộ phận trên thân chúng đều đầy đủ sắc tướng cực đẹp, gồm các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, trước cổ sau cổ đều đẹp, giống như Mộ la, bước đi nhanh nhẹn, lại khéo được điều phục. Bốn ngựa báu này đã xuất hiện ở cung vua. Khi ấy các quan thấy ngựa báu đẹp đẽ, hiếm có, liền tâu với vua. Vua Đại Quán Đảnh thấy bốn ngựa báu ấy, lòng rất vui, tự nghĩ: "Ngựa báu xuất hiện là hết sức tốt đẹp, nếu ta cần dùng, chắc chắn sẽ được như ý".

Đại Luân vương lại nói: "Này các quan, hãy hết lòng giữ gìn, khéo luyện tập ngựa báu này trong mọi lúc, khi ta cần dùng thì ta sẽ sử dụng". Các viên quan vâng lệnh, luôn chăm sóc, bảo vệ ngựa báu, chờ lúc vua dùng.

Này các Bí-sô, ngày xưa có vua Đại Quán Đảnh xuất hiện ở đời, khi ấy cũng có ngựa báu xuất hiện. Nhà vua vào lúc sáng sớm cưỡi ngựa báu này chu du bốn biển, ngay tức khắc liền trở về cung. Các vị nên biết, ngựa báu ấy có công năng thù thắng như vậy. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là khi

Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện thì điều báu thứ ba là ngựa báu cũng xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có quan chủ kho tàng báu xuất hiện. Kho tàng báu ấy to lớn vững chắc, có nhiều tiền của dồi dào, do quan báu làm chủ. Vị quan chủ kho tàng báu liền đi đến chỗ vua tâu:

–Có một kho tàng lớn, quý giá, đầy đủ các thứ châu báu vô giá, đặc biệt, đó là tất cả vật báu như vàng... Nếu vua cần dùng, thần sẽ dâng lên theo như ý ngài, không thiếu vật gì.

Bấy giờ Luân vương thấy quan chủ kho tàng báu xuất hiện, trong lòng rất vui, lại nghe nói về: "Các thứ châu báu như vàng... luôn đầy đủ, muốn sử dụng bao nhiêu tùy ý", nhà vua liền bảo thần chủ kho tàng báu:

–Nay ngươi có đủ oai lực, sắc tướng, thần thông như vậy, có thể làm chủ những kho tàng lớn ẩn chứa trong đất, gồm... các thứ báu vàng... tất cả đều đầy đủ. Những việc như thế là hết sức hy hữu, vô cùng tốt đẹp, ngươi hãy khéo giữ gìn cai quản, khi nào ta cần, ngươi sẽ cung cấp.

Này các Bí-sô, các vị nên biết, những kho tàng ẩn chứa dưới đất này, con người không thấy, nhưng hàng phi nhân thì thấy. Khi Luân vương xuất hiện, có vị quan chủ kho tàng tự xuất hiện, giữ gìn và cung cấp tất cả cho vua. Đó là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ tư là quan chủ kho tàng báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có quan chủ binh báu xuất hiện. Vị chủ binh này là bậc đại trí, thao lược, dõng mãnh, oai đức, sắc tướng và sức lực lớn, tất cả đều đầy đủ, khéo huấn luyện quân binh, phòng thủ bờ cõi của vương quốc, nên không bị quân địch xâm lấn quấy phá. Bấy giờ vị quan chủ binh báu đi đến chỗ vua, thưa như vầy:

–Đại vương nên biết, tôi là chủ binh đầy đủ năng lực để gìn giữ đất nước của vua. Bất cứ lúc nào, có làm việc gì đều theo đúng ý của vua, không hề sai sót.

Nhà vua thấy quan chủ binh này xuất hiện, trong lòng rất vui, liền bảo:

–Nay ngươi có đủ mưu trí lớn, dõng mãnh, oai đức, sức mạnh, sắc tướng, có thể thi thố tài ba trong mọi trường hợp, hoàn cảnh, khéo điều khiển quân binh để giữ gìn biên giới của đất nước, thật là một bậc hiền thiện! Ngươi hãy luôn luôn phụ tá cho ta, tất cả các việc ngươi hãy khéo tạo phương tiện. Nay ngươi chính là người bảo vệ vững chắc cho vua.

Này các Bí-sô, đấy gọi là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ năm là quan chủ binh báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có Đại Ma-ni báu xuất hiện. Ngọc Ma-ni báu này, sắc màu tốt đẹp lạ thường là vật báu tối thượng, có đầy đủ ánh sáng, viên mãn, ánh sáng ấy tỏa rộng, chiếu soi tất cả, với công năng lớn lao. Trong cung vua, nếu có ngọc báu này, dù cho đêm tối, không đèn đuốc, ngọc ấy phát ra ánh sáng tự nhiên chiếu tỏa, giống như ánh sáng mặt trời. Này các Bí-sô, xưa kia có vị Đại Luân vương xuất hiện ở thế gian, thì khi ấy cũng có ngọc Đại Ma-ni báu với ánh sáng lớn xuất hiện. Lúc ấy nhà vua muốn thử xem công năng của viên ngọc, liền bảo quan hầu cận chuẩn bị gấp bốn thứ binh, vào lúc ban đêm du hành trong khu rừng. Quan hầu cận vâng lệnh vua liền chuẩn bị gấp bốn loại binh, rồi đi đến chỗ vua, tâu:

–Bốn thứ binh chủng đã tập hợp, nay đã đến lúc, xin vua khởi hành.

Nhà vua nghe tâu xong liền lấy viên ngọc Đại Ma-ni báu đặt trên ngọn cờ. Nhà vua đi đầu trong đêm tối dẫn quân binh du ngoạn nơi khu rừng. Ánh sáng của viên ngọc chiếu tỏa cả một do-tuần, bốn thứ binh chủng kia đều được ánh sáng chiếu soi, giống như ánh sáng trên trời không khác. Này các Bí-sô, đó gọi là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ sáu là Đại Ma-ni báu xuất hiện.

Lại nữa, này các Bí-sô, khi Luân vương xuất hiện, lại có nữ báu cũng xuất hiện. Sắc tướng của nữ báu tuyệt đẹp, thân thể tròn đầy xinh xắn bậc nhất, các người trong thế gian không ai sánh bằng. Nàng uyển chuyển, nhẹ nhàng, mềm mại như cây Cán-tức-lê. Các lỗ chân lông trên người nàng đều tỏa ra mùi hương vi diệu, giống như bình báu chứa đầy hương thơm, lúc nào cũng phảng phất mùi thơm. Lại nữa, hơi thở ra vào của nữ báu đều luôn luôn có mùi thơm như hương của hoa sen xanh, mọi người đều yêu thích. Như lúc vua đi đâu thì nữ báu theo sau. Những điều nàng làm đều thích hợp, tự tại, tánh hạnh thì trinh chánh, không nhiễm chút tà vạy. Lời nói luôn khả ái, ai cũng thích nghe, thân tướng tươi sáng ai cũng thích nhìn. Này các Bí-sô, đó gọi là khi Luân vương xuất hiện thì có điều báu thứ bảy là Nữ báu xuất hiện.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Như vậy gọi là khi Luân vương xuất hiện thì có bảy báu xuất hiện. Các vị nên biết, khi Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác xuất hiện, giảng nói pháp bảy giác chi. Những gì là bảy?

–Đó là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Như vậy gọi là Bảy pháp giác chi. Pháp này chỉ có Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác lúc xuất hiện nơi thế gian mới nêu giảng rõ, cũng giống như bảy báu đã nêu ở trước, chỉ khi nào vua Luân vương Đại Quán Đảnh xuất hiện thì bảy báu mới xuất hiện mà thôi.

Các vị nên biết, Như Lai đã giảng nói Bảy pháp giác chi khiến cho các chúng sanh theo đúng như lý tu hành, tất cả đều được lợi ích, an lạc. Các vị hãy nên siêng năng tu học như vậy.

□

SỐ 39

PHẬT NÓI KINH ĐẢNH SANH VƯƠNG CỐ SỰ

Hán dịch: Đời Tây Tấn Sa-môn Thích Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bạt-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy Tôn giả A-nan ở một mình tại nơi thanh vắng, liền nghĩ như vầy: "Cho đến lúc chết, sự nhiễm đắm tham dục vẫn còn tàng trữ, không có nhàm chán, biết đủ đối với tham dục".

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền rời tòa ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ, rồi lui sang một bên. Một lát sau, Tôn giả A-nan quỳ thẳng, chắp tay bạch Thế Tôn:

-Vừa rồi, ngay nơi tọa thiền, con liền khởi lên ý nghĩ: "Cho đến lúc chết, sự nhiễm đắm về tham dục của con người vẫn không nhàm chán, biết đủ".

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Quả thật như vậy, này A-nan, cho đến lúc chết, sự nhiễm đắm về tham dục của con người vẫn còn tàng trữ, thật không có sự nhàm chán biết đủ. Vì sao như vậy? Này A-nan, trong đời quá khứ xa xưa có một vị vua tên là Đảnh Sanh, luôn lấy chánh pháp cai trị, giáo hóa dân chúng, không có tàn bạo, đầy đủ bảy báu. Bảy báu đó là: xe báu, voi báu, ngựa xanh biếc báu, châu ngọc báu, ngọc nữ báu, Cư sĩ báu và tướng điều binh báu. Đó là bảy báu. Vua Đảnh Sanh cũng có một ngàn người con dũng mãnh, tài trí, dung mạo khôi ngô, có thể khiến quân địch khiếp sợ. Nhà vua thống lĩnh thế giới này, cho đến sông ngòi, biển lớn, lấy pháp cai trị, giáo hóa muôn dân, không dùng đao gậy.

Này A-nan, bấy giờ đại vương Đảnh Sanh bèn nghĩ: "Ta từng nghe người xưa thọ mạng lâu dài, thông minh trí tuệ". Rồi nói như vầy: "Nhưng ta có cả châu Diêm-phù-lợi này, có thế lực, thần thông, lúa gạo sung túc,

dân chúng đông đúc, trù phú". Vua bèn sanh ý nghĩ: "Ta muốn có trận mưa bảy báu ngay trong cung điện của ta". Này A-nan, lúc vua Đảnh Sanh vừa khởi lên ý nghĩ, trời liền mưa bảy báu trong bảy ngày.

Lại vào lúc khác vua Đảnh Sanh bèn nghĩ: "Ta từng nghe người xưa thọ mạng lâu dài, thông minh trí tuệ, nói rằng có xứ Phất-vu-đãi, thần túc tự tại, lúa gạo dồi dào, dân chúng đông đảo, cuộc sống trù phú, ta muốn đến xứ đó để cai trị giáo hóa". Này A-nan, khi ấy vua Đảnh Sanh mới nghĩ như vậy xong, liền biến mất khỏi cõi Diêm-phù-lợi, hiện ra ở cõi Phất-vu-đãi, cùng với bốn thứ binh chủng. Bấy giờ chúng sanh ở cõi Phất-vu-đãi từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh đến, mọi người đều vây quanh nhà vua, ai cũng đem bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, hoặc cầm bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, đi đến chỗ vua Đảnh Sanh. Đến rồi thưa với nhà vua:

-Lành thay! Đại vương đã đến. Cõi Phất-vu-đãi này là của đại vương, thần túc tự tại, lúa gạo sung túc, cuộc sống của muôn dân phồn thịnh, trù phú. Mong đại vương hãy ở đây để cai trị giáo hóa, tất cả chúng tôi đều là thần dân của đại vương.

Này A-nan, bấy giờ vua Đảnh Sanh ở đó để cai trị giáo hóa trong vô số trăm ngàn năm.

Này A-nan, đại vương Đảnh Sanh vào một lúc khác bèn nghĩ: "Ta có châu Diêm-phù-đề, ưa muốn điều gì liền được toại nguyện, có thần túc, lúa gạo sung mãn, đời sống của muôn dân phồn thịnh, trù phú. Ta đã có mưa bảy báu nơi cung điện trong suốt bảy ngày, nay lại có cõi Phất-vu-đãi tự tại, thần túc, lúa thóc dồi dào, dân chúng đông vui, trù phú. Ta từng nghe người xưa thông minh trí tuệ, nói như vầy: "Có cõi nước Cù-da-ni thần túc tự tại, thực phẩm sung mãn, dân chúng sống trong cảnh phồn thịnh". Vua liền nghĩ như vầy: "Ta muốn đến cõi Cù-da-ni để giáo hóa muôn dân". Này A-nan, khi vua Đảnh Sanh nghĩ như vậy xong, liền biến mất khỏi Phất-vu-đãi, đến cõi Cù-da-ni cùng với bốn loại binh chủng. Lúc đó nhân dân Cù-da-ni từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh, họ đều mang bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, hay cầm bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, cùng mang đến chỗ vua Đảnh Sanh để dâng hiến. Đến xong họ thưa với vua:

-Lành thay! Đại vương đã đến. Đây là cảnh giới Cù-da-ni của vua, lúa thóc sung túc, đời sống của muôn dân trù phú. Cúi mong đại vương hãy ở lại đây để giáo hóa muôn người. Chúng tôi đều là thần dân của đại

vương.

Này A-nan, khi ấy vua Đảnh Sanh ở nơi cõi Cù-da-ni để cai trị, giáo hóa dân chúng trong vô số trăm ngàn, vạn năm.

Này A-nan, vào một lúc khác, đại vương Đảnh Sanh bèn nghĩ: "Ta có đất Diêm-phù-lợi, lúa gạo dồi dào, cuộc sống của muôn dân phồn vinh, sung túc, có mưa bảy báu trong cung điện đến bảy ngày. Ta lại có cõi Phất-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cũng giống như cõi Diêm-phù-lợi. Vua Đảnh Sanh lại nghĩ: "Ta từng nghe người xưa, bậc thông minh trí tuệ, nói như vầy: Có châu Uất-đơn-việt, thần túc biến hóa, dân chúng sống trong cảnh phồn thịnh sung túc. Tất cả dân chúng nơi cõi đó đều không bị lệ thuộc bất cứ thứ gì, ý muốn tự tại, thọ mạng lâu dài, khi mạng chung lại sanh lên cõi trời. Dân chúng cõi Uất-đơn-việt ăn lúa gạo tự nhiên sinh, mặc y phục là Kiếp-ba-dục. Ta hãy đến cõi đó để cai trị giáo hóa", nghĩ như vậy rồi, này A-nan, vua Đảnh Sanh liền biến khỏi cõi ở Cù-da-ni đến cõi Uất-đơn-việt cùng với bốn thứ binh chủng. Vua Đảnh Sanh từ xa trông thấy cõi nước ấy đất đai bằng phẳng, toàn là màu sắc xanh tươi, liền nói với dân chúng, quần thần:

–Các khanh, chúng dân có thấy đất đai bằng phẳng, màu sắc xanh tươi không?

Thưa:

–Quả thật như vậy, thưa đại vương!

Vua bảo:

–Đây là loại cây Kiếp-ba-dục dùng để làm áo, nhân dân ở đây đều mặc áo Kiếp-ba-dục. Các khanh cũng hãy mặc áo Kiếp-ba-dục.

Bấy giờ đại vương Đảnh Sanh lại thấy đất đai nơi đó toàn là sắc trắng, thấy rồi bèn bảo các quần thần:

-Các khanh có thấy đất này toàn bộ màu trắng chăng?

Thưa rằng:

–Quả thật như vậy!

–Ở đây lúa thóc tự nhiên sinh, không có vỏ, không có cành, không cần ra sức chà đập, cũng không cần quạt gạo cho sạch cám. Gạo có mùi hương bay theo gió thơm cả một trăm do-tuần, nếu bay ngược gió thì thơm đến năm mươi do-tuần, rất thơm, rất ngon. Dân chúng ở đấy ăn gạo lúa thơm này. Chư Hiền cũng hãy ăn gạo lúa thơm này.

Vua Đảnh Sanh lại từ xa trông thấy đất đai bằng phẳng, toàn là màu xanh tươi. Thấy rồi bảo dân chúng, quần thần:

–Các ngươi có thấy đất đai ở đấy toàn màu xanh tươi chăng?

Thưa rằng:

–Quả thật như vậy, thưa đại vương!

–Đó là loại cỏ Tứ chỉ mềm mại, rất mềm mại như lông chim Khổng tước, đều xoay quanh phía hữu, thân của chúng cũng vậy. Người Uất-đơn-việt đều ngồi trên cỏ này, các khanh cũng nên ngồi trên cỏ đó.

Đại vương Đảnh Sanh từ xa trông thấy những bức tường thấp bao quanh thành quách lâu đài, bèn bảo dân chúng và quần thần:

–Các khanh có thấy đất đai ở đây bằng phẳng, có tường thấp bao quanh lâu đài chăng?

Thưa rằng:

–Đúng vậy, thưa đại vương!

Vua bảo:

–Đó là nhà cửa của dân chúng.

Lúc ấy dân chúng cõi Uất-đơn-việt từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh đến, đều lấy bát bằng vàng đựng lúa bằng bạc, lấy bát bạc đựng đầy lúa vàng, tâu với vua Đảnh Sanh:

–Lành thay! Đại vương đã đến đây. Ngài có thần túc tự tại. Đây là cõi Uất-đơn-việt của đại vương, lúa gạo dồi dào, nhân dân đông đúc, cúi xin đại vương hãy ở lại cõi Uất-đơn-việt để cai trị, giáo hóa muôn dân. Chúng tôi đều vâng theo lời dạy của đại vương.

Này A-nan, bấy giờ vua Đảnh Sanh ở cõi Uất-đơn-việt, cai trị giáo hóa dân chúng trong vô số trăm năm, vô số ngàn năm.

Vua Đảnh Sanh vào một lúc khác lại nghĩ: "Ta đã có cõi Diêm-phù-lợi, thần túc tự tại, cho đến dân chúng đông đúc. Ở đó ta được mưa bảy báu trong cung bảy ngày. Ta cũng có cõi Phất-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cõi Uất-đơn-việt, cũng giống như cõi Diêm-phù-lợi. Ta từng nghe người xưa, bậc thông minh trí tuệ, nói như vầy: Có cõi trời Tam thập tam chúng sanh ở đó thọ mạng lâu dài, dung mạo đẹp đẽ. Cõi ấy có vị trời tên là Thích Đề-hoàn Nhân. Nay ta sẽ đến cõi trời đó để được thọ hưởng năm thứ: thọ mạng của trời, sắc đẹp của trời, nhạc trời, thần túc của trời và sự tăng thượng của trời. Ta sẽ đến cõi Tam thập tam thiên ấy".

Này A-nan, vua Đảnh Sanh suy nghĩ như vậy xong liền cùng bốn binh chủng biến mất khỏi cõi Uất-đơn-việt, đến Tam thập tam thiên, đi vào giảng đường Thiện pháp. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân từ xa trông thấy vua Đảnh Sanh đi lại, liền nói với vua Đảnh Sanh:

–Lành thay! Đại vương đã đến. Hãy ngồi vào tòa này.

Này A-nan, khi ấy vua Đảnh Sanh liền đến ngồi nơi tòa cùng với Thích Đề-hoàn Nhân. Hai vua cùng ngồi, không khác gì nhau về dung nhan, tướng mạo, hình tướng, chỉ có ánh mắt là khác thôi.

Bấy giờ vua Đảnh Sanh lại nghĩ: "Ta đã có các cõi Diêm-phù-lợi, cõi Phất-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cõi Uất-đơn-việt, hiện tại cõi Tam thập tam thiên dân chúng có thọ mạng lâu dài. Ta sẽ ở lại chốn này.

Khi ấy chư Thiên cõi Tam thập tam thiên đều tập hợp đến giảng đường Thiện pháp, theo thứ lớp an tọa. Vị chủ cõi Tam thập tam thiên bèn nghĩ: "Vua Đảnh Sanh là vua cõi Diêm-phù-lợi, lấy pháp để cai trị giáo hóa, có đầy đủ bảy báu, có một ngàn người con trai vây quanh. Trong bốn cảnh giới, vua này là bậc hết sức tôn quý. Nhà vua không dùng dao gậy, chỉ dùng pháp để cai trị, giáo hóa muôn dân".

Này A-nan, lúc đó Thích Đề-hoàn Nhân nhường nửa tòa mời vua Đảnh Sanh cùng ngồi. Hai vua cùng ngồi, thần sắc không khác nhau, hình tướng, dung mạo giống nhau, chỉ có ánh mắt là khác.

Này A-nan, lúc ấy vua Đảnh Sanh vui thích, tận hưởng năm thứ dục lạc không hề nhàm chán, biết đủ, trong vô số trăm ngàn năm, vô số vạn năm.

Này A-nan, vào một lúc khác, vua Đảnh Sanh liền sanh ý nghĩ như vầy: "Những cảnh giới do ta thống lĩnh gồm có cõi Diêm-phù-lợi, cõi Phất-vu-đãi, cõi Cù-da-ni, cõi Uất-đơn-việt; ta lại có cõi Tam thập tam thiên này, chư Thiên thọ mạng lâu dài, dung mạo tươi đẹp. Có giảng đường Thiện pháp này và đủ bốn khu vườn. Những gì là bốn? –Vườn Nan đàn hoàn, vườn Bảo thái, vườn Thô kiên, vườn Tạp chủng. Đó là bốn khu vườn. Có cây Trú độ, cây Câu-tỳ-đa-la cành lá tỏa rộng, bóng mát, mùi hương bay theo chiều gió thơm cả một trăm do-tuần. Nếu lúc ngược gió thì thơm đến năm mươi do-tuần. Đó là chỗ vui chơi của chư Thiên cõi Tam thập tam thiên, trong bốn tháng, dùng ngũ dục để tự vui chơi. Giảng đường Thiện pháp làm bằng lưu ly xanh, đó chính là chỗ ngồi của trời Đế Thích, chung quanh có trăm đài đều làm bằng bảy báu, mỗi mỗi đài có bảy trăm lầu gác, mỗi mỗi lầu gác có bảy trăm Ngọc nữ, mỗi mỗi Ngọc nữ có bảy trăm người hầu, tất cả đều do Thích Đề-hoàn Nhân thống lĩnh.

Này A-nan, lúc ấy vua Đảnh Sanh lại nghĩ: "Ta nay nên chuyển Thích Đề-hoàn Nhân đi. Ta sẽ giáo hóa, cai trị chư Thiên ở cõi Tam thập

tam thiên này. Này A-nan, khi vua Đảnh Sanh vừa nghĩ như vậy, thì ngay nơi chỗ ngồi của Thích Đề-hoàn Nhân liền rơi xuống cõi Diêm-phù-lợi cùng với bốn thứ binh chủng, mất hết thần túc, toàn thân đau đớn, giống như người lúc sắp chết, xe báu mất, voi báu chết, ngựa báu cũng chết, châu ngọc báu không hiện, nữ báu mạng chung, Cư sĩ báu và tướng điều binh báu đều chết hết.

Này A-nan, bấy giờ năm nhóm thân thuộc của đại vương Đảnh Sanh đều họp lại, đi đến chỗ vua Đảnh Sanh tâu:

–Sau khi đại vương mạng chung, nếu có người đến hỏi chúng thần rằng: "Đại vương Đảnh Sanh lúc sắp băng hà có chỉ bảo điều gì?", chúng thần sẽ đáp như thế nào?

Nhà vua bảo:

–Các Hiền giả nên biết, đại vương Đảnh Sanh thống lĩnh bốn châu thiên hạ, lên đến cõi Tam thập tam thiên, nhưng đối với năm thứ dục vẫn chưa biết nhàm chán, thỏa mãn, cho đến lúc chết.

Này A-nan, Tôn giả nên biết vua Đảnh Sanh thời đó nào phải là người nào khác. Đừng nên nghĩ như vậy. Vì sao? Này A-nan, vị vua Đảnh Sanh bấy giờ chính là thân Ta. Do phương tiện này, A-nan nên biết, cho đến lúc chết mà đối với năm dục vẫn không nhàm chán, biết đủ; do nhiễm đắm đối với dục, tụ tập chất chứa nên không nhàm chán, biết đủ. Cái gọi là biết đủ đối với dục là chỉ khi nào đạt đến con đường của bậc Hiền thánh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

Không phải tạo tiền tài
Mà biết nhàm chán dục
Vui ít, khổ não nhiều
Kẻ trí nào ham muốn.
Giả sử trong năm dục
Mà lòng không tham đắm
Ái dứt liền được vui
Cả ba đệ tử Phật
Do dục tham lợi dưỡng
Chết liền vào địa ngục
Gốc dục vốn mịt mờ
Mạng người bị thống khổ.
Các pháp đều vô thường
Đã sanh tất phải hoại
Đời đời đều chấm dứt

Diệt dục, vui đệ nhất.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ vâng làm.

□

SỐ 40

PHẬT NÓI KINH VUA VĂN ĐÀ KIỆT

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng
Pháp sư Đàm Vô Sấm.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở chỗ vắng vẻ, tư duy: "Thế gian ít có người nhàm chán đối với năm thứ dục, còn người không biết nhàm chán năm thứ dục cho đến lúc chết thì nhiều".

Tôn giả A-nan vào lúc xế trưa, đi đến trước Đức Phật, đảnh lễ xong, bạch:

–Con ở chỗ vắng vẻ, tư duy: "Người ở thế gian ít có ai nhàm chán đối với năm thứ dục, còn người không biết nhàm chán năm thứ dục cho đến lúc chết thì nhiều".

Đức Phật bảo:

–Đúng như lời Tôn giả nói, người ở thế gian biết nhàm chán đối với năm thứ dục rất ít, nhưng người không biết nhàm chán đối với năm thứ dục cho đến lúc chết thì nhiều.

Ngày xưa có một vị vua tên là Văn-đà-kiệt, sanh ra từ trên đảnh đầu của mẹ, cho nên có tên là Văn-đà-kiệt, về sau làm vua Già-ca-việt. Nhà vua thống lĩnh cả Đông, Tây, Nam, Bắc. Vua có bảy báu:

Xe vàng.

Voi trắng.

Ngựa có sắc xanh.

Ngọc minh nguyệt.

Vợ là ngọc nữ.

Vị thánh làm quan phụ tá.

Quan chủ binh làm người dẫn đường.

Vua Già-ca-việt có bảy báu như vậy. Vua là bậc nhân từ hiền lương, tu theo chánh pháp, không gây phiền nhiễu cho muôn dân. Vua có ngàn

người con trai đều là những người khôi ngô, tài trí, dõng mãnh, bốn phương thiên hạ đều thần phục nhà vua. Ngài làm vua đến mấy ngàn năm. Trong lòng vua tự nghĩ: "Ta có bốn phương thiên hạ, dân chúng đông đúc, lúa thóc dồi dào, cuộc sống của muôn dân sung túc". Vua lại tự nghĩ: "Ta có ngàn người con trai đều là bậc tài trí không ai bằng, dõng mãnh, sức lực. Trời đã vì ta mà mưa tiền bằng vàng, bạc trong bảy ngày bảy đêm, thật vô cùng sung sướng! Trời nghe tiếng nói của ta, tùy theo ý nguyện của ta liền mưa tiền bằng vàng, bạc trong bảy ngày bảy đêm". Nhà vua thấy trời mưa tiền bằng vàng, bạc như thế nên rất vui mừng, liền cùng nhân dân vui chơi đến mấy ngàn năm. Nhà vua tự nghĩ: "Bốn phương thiên hạ đều thuộc về ta. Ta có một ngàn người con trai, có bảy báu đều ở trước mặt ta. Ta cầu gì cũng được, mong gì cũng thành. Trời đã không bỏ sót ý nguyện của ta, mà lại vì ta mưa tiền bằng vàng, bạc đến bảy ngày bảy đêm".

Vua Văn-đà-kiệt nghe ở phương Nam có nước Diêm-phù-đề dân chúng đông đúc đời sống an lạc, ý của vua muốn đến đó. Nhà vua mới nghĩ như thế thì tất cả bảy báu, bốn thứ binh chủng liền cùng lúc bay đến nước Diêm-phù-đề; nước ấy rộng hai mươi tám vạn dặm. Dân chúng nước ấy thấy vua đến, thảy đều quy phục làm thuộc hạ. Do đời trước của vua đã làm điều lành cho nên mới được phước như vậy…

Ở tại nước Cù-da-ni mấy ngàn năm[1], vua lại sanh ý nghĩ: "Ta có một nước lớn ở phương Tây tên là Cù-da-ni, chu vi ba mươi hai dặm. Ta có bảy báu. Trời đã vì ta mà mưa tiền bằng vàng, bạc trong bảy ngày bảy đêm. Ta có ngàn người con trai đều là bậc tài trí không ai bằng, lại dõng mãnh, sức lực. Ta có nước Diêm-phù-đề ở phương Nam chu vi hai mươi tám vạn dặm". Nhà vua nghe ở phương Đông có nước Phất-vu-đãi, đời sống của dân chúng sung túc, lúa thóc dồi dào, cả nước luôn an lạc, ý vua muốn đến đó. Nhà vua mới sanh ý nghĩ như thế, thì tất cả bảy báu, bốn thứ binh chủng liền cùng phi hành đến đó. Quốc vương và nhân dân nước này đều quy phục. Đức vua nhân đó dùng chánh pháp để trị nước, như vậy mấy ngàn năm. Vua lại sanh ra ý nghĩ: "Ta có nước Diêm-phù-đề rộng hai mươi tám vạn dặm, ta có nước Cù-da-ni rộng ba mươi hai vạn

---

[1] *Hán: 王宿命作善故至使得是福. 在俱耶尼國數千歲 (Đại 1, tr.824b, cột 19 & 20): có thể đã bị lược bỏ một đoạn. Tham chiếu: Phật Thuyết Đảnh Sanh Vương Cố Sự kinh, N⁰39, Đại 1, tr.822 & 823a).*

dặm, ta có nước Phất-vu-đãi rộng ba mươi sáu vạn dặm". Nhà vua nghe ở phương Bắc có nước Uất-đơn-việt thiên hạ luôn an lạc, dân chúng đông đảo, ý của vua muốn đến nước đó. Vua liền nghĩ: "Ở trong nước ấy không có kẻ bần cùng, không có kẻ giàu người nghèo, kẻ mạnh người yếu, không có nô tỳ, sang hèn đều như nhau. Ta sẽ khiến đám quan thuộc của ta cùng ăn lúa thóc tự nhiên, mặc y phục tự nhiên, trang sức các thứ châu ngọc". Vua mới nghĩ như vậy thì tức khắc bảy báu, bốn thứ binh chủng đồng phi hành đến cõi nước Uất-đơn-việt, từ xa trông thấy đất đai bằng phẳng, xanh như sắc lông màu biếc. Nhà vua hỏi các vị quan bên cạnh:

–Các ngươi có thấy đất đai ở đây bằng phẳng, xanh như sắc lông màu biếc không?

Vị quan ở bên cạnh thưa:

–Thưa vâng, thần có thấy.

Vua bảo:

–Đó chính là vùng đất Uất-đơn-việt.

Vua vừa đến phía trước lại thấy đất đai cũng bằng phẳng và trắng như tuyết, vua lại bảo vị quan bên cạnh:

–Khanh có thấy đất đai ở đây bằng phẳng toàn là màu trắng chăng?

Vị quan bên cạnh thưa:

–Dạ vâng, thần có thấy.

Vua bảo:

–Vì vậy cho nên đất ở Uất-đơn-việt tự nhiên sanh lúa gạo đã giã sẵn. Các ngươi hãy cùng nhau ăn lúa gạo ấy.

Nhà vua lại vừa đi trước, từ xa trông thấy các cây báu, trăm thứ cây, y phục, vàng bạc, ngọc bích, anh lạc đều treo trên cây. Nhà vua bảo những vị quan đi theo:

–Các ngươi có thấy các cây báu này chăng?

Những vị quan thưa:

-Dạ vâng, thần có thấy.

Vua bảo:

–Có đến trăm thứ cây, y phục, cây vàng, cây bạc, cây ngọc bích hoàn, cây anh lạc như thế. Các ngươi hãy đến đó lấy chúng để dùng.

Nhà vua bèn đi trước tới nước Uất-đơn-việt, dân chúng ở đấy trông nhà vua thảy đều quy phục. Nhà vua cai trị Uất-đơn-việt thấy ngàn năm liền, rồi tự sanh ra ý nghĩ: "Ta có cõi Diêm-phù-đề, có cõi Cù-da-ni, có cõi Phất-vu-đãi, lại có cõi Uất-đơn-việt rộng bốn mươi vạn dặm. Ý ta

muốn lên núi chúa Tu-di bốn báu, đến cõi trời Đao-lợi, chỗ ở của Thiên vương Đế Thích". Nhà vua vừa mới nghĩ như vậy thì tất cả bảy báu, trăm quan đều phi hành đến đỉnh núi Tu-di, liền vào cung của Thiên vương Đế Thích. Đế Thích từ xa trông thấy vua Văn-đà-kiệt đi đến, liền đứng dậy nghinh tiếp, nói:

–Tôi thường nghe công đức của ngài, nên từ lâu đã muốn được gặp ngài. Nay nhân giả đến đây, thật hết sức tốt lành!

Trời Đế Thích mời vua Văn-đà-kiệt cùng ngồi và nhường nửa tòa cho nhà vua. Vừa ngồi xong, vua Văn-đà-kiệt quay đầu nhìn hai bên tả hữu, nơi thiên thượng thấy có ngọc nữ đứng hầu, cung điện đều làm bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, san hô, hổ phách, xa cừ. Thấy rồi, vua liền nghĩ: "Ta có các cõi Diêm-phù-đề, Cù-da-ni, Phất-vu-đãi, Uất-đơn-việt. Trong cung của ta có mưa tiền bằng vàng bạc suốt bảy ngày bảy đêm". Vua Văn-đà-kiệt lại nghĩ tiếp: "Hãy khiến cho Thiên vương Đế Thích chết đi. Ta muốn thay ông ấy để cai trị cõi trời này như khi ta cai trị các cõi thiên hạ kia vậy. Thật sung sướng biết bao!".

Nhà vua mới sanh ý nghĩ như vậy, thần túc liền mất, liền bị trở lại nhân gian, toàn thân đau đớn, khốn khổ kịch liệt, nằm xẹp trên giường. Tất cả quần thần quan thuộc theo hầu nhà vua, cả thảy đều ở bên giường, hỏi vua:

–Bệ hạ có di chúc gì chăng?

Vua bảo:

–Nếu có người hỏi các ngươi nhà vua có di chúc những điều gì, các ngươi nên nói: "Khi còn tại thế, nhà vua cai trị bốn châu thiên hạ, có trời mưa tiền bằng vàng bạc trong suốt bảy ngày bảy đêm. Nhà vua có một ngàn người con trai, bảy báu đều có thể phi hành. Vua còn lên trên cõi trời Đao-lợi, Thiên vương Thích đứng dậy nghinh tiếp, hỏi thăm, nhường nửa tòa mời ngồi. Đã được như vậy mà vua còn sanh ra ý muốn chiếm chỗ của Thiên vương Đế Thích, mới sanh ra ý nghĩ ấy liền bị rơi xuống đất, bị bệnh khốn khổ kịch liệt. Vua tự hối hận nói rằng: "Con người cho đến chết vẫn còn chưa biết nhàm chán đối với dục. Người biết nhàm chán đối với dục rất ít". Kinh nói: "Dù trời mưa tiền bằng vàng bạc trong bảy ngày bảy đêm mà thấy chưa vừa lòng. đối với dục lợi thì ít mà lỗi lầm thì nhiều". Người có trí tuệ hãy suy xét về việc này. Vua lại đã được Thiên vương Đế Thích nhường cho nửa tòa mà vẫn thấy chưa vừa. Người tu hành cầu đạo, được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán,

Bích-chi-phật, cho đến đạt được Phật đạo thì mới nhàm chán dục mà thôi".

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Vua Văn-đà-kiệt lúc ấy chính là thân của Ta.

Đức Phật nói như vậy rồi, Tôn giả A-nan vui mừng đảnh lễ Đức Phật.

□

SỐ 41

PHẬT NÓI KINH VUA TẦN-BÀ-SA-LA

Hán dịch: Đời Tống Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong thành Vương xá cùng với đông đủ chúng đại Bí-sô, đều là những bậc A-la-hán kỳ cựu trong Phật pháp, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, tự mình đã được lợi lạc, đã hết các kết sử, chứng đắc giải thoát. Chúng như vậy cả thảy là một ngàn người.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khởi lên ý nghĩ: "Nay Ta hãy đến chỗ Linh tháp, trong núi Trượng lâm". Nghĩ như vậy xong, Ngài cùng chúng Bí-sô đồng đến chỗ ấy, đến nơi liền an cư tại đó.

Lúc ấy vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-già-đà nghe Đức Phật Thế Tôn cùng đông đủ một ngàn vị là bậc A-la-hán kỳ cựu đi đến Linh tháp, núi Trượng lâm, nhà vua bèn suy nghĩ muốn tới nơi ấy để nghe pháp. Vua liền ra lệnh chuẩn bị xe cộ. Khác với lúc bình thường, những xe đi theo lần này có đến một vạn hai ngàn chiếc, một vạn tám ngàn cái giường trang điểm ngọc báu, tám thứ âm nhạc, bốn loại binh chủng dẫn đầu, theo sau là quyến thuộc, quần thần phò tá vây quanh mà đi.

Khi ấy vua ra khỏi thành, đến núi Trượng lâm vào chỗ Đức Phật để được gần gũi cúng dường. Lại có các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... cũng đi theo vua để đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy nhà vua đi đến, Ngài thị hiện năm tướng: đảnh đầu, lọng che, ngọc Ma-ni, phất trần và kiếm báu để trang nghiêm thân Đức Phật.

Khi ấy đại vương đi đến hội chúng của Đức Phật, vứt bỏ hình tướng tự tại của bậc vua chúa, tới trước Đức Phật, trịch áo bày vai bên phải, quỳ xuống, chắp tay hướng về Đức Phật, dùng ngôn từ hay đẹp tán thán công đức của Phật, cung kính đảnh lễ Phật xong, nhiễu quanh ba vòng rồi đứng trước Đức Phật, tự xưng tên mình, thưa Đức Thế Tôn:

–Con là vua Tần-bà-sa-la, vua nước Ma-già-đà.

Nhà vua ba lần bạch Đức Phật như vậy, Đức Phật ba lần đáp lại:

–Vâng, đúng vậy! Ông là vua Tần-bà-sa-la nước Ma-già-đà.

Đức Phật lại dùng lời từ ái hỏi thăm, an ủi đức vua, mời vua ngồi xuống. Vua nghe Đức Phật dạy, hoan hỷ, hớn hở, rồi lui ra ngồi qua một bên. Quyến thuộc của vua cùng các quan hầu đều hướng về Đức Phật, quỳ xuống chắp tay, cũng dùng những lời vi diệu tán thán công đức của Phật, đầu mặt đảnh lễ xong rồi lui ngồi qua một bên. Các vị Bà-la-môn, Trưởng giả..., có người dùng những lời tán thán, lễ bái, có người chỉ chắp tay đảnh lễ, có người từ xa nhìn Đức Phật một cách im lặng. Các chúng như vậy đều ngồi xuống một bên.

Lúc ấy các Bà-la-môn, Trưởng giả ở trong hội chúng bỗng thấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu đang đứng hầu một bên Đức Phật, họ bèn nghĩ như vầy: "Ôi! Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu, lại ở chỗ Đại Sa-môn để tu tập phạm hạnh".

Đức Thế Tôn biết các Bà-la-môn và Trưởng giả... ấy trong lòng đang có ý niệm nghi ngờ, nên Ngài liền nói kệ hỏi Tôn giả Ca-diếp:

Này Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp,
Ngày xưa thờ lửa không gián đoạn
Thấy lợi gì và được pháp gì?
Hãy vì ta mau nói nghĩa ấy!

Tôn giả Ca-diếp đáp:

Mùi vị ăn uống của thế gian
Cho đến dục lạc người ưa thích
Con thấy lợi này mà dốc cầu
Cho nên thờ lửa không gián đoạn.

Đức Phật hỏi:

Tại sao tham đắm việc dục lạc?
Cho đến tham đắm vị ăn uống
Tâm yêu thích thiên thượng, nhân gian
Vì nghĩa này, mau nói Ta nghe.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

Con vì câu "Tối thượng tịch tĩnh"
Vì không hiểu nên mới thoái lui
Đam mê năm dục, không như lý
Cho nên thờ lửa không gián đoạn.
Vi-đà thờ lửa, chứng giải thoát

Chúng sanh do đây tâm mê hoặc
Kẻ mù khác đâu người đã chết
Đánh mất điều tịch tĩnh tối thượng.
Nay con thấy rõ pháp vô vi
Tối thượng sư, Đại Long khéo nói
Bậc Năng Nhân vì lợi ích lớn
Thế Tôn xuất hiện đại tinh tấn.

Đức Phật lại bảo:

–Này Ca-diếp, ông khéo đến, khéo trụ, không có các tà niệm, khéo có thể phân biệt được pháp tối thượng. Này Ca-diếp, nay ông hãy nên khéo léo hóa độ chúng hội này.

Tôn giả Ca-diếp vâng theo lời Đức Phật bảo, liền nhập Tam-ma-địa, hiện đại thần thông, ở nơi chúng hội liền biến mất, lại xuất hiện trong hư không nơi phương Đông, hiện bốn thứ oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến hiện ra Hỏa tam-muội, ở trong cảnh giới hỏa phóng ra vô số ánh sáng: xanh, vàng, đỏ, trắng và pha-đề-ca-sắc *(màu hỗn hợp, màu thủy tinh...)*. Lại nữa, phần trên thân phóng ra nước thì phần dưới thân phóng ra lửa. Phần dưới thân phóng ra nước thì phần trên thân phóng ra lửa, lúc ẩn lúc hiện tương tục không gián đoạn. Cũng như vậy, ở trên hư không nơi phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng lại hiện bốn tướng oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến hiện ra Hỏa tam-muội *(Hỏa định)*, ở trong cảnh giới hỏa phóng ra vô số ánh sáng: xanh, vàng, đỏ, trắng và pha lê, màu hòa hợp... Lại ở trên thân phóng ra nước, thì dưới thân phóng ra lửa, phần dưới thân phóng ra nước, thì trên thân phóng ra lửa, lúc ẩn lúc hiện tương tục không gián đoạn.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp ở trên hư không khắp bốn phương hiện ra các thần biến xong thì thâu nhiếp thần lực, đến trước Đức Phật, chắp tay đảnh lễ, bạch Phật:

–Đức Thế Tôn là thầy của con, con là Đại Thanh văn.

Lại thưa:

–Đức Thế Tôn là thầy của con, con là Đại Thanh văn.

Đức Phật đáp lời Tôn giả Ca-diếp:

–Ta là thầy của ông, ông là bậc Đại Thanh văn.

Ngài lại đáp:

–Ta là thầy của ông, ông là bậc Đại Thanh văn. Ông hãy trở về chỗ cũ mà ngồi.

Lúc ấy các vị Bà-la-môn và Trưởng giả... ở trong chúng lại nghĩ như vầy: "Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc tu hành kỳ cựu như vậy mà còn ở chỗ Phật là Bậc Đại Sa-môn để tu hành phạm hạnh chăng?".

Đức Phật biết ý của họ, nên nói với vua Tần-bà-sa-la:

–Này Đại vương, nên biết, sắc là pháp có sanh có diệt. Nên biết rõ sắc ấy là có sanh có diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng là pháp có sanh có diệt. Đối với pháp của Năm uẩn này, nên biết nó đã có sanh, tất biết nó phải có diệt. Này đại vương, sắc uẩn pháp ấy, nếu hàng thiện nam có thể thật sự rõ biết có sanh thì liền diệt. Sắc uẩn vốn là không, sắc uẩn đã là không thì sanh tức là vô sanh (chẳng có sanh). Sanh đã là vô sanh thì làm gì có diệt? Sắc uẩn như vậy, các uẩn khác cũng giống thế. Nếu hàng thiện nam hiểu rõ như vậy rồi liền ngộ các uẩn là không sanh không diệt, không đứng không đi, tức là không có ngã. Ta nói người này ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp là bậc Chân tịch tĩnh.

Các vị Bà-la-môn và Trưởng giả trong chúng hội lại nghĩ như vầy: "Do pháp gì mà có thể biết rõ là không có ngã, không có thọ, tưởng, hành, thức? Sao gọi là có ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ấy; cho đến Ma-na-phạ-ca, chủ tể, tác giả, sanh giả, khởi giả, vô động giả, thuyết giả, phân biệt giả, tri giả. Những loại như vậy, loại nào không sanh, loại nào không diệt? Vả lại các loại ấy vì duyên cớ gì mà tạo nghiệp thiện và bất thiện để thọ quả báo?".

Đức Thế Tôn biết rõ các vị Bà-la-môn và Trưởng giả ấy đã khởi lên tâm niệm như vậy, liền bảo các Bí-sô:

–Này các Bí-sô, chính vì kẻ ngu si, ít nghe chánh pháp, là hàng phàm phu chấp ngã tướng, cho nên đối với vô ngã nói là ngã. Này các Bí-sô, nên biết ngã vốn là vô ngã, và đối tượng của ngã cũng là vô ngã. Nhưng đối với các pháp khổ nếu có tưởng sanh thì khổ uẩn liền sanh, nếu tạo tưởng diệt thì khổ uẩn liền diệt. Cùng với các hành nếu có tưởng sanh thì các hành liền sanh, nếu có tưởng diệt thì các hành liền diệt. Do nhân duyên đó sanh ra các pháp hành, do hành duyên này liền có sanh diệt. Ta đối với những vấn đề như vậy thấu đạt một cách như thật về pháp sanh diệt rồi mới đem ra giảng dạy cho tất cả chúng sanh.

Này các Bí-sô, Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt thường, thấy các chúng sanh sanh diệt, tốt xấu, sang hèn, trên dưới, sanh ở cõi lành hay cõi dữ là do các chúng sanh đó tạo nghiệp thiện ác mà phải thọ lấy quả báo, Ta đều biết một cách như thật. Lại nữa, chúng sanh có đầy

đủ ba nghiệp bất thiện nơi thân, khẩu, ý, hủy báng bậc Hiền thánh, dấy khởi tà kiến, do tà kiến đó tạo ra các tà nghiệp, làm các pháp tà. Do nhân duyên đó, sau khi thân hoại mạng chung, phải đọa vào cõi ác, thọ khổ trong địa ngục. Lại nữa, nếu chúng sanh có đủ ba nghiệp thiện nơi thân, khẩu, ý, không hủy báng bậc Hiền thánh, khởi sanh chánh kiến. Do chánh kiến đó, tạo các nghiệp lành, làm các pháp lành. Do nhân duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời, được làm thân người, trời. Ta biết chúng sanh ấy như thật, Ta thấy chúng sanh ấy như thật.

Này các Bí-sô, khi ấy Ta không nói: "Có ngã, có nhân, có chúng sanh, có thọ mạng". Lại nữa, các bậc tri giả kia tự hỏi: "Cái gì sanh, cái gì diệt? Tạo nghiệp thiện ác phải thọ quả báo". Các pháp như vậy không có tưởng ngã. Năm uẩn có ra là do có tưởng pháp, do tưởng pháp này mới sanh năm uẩn. Vả lại, do vô minh này duyên nơi pháp hành, các pháp hành sanh ra, tập pháp mới sanh, các pháp hành diệt thì tập pháp liền diệt.

Này các Bí-sô, hành khổ như vậy, do nhân tập khởi mà có, từ nhân tập khởi diệt nên hành khổ liền diệt. Pháp khổ đã diệt, phi pháp đều diệt thì không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là đã dứt trừ tận cùng biên vực của khổ. Này Bí-sô, lại làm sao để chứng diệt? Chính nơi biên vực của khổ này là chân tịch diệt, là đạt được thanh tịnh, an lành, đó gọi là cứu cánh. Này Bí-sô, sự tịch diệt này, đó là xả bỏ tất cả các điều kiện đưa đến ái. Nếu đã dứt hết các pháp dục thì đạt được tịch diệt. Đó chính là Niết-bàn tịch tĩnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói với nhà vua:

–Này đại vương, ý vua thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

Vua đáp:

–Sắc diệt chính là pháp vô thường.

Đức Phật lại bảo:

–Vậy vô thường là khổ hay không khổ?

Vua thưa:

–Bạch Thế Tôn, khi khổ đã diệt liền được không khổ. Khổ là pháp điên đảo. Pháp điên đảo này thì các hàng Thanh văn ít biết, ít nghe mới gọi ngã là Đại Thanh văn, ta là đại trí khởi lên ngã tưởng này, ngã tưởng kia. Điều này là không đúng thưa Thế Tôn.

Đức Phật lại bảo:

–Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

Vua thưa:

–Nó là pháp hoại diệt nên vô thường.

Phật hỏi:

–Vậy nó là khổ hay không khổ?

Vua thưa:

–Pháp khổ do nơi điên đảo sanh, pháp điên đảo đó chính là khổ. Thanh văn kia vì ít biết, ít nghe nên sanh ngã tưởng, cho nên tự xưng ta là Đại Thanh văn, ta là đại trí, kia là ngã tưởng. Chẳng phải vậy, thưa Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, đúng vậy, đúng vậy! Hãy khéo suy niệm như vầy: "Pháp của sắc uẩn này, hoặc ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài hay trung gian; hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp, hoặc gần hoặc xa, tất cả pháp kia vốn là vô hữu, vô tướng, vô ngã. Này Đại vương, do chánh trí ấy nên thấy như thật.

Đức Phật lại nói:

–Này Đại vương, cho đến thọ, tưởng, hành, thức, hoặc ở quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài hay trung gian, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp, hoặc gần hoặc xa, tất cả pháp kia xưa nay là vô hữu, vô tướng, vô ngã. Này Đại vương, do chánh trí nên nhận biết như thật.

Lúc ấy các vị Thanh văn ở trong hội chúng... nghe pháp này rồi, biết rõ sắc là vô thường, cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng biết rõ là vô thường để sanh tâm nhàm chán, xa lìa; do nhàm chán, xa lìa nên liền được giải thoát. Chứng giải thoát rồi, chánh trí hiện tiền, biết rằng ta được giải thoát: "Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa".

Khi ấy vua Tần-bà-sa-la lãnh hội pháp đó liền xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Ở trong hội lại có tám vạn vị trời, người và vô số trăm ngàn Bà-la-môn, Trưởng giả cũng xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ vua Tần-bà-sa-la đạt được pháp nhãn thanh tịnh, có được chánh tri kiến, trụ nơi pháp kiên cố, xa lìa các dục lạc, dứt bỏ các khổ não, ở trong pháp Phật đạt được pháp vô úy, liền từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, hướng về Đức Phật chắp tay, hết lòng tin kính, đảnh lễ rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con được lợi lớn, con được lợi lớn! Con xin nguyện

quy y Phật, Pháp và Tăng chúng, thọ giới cận sự. Kể từ hôm nay trở về sau, cho đến lúc mạng chung, con không sát sanh, cho đến không uống rượu...

Vua lại bạch Phật:

–Nay con tâm thành tha thiết thỉnh Phật Thế Tôn trở lại thành Vương xá. Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót nhận lời mời của con. Con sẽ dốc lo việc cúng dường Đức Thế Tôn cho hết cuộc đời này, về các thứ y phục, thức ăn uống, đồ nằm, ngọa cụ, thuốc men, các vật thọ dụng thảy đều đầy đủ. Đối với các chúng Bí-sô con cũng cúng dường như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhận lời mời của vua xong, im lặng. Đức vua thấy Phật im lặng nhận lời thì cung kính đảnh lễ Phật rồi lui ra.

□

SỐ 42

PHẬT NÓI KINH THIẾT THÀNH NÊ-LÊ

Hán dịch: Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan,
người Tây Vực, Đời Đông Tấn.

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, Kỳ hoàn A-nan Bân-để-a-lam. Bấy giờ Đức Phật bảo các Sa-môn:

–Ta dùng thiên nhãn xem thấy con người trong khắp thiên hạ, lúc sanh, lúc tử, hoặc đẹp, hoặc xấu, kẻ tôn quý, người hạ tiện, có người khi chết được sanh vào đường lành, có người thì sanh nơi đường dữ. Con người ở thế gian, thân làm điều ác, miệng nói điều ác, ý nghĩ điều ác, thường ưa nấu nướng, giết hại sinh linh để cúng tế quỷ thần, nên khi thân chết phải vào trong cõi địa ngục. Còn người thân thường làm việc thiện, miệng thường nói lời thiện, ý thường nghĩ điều thiện, sau khi chết liền được sanh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

–Con người như bọt nước mưa ở trên trời, mưa từ trên trời rơi xuống, cái này bị bể thì cái kia lại thành. Con người ở thế gian lúc sanh, lúc tử mong manh cũng như bọt nước.

Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy con người trong khắp thiên hạ, khi chết thì có người lên cõi trời, có người xuống địa ngục, có kẻ nghèo, người giàu, có kẻ sang, người hèn, chính là do con người làm thiện hay làm ác mà ra.

Đức Phật nói:

–Tất cả những việc ấy Ta đều biết hết. Giống như ban đêm trời tối, ở hai bên cửa thành đều có đèn đuốc, người ra kẻ vào có đến vài ngàn vạn người, từ trong bóng tối mà nhìn thì đều thấy kẻ ra người vào trong ánh lửa.

Đức Phật dạy:

-Ta dùng thiên nhãn xem thấy con người trong khắp thiên hạ, khi

chết thì có người lên cõi trời, có người xuống địa ngục. Giống như người từ trong bóng tối thấy nơi ánh lửa có người đi ra, đi vào. Giống như người leo lên lầu cao nhìn xuống dưới, có mấy ngàn ngôi nhà, kẻ ấy đều thấy hết.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy người trong khắp thiên hạ, lúc chết có người sanh lên cõi trời, có người xuống địa ngục, giống như người từ trên lầu cao nhìn các ngôi nhà ở dưới.

Đức Phật dạy:

–Giống như người chèo thuyền trên dòng nước trong, họ đều thấy cá, đá ở trong nước. Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy con người trong thiên hạ, khi chết có kẻ lên cõi trời, có người xuống địa ngục như người nhìn vào nước trong thì thấy cá, đá ở trong đó.

Có một viên ngọc Minh nguyệt, dùng sợi tơ năm màu mà xâu lại. Người nhìn viên ngọc đều thấy tơ năm màu xâu qua viên ngọc.

Đức Phật dạy:

–Ta biết con người trong khắp thiên hạ, từ đâu mà đến, họ đều do thiện, ác biến hóa mà ra. Như người nhìn viên ngọc vậy.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy con người trong thiên hạ, bất hiếu với cha mẹ, không kính thờ các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không tôn quý các bậc Trưởng lão, không sợ những điều răn cấm của nhà nước, không sợ quả báo ở đời này đời sau, không kiêng, không nể. Những người như vậy, khi chết liền bị đọa vào địa ngục, cùng gặp gỡ vua Diêm-la, liền bỏ thiện theo ác. Có ngục tốt tên là Bàng. Bàng liền dẫn người ấy đến trước vua Diêm-la. Ngục tốt Bàng tâu: "Người này lúc ở thế gian, bất hiếu với cha mẹ, không thờ các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không tôn kính hàng Trưởng lão, không chịu bố thí, không sợ quả báo nơi đời này đời sau, không sợ phép nước. Xin Diêm-la xử trị tội ác của người này".

Diêm-la liền gọi người ấy đến trước, nói:

–Lúc làm người ở thế gian ngươi không nhớ công ơn của cha mẹ nuôi nấng, tránh chỗ nóng, ở chỗ mát, nhờ bú mớm mà được khôn lớn. Tại sao ngươi lại bất hiếu với cha mẹ?

Người ấy thưa với Diêm-la:

–Tôi quả thật là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm-la bảo:

–Tội ác của ngươi chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Thân ngươi đã tạo ra thì phải lãnh lấy.

Đó là lần hỏi thứ nhất. Diêm-la hỏi lần thứ hai:

–Ngươi có thấy, khi người bị bệnh, khốn khổ kịch liệt, ốm yếu gầy mòn, tay chân không cử động được chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy như vậy.

Diêm-la nói:

–Tại sao ngươi không tự cải hối để làm việc thiện?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Tội này chẳng phải do trời, chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Chính thân ngươi đã tạo ra, ngươi phải nhận lãnh lấy.

Diêm-la hỏi lần thứ ba:

–Ngươi có thấy người nam, người nữ trong thế gian, lúc về già, mắt không thể thấy, tai không thể nghe, phải chống gậy mà đi, từ lúc râu tóc đen nhánh nay trở thành bạc phơ, chẳng bằng lúc tuổi trẻ chăng?

Người ấy thưa:

–Tôi thật có thấy người già chống gậy mà đi.

Diêm-la hỏi:

–Ngay lúc ấy, tại sao ngươi không tự cải hối để làm việc thiện?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm-la nói:

–Tội này chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Chính thân ngươi đã tạo ra, ngươi phải thọ lấy.

Diêm-la hỏi lần thứ tư:

–Khi ở thế gian, ngươi có thấy người nam, kẻ nữ lúc chết một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, thân thể hư nát, hình mạo hư hoại, bị trùng kiến ăn, bị mọi người ghê sợ. Ngươi có thấy việc ấy, tại sao không tự cải hối để làm việc thiện?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy việc ấy, quả thật tôi là người ngu si kiêu mạn.

Diêm-la nói:

–Khi hành động sao ngươi lại không đoan nghiêm nơi tâm, nơi miệng, nơi các hành vi của mình? Tội này chẳng phải do cha mẹ, do trời, vua chúa, do Sa-môn, Đạo nhân tạo ra. Chính thân ngươi đã làm, ngươi phải thọ lấy.

Diêm vương hỏi lần thứ năm:

–Khi làm người ở thế gian, ngươi có thấy quan lại khi bắt được người trộm cắp, kẻ sát nhân, kẻ cướp, trói lại tống vào ngục, đánh đòn để xử trị, tra khảo chăng? Hoặc đem ra khỏi thành, nơi giữa đường mà giết đi chăng? Hoặc mổ phanh thây lúc còn sống. Vậy ngươi có thấy việc này chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy việc ấy.

Diêm vương nói:

–Tại sao ngươi lại không bố thí làm điều thiện? Khi làm người sao ngươi không làm theo hạnh chân chánh, nói lời chân chánh, giữ tâm chân chánh?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Tội này cũng không phải do cha mẹ, do trời, do vua chúa, do Sa-môn, Đạo nhân làm ra. Chính thân ngươi đã tạo ra, vậy ngươi phải thọ lấy quả báo.

Khi đã tra hỏi xong, ngục tốt Bàng liền dẫn tội nhân đi đến một thành bằng sắt. Đó là địa ngục thứ nhất tên là A-tỳ-ma. Thành của địa ngục có bốn cửa, chu vi bốn ngàn dặm, bên trong có một cái nồi đồng lớn dài bốn mươi dặm. Ngục tốt Bàng dùng chĩa nhọn đâm vào người tội nhân rồi bỏ vào nồi đồng. Những nồi đồng như vậy nhiều vô số, bên trong lửa cháy bừng bừng. Những tội nhân từ xa trông thấy thảy đều khiếp sợ kinh hoàng. Những người vào đó như vậy có đến mấy ngàn vạn, đều bị ngục tốt nhốt trong ấy, ngày đêm cửa ngục đóng bít, không mở, nên không thể ra ngoài được. Tội nhân ở trong đó đến mấy ngàn vạn năm, nhưng lửa vẫn không tắt, con người cũng không chết. Một thời gian lâu xa về sau, từ xa trông thấy cửa phía Đông tự mở, các tội nhân đều chạy đến để thoát ra ngoài, vừa chạy tới cửa, cửa liền đóng lại. Những người muốn ra ngoài,

lại phải ở trong cửa cùng nhau tranh giành muốn được ra ngoài. Một thời gian lâu xa về sau nữa, từ xa trông thấy cửa phía Tây mở ra, các tội nhân đều chạy đến, nhưng cửa lại đóng, tội nhân ở trong cửa lại tranh giành nhau. Cửa thành phía Nam cũng vậy. Một thời gian lâu xa hơn nữa, bốn cửa thành lại mở ra, con người được ra ngoài, họ tự cho đã được thoát khỏi.

Họ lại đi vào địa ngục thứ hai là Cưu diên. Tội nhân vừa đặt chân xuống đất liền bị cháy tiêu, cất chân lên thì thịt lại liền như cũ, có người chạy qua cửa Đông, có người chạy qua cửa Tây, có người chạy về cửa Nam, có người chạy tới cửa Bắc, chung quanh địa ngục đều bị lửa cháy, đến mấy ngàn vạn năm mới hết.

Những người ở trong đó tự cho là đã được thoát khổ, nhưng họ lại đi vào trong địa ngục thứ ba là Di-ly-ma-đắc. Địa ngục này có loài trùng tên là Quật trác, mỏ như sắt, đầu, chân đều đen. Từ xa trông thấy người, chúng liền chạy đến bu quanh, rỉa hết xương thịt người ta. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới thôi.

Họ tự cho là đã thoát khỏi, nhưng lại liền vào trong địa ngục thứ tư là Sô-la-đa, trong đó có ngọn núi, đá bén như dao, mọi người đều chạy lên đỉnh núi, lại có người chạy xuống dưới núi, muốn được thoát ra, nhưng họ không biết phải chạy hướng nào? Chân họ đều bị lột hết da, vì đất đá giống như dao bén. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết.

Tội nhân tự cho là đã thoát khỏi, nhưng họ lại vào trong địa ngục thứ năm là A-di-ba-đa-hoàn. Ở bên trong ngục có gió nóng, khi đã vào rồi có tránh cũng không khỏi. Những tội nhân trong đó muốn chết cũng không được, cầu sống cũng không xong. Như vậy thật lâu, trải qua mấy ngàn vạn năm mới được thoát ra.

Những tội nhân trong đó tự cho là đã được thoát khỏi, nhưng họ lại vào trong địa ngục thứ sáu là A-dụ-táo-ba Nê-hoàn. Trong địa ngục này có rất nhiều cây, chúng đều có nhiều gai nhọn. Ở nơi khoảng giữa những cây đó đều có quỷ. Tội nhân vào trong ấy thì trên đầu quỷ phun ra lửa, miệng khạt lửa, thân quỷ có mười sáu cây nhọn, từ xa trông thấy người đến thì hết sức phẫn nộ bèn phun lửa ra từ mười sáu cây gai này, đâm qua thân thể con người làm cho rách ra để ăn thịt. Tội nhân đều chạy trốn mong được thoát ra ngoài, trong khi chạy lại luôn gặp quỷ ấy. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết và được ra ngoài.

Họ tự cho là đã thoát khỏi, nhưng các tội nhân lại vào trong địa

ngục thứ bảy là Bàn tỷ vụ. Trong địa ngục này có loài trùng tên là Thuần. Tội nhân vào trong ấy, bị loài trùng này bay đến, chui vào miệng người, ăn thân thể người. Tội nhân chạy rất gấp nhưng trùng ăn thịt người vẫn không để yên. Tất cả tội nhân chạy khắp bốn hướng, muốn được thoát ra, nhưng không thể thoát khỏi. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới được thả ra. Họ tự cho là đã thoát khỏi.

Rồi họ lại vào trong địa ngục thứ tám là Đọa-đàn-la-nê-du. Nơi địa ngục này có dòng nước chảy, mọi người bước vào đều bị rớt xuống đấy, hai bên bờ đều có gai nhọn, còn nước thì nóng hơn nước sôi ở nhân gian. Nước sôi sùng sục khiến tội nhân đều bị chín nhừ. Họ muốn chạy lên trên, nhưng trên ấy lại có quỷ cầm xà mâu đâm vào bụng tội nhân, đẩy họ rớt trở lại vào trong đó, không thể thoát ra. Họ đều bị trôi xuống cuối dòng, lại có quỷ chận lại rồi dùng lưỡi câu mà móc. Chúng quỷ hỏi:

–Các ngươi từ đâu đến?

Nếu hỏi vậy, những ngươi kia đáp:

-Chúng tôi chẳng biết từ đâu đến, và cũng không biết sẽ đi về đâu! Chúng tôi chỉ bị đói khát, muốn được ăn uống.

Quỷ đáp:

–Ta sẽ cho các ngươi ăn. Nói rồi, quỷ liền lấy móc câu móc hàm trên và hàm dưới ra, làm cho miệng tội nhân mở rộng, rồi lấy nước đồng sôi chảy đổ vào miệng tội nhân, khiến cho gan ruột cháy sạch. Những tội nhân như vậy cầu chết không chết được, cầu sống cũng không sống. Những người ấy khi sống ở thế gian, làm người, do tạo nhiều điều hung ác, nên cầu thoát mà vẫn không thoát ra. Về sau những người trong địa ngục ấy đều được thoát ra ngoài, họ tự cho là đã thoát khổ nhưng lại vào địa ngục thứ bảy. Quỷ hỏi ngược lại:

–Các ngươi đã đi tại sao còn trở lại?

Họ vào địa ngục thứ năm, rồi trở vào địa ngục thứ tư, từ địa ngục thứ tư lại vào địa ngục thứ ba, thứ hai, rồi trở lại địa ngục thứ nhất là A-tỳ-ma? Đến đó, mọi người từ xa trông thấy thành sắt, đều vui mừng hô lớn "muôn năm" Diêm vương nghe tiếng hô ấy liền hỏi ngục tốt Bàng:

–Đó là những tiếng gì vậy?

Ngục tốt đáp:

-Đó là tiếng hô của những người có tội trước đã bị đọa vào trong ngục.

Diêm-la nói:

–Họ đều là những người bất hiếu với cha mẹ, không sợ trời, không sợ vua, không thờ kính Sa-môn, Đạo nhân, không sợ giới cấm.

Diêm-la liền bảo mọi người đến trước mình và nói:

–Nếu các ngươi không oán trách lời nói của Diêm-la, nay các ngươi đã được thoát khỏi địa ngục, sẽ lại làm con của người ta, phải hiếu thuận, phải tôn thờ người lớn tuổi, phải sợ những giới cấm của các bậc vua chúa, phải kính thờ các hàng Sa-môn, Đạo nhân, giữ tâm Chánh trực, miệng, thân luôn ngay thẳng chân chánh. Con người lúc sống ở thế gian tạo tội lỗi nhỏ mà nhẹ, nhưng chết xuống địa ngục thì vừa lớn lại nặng. Khi gặp Sa-môn, Đạo nhân, phải nên tuân theo, vâng thờ đạo của những vị ấy, sẽ chứng được quả A-la-hán, khiến cho các nẻo đến địa ngục đều bị bít lấp.

Diêm-la nói xong, các người ở trong địa ngục đều được thoát ra ngoài, họ lại bị chết hết ở vùng đất ngoài thành. Những người chết ấy, thân mạng đời trước, lúc làm người tuy ác, nhưng có một chút điều thiện, cho nên từ trong địa ngục được ra ngoài, đều sanh ở đường lành. Con người từ trong địa ngục thoát ra đều tự giữ tâm chân chánh, miệng chân chánh, hạnh chân chánh, nên không còn trở lại trong địa ngục nữa. Con người đã cảm nhận nỗi thống khổ, độc hại, xấu ác trong địa ngục rồi, họ đều tự tư duy để làm việc thiện.

Đức Phật dạy:

–Con người chết vào địa ngục, dù cho vương hầu, Sa-môn, Đạo nhân cũng phải đối mặt với Diêm-la mà thôi. Còn bao nhiêu người khác chỉ theo mọi người mà vào địa ngục. Diêm-la là tên của vị vua ở địa ngục vậy.

□

SỐ 43

PHẬT NÓI KINH NĂM THIÊN SỨ CỦA VUA DIÊM-LA

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp sư Tuệ Giản.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy khéo lắng nghe và ghi nhớ! Ta dùng thiên nhãn thấy rõ nơi chốn đi đến của mọi người trong cảnh sanh tử là đường thiện, đường ác. Hoặc có người xấu ác, hoặc có người mạnh mẽ, hoặc có người khiếp nhược, hoặc sanh nơi cõi thiện, hoặc sanh nơi cõi ác. Phàm chỗ tạo tác hành động của con người như thế nào Ta đều phân biệt, biết được cả. Hễ con người thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, hủy báng Hiền thánh, theo tà kiến, tà hạnh, người ấy lúc mạng chung liền bị đọa vào cõi ác, rơi vào địa ngục. Còn người thân làm điều lành, miệng nói điều lành, ý nghĩ điều lành, khen ngợi bậc Hiền thánh, theo chánh kiến, chánh hạnh, người ấy khi mạng chung liền sanh lên cõi trời, hoặc nhân gian.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, Ta dùng thiên nhãn thấy con người mạng chung liền được sinh lên cõi trời hay nhân gian. Này các Tỳ-kheo, Ta dùng thiên nhãn quan sát lúc trời mưa, trong khi nước mưa rơi xuống, hễ một bong bóng nước nổi lên thì một bong bóng nước biến mất. Ta thấy con người khi chết, thần thức đầu thai, hoặc làm người có sắc đẹp, có sắc xấu; người thì mạnh mẽ người thì khiếp nhược, hoặc sanh vào chỗ lành, hoặc sanh vào chỗ khổ, tự sống, tự chết, như bong bóng nước không khác.

Lại nữa, thí như có người lấy sợi tơ năm màu, xâu ngọc lưu ly. Vì ngọc trong suốt cho nên tơ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen đều hiện rõ ràng. Ta thấy người chết thần thức theo nghiệp đầu thai cũng lại như vậy. Lại như đêm tối, lấy ngọc minh châu treo trước cửa, có người đứng ở một chỗ, nhìn kẻ ra người vào nơi cửa đều thấy rõ ràng. Lại có người ở trên

lầu cao, nhìn thấy ở dưới, kẻ đến người đi, kẻ chạy, người đi bộ; kẻ ngồi, người đứng đều rõ ràng. Ta thấy con người khi chết thần thức theo nghiệp đi đầu thai, hoặc đẹp đẽ, hoặc xấu ác, mạnh mẽ hay khiếp nhược, như những điều họ đã tạo ra, Ta đều phân biệt biết rõ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Con người khi sống ở thế gian, do bất hiếu với cha mẹ, không cung kính các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không thực hành nhân nghĩa, không kiềm chế tâm, không học kinh giới, không sợ quả báo đời sau, người ấy khi chết thần thức phải đọa vào địa ngục của Diêm vương. Sứ giả liền bắt đem đến thưa với Diêm vương:

–Đây là kẻ xấu ác. Kẻ này làm điều phi pháp, bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính các bậc Sa-môn, Đạo nhân, không theo nhân nghĩa, không kiềm chế tâm ý, không tạo phước đức, không khiếp sợ cái chết, cần phải để cho họ thấy tội ác của mình, cúi mong Đại vương hãy xử phạt chúng.

Như vậy, Diêm vương theo thường lệ, trước tiên dùng lời khuyên răn, cho hiện ra năm vị thiên sứ, dùng lời thẳng thắn để xét hỏi:

–Ngươi há không thấy người của thế gian lúc còn trẻ thơ, ngã nhào trên phân, tiểu, không thể tự che chở cho mình, miệng không biết nói, cũng lại không biết điều tốt, điều xấu chăng?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy điều ấy.

Vua bảo:

–Ngươi tự cho rằng riêng mình thì không có điều ấy sao? Thần thức của con người theo hành động tạo tác, lúc mạng chung liền có tái sanh. Tuy chưa thể thấy, nhưng thường phải làm việc thiện, tự đoan nghiêm nơi thân, miệng, tâm ý mình. Vậy tại sao ngươi lại buông lung tâm ý?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si, mê muội, không biết gì!

Vua nói:

–Tự vì ngươi ngu si làm điều ác. Lỗi này đâu phải do cha mẹ, sư trưởng, vua, Sa-môn, Đạo nhân tạo ra đâu. Tội này là do ngươi, há lại vì không thích mà nó đình chỉ sao? Nay ngươi phải thọ lấy.

Đó là Diêm vương hiện ra thiên sứ thứ nhất. Diêm vương lại hỏi:

–Khi ngươi đang làm người, sứ giả của trời lần lượt đi đến, vậy ngươi có biết chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi không hay biết.

Vua bảo:

–Ngươi có thấy người đàn ông, đàn bà lúc tuổi về già, tóc bạc, răng long, gầy còm, ốm yếu, còng lưng mà bước, đứng ngồi đều phải chống gậy chăng?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy như vậy.

Vua bảo:

–Ngươi cho rằng chỉ riêng mình là không bị già chăng? Phàm con người đã có sanh thì đều phải có già. Lẽ ra đang lúc khỏe mạnh phải thường làm việc thiện, đoan nghiêm thân, miệng và tâm, phụng hành kinh giới, sao lại tự mình buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi đúng là người ngu si, ám muội.

Vua bảo:

–Tự ngươi ngu si làm điều ác, đâu phải là lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân. Tội này do ngươi, há lại vì không thích mà nó đình chỉ sao? Nay ngươi phải thọ lấy.

Đó là Diêm vương chánh thức dạy bảo, hiện ra thiên sứ thứ hai. Diêm vương lại hỏi:

–Trong khi làm người, ngươi há không thấy những người nam, người nữ ở thế gian, lúc bị bệnh tật, thân thể đau khổ, đứng ngồi không yên, mạng sống mong manh, các thầy thuốc đều bó tay không thể cứu chữa được chăng?

Người ấy thưa:

–Tôi có thấy như vậy.

Vua bảo:

–Ngươi cho rằng ngươi không bị bệnh chăng? Con người lúc già đều sẽ có bệnh. Lẽ đáng ra lúc mạnh khỏe ngươi phải siêng năng làm điều thiện, phụng hành kinh giới, đoan nghiêm thân, miệng, ý, sao lại tự mình buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là kẻ ngu si, ám muội.

Vua bảo:

–Vì ngươi ngu si, ám muội, làm điều ác chứ đâu phải lỗi của cha

mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân? Tội này chính do ngươi làm, há vì không thích mà nó đình chỉ sao? Nay ngươi phải thọ lấy.

Đó là Diêm vương chánh thức dạy bảo, hiện ra thiên sứ thứ ba. Diêm vương lại hỏi:

–Lúc làm người, ngươi há không thấy người chết ở thế gian, tử thi hoặc chôn xuống đất, hoặc bị hư hoại, từ một ngày cho đến bảy ngày da thịt bị thối rửa, chồn cáo, trăm thứ chim đều kéo tới chỗ xác đó để ăn? Hễ con người chết thì thân bị hư nát, gớm ghê cả.

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy như vậy.

Vua bảo:

–Ngươi cho rằng chỉ riêng ngươi là không chết sao? Phàm con người đã có sống đều phải có chết. Lẽ ra ở thế gian phải thường làm việc thiện, thân, miệng, ý tinh tấn phụng hành kinh giới, sao ngươi tự mình buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si.

Vua nói:

–Tự ngươi đã tạo ra điều ác, đó đâu phải là lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân? Tội này do ngươi tạo ra, đâu phải vì không ưa thích mà nó chấm dứt sao? Nay ngươi phải tự lãnh thọ lấy.

Đó là Diêm vương chánh thức giáo hóa, hiện ra thiên sứ thứ tư. Diêm vương lại hỏi:

–Khi làm người, há ngươi lại không thấy những người xấu ác của thế gian bị quan lại bắt bớ, xét thấy tội trạng cần phải dùng hình pháp để xử trị, hoặc chặt tay, chặt chân, hoặc xẻo mũi, xẻo tai, dùng cây vót nhọn đánh đập làm rách da rách thịt, dùng cát nóng, dầu sôi sùng sục đổ lên thân hình, hoặc bỏ vào trong áo vải to để đốt, hoặc treo đầu lên mà nướng lúc ban ngày, hoặc mổ, cắt nát cơ thể, hoặc bị các chất độc làm đau đớn thê thảm chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy điều ấy.

Vua bảo:

–Ngươi cho rằng riêng ngươi thì không bị những sự tra khảo độc ác ấy chăng? Mắt ngươi đã nhìn thấy các việc tội, phước của thế gian rõ ràng rồi, sao lại không làm việc thiện, giữ gìn thân, miệng, ý để phụng hành

kinh đạo, tại sao tự mình lại buông lung?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si.

Vua bảo:

–Ngươi đã tự dùng tâm mình để làm điều không thật thà, ngay thẳng, đó không phải là lỗi của cha mẹ, vua, Sa-môn, Đạo nhân. Nay tội báo tai ương này ngươi phải lãnh lấy, đâu có phải vì không thích mà nó đình chỉ? Đó là Diêm vương dạy điều trung chính, hiện lên thiên sứ thứ năm.

Đức Phật giảng nói xong, các đệ tử đều lãnh thọ lời Phật dạy, rồi đều đến trước cung kính đảnh lễ Đức Phật.

□

SỐ 44

PHẬT NÓI KINH CỔ LAI THẾ THỜI

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Tiên nhân Lộc xứ, thuộc thành Ba-la-nại. Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi đã ăn xong, tụ tập tại giảng đường cùng nhau bàn luận:

–Giả sử có một bậc Trưởng giả thực hành bình đẳng. Có vị Tỳ-kheo tịnh giới, phụng hành giới chân chánh, đi vào nhà vị Trưởng giả ấy để khất thực, nếu được cúng dường một trăm cân vàng, thì phước của ai thù thắng hơn?

Có vị Tỳ-kheo đáp:

–Người được một trăm cân vàng, ngàn cân vàng nào có ích gì. Hãy suy tư cho kỹ điều này. Vị Tỳ-kheo tôn thờ giới, tu hành chân chánh, thọ nhận sự cúng dường của ông trưởng giả, tôi cho phước đức của ông trưởng giả mới là tối thượng.

Bấy giờ Hiền giả A-na-luật cũng ở trong hội chúng, nghe lời giảng giải ấy, bèn đáp:

–Đâu chỉ có trăm ngàn cân vàng, giả sử châu báu nhiều hơn gấp bội như vậy cũng không bằng sự cúng dường trai phạn của vị Trưởng giả cho Tỳ-kheo giữ giới chân chính. Vì sao như vậy? Nhớ lại kiếp trước của tôi ở nước Ba-la-nại, thời ấy lúa thóc khan hiếm, nhân dân đói kém, tôi phải gánh cỏ đi bán để tự nuôi sống. Lúc đó có vị Duyên giác tên là Hòa Lý đến du hóa tại nước ấy. Buổi sáng tôi ra khỏi thành sắp đi gánh cỏ, bấy giờ vị Duyên giác đắp y, ôm bát vào thành để khất thực. Tôi đang gánh cỏ trở về trong thành thì ở giữa đường lại gặp vị Duyên giác ấy ôm bát không đi ra. Duyên giác Hòa Lý từ xa trông thấy tôi đi đến, liền tự nghĩ: "Sáng sớm ta vào thành thì người này ra khỏi thành. Nay anh ta gánh cỏ trở về, có lẽ buổi sáng anh ta chưa ăn, vậy mình hãy nên theo sau, đến nhà

để xin được chút gì cho qua cơn đói". Lúc đó tôi gánh cỏ tự trở về nhà mình, thả gánh cỏ xuống đất, quay lại thấy vị Duyên giác đi theo sau tôi như bóng theo hình, tôi bèn suy nghĩ: "Sáng sớm ra khỏi thành ta thấy vị Duyên giác này vào thành khất thực, nhưng lại ôm bát không trở ra, có lẽ vị ấy chưa được ăn uống gì, ta hãy nhịn ăn để dâng cho vị ấy". Tôi liền mang thức ăn ra, quỳ xuống dâng lên, để thân Tôn giả được an ổn. Tôi nói:

–Mong bậc Đạo nhân thương xót mà nhận cho.

Vị Duyên giác nói:

–Lúa thóc khan hiếm, nhân dân đói kém, vậy hãy chia cơm này ra làm hai phần, một phần bỏ vào bình bát ta, còn một phần thì thí chủ hãy dùng. Như vậy mới là đúng pháp.

Tôi liền thưa:

–Đúng vậy, thưa Thánh nhân! Kẻ bạch y này ở nhà, hễ đốt lửa lên nấu bất cứ vật gì ăn cũng được, từ từ nấu ăn, sớm muộn gì cũng không sao. Xin Đạo nhân hãy thương xót gia đình con mà thọ nhận cho.

Vị Duyên giác kia lúc ấy mới chịu nhận đồ ăn. Do công đức ấy mà ta được bảy lần sanh lên cõi trời làm vua chư Thiên, bảy lần ở thế gian được làm người tôn quý. Nhân một lần cúng dường đó mà được các hàng Quốc vương, Trưởng giả, dân chúng, quần thần, trăm quan hễ trông thấy là hết lòng quý kính. Bốn chúng đệ tử là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ luôn cúng dường áo quần, đồ ăn uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, những thứ ấy ta không cầu nhưng nó vẫn tự đến. Lúc ta mới sanh ở nhà dòng họ Thích, các kho tàng liền hiện ra các thứ vàng bạc châu báu không thể kể xiết, các tài vật khác thì nhiều vô số. Khi ta lìa bỏ nhà cửa sự nghiệp để làm Sa-môn, giả sử bấy giờ ta biết được vị đạo nhân Duyên giác ấy đã thành đạo, ta đem tâm rộng lớn cúng dường thì phước đức không thể lường tính được. Liền đọc bài tụng:

Ta từng đi gánh cỏ
Bần cùng, làm thuê sống
Cúng dường vị Sa-môn
Là Duyên giác Hòa Lý.
Nhân đó sanh họ Thích
Tên là A-na-luật
Ta ở nơi ca múa
Giỏi nhạc trống đờn sáo.

Bấy giờ thấy Đạo sư
Chánh giác hơn cam lộ
Liền phát tâm hoan hỷ
Xuất gia làm Sa-môn.
Bèn biết được kiếp trước
Đời trước đã trải qua
Ở cung trời Đao-lợi
Được bảy lần an lạc.
Ở trời bảy, đây bảy
Cả thảy mười bốn lần
Ở cõi trời, thế gian
Chưa từng đến cõi ác.
Biết được người đến, đi
Sanh tử cõi hướng tới
Tuy trên trời vui sướng
Sao bằng được Thánh đạo!
Nhờ năm thứ định ý
Tịch nhiên được nhất tâm
Tẩy trừ kết, các cấu
Đạo nhãn được thanh tịnh.
Cho nên mới xuất gia
Bỏ sự nghiệp thế gian
Sở nguyện đã thành tựu
Nhờ Phật chỉ dạy đủ.
Cũng chẳng thích sự sanh
Cũng không cầu sự tử
Lúc đầu không lựa chọn
Tịch nhiên tâm ý định.
Giữa rừng trúc Duy-da
Ở đó ta mạng chung
Ở nơi cạnh cây trúc
Đạt diệt độ vô lậu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhờ đạo nhĩ nên nghe hết những điều Tỳ-kheo A-na-luật nói về thọ mạng đời trước của mình với chúng Tỳ-kheo, vốn là quả báo mà Hiền giả đã đạt được trong những kiếp trước. Đức Thế Tôn từ phòng tham thiền đi đến giảng đường, an tọa trước chư vị Tỳ-kheo, rồi nói:

–Các vị cùng hội họp nơi đây để bàn luận chuyện gì?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Tất cả chúng con cùng hội họp nơi đây để bàn luận về chỗ quy về của các việc tội phước, thiện ác. Hiền giả A-na-luật tự nói về sự vun trồng gốc công đức ở đời trước của mình.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Các vị đã được nghe nói sự việc về đời quá khứ. Vậy có muốn nghe Như Lai nói về pháp căn bản ở đời vị lai chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn, nay đã đúng lúc Đức Thế Tôn nói về pháp vị lai cho các Tỳ-kheo nghe. Nghe xong chúng con sẽ xin phụng trì.

Đức Phật bảo:

–Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn, chúng con mong được nghe.

Đức Phật bảo:

–Ở đời vị lai, con người sống lâu đến tám vạn tuổi. Dân chúng ở cõi Diêm-phù-đề này đông đúc, năm thứ lúa thóc dồi dào. Các làng xóm của con người sống cách nhau bằng tiếng gà gáy *(hai bên cùng nghe)*. Người nữ đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Chúng sanh lúc ấy chỉ có ba thứ bệnh: bệnh già, đại tiện, tiểu tiện và mong cầu.

Bấy giờ có một vị vua tên là Kha, là bậc Chuyển luân vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, lấy chánh pháp trị dân, có bảy báu tự nhiên: xe có bánh bằng vàng, voi trắng, ngựa xanh, minh châu, vợ là ngọc nữ, vị thần coi về kho tàng, vị thần coi về binh đội. Nhà vua có một ngàn người con trai dõng mãnh, sức lực hơn người, dung mạo thù thắng, hàng phục được binh đội của các nước khác. Nhà vua cai trị bốn cõi thiên hạ, không dùng roi, gậy, đao kiếm, luôn lấy chánh pháp để giáo hóa, dân chúng luôn được an ổn. Vua có bốn cỗ xe làm bằng bảy báu, bánh xe có ngàn cây căm, cao ba mươi hai trượng. Xe này rất cao rộng, uy quang lừng lững, bên trên xe có treo cờ để bố thí cho tất cả chúng sanh y phục, thức ăn, giường chõng. Xe còn chở hương hoa, đèn đuốc để cúng dường cho các Sa-môn, Đạo nhân và những kẻ bần cùng. Làm công việc bố thí xong, vua nhờ đức tin của gia đình, bỏ nước, bỏ ngôi vua, bỏ nhà học đạo, làm Sa-môn. Khi đó vị Tộc tánh tử ấy đã mộ đạo, cạo bỏ râu tóc, thân mặc pháp y, đạt được phạm hạnh, tịnh tu vô thượng, thông tỏ rốt ráo giáo pháp của Phật, hiện tại tự nhiên thành tựu sáu pháp thần thông, đã chấm dứt sanh tử, việc cần làm đã làm xong, thấu rõ nguồn gốc của Danh sắc.

Bấy giờ có vị Hiền giả Tỳ-kheo ở trong chúng hội, từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, quỳ thẳng chắp tay bạch Đức Thế Tôn:

–Đời vị lai con sẽ là vua Kha, làm chủ bốn cõi thiên hạ, có bảy báu tự nhiên, có ngàn người con trai, lấy chánh pháp cai trị, rộng thí tất cả, rồi xuất gia học đạo, thành bậc Vô trước tuệ chăng?

Đức Thế Tôn liền trách mắng Tỳ-kheo ấy:

–Này người ngu si kia, nên dốc sức trọn đời để thành tựu đạo đức, sao lại mong cầu trôi lăn trong sanh tử mà nói: "Đời sau của con làm Chuyển luân Thánh vương, tham đắm bảy báu, có ngàn người con trai dõng mãnh, rồi sau đó mới vào đạo".

Đức Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

–Đời vị lai của ông sẽ được làm vua Kha, chủ bốn cõi thiên hạ, rộng bố thí tất cả, rồi xuất gia thành đạo.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Con người ở đời hậu lai tuổi thọ tăng đến tám vạn. Sẽ có Đức Thế Tôn hiệu là Di-lặc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, vị Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn như Ta hiện nay. Chư Thiên, Phạm thích, Sa-môn, Phạm chí, ở trên trời, dưới trời thảy đều quy phục để thọ lãnh giáo pháp. Đức Như Lai ấy rộng thuyết chánh pháp giáo hóa các hàng chúng sinh thượng, trung, hạ, làm cho họ khéo phân biệt nghĩa lý, tịnh tu Phạm hạnh. Khiến cho tất cả đều được đạo pháp chuyển hóa, giống như Ta ngày nay. Giáo pháp thanh tịnh của Ngài lưu hành cùng khắp trên trời, dưới đất, chẳng ai là chẳng thọ lãnh. Chúng Tỳ-kheo đệ tử của Đức Phật ấy là vô số.

Khi đó, Hiền giả Di-lặc ở trong chúng hội liền từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai bên phải, quỳ thẳng chắp tay, đến trước bạch Đức Phật:

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Đời vị lai của con lúc ấy con người thọ đến tám vạn tuổi, con sẽ làm Di-lặc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, giáo hóa chúng sanh trên trời, dưới trời như Đức Như Lai hiện nay.

Đức Thế Tôn tán thán Hiền giả Di-lặc:

–Lành thay! Lành thay! Hãy thể hiện lòng từ nhu hòa rộng lớn để cứu độ vô lượng vô số chúng sanh. Nên hưng khởi ý muốn này, vì tất cả chúng sanh ở đời vị lai mà nêu dạy, dẫn dắt, cũng như Ta hiện nay. Đời vị lai Hiền giả sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vị Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,

Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Thế Tôn.

Bấy giờ Hiền giả A-nan cầm quạt hầu Phật. Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

-Hãy đem tấm y do tơ vàng dệt thành lại đây, Ta sẽ thưởng cho Tỳ-kheo Di-lặc.

Hiền giả A-nan vâng lời, liền mang tấm y đến dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhận rồi liền đem cho Hiền giả Di-lặc và nói:

–Hãy nhận lấy pháp y này để cúng dường cho chúng Tăng. Vì sao vậy? Vì các Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ở thế gian luôn tạo cho con người được nhiều lợi ích, dùng đức độ cao tột để cứu độ họ.

Hiền giả Di-lặc liền lấy y ấy dâng lên chúng Tăng. Lúc ấy, ma Ba-tuần trong lòng tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm vì các Tỳ-kheo giảng nói về đời vị lai. Nay ta muốn đến để làm nhiễu loạn giáo pháp của Sa-môn Cù-đàm".

Ma liền đi đến trước Đức Thế Tôn, nói kệ:

Tôi nghĩ người bấy giờ
Thân mềm mại, tóc mượt
Thân đầy báu anh lạc
Đầu trang sức ngọc hoa.

Đức Thế Tôn nói:

–Nay ma Ba-tuần cố ý đến đây muốn quấy nhiễu giáo pháp của Ta.

Đức Phật liền nói kệ:

Dân chúng thời bấy giờ
Không chấp, dứt hồ nghi
Cắt đứt lưới sanh tử
Việc làm không thất thoát
Theo Phật Di-lặc dạy
Tu phạm hạnh thanh tịnh.

Thiên ma nói kệ:

Tôi nghĩ người lúc đó
Thân mặc y sáng ngời
Và xoa hương chiên-đàn
Trang sức nơi thân đầu
Ở thành Kê đầu mạc
Nơi vua Kha trị vì.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Người khi ấy chí thành

Vô ngã, vô sở thọ
Không dùng châu báu lạ
Tâm không còn tham đắm
Ở đời Phật Di-lặc
Tu phạm hạnh thanh tịnh.

Thiên ma nói kệ:

Tôi nghĩ người khi đó
Tham của báu, uống, ăn
Thích công việc ca múa
Ưa trống, đờn, đủ loại
Ở thành Kê đầu mạc
Nơi vua Kha trị vì.

Bấy giờ Đức Phật dùng bài kệ đáp lại ma:

Người tu Ba-la-mật
Phá lưới, hết trói buộc
Thiền định, hành bình đẳng
Vui mừng, không vướng chấp
Ma Ba-tuần nên biết
Khi đó ngươi không còn!

Lúc ấy ma Ba-tuần tự nghĩ: "Đức Như Lai là Bậc Thần Thánh, đã biết chỗ an trụ, hưng khởi và hủy diệt của ta", nên ma buồn rầu, không vui, xấu hổ bỏ đi.

Đức Phật giảng nói như vậy xong, tất cả chúng Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

□

SỐ 45

PHẬT NÓI KINH VUA ĐẠI CHÁNH CÚ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời Tôn giả Đồng tử Ca-diếp ở tại nước Kiêu-tát-la, tuần tự du hành, dừng chân nơi vườn Lộc dã thuộc rừng Thi-lợi-sa, phía Bắc thành lớn Thi-lợi-sa.

Thời ấy có vị vua tên là Đại Chánh Cú, đóng đô ở thành Thi-lợi-sa. Nhà vua trước đây không tin nhân quả, thường nói như vầy: "Không có đời sau, cũng không có người tái sanh, không có hóa sanh". Ông thường khởi niệm đoạn diệt như vậy.

Khi đó, trong thành lớn Thi-lợi-sa có các bậc Đại Bà-la-môn và Trưởng giả chủ... cùng nhau bàn luận: Vì sao vị Sa-môn Đồng tử Ca-diếp ấy đi đến phía Bắc thành này trú trong vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa?

Lúc ấy Tôn giả Ca-diếp đang ở trong thành đó tiếng tăm đồn khắp, tất cả dân chúng vùng này trước đây từng được nghe Tôn giả Ca-diếp khéo giảng nói các pháp cốt yếu, với nhiều ý nghĩa thâm diệu, nên bảo nhau: "Tôn giả Ca-diếp đã được an lạc, thường hành hạnh đầu đà, chính là Bậc Ứng Cúng, là Bậc Đại A-la-hán. Nay Tôn giả đã đến đây, chúng ta nên cùng nhau đi tới khu rừng chỗ Tôn giả ngụ để lễ bái, kính cẩn cúng dường".

Bấy giờ các Đại Bà-la-môn, Trưởng giả... ở trong thành đều đi về phía Bắc của thành, đến vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa muốn cùng được tham vấn. Lúc ấy vua Đại Chánh Cú đang ở trên lầu cao, từ xa trông thấy các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... cùng nhau ra khỏi thành, đi về phía Bắc đến vườn Lộc dã, rừng Thi-lợi-sa. Nhà vua thấy vậy bèn hỏi vị quan

hầu:

–Tại sao các vị Bà-la-môn, Trưởng giả đều cùng nhau ra khỏi thành đi đến vườn Lộc dã, nơi rừng Thi-lợi-sa?

Quan hầu thưa:

–Có một vị Sa-môn tên là Đồng tử Ca-diếp du hóa đến phía Bắc của thành lớn này, hiện trú trong vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa. Cho nên các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả... ở trong thành đều cùng nhau tìm đến chỗ ấy để lễ bái cúng dường.

Nhà vua nghe tâu liền bảo quan hầu:

–Ngươi đến bảo các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... kia hãy dừng lại một chút để chờ ta. Nay ta sẽ cùng họ đồng đến chỗ ấy để lễ bái, tham vấn Sa-môn Đồng tử Ca-diếp. Vì sao? Vì theo ý ta, sợ các Bà-la-môn, Trưởng giả này sẽ bị Sa-môn Đồng tử Ca-diếp dùng tà pháp để dẫn dắt. Vị này không căn cứ vào trí thức, dối nói là "có người và có đời sau, lại có hóa sanh".

Quan hầu vâng lệnh vua, đi đến chỗ các Bà-la-môn, Trưởng giả... nói với những người ấy:

–Vua Đại Chánh Cú bảo các vị hãy dừng lại chốc lát, vua sẽ tới ngay bây giờ để cùng đi với các vị đến lễ bái thăm hỏi Sa-môn Đồng tử Ca-diếp.

Mọi người theo lệnh vua ban nên đều không dám đi trước. Quan hầu làm xong nhiệm vụ, liền trở về chỗ vua tâu lại đầy đủ sự việc như thế.

Bấy giờ vua Đại Chánh Cú cho người điều khiển xa giá đưa nhà vua ra khỏi cung thành, cùng với các vị Bà-la-môn và Trưởng giả đồng đi đến vườn Lộc dã, thuộc rừng Thi-lợi-sa. Tâm vua vốn kiêu mạn, cho xa giá đến chỗ đường hẹp rồi mới xuống xe, đi bộ vào trong vườn, chỗ Tôn giả Đồng tử Ca-diếp đang ở. Vua Đại Chánh Cú cùng các vị Bà-la-môn, Trưởng giả trông thấy Tôn giả Đồng tử Ca-diếp. Lúc đầu họ chưa có lòng tin đối với Tôn giả nên không tỏ ra quá cung kính. Nhà vua và Tôn giả Đồng tử Ca-diếp vấn an thăm hỏi rồi cùng ngồi qua một bên. Các vị Bà-la-môn, Trưởng giả thấy nhà vua như vậy nên họ cũng có chút kính trọng, đều cùng nhau chào hỏi, rồi đứng chung quanh.

Bấy giờ đại vương Đại Chánh Cú liền đi thẳng vào chuyện:

–Này Tôn giả Ca-diếp, hãy lắng nghe tôi nói. Theo ý tôi thì không có đời sau, không có người tái sanh, cũng không có hóa sanh. Ý tôi là như vậy, còn ý của Tôn giả thì thế nào?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Nếu vua thích nghe về ý nghĩa chân chánh như vậy, trước hết phải thành tâm tin một cách chắc thật.

Vua liền đáp:

–Thưa vâng, tôi xin thọ giáo.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Đại vương thấy mặt trời, mặt trăng là có hay không có? Nó thuộc về đời này hay đời sau? Lý ấy quá rõ ràng chẳng có gì gượng ép cả. Này đại vương, ngài thấy như thế nào và nghe như thế nào?

Vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, sự thấy và nghe của tôi cũng giống như Tôn giả là mặt trời, mặt trăng đó thuộc về đời này và cũng thuộc về đời sau nữa.

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi:

–Như điều đại vương trông thấy là cũng có ở đời sau nữa. Này đại vương, không nên chấp như kiến giải từ trước.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, như các hàng Sa-môn, Bà-la-môn cho đến Bậc Ứng Cúng, Thế Gian Giải... nhờ trí tự thông tỏ, biết như thật, chắc chắn rằng có nhân, có quả, có đời này, có đời sau. Này đại vương, không nên chấp đoạn diệt như trước nữa.

Sự mê chấp của nhà vua vẫn chưa tỉnh ngộ. Nhà vua nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Tôn giả nay sao nói những lời như vậy? Như ý của tôi thì thật sự không có đời sau. Này Tôn giả Ca-diếp, chớ lại gượng nói như thế.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Thân của nhà vua ngay vào lúc này là có hay không có? Như thân này của vua là có thì tại sao lại chấp đoạn cho rằng không có đời sau? Nên dùng ví dụ gì để chứng minh cho lý này?

Nhà vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, nay tôi có một ví dụ để chứng minh cho lý ấy, là thân hiện nay là có còn đời sau là không.

Vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, như người thân thuộc của tôi bị mắc phải tật bệnh kéo dài đã lâu, lúc gần mạng chung, bấy giờ tôi tới chỗ người bệnh để thăm hỏi và bảo: "Bệnh ông hiện rất nặng, chắc chắn là không thoát

khỏi. Nếu có chết đi hãy trở về báo cho ta biết. Ta nghe các hàng Sa-môn, Bà-la-môn trước kia có nói rằng, nếu người nào phá giới, tạo nghiệp ác, sau khi mạng chung phải bị đọa vào địa ngục. Nếu như các Sa-môn, Bà-la-môn kia nói đúng thì các ông là thân thuộc của ta, sau khi mạng chung chắc chắn phải bị đọa địa ngục. Vì sao? Vì các người thân thuộc của ta đã phá giới, tạo tội, do đó nên biết chắc chắn phải bị đọa lạc vào cõi ác. Nếu ông ở nơi cõi ác hãy nhờ người khác hoặc chính mình trở về báo cho ta biết rằng nay tôi đang ở trong địa ngục chịu lấy bao sự thống khổ cùng cực. Nếu ông trở về báo cho ta biết, chắc chắn ta sẽ đến đó để cứu". Nhưng chỉ thấy có người chết ra đi chớ chưa từng thấy có người chết trở lại. Này Tôn giả Ca-diếp, như ý của tôi do ví dụ này thì nên biết chắc chắn là không có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Này đại vương, ví dụ này tuy rõ ràng nhưng chưa phải là lý thuyết chân chánh. Nay tôi xin hỏi vua: Ví như có người vi phạm phép nước bị binh lính tuần tra bắt được, đưa đến chỗ vua tâu: "Người này phạm tội như vậy, không dám che giấu". Nhà vua nghe tâu như vậy liền ra lệnh cho quan có trách nhiệm đem tội nhân này trói chặt hai tay lại rồi dẫn ra ngã tư đường, chỗ đông người tụ hội, đánh trống loan báo nay tội nhân này phạm tội như vậy và theo lệnh của vua xin báo cho mọi người ở khắp Đông, Tây, Nam, Bắc cùng nhân dân trong thành được biết, rồi dẫn tội nhân ra khỏi thành, cứ theo pháp mà xử trị. Như tội nhân này khi sắp tới pháp trường sẽ nói với người canh giữ rằng: "Xin hãy thương xót thả tôi ra một chút để tôi về nhà có đôi lời từ biệt với những người thân thuộc, rồi tôi sẽ trở lại liền". Này đại vương, đao phủ kia có dám thả người ấy ra một lát để y trở về nhà chăng?

Vua đáp:

–Không thể thả, thưa Tôn giả Ca-diếp. Giả sử gã này có hết lời cầu khẩn thì người đao phủ ấy cũng không dám thả ra. Vì sao vậy? Vì phép vua đã quy định thì không thể thả ra dù chỉ một giây lát.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, các người thân thuộc của đại vương do vì tạo nghiệp gây tội lỗi cho nên sau khi mạng chung phải bị đọa trong địa ngục. Do tội lỗi đã tạo tác nên họ mãi mãi phải nhận lấy mọi sự khổ sở. Các tội nhân này nói với ngục tốt: "Xin hãy tạm thời thả cho chúng tôi trở về nhân gian, đến chỗ vua để cầu xin vua cứu khổ". Này đại vương, vậy ngục tốt

này có chịu thả tội nhân ấy ra không?

Vua đáp:

–Không thả.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, cùng là người đồng ở thế gian mà không chịu tạm thời thả tội nhân ra, huống chi những người thân thích của nhà vua đã tạo đủ điều ác và bị đọa trong địa ngục. Này đại vương, đừng đem ví dụ này để cho là không có đời sau. Sự chấp đoạn ấy chẳng phải là lý lẽ chân chánh, do đấy nên biết đã có đời hiện tại vậy phải có đời sau. Cho đến các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, các Bậc Ứng Cúng, Thế Gian Giải nhờ trí tuệ tự thông tỏ nên biết rõ sự thật. Vậy vua không nên chấp theo kiến giải như trước.

Vua lại đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, lời nói đó chẳng đúng, tâm của tôi chưa đồng ý, không thể lại nói rằng thật có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Ý của vua như thế, vậy có ví dụ nào có thể chứng minh nữa chăng?

Vua đáp:

–Nay tôi lại có một ví dụ về người thân, có thể dùng để chứng minh. Này Tôn giả Ca-diếp, như người thân thuộc của tôi bị bệnh nặng, sắp sửa mạng chung. Tôi đến dặn dò và nói với người bệnh: "Tôi nghe các vị Sa-môn, Bà-la-môn thường nói như vầy: 'Nếu người nào trì giới, tu các pháp thiện, hoặc là bố thí mà người cho, người nhận và vật được cho đều thanh tịnh, thấy người khác đạt được điều thù thắng không sanh lòng ganh tị. Người ấy khi mạng chung được sanh lên cõi trời.' Nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy mà đúng thì sau khi ông mạng chung, chắc chắn sẽ sanh về cõi trời. Vì sao? Ta thấy ông thường có đủ giới hạnh tu pháp thiện, khi thực hành bố thí thì người cho, người nhận và vật bố thí đều được thanh tịnh, đối với việc thù thắng của người khác không hề sanh lòng ganh ghét. Do đó nên biết chắc chắn ông được sanh lên cõi trời. Nếu được sanh lên cõi trời thì ông hãy nhờ người khác hoặc chính mình trở về để báo cho ta biết: 'Nay tôi đã được sanh lên cõi trời đó, hưởng mọi sự an lạc'." Này Tôn giả Ca-diếp, các người thân thuộc của tôi ấy nếu thật đã sanh lên cõi trời thì chắc chắn phải về báo cho tôi biết. Vậy tại sao người thân thuộc của tôi chỉ thấy chết mất, không hề trở lại báo gì cả, do đó nên biết chắc chắn là không có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Nay tôi cũng xin nói một ví dụ để khiến cho vua thấy là thật có đời sau. Này đại vương, ví như có một hầm phân hôi thối không thể đến gần. Bấy giờ có một người lỡ rớt vào trong đó, dơ nhớp vô cùng nhưng nhờ phương tiện nên được thoát ra khỏi chốn ấy. Khi thân đã ra khỏi rồi, liền dùng các thứ dầu thơm nấu nước tắm rửa, lại dùng hương bột để xoa vào thân. Khi thân hình kẻ ấy đã được thơm sạch, lại dùng các loại áo Ca-thi-ca tuyệt đẹp mặc vào, dùng các ngọc báu, tràng hoa để trang sức nơi thân, rồi người ấy ở trong nhà để thọ hưởng mọi sự diệu lạc. Này đại vương, theo ý vua thì sao? Như vậy người ấy có muốn trở vào hầm xí nơi trước nữa chăng?

Vua nói:

–Không bao giờ, thưa Tôn giả Ca-diếp. Cái hầm phẩn hôi thối ấy người kia đâu có thích thú gì!

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, người kia sanh lên cõi trời cũng lại như thế. Đã được sanh lên cõi trời rồi, há lại muốn trở về nhân gian nữa sao? Lại nữa, này đại vương, ở nhân gian một trăm năm thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao-lợi. Người thân của đại vương tu các pháp thiện đã được sanh lên cõi trời ngày đêm thọ hưởng sự an lạc, há còn nghĩ đến việc trở lại để báo cho vua biết: "Tôi đã được sanh ở cõi trời, ngày đêm hưởng mọi sự vui sướng". Này đại vương, đại vương cùng với chư Thiên thọ mạng dài ngắn có giống nhau chăng?

Vua nói:

–Không giống, thưa Tôn giả Ca-diếp.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, cõi trời, cõi người vốn tự cách biệt, không nên như kẻ khờ khạo mong được trở về báo cho biết, sau đó mới có thể tin là có đời sau. Này đại vương, chỉ có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, các Bậc Ứng Cúng, Thế Gian Giải mới có thể thật biết là có đời sau. Có thể dùng trí của chính mình để rõ biết một cách như thật, không nên lại có kiến chấp là không có đời sau.

Nhà vua nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Như lời Tôn giả nói cũng chưa đủ để tôi tin. Vì sao? Tôn giả nói ở nhân gian một trăm năm bằng ở cõi trời Đao-lợi một ngày một đêm. Vậy có người nào đến nói với Tôn giả là thời gian ở hai cõi khác nhau như vậy

chăng?

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Như chỗ thấy của nhà vua thì cũng giống như người mới sanh ra đã bị mù. Vì sao? Người mới sanh đã mù, tự mình không thấy các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng; hình tướng vi tế, thô xấu, dài ngắn nên nói: "Như vậy vốn không có màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng và hình tướng vi tế, thô xấu, dài ngắn". Lại nói: "Ta không biết, ta cũng không thấy". Người mới sanh ra đã mù ấy do tự mình không thấy nên mới chấp rằng vốn không có màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, cho đến hình tướng dài ngắn... Này đại vương, đừng giống như người mới sanh đã mù kia chấp cho là không có các hình sắc.

Nhà vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, như ý của tôi, nếu cõi trời kia thật có thì tôi liền nói có. Còn nếu quả thật là không có thì tại sao khiến tôi nói là thật có. Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả không phải là người thiện. Vì sao? Sự thấy biết của tôi vốn chân chánh, sao lại ví tôi với người sanh ra đã mù kia? Này Tôn giả Ca-diếp, những điều ông nói về việc sanh lên cõi trời... quả thật là tôi không tin. Nếu tin lời ấy thì khác nào ăn phải thuốc độc, như kiếm nhọn đâm vào thân, như leo lên núi mà bị ngã xuống, chỉ tự hại mạng mình mà thôi. Những điều xấu ác như vậy tôi đều xa lìa.

Tôn giả Ca-diếp nói với vua Đại Chánh Cú:

–Tôi nhớ đời xưa có một Bà-la-môn nhà cửa hết sức giàu có, mà đến khi tuổi già chỉ có một người con trai tuổi mới mười sáu, mẹ nó đã chết. Bà-la-môn kia không thể sống cô độc, bèn tục huyền. Không lâu sau người vợ kế này lại có thai. Người vợ ấy chưa kịp sanh thì ông Bà-la-môn ấy qua đời. Bấy giờ người con trai nói với mẹ kế:

–Tất cả những của cải vàng bạc châu báu cho đến tất cả vật dụng trong nhà này đều thuộc về tôi, không một người nào khác có thể phân chia tài sản vật dụng của tôi được.

Người kế mẫu kia nghe người con trai nói xong liền bảo:

–Nay tôi đã mang giọt máu của cha cậu ở trong bụng, hãy chờ nó lớn khôn thì chia cho nó một nửa.

Người con trai kia vẫn nói lại những lời như trước. Người kế mẫu suy nghĩ: "Thằng nhỏ này tuổi còn thơ ấu, tánh tình dại khờ. Tuy mình đã nói hết lời nhưng nó vẫn chưa thể hiểu". Lại do lòng tham nên muốn gấp thấy đứa con trong bụng ra đời, bà dùng nhiều phương tiện để được sanh

nhanh. Do chưa đủ ngày tháng nên việc ấy trở lại làm hư thai. Này đại vương, người đàn bà kia vì lòng tham lam ganh ghét nên trở lại làm hư thai của chính mình. Này đại vương, nay ngài vì không chịu nhận thứ tìm hiểu nên mới khởi lên đoạn như vậy.

Vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả chớ nói lời như trước: "Ai trì giới, tu thiện và thực hành bố thí, sau khi mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời, thọ mạng lâu dài, thường thọ hưởng an lạc". Tôi thật tình không tin như vậy. Nay tôi nếu tin vào lời của Tôn giả thì đó là ăn thuốc độc, là bị gươm nhọn đâm vào thân mình, là rơi từ núi cao xuống, chỉ tự hại mình mà thôi. Tại sao Tôn giả Ca-diếp vẫn cứ giữ mãi những lời nói như vậy? Theo như ý tôi thì chắc chắn không có người đầu thai, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Há không còn ví dụ nào để chứng minh cho lời của ngài nữa sao?

Vua đáp:

–Này Tôn giả Ca-diếp, tôi lại có một ví dụ cho việc ấy, để biết là không có người đầu thai, không có đời sau, cũng không có hóa sanh. Này Tôn giả Ca-diếp, như bà con thân thuộc của tôi bị bệnh nặng, tôi liền đến đó an ủi, thăm hỏi. Khi người ấy chưa chết thì còn nói chuyện với tôi về sự khổ não của y, đến khi chết rồi thì không còn nói với tôi về sự khổ não nữa. Do đó có thể biết rằng chắc chắn là không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Tôi nhớ ngày xưa có một thôn xóm, dân chúng trong đó không biết tiếng hình tướng của tù và, lại cũng chưa từng nghe tiếng tù và bao giờ. Bỗng nhiên có một người từ ngoài đi đến, dừng chân ở thôn xóm này. Người ấy thường cầm một vỏ ốc để làm công việc, mỗi ngày cầm tù và đi đến chỗ tượng Thánh thổi lên để cúng dường, xong thì trở về trú xứ. Lúc đó tất cả dân chúng trong thôn xóm bỗng nhiên nghe tiếng tù và ấy thảy đều kinh sợ, cùng nhau bảo: "Đó là tiếng gì vậy? Chúng ta chưa hề nghe tiếng như thế". Này đại vương, tất cả dân chúng trong thôn xóm khi ấy cùng đến chỗ phát ra tiếng tù và hỏi cái tù và kia:

–Ngươi từ đâu đến, phải nói sự thật, nếu nói không đúng sự thật, chúng ta sẽ đập phá ngươi! Tù và nếu biết ý của chúng ta tất phải nói gấp lý do.

Này đại vương, đám dân chúng kia đối với hình tướng của vỏ ốc cùng tiếng tù và, vốn chưa từng thấy, cũng chưa từng nghe, nên muốn bảo cái vỏ ốc đó hỏi đáp với họ. Vỏ ốc đã là vật vô tình thì đâu có thể trả lời được! Vì sao vậy? Bởi vì nó cũng như đại vương muốn nói chuyện với người đã chết. Người đã chết rồi há có thể nói lại được sao? Đại vương không nên chấp giữ kiến giải như vậy, cho rằng không có người đầu thai, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Có những bậc Sa-môn, Bà-la-môn đạt được đầy đủ thiên nhãn, dùng thiên nhãn thanh tịnh ấy nên thấy rõ con người chết ở đây, sanh ở kia, thọ thân hình đẹp hay xấu, đoan nghiêm hay thô lậu, được sanh lên cõi trời hay đọa vào cõi ác. Này đại vương, những việc như vậy đều có thể chứng minh được cả. Vậy không nên nói không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, tuy ngài nêu ví dụ như vậy nhưng tôi vẫn không tin. Theo kiến giải của tôi thì chắc chắn không có người thọ sanh, cũng không có hóa sanh, không có đời sau.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua Đại Chánh Cú:

–Nếu như vậy, vua lại có ví dụ gì nữa để chứng minh rằng không có người thọ sanh, cũng không có đời sau, không có hóa sanh chăng?

Vua đáp:

–Này Tôn giả, ví như quan coi về pháp luật xử trị con người, đến khi thực hiện thì tự mình vi phạm những luật cấm, sau đó bị hạch hỏi, tấu trình lên vua mọi việc. Vua đều biết rõ nên ra lệnh cho quan Pháp ti dẫn tội nhân đi, cứ y theo pháp luật mà xử. Vua lại ra lệnh trói chặt hai tay tội nhân lại, đem đến pháp trường để trừng trị thật thích đáng, dùng các thứ cực hình để xử theo tội nặng nhẹ. Người ấy khi còn sống thì biết khổ đau, nếu đã chết rồi thì không còn hơi thở nữa. Lại nữa, kẻ tội phạm ấy lúc chưa chết thì thân thể mềm mại, nhưng khi chết rồi thì thân thể cứng đờ. Cho đến việc nhẹ lúc còn sống, nặng lúc đã chết khác nhau. Này Tôn giả, do đó mà biết chắc chắn là không có đời sau, không có người thọ sanh, cũng lại không có sự hóa sanh chi cả.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, theo ý ngài thì thế nào? Ví như cục sắt cũng có nhẹ nặng, mềm cứng khác nhau? Khi sắt nóng thì thể chất của nó nhẹ mà mềm,

để sắt nguội đi thì thể chất của nó nặng mà cứng. Này đại vương, loài hữu tình hay vô tình thân tướng đều bẩm thọ từ tứ đại, do tứ đại ấy mà có sự hợp hay tan, do đó nên có sự sai khác về mềm cứng, lạnh nóng. Đừng nên đem lý này để so sánh với đời sau và sự hóa sanh... Đại vương nên biết, thật có các bậc Sa-môn, Bà-la-môn chứng đắc đầy đủ thiên nhãn, thấy các chúng sanh chết ở đây sanh ở kia, cho đến thân tướng đoan nghiêm hay thô xấu, hoặc sanh ở cõi trời hay đọa vào đường ác, họ đều có thể chứng biết là thật có đời sau, có hóa sanh.

Vua nói:

–Thưa Tôn giả, như lời ngài nói thì chưa đủ để vững tin. Theo ý tôi thì quả thật không có người thọ sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

□

PHẬT NÓI KINH VUA ĐẠI CHÁNH CÚ

QUYỂN HẠ

Tôn giả Ca-diếp lại nói với vua Đại Chánh Cú:

–Vậy nhà vua còn có ví dụ nào nữa để chứng minh là không có người tái sanh và không có đời sau, cũng không có hóa sanh?

Vua đáp:

–Tôi lại có một ví dụ có thể chứng minh cho lý của tôi. Này Tôn giả, ví như có người phạm tội rất nặng. Quan cận thần biết được liền tâu với vua hiện nay có người này phạm tội rất nặng. Nhà vua nghe tâu rồi liền ra lệnh cho quan trực thuộc bắt trói tội nhân, theo pháp luật xử trị. Quan Pháp ti vâng lệnh vua, dẫn tội nhân đi, trói chặt hai tay, bỏ vào trong vạc mà đun nấu. Vua lại ra lệnh hãy nấu cho thật nhừ, thịt xương rời ra, rồi lấy cây dò thật kỹ trong cái vạc, để xem kẻ ấy có thành đời sau và sự hóa sanh… ra vào không? Quan Pháp ti chấp hành theo lệnh vua nấu tội nhân cho đến lúc thịt chín nhừ, rồi tìm thật kỹ trong vạc, rốt cuộc không thấy có đời sau của con người và sự hóa sanh… ra vào chi cả. Cho đến trước sau tìm kiếm nhiều lần mà vẫn chẳng thấy gì.

Vua nói:

–Này Tôn giả, do ví dụ đó mà biết quả thật là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Này đại vương, ví như có người trong giấc ngủ mộng thấy một khu vườn tuyệt đẹp. Trong vườn có nhiều thứ cây cối, hoa quả sầm uất, ao nước trong vắt. Người ấy ở trong giấc mộng hết sức ưa thích. Này đại vương, cái vườn ấy là có thật chăng? Và sự xem chơi, thưởng ngoạn, việc người ấy đi ra, đi vào trong khu vườn kia là có thật chăng?

Vua đáp:

–Không có thật, thưa Tôn giả Ca-diếp. Những điều thấy trong giấc mộng đều chẳng phải là chân thật.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Cũng như sự chấp trước về đoạn diệt của đại vương chẳng phải là

chân thật. Này đại vương, cần phải biết rõ sự thật là thật có người tái sanh, có đời sau, có hóa sanh, cho đến thật có các bậc Sa-môn, Bà-la-môn chứng đắc đầy đủ thiên nhãn thanh tịnh, vượt hơn thế gian, thấy các chúng sanh chết ở đây, sanh ở kia, thân tướng đoan nghiêm hay xấu xí, được sanh lên cõi trời hay bị đọa vào địa ngục. Đó là sự chân thật không nên trở lại chấp đoạn như trước nữa.

Vua nói:

–Này Tôn giả, tại sao Tôn giả cứ luôn luôn nói những điều như vậy? Theo ý tôi biết thì chắc chắn là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Đại vương còn có ví dụ nào để chứng minh là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh?

Vua bảo:

–Này Tôn giả Ca-diếp, tôi còn có một ví dụ để chứng minh cho lý của mình. Ví như có người chấp hành việc của vua, nhưng tự mình lại vi phạm những điều lệ. Quan cận thần tâu hết sự việc ấy lên nhà vua. Vua nghe xong, bèn lệnh cho quan Pháp ti tra hỏi cho ra sự thật. Khi tội nhân đã nhận tội thì nên dùng hình phạt để xử trị. Vua ra lệnh trước tiên là xẻo da thịt, sau đó cắt gân, mạch, chặt xương, đập tủy để tìm kiếm thần thức người ấy và kẻ hóa sanh. Quan Pháp ti vâng lệnh vua, cứ theo pháp luật thi hành, đúng như lời vua bảo không dám trái lệnh, nhất nhất theo thứ lớp xẻ da, cắt thịt cho đến cả gân mạch, xương, tủy ở bên trong thân thể tội nhân cũng bị cắt xẻ để tìm kiếm thần thức của con người hóa sanh… Từ đầu đến cuối hoàn toàn không thấy có thần thức của con người cùng sự hóa sanh gì cả. Này Tôn giả, cứ lấy ví dụ này mà biết thì quả thật là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Này đại vương, tôi nhớ thời xưa có một đạo nhân sống ở trong núi. Bấy giờ có một đoàn khách buôn đem theo nhiều xe cộ chở nhiều của cải, đến gần am của đạo nhân dừng lại ngủ qua đêm rồi bỏ đi. Vị đạo nhân kia vào lúc sáng sớm vội đến xem chỗ các người khách buôn ngủ đêm qua, sợ còn bỏ sót tài vật gì chăng. Quả nhiên ở đó thấy có một đứa bé mới bỏ bú, chưa biết gì cả, hẳn là do các khách buôn bỏ lại. Đạo nhân thương xót, sợ đứa bé kia đói khát mà chết, bèn đem về trong am mình nuôi dưỡng nó như người thân. Nhưng vị đạo nhân này là người thờ lửa, luôn chuyên chú

tâm bỏ thêm củi vào đống lửa, nên lửa trong nhà ông chưa bao giờ bị tắt. Cậu bé ấy ngày qua tháng lại, dần dần lớn khôn, tuổi đã được mười lăm, mười sáu. Đạo nhân suy nghĩ: "Cậu bé đã lớn khôn, ta hoàn toàn có thể giao phó công việc cho nó được". Một ngày nọ, đạo nhân vì có việc nên phải vào thành, tạm thời rời xa am của ông. Ông bảo cậu bé: "Ta có công việc nên tạm thời phải xa am. Lửa trong am, hãy như ta mỗi ngày liên tục bỏ thêm củi vào đừng để cho nó tắt". Nói xong ông liền ra đi. Đạo nhân đã đi khỏi, cậu bé còn dại khờ nên ham chơi, do ham chơi nên quên thờ lửa, vì không bỏ củi liên tục vào đống lửa nên làm lửa tắt. Bấy giờ, cậu bé thấy lửa đã tắt, liền lượm hết củi chất vào lò rồi cầu nguyện: "Này lửa, hãy mau xuất hiện. Nếu lửa không xuất hiện ta sẽ hủy hoại ngươi".

Cậu bé ấy đã khổ sở cầu xin, nhưng cuối cùng lửa vẫn không cháy. Do lửa không cháy nên cậu bé lại phát ra lời nói ác: "Nếu lửa không xuất hiện, ta sẽ đánh ngươi".

Khi ấy, cậu bé mong có lửa mà lửa vẫn không hiện, trong lòng rất lo sợ nếu đạo nhân trở về, chắc chắn sẽ đánh nó. Nó đứng một chỗ để suy nghĩ đến lửa.

Công việc xong xuôi, đạo nhân lại trở về am, thấy cậu bé ngồi im lặng, liền biết là lửa đã tắt. Ông bảo thằng bé: "Con ham chơi bời lêu lổng đến nỗi để lửa tắt sao?". Đồng tử thưa: "Con vừa quên một chút thì lửa đã tắt rồi. Sau khi lửa tắt, con chất củi vào trong lò, dùng lời thiện, ác để cầu đảo nhưng lửa vẫn không xuất hiện". Đạo nhân nói: "Con thật là khờ dại, nếu lửa đã tắt, muốn có lửa thì phải đốt lửa. Ta chưa từng nghe ai nói là cứ chất củi vào trong lò lạnh mà có lửa xuất hiện bao giờ! Giả sử con cứ chất thật nhiều củi vào trong lò, rồi dùng đủ các phương tiện để mong có lửa thì chỉ tự mình chuốc lấy khổ sở chứ không thể làm vậy mà có lửa được". Này đại vương, cũng như đứa bé, sau khi lửa tắt rồi, cứ tìm lửa trong tro, sự mê chấp, sự không tỉnh ngộ của đại vương cũng vậy. Đối với cái thây chết mà tìm cầu thần thức của con người và kẻ hóa sanh, rồi vọng chấp cho là không có thần thức, nên khởi ra đoạn.

Vua nói:

–Này Tôn giả, chớ nói lời như vậy! Nếu tôi theo lời ngài nói rằng có đời sau, chắc chắn là tôi sẽ bị người ta dị nghị. Vì sao vậy? Vì ở đây mọi người sẽ nói như vầy: "Từ xưa nhà vua vốn không tin nhân quả, thường nói là không có đời sau, không có thần thức, cũng không có hóa sanh. Ngày nay nhà vua lại bị Tôn giả Ca-diếp cảm hóa nên không còn dị

kiến đó nữa".

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, tôi nhớ thuở trước có hai người khách buôn, họ đều có tài sản châu báu hơn cả một nước. Về sau, họ giao ước kết nghĩa làm bạn với nhau, cùng đi đến một nước khác, đem hàng hóa để buôn bán kiếm lời. Hai người khách buôn ấy mỗi người đều tập hợp một số thương nhân để làm bạn đồng hành. Bấy giờ mọi người đều chuẩn bị xe cộ, sắp đặt ngựa kéo trong cùng một ngày thì lên đường. Cứ nhắm về phía trước mà đi cách nước mình đã xa, gần tới chỗ hiểm trở. Một người khách buôn biết rõ con đường ấy ở phía trước có chỗ nguy hiểm nên bảo vị chủ buôn kia: "Ông nay nên biết, con đường ở phía trước đây rất hiểm trở, không có người, không có khói lửa chi cả. Vậy tất cả thương nhân phải chuẩn bị đầy đủ các thứ vật dụng cần thiết".

Hai người chủ buôn luận bàn xong, một người đi trước, nghĩ: "Đoàn của mình ít người nên nhu cầu cũng ít. Tất cả vật dụng, lúa mì, thức ăn uống cho đến củi để đốt cũng đều bỏ lại hết". Tiếp tục đi về phía trước bỗng gặp một người đi ngược chiều, thân hình to lớn, da đen, hai mắt đỏ ngầu, đầu tóc bờm xờm, áo quần rách rưới, ngồi trên một chiếc xe do lừa kéo, hình dáng như quỷ. Chủ buôn hỏi người ấy: "Này nhân giả, con đường phía trước có đồ ăn thức uống và củi đốt... chứ?". Người kia trả lời: "Con đường phía trước có rất nhiều thức ăn uống, củi đốt không thiếu gì cả. Những thứ ấy ông có chở trên xe thì hãy nên vứt tất cả đi, chỉ khiến cho xe thêm nặng nề làm chậm bước đi tới con đường phía trước mà thôi". Chủ buôn nghe lời nói ấy, liền bảo các thương nhân: "Tất cả chúng ta đều nghe nói là đồ ăn, thức uống và các thứ vật dụng nơi con đường phía trước chẳng thiếu gì cả. Đâu cần mang những thứ ấy trên xe ngựa cho vướng bận".

Vì chủ buôn này và các bạn đồng hành đều là những người, không có trí tuệ, nên họ vứt bỏ những vật dụng cần thiết rồi đi. Họ đi cả ngày thứ nhất cho đến lúc mặt trời lặn chỉ gặp toàn là đồng không mông quạnh, không gặp người hay khói lửa chi cả, nhìn bốn bên đều trống vắng, chẳng có gì để cung cấp, đồ ăn thức uống bị thiếu hụt, tất cả đều bị đói khát. Họ chịu sự đói khổ suốt đêm, sáng ra lại gắng sức đi tới nữa. Bước sang ngày thứ hai, cũng đi tới tối chỉ toàn là đồng vắng, chẳng thấy gì cả. Các khách buôn cùng nhau bàn bạc: "Kẻ mà chúng ta gặp trước đây, xem qua tướng mạo nhất định biết nó là quỷ rồi. Chúng ta không có trí tuệ nên mới tin

vào lời nó, bị loài yêu tinh dối gạt nên chúng ta mới đến nông nỗi này". Tới ngày thứ ba, cả người lẫn ngựa đều thiếu lương thực và nước uống nên không thể đi được nữa. Họ nhìn nhau, chẳng nói lời nào, chỉ còn chờ chết mà thôi. Người chủ buôn kia thì qua ngày hôm sau mới lên đường, cũng gặp người như trước ngược đường đi đến, mới hỏi: "Con đường phía trước này có đồ ăn uống và các thứ vật dụng cần thiết không?". Người ấy cũng như lần trước, mỗi mỗi đều nói dối: "Các nhu cầu về ăn uống chẳng thiếu, cần gì phải chở các thứ ấy trên xe, trên ngựa cho nặng. Các ông nên vứt bỏ các thứ ấy đi".

Người chủ buôn sau là hạng thông minh trí tuệ, hễ làm điều gì trước hết đều suy nghĩ cẩn thận. Ông vốn biết con đường này có vùng đồng không mông quạnh rộng lớn, rất nguy hiểm, qua vùng đất này đâu thể đi mau được. Ông lại quán sát người nói chuyện với mình sắc mặt khác lạ, hành vi thô ác, nên sợ đây có thể là yêu tinh dối trá, không nên tin tưởng. Ông cùng các thương nhân luận bàn với nhau xong rồi tiến hành. Đến ngày thứ ba, bỗng thấy trên đường đám chủ buôn và các thương nhân đoàn trước bị đói khát cùng quẫn. Hỏi lý do thì cũng chính là vì gặp con yêu tinh xấu ác ấy và nghe theo lời dối gạt của nó. Các thương nhân đoàn sau cùng nhau bàn tính rồi đem phần lương thực của mình chia sẻ cho đoàn trước, cứu giúp họ, để các thương nhân kia cùng vượt qua được quãng đường hiểm trở.

Này đại vương, người chủ buôn kia vì ngu si nên mới tin lời yêu tinh dối gạt, đi đến con đường hiểm thọ lãnh bao sự khổ não cùng cực. Này đại vương, do không hiểu biết cho nên mới chấp đoạn kiến, chắc chắn đại vương cũng sẽ mãi chịu khổ não cùng cực.

Vua Đại Chánh Cú nghe lời nói ấy thì bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Thôi đừng dẫn ví dụ nữa, tâm tôi không hồi tỉnh đâu. Vì sao như vậy? Vì e rằng người trong nước gọi tôi là người bất định. Họ bảo: "Đại vương Chánh Cú thường nói thật không có người tái sanh, không có hóa sanh, cũng không có đời sau. Nay trở lại bị Tôn giả Ca-diếp cảm hóa". Do đó, nên tôi nay không thể thay đổi kiến giải từ trước của mình.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Xưa có hai người, tài sản không nhiều, họ bèn kết bạn với nhau để kinh doanh. Tiền bạc của cải kiếm được tuy khác nhau nhưng nếu có lợi hãy báo cho nhau biết. Kết ước xong xuôi, cả hai chọn ngày lên đường. Khoảng mấy ngày đường, họ đến một nước khác, đất ở đấy có rất nhiều

cây gai, bỏ tiên ra mua sẽ có lãi. Hai người bàn tính rồi bỏ tiền ra mua, bó cột lại gọn gàng rồi gánh đi, nói với nhau: "Đến nước khác hễ có lợi thì bán ngay". Họ đi lần về phía trước tới một nước khác, thấy loại sợi bông được lời gấp bội, có thể bỏ cây gai để lấy sợi bông này. Một người có trí thì tìm người bán cây gai để mua sợi bông, còn người kia không có trí nên nói với bạn đồng hành: "Tôi không thể đổi cây gai để lấy sợi bông được. Vì sao? Vì cây gai hiện có này, tôi đã ra công cột bó rất chặt chẽ, gọn gàng, lại gánh từ xa đến đây nên thật tình tôi không thể đổi nó để lấy thứ khác được". Ngày hôm đó, hai người đều gánh hàng của mình. Họ tiếp tục đi tới, lại đến một nước khác, hàng ở đó là lại sợi tơ có lợi hơn sợi bông. Người có trí liền bán sợi bông để lấy sợi tơ, còn người không trí thì lại nói như trên: "Tôi không thể đổi cây gai để mong kiếm lời của loại hàng tơ sợi đó". Hai người lại mang hàng của mình tiếp tục đi về phía trước, vào một nước nhiều vải lụa giá rẻ, có lợi hơn tơ gấp bội. Người có trí thấy lợi như thế, liền đổi sợi tơ để lấy vải lụa. Còn người không có trí, vì tiếc cây gai đã mang từ xa đến, nên không chịu đổi. Hai người lại mang hàng của mình đi tiếp tới một nước chuyên nghề đúc tiền, vải lụa tuy quý nhưng so với bạc thì kém xa, nếu đổi lụa lấy bạc thì lợi gấp trăm lần. Người có trí liền bán lụa mua bạc thu được lợi vô số, còn người không có trí thì cho rằng tuy gai này không đáng giá là bao, nhưng vì tiếc công sức gánh đi nên không chịu đổi. Người có trí lại nghe nói ở nước kia chỉ sản xuất vàng, hoàn toàn không có bạc, liền bảo với bạn: "Chúng ta hãy đến nước ấy". Chẳng bao lâu họ đến nơi. Lúc ấy người có trí liền bán bạc để mua vàng ròng. Khi mua được vàng rồi, anh ta ngắm nghía, rất vui mừng, tự tính toán: "Ngày trước ta rời nhà đi buôn bán vốn liếng chẳng là bao, ban đầu ta mua cây gai cho là đã có lợi lớn, nhưng không ngờ đến nay mua được vàng ròng, thế gian quý trọng nó không gì bằng, ta đem nó về quê nhà sẽ giàu to". Anh liền gọi bạn: "Thời gian trải qua đã lâu rồi, vậy chúng ta hãy cùng nhau trở về nước mình, tùy theo của cải có được mà giúp đỡ bà con quyến thuộc". Khi ấy người gánh cây gai nói với bạn: "Tôi đã mua cây gai này những mong được lợi lớn, nào ngờ đến đây mới hay chẳng lợi bao nhiêu. Nay anh muốn trở về tôi đâu dám cản. Thôi thì tôi sẽ gồng gánh những bó cây gai này cùng nhau trở về, nếu gặp giá cao thì tùy chỗ sẽ bán". Bàn tính xong họ chọn ngày cùng nhau trở về đường cũ. Khi gần đến quê nhà, những người thân tộc được tin đều ra ngoài thành để đón, ai cũng vui mừng vô cùng và đều trở về nhà. Nhà của người mua

được nhiều vàng, khi cha mẹ vợ con hỏi đi buôn bán thu được lợi gì, người ấy liền đáp được nhiều vàng, gia đình có thể giàu có, cho đến người trong tộc họ cũng đều được giúp đỡ. Còn người gánh gai thì khi người nhà hỏi: "Từ lúc đi buôn bán anh được lợi gì?". Người ấy đáp chỉ được cây gai này chớ chẳng được vật gì khác. Cả nhà nghe xong đều bức rức buồn rầu, bảo người ấy: "Theo cách kinh doanh buôn bán của ông thì cả gia quyến chúng ta vẫn cứ nghèo khổ mãi mà thôi".

Này đại vương, người gánh cây gai ấy do tánh cố chấp, ngu tối, tuy thấy vàng thiệt mà vẫn không chịu đổi lấy đến nỗi thân quyến cứ mãi chịu cảnh khổ sở. Cũng giống như đại vương không tự tìm hiểu mà cứ giữ lấy chấp đoạn, mãi chịu lấy khổ đau, về sau hối hận cũng không kịp.

Nhà vua nghe lời ấy rồi thì nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Ý của tôi không thay đổi là có lý do. Do người trong nước này đều biết kiến giải của tôi. Nếu tôi bỏ kiến giải của mình thì người trong nước sẽ cùng nhau bàn tán: "Đại vương Chánh Cú thường nói là không có người tái sanh, không có đời sau, cũng không có hóa sanh. Ngày nay trở lại bị Tôn giả Ca-diếp cảm hóa". Tôi nhất định không thể chịu sự sỉ nhục này.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Này đại vương, tôi nhớ ngày xưa có một người không biết luật lệ, nuôi nhiều heo kiếm lợi để sinh sống. Anh ta bỗng một hôm đi đến xứ khác, thấy phân thối rất nhiều, liền hốt lấy, đội trên đầu, muốn mang về nhà cho heo ăn. Bất thần nửa đường gặp trời mưa, nước phân chảy thối cả người, trong lòng liền hối hận. Này đại vương, người không biết luật ấy bị mọi người khinh chê, chờ cho thân thể bị hôi thối rồi mới chịu hồi tâm. Vua là người ở địa vị tôn quý, trở lại coi trọng những lời nói phù phiếm rồi chuyên chấp chặt trong tâm mà không xả bỏ đoạn.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp lại nói:

–Này đại vương, trước đây tôi đã khéo nói các thí dụ nhằm khiến cho đại vương xả bỏ đoạn kiến, biết có đời sau và đặt niềm tin nơi Tam bảo. Vọng chấp của đại vương là cố chống đối lại tôi. Nay tôi lại vì đại vương nói thêm một ví dụ nữa. Nếu nhà vua tin được thì hãy lắng nghe, khéo ghi nhớ.

Vua nói:

–Này Tôn giả Ca-diếp, xin hãy nói cho tôi nghe.

Tôn giả Ca-diếp nói với nhà vua:

–Tôi nhớ thuở xưa có một con heo tên là Đại Phúc. Khi ấy Đại Phúc

dẫn một bầy heo đi vào núi sâu, bỗng gặp một con sư tử. Sư tử thấy con heo bèn bảo: "Ta là vua của các loài thú, ngươi mau tránh đường cho ta đi". Đại Phúc đáp: "Bảo ta tránh đường cho ngươi đi, việc này không thể được".

Sư tử nói: "Vậy hãy cùng ta chiến đấu, không được trái lệnh". Heo nói: "Chờ ta một chút, để ta mặc áo giáp". Khi ấy con sư tử nói: "Tên họ ngươi là gì. Ngươi đâu phải là dòng dõi cao quý mà dám chiến đấu với ta như vậy? Hãy mặc áo giáp đi và tùy ý ngươi". Lúc ấy con Đại Phúc bèn đi vào chỗ hầm phân, lăn làm phân dính đầy mình rồi trở lại trước mặt con sư tử, nói: "Ta sẽ chiến đấu với ngươi". Sư tử bảo Đại Phúc: "Ta là vua trong các loài thú, thường bắt các loài hươu nai để ăn thịt. Còn đối với các con vật ốm yếu thì ta tha không ăn. Huống chi thân ngươi dơ nhớp, hôi thối. Nếu ta chiến đấu cùng ngươi chỉ làm ô uế cho ta mà thôi". Bấy giờ sư tử nói với con Đại Phúc bằng bài kệ:

Thân ngươi vốn dơ nhớp
Nay lại càng hôi thối
Ý ngươi muốn chiến đấu
Chỉ làm ta ô uế.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với nhà vua:

–Kiến chấp của đại vương cũng giống như con heo đòi chiến đấu với con sư tử. Như con sư tử, tôi trước đã vì đại vương mà hết lòng nêu bày.

Bấy giờ vua Chánh Cú nghe Tôn giả Ca-diếp nói lời ấy xong, trong thâm tâm xấu hổ, hối hận nên thưa với Tôn giả Ca-diếp:

–Thưa Tôn giả, ngay từ lúc đầu nghe Tôn giả nói ví dụ về mặt trời, mặt trăng, tôi đã tin phục. Nhưng chỉ vì muốn lãnh hội sự biện tài trí tuệ của Tôn giả, nên tôi mới biện luận quanh co để nghe Tôn giả giảng nói. Cúi mong Tôn giả xét sự thành tâm của tôi và nhận biết sự tín phục của tôi. Tôi xin nguyện quy y Tôn giả Ca-diếp.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Chớ nên quy y với tôi. Chỗ tôi quy y đó là Phật, Pháp, Tăng. Vua hãy theo đó mà quy y.

Vua lại nói:

–Theo lời dạy của Tôn giả, tôi xin quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ giới cận sự. Từ nay về sau, tôi nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối và không còn uống rượu nữa, cho đến khi mạng

chung, xin giữ tịnh giới của Phật.

Bấy giờ đại vương Đại Chánh Cú thọ nhận sự giáo hóa xong, thành tâm hướng về Đức Phật thọ ba pháp tự quy y, trọn phụng hành năm giới, rồi cùng các vị Bà-la-môn, Trưởng giả... hoan hỷ lễ bái rồi lui ra.

□

SỐ 46

PHẬT NÓI KINH BÁT NIỆM CHO A-NA-LUẬT

Hán dịch: Đời Hậu hán, Đại sư Chi Diệu, người Tây Vực.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ngụ bên cội cây Cầu sư, núi Thệ mục. Hiền giả A-na-luật ngồi thiền bên bờ đầm vắng, tư duy: "Đạo pháp là ít ham muốn. Nhiều ham muốn không phải là đạo pháp. Đạo pháp là biết đủ. Không biết đủ, không phải là đạo pháp. Đạo pháp là sống ẩn dật thanh tịnh, ưa thích sự đông đảo không phải là đạo pháp. Tinh tấn là đạo pháp, biếng trễ không phải là đạo pháp. Điều phục tâm là đạo pháp, phóng túng buông lung không phải là đạo pháp. Tâm ý an định là đạo pháp, nghĩ ngợi nhiều không phải là đạo pháp. Trí tuệ là đạo pháp, ngu tối không phải là đạo pháp".

Đức Phật dùng tâm của bậc Thánh biết rõ ý của Tôn giả A-na-luật. Ví như lực sĩ co duỗi cánh tay chỉ trong khoảnh khắc liền hiện đến trước chỗ Tôn giả khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật, những điều mà Tôn giả suy niệm chính là điều mà bậc Đại sĩ suy niệm. Hãy lắng nghe Ta nói về tám điều suy niệm của bậc Đại sĩ, hãy khéo suy nghĩ mà thực hành. Hãy nên học Tứ thiền, kiểm soát tâm ý, quán sát, không bỏ nửa chừng, chắc chắn đạt được lợi ích lớn, không mất chí nguyện. Sao gọi là Tứ thiền? Đó là xả bỏ pháp dục ác, bất thiện, ý được hoan hỷ là Nhất thiền hạnh. Nhờ xả niệm ác, chuyên tâm vào một cảnh, không cầu hoan hỷ là Nhị thiền hạnh. Hoan hỷ đã chấm dứt, chỉ như pháp quán, thấy rõ khổ vui là Tam thiền hạnh. Đã bỏ khổ vui, lo mừng đều đoạn, an trụ nơi thanh tịnh là Tứ thiền hạnh. Đã học như vậy rồi, sau đó thực hành tám điều suy niệm của bậc Đại nhân. Tứ thiền là phương pháp kiểm soát tâm ý, vui thích thấy chỗ thực hành đạt được lợi nguyện nhanh, không bỏ cuộc nửa chừng. Hơn nữa, người ít ham muốn ví như vua có cận thần, trông coi các rương hòm

chứa đầy y phục đẹp, nhưng vua lại thích mặc đồ cũ, thiểu dục, biết đủ, ở ẩn, tinh tấn, điều tâm, định ý, trí tuệ, lìa bỏ gia đình, không vui đùa, khinh mạn, không mắc sai lầm, chắc chắn đó là người an ổn, đi đến cửa Nê-hoàn tịch diệt. Đó là tám điều suy nghĩ của bậc đại nhân.

Duy chỉ có Tứ thiền là phương pháp quán niệm để kiểm soát tâm ý, nghĩa của nó ví như nhà vua có vị cận thần trông coi việc nấu nướng, chế biến năm vị, nhưng vua lại ưa thích việc đi khất thực, mục đích đủ để nuôi thân, không mong hưởng thụ. Ý nghĩa ấy ví như nhà vua có lầu gác cao rộng để trông xem, nhưng tự vui thích nơi núi đầm rừng cây, chỗ yên tĩnh, tinh tấn không còn ham muốn đối với thế gian. Ý nghĩa đó ví như nhà vua có vị quan thân cận trông coi biết rõ các thứ thuốc hay cùng các đồ ăn như lạc, tô, đề hồ, thạch mật, nhưng vua tự vui thích khi có bệnh chỉ thuốc bình thường để được trừ bỏ khổ não. Nhờ thực hành tám điều suy niệm, tư duy về Tứ thiền, tinh tấn không thiếu sót, tâm không sai lầm nên chắc chắn tự mình đạt được an ổn, đi tới cửa Nê-hoàn.

Đức Phật giảng nói như vậy xong, liền trở về Thệ mục, bảo các đệ tử:

–Đạo thì phải ít ham muốn, không được có nhiều ham muốn. Đạo thì phải biết đủ, không được tích chứa cho nhiều. Đạo thì phải ở chỗ yên tịnh, không nên ưa thích chốn đông đảo. Đạo thì phải tinh tấn, không được biếng trễ. Đạo thì phải điều phục tâm, không được buông lung phóng túng. Đạo thì phải định ý, không được loạn niệm. Đạo thì phải có trí tuệ, không được ngu ám. Tỳ-kheo phải lấy sự ít ham muốn làm vui thích. Đó là thân tự ít ham muốn, nhưng không khoe khoang với mọi người là mình thiểu dục. Ý nghĩa như vậy mới đúng.

Tỳ-kheo biết đủ đó là các thứ bình bát, y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh, chỉ cần đủ dùng, đừng nên chứa nhóm cho dư. Ý nghĩa như vậy mới đúng. Tỳ-kheo ở ẩn, đó là tránh người thế gian, không vào chốn đông đúc, ở những chốn xa như núi đầm, hang đá, gốc cây. Như có tứ chúng, nếu các hàng vua, đại thần đến để hỏi đạo thì hãy nói pháp thanh tịnh cho họ nghe, xong rồi đi liền. Thí như kẻ nghèo mắc nợ người giàu có, bị chủ nợ lôi kéo, kẻ ấy muốn xa lánh, không thích nên ở ẩn, xa lìa mọi người. Như vậy mới đúng nghĩa. Tỳ-kheo tinh tấn là đoạn trừ điều phi pháp, siêng năng thực hành kinh đạo, chưa hề biếng trễ. Đầu đêm, nửa đêm, cuối đêm đi kinh hành, ngồi hay nằm, tâm ý luôn tỉnh giác, nhớ nghĩ điều thanh tịnh để trừ năm thứ phiền não che lấp. Như vậy mới đúng

nghĩa. Tỳ-kheo điều phục tâm là bỏ dục, pháp ác, ngồi nhập định, tư duy, quán tưởng để đoạn trừ khổ, mong đạt được tứ thiền hạnh. Như vậy là đúng nghĩa. Tỳ-kheo định ý là thường nhất tâm quán thân, quán ý, quán pháp không bị ngoại cảnh chi phối, thân giữ niệm theo đạo, bỏ tưởng ngu si khổ não. Như vậy là đúng nghĩa. Tỳ-kheo có trí tuệ, đó là biết rõ Tứ đế: Khổ, Tập, Tận (Diệt), Đạo.

Sao gọi là Khổ đế? Đó là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ưu bi não khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, oán ghét mà gặp nhau là khổ, ham muốn mà không đạt được là khổ. Tóm lại, năm ấm dấy khởi mạnh là khổ. "Sanh khổ" là con người tùy theo nghiệp tạo tác dẫn dắt, thọ nhập vào thai sanh ra, có hình thể, hiện căn thân, có nhập, có thọ mà lớn lên. "Già khổ" là các căn nơi con người đã chín mùi, hình thể thay đổi, tóc bạc, răng long, gân mỏi, da nhăn, lưng còng phải chống gậy mà đi. "Bệnh khổ" là con người bị đủ các thứ bệnh tật hành hạ, gây thống khổ cho thân tâm. "Chết khổ" là con người mạng chung, thân hình hư nát, hơi ấm không còn, tắt thở, thần thức đã lìa. Những thứ ấy đều là khổ.

Sao gọi là Tập đế? Đó là tâm vui thích dâm dục sanh ra ân ái, tâm ý ở nơi tham dục nên có các lậu (phiền não, sanh tử). Các hành dấy khởi mạnh, do tham đắm nên tự trói buộc. Những gì được gọi là Ái, chính là mắt tham ái sắc, tai tham ái âm thanh, mũi tham ái mùi hương, lưỡi tham ái vị, thân tham ái sự tiếp xúc, tâm tham ái các dục, chỉ thấy phần vui thích luôn có, ở nơi mong muốn an ổn, cho là lợi lạc, gọi đó là Ngã hữu, do tham chấp mà tự trói buộc. Theo đấy nên năm ấm là sắc, thống (thọ), tưởng, hành, thức cùng dấy khởi mạnh, mọi nhận thức luôn hướng về ham muốn, ưa thích. Đó gọi là Ngã hữu do tham chấp nên tự trói buộc. Gọi là sắc tức là đối tượng lãnh thọ của tinh thần, do khí chất của Tứ đại là địa, thủy, hỏa, phong biến hóa thành hình tướng. Gọi là sự đắm nhiễm của ái, tức là sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhận thức và vướng chấp nơi Sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt *(xúc)*, pháp. Tất cả gọi là Tập đế.

Sao gọi là Tận đế *(Diệt đế)*? Đó là không thọ, không nhập, ái nhiễm đã dứt hết sạch, mọi sự trói buộc tham chấp đã được cởi bỏ. Như người có tuệ kiến là do đã dứt bỏ tất cả mọi đắm nhiễm ấy. Người thế gian không thấy được sự trói buộc của năm ấm. Còn người tu tập thì dứt trừ hết mọi vướng chấp, đã mở hết các dây ái trói buộc, do trí tuệ nên thấy rõ các pháp là phi thường *(vô thường)*, khổ, không, phi thân *(vô ngã)* nhờ đấy mà đoạn trừ. Đó là Tập đế.

Sao gọi là Đạo đế? Đó là Tám trực đạo *(Bát chánh đạo)*: Chánh kiến, chánh tư, chánh ngôn, chánh hành, chánh trị, chánh mạng, chánh chí và chánh định. Sao gọi là Chánh kiến? Chánh kiến có hai loại: có tục *(thế gian)* và đạo. Biết có nhân nghĩa, biết có cha mẹ, biết có Sa-môn, Phạm chí, biết có bậc Chân nhân đắc đạo, biết có đời này đời sau, biết có thiện ác tội phước. Từ đây đến bên kia nhờ thực hành mà chứng đạo. Đó là chánh kiến của thế gian. Nhờ hiểu Tứ đế: Khổ, Tập, Tận *(Diệt)*, Đạo, đã được tuệ kiến về không, tịnh, phi thân *(vô ngã)*. Đó là Chánh kiến của đạo.

Chánh tư *(Chánh tư duy)* cũng có hai: Suy tư về học vấn, suy tư về hòa kính, suy tư về răn dạy, thận trọng, suy tư về vô hại. Đó là Chánh tư của thế gian. Suy tư về nơi giải thoát, suy tư về nhẫn nhục, suy tư về sự diệt sạch hết mọi tham đắm của ái. Đó là Chánh tư của đạo.

Chánh ngôn *(Chánh ngữ)* cũng có hai: Không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, mắng chửi, không nói dối, không nói lời thêu dệt. Đó là Chánh ngôn của thế gian. Lìa bốn lỗi của miệng, đọc tụng giảng giải lời đạo, tâm không tạo tác, sạch hết không còn tàn dư. Đó là Chánh ngôn của đạo.

Chánh hành *(Chánh nghiệp)* cũng có hai: Thân làm điều thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ điều thiện. Đó là Chánh hành của thế gian. Thân, miệng tinh tấn, tâm nhớ nghĩ về không tịnh, diệt trừ buông lung, chấp trước. Đó là Chánh hành của đạo.

Chánh trị cũng có hai: Không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không khinh mạn tự cho mình hơn người, tu đức, tự gìn giữ. Đó là Chánh trị của thế gian. Lìa bỏ ba điều ác của thân, đoạn trừ mọi nguyên nhân của khổ, diệt ái cầu giải thoát. Đó là Chánh trị của đạo.

Chánh mạng cũng có hai: Cầu tiền tài theo đạo nghĩa, không tham lam của cải một cách bừa bãi, không dùng tâm dối trá đối với người. Đó là Chánh mạng của thế gian. Đã xa lìa nghiệp tà, dứt bỏ các việc làm về bói toán, đoán quẻ nơi thế gian, không phạm giới cấm của đạo. Đó là Chánh mạng của đạo.

Chánh chí *(Chánh niệm)* cũng có hai: Không ganh ghét, không giận dữ, không thờ kính điều tà vạy. Đó là Chánh chí của thế gian. Lìa ba điều ác nơi tâm, thực hành bốn ý đoan *(tức Chánh cần)*, thanh tịnh vô vi (tịch diệt). Đó là Chánh chí của đạo.

Chánh định cũng có hai: Thể tánh thuần thục, điều hòa, an lập điều

thiện kiên cố, tâm không quanh co, tà vạy. Đó là Chánh định của thế gian. Được bốn ý chí, tư duy về không, vô tưởng *(vô tướng)*, bất nguyện *(vô nguyện),* thấy rõ nguồn gốc của Nê-hoàn. Đó là Chánh định của đạo.

Đó là Đạo đế. Tỳ-kheo lìa bỏ nhà cửa, dứt trừ ân ái, suy tư về đạo một cách an tịnh, không còn mọi lưu luyến về thế tục, tâm ý không chạy theo dục, thanh tịnh, không chướng ngại. Đó là nghĩa của đạo pháp, phải tuân theo như vậy.

Hiền giả A-na-luật nghe Đức Phật giảng nói kinh, tâm ý được khai mở, thọ trì thực hành trong ba tháng thì các lậu được dứt sạch, ý giải thoát, đạt được Tam trị *(Tam niệm trụ*). Đã chứng đạo, tự biết mình được quả vị A-la-hán, Hiền giả liền nói bài kệ:

Không nhàm chán dục lạc
Vì dục, tâm buông lung
Do đó phải chịu khổ
Tạo ác, nhiều trói buộc.
Ít dục, biết đạo hạnh
Biết thẹn, không tham đắm
Là pháp đạt thanh tịnh,
Xa ác, vượt thế gian.
Tâm luôn trụ trong đạo
Không tham luyến sanh tử
Ta dùng Định Như không
Các khổ được diệt trừ.
Theo lời Đức Phật dạy
Giữ hạnh bỏ dục ác
Bỏ lỗi lầm nơi thân
Được lợi lạc tịch diệt.
Từ đó được Tam trị
Đã nhổ gốc ân ái
Ngay nơi xóm Duy-sa
Vườn Trúc, Bát-nê-hoàn.

□

SỐ 47

PHẬT NÓI KINH XA RỜI SỰ NGỦ NGHỈ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở nơi vườn Lộc dã, tại Bà-kỳ-thi-mục-ma-tỷ-lượng.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở tại thôn Ma-kiệt Thiện tri thức, sống một mình ở chốn tịch tĩnh, đi kinh hành nhưng mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống một mình ở chốn tịch tĩnh để đi kinh hành nhưng lại bị buồn ngủ.

Đức Thế Tôn đã biết như vậy rồi, liền nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng. Nhờ ý trụ trong tam-muội, chỉ trong khoảnh khắc nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, Ngài đang ở trong vườn Lộc dã, bỗng nhiên biến mất, đi đến thôn Ma-kiệt Thiện tri thức, đứng trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Bấy giờ Đức Thế Tôn ra khỏi pháp định, bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Này Mục-kiền-liên, này Mục-kiền-liên! Thầy đang mắc chứng buồn ngủ chăng?

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Do niệm nào mà gây buồn ngủ thì chớ thực hành tưởng ấy, chớ phân biệt về tưởng ấy, chớ phân biệt nhiều. Như vậy mới lìa được chứng buồn ngủ. Nếu vẫn không lìa được chứng ấy thì này Mục-kiền-liên, hãy như giáo pháp đã được nghe, như giáo pháp đã được tụng, nên theo đấy mà tụng tập rộng khắp. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên như giáo pháp đã được nghe, như giáo pháp đã được tụng, nên rộng nói cho người khác nghe. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được chứng ấy thì này Mục-kiền-liên, nên như pháp đã được đọc tụng, như pháp đã được nghe, tâm ý phải suy niệm, phải thực hành. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên lấy nước lạnh rửa mắt và rửa ráy khắp thân thể. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên dùng hai tay xoa lên mép tai. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên đứng dậy đi ra khỏi giảng đường, nhìn khắp bốn phương, nhìn lên các vì sao. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên ở nơi khoảng đất trống thong thả đi kinh hành, hãy giữ gìn các căn, ý nghĩ đến các việc phải làm, sau đó khởi đủ các tưởng. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được thì này Mục-kiền-liên, nên trở về, không đi kinh hành nữa, trải tọa cụ lên giường mà ngồi kiết già. Như vậy sẽ lìa được chứng buồn ngủ.

Nếu vẫn không lìa được, thì này Mục-kiền-liên, nên trở về giảng đường, gấp tư y Uất-đa-la-tăng trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, hãy khởi tưởng về ánh sáng, đừng để tâm ý bị loạn động, luôn luôn khởi tưởng an trụ trong tư duy muốn thức dậy. Này Mục-kiền-liên, đừng ham thích nơi giường chõng, đừng ham thích việc nằm ngủ theo phía hông bên phải, đừng ham thích ngủ nghỉ, đừng ham thích sự cung kính của thế gian trở thành tham đắm. Vì sao vậy? Này Mục-kiền-liên, vì Ta không nói: "Nên gần gũi tất cả các pháp". Ta cũng không nói: "Không nên gần gũi tất cả các pháp".

Này Mục-kiền-liên, vì sao Ta nói "Tất cả pháp không thể gần gũi?". Này Mục-kiền-liên, Ta nói không gần gũi với hàng Bạch y. Này Mục-kiền-liên, nếu gần gũi với hàng Bạch y thì phải luận bàn cùng họ mà không tụng tập với họ, nhân luận bàn với họ thì có sự dua nịnh, dối trá, kiêu mạn, nhân có kiêu mạn liền có ganh ghét, nhân có ganh ghét thì không biết được sự yên tĩnh. Này Mục-kiền-liên, không biết sự yên tĩnh nên xa lìa tam-muội. Này Mục-kiền-liên, do đó Ta nói đó là pháp không nên gần gũi.

Này Mục-kiền-liên, tại sao Ta nói pháp nên gần gũi? Này Mục-kiền-liên, hãy đến chốn vắng vẻ, lấy nệm cỏ làm giường, im lặng không nói, xa lìa các điều ác, lìa nơi đông người, thường nên an tọa tư duy. Này Mục-

kiền-liên, đó là pháp mà Ta nói nên gần gũi.

Này Mục-kiền-liên, nếu vào thôn xóm để khất thực, đừng vì cầu lợi dưỡng, đừng vì cầu được cung kính. Này Mục-kiền-liên, hãy dứt bỏ ý cầu lợi dưỡng, cầu cung kính rồi mới vào thôn xóm khất thực.

Này Mục-kiền-liên, khi vào thôn xóm khất thực, đừng khởi ý tưởng vào nhà người khác. Vì sao? Này Mục-kiền-liên, vì nhà của hàng Cư sĩ có nhiều việc thế tục. Nếu Tỳ-kheo vào nhà Cư sĩ mà không được họ tiếp chuyện, vị Tỳ-kheo kia liền nghĩ như vầy: "Ai đã nói gì với Cư sĩ này về ta cho nên Cư sĩ mới không nói chuyện với ta". Vị ấy liền khởi tâm sân hận, vì có tâm sân hận nên liền có kiêu mạn, vì có kiêu mạn nên tâm không tịch tĩnh. Này Mục-kiền-liên, vì tâm ý không tịch tĩnh nên xa lìa tam-muội.

Này Mục-kiền-liên, nếu lúc thuyết pháp đừng nghĩ tới chuyện hơn thua, nên có ý nghĩ là không hơn kém. Nếu có ý tranh hơn kém thì liền có nhiều lời, vì có nhiều lời nên có kiêu mạn, do kiêu mạn nên có ganh ghét, nhân vì ganh ghét nên không tịch tĩnh. Này Mục-kiền-liên, vì không tịch tĩnh nên ta nói là xa lìa tam-muội.

Này Mục-kiền-liên, nếu lúc thuyết pháp phải nói lời có ích, phải nói lời quyết định, chớ đừng nói những lời sai khác. Hãy luận bàn như tiếng gầm của con sư tử. Như vậy, này Mục-kiền-liên, hãy nên học như vậy.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đứng qua một bên, đắp y, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, bạch:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn, thế nào là vị Tỳ-kheo đạt đến chỗ cứu cánh, dứt sạch mọi cấu uế một cách rốt ráo, hành phạm hạnh đạt đến cứu cánh?

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo có bệnh, hoặc cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc. Vị Tỳ-kheo ấy hãy nên quán sự cảm thọ ấy là vô thường, quán nó là pháp hư hoại, hãy quán nó là vô nhiễm, hãy quán nó là tận diệt, hãy quán nó là sự dừng dứt, hãy quán nó là chỗ an trụ. Hãy quán về căn bệnh ấy như vậy. Hãy quán căn bệnh ấy là pháp không thường trụ, hãy quán nó là pháp hư hoại, hãy quán nó là vô nhiễm, hãy quán nó là tận diệt, hãy quán nó là sự dừng dứt, hãy quán nó là chốn an trụ. Vị ấy liền không tham đắm vướng mắc nơi thế gian này, vì không tham đắm nên không lo sợ, không lo sợ nên xả bỏ Niết-bàn Hữu dư: Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm xong,

biết rõ như thật về danh sắc. Này Mục-kiền-liên, đó là Tỳ-kheo đạt đến cứu cánh, cứu cánh trong việc dứt sạch mọi cấu nhiễm, cứu cánh về phạm hạnh, cứu cánh về việc thực hành phạm hạnh.

Đức Phật giảng nói như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Đức Phật giảng dạy hoan hỷ lãnh hội.

□

SỐ 48

PHẬT NÓI KINH PHÁP ĐÚNG, PHÁP SAI

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Sa-môn An Thế Cao, người nước An tức.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo hãy tụ họp để nghe pháp. Các Tỳ-kheo thưa: "Dạ vâng". Các Tỳ-kheo đều theo Đức Phật để nghe giảng dạy.

Đức Phật dạy:

–Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe Ta nói. Có pháp của bậc Hiền giả, cũng có pháp chẳng phải của bậc Hiền giả. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe cho kỹ, biết rõ, suy nghĩ về điều này thật thấu đáo.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Dạ vâng! Xin theo Phật để thọ giáo.

Đức Phật nói:

–Này các Tỳ-kheo, những gì là pháp chẳng phải của bậc Hiền giả? Nếu Tỳ-kheo thuộc dòng dõi quý tộc, yêu thích đạo, muốn học đạo; nếu có các Tỳ-kheo khác đồng học nhưng không phải là dòng dõi quý tộc mà Tỳ-kheo dòng dõi quý tộc kia tự kiêu đối với bản thân mình, khinh chê người khác. Đó là pháp chẳng phải của bậc Hiền giả.

Những gì là pháp của bậc Hiền giả? Vị Hiền giả tu học suy tính rằng ta chẳng cần phải nhờ nơi dòng họ tôn quý, mà có thể đoạn tham dục, đoạn trừ sân hận, đoạn trừ ngu si. Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo không phải thuộc dòng họ tôn quý thuyết giảng giáo pháp, ta nên nương vào phương tiện để thọ pháp, theo pháp mà nói, theo điều cốt yếu của chánh pháp để thực hiện, tùy thuận pháp mà hành hóa. Nhờ theo vị danh đức ấy để nghe pháp, như pháp mà hành, thuận theo pháp chân thật, không tự khen mình,

cũng không khinh chê người. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo hình tướng hết sức đoan nghiêm, các Tỳ-kheo khác không bằng, do mình đoan nghiêm cho nên tự khen mình khinh chê người khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Bậc Hiền giả thì không như vậy. Bậc Hiền giả không nhờ vào hình tướng đoan nghiêm của mình mà có thể đoạn trừ được tham dâm, có thể đoạn được sân hận, có thể đoạn được ngu si.

Hoặc lúc ấy có vị Tỳ-kheo tuy hình tướng không đẹp đẽ thuyết giảng giáo pháp, ta chỉ theo pháp ấy hoặc nhiều hay ít để thọ trì, thực hành, liền được ngợi khen, có tiếng. Vậy ta nên thọ pháp ấy một cách chắc chắn, tùy theo pháp mà hành hóa, không tự khen mình, cũng không chê người. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo khéo giảng nói những lời hay đẹp, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Vị ấy nhân khéo nói được những lời hay đẹp nên tự khen mình, chê người khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Vị Hiền giả tu học suy tính rằng ta chẳng nhờ theo các lời nói hay đẹp, cũng không nhờ theo việc biết nói những lời hay đẹp, mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si.

Hoặc có vị Tỳ-kheo lời giảng nói không hay đẹp, lại cũng không khéo giảng nói, nhưng chỉ như pháp thọ giáo, nhiều hay ít theo đấy mà thực hành, nhờ việc làm đó nên được cung kính, nhờ việc ấy mà được nhiều người biết đến. Vị ấy với pháp đó, dốc thọ trì pháp, thực hành chắc thật, không tự khen mình, chê người. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc khi ấy nghe có một vị Tỳ-kheo lớn tuổi, hiểu biết nhiều bạn bè kết giao là hàng giàu có, còn các Tỳ-kheo khác thì không bằng. Vị Tỳ-kheo kia liền theo vị Tỳ-kheo lớn tuổi nhiều hiểu biết, rồi tự khen mình, tự kiêu ngạo, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Bậc Hiền giả chỉ học hỏi, suy nghĩ: "Chính ta chẳng phải nhờ theo vị Tỳ-kheo lớn tuổi, cũng không phải nhờ có nhiều hiểu biết, cũng không nhờ theo người có nhiều phước đức mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si".

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo còn nhỏ, cũng không có nhiều hiểu biết, phước đức cũng còn ít, nhưng thọ pháp, muốn tùy pháp tu hành, hoặc nhiều hay ít, nhờ đó được nhiều người biết đến. Vị ấy theo pháp, tùy thuận

pháp chân thật nhưng không tự khen mình, không tự kiêu mạn, không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc lúc ấy có vị Tỳ-kheo biết nghe kinh, có thể thuyết giảng kinh, biết giới luật, biết rõ, hiểu sâu về ý nghĩa của kinh, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Vị ấy nhờ hiểu sâu về ý nghĩa, thông suốt kinh nên tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó chẳng phải là pháp của bậc Hiền giả. Bậc Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả nên học như vầy: "Chính ta không phải nhờ hiểu sâu về ý nghĩa kinh, cũng không phải nhờ thông suốt kinh điển mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si".

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo không hiểu sâu xa, cũng không thông suốt kinh điển, chỉ thọ pháp, tùy pháp, dốc sức tùy theo pháp mà hành hóa, nên nhờ đó mà được cung kính, được nhiều người biết đến. Đó là nhờ thọ trì pháp, tùy pháp, thực hành điều chân thật, cho nên vị ấy không tự khen mình, không tự kiêu ngạo, cũng không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc lúc ấy có vị Tỳ-kheo tự hành khất thực, không nhờ các bạn hữu để hành khất thực, không quá bảy nhà, ngồi một chỗ, ngày ăn một bữa, sau đó ai cúng cũng không nhận. Còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Do ngày ăn một bữa, sau đó có ai cúng cũng không nhận, rồi tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả cần phải học: "Ta không phải nhờ theo hạnh ngày ăn một bữa, sau đó có ai cúng cũng không nhận mà có thể đoạn trừ được tham dục, đoạn trừ được sân hận, đoạn trừ được ngu si.

Hoặc bấy giờ có vị Tỳ-kheo không theo hạnh ngày ăn một bữa, sau đó có ai cúng cũng không nhận. Vị ấy chỉ thọ pháp, tùy pháp chân chánh tiếp nhận đúng pháp, nhờ đó được cung kính, được nhiều người nghe biết. Vị này tùy thuận pháp chân thật, không tự khen mình, không tự kiêu ngạo, cũng không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc khi ấy có vị Tỳ-kheo dùng ba y ở nơi chốn gò mả để tu tập, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Nhờ sự tu tập ấy nên tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó chẳng phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: "Không hẳn ta nhờ dùng ba y này mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si".

Hoặc có Tỳ-kheo không dùng ba y tu tập như thế, nhưng vị ấy thọ pháp, tùy thuận pháp, chân chánh tiếp nhận theo đúng pháp, nhờ đó liền được cung kính, được nhiều người nghe biết. Nhờ pháp này, tùy thuận pháp chân thật, nhưng vị ấy không tự khen mình, không tự kiêu mạn, cũng không khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo ở những nơi đất trống hay bên cạnh gốc cây, hoặc chốn đầm vắng, giữa vùng gò mả, để tu tập, ngồi thiền đúng lúc, còn các Tỳ-kheo khác thì không như vậy. Do đó vị ấy tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: "Không hẳn ta nhờ tu tập, ngồi thiền ở nơi đất trống, dưới gốc cây, nơi đầm vắng, giữa vùng gò mả mà có thể đoạn trừ được tham dục, có thể đoạn trừ được sân hận, có thể đoạn trừ được ngu si".

Hoặc có Tỳ-kheo không có những điều nói trên, nhưng vị ấy chỉ thọ pháp, tùy thuận pháp, chân chánh tiếp thọ tùy pháp, nhờ đó liền được cung kính, được nhiều người biết đến. Nhờ pháp này, tùy thuận pháp chân thật, nhưng vị ấy không tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo đã đạt được đệ Nhất thiền, còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Vì được đệ Nhất thiền nên vị ấy tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: "Đệ nhất thiền, Đức Phật dạy là phải tự mình biết điều ấy, thọ trì pháp chân thật ấy, không tự khen mình, không tự kiêu mạn, không khinh chê kẻ khác". Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo đạt được đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, giống như đã nói về đệ Nhất thiền. Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Hoặc có Tỳ-kheo hiểu rõ về Không hành ý, hoặc có lúc hiểu về Thức hành ý, hoặc có lúc hiểu về Phi thường hành ý, hoặc có lúc hiểu Vô hữu tư tưởng hành ý, Hữu tư tưởng hành ý. Còn các Tỳ-kheo khác thì không được như vậy. Nhờ có được các pháp định như vậy nên tự khen mình, tự kiêu mạn, khinh chê kẻ khác. Đó không phải là pháp của bậc Hiền giả. Hiền giả thì không như vậy. Hiền giả chỉ học: "Vô hữu tư tưởng hành, cũng như Hữu tư tưởng hành, Đức Phật dạy không nên chấp ta có cái này, nên thọ pháp, tùy thuận pháp chân thật không tự khen mình, không tự kiêu mạn, không khinh chê kẻ khác". Đó là pháp của bậc Hiền giả.

Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, Ta đã nói về pháp của bậc Hiền giả, cũng nói pháp không phải của bậc Hiền giả. Các Tỳ-kheo hãy nên tự tư duy. Đối với pháp không phải của bậc Hiền giả cũng nên tư duy. Nên dốc thực hành pháp của bậc Hiền giả, xả bỏ pháp không phải của bậc Hiền giả. Hãy thọ nhập pháp của bậc Hiền giả, tùy thuận pháp, Tỳ-kheo nên học như vậy.

Đức Phật dạy như thế. Các Tỳ-kheo lãnh hội và chí tâm hành trì.

□

SỐ 49

PHẬT NÓI KINH CẦU DỤC

Hán dịch: Đời Tây Tấn Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở trong vườn Lộc dã thuộc vùng Bà-kỳ-thi-mục-ma-lâm-tỷ-lượng. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

–Này chư Hiền, nên biết thế gian hiện tại có bốn loại người. Bốn loại người ấy là gì? Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục (ô uế), kẻ ấy bên trong có cầu dục mà không biết rõ. Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rõ. Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục nhưng không tự biết rõ. Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục và tự biết rõ.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục mà không tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là người hết sức xấu ác.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là hơn hết.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục mà không tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là người hết sức xấu ác.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục và tự biết rõ, ta nói kẻ ấy là người hơn hết.

Khi ấy có một Tỳ-kheo từ tòa ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

–Thế nào, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, do nhân duyên gì mà hai người đầu, cùng có cầu dục *(ô uế)*, đều có tham đắm mà ngài nói một người thì xấu ác, còn một người thì lại hơn hết? Lại do nhân duyên gì mà hai người sau này, đều không có cầu dục, đều không có tham đắm mà ngài nói một người thì xấu ác, còn một người thì lại hơn hết?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Này chư Hiền, hoặc có một người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục nhưng không biết rõ, nên biết kẻ ấy không ưa thích thực hành, cũng không cố gắng, cũng không tinh tấn để diệt trừ tâm cầu dục kia. Kẻ ấy trụ nơi tâm cầu dục, tâm ý còn tham vướng nơi cầu dục cho tới khi mạng chung. Do vậy mà chẳng làm được điều thiện nên cũng chẳng được sanh đến chỗ lành. Vì sao như vậy? Vì kẻ ấy tâm ý luôn tham đắm nơi cầu dục cho tới mạng chung. Này chư Hiền, cũng như có người hoặc ở chợ búa, hoặc ở nhà thợ đúc đồ đồng mang một cái bát bằng đồng dơ nhớp không sạch về. Kẻ ấy đã mang bát đồng về rồi mà không tùy thời rửa sạch, không tùy thời lau chùi, cũng không tùy thời mài cọ, chỉ để nơi chỗ bụi bặm đất cát. Cái bát đồng ấy như vậy chỉ tăng thêm sự cấu uế. Như thế, này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục mà không tự biết rõ, nên biết kẻ ấy không ưa thích thực hành, cũng không cố gắng, cũng không tinh tấn để diệt trừ tâm cầu dục kia. Kẻ ấy chỉ trú nơi tâm cầu dục, tâm ý còn tham vướng nơi cầu dục cho tới khi mạng chung do vậy mà chẳng làm được điều thiện và cũng không được sanh đến chỗ lành. Vì sao? Vì kẻ ấy tâm ý luôn tham đắm với cầu dục cho đến khi mạng chung.

–Này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rất rõ, nên biết kẻ ấy sẽ ưa thích thực hành, luôn tinh tấn để diệt trừ nên sự cầu dục của kẻ ấy sẽ đình chỉ. Kẻ ấy không còn tâm ý cầu dục, vì không còn tâm ý cầu dục nên khi mạng chung không còn tham đắm. Kẻ ấy không tham đắm, khi mạng chung mà không có ý tham đắm nên cái chết ấy an lành mà chỗ được sanh đến cũng tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy không có cầu dục, không có tâm ý tham đắm. Này chư Hiền, giống như có người hoặc ở chợ búa hay ở nhà thợ đúc đồ đồng mang cái bát bằng đồng đầy bụi bặm dơ nhớp về. Kẻ ấy mang cái bát về rồi tùy thời rửa sạch, tùy thời lau chùi, tùy thời mài cọ, không để ở chỗ bụi bặm, cái bát đồng đó về sau luôn được sạch sẽ bóng láng. Như vậy, này chư Hiền, hoặc có người bên trong có cầu dục, kẻ ấy bên trong có cầu dục và tự biết rất rõ. Nên biết kẻ ấy sẽ ưa thích thực hành, luôn tinh tấn để diệt trừ cầu dục ấy. Tâm cầu dục của kẻ đó đã được đoạn trừ, tâm ý không còn cầu dục, nên khi mạng chung không còn tham đắm. Kẻ ấy không còn tâm ý cầu dục, mạng chung mà không còn tham đắm, thì sự mạng chung ấy đã an lành, lại cũng được sanh đến chỗ lành. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy không

còn cầu dục, khi mạng chung không còn tham đắm.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục mà không tự biết rõ, nên biết kẻ ấy không thể giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần. Khi đã không thể giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần rồi thì ý sẽ khởi dâm dục. Kẻ ấy sẽ mạng chung mà ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu. Kẻ ấy tâm ý luôn tham đắm với mọi thứ tạp dục, tạp cầu, cho đến khi mạng chung, do đấy cái chết ấy bất thiện, lại cũng sanh đến chỗ bất thiện. Vì sao vậy? Vì cho tới khi chết mà tâm ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu. Này chư Hiền, giống như, có người hoặc ở chợ búa, hay ở nhà thợ đúc đồ đồng mang một cái bát bằng đồng sạch sẽ về. Khi mang về rồi cũng không tùy thời rửa sạch, cũng không tùy thời lau chùi, cũng không tùy thời mài cọ, lại để chỗ bụi bặm. Cái bát đồng như vậy về sau sẽ bị dơ nhớp không sạch. Này chư Hiền, như vậy, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục mà không tự biết rõ, nên biết kẻ ấy không thể giữ gìn được mắt, tai, ý, pháp. Kẻ ấy đã không giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần, thì sẽ khởi ý dâm dục, dấy ý tạp dục, mạng chung mà ý tham đắm, tạp dục, tạp cầu. Kẻ ấy cho tới khi mạng chung mà tâm ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu, thì sự chết sẽ không an lành mà cũng không sanh đến chốn lành. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy mạng chung mà tâm ý còn tham đắm tạp dục, tạp cầu.

Này chư Hiền, hoặc có người bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục và tự biết rất rõ, nên biết kẻ ấy có thể giữ gìn được mắt, tai, ý, pháp. Kẻ ấy đã giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần rồi thì tâm ý sẽ không còn khởi dâm dục, mạng chung mà ý không tham đắm không cầu, không dục. Kẻ ấy mạng chung mà tâm ý không còn tham đắm không dục, không cầu, thì sự chết đã an lành mà chỗ sanh đến cũng tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì mạng chung mà tâm ý không tham đắm, không dục, không cầu vậy. Này chư Hiền, giống như có người, hoặc ở chợ búa, hay ở nhà người thợ đúc đồ đồng mang về cái bát bằng đồng sạch sẽ, mang về rồi tùy lúc rửa sạch, tùy lúc lau chùi, tùy lúc mài cọ, không để chỗ bụi bặm. Như vậy, cái bát ấy càng thêm sạch sẽ trắng tinh. Này chư Hiền, kẻ ấy cũng như vậy, bên trong không có cầu dục, kẻ ấy bên trong không có cầu dục tự biết rõ như vậy, nên biết kẻ ấy có thể giữ gìn được mắt, tai, ý pháp. Kẻ ấy đã giữ gìn được các căn tiếp xúc với các trần thì sẽ không dấy khởi dâm dục. Kẻ ấy tâm ý không còn tham đắm, không tạp dục, tạp cầu cho đến mạng chung. Kẻ ấy mạng chung mà tâm ý không tham đắm,

không tạp dục, tạp cầu nên sự chết cũng an lành mà chỗ thác sanh cũng tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì kẻ ấy đến lúc mạng chung tâm ý không còn tham đắm, không tạp dục, tạp cầu.

Do vậy, này chư Hiền, nhân như vậy, duyên như vậy nên khiến cho hai người đầu đều có tâm ý tham vướng cầu dục mà nói một người thì xấu ác, còn một người thì hơn hết. Do nhân như vậy, duyên như vậy nên hai người sau bên trong không có ý tham đắm, không cầu dục mà nói một người thì xấu ác còn một người thì hơn hẳn.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo khác từ tòa ngồi đứng dậy, sửa y, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào gọi là cầu dục? Tâm mong cầu dục ấy vì sao gọi là cầu dục?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Này chư Hiền, vì mong cầu dục lượng các pháp ác cho nên gọi là cầu dục. Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như sau: "Nếu ta có phạm tội chút ít, đừng để cho người khác biết ta có phạm giới". Này chư Hiền, các vị nên biết có người biết vị ấy đã phạm giới, vì có người biết nên vị ấy trở nên sân hận. Này chư Hiền, nếu kẻ ấy đã sân hận, do dục hành động, đó chỉ là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Nếu ta có phạm tội chút ít, mong rằng người ta quở trách ở chỗ kín đáo, đừng quở trách ta phạm giới trước công chúng". Nhưng này chư Hiền, các vị nên biết có người biết chỗ phạm giới ấy liền đưa ra nói trong chúng. Do người ta không quở trách ở chỗ kín đáo mà lại quở trách trước công chúng, nên người ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, người ấy đã sanh tâm sân hận, rồi hành động theo dục vọng, đó chỉ là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người đã phạm giới mong rằng: "Người bằng ta trách mắng ta, đừng để người kém ta trách mắng sự phạm giới của ta". Nhưng này chư Hiền, các vị nên biết người phạm giới ấy bị người kém hơn trách mắng. Vì bị người kém hơn trách mắng cho nên kẻ phạm giới ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, kẻ ấy sanh tâm sân hận rồi, nên hành động theo dục vọng, đó chỉ là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Mong ta được ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, ta sẽ hỏi Đức Thế Tôn để Ngài sẽ thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe, chớ đừng để Tỳ-kheo khác ở trước mặt Đức Thế Tôn hỏi Đức Thế Tôn rồi Ngài thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe".

Này chư Hiền, các vị nên biết có Tỳ-kheo khác ở trước mặt Đức Thế Tôn hỏi Đức Thế Tôn rồi Ngài thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe, nên kẻ ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, kẻ ấy đã khởi tâm sân hận cho nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Lúc các Tỳ-kheo vào làng, mong rằng ta đi trước nhất, đừng để một Tỳ-kheo nào khác vào làng trước ta". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo vào làng có Tỳ-kheo khác đi trước nhất. Khi các Tỳ-kheo vào làng, có Tỳ-kheo khác đi trước nhất; vì có Tỳ-kheo khác đi trước nhất, nên vị ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, kẻ ấy đã khởi tâm sân hận cho nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như vầy: "Khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, mong rằng ta được chỗ ngồi trước nhất, được nước rửa trước nhất, được đồ ăn trước nhất, chớ đừng để vị Tỳ-kheo nào khác, khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, thì được chỗ ngồi trước nhất, được nước rửa trước nhất, được đồ ăn trước nhất". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí rồi có Tỳ-kheo khác được chỗ ngồi trước nhất, được nước rửa trước nhất, được đồ ăn trước nhất. Do đó vị ấy sanh tâm sân hận, vị ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như vầy: "Khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bát, mong ta nói pháp cho các Cư sĩ nghe để khuyên họ siêng năng, chỉ dạy tất cả để các Cư sĩ được hoan hỷ, chớ đừng để Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bát, thuyết pháp cho các Cư sĩ nghe để khuyên họ siêng năng, chỉ dạy để họ được hoan hỷ". Này chư Hiền, các vị nên biết như vầy, có vị Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bình bát cho đến khiến cho các Cư sĩ được hoan hỷ. Vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, thu cất bình bát cho đến khiến cho các Cư sĩ được hoan hỷ, nên vị ấy đã sanh lòng sân hận. Này chư Hiền, kẻ ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn như vầy: "Nếu có Cư sĩ vào vườn của chúng Tăng, mong rằng ta cùng Cư sĩ đàm luận, nói bàn, đừng để Tỳ-kheo khác, khi có Cư sĩ vào vườn của chúng Tăng, cùng họ đàm luận, nói bàn". Này chư Hiền, nên biết rằng khi có Cư sĩ vào vườn của chúng Tăng, có Tỳ-kheo khác cùng họ đàm luận, nói bàn. Vì khi Cư

sĩ vào vườn chúng Tăng, có Tỳ-kheo khác cùng họ đàm luận, nói bàn nên vị ấy sanh lòng sân hận. Này chư Hiền, kẻ ấy đã sanh lòng sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho nhà vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ không một ai là không biết đến ta, đừng để cho Tỳ-kheo khác được nhà vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến". Này chư Hiền, các vị nên biết có Tỳ-kheo khác được nhà vua, đại thần biết đến, và các hàng Bà-la-môn, Cư sĩ, không ai là không biết đến. Vì có Tỳ-kheo khác được nhà vua, đại thần biết đến, được các Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến, vị ấy liền sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, vị ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho ta được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường. Vì có Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường, nên vị ấy khởi tâm sân hận. Này chư Hiền, vị ấy đã khởi tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho ta được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh. Này chư Hiền, các vị nên biết có Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh. Vì có Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh nên vị ấy sanh tâm sân hận. Này chư Hiền, vị ấy đã sanh tâm sân hận nên hành động theo dục vọng, đó là bất thiện.

Này chư Hiền, cũng như vậy, hoặc có người đã là bậc phạm hạnh có trí tuệ thì nên xả bỏ vô lượng các hạnh ác bất thiện, cầu dục, đừng nên làm việc ấy. Nếu có người cùng với kẻ không phải là Sa-môn mà cho là tu hạnh Sa-môn; nếu có người cùng với kẻ chẳng phải là Sa-môn có trí tuệ mà cho là Sa-môn có trí tuệ; không nên cầu ngồi tòa trên mà cầu ngồi tòa trên; không có định mà cho là có định, ở chỗ bất tịnh mà cho là thanh tịnh, như vậy này chư Hiền, kẻ ấy đối với các bậc Phạm hạnh có trí tuệ lại có vô lượng các hạnh ác bất thiện như thế. Các vị nên biết có việc làm

này: nên biết có người cùng với kẻ không phải là Sa-môn cho là không phải Sa-môn; cùng với người không phải là Sa-môn có trí tuệ biết đó là Sa-môn không có trí tuệ; cùng với người không nên cầu ngồi tòa trên biết là người không nên cầu ngồi tòa trên; người không có định biết là không có định; cùng với người bất tịnh biết là bất tịnh.

Này chư Hiền, cũng giống như có người ở chợ búa hay nhà thợ đúc đồ đồng mang về cái bát bằng đồng chứa đầy đồ bất tịnh bên trong, dùng một cái nắp đậy lên trên. Nếu mang nó đến chỗ đông người, những người kia thấy bát đồng ấy đều muốn được ăn, tỏ ý ưa thích, không biết nó là đồ bất tịnh. Hoặc số đông người kia mang cái bát đồng ấy đến một chỗ và giở nắp ra, nếu có người muốn ăn liền không muốn ăn, há người mang bát ấy lại muốn ăn sao?

Này chư Hiền, nếu người phạm hạnh có trí tuệ, làm vô lượng các hạnh ác bất thiện như thế, người không phải Sa-môn cho là Sa-môn hạnh, Sa-môn không có trí tuệ cho là Sa-môn có trí tuệ; không nên cầu tòa ngồi trên mà cầu tòa ngồi trên; không có định mà cho là có định; cùng với người bất tịnh mà cho là thanh tịnh; như vậy, này chư Hiền, người ấy đối với các vị phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các hạnh ác bất thiện. Các vị phải biết rằng cùng ở với kẻ chẳng phải là Sa-môn cho là chẳng phải Sa-môn; cùng ở với Sa-môn không có trí tuệ cho là chẳng phải Sa-môn có trí tuệ, cùng ở với người không nên cầu tòa ngồi trên cho là không nên cầu tòa ngồi trên; cùng ở với người không có định cho là không có định; cùng với người bất tịnh cho là bất tịnh.

Này chư Hiền, người như thế không nên gần gũi, không nên cung kính, không nên vâng làm. Nếu vị Tỳ-kheo nào không nên gần gũi, cung kính, lễ bái mà cung kính, lễ bái thì kẻ ấy mãi mãi mất điều lợi ích, đau khổ, tương ưng với đường ác. Cho nên, này chư Hiền, người như vậy chớ nên gần gũi, chớ nên cung kính, lễ bái.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: "Ta có phạm giới, không muốn cho người khác biết ta có phạm giới". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng vị ấy có phạm giới, nếu có người khác biết vị ấy phạm giới, thì người khác dù có biết, nhưng tâm ý vị ấy không sân hận. Này chư Hiền, do tâm ý không sân hận nên sự mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: "Nếu ta có phạm giới, hãy nói tội ta chỗ vắng vẻ, chớ đừng nói tội ta ở giữa chúng".

Này chư Hiền, các vị nên biết rằng vị phạm giới ấy bị nói ra giữa chúng, chớ không nói ở chỗ vắng vẻ. Tuy người phạm giới bị nói ra giữa chúng nhưng tâm vị ấy không sân hận. Này chư Hiền, do tâm không sân hận nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: "Hãy để người bằng ta nói ra sự phạm giới của ta, chứ đừng để kẻ không bằng ta nói ra sự phạm giới của ta". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng người phạm giới ấy bị người không bằng mình nói ra chớ không phải người bằng mình nói ra. Bị người không bằng mình nói về sự phạm giới của mình, nhưng tâm vị ấy vẫn không giận. Này chư Hiền, do tâm vị kia không giận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không dấy mong ước: "Mong ta ngồi trước Đức Thế Tôn và hỏi Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn sẽ thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe, chớ đừng để Tỳ-kheo khác ngồi trước Đức Thế Tôn và hỏi Đức Thế Tôn, để Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác ngồi trước Đức Thế Tôn và Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Dù có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước Đức Thế Tôn hỏi Đức Thế Tôn để Ngài thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, nhưng tâm vị ấy không sân hận. Này chư Hiền, nếu tâm vị ấy không sân hận, thì mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Lúc các Tỳ-kheo vào làng, mong rằng ta đi trước nhất, chớ đừng có vị Tỳ-kheo nào khác đi trước nhất". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào làng thì đi trước. Dù có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo vào làng thì đi trước, nhưng tâm vị kia không sân hận. Này chư Hiền, do tâm ý vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, ta được nhận nước rửa và đồ ăn trước nhất, chớ đừng để khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí, có Tỳ-kheo khác ngồi ở trước nhất, thọ nhận nước rửa và đồ ăn trước nhất". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo đã vào nhà tín thí thì có vị Tỳ-kheo khác được ngồi trước nhất, thọ nhận nước rửa và đồ ăn trước nhất, dù như vậy nhưng tâm vị ấy không sân hận. Này chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Các Tỳ-

kheo đã ăn xong, cất bình bát, hãy khiến ta vì cư sĩ thuyết pháp, chỉ dạy, khuyên họ tinh tấn..., khiến họ được hoan hỷ, chớ đừng để Tỳ-kheo khác khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, cất bình bát, vì cư sĩ thuyết pháp, chỉ dạy, khuyến phát tinh tấn..., chỉ dạy khiến họ được hoan hỷ". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng khi các Tỳ-kheo đã ăn xong, cất bình bát, có Tỳ-kheo khác vì cư sĩ thuyết pháp, chỉ dạy, khuyến phát tinh tấn... khiến họ được hoan hỷ, nhưng vị ấy vẫn không có tâm sân hận. Này chư Hiền, vì vị ấy không có tâm sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên mong ước: "Khi cư sĩ vào vườn của Tăng chúng, ta sẽ đàm luận với họ, đừng để Tỳ-kheo khác đàm luận với cư sĩ khi họ vào vườn của Tăng chúng". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác đàm luận với cư sĩ khi họ vào vườn của Tăng chúng. Dù có Tỳ-kheo khác đàm luận với cư sĩ khi họ vào vườn của Tăng chúng mà tâm vị ấy vẫn không sân hận. Này chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho nhà vua, đại thần, các hàng Bà-la-môn, Cư sĩ không một ai là không biết đến ta, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có vị Tỳ-kheo khác được vua, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ ai cũng biết đến. Dù như vậy nhưng tâm vị ấy vẫn không sân hận. Này chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho ta được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác được bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường. Dù như vậy nhưng tâm vị ấy vẫn không sân hận. Này chư Hiền, do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, hoặc có người không khởi lên ước muốn: "Hãy khiến cho ta được y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh, chớ đừng để Tỳ-kheo khác được áo quần, giường chõng, thuốc men trị bệnh". Này chư Hiền, các vị nên biết rằng có Tỳ-kheo khác được y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh. Dù vị Tỳ-kheo khác được y phục, giường chõng, thuốc men chữa bệnh nhưng tâm vị ấy vẫn không sân hận. Này chư Hiền,

do tâm vị ấy không sân hận, nên mọi mong muốn và hành động đều là thiện.

Này chư Hiền, như vậy người đó ở với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, ưa thích tu tập vô lượng các pháp thiện hạnh. Nếu không biết thế thì cùng ở với Sa-môn mà nói là không phải Sa-môn, cùng ở với Sa-môn có trí tuệ mà nói không phải Sa-môn có trí tuệ; cùng ở với bậc Thượng tọa mà nói không phải bậc Thượng tọa, cùng ở với người có định mà nói là không có định, cùng ở với vị thanh tịnh mà nói là không thanh tịnh. Như vậy, này chư Hiền, hoặc có người đối với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các thiện hạnh như vậy đều biết rõ, cùng ở với Sa-môn thì biết là cùng ở với Sa-môn, cùng ở với Sa-môn có trí tuệ thì biết là cùng ở với Sa-môn có trí tuệ; cùng ở với người có định nên biết cùng ở với người có định, cùng ở với người thanh tịnh nên biết là cùng ở với người thanh tịnh.

Này chư Hiền, giống như có người ở chợ búa hay nhà thợ làm đồ đồng mang về cái bát bằng đồng, trong bát chứa đầy đồ ăn cao lương mỹ vị, trên bát có nắp đậy lại. Rồi người ấy mang đến chỗ đông người, nhiều người thấy bát ấy đều không muốn ăn, không ưa thích, cho đó là đồ bất tịnh. Họ nói: "Đó là đồ đựng vật bất tịnh! Đó là đồ đựng vật bất tịnh!" Người ấy mang bát đồng đến chỗ đông người rồi giở nắp ra, thì dù cho người không muốn ăn cũng muốn ăn, há người thấy thức ăn trước mà nay không muốn ăn sao?

Này chư Hiền, như vậy, hoặc có người đối với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các thiện hạnh mà không thể biết được nên cùng ở với Sa-môn mà nói là không phải Sa-môn, cùng ở với bậc Sa-môn có trí tuệ mà nói không phải là Sa-môn có trí tuệ, cùng ở với bậc Thượng tọa mà nói không phải Thượng tọa, cùng ở với người có định mà nói là không có định, cùng ở với vị thanh tịnh mà nói là không thanh tịnh.

Như vậy, này chư Hiền, hoặc có người đối với bậc Phạm hạnh có trí tuệ, có vô lượng các thiện hạnh, sau đó biết vị Sa-môn cùng ở đúng là vị Sa-môn, vị Sa-môn có trí tuệ cùng ở đúng là vị Sa-môn có trí tuệ, vị Thượng tòa cùng ở biết chính đó là bậc Thượng tòa; cùng ở với người có định biết là có định, cùng ở với người thanh tịnh biết đó là thanh tịnh. Như vậy, này chư Hiền, người ấy nên cung kính, vâng làm và lễ bái. Tỳ-kheo nên gần gũi, nên cung kính, nếu cung kính thì nên vâng theo, nếu vâng theo thì cần phải luôn thực hành. Người luôn thực hành như vậy mãi mãi được lợi ích an lạc. Cho nên, này chư Hiền, người như vậy cần phải

thân cận, cung kính và vâng làm theo.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt ở trong chúng hội, Tôn giả nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nay tôi muốn nói một thí dụ, Tôn giả có cho phép không?

–Hãy nói đi, này Hiền giả Mục-kiền-liên.

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thuở trước ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, này Tôn giả Xá-lợi-phất, vào lúc sáng sớm, tôi thức dậy, mặc y phục, mang bát vào thành Vương xá để khất thực. Trong khi đi khất thực, tôi đến nhà một thợ xe, thấy có Vô Niệm Mãn Tử đang ở tại đấy. Người thợ ấy đang đẽo trục xe. Vô Niệm Mãn Tử ở nhà thợ xe ấy nghĩ: "Người thợ xe này đang đẽo trục xe. Nên đẽo gọt chỗ ấy như thế này. Cái trục xe ấy có chỗ xấu kia đã được đẽo gọt". Vị Vô Niệm Mãn Tử ấy, lúc ở nhà người thợ xe đã suy nghĩ như vầy: "Người thợ này như ý nghĩ của ta, đã cầm búa đẽo gọt trục xe". Khi đó Vô Niệm Mãn Tử liền nói: "Người thợ làm xe này đã biết ý của ta khi sửa trục xe. Như chỗ đã được đẽo gọt thì trục xe như vậy sẽ thuận lợi, không còn trở ngại".

Như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, với người dua nịnh, dối trá, huyễn hoặc, không tin, không có lòng tín, biếng trễ, không tinh tấn, ý nghĩ tán loạn, không định tĩnh, trí ác, tâm tán loạn, các căn không định; đối với giới hạnh noãn, không phân biệt được hạnh Sa-môn, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất đã biết tâm niệm của họ để giảng nói khiến họ được giải thoát.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, với người không dua nịnh, dối trá, không huyễn hoặc, có lòng tin, vui thích tin tưởng, tinh tấn thực hành, ý thường định, học theo trí tuệ, cung kính đối với giới, phân biệt rộng rãi hạnh Sa-môn. Vị ấy theo Tôn giả Xá-lợi-phất nghe thuyết pháp xong, sung sướng như được uống, sung sướng như được ăn, miệng và ý đều thọ trì.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, giống như con gái chủng tộc Sát-lợi, con gái của chủng tộc Bà-la-môn, con gái của hàng Cư sĩ hay con gái của hàng thợ thuyền, tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thơm thoa khắp thân thể mặc áo mới tinh. Nếu như có người đến với nàng, sanh lòng thương mến, muốn nàng được lợi ích, khiến cho nàng được an ổn, nên đem các thứ tràng hoa sen xanh, tràng hoa Chiêm-ba, tràng hoa Bà-sư, hoặc tràng hoa A-đề-ma-đa đến tặng nàng. Người con gái ấy vui sướng nhận cả hai tay, dùng để trang sức trên đầu.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như vậy, hoặc có người không dua

nịnh, dối trá, không huyễn hoặc, cũng không bất tín, có thể thực hành tinh tấn, tâm ý thường định, có trí tuệ, cung kính sự học, tu tập, rộng phân biệt hạnh Sa-môn, người ấy theo Tôn giả Xá-lợi-phất nghe pháp rồi, sung sướng như được uống, sung sướng như được ăn, miệng và ý cũng như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất, thật là kỳ diệu! Tôn giả đã vì các vị tu phạm hạnh mà dứt trừ các điều bất thiện, an trú nơi điều thiện. Lành thay! Thưa Hiền giả, ngài là bậc Chân nhân.

Như thế, cả hai bên đều tán thán lẫn nhau, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, về lại chỗ của mình.

□

SỐ 50

PHẬT NÓI KINH THỌ TUẾ

Hán dịch: Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo để thọ tuế.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:

–Này chư Hiền, vị Tỳ-kheo thọ tuế thỉnh nguyện: "Xin các Tôn giả nói với tôi, dẫn dắt tôi, răn dạy tôi, thương tưởng tôi". Đó là lý do thứ nhất. Vì sao vậy? Này chư Hiền, hoặc có người ương ngạnh, khó dạy bảo, cùng liên hệ với pháp ác, thì vị phạm hạnh không thể nói, không dẫn dắt, không răn dạy, cũng không thương tưởng kẻ ấy. Đó là loại người thứ nhất.

Này chư Hiền, thế nào là kẻ ương ngạnh, khó dạy bảo? Đó là kẻ dù cùng ở với bậc Phạm hạnh, nhưng vẫn không được bậc Phạm hạnh nói chuyện, không dẫn dắt, không răn dạy, cũng không thương tưởng. Đó là loại người thứ nhất. Này chư Hiền, hoặc có một người tìm cầu điều ác, cùng liên hệ với điều ác. Này chư Hiền, ta bảo kẻ ấy tìm cầu điều ác, cùng liên hệ với điều ác, đó là pháp ương ngạnh, khó dạy bảo. Như vậy bị nhiễm dục, sân hận, tham lam, ganh ghét, không xả, dối trá, dua nịnh, huyễn hoặc, không hổ, không thẹn, ôm hận, nên kẻ ấy nói lời uất hận, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, nói cho mọi người biết vị Tỳ-kheo đã chỉ trích mình, chê bai lời nói của Tỳ-kheo chỉ trích mình. Tất cả lời lẽ đều nói lảng ra ngoài đề để tránh né, ôm giữ tâm phẫn nộ, rộng liên hệ với hàng tri thức bạn bè xấu ác, không biết ân, không báo ân, đền ân. Này chư Hiền, những người không biết an, không báo đền, đó là những kẻ ngang ngược, khó dạy. Do đó, này chư Hiền, người có tánh ngang ngược, khó dạy thì dù gần gũi với các bậc Phạm hạnh, các vị ấy cũng không nói chuyện, không dạy dỗ, không khiển trách, không thương nhớ. Đó là hạng người thứ nhất.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự suy nghĩ: "Này chư Hiền, nếu có ai tìm cầu điều ác, cùng liên hệ với điều ác thì ta không nghĩ nhớ đến người đó. Nếu ta có dục ác, cùng liên hệ với dục ác thì người khác cũng không nghĩ nhớ đến ta". Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, đừng có khởi cầu dục ác, nên học như thế. "Như vậy, kẻ bị nhiễm dục, sân hận, tham lam, ganh ghét, không xả bỏ, dối trá, dua nịnh, huyễn hoặc, không hổ, không thẹn, ôm lòng sân hận, miệng nói lời thù hận, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, nói cho mọi người biết vị Tỳ-kheo đã chỉ trích mình, chê bai lời nói của Tỳ-kheo khiển trách mình; tất cả lời nói đều đi ra ngoài đề để tránh né, ôm lòng sân hận, rộng liên hệ với hạng tri thức và bạn bè xấu ác, không biết ân, không báo đền. Này chư Hiền, nếu ai vong ân, không báo ân thì ta không thương người ấy, và nếu ta vong ân, không báo ân thì người khác cũng không thương ta". Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy. Đừng là kẻ không biết báo ân, nên học hỏi như thế.

Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo không thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: "Xin các vị nói với tôi, dạy dỗ tôi, khiển trách tôi, thương tưởng tôi". Đó là hạng người thứ nhất. Vì sao? Này chư Hiền, hoặc có một người dễ bảo, cùng gắn bó với giáo pháp nên các vị đồng phạm hạnh nói chuyện, dạy dỗ, khiển trách và thương nhớ người ấy. Người ấy là bậc nhất vậy. Vì sao? Này chư Hiền, người dễ dạy bảo, cùng gắn bó với giáo pháp, mà được các vị đồng phạm hạnh nói chuyện, dạy dỗ, khiển trách, thương yêu. Người đó được gọi là bậc nhất. Này chư Hiền, hoặc có một người không tìm cầu điều ác, không liên hệ với điều xấu ác. Này chư Hiền, kẻ ấy vì không có dục ác, không liên hệ với dục ác, thì đó là pháp dễ dạy bảo. Như thế, không bị nhiễm dục, không sân hận, không tham lam keo kiệt, ganh ghét, không dối trá, dua nịnh, huyễn hoặc, biết hổ, biết thẹn, không ôm lòng giận, nên miệng vị ấy không nói lời thù hận, không mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, không nói với mọi người về Tỳ-kheo khiển trách mình, không phỉ báng lời nói của Tỳ-kheo chỉ trích mình, không nói ra ngoài đề để tránh né, không sân hận mà lại rộng rãi, không ở chung với hạng tri thức cùng bạn hữu xấu ác, không vô ân mà nhớ ân. Này chư Hiền, đó gọi là người ấy cùng tương ưng với giáo pháp. Này chư Hiền, đó là kẻ dễ dạy bảo, cùng tương ưng với giáo pháp, nên được các bậc Phạm hạnh nói chuyện, dạy dỗ, khiển trách và thương nhớ. Vị ấy là người bậc nhất.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự suy xét: "Này chư Hiền, nếu ai không có dục ác, không liên hệ với dục ác thì ta thương người đó, và nếu ta

không có dục ác, không liên hệ với dục ác, thì người khác cũng thương ta". Tỳ-kheo nên quán như vậy, không nên dấy khởi dục ác, nên học như vậy. "Như vậy, do không bị nhiễm dục, không sân hận, không tham lam keo kiệt, ganh ghét, luôn xả bỏ, không dối trá, dua nịnh, biết hổ, biết thẹn, không giận dữ nên vị ấy miệng không nói lời thù hận, không mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, không nói với mọi người về vị Tỳ-kheo khiển trách mình, không phỉ báng lời nói của vị Tỳ-kheo khiển trách mình; tất cả lời nói đều không nói ra ngoài để tránh né, không sân hận mà rộng rãi, không liên hệ với hàng tri thức và bạn hữu xấu ác, không quên ân mà nhớ báo đền. Này chư Hiền, nếu người nào không quên ân, luôn nhớ báo đền thì ta thương yêu người đó. Nếu ta không quên ân, nhớ báo đền thì người đó cũng thương yêu ta". Tỳ-kheo nên quán sát như thế. Hãy không quên ân, nhớ báo đền, nên học như vậy.

Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo sau khi quán sát thấy: "Ta đang có tâm dục ác, cùng tương ưng với tâm dục ác, cần phải không có tâm mong cầu làm điều ác, không tương ưng với dục ác" thì chắc chắn có nhiều lợi ích. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát biết được mình đang có dục ác, cùng tương ưng với dục ác thì kẻ ấy sẽ không hoan hỷ. Do đó kẻ ấy mong cầu ngăn trừ dục. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo lúc quán sát biết mình hiện không có dục ác, không tương ưng với dục ác thì kẻ ấy liền vui mừng thấy mình được thanh tịnh, trong sạch, đang tu tập trong cảnh giới của Đức Phật. Thấy vậy rồi vui mừng nỗ lực tu tập.

Này chư Hiền, ví như người có mắt cầm cái gương sáng tự soi mặt mình. Này chư Hiền, người có mắt ấy sẽ tự thấy mặt mình dơ dáy nên trong lòng không vui, kẻ ấy muốn rửa sạch các vết dơ. Này chư Hiền, nếu người có mắt ấy không thấy mặt mình có vết dơ, kẻ ấy liền vui mừng thấy mình được thanh tịnh. Kẻ ấy tự thấy như vậy rồi vui mừng, nỗ lực thực hành. Này chư Hiền, cũng như vậy, Tỳ-kheo quán sát mà biết mình có dục ác, cùng liên hệ với dục ác, vị ấy liền có ý mong cầu ngăn trừ dục ác. Này chư Hiền, Tỳ-kheo quán sát, biết mình không có dục ác, không liên hệ với dục ác, vị ấy liền vui mừng thấy mình được trong sạch, thanh tịnh, đang ở trong cảnh giới của Đức Phật. Thấy vậy rồi thì vui mừng mà thực hành, tu tập.

Cũng như vậy, bị nhiễm dục hay không nhiễm dục; cũng vậy có sân hận hay không có sân hận; cũng vậy có tham lam, ganh ghét, không xả, hay không có tham lam, ganh ghét, luôn xả; cũng vậy có dua nịnh, dối trá

hay không dua nịnh, dối trá; cũng như vậy có sự không hổ, không thẹn hay biết hổ, biết thẹn; cũng vậy có thù giận, miệng nói lời thù hận hay không có thù giận, miệng không nói lời thù giận, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình hay không mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình; nói với mọi người về Tỳ-kheo khiển trách mình hay không đem nói cho mọi người về Tỳ-kheo khiển trách mình; phỉ báng lời nói của vị Tỳ-kheo khiển trách mình hay không phỉ báng lời nói của vị Tỳ-kheo chỉ trích mình; tất cả lời lẽ đều nói ngoài đề để tránh né, hay không dùng những lời lẽ nói ra ngoài đề để tránh né; có sân hận hay không sân hận; giao kết với hàng tri thức cùng bạn hữu xấu ác hay không giao kết với hàng tri thức cùng bạn hữu xấu ác; không biết ân, không báo ân hay biết ân, báo ân. Này chư Hiền, Tỳ-kheo quán sát biết rằng: "Ta là kẻ không biết ân, không biết báo ân". Vị ấy trong lòng không vui, liền mong muốn ngăn trừ. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát biết rằng: "Ta là kẻ không vong ân, biết báo ân". Vị ấy liền vui mừng thấy mình trong sạch, thanh tịnh, đang hành hóa trong cảnh giới của Phật Thế Tôn, thấy như vậy rồi liền vui thích thực hành.

Này chư Hiền, như người có mắt cầm tấm gương trong sáng để soi mặt, tự thấy mặt mình có bụi dơ, kẻ ấy liền không vui và mong muốn rửa sạch. Này chư Hiền, nếu người ấy không thấy mặt mình có bụi dơ liền vui mừng là mình được thanh tịnh. Tự thấy như vậy thì sanh tâm vui thích. Cũng vậy, này chư Hiền, Tỳ-kheo quán sát và biết được mình là kẻ vong ân, không báo ân, vị ấy liền không hoan hỷ, liền có ý muốn ngăn trừ. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán biết mình không phải là kẻ vong ân, không báo ân, kẻ ấy liền vui mừng cho rằng mình trong sạch, thanh tịnh đang tu tập trong cảnh giới của Phật Thế Tôn. Do tự thấy như vậy rồi thì vui thích tu tập, do vui thích tu tập nên được hoan hỷ, do hoan hỷ nên thân tín hành, do thân tín hành nên biết an lạc, do an lạc nên ý định tĩnh, do ý định tĩnh nên biết như chân, thấy như chân; do thấy, biết như chân nên sanh tâm nhàm chán, nhờ tâm nhàm chán lìa nên được vô nhiễm, do vô nhiễm nên được giải thoát, do giải thoát nên đạt giải thoát tri kiến, biết như thật rằng: "Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã thành tựu, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh".

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong đều hoan hỷ lãnh thọ.

LỜI BẠT

Trong Đan tạng, kinh này có tên là Thọ Tuế kinh. Đan bản có tên ấy nhưng Tống bản thì không có. Trong Tống tạng, kinh này có tên là Thọ Tân Tuế kinh. Tên này không có trong Đan bản. Xem cả hai kinh đều viết là do Ngài Pháp Hộ dịch. Tên tuy khác đôi chút nhưng nói chung nghĩa lý lại có sai biệt rất lớn, chưa biết bản nào đúng bản nào sai? Lại nữa, vì sao trong hai bộ Đại tạng nội dung của hai bản kinh có chỗ bản này có thì bản kia không có? Nay xem trong nội dung của Khai nguyên lục và Trùng dịch lục có nói đến Thọ Tuế kinh do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch, ghi rằng: "Gần giống với bản dị dịch trong quyển thứ 23 của bộ Trung A-hàm". Phần cuối trong nội dung của Đơn dịch lục có Tân Tuế kinh do Ngài Trúc-đàm-vô-sấm (Tấn gọi là Pháp Chánh) dịch. Trong đó có đoạn chú thích rằng: "Trong nội dung của Đại bản không có những kinh này nên liệt biên ở đây". Nay kiểm chứng lại bản Thọ Tuế kinh trong Đan tạng cùng với bản kinh trong quyển 23 của Trung A-hàm có nội dung tương đồng nhau, cho nên bản kinh trên chính là nội dung của bản Trùng dịch Thọ Tuế kinh. Thọ Tân Tuế kinh trong Tống bản so với Trung A-hàm thì hoàn toàn riêng biệt. Xét cho cùng thì bản tên Tân Tuế kinh về văn tuy khác, nhưng về đại ý không khác nhau lắm, dường như là bản dị dịch của kinh này. Cho nên nội dung Thọ Tân Tuế kinh của Tống tạng hiện nay gần giống với nội dung của Tân Tuế kinh. Nếu cho đó là một bản dịch thì tại sao có sự khác nhau khi dịch giả lược bỏ rất nhiều những đoạn đặc biệt? Đó lại là những gì được biên chép trong Trùng dịch. Nếu cho đó là bản Trùng dịch thì những gì đã được nêu ra trong bản Đơn dịch? Điều này cần phải đợi kiểm chứng. Nay công việc kết tập, phân biện hãy để chờ các bậc Hiền triết, vì vậy chúng tôi không theo nội dung ghi chép trong bản Thọ Tân Tuế kinh-nội dung của bản kinh trên được y cứ theo Đan tạng kinh (Đại tạng kinh Khiết Đan–tức Liêu bản) để làm chân bản.

□

SỐ 51

PHẬT NÓI KINH
PHẠM CHÍ KẾ THỦY TỊNH

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ lục vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà lúc mới thành đạo, một mình ở bên gốc cây, trên bờ sông Uất-tỳ-la (*giáp giới với nước Ma-kiệt*).

Bấy giờ có Bà-la-môn Kế Thủy Tịnh, sau giờ ngọ, ung dung đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Bà-la-môn Kế Thủy Tịnh đi tới, nhân thấy như vậy Ngài liền bảo các Tỳ-kheo:

-Nếu người nào có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm ý thì sẽ bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê.

Hai mươi mốt thứ trói buộc tâm ý ấy là gì? Đó là: Tà kiến trói buộc tâm, dục phi pháp, tà pháp lừa dối thế gian, tham lam, sân hận, biếng trễ, ham ngủ nghỉ, đùa giỡn, không biết hổ thẹn, nghi ngờ, tức giận, bực tức, keo kiệt, ganh tỵ, không hỷ xả, quanh co dua nịnh, huyễn hoặc, không biết xấu hổ, ganh ghét, tăng thượng tật đố và phóng dật trói buộc tâm. Nếu có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm ý này sẽ bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê.

Ví như người chủ đưa cái áo của trẻ con bị dơ bẩn cho thợ nhuộm hay đệ tử của thợ nhuộm. Người thợ nhuộm ngâm cái áo vào nước tro hay nước chùm kết, hay trong bột giặt, chà xát thật kỹ khiến cho cái áo hết sức sạch sẽ. Tuy người thợ nhuộm hay học trò của ông ta đã dùng nước tro, chùm kết hay bột giặt ngâm cái áo vào rồi chà xát thật kỹ, khiến cái áo hết sức sạch sẽ. Nhưng vì cái áo trẻ con ấy vốn có nhiều vết cáu bẩn đen sì nên vẫn còn có màu dơ bẩn. Cũng như vậy, nếu người có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm ý liền bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê.

Hai mươi mốt thứ ấy là gì? Đó là tà kiến trói buộc tâm, cho đến phóng dật trói buộc tâm. Nếu có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm ấy thì

liền bị đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục Nê-lê. Nếu không có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm thì liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời. Hai mươi mốt thứ ấy là những gì? Đó là không có tà kiến trói buộc tâm, cho đến không có phóng dật trói buộc tâm. Nếu không có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời.

Ví như cái áo được dệt bằng vải ở thành Ba-la-nại, người chủ đưa cho thợ nhuộm hay đệ tử của ông ta giặt giũ. Thợ nhuộm dùng tro hay bột chùm kết, hay dùng bột giặt để ngâm cái áo rồi chà xát, tẩy giặt khiến cho cái áo được thật sạch. Tuy cái áo vải Ba-la-nại ấy được thợ nhuộm hay đệ tử của ông ta dùng nước tro hay bột chùm kết ngâm vào rồi chà xát, tẩy giặt thật kỹ cho sạch, nhưng cái áo vải Ba-la-nại ấy vốn đã sạch, nay lại càng trắng sạch thêm. Cũng như vậy, nếu không có hai mươi mốt thứ trói buộc tâm liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời.

Hai mươi mốt thứ ấy là gì? Đó là tà kiến trói buộc tâm, cho đến phóng dật trói buộc tâm. (Nếu không có chúng) liền được sanh đến chốn an lành, trên cõi trời.

Khi đã thấy tà kiến trói buộc tâm thì phải trừ bỏ, cho đến khi đã thấy phóng dật trói buộc tâm thì phải trừ bỏ. Tâm của vị ấy cùng đi đôi với Từ, biến mãn một phương, an trú nơi chánh thọ. Cũng như vậy, cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng và trên dưới, tất cả các phương, tâm cùng đi đôi với từ, không hại, không giận, rộng rãi bao la, vô lượng, không còn phân biệt, biến đầy khắp các phương rồi an trú nơi chánh thọ. Cũng như vậy, tâm đi đôi với bi, hỷ, xả, biến khắp tất cả các phương rồi an trú nơi chánh thọ.

Đó là hàng Bà-la-môn trong ngoài cùng tẩy rửa sạch sẽ, chứ không phải chỉ sạch ở bên ngoài thôi.

Bấy giờ Phạm chí nói với Thế Tôn:

-Thưa Cù-đàm, hãy đến sông để tắm rửa. Thưa Cù-đàm, nước sông rửa sạch, bởi vì nó tương ưng với giới hạnh, tương ưng với phước đức, tương ưng với sự độ thoát của tất cả thế gian. Thưa Cù-đàm, tất cả người thế gian dùng nước tắm rửa sẽ trừ được tất cả điều ác, ở trong nước sạch tẩy rửa, dù người phàm phu vẫn thường được an lạc.

-Nhưng nước không thể trừ được hành động đen tối. Dùng nước sạch ấy, nhưng ở nơi nước nào thấy gì? Người làm các điều ác, nước ấy làm sao có thể rửa sạch được? Người có sự thanh tịnh vững chắc, phải giữ giới hạnh, hành hạnh tinh tấn, tu tập hạnh thanh tịnh luôn tương ưng với

giới. Nếu không sát sanh, trộm cắp, nói dối thì sẽ được độ. Phạm chí hãy an trụ nơi đấy, làm tất cả điều thiện thì được an ổn.

Bà-la-môn các ông cần gì phải trở về nhà, cần gì ra khỏi nhà tìm nước tắm? Bà-la-môn các ông nên cầu pháp thiện thanh tịnh, sao lại cần thứ nước xấu ác ấy, chỉ nên diệt trừ sự ô uế của các thứ phiền não.

-Thưa Cù-đàm, con đã ghi nhớ điều ấy: "Nên cầu pháp thiện thanh tịnh, không cần thứ nước xấu ác ấy, chỉ nên diệt trừ trần cấu ô uế". Thưa Cù-đàm, con đã hiểu! Thưa Cù-đàm, con đã hiểu. Nay con xin quy y Đức Thế Tôn, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Bạch Thế Tôn, con xin làm Ưu-bà-tắc từ ngày hôm nay cho đến lúc mạng chung. Con xin quy y Phật, xa lìa sát sanh.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn nói xong đều hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 52

PHẬT NÓI KINH ĐẠI SANH NGHĨA

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại làng Câu-lô, cùng đông đủ chúng Bí-sô. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở riêng một nơi, vào lúc nửa đêm, trong lòng bỗng sanh ý nghĩ: "Các pháp duyên sanh, nghĩa lý hết sức thâm diệu, khó mà hiểu được! Chỉ có Phật Thế Tôn đầy đủ Chánh Biến Tri mới khéo có thể thuyết giảng được". Nghĩ như vậy xong, đến lúc trời sáng, Tôn giả liền ra khỏi nơi ở, đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi cung kính đảnh lễ, hỏi thăm sức khỏe xong, Tôn giả đứng qua một bên, bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn, con ở riêng một nơi, vào lúc nửa đêm, trong lòng bỗng suy nghĩ: "Các pháp duyên sanh là hết sức thâm diệu khó hiểu". Cúi mong Đức Thế Tôn vì con mà diễn giảng, chỉ dạy.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

-Đúng như vậy! Đúng như vậy! Pháp duyên sanh ấy thật hết sức thâm diệu, khó thấy, khó hiểu, lại khó quán xét. Chỉ có các bậc Thánh giả đầy đủ trí thiện xảo mới có thể phân biệt, chứ không phải là đối tượng lãnh hội, lý giải của người ngu si. Vì sao vậy? Bởi vì những kẻ ngu si sanh đời này, đời sau, chết rồi sanh trở lại, luân hồi như vậy đều do không thấu rõ pháp duyên sanh này. A-nan nên biết, các pháp đều do nhân duyên kết hợp xoay vần lần lượt sanh, vì thế luân hồi mãi không thể chấm dứt. Do có sanh nên gọi đó là lão tử. Do sanh làm duyên nên có lão tử. Nếu không có sanh thì làm gì có lão tử? Do có duyên sanh đó nên kết hợp lần lượt cùng sanh. Từ duyên của loài thủy tộc nên sanh ra loài thủy tộc, duyên của loài chim bay nên sanh ra chim bay, duyên của các loại nên sanh ra các loại, cho đến duyên của loài người nên sanh ra loài người. Do duyên đó cho nên tất cả các loại chúng sanh theo nhân duyên hỗ tương mà được sanh khởi. A-nan nên biết, pháp sanh này là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên có lão tử. Do đó lão tử

cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp sanh lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp hữu làm duyên, do hữu ấy nên khởi ra pháp sanh, pháp hữu nếu không thì làm gì có pháp sanh? Cho nên pháp hữu, như trước đã nói, khiến cho các loài lần lượt cùng sanh, không có chấm dứt. A-nan nên biết, pháp hữu ấy là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên khởi ra pháp sanh. Do đó pháp sanh cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp hữu lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp thủ làm duyên. Do pháp thủ nên khởi ra pháp hữu. Pháp thủ nếu không thì làm sao pháp hữu có được? A-nan nên biết, pháp thủ ấy là pháp hư vọng không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sinh ấy, duyên ấy khởi ra pháp hữu. Do đó pháp hữu cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp thủ lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp ái làm duyên. Nhân có pháp ái nên khởi sanh pháp thủ, pháp ái nếu không thì làm gì có pháp thủ? A-nan nên biết, do duyên pháp ái ấy nên khởi lên sự mong cầu. Mong cầu làm duyên liền có sở đắc, vì có sở đắc nên tâm không quyết định, do không quyết định nên không có nhàm chán và biết đủ; vì trong tâm không nhàm chán, biết đủ nên liền sanh ra hỷ tham, vì tham tạo duyên nên sanh ra ngã kiến, ngã kiến đã sanh liền có chấp thủ, chấp thủ làm duyên khiến tâm liền tán loạn, do tâm tán loạn liền sanh ra nói dối, tố tụng, tranh giành, dao gậy đánh nhau. Do nhân duyên ấy liền tạo ra các nghiệp bất thiện, các nghiệp như vậy đều do tán loạn mà sanh khởi. Nếu không tán loạn thì các nghiệp không sanh. Pháp tán loạn ấy lấy gì làm duyên? Lấy chấp thủ làm duyên. Do chấp thủ nên tâm mới tán loạn. Nếu không chấp thủ thì làm gì có tán loạn? Pháp chấp thủ ấy lấy gì làm duyên? Lấy ngã kiến làm duyên nên mới khởi ra chấp thủ. Ngã kiến nếu không có thì không có chấp thủ. Pháp ngã kiến ấy lấy gì làm duyên? Lấy hỷ tham làm duyên nên mới có ngã kiến. Hỷ tham nếu không có thì không có ngã kiến. Pháp hỷ tham ấy lấy gì làm duyên? Lấy nội tâm không nhàm chán, biết đủ làm duyên. Vì không nhàm chán biết đủ nên có hỷ tham. Nếu nội tâm có nhàm chán, biết đủ thì không sanh hỷ tham. Nội tâm không nhàm chán, biết đủ lấy gì làm duyên? Lấy không quyết định làm duyên. Vì không quyết định nên liền không nhàm chán, biết đủ. Tâm nếu quyết định thì liền sanh nhàm chán biết đủ. Pháp không quyết định ấy lấy gì làm duyên? Lấy có sở đắc làm duyên. Vì có sở đắc nên liền không có quyết định. Nếu không sở đắc tâm liền quyết định. Pháp có sở đắc ấy lấy gì làm

duyên? Lấy mong cầu làm duyên. Vì có mong cầu nên thì có sở đắc. Nếu không có mong cầu liền không có sở đắc. Các pháp như vậy điều do ái hợp với mong cầu làm duyên lần lượt sanh khởi. Nên biết pháp ái có hai loại, đó là dục ái và hữu ái. Do hai pháp ái ấy mà sanh ra các tội lỗi. A-nan nên biết, pháp Ái đó là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập đó, nhân đó, sanh đó, duyên đó nên khởi lên pháp thủ. Do vậy pháp thủ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp ái lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp thọ làm duyên. Do duyên thọ mà khởi sanh pháp ái. Pháp thọ nếu không thì làm gì có pháp ái? A-nan nên biết, pháp thọ này là hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên khởi lên pháp ái. Do đó pháp ái ấy cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp thọ lấy gì làm duyên? Đó là lấy xúc làm duyên. Do duyên xúc nên khởi sanh pháp thọ. Pháp xúc nếu không thì làm gì có pháp thọ? Do duyên xúc nên khởi sanh pháp thọ. Nếu pháp xúc không có thì làm gì có pháp thọ. Do nhãn xúc làm duyên nên nội tâm sanh ra pháp thọ là lạc thọ, khổ thọ và phi khổ lạc thọ. Cũng như thế nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên cho nội tâm sanh ra các thọ, bởi vì tất cả các thọ ấy đều do pháp xúc lấy đó làm duyên. A-nan nên biết, pháp xúc đó là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy sanh ra pháp thọ, cho nên pháp thọ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp xúc lấy gì làm duyên? Đó là lấy lục xứ làm duyên. Do duyên lục xứ liền có pháp xúc. Lục xứ nếu không thì làm gì có pháp xúc? A-nan nên biết, pháp lục xứ đó là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy sanh ra pháp xúc, cho nên pháp xúc cũng không rốt ráo.

Lại nữa, lục xứ lấy gì làm duyên? Đó là lấy danh sắc làm duyên. Do danh sắc nên liền sanh ra lục xứ. Danh sắc nếu không thì làm gì có lục xứ? Danh sắc ấy gồm có sắc pháp và các món tâm pháp... tích tụ, tức là danh sắc ấy cùng với pháp thức kia hỗ tương làm duyên, hòa hợp sanh ra, gọi là danh sắc. A-nan nên biết, pháp danh sắc là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên có lục xứ, cho nên lục xứ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp danh sắc ấy lấy gì làm duyên? Lấy pháp thức làm duyên, do pháp thức nên có danh sắc. Pháp thức nếu không thì làm gì có danh sắc? Pháp thức ấy ban đầu thọ sanh ở trong thai của mẹ, nương vào

Yết-lã-lam. Pháp thức đầy đủ rồi, không có tăng giảm. Vì Thức làm nhân duyên nên sanh ra các uẩn. Danh sắc như vậy hoàn toàn đầy đủ. Nên biết thức ấy cùng danh sắc kia hỗ tương làm duyên mà được sanh khởi.

Lại nữa, nên biết pháp duyên với thức này chính là danh sắc, cho nên thức là duyên của danh sắc, danh sắc là duyên của thức. Do vậy mà sanh ra quả khổ, quả khổ đã sanh liền có già chết tương tục lưu chuyển. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy cho nên quả khổ là pháp hư vọng, không rốt ráo. Như vậy, từ nhân thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ. Như vậy là tích tập tạo ra một khối khổ lớn.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Tôn giả nên biết, các thứ ngôn ngữ và con đường của ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và con đường của phi ngôn ngữ; bị sanh và con đường đưa đến bị sanh, hai loại như vậy đều không xa lìa danh sắc. Này A-nan, nếu hiểu rõ như vậy tức là trụ nơi nhận thức bình đẳng. Đó gọi là thông đạt pháp duyên sanh. Pháp duyên sanh này là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, chính là nơi chốn quay về của chư Phật.

Khi ấy Tôn giả A-nan tán thán:

-Lành thay! Bạch Thế Tôn, Ngài đã khéo nói pháp này, khiến cho chúng con và các Bí-sô đều được lợi lạc.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

-Nay Ta vì Tôn giả mà giảng nói pháp vô thọ. Tôn giả nên lắng nghe và thọ trì; phải tác ý để ghi nhớ, tư duy một cách khéo léo. A-nan nên biết, lìa bỏ ngã tướng đó là pháp vô thọ. Vì sao? Vì pháp ngã nếu có thì pháp thọ theo đấy liền sanh. Vì do hiểu rõ pháp ngã là không thì làm gì có pháp thọ? Này A-nan, pháp ngã và pháp thọ cả hai đều đã diệt, thì không có sở hữu, trụ vào nhận thức bình đẳng.

Này A-nan, pháp thọ có ba loại. Đó là lạc thọ, khổ thọ và phi khổ lạc thọ. Gọi là lạc thọ tức người thọ cùng pháp được thọ, đối với hai thứ ấy, nếu có thể thấy rõ được đó là pháp hoại diệt, liền không có lạc thọ. Do đấy cũng không có pháp được thọ. Vì sao? Nên biết lạc thọ là pháp vô thường. lạc thọ đã diệt liền lìa ngã tướng; ngã tướng đã không có thì làm gì có thọ?

Lại nữa, khổ thọ, đó là người thọ và pháp được thọ, cả hai loại ấy nếu có thể hiểu rõ được là pháp hoại diệt liền không có khổ thọ. Do đấy cũng không có pháp được thọ. Vì sao? Nên biết khổ thọ là pháp vô thường.

Khổ thọ đã diệt thì liền xa lìa ngã tướng; ngã tướng đã không thì làm gì có thọ?

Lại nữa, phi lạc khổ thọ cũng như vậy, là nói người thọ và pháp thọ, cả hai loại ấy, nếu có thể hiểu rõ đều là pháp hoại diệt, liền đối với khổ, lạc và phi khổ lạc, ba pháp đều bình đẳng nên không có đối tượng được thọ. Vì sao? Vì ba pháp thọ này đều là vô thường, rốt ráo không thật có. Thọ ấy đã diệt thì liền lìa ngã tướng; ngã tướng đã không thì làm gì có thọ?

Này A-nan, ý của Tôn giả thế nào? Nên biết các thọ từ tâm sanh ra, do tâm không chuyển nên nội tâm không thọ; vì pháp không thật nên bên ngoài không có đối tượng để thọ. Cho nên này A-nan, biết rõ như vậy liền an trụ nơi nhận thức bình đẳng. An trụ nơi nhận thức ấy là vì đã thấu đạt pháp vô thọ. Pháp vô thọ này chính là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chốn quay về của chư Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan lại tán thán:

-Lành thay! Bạch Thế Tôn, Ngài đã khéo giảng nói pháp này, chúng con nghe rồi tin hiểu, thọ trì.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

-Nay Ta vì Tôn giả, giảng nói pháp vô ngã. Các vị hãy lắng nghe lãnh thọ, khéo tác ý, ghi nhớ và tư duy. Này A-nan, khi đã rõ thọ là vô sở hữu thì liền lìa ngã kiến, lìa ngã kiến rồi thì liền trụ vào nhận thức bình đẳng. Người đã trụ vào tri kiến ấy thì đối với các tướng đều bình đẳng, do nhận thức bình đẳng nên đối với thế gian không thấy có sanh khởi. Đã rõ vô sanh nên liền đạt được: "Sự sanh của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa".

A-nan nên biết, ngã kiến không sanh, trụ vào tri kiến bình đẳng, như vậy liền được tâm khéo giải thoát, vô tri, vô kiến và vô sở đắc, lìa các suy nghĩ đối với đắc và vô đắc, chẳng phải là hữu đắc, cũng chẳng phải là vô đắc mà biết rõ rốt ráo. Biết rõ như vậy nên đối với ngôn ngữ và con đường của ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và con đường của phi ngôn ngữ, sự sanh và con đường của sự sanh đều hoàn toàn vô tri, vô kiến. Đã biết rõ như vậy rồi, liền lìa ngã kiến, trụ nơi tri kiến bình đẳng, biết rõ như thật. Như vậy gọi là đạt được pháp vô ngã. Đó là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chốn quay về của chư Phật.

Khi ấy Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy lại tán thán:

-Lành thay! Thưa Thế Tôn, Ngài đã khéo giảng nói pháp này, chúng

con nghe rồi, tin hiểu và thọ trì.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan:

-Ta nay vì Tôn giả sẽ giảng nói một lần nữa, Tôn giả nên lắng nghe và thọ lãnh, nên tác ý, khéo nhớ nghĩ và tư duy. A-nan nên biết, không có sắc tướng có thể đạt được, lìa các ngã chấp, biết rõ một cách như thật. Đã biết rõ rồi, quán tưởng thân này là vật hư hoại, không thật, chẳng đáng là đối tượng để yêu mến. Quán sát như vậy thì lìa các sắc tướng, không sanh ngã chấp. Ngã tướng đã diệt nên biết rõ thân này là vật hư hoại, không thật, như vậy là được trụ nơi tri kiến bình đẳng. Người trụ nơi tri kiến này liền đối với các uẩn biết rõ đều là không; các uẩn đã là không thì với ngã và sắc tướng đâu còn kiến chấp?

Lại nữa, A-nan nên biết, trú xứ của thức gồm có bảy loại, chẳng phải trú xứ của thức gồm có hai loại. Bảy trú xứ của thức là:

Nếu có sắc, có chúng sanh, vô số thân, vô số tưởng, đó là trú xứ thứ nhất của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, vô số thân mà có một tưởng, đó là cõi trời Sơ thiền, là trú xứ thứ hai của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, một thân mà có vô số tưởng, gọi là cõi trời Nhị thiền, đó là trú xứ thứ ba của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, một thân một tưởng, gọi là cõi trời Tam thiền, đó là trú xứ thứ tư của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kia đều lìa các sắc tưởng, gồm một hư không, gọi là cõi trời Không vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ năm của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kìa xa lìa không tưởng, chỉ gồm một thức, gọi là trời Thức vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kia lìa Thức vô biên, hoàn toàn vô sở hữu, gọi là trời Vô sở hữu xứ. Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Này A-nan, hai loại chẳng phải là trú xứ của thức là:

Nếu có sắc, có chúng sanh, tức là cõi trời Vô tưởng. Đó là chốn thứ nhất chẳng phải là trú xứ của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, ở nơi tất cả các xứ, lìa Vô sở hữu xứ, không có tưởng, cũng không phải không có tưởng, tức cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là chốn thứ hai chẳng phải là trú xứ của

thức.

Đức Phật dạy:

-Này A-nan, Như vậy, có sắc có chúng sanh, vô số thân, vô số tưởng. Đó là trú xứ thứ nhất của Thức. Này các Bí-sô, các vị nên biết rõ như thật. Khi đi, ngồi, nói năng, thường nên xưng tán các pháp môn này. Nên phân biệt thuyết giảng cho người khác nghe một cách rộng rãi, như vậy cho đến trú xứ thứ bảy của thức và hai pháp môn chẳng phải trú xứ của thức. Cũng như vậy, khi đi, ngồi, nói năng nên luôn xưng dương tán thán những điều chư Phật đã dạy, khởi lòng tin thanh tịnh, thấu đạt như thật. Nếu ai thấu đạt thì liền được trí tuệ giải thoát, chứng quả A-la-hán.

Lại nữa, A-nan nên biết, có tám pháp môn giải thoát, đó là:

Nếu bên trong có sắc, quán sắc bên ngoài thì đó là pháp môn giải thoát thứ nhất.

Nếu bên trong không có sắc, quán sắc bên ngoài thì đó là pháp môn giải thoát thứ hai.

Nếu thân chứng đắc, thanh tịnh, giải thoát thì đó là pháp môn giải thoát thứ ba.

Nếu đạt được thanh tịnh rồi, lìa các sắc tưởng, quán tất cả như hư không, không có biên giới. Quán niệm như thế thành tựu rồi, thì đó là Không vô biên xứ, pháp môn giải thoát thứ tư.

Nếu lìa Không vô biên xứ nên quán thức, với thức cũng nhận thấy là vô biên. Quán như thế thành tựu rồi thì đó là Thức vô biên xứ, là pháp môn giải thoát thứ năm.

Nếu đã lìa Thức vô biên xứ, nên quán tất cả đều không có sở hữu. Quán như thế thành tựu rồi thì đó là "Vô sở hữu xứ, là pháp môn giải thoát thứ sáu.

Nếu đã lìa Vô sở hữu xứ, nên quán Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Quán như thế được thành tựu thì đó là, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là pháp môn giải thoát thứ bảy.

Nếu đã lìa Phi tưởng phi phi tưởng xứ ấy, nên diệt thọ tưởng, trụ nơi Tam-ma-địa. Pháp vị ấy đã thân chứng, chính là Diệt thọ tưởng, là pháp môn giải thoát thứ tám.

Như vậy gọi là Tám pháp môn giải thoát.

Đức Phật dạy:

-Này A-nan, Tôn giả nay nên biết, trước Ta đã nói về bảy trú xứ của thức, hai chỗ không phải là trú xứ của thức và tám pháp môn giải thoát.

Này các Bí-sô, những điều Ta giảng nói các vị phải hiểu rõ như thật, thường nên tùy hỷ xưng tán, lại nên theo như lý mà tu tập. Nếu ai thông đạt các pháp môn này một cách viên mãn thì được hai thứ giải thoát, chứng quả A-la-hán.

Đức Thế Tôn nói kinh này xong, Tôn giả A-nan và các Bí-sô đều rất hoan hỷ, tin nhận, vâng làm.

□

SỐ 53

PHẬT NÓI KINH KHỔ ẤM

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ vào dịch phẩm đời Hậu Hán

Nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ các thầy Tỳ-kheo sau giờ thọ trai, tập hợp nhau để luận bàn về những vấn đề nhỏ. Lúc đó có những người ngoại đạo, sau bữa ăn trưa cũng đi quanh quẩn rồi đến chỗ của các thầy Tỳ-kheo ấy. Đến nơi họ chào hỏi các thầy Tỳ-kheo. Sau khi đã chào hỏi nhau, những người ngoại đạo ấy ngồi xuống một bên và nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm dùng trí tuệ nói về tham dục, dùng trí tuệ nói về sắc, thọ. Chư Hiền, chúng tôi cũng dùng trí tuệ nói về tham dục, dùng trí tuệ nói về sắc, thọ. Này chư Hiền, có gì sai khác? Có hơn bao nhiêu đâu? Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi đều có trí tuệ như nhau.

Các thầy Tỳ-kheo nghe những người ngoại đạo nói như vậy cũng không trả lời hay chỉ trích. Không trả lời hay chỉ trích, các thầy Tỳ-kheo im lặng rời khỏi chỗ ngồi, trở về tịnh thất và nói với nhau:

–Những lời của hàng ngoại đạo vừa nói, chúng ta hãy đến thỉnh Đức Thế Tôn, vì Ngài biết rõ nghĩa sâu rộng ấy.

Các thầy Tỳ-kheo liền đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, tất cả đều đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi ngồi qua một bên. Sau khi đã an tọa, các thầy thuật lại hết với Đức Thế Tôn những gì đã xảy ra khi gặp ngoại đạo.

Đức Thế Tôn nghe xong mọi sự mới bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, lúc đó các thầy nên nói với những người ngoại đạo ấy thế này: “Thế nào là sự thú vị của tham dục? Thế nào là hư hỏng? Thế nào là buông bỏ? Thế nào là sự thú vị về sắc? Thế nào là hư hoại? Thế nào là buông bỏ?

Này các thầy Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi như vậy. Khi hàng ngoại đạo kia nghe xong, mỗi người sẽ nhìn nhau tìm cách luận bàn khác nhau

và chắc chắn sẽ có sân hận. Khi đã nổi sân hận thì họ sẽ lặng im với vẻ mặt không vui, toát mồ hôi lạnh, quay đi nơi khác. Vì không thể đáp lại nên mặt mày họ thất sắc. Họ sẽ im lặng kéo nhau trở về. Vì sao? Vì Ta không thấy trời hay thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên hay loài người được nghe những điều mà Ta nói có thể hiểu biết như Ta. Nếu từ Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai mà họ được nghe những điều ấy, họ sẽ hiểu thế nào là sự thú vị của tham dục, nghĩa là nhân của năm thứ dâm. Nếu họ sanh vui mừng, nếu họ sanh hoan hỷ, như vậy là sự thú vị của tham dục. Trong đấy có nhiều hư hỏng. Thế nào là sự hư hỏng của tham dục?

Này thiện nam, hoặc làm các nghề thợ, kỹ thuật để nuôi sống bản thân, hoặc cày bừa canh tác, hoặc mua bán, hoặc làm nhà văn, hoặc học toán số, hoặc học tính toán, hoặc làm thơ, hoặc học những đoạn những phần kệ tụng trong binh luận, hoặc dạy học, hoặc ứng thí làm quan… chịu bao lạnh lẽo buốt xương, chịu nóng đốt bức bách, gắng gượng nhẫn chịu sự đói khát, chịu muỗi mòng, ruồi nhặng gặm nhấm… chúng sanh vẫn chịu để cầu tiền tài.

Này thiện nam, phát sanh những ý nghĩ như vậy, tạo tác những hành động như vậy, nỗ lực làm như vậy, con người hành động tất cả mọi việc nhưng chẳng được của cải vật chất, nên sanh ra lo buồn không vui, tự đánh vào mình khóc lóc, ngu si nói thế này: "Ta vì hành động ngu si nên không đạt được gì cả".

Người đó lại nỗ lực làm việc sao cho đạt kết quả. Đã có tiền của rồi, người ấy hết sức giữ gìn, cất giấu chúng và nghĩ: "Mong sao cho tài sản của ta không bị vua đoạt. Ta chớ để cho giặc cướp lấy mất, chớ để cho lửa đốt cháy, chớ để cho hư nát, chớ để cho thất thoát mà mất lợi". Người đó cố giữ gìn tiền của nhưng vẫn bị vua chiếm đoạt, bị giặc cướp, bị lửa đốt cháy tiêu tan chẳng còn gì. Mất lợi, chẳng được lợi, người ấy lại lo buồn không vui, than khóc, tự đánh đập mình, tăng thêm ngu si. Người ấy trong cuộc sống mê lầm trôi nổi theo sanh tử đáng lẽ được vui thích thì lại hận nhớ đến sự thất bại tan tác này. Do đây, trong hiện tại thân này là khổ ấm.

Do nhân tham dục, do duyên với tham dục nên dục tăng trưởng. Đây là nhân duyên nơi tham dục. Chúng sanh nhân tham dục, duyên nơi tham dục, nên dục tăng trưởng. Vì nguyên nhân tham dục nên mẹ và con tranh nhau, con và mẹ tranh nhau; cha và con tranh nhau, con và cha tranh nhau;

em và anh tranh nhau, anh và em tranh nhau. Tất cả cùng tranh giành nên mẹ nói con sai, con nói mẹ sai; cha nói con sai, con nói cha sai; anh nói em sai, em nói anh sai; huống chi là những người ngoài với nhau? Đây là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên với tham dục nên tăng thêm nhiều tham dục. Chúng sanh ấy do nhân tham dục, do duyên tham dục, do dục tăng trưởng nên vua và vua tranh nhau, Bà-la-môn và Bà-la-môn tranh nhau, Cư sĩ và Cư sĩ cùng tranh nhau, người bần cùng và thợ thuyền cùng tranh với người bần cùng và thợ thuyền. Tất cả đều tranh giành xâu xé, mọi người đều thực hiện các cách tranh giành xâu xé: hoặc dùng tay đánh, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng dao, hoặc dùng gậy. Sự chết chóc ở trong ấy là chết khổ. Đây là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên tham dục nên tăng thêm nhiều dục. Chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên, khiến họ phải mặc áo giáp, cầm cung tên; hoặc mặc áo giáp da, cầm dao thật bén cùng đánh nhau. Trong trận đấu đó, họ dùng voi, hoặc dùng ngựa, hoặc dùng xe, hoặc dùng bộ binh, hoặc dùng người nữ, hoặc dùng người nam. Nơi trận chiến ấy có rất nhiều sự chết chóc khổ sở. Đây là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên tham dục nên tăng thêm dục. Các chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên mặc áo giáp, cầm dao thật bén đến thành cao nhất và muốn chặt chém. Trong trận đánh đó, họ hoặc thổi tù và, hoặc đánh trống, hoặc cất tiếng kêu gọi, hoặc dùng chày, hoặc dùng mác, hoặc dùng mâu, hoặc dùng vòng tròn bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc xô đá đè, hoặc dùng cung, hoặc rót nước đồng đổ xuống. Những sự chết nơi ấy là chết khổ. Đó là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên nơi tham dục nên tăng thêm nhiều dục. Các chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên đến nơi thành ấp của vua, họ đục tường, phá kho, hoặc tham vật của người khác, hoặc cắt đường làm gián đoạn, phá hoại thành người, phá thôn xóm người, giết người. Họ bị quan binh nhà nước truy đuổi, bắt trói dùng các hình phạt khổ sở: hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay chân, hoặc xẻo tai, hoặc cắt mũi, hoặc cắt tai, hoặc bị cắt búi tóc, hoặc bị cắt tóc, hoặc bị cắt cả búi tóc, hoặc nhốt vào khám, hoặc bị thắt cổ, hoặc bị cát đá chôn vùi, hoặc cỏ phủ lấp, hoặc bị đặt trong hàm sắt của lừa, hoặc bị đặt trong hàm sắt của sư tử, hoặc bị đặt trong chõ đồng, hoặc bị đặt trong chõ sắt, hoặc

bị chặt thành đoạn ngắn, hoặc bị đao bén đâm, hoặc nằm lên giường sắt nóng, bị nước dầu sôi rót vào, hoặc bị bỏ vào cối dùng chày sắt đâm nát, hoặc bị rắn cắn, hoặc bị đánh đập, hoặc bị đấm đá cho đến bị cắm vào cột rồi dùng dao chặt đầu. Đây là khổ ấm của thân trong hiện tại.

Do nhân tham dục, do duyên tham dục nên tăng thêm nhiều dục. Chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên tạo tác thân hành khổ, miệng ý hành khổ. Chúng sanh ấy lúc bị khổ về bệnh hoạn, hoặc nằm trên giường, hoặc nằm trên chõng, hoặc nằm trong bóng râm, thân thể vô cùng đau đớn, mạng sống sắp chấm dứt. Nghĩa là thân chúng sanh ấy bị hành khổ và miệng ý cũng bị hành khổ. Chúng sanh đó đến giờ phút cuối đời, hướng đến cảnh giới thấp hèn. Giống như lúc trời tối dần, mặt trời lặn khuất vào núi lớn hoặc giữa núi lớn, bóng núi đảo ngược trở xuống. Như thế, thân kia bị hành khổ, miệng bị hành khổ và ý cũng bị hành khổ. Khi chúng sanh ấy qua đời, hướng về cảnh giới bên dưới, nên suy nghĩ: "Thân này bị hành khổ, miệng và ý bị hành khổ nên hướng về cảnh giới bên dưới là bởi ta vốn không tạo hạnh lành, vốn không tạo phước vì ta đã làm quá nhiều việc ác, nghĩa là hướng đến hành động ác, hành động tham, hành động hung bạo, không làm việc phước, không làm việc thiện, không biết nẻo quay về, chắc rằng ta sẽ bị đọa vào nẻo ác". Chúng sanh ấy liền sanh tâm hối hận. Khi đã hối cải rồi lại sanh điều bất thiện khác. Đây là khổ ấm trong hiện tại.

Do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng, chúng sanh ấy do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng nên thân bị hành khổ, miệng ý bị hành khổ. Chúng sanh đó thân, miệng, ý đã bị hành khổ rồi, do nhân đó, duyên đó, nên khi thân chết đi, sanh vào địa ngục xấu ác. Đây là khổ ấm của thân sau khi chết.

Do nhân tham dục cho đến do dục tăng trưởng, đó là sự hư hoại của dục. Thế nào là bỏ dục? Nếu ai đối với dục có tâm cầu dục, biết ngừng tâm cầu dục thì sẽ vượt qua tham dục. Bỏ được sự tham dục này là bỏ dục.

Này các vị Sa-môn, Bà-la-môn, như vậy là sự thú vị của dục, trong đó có sự hư hỏng. Không biết buông bỏ đúng pháp thì đâu thể tự bỏ dục được? Lại có thể đoạn trừ cho người khác được sao? Cả hai trường hợp này đều không thể ngừng dục. Việc này không thể được.

Này các vị Sa-môn, Bà-la-môn, sự thú vị của dục là như thế, nên biết đấy là sự hư hỏng, thì có thể biết cách dứt bỏ đúng theo pháp. Sau đó

tự mình có thể dứt hẳn tham dục, cũng có thể giúp người khác dứt hẳn tham dục. Cả hai trường hợp này đều có thể dứt hẳn tham dục, điều này đạt được.

Thế nào là thú vị về sắc? Nếu con gái của chủng tộc Sát-lợi, của chủng tộc Bà-la-môn, của hàng thương gia, của thứ dân đến tuổi mười bốn, mười lăm, đó là thời điểm nhan sắc dung mạo hoàn chỉnh nhất. Khi các cô có hình sắc dễ ưa dễ nhìn, đây là thời gian tạo nên sự thú vị của sắc, trong đó có nhiều hư hoại.

Thế nào gọi là sắc hư hoại? Nếu như nhìn thấy cô gái trở thành một bà già luống tuổi, răng rụng, tóc rụng, lưng còng phải chống gậy mà đi thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Bạch Thế Tôn, đúng thế.

–Lại nữa, nếu như thấy cô gái trở thành người bệnh hoạn khổ sở, hoặc nằm trên giường, hoặc nằm trên chõng, hoặc nằm trong bóng râm, trong thân mang đầy bệnh tật vô cùng đau đớn buồn khổ và sắp qua đời thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái lúc chết, từ một ngày đến bảy ngày, hoặc bị chim mổ, hoặc bị quạ rỉa, hoặc bị chồn ăn, hoặc bị lửa thiêu, hoặc chôn, hoặc trùng đục khoét thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như tử thi, hoặc là xương xanh, hoặc trùng rỉa rói, hoặc là xương trắng thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như thây chết, không có da thịt, chỉ có những sợi gân liên kết nhau thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như tử thi, xương gân rã rời mỗi chỗ khác nhau: xương ống chân một chỗ, xương đầu gối, xương đùi, xương lưng, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ… mỗi bộ phận ở tại một nơi thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Lại nữa, nếu thấy cô gái như tử thi, xương trắng như vôi, hoặc màu xanh chàm, hoặc đỏ như tẩm dầu, hoặc vỡ vụn thì ý các thầy nghĩ sao? Nhan sắc xinh đẹp trước đây sẽ hư hoại phải không?

–Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

–Đó gọi là sắc hư hoại. Thế nào gọi là lìa bỏ sắc? Là nói những ai đối với sắc có tâm tham cầu thì cần phải ngưng dứt sự tham cầu ấy, vượt qua tất cả tâm tham cầu để lìa bỏ sắc ấy.

Này các vị Sa-môn và Bà-la-môn, như thế, đối với sự hư hoại của sắc mà không biết buông bỏ, không biết đúng như thật thì đâu có thể tự ngưng dứt sắc? Lại có thể làm cho người khác ngưng dứt được sao? Ở trong cả hai điều đó mà có thể dừng dứt sắc được không? Việc ấy không thể được.

Này các Sa-môn và Bà-la-môn, như thế, người nào đối với sự thú vị của sắc mà biết sự tan hoại của nó, biết buông bỏ xa lìa, biết đúng như thật thì vị ấy có thể tự dừng dứt nơi sắc, và có thể làm cho người khác ngừng dứt. Sống đúng như vậy thì có thể ngừng bỏ sắc. Việc này có thể đạt được.

Thế nào là thú vị nơi thọ? Thầy Tỳ-kheo đã giải thoát dục, an trụ nơi Chánh định của Tứ thiền. Trụ nơi thiền này sẽ không tự hoại mình và không hủy hoại người khác. Ở đây không hủy hoại thì đạt được an lạc. Vì sao? Vì Ta nói không sân hận thì được lạc thọ. Đây là thú vị của thọ.

Thế nào là sự hư hoại của thọ? Ý nói thọ là pháp vô thường, khổ, tan hoại. Đó là sự tan hoại của thọ.

Thế nào là từ bỏ thọ? Nghĩa là đình chỉ, vượt qua sự tham muốn về thọ. Đó là bỏ thọ. Nếu Sa-môn và Bà-la-môn nào đối với sự thú vị của thọ không biết sự tan hoại của nó, không biết buông bỏ, không biết như thật thì làm sao có thể tự ngưng dứt nơi thọ được? Và làm sao có thể làm cho người khác dừng dứt được? Thực hành cả hai để có thể buông bỏ thọ, việc này không thể được.

Này các Sa-môn và Bà-la-môn như thế, vị nào đối với thú vị của thọ ấy biết là pháp tan hoại, biết buông bỏ, xa lìa, biết như thật, vị ấy có thể tự tịch chỉ thọ, và có thể làm cho người khác cũng dừng bỏ. Thực hành cả hai thì có thể dừng bỏ thọ. Việc này có thể đạt được.

Đức Phật thuyết giảng như thế, các thầy Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 54

PHẬT NÓI KINH THÍCH MA-NAM BỔN

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt chi.

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Thích-ky-sấu, du hành đến nước Ca-duy-la-vệ-đâu, an tọa bên một gốc cây trong vườn Nê-câu-loại.

Bấy giờ, có người thuộc họ Thích, tên là Ma-nam đi đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật rồi thưa:

–Con thường nghe Đức Phật dạy: "Phải thâu giữ điều phục tâm ý". Con nghe Đức Phật dạy: "Tâm con người có ba trạng thái: có dâm, nộ, và si". Từ khi nghe được như vậy đến nay, con thường ghi nhớ trong tâm, con tự suy nghĩ: "Nếu không có dâm, tâm ta liền chân chánh; nếu không có sân, tâm ta liền chân chánh; nếu không có si, tâm ta liền chân chánh". Con tự suy nghĩ: "Mình đã thường giữ ba thứ ấy, ý bất động, do nhân duyên gì vẫn không được giải thoát?".

Đức Phật dạy:

–Nếu giải thoát được tâm dâm, tâm nộ và tâm si, vậy do nhân duyên gì mà vẫn còn sống chung với vợ con? Do còn có tâm tham. Này Hiền giả, hãy tự tư duy: "Nay ta tuy có chút khổ, nhưng về lâu sau sẽ được an lạc lớn; cùng ở chung với vợ con, tuy sướng vui trong chốc lát nhưng về sau sẽ hết sức đau khổ". Này Hiền giả, nên biết thế gian vui ít nhưng khổ nhiều.

Đức Phật dạy:

–Các Tỳ-kheo đắc đạo quả A-la-hán biết thế gian vui ít khổ nhiều, cho nên Ta dốc cầu Phật đạo chỉ nghĩ thế gian là vui thì ít nhưng khổ nhiều. Khi Ta làm Bồ-tát, thường nghĩ đến thế gian vui ít khổ nhiều.

Ma-nam nói:

–Chỉ riêng Đức Phật và A-la-hán mới có ý niệm ấy sao?

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, hãy nghe Ta nói rồi ghi khắc trong tâm: Con người ở thế gian, những gì là thú vui của họ?

Đó là năm thứ dục lạc làm con người vui thích tham đắm: mắt tham đắm sắc đẹp liền để trong tâm, ngày đêm suy nghĩ, do sắc đẹp nên tham đắm; tai nghe tiếng hay, mũi ngửi mùi thơm, lưỡi thích vị ngon, thân ưa vật mềm dịu, liền tham đắm vướng mắc trong tâm. Vì tham đắm sắc đẹp, cũng vậy, đối với năm thứ kia, con người trong thiên hạ đều tham đắm. Sự tham đắm của người đời đều không ngoài năm thứ ấy, được mấy người biết lo tìm cách thoát ra? Người thế gian hoặc làm ruộng vườn để sinh sống, hoặc làm thợ thầy, hoặc buôn bán ở nơi phố chợ để kiếm sống, hoặc là quan chức để sinh sống, hoặc nuôi súc vật, hoặc làm thợ vẽ để sinh nhai. Những người ấy chịu đựng sự lạnh lẽo, sự nóng bức, sự khổ sở, sự đói, sự khát. Họ đều bị ý tham nên phải nhẫn chịu sự lạnh, sự ấm, sự đói, sự khát, rồi tự oán rằng: "Ta làm việc để sống, trải qua bao nhiêu năm trời, khổ sở muốn chết, nhưng vẫn không kiếm được tiền tài chi cả, vẫn sống với sự khổ lạnh, hoặc bệnh hoạn ốm yếu".

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, đó là sự khổ thứ nhất.

Điều thứ hai là con người trong tâm có ý tham dâm. Hoặc có người làm ruộng vườn, hoặc có người làm thợ thầy, hoặc có người mua bán ở phố chợ, hoặc có người làm quan lại, hoặc có người nuôi súc vật, hoặc có người làm thợ vẽ. Khi làm việc để sinh sống phải chịu đựng sự lạnh, nóng, đói, khát để có tiền tài. Nhờ đó được giàu có nhưng lại ôm lòng lo sợ bị nhà nước lấy hết tiền tài, hoặc sợ lửa cháy thiêu hết; hoặc sợ lúc đi ghe, ghe chìm làm mất hết của cải; hoặc sợ giặc cướp cướp hết vật báu, hoặc sợ lúc mua bán đổi chác làm hết vốn liếng, hoặc sợ những người thân thuộc nghèo khổ dùng thuốc độc để hại họ, hoặc bị con ruột làm tiêu hết sản nghiệp. Người ấy thường sống trong lo âu, ngày đêm ôm lòng lo sợ không phút nào ngơi. Trong số đó lại có người đang cất giữ tiền tài thì hoặc gặp vua quan chiếm đoạt, hoặc bị lửa cháy nước trôi, hoặc mua bán, vay mượn không trả, hoặc đem chôn giấu trong đất nay quên mất chỗ, hoặc bị vu khống, hủy báng làm cho mất hết, hoặc có con ruột tiêu hết sản nghiệp của cha mẹ. Người ấy tự nghĩ: "Từ lúc còn nhỏ ta đã mưu sinh, phải chịu đựng sự lạnh, nóng, đói, khát hoặc cực khổ để kiếm ra tiền, nay lại bị mất hết. Do nhớ nghĩ, lo sầu nên bị bệnh, hoặc bị chết, đều do tiền

tài gây ra. Những việc ấy đều do ý tham trong ngũ dục mà ra". Đó là sự khổ thứ hai.

Điều thứ ba là người thế gian vì có tiền của nên cha tranh với con, anh tranh với em, chồng tranh với vợ, hoặc bằng hữu tri thức tranh chấp nhau, hoặc nội ngoại các gia đình tranh chấp nhau, sau lưng nói xấu lẫn nhau. Các thứ ấy đều do tham dục lạc mà ra. Người thế gian nhân vì tiền tài mà vua đánh với vua, đạo nhân đánh với đạo nhân, chủ ruộng đánh với chủ ruộng, thợ thầy đánh với thợ thầy, do vì tiền tài nên dùng miệng chửi nhau, dùng gậy đánh nhau, dùng dao chém nhau, hoặc làm cho bị thương, chết chóc. Tất cả đều do lòng tham mà ra. Đó là sự khổ thứ ba.

Điều thứ tư là người thế gian đi theo quân đội nhận tiền lương của quan phải đi chiến đấu, chẳng biết sống chết lúc nào, do lòng tham nên mới tòng quân. Vì lãnh tiền của quan cho nên họ không thể dừng lại, phải chiến đấu, hoặc bị thương ở đầu, hoặc bị chém đứt đầu, hoặc bị thương ở tay, hay bị đứt tay, hoặc bị thương ở chân hay bị cắt chân, lần hồi đưa đến sự mất mạng. Đó đều do tham lam mà ra. Ấy là sự khổ thứ tư.

Điều thứ năm là người thế gian có ý tham, ban đêm khoét tường nhà người ta để ăn trộm, hoặc cướp của người ta ở giữa đường, hoặc đập phá thành quách của người nên bị quan bắt được, hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc phanh thây, hoặc lóc thịt, hoặc dùng lửa đốt, hoặc lấy chày lớn đập bể trán, hoặc chém ngang lưng. Những thứ ấy đều do lòng tham mà ra. Đó là sự khổ thứ năm.

Người thế gian vì tiền tài mà trở thành dối trá lẫn nhau, miệng cũng dối trá, thân cũng dối trá, ý cũng dối trá lẫn nhau. Bấy giờ tự họ cho đó là việc cần làm, không có tội lỗi gì cả, không biết sự tai hại của nó, về sau phải bị đọa vào địa ngục. Trong đó nếu Hiền giả hay Sa-môn tự tư duy năm dục lạc của thế gian vui nhiều hay khổ não ưu sầu nhiều?

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, khi Ta còn làm Bồ-tát thường nghĩ về thế gian vui ít mà khổ não lại nhiều, do đó mà Ta cầu đạo giải thoát. Nếu có người muốn cho rằng: "Thế gian là vui", vì họ đều không biết về con đường sanh tử. Nếu thế gian có bậc tâm ý hiền thiện, không tham, lại muốn dạy cho con người chớ có tham dục, đó là bậc Đại đức tối thượng.

Đức Phật bảo:

–Này Ma-nam, Ta thường đến thành Vương xá, có một hòn núi tên là Thiết-đề-ban-lãm-cù-hà-đọa-phu-thê-phái-thí. Ta thấy các người theo

phái Ni-kiền có người xõa tóc, có người còng lưng, kẻ ngồi dưới đất, kẻ nằm nơi đất, thân thể không có y phục, họ đều che bằng da nai. Ta từ xa trông thấy, đến phía trước nói với các Ni-kiền: "Do nhân duyên gì khiến các ông xõa tóc, do nhân duyên gì mà các ông ngồi, nằm nơi đất, cũng không mặc áo quần, tự làm sự độc hại như vậy?"

Các Ni-kiền trả lời:

–Đời trước chúng tôi làm ác nên mới khiến đời này bị khốn khổ như vậy, do hành vi ác chưa hết nên chúng tôi mới làm như thế.

Đức Phật nói:

–Do nhân duyên gì mà các ông nghe và biết được việc ấy? Vậy có phải theo người ta mà nghe biết được việc đã làm ở đời trước chăng? Hay là tự biết?

Các Ni-kiền đáp:

–Chúng tôi không biết, cũng không nghe, cũng không nhờ ai dạy chi cả.

Đức Phật bảo:

–Các ông cố dùng sự khổ hạnh này để thoát được sanh tử sao? Các ông không nghe người ta nói, cũng không nghe thầy dạy như vậy. Khi không mà tự chuốc lấy sự khốn khổ. Vậy sao không bỏ việc làm ấy, đi đến tôn thờ Phật đạo.

Đức Phật bảo:

–Ta chỉ tiếc cho các ông, hoặc tự thân suy nghĩ, hoặc con cháu đời sau đều bắt chước việc làm này của các ông.

Các Ni-kiền đều tức giận Đức Phật, bảo:

–Vua Bình Sa tại sao lại cho Sa-môn Cù-đàm này truyền đạo trong nước?

Đức Phật bảo các Ni-kiền:

–Các người chớ có giận dữ! Vua Bình Sa đã lãnh hội, thọ trì kinh Phật nên không dám có lời khi dối.

Đức Phật nói với các Ni-kiền:

–Các ông cho rằng có thể ngồi ngay thẳng trong bảy ngày bảy đêm, không ăn uống, không nói chuyện, như vậy là vui chăng? Hay nhà vua có cung điện, kỹ nhạc là vui?

Ni-kiền nói:

–Này Sa-môn Cù-đàm, chúng tôi vui.

Đức Phật nói:

–Sao gọi là vui? Vua Bình Sa trị nước vì sao lại không vui?

Ni-kiền thưa:

–Này Sa-môn Cù-đàm, chúng tôi ít lo buồn cho nên vui hơn vua Bình Sa.

Đức Phật nói:

–Này các Ni-kiền, vua Bình Sa có ý dâm, có ý nộ, có ý si, cũng muốn hàng phục các quần thần, cũng muốn hàng phục các dân chúng bên ngoài, ngày đêm suy nghĩ: "Phải xử trị ai? Phải bắt bớ ai?".

Đức Phật nói:

–Người có lòng dâm cũng sẽ tự giết mình, cũng muốn sát hại người khác. Người có lòng sân hận cũng tự giết mình, cũng muốn giết hại người khác. Người si mê cũng sẽ tự giết mình, cũng muốn giết hại người khác.

Các Ni-kiền đều đến trước Đức Phật thưa:

–Chúng tôi không có tâm niệm dâm, cũng không có tâm niệm sân, cũng không có tâm niệm si, vậy có thể làm Sa-môn được chăng?

Đức Phật bảo:

–Hãy trở về báo cho cha mẹ các ông biết.

Các Ni-kiền thưa:

–Chúng con bỏ nhà học đạo, đều được sự đồng ý của cha mẹ rồi.

Đức Phật dạy:

–Vậy các ông hãy quy y, thọ trì năm giới.

Các Ni-kiền đều thọ năm giới:

1. Không giết hại.
2. Không trộm cắp.
3. Không xâm phạm phụ nữ nhà người khác.
4. Không dối trá.
5. Không uống rượu.

Các Ni-kiền thọ trì năm giới, mặc áo, búi tóc lên, giữ chánh hạnh. Ai nấy đều trở về nhà của mình.

Đức Phật bảo Ma-nam:

–Nếu nghe nói qua về ý dâm, ý nộ, và ý si này, nếu cho rằng ta thọ trì lời Phật dạy, hoặc suy tư chín chắn về năm điều này, vậy có nên tranh giành với người thế gian chăng?

Ma-nam thưa:

–Con sẽ trở về suy tư, đọc tụng kinh điển này, ngày mai sẽ đến chỗ Đức Phật.

Ma-nam đến trước Đức Phật đảnh lễ rồi đi.

□

SỐ 55

PHẬT NÓI KINH KHỔ ẤM NHÂN SỰ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn
Thích Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở trong vườn Ni-câu-lâu, thuộc thành Ca-duy-la-bà của chủng tộc Thích-ky-để (dòng Sát-đế-lợi). Bấy giờ Thích-ma-ha-năng-cừ, sau buổi trưa ung dung đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, ông đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Thích Đại lực sĩ (Thích-ma-ha-năng-cừ) sau khi ngồi qua một bên liền bạch với Đức Thế Tôn:

–Như những pháp Đức Thế Tôn đã giảng dạy con đều biết hết. Đó là ba ý niệm trói buộc: Ý dâm trói buộc, ý sân hận, ngu si trói buộc. Như vậy, những pháp Đức Thế Tôn chỉ dạy con đều biết. Nay con đã dấy khởi sự dâm dục vướng mắc nơi ý mình, đã dấy sự sân hận và ngu si vướng mắc nơi ý mình. Cho nên, bạch Đức Thế Tôn, con đã nghĩ như vầy: "Ta có pháp gì chưa dứt sạch mà khiến sanh ra dâm dục, vướng mắc nơi tâm ý? Sanh ra sự sân hận, ngu si vướng mắc nơi tâm ý?".

Đức Phật dạy:

–Này Đại lực sĩ, pháp chưa dứt sạch, khiến cho ông ở tại nhà cũng không học đạo, không tin và ưa thích việc xuất gia, từ bỏ gia đình. Này Đại lực sĩ, nếu pháp ấy dứt sạch thì ông sẽ không ở tại gia, ông chắc chắn sẽ có thể tin thích xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo. Này Đại lực sĩ, pháp ấy vì chưa dứt sạch cho nên mới khiến ông ở tại nhà, không tin thích xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo.

Bấy giờ Thích Đại lực sĩ từ tòa đứng dậy, bước qua một bên, sửa lại y phục, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

-Như vậy, nay con đối với Đức Thế Tôn có sự tin thích, cúi mong Đức Thế Tôn khéo vì con giảng nói pháp. Con nhờ thấy pháp mà dứt sạch được nghi ngờ.

Đức Phật bảo:

–Này Đại lực sĩ, có năm dâm dục, ái niệm, ái sắc, gần với dâm, khiến nhiễm đắm: Mắt biết sắc, tai biết tiếng, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết vật mịn trơn. Ở trong các thứ ấy mà tự vui thích, yêu mến mùi vị, vui thích trong đó. Như vậy, này Đại lực sĩ, ở trong sự thú vị của dâm có nhiều hư hoại. Này Đại lực sĩ, vì sao nói ở trong dâm dục có nhiều sự hư hoại? Này Đại lực sĩ, nếu người con nhà dòng dõi học làm thợ khéo léo để tự bảo tồn mạng sống, hoặc cày ruộng, hoặc mua bán, hoặc sao chép sách, hoặc học số, hoặc học toán, hoặc học in ấn, hoặc học thơ, hoặc học làm đồ gốm, hoặc dạy học, hoặc được vua chiêu mộ; những người ấy bị sự buốt giá bức bách, sự nóng lạnh thiêu đốt, phải nhẫn chịu sự đói khát dày vò, bị muỗi mòng, chí rận chích hút, họ mong cầu tiền của. Người con nhà dòng dõi kia, như vậy, đã làm những việc như vậy, siêng năng làm việc như vậy, nhưng vẫn không thể kiếm ra tiền. Kẻ ấy liền ưu sầu, không vui, khóc lóc, tự đánh, đập thân mình, tăng thêm sự ngu si, siêng năng làm việc mà không có kết quả.

Nếu người con nhà dòng dõi kia làm những việc như vậy, siêng năng làm việc như vậy, kẻ ấy có được nhiều tiền của. Khi được tiền của rồi, vị ấy liền giữ gìn đừng cho tiền của ấy bị vua chiếm đoạt, không để giặc cướp, không để lửa cháy, không để hư mục, không để hao tổn, bị thất lợi. Kẻ ấy gìn giữ tiền của như vậy nhưng vẫn bị vua chiếm đoạt, giặc cướp, lửa cháy, bị tiêu hủy, hao tổn, bị thất lợi. Kẻ ấy liền ưu sầu, không vui, khóc lóc, tự đánh, đập thân mình, chỉ thêm sự ngu si.

Lại nữa, những gì mà ta yêu thích lâu dài chắc chắn sẽ bị hư hoại. Do đó, này Đại lực sĩ, thân ở hiện tại này là khổ ấm. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, chính là nhân duyên của dục ấy. Này Đại lực sĩ, chúng sanh nhân vì tham dục đưa đến tham dục tăng trưởng. Do tham dục mà mẹ tranh với con, con tranh với mẹ, cha tranh với con, con tranh với cha, anh tranh với em, em tranh với anh. Họ tranh giành với nhau: Mẹ nói con sai, con nói mẹ sai, cha nói con sai, con nói cha sai, anh nói em sai, em nói anh sai. Huống chi là đối với người ngoài?

Này Đại lực sĩ, đó là khổ ấm hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng. Này Đại lực sĩ, do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng khiến vua tranh với vua, Bà-la-môn tranh với Bà-la-môn, Cư sĩ tranh với Cư sĩ, giặc cướp tranh với giặc cướp, thợ thuyền tranh với thợ thuyền. Họ tranh giành với nhau tạo ra đủ thứ dụng cụ để chiến đấu. Hoặc dùng tay

đánh, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng dao đâm, gậy đập, trong đó có người chết, hoặc khổ gần chết. Này Đại lực sĩ, đó chính là khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, nên họ mới mặc áo giáp, mang cung tên, mang áo giáp bằng da, cầm dao thật bén, vây nhau mà đánh. Khi lâm trận, họ hoặc dùng voi để đấu, hoặc dùng ngựa, hoặc dùng xe, hoặc dùng bộ binh, hoặc dùng đàn bà, hoặc dùng đàn ông; ở đấy hoặc có người chết, hay khổ gần chết. Đó chính là, này Đại lực sĩ, khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục đưa đến dục tăng trưởng, nên họ mới mặc áo giáp, mang cung tên, mang áo giáp bằng da, cầm dao thật bén, đi đến thành thật cao ý muốn công phạt. Những kẻ ấy trong lúc đó, hoặc thổi tù và, hoặc đánh trống, hoặc dùng tiếng kêu gọi, hoặc dùng chày sắt, hoặc dùng xoa, hoặc dùng kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn lẫn nhau, hoặc xô đá chạy loạn xạ, hoặc dùng nỏ, hoặc lấy nước đồng sôi đổ xuống, trong đó có người chết, hay khổ gần chết. Này Đại lực sĩ, đó chính là khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng nên họ đi đến thành ấp của vua, hoặc xuyên qua tường, phá kho, hoặc ăn cắp đồ vật của người khác, hoặc đánh hoặc chận đường cướp của người khác, phá thành người khác, phá thôn, giết người. Kẻ ấy bị quan chức trách bắt được hành xử đủ điều khổ sở, hoặc chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc cắt tai, hoặc xẻo mũi, hoặc cắt lưỡi, hoặc cắt búi tóc, hoặc cắt tóc, hoặc cắt cả tóc và búi tóc, hoặc bỏ vào trong hòm, hoặc lấy áo phủ lại rồi giết, hoặc lấp cát đá lên trên, hoặc phủ cỏ lên trên, hoặc bỏ trong miệng con lừa bằng sắt, hoặc bỏ trong miệng con sư tử bằng sắt, hoặc bỏ vào trong cái chảo bằng đồng, hoặc bỏ trong chảo bằng sắt, hoặc cắt ra từng đoạn, hoặc dùng dao bén đâm vào hai tay, hoặc nằm trên giường bằng sắt nóng, hoặc dùng dầu sôi mà rưới, bỏ vào cối lấy chày sắt mà giã, hoặc cho rắn cắn, hoặc lấy gậy đập, hoặc dùng cây ném, hoặc dẫn đến dưới cây nêu lấy dao chặt đầu. Này Đại lực sĩ, đó chính là khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, tạo thân hành khổ, miệng, ý hành khổ. Lúc ấy họ hoặc bị khổ hoạn

bệnh, nằm ở trên giường, nằm ở trong bóng mát, thân bị bệnh, cực khổ, đau đớn, không vui, mạng sống sắp hết. Kẻ ấy thân hành khổ, miệng, ý hành khổ, đến lúc mạng chung tâm ý điên đảo hướng sanh về cảnh giới phía dưới. Giống như lúc hoàng hôn, mặt trời sắp lặn xuống ngọn núi lớn, xuống giữa ngọn núi lớn thì bóng hòn núi ấy ngã dài dưới đất. Cũng như vậy, kẻ kia thân hành khổ, miệng hành khổ, ý hành khổ, đến lúc mạng chung tâm ý điên đảo hướng sanh về cảnh giới phía dưới. Kẻ ấy nghĩ như vầy: "Thân ta khổ hạnh, miệng khổ hạnh, ý khổ hạnh nên tâm ý điên đảo hướng sanh về cảnh giới phía dưới. Ta vốn không thực hành đúng pháp, vốn không làm phước, ta chỉ làm điều tội ác. Vì thích làm ác, tham lam, làm điều hung bạo, không làm việc phước, không làm việc thiện, không làm theo chỗ đáng quy ngưỡng, chắc chắn ta phải đọa bị vào cõi ác". Lúc đó kẻ ấy liền có sự thay đổi, hối hận. Thay đổi hối hận rồi, nhưng cuối cùng vì sống bất thiện cho nên khi mạng chung cũng là bất thiện. Này Đại lực sĩ, đó chính là khổ ấm trong hiện tại. Do tham dục nên đưa dục tăng trưởng.

Này Đại lực sĩ, chúng sanh do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng, tạo tác thân hành khổ, khẩu và ý hành khổ. Kẻ ấy tạo thân hành khổ rồi, tạo miệng, ý hành khổ rồi, do nhân đó, duyên đó khi thân hoại mạng chung sanh trong cõi ác địa ngục. Chính đó, này đại lực sĩ, chính là khổ ấm của thân này trong đời sau. Do tham dục nên đưa đến dục tăng trưởng. Này Đại lực sĩ, chính là do năm sự thú vị của tham dục nên có nhiều khổ, hư hoại.

Còn vị Thánh đệ tử thì không như vậy, có tri kiến như thật, không có hỷ lạc đối với dâm, vì nó tạo ra pháp ác bất thiện. Đó gọi là sự tịch tĩnh vô thượng. Như vậy, này Đại lực sĩ, Thánh đệ tử cùng tương ưng với pháp dâm như vậy. Lại nữa, này Đại lực sĩ, Ta đối với tham dục dù nhỏ cũng biết nó là khổ, biết nó là hư hoại. Đó là tri kiến như thật của Ta, Ta cũng không trụ trong tham dục tạo ra pháp ác bất thiện, mà trụ trong sự phòng hộ an lạc, chính là sự tịch tĩnh vô thượng. Này Đại lực sĩ, như vậy Ta không tương ưng với pháp tham dục.

Này Đại lực sĩ, có một thời Ta ở trong hang Thất diệp, Bệ-đà-lệ Chỉ hữu hiếp, thuộc thành Vương xá. Này Đại lực sĩ, vào lúc xế chiều Ta đứng dậy đi đến bên Chỉ hữu hiếp, Ta ở đó, từ xa trông thấy các Ni-kiền, họ thường không ngồi mà luôn quỳ, tu tập khổ hạnh rất thống khổ. Ta liền đi đến chỗ họ. Đến nơi, Ta nói với họ:

–Vì sao? Này Ni-kiền, lại quỳ mãi không ngồi như thế, tu tập khổ hạnh quá sức như vậy?

Họ đáp:

–Này Cù-đàm, vị thầy lãnh đạo phái Ni-kiền thân tộc tử đã như vầy: "Này các Ni-kiền, chúng ta vốn tạo các hành ác nay hành pháp khổ hạnh này sẽ tiêu trừ các hạnh ác kia. Đó là nay thân nghiệp hành khổ hạnh, khẩu, ý nghiệp hành khổ hạnh, nếu có điều ác hãy đừng làm".

Ta nói với họ:

–Này các Ni-kiền, vì sao các ông đối với vị thầy lãnh đạo phái Ni-kiền có thể tin, có thể nhận lời của vị ấy được? Sao lại không nghi ngờ vị thầy ấy?

Họ trả lời:

–Này Cù-đàm, vị thầy lãnh đạo phái Ni-kiền của chúng tôi, chúng tôi không nghi ngờ vị thầy ấy, vì vị ấy có thể tin cậy, có thể chấp nhận được.

Ta đáp lại họ:

–Như vậy, nếu như trong chúng Ni-kiền của các ông, có vị Ni-kiền vốn đã tạo hạnh ác, nên phải hành khổ hạnh cùng cực. Vị Ni-kiền ấy sau khi chết đời sau sanh lại ở nhân gian sẽ cũng lại học ở trong phái Ni-kiền này, phải thường quỳ, không ngồi theo khổ hạnh như vậy, như nay các ông đang làm sao?

Họ nói như vầy:

–Này Cù-đàm, không theo hạnh thiện vẫn được quả báo thiện. Vua Tần-phù-bà sống yên ổn trong an lạc, còn Sa-môn Cù-đàm thì không được như vậy.

Ta đáp:

–Này các Ni-kiền, các ông nói như vậy là không đúng. Vì sao vậy? Vì kẻ phàm phu ngu si, bất định, không thiện, không nhàm chán, không biết đủ mới nói: "Vua Tần-phù-bà thường ở nơi thiện, thường được an lạc, còn Sa-môn Cù-đàm thì không được như vậy". Này các Ni-kiền, phải trước nhất là biết Ta và tại sao Ta thường ở trong sự an lạc, chứ không nói: "Vua Tần-phù-bà hay Sa-môn Cù-đàm?". Này các Ni-kiền, Ta sẽ nói cho các ông biết: Ta là người khéo sống trong sự an lạc chứ không phải là vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt. Các ông không nên nói như vầy: "Vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt thường sống trong an lạc, Sa-môn Cù-đàm không thể sánh kịp!". Nay Ta hỏi các ông: "Ai là người khéo sống trong

sự an lạc, vua Tần-phù-bà hay Sa-môn Cù-đàm? Ý của các Ni-kiền thế nào? Vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt đã được tự tại về miệng và ý chăng? Trong bảy ngày bảy đêm thân đã hoàn toàn an trụ trong an lạc chăng?"

Các Ni-kiền thưa:

–Chẳng được vậy, thưa Cù-đàm.

Đức Phật hỏi tiếp:

–Hoặc sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, hai ngày hoặc một ngày một đêm vua được tự tại về miệng và ý chăng? Thân đã hoàn toàn được sống trong sự an lạc chăng?

–Thưa Cù-đàm, không được.

–Ý của các Ni-kiền thế nào? Ta đã được tự tại về miệng và ý chăng? Trong một ngày một đêm, thân của Ta có sống trong sự an lạc chăng?

–Được, thưa Cù-đàm.

–Từ hai, ba cho đến bảy ngày, bảy đêm miệng và ý của Ta có được hoàn toàn khéo sống trong sự an lạc chăng?

–Được, thưa Cù-đàm.

–Ý của các Ni-kiền thế nào? Ta và vua, ai thường khéo sống trong sự an lạc, vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt hay là Ta?

–Như chúng tôi nhờ Sa-môn Cù-đàm thuyết giảng nên biết được nghĩa này: Chính Sa-môn Cù-đàm mới là người khéo sống trong an lạc, chứ không phải vua Tần-phù-bà nước Ma-kiệt.

–Này Đại lực sĩ, hãy giảm thiểu tham dục, biết nó có nhiều sự khổ, trong sự hư hoại thì nó có nhiều hư hoại nhất. Do đó vị Thánh đệ tử dùng trí tuệ để thấy như thật, nên đối với tham dục, pháp ác bất thiện không vui thích chúng. Đó là sự tịch tĩnh vô thượng.

Như vậy, này Đại lực sĩ, vị Thánh đệ tử tương ưng với pháp tham dục như thế.

Lại nữa, này Đại lực sĩ, Ta đối với chút ít thú vị của tham dục cũng thấy nó có nhiều khổ, biết nó là pháp hư hoại. Đó là Ta dùng trí tuệ bình đẳng thấy như thật, cũng không ở trong tham dục có tạo tác pháp bất thiện, mà chỉ chuyên phòng hộ để được tự vui, chính là sự tịch tĩnh vô thượng. Như vậy, này Đại lực sĩ, Ta không tương ưng với pháp tham dục.

Đức Phật giảng dạy như vậy, vị Đại lực sĩ ấy cùng các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy xong, thảy đều hoan hỷ.

□

SỐ 56

PHẬT NÓI KINH LẠC TƯỞNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Trúc Pháp Hộ,
người nước Nguyệt chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với địa (đại) có tưởng chấp về địa (đại), ưa thích địa(đại), chấp địa (đại) là ngã. Kẻ ấy nói: "Địa (đại) là ngã". Ta nói kẻ ấy chưa biết được thủy, hỏa, phong, Thiên thần, Phạm thiên, A-bà thiên, A-tỳ-bà thiên. Họ đối với tịnh có tịnh tưởng, ưa thích tịnh, chấp tịnh là ngã. Kẻ ấy nói: "Tịnh là ngã". Ta bảo kẻ ấy chưa biết về Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Vô tưởng xứ, hoặc một, hoặc nhiều, hoặc riêng thấy, nghe hay biết được nhờ quán giác hành, từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này. Kẻ ấy có tưởng ấy nên ưa thích nó, vì ưa thích nó nên chấp nó là ngã. Kẻ ấy đã hoàn toàn chấp nó là ngã rồi, Ta bảo kẻ ấy thật sự chưa biết nó.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn chấp địa (đại) là thần thông, không thích địa (đại), do không thích địa (đại) nên không chấp địa (đại) là ngã. Kẻ ấy không bảo rằng: "Địa (đại) là ngã". Ta nói kẻ ấy đã biết thủy, hỏa, phong, Thiên thần, Phạm thiên, A-bà thiên, A-tỳ-bà thiên. Họ cho tịnh là thần thông, không thích tịnh, vì không ưa tịnh nên không cho tịnh là ngã. Ta bảo rằng kẻ ấy đã biết Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Vô tưởng xứ, hoặc một, hoặc nhiều, hoặc riêng thấy, nghe hay biết được nhờ quán giác hành, từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này. Kẻ ấy vận dụng tất cả thần thông, tỏ ý không thích, cũng không ưa, cũng không chấp là ngã, cũng không bảo rằng: "Đó là ngã". Ta bảo kẻ ấy đã biết tất cả.

Lại nữa, Ta cho địa (đại) là thần thông, không thích địa (đại), không ưa thích địa (đại), không cho địa (đại) là ngã. Ta không chấp địa (đại). Ta đã biết thủy, hỏa, phong, Thiên thần, Phạm thiên, A-bà thiên, A-tỳ-bà

thiên, các thần thông ấy không cho là tịnh, vì không cho là tịnh nên không chấp tịnh là ngã. Ta đã biết được Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Vô tưởng xứ, hoặc một, hoặc nhiều, hoặc riêng thấy, nghe hay biết được nhờ quán giác hành, từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này, tất cả thần thông đều không ưa thích, vì không ưa thích nên không chấp là ngã. Cho nên Ta đã biết chúng.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn giảng nói, thảy đều vui mừng, dứt sạch nguyên nhân chấp ngã.

□

SỐ 57

PHẬT NÓI KINH LẬU PHÂN BỐ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng
Pháp sư An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Hành trị xứ danh vi pháp (*đô ấp Kiếm-ma-sắc-đàm-câu-lâu?*) thuộc nước Câu-lưu.

Bấy giờ người nước Câu-lưu đang sinh sống đông đúc tại đó. Khi ấy Đức Phật bảo các Tỳ-kheo; các Tỳ-kheo thưa: "Dạ vâng", và theo Đức Phật để nghe dạy. Đức Phật nói như vầy:

–Tỳ-kheo hãy lắng nghe, Ta sẽ thuyết pháp, phần đầu cũng lợi, phần giữa cũng lợi, phần cuối cũng lợi, có lợi lạc, có phương tiện, đầy đủ ý, hiện rõ phạm hạnh. Hãy nên lắng nghe, thọ trì để nhớ nghĩ điều được nghe.

Các Tỳ-kheo thưa: "Xin vâng!", và theo Đức Phật để nghe thuyết pháp. Đức Phật nói:

–Các Tỳ-kheo cần phải biết lậu, cũng phải biết nguồn gốc của lậu, cũng phải biết do lậu mà thọ lấy tai ương, cũng phải biết sự phân bố (tác động rộng khắp) của lậu, cũng phải biết sự chấm dứt của lậu, cũng phải biết tu tập gì khiến cho dứt sạch hết lậu.

Tỳ-kheo phải biết thống (thọ), cũng phải biết nguyên nhân của thống, cũng phải biết do thống mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của thống, cũng phải biết sự chấm dứt của thống, cũng phải biết tu tập gì để dứt hết thống.

Tỳ-kheo phải biết tư tưởng, cũng nên biết nguồn gốc của tư tưởng, cũng nên biết do tư tưởng mà thọ lấy tai ương, cũng nên biết sự phân bố của tư tưởng, cũng nên biết tu tập gì để chấm dứt tư tưởng.

Tỳ-kheo phải biết ái dục, cũng phải biết nguồn gốc của ái dục, cũng phải biết do ái dục mà thọ tai ương, cũng phải biết sự phân bố của ái dục, cũng phải biết sự chấm dứt của ái dục, cũng phải biết tu tập gì để không

còn ái dục.

Tỳ-kheo phải biết hành, cũng phải biết nguyên nhân của hành, cũng phải biết vì hành mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của hành, cũng phải biết sự chấm dứt của hành, cũng phải biết thọ trì hạnh gì để không còn hành.

Tỳ-kheo phải biết khổ, cũng phải biết nguyên nhân của khổ, cũng phải biết vì khổ mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của khổ, cũng phải biết sự chấm dứt của khổ, cũng phải biết tu tập gì để không còn khổ.

Tỳ-kheo phải biết lậu, cũng phải biết nguyên nhân của lậu, cũng phải biết vì lậu mà bị tai ương, cũng phải biết sự phân bố của lậu, cũng phải biết sự chấm dứt của lậu, cũng phải biết tu tập gì mà dứt hết lậu.

Phải biết những loại lậu nào? Đó là có ba thứ lậu:

Dục lậu.

Hữu lậu.

Si lậu (vô minh lậu).

Như vậy là biết lậu.

Thế nào gọi là phải biết nguồn gốc của lậu? Đó là biết si (vô minh) là gốc của lậu, do đó mà lậu hiện hữu. Như vậy là biết nguồn gốc của lậu.

Thế nào gọi là do lậu mà có tai ương? Đó là biết do si mà có hành động lậu, hành động thế nào nên phải thọ lấy tai ương như vậy, hoặc sanh chỗ tốt, hoặc đọa vào chỗ xấu. Như vậy là biết do lậu mà thọ lấy tai ương.

Thế nào gọi là biết sự phân bố của lậu? Đó là biết do hành động sai khác mà bị đọa vào địa ngục, hoặc do hành động sai khác mà đọa vào súc sanh, hoặc do hành động sai khác mà đọa vào ngạ quỷ, hoặc do hành động sai khác mà sanh lên cõi trời, hoặc do hành động sai khác mà sanh vào loài người. Như vậy gọi là biết sự phân bố của lậu.

Sao gọi là phải biết sự chấm dứt của lậu? Đó là biết si đã chấm dứt nên lậu liền chấm dứt, như vậy là lậu chấm dứt. Đó là biết sự chấm dứt của lậu.

Thế nào là phải biết thọ trì hạnh gì để lậu chấm dứt? Đó là tám thứ đạo hạnh:

Trực kiến.

Trực cánh.

Trực ngữ.

Trực hành.

Trực nghiệp.

Trực phương tiện.

Trực niệm.

Trực định.

Như vậy là biết thọ trì hạnh gì để chấm dứt lậu.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết lậu như vậy, biết nguyên nhân của lậu như vậy, biết do lậu mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của lậu như vậy, biết sự chấm dứt của lậu như vậy, biết tu tập nên khiến lậu được chấm dứt như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết chán lìa thế gian, hành thanh tịnh nên được đắc đạo, làm cho các lậu được chấm dứt.

Tỳ-kheo phải biết thống (thọ), cũng phải biết nguyên nhân của thống, cũng phải biết vì thống mà thọ tai ương, cũng phải biết sự phân bố của thống, cũng phải biết sự chấm dứt của thống, cũng phải biết tu tập gì khiến cho chấm dứt thống.

–Phải biết những loại thống nào? Đó là có ba loại thống (thọ):

Lạc thống.

Khổ thống.

Không lạc cũng không khổ thống.

Như vậy là biết thống.

Thế nào là phải biết nguồn gốc của thống? Đó là biết do suy tư, lường tính. Như vậy là biết nguồn gốc của thống.

Thế nào là phải biết do thống mà thọ tai ương? Đó là biết có đối tượng tư duy tiếp xúc dẫn tới sự khổ. Như vậy là biết từ thống đưa đến tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của thống? Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tiếp xúc với lạc thống (lạc thọ) thì biết là tiếp xúc với lạc thống, tiếp xúc với khổ thống (khổ thọ) thì biết là tiếp xúc với khổ thống, tiếp xúc với không khổ không lạc thống thì biết là đang tiếp xúc với không lạc không khổ thống; thân tiếp xúc với lạc thống thì biết là thân tiếp xúc với lạc thống, thân tiếp xúc với khổ thống thì biết là thân tiếp xúc với khổ thống, thân tiếp xúc với không khổ không lạc thống thì biết là thân tiếp xúc với không khổ không lạc thống; tâm niệm tiếp xúc với lạc thống thì biết là tâm niệm tiếp xúc với lạc thống, tâm niệm tiếp xúc với khổ thống thì biết là tâm niệm tiếp xúc với khổ thống, tâm niệm tiếp xúc với không khổ không lạc thống thì biết là tâm niệm tiếp xúc với không khổ không lạc thống. Lạc thống do mong cầu mà có thì biết lạc thống do mong cầu mà

có. Khổ thống do mong cầu mà có thì biết khổ thống do mong cầu mà có. Không khổ không lạc thống do mong cầu mà có thì biết không khổ không lạc thống do mong cầu mà có. Lạc thống không do mong cầu mà có thì biết lạc thống không do mong cầu mà có. Khổ thống không do mong cầu mà có thì biết khổ thống không do mong cầu mà có. Không khổ không lạc thống không do mong cầu mà có thì biết không khổ không lạc thống không do mong cầu mà có. Lạc thống do sống trong gia đình thì biết lạc thống do sống trong gia đình. Khổ thống do sống trong gia đình thì biết khổ thống do sống trong gia đình. Không khổ không lạc thống do sống trong gia đình thì biết không khổ không lạc thống do sống trong gia đình. Lạc thống nhờ bỏ gia đình thì biết lạc thống nhờ bỏ gia đình. Khổ thống nhờ bỏ gia đình thì biết khổ thống nhờ bỏ gia đình. Không khổ không lạc thống nhờ bỏ gia đình thì biết không khổ không lạc thống nhờ bỏ gia đình. Như vậy là biết sự phân bố của thống.

Những gì là phải biết sự chấm dứt của thống? Đó là nhớ nghĩ đến sự từ bỏ thì thống liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của thống.

Thế nào là phải biết tu tập để thống chấm dứt? Đó là tám thứ đạo hạnh:

Trực kiến.

Trực cánh.

Trực ngữ.

Trực hành.

Trực nghiệp.

Trực phương tiện.

Trực niệm.

Trực định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt thống.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết thống như vậy, biết nguyên nhân của thống như vậy, biết do thống mà bị tai ương như vậy, biết sự phân bố của thống như vậy, biết sự chấm dứt của thống như vậy, biết tu tập để chấm dứt thống như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết chán lìa thế gian, nhờ hành thanh tịnh nên được đạo, làm cho thống được chấm dứt.

Tỳ-kheo phải biết tư tưởng (Tưởng), phải biết nguồn gốc của tư tưởng, phải biết do tư tưởng mà thọ lấy tai ương, cũng phải biết sự phân bố của tư tưởng, cũng phải biết tu tập gì để chấm dứt tư tưởng.

Những gì là phải biết tư tưởng? Đó là có bốn loại tư tưởng:

Tư tưởng ít.

Tư tưởng nhiều.

Tư tưởng vô hữu lượng.

Tư tưởng vô sở hữu bất dụng.

Như vậy gọi là biết tư tưởng.

Thế nào là phải biết nguồn gốc của tư tưởng? Xúc là nguồn gốc của tư tưởng. Như vậy là biết nguồn gốc của tư tưởng.

Thế nào là phải biết từ tư tưởng mà có tai ương? Đó là như điều tư tưởng làm, như điều tư tưởng hành. Đó gọi là việc làm, hành động. Như vậy là biết do tư tưởng mà thọ tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của tư tưởng? Đó là tư tưởng về sắc thì khác, tư tưởng về tiếng cũng khác, tư tưởng về hương cũng khác, tư tưởng về vị cũng khác, tư tưởng về sự thô, tế khi thân cảm tiếp xúc cũng khác. Như vậy là biết sự phân bố của tư tưởng.

Thế nào là phải biết sự chấm dứt của tư tưởng? Đó là xúc đã hết thì tư tưởng liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của tư tưởng.

Thế nào là phải biết tu tập để chấm dứt tư tưởng? Đó là tám loại đạo hạnh:

Trực kiến.

Trực cánh.

Trực ngữ.

Trực hành.

Trực nghiệp.

Trực phương tiện.

Trực niệm.

Trực định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt tư tưởng.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết tư tưởng như vậy, biết nguồn gốc của tư tưởng như vậy, biết do tư tưởng mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của tư tưởng như vậy, biết sự chấm dứt của tư tưởng như vậy, biết tu tập nên khiến tư tưởng được chấm dứt như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết, chán lìa thế gian, hành thanh tịnh nên được đắc đạo, khiến tư tưởng chấm dứt.

Tỳ-kheo phải biết ái dục, cũng phải biết nguồn gốc của ái dục, cũng phải biết do ái dục đưa đến tai ương, cũng phải biết sự phân bố của ái dục, cũng phải biết sự chấm dứt của ái dục, cũng phải biết tu tập gì để chấm

dứt ái dục.

Thế nào là phải biết ái dục? Đó là biết ái dục có năm loại mà con người mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong cầu yêu thích sắc; theo ý ấy đưa đến tham đắm, gần gũi. Những gì là năm?

1. Các sắc do mắt nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy đưa tới tham đắm, dễ gần gũi.

2. Các tiếng do lỗ tai nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy đưa đến tham đắm, gần gũi.

3. Các hương do mũi nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy dẫn tới tham đắm, gần gũi.

4. Các vị do miệng nhận thức thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy dẫn đến tham đắm, gần gũi.

5. Các xúc thô, tế do thân tiếp xúc biết được thì mong muốn được, mong muốn mãnh liệt trong tâm, mong muốn yêu thích sắc; theo ý ấy dẫn tới tham đắm, gần gũi.

Như vậy là biết được ái dục.

Thế nào là biết nguồn gốc của ái dục? Đó là tư (suy niệm). Như vậy là biết nguồn gốc của ái dục.

Thế nào là biết vì ái dục phải thọ tai ương? Nếu đã dấy khởi ái dục, đã sanh dục cầu, liền có tranh cãi, mong chờ, liền sanh tưởng về tai ương. Vì vậy phải tùy theo tai ương hoặc đến chỗ tốt, hoặc vào chỗ dữ. Như vậy là biết do ái dục mà thọ lấy tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của ái dục? Đó là biết ái dục của sắc thì khác, ái dục của thanh cũng khác, ái dục của hương cũng khác, ái dục của mùi vị cũng khác, ái dục do thân tiếp xúc vật thô tế cũng khác. Như vậy là biết sự phân bố của ái dục.

Thế nào là biết sự chấm dứt của ái dục? Đó là biết tư đã chấm dứt thì ái liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của ái dục.

Thế nào là biết tu tập để chấm dứt ái dục? Đó là tám thứ đạo hạnh:

Trực kiến.

Trực cánh.

Trực ngữ.

Trực hành.

Trực nghiệp.

Trực phương tiện.

Trực niệm.

Trực định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt ái dục.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết ái dục như vậy, biết nguyên nhân của ái dục như vậy, biết do ái dục mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của ái dục như vậy, biết sự chấm dứt của ái dục như vậy, biết tu tập để chấm dứt ái dục như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết, chán lìa thế gian, hành thanh tịnh, đắc đạo, khiến cho ái dục chấm dứt.

Tỳ-kheo cần phải biết hành, cũng phải biết nguồn gốc của hành, cũng phải biết do hành mà thọ lấy tai ương hay phước đức, cũng phải biết sự phân bố của hành, cũng phải biết sự chấm dứt của hành, cũng phải biết tu tập gì thì chấm dứt hành.

Thế nào là phải biết hành? Đó là sự nhớ nghĩ không hướng tới xa lìa, gọi là hành.

Thế nào là biết nguồn gốc của hành? Đó là từ ái dục có sự tạo tác, từ ái làm gốc có hành. Như vậy là biết nguồn gốc của hành.

Thế nào là biết do hành mà phải thọ tai ương hay phước đức? Đó là hành động đen tối phải bị tai ương xấu ác khiến phải bị sa đọa vào cõi ác, có hành động thanh tịnh, khiến có phước thanh tịnh, được sanh lên cõi trời. Đó là biết do hành mà phải thọ lấy tai ương hay phước đức.

Thế nào là phải biết sự phân bố của hành? Đó là có hành động đen tối phải theo sự đen tối mà thọ lấy tai ương, có hành động thanh tịnh thì nhờ sự thanh tịnh mà được phước đức thanh tịnh. Vì có hành động đen tối hay thanh tịnh nên đưa đến nghiệp đen hay trắng, tai ương hay phước đức. Cũng có hành động chẳng phải đen, cũng chẳng phải thanh tịnh, nhờ đó được phước đức, các hành đều nối tiếp nhau. Như vậy là biết sự phân bố của hành.

Thế nào là phải biết sự chấm dứt của hành? Đó là ái đã hết thì hành liền hết. Như vậy là biết sự chấm dứt của hành.

Thế nào là biết tu tập để chấm dứt hành? Đó là tám thứ đạo hạnh:

Trực kiến.

Trực cánh.

Trực ngữ.

Trực hành.

Trực nghiệp.

Trực phương tiện.

Trực niệm.

Trực định.

Như vậy là biết sự tu tập để chấm dứt hành.

Này các Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo đã biết hành như vậy, biết nguồn gốc của hành như vậy, biết do hành mà phải thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của hành như vậy, biết sự chấm dứt của hành như vậy, biết tu tập để chấm dứt hành như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết, chán lìa thế gian, hành thanh tịnh nên đắc đạo, khiến cho hành chấm dứt hoàn toàn.

Tỳ-kheo phải biết khổ, cũng phải biết nguyên nhân của khổ, cũng phải biết vì khổ mà thọ lấy tai ương, cũng phải biết sự phân bố của khổ, cũng phải biết sự chấm dứt của khổ, cũng phải biết tu tập gì để chấm dứt khổ.

Thế nào là Tỳ-kheo phải biết khổ? Đó là Tỳ-kheo phải biết sanh là khổ, phải biết già là khổ, biết bệnh là khổ, phải biết chết là khổ, phải biết oán thù gặp nhau là khổ, phải biết ái biệt ly là khổ, phải biết cầu mong không được là khổ, phải biết nguồn gốc của năm ấm là khổ. Như vậy là biết khổ.

Thế nào là phải biết nguồn gốc của khổ? Đó là Bản vi si (vô minh), si là nguồn gốc của khổ. Như vậy là biết nguồn gốc của khổ.

Thế nào là phải biết do khổ mà thọ lấy tai ương? Đó là người thế gian do ngu muội không nghe kinh điển, ở trong thân nhận lấy bao sự khổ thống kịch liệt, sự đau khổ kịch liệt không thể chịu nổi, phải nên chấm dứt ý nghĩ đó. Vì theo bên ngoài, cầu mong pháp hữu vi bên ngoài, căn cứ bên ngoài mà cầu mong. Có Sa-môn, Bà-la-môn trì từ một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, năm câu, một trăm câu trì chú để cúng tế nhờ vậy mà thân có thể được thoát khổ, đó là tai ương của khổ. Như vậy là biết do khổ mà thọ lấy tai ương.

Thế nào là phải biết sự phân bố của khổ? Đó là có khổ ít mà thọ tai ương lâu dài, hoặc là có khổ ít mà không bị tai ương tật bệnh, hoặc có khổ nhiều mà thọ tai ương lâu dài, hoặc khổ nhiều mà thoát khỏi tai ương tật bệnh. Như vậy là biết sự phân bố của khổ.

Thế nào là phải biết sự chấm dứt của khổ? Đó là si (vô minh) đã chấm dứt thì khổ liền chấm dứt. Như vậy là biết sự chấm dứt của khổ.

Thế nào là phải biết tu tập để chấm dứt khổ? Đó là tám thứ đạo hạnh:

Trực kiến.

Trực cánh.

Trực ngữ.

Trực hành.

Trực nghiệp.

Trực phương tiện.

Trực niệm.

Trực định.

Như vậy là biết tu tập để chấm dứt khổ.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã biết khổ như vậy, biết nguyên nhân của khổ như vậy, biết vì khổ mà thọ tai ương như vậy, biết sự phân bố của khổ như vậy, biết sự chấm dứt của khổ như vậy, biết tu tập để chấm dứt khổ như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo biết chán lìa thế gian, hành thanh tịnh đắc đạo, để chấm dứt khổ đau.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo thọ trì lời Phật dạy, trong tâm ghi nhớ theo đó thực hành, đạt được vô vi thanh tịnh.

□

SỐ 58

PHẬT NÓI KINH A-NẬU-PHONG

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn
Trúc Đàm Vô Lan

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại thành A-nậu-phong thuộc xứ Bạt-kỳ. Bấy giờ Đức Thế Tôn, sau giờ ngọ, từ thiền tọa đứng dậy, bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan, chúng ta hãy cùng nhau đến ao A-di-đà-bà để tắm rửa.

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả A-nan vâng theo lời dạy của Đức Thế Tôn. Khi ấy Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo tùy tùng đi đến ao A-di-đà-bà; đến nơi, cởi y phục để trên bờ ao, rồi xuống ao A-di-đà-bà tắm, tắm xong lên bờ lau mình và mặc y phục vào.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan, người tâm ý buông lung như Đề-bà-đạt-đâu, khi bỏ chốn này phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu vớt được. Này A-nan, thầy có nghe các Tỳ-kheo nói lời này: "Ta đã ghi nhận rằng Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu vớt được" không?

Tôn giả A-nan đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Vì sao? Vì con có nghe điều này. Bạch Thế Tôn, con có nghe một vị Tỳ-kheo nói với con: "Thế nào, này Hiền giả A-nan, Đức Thế Tôn biết rõ những ý nghĩ, những hành động trong tâm của Đề-bà-đạt-đâu chăng? Hay Ngài dùng các phương tiện khác để biết nên Ngài mới ghi nhận rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát".

Đức Thế Tôn dạy:

–Này A-nan, Tỳ-kheo ấy hoặc là hàng trưởng thượng, hoặc là niên

thiếu, hay còn nhỏ đều là người thiếu trí tuệ. Vì sao? Này A-nan, vì Như Lai đã dạy nhưng vị ấy vẫn còn nghi hoặc. Này A-nan, Ta không thấy có Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài người ở thế gian này mà Ta đã nói như trên, tức phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu như Đề-bà-đạt-đâu. Vì sao? Này A-nan, Ta đã thọ ký rằng: Đề-bà-đạt-đâu chắc chắn phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát. Này A-nan, Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch, cho dù nhỏ như một sợi lông. Nếu Ta thấy ông ấy có một chút pháp thanh bạch thì Ta đã không nói: "Đề-bà-đạt-đâu chắc chắn phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát". Này A-nan, bởi vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch, cho dù nhỏ như một sợi lông. Nếu Ta thấy ông ấy có một chút pháp thanh bạch thì Ta đã không thọ ký một cách chắc chắn rằng: Đề-bà-đạt-đâu chắc chắn phải bị đọa vào ác xứ, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát.

Này A-nan, ví như cách thôn nọ không xa, có một hầm lớn đầy phẩn hôi thối và có một người bị rớt vào trong đó, chìm xuống tận đáy. Có người trông thấy, suy nghĩ như vầy: "Ta có lòng thương xót muốn kẻ ấy được lợi ích, muốn cứu vớt kẻ ấy để kẻ ấy được an ổn". Người ấy đứng trên hầm phẩn lớn đó quán sát chung quanh để xem kẻ bị rớt kia có chỗ nào không bị dính phẩn, dù nhỏ như một sợi lông để nắm kẻ ấy kéo lên. Người ấy đứng trên hầm phẩn lớn nhìn khắp thân thể của người kia, nhưng không thấy có chỗ nào, dù nhỏ như sợi lông sợi tóc mà không bị dính phân để có thể nắm kéo lên được. Cũng vậy, này A-nan, Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch bằng một sợi lông, sợi tóc. Nếu ông ấy có một chút pháp thanh bạch thì Ta đã không nói rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục suốt một kiếp, khó có thể cứu thoát. Cho nên này A-nan, Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thanh bạch, dù bằng một sợi lông, do đó Ta đã nói một cách chắc thật rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác, sống trong địa ngục suốt cả một kiếp, khó có thể cứu thoát.

Bấy giờ Tôn giả A-nan rơi nước mắt, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

–Kính bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Nay Thế Tôn đã khẳng định Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục, ở đấy

trọn kiếp, khó có thể cứu thoát.

Đức Thế Tôn dạy:

–Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Ta đã xác quyết rằng: Đề-bà-đạt-đâu phải bị đọa vào cõi ác Nê-lê, sống trong địa ngục, ở đấy trọn kiếp, khó có thể cứu thoát. Này A-nan, hãy nghe Đức Như Lai phân biệt về căn tướng của bậc Đại nhân để làm phát sanh và tăng trưởng niềm tin, và sự hoan hỷ đối với Như Lai.

Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay quả là đúng lúc. Cúi mong Đức Thế Tôn giảng nói, phân biệt cho các Tỳ-kheo nghe về căn tướng của bậc Đại nhân. Khi nghe Đức Thế Tôn giảng nói xong, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói.

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả A-nan vâng theo lời Phật dạy. Đức Phật bảo:

–Này A-nan, Như Lai biết ý nghĩ của người khác biết, người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết tâm ý của người ấy đã dứt bỏ pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó, sẽ phát sanh pháp thiện. Như vậy, người ấy tâm ý tất sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, giống như sáng sớm, mặt trời vừa xuất hiện, bóng tối liền tan hết, ánh sáng liền phát sanh. Này A-nan, ý thầy thế nào? Khi mặt trời lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, thì có ánh sáng hiện ra?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết những điều suy niệm trong tâm của người khác, biết người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, cũng tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm người ấy, biết người ấy bỏ pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã bỏ pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người ấy tâm ý tất sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió mưa làm hỏng, được cất giấu an ổn trong vựa lúa. Người nông phu làm ruộng kia dọn

dẹp, cày bừa thửa ruộng ngay thẳng xong, gieo hạt lúa xuống và mưa tuôn đúng lúc, thì này A-nan, ý thầy thế nào? Người ấy có được thu hoạch được nhiều hạt lúa chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, được nhiều hạt.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm ý của người khác, biết người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm người ấy, biết họ diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó pháp thiện sẽ lại phát sanh. Như vậy, người ấy tâm ý tất sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, đó gọi là Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai biết rõ chỗ quay về của các pháp.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm ý người khác, biết người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết những điều suy nghĩ trong tâm người ấy, biết người ấy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; tuy thiện căn có từ trước không đoạn tuyệt, nhưng tất cả thiện căn ấy rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người ấy có pháp đoạn tuyệt. Này A-nan, giống như từ lúc xế chiều mặt trời lặn, ánh sáng diệt hết, bóng tối sanh ra. Này A-nan, ý thầy thế nào? Sau khi mặt trời lặn, không phải giờ ăn, ánh sáng đã tắt hết thì bóng tối sanh ra chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết những suy nghĩ trong tâm của người khác, biết người ấy cùng tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết những ý nghĩ trong tâm người ấy, người ấy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người ấy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, đã có thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt, rồi tất cả thiện căn sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người ấy đi đến pháp đoạn tuyệt. Này A-nan, giống như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió mưa làm hỏng, để an ổn trong vựa lúa. Nếu người nông phu kia dọn dẹp, cày bừa ruộng ngay thẳng, rồi gieo hạt vào, nhưng mưa không đúng thời, thì này A-nan, ý thầy thế nào? Có được nhiều hạt lúa không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được nhiều hạt.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý nghĩ trong tâm của người khác, biết người ấy tương ưng với pháp thiện, tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó Như Lai biết tâm niệm của người ấy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người đó đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn có trước đây vẫn không đoạn tuyệt, thì nay sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người ấy có pháp đoạn tuyệt. Này A-nan, như vậy là Như Lai đã nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Như Lai đối với các pháp sinh khởi đều biết rõ như vậy.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác, không thấy người đó có một chút pháp thanh tịnh tốt đẹp dù nhỏ như sợi lông sợi tóc. Người đó một mực chỉ toàn là pháp ác bất thiện trói buộc, trở lại bị quả báo khổ sở, trong cảnh sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người đó khi thân hoại mạng chung, phải sống trong địa ngục. Này A-nan, giống như hạt lúa giống bị hư, vỡ, mục nát, bị gió mưa làm hỏng, không được cất giấu cẩn thận. Nếu người nông phu làm ruộng ấy không ra sức cày đất, không làm cho đất thuần thục, bằng phẳng rồi gieo hạt giống xuống và mưa không phải thời, thì này A-nan, ý thầy thế nào? Người ấy có được nhiều lúa chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, dạ không.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác, không thấy người ấy có một chút pháp thiện dù nhỏ như sợi lông sợi tóc. Người ấy một mực chỉ toàn là pháp ác bất thiện trói buộc, nên trở lại bị quả báo bức bách khổ não, trong cảnh sự sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người ấy sau khi thân hoại mạng chung phải sống trong địa ngục. Như vậy, này A-nan, Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân như thế. Như Lai đối với các pháp hỗ tương sanh ra đều biết rõ.

Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, Như Lai đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Ngài có thể thuyết giảng về ba hạng người khác nữa được chăng?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, Ta có thể giảng nói. Này A-nan, Như Lai hoặc biết ý niệm của người khác, biết người đó cùng tương ưng với pháp thiện, cũng tương ưng với pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai biết tâm ý của người đó

rằng người đó đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, nhưng căn bất thiện còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ pháp thiện đó lại sanh pháp thiện. Như vậy, người ấy đối với pháp bất thiện sẽ đoạn tuyệt. Này A-nan, ví như có lửa cháy, ngọn lửa cứ tự nhiên cháy, hoặc có người đẩy cỏ khô lên rồi chất củi khô thêm vào. Này A-nan, ý thầy thế nào? Ngọn lửa càng bốc cháy mạnh lên chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết tâm ý của người khác, biết người đó cùng tương ưng với pháp bất thiện, tương ưng với pháp thiện. Sau đó Như Lai biết tâm ý của người đó rằng người đó đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, nhưng căn bất thiện còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ pháp bất thiện đó lại sanh pháp bất thiện. Như vậy, người ấy đi đến pháp hủy diệt. Này A-nan, như vậy gọi là Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai đối với các pháp hỗ tương sanh ra đều biết rõ.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết tâm ý của người khác, biết người ấy cùng tương ưng với pháp bất thiện, cũng tương ưng với pháp thiện. Sau đó Như Lai biết tâm ý của người ấy rằng người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, nhưng căn bất thiện còn sót lại chưa đoạn tuyệt, tất cả rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy người ấy đi đến pháp ý thanh tịnh rốt ráo. Này A-nan, ví như đốt lửa, ngọn lửa tự nhiên bốc lên, có người đem lửa đang cháy để trên đất khô, hoặc để trên đá. Này A-nan, ý thầy thế nào? Ngọn lửa có bốc cháy mạnh lên chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể bốc cháy mạnh được.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác, biết người đó cùng tương ưng với pháp bất thiện, cũng tương ưng với pháp thiện. Sau đó Như Lai biết tâm niệm của người ấy rằng người đó đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người ấy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện rồi, căn bất thiện còn sót lại từ trước vẫn chưa đoạn tuyệt, nhưng rồi tất cả sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người đó đạt được pháp thanh tịnh hoàn toàn. Này A-nan, như vậy là Như Lai đã nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai biết các pháp hỗ tương sanh ra đều biết rõ.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai biết mọi suy nghĩ trong tâm ý của người khác, không thấy người ấy có nghiệp xấu ác dù nhỏ như sợi lông, sợi tóc. Người ấy hoàn toàn có đầy đủ pháp thiện, hạnh thiện và quả báo thiện, thân kẻ ấy tương ưng với chỗ thiện. Như vậy, người ấy ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, ví như lửa đã tắt, mát lạnh, không còn nóng nữa, hoặc có người lấy cỏ khô bỏ vào trong ấy, này A-nan, ý thầy thế nào? Lửa có thể bốc cháy không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được.

–Cũng vậy, này A-nan, Như Lai biết ý niệm của người khác. Ta không thấy người ấy có nghiệp xấu ác dù nhỏ như sợi lông, sợi tóc. Người ấy hoàn toàn có đầy đủ pháp thiện, hạnh thiện và quả báo thiện, thân kẻ ấy tương ưng với chỗ thiện. Như vậy, người ấy ngay trong đời này chứng đắc Bát Niết-bàn. Này A-nan, như vậy là Như Lai nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Cũng vậy, Như Lai đối với các pháp hỗ tương sanh ra đều biết rõ.

Này A-nan, ba hạng người nói ở trước, hạng thứ nhất đạt được pháp thanh tịnh, hạng thứ hai có pháp hoại diệt, hạng thứ ba khi thân hoại mạng chung chắc chắn đọa vào cõi ác, sống trong địa ngục. Ba hạng người Ta nói sau đó, hạng người thứ nhất có pháp hủy diệt, hạng thứ hai có pháp thanh tịnh, hạng thứ ba ngay trong đời này chứng đắc Bát Niết-bàn.

Này A-nan, Ta đã giảng nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Như Đấng Thế Tôn thương yêu đệ tử, muốn được lợi ích, Ta đã nói cho thầy nghe. Nay thầy phải ở chỗ vắng vẻ, ngồi bên gốc cây mà thiền định, tư duy chớ nên buông thả tâm ý, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời nêu giảng của Ta. Đó là lời giáo huấn, trao truyền của Ta.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Đức Thế Tôn dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 59

PHẬT NÓI KINH CHƯ PHÁP BỔN

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe Ta giảng nói về căn bản của các pháp.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Dạ vâng.

Đức Thế Tôn nói:

–Nếu có hàng ngoại đạo theo học thuyết khác đến hỏi các thầy: "Nguồn gốc của các pháp là gì?", các thầy phải trả lời với họ: "Các pháp lấy dục làm gốc". Nếu họ lại hỏi:

–Lấy gì làm tập khởi *(nguyên nhân)*?

–Lấy cánh *(xúc)* làm tập khởi.

–Lấy gì làm đồng thú *(dẫn phát triển)*?

–Lấy thống *(thọ)* làm đồng thú.

–Lấy gì để có hiện hữu?

–Lấy niệm để có hiện hữu.

–Lấy gì làm minh đạo?

–Lấy tư duy làm minh đạo.

–Lấy gì làm đệ nhất?

–Lấy tam-muội làm đệ nhất.

–Lấy gì làm tối thượng?

–Lấy trí tuệ làm tối thượng.

–Lấy gì làm chắc thật?

–Lấy Giải thoát làm chắc thật.

–Lấy gì làm cứu cánh?

–Lấy Nê-hoàn làm cứu cánh.

Này các Tỳ-kheo, như vậy dục là gốc của các pháp, cánh *(xúc)* là tập *(nguyên nhân sinh khởi)* của các pháp, thống *(thọ)* là đồng thú của các pháp, Niệm là sự hiện hữu của các pháp, tư duy là minh đạo của các pháp, tam-muội là đệ nhất của các pháp, trí tuệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là sự chắc thật của các pháp, Nê-hoàn là cứu cánh của các pháp.

Các Tỳ-kheo nên học hỏi, tu tập như vậy, thường nên có niệm tưởng về sự xuất gia học đạo, tưởng niệm về sự phi thường *(vô thường)*, tưởng niệm về vô thường nên khổ, tưởng niệm về khổ nên phi thân *(vô ngã)*, tưởng niệm về các thức ăn ô uế, tưởng niệm về sự bất tịnh, tưởng niệm về sự chết, tưởng niệm về tất cả thế gian không có gì vui thích, tưởng niệm để biết sự tà chánh của thế gian, tưởng niệm về sự phân biệt có, không của thế gian, sự tập khởi, sự chấp giữ, điều hoan lạc, sự chuyển biến, và nẻo hướng tới của thế gian. Hãy nên học như vậy, dùng chánh kiến để biết rõ.

Các Tỳ-kheo suy niệm như vậy để đoạn ái, bỏ dục, thâm nhập trí tuệ chân chánh, đạt được biên vực tận cùng của khổ.

Đức Phật giảng nói như vậy xong, các Tỳ-kheo hãy đều hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 60

PHẬT NÓI KINH CÙ-ĐÀM-DI KÝ QUẢ

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Tuệ Giản.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở trong vườn Ni-câu-lư, thuộc thành Ca-duy-la-vệ, vùng Thích-ky-sấu, cùng chúng đại Tỳ-kheo thọ tuế *(an cư)*. Bấy giờ di mẫu của Phật là Cù-đàm-di đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi đảnh lễ ngang chân Đức Phật, xong đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc bốn quả của bậc Sa-môn được chăng? Nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn nói:

–Thôi đi! Này Cù-đàm-di, không nên nói như vậy. Nữ nhân không nên ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo được. Này Cù-đàm-di, nữ nhân không thể cạo tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời thực hành phạm hạnh thanh tịnh.

Khi ấy di mẫu Cù-đàm-di bị Đức Thế Tôn ngăn cản, nên đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh Đức Thế Tôn rồi trở về.

Lúc đó các Tỳ-kheo lo may sửa lại y cho Đức Thế Tôn. Không bao lâu Đức Thế Tôn đến Thích-ky-sấu để thọ tuế. Trải qua ba tháng thọ tuế và khi y đã được may xong, Ngài khoác y, ôm bát du hành trong nhân gian.

Di mẫu Cù-đàm-di nghe biết các sự việc vừa kể nên lại đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến rồi cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, có thể nào khiến cho nữ nhân tu tập chứng đắc bốn quả của bậc Sa-môn chăng? Như thế, nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình mà học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn lại nói:

–Thôi đi! Này Cù-đàm-di, đừng nói như vậy. Nữ nhân không nên ở trong pháp luật này vui thích xuất gia, từ bỏ gia đình, học đạo, cạo tóc, mặc áo ca-sa, nguyện suốt đời tu hành phạm hạnh thanh tịnh.

Khi ấy di mẫu Cù-đàm-di bị Đức Thế Tôn ngăn cản lần thứ hai về việc xin cho người nữ xuất gia bèn đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh rồi ra về.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở Thích-ky-sấu đã thọ tuế (an cư) sau ba tháng xong, y đã mang sửa rồi nên Ngài khoác y, ôm bát và tiếp tục du hành trong nhân gian.

Di mẫu Cù-đàm-di đã nghe tin như vậy liền cùng các nữ nhân lớn tuổi đi theo sau Đức Thế Tôn. Lúc đó Đức Thế Tôn thứ lớp du hành đến Na-bà-đề, ngài dừng chân ở Na-bà-đề, Kỳ-ni-xá. Di mẫu Cù-đàm-di bèn đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi đảnh lễ ngang chân Thế Tôn, rồi đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, có phương pháp nào để giúp cho nữ nhân chứng đắc bốn quả của bậc Sa-môn chăng? Như vậy, nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn nói lại lần thứ ba:

–Thôi đi! Này Cù-đàm-di, không thể như vậy. Nữ nhân không được ở trong pháp luật này xuất gia, từ bỏ gia đình mà học đạo, cạo tóc, mặc áo ca-sa, nguyện suốt đời hành phạm hạnh thanh tịnh.

Khi ấy di mẫu Cù-đàm-di bị Thế Tôn từ chối đến lần thứ ba thỉnh nguyện cho người nữ xuất gia của mình, nên đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh rồi đi ra.

Lúc đó di mẫu Cù-đàm-di chân tay lấm lem, trên người dính đầy bụi bặm, dáng vẻ mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu, khóc lóc. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy bèn đi đến gần, hỏi:

–Cù-đàm-di, vì lý do gì mà tay chân lấm lem, khắp người dính đầy bụi bặm, dáng vẻ mệt mỏi, lại đứng ở đây khóc lóc như vậy?

Cù-đàm-di nói:

–Thưa Tôn giả A-nan, nữ nhân không được ở trong pháp luật này, không được tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình, học đạo.

Tôn giả A-nan nói:

–Này Cù-đàm-di, hãy đứng ở đây, để tôi đi đến chỗ Đức Thế Tôn và thưa việc này cho.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ

nơi chân Thế Tôn xong, đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể tu Phật chứng đắc bốn quả của bậc Sa-môn chăng? Do đó, nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, bỏ nhà học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn dạy:

–Này A-nan, thôi đi đừng nói nữa! Nữ nhân không được ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình mà học đạo. Này A-nan, nếu nữ nhân được ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài. Này A-nan, ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình ấy có hưng thịnh lên không?

–Bạch Thế Tôn, không thể.

–Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo thì phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài. Này A-nan, giống như nơi ruộng lúa đang hồi trổ bông, nửa chừng thì bị mưa đá làm cho tổn hại. Đám ruộng tốt ấy nhân vì mưa đá nên bị hư hoại. Cũng vậy, này A-nan, nếu có nữ nhân ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài.

Tôn giả A-nan lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, di mẫu Cù-đàm-di đã đem lại lợi ích cho Thế Tôn. Sau khi thân mẫu Thế Tôn qua đời thì Cù-đàm-di đã đảm đương công việc chăm sóc, nuôi dưỡng Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy:

–Đúng vậy, này A-nan, di mẫu Cù-đàm-di đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích. Khi thân mẫu của Ta mạng chung, thì bà đã dùng sữa của bà để nuôi lớn Ta. Nhưng này A-nan, Ta cũng đã đem lại nhiều lợi ích cho di mẫu Cù-đàm-di. Nhờ Ta mà bà quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ đối với Phật pháp, không nghi ngờ đối với chúng Tăng, không nghi ngờ đối với bốn pháp Khổ, Tập, Tận, Đạo, đầy đủ tín tâm, giới cấm, hiểu biết, bố thí, đầy đủ trí tuệ, đoạn trừ nghiệp sát, xa lìa nghiệp sát, dứt trừ nghiệp không cho mà lấy, tà dâm, vọng ngôn, cho đến trừ bỏ việc uống rượu, xa lìa việc uống rượu. Này A-nan, nếu có người nhờ người khác mà được quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ Phật, không nghi ngờ Pháp, không nghi ngờ Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ đối với các pháp Khổ, Tập, Tận, Đạo, đầy đủ tín

tâm, giới cấm, hiểu biết, bố thí, đầy đủ trí tuệ, đoạn trừ nghiệp sát, xa lìa nghiệp sát, trừ nghiệp không cho mà lấy, tà dâm, vọng ngôn, cho đến trừ bỏ việc uống rượu, xa lìa việc uống rượu. Này A-nan, khác nào như người này suốt đời cúng dường cho người kia y phục, giường chõng, thuốc thang chữa bệnh lúc đau ốm, mà chẳng lẽ người kia lại không báo ân sao?

Lại nữa, này A-nan, nữ nhân phải phụng hành tám trọng pháp này và không được vi phạm. Nữ nhân phải suốt đời phụng trì giới này. Này A-nan, cũng như người đánh cá giỏi hay đệ tử của ông ta vào trong nước sâu để thả lưới, phải đắp đập ngăn chặn để giữ nước không cho chảy ra ngoài. Cũng vậy, này A-nan, nữ nhân phải phụng hành tám trọng pháp, không được vi phạm. Nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời. Tám giới đó là những gì?

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới cụ túc nơi Tỳ-kheo. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ nhất. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng phải đến thọ lễ tiết *(thọ giáo)* nơi Tỳ-kheo. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ hai. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, nếu ở nơi chốn không có Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo-ni không được thọ an cư. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ ba. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự thọ tuế: thấy, nghe và nghi. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ tư. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về khế kinh, luật hoặc A-tỳ-đàm. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo cho phép thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi Tỳ-kheo về khế kinh, luật hoặc A-tỳ-đàm. Này A-nan, đó là ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ năm. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni không được phép nói về điều trái phạm thấy, nghe và nghi của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm về thấy, nghe và nghi của Tỳ-kheo-ni. Này A-nan, đó là Ta đã vì

nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ sáu. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành pháp bất mạn trong vòng mười lăm ngày. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ bảy. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới cụ túc đến một trăm năm, nhưng đối với một vị Tỳ-kheo mới thọ giới cụ túc vẫn phải tôn lễ bái, phải cung kính, vâng lời. Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ tám. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố tám trọng pháp. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, nếu di mẫu Cù-đàm-di phụng trì tám trọng pháp ấy thì được ở trong pháp luật này học đạo, được thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo-ni.

Tôn giả A-nan nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy như vậy xong khéo nhận lãnh, ghi nhớ, đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh rồi lui ra đến chỗ di mẫu Cù-đàm-di, nói với di mẫu:

–Được rồi! Này Cù-đàm-di, nữ nhân đã được phép ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo. Này Cù-đàm-di, Đức Thế Tôn nói như vầy: "Nữ nhân phải thực hành tám trọng pháp, không được vi phạm, nữ nhân phải suốt đời giữ giới này". Những gì là tám?

Này Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới cụ túc nơi Tỳ-kheo. Này Cù-đàm-di, đó là Đức Thế Tôn vì nữ nhân mà tuyên bố trọng pháp thứ nhất, hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy phụng trì giới này suốt đời. Cho đến này Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni dù thọ cụ túc giới một trăm năm, nhưng đối trước Tỳ-kheo mới thọ giới cụ túc vẫn phải cung kính lễ bái, vâng lời. Này Cù-đàm-di, đó là Đức Thế Tôn đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ tám. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân suốt đời giữ giới này.

Này Cù-đàm-di, đó là Đức Thế Tôn vì nữ nhân tuyên bố tám trọng pháp. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân suốt đời thọ trì giới này. Này Cù-đàm-di, nếu có thể phụng trì tám trọng pháp này thì nữ nhân sẽ được ở trong pháp luật này học đạo, thọ giới cụ túc

làm Tỳ-kheo-ni.

Di mẫu Cù-đàm-di thưa:

–Đúng vậy! Này Tôn giả A-nan, hãy nghe tôi nói một ví dụ, người trí tuệ nghe ví dụ liền hiểu rõ ý nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan, ví như có người nữ thuộc dòng Sát-lợi, người nữ thuộc dòng Bà-la-môn, người nữ con nhà thợ thuyền, người nữ thường dân, tắm gội sạch sẽ, lấy hương xoa nơi thân thể, mặc y phục mới. Có người nghĩ như vầy: "Ta thương yêu nàng, muốn cho nàng được lợi ích, muốn nàng được an ổn", liền đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa Chiêm-bặc, tràng hoa Bà-sư, tràng hoa A-đề-mâu-đa trao tặng cho nàng. Thiếu nữ ấy nhận lãnh cả hai tay, đem cài lên đầu mình. Cũng vậy, thưa Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà nêu giảng rõ tám trọng pháp này, tôi nguyện suốt đời nhận lãnh và thọ trì.

Tôn giả A-nan nói:

–Này di mẫu Cù-đàm-di, hãy ở trong pháp luật này học đạo, thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni.

Cù-đàm-di vui mừng thọ nhận, phụng hành. Sau đó di mẫu Cù-đàm-di trở thành vị đại Tỳ-kheo-ni cùng với các vị trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo-ni đồng tu phạm hạnh đã lâu, lúc ấy cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đến nơi, cung kính đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Di mẫu Cù-đàm-di thưa với Tôn giả A-nan:

–Thưa Tôn giả A-nan, các vị Tỳ-kheo-ni này là bậc trưởng lão thượng tôn, đều tu hành phạm hạnh lâu năm. Còn các Tỳ-kheo kia nhỏ tuổi, mới xuất gia học đạo, vào trong pháp luật này chưa bao lâu. Mong rằng các Tỳ-kheo này đối với các Tỳ-kheo-ni là những trưởng lão phải cung kính, vâng lời.

Tôn giả A-nan nói:

–Được rồi, này Cù-đàm-di. Để tôi đi đến chỗ Đức Thế Tôn thưa hỏi việc này.

Cù-đàm-di thưa:

–Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, hôm nay Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di cùng các Tỳ-kheo-ni đều là bậc trưởng lão, thượng tôn cùng tu phạm hạnh, đi đến chỗ con. Đại Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di thay mặt họ nói với con: "Thưa Tôn giả A-

nan, nên biết các Tỳ-kheo-ni này là bậc trưởng lão thượng tôn đồng tu phạm hạnh lâu năm, còn các Tỳ-kheo kia là những người trẻ tuổi mới xuất gia, học đạo ở trong pháp luật này chưa bao lâu. Vậy hãy bảo các Tỳ-kheo kia đối với các trưởng lão Tỳ-kheo-ni này xem như bậc trưởng lão mà đảnh lễ, vâng lời".

Đức Thế Tôn nói:

–Thôi đi! Này A-nan, hãy gìn giữ lời nói này, chớ nói lại điều ấy nữa. Này A-nan, hãy biết như điều Ta biết, một điều cũng không thể bỏ được, huống gì lại nói những lời ấy.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ lấy áo trải trên đất mà nói: "Này các Sa-môn có giới hạnh, chư vị có thể đi lên trên này. Thưa các Sa-môn tinh tấn, chư vị đã làm việc khó làm khiến cho chúng tôi mãi mãi đạt được sự lợi ích giá trị".

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ đem tóc nơi đầu mình trải trên đất mà nói: "Thưa các Sa-môn, chư vị hãy đi lên trên này. Sa-môn trì giới hạnh hết sức khó khăn khiến cho chúng tôi mãi đạt được ý nghĩa lợi ích".

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ đứng bên đường, hai tay bưng đầy thức ăn và nói: "Thưa chư Hiền, xin thọ nhận món ăn này, tùy ý mà thọ dụng để cho chúng tôi mãi mãi đạt được an ổn, ý nghĩa và lợi ích".

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ tin tưởng các Sa-môn giới hạnh, lấy tay dìu đỡ vào nhà, đem các vật dụng ra cúng dường và nói: "Tùy ý chư Hiền thọ dụng vật dụng này khiến cho chúng con mãi mãi được an ổn, ý nghĩa và lợi ích".

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì dù cho mặt trời, mặt trăng này có oai thần lớn, có năng lực lớn nhưng đối trước sức quang minh của vị Sa-môn giữ giới kia vẫn không thể sánh bằng, huống chi là đối với các hàng ngoại đạo theo học thuyết khác đầy những sai lạc tà vạy thì làm sao sánh kịp.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì chánh pháp sẽ tồn tại đến ngàn năm.

Thế nhưng bây giờ đã mất hết năm trăm năm, chỉ còn lại có năm trăm năm.

Này A-nan, có năm việc nữ nhân không thể làm được là nữ nhân không thể thành Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, không thể làm Thiên đế Thích, không thể làm Ma vương hay Đại Phạm thiên. Nhưng có năm việc mà nam nhân có thể làm được. Đó là nam nhân có thể thành Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên đế Thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên, điều này chắc chắn có thật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-nan nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy xong, hoan hỷ thọ nhận.

□

SỐ 61

KINH THỌ TÂN TUẾ

Hán dịch: *Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ người nước Đại Nhục chi.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nơi vườn Đông Uyển lộc mẫu thuộc nước Xá-vệ, cùng với đông đủ chúng năm trăm vị Đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, vào ngày rằm tháng bảy, trải tọa cụ nơi khoảng đất trống, có các Tỳ-kheo Tăng trước sau vây quanh. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ngay bây giờ ở nơi khoảng đất trống này, Tôn giả hãy gấp đánh kiền chùy cho đại chúng biết. Vì sao vậy? Vì hôm nay là ngày rằm tháng bảy, chính là ngày thọ tân tuế.

Khi ấy Tôn giả A-nan gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay, đọc bài kệ:

Bậc Tịnh Nhãn tối thượng
Mọi việc đều tỏ tường
Trí tuệ không nhiễm đắm
Thế nào là thọ tuế?

Đức Thế Tôn trả lời Tôn giả A-nan:

Thọ tuế: ba nghiệp tịnh
Thân, miệng, ý tạo tác
Hai Tỳ-kheo đối nhau
Tự phơi bày lầm lỗi.
Rồi tự xưng tên tuổi
Hôm nay chúng thọ tuế
Tôi cũng tịnh ý thọ
Chỉ mong thấy lỗi lầm.

Tôn giả A-nan dùng kệ hỏi nghi thức thọ tuế:

Hằng sa Phật quá khứ
Bích chi và Thanh văn

Pháp các Phật như vậy
Hay chỉ có Thích-ca?

Thế Tôn đáp:

Hằng sa Phật quá khứ
Đệ tử tâm thanh tịnh
Đều là pháp chư Phật
Đâu chỉ Thích-ca Văn.
Bích chi không pháp này
Không hạ lạp, đệ tử
Một mình không bạn lữ
Không giảng cho kẻ khác.
Phật Thế Tôn đương lai
Nhiều hằng hà sa số
Họ cũng thọ tuế này
Như nay pháp Cù-đàm.

Tôn giả A-nan nghe lời này xong hết sức vui mừng, liền lên giảng đường tay cầm kiền chùy và nói như vầy:

–Nay tôi đánh lên tiếng trống tín tâm của Đức Như Lai, các chúng đệ tử hiện có của Đức Như Lai thảy đều vân tập.

Khi ấy Tôn giả A-nan lại nói bài kệ:

Hàng phục sức ma oán
Diệt trừ sạch kết sử
Nơi đây đánh kiền chùy
Tỳ-kheo nghe tụ hội
Những ai muốn nghe pháp
Vượt qua biển sanh tử
Nghe tiếng vi diệu này
Thảy đều mau vân tập.

Tôn giả A-nan đánh kiền chùy xong, bèn đi đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ, rồi đứng qua một bên, thưa:

–Nay đã đúng lúc, cúi mong Đức Thế Tôn có điều gì dạy bảo chúng con.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Các vị hãy theo thứ lớp ngồi xuống, Như Lai tự biết thời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi trên tòa cỏ nói với các Tỳ-kheo:

–Tất cả các vị hãy ngồi trên tòa cỏ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Lúc ấy các Tỳ-kheo đều ngồi xuống tòa cỏ. Đức Thế Tôn im lặng quan sát các Tỳ-kheo xong, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta muốn thọ tân tuế. Ta không có lỗi lầm gì đối với mọi người chăng? Ta chẳng có phạm lỗi lầm gì về thân, khẩu, ý chăng?

Đức Như Lai nói như vậy xong, các Tỳ-kheo đều im lặng. Đức Như Lai ba lần bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta muốn thọ tuế, song ta không có lỗi lầm gì với mọi người chăng?

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất từ tòa ngồi đứng dậy, quỳ thẳng, chắp tay bạch Đức Thế Tôn:

–Các chúng Tỳ-kheo quán sát về thân, khẩu, ý của Đức Như Lai không thấy có lỗi lầm gì cả. Vì sao? Vì hôm nay Đức Thế Tôn đối với những người chưa độ thì đã hứa độ, những người chưa giải thoát thì khiến họ được giải thoát, những người chưa chứng đắc Niết-bàn thì làm cho họ được chứng đắc Niết-bàn, những người chưa được cứu giúp thì được cứu giúp, những người tăm tối thì khiến trở nên sáng suốt. Ngài là Bậc Y Vương đối với những người bệnh, là Bậc Tối Tôn trong ba cõi, không ai có thể sánh kịp, là Bậc Tối Tôn Tối Thượng. Ai chưa phát khởi tâm Bồ-đề thì Ngài làm cho họ phát tâm Bồ-đề, những người chưa tỏ ngộ thì khiến cho được tỏ ngộ, ai chưa được nghe chánh pháp thì tạo phương tiện để cho họ được nghe. Kẻ mê muội thì Ngài chỉ cho họ con đường tắt để đưa họ đến chánh pháp. Do những nhân duyên đó, nên Đức Như Lai không có lỗi lầm gì đối với mọi người, cũng không có lỗi lầm gì về thân, khẩu, ý của chính mình cả.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Đức Thế Tôn:

–Nay con cũng hướng về Đức Như Lai để tự nêu bày. Vậy con có lỗi lầm gì đối với Đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo không?

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nay Tôn giả hoàn toàn không có những hành vi phi pháp về thân, khẩu, ý. Vì sao vậy? Vì nay Tôn giả được trí tuệ không ai sánh kịp. Tôn giả có nhiều loại trí tuệ: trí tuệ vô lượng, trí tuệ vô biên, trí tuệ không ai sánh bằng, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ sắc bén, trí tuệ thâm diệu, trí tuệ bình đẳng. Tôn giả lại ưa thích pháp thiểu dục, tri túc, có nhiều phương tiện, tâm niệm không sai lầm, tán loạn, đạt được tam-muội tổng trì, thấu rõ cội nguồn của giới cụ túc, thành tựu tam-muội,

thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, thành tựu sự dũng mãnh khác thường, có thể nhẫn chịu những điều gièm pha, biết rõ điều ác là phi pháp, tâm tánh thuần hậu, từ tốn, không làm điều xấu ác sai trái, giống như vị Thái tử thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương sẽ nối ngôi của vua cha, quay tiếp bánh xe báu. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng lại như vậy, sẽ chuyển bánh xe chánh pháp thanh tịnh vô thượng mà chư Thiên, người đời và loài Rồng, Quỷ thần hoặc Thiên ma không thể làm được. Nay những điều Tôn giả đã nói luôn hợp như pháp, chưa từng trái với chân lý.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Năm trăm Tỳ-kheo này đều được thọ tuế. Năm trăm vị Tỳ-kheo này phải chăng đều không có lỗi lầm gì đối với Đức Như Lai?

Đức Thế Tôn bảo:

–Ta cũng không có quở trách gì về hành động nơi thân, khẩu, ý của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao vậy? Này Tôn giả Xá-lợi-phất, đại chúng này thật hết sức thanh tịnh, không có các tỳ vết ô uế. Nay trong chúng này vị hạ tọa nhỏ nhất cũng đạt được đạo quả Tu-đà-hoàn, chắc chắn sẽ tiến lên và đạt pháp bất thoái chuyển. Do đó nên Ta không có gì phiền trách về đại chúng này.

Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xà ở trong đại chúng liền từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật và thưa:

–Nay con xin có điều luận bàn về việc này.

Đức Thế Tôn nói:

–Nếu Tôn giả có điều muốn nói thì thật đúng lúc.

Bằng-kỳ-xà liền ở trước Đức Phật tán thán Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo Tăng, nói kệ:

Ngày mười lăm thanh tịnh
Năm trăm Tỳ-kheo họp
Các trói buộc đều mở
Không Ái cũng chẳng sanh
Đại Thánh vương Chuyển luân
Có quần thần vây quanh
Cùng khắp cả thế giới
Cõi trời và thế gian
Vị đại tướng dẫn dắt
Đạo sư của loài người

Đệ tử thích nương tựa
Được ba Đạt, sáu Thông
Đều đúng là con Phật
Đã sạch hết phiền não
Đoạn trừ gai ái dục
Hôm nay tự quy kính.

Đức Thế Tôn chấp nhận những điều Bằng-kỳ-xà vừa nói. Khi ấy Bằng-kỳ-xà suy nghĩ: "Hôm nay Đức Như Lai đã chấp nhận những điều ta nói", nên Tôn giả rất đỗi hoan hỷ, vui mừng không sao tả được, liền từ tòa đứng dậy, đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi lui về chỗ ngồi của mình. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người đệ tử khéo làm kệ tụng bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta chính là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xà, nêu bày ra những lời không nghi nan, cũng chính là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xà vậy.

Các Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

□

Xét kinh Thọ Tân Tuế này do Trúc Pháp Hộ dịch, bản của nước này, bản đời nhà Tống đều có biên chép. Trong Đan Tạng gọi là Thọ Tuế kinh, nhưng lại có sự sai biệt lớn so với kinh này. Nay dựa theo Khai Nguyên Lục để kiểm tra thì kinh của Đan Tạng đúng là nội dung của kinh Thọ Tuế. Tạng kinh của đời nhà Tống này cùng với nội dung của kinh Tân Tuế, văn thì khác nhưng nghĩa thì giống nhau, in tuồng như cùng một bản mà người khác dịch vậy. Song theo Khai Nguyên Lục thì cho kinh Tân Tuế chỉ có một người dịch, ý nghĩa thiếu sót, chưa rõ ràng. Nay muốn phân loại như vậy để chờ các bậc Hiền triết phán định cho nên đưa kinh này vào đây.

□

SỐ 62

KINH TÂN TUẾ

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn
Trúc Đàm Vô Lan.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm tám vạn bốn ngàn vị hội đủ. Các Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên... trước sau vây quanh để nghe Đức Phật thuyết kinh. Đức Phật ở giữa chúng hội giống như núi Tu-di là vua của các hòn núi, một mình cao vời như trăng rằm sáng chói giữa đám sao trời, hào quang uy nghiêm tỏa khắp như vàng ròng sáng chói cả mặt đất, khiến tất cả đều có sắc vàng. Hơn hẳn, khác lạ, vòi vọi, không gì có thể sánh được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đông đủ chúng Tỳ-kheo, thanh tịnh vô lượng, như bầu trời không có mây. Sau ba tháng kiết hạ an cư đã xong, nay đến ngày thọ Tân Tuế. Các vị Tỳ-kheo trong chúng đều an trụ trong sự tĩnh lặng, tự tại, một lòng tư duy về đạo, yên định, không có tư tưởng gì khác.

Bấy giờ Hiền giả A-nan liền từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên mặt, gối phải chạm sát đất, quỳ xuống chắp tay hướng đến trước, đảnh lễ nơi chân Đức Phật, nói kệ tán thán:

Đức Thế Tôn đến đây
Với mục đích tế độ
Ba tháng ở chốn này
Vườn Kỳ-đà Cô độc
Sở nguyện đã đầy đủ
Nay chính đã đúng lúc
Đạo sư Vô đẳng luân
Nên giảng pháp Tân tuế.

Đức Thế Tôn nghe Hiền giả A-nan nói kệ tán thán Đức Phật là Bậc Vô Thượng Chánh Giác, xong Hiền giả A-nan bèn ngồi qua một bên. Đức

Phật liền bảo Hiền giả Mục-kiền-liên:

–Hiền giả hãy đi khắp Tam thiên đại thiên thế giới, cả những nơi non cao hang sâu vắng vẻ, những thạch thất trên đỉnh núi dùng âm thanh báo cho tất cả chúng Tỳ-kheo, các vị mới nhập đạo hay hàng cựu học, kể cả các vị chưa ngộ đạo, đều mời vân Tập đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc này. Vì sao vậy? Vì Đức Như Lai sắp thuyết giảng pháp Tân tuế.

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền phóng thẳng lên hư không, vâng theo thánh chỉ của Đức Phật, phát ra âm thanh lớn, loan báo khắp Tam thiên đại thiên thế giới được biết. Trong âm vang lan rộng ấy tự nhiên diễn ra bài kệ:

Các vị ở khắp nơi
Rừng sâu giữa núi đá
Giờ Tân tuế đã đến
Tâm nguyện sẽ thành tựu.

Lúc đó các vị Tỳ-kheo hiện ở tại chỗ hay đang du hành khắp trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới, nghe bài kệ báo tin này rồi, thì mọi người đều dùng thần túc hay tất cả phương tiện, biến hiện thân hình đi đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, tới trước chỗ Đức Phật xin thọ Tân tuế, rồi cùng đứng qua một bên. Đức Phật cho tập hợp các chúng đệ tử. Họ đều từ những nơi chốn quốc độ khác nhau đi đến, cùng lúc tụ hội gồm có tám mươi vạn bốn ức vị đều muốn thọ Tân tuế. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Hiền giả A-nan:

–Hiền giả hãy đến đánh lên tiếng kiền chùy vì nay đã đúng lúc.

Hiền giả A-nan vâng lời, từ tòa ngồi đứng dậy liền đánh kiền chùy, âm thanh vang khắp cõi Phật, từ cõi nước lớn của Phật, cho đến các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Những chốn này nghe tiếng kiền chùy ấy đều nhờ vào oai thần của Phật nên tất cả các thứ bệnh khổ, độc, thảy đều tiêu trừ, đều được an ổn. Khi ấy Đức Thế Tôn dùng Phạm âm thanh tịnh nói với các Tỳ-kheo:

–Các Tỳ-kheo hãy đứng dậy đưa ra thẻ Kiểm tăng số (Xá-la-trù) để biết số lượng Tăng chúng hiện có. Tất cả chư vị đều cùng đối diện nhau để tự bày tỏ những điều sai lầm, tự trách mình, cùng nhau xin lỗi về những sai trái, về các thứ phi pháp đã vi phạm. Mọi người đều phải nhẫn nhục, hòa đồng, thanh tịnh nơi thân, miệng, tâm để không còn chút ô uế nào sót lại.

Các vị Tỳ-kheo liền vâng theo lời Phật dạy, đều từ tòa ngồi đứng

dậy, đến trước Đức Thế Tôn, mỗi người đều cùng nhau tạ lỗi, sám hối những điều sai lầm xong, liền trở về lại chỗ cũ của mình.

Đức Phật nhận thấy chúng Tăng đều trở về chỗ cũ xong, Ngài liền rủ lòng thương xót, nhân đó từ tòa ngồi đứng dậy, tự chắp tay hướng về các vị Tỳ-kheo, nói:

–Này các chúng Tỳ-kheo, hãy giữ tâm ý hòa thuận, cùng hướng vào nhau để sám hối những lỗi lầm. Vì sao vậy? Bởi vì thân, khẩu, ý của chúng ta thảng hoặc có những lỗi lầm sai trái. Đức Như Lai là Bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có các lỗi lầm, không còn các nghiệp, lậu sai sót, tâm không phóng dật, không mất trí tuệ, không còn tham luyến, không hủy hoại giới cấm, đối với các bậc Thanh văn Duyên giác, tôn đức vượt hơn chư Thiên, dân chúng nơi thế gian, là Bậc Tối Thượng trong ba cõi không ai sánh bằng.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, như việc xuất gia học đạo, tu tập theo pháp của Sa-môn, mỗi người đều xuất phát từ tộc họ khác nhau, tâm tánh khác nhau, chí nguyện không đồng, đối với sự nghiệp tu học theo Phật ở đây phải nỗ lực thực hiện, phải vâng theo sự dạy dỗ, không được vi phạm. Vì sao vậy? Nếu có Tỳ-kheo ở trong Thánh chúng Tân tuế, thân hạnh mỗi người mỗi khác, tâm niệm không giống nhau mà ôm lòng dua nịnh cho rằng Tỳ-kheo kia không thọ nhận sự chân chánh, không đầy đủ giới pháp. Vì sao vậy? Vì thân, khẩu, ý thanh tịnh mới đúng là chân chánh, thọ nhận đầy đủ giới pháp của Phật, hết lòng cung kính, thuận theo các bậc thượng, trung, hạ, không ngạo mạn, buông lung, biết hổ thẹn, khiêm cung, mới phù hợp với giới pháp. Vì sao vậy? Những vị tu tập như vậy không có sự oán, ganh ghét, thù hận, quán xem pháp xưa nay không hề bị rối loạn, thực hành pháp Tân tuế cũng không có tâm sân hận, tự đại. Vì sao vậy? Vì giữ giới luật thanh tịnh, nếu thực hành pháp Tân tuế, tạo lập giới pháp quan trọng mà không thanh tịnh thì không phải là đệ tử của Đức Phật.

Giống như người chết, thi hài để nơi đất, rồi đem vứt bỏ trong gò mả, dù cho chư Thiên, dân chúng nơi cõi trời hay ở thế gian đem thuốc hay, hoặc dùng thần chú, pháp thuật, với lòng thương tiếc muốn làm cho kẻ ấy sống lại cũng không thể được. Cũng vậy, Tỳ-kheo hủy phạm giới cấm, cho dù vẫn được ở trong đại chúng, dù có nhiều Tân tuế cũng không thể tự cứu được để tạo thành Tân tuế. Vì sao vậy? Vì người ấy đã hủy hoại giới pháp tất nhiên phải bị quả báo nơi các cõi ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu vô lượng nỗi thống khổ. Vậy các Tỳ-kheo phải nên

thận trọng.

Phật thuyết giảng pháp này xong liền từ tòa ngồi đứng dậy, bước ra khỏi nệm cỏ. Cùng lúc đó Tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu thứ chấn động. Các thứ đàn không, đàn hầu, kỹ nhạc không tấu mà tự nhiên phát ra âm thanh. Nơi hư không tuôn xuống như mưa các loại danh hương, tung rải đủ các thứ hoa. Khi Đức Phật giảng nói phẩm giới pháp này, bảo ban chỉ dạy chúng Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đều ở ngay nơi chỗ ngồi của mình, nhờ lời dạy chân chánh đầy uy thần của Phật, với vô số công đức sáng tỏ, tỏa chiếu rộng khắp, mỗi người đều tự đứng lên, trong tâm không còn ưa thích dục lạc, kể cả khi an tọa ở nơi đỉnh núi cao bên gốc cây, đều lấy đó làm vui. Lúc ấy tất cả chúng Tỳ-kheo đều từ tòa ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật cùng nói:

–Tất cả các pháp đều do Phật giảng nói, chỉ dạy. Bậc Thánh là gốc của đạo pháp, che chở tất cả bằng tấm lòng từ bi thương xót. Ngài là Bậc Tối Tôn Tối Thượng, thánh đức không gì hơn, siêu tuyệt, cao tột nêu rõ con đường giáo hóa muôn loài.

Khi ấy Đức Như Lai an nhiên, tự tại từ nơi chỗ tôn quý của mình hết lòng cảm tạ Thánh chúng, xót thương chúng sanh rồi trở về nệm cỏ. Đức Phật vừa an tọa xong, Thánh chúng cũng vậy, ai về chỗ nấy, lại ngồi xuống đúng như pháp. Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy đã đến giờ thọ tuế, thương xót nghĩ tới các chúng hội, nên ở trước chư vị Tỳ-kheo, ba lần tự nêu bày đã xong công việc hoàn tất. Năm Tỳ-kheo từ tòa ngồi đứng dậy tạo lập thực hiện pháp Tân tuế. Vừa thực hiện pháp Tân tuế xong thì có một vạn Tỳ-kheo đạt được quả Đạo tích *(Tu-đà-hoàn)*, tám ngàn Tỳ-kheo chứng đắc quả A-la-hán. Chư Thiên nơi hư không, tám vạn bốn ngàn vị đều được hóa độ, cùng phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giảng nói kinh pháp không sao kể xiết, các loài chúng sanh đều hướng theo con đường tu tập của ba Thừa. Nay Phật từ bi thương xót, Bậc Chí Tôn luôn nghĩ đến muôn loài, an tọa giữa đại chúng, chỉ dạy con đường thoát khỏi sanh tử khổ đau, mười phương đều mong nhờ được cứu vớt.

Khi ấy Long vương Nan-đầu-hòa-nan, rời khỏi chỗ ở của mình, mang theo nước thơm Chiên-đàn, cùng nhiều loại hương thơm khác đi đến chỗ Đức Phật, đến nơi thọ Tân tuế, quy kính Đức Phật cùng Thánh chúng, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, dùng hương thơm chiên-đàn cùng các loại hương thơm khác cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng, rồi đọc bài

kệ tán thán:

Dù ở trên đỉnh núi
Ngồi dưới bóng cây râm
Du hành nơi biển cả
Tâm sanh mọi sân hận
Đến rồi thọ Tân tuế
Ức đời chúng sanh họp
Cúng dường, phụng thờ Phật
Thành tựu nẻo giải thoát.

Bấy giờ Hải Long vương đem theo ngọc trai quý màu đỏ, hóa làm lầu gác có màn trướng che phủ xen tạp hết sức đẹp đẽ, dài rộng bốn trăm dặm do vàng ròng, lưu ly hợp thành, dùng tay nắm giữ, đi trên không trung, ra khỏi Long cung, theo lầu gác kia mà tới, dùng nước ao trong lành gồm đủ tám mùi vị rưới lên mặt đất, đem lầu gác có màn trướng che phủ xen nhau kia dâng lên cúng dường Bậc Đại Thánh và chúng Tỳ-kheo Tăng, lấy ngọc Anh lạc tung rải lên chỗ Phật và Thánh chúng rồi nói kệ:

Trong lặng như hư không
Bậc Đẳng Nhất an nhiên
Giới pháp luôn thanh tịnh
Hơn ngọc báu minh châu.
Hằng hà sa số chúng
An tọa ở nơi hội lớn
Đều cúng dường an trụ
Và các chúng Thanh văn.

Bấy giờ, chư vị Bồ-tát, Trời, Rồng, Quỷ thần mười phương cùng đi đến tụ hội, hóa ra vô số các phẩm vật kỳ diệu để dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Tất cả đều cung kính đảnh lễ, thưa hỏi, thọ nhận giáo pháp cùng phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề. Chư Thiên nhân đó đọc kệ tán thán:

Tâm ý luôn thanh tịnh
Đệ nhất, không nghĩ bàn
Thánh chúng, hàng tôn quý
An tọa trong hội này
Lìa bỏ mọi vọng tưởng
Khéo trừ các cấu uế
Hôm nay xin cúng dường
Với hết lòng cung kính

Hóa độ cùng dẫn dắt
Muôn loài dứt phiền não
Giới pháp đã thanh tịnh
Như ngọc báu minh nguyệt
Tâm thường tư duy chánh
Dứt mọi nhóm sân hận
Hôm nay Bậc Ly Cấu
Tu hội lập Tân tuế
Chỉ dạy nẻo điều phục
Tuân phụng như Thái sơn
Thường hành pháp vô ngại
Phật lập pháp Tân tuế.

Chư Thiên nói kệ xong, đảnh lễ nơi chân Đức Phật, rồi bỗng nhiên biến mất. Tất cả đều trở về cung điện của mình, thảy đều hoan hỷ, lấy chánh pháp làm nguồn vui.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn hiện ra bóng mát lớn có các vật báu chen nhau để che cho Thánh chúng, rồi nói kệ:

Giới hạnh thật thanh tịnh
Việc làm khó theo kịp
Hôm nay ban điều vui
Khắp Tân tuế tỏa mát
Dâng lên Bậc An Trụ
Giữ giới luôn thanh tịnh
Như chim quý lông mình
Uy Phật hộ Tân tuế.
Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Nay Phật Thế Tôn tuy thực hiện pháp Tân tuế một năm một hội nhưng điều quan trọng là phải dốc tu tập theo đúng pháp thanh tịnh, luôn giữ gìn ba nghiệp thân khẩu ý không bị cấu uế, thực hành mười pháp thiện, bốn tâm vô lượng, sáu pháp Ba-la-mật, trừ bỏ sáu tình, ba độc, năm thứ ngăn che phủ lấp, mười hai sợi dây lôi kéo, ràng buộc, luôn thanh tịnh như mặt trời chiếu soi muôn cõi, ánh sáng tỏa khắp, bóng tối tiêu trừ, hội nhập vào biển trí tuệ của đạo pháp Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều hòa đồng, khổ vui không hai mới đúng là chánh pháp. Đức Phật bèn nói tụng:

Chư Phật ra đời vui
Nói kinh pháp cũng vui

Thánh chúng hòa đồng vui
Hòa luôn được an lạc.

Đức Phật giảng nói như vậy, các chúng Tỳ-kheo, chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, A-tu-luân, dân chúng nơi thế gian, nghe Đức Phật dạy không ai là không hoan hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

Thế Tôn du hành nơi Xá-vệ
Vì các đệ tử giảng nói pháp
Tất cả đều ở hội Kỳ thọ
Nay Bát-hòa-lan (Tự tứ) theo thường lệ
Xá-lợi-phất chắp tay bạch Phật
Mong Thế Tôn nói Bát-hòa-lan
Khi ba cõi tôn xưng nói ra
Làm pháp gì Tỳ-kheo tự tịnh?
Xá-lợi-phất vì Ta trải cỏ
Nơi gốc cây ra sức trừ ma
Nếu ai trải cỏ cũng như vậy
Đời nay kẻ ấy phải thanh tịnh.
Như bậc Hiền giả ngồi
Đó là vô sở úy
Ngồi an lạc không dục
Ba cõi được an ổn
Kiết hạ nay đã xong
Đó là đệ tử Phật.
Hãy tự mình phân biệt
Thương xót khắp thế gian
Là tháng lớn trong năm
Là biết Đệ nhất trí.
Hãy tự bỏ thân hành
Kiến đoạn bao nhiêu khổ
Nói các tội phiền não
Biết rõ vô số khổ.
Là đắc Tu-đà-hoàn
Nay làm Bát-hòa-lan
Giảm tham dục, sân hận
Cũng diệt trừ vô minh.
Có thể đoạn sanh tử
Cũng hết gốc não tưởng
Tự đến được cõi trời

Hay sanh nơi nhân gian.
Đó là được hai đường
Nay làm Bát-hòa-lan
Được sanh nơi cõi trời
Thì không còn đọa lạc.
Khi đã sanh lên trời
Diệt hết các thứ ái
Pháp đệ nhất thế gian
Tôn giả đã đạt được.
Đó là được hai nẻo
Nay nhờ Bát-hòa-lan
Tất cả ác, phiền não
Đã hết, được giải thoát.
Đã được bốn cam lộ
Đó là vô sở úy
Đã diệt hết bóng tối
Hướng về tất cả khổ
Tám nẻo ấy hơn hết
Nay làm pháp Tự tứ.

Đã xong một tháng liền được một trí, đến tháng thứ hai liền được hai trí, một lúc ba tháng liền được ba trí, vui thích ba trí, nay thực hiện pháp Bát-hòa-lan. Vị ấy đã trị lành bốn thứ ung nhọt, không còn sót, vượt qua đến bờ bên kia, được an ổn. Đã qua bốn tháng, dứt hết mọi đối tượng, công đức đã thành tựu nay là Bát-hòa-lan. Có thể hàng phục Long đầu, Nan-đầu, Hòa-la, Long vương, chấn động cả núi Tu-di và nước biển, cho đến cõi trời cũng đều bị chấn động. Nhóm của Tôn giả Mục-kiền-liên nay thực hiện pháp Bát-hòa-lan.

Bậc Tối Hiền tự giác
Nên các xứ đã hết
Là phước giúp thế gian
Phật tự nói lời này.
Thường độc hành dưới cây
Vì thí dụ số đông
Bích-chi-phật tối thượng
Nay là ngày Tự tứ
Ba chốn không tham đắm
Chúng vì ý thanh tịnh

Ba thân đã ổn định
Vốn đã lìa kiêu mạn.
Tại ba cõi vô dục
Được ý tịnh bất động
An ổn như Tu-di
Nay là ngày Tự tứ.
Đã hành bốn điều chánh
Bốn đạo đã được định
Phật bảo Hiền giả ấy
Tăng phước đức mọi người.
Chỗ cúng thí tối an
Trọn không thể hư hoại
Phật được mọi trí tuệ
Nay là ngày Tự tứ.
Trì giới đã đầy đủ
Mọi lực chẳng thể động
Pháp thực, y phục đủ
Thường ưa chốn núi rừng.
Đó là hạnh kiên cố
Đầy đủ không thiếu sót
Chỗ hành giả thanh tịnh
Nay là ngày Tự tứ.
Trì giới trừ các ác
Chúng chắp tay, thọ pháp
Được tất cả hướng về
Các ma đều hàng phục.
Chư Thiên cùng thiện nhân
Khen ngợi giới cụ túc
Không còn thấy các ma
Nay là ngày Tự tứ.

□

SỐ 63

KINH GIẢI HẠ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại tinh xá Trúc lâm, nơi vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng với năm trăm vị Bí-sô đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, trừ bỏ các gánh nặng, đã được tự lợi, sạch hết mọi thứ kết sử, tâm hoàn toàn giải thoát, chỉ có một vị Bí-sô vẫn còn ở địa vị hữu học. Đức Thế Tôn đã vì vị ấy thọ ký, khiến được thấy pháp, đắc pháp, sẽ chứng quả viên mãn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn an cư đã xong, khi sắp giải hạ, vào ngày rằm Ngài cùng chúng Bí-sô trải tòa mà ngồi. Khi hội chúng đã an tọa xong, Đức Phật bảo chúng Bí-sô:

–Nay Ta đã được phạm hạnh tịch tĩnh, đây là thân cuối cùng, dùng lạc vô thượng đoạn trừ các lậu. Đệ tử của Ta đối với các pháp đều đã thông đạt, cho nên hôm nay Ta giảng nói về pháp giải hạ. Này các Bí-sô, ba nghiệp về thân, khẩu, ý của Ta trong mùa hạ này, các vị có thể chịu đựng được chăng?

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Đức Phật nói như vậy, liền từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, gối bên mặt quỳ sát đất, chắp tay hướng Đức Phật, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, như lời Phật dạy, nay con đã được phạm hạnh thanh tịnh, cho đến các nghiệp nơi thân, khẩu, ý đều có thể nhẫn được. Chúng con biết thân, khẩu, ý của Đức Phật không hề có lỗi lầm. Các Bí-sô chúng con nay không có phiền trách gì về Đức Thế Tôn cả. Vì sao vậy? Vì Phật Thế Tôn của chúng con đối với người khó điều phục thì Ngài có thể điều phục được, đối với người không biết dứt bỏ thì Ngài khéo cho họ dứt bỏ, với người không an ổn, Ngài khéo đem lại sự an ổn, kẻ chưa tịch tĩnh thì Ngài làm cho họ được tịch tĩnh. Như Lai khéo rõ chánh đạo, khéo giảng nói chánh đạo, khai thị chánh đạo, cho đến chúng con thích đạo quả

giác ngộ của hàng Thanh văn, Phật khéo vì chúng con giảng dạy, khiến cho các Thanh văn theo đúng như lý tu hành chứng được Thánh quả. Cho nên chúng con đối với các pháp nơi thân, khẩu, ý của Phật Thế Tôn không có gì phiền trách cả.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, nay con đối với Đức Phật, nếu ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý của con có điều gì bất thiện, cúi mong Đức Phật chỉ dạy.

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nay ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý của Tôn giả, Ta không có gì phiền trách cả. Vì sao vậy? Này Xá-lợi-phất, Tôn giả có đầy đủ giới pháp, hiểu biết rộng, thiểu dục, tri túc, đoạn trừ các phiền não, luôn dốc tinh tấn, an trụ nơi chánh niệm, đầy đủ các thứ trí tuệ: trí tuệ khéo nêu bày, trí tuệ học hỏi rộng, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ sắc bén, trí tuệ hướng tới sự giải thoát, trí tuệ thông đạt, trí tuệ thanh tịnh rộng khắp, trí tuệ thâm diệu, trí tuệ không gì hơn. Tôn giả đã gồm đủ các thứ trí tuệ quý giá như vậy nên có thể làm cho kẻ chưa thấy đạo thì được thấy, kẻ chưa điều phục thì được điều phục, kẻ chưa được nghe pháp thì thuyết pháp cho họ nghe, kẻ có nhiều sân hận thì khiến cho hoan hỷ, luôn vì bốn chúng giảng nói chánh pháp không hề mệt mỏi. Ví như con của bậc Kim luân vương thì được thọ pháp quán đảnh, kế thừa ngôi vị vua, theo pháp cai trị. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng như vậy, là con của Ta, thọ pháp quán đảnh kế thừa ngôi vị Pháp vương. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng như Ta, sẽ chuyển bánh xe pháp vô thượng, dứt trừ hết các lậu, chứng đắc giải thoát. Cho nên Tôn giả Xá-lợi-phất đối với ba nghiệp của mình, nay Ta công nhận là không có lỗi lầm.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Đức Phật đã chấp nhận, cung kính cúi đầu lạy tạ, lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, như Đức Phật đã vì con mà chấp nhận ba nghiệp nơi con không có lỗi lầm, vậy nay đối với năm trăm vị Bí-sô trong hội này, về các nghiệp nơi thân, khẩu, ý nếu có những điều gì bất thiện, cúi mong Đức Thế Tôn chỉ dạy.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ba nghiệp của năm trăm vị Bí-sô trong chúng này Ta cũng chấp nhận. Vì sao? Vì năm trăm vị Bí-sô đây đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng xuống, đã được tự lợi, đã hết các thứ kết sử, tâm hoàn toàn giải thoát, chỉ có một vị Bí-sô hiện còn

ở địa vị hữu học, nhưng vị Bí-sô này Ta đã thọ ký rồi, sẽ thấy pháp, đắc pháp, chứng quả viên mãn. Này Tôn giả Xá-lợi-phất, cho nên Ta đối với ba nghiệp của năm trăm vị Bí-sô này đều có thể chấp nhận cả.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ba nghiệp của con và năm trăm vị Bí-sô đã được Đức Phật chấp nhận rồi. Nay con có điều chưa rõ nên xin thưa hỏi, cúi mong Phật Thế Tôn vì con mà phân biệt chỉ dạy. Bạch Thế Tôn, trong số năm trăm vị Bí-sô này, có bao nhiêu vị đạt được pháp Tam minh? Lại có bao nhiêu vị Bí-sô được Câu giải thoát, bao nhiêu vị đạt được Tuệ giải thoát?

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Trong năm trăm vị Bí-sô này có chín mươi vị Bí-sô đạt được pháp Tam minh, chín mươi vị Bí-sô được Câu giải thoát, các Bí-sô còn lại đều được Tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất, như vậy các Bí-sô này đã dứt hết các phiền não, đều an trú nơi chân thật.

Lúc đó, trong hội chúng có một Tôn giả tên là Phạ-nghĩ-xá, suy nghĩ như vầy: "Nay ta nên đối trước Đức Phật và chúng Bí-sô dùng kệ giải hạ để tán thán". Tôn giả Phạ-nghĩ-xá nghĩ như vậy rồi bèn từ tòa ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối bên mặt quỳ xuống đất, chắp tay cung kính nói:

Ngày mười lăm giải hạ
Hành giới luật thanh tịnh
Chúng Bí-sô năm trăm
Đoạn hết mọi phiền não,
Đã sạch hết các lậu
Chứng đắc quả vị Thánh,
Trong tịnh, ngoài điều phục
Giải thoát nên lìa hữu
Tận cùng nẻo sanh tử
Việc cần làm đã xong,
Đã đoạn trừ hết thảy
Vô minh và ngã mạn.
Phật của con tối thượng
Dứt các thứ tà niệm
Cùng các pháp hữu lậu
Khéo trừ bệnh khổ ái
Ái diệt không còn sanh,

Đại Sư Tử lìa thủ
Hết các sự sợ hãi.
Phật Thế Tôn của con
Ví như vua Kim luân
Ngàn người con vây quanh
Khéo trị bốn thiên hạ
Chế ngự khắp bốn biển,
Lại như người chiến thắng
Là điều ngự tối thượng,
Thanh văn được ba minh
Lìa sự chết cũng vậy
Phật tử cũng như thế
Chứng diệt không còn sanh.
Nay con lạy Pháp vương
Đại Nhật Tôn vô thượng.

Tôn giả Phạ-nghĩ-xá nói xong thì trở lại chỗ ngồi. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cùng các Bí-sô nghe Đức Phật giảng nói về pháp giải hạ, tâm ý hết sức vui mừng, tán thán, tín thọ phụng hành.

□

SỐ 64

KINH TỲ-KHEO CHIÊM-BÀ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại xứ Chiêm-bà, bên bờ hồ Hằng-già. Bấy giờ, vào ngày thứ mười lăm trong tháng là ngày thuyết giới, Đức Thế Tôn ngồi trước chúng Tỳ-kheo Tăng. Sau khi an tọa xong, Ngài quan sát tâm niệm của các Tỳ-kheo. Quán sát tâm niệm của các Tỳ-kheo rồi, Ngài ngồi im lặng cho đến hết buổi đầu đêm.

Bấy giờ, có một thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chắp tay hướng về Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu đêm, Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng ngồi đây đã lâu, ngưỡng mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Khi ấy, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Như vậy cho đến nửa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Thấy thế, vị Tỳ-kheo ấy lại chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, buổi đầu đêm đã qua, buổi nửa đêm sắp hết, Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng ngồi đây đã lâu, ngưỡng mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Thế Tôn cũng ngồi im lặng. Bấy giờ là cuối nửa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo ấy lần thứ ba, chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, đầu đêm đã qua, nửa đêm đã hết và cuối đêm sắp chấm dứt, mặt trời sắp mọc, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo ngồi đây đã lâu, cúi mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo ấy:

–Ở trong chúng Tỳ-kheo của Ta, có người không thanh tịnh.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ở trong hội chúng ấy. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ: "Đức Thế Tôn định chỉ thầy Tỳ-kheo nào

mà nói rằng ở trong chúng đây có người bất tịnh. Ta nên nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng và dùng tam-muội Ý quán sát tâm niệm của các Tỳ-kheo".

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng, dùng tam-muội Ý quán sát tâm niệm của các Tỳ-kheo, liền biết được thầy Tỳ-kheo không thanh tịnh mà Đức Thế Tôn vừa nói. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền ra khỏi pháp tam-muội, đi đến chỗ Tỳ-kheo kia, nắm tay kéo vị Tỳ-kheo ấy ra ngoài cửa và nói:

–Này người ngu si, hãy đi ra! Ông không được ở trong chúng này, không có Tỳ-kheo nào sống chung với ông đâu, nay ông không phải là Tỳ-kheo nữa.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đưa vị Tỳ-kheo kia ra ngoài rồi thì đóng cửa lại, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, Ngài nói trong chúng có một thầy Tỳ-kheo bất tịnh. Con đã đưa vị ấy ra ngoài cửa rồi. Con nói: "Này người ngu si kia, hãy đi ra! Ông không nên ở trong chúng này, không có Tỳ-kheo nào sống chung với ông đâu!". Nay Tỳ-kheo ấy đã không còn ở đây. Bạch Thế Tôn, đầu đêm đã qua, nửa đêm cũng hết, cuối đêm sắp tàn, trời sắp sáng, mặt trời sắp mọc, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng ngồi ở đây đã lâu rồi, ngưỡng mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Phật dạy:

–Này Mục-kiền-liên, kẻ ngu si kia sẽ mắc tội lớn vì đã gây phiền hà quấy nhiễu Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Mục-kiền-liên, nếu ở trong chúng có Tỳ-kheo bất tịnh mà Như Lai thuyết giới thì đầu của kẻ ngu ấy sẽ bị vỡ làm bảy phần. Cho nên này Mục-kiền-liên, kể từ ngày hôm nay trở về sau, các thầy hãy cùng nhau thuyết giới. Như Lai sẽ không còn thuyết giới nữa. Vì sao vậy? Này Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si, trải qua như thế, nhân đấy quán biết mọi hình thức thích nghi cho mình, nên khoác y Tăng-già-lê, ôm bát, đối với vị Phạm hạnh khác thì tự xưng mình là bậc phạm hạnh. Này Mục-kiền-liên, hoặc có bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy bèn nghĩ như vầy: "Đây là sự dối trá đối với Sa-môn, đây là sự thô ác đối với Sa-môn, đây là gai nhọn đối với Sa-môn", rồi bảo rằng đó không phải là Sa-môn. Các vị ấy đã biết như vậy rồi nên từ bỏ kẻ ấy ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ làm hủy hoại các Tỳ-kheo thanh tịnh.

Này Mục-kiền-liên, giống như trong đám ruộng, lúa dé hoặc lúa tẻ

đang tươi tốt, nếu có loại cỏ xấu sanh ra, cỏ này có gốc, lóng, lá, hạt đều giống hệt như lúa tẻ. Khi nó chưa có hạt thì nên nhổ bỏ nó đi. Nó là loại cỏ làm hư hạt lúa dé, là gai nhọn đối với lúa dé, là loại thô ác đối với lúa dé. Người nông phu phải bằng mọi cách nhổ nó bỏ ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ nó làm hư lúa dé đang tươi tốt. Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, nếu có một người ngu suy nghĩ như vậy, quán sát biết rõ mọi hình thức thích nghi cho mình, nên đắp y Tăng-già-lê, ôm bình bát đối với các vị Phạm hạnh khác tự xưng là phạm hạnh, hoặc có bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy nghĩ rằng, đó là sự phá hoại đối với hàng Sa-môn, đó là gai chích của Sa-môn, đó là sự thô ác đối với Sa-môn, đó không còn gọi là Sa-môn. Vị ấy biết xong liền đuổi kẻ ấy ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ làm hư hoại các Tỳ-kheo thanh tịnh khác.

Này Mục-kiền-liên, ví như người nông dân kia vào tháng mùa đông đem lúa ra quạt, sảy, nếu là hạt lúa chắc thì nằm ở lại, ngoài ra các thứ hoặc cỏ, hoặc lá theo gió bay đi. Người ấy quạt, sảy lúa hoàn toàn nhờ vào sức gió thổi. Người điền chủ ấy liền cầm chổi quét sạch sẽ. Vì sao vậy? Vì người ấy không muốn chúng làm hư hoại các hạt lúa chắc thật khác. Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, có người ngu si biết quán các hình thức thích nghi nên lúc khoác Tăng-già-lê, ôm bát, giống như các vị phạm hạnh khác, rồi tự nói ta là vị phạm hạnh. Này Mục-kiền-liên, có bậc Phạm hạnh khác biết được liền nghĩ đây là sự phá hoại đối với Sa-môn, đây là gai nhọn của Sa-môn, đấy là sự thô ác của Sa-môn. Vị kia biết rồi bèn đuổi kẻ ấy ra ngoài chúng. Vì sao vậy? Vì sợ làm hư hoại các Tỳ-kheo thanh tịnh khác.

Này Mục-kiền-liên, ví như vị điền chủ kia muốn có nước; muốn cho nước chảy đến chỗ này, chỗ khác, người ấy bèn cầm búa bén vào rừng. Kẻ ấy cầm búa gõ vào các cây, nếu cây có lõi cứng thì tiếng đặc, còn cây có tiếng lớn là rỗng ruột. Sau khi biết rõ, người ấy liền chặt cây kia tận gốc, rồi đẽo gọt cho ruột cây rỗng suốt để làm máng dẫn nước. Cũng vậy này Mục-kiền-liên, có người ngu si biết quán sát các hình thức thích nghi nên khi khoác y Tăng-già-lê, ôm bát, đối với vị Phạm hạnh khác tự xưng là phạm hạnh. Này Mục-kiền-liên, nếu có bậc Phạm hạnh chân chánh biết được kẻ ấy liền nghĩ đấy là sự phá hoại của Sa-môn, là sự thô ác của Sa-môn, là gai nhọn của Sa-môn, chẳng phải là Sa-môn. Vị ấy biết rồi liền đuổi kẻ kia ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ làm tổn hại đến Tỳ-kheo thanh tịnh. Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

Cùng ở phải nên biết
Ác dục và sân hận
Phẫn hận, không bỏ tham
Không bỏ huyễn, dua nịnh
Với người dối nói tu
Tự bảo là Sa-môn
Tự làm các hạnh ác
Ác kiến chẳng an lạc.
Tạo nhiều lời dối trá
Đã biết rõ như thế
Đều không cho cùng họp
Bỏ đi đừng ở chung
Biết thời đồng tịnh hạnh
Phân biệt ai đã nói
Không tịnh bảo Sa-môn
Bỏ kẻ hạnh ác đi
Đừng ở chung kẻ ác
Ngày nào cũng như vậy
Sống hòa hợp với nhau
Sẽ diệt tận sự khổ.

Phật giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy xong, đều hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 65

PHẬT NÓI KINH PHỤC DÂM

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ cư sĩ A-na-bân-kỳ đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân rồi đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người phục dâm (hành dục)?

Đức Phật dạy:

–Này Cư sĩ, ở đời có mười hạng người phục dâm. Những gì là mười?

Này Cư sĩ, có hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, vì không có phương tiện cho nên bị khổ, kẻ ấy không thể tự nuôi thân mình một cách an ổn, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc; cũng không cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, không làm việc hữu ích, việc thiện nhờ đó để được sanh lên cõi trời. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp rồi, người ấy có thể tự nuôi thân mình an ổn, cũng nuôi cha mẹ, vợ con, người giúp việc, đầy tớ; nhưng không cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thiện để được thân tốt, sanh đến chốn an lành. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp rồi, kẻ ấy có thể tự nuôi thân mình an ổn, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, người giúp việc, đầy tớ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để được thân tốt đẹp, sanh đến chốn an lành. Như vậy, này Cư sĩ, đó

là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp rồi, kẻ ấy không tự nuôi thân mình để được an lạc, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cũng không cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thiện để thân được tốt đẹp và sanh đến chốn thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ rồi, kẻ ấy có thể tự nuôi thân mình được an lạc, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nhưng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để được thân tốt đẹp và sanh đến chỗ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ rồi, kẻ ấy có thể tự nuôi sống thân mình một cách an lạc, cũng có thể nuôi sống cha mẹ, vợ con, nô tỳ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Phạm chí, làm điều thiện để thân được tốt đẹp và sanh đến xứ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp rồi, kẻ ấy không thể nuôi sống thân mình một cách an lạc, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cũng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thiện để thân được tốt đẹp và sanh đến xứ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp rồi, kẻ ấy tự nuôi sống thân mình được an lạc, cũng nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ nhưng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi sống thân thể được an lạc, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Kẻ ấy được tiền

tài rồi thì tham đắm trong đó, hết sức nhiễm trước, không thấy sự tai họa biến đổi, cũng không biết bỏ lòng tham ấy đi. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải, vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp xong, kẻ ấy tự nuôi thân mình được an ổn, cũng nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn và làm điều thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Sau khi được tiền tài rồi, kẻ ấy không tham đắm không vướng mắc, cũng không thấy sung sướng, cũng không an trụ trong đó, cũng biết đó là tai họa, biến đổi, kẻ ấy có thể xả bỏ lòng tham đắm của cải. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, kẻ phục dâm một cách phi pháp để tìm cầu tiền tài kia, sau khi đã tìm cầu tiền tài một cách phi pháp, kẻ ấy không thể nuôi thân được an ổn, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ được yên ổn, cũng không cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để thân được tốt đẹp, để sanh đến xứ thiện. Này Cư sĩ, kẻ phục dâm như vậy, so với các hạng người phục dâm khác, Ta nói là hạng thấp hèn nhất.

Này Cư sĩ, kẻ phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp kia, sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, kẻ ấy có thể nuôi thân mình một cách an ổn, cũng có thể nuôi sống cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nhưng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để thân thể được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Này Cư sĩ, kẻ phục dâm này so với những người phục dâm khác thì ít thù thắng.

Này Cư sĩ, người phục dâm tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp kia, sau khi tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, kẻ ấy có thể nuôi thân họ được an lạc, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Kẻ ấy được tiền tài rồi nhưng không nhiễm, không tham đắm, không cất giữ, không đam mê, biết nó là tai họa, xả bỏ nó khi tiêu dùng. Như vậy, này Cư sĩ, kẻ phục dâm này so với những kẻ phục dâm khác là hơn hết, tột bực. Này Cư sĩ, cũng như từ con bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có đề hồ, nhân đề hồ có tô, do tô có lạc tô. Đây là hơn hết, tột bực. Cũng như vậy, này Cư sĩ, đối với những người phục dâm thì hạng người phục dâm này là hơn hết.

Đức Phật nói kệ:

Nếu kiếm của phi pháp
Như pháp, thí như pháp
Không cúng, không tiêu dùng
Cũng không thí tạo phước,
Cả hai đều keo kiệt
Hạnh ác nuốt kẻ ấy.
Như pháp, cầu tiền của
Cũng bố thí tạo phước
Cúng thí và tiêu dùng
Và tạo mọi phước đức
Cả hai không tham tiếc
Đều có việc làm ấy,
Kẻ đó có trí tuệ
Sở hành đều phục dâm
Biết biến đổi, biết đủ
Biết đủ mà tiêu dùng
Nên đạt được trí tuệ
Là phục dâm hơn hết.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, cư sĩ A-na-bân-kỳ (Cấp Cô Độc) nghe Đức Phật Thế Tôn dạy xong, hoan hỷ lãnh hội.

□

SỐ 66

PHẬT NÓI KINH MA NHIỄU LOẠN

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ vào dịch phẩm đời Hậu Hán.

Nghe như vầy:

Một thời Bà-già-bà ở trong vườn Lộc dã, rừng Mục-ma-tỷ-lượng, xứ Bạt-kỳ-thi.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang trông coi việc dựng thiền thất cho Đức Phật. Khi ấy, ở nơi khoảng đất trống, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang đi thong thả bảo người làm việc, thì ma Ba-tuần hóa ra thân hình nhỏ xíu chui vào bụng của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ như vầy: "Tại sao ta cảm thấy nặng bụng? Hình như ta ăn phải hạt đậu. Ta hãy nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng, nhờ định ý ta sẽ nhìn vào bụng xem". Lúc ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên không đi bách bộ nữa, mà đến cuối đường kinh hành, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già, nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng, nhờ diệu lực của tam-muội, tự nhìn vào bụng mình, biết ma Ba-tuần đang ở trong bụng. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bèn ra khỏi tam-muội, bảo ma Ba-tuần:

–Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử Đức Như Lai. Đừng tạo những việc vô nghĩa, không lợi ích để mãi mãi phải gánh lấy vô lượng khổ não.

Ma Ba-tuần liền nghĩ: "Sa-môn này không biết, không thấy mà lại nói: "Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử Đức Như Lai. Đừng tạo những việc vô nghĩa, không lợi ích để mãi mãi phải gánh lấy vô lượng khổ não". Cho dù Thế Tôn của ông ta có đại uy lực, có khả năng như vậy còn không thể thấy ta, biết ta được, huống hồ là đệ tử mà có thể biết, có thể thấy được sao! Điều này không thể có".

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại nói với ma Ba-tuần:

–Này Ba-tuần, ta còn biết ý nghĩ của ngươi nữa. Ngươi nghĩ như

vầy: "Sa-môn này không biết, không thấy mà lại nói rằng: "Này Ba-tuần, hãy đi ra! Này Ba-tuần, hãy đi ra! Đừng có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử của Đức Như Lai. Đừng tạo những việc vô nghĩa, không lợi ích để mãi mãi gánh lấy vô lượng sự khổ não". Đức Thế Tôn của ông ta có uy lực như vậy, có khả năng như vậy còn không thể biết ta, thấy ta, huống chi đệ tử của ông ta mà có thể biết, có thể thấy ta được. Điều này không thể có!"

Bấy giờ ma Ba-tuần lại suy nghĩ: "Sa-môn này đã biết, đã thấy ta nên mới nói: "Này Ba-tuần, hãy đi ra. Này Ba-tuần, hãy đi ra! Đừng có quấy nhiễu Như Lai và đệ tử của Như Lai. Đừng tạo những điều vô nghĩa, không lợi ích để phải mãi mãi gánh lấy vô lượng khổ não". Tức thì ma Ba-tuần liền nhảy ra khỏi miệng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và đứng trước mặt Tôn giả, rồi đứng qua một bên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo:

–Này Ba-tuần, vào thời quá khứ có Đức Như Lai hiệu là Câu-lâu-tôn là Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Lúc đó ta cũng là loại ma chuyên làm việc quấy nhiễu. Ta có người em gái tên là Ca-la, ngươi chính là con trai của cô ấy, do đó mà biết ngươi là cháu gọi ta bằng cậu. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác có người đệ tử tên là Tỳ-lâu (Âm Thanh) và Tát-nhã là hàng xuất chúng, hiền đức hơn hẳn các đệ tử khác. Này Ba-tuần, do đâu mà Tôn giả Tỳ-lâu có tên tự là Tỳ-lâu Tát-nhã? Này Ba-tuần, Tôn giả Tỳ-lâu ấy lúc ở trên cõi trời Phạm thiên có thể dùng âm thanh thơm của mình làm lan tỏa khắp cả ngàn thế giới, không có đệ tử nào có tiếng nói vang dội bằng Tôn giả, cũng không ai giống như Tôn giả. Tôn giả hay thuyết giảng chánh pháp. Này Ba-tuần, vì lý do đó nên Tôn giả Tỳ-lâu được gọi là Tỳ-lâu Tát-nhã. Này Ba-tuần, vì lẽ gì mà Tôn giả Tát-nhã (Tưởng) có tên là Tát-nhã? Này Ba-tuần, sở dĩ Tôn giả có tên là Tát-nhã là vì Tôn giả thường nương nơi thành, ấp mà an trụ. Sáng sớm, Tôn giả đắp y mang bát vào thôn ấp để khất thực, tự giữ gìn thân, các căn luôn đầy đủ uy nghi, ý niệm thường an định. Sau khi vào thôn ấp khất thực, thọ trai vào lúc giữa trưa rồi, Tôn giả thu cất y bát, rửa chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai bên mặt, hoặc đến chỗ vắng lặng, đến bên gốc cây, hoặc tới chỗ đất trống, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già, nhẹ nhàng, nhanh chóng nhập pháp định Tưởng tri diệt. Lúc ấy, có những người hoặc chăn dê, chăn bò hay đi lượm củi, hoặc đi qua đường, trông thấy Tôn giả nhanh chóng nhập pháp định Tưởng tri diệt, họ bèn nghĩ: "Vị Sa-môn đây ngồi lâu ở chỗ vắng này hiện đã qua đời rồi, chúng ta nên dùng cỏ khô,

cây khô, phân bò, trải chất chung quanh thân ấy, đốt lửa để thiêu".

Các người chăn dê, chăn bò, lượm củi, kẻ qua đường nghĩ như thế rồi liền cùng nhau lấy cây cỏ khô, hoặc cỏ khô, củi mục chất lên thân Tôn giả, nổi lửa đốt cháy rồi bỏ đi. Tôn giả Tát-nhã, sau khi đêm đã qua, bèn ra khỏi tam-muội, nhẹ nhàng, nhanh chóng đập phủi tro bụi nơi y phục, rồi thong thả trở lại thôn ấp. Sáng sớm hôm sau, Tôn giả lại đắp y, cầm bát đi vào thôn ấp để khất thực, tự giữ gìn thân, các căn đầy đủ uy nghi, tâm niệm luôn an định. Những người chăn bò, dê, người gánh củi, người đi đường, trông thấy Tôn giả bèn nghĩ: "Sa-môn ấy ngồi yên nơi chỗ vắng vẻ kia và đã qua đời. Chúng ta đã dùng cây cỏ khô, phân bò, hoặc trải cây cỏ, củi mục chất phủ lên thân Tôn giả ấy, nổi lửa đốt cháy rồi bỏ đi. Nhưng nay sao Tôn giả ấy sống trở lại?".

Này Ba-tuần, vì lý do đó nên gọi Tôn giả là Tát-nhã (sống trở lại).

Bấy giờ ma xấu ác suy nghĩ: "Sa-môn trọc đầu, thân đen điu này học thiền, cùng tương ưng với thiền, thường thực hành thiền. Giống như con lừa suốt ngày mang nặng, bị cột lại trong tàu, không được ăn lúa mạch; nó cứ luôn nhớ nghĩ về lúa mạch, lúc nào cũng nhớ nghĩ. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu, thân đen điu này gắn bó cùng thiền, cùng tương ưng với thiền, hành thiền. Giống như con mèo ngồi rình trước hang chuột, vì muốn bắt chuột trong hang cho nên nó cứ luôn hướng về cái hang kia, lúc nào cũng chăm chăm. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu, đen điu này thường gắn bó với thiền, tương ưng với thiền, thường hành thiền. Như con chồn hưu ở trên bờ tường trống, vì muốn bắt chuột trong hang cho nên nó cứ chăm chăm hướng về cái hang chuột kia, lúc nào cũng chăm chú. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu đen điu này thường gắn bó với thiền, tương ưng với thiền, thường hành thiền. Giống như con cò ở bên bờ nước, vì muốn bắt cá cho nên nó cứ chăm chăm rình rập. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu, đen điu này luôn tương ưng với thiền, thiền rồi thiền.

Vậy sao gọi là thiền? Vì sao lại hành thiền? Đó là thiền gì? Họ loạn trí, hoặc mất trí nhớ, hoặc bất định. Ta không thấy họ từ đâu đến, cũng không thấy đi về đâu, chẳng biết họ sống ở đâu, cũng chẳng biết họ chết như thế nào, cũng không thấy họ sanh ra sao. Ta nên bảo các Bà-la-môn, cư sĩ: "Các ngươi hãy đến chửi mắng, đánh đập, nói xấu, sân hận với Sa-môn tinh tấn kia". Khi bị đánh chửi nhiều hay ít, sân hận nói xấu, nếu tâm kẻ ấy đổi khác, thì ma ác sẽ tìm được cơ hội thuận tiên, hay được duyên cớ để dễ lợi dụng".

Này ma Ba-tuần, lúc ấy loài ma ác nói với các Bà-la-môn, cư sĩ:

–Vị Sa-môn tinh tấn kia đáng bị chửi mắng, đáng bị nói xấu, đáng bị sân hận. Các ngươi hãy dùng cây đập, dùng đá ném, dùng gậy phang, hoặc đập tét đầu, hoặc xé rách y, đập bể bát của vị Sa-môn tinh tấn ấy.

Bấy giờ các Bà-la-môn, cư sĩ kia mạng chung, do nhân duyên ác đó nên khi thân hoại mạng chung, sanh trong cõi ác địa ngục. Sanh nơi đó rồi, những người ấy suy nghĩ: "Nay chúng ta phải thọ khổ này, lại còn phải chịu cực khổ hơn nữa, vì chúng ta đối với Sa-môn tinh tấn kia đã khởi lòng tà".

Lúc đó, này Ba-tuần, đệ tử của Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, đầu bị tét, bát bị bể, y bị rách, đi đến chỗ Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Khi ấy Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác có vô lượng trăm ngàn đồ chúng vây quanh để nghe thuyết pháp. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác từ xa trông thấy vị đệ tử đầu bị thương tích, y rách toạc, bình bát bể đi đến, bèn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, hãy nhìn Tỳ-kheo kia. Vị ấy đã bị ma xấu ác xúi giục các Bà-la-môn, cư sĩ: "Các ngươi hãy đến chửi rủa, đánh đập, hãy sân giận nhiều hay ít, đánh đập Sa-môn tinh tấn kia. Nếu vị ấy nổi tâm ác, hoặc có hành động gì khác thì ma ác có phương tiện, duyên cớ dễ dàng lợi dụng". Này các Tỳ-kheo, nên để tâm tương ưng với Từ, biến khắp một phương, an trụ nơi Chánh thọ. Cũng như vậy, với hai, ba, bốn phương, phương trên và phương dưới, tất cả các phương, tâm đều tương ứng với Từ, không oán, không hại, không sân hận, thật rộng lớn, bao la, vô lượng, biến mãn các phương xong, an trụ nơi Chánh thọ. Cũng vậy, tâm cùng tương ưng với Bi, Hỷ, Hộ (Xả), biến mãn các phương, an trụ nơi Chánh thọ. Hãy làm cho ma xấu ác không tìm ra cơ hội, không có duyên cớ thuận tiện để lợi dụng.

Bấy giờ, này Ba-tuần, Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác chỉ dạy các đệ tử như vậy. Họ bèn để tâm tương ưng với Từ, biến mãn một phương rồi an trụ nơi Chánh thọ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, phương trên và phương dưới, tất cả các phương, tâm cùng Từ tương ưng, không oán, không hại, không sân hận, rất rộng, lớn, bao la, vô lượng, biến mãn các phương xong, an trụ nơi Chánh thọ. Cũng vậy, tâm cùng Bi, Hỷ, Hộ tương ưng, biến mãn tất cả các phương xong, an trụ

nơi Chánh thọ. Do đó, ma ác kia tìm phương tiện, kiếm duyên cớ nhưng không thể nào có được phương tiện, duyên cớ nào cả.

Này Ba-tuần, lúc ấy ma ác liền nghĩ: "Ta dùng phương tiện này mà không thấy có cơ hội nào, duyên cớ nào đối với Sa-môn ấy để lợi dụng. Vậy ta nên xúi các Bà-la-môn, cư sĩ: "Các ngươi nên đến chỗ vị Sa-môn tinh tấn kia cung kính, tôn thờ, lễ bái, cúng dường". Sau khi nhận được sự cúng dường, phụng hành, lễ bái dù ít hay nhiều ấy, nếu vị ấy có sự thay đổi trong tâm thì ma ác sẽ tìm cơ hội, kiếm duyên cớ để lợi dụng.

Ma ác kia liền xúi giục các cư sĩ, Bà-la-môn:

–Vị Sa-môn tinh tấn kia xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn thờ, lễ bái.

Ma ác khiến cho các Bà-la-môn, cư sĩ cởi áo trải dưới đất và nói:

–Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên mà đi! Sa-môn tinh tấn, xin đi trên áo của tôi. Ngài đã làm những việc khó làm, sẽ khiến cho chúng tôi mãi mãi được nghĩa lý, lợi ích.

Hoặc bảo các Bà-la-môn, cư sĩ tự trải tóc lên mặt đất, nói:

–Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên tóc mà đi! Sa-môn tinh tấn, xin đi trên tóc tôi! Sa-môn tinh tấn đã làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được nghĩa lý, lợi ích.

Hoặc bảo Bà-la-môn, cư sĩ tay bưng đầy các thứ thức ăn đồ uống, nói:

–Cúi mong chư Hiền hãy nhận lấy các món ăn này, tùy ý mang đi đâu thọ dụng cũng được, để cho chúng tôi mãi mãi được ý nghĩa, lợi ích.

Hoặc khiến các Bà-la-môn, cư sĩ ưa thích quý mến vị Sa-môn tinh tấn kia, tự nắm tay dìu đỡ vào nhà, đem các vật muốn cúng dường ra và nói:

–Cúi mong chư Hiền hãy nhận lấy vật cúng dường này, tùy ý mang đi đâu sử dụng cũng được, để cho chúng tôi mãi mãi được nghĩa lý, lợi ích.

Bấy giờ, các Bà-la-môn, cư sĩ kia mạng chung, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung được sanh đến xứ thiện, lên cõi trời. Khi được sanh lên đó rồi, họ liền suy nghĩ: "Chúng ta được cái vui này không đâu bằng, là vì chúng ta đã làm việc lành với vị Sa-môn tinh tấn kia".

Bấy giờ, này Ba-tuần, đệ tử của Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, sau khi được cúng dường cung kính, phụng hành lễ bái rồi, liền đi đến chỗ Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở

Trước Đẳng Chánh Giác. Lúc ấy Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đồ chúng vây quanh sau trước. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác từ xa trông thấy các đệ tử của Ngài được cúng dường cung kính, thừa sự, lễ bái, dần dần đi đến, bèn bảo các Tỳ-kheo:

–Các Tỳ-kheo thấy chăng? Ma xấu ác đã xúi giục các Bà-la-môn, Cư sĩ: "Các ngươi hãy đến cúng dường, cung kính, thừa sự, lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn kia. Khi nhận sự cung kính, lễ bái, cúng dường dù nhiều hay ít ấy, nếu tâm vị ấy có thay đổi thì ma Ba-tuần xấu ác đang tìm cơ hội, duyên cớ sẽ có cơ hội, duyên cớ để dễ bề lợi dụng". Này các Tỳ-kheo, hãy quán tất cả các hành là vô thường, hãy thấy nó là hủy diệt, hãy thấy nó là lìa bỏ, hãy thấy nó là hư hoại, hãy thấy nó là dừng dứt, hãy thấy nó là chỗ dừng dứt, khiến cho ma xấu ác tìm cầu phương tiện, tìm cầu duyên cớ nhưng không có phương tiện, không có duyên cớ để lợi dụng.

Này Ba-tuần, Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác vì các đệ tử giảng dạy như vầy: "Đối với tất cả các hành hãy quán vô thường, quán tận, quán ly, quán diệt, quán về nơi dừng dứt, thì ma xấu ác dù có tìm kiếm phương tiện, tìm duyên cớ cũng không có phương tiện, duyên cớ để phá hoại được".

Bấy giờ, này Ba-tuần, ma ác liền nghĩ như vầy: "Ta đã dùng phương tiện này mà vẫn không thể lợi dụng được Tỳ-kheo tinh tấn ấy, không thể tìm thấy duyên cớ nơi vị ấy. Ta nên hóa làm một thiếu nhi đứng bên đường, tay cầm gậy lớn đánh vỡ đầu Tôn giả Tỳ-lâu (Tôn giả Âm Thanh) khiến máu chảy đầy cả mặt". Khi ấy Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, an trụ nơi thôn ấp, trời hừng sáng, Ngài đắp y mang bát, vào thành ấp khất thực với Tôn giả Tỳ-lâu đi theo sau. Lúc, đó ma ác hóa làm một thiếu nhi đứng ở bên đường, tay cầm gậy lớn đánh vỡ đầu Tôn giả Tỳ-lâu, khiến máu chảy ướt cả mặt. Tôn giả Tỳ-lâu sau khi bị bể đầu chảy máu, vẫn đi theo sau Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, sau khi đến thôn, dùng diệu lực toàn thân xoay nhìn theo phía hữu, không sợ hãi, không kinh khiếp, nhìn khắp các phương. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác trông thấy Tôn giả Tỳ-lâu đầu bị vỡ, máu chảy đầy mặt, từ từ đi theo sau. Thấy xong, Ngài nói:

–Này ma xấu ác, ngươi đã làm điều hung bạo, ngươi không biết vừa

đủ!

Lại nữa, này Ba-Tuần, Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói chưa hết câu, thì ngay tại nơi ấy, thân hình ma xấu ác liền bị đọa vào đại địa ngục. Này Ba-tuần, trong địa ngục lớn này có bốn sự việc: vô lạc, lục cánh, thân thọ sự thống khổ, dùng móc câu làm tội nhân há miệng rồi đổ nước đồng sôi vào làm tiêu tan gan ruột. Trong địa ngục có ngục tốt đi đến chỗ ma ác nói:

–Ngươi ở trong địa ngục Tiêu giải này nên biết phải đủ một trăm năm.

Khi ấy ma Ba-tuần nghe xong, vô cùng kinh hãi, lông nơi thân đều dựng đứng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nói bài kệ:

Địa ngục kia thế nào
Mà ma ở trong đó?
Hại Phật, Bà-la-môn
Nhiễu hại cả Tỳ-kheo
Địa ngục tên A-tỳ
Ma ác ở trong ấy.
Hại Phật, Bà-la-môn
Nhiễu hại Tỳ-kheo kia
Đinh sắt cả trăm cái
Phải thọ khổ như vậy
Nơi địa ngục A-tỳ
Khiến Ma ác ở đấy.
Nếu có người không biết
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Thọ khổ não như vậy
Phải nhận quả báo xấu.
Ở trong chốn lầu vườn
Cùng chúng sanh cõi kia
Chẳng gieo trồng lúa thóc
Sẽ sanh Bắc câu lao.
Núi Tu-di cực lớn
Gần gũi với giải thoát
Tự có thể phân biệt
Thân thực hành, trì niệm
Núi ấy ở giữa suối

Luôn trụ nơi kiếp này
Hình tướng như sắc vàng
Hào quang tỏa chiếu khắp,
Tấu các thứ kỹ nhạc
Nơi Đế Thích du hành
Chốn ấy cũng gồm hai
Ở trước mà cung kính.
Khi Đế Thích đi trước
Lên điện cao rộng này
Thấy Đế Thích đi tới
Tất cả tự mừng vui
Khi thấy Tỳ-kheo lại
Nhìn lui vẻ hổ thẹn
Nếu ai lên cung điện
Liền vặn hỏi Tỳ-kheo
Nên biết có ma ấy
Ái diệt, đạt giải thoát
Sẽ vì Tỳ-kheo ghi
Nghe giảng nói như vậy.
Câu-dực, ta biết ông
Ái diệt, đạt giải thoát
Nghe nói, trí tuệ ghi
Đế Thích được an lạc.
Tỳ-kheo hành hóa nhiều
Sẽ giảng nói trở lại
Nếu có lên điện ấy
Đế Thích nên đến hỏi
Vì sao gọi cung điện
Đế Thích ở nơi đó?
Đế Thích! Ta sẽ ghi
Đó là chốn thọ báo
Ngàn thế giới như thế
Có ngàn thế giới này
Không cung điện nào hơn
Chốn thọ báo như thế
Đế Thích luôn tự tại
Nơi đó rất trong sáng
Hóa một thành cả trăm

Ở nơi thọ báo kia
Đế Thích luôn tự tại
Đi lên cung điện ấy
Chân tay đều khiến động
Dùng thiên nhãn nhìn khắp
Đế Thích luôn tự tại
Lên nơi cung điện này
Thần túc khiến chuyển động
Ẩn giấu nẻo thâm diệu
Khó động, khó lay chuyển
Có đất bằng lưu ly
Chốn ngự của bậc Thánh
Rất mịn màng, mềm dịu
Trải nệm bông mịn êm
Ngôn ngữ cũng hòa ái.
Nay Thiên vương hơn hết
Khéo tấu các kỹ nhạc
Vô số thứ khác lạ
Chư Thiên đều tụ hội
Dốc hướng Tu-đà-hoàn
Vô lượng trăm ngàn loại
Cùng hàng trăm Na-thuật
Đến trời Tam thập tam
Làm mắt pháp thuyết giảng
Được nghe pháp ấy rồi
Liền hết lòng tin, thích
Ta biết có pháp ấy
Nên gọi là Tiên nhân
Vì đến cõi Phạm thiên
Khiến Phạm chúng cùng hỏi
Chư vị có hiểu biết
Kiến giải cũng như trên
Luôn thấy có thường trụ
Ta sẽ vì Phạm thiên
Ghi kiến giải Tiên nhân
Chẳng thấy, chẳng như trước
Ta luôn có thường trụ
Quả Ngã Kiến tương ưng

Thân Phạm thiên ở trước
Ta nay sẽ nói gì
Ta luôn chấp có thường
Là nhận biết đời này
Bậc Đẳng Giác giảng nói
Như nếu dốc tu tập
Chốn sinh, thọ quả báo
Niệm ấy không có lửa
Ta đốt kẻ ngu si
Đốt kẻ ngu si xong
Kẻ theo cũng bị cháy.
Như thế, này Ba-tuần!
Gần Bậc Như Lai ấy
Tạo hạnh ác lâu dài
Thọ báo cũng không khác.
Ngươi chớ nên quấy Phật
Cùng quấy nhiễu Tỳ-kheo
Do Tỳ-kheo này nói
Ma ở vườn Tỷ lượng
Quỷ có niệm lo buồn
Bị Mục-liên quở trách
Nên vô cùng kinh sợ
Hốt nhiên biến trốn mất.

□

SỐ 67

PHẬT NÓI KINH
TỆ MA THỬ HIỀN GIẢ MỤC-LIÊN

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm,
người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại vườn Nai, thuộc thôn Khủng cụ, núi Diệu hoa, nước Phần kỳ.

Bấy giờ Hiền giả Đại Mục-kiền-liên đang kinh hành trong đêm tối. Trong lúc Hiền giả đang kinh hành trên khoảng đất trống, Tệ ma đến nơi, tự hóa thành hình nhỏ xíu, chui vào bụng của Hiền giả. Lúc đó Hiền giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ: "Trong bụng ta sao lại có tiếng rền như sấm, giống người đang đói mà phải gánh vật nặng. Vậy ta nên vào trong thất nhập tam-muội Chánh thọ quán sát để tìm ra nguyên do". Hiền giả Mục-liên nghĩ như vậy rồi liền vào tinh thất nhập tam-muội để quán thân, liền thấy Tệ ma hóa thân hình nhỏ xíu đang ở trong bụng mình. Hiền giả liền nói:

–Này Tệ ma, hãy đi ra! Đừng có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử của Ngài, để rồi mãi mãi gánh lấy khổ đau, bất an, bị đọa vào cõi ác.

Ma suy nghĩ: "Sa-môn này chưa thấy ta, cũng chưa biết ta, thế mà dối nói rằng: "Này Tệ ma hãy đi ra, hãy đi ra! Chớ có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử của Ngài, sẽ mãi mãi bị khổ sở, bất an!". Ngay như thầy của ông ta là Thế Tôn Đại Thánh còn không thể biết được ta, huống chi là đệ tử của ông ta mà biết được ta sao?".

Hiền giả Mục-liên lại nói với Tệ ma:

–Ta còn biết trong ý của ngươi nghĩ rằng Đại sư của ông ta là bậc Đại Thánh còn không thể biết được ta huống chi là đệ tử mà biết được ta sao!

Tệ ma sợ hãi, nghĩ: "Nay Sa-môn này thật đã biết ta rồi". Ma liền hóa hình nhỏ xíu nhảy ra ngoài đứng ở phía trước. Hiền giả Mục-liên nói

với ma:

–Vào thời quá khứ lâu xa về trước, lúc Đức Phật Câu-lâu-tần xuất hiện ở đời, khi đó ta đã từng làm ma tên là Sân Hận. Ta có một người em gái tên là Yểm Hắc, ngươi chính là con trai của cô ta. Như vậy nên biết rằng ngươi vốn là con của em gái ta.

Đức Phật xuất hiện ở thế gian thời ấy hiệu là Câu-lâu-tần Như Lai, Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Ngài có hai người đệ tử, người thứ nhất tên là Hồng Âm, người thứ hai tên là Tri Tưởng, là bậc hiền đức thứ nhất hơn hết không ai bằng.

Sao gọi Hiền giả ấy là Hồng Âm? Vì Hiền giả đó lúc sống trên cõi trời Phạm thiên, tiếng nói của Hiền giả to lớn vang rền cả ba ngàn đại thiên thế giới.

Còn sao gọi Hiền giả kia là Tri Tưởng? Vì Hiền giả ấy thường nương các chốn thanh vắng, ngồi bên gốc cây, nơi đồng trống hay ở trong núi, luôn nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ sắc tượng. Lúc ấy những người chăn dê, chăn bò, lấy củi, gánh cỏ, cày ruộng, người đi đường, họ vào trong núi thấy Hiền giả nhập định như vậy, cùng bảo nhau: "Vị Sa-môn này ngồi ở đây mà chết, chúng ta hãy cùng nhau chất củi và cỏ lên để hỏa thiêu". Nói thế rồi, họ cùng nhau làm công việc hỏa thiêu.

Tỳ-kheo Tri Tưởng rời khỏi pháp tam-muội, đập phủi y phục, giũ các thứ tro bụi. Sửa lại y phục xong, Hiền giả Tri Tưởng lại ôm bát vào thành, ấp làng xóm để lần lượt khất thực. Những người chăn bò, chăn dê, lấy củi, gánh cỏ trông thấy đều rất kinh ngạc, nói với nhau:

–Chúng ta ở chỗ đồng trống vắng vẻ, thấy Tỳ-kheo này ngồi bên gốc cây, chẳng còn hơi thở, cho là đã chết nên cùng nhau chất củi, cỏ khô để hỏa thiêu.

Nay vì sự việc như vậy nên gọi Tỳ-kheo Tri Tưởng là Tưởng Thức.

Bấy giờ ma Sân hận tự suy nghĩ: "Đám Sa-môn này tự cho là tu tập trì giới, tịch tĩnh, im lặng mà tư duy. Giống như con chó, con mèo luôn suy nghĩ cách để bắt chuột nên nó im lặng, bất động, chờ con chuột chạy ra là bắt. Sự thiền tư của Sa-môn này cũng như vậy. Giống như con hạc già muốn bắt cá, nó im lặng, không gây tiếng động, trầm tư, chờ con cá bơi ra là mổ ngay. Các Sa-môn này cũng như vậy, trầm tư, suy nghĩ về mục đích mong cầu. Giống như con lừa lớn cả ngày mang nặng, cho đến tối thì quá mệt mỏi, đói khát, nó chìm đắm trong suy nghĩ muốn được ăn uống. Các Sa-môn này cũng lại như vậy".

Ma lại suy nghĩ: "Ta nên bày vẽ xúi giục cho các Trưởng giả, Phạm chí ở trong nước này, đánh đập chửi mắng, làm cho các Sa-môn đạo nhân giữ giới ấy y rách, bát bể, đầu vỡ, khiến cho họ sanh tâm giận dữ, ta nhờ đó tìm được phương tiện để lợi dụng". Nghĩ vậy rồi, ma liền xúi giục các Trưởng giả, Phạm chí đánh đập, mắng chửi, đập bể bát, đánh vỡ đầu, xé rách y phục các Sa-môn trì giới, phụng pháp ấy. Các Sa-môn ấy giống như con mèo rình bắt chuột, con hạc già lo chăm bắt cá, như con cú vọ đậu nơi cành cây để bắt chuột, các Sa-môn ngồi thiền cũng lại như vậy, in như con lừa đói khát mệt mỏi muốn được ăn uống.

Khi ấy các Tỳ-kheo bị hủy nhục, cúi đầu đi thẳng đến chỗ Đức Phật Câu-lâu-tần. Lúc đó Đức Phật đang vì bốn chúng đệ tử cùng các hàng Thiên, Long, Quỷ thần giảng nói rộng về giáo pháp, thấy các Tỳ-kheo bị hủy nhục đi đến, Ngài liền bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, nay ma Sân hận đã xúi dục các Trưởng giả, Phạm chí ở trong nước đánh đập, mắng nhiếc, làm vỡ đầu, bể bát, xé rách y của các Sa-môn trì giới phụng pháp, khiến tâm họ tức giận, khởi ý sân hận, nhân đó ma tìm được phương tiện làm cho những vị ấy không thành đạo. Này các đệ tử, đối với trường hợp như vậy hãy nên thực hành bốn tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Hộ; không ôm lòng kết oán; không dấy tâm sân hận; mà nên mở tâm rộng lớn không hạn lượng; tạo sự an lạc vô biên, biến khắp mười phương. Với tâm như vậy, dù ma có tìm phương tiện để phá hoại cũng không thể được.

Các Tỳ-kheo vâng lời Đức Phật dạy, an trú chốn vắng vẻ, nơi đồng trống, một lòng thiền định tư duy, thực hành bốn tâm vô lượng, ý không tăng giảm.

Bấy giờ ma Sân hận tuy muốn được những phương tiện để lợi dụng quấy phá các Sa-môn trì giới phụng pháp, nhưng vĩnh viễn không thể được. Còn những Trưởng giả, Phạm chí nghe lời ma xúi giục, hủy nhục các vị Sa-môn trì giới phụng pháp, sau khi mạng chung đều bị đọa vào đường ác, bị bao thứ khổ não bức bách khảo tra, ở trong địa ngục hết kiếp này tới kiếp khác thọ khổ. Giống như cây lớn, bóng nó tỏa ra một khoảng đất trống rộng lớn, họ nằm trên mặt đất bằng sắt nóng đỏ của ngục, lõa hình, chìm ngập trong đó. Họ đều bảo nhau:

–Chúng ta bạc phước, thọ lấy tai ương ác độc này là do chúng ta đã hủy nhục, mắng nhiếc Sa-môn phụng pháp trì giới, vì vậy nên mới bị đọa vào đây. Than ôi! Không thể được thấy Sa-môn phụng pháp trì giới, muốn

cầu phương tiện để gặp gỡ, vì đã tự tạo điều ác nên phải tự thọ lấy tai họa, vì nghe theo lời ma xúi giục nên mới không thể che chở thân mình.

Bấy giờ ma Sân hận lại nghĩ: "Ta dùng phương tiện này để toan lợi dụng quấy phá các Sa-môn trì giới, nhưng hoàn toàn không thể được. Giờ thì ta phải biến hình chỉ bày các Trưởng giả, Phạm chí hãy nên cúng dường, phụng sự các Sa-môn trì giới, dâng cúng y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men, khiến cho các vị ấy tham đắm sự cúng dường, nhân đó ta mới có cơ hội lợi dụng". Theo như mưu kế ấy, ma liền chỉ bày các Trưởng giả, Phạm chí trong nước, đến nơi ngã tư đường, nếu thấy các Sa-môn, Đạo nhân trì giới thì trải tóc trên đất để các vị ấy đi qua và tán thán:

–Các vị là những bậc Sa-môn trì giới, siêng năng tu tập, khó thấy khó gặp, xin các vị hãy đạp lên tóc tôi mà đi để tôi mãi mãi được vô lượng phước đức.

Hoặc có Trưởng giả, Phạm chí mang y phục đến chỗ các Sa-môn trì giới đảnh lễ, quỳ xuống, thưa:

–Xin các vị thương xót chúng con mà nhận lấy y phục này.

Hoặc họ mang đầy thức ăn, đi đến tinh xá hoặc tới các ngã tư, đầu các ngõ tắt trong làng, dâng lên cúng dường các Sa-môn trì giới, thưa:

–Các vị thật khó gặp, khó thấy, xin các ngài hãy nhận các phẩm vật cúng dường này để chúng con mãi mãi được phước đức vô lượng.

Hoặc họ ân cần mời hỏi, dìu đỡ, tha thiết mời các Sa-môn vào nhà họ, thỉnh ngồi trên giường đẹp, rồi mang ra các thứ thức ăn uống, y phục, ca-sa, vàng bạc, bảy báu để ở phía trước, quỳ thưa:

–Chư vị là các bậc Sa-môn trì giới khó gặp, khó thấy, xin hãy thọ nhận những vật phẩm cúng dường này. Xin chư vị vì lòng thương xót, tự ý thọ dụng để chúng con mãi mãi được vô lượng phước đức.

Lúc đó Đức Phật Câu-lâu-tần vì bốn chúng đệ tử và chư Thiên, Rồng, Thần giảng nói giáo pháp nhận thấy các đạo sĩ, Sa-môn trì giới được các Trưởng giả, Phạm chí đến gặp, cúng dường, cung kính vô lượng, nên bảo các Tỳ-kheo:

–Nay ma Sân hận chỉ bày các Trưởng giả, Phạm chí cúng dường Sa-môn đạo sĩ trì giới các thứ y phục, đồ ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, tùy ý muốn gì cũng cung cấp đủ, nhân đó ma có cơ hội để phá hoại thiện tâm của các vị ấy, khiến họ không thể đắc đạo. Các vị hãy nên ở các nơi chốn núi non, đồng trống vắng vẻ, suy niệm về sự vô thường của vạn vật. Tuy

có được y phục, thức ăn uống nhưng đừng tham đắm, phải quán thấy các pháp là khổ, không, phi thân *(vô ngã)*. Như vậy, ma tuy tìm cơ hội để phá hoại nhưng rốt cuộc vẫn không được.

Các Tỳ-kheo liền vâng theo lời dạy của Đức Câu-lâu-tần Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, tu tập đúng như pháp, nên dù ma có tìm cơ hội để quấy phá vẫn không có.

Vì ma chỉ bày cho các Trưởng giả, Phạm chí, bảo họ cúng dường các vị Sa-môn trì giới, nhờ công đức ấy nên họ đều được sanh lên cõi trời. Khi được sanh lên cõi ấy, họ đều suy nghĩ: "Chúng ta nhờ sự việc cúng dường, thờ pháp với Sa-môn trì giới thanh tịnh, nên tự mình được phước này, không phải nhờ người khác hay trời mà có được".

Bấy giờ Đức Phật Câu-lâu-tần Như Lai, Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, sau khi thọ thực, lúc mặt trời xế bóng cùng đệ tử lớn là Hiền giả Hồng Âm du hành nơi quận huyện. Khi ấy Tệ ma hóa thành một người to lớn dũng mãnh, tay cầm gậy cứng đứng bên đường, lén giơ gậy đập vào đầu Hiền giả Hồng Âm làm Hiền giả bể đầu, máu chảy lênh láng. Hiền giả vẫn đi sau Đức Thế Tôn như bóng theo hình, im lặng không nói. Đức Câu-lâu-tần Như Lai là Bậc Thánh không ai bằng, quay đầu nhìn lại, miệng nói lời trách:

–Này ma Sân hận, không biết kiềm chế, đã tạo ra đại ác này.

Ma Sân hận, ngay vào lúc ấy liền bị đọa vào địa ngục, hết ngục này đi đến ngục khác. Giống như con nòng nọc, con cá bị đưa ra khỏi nước đem lên đất liền; giống như lột da con bò lúc nó còn sống, ma Sân hận liên tiếp ở trong địa ngục chịu sự thống khổ không sao nói hết.

Lúc ấy ma Ba-tuần ở trong địa ngục lần lượt chịu mọi sự thống khổ kịch liệt, trải qua ngàn vạn năm, ức năm cứ mãi ở trong địa ngục ấy. Thí như có người thân bị bệnh cuồng, chạy đến chỗ bất an. Khi đó ma Ba-tuần bị đọa vào đại địa ngục chịu mọi thống khổ vô lượng. Ngục tốt đến nói:

–Ngươi nên biết, nếu có một cái thẻ gắn theo là một con chim bay lên, trải qua mười ngàn vạn năm, so sánh như vậy cũng khó biết được số lượng kia. Này Tệ ma, ta ở trong địa ngục số lượng như vậy, sau đấy mới được ra khỏi địa ngục, lại gặp ách nạn hơn hai vạn năm.

Lúc đó Tệ ma nghe như thế nên hết sức sầu khổ, sợ hãi.

Đức Phật vì Hiền giả Mục-liên, nói kệ:

Ma Sân phải chịu tội

Địa ngục ấy thế nào
Lúc Phật Câu-lâu-tần
Hóa độ chúng đệ tử
Nó phải chịu thống khổ
Lại còn bị khảo tra
Lửa cháy tự thiêu thân
Lửa thiêu mặt đốt hình
Địa ngục ấy như vậy
Ma Sân hận ở đó.
Lúc Phật Câu-lâu-tần
Hồng Âm đệ tử lớn
Giả sử ở trước Phật
Cùng xem các Tỳ-kheo
Do duyên đó chịu tội
Tại vì gây nhiễu loạn.
Nếu ưa thích quấy phá
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Phải chịu tai ương kia
Sanh nơi cực khổ não
Như người nhào vực sâu
Bỏ mất cung điện lớn
Không ở với ngọc nữ
Lìa thú vui cõi trời.
Ai hiểu rõ điều này
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Từ đó nên dẫn ra
Nỗi nguy, họa thống khổ
Ma nên biết thân Ta
Nương vào cửa giải thoát
Không cõi trời, người trời
Trời Đao-lợi nổi tiếng.
Nếu phân biệt như vậy
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Tự thân phạm phi pháp
Do đó vào đường dữ
Ai dùng một ngón chân
Rung động cung tối thắng
Sử dụng lực thần túc

Mục-liên cảm ứng khắp.
Ai hiểu rõ điều này
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Nếu tự thân đứng vững
Sao lại đọa cõi ác
Ví có trăm ngọc nữ
Đoan chánh đẹp hơn hết
Thấy Tỳ-kheo thiền tư
Liền không ở viên quán.
Vì phân biệt như vậy
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Tỳ-kheo tự tạo nghiệp
Hoặc bị đọa cõi ác
Giả sử cùng hòa đồng
Đến hỏi trời Đế Thích:
Thiên đế hiểu hay không
Nhân đâu được giải thoát?
Đế Thích tùy thời truyền
Đáp lời điều nghi vấn:
Nếu mình không tham đắm
Sau đó được giải thoát
Nếu hiểu rõ việc này
Tỳ-kheo đệ tử Phật
Tùy mình tạo tác nghiệp
Tự dẫn đến cõi ác
Hoặc đến cõi Phạm thiên
Thưa hỏi Phạm thiên vương
Do đâu đến chốn này
Được ở cõi Phạm thiên?
Phạm thiên liền tùy nghi
Theo hỏi mà trả lời:
Nay ta ở chốn này
Chưa từng sanh tà kiến
Từ Phạm thiên khắp xem
Ánh sáng bị thoái chuyển
Nay ta sẽ nói gì?
Thân ta trường thọ ư?
Nếu ai hiểu điều này

Tỳ-kheo đệ tử Phật
Tự thân phạm phi pháp
Tự dẫn đến khổ đau.
Như lửa không tưởng niệm
Ta sẽ đốt kẻ ngu
Ngu tự sờ vào lửa
Lại bị lửa thiêu thân.
Ba-tuần nên hiểu thế
Có ý quấy Như Lai
Chỉ hại đến thân mình
Như lửa thiêu kẻ dại
Người thích làm điều ác
Thân họ mãi khổ đau
Đời sau không tự giác
Đừng quấy phá Tỳ-kheo
Ma Sân chớ thử Phật
Và nhiễu loạn đệ tử
Mãi mãi không an ổn
Phải sanh vào cõi ác.
Bấy giờ ma quy phục
Nên sợ các Tỳ-kheo
Nghe như vậy ưu sầu
Bỗng biến mất không hiện.

Đức Phật giảng nói như vậy, chư Thiên, Long, Thần ai cũng đều hoan hỷ.

□

SỐ 68

PHẬT NÓI KINH LẠI-TRA-HÒA-LA

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm,
người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật cùng với năm trăm Sa-môn đồng du hóa đến nước Câu-lưu, đi dần tới nước Thâu-la-âu-tra.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, đạo nhân, cùng dân chúng trong nước đều nghe tin Đức Phật đang du hóa đến xứ này. Họ nghe nói về công đức vi diệu của Đức Phật đã đạt được, đã dứt sạch mọi tham dâm, sân hận, ngu si. Những điều Phật giảng nói về tâm ý của con người đều là trung chính, chỉ nhằm đạt tới Phật đạo. Ngài tự biết con người từ đâu sanh đến, dự đoán các việc về quá khứ, vị lai, hiện tại, mắt có thể nhìn thấu suốt mọi chúng sanh nơi thế gian, kể cả các loài côn trùng nhỏ bé nhất, từ lúc sanh ra chết đi luân chuyển qua các nẻo thiện ác. Ngài có thể bay lên cao hoặc ẩn vào lòng đất, lúc ra không cần khoảng cách, vào không cần lỗ hổng, biến hóa tự tại, biết mọi tâm niệm của dân chúng nơi thế gian cùng các loài sâu bọ nhỏ bé nhất. Đức Phật luôn tự kiềm chế thu nhiếp các căn. Thế gian có đến chín mươi sáu thứ đạo nhưng không gì bằng Phật đạo. Đức Phật dốc hết lòng chỉ dạy cho muôn loài trên trời, dưới đất như cha mẹ dạy dỗ con cái, đều khiến họ bỏ ác theo thiện. Ngài là vị thầy của cả Trời, người, những điều giảng dạy cho họ đều khiến đạt được đạo quả A-la-hán giải thoát. Dân chúng khắp cả nước đều nói:

–Đức Phật là người đem lại mọi sự an lành, khéo giảng nói kinh pháp, giới luật. Vậy chúng ta hãy cùng nhau đến chiêm ngưỡng con người đạo đức ấy.

Thế là dân chúng trong khắp nước ấy, hoặc năm mươi người làm một nhóm, hoặc một trăm người làm một nhóm, hoặc năm trăm người làm một nhóm, họ cùng nhau đi đến chỗ Phật. Trong số ấy, người thì tới quỳ trước Đức Phật, người thì đi nhiễu quanh Phật ba vòng, người thì

cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, có người lại chắp tay cúi đầu, có người thì nói lên tên họ của mình. Tất cả mọi người cùng ngồi xuống.

Đức Phật vì tất cả dân chúng hiện có giảng nói kinh, luật. Ai nấy đều chắp tay hướng về Đức Phật. Trong số những người đang lắng nghe giáo pháp ấy, có người con của một Trưởng giả tên là Lại-tra-hòa-la, nhờ để tâm lắng nghe nên Lại-tra-hòa-la tự lãnh hội nhanh và suy nghĩ: "Như kinh luật của Phật dạy thì không nên ở nơi gia đình, vì như thế thì tự mình không thể có được thanh tịnh để tu học Phật đạo". Lại nghĩ: "Chi bằng ta cạo bỏ râu tóc, vận áo ca-sa, làm Sa-môn".

Dân chúng nước Thâu-la-âu-tra nghe Đức Phật giảng nói về kinh, luật xong, thảy đều hoan hỷ, nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng rồi lần lượt ra về. Lại-tra-hòa-la mới về nửa chừng đường thì liền quay trở lại chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ rồi chắp tay quỳ xuống, thưa:

–Con nghĩ theo kinh luật của Phật dạy không nên ở tại gia đình, vì như thế thì tự mình không thể có được thanh tịnh để tu học Phật đạo. Ý con muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, làm Sa-môn, cúi mong Đức Phật xót thương chấp thuận.

Đức Phật hỏi:

–Ngươi đã xin phép cha mẹ chưa?

Lại-tra-hòa-la thưa:

–Con chưa xin phép cha mẹ.

Đức Phật dạy:

–Đối với Phật pháp, nếu cha mẹ không cho phép thì không thể làm Sa-môn. Ta cũng không thể truyền trao giới pháp cho ông được.

Lại-tra-hòa-la thưa:

–Thưa vâng, con sẽ trở về xin cha mẹ, nếu cha mẹ đồng ý thì con xin trở lại.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Hãy tự mình suy nghĩ kỹ.

Lại-tra-hòa-la liền đảnh lễ Đức Phật rồi trở về nhà mình, thưa với cha mẹ:

–Con được nghe kinh luật của Phật dạy là không nên ở nơi gia đình, vì như thế thì tự mình không thể có được thanh tịnh để tu học theo giáo pháp của Phật. Nay ý con muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa làm Sa-môn.

Cha mẹ nghe con nói như vậy thì đều nhìn nhau, nghẹn ngào nói:

–Vợ chồng ta hiếm con, phải cầu đảo, khấn vái chư Thiên, mặt trời,

mặt trăng, cúi lạy bốn phương mong có được đứa con yêu quý để kế thừa hương khói sau này. Cha mẹ thường sợ mình bỗng nhiên chết đi thì nhà này sẽ không ai nối dõi. Nhờ trời đã cho ta một người con trai, cả nhà đều hết sức yêu mến, quyến luyến. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ con, cha mẹ sẽ cùng ngồi giữ xác con cho đến già, huống chi nay con còn sống, lại muốn bỏ chúng ta mà đi sao?

Lại-tra-hòa-la nói:

–Như nay cha mẹ không cho con đến chỗ Đức Phật để làm Sa-môn, vậy kể từ hôm nay trở đi con sẽ không ăn, không uống, cả không tắm rửa nữa. Nếu cha mẹ chấp thuận cho con làm Sa-môn thì tốt, còn không thì con sẽ chết mà thôi.

Nói xong, chàng liền nằm dài nơi nền đất trống, không ăn uống một ngày, hai ngày, cho đến năm ngày. Bà con thân thuộc nội ngoại của Lại-tra-hòa-la nghe tin chàng xin cha mẹ để được xuất gia làm Sa-môn, cha mẹ không cho, nên đã nằm dài nơi đất, không ăn không uống đã năm ngày rồi. Bà con nội ngoại đều đến chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên bảo nên đứng dậy tắm rửa, ăn uống, rồi nói:

–Lúc chưa có con, cha mẹ con đã cầu đảo chư Thiên, mặt trời, mặt trăng, cúi lạy bốn phương để mong có được một đứa con, tức là con đấy. Con phải lo việc nuôi dưỡng cha mẹ, làm người thừa kế cho gia đình sau này. Giả sử con có chết đi, cha mẹ vẫn muốn ngồi luôn bên xác con cho đến già, huống chi nay con còn sống mà lại muốn lìa bỏ cha mẹ hay sao?

Lại-tra-hòa-la cũng không trả lời. Các vị trong thân tộc cùng đến chỗ cha mẹ của Hòa-la thở than, nói:

–Cậu bé này rốt cuộc vẫn không nghe theo lời chúng tôi khuyên can.

Lại-tra-hòa-la còn có các người bạn thân thiết, có học, nghe bạn muốn đến chỗ Đức Phật xin xuất gia làm Sa-môn nhưng cha mẹ không đồng ý nên chàng cứ nằm dài trên nền đất trống chẳng thiết gì chuyện ăn uống đã năm ngày rồi, nên cùng kéo tới chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên can, bảo hãy đứng dậy lo tắm rửa, ăn uống, nói:

–Lúc bạn chưa ra đời, cha mẹ bạn đã cầu đảo chư Thiên, mặt trời, mặt trăng, cúi lạy bốn phương để mong có được một đứa con. Vậy bạn phải nên lo việc nuôi dưỡng cha mẹ, làm người thừa kế cho gia đình, dòng họ. Ví dầu bạn có chết đi thì cha mẹ bạn vẫn muốn ngồi luôn bên xác bạn cho đến già, huống chi nay bạn còn sống mà muốn xa lìa cha mẹ sao?!

Lại-tra-hòa-la cũng không trả lời. Số bạn bè thân thiết ấy lại đến chỗ

cha mẹ của Lại-tra-hòa-la, gạt nước mắt nói:

–Hai bác nên đồng ý cho cậu ấy được làm Sa-môn. Vì sao vậy? Vì như cậu ấy ưa thích đạo pháp làm Sa-môn thì sau đấy vẫn còn sống để gặp nhau. Giả như cậu ta không thích việc tu tập nữa thì sẽ bỏ đạo trở về nhà, ý hai bác thế nào? Còn nếu không cho cậu ta đi, nhất định cậu ấy sẽ chết mất. Nay sức khỏe của cậu ấy sa sút lắm rồi có thể bị chết liền đấy!

Ai nấy đều lo lắng, thở than. Cha mẹ lau nước mắt nói với con trai:

–Anh em bạn bè thân thiết đã giao ước với con rằng sau khi được làm Sa-môn, con phải trở về thăm cha mẹ chứ.

Lại-tra-hòa-la đáp:

–Hãy cho con đến chỗ Đức Phật để làm Sa-môn thì con sẽ sống, không chết, sau này con sẽ trở về thăm cha mẹ.

Cha mẹ nghe con trai mình nói lời ấy thì lại khóc rống lên, nhưng vẫn cho phép Lại-tra-hòa-la làm Sa-môn. Lại-tra-hòa-la hết sức vui mừng, tự nghĩ: "Ta không ăn uống đã năm ngày rồi, thân thể rất suy yếu. Lúc này, Đức Phật từ nước Thâu-la-âu-tra đến nước Xá-vệ, đã đi được năm trăm dặm, vậy ta hãy gắng ăn uống, chờ cho sức khỏe hồi phục rồi sẽ đi".

Sau vài ngày, thấy đã có sức lực, Lại-tra-hòa-la đến thưa với cha mẹ:

–Xin cha mẹ hãy an tâm. Con sẽ đến chỗ Đức Phật xin làm Sa-môn.

Cha mẹ Lại-tra-hòa-la nghe vậy lại khóc rống lên, rồi gạt lệ nói:

–Hãy đi đi con thân yêu!

Lại-tra-hòa-la cung kính lạy nơi chân cha mẹ, đứng dậy nhiễu quanh chỗ cha mẹ ba lần, rồi đi đến tinh xá Kỳ hoàn, thuộc nước Xá-vệ, tới trước Đức Phật đầu mặt đảnh lễ xong, thưa:

–Cha mẹ con đã cho phép rồi, cúi mong Đức Phật nhận con làm Sa-môn.

Đức Phật liền thuận cho Lại-tra-hòa-la làm Sa-môn, mặc ca-sa, thọ giới pháp của Sa-môn. Đức Phật bảo các vị A-la-hán hàng ngày thay nhau chỉ dạy cho Hòa-la, luôn theo đúng giới luật của chánh pháp. Sa-môn Hòa-la tự tư duy về giáo pháp, giới luật liền chứng tứ thiền, đắc quả thứ nhất là Tu-đà-hoàn, quả thứ hai là Tư-đà-hàm, rồi quả A-na-hàm, và quả A-la-hán đạt được bốn thần túc bay lên hư không, có thể dùng thiên nhãn, thiên nhĩ thấy xa, nghe rộng, nhận biết ngôn từ, tâm niệm của mọi chúng sanh trong thế gian, cả đến các loài sâu bọ, côn trùng nhỏ bé mềm yếu nhất, tự biết túc mạng từ đâu sanh đến. Tôn giả theo Phật trong mười năm

như bóng theo hình. Sau đấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la suy nghĩ: "Lúc trước, ta lìa gia đình, giã từ cha mẹ, nay nên trở về thăm viếng". Lại-tra-hòa-la bèn bạch Đức Phật:

–Lúc trước con lìa gia đình, xuất gia học đạo đã lâu, nay nên trở về thăm. Xin Đức Phật cho phép con được về thăm cha mẹ.

Đức Phật nghĩ: "Lại-tra-hòa-la này không thể trở về với đời sống ái dục như lúc ở nhà được, vì đã từ nơi ái dục mà được giải thoát", liền nói:

–Rất tốt.

Tôn giả liền đảnh lễ Phật rồi đi, lần lượt đến nước Thâu-la-âu-tra. Vào lúc sáng sớm, Tôn giả mang y cầm bát đi vào xóm của cha mẹ, dần tới trước cửa nhà mình để khất thực mà không nhận ra người nhà. Vì sao? Bởi vì theo đúng pháp của Sa-môn phải biết quên mình là con của gia đình này. Do cả nhà vốn có ác kiến với Sa-môn nên không ai ngó ngàng đến Tôn giả. Lại-tra-hòa-la đến ngay trước cửa nhà mình nhưng chẳng ai cho gì, cũng chẳng ai thèm nhìn, ngó hay hỏi han, chỉ bị mắng nhiếc. Tôn giả vẫn không buồn phiền. Vừa muốn quay đi, lúc đó có người hầu bước ra khỏi cửa để đổ đồ ăn thừa. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy vậy liền nói:

–Này cô, cô đem thứ đồ ăn hư thối này làm gì?

Người hầu đáp:

–Đồ ăn này không thể dùng được nữa, cho nên tôi đem đổ đi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nếu cô muốn đổ đi thì hãy cho ta.

Người hầu liền đổ thức ăn vào bình bát của Tôn giả. Cô gái ngầm nhận ra Lại-tra-hòa-la qua tay chân và lời nói. Cô nghĩ: "Đây là người con trai của chủ mình". Cô ta liền chạy vào nhà báo cho mẹ của Tôn giả biết là con trai của bà đã trở về, đang ở bên ngoài.

Mẹ của Tôn giả hết sức vui mừng nói với người hầu:

–Nếu đúng như lời ngươi nói thì ngay ngày hôm nay ta sẽ cho ngươi được tự do, trở thành người bình thường.

Bà liền lấy y phục và châu ngọc đang trang điểm của mình đem cho mẹ của cô gái hầu. Lại chạy đến chỗ chồng, lúc ấy đang đứng trong nhà chải tóc, bà nói:

–Con hầu vừa thấy con trai của chúng ta trở về đang đứng ở trước cửa nhà mình. Tôi liền nói với nó nếu quả thật người thấy đúng là Lại-tra-hòa-la, ta sẽ cởi bỏ y phục và châu báu đang trang điểm trên thân cho ngươi và cho ngươi được tự do trở thành người bình thường.

Rồi bà nói với chồng:

–Ông hãy nhanh chân để ra bố thí cho người khất thực.

Cha của Tôn giả liền sửa lại đầu tóc rồi chạy ra phía ngã tư đường để tìm, thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang đứng nơi chỗ vắng, ngẩng đầu nhìn trời, vừa đúng giờ ăn, liền đứng lại để ăn đồ ăn đã thiu thối ấy. Người cha liền đến phía trước, nói với Lại-tra-hòa-la:

–Sao con không vào nhà, ngồi nơi chỗ đẹp đẽ, ăn cơm canh ngon, sao lại đứng ở đây ăn các thứ ăn thiu thối như thế?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa:

–Tôi đã bỏ gia đình để học đạo, làm Sa-môn không nhà, vậy tôi làm gì có nhà mà ngài nói cùng về?

Tôn giả không chịu đi. Người cha mời:

–Xin mời Tôn giả sáng mai đến nhà này để thọ thực và gặp mẹ.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa:

–Rất tốt!

Ông liền trở về nói với vợ:

–Lại-tra-hòa-la quả thật có đến đây. Tôi đã mời con sáng mai đến nhà để dùng cơm. Con của chúng ta đã nhận lời mời, vậy bà phải chuẩn bị cơm nước đầy đủ.

Bà mẹ liền gọi những cô hầu trong nhà đến trước mình bảo:

–Lúc ta mới về nhà này, cha mẹ ta có cho ta nào vàng, bạc, ngọc trắng, châu báu vô số. Các ngươi hãy đem tất cả những thứ ấy để giữa sân, lấy đồ che lên trên.

Các người hầu liền theo lời của mẹ Tôn giả đem tất cả các thứ vàng, bạc, châu báu chất đầy ở giữa sân, lấy đồ che lên trên, cao hơn đầu người.

Hôm sau, đến giờ ăn, Tôn giả Lại-tra-hòa-la, mang y, cầm bát đi tới nhà cha mẹ mình. Cha mẹ Tôn giả từ xa trông thấy con đi vào ngõ, bà mẹ liền giở vật che trên đống vàng bạc ra, hai tay hốt đầy vàng bạc đi đến trước Tôn giả Lại-tra-hòa-la, tung vàng bạc châu báu lên, nói:

–Con hãy nhìn xem vàng bạc châu báu ở đây, chính là sở hữu của mẹ lúc mới về nhà này. Còn phần vàng bạc châu báu của cha con thì nhiều vô số. Con hãy dùng nó để bố thí, ăn tiêu, vui chơi thỏa thích. Con làm Sa-môn sao bằng làm người bạch y, ở nhà được tự do vui sướng.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với cha mẹ:

–Nếu như cha mẹ chấp nhận lời đề nghị của con, con muốn xin cha mẹ một chuyện.

Cha mẹ Tôn giả nói:

–Tốt lắm! Chúng ta chấp nhận.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa:

–Xin lấy tất cả số vàng bạc châu báu kia che lại, dùng cái đãy bỏ chúng vào trong, đặt lên xe, đem đến bờ sông Hằng coi khúc sông thật sâu thì bỏ xuống đó. Vì sao vậy? Vì người nào cất chứa tài sản châu báu thì nó sẽ khiến cho kẻ ấy nhiều sầu muộn, hoặc họ sợ triều đình chiếm đoạt, trộm cướp lấy đi, hoặc sợ nước trôi, lửa cháy, hoặc sợ oan gia phá hủy.

Cha mẹ Tôn giả liền nghĩ: "Không thể dùng tiền tài để khuyến dụ Lại-tra-hòa-la trở lại đời sống tại gia được. Vậy chúng ta thử dùng các cô gái đẹp, các kỹ nữ để dụ dỗ xem sao". Suy nghĩ như vậy rồi, bà mẹ liền đến chỗ các cô gái, các kỹ nữ kia chỉ dẫn họ lo tắm gội, trang điểm đeo các loại châu ngọc, mặc những bộ y phục đẹp mà Lại-tra-hòa-la trước đây yêu thích nhất. Bà mẹ bảo các cô gái:

–Các cô đến gặp Tôn giả Lại-tra-hòa-la, chỉ nói: "Này người con của đại gia! Có ngọc nữ nào xinh đẹp hơn chúng tôi, khiến chàng phải bỏ chúng tôi để học đạo vì nàng?".

Các cô gái ấy liền vâng lời lo trang điểm, mặc y phục, đeo châu báu xong thì cùng đi ra. Gặp Tôn giả Lại-tra-hòa-la, họ nói:

–Này người con của đại gia! Có ngọc nữ nào xinh đẹp hơn chúng tôi, khiến chàng phải bỏ chúng tôi để học đạo, hầu tìm nàng ta?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

–Ta chẳng đi tìm ngọc nữ nào mà bỏ các cô em cả.

Các cô gái ấy nghe Tôn giả nói như vậy liền cảm thấy hổ thẹn, bèn quỳ xuống, cúi đầu, lấy tay che mặt rồi nói:

–Vì chẳng muốn lấy chúng tôi làm vợ nên mới gọi chúng tôi là cô em?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói với cha mẹ mình:

–Tại sao lại làm phiền nhau. Nếu muốn thí cúng cơm thì đó là tốt, không muốn thì thôi.

Cha mẹ Tôn giả liền cho dọn ra đầy đủ các món ăn ngon để Tôn giả dùng. Cha mẹ Tôn giả muốn được nhìn con thật lâu, sợ con ăn xong rồi đi liền, nên bảo đám người hầu đóng các cửa ngõ, dùng khóa khóa lại.

Tôn giả ăn xong giảng nói kinh cho cha mẹ nghe:

–Những người nông dân nuôi dưỡng các thú vật chẳng nên bắt nhốt

chúng, khiến chúng không được tự do, huống hồ là chuyện con người. Hãy thả tôi ra, tôi ăn rồi đi. Loài thú nơi đồng ruộng được thoát, liền chạy vào núi sâu. Chải đầu, bôi hương thơm, thoa phấn, kẻ chân mày trắng đen đủ loại, những thứ ấy chỉ làm mê hoặc kẻ ngu si, chứ đối với người đã thoát khỏi mọi sự trói buộc của thế gian thì làm sao mê hoặc. Hãy nhìn bộ xương này với da thịt bao phủ, được trang sức bằng bao thứ vàng bạc, châu báu, vòng đeo ngọc ngà… ai đam mê kẻ ấy như đi vào trong nước sôi, lửa đỏ, lửa đâu có đáng ưa thích. Dùng hương thơm bôi xoa thân thể, những thứ ấy chỉ gạt được người ngu si, nhưng làm sao gạt được người đã thoát khỏi mọi thứ trói buộc của cuộc đời. Vì không thể tự biết phải làm gì nên mới làm như vậy. Cũng không thể phân biệt cha mẹ, cũng không thể phân biệt anh em, khi tâm con người dấy khởi ái dục thì không thể tự mình đoạn tuyệt được. Người nữ giống như các dòng nước, các dòng nước ấy đều chảy vào biển cả. Người ngu chạy theo nữ nhân nên mới trôi lăn vào trong các nẻo địa ngục, súc sanh quỷ đói. Nếu muốn vượt khỏi sự ưu sầu khổ não trong đường sanh tử, muốn đạt được đạo Niết-bàn giải thoát cần phải xa lìa người nữ.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết giảng kinh cho cha mẹ mình nghe xong liền vận dụng thần túc bay vút lên trời qua đường cửa sổ rồi đi thẳng, giống như con sư tử dũng mãnh chạy thoát.

Bấy giờ quốc vương Câu-liệp vốn có thân tình với Tôn giả Lại-tra-hòa-la từ thuở nhỏ. Nhà vua có một tòa lầu nơi vườn cây ở ngoài thành. Lúc Tôn giả Lại-tra-hòa-la phi hành đến phía trước thì đi vào trong khu vườn ấy ngồi bên gốc cây Duy-hê-lặc. Lúc ấy vua Câu-liệp bỗng nhiên muốn đi đến nơi tòa ấy để vui chơi, liền ra lệnh cho người coi khu vườn lo công việc quét dọn. Viên quan coi vườn vâng lệnh vua đi làm công việc, thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang ngồi bên gốc cây Duy-hê-lặc, liền đến tâu với vua:

–Thần đã quét dọn sạch sẽ. Đức vua thường nói có bạn tri thức thân tình là Lại-tra-hòa-la, nay Tôn giả ấy đang ngồi bên gốc cây trong vườn. Nếu đức vua muốn gặp Tôn giả vậy hãy đến đó.

Nhà vua nghe tâu như thế thì vô cùng vui mừng, liền cho sửa soạn xa giá rồi cùng đoàn tùy tùng đến phía ngoài tòa lầu, xuống xe đi bộ vào khu vườn, tới chỗ Tôn giả Lại-tra-hòa-la, chào hỏi đúng lễ rồi ngồi xuống. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nhà vua đến đây thật quá tốt.

Vua nói:

–Chỉ có một mình ta đến đây, Tôn giả vốn là bạn tri thức của ta lúc nhỏ. Nếu cần dùng các thứ tài sản vật báu gì thì ta sẽ tặng như ý muốn.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

–Không nên đem tiền của ban tặng cho tôi. Nay tôi đã lìa bỏ được gánh nặng, giải thoát khỏi lao ngục ấy. Nhà vua lại muốn đem cái gánh nặng của lao ngục đó đặt lên thân tôi sao. Vậy đừng đem các thứ ấy cho tôi.

Vua hỏi:

–Vậy ta nên đem những vật gì để tặng Tôn giả?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

–Vua chỉ nên nói hiện nay đất nước của ta giàu có, năm thứ lúa thóc, hoa màu dồi dào, dân chúng đông đúc, việc khất thực dễ được, các Sa-môn có thể ở lại trong nước ta, ta ra lệnh cho các quan và dân chúng không được xâm phạm Sa-môn.

Nhà vua nói:

–Xin ghi nhận lời dạy ấy, tôi sẽ làm như điều Tôn giả mong ước và bày tỏ.

Vua nói:

–Tôi có điều muốn hỏi, xin Tôn giả lắng nghe.

Lại-tra-hòa-la nói:

–Rất tốt.

Vua liền nói:

–Phàm người làm Sa-môn thường gặp phải có bốn việc khổ, thì mới làm Sa-môn. Những gì là bốn? Một là tuổi già, hai là bệnh hoạn, ba là cô độc, bốn là bần cùng. Người ở đời vì bốn sự khổ này nên mới làm Sa-môn. Nay tôi thấy Tôn giả hoàn toàn không có bốn điều ấy vậy sao lại làm Sa-môn?

Vua lại nói:

–Sở dĩ người tuổi già mới làm Sa-môn là vì người già tự nghĩ mình khí lực yếu kém, đứng ngồi khổ sở, không thể đi xa làm ăn để kiếm tiền của, nếu có tiền của cũng không thể giữ vững, do đó mới cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn. Tôi thấy Tôn giả không ở vào trường hợp này. Tôn giả đầu tóc đen nhánh, thân thể tròn đầy, vừa đang độ tuổi thanh niên, nên vui chơi, nhưng Tôn giả lại làm Sa-môn để cho cha mẹ của mình khóc than, buồn bã.

Hai là, người thân thể bị bệnh nặng, ốm yếu tự nghĩ: "Ta không thể mưu sinh để có tiền tài, nếu có tiền tài thì cũng không thể giữ vững được". Do đó họ cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn. Tôi thấy Tôn giả hoàn toàn không thuộc vào trường hợp vừa nêu, thân thể lại cường tráng.

Ba là có người cô độc một thân, không thể mưu sinh để có tiền tài, hoặc nếu có tiền tài thì cũng không giữ nổi, vì vậy mới làm Sa-môn. Tôi thấy Tôn giả cũng không phải như vậy. Trừ hàng vương tộc ra thì trong nước của ta không ai hơn Tôn giả về mặt này.

Bốn là người bần cùng đói lạnh, không thể tự nuôi sống được, kẻ ấy tự nghĩ: "Mình nghèo khổ quá, không thể mưu sinh nổi, do đó nên cạo bỏ râu tóc, làm Sa-môn để được của bố thí mà sinh sống". Tôi thấy Tôn giả hoàn toàn không có trường hợp này. Tôi thấy những kẻ giàu có trong nước không ai hơn gia đình Tôn giả. Người ta vì bốn sự khổ kể trên mới làm Sa-môn.

Vua hỏi tiếp:

–Thưa Tôn giả, vậy có trường hợp nào ngoài bốn trường hợp vừa kể khiến cho người ta làm Sa-môn chăng?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

–Đức Thế Tôn thường dạy tôi bốn việc phải biết rõ rồi đem chỉ dạy cho người khác. Trong tâm tôi hiểu đúng như lời Phật dạy nên cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, làm Sa-môn. Những gì là bốn?

Một là con người không ai tránh khỏi sự già, không ai có thể làm cho thân mình không già yếu.

Hai là không ai có thể tránh khỏi bệnh, thân mình không thể chết thay cho người khác được.

Ba là người chết ra đi một mình, không ai có thể mang tài sản theo được.

Bốn là con người cho đến chết vẫn không thể nhàm chán ái dục và của cải. Con người luôn làm nô lệ cho tài sản và ái dục.

Đức Phật đã dạy cho tôi bốn việc này, tâm tôi dốc tin điều ấy nên làm Sa-môn.

Vua nói:

–Tôn giả nói bốn việc này quá cô đọng, ý tôi không lãnh hội hết, xin Tôn giả nói rộng thêm cho tôi hiểu.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nay tôi xin hỏi nhà vua, xin vua cứ thành thật trả lời. Nhà vua từ

lúc hai mươi, ba mươi cho đến lúc bốn mươi tuổi, khí lực dồi dào, có tài bắn tên, cỡi voi, phi ngựa, chạy nhanh, lúc đó ngài tự cho mình là vô song, vậy nay có còn không?

Nhà vua nói:

–Đúng như lời Lại-tra-hòa-la nói từ lúc hai mươi, ba mươi cho đến bốn mươi tuổi, tôi tự thấy mình là vô song với các nghề bắn tên, cỡi voi, phi ngựa, chạy đua. Nay tôi tuổi đã lớn, khí lực suy kém đứng ngồi khó khăn, ý muốn thoát khỏi sự khổ ấy nhưng không thể thoát được.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Đức Phật giảng nói một việc ấy, tôi lãnh hội được ý nghĩa sâu xa nên cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn.

Nhà vua nói:

–Đức Phật dạy việc ấy thật là kỳ diệu, thật rất đúng, nó đã thâm nhập trong tâm tôi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la hỏi nhà vua:

–Ở trong nước có những hàng cận thần, trăm quan nhờ vua mà được sống đầy đủ phải chăng?

Nhà vua đáp:

–Đúng vậy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nhà vua có từng bị bệnh khổ nằm liệt giường không?

Nhà vua nói:

–Quả có như vậy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Lúc bị bệnh nằm liệt giường như thế, nhà vua có gọi kẻ cận thần, trăm quan đã nhờ vua mà được sống đầy đủ đến dạy rằng: "Nay ta bị bệnh nguy khốn, các ngươi hãy cùng nhau chia bệnh của ta ra, mỗi người lãnh một ít". Dù vua có nói như vậy thì họ có thể chia nhau nhận lãnh bệnh của vua được chăng?

Nhà vua đáp:

–Không thể được. Nếu thân ta bị bệnh thì phải tự chịu lấy chứ cận thần, trăm quan không thể thay thế được.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Đức Phật đã giảng dạy như vậy. Đó là việc thứ hai, tôi đã lãnh hội, vì thế mà làm Sa-môn.

Nhà vua nói:

–Thật là kỳ diệu đặc biệt, thật là hay, đúng! Điều ấy đã thâm nhập vào tâm tôi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la hỏi nhà vua:

–Khi thọ mạng của con người sắp hết thì phải chết, trong tâm rất buồn, tuy rất buồn nhưng không thể thoát khỏi cái chết.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói tiếp:

–Con người tự biết là sẽ chết, tại sao không trù tính việc đem các châu báu đến chỗ tái sanh?

Nhà vua nói:

–Không thể mang theo châu báu của cải đến chỗ mình sẽ tái sanh được. Tất cả đều phải từ bỏ chỉ ra đi một mình mà thôi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Đức Phật đã giảng dạy như vậy. Đó là việc thứ ba, tôi đã lãnh hội nên mới làm Sa-môn.

Nhà vua nói:

–Đức Phật dạy việc này thật là kỳ diệu đặc biệt, thật là đúng, nó đã thâm nhập vào tâm tôi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la hỏi vua:

–Đại vương, có phải trong nước của nhà vua được bình yên, dân chúng đông đúc, năm thứ lúa thóc hoa màu dồi dào không?

Nhà vua đáp:

–Quả đúng như vậy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nếu có người từ phương Đông đến, thành thật nói với vua, mà vua cũng tin lời người ấy, rằng tôi từ phương Đông tới, thấy có một nước lớn, nước ấy giàu có, dân chúng đông đúc, tôi biết con đường tắt xuyên qua nước đó, ngài có thể đem quân binh của mình đến chinh phạt để chiếm nước ấy. Nếu nhà vua nghe lời nói kia, có muốn sai người qua chiếm nước đó không?

Nhà vua đáp:

–Có chứ, vì tham lợi của nước ấy nên mới muốn chiếm cứ nước ấy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nếu lại có người từ phương Nam, phương Tây và phương Bắc đến, nói: "Có một nước...." như người từ phương Đông đã nói, vậy nhà vua có muốn chiếm nước ấy không?

Vua đáp:

–Có chứ! Vì tham cái lợi của nước ấy nên đem binh vào chiếm.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nếu lại có một người từ một vùng biển đi đến, thành thật nói với vua, mà vua cũng tin lời của người ấy: "Ở vùng biển kia có một nước lớn, trong nước ấy lúa thóc hoa màu dồi dào, dân chúng đông đúc, tôi biết con đường tắt xuyên qua nước đó, nhà vua có thể đem binh mã của mình đến để đánh chiếm nước ấy". Vua nghe lời tâu như thế thì có muốn sai người đem quân mã đến chiếm nước kia không?

Vua đáp:

–Có chứ, vì tham cái lợi của nước ấy nên muốn đánh chiếm.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Đức Phật thấy rõ việc này, biết con người khổ là do lòng tham, do không biết đủ. Đó là việc thứ tư tôi đã lãnh hội, vì vậy mà tôi làm Sa-môn. Đức Phật thấy rõ bốn sự việc ấy nên mới chỉ dạy con người phải biết ngăn chặn.

Nhà vua nói:

–Đức Phật giảng nói điều này thật vô cùng kỳ diệu đặc biệt, hết sức đúng, hay, nó đã thâm nhập vào tâm tôi.

Nhà vua nói tiếp:

–Đức Phật dự biết việc quá khứ, vị lai và hiện tại giỏi tới như vậy sao?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Nhà vua đã có nước của mình và nước nơi bốn phương mà vẫn chưa biết đủ, lại còn mong muốn chiếm cứ nước ở ngoài biển nữa. Đức Phật nhận thấy con người ở thế gian có tài sản quý giá đều lo giữ kỹ, không chịu bố thí cho người khác, tham lam bỏn sẻn cất giấu, lại còn mong cầu thêm. Từ vua chúa đến dân chúng đều không biết nhàm chán, biết đủ cho đến lúc chết vẫn không lìa bỏ ái dục. Nên bỏ lòng tham, vì lúc chết thì của cải, tài sản đều để lại, chỉ ra đi tay không, phải theo con đường thiện hay ác do chính người ấy tạo ra. Sự thiện hay ác đi theo con người như bóng theo hình. Con người sau khi chết, gia đình quyến thuộc khóc lóc thảm thiết, rồi lo khâm liệm chôn cất. Con người khi sanh ra một mình thì lúc chết cũng một mình. Tự thân tạo ra điều thiện ác thì chính thân phải lãnh chịu, không ai có thể thay thế được. Đồ ăn uống, vàng bạc, châu báu không thể làm cho người ta đạt đạo, tiền của không thể cứu mạng người thoát khỏi già chết. Sự suy nghĩ nhớ tưởng của con người đa đoan,

chính là do ái, lạc. Tâm ý con người luôn luôn thay đổi, không thể chuyên nhất.

Đức Phật dạy:

–Vì con người buông lung tâm ý cho nên phải gặp điều xấu dữ, tai họa, sợ hãi. Ví như dấy ý nghĩ khoét tường đục vách để ăn trộm, sau đó lấy được của cải của người khác. Thân đã làm điều ác, tự sập vào bẫy chết. Như người thế gian làm ác, sau khi chết bị đọa vào các nẻo địa ngục, súc sanh hay ngạ quỷ. Ví như cây cối sanh hoa lá, kết thành trái, có khi có hoa thì rụng, có khi có trái thì rụng, có khi trái lớn thì rụng, có khi trái chín thì rụng. Con người cũng như vậy, có lúc mới thọ thai liền chết, có lúc mới sanh liền chết, có khi tuổi thành niên bị chết, có khi tuổi già bị chết. Mạng người không thể biết được.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

–Do vậy mà tôi làm Sa-môn. Kẻ phàm phu gọi tôi là người không thể lo nổi việc nhà nên làm Sa-môn. Tuy có luận bàn đủ thứ cũng không bằng học đạo.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la giảng nói kinh pháp xong, nhà vua liền đạt được quả thứ nhất là đạo Tu-đà-hoàn, liền xin thọ năm giới:

Không sát sanh.

Không trộm cắp.

Không xâm phạm phụ nữ của người khác.

Không nói dối.

Không uống rượu.

Nhà vua thọ giới xong liền cung kính đảnh lễ rồi lui ra.

□

SỐ 69

PHẬT NÓI KINH HỘ QUỐC

Hán dịch: Đại sư Pháp Hiền (Đời Tống).

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại thành Câu-lư, du hóa tạo mọi lợi ích cho chúng sanh rồi dần dần đi đến thôn Đổ-la, cùng đông đủ chúng Đại Bí-sô tạm dừng lại ở đấy.

Bấy giờ, trong thôn này có các Bà-la-môn, Trưởng giả... cùng nhau bàn luận:

–Vị Đại Sa-môn Cù-đàm này đã bỏ ngôi vua, xuất gia hành đạo, quả đức tròn đầy tỏa sáng, danh tiếng đồn khắp, chính là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đối với các hàng Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, người và chẳng phải người nơi các cõi, nhờ hạnh nguyện của chính mình mà Ngài đã thành tựu quả vị Đẳng Chánh Giác, trải lòng từ bi, thuyết giảng chánh pháp, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, nghĩa lý sâu xa, thuần nhất không xen tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh viên mãn, đầy đủ sự tối tôn, tối thượng như vậy. Nếu chúng ta gặp Ngài sẽ cùng được nhiều điều lợi ích tốt đẹp. Vậy chúng ta hãy đến chỗ Phật để chiêm ngưỡng lễ bái, xưng tán.

Bàn luận xong, họ cùng nhau đến chúng hội của Phật. Đến nơi, người thì cung kính đảnh lễ, người thì chắp tay, còn số đông thì hết lời xưng tán. Số người đông đảo như vậy, khi đảnh lễ tán thán xong đều ngồi qua một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho mọi người nghe, khiến họ đều hân hoan, phát tâm Bồ-đề. Các vị Bà-la-môn, đại Trưởng giả... cũng vậy, sau khi phát tâm Bồ-đề, liền từ tòa ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Đức Phật, hết lời xưng tán, cung kính đảnh lễ rồi ra về.

Lúc ấy, trong hội có một đại Trưởng giả tên là Hộ Quốc, vì luyến

mộ Đức Phật nên không rời khỏi pháp hội và nghĩ như vầy: "Pháp ta được nghe, nếu có thể nương tựa thực hiện, chắc chắn sẽ thành Bậc Chánh Giác. Nếu ta ở gia đình thì cứ mãi bị cảnh luân hồi. Đức Phật ra đời thật khó gặp, nên tin tưởng, xuất gia để cầu giải thoát, vậy nay ta phải xa lìa mọi sự phóng dật, tinh tấn phát tâm, theo Phật xuất gia, dốc tu phạm hạnh, nguyện cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa".

Trưởng giả Hộ Quốc nghĩ như vậy rồi, liền từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến trước Đức Phật, đầu mặt lạy ngang chân Ngài, chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Con theo Đức Thế Tôn, được nghe chánh pháp, chán sự khổ trong cõi luân hồi, khởi tâm tin vui, nên nay xin Đức Phật cho phép con được xuất gia làm Sa-môn. Cúi mong Đức Thế Tôn chấp nhận.

Đức Phật nói:

–Này Hộ Quốc, Trưởng giả dốc lòng tin xuất gia, vậy cha mẹ của Trưởng giả đã cho phép chưa?

Hộ Quốc thưa:

–Thưa chưa, bạch Thế Tôn. Cha mẹ con không cho phép.

Đức Phật nói:

–Này Hộ Quốc, cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia.

Hộ Quốc lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tuy cha mẹ chưa cho phép nhưng con sẽ khẩn thiết cầu xin, thế nào cha mẹ cũng đồng ý.

Đức Phật bảo:

–Này Hộ Quốc, như điều mong ước của Trưởng giả, nay đã đúng lúc.

Bấy giờ Trưởng giả Hộ Quốc, vâng theo lời dạy của Đức Phật, cung kính đảnh lễ rồi lui ra, trở về nhà thưa với cha mẹ:

–Xin cha mẹ thương yêu, chấp nhận sự thỉnh nguyện của con: "Con ở nơi chúng hội của Phật, nghe Phật thuyết pháp, con đã lãnh hội, thấu hiểu liền phát khởi chánh tín, muốn được xuất gia". Cúi mong cha mẹ chấp nhận lời xin của con.

Cha mẹ của Hộ Quốc bảo:

–Con muốn xuất gia để mong được lợi ích gì? Lại nhằm chứng đắc điều gì mà cầu xuất gia? Nếu con muốn xuất gia hẳn không phải vì mục đích xin ăn để sống chứ? Con nên biết rằng, hiện nay tài sản, châu báu nơi gia đình của ta nhiều vô kể. Con chỉ cần sống tại gia, bỏ của cải ra

làm phước, tương lai sẽ được giàu có an lạc, cần gì phải xuất gia?

Cha mẹ của Hộ Quốc khéo dùng những lời như thế để khuyến dụ Hộ Quốc không nên xuất gia. Hộ Quốc lại thưa:

–Xin cha mẹ nên nghĩ: con đã nhàm chán cảnh sanh tử luân hồi, tự lìa bỏ sự vinh hoa nơi thế gian, chí mong cầu xuất gia học đạo. Cúi mong cha mẹ chấp thuận cho con.

Hộ Quốc đã thỉnh cầu cha mẹ đến hai, ba lần. Cha mẹ của Trưởng giả lại bảo:

–Con đã quyết tâm, dốc cầu xuất gia, đừng lấy việc đi xin ăn để sinh sống. Tài sản vàng bạc, châu báu của nhà ta nhiều vô số kể. Con chỉ nên ở nhà bố thí làm phước, hưởng thọ phú quý, cần gì phải xuất gia!

Cha mẹ của Hộ Quốc cũng hai, ba lần khuyên bảo như vậy. Trưởng giả Hộ Quốc lại thưa:

–Nếu cha mẹ không cho phép, kể từ ngày hôm nay trở đi, con thề sẽ không ăn uống cho đến chết.

Thệ nguyện như thế rồi, Trưởng giả Hộ Quốc bèn liền không ăn uống gì cả. Bấy giờ các bạn hữu tri thức của Hộ Quốc nghe tin ấy liền cùng nhau đến nhà cha mẹ của Trưởng giả Hộ Quốc. Họ nói:

–Thưa ông chủ Trưởng giả, chúng tôi đều nghe con trai của hai bác là Hộ Quốc ưa thích xuất gia, tuy anh ta hết lòng cầu xin nhưng hai bác vẫn không đồng ý. Chúng tôi biết con của hai bác đang hưởng thọ mọi sự giàu sang, sung sướng, bỗng dưng quyết tâm cầu đạo. Nay nếu hai bác không chấp thuận, anh ta sẽ bị đau khổ, có thể dẫn đến mạng chung, khiến hai bác phải bị cái khổ ái biệt ly. Do đó hai bác nên cho phép anh ta tùy ý xuất gia.

Bấy giờ cha của Hộ Quốc thấy các bạn tri thức của con mình hết lời xin giúp nên đồng ý cho Hộ Quốc xuất gia. Các bạn nghe nói như thế, liền đến chỗ Hộ Quốc, bảo:

–Này Hộ Quốc, anh nên biết, nay cha mẹ của anh đã chấp thuận cho anh xuất gia rồi đấy.

Hộ Quốc biết tin vui ấy nên vô cùng hoan hỷ vội đến trước cha mẹ mình bái lạy, từ biệt ra đi, trở lại chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ rồi chắp tay đứng qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nay cha mẹ con đã đồng ý cho con xuất gia. Cúi mong Đức Phật từ bi rủ lòng thương xót chấp thuận cho con được làm Bí-sô.

Đức Thế Tôn bảo Hộ Quốc:

–Lành thay! Lành thay! Nay đã đúng lúc thu nhận cho Trưởng giả.

Lúc ấy Hộ Quốc râu tóc tự rụng, thân mặc ca-sa, thành tướng Bí-sô, tu trì phạm hạnh, trừ bỏ mọi sự buông lung, lìa các ưu não, tự tâm điều phục, nhu hòa thuận hợp, chứng pháp thanh tịnh, biết: sự sanh của ta đã hết, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Bấy giờ Tôn giả Hộ Quốc đã dứt sạch hết các lậu, y chỉ với Đức Phật trong mười hạ. Sau khi đã đủ mười hạ, Tôn giả liền đắp y, mang bát, đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài, chắp tay đứng qua một bên rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn, con vốn sanh sống ở làng xóm Đổ-la, đã xả bỏ gia đình thân quyến, chí tín xuất gia, nay con muốn trở về quê cũ để thăm thân bằng quyến thuộc. Cúi mong Đức Thế Tôn cho phép.

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết rõ những ước muốn trong tâm của Tôn giả Hộ Quốc, lại quán biết tâm chí của Tôn giả chỉ nhằm đem lại lợi ích cho tất cả, huống chi Tôn giả ngày còn ở nhà thường lìa các dục. Ngài quán thấy như vậy rồi liền bảo:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, nay đã đúng lúc, nên làm theo ý của mình.

Tôn giả Hộ Quốc vâng lời Phật dạy, vô cùng phấn khởi, nhiễu quanh chỗ Đức Phật ba vòng, cung kính đảnh lễ, rồi giã từ ra về.

Tôn giả trở về quê cũ, lần lượt đi qua nhiều nơi, rồi tới làng của mình, tạm nghỉ qua đêm. Vào lúc trời hừng sáng, Tôn giả Hộ Quốc đắp y ôm bát, thứ lớp khất thực, đi đến trước nhà mình, thấy một cô gái đang đứng ngoài cửa, mang cái giỏ đựng đầy thức ăn, muốn đem đi đổ. Tôn giả thấy vậy liền bảo cô gái ấy:

–Cô không biết xấu hổ, chớ phí bỏ thức ăn như thế, sao bằng đổ chúng vào trong bát của ta thì sẽ được lợi ích.

Khi ấy cô gái nghe Tôn giả nói như vậy, sanh tâm kính trọng, liền đổ thức ăn vào trong bình bát. Tôn giả nhận xong, đi đến bên một gốc cây lớn, trải tọa cụ ngồi, sắp thọ thực.

Lúc đó cô gái kia suy nghĩ: "Đây chính là Tôn giả Hộ Quốc, con trai của chủ ta". Nàng nghĩ như vậy rồi vội đi đến chỗ ông chủ, thưa:

–Vừa rồi, ở ngoài cửa, tôi thấy con trai của ông chủ ôm bát đi khất thực, đến bên một gốc cây lớn trải tọa cụ ngồi, sắp thọ thực.

Vị Trưởng giả nghe nói thế thì trong lòng hết sức vui mừng, liền hỏi

người nữ kia:

–Như lời ngươi nói, việc ấy có đúng thật chăng?

Người nữ đáp:

–Việc này quả đúng như vậy.

Ông Trưởng giả bèn chạy nhanh ra khỏi nhà, đến cạnh gốc cây lớn, thấy đúng là Tôn giả Hộ Quốc đang ở đó, sắp sửa thọ thực, liền bảo:

–Con của ta là Hộ Quốc, lìa bỏ gia đình làm khách chu du xứ người, du hành như vậy, nay đến thôn mình, lại chẳng chịu vào nhà, là nghĩa làm sao?

Tôn giả Hộ Quốc liền đáp:

–Pháp Sa-môn của con, nghi thức là như vậy, vào nhà người khác là không nên.

Lúc ấy ông Trưởng giả liền nắm tay đưa Tôn giả Hộ Quốc vào nhà, trải tọa cụ mời ngồi. Bấy giờ mẹ của Tôn giả vội đi đến trước con, thăm hỏi an ủi con đến hai, ba lần cho vơi nỗi thương nhớ. Bà bảo Tôn giả Hộ Quốc:

–Này con của mẹ, tại sao con lại quyết chí xuất gia? Con xuất gia bao lâu rồi, hiện có được lợi ích gì và đã đạt được những gì? Hay là cũng đi xin ăn để sinh sống? Vì vậy nay con đừng xuất gia nữa, cứ ở nhà đem của cải bố thí làm phước, để được giàu sang sung sướng ở kiếp sau.

Người mẹ bày ra các phương tiện nhằm giữ con mình ở lại nhà, không muốn xa lìa. Bà lấy vàng bạc, và vô số các thứ châu báu đặt chất đầy trước mặt Tôn giả, bảo con:

–Con của mẹ nên biết, mẹ có rất nhiều vàng bạc, châu báu. Nay mẹ đem cho con hết, chưa kể tài sản của cha con thì còn nhiều vô số. Như thế thì cần gì phải đi xuất gia, con cứ ở nhà bỏ tiền của ra làm phước để được hưởng sang giàu sung sướng ở kiếp sau.

Tôn giả thưa với mẹ:

–Mẹ nên biết, các thứ vàng bạc, châu báu ấy là nguồn gốc của mọi lỗi lầm. Nên dùng xe chở hoặc gánh chúng đem đổ giữa dòng sông.

Tôn giả lại thưa mẹ:

–Mẹ của con nên hiểu rằng, tài sản, của cải, châu báu tạo ra lòng tham luyến, từ đó làm nguyên nhân sanh ra các điều lỗi lầm, dẫn đến mọi thứ hoạn nạn. Đó là các nạn về nước, lửa, vua, giặc cướp và con cái xấu ác, sanh ra vô số các thứ hư hoại khổ đau. Nếu hiểu rõ được nguyên nhân của sự khổ, mẹ sẽ thoát khổ.

Mẹ của Tôn giả Hộ Quốc luôn quyến luyến con không muốn rời ra. Bà lại suy nghĩ tìm cách khác: "Lúc con trai mình còn ở nhà đã có người vợ. Hãy bảo cô ấy trang điểm, mặc y phục đẹp, mang đeo các thứ ngọc báu, đi đến chỗ Hộ Quốc chắc có thể làm vui lòng con mình". Nghĩ như vậy rồi, bà liền tìm đến chỗ người vợ cũ của Tôn giả, nói:

–Chồng của con là Hộ Quốc, lúc còn ở nhà đã ưa thích các thứ châu báu, chuỗi báu nào, vậy nay con hãy trang điểm, mặc y phục đẹp, mang đủ các thứ ấy đi đến chỗ Hộ Quốc để làm vui lòng chàng.

Người vợ của Hộ Quốc vâng lời mẹ chồng, lo trang điểm, mặc y phục đẹp đẽ, mang đủ các thứ châu báu, rồi đến chỗ Hộ Quốc, thưa:

–Này người con của Trưởng giả, ý chàng thế nào mà thọ trì phạm hạnh, không phải là nhằm mong cầu thiên nữ nào chăng?.

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Chẳng phải vậy. Này bà chị, tôi thọ trì phạm hạnh là để cầu đạt được đạo quả, chứ không phải theo như lời bà chị nói.

Vợ của Hộ Quốc nghe Tôn giả gọi mình bằng "chị", liền đổi sắc mặt, cảm thấy xấu hổ nên lui ra. Tôn giả Hộ Quốc suy nghĩ: "Sắp đến giờ ăn rồi", liền thưa với cha mình:

–Trưởng giả có thức ăn gì để thí cho tôi không?

Khi ấy cha mẹ của Tôn giả đích thân mang đủ các món ăn, thức uống thượng vị, dâng cúng cho Tôn giả.

Tôn giả Hộ Quốc ăn uống xong, rửa bát xếp y, trải tòa ngồi, rồi Tôn giả thuyết giảng chánh pháp cho cha mẹ nghe, khiến cho ông bà khởi tâm hoan hỷ hướng đến đạo Bồ-đề. Tôn giả lại dùng thần thông đứng nơi hư không, thuyết kệ:

Xem sắc thân tô điểm
Dùng các báu trang sức
Kẻ ngu mê tham đắm
Người trí thường xa lìa
Tham dục như dây tơ
Hay trói buộc cõi đời
Kẻ ngu bị mê hoặc
Người trí thường xa lánh.

Tôn giả nói kệ xong, từ hư không đi xuống, trở lại bên gốc đại thọ, điềm tĩnh đứng yên.

Bấy giờ có một vị vua tên là Câu-lư, đang cưỡi ngựa du ngoạn vùng

ngoài thành, đến gần bên thôn Đổ-La. Quan hầu tâu với vua:

–Tâu Đại vương, trong thôn này có một người con trai của Trưởng giả tên là Hộ Quốc, quyến thuộc đông đúc, của cải châu báu vô lượng, nhưng đã lìa bỏ tất cả để xuất gia học đạo.

Nghe lời tâu ấy, nhà vua bèn hỏi những người trong thôn:

–Này các khanh, ở đây có người con trai của Trưởng giả tên là Hộ Quốc, đã lìa bỏ thân bằng quyến thuộc để xuất gia học đạo, việc này là thật chăng?

Các người dân trong thôn liền tâu với vua:

–Đại vương nên biết, điều ấy đúng là sự thật. Tôn giả Hộ Quốc đang ở bên một gốc đại thọ trong thôn của chúng thần, thường thọ trì phạm hạnh. Tất cả nhân dân chúng trong thôn đều hay lui tới để cúng dường.

Nhà vua nghe lời tâu rồi, liền đi vào trong thôn đó, đến bên gốc đại thọ, nơi Tôn giả Hộ Quốc đang dừng nghỉ. Tôn giả Hộ Quốc từ xa trông thấy vua Câu-lư đang đi nhanh đến chỗ mình, liền từ tòa đứng dậy, đi tới trước mặt vua, tâu:

–Thật là hân hạnh, Đại vương đã đến! Đây là vùng đất của nhà vua đang cai trị. Nay xin thỉnh Đại vương đến cạnh gốc cây và ngồi lên tòa của tôi.

Nhà vua đáp:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, ý của ta là như vậy, muốn đến chỗ của Tôn giả, ngồi lên tòa của Tôn giả.

Tôn giả Hộ Quốc lại thưa:

–Vì ý của Đại vương như vậy nên tôi mới mời ngài.

Bấy giờ nhà vua cùng với Tôn giả đến bên gốc đại thọ, ngồi xuống tòa. Đại vương nói với Tôn giả Hộ Quốc:

–Có bốn pháp, do bốn pháp này nên người ta mới cầu xuất gia. Bốn pháp đó là:

Biết về thân thuộc.

Biết về phú quý.

Biết về bệnh.

Biết về già.

Thế nào là biết về thân thuộc? Đó là: nếu một người có bà con thân thuộc đông đúc, bỗng nhiên bị ly tán, mất hết, người ấy suy nghĩ: "Quyến thuộc, bằng hữu tri thức của ta đều đã ly tán, mất hết, chỉ còn mình ta cô độc, vậy ta nên xuất gia". Vì người ấy biết mình không còn quyến thuộc

nữa, nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc có quyến thuộc đông đủ, chẳng phải là người cô độc, không rõ vì lẽ gì mà lại xuất gia?

Lại nữa, sao gọi là biết về phú quý? Đó là như người trước đây có nhiều tiền bạc, châu báu, là hạng giàu có lớn, nhưng sau đó bị khánh tận, trở thành kẻ nghèo khổ sống lây lất. Do vì bần cùng nên người ấy suy nghĩ: "Nay vì bần cùng, khốn khó nên ta phải xuất gia". Vì người ấy biết mình bần cùng nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc của cải châu báu vô lượng, đâu phải là hạng bần cùng, khốn khó không rõ vì lẽ gì mà lại xuất gia?

Lại nữa, sao gọi là biết về bệnh khổ? Đó là như có người bị bệnh lâu năm, nằm liệt giường không thể cứu chữa, mới suy nghĩ: "Bệnh tật của ta thật nặng, hết sức đau khổ, nay ta phải cầu xuất gia". Người ấy vì biết rõ bệnh khổ nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc ít bệnh, ít não, cũng không ưu sầu khổ đau, không rõ vì lẽ gì mà lại xuất gia?

Lại nữa, sao gọi là biết về già yếu? Đó là như có người tuổi già suy nhược nên mới suy nghĩ: "Nay ta già nua, đối với sự giàu sang sung sướng cũng chẳng ích lợi gì, nên nay ta cầu xuất gia". Vì người ấy biết rõ sự già nua không kham nổi sự việc nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc đang tuổi tráng niên, khỏe mạnh, chưa hưởng thọ các thú vui, tôi không rõ tại sao lại đi xuất gia?

Tôn giả Hộ Quốc nên biết, vì bốn pháp như vậy mới khiến cho người ta xuất gia. Nay tôi lại hỏi Tôn giả Hộ Quốc:

–Tôn giả vì nhận thức, hiểu biết thế nào mà đi xuất gia?

Tôn giả Hộ Quốc đáp lời vua:

–Đại vương nên biết, vì có bốn thứ pháp nên tôi mới cầu xuất gia. Những gì là bốn? Đó là già yếu, bệnh tật, ái dục và chết chóc. Con người luôn bị biến hoại không trường tồn nên gọi là già, bị bệnh khổ không thể điều trị được nên gọi là bệnh, không biết nhàm chán, biết đủ nên gọi là ái, phải bỏ lại tất cả các đối tượng nên gọi là chết. Bốn pháp như vậy, Đức Phật Thế Tôn của tôi đã khéo biết, khéo thấy, tôi cũng theo Đức Phật, đích thân thấy, đích thân nghe, chấp nhận những việc ấy là đúng nên phát đại tín tâm mà xuất gia.

Nhà vua nói:

–Tôn giả, vừa nói một cách tóm tắt nên tôi chưa lãnh hội kịp. Cúi mong Tôn giả hãy vì tôi giảng nói một cách rộng rãi để tôi được khai mở hiểu rõ.

Tôn giả Hộ Quốc nghe vua nói như thế, liền tâu:

–Này Đại vương, như vậy thật là hay, theo ý nguyện của Đại vương tôi sẽ giảng diễn.

Nhà vua hỏi:

–Này Tôn giả, vì biến hoại nhanh chóng nên già là nghĩa thế nào?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Này Đại vương, theo ý ngài thì thế nào? Như một người từ hai mươi, ba mươi cho đến lúc bốn mươi tuổi thì hình sắc, sức lực, cử động, tới lui của người ấy như thế nào?

Nhà vua nói:

–Này Tôn giả, lúc con người còn trẻ từ hai mươi đến bốn mươi tuổi, hình sắc sung mãn, sức lực cường tráng, mạnh khỏe, tới lui nhanh nhẹn, các việc làm của mình tự cho là không ai bằng. Đến lúc tuổi tác già nua, xế chiều thì không còn khả năng, hình sắc đã đổi khác, thân lực suy nhược, đi đứng chậm chạp.

Tôn giả Hộ Quốc nói:

–Như lời vua nói, đó chính là tướng già nua biến hoại ở thế gian. Đại vương nên biết, đó là pháp thứ nhất mà Đức Phật của tôi đã chỉ dạy. Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn đã khéo biết rõ, khéo giảng nói pháp này, tôi đã lãnh hội chánh pháp ấy nên yêu thích, dốc lòng mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua nói:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều này tôi cũng vui mừng vì gặp được chánh pháp, yêu thích, dốc lòng mong cầu.

Nhà vua lại hỏi:

–Thưa Tôn giả Hộ Quốc, thế nào là bị bệnh khổ không thể chữa trị gọi là tướng của bệnh?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Như người có tài sản của cải châu báu rất nhiều, thân thuộc đông đúc, ý của vua thế nào, người đó bị bệnh nằm liệt giường chịu lấy các thứ khổ não, thân thuộc và những người theo hầu giúp việc có thể thay thế sự khổ não cho người ấy được chăng?

Nhà vua nói:

–Không thể được! Này Tôn giả Hộ Quốc, nếu con người bị bệnh nằm liệt giường thì riêng người ấy phải thọ lãnh các sự khổ, không ai có thể thay thế, cũng không ai có thể cứu được.

Tôn giả Hộ Quốc nói:

–Như lời vua vừa nói, không ai có thể thay thế, không ai có thể cứu được, đó là tướng của bệnh. Đây là pháp thứ hai mà Đức Phật của tôi đã chỉ dạy. Vả lại, Đức Phật Thế Tôn đã khéo biết rõ, khéo giảng nói pháp này. Tôi đã lãnh hội chánh pháp ấy nên ưa thích, dốc lòng mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua thưa:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều đó tôi cũng rất vui mừng vì gặp được chánh pháp, nên ưa thích dốc lòng mong cầu.

Nhà vua lại hỏi:

–Thưa Tôn giả, thế nào là không có nhàm chán, biết đủ, gọi là Ái?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Này Đại vương, ý của nhà vua thế nào? Vua là người thống lãnh một quốc gia, mọi thứ đất đai, thành ấp, thôn xóm, cho đến dân chúng sinh sống ở các miền trong nước đều dưới quyền cai trị của nhà vua. Vậy nhà vua là bậc giàu sang phú quý hơn người chăng?

Vua đáp:

–Này Tôn giả, đúng vậy, đúng như vậy!

Tôn giả lại nói:

–Này Đại vương, đại vương đã thống lĩnh đất đai, thôn xóm dân chúng trong nước, giàu sang như vậy, giả sử có người vượt qua biển đến thưa với Đại vương: "Tôi thấy nước kia có thành ấp rộng lớn, dân chúng đông đúc, vàng bạc, châu báu, các vật quý lạ cũng như voi, ngựa, quân binh hằng hà sa số". Này Đại vương, khi nghe lời ấy, ý ngài thế nào?

Vua đáp:

–Này Tôn giả, khi tôi nghe như thế rồi, nếu không đích thân đến được thì tôi cũng sai tướng đến đánh chiếm nước ấy, chở tất cả các thứ châu báu, vật quý đem về chất đầy kho tàng của tôi.

Tôn giả Hộ Quốc nói:

–Này Đại vương, sự không nhàm chán biết đủ ấy gọi là Ái. Đó là pháp thứ ba mà Đức Phật đã giảng nói. Vả lại, Đức Phật Thế Tôn đã khéo biết rõ, giảng khéo nói pháp này. Tôi cũng do lãnh hội được chánh pháp ấy nên ưa thích, mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua thưa:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều đó tôi cũng rất vui mừng vì gặp được chánh pháp, nên ưa thích, chí tâm mong cầu.

Nhà vua lại hỏi:

–Thưa Tôn giả, thế nào là rời bỏ đối tượng gọi là chết?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Này Đại vương, ý ngài thế nào? Như người giàu sang phú quý bậc nhất có nhiều vàng bạc châu báu, người ấy khi bỏ cõi này sanh về cõi khác, thì tất cả những châu báu ấy có thể mang theo được chăng?

Vua nói:

–Không thể được.

Tôn giả lại nói:

–Này Đại vương, đối với con người sống trong đời này mà phải bỏ lại các đối tượng thân yêu để sanh vào đời khác, gọi là chết. Đó là pháp thứ tư mà Đức Phật đã giảng nói. Đức Phật đã khéo hiểu rõ, khéo giảng nói pháp này. Tôi cũng do lãnh hội chánh pháp ấy nên ưa thích, mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua nói:

–Thưa Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều đó tôi cũng rất vui mừng vì gặp được chánh pháp, nên ưa thích, chí tâm mong cầu.

Bấy giờ Tôn giả Hộ Quốc lại nói với nhà vua:

–Đối với những ý nghĩa vừa nêu, tôi xin được lặp lại bằng kệ, vậy ngài hãy lắng nghe.

Nhà vua thưa:

–Rất tốt, tôi mong được nghe.

Tôn giả Hộ Quốc liền nói kệ:

Ta thấy người thế gian
Tham ái mà cất chứa
Vì của nên bị nạn
Càng tăng thêm các dục
Nhà vua chủ đất đai
Rộng lớn đến tận biển
Như vậy chưa biết đủ
Lại muốn chiếm nước người
Các chúng sanh thế gian
Do tham ái mà chết
Thương khóc thật não nùng
Than ôi chết nhanh quá!
Như người chứa của báu
Lại bị lửa đốt thiêu

Chúng sanh cũng theo nghiệp
Đã tạo phải thọ báo
Giàu có không sống mãi
Cũng không thoát già nua
Giàu nghèo đều phải chết
Già trẻ cũng vô thường
Bệnh đâu chừa kẻ mạnh
Cũng chẳng tránh trẻ già
Đều do lòng tham ái
Nên phải bị vô thường
Ví như người trộm cắp
Trở lại tự tổn hại
Thấy thế gian như vậy
Tự tạo các nhân ác
Như quả chín tự rụng
Già, trẻ chết cũng thế
Ý vui thích tạo nghiệp
Phải thọ báo khổ não
Lúc người ngu thế gian
Tạo nghiệp không tự biết
Hoặc sanh ở đời sau
Do yêu ghét bị khổ
Mạng chung trong bào thai
Ai có thể cứu được?
Giả sử, có thân bằng
Mạng chung ai cứu được?
Dục hủy hoại, trói buộc
Sanh khổ thêm sợ hãi
Thấy pháp huyễn thế gian
Cho nên tôi xuất gia.

Đại vương Câu lưu nghe Tôn giả Hộ Quốc nói kệ xong, thì hoan hỷ tin nhận, bèn thưa:

–Tôn giả Hộ Quốc là người tu tập đạt được giải thoát, cho nên nay tôi xin quy y với Tôn giả.

Tôn giả Hộ Quốc bảo:

–Đại vương chớ có quy y với tôi. Bậc mà tôi quy y là Phật Thế Tôn, Pháp, và Tăng chúng. Vua cũng nên quy y như thế.

Vua thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nay tôi xin quy y Phật, Pháp và Tăng chúng, suốt đời thọ trì giới Ưu-bà-tắc.

Đại vương Câu-lưu phát lời nguyện xong, cung kính đảnh lễ Tôn giả Hộ Quốc rồi trở về cung.

□

SỐ 70

PHẬT NÓI KINH SỐ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở Đông viên, nơi giảng đường Lộc tử mẫu, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Bà-la-môn toán số, sau bữa trưa thong dong tản bộ đi tới chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi thì chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn bạch Đức Thế Tôn:

–Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép tôi mới dám hỏi.

Đức Thế Tôn nói:

–Ông cứ hỏi, này Bà-la-môn, theo ý của ông thích.

Bà-la-môn Toán số thưa:

–Thưa Cù-đàm, giảng đường Lộc tử mẫu này được xây cất theo thứ lớp và thành tựu theo thứ lớp. Này Cù-đàm, cầu thang trong giảng đường ấy bắt đầu lên một bậc, như vậy rồi đến hai, ba, bốn bậc. Này Cù-đàm, như vậy giảng đường Lộc tử mẫu lần lượt theo thứ tự đi lên. Này Cù-đàm, người điều phục voi cũng lần lượt dạy dỗ và con voi cũng theo thứ tự được chỉ dạy. Nghĩa là tay cầm móc câu mà dạy. Này Cù-đàm, người cưỡi ngựa cũng theo thứ lớp dạy dỗ và (con ngựa theo) thứ lớp được chỉ dạy, nghĩa là do dây cương điều khiển. Này Cù-đàm, dòng Sát-lợi cũng lần lượt dạy dỗ và lần lượt học tập, nghĩa là cầm cung tên. Này Cù-đàm, dòng Bà-la-môn cũng theo thứ lớp dạy dỗ, thứ lớp học tập, nghĩa là học thơ ca, văn chương. Này Cù-đàm, chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh. Nếu có đệ tử học toán số, đó là các trẻ em, bắt đầu được dạy từng con số một, rồi hai, rồi ba, rồi mười, một trăm, hoặc tăng lên thật nhiều. Như vậy, này Cù-đàm, chúng tôi học toán số, nhờ toán số để mưu sinh, theo thứ lớp dạy, theo thứ lớp học. Đó là học toán số. Sa-môn Cù-đàm, đối với giới pháp của Ngài được dạy như thế nào, được học như thế nào

để có thể biết được sự thành tựu?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Toán số Mục-kiền-liên, nếu nói như vậy là nói về tính chất thứ lớp chăng? Đó là thứ lớp truyền dạy, thứ lớp học tập, giữ giới, tu tập? Này Mục-kiền-liên, nếu nói như vậy là tính chất thứ lớp thì đó chính là giới pháp của Ta. Vì sao? Này Mục-kiền-liên, vì đối với giới pháp của Ta luôn có sự dạy bảo theo thứ lớp, hành giới theo thứ lớp, tu học theo thứ lớp. Này Mục-kiền-liên, đó là đối với Tỳ-kheo mới học đạo không lâu, đến với pháp luật này cũng chưa từng được nghe Như Lai giảng dạy. Ta sẽ dạy: "Này Tỳ-kheo, với thân phải làm những việc trong sạch, miệng và ý phải làm những việc trong sạch". Này Toán số Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo thân, miệng, ý đã thực hành những việc trong sạch, Đức Như Lai Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy thêm: "Này Tỳ-kheo, phải quán nội thân và quán hoạt động: đi, đứng của thân; cho đến quán các hành khởi, diệt của thống (thọ), ý (tâm) và pháp".

Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo đã quán nội thân và thân hành đi, đứng… của thân cho đến quán các tư hành khởi, diệt của thống (thọ), ý (tâm) và pháp rồi, Đức Như Lai Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy thêm: "Này Tỳ-kheo, hãy phòng hộ các căn, tự giữ gìn ý niệm, đều tự hành tinh tấn. Nếu mắt thấy sắc, đừng chấp giữ tưởng về sắc, đừng chấp giữ tưởng khác. Nghĩa là do nhân duyên tăng thượng nên giữ gìn nhãn căn, tâm ý sẽ không bị sỉ nhục, tham đắm, lo lắng, không tạo pháp ác bất thiện; ở trong đó học hỏi giữ gìn nhãn căn. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn, thân ý biết pháp, đừng chấp thọ tưởng, đừng chấp thọ tưởng khác. Do nhân duyên tăng thượng ấy nên ý căn không bị sỉ nhục, tham đắm và lo lắng, không có pháp bất thiện, không trụ trong ý, vị ấy ở trong đó học hỏi tự giữ gìn ý căn".

Này Toán số Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo đầy đủ các căn, tự giữ gìn tâm ý, ý không nhiễm, giữ gìn ý, nên ý và niệm đều tinh tấn. Khi mắt thấy sắc cũng không chấp giữ tưởng, không chấp giữ tưởng khác. Do duyên tăng thượng ấy nên nhãn căn được đầy đủ, không bị sỉ nhục, tham vướng, lo lắng, không ở trong pháp ác bất thiện. Vị ấy đã học hỏi cách tự giữ gìn nhãn căn. Cũng vậy đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý biết pháp, cũng không chấp thọ tưởng, cho đến vị ấy đã ở trong đó học cách tự phòng hộ ý căn. Đức Như Lai, Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy tiếp: "Này Tỳ-kheo, hãy hành quán các lỗi lầm đã qua, hãy quán biết lúc co tay lúc duỗi tay, đắp y

Tăng-già-lê, ôm bát; lúc đi, lúc đứng, lúc ngồi, hoặc ngủ hoặc thức, hoặc nói hoặc im, thảy đều biết rõ".

Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo đối với các lỗi lầm đã qua, đã hành quán một cách thích hợp rồi thì Đức Như Lai, Bậc Điều Ngự Vô Thượng lại dạy thêm: "Này Tỳ-kheo, khi biết rõ về giường nằm rồi mới thọ dụng, hoặc ở nơi vắng vẻ, hoặc ở bên gốc cây, chỗ trống không vắng vẻ, ở trong núi, động đá, ngồi trên tòa cỏ giữa trời, giữa rừng, giữa vùng gò mả. Vị ấy hoặc ở nơi vắng vẻ, hãy trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện, giữ vững niệm ở trước mặt, đoạn trừ tham lam ganh ghét, ý không sân hận; đừng thấy tài vật của người khác mà sanh lòng tham, nghĩa là mong vật của người khác trở thành của mình, hãy trừ sạch ý tham ấy. Cũng vậy, đối với sân hận, biếng trễ ưa ngủ nghỉ, hồ thẹn, trừ nghi, tham, lìa tà, lìa nghi, lìa các pháp do dự, hãy dứt sạch ý nghi. Người ấy đoạn trừ năm thứ che lấp, trói buộc, và ý tham đắm, cùng trí tuệ yếu kém, đã giải thoát dâm, cho đến an trụ nơi Tứ thiền".

Như vậy, này Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo đã giải thoát dâm cho đến an trụ nơi tứ thiền, thì này Mục-kiền-liên, Đức Như Lai đã vì khiến cho Tỳ-kheo mới tu học đạt được nhiều lợi ích, nghĩa là Ngài chỉ dạy việc học, chỉ dạy việc hành trì. Này Mục-kiền-liên, nếu đối với các Tỳ-kheo tôn túc trưởng thượng mà các vua đều biết, không hề biếng trễ, luôn thực hành phạm hạnh, Đức Như Lai, Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy rằng: "Nên thành tựu rốt ráo, diệt sạch hữu lậu".

Toán số Mục-kiền-liên thưa:

–Này Sa-môn Cù-đàm, đối với tất cả đệ tử mà Ngài đã chỉ dạy như vậy, phải học hỏi như vậy, tất cả đều đạt được cứu cánh, đạt được Niết-bàn chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Mục-kiền-liên, không phải nhất định đều đạt được. Hoặc có người không đạt được, hoặc có người đạt được.

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi:

–Này Cù-đàm, do nhân gì duyên gì nói rằng có Niết-bàn, và cầu Niết-bàn? Sa-môn Cù-đàm hiện tại là Bậc Đạo sư. Vì sao có Tỳ-kheo được dạy dỗ như vậy, được học tập như vậy, mà có người đạt cứu cánh Niết-bàn, nhưng người khác thì không đạt?

Đức Thế Tôn nói:

–Do đó, này Mục-kiền-liên, nay Ta lại hỏi ông. Ông hãy tùy theo sự

hiểu biết mà trả lời. Này Mục-kiền-liên, ý ông nghĩ sao? Ông có biết rõ con đường về La-duyệt-kỳ chăng?

Thưa rằng:

–Thưa vâng, Cù-đàm, tôi biết rõ con đường về La-duyệt-kỳ.

Đức Thế Tôn nói:

–Nếu có một người muốn đến La-duyệt-kỳ để xin yết kiến nhà vua, kẻ ấy đến chỗ của ông nói rằng: "Này Bà-la-môn Mục-kiền-liên, người biết rõ toán số, biết con đường đi đến La-duyệt-kỳ, tôi muốn hỏi đường đến La-duyệt-kỳ để xin vào yết kiến vua". Ông sẽ nói với người ấy rằng: "Ngươi nên theo con đường chánh này mà đi, sẽ đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến chỗ kia. Lần lượt như thế sẽ đến thành La-duyệt-kỳ. Ở thành La-duyệt-kỳ có những khu vườn tươi đẹp, rừng cây xanh tốt, đất bằng phẳng, ao tắm xinh xắn, nước sông chảy dài mát lạnh, an ổn thích thú. Hãy biết như vậy, hãy thấy như vậy". Người ấy, sau khi nghe người chỉ dẫn tường tận rồi, theo lời chỉ dẫn đó, theo con đường kia đi thẳng, kẻ ấy đi thẳng rồi lại đi theo một con đường trái ngược. Cho nên đối với những khu vườn xinh đẹp cho đến sự an ổn vui thích của thành La-duyệt-kỳ, kẻ ấy cũng chẳng biết, kẻ ấy cũng chẳng thấy.

Lại có người khác có việc muốn đến La-duyệt-kỳ để yết kiến vua. Kẻ ấy đến chỗ ông hỏi rằng: "Này Bà-la-môn Mục-kiền-liên, ông biết rõ toán số, hãy chỉ cho tôi con đường đến La-duyệt-kỳ, tôi muốn đến La-duyệt-kỳ, xin ông chỉ đường cho tôi". Ông sẽ nói rằng: "Ngươi theo con đường thẳng này mà đến, đi thẳng đến một thôn, đến thôn ấy rồi đi tới chỗ đó". Người kia theo thứ lớp như vậy đến được La-duyệt-kỳ. Ở La-duyệt-kỳ có vườn cây xinh đẹp cho đến được an ổn vui thích. Người ấy biết như vậy, thấy như vậy.

Này Mục-kiền-liên, do nhân gì duyên gì trong khi có thành La-duyệt-kỳ, có con đường đi đến thành La-duyệt-kỳ, và có ông là người chỉ đường, nhưng người thứ nhất nghe lời người chỉ dẫn, lại không làm đúng, theo con đường lầm lạc rồi trở lui? Cho nên những khu vườn, đất bằng phẳng cho đến được an ổn vui thích ở La-duyệt-kỳ, tất cả cảnh vật kia người ấy đều không biết, không thấy gì cả. Còn người thứ hai nghe theo lời dạy, vâng theo sự hướng dẫn, đi đúng đường, lần lượt đi đến thành La-duyệt-kỳ. Cho nên các cảnh vật ở La-duyệt-kỳ, khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng... cho đến được an ổn vui thích, người ấy biết hết và thấy hết.

Toán số Mục-kiền-liên đáp:

–Này Cù-đàm, tôi làm sao biết được! Có thành La-duyệt-kỳ đó, có con đường dẫn đến thành La-duyệt-kỳ. Tôi ở tại chỗ chỉ dạy. Người thứ nhất không làm theo sự chỉ dẫn của tôi, theo con đường lầm lạc để lui trở lại và những gì ở La-duyệt-kỳ như vườn đẹp, đất bằng, cho đến... được an ổn vui thích, người ấy đều không thấy, không biết. Còn người thứ hai kia nghe theo lời chỉ dẫn của tôi, đi đúng con đường ấy, lần lượt đến được La-duyệt-kỳ. Những gì ở La-duyệt-kỳ như vườn đẹp, đất bằng..., cho đến sự an ổn vui thích người ấy đều biết, người ấy đều thấy cả.

Đức Thế Tôn nói:

–Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, Ta cũng làm sao biết được, có Niết-bàn đó, có con đường dẫn tới Niết-bàn đó. Ta chỉ là Đạo sư. Hoặc có Tỳ-kheo làm theo sự chỉ dẫn như vậy, theo đúng giáo pháp, nên đạt được cứu cánh là Niết-bàn. Hoặc có Tỳ-kheo không làm đúng như vậy, nên không đạt được như vậy. Này Mục-kiền-liên, đó là Tỳ-kheo kia đối với chỉ dạy trao truyền thọ ấy, ở trong chúng của Thế Tôn được thọ ký, nghĩa là người ấy đạt được cứu cánh, dứt sạch hữu lậu.

Toán số Mục-kiền-liên thưa:

–Thưa Cù-đàm, tôi đã hiểu! Bạch Cù-đàm, tôi đã hiểu! Thưa Cù-đàm, cũng như trên mảnh đất tốt có khu rừng Sa-la, trong đó có người giữ rừng cây Sa-la, siêng năng không lười biếng. Kẻ ấy tự dùng sức lực của mình, đối với gốc rễ cây Sa-la tùy theo thời mà cuốc xới, chăm sóc, bón phân, tưới nước. Nếu có chỗ thấp thì lấy đất lấp cho đầy, nếu bên cạnh có cỏ thì nhổ đi. Nếu ở bên cây có cỏ bò dài, thô xấu, cong queo không ngay thẳng, đều phòng ngừa, nhổ sạch. Nghĩa là người ấy vứt bỏ những cây cỏ mới mọc, tận lực chăm sóc những cây con, tùy thời tưới nước, bón phân cho cây, lấy nước tưới cây. Bạch Cù-đàm, như vậy trên mảnh đất tốt, rừng cây Sa-la về sau càng sum suê to lớn. Bạch Cù-đàm, cũng vậy, có người dua nịnh dối trá làm điều hư huyễn, bất tín, biếng trễ, tâm ý loạn động, trí tuệ kém xấu, các căn không ổn định, trì giới lơ là, không nỗ lực phân biệt hạnh Sa-môn. Sa-môn Cù-đàm đối với những kẻ ấy không thể ở chung, không thể sống chung. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy là phá hoại phạm hạnh. Bạch Cù-đàm, nếu có người không dua nịnh, cũng không có ý tà, tin tưởng hành trì, tinh tấn, ý thường trụ nơi định, trí tuệ, thuận kính giới pháp, phân biệt rõ ràng hạnh Sa-môn. Bạch Sa-môn Cù-đàm, Bậc Vô Sở Trước có thể ở chung với những người ấy. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy, đối với bậc Phạm hạnh, họ đã là ứng

hợp với pháp thanh tịnh. Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại hương bằng lõi cây, Ca-la (trầm hương) là bậc nhất. Vì sao vậy? Thưa Cù-đàm, vì trầm hương đối với các loại hương bằng lõi cây, nó là tối thượng. Bạch Cù-đàm, cũng giống như trong các loại hương Sa-la thì Xích chiên-đàn là tối thượng. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các loại hương Sa-la thì Xích chiên-đàn là bậc nhất. Bạch Cù-đàm, cũng như các loại hoa sống dưới nước thì hoa sen xanh là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các thứ hoa sống ở nước thì hoa sen xanh là đứng đầu. Bạch Cù-đàm, cũng như trong các thứ hoa trên mặt đất thì hoa Câu-mâu-ni-bà-lợi-sư là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các loại hoa trên mặt đất thì hoa Bà-lợi-sư là đứng đầu. Bạch Cù-đàm, cũng như giữa các luận thuyết nơi thế gian, luận thuyết của Sa-môn Cù-đàm là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì luận thuyết của Sa-môn Cù-đàm có thể gồm thâu tất cả học thuyết khác của ngoại đạo. Bạch Thế Tôn, vì vậy nên nay con tự quy y Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Bạch Thế Tôn, nay con xin thọ trì giới Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, con xa lìa sự sát sanh... nay con xin quy y Phật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Toán số Bà-la-môn Mục-kiền-liên nghe Đức Phật dạy xong, vui mừng hoan hỷ.

□

SỐ 71

PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ ÁT-BA-LA-DIÊN VẤN CHỦNG TÔN

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn
Trúc Đàm Vô Lan

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có năm trăm người Bà-la-môn, những người này cùng nhau ra khỏi thành, cùng đến ngôi nhà tranh của họ ở ngoài đồng, quây quần ngồi xuống rồi bàn luận:

–Lúc con người có mặt đầu tiên trên quả đất này thì dòng Bà-la-môn của chúng ta là thứ nhất, dòng Sát-lợi là thứ hai, dòng Điền gia là thứ ba, dòng Công sư là thứ tư. Dòng dõi của chúng ta là cao quý nhất. Những người được tạo ra đầu tiên ở quả đất này đều là dòng dõi của chúng ta. Dòng Bà-la-môn lúc mới sanh, là sanh ra từ miệng của đấng Phạm thiên, con người đời thì ngược lại, sanh ra từ phía dưới. Như vậy ở trong thiên hạ, dòng dõi chúng ta là tôn quý hơn hết. Dòng dõi chúng ta đều là con cháu của Phạm thiên nơi cõi trời thứ bảy. Nhưng Đức Phật thì nói ngược lại, là thiên hạ chỉ có một chủng loại. Đức Phật cho rằng dòng dõi của chúng ta cùng với các dòng Sát-lợi, Điền gia, Công sư đều bình đẳng. Dòng dõi của chúng ta khi chết đều được sanh lên Phạm thiên. Ngược lại thì Đức Phật cho dòng dõi của chúng ta cùng với người phàm giống nhau.

Họ cùng bàn tiếp:

–Ai có thể cùng với Đức Phật biện giải, tranh luận, phân biệt về các chủng loại ấy?

Bấy giờ có một người con của gia đình Bà-la-môn, tuổi mới mười lăm, mười sáu, tên là Át-ba-la-diên Đại thánh, biết rõ các việc về nghề nghiệp, kỹ thuật, sách vở, phương hướng đi đến. Trong số năm trăm Bà-la-môn này không ai có thể sánh bằng, họ đều tôn kính chàng như bậc

thầy. Vị ấy có thể giảng nói kinh, biết việc trong thiên hạ. Thân sắc của Át-ba-la-diên Đại thánh có tướng kỳ lạ.

Các Bà-la-môn cùng nói:

–Chỉ Át-ba-la-diên mới có thể đàm luận cùng Đức Phật được. Chúng ta thì không thể cùng đàm luận với Đức Phật.

Năm trăm người Bà-la-môn cùng bảo Át-ba-la-diên:

–Đức Phật cho rằng người trong thiên hạ chỉ có một chủng tánh. Dòng họ của chúng ta cùng với Sát-lợi, Điền gia, Công sư là khác nhau. Dòng họ của chúng ta từ Phạm thiên mà có, sanh từ miệng Phạm thiên, còn người trong thế gian này lại sanh ra từ các phía dưới. Đức Phật nói: "Thiên hạ có bốn chủng tánh, bốn chủng tánh này đều tốt như nhau". Mong Át-ba-la-diên tự gắng sức cùng đi với chúng tôi đến chỗ Đức Phật để cùng biện luận.

Át-ba-la-diên nói:

–Đức Phật là người nắm giữ chánh đạo, có thể trả lời đúng theo chánh đạo. Như muốn đem chủng tánh Bà-la-môn đến để hỏi thì được, chớ không ai có thể bàn chánh đạo với Ngài được.

Năm trăm Bà-la-môn đều nói:

–Chúng ta tôn thờ Át-ba-la-diên làm thầy, sao lại không đến biện luận với Đức Phật về bốn chủng tánh này?

Họ nói với nhau như vậy đến hai, ba lần nên Át-ba-la-diên liền đứng dậy, cùng năm trăm Bà-la-môn đi đến rừng cây Kỳ-đà, nơi Đức Phật đang ngụ. Tôn giả A-nan bạch Đức Phật:

–Có người con của Bà-la-môn tên là Át-ba-la-diên, tuổi mới mười lăm, mười sáu, cùng đi với năm trăm Bà-la-môn lớn tuổi đến đây, đang ở bên ngoài.

Đức Phật bảo:

–Hãy mời vào.

Tôn giả A-nan đi ra mời Át-ba-la-diên vào. Át-ba-la-diên cùng năm trăm Bà-la-môn đồng đứng, không đảnh lễ Đức Phật, tự nói:

–Tôi có chút việc muốn hỏi Đức Phật.

Đức Phật bảo:

–Hãy ngồi xuống.

Át-ba-la-diên bạch Đức Phật:

–Tôi có điều muốn hỏi, Ngài có cho phép chăng?

Đức Phật nói:

–Nếu có điều gì nghi thì cứ hỏi.

Át-ba-la-diên thưa:

–Các Phạm chí nói: "Dòng tộc của chúng tôi khác với các dòng tộc Sát-lợi, Điền gia, Công sư, rằng: "Dòng tộc chúng tôi là con cháu của Phạm thiên. Tiên tổ của chúng tôi lúc sơ sinh đều sanh ra từ miệng của Phạm thiên, khi chết đều sanh lên cõi trời".

Đức Phật nói:

–Trong kinh của Ta không cho rằng các chủng loại khác nhau. Nếu như người Bà-la-môn lấy con gái của Sát-lợi, con gái của Sát-lợi sẽ sanh con. Người Sát-lợi lấy con gái của Điền gia, con gái của Điền gia sẽ sanh con. Người Điền gia lấy con gái của Công sư, con gái của Công sư sẽ sanh con. Người Công sư lấy con gái của Bà-la-môn, con gái của Bà-la-môn cũng sẽ sanh con.

Đức Phật nói:

–Trong kinh của Ta lấy hành động làm gốc. Nếu có hành động tốt đó là dòng dõi tối thượng. Những người được thiên hạ tôn quý đều do hành động thiện mà ra, chứ không phải do dòng dõi. Trong vô số kiếp về trước, Ta cũng sanh làm con của người Bà-la-môn, cũng sanh làm con của người Sát-lợi, cũng sanh làm con của Điền gia, cũng sanh làm con của Công sư, cho đến làm con của vua. Nay thân Ta là Phật.

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Ta hỏi ngươi một việc. Hãy như sự thật trả lời.

Đức Phật nói:

–Ngươi có thấy người nơi thế gian là con của nhà lành, lại đi ở cho người ta, và con của người ở trở lại làm chủ chăng?

Át-ba-la-diên bạch Đức Phật:

–Tôi nghe trong nước Nguyệt chi có điều này.

Đức Phật nói:

–Vì lý do gì mà con của nhà lành trở lại đi ở, con người đi ở trở lại làm chủ? Đó là vì tâm, chí của kẻ nô tỳ làm điều thiện nên người ta cho làm con. Còn con mình mà phải làm nô tỳ là vì tâm chí nó làm điều ác, nên tự bán cho người khác để làm nô tỳ.

Át-ba-la-diên thưa:

–Nếu Ngài nói con người có chủng loại như vậy, thế thì dòng dõi của con người từ đâu sanh ra?

Đức Phật hỏi:

–Nếu bốn chủng tộc Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, và Công sư đều ưa sát sanh, ưa trộm cắp, ưa dâm dục, ưa nói hai lưỡi, ưa nói lời độc ác, ưa nói dối, ưa gièm pha, thích sống chung với người ngu si, thích sân hận, thích cúng tế... làm những hành vi như vậy, có đọa vào địa ngục không?

Át-ba-la-diên nói:

–Chủng tộc Bà-la-môn cho rằng dùng có làm điều ác nhưng chủng tộc của tôi là cao quý nhất, là con cháu được sanh ra từ miệng của Phạm thiên nên khi chết đều sẽ được sanh lên trời.

Đức Phật nói:

–Nếu người thuộc bốn chủng tộc Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư không có sát sanh, trộm cắp, dâm dục; không nói hai lưỡi, lời độc ác, lời dối trá, lời gièm pha; không thích sống chung với người ngu si, không thích sân hận, không thích cúng tế…, người như vậy sau khi chết há chẳng được sanh lên cõi trời?

Át-ba-la-diên nói:

–Những người như vậy đều được sanh lên cõi trời.

Đức Phật nói:

–Nếu nói vậy thì có liên quan gì đến chủng tánh?

Ngài nói tiếp:

–Loài người đều do tâm ý thức sanh ra. Nếu tâm ý thức làm điều tốt thì được sanh lên trời, sanh ở cõi người. Nếu tâm ý thức mà xấu thì sanh vào các loài trùng, thú, súc sanh, quỷ thần, địa ngục. Nếu có người dòng Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư làm điều ác thì đều phải sanh vào trong ba đường ác. Như vậy thì dòng dõi do đâu mà ra? Người dòng Bà-la-môn cũng có làm điều thiện, điều ác; người dòng Sát-đế-lợi cũng có làm điều thiện, điều ác; người dòng Điền gia cũng có làm điều thiện, điều ác; người dòng Công sư cũng có làm điều thiện, điều ác. Nếu các ông tự nói rằng có chủng tộc, vậy chủng tộc ở chỗ nào? Nếu người Bà-la-môn đem lòng oán ghét hư không, người Sát-lợi, Điền gia, Công sư cũng đem lòng oán ghét hư không, đâu có thể làm hư không bị tổn thương? Theo ý đó thì biết: chỉ có dòng Bà-la-môn tự ôm lòng kiêu ngạo cho mình là hơn hết nơi thế gian này mà thôi. Người Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư vào trong khe nước lớn để tắm, ai cũng có thể tắm sạch các cáu bẩn ở trong nước, vậy ai có thể phân biệt được đâu là cấu uế của Bà-la-môn, đâu là cấu uế của Sát-lợi, cấu uế của Điền gia, cấu uế của Công sư?

Át-ba-la-diên thưa:

–Cấu uế đều ở chung ở trong khe nước lớn.

Đức Phật nói:

–Nên biết cấu uế ở chỗ nào. Vì sao các ông hoàn toàn không biết cấu uế của con người mà trở lại nói: "Chủng tánh của ta vốn ở trên trời, sanh ra từ miệng Phạm thiên, còn những chủng tánh khác đều sanh ra ở dưới, dòng dõi của chúng ta là tôn quý nhất trong loài người".

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Nếu có vị Quốc vương nghe nói nước nào, quận nào, huyện nào, làng xóm nào có Bà-la-môn và con của Bà-la-môn cao minh, có Sát-lợi và con của Sát-lợi cao minh, có Điền gia và con của Điền gia cao minh, có Công sư và con của Công sư cao minh, nhà vua liền triệu tất cả về để làm quan giúp vua, nhà vua có hỏi chủng tánh của người ấy không? Nếu người có tài cao sáng suốt thì nhà vua liền cấp cho đất đai nơi quận, huyện thích hợp. Sao vua lại không hỏi chủng tánh của kẻ ấy? Nếu ngươi nói có chủng tánh thì này Át-ba-la-diên, lấy giới pháp ở chỗ nào? Từ các trưởng lão cho đến các bậc ngồi trên các trưởng lão gồm năm trăm người, sao ngươi lại không tra hỏi đâu là chủng loại? Đâu là thầy? Nếu có chủng tộc Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư và các chủng tánh khác, khi lạnh thì đều đến bên đống lửa lớn, lửa nóng đâu có sưởi ấm dành cho một chủng tộc nào, hơi ấm đều bình đẳng với mọi chủng tộc. Nếu có một chiếc thuyền lớn đi trên nước, người Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, hay Công sư đều ở trên thuyền, thuyền đâu có riêng chở cho người Bà-la-môn, cũng đâu có riêng chở các chủng tộc khác?

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Con của người Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư và con của các chủng tánh khác, thảy đều phải ở trong bào thai mẹ mười tháng, có thêm có bớt không?

Át-ba-la-diên thưa:

–Tất cả đều phải ở trong bào thai mẹ mười tháng, không thêm không bớt.

Đức Phật nói:

–Tại sao các ngươi lại cho rằng dòng dõi của mình là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên? Mặt trời, mặt trăng đối với dòng Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư cũng như các chủng tộc khác, sao lại không riêng chiếu cho một chủng tộc nào? Sao lại chiếu hết cho các chủng tộc?

Át-ba-la-diên thưa:

–Chủng tộc của tôi tự cho rằng dòng tộc mình hơn hẳn các chủng tộc khác.

Đức Phật bảo:

–Này Át-ba-la-diên, nếu con lừa cha lấy ngựa mẹ, sanh con thì gọi là gì?

Át-ba-la-diên thưa:

–Gọi nó là la.

Đức Phật bảo:

–Cha cũng không gọi là la, mẹ nó cũng không gọi là la, vậy sao gọi nó là la?

Át-ba-la-diên nói:

–Bởi vì tiên tổ chúng tôi gọi nó là la, nên chúng tôi cũng gọi là la.

Đức Phật hỏi:

–Nếu con ngựa là cha, lấy con lừa là mẹ, sanh con sao gọi nó là cự lư? Cha nó không có tên là cự lư, mẹ nó cũng không có tên cự lư, tại sao biết nó là cự lư?

Đáp:

–Vì tiên tổ chúng tôi gọi nó là cự lư, nên chúng tôi cũng gọi là cự lư.

Đức Phật hỏi:

–Nếu người Bà-la-môn lấy vợ là con gái của dòng Sát-lợi, người con gái của dòng Sát-lợi lúc sanh con, gọi đứa trẻ là gì? Nên gọi nó là dòng dõi Bà-la-môn hay Sát-lợi?

Át-ba-la-diên thưa:

–Con chẳng biết thuộc về chủng tộc nào?

Đức Phật nói:

–Nếu không tự biết chủng loại, sao gọi nó là la, là cự lư? Nếu người nữ là Sát-lợi lấy chồng là Bà-la-môn, sanh con, khi đã sanh vào nhà này, tùy theo sự tế tự, tùy theo chủng tánh, đứa bé ấy về sau thành bậc cao minh, các ngươi có thừa nhận nơi chốn sanh ra ấy chăng?

Thưa:

–Chúng tôi thừa nhận.

–Nếu người Bà-la-môn lấy vợ là Điền gia, người nữ Điền gia sanh con, nhưng đứa con ấy có tâm sát sanh, trộm cắp, dâm dật, nói hai lưỡi, nói lời ác độc, nói dối, gièm pha, thích theo người ngu si, sân hận, có tâm

cúng tế. Người có những hành vi ấy, các ngươi có thuận theo với người ấy chăng?

Thưa:

–Chúng tôi không thuận theo với đứa con có tâm ý thức làm những việc ác ấy. Chúng tôi sẽ trục xuất kẻ đó ra khỏi dòng họ chúng tôi.

Đức Phật nói:

–Nếu các ngươi tự cho: Chúng ta là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng của Phạm thiên, khi chết được sanh lên trời, sao các ngươi chỉ chú trọng về tâm ý thức của kẻ ấy làm ác liền trục xuất họ ra ngoài? Thế sao các ngươi lại nói chủng tánh?

Đức Phật nói:

–Nếu trong dòng Bà-la-môn có kẻ ăn ở bất hiếu với cha mẹ, thích sát sanh, trộm cướp, làm mười điều ác, lúc chết người ấy sẽ đi về đâu?

Át-ba-la-diên nói:

–Người mà tâm ý thức làm những việc như vậy, lúc chết phải đi vào địa ngục.

Đức Phật nói:

–Nếu ngươi bảo: "Dòng họ của ta vốn từ Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, là tối tôn trong loài người", sao lại đi vào trong địa ngục được?

Đức Phật nói:

–Con người trong thiên hạ không có chủng loại, không có cố định. Bậc cao minh nhờ tâm ý chí thiện, làm điều tốt đẹp, đó là bậc tôn quý. Còn tâm ý của người làm điều ác, đó là kẻ hạ tiện.

Át-ba-la-diên tự suy nghĩ: "Ta vốn không muốn đến đây, do mọi người đều bảo ta đến". Rồi tự tư duy: "Ý của ta không muốn tranh luận với Đức Phật. Ta đã từng nói rằng Đức Phật là Bậc Chánh Đạo".

Đức Phật nói:

–Lúc trước ngươi nói con người phải có với chủng loại tốt, nay trở lại theo Ta nói tâm ý chí tốt.

Át-ba-la-diên tự suy nghĩ: "Lời của Đức Phật ngăn chặn ta cả trước và sau".

Đức Phật bảo:

–Này Át-ba-la-diên, vào kiếp quá khứ có bảy Bà-la-môn đều có đạo hạnh, ngày ngày cúng tế trời. Bảy Bà-la-môn này cũng nói: "Ta là con cháu của Phạm thiên, chúng ta cũng sanh từ miệng Phạm thiên, còn kẻ

phàm nhân thì sanh từ các phần dưới. Chủng tộc của ta lúc chết được sanh lên trời".

Đức Phật nói:

–Lúc đó Ta cũng là đạo nhân tên A-hức. Mọi người đều nói: Đạo của ta là Thiên đạo. Lúc ấy Ta thấy bảy Bà-la-môn đều đứng trước đền thờ ngọn lửa. Các Bà-la-môn đều nói: "Chúng ta lúc chết sẽ rực sáng như ngọn lửa này ở trên trời".

Đức Phật nói:

–Bấy giờ Ta tính xem thử những người này làm gì nên tự biến đổi thân thể, tay cầm lá cờ có chuôi lông bằng vàng ròng, thân mặc đồ trắng, đi theo người trên chiếc xe giả, đến chỗ bảy Bà-la-môn ấy. Khi đó bảy Bà-la-môn đang đi kinh hành, và cả nhóm trông thấy, liền hỏi Ta: "Người hành đạo Bà-la-môn từ đâu đến đây?". Bảy Bà-la-môn nói: "Nếu Ngài là Thiên đạo, xin hãy nói tóm lược cho chúng tôi: sao lại mặc y đẹp, cưỡi xe, tay cầm cờ vàng rực rỡ. Ngài từ đâu sanh ra và muốn đi về đâu? Từ đâu đến? Và sao lại đến chỗ này?".

Lúc ấy Ta làm thinh không trả lời. Họ thấy Ta không nói, nên tất cả đều nổi giận, liền dùng thần chú đối với Ta, muốn khiến cho Ta chết đứng. Họ dùng thần chú đối với Ta mà sắc mặt của Ta lại càng đẹp. Họ lại đọc chú, sắc mặt của ta lại càng thêm đẹp. Bảy Bà-la-môn ấy hết sức kinh hãi, nói rằng:

–Những người bị chúng ta đọc chú đều chết cả, nhưng nay chúng ta đọc chú thì người này sắc mặt lại càng đẹp hơn.

Lúc ấy, họ lại gọi "A-hức", tự nghĩ rằng: "Ngươi muốn về đường nào?"

A-hức liền đáp:

–Đạo tâm của tôi hơn tất cả. Tại sao các người nổi giận? Vậy các người có nghe A-hức nói về Thiên đạo chăng?

Họ nói:

–Chúng tôi không nghe.

A-hức nói:

–Này Hiền giả, bậc Đạo nhân gặp nhau, cùng nhau thăm hỏi, sao lại tức giận?

A-hức bảo:

–Ta nghe các Phạm chí nói: các Bà-la-môn trong thiên hạ là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, độc tôn trong loài

người. Do vậy nên Ta đến hỏi các người: Nếu đốt lửa này để cúng trời, nếu thờ trời là đúng như pháp thì các người được vị thầy nào truyền dạy? Hay là điều ấy chẳng phải do tổ tiên nói?

Bảy Bà-la-môn nói:

–Tổ tiên chúng tôi làm, nên chúng tôi bắt chước.

Đạo nhân A-hức nói:

–Vậy tổ mẫu của các người là con gái của Bà-la-môn, hay con gái của dòng họ khác?

–Chúng tôi không biết tổ mẫu của chúng tôi là con gái của Sát-lợi, con gái của Điền gia hay con gái của Công sư. Chúng tôi không biết tiên tổ mẫu của chúng tôi có phải do người Bà-la-môn sanh ra hay không, hoặc các vị ấy yêu thương người khác sanh ra chủng loại chúng tôi.

A-hức nói:

–Nếu đã không biết tổ tiên, sao lại nói tổ tiên các người từ Phạm thiên sanh? Tâm lý của người nữ không có gì bảo đảm. Nếu các người biết được người thế gian, vậy vợ chồng giao hợp làm sao để sanh con?

Họ đều nói:

–Chúng tôi không biết.

–Nếu các người đã không biết tổ tiên, cũng không biết con người từ đâu sanh ra, vậy sao lại giận dữ với Ta? Phàm con người gặp nhau, trước hết phải hỏi thăm để biết cao thấp, phải biết ý chí của con người ấy rồi mới tức giận, tại sao trước tiên lại giận? Nên biết con người lúc mới nhập vào thai mẹ, nếu không phải do lòng tham dâm của người cha, thì cũng do tâm ái dục của người mẹ mới sanh ra con. Hội đủ ba điều kiện ấy mới thành con. Đã làm con, ai khiến cho thân trung ấm gặp cha mẹ để thành con? Đứa con ở trong ấy hoặc đời trước làm ác thì nay ở trong bụng mẹ hoặc bị mù, hoặc bị điếc, hoặc bị ngọng, hoặc bị gù, hoặc bị kiễng chân, hoặc thành kẻ hư ác mà cha mẹ đều không biết rõ. Cha mẹ mang con ở trong bụng mà còn không biết được con mình là đẹp hay xấu, thì các ngươi làm sao biết được tiên tổ các ngươi là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên và độc tôn trong loài người?

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Ở đời trước, bảy Bà-la-môn ấy có thể dùng chú thuật giết người. Lúc đó Ta không chấp nhận lời họ nói và sách họ chép. Nay Ta đã thành Phật, họ lại đến nói với Ta: họ là con cháu Phạm thiên, sanh ra từ miệng của Phạm thiên, độc tôn trong loài người.

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Hãy suy nghĩ điều Ta nói: Thiên hạ sanh con nuôi lớn nhờ cha mẹ, thành người là nhờ thầy.

Bà-la-môn Át-ba-la-diên cùng năm trăm Bà-la-môn và các Bà-la-môn khác cùng suy nghĩ.

Đức Phật nói:

–Thời trước Ta còn làm thầy của bảy Bà-la-môn. Bảy Bà-la-môn này là người đạo đức và có thể dùng chú thuật giết người. Nay Ta phải phân biệt nói ra. Con người có chủng loại, một thành ra trăm, trăm thành ra ngàn, ngàn thành ra vạn, vạn cũng là một.

Át-ba-la-diên cùng các Bà-la-môn đồng đến phía trước, đầu mặt lạy nơi chân Đức Phật, nói:

–Chúng con không rõ một thành trăm, trăm thành ngàn, ngàn thành vạn, vạn cũng từ một là ý nghĩa gì?

Đức Phật nói:

–Đó là người thế gian tham đắm sanh tử rất nhiều. Một người sanh con cháu, sau đó phân ra thành một trăm nhà, trăm nhà cầu đạo thì chỉ một đạo. Sao gọi là một đạo? Đó là đạo vô vi giải thoát. Như vậy là một thành ngàn, ngàn thành vạn.

Át-ba-la-diên đến phía trước Đức Phật, quỳ xuống thưa:

–Xin Ngài hãy thương xót chúng con như Ngài thương các Sa-môn, đừng có tâm tức giận đối với chúng con. Chúng con xin trở về sẽ cùng nhau tự phản tỉnh.

Đức Phật nói:

–Lành thay!

–Sáng mai chúng con nguyện tịnh tâm.

Tất cả đều đứng dậy đầu mặt lạy nơi chân Đức Phật rồi đi ra.

□

SỐ 72

PHẬT NÓI KINH CÔNG ĐỨC CỦA TAM QUY, NGŨ GIỚI, TỪ TÂM VÀ YỂM LY

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Phật kể cho trưởng giả A-na-bân-kỳ nghe:

–Về kiếp lâu xa có một Phạm chí tên là Tỳ-la-ma, là người giàu có, nhiều tiền của, châu báu. Lúc đem ra bố thí, ông dùng tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc rời, tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng rời. Ông lại lấy tám vạn bốn ngàn bình tắm bằng vàng bạc, lại lấy tám vạn bốn ngàn con bò đều lấy vàng bạc che trên sừng; lại lấy tám vạn bốn ngàn ngọc nữ trang sức đẹp đẽ; lại lấy tám vạn bốn ngàn đồ nằm trải lụa lên trên; lại lấy tám vạn bốn ngàn bộ y phục; lại lấy tám vạn bốn ngàn con voi con ngựa đều lấy vàng bạc để làm dàm, chằng đầu và mỏm chúng; lại lấy tám vạn bốn ngàn phòng xá để bố thí; lại ở trong bốn cửa thành để bố thí, tùy ai muốn gì ông đều đem cho tất cả. Lại dùng một phòng để bố thí cho Tăng chúng từ bốn phương lại.

Phước đức của sự bố thí như trên không bằng thọ Tam quy. Vì sao vậy? Vì người thọ Tam quy là bố thí sự vô úy cho tất cả chúng sanh, cho nên quy y Phật, Pháp, Tăng, phước đức người ấy không thể tính kể được.

Phước đức của sự bố thí như trên và sự thọ trì Tam quy không bằng phước đức của người thọ trì Năm giới. Người thọ trì Năm giới công đức đầy đủ, vượt hơn tất cả.

Phước đức của sự bố thí như trên và của sự thọ trì Tam quy, Ngũ giới lại không bằng phước đức của người chỉ trong một khoảnh khắc rủ lòng thương đối với chúng sanh.

Phước đức của sự bố thí như trên và phước đức của sự thọ trì Tam

quy, Ngũ giới, rủ lòng thương đối với chúng sanh lại không bằng phước đức của người khởi lên cái tưởng không nên ham thích đối với tất cả sự việc ở thế gian. Vì sao như vậy? Vì phước đức của sự khởi lên cái tưởng không đáng ham thích đối với tất cả sự việc ở thế gian có thể khiến cho hành giả diệt trừ được cái khổ nơi sanh tử, trọn thành Phật đạo, cho nên phước đức của người ấy là tối thắng.

Bấy giờ, Trưởng giả A-na-bân-kỳ nghe Đức Phật giảng nói xong, hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 73

PHẬT NÓI KINH TU-ĐẠT

Hán dịch: Đời Tiêu Tề, Đại sư Cầu-na-tỳ-địa, người Thiên trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, cư sĩ Tu-đạt đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn xong, ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

–Này Cư sĩ, gia đình Cư sĩ có thực hành hạnh bố thí chăng?

Cư sĩ trả lời:

–Dạ có, bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí nhưng chỉ bố thí những thứ thô xấu, không phải thứ quý giá, như cơm gạo hẩm, canh rau nấu với một ít gừng.

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Cư sĩ, dù bố thí những thứ thô xấu hay bố thí những thứ mỹ diệu, cả hai đều có quả báo. Nhưng này Cư sĩ, nếu bố thí những thức ăn thô xấu, kẻ ấy không có lòng tin mà bố thí, bố thí không đúng lúc, không tự tay bố thí, không tự mình đến để bố thí, không biết, không có tín tâm, cũng không biết có quả báo mà bố thí, thì nên biết rằng sẽ thọ quả báo đúng như thế, ý không muốn có được phòng xá tốt đẹp, cũng không muốn có được áo quần tốt đẹp, cũng không muốn có được đồ ăn uống ngon lành, cũng không muốn có được đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Người cư sĩ này vì không chí tâm bố thí nên có quả báo như vậy. Này Cư sĩ đó là người không chí tâm bố thí.

Này Cư sĩ, người thực hành bố thí có tín tâm, tùy thời bố thí, tự tay bố thí, đi đến để bố thí, có hiểu biết, có tín tâm, biết có nhân duyên quả báo mới hành bố thí. Nên biết người ấy có quả báo như vầy: Ý muốn gia đình tốt đẹp, nghiệp báo cực tốt, đồ dùng cực đẹp, áo quần cực đẹp, muốn đồ ăn, thức uống ngon lành, muốn được đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Cư sĩ nên biết, kẻ ấy chí tâm bố thí.

Này Cư sĩ, nếu bố thí những thứ mỹ diệu nhưng không có tín tâm bố thí, không tùy thời bố thí, không tự tay bố thí, không đến để bố thí, cũng không biết, không tin, cũng không biết có nhân duyên hành quả báo mà thực hành bố thí, nên biết kẻ ấy sẽ thọ báo đúng như thế, ý cũng không muốn đạt được gia nghiệp tốt đẹp, cũng không muốn có được y phục tốt đẹp, cũng không muốn có được đồ ăn ngon lành, cũng không muốn có đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Này Cư sĩ, vì không hết lòng bố thí.

Này Cư sĩ, nếu bố thí những thứ mỹ diệu, có tín tâm, ưa thích bố thí, tùy thời thí, tự tay bố thí, tự mình đến để bố thí, có hiểu biết, có tín tâm, biết có hạnh quả báo mà hành bố thí. Nên biết kẻ ấy sẽ được quả báo đúng như vậy. Đó là tâm muốn được gia nghiệp tốt đẹp, cho đến muốn có đồ ăn, thức uống, công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Này Cư sĩ, vì kẻ ấy tùy thời bố thí nên có quả báo ấy. Vì sao? Này Cư sĩ, thuở xưa vào đời quá khứ, có một Bà-la-môn tên là Tỳ-lam, rất giàu có, của cải vô lượng, vị ấy đã làm một cuộc bố thí lớn như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn; vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn; vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn thớt voi được trang sức đầy đủ, voi trắng như tuyết; vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: lấy tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức đầy đủ dây vàng xâu ngọc, vị ấy thực hành đại bố thí như sau: lấy tám vạn bốn ngàn con bò, lấy vải làm dây thừng, bò thường cung cấp một hộc sữa, vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: dùng tám vạn bốn ngàn ngọc nữ đoan chánh, đẹp đẽ, trang sức đầy đủ châu báu, vị ấy thực hành đại bố thí như vầy: ngoài ra còn có thức ăn mỹ vị nhiều vô số kể.

Đó là, này Cư sĩ, vị Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy: bố thí cho người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề, nhưng phước đức ấy không bằng cúng thí cho một vị tiên nhân.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy: thí cho tiên nhân ở cõi Diêm-phù-đề này, nhưng không bằng phước đức cúng thí cho một vị Tu-đà-hoàn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy cúng thí cho người phàm phu, tiên nhân và một trăm vị Tu-đà-hoàn cõi Diêm-phù-đề, nhưng không bằng phước đức cúng thí cho một vị Tư-đà-hàm.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành

đại bố thí như vậy, thí cho người phàm, tiên nhân, một trăm vị Tu-đà-hoàn và một trăm vị Tư-đà-hàm ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị A-na-hàm.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị A-na-hàm ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị A-la-hán.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị A-la-hán ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị Bích-chi-phật.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị Bích-chi-phật ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, phước đức này là vô lượng.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, bố thí cho người phàm phu,... một trăm vị Bích-chi-phật ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng việc tạo lập phòng xá để cúng dường cho bốn phương Tăng, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, bố thí cho người phàm phu, cho đến... tạo lập phòng xá để cúng dường cho bốn phương Tăng ở cõi Diêm-phù-đề cũng không bằng đem tâm ý thanh tịnh thọ Tam tự quy: Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng giữ giới, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy, thực hành sự đại bố thí ấy, bố thí cho người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề, cho đến đem tâm ý thanh tịnh phụng hành ba tự quy: Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng giữ giới nhưng không bằng đối với tất cả chúng sanh cho đến loài trâu, bò trải lòng Từ dù chỉ trong khoảnh khắc, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy thực hành sự bố thí như vậy, đối với những người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề, cho đến tất cả chúng sanh thể hiện rõ hạnh Từ, kể cả thương yêu loài trâu, bò trong khoảnh khắc, nhưng không bằng đối với tất cả hành, tư duy, cho dù trong khoảng khắc, thấy chúng là vô thường, khổ, không, vô ngã, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, ý ông nghĩ sao? Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy

là ai khác chăng? Chớ có nghĩ như vậy. Vị ấy chính là Ta. Lúc ấy Ta là Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam.

Như vậy, này Cư sĩ, lúc ấy Ta tự làm lợi ích cho mình và làm lợi ích cho người khác, lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian, mong cầu ý nghĩa diệu lạc, an ổn cho trời và người. Ta thuyết pháp như vậy nhưng vẫn chưa rốt ráo, chưa rốt ráo về vô cấu, chưa rốt ráo về phạm hạnh, chưa rốt ráo về sự thành tựu phạm hạnh, vì vậy lúc ấy Ta chưa thoát khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu không vui, cũng chưa thoát khỏi khổ đau.

Này Cư sĩ, nay Ta là Như Lai xuất hiện thế gian, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vị Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật, Thế Tôn. Nay Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng đem lại lợi ích cho người khác, vì lợi ích cho nhiều người, thương xót người thế gian, cầu nghĩa lý, sự diệu lạc, an ổn cho trời và người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo về vô cấu, rốt ráo về phạm hạnh, rốt ráo về sự hành trì phạm hạnh. Nên nay Ta đã thoát khỏi mọi sự sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ, bất lạc. Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, cư sĩ Tu-đạt nghe Đức Phật dạy xong, hoan hỷ vui mừng.

□

SỐ 74

PHẬT NÓI KINH QUẢ BÁO BỐ THÍ CỦA TRƯỞNG GIẢ

Hán dịch: Đời Tống, Đại Sư Pháp Thiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị Trưởng giả tên là Cấp cô độc, đi đến chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Nếu như có người dùng các đồ ăn uống thượng diệu đúng như pháp bố thí, hoặc tự tay mình thí, hoặc thường xuyên thí, nhưng không đạt được phước đức to lớn. Vì sao? Do vì tâm người ấy mong cầu sự phú quý và diệu lạc.

Hoặc lại có người không vì mong cầu áo cơm, đồ ăn, sự giàu có, khoái lạc mà dùng đồ ăn uống thượng diệu đúng như pháp bố thí, sẽ được phước đức như giàu sang phú quý, cùng được hàng vợ con, tôi tớ, nam nữ, quyến thuộc, hiếu thuận, phụng dưỡng. Ý ông nghĩ sao? Do người ấy đã vì các hữu tình mà hành bố thí.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Ở thời quá khứ xa xưa, có một trưởng giả giàu có thuộc chủng tộc Bà-la-môn tên là Di-la-ma, mở hội bố thí lớn: dùng tám vạn mâm bằng vàng chứa đầy vàng để bố thí. Lại lấy tám vạn mâm bằng bạc chứa đầy bạc để bố thí. Lại lấy tám vạn mâm bằng vàng chứa đầy bạc để bố thí. Lại lấy tám vạn mâm bằng bạc chứa đầy vàng để bố thí. Lại dùng tám vạn mâm bằng đồng chứa đầy các thứ đồ ăn uống thượng diệu để bố thí. Lại lấy tám vạn con bò sữa để bố thí. Lại lấy tám vạn đồng nữ mặc y phục đẹp đẽ, trang điểm bằng các thứ ngọc anh lạc để bố thí. Lại dùng tám vạn giường nằm bằng vàng, giường nằm bằng bạc, giường bằng ngà voi, giường bằng gỗ, đặt lên các thứ đệm, chiếu quý giá để bố thí. Lại dùng tám vạn chiếc xe, xe chở đồ, xe thường, trải lên trên bằng gia trắng và y

Kiều-thi-ca, trang hoàng các thứ dùng để bố thí.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, phước báo đạt được lần này hơn phước báo trước. Ý ông nghĩ sao? Vì người này không rơi vào nẻo tà kiến.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

-Bà-la-môn Di-la-ma ấy thực hành bố thí như vậy nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến, sẽ được phước báo hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

-Bà-la-môn Di-la-ma ấy thực hành bố thí như vậy nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, sẽ được phước báo hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

-Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

-Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

-Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, sẽ được phước báo nhiều hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng

có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho

một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho

một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường những khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, sẽ được phước báo thù thắng hơn trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một

trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng suốt đời chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường

các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng suốt đời chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng, suốt đời chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng không bằng suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu. Suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu không bằng có người đối với mười phương thế giới cùng khắp mọi nơi chốn thực hành tâm đại từ làm lợi lạc cho chúng sanh, với tâm vô tướng lìa mọi phân biệt, do đó được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Bấy giờ Đức Thế Tôn giảng nói như trên xong, bảo Trưởng giả:

-Bà-la-môn Di-la-ma ngày xưa thực hành hội bố thí to lớn ấy đâu có phải là các Sa-môn, Bà-la-môn nào khác mà chính là thân Ta đấy.

Khi ấy trưởng giả Cấp Cô Độc nghe Đức Phật thuyết giảng như vậy xong, dứt bỏ được kiến chấp về ngã, kiến chấp về con người, kiến chấp về chúng sanh và kiến chấp về thọ mạng. Xa lìa các tưởng mê hoặc, ngộ được pháp nhẫn tịch diệt.

□

SỐ 75

PHẬT THUYẾT KINH HỌC CHO LÃO BÀ-LA-MÔN Ở VƯỜN HOÀNG TRÚC

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm đời Lưu Tống.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại vườn Hoàng trúc Tỳ-lan-nhã. Bấy giờ có một vị Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã tuổi cao, là bậc trưởng thượng, thọ mạng gần mãn, đã được một trăm hai mươi tuổi, tay chống gậy, lúc xế trưa thong thả tản bộ đi đến chỗ Đức Thế Tôn, chào hỏi, thăm viếng, đứng qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

–Này Cù-đàm, tôi nghe Sa-môn Cù-đàm tuổi còn trẻ cũng mới tu học, thế mà nếu có Đại Sa-môn, Bà-la-môn nào đích thân đến vẫn không tùy thời cung kính, cũng không đứng dậy, không mời các vị ấy ngồi. Này Cù-đàm, việc ấy tôi không thể chấp nhận được.

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Bà-la-môn, Ta chưa từng thấy chư Thiên và thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, chúng trời, người đi đến mà khiến cho Như Lai cung kính, từ tòa đứng dậy mời các vị ấy ngồi. Này Bà-la-môn, đó là nếu Đức Như Lai cung kính, từ tòa đứng dậy thì đầu của người ấy sẽ bể thành bảy mảnh.

Bà-la-môn nói:

–Này Sa-môn Cù-đàm, đó chỉ là sự coi thường, kiêu mạn.

–Này Bà-la-môn, có trường hợp khiến cho Ta có sự coi thường nhưng không phải như lời ông nói. Này Bà-la-môn, nếu có những sự tham đắm đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, thì những thứ ấy Như Lai đã dứt sạch, đã biết, đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự khủng bố ở tương lai nữa. Này Bà-la-môn, đó là điều khiến Ta có sự coi thường nhưng không phải như lời ông nói.

Bà-la-môn lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm không có sợ hãi chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Bà-la-môn, lại có trường hợp khiến Ta không có sợ hãi, nhưng không phải như lời ông nói. Đó là nếu có sự sợ hãi về sắc, sợ hãi về thanh, sợ hãi về hương, sợ hãi về vị, sợ hãi về xúc, thì những thứ ấy Như Lai đã dứt sạch, đã biết đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự sợ hãi ở vị lai nữa. Này Bà-la-môn, có trường hợp như thế khiến Ta không có sợ hãi, nhưng không phải như lời ông nói.

Bà-la-môn lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm không đầu thai nữa chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Bà-la-môn, có trường hợp khiến Ta không đầu thai, nhưng không phải như lời ông nói. Này Bà-la-môn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn phải đầu thai trở lại thì Ta đã dứt hẳn, đã biết đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự sợ hãi ở vị lai, thì Ta nói là không còn đầu thai. Này Bà-la-môn, Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không còn đầu thai trở lại nữa. Ngài đã dứt hẳn, đã biết đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự sợ hãi ở vị lai, không đầu thai nữa. Này Bà-la-môn, đó là có trường hợp khiến Ta không đầu thai nữa, nhưng không phải như lời ông nói.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở trong cõi đời có sự ngu si tham đắm, sự ngu si bị che lấp trói buộc, Ta là người đầu tiên phân biệt các pháp. Đối với chúng sanh, Ta là bậc nhất. Này Bà-la-môn, giống như con gà mái đẻ trứng, hoặc mười hoặc hai mươi trứng, nó tùy thời, đúng thời ấp trứng, đúng thời, tùy thời chuyển động che chở. Nếu con gà mái ấy có đi đâu, các gà con ở trong trứng dùng mỏ, dùng chân mổ và chọi, phá vỡ trứng chui ra an ổn; đó là những con gà con bậc nhất. Cũng vậy, này Bà-la-môn, con người bị ngu si trói chặt, bị ngu che lấp, Ta là người đầu tiên phân biệt các pháp. Đối với các chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất.

Này Bà-la-môn, Ta ôm cỏ khô đi đến bên gốc cây đạo tràng, đến nơi, rải cỏ xuống nơi gốc cây, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già, quyết không đứng dậy, cho đến khi dứt sạch hữu lậu. Này Bà-la-môn, Ta không đứng dậy, cho đến khi dứt hết hữu lậu. Này Bà-la-môn, Ta đã giải thoát dâm dục, giải thoát các pháp ác bất thiện, tự giác, tự hành, được ái hỷ, đạt được Sơ thiền, thành tựu an trụ. Này Bà-la-môn, bấy giờ Ta đạt được pháp tư duy thứ nhất, thấy pháp, trụ nơi an lạc, có lạc hạnh, không mất sự an trụ

yên ổn để tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, sau khi Ta chấm dứt tự giác hành, bên trong có niệm hỷ, ý được chuyên nhất, không giác không quán, có sự hoan hỷ do định sanh, đạt đến Nhị thiền, chánh thọ an trụ. Này Bà-la-môn, bấy giờ Ta được pháp tư duy thứ hai, thấy pháp, trụ nơi an lạc, lạc hạnh, không mất sự an ổn để tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, Ta không tham đắm ái hỷ, luôn giữ gìn tâm ý, nhớ nghĩ, thân được an lạc, đó gọi là điều Thánh quán, điều Thánh hộ niệm, trú trong an lạc, đạt đến Tam thiền, thành tựu an trụ chánh thọ. Này Bà-la-môn, bấy giờ Ta được tư duy thứ ba, thấy pháp, trụ nơi an lạc, lạc hạnh, không mất sự an ổn, tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, Ta diệt lạc, diệt khổ, bỏ sự hoan hỷ, diệt ái ở trước, không khổ không lạc, giữ ý thanh tịnh, đạt được Tứ thiền, an trụ chánh thọ. Này Bà-la-môn, lúc đó Ta đạt được tư duy thứ tư, thấy pháp, trụ nơi an lạc, lạc hạnh, không mất sự an ổn, tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, nhờ tam-muội ấy, ý Ta thanh tịnh, trong lành, không còn bị ràng buộc, trừ các kết sử, thuận hợp, thường trụ, không biến đổi nhờ Túc mạng trí đã chứng đắc để tự chế ngự ý. Này Bà-la-môn, Ta nhớ lại vô lượng đời trước đã qua, hành động và lời nói như thế nào. Nghĩa là Ta nhớ lại một lần sanh, hai lần sanh, trăm lần sanh, ngàn lần sanh, hoặc một kiếp, nửa kiếp, vô lượng kiếp, các chúng kia tên này, họ này, tánh tình như vậy, ăn uống như vậy, khổ vui như vậy, thọ mạng dài, ngắn, chết ở đây sanh ở kia, chết ở kia sanh ở đây. Tại đó Ta tên này, họ này, ăn món ăn như vậy, thọ mạng dài ngắn như vậy. Này Bà-la-môn, ngay lúc đó vào khoảng nửa đêm, Ta chứng Thánh trí minh đạt thứ nhất. Nhờ không phóng dật, nên được đắc định, nghĩa là vô trí diệt và trí phát sanh. Tối tăm tiêu trừ, ánh sáng xuất hiện, vô minh chấm dứt và minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc trí Túc mạng minh.

Lại nữa, này Bà-la-môn, nhờ vào tam-muội, ý thanh tịnh, trong lành, không còn bị trói buộc, trừ các kết sử, thuận hợp, thường trụ, không biến đổi, chứng đắc Thiên nhãn trí, tự chế ngự ý. Này Bà-la-môn, Ta nhờ vào Thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người thường. Ta thấy chúng sanh lúc sanh, lúc tử, tốt đẹp xấu xí, hoặc sanh đến chỗ thiện hay chỗ ác, tùy theo nghiệp chúng sanh đã tạo. Ta biết đúng như thật rằng: Chúng sanh này với thân làm ác, miệng làm ác và ý nghĩ ác, phỉ báng bậc Thánh, theo tà kiến, do nhân đó duyên đó, kẻ ấy khi thân hoại mạng chung phải đến chốn

ác, sanh trong địa ngục. Nếu chúng sanh nào thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện và ý nghĩ điều thiện, có tín, có hạnh thiện, chánh kiến, cùng tương ưng với chánh kiến, do nhân đó duyên đó, khi thân hoại mạng chung được đến chốn thiện, sanh lên cõi trời. Này Bà-la-môn, lúc đó vào khoảng nửa đêm, Ta chứng trí minh đạt thứ hai này. Nhờ không phóng dật, nay được định hạnh, nghĩa là vô trí diệt và trí phát sanh, mê ám tiêu tan và ánh sáng thành tựu, vô minh chấm dứt và minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc Trí Thiên nhãn minh.

Này Bà-la-môn, Ta nhờ tam-muội này, ý được thanh tịnh, trong sáng, không còn bị trói buộc, trừ các kết sử, thực hành thuận hợp, thường trụ, không biến đổi, chứng được trí hữu lậu tận, tự chế ngự ý. Này Bà-la-môn, Ta biết như thật rằng: "Đây là khổ", biết như thật rằng: "Đây là nguyên nhân của khổ", "Sự diệt trừ khổ", "Con đường tu tập để diệt trừ khổ". Biết như thật rằng: "Đây là hữu lậu", biết như thật rằng: "Đây là nguyên nhân của hữu lậu", "Sự diệt trừ hữu lậu", và "Con đường tu tập để diệt trừ hữu lậu". Ta biết như thế, thấy như thế, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và si lậu. Sau khi giải thoát thì biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: "Sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm xong, biết rõ danh sắc đời trước". Này Bà-la-môn, bấy giờ vào đêm đó Ta chứng được ba Minh. Nhờ không phóng dật nên nay được định hạnh, vô trí diệt và trí phát sanh, vô minh dứt và minh xuất hiện. Nghĩa là Ta chứng đắc thông tỏ, đạt Hữu lậu tận trí.

Lại nữa, này Bà-la-môn, đó là nếu có ai thuyết giảng về sự dứt trừ ngu si, đối với chúng sanh sanh ra nơi thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh vị ấy là tối thắng, thoát ly khỏi khổ, lạc. Này Bà-la-môn, nên biết rằng, vị thuyết giảng chân chánh ấy là Ta. Vì sao, này Bà-la-môn, Ta là người dứt trừ ngu si, xuất hiện ở thế gian, đối với chúng sanh trên thế gian này Ta là tối thắng, không bị khổ lạc chi phối.

Bấy giờ vị Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã liền bỏ gậy xuống đất, cúi đầu lạy nơi chân Đức Thế Tôn, ở trước Đức Thế Tôn, tán thán:

–Thế Tôn là tối thắng, Thế Tôn là tối diệu, Thế Tôn là tối vi diệu, Thế Tôn là không ai bằng, không ai sánh bằng Thế Tôn. Thế Tôn lìa hết mọi tai họa, không sân hận với người, trời. Bạch Thế Tôn, nay con tự quy y Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Mong Đức Thế Tôn ngày hôm nay nhận con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay cho đến trọn đời con xin xa lìa sát sanh... ngày hôm này con xin tự quy y.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, vị Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vui mừng.

□

SỐ 76

PHẬT NÓI KINH PHẠM-MA-DU

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật cùng với năm trăm vị Sa-môn du hành tại nước Tùy-đề. Bấy giờ có vị Thệ tâm (Phạm chí) tên là Phạm-ma-du, người nước Di-di (Di-tát-la), là bậc trưởng thượng, đã một trăm hai mươi tuổi, rộng thông các kinh, biết xa thiên văn, bói toán là bậc thầy dự biết mọi việc. Phạm-ma-du nghe đồn Đức Phật là con vua, sanh trong dòng họ Thích, bỏ sự cao sang, vinh hiển trong nước, làm Sa-môn, đã đắc đạo, thanh tịnh, chí tôn, cùng với năm trăm Sa-môn đang ở nước Tùy-đề giáo hóa dẫn dắt chúng sanh. Phạm-ma-du hết lời tán thán:

-Sa-môn Cù-đàm là Bậc Thánh cao tột, là Đức Như Lai, Ứng Nghi, Chánh Chân, Giác Đạo, Thần Thông, Dĩ Túc Trượng Phu, Tôn Hùng, Pháp Ngự, Chúng Thánh, Thiên Nhân Sư. Vị ấy đã trừ hết mọi cấu uế, nơi tâm ý đã dứt hết các điều ác, được tự giác, không điều gì là không biết. Vị ấy ở giữa các hàng Sa-môn, Thệ tâm, Thích, Phạm, Rồng, Quỷ vì họ thuyết pháp, phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thanh tịnh, vi diệu, cao xa, các Thánh đều nghe danh.

Phạm-ma-du giảng rộng cho đám môn đồ một cách rõ ràng:

–Đức Phật là Bậc Vô Thượng Chánh Giác, là vua của các Thánh, chúng ta nên cung kính đảnh lễ và mong được giáo hóa.

Đệ tử của vị Thệ tâm là bậc Á thánh, tên là Ma-nạp, cũng rộng hiểu kinh điển, thông tỏ như thầy, có thể xem đủ các lời sấm bí mật để biết sự việc sẽ xảy ra, biết thân Phật có ba mươi hai tướng đặc thù, là Bậc Chí Tôn không gì sánh kịp, tâm ý thông suốt tỏa sáng. Vị thầy bảo Ma-nạp:

-Ta nghe Cù-đàm là Bậc Thánh Trí Vô Thượng, chư Thiên cùng tôn thờ, nói một mình, bước một mình, bậc hùng trong các Thánh. Vậy ngươi hãy đến xem thử oai nghi biểu lộ của Ngài có đúng là bậc mô phạm cho

mọi người như người ta đã tán thán chăng? Nếu ngươi nhận thấy quả đúng như vậy, ta sẽ đến cúi lạy, tôn thờ.

Ma-nạp hỏi:

–Con nên lấy gì để quan sát?

Vị thầy đáp:

–Trong kinh há lại không nói sao? Rằng ở đời sau có một vị vua tên là Bạch Tịnh, hoàng hậu tên là Thanh Diệu, đầy đủ đức sáng sanh ra người con Thánh, là vị trời giữa trời, độc tôn trong thiên hạ, thân sắc cao một trượng sáu, có ba mươi hai tướng tốt. Nếu làm vua sẽ là vị Phi hành Hoàng đế (Chuyển luân Thánh vương), nếu xuất gia học đạo làm Sa-môn, chắc chắn sẽ thành Phật.

Ma-nạp vâng lời, đảnh lễ nơi chân thầy, đến nước Tùy-đề, liền tới chỗ Đức Phật vái chào đúng pháp rồi, lui qua một bên ngồi xuống, lắng lòng quan sát kỹ tướng tốt trên thân của Đức Phật, nhưng không thấy hai tướng: 1. Tướng lưỡi rộng dài; 2. Tướng âm mã tàng; nên trong ý nghi ngờ.

Đức Phật biết tâm của Ma-nạp có điều nghi ngờ, liền dùng thần túc hiện tướng âm mã tàng và tướng lưỡi rộng dài che luôn cả mặt, chạm tới mép tai bên trái, bên phải, rồi thu lưỡi vào miệng trở lại. Phật lại phóng ra năm sắc hào quang bay quanh thân Ngài ba vòng rồi biến mất vào nơi đảnh đầu.

Lúc ấy, trong tâm Ma-nạp rung động, vừa mừng vừa sợ, sung sướng tán thán:

–Sa-môn Cù-đàm đích thực là Đức Phật, có hảo tướng quang minh đầy đủ, thật là hi hữu trong thế gian, thật đáng để gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Bậc Chánh Giác. Ta nên kính trọng theo Ngài để học oai nghi, để hóa giải sự ngu lầm và thưa lại với thầy ta.

Ma-nạp liền tìm đến chỗ Đức Thế Tôn thiền định, nơi Ngài thường xuyên giáo hóa để cứu vớt chúng sanh. Ma-nạp hoặc nghỉ, hoặc đi đều theo Tăng chúng, chưa bao giờ ở một mình. Sáu tháng trôi qua, Ma-nạp theo Phật như bóng theo hình, đã xem đủ đức thần hóa tột vời của Đức Phật, liền cúi lạy nơi chân Đức Phật, cáo từ trở về bổn xứ. Khi đến chỗ thầy mình, Ma-nạp cúi lạy như trước, rồi ngồi xuống tòa.

Thầy hỏi:

–Thầy bảo con đi quán sát oai nghi của Bậc Thiên Tôn Cù-đàm, về tướng tốt, thần hóa có đúng như mọi người tán dương? Không ngoa

chăng? Nếu đúng như vậy ta sẽ đến đảnh lễ nơi chân Ngài để tỏ lòng cung kính.

Ma-nạp thưa:

–Đức Phật có tướng tốt, thần đức hơn cả trời, vòi vọi khó nêu bày hết được. Dù cho Đế Thích hay Phạm Thiên cũng không thể sánh kịp. Các Thánh cũng không thể lượng tính nổi, các bậc Hiền xưng tán dù đến ức năm cũng không được một phần của Ngài, huống chi trí tuệ chỉ như ánh sáng đom đóm của con mà xưng tán sao hết được. Con chỉ nói một cách tóm lược về ba mươi hai tướng hơn trời của Đức Phật mà thôi. Đó là:

Sa-môn Cù-đàm có tướng lòng bàn chân bằng phẳng.

Tướng lòng bàn tay và lòng bàn chân của Ngài có hình bánh xe, bánh xe có một ngàn căm.

Tướng xương của Ngài đóng kín lại như móc câu.

Tướng ngón tay, ngón chân dài.

Tướng gót chân đầy.

Tướng tay chân mềm mại, lòng bàn tay có thể nắm ngược ra ngoài.

Tướng bàn tay, bàn chân của Ngài đều có màn lưới.

Đùi của Ngài như tướng đùi hươu chúa.

Có tướng âm mã tàng.

Tướng sắc thân Ngài có màu vàng tía, sáng láng rực rỡ.

Tướng thân Ngài giống như kim cương, tuyệt đối không có chút bẩn.

Tướng da thịt mềm mại, bụi nước không thể dính vào thân được.

Tướng mỗi lỗ chân lông đều mọc một sợi lông.

Tướng lông có màu xanh biếc, xoắn theo phía phải.

Tướng thân vuông vức.

Tướng phần trên thân như thân sư tử.

Tướng thân không khòm, thân như thân của Phạm thiên.

Tướng hai vai liên tiếp qua cổ đầy đặn.

Tướng khi đứng thẳng, hai tay sờ tới gối.

Tướng cằm như cằm sư tử.

Tướng có bốn mươi cái răng.

Tướng răng vuông vức.

Tướng răng đều đặn.

Tướng răng trắng trong, không ai sánh bằng.

Tướng lưỡi rộng dài.

Tướng răng có mùi vị bậc nhất.

Tướng tiếng nói như tiếng trời Phạm thiên.

Tướng bảy chỗ trên thân (hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ) đầy đặn.

Tướng trong mắt màu trắng có sắc xanh biếc.

Khóe mắt của Ngài trên và dưới đầy đặn như trâu chúa.

Tướng có một sợi lông trắng giữa hai hàng lông mày.

Tướng trên đảnh có nhục kế, rực rỡ hơn cả mặt trời, mặt trăng.

Sa-môn Cù-đàm có đầy đủ ba mươi hai tướng cao nhã, không thiếu tướng nào. Hình dáng thần diệu tuyệt vời, rất đặc thù, quý giá, vốn hy hữu từ xưa. Con xem lúc Cù-đàm cất chân bước đi, cử chân phải bước lên trước, dài, ngắn, chậm hay mau đều hợp với oai nghi. Khi đi, hai gót chân không chạm vào nhau, thân ngay thẳng, hai vai không lay động. Nếu Ngài nhìn lui, không dùng sức, đứng ngay thẳng, bỗng nhiên quay ra sau mà thân không quay, đầu không cúi xuống, không ngước lên, chưa từng liếc ngó, oai nghi lúc bước đi là như vậy. Những lần Sa-môn Cù-đàm đi, chư Thiên dâng lộng báu, rải hoa xuống như tuyết rơi, Trời, Rồng, chim bay không dám bay lên trên. Chúng sanh trong ba cõi đều không thấy đảnh tướng của Ngài. Chư Thiên tấu nhạc đi theo để đưa. Long thần, Địa kỳ sửa đường ngay thẳng, không có cao thấp. Chân Ngài bước đi có in tướng bánh xe trên mặt đất, hào quang tỏa chiếu rực rỡ đến bảy ngày mới hết, cây rừng cúi đầu kính ngưỡng như người quỳ lạy đảnh lễ. Khi Ngài hành động luôn phù hợp với sự cầu thỉnh. Xà nhà cao hay thấp Ngài vẫn để thân ngay thẳng mà vào, xà nhà không nâng cao thêm mà Cù-đàm vẫn không cúi thấp xuống. Lúc ngồi, Ngài ngồi giữa giường, không nhô tới trước cũng không lui về sau. Ngài chéo tay mà ngồi, không hề chỉ trỏ, không có chống cằm. Khi xuống giường không cần cong mình mà bỗng nhiên bước tới đất. Dù Thiên ma có mang chất độc dược tới hại, nhưng tâm Ngài vẫn không sợ hãi, mặt phát ra hào quang, độc kia tự giải. Lòng từ thương xót chúng sanh nên độc nào cũng tiêu. Ngài dùng bát lấy nước thì bát không nghiêng một bên, không hất cao lên, nước cũng không nhiều không ít. Lúc rửa bát, nước và bát đều vắng lặng, không có một tiếng chao động nhỏ. Ngài chưa bao giờ để bình bát dưới đất. Trong lúc rửa tay, tay và bát đều sạch. Lúc đổ nước trong bát ra hoặc cao, thấp xa gần đều thích hợp với chỗ muốn đổ. Lấy bát để nhận cơm, cơm không làm dơ bát. Khi đưa cơm vào miệng, nhai cơm, ba lần đưa cơm quanh miệng mới nuốt. Hạt cơm lúc Ngài ăn đều nát, không dính ở kẽ răng, thức ăn có bao nhiêu

mùi vị Ngài đều phân biệt biết hết. Ngài ăn vừa đủ để nuôi thân, không phải để vui sướng. Cù-đàm thọ thực là vì tám nhân duyên:

Không phải để vui chơi.

Tâm không có tà hạnh.

Chí muốn vô dục.

Không có hành động xảo ngụy.

Xa lìa phiền não trong ba cõi.

Khiến tâm đạo vắng lặng, nương vào phước, được độ thoát, đoạn trừ sự thọ nhận của mười hai biển (mười hai nhân duyên).

Diệt trừ tội cũ để được đạo lực.

Giữ định Bất tưởng không tịch.

Rồi Ngài rửa bát như trước. Đối với pháp y, bình bát, ý Ngài không ghét bỏ cũng không tham đắm. Ngài vì người bố thí chú nguyện, thuyết kinh xong thì trở về tinh xá, không nói với đệ tử là ăn ngon, ăn dở. Ngài ăn xong đồ ăn tự tiêu hóa, không có sự dơ bẩn của việc đại tiểu tiện. Khi vào phòng, luôn tĩnh lặng, tư duy sâu xa nơi các định, trong thời gian ngắn liền xuất định, chưa từng sai giờ. Ngày đêm không ngủ nhưng không bao giờ thiếu ngủ. Rộng giảng bày pháp rõ ràng để khuyên dạy, sách tấn đệ tử, khiến họ được nhập đạo. Không dùng tài sắc là hạnh làm ô uế đạo để dạy cho các đệ tử. Ngài thuyết pháp sâu xa vi diệu, mà chẳng hề thấy nghe được ở các sách của Tiên thánh, khiến mọi người hứng khởi, thanh tịnh hành đạo. Lúc kinh hành, Ngài không quay đầu liếc ngó. Nếu lúc đắp y, tư thế y không lơi khỏi thân, bụi không dính vào thân. Pháp phục nơi thân Ngài cao thấp, lúc gấp lúc hoãn đều đẹp. Khi vào vườn rửa chân, không cần chà rửa mà chân tự sạch. Thân sắc Ngài rạng ngời giống như vàng ròng.

Ý Ngài không tham đắm nơi ái dục, tâm như hư không, lúc ngồi thiền định, tâm ý rỗng lặng, dứt mọi tưởng chấp. Ba độc, bốn thống (thọ), năm ấm, sáu nhập, bảy sự trói buộc, tám sự tối tăm (bát mông), Ngài đều dùng trí tuệ vô thượng để tiêu diệt tất cả. Ngài dùng định: không, bất nguyện, vô tướng, đoạn trừ chín thần xứ, dùng mười thiện để tiêu trừ mười ác. Ngài nói mười hai bộ kinh là để nhổ sạch cội rễ của mười hai nhân duyên, sáu mươi hai tà kiến, các thứ tác hại của tà kiến, phiền não xấu ác, làm cho tâm niệm uế trược được hoàn toàn vắng lặng. Ngài dùng bốn tâm vô lượng Đại thừa để tự độ thân cao quý và cứu vớt chúng sanh, thuyết giảng về những giáo pháp làm khuôn mẫu lớn cho đời. Đệ tử chưa thưa

hỏi mà Ngài đã tự cười, miệng phóng ra luồng ánh sáng bao quanh Ngài ba vòng rồi từ từ biến mất.

Tôn giả A-nan sửa lại y phục, cúi lạy thưa:

–Thuyết pháp có mấy loại tiếng?

Đức Phật liền đáp:

–Âm thanh lớn để thuyết pháp có tám loại: tiếng rất hay, tiếng dễ hiểu, tiếng dịu dàng, tiếng điều hòa, tiếng trí tuệ tôn kính, tiếng không nhầm lẫn, tiếng sâu xa vi diệu, tiếng không yếu ớt. Lời nói không rơi rớt, thiếu sót, không có lỗi lầm. Mỗi lần thuyết giảng kinh, rộng khắp hai mươi bốn cõi trời Phạm thiên, Đế Thích, Tứ thiên vương, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, trong đó có chư thần, Đế vương, dân chúng, rồng, quỷ, thảy đều tụ hội, cung kính đảnh lễ, nghe kinh. Âm thanh thuyết giảng kinh đều được các đối tượng lãnh hội, thông tỏ. Trí tuệ của Phật như biển rộng, ngàn sông vạn dòng đều chảy về. Sông suối ngòi lạch đều tràn trề mà nước nơi biển cả không hề tăng giảm. Trí tuệ sáng tỏ của Phật còn hơn cả biển rộng ấy. Chúng sanh thọ nhận sự chỉ dạy từ trí tuệ ấy đều được đầy đủ. Trí tuệ của Phật luôn thể hiện trọn vẹn, không chút thiếu sót, dù chỉ trong một khoảng cách nhớ. Phật thuyết giảng kinh xong, các bậc khai sĩ, chư Thiên, vua quan, dân chúng, rồng quỷ, không ai là không hân hoan, cúi lạy ra về, dốc sức phụng trì thực hành. Rồi Đức Phật đi vào phòng ngồi im lặng. Chưa từng thấy uy đức của Bậc Vô Thượng Thiên Tôn lại tỏ ra khinh mạn đối với đệ tử và các chúng sanh.

Con theo Đức Cù-đàm trong sáu tháng như bóng theo hình, quan sát đầy đủ lúc Ngài đi, ở, lúc kinh hành, lúc vào thất, tắm rửa, súc miệng, ăn uống chú nguyện, thuyết giảng kinh, lúc khuyến khích đệ tử, lúc thiền định...

Ma-nạp thưa:

–Cung cách, dáng dấp uy nghi của Cù-đàm là như vậy. Sự trình bày của con giống như một giọt nước trong biển cả, vì đấy phải là chỗ tâm tưởng của các bậc Thánh có thể biết được, chẳng phải là chốn chư Thiên có thể đạt tới, đất trời không thể luận bàn được. Tột vời thay Bậc Vô Thượng. Mênh mông không biết đâu là bờ bến, không thể đo lường, tính toán, khó mà nói cho hết được.

Phạm-ma-du nghe đệ tử nói về đức độ của Đấng Thiên Sư, ngạc nhiên rơi nước mắt, nói:

–Tuổi của ta như mặt trời sắp lặn, thật chỉ sống uổng chết uổng mà

không thấy được Bậc Trí Tuệ Vô Thượng, thầy của trời.

Phạm-ma-du nói tiếp:

-Ta nên đến gặp để thấy được Đức Phật, dù chết cũng vui sướng.

Rồi than thở:

-Người ngu tuy có tuổi thọ của đất trời nhưng nào khác gì đất đá!

Ông liền đứng lên, sửa lại y phục, năm vóc gieo xuống đất, cúi lạy ba lần, nói:

–Con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy mạng Thánh chúng. Mong cho những ngày tháng còn lại của đời mình được gần gũi chiêm ngưỡng, lễ bái Thế Tôn và mong được hóa độ.

Đức Phật dùng ánh sáng của sáu thứ thần thông thấy Phạm-ma-du tự quy y Phật, nên từ xa Ngài đã thọ nhận việc ấy.

Đức Phật từ nước Tùy-đề, đến nước Di-di, ngồi bên một gốc cây. Quốc vương, các quan, dân chúng, các hàng Thệ tâm, Lý gia dần dần truyền nhau:

–Sa-môn Cù-đàm xuất thân từ dòng họ Thích, con của vị đế vương, ở tại Xa-lệ, nhưng nay đã tu phạm hạnh, tâm ý luôn giản dị, tịch tĩnh, không có sự ô uế của tham dâm, sự độc hại của giận dữ, sự tối tăm của ngu si, là Bậc Tối Thượng trong các bậc Thánh, giống như trong các ngôi sao có mặt trăng, thần đức rưới khắp, chư Thiên tôn kính, là Đức Như Lai, Ứng Nghi, Bậc Chánh Chân Giác, đã dứt hết mọi cấu uế, tối tăm, trí tuệ sáng ngời tỏa chiếu. Thần thánh tuy nhiều cũng không sánh kịp. Bậc ấy đứng giữa trời đất, mọi loài đối với những sự việc vi tế, ẩn giấu, sâu xa trong mười phương nơi hiện tại, hay những mầm mống chưa sanh ở vị lai, chẳng chuyện gì mà chẳng biết. Những lời hay đẹp của Phật giảng nói, chỉ dạy đều chân thật.

Quốc vương, quần thần, các hàng Thệ tâm, cao sĩ cùng nói:

-Sanh thời chúng ta phải được gặp Bậc Thiên Sư, Bậc Tôn quý, tối thượng, nên đến đảnh lễ để được thấm nhuần sự giáo hóa thần diệu.

Do đó, họ cùng nhau tụ tập, xe ngựa, bộ hành tất cả cùng đến chỗ Phật, người thì cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật, người thì quỳ xuống thi lễ đúng pháp, người thì tự nói lên tên họ mình, rồi đều ngồi xuống im lặng.

Phạm-ma-du nghe Đức Phật cùng Thánh chúng đồng đến nước Di-di, vô cùng vui mừng, bảo các đệ tử cùng đến chỗ Đức Phật. Vừa tới ven rừng, vị ấy bèn nghĩ:

–Trước hết, ta hãy bảo người đến nói lên tấm lòng chí thành của ta đối với Đức Phật. Nếu tự mình đi thẳng tới phải chăng là không đúng pháp?

Ông liền bảo đệ tử:

–Ngươi hãy nhân danh ta, đến cúi lạy nơi chân Đức Phật, thưa: Thệ tâm (Bà-la-môn) Phạm-ma-du, đã một trăm hai mươi tuổi, khao khát được nghe lời dạy của Bậc Thánh, muốn được chiêm ngưỡng quy kính ngọn gió mát lành. Thưa Cù-đàm, thân thể có thường an lạc, tự tại, vô dục chăng? Nay con đến xin yết kiến.

Người đệ tử đảnh lễ thầy, liền đến chỗ Đức Phật, cúi lạy xong, trình bày đầy đủ lời thỉnh cầu của thầy mình, rồi người ấy hướng về phía Đức Phật, tán thán thầy mình:

–Quốc sư Phạm-ma-du rộng biết các kinh, thông suốt hết những lời sấm ký bí mật, luôn ở yên nơi chốn thanh tịnh, dự biết về thiên văn, sách bói toán, biết việc tốt, việc xấu, không gì là không tường. Nhưng vì ở đời này có Bậc Tôn Quý, Thầy của trời, thân cao một trượng sáu, da có màu vàng tía, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, là vị trời giữa trời, là vua trong các Thánh, cho nên nay thầy con đến quy mạng Tam Tôn, hiện đang đứng bên ngoài rừng cây, chưa dám vào, mong được ra mắt Thế Tôn để cung kính Ngài.

Đức Thế Tôn nói:

–Lành thay! Mời vào.

Người đệ tử vâng lệnh trở ra, đem lời dạy rõ ràng của Đức Phật nói lại với thầy. Vị thầy liền cúi lạy dưới đất, rồi vui mừng bước vào. Các Thệ tâm, Trưởng giả, Lý gia ở trong nước đang có mặt ở đây, từ xa thấy thầy mình bước vào, nên cung kính vòng tay, cúi đầu. Phạm-ma-du nói với mọi người:

-Các ngươi hãy ngồi yên. Nay ta xin ngồi gần bên pháp ngự của Đức Thế Tôn Cù-đàm.

Ông liền lấy năm vóc gieo xuống đất, cúi lạy nơi chân Đức Phật, rồi cung kính ngồi xuống, im lặng lắng lòng nhìn kỹ tướng của Đức Phật, thấy ba mươi diệu tướng, có hai tướng không hiện, liền sanh nghi, cúi lạy dưới đất, dùng kệ hỏi Đức Phật:

Trong kinh điển Phạm chí
Sấm ghi điều quan trọng
Vua Tịnh Phạn trị nước

Hoàng hậu tên Thanh Diệu
Thái tử tên Tất-đạt
Thân sắc màu vàng ròng
Thân có tướng Thiên tôn
Nhẫn uế thành Pháp ngự
Tướng Chánh chân Vô thượng
Đủ ba hai tướng chăng?
Âm mã tàng trinh khiết,
Vô dục đặc biệt chăng?
Đâu tướng lưỡi rộng dài?
Che mặt, chạm tới tai
Thuyết pháp hơn các Thánh
Phạm, Thích khó được nghe
Thầy dẫn đường trời, người
Dứt hết các nghi ngờ
Giữ đạo, sống an nhàn
Đời sau thành Phật chăng?
Phật chứng đắc Nê-hoàn
Xa lìa hẳn ba cõi
Tâm, ý, thức, linh diệu
Diệt các khổ được chăng?

Phạm chí đã bày tỏ điều nghi trong tâm mình. Đức Phật biết rõ trong tâm của Phạm chí nghi về hai tướng, liền dùng thần túc hiện tướng Âm mã tàng, rồi hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cả mặt, chấm đến hai bên mép tai. Hào quang trong miệng tỏa chiếu sáng cả nước Di-di, bay vòng quanh thân Ngài ba vòng rồi trở vào miệng. Đức Phật đáp:

–Điều ông hỏi về ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ, thân sắc của Ta đầy đủ tất cả, chẳng thiếu tướng nào. Từ vô số kiếp đến nay, Ta luôn tu tập hành hóa bốn Đẳng tâm, tu các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cứu độ chúng sanh như tự giữ mình, dứt tham dục, niệm không, giữ định vô tưởng, những cấu uế nơi tâm đã trừ sạch, không còn hiện hữu nữa. Từ khi tu tập hạnh ấy đến nay, các thứ tai ương đều dứt, vạn điều thiện chứa nhóm liền thành thân Phật, tướng tốt quang minh, đi một mình trong ba cõi, vĩnh viễn xa lìa sự ngu si tối tăm trong năm đường, được trí tuệ vô thượng, chí tôn, cho nên gọi là Phật. Nếu có sự độc hại của tham dâm, giận dữ, ngu si, sự tối tăm của năm ấm, sáu trần, dù nhỏ như sợi tơ sợi tóc còn sót lại ở tâm thì vẫn không thành tựu quả Phật.

Chưa có người, vật nào bì kịp. Mọi tâm niệm của chúng sanh hiện tại hoặc từ phương nào đến, trong vô số kiếp chưa rõ, những sự lẫn giấu, sâu xa vi tế, nếu có điều nào không biết, thì đó chẳng phải là Phật. Bốn vô sở úy, tám tâm thinh, mười lực, mười tám pháp bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nếu thiếu một pháp thì chẳng phải là Phật. Nay Ta đầy đủ, chẳng thiếu pháp nào, cho nên gọi là Phật. Sa-môn đã được đạo quả Ứng nghi (A-la-hán), có thể phân một thân ra thành mười thân, mười thân thành trăm thân, trăm thân thành ngàn thân, ngàn thân thành vạn thân, vạn thân thành vô số thân; lại có thể hiệp vô số thân trở lại thành một thân. Lấy ngón chân ấn xuống mặt đất thì ba ngàn Đại thiên thế giới thảy đều chấn động. Nhờ tâm hành được định vô dục nên mới có khả năng như vậy, huống gì là Phật. Uy đức nơi một tướng lông mày của Phật, hằng sa sự việc có thể biết được uy đức của tướng nơi giữa lông mày ấy còn khó có thể trù tính, huống chi là uy đức nơi toàn thân Ngài?

Lại nói:

–Phạm chí tin Phật, quy y nơi Tam Tôn thì đời hiện tại được an ổn, lúc mạng chung được sanh lên cõi trời. Nếu trong tâm có điều nghi vấn thì thưa hỏi, đừng ngại khó khăn.

Phạm chí Phạm-ma-du suy nghĩ: "Những điều Sa-môn Cù-đàm nói ra đều sâu xa huyền diệu, ta chẳng còn gì để hỏi nữa". Rồi nghĩ: "Nay ta nên hỏi việc đời hiện nay, hay việc đời sau?". Trong ý ông lại nghĩ: "Những việc trọng yếu của ba đời, chỉ có Phật là biết rõ, đâu phải các hàng tiên, thánh, quần nho mà thông tỏ được". Phạm chí thưa:

–Sao gọi là Thệ tâm? Sao gọi là Thông đạt? Sao gọi là Tịnh? Sao gọi là Tịch nhiên? Sao gọi là Phật?

Đức Phật đáp:

–Ta sẽ dùng lời chân thật để giải thích cho ông, hãy lắng lòng mà nghe: Người đạt được ba thần túc thì gọi là Thệ tâm. Biết rõ việc xưa, phân biệt nơi chốn sanh ra, dùng đạo nhãn nhìn xem núi đá, núi đá vẫn không ngăn che được, khai mở sự tối tăm, giải thích mọi nghi ngờ, thấu rõ sự việc của ba đời, gọi là Thông đạt. Do đạt được Lục thông, bao thứ cấu uế nơi tâm đã trừ sạch, gọi là Tịch nhiên. Đã diệt ba độc, tâm như vàng ròng gọi là Thanh tịnh. Gốc vô minh của sanh tử được diệt sạch hoàn toàn, đạo hạnh thanh tịnh rưới khắp ba cõi, các si mê đã tìm ra, chẳng có gì mà chẳng thấu tỏ, đạt được Nhất thiết trí, nên tôn hiệu là Phật.

Phạm chí vui mừng đứng dậy, rồi năm vóc gieo xuống đất, cung

kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật, dùng miệng hôn nơi chân rồi lấy tay xoa bên chân Đức Phật, lại tự xưng tên:

–Con là Thệ tâm Phạm-ma-du, nay xin quy mạng Đức Phật, quy mạng Pháp và quy mạng Tăng.

Ông rơi nước mắt, nói tiếp:

–Chúng sanh chúng con tăm tối vì bị sáu trần che lấp, thấy Phật không thờ, thấy kinh không đọc, thấy Sa-môn không có tâm kính yêu, không mong nhờ sự giáo hóa thần diệu nên mãi mãi lầm lạc.

Các môn đồ của Phạm chí thấy thầy của mình hết lòng quy kính như thế, nên nhìn nhau, nói:

-Tôn sư của chúng ta thấu triệt kinh điển, không sách nào là không xem, danh tiếng vang lừng bốn nước, các học sĩ đều tôn thờ, nay còn cúi mình, chắp tay đảnh lễ nơi chân Cù-đàm, huống chi là chúng ta!

Đức Phật bảo Phạm chí:

–Hãy lại ngồi xuống! Ta sẽ khai mở ánh sáng nơi tâm ông, để ông có trí tuệ tin tưởng chân chính, hướng tới Đức Như Lai.

Ông ta vâng lời, ngồi xuống. Đức Phật lại thuyết giảng về công đức của sự trì giới, phước báo của sự bố thí, sự lìa bỏ nẻo uế trược trói buộc của gia đình, khen ngợi hạnh cao tột của đạo giải thoát. Đức Phật biết Phạm chí là bậc Thượng sĩ, tâm luôn vui thích việc hiểu rộng. Đức Phật giảng nói cho ông nghe về chỗ trọng yếu của đạo giác ngộ: vạn mối khổ đau đều do thân mà ra, người có trí tuệ quán chiếu biết ấy là sự mê lầm, nên ngược dòng tìm gốc, đạt được cái gốc không, gọi là bậc Thượng sĩ trí tuệ sáng tỏ thấu đạt chân đế, chúng sanh không biết sự khổ nơi thân tâm rất nhiều, khổ là do Tập sanh, bậc Thượng sĩ biết như vậy, sự biết rõ ấy là chân đế, các pháp trong ba cõi như huyễn, có hợp phải có ly, vậy cái gì thạnh mà không suy? Nhân duyên hợp tức tai họa sanh, nhân duyên ly tức khổ diệt. Bậc Thượng sĩ quán sát ngay từ gốc mới biết nó vốn không. Sự biết rõ ấy là chân đế. Nhờ biết vốn không nên thông đạt các pháp nơi ba cõi. Tâm không, hạnh tịch, không mong cầu các dục, được định vô tưởng, trong tâm luôn giữ ba ngôi tôn quý là được.

Tâm Phạm chí khai mở, giống như tấm vải trắng phau, không chút cáu bẩn, đem nhuộm thành màu sắc. Tâm Phạm chí cũng vậy, đã nhiều kiếp thường tôn thờ chư Phật, gìn giữ giới thanh tịnh, nên nay nghe Đức Thế Tôn dạy, hiểu tất cả đạo pháp Giác ngộ Chánh chân Vô thượng. Tâm ô nhiễm diệt sạch, nhập vào ba cửa giải thoát, lìa hẳn các khổ. Ông lại

bạch Phật:

–Lúc chưa thấy Đức Phật, con đã thực lòng đi theo nẻo sai lầm, bị mắt mù che lấp, tin người cuồng ngu, gọi đó là chân đế. Nay được gặp Phật, bệnh cuồng đã hết, cái thấy mù, cái nghe điếc, lời nói như câm, thân như gù, người như ở nhà tù... Tất cả đã được thoát khỏi. Mãi làm kẻ khổ đau, ngu lầm, sống uổng chết uổng, không nếm được mùi vị chân chánh đạo của Bậc Thiên Tôn, cứ mãi ở trong cảnh lửa cháy, cuộc đời của con khổ đau biết bao! Nay may mắn được gặp Đức Phật, đã thuyết giảng cho con nghe về chỗ sâu xa của đạo giác ngộ, khiến con được trở về với gốc là hoàn toàn giải thoát. Từ nay về sau, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng, nguyện làm Thanh tín sĩ, giữ lòng nhân từ, không sát sanh, sống tri túc không trộm cắp, tâm ý trinh khiết không dâm, giữ chữ tín không nói dối, hết lòng hiếu thảo, không uống rượu say sưa. Xin Đức Thiên Tôn thương xót con! Sáng mai con thỉnh Ngài cùng Thánh chúng hạ cố thọ dụng bữa cơm đạm bạc của con cúng dường.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Phạm chí hết lòng vui mừng, cúi lạy nơi chân Đức Phật, rồi trở về nhà, lo sửa soạn bữa cơm cúng dường đủ các món ngon vật lạ. Vào lúc hừng sáng, đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ, quỳ gối, cung kính bạch Đức Phật:

-Nay đã đúng thời, cúi mong Đức Thế Tôn hạ cố.

Đức Phật mặc pháp phục, cùng Thánh chúng đồng đến nhà Phạm chí, tất cả đều ngồi xuống pháp tòa. Phạm chí tự tay múc nước rửa, hết lòng cung kính cúng dường. Như vậy cho đến bảy ngày.

Đức Phật thuyết pháp, giáo hóa, chỉ dẫn cho ông nghe xong, rồi Ngài cùng Thánh chúng trở về nước Tùy-đề. Sau đó không bao lâu thì Phạm chí mạng chung. Các Tỳ-kheo nghe như vậy, cùng thưa với Đức Phật:

-Bạch Thế Tôn, Phạm chí này mạng chung sẽ sanh vào đâu?

Đức Thế Tôn bảo:

-Phạm chí này là bậc Thánh tâm hiểu rộng, sẽ được quả Bất hoàn, năm thứ phiền não ngăn che cái đã hết, thanh tịnh như vàng ròng, vị ấy ở đó được thanh tịnh, đắc quả Ứng chân đạt đến Vô vi.

Đức Phật nói kinh xong, các Tỳ-kheo đều vui mừng phụng hành.

□

SỐ 77

PHẬT NÓI KINH TÔN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư
Trúc Pháp Hộ, người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Lô-da-cường-kỳ ở tại Thích-ky-sấu, trong hang A-luyện-nhã. Sáng sớm Tôn giả Lô-da-cường-kỳ thức dậy, ra khỏi hang động rồi đến chỗ đất trống để bày giường dây, trải tọa cụ xong ngồi kiết già.

Khi ấy có một vị trời hình sắc cực đẹp, vào lúc rạng đông đi đến chỗ Lô-da-cường-kỳ, cung kính đảnh lễ nơi chân Tôn giả rồi đứng qua một bên. Do ánh sáng của vị trời ấy chiếu nên cả hang động đều được chiếu sáng. Vị trời ấy đứng qua một bên rồi bạch với Tôn giả Lô-da-cường-kỳ:

–Này Tỳ-kheo, này Tỳ-kheo! Tôn giả có trì bài kệ Hiền thiện và giải nghĩa bài kệ ấy được chăng?

Tôn giả Lô-da-cường-kỳ đáp:

–Này vị trời, tôi không có trì bài kệ Hiền thiện và giải thích ý nghĩa bài kệ ấy được. Còn ông này vị trời, ông có thọ trì bài kệ Hiền thiện và giải nghĩa được chăng?

Vị trời ấy đáp:

–Này Tỳ-kheo, tôi có thọ trì bài kệ Hiền thiện nhưng không giải nghĩa được.

–Vì sao vậy? Ông đã thọ trì bài kệ Hiền thiện nhưng không giải nghĩa được?

–Này Tỳ-kheo, vào một thời nọ, tôi nghe Đức Thế Tôn ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt-kỳ nói bài kệ Hiền thiện này cho các Tỳ-kheo:

Quá khứ đừng nhớ nghĩ

Tương lai chớ mong cầu
Quá khứ đã mất rồi
Tương lai thì chưa đến
Chỉ có pháp hiện tại
Mỗi mỗi phải tư duy.
Ý niệm không bền lâu
Kẻ trí nên tự giác
Được rồi cần tinh tấn
Bậc trí đâu lo chết
Tâm ta cứ miệt mài
Sự chết ai thoát được?
Luôn an trụ vững chắc
Ngày đêm không rời bỏ
Kệ Hiền thiện như vậy
Người nên quán như thế.

Này Tỳ-kheo, tôi đã thọ trì bài kệ Hiền thiện này mà không giải nghĩa được.

–Vậy thưa vị trời, ai thọ trì bài kệ Hiền thiện và có thể giải nghĩa được?

–Này Tỳ-kheo, Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, Ngài thọ trì bài kệ Hiền thiện này và giải nghĩa được. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy theo Đức Thế Tôn thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa của nó, hãy khéo suy nghĩ, nhớ đọc tụng và thọ trì. Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo, bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ là diệu nghĩa, là chánh pháp, đưa đến phạm hạnh, thành tựu thần thông, là con đường hành hóa của bậc Chí tôn, tương ưng với Niết-bàn. Này vị Tộc tánh tử, đã tin và vui thích học đạo; tin và vui thích xuất gia, bỏ nhà để tu tập đạo giải thoát, nên thọ trì bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ, phải khéo suy tư, nhớ nghĩ và phụng trì.

Vị trời ấy nói xong, đảnh lễ nơi chân Tôn giả Lô-da-cường-kỳ, nhiễu quanh chỗ Tôn giả xong liền biến mất.

Bấy giờ Tôn giả Lô-da-cường-kỳ, sau khi vị trời ấy đã đi không bao lâu, bèn đến Thích-ky-sấu để thọ tuế. Thọ tuế qua ba tháng xong, đã may y rồi, nên Tôn giả mang bát đến nước Xá-vệ, tuần tự đi đến nước ấy, dừng chân ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả Lô-da-cường-kỳ đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật rồi đứng qua một bên, thưa:

–Thưa Thế Tôn, một thời con ở tại Thích-ky-sấu, trong hang động tịch mịch. Thưa Thế Tôn, sáng sớm con thức dậy, ra khỏi hang, đến chỗ đất trống để bày giường dây, trải tọa cụ xong, con ngồi kiết già. Khi ấy có một vị trời hình sắc cực đẹp, vào lúc rạng đông đi đến chỗ con, đảnh lễ nơi chân con, rồi đứng qua một bên. Ánh sáng của vị trời ấy chiếu sáng cả hang động. Vị trời ấy đứng qua một bên rồi nói với con: "Này Tỳ-kheo, này Tỳ-kheo! Tôn giả có thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy chăng?"

Con trả lời vị trời ấy: "Này vị trời, tôi không có thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy. Thưa vị trời, vậy ông có thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy chăng?"

Vị trời ấy trả lời: "Này Tỳ-kheo, tôi có thọ trì bài kệ Hiền thiện, nhưng không biết ý nghĩa của bài kệ".

"Này vị trời, vì sao ông thọ trì bài kệ Hiền thiện mà lại không hiểu ý nghĩa của bài kệ?"

"Này Tỳ-kheo, vào một thời nọ, tôi nghe Đức Thế Tôn ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt-kỳ, nói bài kệ Hiền thiện này cho các Tỳ-kheo nghe, nhưng Ngài không có giải nghĩa. (Bài kệ như trên). Như vậy, này Tỳ-kheo, nên tôi thọ trì bài kệ Hiền thiện mà không hiểu được ý nghĩa".

"Này vị trời, vậy làm sao? Ai thọ trì bài kệ Hiền thiện và có thể giải nghĩa được bài kệ ấy?"

Vị trời nói: "Này Tỳ-kheo, Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-vệ, Ngài thọ trì bài kệ Hiền thiện này và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy. Cho nên này Tỳ-kheo, nên theo Đức Thế Tôn thọ trì bài kệ Hiền thiện và tụng đọc lãnh hội ý nghĩa bài kệ này, hãy suy tư, nhớ nghĩ và phụng hành. Vì sao vậy? Này Tỳ-kheo, bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ ấy là diệu nghĩa, là chánh pháp, là con đường dẫn tới phạm hạnh, thành tựu được thần thông, cho đến đạo quả cao tột, cùng tương ưng với Niết-bàn. Này Tộc tánh tử, đã tin, vui học đạo; tin vui xuất gia, bỏ nhà để tu tập đạo giải thoát, nên thọ trì bài kệ Hiền thiện và học hiểu ý nghĩa của bài kệ ấy. Hãy khéo tư duy, nhớ nghĩ và phụng trì".

Vị trời ấy nói xong, lạy nơi chân con, nhiễu quanh chỗ con rồi bỗng nhiên biến mất.

Phật bảo:

–Này Cường-kỳ, Tôn giả có biết tên vị trời ấy không?

–Bạch Thế Tôn, con không biết tên của vị trời ấy.

–Này Cường-kỳ, vị trời ấy tên là Bát-na-mạt-nan Thiên tử, là vị Đại tướng ở cõi trời Tam thập tam.

–Bạch Thế Tôn, nay đã đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay đã đúng lúc. Mong Đức Thế Tôn nói bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ cho các Tỳ-kheo nghe. Khi Đức Thế Tôn giảng dạy rồi, các Tỳ-kheo sẽ phụng trì.

–Này Cường-kỳ, hãy nên khéo suy nghĩ, lắng nghe, hãy khéo tư duy nhớ nghĩ, Ta sẽ giảng nói.

–Như vậy, thưa Thế Tôn!

Tôn giả Lô-da-cường-kỳ thọ nhận lời dạy của Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói bài kệ ấy (như trên).

–Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo nhớ nghĩ quá khứ? Này Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc quá khứ hoặc vui mừng, tham đắm, trụ chấp trong đó; hoặc đối với thống (thọ), tưởng, hành, thức ở quá khứ hoặc vui mừng, tham đắm, trụ chấp trong đó, như vậy, này Cường-kỳ, là Tỳ-kheo nhớ nghĩ quá khứ.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ? Này Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc quá khứ không thích, không đắm, cũng không trụ chấp trong đó; đối với thống (thọ), tưởng, hành, thức trong quá khứ cũng không thích, không đắm, không trụ ở trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu ở tương lai? Này Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo mong cầu sắc ở tương lai, hoặc vui mừng, hoặc tham đắm, hoặc ở trong đó; hoặc đối với thống, tưởng, hành, thức ở tương lai, hoặc vui mừng, tham đắm, hay trụ ở trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, đó là Tỳ-kheo nhớ nghĩ về tương lai.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không mong cầu ở tương lai? Này Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc ở vị lai, không vui mừng, không tham đắm, không trụ ở trong đó; hoặc đối với thống, tưởng, hành, thức ở tương lai cũng không vui mừng, không tham đắm, không trụ ở trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, đó là Tỳ-kheo không mong cầu ở tương lai.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo suy nghĩ về pháp hiện tại? Này Cường-kỳ, đó là hoặc Tỳ-kheo ưa thích sắc hiện tại, tham đắm trong đó, an trụ chấp trong đó; đối với thống, tưởng, hành, thức ở hiện tại cũng ưa thích, tham đắm và trụ chấp trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, đó là gọi là Tỳ-kheo suy tư, nhớ nghĩ pháp hiện tại.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo ngay trong hiện tại không suy lường nhớ nghĩ? Này Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc hiện tại không có ưa thích, không tham đắm, không trụ chấp; đối với thống, tưởng, hành, thức cũng không ưa thích, không tham đắm, không trụ chấp trong đó. Đó là Tỳ-kheo đối với pháp hiện tại không suy tư nhớ nghĩ.

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả Lô-da-cường-kỳ nghe lời Đức Thế Tôn giảng nói, hoan hỷ vui mừng.

□

SỐ 78

PHẬT NÓI KINH ĐÂU ĐIỀU

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, trong nước ấy có một vị Bà-la-môn tên là Đâu Điều. Ông ta có một người con trai tên là Cốc. Đâu Điều là người xấu ác, thường ưa mắng chửi, thân chết đầu thai thành chó, sanh trở lại nhà mình, tên của chó là Loa. Con trai ông ta là Cốc thương yêu con chó này, đeo vòng vàng cho nó. Giường của chó thường dùng tấm thảm nỉ mượt mà trải lên. Khi ăn thì ăn đồ ngon đựng trên mâm vàng. Hôm ấy, Cốc ra phố. Đức Phật đi ngang qua cửa nhà Cốc thì con chó sủa, Đức Phật nói:

–Bình thường ông luôn giơ tay, miệng quát tháo, nay trở lại làm thân chó sủa người mà không biết xấu hổ!

Con chó liền xấu hổ bỏ chạy, chui xuống giường tru khóc rơi nước mắt.

Sau khi Đức Phật đi rồi, con chó không trở lại nằm trên giường nữa. Nó ngủ dưới đất, chẳng ăn uống gì cả. Cốc từ ngoài chợ về thấy chó không ăn, bèn hỏi những người trong nhà:

–Con chó tại sao như vậy?

Những người trong nhà đáp:

–Vừa rồi có một vị Sa-môn đi qua, không biết nói gì mà con chó chạy vào chui xuống giường, nằm dưới đất, không ăn uống gì cả.

Cốc hỏi:

–Sa-môn đi hướng nào?

Người trong nhà nói:

–Đi về hướng Đông.

Cốc liền đuổi theo rất gấp để cho kịp.

Đức Phật đang ở bên gốc cây nói kinh cho các Tỳ-kheo nghe, từ xa

trông thấy Cốc đến, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Cốc đang đi đến kia, nếu chết liền bị đọa vào địa ngục.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

–Tại sao Cốc bị đọa vào địa ngục.

Đức Phật dạy:

–Người này đem ý ác đến, muốn hại người cho nên phải bị đọa vào địa ngục.

Cốc đến trước Đức Phật, bèn hỏi:

–Vừa rồi tại sao Sa-môn đi ngang qua cửa nhà tôi, mắng chửi con chó của tôi, khiến nó không ăn, không nằm ở chỗ của nó nữa?

Đức Phật liền trả lời:

–Ta đi qua cửa nhà ông, con chó trắng sủa, Ta liền nói với nó: "Lúc bình thường ông quơ tay, gầm thét, nay lại làm thân chó sủa vang, không biết xấu hổ!". Con chó bèn hổ thẹn bỏ chạy, gục đầu mặt dưới giường, tru khóc rơi nước mắt.

Cốc hỏi Đức Phật:

–Con chó này là gì đối với tôi?

Đức Phật đáp:

–Không nên hỏi, vì nghe rồi ông sẽ không vui.

Cốc nói:

–Cứ nói, tôi xin nghe.

Đức Phật nói:

–Nói ra ông sẽ giận dữ.

Cốc nói:

–Tôi không dám giận, chỉ muốn được nghe.

Đức Phật nói:

–Con chó chính là Đâu Điều, cha của ông đó!

Cốc nói:

–Cha của tôi là Đâu Điều, khi còn sống thì hiểu kinh, hiểu đạo, quyết định không làm chó.

Đức Phật nói:

–Cha ông tuy hiểu đạo, nhưng chỉ biết tự cao ngạo, kiêu mạn, cho nên phải làm con chó. Nếu ông muốn biết nó có phải là cha của ông không, vậy hãy trở về nhà nói với con chó rằng: "Nếu ngươi quả thật là Đâu Điều, cha của ta, thì hãy ăn đồ ăn trong mâm như trước; nếu ngươi thật là cha ta thì hãy trở lại nằm chỗ nằm cũ; nếu ngươi thật là cha ta thì lúc trước có

chôn giấu châu báu ở đâu hãy chỉ chỗ ấy cho ta".

Cốc liền về nhà nói với chó:

–Này Loa, nếu thật ông là Đâu Điều, cha của ta, thì ông hãy ăn đồ ăn này.

Con chó liền ăn đồ ăn đó. Cốc lại bảo:

–Này Loa, nếu thật ông là cha ta thì hãy lên nằm chỗ cũ.

Con chó liền lên nằm chỗ nằm cũ. Cốc lại bảo:

–Này Loa, nếu ông thật là cha ta, lúc trước có chôn giấu châu báu ở đâu thì hãy chỉ chỗ ấy cho ta.

Con chó liền lấy miệng chỉ vào phía bên phải cái giường, hai chân trước bươi đất để ra dấu.

Cốc liền đào chỗ đất chó bươi thì được rất nhiều châu báu, vật quý. Cốc rất vui sướng. Nhân đó Cốc liền trở lại chỗ Đức Phật. Đức Phật từ xa trông thấy, bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Cốc lại đang đi đến kia, nếu chết thì liền sanh lên cõi trời.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

–Do nhân duyên gì mà được sanh lên cõi trời?

Đức Phật dạy:

–Người này đem ý lành đến đây cho nên được sanh lên cõi trời.

Cốc đến trước Đức Phật, cúi lạy và bạch:

–Thật đúng như lời Đức Phật nói.

Cốc lại hỏi Đức Phật:

–Con người sống ở thế gian, tại sao có người sống lâu, có người chết yểu? Tại sao có người bị nhiều bệnh, có người bị ít bệnh? Tại sao có người đẹp, có người xấu? Tại sao có người tôn quý, có người thấp hèn? Tại sao có người có nhan sắc, người không nhan sắc? Tại sao có người giàu, người nghèo? Tại sao có kẻ thông minh, kẻ ngu si?

Đức Phật nói với Cốc:

–Con người ở thế gian thích sát sanh, không có lòng từ bi, chết đọa vào địa ngục; hết tội trong địa ngục lại sanh làm người, phải bị chết yểu. Còn người sống ở thế gian, không sát sanh, có lòng từ bi, chết được sanh lên cõi trời, từ cõi trời sanh xuống nhân gian liền được trường thọ. Có người ở thế gian thích đánh nhau, cầm dao gậy khủng bố người khác, khi chết đọa vào địa ngục, hết tội trong địa ngục liền sanh làm người bị nhiều bệnh tật. Còn người ở thế gian ưa sự hòa hợp, không cầm dao gậy khủng bố người khác, khi chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân

gian liền được ít bệnh. Có người sanh ở nhân gian ưa sân hận, nghe nói thiện cũng giận, nghe nói ác cũng giận, thấy người hiền cũng giận, thấy người ngu cũng giận, không phân biệt thiện ác, chỉ muốn sân hận, chết đọa vào địa ngục, hết tội trong địa ngục lại sanh làm người, sắc mặt vàng úa không đẹp. Còn người sanh ở nhân gian không sân không hận, thấy người hiền thì kính, thấy người ngu thì nhẫn, chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian, sắc mặt thường đẹp, là người hiền thiện, tâm hòa thuận. Có người ở thế gian không có nhan sắc là vì thấy người già không biết đứng dậy, bất hiếu với cha mẹ, không có lòng kính yêu khi thấy cha mẹ. Có người hiếu thuận, kính yêu cha mẹ và các bậc trưởng lão, nhưng thường sân hận, chết đọa vào địa ngục, hết tội trong địa ngục lại được làm người nhưng không có nhan sắc, bị mọi người ganh ghét. Người ở thế gian hiếu thuận với cha mẹ, cung kính bậc trưởng lão, nếu có người bất hiếu, bất kính đối với bậc trưởng lão liền đến để khuyến dạy, thích nói với người khác những lời thiện, khi chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian, được mọi người kính yêu. Có người ở thế gian kiêu mạn, không cung kính những bậc tôn trưởng, tự thân ưa cường bạo, khi chết vào địa ngục; hết tội trong địa ngục lại sanh làm người hạ tiện. Có người ở thế gian không có kiêu mạn, thường cung kính bậc trưởng thượng, không có hành vi cường bạo đối với người, khi chết được sanh lên cõi trời, từ trời sanh xuống nhân gian, do đó được tôn quý. Người ở thế gian tham lam keo kiệt, tuy giàu có mà không bố thí cho kẻ nghèo, không nhìn bà con dòng họ, không ưa bố thí, tham tiếc đồ ăn, không đem cúng dường cho Sa-môn, Đạo nhân, lại tự mình không dám ăn cho no đủ, lúc chết đọa vào địa ngục; hết tội trong địa ngục lại làm người bần cùng đi ăn xin. Có người ở thế gian không có lòng tham lam keo kiệt, tuy nghèo khó nhưng thích bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân, cứu giúp kẻ bần cùng, ưa nhìn kẻ thân tộc, ăn uống tự mình thường được no đủ, khi chết sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian được giàu có, vui sướng, mọi người kính yêu. Người ở thế gian nghe bậc hiểu kinh cao xa, hoặc là Sa-môn hay đạo sĩ thì không thích đến hỏi con đường giải thoát khỏi thế gian, trong tâm ganh tị, tự cao, lúc chết đọa vào địa ngục, khi tội trong địa ngục hết lại sanh làm người ngu si, không có tri thức, không khác gì súc sanh. Có người ở thế gian nghe có bậc hiểu kinh điển uyên thâm, hoặc Sa-môn, đạo sĩ, thì thích tìm đến để hỏi sự việc ra khỏi thế gian, trong lòng không có ganh tị, không tham ái và kiêu ngạo, lúc chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại

sanh xuống nhân gian, làm người hiểu kinh hiểu đạo, được mọi người tôn trọng.

Đức Phật dạy:

–Con người tạo điều thiện thì được sanh lên cõi trời, tạo điều ác thì bị đọa xuống địa ngục. Con người cầu sống lâu thì được sống lâu, cầu chết yểu thì bị chết yểu, cầu bệnh thì có bệnh, cầu không bệnh thì được không bệnh, cầu sắc đẹp thì có sắc đẹp, cầu sắc xấu thì có sắc xấu, cầu tôn quý thì được tôn quý, cầu hạ tiện thì được hạ tiện, cầu nhan sắc xinh xắn thì được nhan sắc xinh xắn, cầu nhan sắc không xinh xắn thì có nhan sắc không xinh xắn, cầu giàu có thì giàu có, cầu bần khổ thì bần khổ, cầu trí thì được trí, cầu ngu thì bị ngu. Con người sống ở thế gian thí như trồng lúa thì được lúa, trồng lúa mạch thì được lúa mạch, trồng lúa tẻ thì có lúa tẻ, làm thiện thì được thiện, làm ác thì bị ác.

Cốc liền quỳ dài, thưa:

–Ban đầu khi thấy con chó bỏ ăn, con ôm lòng sân hận, ngu si. Nay nghe Phật dạy như người mù được thấy, người điếc được nghe, như người rớt xuống vực nước sâu mà được thoát khỏi, như kẻ cuồng si mà được lành, như người đi trong bóng tối mà thấy được mặt trời, mặt trăng. Con nguyện theo Phật cầu xin sám hối, mong được ân lớn và phụng hành năm giới cấm, làm Ưu-bà-tắc.

Đức Phật dạy:

–Đời sau có người đọc tụng kinh này, hoặc lắng nghe âm thanh của kinh, trong lòng ngậm ngùi xót xa, lông tóc dựng đứng, nước mắt ràn rụa, người như vậy đều sẽ làm đệ tử của Đức Phật Di-lặc, đều được thoát khổ.

□

SỐ 79

PHẬT NÓI KINH ANH VÕ

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Cầu-na-bạt-đà-la, người Thiên trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm Đức Thế Tôn thức dậy, rửa ráy rồi mặc y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, lần lượt đến trước nhà của Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử. Lúc ấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử vì có chút việc nên mới đi ra ngoài không bao lâu, nhà chỉ có một con chó trắng tên là Cụ. Đang nằm trên nệm đẹp, ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng. Chó trắng từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi lại, liền sủa vang. Đức Thế Tôn bèn nói:

–Thôi đi! Này chó trắng, không nên như vậy, ngươi vốn là một kẻ ngâm nga (âm thanh của Phạm chí khi khất thực).

Khi ấy chó trắng rất giận dữ, liền từ nơi giường nệm nhảy xuống đất, đến dưới bậc cửa, nằm dài im lặng. Ma-lao-đâu-la Tử trở về nhà, thấy chó trắng không còn nằm trên giường nệm, mà lại nằm dưới bậc cửa im lặng, buồn rầu, nên hỏi người bên cạnh:

–Ai đã chọc phá con chó trắng này khiến nó buồn rầu bỏ giường nệm xuống nằm im ở bậc cửa vậy?

Người láng giềng lên tiếng đáp:

–Này Ma-lao, không có ai quấy chọc con chó này cả. Này Ma-lao, hôm nay có Sa-môn Cù-đàm đến nhà này khất thực, con chó trắng trông thấy liền sủa vang lên. Sa-môn Cù-đàm mới nói như vầy: "Thôi đi chó trắng, ngươi không nên sủa quấy lên như vậy. Ngươi vốn là một kẻ ngâm nga". Này Ma-lao, vì thế mà con chó tức giận, bỏ giường nệm xuống nằm im ở bậc cửa.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử nghe nói thế liền tức giận đối với Đức

Thế Tôn, từ xa mắng nhiếc Đức Thế Tôn, từ xa bài báng Đức Thế Tôn, từ xa giận Đức Thế Tôn, nói:

–Sa-môn Cù-đàm ấy nói những lời hư vọng như vậy!

Anh Võ bèn ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Khi ấy Đức Thế Tôn có vô lượng đồ chúng ở phía trước đang lắng nghe Ngài thuyết pháp. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các vị có thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đang đi đến chăng?

–Có thấy, thưa Thế Tôn.

–Nếu ngay bây giờ mà Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử mạng chung thì chỉ trong khoảnh khắc nhanh như co duỗi cánh tay liền sanh vào địa ngục Nê-lê. Vì sao? Vì kẻ ấy đang rất sân hận đối với ta. Nhân vì sân hận nên khi thân hoại mạng chung phải bị sanh vào trong cõi ác Nê-lê.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi đến chỗ Đức Thế Tôn, hỏi:

–Sa-môn Cù-đàm, có phải hôm nay Ngài đi đến nhà tôi khất thực chăng?

–Này Ma-lao, hôm nay Ta có đến khất thực ở nhà ông.

–Vâng, vậy thưa Sa-môn Cù-đàm, con chó trắng của tôi có lỗi gì mà Ngài làm cho nó giận dữ, bỏ chỗ giường nệm, xuống nằm im dưới bậc cửa.

Đáp:

–Này Ma-lao, sáng nay, Ta đi khất thực ở thành Xá-vệ lần lượt tới nhà ông, con chó trắng của ông từ xa trông thấy ta đi lại, liền sủa vang. Ta bèn nói như vầy: "Thôi đi! Này chó trắng, không nên sủa quấy lên như vậy. Ngươi vốn là một kẻ ngâm nga". Này Ma-lao, vì thế nên con chó trắng liền giận dữ, bỏ chỗ giường nệm, xuống nằm im dưới bậc cửa.

–Này Cù-đàm, con chó trắng này vốn có thân thuộc gì với tôi?

–Thôi này Ma-lao, chớ có hỏi. Nếu ông nghe thì sẽ buồn rầu.

Nhưng Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử trước sau đã ba lần hỏi Đức Thế Tôn:

–Này Cù-đàm, con chó trắng này vốn có thân thuộc gì với tôi?

–Này Ma-lao, ông đã ba lần hỏi, vậy Ta sẽ nói. Này Ma-lao, con chó trắng ấy kiếp trước là cha của ông, tên là Đâu-la.

Khi đó Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử càng thêm tức giận đối với Đức Thế Tôn, mắng nhiếc Thế Tôn, sân hận Thế Tôn, bài báng Thế Tôn. Ông

ta nói:

–Sa-môn Cù-đàm nói lời hư vọng! Này Cù-đàm, cha tôi là Đâu-la thường hay bố thí, thường tham gia các lễ hội bố thí, thường thờ lửa. Cha tôi chết rồi được sanh lên cõi trời Diệu Phạm thiên, vậy cớ gì lại sanh vào loài chó?

–Này Ma-lao, do tâm niệm tăng thượng mạn của ông, cha ông là Đâu-la trước đây cũng như vậy, vì thế mà phải bị sanh vào trong loài chó xấu ác.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Phạm chí tăng thượng mạn,
Chết rồi sanh sáu nẻo:
Gà, heo, chó, chồn cáo,
Lừa, lao trong địa ngục.

–Này Ma-lao, Ta đã nói như thế nếu không tin, ông hãy trở về nhà nói với con chó trắng ấy như vầy: "Này chó trắng, quả thật lúc sanh tiền ngươi là Đâu-la, cha của ta thì hãy nhảy lên giường nệm". Này Ma-lao, con chó trắng ấy sẽ nhảy lên giường nệm.

"Này chó trắng, lúc sanh tiền ông quả thật là Đâu-la, cha của ta thì hãy ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng". Này Ma-lao, con chó trắng ấy sẽ ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng.

"Này chó trắng, lúc sanh tiền ngươi quả thật là Đâu-la, cha của ta thì hãy chỉ cho ta chỗ cất giấu của cải mà ngươi đã cất giấu, ta nay vốn không biết chỗ đó". Này Ma-lao, con chó trắng ấy sẽ chỉ cho ông chỗ cất giấu của cải kia.

Bấy giờ Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử nghe Đức Thế Tôn nói như vậy, khéo suy nghĩ, ghi nhớ, rồi nhiễu quanh chỗ Đức Thế Tôn rồi cáo từ trở về nhà, nói với con chó của mình:

–Này chó trắng, nếu đời trước ngươi là Đâu-la, cha của ta thì hãy lên ngồi trên giường nệm trở lại!

Con chó trắng liền nhảy lên ngồi trên giường nệm trở lại.

–Này chó trắng, nếu đời trước ngươi là Đâu-la, cha của ta thì hãy ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng.

Con chó trắng liền ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng.

–Này chó trắng, nếu đời trước ngươi là Đâu-la, cha của ta thì hãy chỉ cho ta của cải để lại mà cha ta đã cất giấu, hiện nay ta không biết ở chỗ nào.

Con chó nghe bảo thế liền nhảy xuống giường nệm, chạy tới chỗ cái giường mà nó đã nằm đời trước, dùng miệng chỉ và chân bươi bươi đất gần nơi chân giường. Khi ấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử bèn đào lên được rất nhiều tiền của, trong lòng vô cùng vui sướng, thiện tâm phát sinh, liền quỳ xuống đất, chắp tay cung kính hướng về khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, ba lần tự nói lên tên họ, rồi tán thán:

–Lời của Sa-môn Cù-đàm là chân thật. Quả thật Sa-môn Cù-đàm không nói dối. Lành thay Sa-môn Cù-đàm!

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử xưng tên họ và tán thán xong, bèn ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn có vô lượng trăm ngàn đồ chúng ở phía trước đang lắng nghe Ngài thuyết pháp. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi tới, bèn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các vị có thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử từ xa đi đến không?

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

–Nếu ngay bây giờ mà Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử mạng chung thì chỉ trong khoảng khắc nhanh như co duỗi cánh tay liền sanh nơi cõi thiện. Vì sao? Vì kẻ ấy đang có thiện tâm đối với Ta. Chúng sanh nhân nơi thiện tâm, nên khi thân hoại mạng chung được sanh vào chỗ lành, trên cõi trời.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi đến chỗ Đức Thế Tôn, ra mắt theo lễ chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn bảo:

–Này Ma-lao, như Ta đã nói, con chó trắng ấy có làm đúng như lời Ta nói chăng?

Ma-lao nói:

–Đúng như lời Sa-môn Cù-đàm đã nói, con chó trắng ấy đã làm đúng như vậy, không có gì khác cả. Thưa Sa-môn Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép con mới dám hỏi.

–Này Ma-lao, hãy hỏi theo ý của ông.

–Thưa Cù-đàm, do nhân gì, duyên gì mà cùng thọ thân người lại có người cao, thấp, đẹp, xấu, sạch, dơ? Thưa Cù-đàm, vì sao có người sống lâu, có người chết yểu, có người không bệnh tật, có người bệnh tật. Có người đẹp, có người xấu, có người sang, có người hèn, có người có tài năng, người không có tài năng, người có nhiều tiền của, người có ít tiền tài, người không có trí tuệ, người có trí tuệ?

–Này Ma-lao, chúng sanh do nhân duyên, nhân nơi hành động,

duyên nơi hành động, do ảnh hưởng tùy theo sự tạo tác của chúng sanh mà khiến cho mỗi mỗi cá nhân nơi họ có đẹp, có xấu, có cao, có thấp…

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài nói một cách tóm tắt chứ chưa phân biệt rộng rãi nên con không hiểu ý nghĩa này. Cúi mong Sa-môn Cù-đàm hãy vì con mà khéo giảng giải nói, khiến con được hiểu rõ.

–Này Ma-lao, hãy khéo lắng nghe và suy nghĩ, ghi nhớ, Ta sẽ giảng nói.

–Thưa vâng, bạch Cù-đàm.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử thọ nhận lời dạy của Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Ma-lao, do nhân gì, do duyên gì mà hoặc người đàn ông, hoặc đàn bà thọ mạng ngắn ngủi? Này Ma-lao, hoặc người đàn ông, người đàn bà làm cho máu huyết ô uế đầy cả hai tay, gần gũi sự ác độc, không có lòng Từ, giết hại sanh mạng của tất cả chúng sanh kể cả loài sâu kiến. Do sự tạo tác đó, nhân như vậy, hành như vậy, khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian bị chết yểu. Vì sao? Này Ma-lao, vì nó là hành động giết hại nên khiến cho hoặc người đàn ông hay người đàn bà phải bị chết yểu. Này Ma-lao, đó là xem sự tạo tác mà biết quả báo.

–Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà khiến cho hoặc đàn ông hay người đàn bà được trường thọ? Này Ma-lao, hoặc người đàn ông hay người đàn bà xa lìa sát sanh, vứt bỏ dao gậy, thường ôm lòng hổ thẹn, đối với chúng sanh muốn khiến cho tất cả đều được an ổn, đã hoàn toàn diệt trừ tâm ý muốn giết hại. Kẻ ấy nhân hành động như vậy, do nhân như vậy, hành như vậy nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến cõi lành trên cõi trời, đời sau người đó sanh xuống nhân gian được trường thọ. Vì sao? Này Ma-lao, kẻ ấy hành động theo nẻo thiện nên khiến cho thọ mạng của mình được lâu dài. Như thế nên khiến cho hoặc người nam, người nữ xa lìa sát sanh, dứt bỏ sát sanh. Do vậy, này Ma-lao, nên biết hành động tạo tác như vậy sẽ đưa đến quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hay người nữ có nhiều bệnh tật. Này Ma-lao, hoặc có người nam, người nữ hãm hại chúng sanh; họ hãm hại bằng cách dùng tay, dùng đá, hoặc lấy gậy đánh đập, lấy dao giết hại. Họ hành động như thế, gây nhân như thế, tạo tác như thế nên khi thân hoại mạng chung, sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh trong nhân gian phải bị nhiều bệnh tật. Vì sao? Này Ma-lao,

vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên phải chịu bệnh tật. Như thế, hoặc người nam người nữ hãm hại chúng sanh cũng như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động tạo tác như vậy sẽ đưa đến quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho hoặc người nam hay người nữ không có bệnh tật? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ không có hãm hại chúng sanh, do kẻ ấy không có hãm hại chúng sanh, không dùng tay, không dùng đá, không dùng dao, không dùng gậy để hãm hại, kẻ ấy hành động như thế, gây nhân như thế, tạo tác như thế nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau người ấy sanh trong nhân gian không có bệnh khổ. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên không phải chịu nhiều bệnh tật. Như thế, nên khiến cho người nam hoặc người nữ không có hãm hại chúng sanh cũng lại như vậy. Do đó này Ma-lao, nên biết hành động tạo tác như vậy sẽ đưa đến quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà người nam hoặc người nữ bị xấu xí? Này Ma-lao, hoặc là người nam hay người nữ có nhiều sân giận, ưu sầu. Kẻ ấy, người ta mới nói vài lời đã dấy sân hận, buồn rầu, trụ nơi sân hận, sanh ra sân hận, bài báng tất cả, nhân hành động tạo tác như vậy, nên khi thân hoại mạng chung, sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian, hình sắc xấu xí. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo tác gây nhân xấu nên phải chịu hình tướng xấu xí, nên khiến cho người nam hoặc người nữ nhiều sân giận, ưu sầu cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết vì hành động tạo tác như vậy nên quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ có hình sắc tốt đẹp? Này Ma-lao, hoặc là người nam hay người nữ ít có sân hận, không hay ưu sầu. Như có người dùng lời thô ác mắng nhiếc, kẻ ấy cũng không sân, không hận, không buồn rầu, không an trụ nơi sân hận, không sanh sân hận, không sử dụng sân hận. Kẻ ấy hành động như thế, gây nhân như thế, tạo tác như thế nên khi thân hoại mạng chung sanh vào chỗ lành, nơi cõi trời, đời sau người ấy sanh xuống nhân gian có hình sắc xinh đẹp. Vì sao? Này Ma-lao, kẻ ấy đã tạo nhân tốt đẹp, nên khiến cho người nam hoặc người nữ không sân hận, không ưu sầu, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết vì hành động như vậy nên quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà khiến cho người nam hoặc người nữ ít có tài năng? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ

có lòng tham lam, ganh ghét, dấy tâm tham lam ganh ghét, kẻ ấy thấy người khác được cung kính, được cung cấp tài vật, liền phát sanh lòng tham lam ganh ghét cho rằng: "Kẻ kia được như thế, hãy khiến cho ta cũng được như thế". Kẻ ấy nhân hành động ấy, tạo nhân ấy, duyên theo sự tạo tác ấy nên khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian thì ít có tài năng. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên ít có tài năng, khiến cho người nam hoặc người nữ tham lam, ganh ghét, dấy tâm tham lam ganh ghét, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy phải có quả báo như vậy.

–Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà người nam hoặc người nữ có tài năng? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ không có tham lam, ganh ghét, không dấy tâm tham lam ganh ghét, kẻ ấy thấy người khác được cung kính, được thí tài vật, nhưng không phát sanh lòng ganh ghét, thấy người khác có sở hữu, mong mình cũng được như vậy. Kẻ ấy vì hành động như vậy, tạo nhân như vậy, duyên nơi hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian thì có nhiều tài năng. Vì sao? Này Ma-lao, kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên có được nhiều tài năng, khiến người nam hay người nữ không có lòng tham lam, ganh ghét, không dấy tâm lòng tham lam ganh ghét, cũng lại như vậy. Do đó này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ sanh vào nhà hạ tiện? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ tự đại, kiêu mạn, người đáng cung kính thì không cung kính, người đáng tôn thờ thì không tôn thờ, đáng lễ bái thì không lễ bái, đáng cúng dường thì không cúng dường, đáng mời ngồi thì không mời ngồi, đáng chỉ dẫn thì không chỉ dẫn, đáng đứng dậy chắp tay hướng về thì không đứng dậy cung kính chắp tay hướng về. Nhân hành động này, duyên hành động này, có những tạo tác như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh xuống nhân gian thì sanh vào nhà hạ tiện. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã gây ra nhân xấu nên sanh vào nhà hạ tiện, nên khiến người nam hay người nữ tự đại, kiêu mạn, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ được sanh vào nhà phú quý? Này Ma-lao, hoặc người nam hay

người nữ không tự đại, không kiêu mạn, người đáng cung kính thì cung kính, người đáng tôn thờ thì tôn thờ, đáng mời ngồi thì mời ngồi, đáng chỉ dẫn thì chỉ dẫn, đáng lễ bái, đứng dậy chắp tay hướng về thì lễ bái, đứng dậy cung kính chắp tay hướng về. Kẻ ấy nhân hành động như vậy, duyên hành động như vậy, do hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian thì sanh vào nhà phú quý. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên được sanh vào nhà phú quý, khiến cho kẻ nam hay người nữ không tự đại, không kiêu mạn, luôn cung kính, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ có ít tiền tài? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ không bố thí, cũng chẳng phải là thí chủ, không bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng hạ tiện từ các nơi tới xin các thứ như đồ ăn uống, áo quần, vòng hoa, hương xoa vào người, giường nằm, nhà cửa, đèn sáng... Do hành động như vậy, duyên hành động như vậy, vì hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian ít có tiền bạc. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên ít có tiền bạc, nên khiến cho người nam hoặc người nữ không bố thí, chẳng là thí chủ keo kiệt, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ có nhiều tiền tài? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ là người bố thí, là thí chủ, kẻ ấy bố thí cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng hạ tiện từ các nơi đến xin các thứ như đồ ăn uống, áo quần, vòng hoa, hương xoa vào người, giường nằm, nhà cửa, đèn sáng... Nhân làm việc ấy, duyên việc ấy, vì hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian có nhiều tiền bạc. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên có nhiều tiền bạc, khiến cho người nam hoặc người nữ biết bố thí, cứu giúp kẻ bần cùng, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ không có trí tuệ? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ là những chúng sanh không chịu học hỏi, dù có những bậc Sa-môn, Bà-la-môn danh tiếng ở gần đấy, cũng không tùy thời học hỏi ý nghĩa, cũng

không luận nghị với các Hiền giả: "Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tốt, thế nào là không tốt? Thế nào là ác, xấu? Thế nào là đen, là trắng? Thế nào là quả báo ác xấu, thế nào là quả báo tốt đẹp? Thế nào là thấy nghĩa của pháp, thế nào là ý nghĩa răn cấm đối với đời sau?". Dù theo những vị ấy nghe rồi nhưng không làm theo như điều đã học. Kẻ ấy nhân việc làm như vậy, duyên theo việc làm như vậy, vì tạo tác như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian thì ngu muội không có trí tuệ. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên không có trí tuệ, khiến cho người nam hay người nữ là những chúng sanh không chịu học hỏi, không biết phân biệt thiện ác tốt xấu. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà khiến cho người nam hoặc người nữ có trí tuệ? Này Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ là chúng sanh siêng năng học hỏi, đó là đến những vị Sa-môn, Bà-la-môn có danh tiếng, tùy lúc tùy thời hỏi ý nghĩa, lý lẽ có thể luận nghị rằng: "Này chư Hiền, sao gọi là thiện, bất thiện? Sao gọi là tốt, không tốt? Sao gọi là xấu, là vi diệu? Sao gọi là đen, sao là trắng? Sao gọi là quả báo xấu, quả báo tốt? Sao gọi là thấy nghĩa của pháp? Sao gọi là giới nghĩa của đời sau?". Theo những vị ấy nghe rồi, như điều đã nghe mà học tập. Kẻ ấy nhân hành động như vậy, duyên theo hành động như vậy, vì tạo tác như vậy nên khi thân hoại mạng được chung sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian thì có trí tuệ. Vì sao? Này Ma-lao, vì kẻ ấy tạo nhân tốt nên có trí tuệ, khiến cho người nam hay người nữ là chúng sanh siêng năng học hỏi, biết phân biệt thiện ác tốt xấu, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, nếu tạo tác gây nhân chết yểu thì bị chết yểu, nếu tạo tác gây nhân sống lâu thì được sống lâu, nếu tạo tác gây nhân nhiều bệnh thì bị nhiều bệnh. Nếu tạo tác gây nhân không bệnh, thì được không bệnh, nếu tạo tác gây nhân xấu xí thì bị xấu xí. Nếu tạo tác gây nhân xinh đẹp thì được thân hình xinh đẹp. Nếu tạo tác gây nhân ít tài năng thì bị ít khả năng. Nếu tạo tác gây nhân nhiều tài năng thì có được nhiều tài năng. Nếu tạo tác gây nhân hạ tiện thì bị hạ tiện, nếu tạo tác gây nhân phú quý, thì được phú quý. Nếu tạo tác gây nhân ít tiền của thì có ít tiền của, nếu tạo tác gây nhân có nhiều tiền của thì được nhiều tiền của. Nếu tạo tác gây nhân không có trí tuệ thì không có trí tuệ, nếu tạo tác gây nhân trí tuệ thì

được trí tuệ. Vì vậy, cho nên, này Ma-lao, Ta đã giảng nói như thế.

Này Ma-lao, tùy theo chúng sanh đã tạo ra hành động, nhân hành động ấy, duyên theo hành động ấy, vì hành động của chúng sanh đã tạo tác nên đối với mỗi mỗi cá nhân liền có sự cao, thấp, đẹp, xấu.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm, như vậy đã là quá đủ! Kính bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Thưa Đức Thế Tôn, hôm nay con xin giữ giới Ưu-bà-tắc. Từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, con xin xa lìa sự sát sanh... con xin quy y Đức Thế Tôn. Từ hôm nay, mỗi sáng sớm vào thành Xá-vệ, Ngài vào các nhà Ưu-bà-tắc khác thì cũng vào nhà Đâu-la như vậy, khiến cho nhà của con luôn luôn được nhiều lợi ích, an ổn.

Đức Phật giảng nói như vậy, Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy, hoan hỷ đảnh lễ rồi lui ra.

□

SỐ 80

PHẬT NÓI KINH NGHIỆP BÁO SAI BIỆT CHO TRƯỞNG GIẢ THỦ-CA

Hán dịch: Đời Tùy, Cư sĩ Cù-đàm Pháp Trí, người Thiên trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo Trưởng giả Thủ-ca, con trai của Đao-đề-da:

–Này Trưởng giả Thủ-ca, Ta sẽ nói cho ông nghe về pháp môn sai biệt của nghiệp báo thiện ác. Ông hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ.

Trưởng giả Thủ-ca, liền bạch:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con muốn được nghe.

Đức Phật bảo Trưởng giả Thủ-ca:

–Tất cả chúng sanh luôn gắn liền với nghiệp, dựa vào nghiệp, tùy theo nghiệp của chính mình tạo tác mà lưu chuyển, do nhân duyên đó nên có sự sai biệt về phẩm loại cao, vừa, thấp không đồng. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo chết yểu, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được sống lâu. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo nhiều bệnh, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo ít bệnh. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo có hình sắc thô xấu, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo có hình tướng đẹp đẽ. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh có quả báo có ít uy thế, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh có quả báo có uy thế lớn. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào dòng họ thấp kém, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh vào dòng họ cao quý. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo có ít của cải, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo có nhiều của cải. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo tà trí, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo chánh trí. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh

bị quả báo đọa vào địa ngục, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo làm súc sanh. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo làm ngạ quỷ, làm A-tu-la. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo làm người, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh nơi cõi trời. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo nơi trời cõi Sắc, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo nơi cõi trời Vô sắc. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo quyết định, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo bất định. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh nơi biên địa, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở vùng giữa nước. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh trọn thọ mạng ở địa ngục, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh nửa thọ mạng ở địa ngục. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh trong địa ngục vừa vào liền ra. Hoặc có nghiệp làm mà không tụ tập, hoặc có nghiệp tụ tập mà không làm. Hoặc có nghiệp vừa làm vừa tụ tập, hoặc có nghiệp không làm không tụ tập. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước vui sau khổ, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước khổ sau vui. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước khổ sau khổ, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước vui sau vui. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh nghèo mà ưa thích bố thí, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh giàu mà keo kiệt. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh giàu mà hay bố thí, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh nghèo mà keo kiệt. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh thân được vui mà tâm bị khổ, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh tâm được vui mà thân bị khổ. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân tâm đều vui, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân tâm đều khổ. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh mạng tuy hết rồi nhưng nghiệp chưa hết, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh nghiệp tuy hết rồi mà mạng vẫn còn. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp và mạng đều hết, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp và mạng đều còn, có thể đoạn trừ các phiền não. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác mà hình dung đẹp đẽ, diện mạo đoan nghiêm, da dẻ tươi tắn, ai cũng ưa nhìn. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác mà hình dung thô xấu, da dẻ xù xì, không ai thích nhìn, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác, mà thân miệng hôi thối, các căn khuyết tật.

Hoặc có chúng sanh tạo tác hành động theo mười nghiệp bất thiện

bị ác báo bên ngoài. Hoặc có chúng sanh tạo tác hành động theo mười thiện nghiệp được quả báo thù thắng ở bên ngoài.

Lại nữa, này Trưởng giả, hoặc có chúng sanh kính lạy tháp miếu của Phật được mười thứ công đức; cúng thí lọng quý được mười thứ công đức; cúng thí cờ phướn được mười thứ công đức; cúng thí chuông, linh được mười thứ công đức; cúng thí y phục được mười thứ công đức; cúng thí chén, bát đồ dùng được mười thứ công đức; cúng thí đồ ăn thức uống được mười thứ công đức; cúng thí giày dép được mười thứ công đức; cúng thí hương hoa được mười thứ công đức; cúng thí đèn sáng được mười thứ công đức; cung kính chắp tay đảnh lễ được mười thứ công đức.

Đó gọi là lược nói về pháp môn sai biệt của nghiệp báo tại thế gian.

Đức Phật bảo:

–Này Trưởng giả Thủ-ca, có mười loại nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo chết yểu:

Tự mình sát sanh.

Bảo người sát sanh.

Khen ngợi sự giết hại.

Thấy giết hại thì vui sướng.

Đối với người oán ghét thì muốn tiêu diệt.

Thấy người oán của mình bị tiêu diệt rồi thì trong lòng sung sướng.

Làm hư thai của người khác.

Dạy người hủy hoại thai nơi người khác.

Xây dựng miếu thờ trời để giết hại chúng sanh.

Dạy người đánh nhau để hai bên bị tàn hại.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo chết yểu.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo trường thọ:

Tự mình không sát sanh.

Khuyên người khác đừng sát sanh.

Tán thán sự không sát sanh.

Thấy người không sát sanh trong lòng vui mừng.

Thấy người bị giết hại, dùng phương tiện cứu thoát.

Thấy kẻ bị cái chết khủng bố, luôn an ủi họ.

Thấy kẻ bị khủng bố, bố thí sự vô úy.

Thấy người bị các khổ nạn, khởi tâm thương xót.

Thấy người bị các tai nạn cấp bách, luôn khởi tâm đại bi.

Dùng các thức ăn uống bố thí cho chúng sanh.

Do mười nghiệp này nên được trường thọ.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo nhiều bệnh:
Thích đánh đập tất cả chúng sanh.
Khuyên người khác đánh đập.
Khen ngợi sự đánh đập.
Thấy đánh đập thì hoan hỷ.
Gây khổ não cho cha mẹ khiến cha mẹ buồn rầu.
Quấy nhiễu các bậc Thánh hiền.
Thấy người oán của mình bị bệnh khổ, trong lòng vô cùng vui sướng.
Thấy người oán của mình lành bệnh, trong lòng không vui.
Đối với bệnh của kẻ oán thù, cho không đúng thuốc trị bệnh.
Đồ ăn cách đêm khó tiêu lại ăn vào.
Do mười nghiệp này nên bị quả báo nhiều bệnh.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo ít bệnh:
Không đánh đập tất cả chúng sanh.
Không khuyên người khác đánh đập.
Tán thán sự không đánh đập.
Thấy người không đánh đập, tâm sanh hoan hỷ.
Cúng dường cha mẹ và các người bệnh.
Thấy bậc Hiền thánh bị bệnh hoạn thì giúp đỡ chăm sóc, cúng dường.
Thấy kẻ oán của mình lành bệnh sanh tâm hoan hỷ.
Thấy người bệnh khổ thì bố thí thuốc hay, cũng khuyên người khác bố thí.
Đối với chúng sanh bệnh khổ, sanh tâm thương xót.
Đối với đồ ăn thức uống, tự mình có thể biết hạn chế, điều độ.
Do mười nghiệp này nên được quả báo ít bệnh.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo hình tướng thô xấu:
Ưa phẫn nộ.
Ưa ôm lòng ghét giận.
Dối láo làm mê hoặc người khác.
Gây phiền khổ cho chúng sanh.
Đối với chỗ ở của cha mẹ không có lòng kính yêu.
Đối với chỗ của các bậc Hiền thánh không sanh tâm cung kính.
Xâm đoạt ruộng vườn sản nghiệp của các bậc Hiền thánh.
Phá bỏ ánh sáng của đèn đuốc nơi tháp miếu Phật.

Thấy người thô xấu thì hủy báng khinh chê.
Làm theo các hạnh ác.
Do mười nghiệp này nên bị quả báo hình tướng thô xấu.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo đoan chánh:
Không sân hận.
Bố thí y phục.
Thương yêu cha mẹ.
Tôn trọng các bậc Hiền thánh.
Tu bổ, sơn phết tháp Phật.
Lau quét từ đường.
Lau quét Già-lam.
Lau quét tháp Phật.
Thấy người thô xấu không có tâm khinh khi, mà có lòng cung kính.
Thấy người đoan chánh biết rõ do nhân từ đời trước.
Do mười nghiệp này nên được quả báo đoan chánh.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo ít uy thế:
Đối với chúng sanh khởi tâm ganh ghét.
Thấy người khác được tài lợi, sanh tâm buồn rầu, bực tức.
Thấy người khác bị mất lợi, trong lòng vui mừng.
Thấy người khác được danh tiếng, sanh tâm ganh ghét.
Thấy người bị mất danh dự, trong lòng hân hoan.
Tâm Bồ-đề thoái chuyển, hủy hoại hình tượng của Phật.
Đối với cha mẹ mình và chỗ ở của các bậc Hiền thánh không có tâm thờ phụng.
Khuyên người tu tập theo nẻo ít uy đức.
Làm chướng ngại đối với kẻ khác tu tập theo nẻo có uy đức lớn.
Thấy người có ít uy đức sanh lòng khinh dễ.
Do mười nghiệp này nên bị quả báo có ít uy thế.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh có quả báo được uy thế lớn:
Đối với chúng sanh không có tâm đố kỵ.
Thấy người khác được tài lợi sanh tâm hoan hỷ.
Thấy người khác mất lợi sanh tâm thương xót.
Thấy người khác được danh dự trong lòng hân hoan.
Thấy người khác bị mất danh dự, giúp họ bớt buồn lo.
Phát tâm Bồ-đề, tạo hình tượng Phật, cúng thí dù, lọng báu.

Đối với cha mẹ mình và chỗ các bậc Hiền thánh luôn cung kính nghinh đón.
Khuyên người bỏ nghiệp ít có uy đức.
Khuyên người tu hành theo nghiệp có uy đức lớn.
Thấy người không có uy đức không đem lòng khinh chê.
Do mười nghiệp này nên được quả báo có uy lực lớn.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào dòng họ thấp kém:
Không biết kính Cha.
Không biết kính Mẹ.
Không biết kính Sa-môn.
Không biết kính Bà-la-môn.
Đối với các bậc Tôn trưởng không biết kính ngưỡng.
Đối với các Sư trưởng không cung kính đón tiếp cúng dường.
Thấy các bậc Tôn trưởng không cung kính mời ngồi.
Đối với cha mẹ không tuân theo lời giáo huấn.
Đối với các bậc Hiền thánh không thọ nhận sự chỉ dạy.
Khinh chê kẻ thấp kém.
Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào dòng họ thấp kém.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh vào dòng họ cao quý:
Khéo biết kính Cha.
Khéo biết kính Mẹ.
Khéo biết kính Sa-môn.
Khéo biết kính Bà-la-môn.
Cung kính giúp đỡ bậc Tôn trưởng.
Cung kính tiếp đón các bậc Sư trưởng.
Thấy các bậc Sư trưởng cung kính mời ngồi.
Đối với cha mẹ thì kính thọ lời giáo huấn.
Đối với bậc Hiền thánh thì tôn kính, thọ giáo.
Không khinh kẻ thấp hèn.
Do mười nghiệp này nên được quả báo sanh vào dòng họ cao quý.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo có ít của cải:
Tự mình làm việc trộm cắp.
Khuyên người khác trộm cắp.
Khen ngợi sự trộm cắp.

Thấy trộm cắp thì hoan hỷ.
Đối với cha mẹ không lo làm ăn, phụng dưỡng.
Đối với Hiền thánh thì chiếm đoạt tài vật.
Thấy người khác được tài vật thì tâm không hoan hỷ.
Ngăn cản người khác được lợi, làm cho họ thường gặp tai nạn.
Thấy người khác bố thí, không có tâm tùy hỷ.
Thấy người đời đói kém, tâm không thương xót mà lại vui sướng.
Do mười nghiệp này nên bị quả báo đời sống có ít của cải.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo đời sống có nhiều của cải:
Tự mình xa lìa trộm cắp.
Không khuyên người khác trộm cắp.
Không tán thán sự trộm cắp.
Thấy người không trộm cắp sanh tâm hoan hỷ.
Đối với chỗ ở của cha mẹ lo gắng sức làm ăn, phụng dưỡng.
Đối với các vị Hiền thánh thì cung cấp những vật cần dùng.
Thấy người khác được lợi, sanh tâm hoan hỷ.
Thấy người tìm cầu điều lợi ích thì tạo phương tiện hỗ trợ.
Thấy người bố thí thuốc trị bệnh thì sanh tâm hoan hỷ.
Thấy người đời đói khổ, sanh tâm thương xót.
Do mười nghiệp này nên được quả báo đời sống có nhiều của cải.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo tà trí:
Không hay học hỏi với Sa-môn, Bà-la-môn có trí tuệ.
Rao truyền pháp ác.
Không thể tu tập, thọ trì chánh pháp.
Tán thán pháp không phải định, cho là pháp định.
Tiếc pháp không chịu nói.
Thân cận kẻ tà trí.
Xa lìa chánh trí.
Tán thán tà kiến.
Xả bỏ chánh kiến.
Thấy người ngu si, xấu xí thì khinh khi chê bai.
Do mười nghiệp này nên bị quả báo tà trí.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo chánh trí:
Khéo hỏi han những vị Sa-môn, Bà-la-môn có trí tuệ.
Rao truyền pháp lành.

Nghe và thọ trì chánh pháp.
Thấy người nói pháp định khen ngợi: "Lành thay!".
Ưa nói chánh pháp.
Thân cận người có chánh trí.
Thân giữ, bảo vệ chánh pháp.
Siêng tu hạnh nghe nhiều.
Xa lìa tà kiến.
Thấy người ngu si, xấu xí không có tâm khinh chê.
Do mười nghiệp này nên được quả báo chánh trí.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo đọa vào địa ngục:
Thân tạo nghiệp ác nặng.
Miệng lời nghiệp ác nặng.
Ý tạo nghiệp ác nặng.
Khởi sanh kiến chấp về không.
Khởi sanh kiến chấp về có.
Khởi sanh kiến chấp về không có nhân quả.
Khởi sanh kiến chấp không có sự tạo tác.
Khởi sanh kiến chấp không có kiến thức.
Khởi sanh kiến chấp về một bên.
Không biết báo đáp ân đức.
Do mười nghiệp này nên bị quả báo đọa vào địa ngục.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào hàng súc sanh:
Thân tạo nghiệp ác bậc trung.
Miệng tạo nghiệp ác bậc trung.
Ý tạo nghiệp ác bậc trung.
Từ phiền não tham khởi ra các nghiệp ác.
Từ phiền não sân khởi ra các nghiệp ác.
Từ phiền não si khởi ra các nghiệp ác.
Chửi mắng chúng sanh.
Não hại chúng sanh.
Bố thí vật bất tịnh.
Làm việc tà dâm.
Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào hàng súc sanh.
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào hàng

ngạ quỷ:

Thân tạo nghiệp ác nhẹ.

Miệng tạo nghiệp ác nhẹ.

Ý tạo nghiệp ác nhẹ.

Sanh tâm tham nhiều.

Sanh tâm tham ác.

Ganh ghét.

Tà kiến.

Tham đắm về của cải trong đời sống ngay khi mạng chung.

Do đói mà chết.

Bị khô khát bức bách mà chết.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào hàng ngạ quỷ.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào hàng A-tu-la:

Thân tạo nghiệp ác chút ít.

Miệng tạo nghiệp ác chút ít.

Ý tạo nghiệp ác chút ít.

Kiêu mạn.

Ngã mạn.

Tăng thượng mạn.

Đại mạn.

Tà mạn.

Mạn mạn.

Đem các căn lành hướng về cõi A-tu-la.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào hàng A-tu-la.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở cõi người:

Không sát sanh.

Không trộm cắp.

Không tà dâm.

Không nói dối.

Không nói lời thêu dệt.

Không nói hai lưỡi.

Không nói lời ác độc.

Không tham lam.

Không sân hận.

Không tà kiến.

Đối với mười nghiệp thiện, vẫn còn thiếu sót, chưa được hoàn toàn. Do mười nghiệp này nên được quả báo sanh vào cõi người.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh vào cõi trời thuộc Dục giới. Đó là tu hành đầy đủ làm tăng trưởng mười điều thiện.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sinh vào cõi trời thuộc Sắc giới. Đó là tu hành mười điều thiện hữu lậu cùng tương ưng với pháp định.

Lại có bốn nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở cõi trời thuộc Vô sắc giới:

Vượt qua tất cả tưởng về Sắc, diệt trừ các tưởng Hữu đối, nhập vào định Không xứ.

Vượt qua tất cả định Không xứ, nhập vào định Thức xứ.

Vượt qua tất cả định Thức xứ, nhập vào định Vô sở hữu xứ.

Vượt qua định Vô sở hữu xứ, nhập vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Do bốn nghiệp này nên được quả báo sanh ở cõi trời thuộc Vô sắc giới.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo quyết định. Nếu ai đối với Phật, Pháp, Tăng và người giữ giới, khởi tâm bố thí luôn tăng trưởng. Do nghiệp thiện này, nên phát nguyện hồi hướng, liền được vãng sanh. Đó gọi là nghiệp báo quyết định.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo bất định. Như tạo nghiệp không phải với tâm tăng trưởng hỗ trợ, lại không tu tập, cũng không phát nguyện hồi hướng thọ sanh. Đó gọi là nghiệp báo bất định.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh ở biên địa. Như tạo nghiệp đối với Phật, Pháp, Tăng, người trì giới thanh tịnh cùng với chỗ ở của đại chúng, nhưng không sinh tâm bố thí và hỗ trợ sự bố thí, rồi do căn lành này nguyện sanh ở biên địa. Do nguyện ấy nên liền sanh ở biên địa, thọ quả báo tịnh và bất tịnh.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở vùng trung tâm đất nước. Nếu khi tạo nghiệp đối với Phật, Pháp, Tăng, người trì giới thanh tịnh, gần người phạm hạnh, và chỗ ở của đại chúng, khởi tâm bố thí, hết lòng hỗ trợ sự bố thí. Nhờ căn lành này quyết định phát nguyện cầu sanh nơi vùng trung tâm đất nước, lại được gặp Phật, nghe chánh

pháp, thọ quả báo thanh tịnh thượng diệu.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh mãi mãi ở trong địa ngục. Như có chúng sanh, tạo nghiệp địa ngục rồi, không hổ thẹn, cũng không chán lìa, tâm không biết sợ hãi, trái lại còn sanh tâm vui thích, cũng không sám hối, còn tạo thêm nghiệp ác sâu nặng, như Đề-bà-đạt-đa... do tạo nghiệp này cho nên suốt đời ở trong địa ngục.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị đọa vào địa ngục, nửa chừng thì mạng yểu, không hết mạng. Như có chúng sanh tạo nghiệp địa ngục, tích tập thành rồi, sau sanh sợ hãi, xấu hổ, chán lìa, sám hối từ bỏ, chẳng còn tâm hỗ trợ. Do nghiệp này nên ở trong địa ngục, sau biết hối cải, chỉ thọ quả báo nửa chừng thì yểu, không hết thọ mạng.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị đọa vào địa ngục, mới vào liền ra. Như có chúng sanh tạo nghiệp địa ngục, tạo tác xong thì sợ sệt, khởi lòng tin luôn tăng trưởng, sanh tâm xấu hổ, chán lìa điều ác nên xả bỏ, ân cần sám hối, lại không tạo nữa. Như vua A-xà-thế giết cha, tạo nên các tội, vừa vào địa ngục liền được giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu ai tạo tội nặng,
Tạo rồi tự trách mình.
Sám hối không tạo nữa
Nhổ hết nghiệp căn bản.

Lại có nghiệp làm mà không nhóm tập. Như có chúng sanh thân, khẩu, ý... tạo các nghiệp ác, tạo rồi lo sợ, xấu hổ xa lìa, tự trách cứ hối hận, không còn tạo điều ác lại nữa, đó gọi là làm mà không chứa nhóm.

Lại có nghiệp nhóm tập mà không làm. Như có chúng sanh tự mình không tạo nghiệp, do vì ác tâm nên khuyên người khác làm ác. Đó gọi là chứa nhóm không làm.

Lại có nghiệp vừa tạo tác vừa tích tập. Như có chúng sanh tạo các nghiệp ác rồi, tâm không hối cải, mà thỉnh thoảng cứ tạo nghiệp, lại còn khuyên người khác tạo điều ác. Đó gọi là vừa tạo tác vừa tích tập.

Lại có nghiệp không tạo tác cũng không tích tập. Như có chúng sanh tự mình không tạo điều ác, cũng không dạy người khác tạo điều ác, thuộc về nghiệp vô ký. Đó gọi là không tạo tác cũng không tích tập.

Lại có nghiệp ban đầu thì vui sau thì khổ. Như có chúng sanh do người khác khuyên nên hoan hỷ bố thí, nhưng tâm bố thí không kiên cố, sau lại hối tiếc. Do nhân duyên đó nên sanh ở nhân gian, trước thì giàu có

sung sướng, sau lại bần cùng nghèo khổ. Đó gọi là ban đầu thì vui sau thì khổ.

Lại có nghiệp ban đầu thì khổ sau thì vui. Như có chúng sanh nhờ người khuyên bảo, miễn cưỡng bố thí chút ít, nhưng bố thí rồi thì hoan hỷ, tâm không hối tiếc. Do nhân duyên này nên sanh ở nhân gian, ban đầu thì nghèo khổ nhưng về sau thì giàu có sung sướng. Đó gọi là ban đầu thì khổ nhưng sau thì vui.

Lại có nghiệp ban đầu thì khổ về sau cũng khổ. Như có chúng sanh, xa lìa thiện tri thức, không ai khuyên bảo, dẫn dắt, cho đến không thể làm việc bố thí dù chút ít. Do nhân duyên này nên sanh ở nhân gian ban đầu đã bần khổ về sau cũng bần khổ. Đó gọi là ban đầu khổ mà về sau vẫn khổ.

Lại có nghiệp ban đầu vui sướng mà về sau cũng vui sướng. Như có chúng sanh được gần gũi thiện tri thức, nhờ họ khuyên bảo nên bố thí, rồi sanh tâm hoan hỷ, kiên cố tu hạnh bố thí. Do nguyên nhân đó nên sanh ở nhân gian, ban đầu đã giàu có, sung sướng, về sau cũng giàu có sung sướng.

Lại có nghiệp nghèo mà ưa thích bố thí. Như có chúng sanh, trước đã từng bố thí, nhưng không gặp phước điền, bị lưu chuyển trong sanh tử, nên sanh ở nhân gian, do không gặp phước điền, nên được quả báo rất ít, vừa được liền mất. Nhưng do nhân đã bố thí nên dù có bần cùng vẫn hay làm việc bố thí.

Lại có nghiệp giàu có mà tham lam keo kiệt. Như có chúng sanh chưa từng bố thí, gặp thiện tri thức khuyên bảo nên tạm thời làm việc bố thí, lại gặp được phước điền tốt đẹp. Nhờ gặp ruộng phước tốt nên đời sống được sung túc. Vì trước không có tạo nhân cho nên kẻ ấy tuy giàu có mà keo kiệt.

Lại có nghiệp giàu có mà hay bố thí. Như có chúng sanh gặp được thiện tri thức, tu hạnh bố thí thật nhiều, lại gặp được phước điền tốt. Do nhân duyên này nên được giàu có hết mực, tiền của nhiều, mà vẫn luôn thực hành bố thí.

Lại có nghiệp nghèo mà tham lam keo kiệt. Như có chúng sanh xa lìa thiện tri thức, không ai khuyên bảo chỉ dẫn, nên không thể thực hành bố thí. Do nhân duyên này, sanh ở nhà bần cùng mà vẫn tham lam keo kiệt.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh được thân an lạc nhưng tâm không an lạc, như hàng phàm phu có được phước đức.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh tâm được an lạc nhưng thân không an lạc, như bậc A-la-hán không phước.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân lẫn tâm đều an lạc như bậc A-la-hán có phước.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân lẫn tâm đều không an lạc, như kẻ phàm phu vô phước.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh mạng đã tận mà nghiệp không dứt hết. Như có chúng sanh từ địa ngục, chết rồi cũng lại sanh vào địa ngục, hoặc súc sanh, ngạ quỷ, cho đến các cõi người, trời, A-tu-la... cũng lại như vậy. Đó gọi là mạng đã tận mà nghiệp không dứt hết.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh nghiệp đã tận mà mạng không tận. Như có chúng sanh hết vui thì thọ khổ, hết khổ thì được vui..., đó gọi là nghiệp đã tận mà mạng không tận.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp lẫn mạng đều tận. Như có chúng sanh từ địa ngục ra lại sanh vào hàng súc sanh hay ngạ quỷ, cho đến cõi người, trời, A-tu-la..., đó gọi là cả nghiệp lẫn mạng đều tận.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp lẫn mạng đều không tận. Như có chúng sanh đã trừ hết các phiền não, tức là các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán... đó gọi là cả nghiệp lẫn mạng đều không tận.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh tuy sanh ở cõi ác nhưng hình dáng lại đẹp đẽ, mắt mày đoan nghiêm, da dẻ tươi tắn ai cũng thích nhìn. Như có chúng sanh do phiền não tham dục, khởi nghiệp phá giới. Do nhân duyên này, tuy sanh nơi cõi ác mà hình dáng đẹp đẽ, mắt mày đoan nghiêm, da dẻ tươi tắn ai cũng muốn nhìn.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh ở cõi ác, hình dung xấu xí, da dẻ thô nhám, chẳng ai muốn nhìn. Như có chúng sanh do phiền não sân hận dấy khởi nghiệp phá giới. Do nhân duyên này, sanh vào cõi ác, hình sắc xấu xí, da thịt thô nhám, chẳng ai muốn nhìn.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác, thân miệng hôi thối, các căn khuyết tật. Như có chúng sanh do phiền não si mê khởi ra nghiệp phá giới. Do nhân duyên này sanh nơi cõi ác, thân miệng hôi thối, các căn khuyết tật.

Lại có mười nghiệp bị quả báo xấu ác ở bên ngoài. Như có chúng sanh đối với mười nghiệp bất thiện phần nhiều tạo tác hành động nên tương ứng với các ngoại vật đều không được đầy đủ:

Do nghiệp sát sanh cho nên khiến cho các quả báo bên ngoài như ở vùng đất muối mặn, cỏ thuốc không có.

Do nghiệp trộm cắp nên tương ứng với ngoại cảnh như sương sa, mưa đá, trùng sâu... khiến cho đời sống luôn bị đói kém.

Do nghiệp tà dâm nên cảm ứng với ngoại cảnh như gió mưa dữ dội, bụi bặm đầy dẫy.

Do nghiệp nói dối nên cảm ứng với ngoại vật đều dơ bẩn, hôi thối.

Do nghiệp nói hai lưỡi, nên cảm ứng với ngoại cảnh như đất đai cao thấp không bằng phẳng, bờ ao hang hốc gồ ghề, cây cối gai gốc.

Do nghiệp ác khẩu nên cảm ứng với quả báo bên ngoài như chỗ ở toàn là đá, sạn, cát, sỏi, các vật xấu xí thô nhám, không thể gần gũi.

Do nghiệp nói thêu dệt nên cảm ứng với quả báo bên ngoài, khiến cảnh vật chung quanh toàn là cây cối rậm rạp, cành nhánh chông gai.

Do nghiệp tham nên cảm ứng với quả báo bên ngoài khiến cho các thứ hạt mầm, lúa thóc đều nhỏ bé.

Do nghiệp sân hận nên cảm ứng với quả báo bên ngoài, khiến cây cối sanh ra đều là trái đắng.

Do nghiệp tà kiến nên cảm ứng với quả báo bên ngoài khiến các thứ lúa thóc không hạt thu gặt quá ít ỏi.

Do mười nghiệp này bị quả báo xấu ác nơi bên ngoài như thế.

Lại có mười nghiệp đạt được quả báo thù thắng ở bên ngoài. Như có chúng sanh tu mười nghiệp thiện luôn thuận hợp, tăng trưởng, nên biết là đạt được mười quả báo thù thắng ở bên ngoài.

Như có chúng sanh thường kính lễ tháp miếu của Phật, sẽ được mười thứ công đức:

Được sắc đẹp, tiếng hay.

Nói ra điều gì ai cũng tin phục.

Không sợ sệt trước mọi người.

Trời, người đều ái hộ.

Đầy đủ uy lực.

Có uy lực, được chúng sanh tìm đến thân cận, nương nhờ.

Thường được gần gũi chư Phật, Bồ-tát.

Có đầy đủ phước đức lớn lao.

Mạng chung được sanh lên cõi trời.

Mau chứng đạo quả Bồ-đề.

Đó là kính lạy tháp miếu của Phật được mười thứ công đức như vậy.

Như có chúng sanh cúng thí dù lọng báu sẽ được mười thứ công đức:
Sống ở thế gian cũng như là dù lọng che chở chúng sanh.
Thân tâm an ổn, xa lìa các thứ phiền não bức bách.
Mọi người đều kính trọng, không ai dám khinh mạn.
Có uy lực lớn.
Thường được thân cận chư Phật, Bồ-tát, là các bậc có uy đức lớn, lấy đó làm quyến thuộc.
Thường được làm Chuyển luân Thánh vương.
Luôn làm bậc Thượng thủ, tu tập nghiệp thiện.
Có đầy đủ phước báo lớn.
Mạng chung được sanh lên cõi trời.
Mau chứng Niết-bàn.
Đó là cúng thí dù lọng báu sẽ được mười thứ công đức.
Như có chúng sanh cúng thí cờ phướn được mười thứ công đức:
Ở đời giống như lá cờ phướn quý giá, từ quốc vương đại thần, thân hữu tri thức luôn cung kính cúng dường.
Giàu có, tự tại, đầy đủ tài sản lớn.
Tiếng tốt truyền khắp, bao trùm các phương.
Tướng mạo đoan nghiêm, thọ mạng lâu dài.
Thường ở chỗ mình, sinh sống, thể hiện hạnh kiên cố.
Có danh vọng lớn.
Có uy đức lớn.
Sanh nơi tộc họ cao quý.
Thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời.
Mau chứng Bồ-đề.
Đó là cúng thí cờ phướn sẽ được mười thứ công đức như thế.
Như có chúng sanh cúng thí các loại chuông, linh sẽ được mười thứ công đức:
Được âm thanh như Phạm thiên.
Được tiếng tăm lớn.
Tự biết kiếp trước.
Nói ra điều gì ai cũng cung kính, thọ nhận.
Thường có dù lọng báu để tự trang nghiêm.
Có ngọc Anh lạc đẹp làm đồ trang sức.
Diện mạo đoan nghiêm, ai nhìn thấy cũng hoan hỷ.
Có đủ phước báo lớn lao.

Mạng chung được sanh lên cõi trời.
Mau chứng Niết-bàn.
Đó là cúng thí các loại chuông, linh được mười thứ công đức.
Như có chúng sanh cúng thí y phục sẽ được mười thứ công đức:
Mặt, mắt tươi đẹp.
Da dẻ tươi thắm, mịn màng.
Thân tướng không dính bụi bặm cấu uế.
Lúc sanh ra liền có đầy đủ y phục tốt đẹp.
Có đủ đồ nằm, ngồi tốt đẹp, che chắn thân.
Có đầy đủ mọi tâm hổ thẹn.
Ai thấy cũng kính yêu.
Có nhiều tài sản, vật báu.
Mạng chung sanh lên cõi trời.
Mau chứng Niết-bàn.
Đó là cúng thí y phục sẽ được mười thứ công đức.
Như có chúng sanh cúng thí các vật dụng đựng đồ ăn thì sẽ đạt được mười thứ công đức:
Ở đời như một người có tài năng.
Luôn được pháp luật tốt đẹp che chở, ban ơn.
Lìa mọi nẻo tham đắm ái dục.
Như cạn nguồn nước uống, thì các khe suối liền vọt nước ra tràn trề.
Không hề bị sanh vào cõi ngạ quỷ.
Có được vật dụng đẹp đẽ của trời.
Xa lìa bạn ác.
Đầy đủ phước báo lớn.
Mạng chung sanh lên cõi trời.
Mau chứng đắc Niết-bàn.
Đó là cúng thí các vật dụng đựng đồ ăn sẽ được mười thứ công đức như vậy.
Như có chúng sanh cúng thí các thứ ăn uống sẽ đạt được mười thứ công đức:
Được thọ mạng lâu dài.
Được sắc đẹp.
Được sức lực khỏe mạnh.
Được biện tài vô ngại, an ổn.
Được pháp không hề sợ hãi.

Không có biếng nhác, luôn được mọi người kính ngưỡng.
Mọi người đều yêu thích.
Có đủ phước báo lớn.
Mạng chung sanh lên cõi trời.
Mau chứng Niết-bàn.
Đó là cúng thí các thức ăn uống sẽ được mười điều công đức như thế.
Như có chúng sanh cúng thí giày dép sẽ được mười thứ công đức:
Có đầy đủ xe cộ đẹp đẽ.
Chân bước đi luôn bình an.
Bàn chân mềm mại.
Đi xa luôn nhẹ nhàng, khỏe khoắn.
Thân không mệt mỏi.
Dù đi đến đâu cũng không bị chông gai, sạn sỏi làm chân bị tổn thương.
Được diệu lực thần thông.
Luôn được các sứ giả giúp đỡ.
Mạng chung được sanh lên cõi trời.
Mau chứng Niết-bàn.
Đó là cúng thí giày dép sẽ được mười thứ công đức.
Như có chúng sanh cúng thí hương hoa sẽ được mười thứ công đức:
Sống ở đời như bông hoa.
Thân thể không hôi thối.
Hương phước hương giữ giới lan tỏa khắp các phương.
Theo chỗ sanh đến, tỷ căn không hề hư hoại.
Hơn hẳn thế gian, được mọi người quy ngưỡng.
Thân thường sạch thơm.
Yêu thích chánh pháp, thọ trì đọc tụng.
Đủ phước báo lớn.
Mạng chung sanh lên cõi trời.
Mau chứng Niết-bàn.
Đó là cúng thí hương hoa sẽ được mười thứ công đức.
Như có chúng sanh cúng thí đèn sáng sẽ được mười thứ công đức:
Tỏa sáng thế gian như đèn.
Theo chốn sanh ra, mắt thịt không bị tổn.
Được thiên nhãn.
Đối với các pháp thiện ác, có trí tuệ biết rõ.

Trừ diệt sự hôn ám lớn.

Được trí tuệ sáng suốt.

Lưu chuyển ở thế gian, thường không bị ở nơi chốn tối tăm.

Có đủ phước báo lớn.

Mạng chung được sanh lên cõi trời.

Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí đèn sáng sẽ được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh chắp tay cung kính sẽ được mười thứ công đức:

Được phước báo thù thắng.

Sanh nơi tộc họ cao quý.

Được sắc đẹp hơn hết.

Được âm thanh bậc nhất.

Được dù, lọng quý báu.

Được biện tài thù thắng.

Được lòng tin thù thắng.

Được giới pháp thù thắng.

Được sự hiểu biết rộng khắp thù thắng.

Được trí tuệ thù thắng.

Đó gọi là chắp tay cung kính sẽ được mười thứ công đức.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp xong, Trưởng giả Thủ-ca nghe Đức Phật giảng đạt được tín tâm thanh tịnh.

Trưởng giả Thủ-ca, cung kính đảnh lễ Đức Phật, thưa:

–Nay con xin thỉnh Đức Phật đến thành Xá-bà-đề, tới chỗ ở của cha con, tức nhà Trưởng giả Đao-đề. Mong Ngài hạ cố, khiến cho cha con và tất cả mọi người mãi mãi được an lạc.

Đức Thế Tôn vì muốn đem lại lợi ích cho mọi người nên im lặng nhận lời.

Trưởng giả Thủ-ca, nghe Phật dạy xong, trong lòng hết sức hoan hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

□

SỐ 81

PHẬT NÓI KINH
PHÂN BIỆT THIỆN ÁC BÁO ỨNG

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Thiên Tức
Tai người Thiên trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn vận y ôm bát mang y đi vào thành Xá-vệ, thứ lớp khất thực, tới nhà của Trưởng giả Du-ca, con trai của Đâu-nễ-dã, đứng ở ngoài cửa. Lúc đó, con chó của Trưởng giả Du-ca tên là Thương khư, thường làm công việc giữ cửa, nó luôn được chủ nhà dùng bát đồng đựng đầy đồ ăn ngon cho ăn. Con chó thấy Đức Thế Tôn liền tỏ ra giận dữ, sủa vang. Đức Thế Tôn nói với con Thương khư:

–Ông do chưa tỉnh ngộ nên thấy Ta mới sủa.

Con Thương khư nghe nói như thế thì không sủa nữa mà càng giận dữ hơn, liền bỏ chỗ nằm cũ chạy tới nằm dưới tòa ngồi bằng chiên-đàn. Khi ấy Trưởng giả Du-ca đi ra phía ngoài cửa, thấy con chó nằm im dưới tòa ngồi chiên-đàn, hỏi:

–Ai đã làm ngươi tức giận?

Con Thương khư im lặng. Trưởng giả Du-ca lại hỏi:

–Này hiền tử, người nào đã làm cho Thương khư tức giận như vậy?

Thưa:

–Sa-môn Cù-đàm đã đến đây, đứng ở trước cửa, con thấy rồi sủa vang lên, Sa-môn Cù-đàm ấy nói như vầy: "Do ông chưa tỉnh ngộ nên thấy Ta mới sủa". Con nghe lời nói ấy rồi, liền tức giận, đứng dậy bỏ chỗ cũ, chạy đến nằm dưới tòa ngồi chiên-đàn.

Du-ca nghe lời ấy thì hết sức tức giận, bèn ra khỏi thành Xá-vệ, đi tới khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Lúc ấy, Đức Thế Tôn cùng vô lượng

trăm ngàn vị Tỳ-kheo trước sau vây quanh nơi tòa của Ngài để nghe thuyết pháp. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Trưởng giả Du-ca đi tới, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị có thấy Trưởng giả Du-ca từ xa đang đi đến chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa vâng, chúng con đã thấy.

Đức Thế Tôn nói:

–Ông Trưởng giả ấy đang dấy tâm sân hận đối với Đức Phật, sau khi mạng chung chỉ trong chớp mắt sẽ bị đọa vào địa ngục lớn. Vì sao? Vì kẻ ấy đã mê chấp hư vọng, phân biệt ta người, khởi lên phiền não sân hận, hủy báng Phật, tất sẽ đọa vào các cõi ác, thọ vô lượng khổ. Kẻ ấy lại còn sanh tâm khinh mạn đối với Ta, cũng như đối với tất cả chúng sanh.

Đức Thế Tôn bèn đọc kệ:

Khởi tâm ác với Phật
Hủy báng, sanh khinh mạn
Vào trong địa ngục lớn
Thọ khổ vô cùng tận.
Có các loại hữu tình
Với Đạo sư, Tỳ-kheo
Tạm thời sanh tâm ác
Mạng chung đọa địa ngục.
Nếu đối với Như Lai
Khởi tâm đại sân hận
Đều đọa nơi cõi ác
Mãi luân hồi thọ khổ.

Bấy giờ vị Trưởng giả, con ông Đâu-nễ-dã đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, bày tỏ lời thăm hỏi, chúc tụng, tán thán rồi đứng qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Ngài đến nhà tôi?

Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Đã đúng giờ ăn, Ta mang y cầm bát vào thành Xá-vệ, thứ lớp khất thực, dừng lại trước cửa nhà ông. Lúc ấy, con Thương khư đang đứng gần đấy, từ từ ăn đồ ăn đựng trong bát bằng đồng, thấy Ta liền sủa vang lên. Ta nói: "Này Thương khư, do ông chưa tỉnh ngộ, nên thấy Ta mới sủa?". Con chó nghe lời ấy liền tỏ ra giận dữ bỏ đi đến chỗ khác.

Trưởng giả Du-ca thưa:

–Con chó Thương khư này không biết kiếp trước của nó như thế nào, cúi mong Đức Phật giảng nói.

Đức Phật bảo:

–Thôi đi, đừng hỏi việc này! Nếu ông nghe thì càng thêm sầu não, không thể chịu đựng nổi.

Trưởng giả Du-ca ba lần thưa Đức Phật như vầy:

–Cúi mong Đức Phật giảng nói việc này cho con, con rất muốn nghe.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả:

–Nay ông hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ nói rõ. Con chó ấy chính là hậu thân của Đâu-nễ-dã, cha ông đấy. Vào đời quá khứ do vọng chấp thân này, vô ngã chấp là ngã, tham lam keo kiệt, ganh ghét, không chịu bố thí, tham tiếc tiền của, không tin Tam bảo, cho nên phải bị đọa vào loài súc sanh. Nay con chó Thương khư này chính là cha của Trưởng giả đó.

Trưởng giả Du-ca lại thưa:

–Cha của con là Đâu-nễ-dã hồi sinh tiền thường hay bố thí, thờ cúng thần Lửa và các quỷ thần, như vậy thân của cha con sau khi mạng chung nhất định phải được sanh lên cõi trời Phạm thiên, hưởng mọi sự, sung sướng an lạc vì cớ gì lại bị đọa vào hàng súc sanh? Điều này thật khó tin!

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Cha của ông là Đâu-nễ-dã, do sự phân biệt ấy nên vọng sanh mê chấp, không hành bố thí, cứu giúp người khác, không tin Tam bảo, do nhân duyên ấy nên bị đọa vào loài chó.

Ngài lại bảo:

–Nay Ta nói như thế chắc hẳn ông không tin, vậy ông hãy trở về nhà hỏi con Thương khư thì rõ.

Bấy giờ Trưởng giả Du-ca từ giã Đức Phật trở về nhà. Đến nơi bèn nói với con chó:

–Này Thương khư, ngươi nếu thật là cha của ta tên là Đâu-nễ-dã, thì ngươi hãy ngồi lên tòa chiên-đàn đi!

Con chó liền nhảy lên ngồi nơi tòa chiên-đàn.

Trưởng giả lại nói.

–Này Thương khư, nếu ngươi thật là cha của ta tên là Đâu-nễ-dã thì hãy đến chỗ mâm đồng ăn món cơm canh nấu thịt ấy đi!

Sau khi con Thương khư ăn xong, Trưởng giả lại bảo:

–Nếu ông thật là cha của ta, tên là Đâu-nễ-dã, vậy thì hãy nên bày

điều kỳ lạ gì đấy đi!

Bấy giờ con Thương khư nghe nói như vậy, liền đứng lên, chạy tới chỗ cũ, dùng mũi ngửi đất phía dưới tòa chiên-đàn, lấy hai chân trước bươi đất, moi ra bốn cái hũ lớn bên trong chứa đầy bình bằng vàng, mâm bằng vàng và các loại báu vật khác nữa. Trưởng giả Du-ca thấy các thứ vàng bạc châu báu ít có này thì vô cùng sung sướng, yêu thích những của báu được cất giấu ấy. Bấy giờ Trưởng giả bèn đi ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Đức Phật, một lòng quy kính.

Khi ấy Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo ngồi phía trước tòa. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy có thấy Trưởng giả Anh Võ, con của Đâu-nễ-dã từ xa đang đi đến không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa vâng, chúng con đã thấy.

Đức Phật nói:

–Này các Tỳ-kheo, hiện tại Trưởng giả ấy nếu thân hoại mạng chung thì như buông bỏ gánh nặng xuống, liền được sanh lên cõi trời. Là vì người ấy đang hoan hỷ, phấn khởi, phát tâm chân thật đối với Ta, cho nên được quả báo như vậy.

Đức Thế Tôn liền đọc bài tụng:

Đây là một hữu tình
Phát tâm vui thấy Ta
Mạng chung sanh cõi trời
Như buông xả gánh nặng,
Đối với thầy thuyết pháp
Như Lai và Tỳ-kheo
Tạm thời tâm hoan hỷ
Quả báo cũng như vậy.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, cùng lúc Trưởng giả Du-ca đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy nơi chân Ngài, vô cùng hoan hỷ, hết lời xưng tán, khen ngợi là điều chưa từng có, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi Trưởng giả Du-ca:

–Con chó Thương khư ấy phải chăng quả thật là cha của ông?

Trưởng giả thưa:

–Đúng vậy! Thưa Thế Tôn, như lời Đức Phật đã nói là hoàn toàn chân thật không hư dối, tất cả những điều nghi ngờ của con đều đã dứt trừ.

Khi ấy Trưởng giả Du-ca thưa Đức Thế Tôn:

–Tất cả các loài hữu tình hoặc chết yểu, sống lâu, hoặc có bệnh, không bệnh, đẹp đẽ, xấu xí, sanh nơi tộc họ hào quý, hay thấp hèn, thông minh, ngu độn, dịu dàng, thô lỗ... các việc ấy không giống nhau. Vậy nhân quả thiện ác báo ứng như thế nào?.

Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Lành thay! Lành thay! Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, ta sẽ lần lượt giảng nói: Tất cả hữu tình tạo nghiệp, gây nhân thiện ác không giống nhau, cho nên mới có sự báo ứng hoặc sang hèn, trên dưới, hoặc thuộc tộc họ cao, thấp, sai khác. Nay Ta lược nói như vậy, còn nếu phân biệt rộng rãi thì ý nghĩa ấy hết sức sâu xa.

Trưởng giả Du-ca lại thưa:

–Cúi mong Đức Phật giảng giải rộng cho con được hiểu!

Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Ông hãy lắng nghe! Tất cả hữu tình tạo các thứ nghiệp, khởi ra vô số các thứ phiền não mê lầm. Nghiệp của chúng sanh có tốt xấu, quả báo phân ra có thiện có ác. Nghiệp xấu, dữ thì thọ quả báo nơi ba cõi ác, nghiệp lành tốt thì nhất định cảm quả báo nơi cõi người, trời. Lại nữa, nghiệp có phân hạng, mạng sống có ngắn dài. Lại nữa, có nghiệp khiến chúng sanh thọ quả báo nhiều bệnh, ít bệnh, đẹp đẽ, xấu xí; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ quả báo phú quý, bần cùng, thông minh trí tuệ, đần độn, ngu si ám muội; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh bị đọa vào ba đường ác; hoặc lại có nghiệp khiến được sanh ở Dục giới, Nhân, Thiên, cho đến cõi trời Hữu đảnh; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ quả báo xa, gần; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh mong cầu không toại nguyện; hoặc lại có nghiệp không cầu mà tự đến; có nghiệp khiến chúng sanh thành tựu khó hay dễ, thành công hay không thành công; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ mạng mãi mãi ở trong địa ngục hay yểu mạng, nhẹ nặng không đồng; hoặc có nghiệp khiến chúng sanh giàu sang nghèo khổ, trước sau không nhất định; hoặc có nghiệp khiến chúng sanh giàu có hay khổ cực ưa thích bố thí hay keo kiệt không nhất định; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ mạng dài ngắn không nhất định; hoặc có nghiệp khiến chúng sanh thân tâm vui vẻ hay bị khổ não không nhất định; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh có hình dáng đẹp đẽ, tươi tắn đáng yêu, hay xấu xí, thô lỗ, đáng ghét; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh các căn đầy đủ hay bị khuyết tật.

Đức Phật lại bảo Trưởng giả Du-ca:

-Có mười nghiệp thiện cần phải tu tập, còn mười nghiệp ác ông hãy nên đoạn trừ.

Trưởng giả Du-ca bạch Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn, hữu tình thọ mạng ngắn ngủi là do tạo nghiệp gì gây nên?

Đức Phật bảo:

–Do sát sanh nên bị như vậy.

Lại nữa, nghiệp sát có mười loại:

Tự tay giết.

Khuyên bảo người khác giết.

Thấy giết thì hoan hỷ.

Tùy hỷ đối với việc giết hại.

Giết hại từ trong bào thai.

Khuyên trục thai cho chết.

Oán thù mà giết.

Giết bằng cách đoạn nam căn.

Dùng các phương tiện để giết.

Sai khiến người khác giết.

Mười thứ nghiệp giết hại như vậy đưa đến quả báo thọ mạng ngắn ngủi.

Lại tạo nghiệp như thế nào mà có được quả báo trường thọ?

Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

Xa lìa việc tự tay giết.

Xa lìa việc khuyên bảo người khác giết.

Xa lìa sự hoan hỷ khi thấy giết hại.

Xa lìa việc tùy hỷ đối với sự giết hại.

Cứu người bị giết nơi hình ngục.

Phóng sanh mạng.

Bố thí sự không sợ cho kẻ khác.

Thương xót, vỗ về người bệnh.

Bố thí đồ ăn uống.

Cúng dường cờ phướn, đèn đuốc.

Mười nghiệp tốt như vậy đưa đến quả báo trường thọ.

Lại tạo nghiệp như thế nào mà bị quả báo nhiều bệnh? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

Tự hủy hoại loài hữu tình.
Khuyên người khác hủy hoại.
Tùy hỷ đối với sự hủy hoại.
Tán thán sự hủy hoại.
Bất hiếu với cha mẹ.
Kết nhiều oán xưa.
Làm nghề thuốc với tâm xấu ác.
Keo kiệt trong sự ăn uống.
Khinh chê, ngạo mạn đối với Thánh hiền.
Hủy báng các bậc Pháp sư.
Mười loại nghiệp xấu như vậy bị quả báo có nhiều bệnh.
Lại nữa, tạo nghiệp như thế nào mà có được quả báo ít bệnh?
Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?
Không gây tổn hại cho hữu tình.
Khuyên người đừng làm tổn hại.
Không tùy hỷ đối với sự làm tổn hại.
Không tán thán sự tổn hại.
Xa lìa việc vui thích đối với việc làm tổn hại.
Hiếu dưỡng đối với cha mẹ.
Tôn trọng các bậc Sư trưởng.
Không kết oán xưa.
Bố thí chúng Tăng được an lạc.
Bố thí thuốc men, các thứ ăn uống.
Mười loại nghiệp như vậy được quả báo ít bệnh.
Lại nữa, tạo nghiệp như thế nào mà bị quả báo hình tướng xấu xí?
Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?
Luôn khởi tâm phẫn nộ.
Tâm ý buông lung, ngạo mạn.
Không hiếu thuận đối với cha mẹ.
Luôn buông lung tham si.
Hủy báng các bậc Hiền thánh.
Xâm đoạt, bức hại kẻ khác.
Ăn trộm ánh sáng dầu đèn của Phật.
Cười giỡn đối với sự xấu xí của người khác.
Hủy hoại ánh sáng của Đức Phật.
Làm việc phi phạm hạnh.

Do mười thứ nghiệp như vậy nên bị quả báo có thân tướng xấu xí.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo có thân tướng đẹp đẽ? Có mười loại nghiệp. Mười nghiệp ấy như thế nào?

Tu tập hạnh từ bi, nhẫn nhục.

Cúng dường nơi tháp miếu của Phật.

Quét dọn chùa tháp.

Tu sửa tôn nghiêm tinh xá.

Tôn tạo trang nghiêm tượng Phật.

Hiếu dưỡng đối với cha mẹ.

Tin kính, tôn trọng các bậc Thánh hiền.

Khiêm cung, xa lìa sự ngạo mạn.

Phạm hạnh không thiếu sót.

Xa lìa tâm tổn hại.

Như vậy, do tạo mười thứ này nên được quả báo có thân tướng đẹp đẽ.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị sanh vào dòng họ thấp hèn? Có mười loại nghiệp. Mười loại ấy như thế nào?

Tham ái danh lợi, không tu hạnh bố thí.

Ganh ghét đối với sự vinh hoa của người khác.

Khinh chê, hủy báng Cha mẹ.

Không tuân lời Pháp sư.

Hủy báng các bậc Hiền thiện.

Thân cận bạn ác.

Khuyên người khác làm ác.

Phá hoại điều thiện của kẻ khác.

Mua bán kinh tượng.

Không tin Tam bảo.

Do tạo mười nghiệp như vậy bị quả báo sanh vào dòng họ thấp hèn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo sanh vào tộc họ giàu sanh danh tiếng? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

Xa lìa tâm ganh ghét, vui mừng đối với sự nghiệp của người khác.

Tôn trọng Cha mẹ.

Tin kính, tôn quý các bậc Pháp sư.

Phát tâm Bồ-đề.

Bố thí dù lọng cho Đức Phật.

Tu sửa, trang nghiêm chùa tháp.

Sám hối nghiệp ác.

Rộng tu hạnh bố thí.

Khuyên người khác tu tập điều thiện.

Tin kính, tôn quý Tam bảo.

Do tạo mười thứ nghiệp thiện như vậy nên được quả báo sinh vào dòng họ phú quý danh vọng.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo xấu ác nơi cõi người? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười loại?

Tâm buông lung, ngã mạn.

Khinh mạn Cha mẹ.

Khinh mạn các bậc Sa-môn.

Khinh mạn các hàng Bà-la-môn.

Hủy báng các bậc Hiền thiện.

Khinh mạn người trong thân tộc.

Không tin nhân quả.

Ghét bỏ tự thân.

Hiềm ghét đối với kẻ khác.

Không tin Tam bảo.

Do tạo mười thứ như vậy bị quả báo xấu ác nơi cõi người.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo thù thắng ở nhân gian? Có mười loại nghiệp, mười loại ấy là gì?

Khiêm cung, xa lìa ngạo mạn.

Tôn trọng Cha mẹ.

Tôn trọng các bậc Sa-môn.

Tin kính các hàng Bà-la-môn.

Yêu thương, giúp đỡ người trong thân tộc.

Tôn trọng bậc Hiền thánh.

Tu hành mười điều thiện.

Không khinh mạn đối với chúng sanh.

Tôn trọng các vị Pháp sư.

Một lòng kính tin Tam bảo.

Do tạo mười thứ nghiệp như vậy nên được quả báo thù thắng ở nhân gian.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo cô đơn nghèo khổ? Có mười loại nghiệp. Mười loại ấy là gì?

Luôn làm việc trộm cướp.

Khuyên người khác trộm cướp.

Khen ngợi sự trộm cướp.

Tùy hỷ đối với sự trộm cướp.

Hủy báng Cha mẹ.

Hủy báng các bậc Thánh hiền.

Ngăn chận người khác bố thí.

Ganh ghét khi thấy danh lợi của kẻ khác.

Keo kiệt đối với tiền của.

Khinh khi, hủy báng Tam bảo, mong muốn Tam bảo luôn gặp khó khăn.

Do tạo mười loại nghiệp như vậy nên bị quả báo cô đơn nghèo khổ.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo có phước đức lớn? Có mười loại nghiệp, mười loại ấy là gì?

Xa lìa việc trộm cướp.

Xa lìa việc khuyên người trộm cướp.

Xa lìa việc tùy hỷ đối với trộm cắp.

Hiếu dưỡng Cha mẹ.

Tin kính, quý các bậc Thánh hiền.

Vui mừng thấy danh lợi của người khác.

Rộng làm việc bố thí.

Không ganh ghét danh lợi của kẻ khác.

Không tiếc tài sản vật báu, thương xót kẻ cô đơn bần cùng.

Cúng dường Tam bảo.

Do tạo mười thứ nghiệp như vậy nên được quả báo có phước đức lớn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo ngu độn? Có mười loại nghiệp. Mười nghiệp đó là gì?

Chúng sanh này không tin Sa-môn, cũng không thân cận Sa-môn.

Không tin các hàng Bà-la-môn.

Không tin thầy, giáo pháp, cũng chẳng gần gũi.

Cất giấu giáo pháp, không truyền dạy.

Xoi mói những điều kém nơi giáo pháp của Thầy.

Xa lìa chánh pháp.

Đoạn diệt pháp thiện.

Hủy báng bậc Hiền trí.

Học hỏi theo điều phi pháp.

Hủy báng chánh kiến, tán dương tà kiến.

Do tạo mười pháp như vậy cho nên bị quả báo ngu độn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo có trí tuệ lớn? Có mười loại pháp, mười pháp ấy là gì?

Chúng sanh này thân cận Sa-môn, dốc lòng tin cầu pháp.

Tin các bậc Bà-la-môn.

Thân cận thầy, giáo pháp, cầu hiểu được nghĩa sâu xa.

Tôn quý Tam bảo.

Xa lìa kẻ ngu si.

Không hủy báng thầy, giáo pháp.

Cầu được trí tuệ sâu rộng.

Truyền bá đạo pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh, khiến chánh pháp không bị đoạn diệt.

Xa lìa điều phi pháp.

Tán dương chánh kiến, xa lìa các tà kiến.

Do mười pháp như vậy cho nên được quả báo có trí tuệ lớn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo sinh vào địa ngục? Có mười loại pháp, mười pháp ấy là gì?

Thân tạo nghiệp bất thiện.

Khẩu tạo nghiệp bất thiện.

Ý tạo nghiệp bất thiện.

Luôn dấy khởi thân kiến.

Luôn khởi biên kiến.

Luôn theo tà kiến.

Làm ác không ngừng.

Dâm dục, tà hạnh.

Hủy báng các bậc Thánh hiền.

Hoại diệt chánh pháp.

Do mười nghiệp như vậy nên bị quả báo sinh nơi địa ngục.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo sinh vào hàng súc sanh? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

Thân nghiệp tạo ác bậc trung.

Ngữ nghiệp tạo ác bậc trung.

Ý nghiệp tạo ác bậc trung.

Dấy khởi nhiều lòng tham lam.

Sanh nhiều sân hận.

Sanh nhiều si mê.

Bố thí không đúng pháp.

Sử dụng chú thuật trừ ếm.

Hủy hoại phạm hạnh của Bồ-tát.

Tin theo thường kiến, biên kiến, cho rằng "Người chết thì trở lại làm người".

Do mười nghiệp như vậy nên bị quả báo sinh vào hàng súc sanh.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo sinh vào loài ngạ quỷ? Có mười loại nghiệp. Mười loại nghiệp ấy là gì?

Thân tạo nghiệp ác nhẹ.

Khẩu tạo nghiệp ác nhẹ.

Ý tạo nghiệp ác nhẹ.

Tham tiếc tài vật, không chịu bố thí.

Dấy khởi tà kiến nặng nề hủy báng giáo pháp nhân quả của Phật.

Ngạo mạn, tự thị, khinh khi, hủy báng kẻ hiền lương.

Ngăn trở người khác bố thí.

Không thương xót kẻ đói khát.

Tham tiếc đồ ăn uống, không bố thí cho Tăng chúng của Phật.

Người khác được danh lợi thì tạo phương tiện làm cho ly cách.

Do mười nghiệp như vậy nên bị quả báo sinh vào loài ngạ quỷ.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì được quả báo làm người? Có mười loại nghiệp. Mười nghiệp ấy là gì?

Xa lìa sát sanh.

Xa lìa sự không cho mà lấy.

Xa lìa việc phi phạm hạnh.

Xa lìa lời nói hư dối.

Xa lìa lời nói tạp uế.

Không nói lời ly gián.

Xa lìa lời nói thô ác.

Xa lìa việc uống rượu, ăn thịt.

Xa lìa sự si ám.

Xa lìa tà kiến, vững tin Tam bảo.

Do tu mười nghiệp nhẹ như vậy nên được quả báo làm người.

Lại nữa, do tu nghiệp gì mà được sanh vào các cõi trời thuộc Dục giới? Do tu mười nghiệp thiện nên được sanh nơi các cõi trời ấy. Lại do tu nghiệp gì mà được sanh lên các cõi trời thuộc Sắc giới? Do tu mười

định thiện mà được sanh vào các cõi trời ấy. Lại do tu nghiệp gì mà được sanh vào bốn cõi trời thuộc Vô sắc giới? Do tu tập pháp Tam-ma-bát-đề làm nhân mà được sanh lên các cõi trời ấy. Những gì là bốn? Xa lìa tất cả Sắc, tác tưởng hư không vô biên. Do tu định ấy dứt trừ được chướng ngại, sau khi mạng chung được sanh lên cõi Không vô biên xứ. Xa lìa mọi thức thô, tế hiện tiền, tác tưởng vô biên, dứt trừ được chướng ngại của thức. Do tu định ấy nên đời sau được sanh vào cõi trời Thức vô biên xứ. Xa lìa mọi chướng ngại cấu nhiễm của vô sở hữu xứ, lại tu định kia, sau khi mạng chung được sanh lên cõi Vô sở hữu xứ. Xa lìa chướng ngại của cõi ấy, tiếp tục tu pháp định đó, sau khi mạng chung được sanh vào cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, do tu tập nghiệp gì không sanh vào cõi Vô gián? Do tu các nghiệp, hồi hướng mọi chỗ mong cầu của mình, quyết định được sanh trong cõi thiện, không bị đọa vào cõi Vô gián.

Lại nữa, việc tạo nghiệp và thọ nhận quả báo ra sao? Nếu tu nghiệp thiện thì cảm quả báo đáng yêu thích, nếu tạo nghiệp ác thì cảm quả báo đáng ghét bỏ. Nếu xa lìa nghiệp thiện và bất thiện này thì trọn không thể có quả báo đáng yêu thích hay đáng ghét bỏ gì cả. Thí như người nữ hiền thục có chồng đi buôn nơi xa, đã lâu chưa về nhà thì làm gì cô ấy có con?!

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà không có quả báo? Do đã tạo nghiệp ác rồi, nhưng nghĩ lại hối hận, thành thật tỏ bày, tỉnh ngộ, trách mình trước chẳng suy nghĩ. Lúc ấy, tâm nghĩ miệng nói, hết lòng chuyên chú lo việc sám hối. Nghiệp ấy tuy đã tạo rồi nhưng không thọ quả báo. Đối với nghiệp thiện cũng lại như vậy.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được thân tâm viên mãn? Do tu tập hạnh nhẫn nhục nên được thân tướng viên mãn. Do tu tập pháp học hỏi, tư duy nên được tâm viên mãn. Tu tập theo nghiệp ấy chắc chắn đạt được quả báo như vậy.

Lại do tạo nghiệp gì mà sau khi tu tập không bị mất mát? Nếu có nghiệp thiện đã làm rồi không hối hận, không nghi ngờ, chán bỏ, không gây sự phiền hà, bực bội, cũng không cho là không, không nói điều đúng điều sai, mà không xa lìa, cũng không gây náo động, tạo hạnh như vậy, tu tập nghiệp ấy rốt cuộc chẳng hề hao mất, chắc chắn thọ quả báo như vậy.

Lại do tạo nghiệp gì mà không có quả báo? Do tạo nghiệp vô ký nên không có quả báo.

Lại do tạo nghiệp gì mà chúng sanh thọ mạng mãi ở địa ngục không

thoát ra được? Đó là có một chúng sanh đã tạo nghiệp thiện rồi, nhưng không hối hận, cũng không nghi ngờ, chán bỏ, lại không cho là không, tâm không sầu não, không nói điều phải trái, cũng không gây loạn động, tạo tác như vậy nên biết được sanh lên cõi trời. Trái lại nếu chúng sanh tạo các nghiệp trái ngược như trên, bị sanh trong địa ngục, trọn cả thọ mạng mà không thoát khỏi.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh ở trong địa ngục không trọn thọ mạng? Đó là do chúng sanh ấy tạo nghiệp ác rồi, nhưng không nghi ngờ hối hận, nhưng rồi phiền não tự hoại, tỉnh ngộ những điều sai quấy ở trước nên xa lìa nghiệp ấy mà không gây loạn động. Tạo tác như vậy nên chúng sanh đó đã tạo nghiệp như vậy sanh trong địa ngục nhưng không hết thọ mạng.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh sanh trong địa ngục liền được mạng chung? Đó là có chúng sanh đã tạo nghiệp ác rồi, hối hận, nghi ngờ, tự trách cứ, phủ nhận, dốc trừ bỏ, xa lìa phiền não xấu ác, không thể yêu thích, không tự tạo ra nữa. Như vua A-xà-thế đã tạo tội giết cha rồi hối lỗi thành tâm bày tỏ: "Con đã tạo nghiệp ác, con phải tự thọ quả báo. Nay đối diện với Đức Phật xin sám hối dứt bỏ tội lỗi trước". Đức Phật thương xót nhà vua, bảo vua hãy quán tánh của tội từ duyên hư huyễn mà có, tỏ ngộ là không thể có. Cho nên chúng sanh này sanh vào địa ngục liền được mạng chung.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước được vui sướng, sau bị khổ não? Đó là có một chúng sanh ban đầu thực hành bố thí, tâm yêu thích, vui mừng, nhưng bố thí rồi lại hối tiếc, cho nên chúng sanh ấy sanh ở nhân gian trong gia đình giàu có, đầy đủ vàng bạc châu báu, voi, ngựa, xe; cha mẹ, vợ con, bạn hữu tri thức đều không thiếu, cho đến kho tàng cũng như vậy, nhưng sau thì sa sút dần trở nên bần cùng. Do đó gọi là có được quả báo, trước vui sướng, sau bị khổ não.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước bị khổ sở, sau được vui sướng? Đó là có chúng sanh do nhân từ đời trước dùng tâm ở bậc thấp bố thí chút ít. Bố thí rồi tâm không hối tiếc, sau lại hoan hỷ, cho nên chúng sanh này sanh làm người trong dòng họ thấp kém, mọi sự ăn uống, y phục cho đến châu báu, tất cả đều thiếu thốn, cũng không được tự tại. Về sau, dần dần tài sản được tăng thêm, cho đến có vô số của cải không thiếu vật gì. Vì vậy, chúng sanh này quả báo trước bị nghèo khổ, sau được vui sướng.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước được vui sướng, sau cũng vui sướng? Đó là có chúng sanh khi chưa bố thí thì hoan hỷ muốn bố thí. Bố thí rồi cũng hoan hỷ, trước sau không hối tiếc. Chúng sanh này sanh làm người trong gia đình giàu có, thuộc tộc họ cao quý, cha mẹ vợ con, hàng thân thuộc bạn hữu, kho tàng châu báu, xe cộ, súc vật cho đến vườn rừng, ruộng nhà chẳng thiếu thứ gì, tự do thọ dụng. Vì vậy chúng sanh này đạt quả báo trước vui sướng, sau cũng vui sướng.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước không vui sướng, sau cũng không vui sướng, luôn bị khổ não? Đó là có chúng sanh trước không có tâm bố thí, cũng không có bạn hữu tốt khuyên làm bố thí. Đã không có tín tâm, lại tham tiếc châu báu, từ đầu đến cuối chẳng hề bố thí một tơ hào nào. Cho nên chúng sanh đó sanh làm người ở trong tộc họ thấp hèn, bần cùng, khốn khổ, của cải, ruộng, nhà, cho đến quyến thuộc tất cả đều thiếu, trước đã không được vui sướng, sau cũng không được vui sướng. Cho nên chúng sanh này thọ quả báo trước bị khổ não, sau cũng bị khổ não.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh được giàu sang nhưng lại tham tiếc tiền của, không bố thí cho ai, dù rất ít? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ quy hướng Tam bảo, từng làm bố thí, nhưng không phát nguyện ở đời vị lai tiếp tục tu hạnh bố thí, cho nên chúng sanh này sau khi mạng chung, hoặc sanh ở nhân gian được giàu sang, được sanh vào tộc họ phú hào nhiều châu báu, tiền của, voi ngựa, nô tỳ, súc vật, ruộng nhà… thảy đều nhiều, tự do thọ dụng. Nhưng đối với tài sản của mình thì tham tiếc, yêu mến giữ gìn, không làm bố thí. Cho nên chúng sanh này tuy giàu có, nhiều tiền của, nhưng tham lam tiếc lẫn, cũng không có tín tâm.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh một đời nghèo khổ, lại ưa thích bố thí? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ, đối với thắng xứ của Tam bảo đã từng tu hạnh bố thí, lại còn phát nguyện: Cho đến đời vị lai tâm bố thí vẫn không dứt, nên sau khi mạng chung được sanh ở cõi trời, người, luôn được thọ phước báo. Người ấy, về sau phước hết, lại sanh ở nhân gian, dù bần cùng nhưng vẫn ưa thích bố thí. Cho nên chúng sanh này dù bần cùng nhưng ưa thích bố thí, tín tâm không đoạn.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh một đời nghèo khổ mà lại tham lam keo kiết, không có bố thí, dù rất ít? Đó là có một chúng sanh trong đời quá khứ không gặp bạn lành dẫn dắt, lại còn ngu si không tin nhân quả, đối với pháp bố thí Ba-la-mật dù cho chút ít cũng không thực

hiện, cho nên chúng sanh ấy sau khi mạng chung, sanh làm người ở nhân gian, thuộc tộc họ bần cùng, tiền của, đồ ăn uống, ruộng vườn, tất cả đều thiếu thốn. Vì vậy chúng sanh này bần cùng, khốn khổ, cũng không thích bố thí.

Lại do tạo nghiệp gì mà cả thân tâm đều được vui sướng, giống như Chuyển luân vương, lại ưa làm phước? Đó là có một chúng sanh trong đời quá khứ tu giới không sát sanh, bố thí sự vô úy cho kẻ khác, lại còn phát nguyện: tâm bố thí luôn sáng suốt, cho nên chúng sanh này sau khi mạng chung, sanh làm người ở nhân gian, thân tâm đều luôn được an lạc, thường ưa thích bố thí.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh cả thân tâm đều được vui sướng như một cụ già việc nhà đã lo liệu xong xuôi, nhưng không tu phước? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ bố thí sự vô úy cho kẻ khác, không làm tổn hại đến các chúng sanh, nhưng không phát nguyện thù thắng, cho nên chúng sanh ấy sau khi mạng chung, sanh làm người ở nhân gian, thân tâm đều được an lạc, nhưng không chịu tu phước.

□

PHẬT NÓI KINH
PHÂN BIỆT THIỆN ÁC BÁO ỨNG

QUYỂN HẠ

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh, hoặc thân tâm đều không an lạc, lại không tu phước? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ tạo sự nhiễu hại đối với chúng sanh, khiến họ sợ sệt, lại không có tín tâm, không phát nguyện lành. Cho nên chúng sanh này sau khi mạng chung sanh trong loài người, cả thân tâm đều bất an, có nhiều ngu ám, lại không tu hạnh bố thí.

Do đâu có chúng sanh ở nhân gian thì bị chết yểu, phải sống lâu trong ba đường ác? Đó là có chúng sanh đời quá khứ tạo nhân, ban đầu tu tập theo chút ít điều thiện nhưng sau thì tạo nhiều điều ác, cho nên chúng sanh ấy sanh ở nhân gian bị chết yểu, đời sau sanh vào cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A-tố-ra (A-tu-la) thì thọ mạng lại lâu dài.

Do đâu có chúng sanh ở ba cõi ác thọ mạng ngắn nhưng ở cõi người thì thọ mạng lâu dài? Đó là có một chúng sanh tạo nhân ở quá khứ, ban đầu tạo nghiệp ác ít, về sau tạo nghiệp thiện nhiều, cho nên chúng sanh này ở ba cõi ác thì thọ mạng ngắn ngủi, đời sau sanh ở nhân gian thì thọ mạng lâu dài.

Do đâu có chúng sanh sanh ở nhân gian và ở ba cõi ác thọ mạng đều ngắn ngủi? Đó là có một chúng sanh tạo nhân ở quá khứ, ban đầu và về sau tạo nghiệp thiện, ác đều ít, cho nên chúng sanh này ở trong loài người và ở ba cõi ác thọ mạng đều ngắn ngủi.

Do đâu có chúng sanh khi mạng đã tận thì phiền não cũng tận? Do đâu có chúng sanh phiền não đã tận mà thọ mạng không tận? Đó là người đạt được các quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, Quyết định tánh và bất quyết định A-la-hán.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh tuy sanh ở cõi ác mà hình sắc thân tướng đoan nghiêm đẹp đẽ, ai thấy cũng hoan hỷ, ưa thích? Đó là có một chúng sanh trong đời quá khứ tu tập hạnh nhẫn nhục, nhưng vì

phá tịnh giới của Phật nên bị đọa vào cõi ác, thọ thân hình khác, có được hình sắc thân tướng đoan nghiêm, đẹp đẽ, các căn cụ túc, ai thấy cũng hoan hỷ.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh sanh ở trong cõi ác mà thân tướng thô nhám, hình sắc xấu xí, ai thấy cũng không ưa? Đó là do chúng sanh này ở đời quá khứ tâm nhiều sân hận, không tu hạnh nhẫn nhục, đã phá tịnh giới của Phật lại không thành thật bày tỏ, sám hối. Cho nên người ấy sau khi mạng chung, sanh trong loài khác, hình sắc xấu xí, thân thể thô lậu, các căn khuyết tật, hôi thối, si mê tăm tối, ai thấy cũng không ưa thích.

Lại nữa, tạo mười nghiệp bất thiện sẽ thọ nhận quả báo như thế nào? Do nhân sát sanh nên thọ mạng về hình, sắc và sức lực đều không đầy đủ. Do nhân trộm cắp nên bị quả báo thời tiết không thuận hợp, côn trùng phá hoại, lụt lội, hạn hán, đói khát. Do nhân tà dục nên bị quả báo bên ngoài nhiều phiền não cấu uế, vợ không trinh thuận. Do nhân nói hư dối nên bị quả báo hơi thở hôi thối, tiếng xấu lan khắp, người đều chán ghét. Do nhân nói ly gián nên bị quả báo quyến thuộc bất hòa, tật bệnh liên miên. Do nhân nói lời xấu ác nên bị quả báo khi tiếp xúc luôn gặp sự thô lậu, xấu xí, kết quả không tốt đẹp. Do nhân nói lời tạp uế nên bị quả báo luôn gặp cảnh rừng cây gai góc, vườn tược tiêu điều. Do nhân tham ái nên bị quả báo tài sản của cải nơi kho ít ỏi. Do nhân sân hận nên bị quả báo luôn gặp mùi vị cay đắng, dung mạo xấu xí. Do nhân ngu si nên bị quả báo hình sắc bên ngoài không sạch sẽ, tâm trí kém cỏi. Do tạo mười nghiệp bất thiện nên bị quả báo như vậy.

Tu mười nghiệp thiện thì được quả báo như thế nào?

Xa lìa việc giết hại, thì thọ mạng và y báo đều được đầy đủ. Xa lìa trộm cắp thì mọi sự bất hòa của thời tiết, côn trùng phá hoại, đói khát, các tai họa đều được dứt trừ. Nhân không tà dâm thì tiếng tốt đồn khắp, xa lìa mọi phiền não cấu uế. Nhân không vọng ngữ, thì miệng thường thơm sạch. Nhân không nói lời ly gián nên quyến thuộc được hòa thuận xa lìa mọi cảnh ngộ, sấm sét, mưa gió dữ dội. Nhân không nói lời thô ác nên gặp cảnh quả vị ngọt ngon, xa lìa mọi sự thô nhám. Nhân không nói lời tạp uế nên luôn gặp cảnh rừng cây, vườn tược tươi tốt sum suê. Nhân không tham ái nên tài sản nơi kho lẫm được đầy đủ dồi dào. Nhân không sân hận nên thân tướng được hoàn hảo, các căn không khuyết tật. Nhân không tà kiến nên tín tâm không đoạn, trí tuệ hơn hết, đầy đủ mọi sự tốt

đẹp. Do tu mười nghiệp thiện nên được quả báo như vậy.

Lại nữa, tạo mười điều ác có mười quả báo. Những gì là mười? Sát sanh có mười quả báo:

Oan gia ngày càng nhiều.
Ai thấy kẻ ấy cũng không vui thích.
Chúng sanh luôn sợ sệt.
Luôn chịu sự khổ não.
Thường nghĩ đến việc giết hại.
Nằm mộng thấy sầu khổ.
Lúc lâm chung bị hối hận.
Thọ mạng ngắn ngủi.
Tâm thức bị ngu muội.
Khi chết đọa vào địa ngục.

Lại nữa, trộm cắp có mười thứ quả báo. Những gì là mười?

Kết thêm oan gia đời trước.
Luôn có sự nghi ngờ.
Bị bạn ác theo đuổi.
Bạn lành lánh xa.
Phá tịnh giới của Phật.
Bị phép vua trừng trị.
Buông lung, phóng dật.
Mãi mãi sầu lo.
Không được tự tại.
Chết đọa địa ngục.

Lại nữa, quả báo của tà dục có mười thứ. Những gì là mười?

Tâm dục luôn bừng cháy.
Thê thiếp không trinh thuận.
Tăng trưởng điều bất thiện.
Pháp thiện bị tiêu diệt.
Phóng túng trong quan hệ nam nữ.
Tài sản âm thầm tiêu tán.
Tâm trí nhiều nghi ngờ.
Xa lìa bạn lành.
Thân tộc không tin tưởng.
Mạng chung bị đọa vào ba đường ác.

Lại nữa, quả báo của vọng ngữ có mười thứ. Những gì là mười?

Hơi trong miệng thường hôi thối.
Kẻ ngay thẳng xa lánh.
Người dua nịnh, dối trá ngày càng nhiều.
Gần gũi kẻ phi nhân.
Dù có nói thật cũng không ai tin.
Trí tuệ ít dần.
Tiếng tăm không thật.
Không nói lời thành thật.
Ưa nói chuyện thị phi.
Thân chết sanh vào cõi ác.

Lại nữa, uống rượu có ba mươi sáu lỗi lầm. Những lỗi ấy như thế nào?

Tài sản bị mất mát.
Hiện tại có nhiều bệnh tật.
Ưa thích tranh giành.
Tăng trưởng sự giết hại.
Tăng trưởng sự sân hận.
Phần nhiều không toại ý.
Trí tuệ kém dần.
Phước đức không tăng.
Phước đức hao giảm.
Phơi bày sự bí mật.
Sự nghiệp không thành.
Tăng nhiều sự sầu khổ.
Các căn bị ngu muội.
Làm hủy nhục cha mẹ.
Không kính bậc Sa-môn.
Không tin Bà-la-môn.
Không tôn kính Phật.
Không kính Tăng, Pháp.
Thân cận bạn ác.
Xa lánh bạn lành.
Bỏ bê việc ăn uống.
Thân hình không kín đáo.
Dâm dục luôn bộc phát.
Mọi người không thích.

Tăng thêm sự cười chê.
Cha mẹ không vui.
Quyến thuộc chê bỏ.
Làm theo điều phi pháp.
Xa lìa chánh pháp.
Không kính bậc Hiền thiện.
Vi phạm tội ác.
Xa lìa sự tĩnh lặng.
Điên cuồng ngày càng nặng.
Thân tâm tán loạn.
Phóng dật, làm điều ác.
Thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục lớn, thọ khổ vô cùng tận.

Bấy giờ Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Nếu có người đối với tháp miếu của Như Lai chắp tay cung kính, thì được mười công đức. Những gì là mười?

Sanh vào gia đình quý tộc, giàu có.
Được nhiều sắc đẹp.
Hình tướng khỏe mạnh đáng yêu thích.
Bốn sự luôn được dồi dào.
Châu báu thật nhiều.
Tiếng tốt đồn khắp.
Tín căn thâm sâu.
Sự nhớ nghĩ bao quát.
Trí tuệ rộng khắp.
Sự nghiệp lớn lao.

Như vậy, này Trưởng giả, nếu có người chắp tay cung kính đối với tháp miếu của Như Lai, thì được những công đức như thế.

Nếu lại có người đối với tháp miếu của Như Lai mà chắp tay lễ bái, thì được mười công đức. Những gì là mười?

Ngôn từ dịu dàng, hòa nhã.
Trí tuệ hơn hẳn mọi người.
Người trời đều hoan hỷ.
Phước đức rộng lớn.
Cùng ở với người hiền thiện.
Được tôn quý, tự tại.
Luôn được gặp Phật.

Được gần gũi với Bồ-tát.

Mạng chung được sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy do lễ bái tháp miếu của Phật mà có được.

Nếu lại có người lau chùi bụi bặm nơi tháp miếu của Phật thì được mười công đức. Những gì là mười?

Sắc tướng đầy đủ.

Thân thể đầy đặn, cân đối.

Âm thanh vi diệu.

Xa lìa ba độc.

Đi đường không bị chông gai, hiểm trở.

Được sanh vào dòng họ tôn quý.

Luôn tôn quý, tự tại

Mạng chung được sanh lên cõi trời.

Tánh luôn lìa bỏ mọi cấu uế.

Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy do quét dọn, lau chùi bụi bặm nơi tháp miếu của Phật mà có được.

Nếu có người dâng cúng dù lọng cho tháp miếu của Như Lai thì được mười thứ công đức. Những gì là mười?

Xa lìa mọi thứ phiền não bức bách.

Tâm không tán loạn.

Có địa vị nơi thế gian.

Nghề nghiệp rộng lớn.

Phước đức vô lượng.

Được làm vua Chuyển luân.

Thân tướng viên mãn.

Xa lìa ba đường ác.

Mạng chung sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do dâng cúng dù lọng cho tháp miếu của Phật mà có được.

Nếu hoặc có người dâng cúng chuông, linh nơi tháp miếu của Phật, thì được mười thứ công đức? Những gì là mười?

Thân tướng đoan nghiêm, không gì sánh được.

Âm thanh vi diệu thật đáng ưa thích.

Tiếng nói như tiếng chim Ca-lăng-tần-già.

Ngôn từ dịu dàng, hòa nhã.

Ai thấy cũng hoan hỷ.

Được sự đa văn như Tôn giả A-nan.

Luôn được tôn quý tự tại.

Tiếng tốt đồn xa.

Thường được sanh nơi cõi trời.

Đạt đến cứu cánh là giải thoát.

Công đức như vậy là do dâng cúng chuông, linh nơi tháp miếu của Phật mà được quả báo thù thắng.

Nếu lại có người dâng cúng cờ phướn nơi tháp miếu của Như Lai thì được mười công đức. Những gì là mười?

Hình dung đầy đặn, cân đối, luôn được trường thọ.

Được đời quý trọng kính mến.

Tín căn vững bền.

Hiếu dưỡng đối với cha mẹ.

Quyến thuộc bạn bè tốt đông đúc.

Tiếng tốt được mọi người khen ngợi.

Sắc tướng đoan nghiêm.

Ai thấy cũng hoan hỷ.

Được sanh vào tộc họ tôn quý, giàu có, tự tại, mạng chung được sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do dâng cúng cờ phướn cho tháp miếu của Phật mà được.

Nếu có người dâng cúng vải lụa cho tháp miếu của Như lai thì được mười hai thứ công đức hơn hết. Những gì là mười hai?

Thân thể cân đối, đầy đặn.

Ai thấy cũng hoan hỷ.

Phước tướng tươi sáng.

Sắc tướng vi diệu.

Tướng mạo đẹp đẽ không ai sánh kịp.

Thân không có bụi bặm cấu uế.

Y phục luôn sạch đẹp.

Đồ nằm luôn mềm mại.

Luôn được tự tại.

Mạng chung được sanh lên cõi trời.

Ai thấy cũng đều kính yêu.

Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do dâng cúng vải lụa cho tháp miếu của Phật mà có được.

Nếu lại có người cúng dường hoa cho tháp miếu của Như Lai thì có mười công đức. Những gì là mười?

Sắc tướng đẹp như hoa

Thế gian không thể so sánh.

Tỷ căn không hư hoại.

Thân lìa mọi sự hôi hám, dơ nhớp.

Luôn có mùi thơm vi diệu, thanh tịnh.

Vãng sanh nơi tịnh độ trong mười phương, được thấy Phật.

Hương giữ giới lan tỏa thơm khắp.

Thế gian luôn quý trọng, được pháp lạc viên mãn.

Được tự tại sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do dùng hoa cúng dường nơi tháp Xá-lợi của Phật mà được.

Lại nếu có người dùng tóc trải ra để dâng cúng nơi tháp miếu của Như Lai, thì được mười thứ công đức. Những gì là mười?

Sắc tướng mềm mại như tóc mượt.

Thân không hôi thối, dơ nhớp.

Thân thể luôn thanh tịnh.

Được sanh về cõi Phật trong mười phương.

Hương giới lan tỏa thơm khắp.

Luôn tỏa mùi thơm vi diệu.

Quyến thuộc được đông đủ.

Các căn đầy đủ, lanh lợi.

Được tự tại sanh lên cõi trời.

Mau chứng Niết-bàn.

Công đức như vậy là do dâng cúng tóc nơi tháp miếu của Như Lai mà có được.

Nếu lại có người dùng đèn cúng dường nơi tháp Xá-lợi của Phật, thì được mười công đức. Những gì là mười?

Được nhục nhãn thanh tịnh.

Được thiên nhãn thanh tịnh.
Xa lìa ba thứ độc hại.
Được các pháp lành.
Được trí tuệ thông minh.
Xa lìa ngu si.
Không đọa vào ba cõi ác tối tăm.
Được tôn quý, tự tại.
Thường được sanh đến các cõi trời.
Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do cúng dường đèn đuốc cho tháp Xá-lợi của Phật mà có được.

Nếu lại có người dùng hương xoa cúng dường tháp miếu của Như Lai thì được mười công đức. Những gì là mười?

Tỷ căn luôn được thanh tịnh.
Thân không có hôi thối, dơ nhớp.
Thân thể luôn sạch, có mùi thơm vi diệu.
Hình tướng đoan nghiêm.
Được thế gian cung kính.
Ưa thích chánh pháp, ham hiểu biết.
Luôn được tôn quý, tự tại.
Tiếng tốt đồn khắp.
Mạng chung được sanh lên cõi trời.
Mau chứng đắc Niết-bàn.

Mười thứ công đức như vậy là do dùng hương xoa cúng dường nơi tháp Xá-lợi của Đức Như Lai mà có được.

Nếu lại có người dùng âm nhạc vi diệu cúng đường tháp miếu của Phật thì được mười thứ công đức thù thắng. Những gì là mười?

Thân tướng đoan nghiêm.
Ai thấy cũng hoan hỷ.
Được âm thanh vi diệu.
Ngôn từ hòa thuận.
Các căn luôn đầy đủ, thích hợp.
Xa lìa sự sân hận
Được sự đa văn của ngài Khánh Hỷ.
Luôn được, tôn quý, tự tại.
Mạng chung được sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc Niết-bàn.

Công đức như vậy là do dùng âm nhạc vi diệu cúng dường tháp miếu của Phật mà đạt được.

Nếu lại có người hoan hỷ tán thán tháp miếu của Như Lai thì được mười tám thứ công đức thù thắng. Những gì là mười tám?

Được sanh vào tộc họ tôn quý, cao thượng.

Hình tướng đoan nghiêm.

Thân thể đầy đặn, cân đối.

Ai trông thấy, nghe biết cũng đều hoan hỷ.

Tiền của vô lượng.

Quyến thuộc đông đúc.

Không bị mất mát, hư hoại.

Luôn được tôn quý, tự tại.

Thường sanh về cõi Phật.

Tiếng lành đồn xa.

Đức tốt luôn được tán dương.

Bốn sự việc luôn được dồi dào.

Người, trời đều cúng dường.

Được làm Chuyển luân vương.

Thọ mạng được lâu dài.

Thể tánh bền chắc như kim cương.

Mạng chung được sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc Niết-bàn.

Công đức như vậy là do hoan hỷ tán thán tháp Xá-lợi của Phật.

Nếu lại có người dâng cúng giường tòa cho Phật thì được mười thứ công đức. Những gì là mười?

Uy đức được tôn quý.

Được thế gian khen ngợi.

Các căn đầy đủ, khỏe khoắn.

Tiếng tốt lan xa.

Đức quý luôn được ca tụng.

An hòa, vui thích.

Được ngồi tòa của Chuyển luân vương, kẻ hầu hạ đầy đủ.

Ai thấy cũng hoan hỷ

Được tự tại sanh lên cõi trời, đầy đủ phước tướng.

Mau chứng đắc Niết-bàn.

Công đức như vậy là do dâng cúng giường tòa cho Phật mà được các phước báo thù thắng ấy.

Nếu lại có người dâng đem giầy dép cúng dường cho Tăng chúng của Phật thì được mười công đức. Những gì là mười?

Uy nghi đúng bậc mô phạm.

Voi ngựa không thiếu.

Luôn dốc hết tâm sức hành đạo.

Thân không mệt mỏi.

Chân đi không tổn hại.

Xa lìa mọi thứ gai góc, cát sỏi.

Được thần túc thông.

Tôi tớ đông đảo.

Được tự tại sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc Niết-bàn.

Công đức như vậy là do cúng dường giày dép cho Tỳ-kheo chúng của Phật mà có được.

Nếu lại có người bỏ các thứ vật dụng hàng ngày vào bình bát cúng dường cho Phật và Tăng, thì được mười thứ công đức. Những gì là mười?

Hình sắc tươi sáng, đẹp đẽ.

Đồ dùng đầy đủ, tùy ý thọ dụng.

Không bị các sự đói khát.

Châu báu thật dồi dào.

Xa lìa đường ác.

Trời, người đều hoan hỷ.

Phước tướng viên mãn.

Luôn được tôn quý, tự tại.

Thường được sanh lên các cõi trời.

Mau chứng đắc Niết-bàn.

Công đức như vậy là do dâng cúng các vật dụng nên được quả báo ấy.

Nếu lại có người dùng cơm chay cúng dường Phật và chúng Tăng thì được mười công đức. Những gì là mười?

Thọ mạng lâu dài.

Hình sắc đầy đặn cân đối.

Luôn có sức lực.

Có trí nhớ tốt.

Đó đủ trí tuệ, biện tài.

Ai thấy cũng hoan hỷ.

Châu báu, của cải dồi dào.

Ở cõi người, cõi trời luôn được tự tại.

Sau khi chết được sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc Niết-bàn.

Mười thứ công đức thù thắng như vậy là do cúng dường cơm chay cho Phật và chúng Tăng mà có được.

Nếu lại có người dùng voi, ngựa, xe cộ cúng thí cho Phật và chúng Tăng thì có được mười công đức. Những gì là mười?

Tướng nơi chân mềm mại.

Luôn có đầy đủ oai nghi.

Thân thể không bị mệt mỏi.

Luôn an lạc, không bệnh tật.

Xa lìa mọi oán thù.

Đạt thần túc tự tại.

Có nhiều kẻ hầu hạ, giúp việc.

Có phước tướng của trời, người, ai thấy cũng hoan hỷ.

Sau khi chết được sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do dùng xe cộ, voi ngựa cúng thí cho Phật và chúng Tăng mà có được.

Nếu lại có người làm công việc tu sửa phòng ốc, trú xứ, điện thờ cúng dường cho Phật và chúng Tăng thì đạt được nhiều thứ công đức. Hành tướng của những công đức ấy như thế nào?

- Luôn xa lìa mọi sự sợ hãi.

- Thân tâm thường an lạc.

- Có được các vật dụng để nằm luôn mềm mại, đẹp đẽ.

- Y phục mặt nơi thân luôn trang nghiêm, tỏa ra hương thơm thanh tịnh.

- Ở cõi người hay cõi trời luôn được năm dục tự tại.

- Được sanh vào hai chủng tộc lớn là Sát-đế-lợi và Bà-la-môn.

- Đối với các hàng trưởng giả, cư sĩ, quan lại, thương chủ, quốc vương, đại thần với những sở hữu về thôn xóm, thành ấp, tất cả đều thành tựu theo sở nguyện của mình.

- Nếu làm Chuyển luân Thánh vương thì tùy theo phước đức và khả

năng mà thống lãnh một châu, hai châu, cho đến bốn châu, tự tại giáo hóa.

- Nếu sanh vào các cõi trời thuộc Dục giới như Tứ vương, Đao-lợi, cho đến Tha hóa tự tại, thì mọi ý nguyện đều được thành tựu, tùy ý sanh đến.

- Nếu lại có người do diệu lực nơi phước đức từ đời trước, đối với các cõi trời thuộc Sắc giới như cõi Phạm chúng, Phạm phụ, cho đến cõi trời Sắc cứu cánh, đều được thành tựu theo ý nguyện sanh về các cõi ấy.

- Nếu lại có người, đối với các cõi trời thuộc Vô sắc giới như cõi Không vô biên xứ, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ đều được thành tựu theo sở nguyện sanh về các cõi ấy. Hoặc đối với các đạo quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Duyên giác, cho đến Bậc Vô Thượng Bồ-đề, tùy theo sở nguyện cũng đều được thành tựu. Công đức như vậy có đến vô lượng, nhân làm công việc tu sửa phòng ốc, trú xứ, điện thờ, cúng dường cho Phật và Tăng chúng mà được phước báo như thế.

Nếu có người đem thức ăn ngon, thuốc tốt dâng cúng cho Phật và chư Tăng sẽ được mười loại công đức. Những gì là mười?

Các căn viên mãn.

Trong sạch, thanh khiết.

Trán rộng, bằng phẳng.

Dung mạo đáng yêu.

Hình sắc rạng rỡ, thanh tú.

Phước đức viên mãn.

Xa lìa sự đói khát.

Xa lìa ba đường ác.

Sanh Thiên một cách tự tại.

Mau chứng Niết-bàn.

Công đức như vậy là do cúng dường thức ăn ngon, thuốc tốt cho Đức Phật và chư Tăng mà có được.

Nếu có người theo Phật xuất gia sẽ có mười công đức. Những gì là mười?

Xa lìa thê thiếp.

Không tham nhiễm dục.

Ái lạc tịch tĩnh.

Chư Phật hoan hỷ.

Xa lìa các thứ tà ma.

Gần Phật được nghe pháp.

Xa lìa ba đường ác.

Được chư Thiên quý kính.

Mạng chung được sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc giải thoát.

Mười thứ công đức như vậy là do theo Phật xuất gia mà đạt được.

Nếu có Tỳ-kheo ở chốn rừng núi vắng vẻ, tịch tĩnh để tu tập thì đạt được mười thứ công đức. Những gì là mười?

Xa lìa sự ồn ào huyên náo.

Luôn thanh tịnh, tinh khiết.

Thành tựu các pháp thiền định.

Được chư Phật thương tưởng.

Không bị mạng yểu nửa chừng.

Được sự hiểu biết rộng khắp và các pháp Tổng trì.

Thành tựu các pháp Chỉ và Quán.

Phiền não không khởi.

Mạng chung được sanh lên cõi trời.

Mau chứng đắc giải thoát.

Công đức như vậy là do Tỳ-kheo tu hành ở chốn rừng núi vắng lặng mà đạt được.

Như có Tỳ-kheo ôm bình bát đi khất thực thì có mười thứ công đức. Những gì là mười?

Luôn đầy đủ oai nghi.

Đem lại mọi thành tựu đầy đủ cho các hữu tình.

Xa lìa tâm ngã mạn.

Không tham đắm danh lợi.

Tạo phước điền cho khắp nơi.

Được chư Phật hoan hỷ.

Khiến cho Tam bảo luôn được hưng thịnh.

Phạm hạnh viên mãn, dứt bỏ ý nghĩ về sự thấp hèn.

Mạng chung sanh lên cõi trời.

Đạt đến cứu cánh giải thoát.

Công đức như vậy là do thường ôm bình bát đi khất thực mà có được.

Nếu có Tỳ-kheo ôm bát khất thực, xa lìa mười thứ tối tăm thì, được mười thứ công đức như vầy. Những gì là mười?

Biết rõ việc ra vào xóm làng là có ích hay không có ích.

Biết rõ gia đình, dòng họ lúc đi đến là có ích hay không có ích.

Biết rõ việc thuyết pháp là có ích hay không có ích.

Biết rõ việc thân cận các bậc A-xà-lê; Hòa thượng là có ích hay không có ích.

Biết rõ việc dùng tâm từ bi giáo hóa đem lại lợi lạc cho chúng sanh là có ích hay không có ích.

Biết rõ sự gần gũi hay xa lìa là có ích hay không có ích.

Biết rõ tu học thực hành ba món giới, định, tuệ là có ích hay không có ích.

Biết rõ việc đàn-na tín thí cúng dường y là có ích hay không có ích.

Biết rõ ôm bình bát đi vào đường hẻm là có ích hay không có ích.

Biết rõ việc thọ dụng đồ nằm, thuốc thang, cho đến hết cả đời là có ích hay không có ích.

Do biết rõ như vậy nên được mười thứ quả báo thù thắng như thế.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Trưởng giả Du-ca:

–Sự tạo nghiệp từ nhân sanh khởi, hủy diệt, có trước, sau, dẫn dắt tạo đủ mọi thứ sai khác cho nên quả báo mới có cao, thấp, ngu, trí cách biệt.

Trưởng giả Du-ca bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, trong dòng họ Ô-bá-tắc-ca cùng tất cả các chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn ở nước Xá-vệ được nghe pháp này chắc chắn sẽ hoan hỷ, nhớ nghĩ và thọ trì. Quyến thuộc của chúng con đều rất vui thích, quy kính mãi mãi được an lạc, lợi ích cho mình và cho người không cùng tận.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này Trưởng giả Du-ca, đúng như lời ông nói.

Đức Thế Tôn giảng nói như vậy xong, Trưởng giả Du-ca, con của Đâu-nễ-dã và các Bí-sô, cùng vô lượng trăm ngàn người và không phải người... thảy đều hoan hỷ, lạy Phật rồi lui ra.

□

SỐ 82

PHẬT NÓI KINH Ý

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo an tọa một mình trong phòng, khởi lên ý nghĩ: "Cái gì dẫn dắt mọi việc nơi thế gian? Vì sao phải thọ khổ? Do sự sanh khởi nào mà sự việc được tiến hành?".

Vào lúc xế trưa, Tỳ-kheo ấy từ thiền tọa đứng dậy, đi đến chỗ Đức Thế Tôn cung kính đảnh lễ, ngồi qua một bên, rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn, hôm nay con ngồi một mình trong phòng, khởi lên ý nghĩ như vầy: "Cái gì dẫn dắt mọi việc nơi thế gian? Vì sao phải thọ khổ? Do sự sanh khởi nào mà sự việc được tiến hành?".

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện có sự quán chiếu đúng đắn, biện tài khéo léo nên mới khéo suy nghĩ: "Cái gì dẫn dắt mọi việc nơi thế gian? Vì sao phải thọ khổ? Do sự sanh khởi nào mà sự việc được tiến hành?". Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thầy có phải như vậy chăng?

Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo, do ý dẫn dắt mọi việc nơi thế gian, do ý nên thọ khổ, do ý sanh khởi mà dẫn dắt mọi việc. Này Tỳ-kheo, do ý dẫn dắt mọi việc nơi thế gian, phải thọ khổ, do ý sanh khởi nên dẫn dắt mọi việc. Này Tỳ-kheo, đệ tử của bậc Thánh giác ngộ đối với sự việc ý lôi kéo, ý sanh khởi dẫn dắt, này Tỳ-kheo, đệ tử của bậc Thánh giác ngộ như các vị A-la-hán có thể tự chế ngự ý, tự mình không tùy thuận theo sự dẫn dắt của ý.

Tỳ-kheo thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy đã nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy, khéo ưa thích, khéo thấu hiểu, rồi lại hỏi tiếp:

–Bạch Thế Tôn, được gọi là Tỳ-kheo đa văn. Bạch Thế Tôn, sao gọi là Tỳ-kheo đa văn? Bạch Đức Thế Tôn, như thế nào là Tỳ-kheo đa văn?

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện có sự quán chiếu đúng đắn, là biện tài, nên mới khéo hỏi: "Bạch Thế Tôn, nói Tỳ-kheo đa văn, bạch Thế Tôn, sao gọi là Tỳ-kheo đa văn? Đức Như Lai nói thế nào là Tỳ-kheo đa văn?". Này Tỳ-kheo, có phải thầy hỏi như vậy chăng?

Thầy Tỳ-kheo thưa:

-Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo, những điều Ta thuyết giảng rất nhiều: Một là Khế kinh, hai là Ca vịnh (Ứng tụng), ba là Ký biệt, bốn là Kệ tha (Già-đà, Phúng tụng), năm là Nhân duyên, sáu là Pháp cú, bảy là Thí dụ, tám là Sở ứng (Bản sự), chín là Sanh xứ (Bản sinh), mười là Phương đẳng (Phương quảng), mười một là Vị tằng hữu và mười hai là Thuyết pháp (Luận nghĩa). Này Tỳ-kheo, nếu có bất cứ ai chỉ nghe Ta nói bốn câu kệ mà biết nghĩa, biết pháp, theo đúng pháp thực hành, cùng tương ưng với pháp, như pháp mà thuyết giảng. Như vậy gọi là Tỳ-kheo đa văn, như vậy chính là Tỳ-kheo đa văn, Như Lai nói đó là Tỳ-kheo đa văn.

Thầy Tỳ-kheo thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy nghe Đức Thế Tôn dạy, khéo tư duy nhớ nghĩ, khéo hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi tiếp:

–Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo nghe thuyết giảng giáo pháp xong, thể hiện có trí tuệ nhanh nhạy. Bạch Thế Tôn, sao gọi là Tỳ-kheo nghe thuyết pháp xong được gọi là bậc có trí tuệ nhanh nhạy? Thế nào là Tỳ-kheo được Đức Như Lai khen ngợi là bậc có trí tuệ nhanh nhạy?

Đức Thế Tôn bảo:

–Này Tỳ-kheo, lành thay! Lành thay! Đó là con đường hiền thiện, có sự quán chiếu đúng đắn, biện tài, nên mới khéo hỏi rằng: "Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo nghe thuyết giảng giáo pháp xong, thể hiện có trí tuệ nhanh

nhạy. Bạch Thế Tôn, Đức Thế Tôn nói như thế nào là Tỳ-kheo nghe thuyết giảng giáo pháp xong thể hiện là bậc có trí tuệ nhanh nhạy?". Này Tỳ-kheo, có phải thầy đã hỏi như vậy chăng?

Tỳ-kheo thưa:

–Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn dạy:

–Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo kia khi nghe giảng rằng: "Đây là khổ", liền dùng trí tuệ mà nhận biết như thật. Khi nghe "Nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ và con đường tu tập để diệt trừ khổ" thì liền dùng trí tuệ nhận biết như thật là Khổ tập (nguyên nhân của khổ), Khổ tận (sự diệt khổ), Khổ tận trú xứ (con đường tu tập để diệt trừ khổ). Tỳ-kheo ấy nghe xong, dùng trí tuệ để nhận biết đúng như thế. Này Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo nghe giảng nói xong thể hiện là bậc có trí tuệ nhanh nhạy, Đức Như Lai nói đó là Tỳ-kheo nghe giảng xong là bậc có trí tuệ nhanh nhạy.

Tỳ-kheo thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy nghe Đức Thế Tôn dạy xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo thông đạt, có biện tài sắc bén, được gọi là Tỳ-kheo thông đạt, trí tuệ sắc bén. Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo thông đạt, trí tuệ sắc bén? Đức Như Lai nói thế nào là Tỳ-kheo thông đạt trí tuệ, biện tài sắc bén?

Đức Thế Tôn nghe xong khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện có sự quán chiếu đúng đắn, là biện tài, nên mới hỏi rằng: "Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo thông đạt, trí tuệ mẫn tiệp được gọi là Tỳ-kheo thông đạt, biện tài mẫn tiệp. Bạch Thế Tôn, sao gọi là Tỳ-kheo thông đạt, trí tuệ, biện tài mẫn tiệp? Đức Như Lai nói thế nào là Tỳ-kheo thông đạt, trí tuệ, biện tài mẫn tiệp?". Này Tỳ-kheo, có phải thầy đã hỏi như vậy chăng?

Tỳ-kheo thưa:

-Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này Tỳ-kheo, nếu vị Tỳ-kheo không có ý niệm tự hại, không có ý niệm hại kẻ khác, cũng không có ý niệm gây hại cả hai. Tỳ-kheo ấy chỉ có ý niệm làm lợi ích cho chính mình, cũng đem lại lợi ích cho kẻ khác, đem lại lợi ích cho nhiều người, luôn thương xót mọi chúng sanh nơi thế

gian, mong muốn cho trời, người luôn được lợi ích, ý nghĩa. Tỳ-kheo như vậy là thông đạt, trí tuệ mẫn tiệp. Như Lai nói đó là Tỳ-kheo thông đạt trí tuệ, biện tài mẫn tiệp.

Tỳ-kheo ấy thưa rằng:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy, khéo tư duy, nhớ nghĩ, thọ trì, đọc tụng xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh chỗ Đức Thế Tôn rồi lui ra.

Bấy giờ Tỳ-kheo ấy theo sự dẫn dạy của Đức Thế Tôn, sống một mình ở nơi thanh tịnh, tâm không tán loạn, an trụ nơi cảnh tịch tịnh. Vị Tỳ-kheo ấy sống một mình ở nơi yên tĩnh, tâm không tán loạn, an trụ nơi cảnh tịch tĩnh, để đạt được mục đích mà một người khi cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, tin vui xuất gia, bỏ nhà học đạo là chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, thấy pháp, đạt thần thông, trụ nơi tác chứng. Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, biết đúng như thật về danh sắc. Vị Tôn giả ấy đã biết pháp rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Đức Phật chỉ dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 83

PHẬT NÓI KINH ỨNG PHÁP

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại xứ Pháp trị, thuộc nước Câu-loại. Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ở nơi thế gian này, dâm như vậy, dục như vậy, ái như vậy, lạc như vậy, hỷ như vậy, chỉ là pháp hư hoại. Không nên tham ái, không nên nhớ nghĩ về các pháp bại hoại. Nếu nhớ nghĩ về pháp ái tăng thì các thứ dâm như vậy, dục như vậy, ái như vậy, lạc như vậy, hỷ như vậy, khiến cho pháp bất thiện tăng dần, pháp thiện đáng yêu thích giảm dần. Pháp của ta rất sâu xa, khó thấy, khó nhận, khó rõ, khó biết. Pháp của Ta hết mực thâm diệu khó thấy, khó nhận, khó rõ, khó biết như thế sẽ khiến cho ngay hiện tại sự không ưa pháp thiện giảm xuống, sự ưa pháp thiện tăng trưởng, cùng với bốn pháp sau tương ưng, thế gian có sự việc ấy. Thế nào là bốn?

- Có pháp tương ưng: hiện tại vui nhưng về sau thọ quả báo khổ.
- Có pháp tương ưng: hiện tại khổ nhưng về sau thọ quả báo vui.
- Có pháp tương ưng: hiện tại khổ, về sau thọ quả báo khổ.
- Có pháp tương ưng: hiện tại vui, về sau thọ quả báo vui.

Thế nào là có pháp tương ưng: hiện tại vui, về sau thọ quả báo khổ?

Hoặc có người tự mình ưa thích, hoan hỷ làm việc giết hại, nhân việc giết hại lấy đó làm sung sướng, hoan hỷ. Kẻ ấy sung sướng, hoan hỷ với việc không cho mà lấy, hành dâm dục, nói dối, cho đến tà kiến. Nhân tạo tà kiến ấy mà lấy đó làm hoan hỷ, lấy đó làm vui sướng. Kẻ ấy thân ưa thích việc bất thiện, ý ưa thích pháp bất thiện, như vậy là đều bất thiện, nên không đạt được thần thông, không đưa đến đạo giác ngộ, không tương ưng với Niết-bàn. Pháp này tương ưng: hiện tại vui sướng nhưng về sau thọ quả báo khổ.

Thế nào là pháp tương ưng: hiện tại khổ nhưng về sau thọ quả báo

vui?

Hoặc có người tự tu tập khổ hạnh, không ham thích điều vui, từ bỏ nhân gây giết hại, từ bỏ việc giết hại, không thích làm việc không cho mà lấy, không hành dâm dục, nói dối... cho đến tà kiến. Nhân xả bỏ tà kiến, cho mọi thứ kiến chấp là khổ, là không vui. Thân hành khổ, ý hành khổ như thế, nhưng như vậy là thiện, thành tựu thần thông, đưa đến đạo giác ngộ, cùng tương ưng với Niết-bàn. Pháp này tương ưng: hiện tại khổ nhưng về sau thọ quả báo vui.

Thế nào là pháp tương ưng: hiện tại khổ, về sau thọ quả báo khổ?

Hoặc có người tự làm điều khổ, tự mình không hoan hỷ, làm việc giết hại; nhân sự giết hại nên mới bị khổ, không hoan hỷ. Kẻ ấy tự mình làm điều khổ, tự làm điều không hoan hỷ, không cho mà lấy, hành dâm dục, nói dối... cho đến tà kiến. Nhân tà kiến nên không được an lạc, không hoan hỷ. Thân làm khổ, ý làm khổ như vậy, làm điều bất thiện phải thọ lãnh điều bất thiện, không thành tựu thần thông, không đưa đến đạo giác ngộ, không tương ưng với Niết-bàn. Pháp này tương ưng: hiện tại khổ, về sau thọ báo khổ.

Thế nào là pháp tương ưng: hiện tại vui, về sau thọ quả báo vui?

Hoặc có người tự làm điều vui, tự làm việc hoan hỷ, xả bỏ việc giết hại; nhân xả bỏ việc giết hại, lấy đó làm vui, lấy đó làm thích. Kẻ ấy vui thích với việc xả bỏ sự không cho mà lấy, không hành dâm dục, nói dối… cho đến tà kiến. Nhân xả bỏ tà kiến, cho đó là vui, cho đó là thích. Thân ưa thích, ý ưa thích như vậy, làm điều thiện đúng là thiện nên thành tựu thần thông, cho đến đạo giác ngộ, cùng tương ưng với Niết-bàn. Pháp này tương ưng: hiện tại vui mà đời sau thọ báo vui.

Gọi pháp mà tương ưng với pháp này hiện tại vui, về sau thọ báo khổ, bởi vì đó không phải là tuệ mà bậc trí thuyết giảng. Không biết đúng như thật, cùng tương ưng với pháp này, cho nên hiện tại vui mà về sau thọ báo khổ. Kẻ ấy không biết như thật như thế nên tạo tác mà không xả bỏ. Vì kẻ ấy tạo tác mà không xả bỏ cho nên pháp bất ái, bất lạc được tăng trưởng, còn pháp đáng ái, đáng lạc bị tổn giảm. Giống như loại thuốc A-ma-ni, đầy đủ sắc, đầy đủ hương, đầy đủ vị, nhưng xen lẫn với chất độc. Có người bị bệnh liền uống vào. Kẻ đó uống vào khỏi miệng, uống xong thì thuốc liền biến thành chẳng phải thuốc. Như vậy cùng pháp này tương ưng: hiện tại vui mà về sau thọ báo khổ, thì chẳng phải là người có trí tuệ. Vì chẳng phải là bậc trí tuệ nêu giảng nên không biết đúng như thật, nên

cùng tương ưng với pháp này: hiện tại vui mà về sau thọ báo khổ. Vì kẻ ấy không biết đúng như thật, nên cứ thực hành, không xả bỏ. Vì kẻ ấy chỉ thực hành, không chịu xả bỏ, nên pháp bất ái, pháp bất lạc tăng trưởng; còn pháp ái, pháp lạc thì tổn giảm. Pháp đó chẳng phải là trí tuệ.

Gọi pháp tương ưng này là: hiện tại khổ mà về sau được quả báo vui, vì đó chẳng phải là pháp trí tuệ. Vì chẳng phải là bậc trí tuệ nêu giảng nên không biết đúng như thật, cùng pháp này tương ưng nên hiện tại khổ, về sau thọ quả báo vui. Kẻ ấy không biết đúng như thật, cũng không hành, lại xả bỏ. Do kẻ ấy không thực hành, lại xả bỏ nên pháp bất ái, bất lạc tăng trưởng, còn pháp ái, hỷ thì bị tổn giảm. Pháp ấy chẳng phải là trí tuệ.

Pháp tương ưng: hiện tại khổ mà về sau thọ báo khổ ấy chẳng phải là pháp trí tuệ. Vì chẳng phải là bậc trí tuệ nêu giảng, cùng pháp ấy tương ưng cho nên hiện tại khổ, về sau thọ báo khổ. Vì không biết đúng như thật nên kẻ ấy thực hành mà không xả bỏ. Vì kẻ ấy thực hành, không xả bỏ cho nên pháp bất ái, bất lạc tăng trưởng, còn pháp ái, pháp lạc thì bị tổn giảm. Giống như đại tiện tiểu tiện có chất độc, có người bệnh lấy thứ đó uống. Khi kẻ ấy uống, cổ đau đớn không nuốt xuống được và hôi thối, vô vị; khi uống vào làm hư cổ, uống xong biến thành chẳng phải thuốc. Tương ưng với pháp như vậy nên hiện tại khổ, về sau thọ báo khổ. Vì không biết đúng như thật, nghĩa là cùng tương ưng với pháp này nên hiện tại khổ, về sau thọ báo khổ. Vì không biết đúng như thật, nên kẻ ấy thực hành, không chịu xả bỏ. Vì thực hành, không chịu xả bỏ nên pháp bất ái, bất hỷ dần dần tăng trưởng, còn pháp ái, hỷ dần dần bị tổn giảm. Pháp ấy không phải là trí tuệ.

Gọi pháp tương ưng này là: hiện tại vui, về sau được quả báo vui, là vì đó chẳng phải là pháp trí tuệ, do bậc trí tuệ nói ra. Không biết đúng như thật nên kẻ ấy tương ưng với pháp này: hiện tại vui, về sau được quả báo vui. Kẻ ấy không biết đúng như thật nên không thực hành việc xả bỏ, xa lìa. Vì không xả bỏ, không xa lìa, nên pháp bất ái, bất hỷ dần dần tăng trưởng, còn pháp ái, hỷ dần dần tổn giảm. Pháp ấy chẳng phải là trí tuệ.

Việc thực hành pháp biết như thật ấy, việc không thực hành pháp biết như thật ấy, người thực hành pháp biết như thật ấy, người không thực hành pháp biết như thật ấy đã chưa thực hành pháp đáng hành, hành pháp không đáng hành. Kẻ ấy chưa hành pháp đáng hành mà lại hành pháp không nên hành, do đó pháp bất thiện dần dần tăng trưởng, pháp thiện dần dần tổn giảm. Pháp ấy chẳng phải là trí tuệ.

Vị ấy cần tương ưng với pháp: hiện tại vui, về sau thọ báo khổ, do bậc trí tuệ, người trí tuệ nói ra, biết đúng như thật. Vị ấy tương ưng với pháp ấy nên hiện tại vui, về sau thọ báo khổ. Vị ấy biết như thật như vậy. Vị ấy không thực hành mà xả bỏ, xa lìa; đã không thực hành và đã xả bỏ, xa lìa; liền không thực hành, liền xả bỏ, xa lìa nên pháp bất thiện tổn giảm, pháp thiện được tăng trưởng. Pháp đó là trí tuệ.

Vị ấy tương ưng với pháp: hiện tại khổ, về sau thọ báo vui ấy là pháp trí tuệ, do bậc trí nói ra; biết pháp ấy là chân thật. Vị ấy tương ưng với pháp ấy nên hiện tại khổ, về sau thọ quả báo vui. Vị ấy biết như thật như vậy. Vị ấy thực hành, không xả bỏ; đã không thực hành, không xả bỏ nên pháp bất ái, bất hỷ tổn giảm; pháp ái, pháp hỷ tăng trưởng. Pháp ấy là trí tuệ. Giống như đại tiểu tiện có các thứ dược thảo xen lẫn, có người bị bệnh lấy để uống. Khi kẻ ấy uống, không dừng ở cổ, lúc uống tuy có gây khó chịu nơi cổ, uống xong thì công hiệu như dược pháp. Tương ưng với pháp: hiện tại khổ, về sau thọ báo vui ấy như vậy, là trí tuệ, do bậc trí nói ra, biết như thật. Đó là tương ưng với pháp: hiện tại khổ, về sau thọ báo vui ấy. Vị ấy biết như thật như vậy nên thực hành, không xả bỏ; đã được hành không xả bỏ cho nên pháp bất ái, bất hỷ tổn giảm; pháp ái, hỷ được tăng trưởng. Pháp đó là trí tuệ.

Vị ấy tương ưng pháp này, hiện tại khổ, về sau thọ quả báo khổ là pháp trí tuệ, do bậc trí tuệ nói ra, biết đúng như thật. Đó là tương ưng với pháp này: hiện tại khổ, sau thọ quả báo khổ. Vị ấy biết như thật như vậy. Vị ấy không thực hành, xả bỏ, xa lìa, đã không thực hành, đã xả bỏ, xa lìa nên pháp bất ái, bất hỷ tổn giảm; pháp ái, hỷ được tăng trưởng. Pháp đó là trí tuệ.

Tương ưng pháp này: hiện tại vui, về sau thọ quả báo vui là pháp trí tuệ, do bậc trí tuệ nói ra, nghĩa là tương ưng pháp này: hiện tại vui, về sau thọ quả báo vui. Vị ấy biết đúng như vậy là chân thật. Vị ấy thực hành, không xả bỏ; đã thực hành, không xả bỏ, xa lìa, bất ái, bất hỷ dần giảm trừ, pháp yêu thích được tăng trưởng. Pháp đó là trí tuệ. Giống như tô mật xen lẫn các thứ thuốc, có người bệnh uống vào, khi uống vào cổ họng được thông lợi, khi uống không dừng ở cổ, uống xong ứng nghiệm như dược pháp. Tương ưng với pháp: hiện tại vui, về sau thọ báo vui ấy là trí tuệ, do bậc trí tuệ nói ra, biết đúng như thật. Đó là tương ưng với pháp này: hiện tại được vui, về sau thọ báo vui. Vị ấy biết đúng như vậy là chân thật, thực hành chẳng lìa bỏ, đã thực hành chẳng rời bỏ nên pháp không

yêu thích, không đáng nhớ nghĩ bị tổn giảm và pháp yêu thích, nhớ nghĩ được tăng trưởng. Pháp ấy là trí tuệ, do bậc trí tuệ nói ra. Vị ấy thực hành pháp ấy rồi, biết đúng như thật; đã không hành pháp ấy biết đúng như thật. Vị ấy thực hành pháp, biết đúng như thật, không thực hành pháp, biết đúng như thật. Pháp không cần theo hành liền không thực hành, pháp nên thực hành thì thực hành. Vị ấy, pháp không cần thực hành liền không thực hành, pháp nên thực hành thì thực hành, do đó pháp bất thiện được tổn giảm, pháp thiện được tăng trưởng. Pháp ấy là trí tuệ, trí tuệ tương ưng với bốn pháp ấy. thế gian có thuyết ấy. Đó chính là nguyên nhân thuyết giảng kinh này.

Đức Phật giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 84

PHẬT NÓI KINH PHÂN BIỆT BỐ THÍ

Hán dịch: Đời Tống Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn cây Ni-câu-đà, thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ, trú xứ của dòng họ Thích, cùng chúng đông đủ Bí-sô.

Bấy giờ, có một vị Bí-sô-ni tên là Ma-ha Ba-xà-ba-đề mang tấm y mới đi tới chỗ Đức Phật, đến nơi đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng qua một bên, thưa:

–Thưa Thế Tôn, cái y mới này được dệt bằng sợi kim tuyến, chính tay con may ra để dâng lên Đức Thế Tôn. Cúi mong Đức Thế Tôn thọ nhận để cho con mãi mãi được sự lợi lạc lớn.

Đức Phật nói với Ma-ha Ba-xà-ba-đề:

–Di mẫu có thể đem này dâng cúng đại chúng, sẽ được lợi lạc cũng như cúng dường cho Phật không khác.

Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề lại thưa:

–Con vốn phát tâm tạo ra y này là chỉ để cúng dường cho Đức Thế Tôn mà thôi. Cúi mong Đức Phật hãy nhân để con mãi mãi được lợi lạc lớn.

Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề ba lần ân cần thỉnh cầu như vậy, Đức Phật cũng ba lần đáp lại như vầy:

–Hãy nên bình đẳng mà bố thí dâng cúng cho đại chúng, sẽ đạt được sự lợi lạc không khác gì dâng cúng cho Phật.

Lúc ấy Tôn giả A-nan đang đứng hầu bên Đức Phật, thấy sự việc ấy, nên đến trước Phật, thưa:

–Thưa Thế Tôn, Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề này là người thân thuộc, có ân đức lớn đối với Phật. Cúi mong Đức Phật tự biết. Bà đã dâng cúng y, nay đã đúng lúc mong Phật thọ nhận để cho Ma-ha Ba-xà-ba-đề mãi mãi được lợi lạc lớn.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đúng vậy, đúng vậy! Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề này là người thân thuộc, có ân đức lớn đối với Ta, Ta cũng tự biết như vậy. Chính tự tay bà đã tạo ra y này để dâng cúng cho Ta, đây là việc hết sức khó khăn. Vì sao vậy? A-nan nên biết, nếu có chúng sanh nào có thể khởi lên tín tâm thanh tịnh, quy y Phật, Pháp và Tăng, là điều rất khó.

Lại nữa, người ấy có thể giữ giới pháp của hàng cận sự như không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục, không vọng ngữ, không uống rượu... như vậy chúng sanh ấy lại có thể làm được việc khó làm. Huống chi còn đối với Phật, Thế Tôn chắp tay cung kính, thực hành bố thí, đã bố thí rồi, hết lòng tín nơi Phật không chút hồ nghi, đối với Pháp, Tăng-già cũng không hề nghi ngờ, cho đến giáo pháp Tứ Thánh đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo đã vĩnh viễn đoạn trừ mọi nẻo nghi hoặc.

Này A-nan, nay Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề này có thể khởi lên tín tâm thanh tịnh, quy y Phật, Pháp và Tăng, thọ trì giới không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục, không vọng ngữ, không uống rượu... tức các giới pháp của hàng Cận sự, rồi còn có thể đối với Phật, Pháp, Tăng cho đến giáo pháp Tứ thánh đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo cũng đoạn trừ mối nghi hoặc. Bí-sô-ni này, việc khó làm mà có thể làm được, Phật cũng tự biết như vậy.

Này A-nan, có mười bốn thứ để sánh so sánh lường tính với sự bố thí. Những gì là mười bốn?

Thực hành bố thí đối với người bệnh khổ.

Thực hành bố thí đối với người phá giới.

Thực hành bố thí đối với người khác giới.

Thực hành bố thí đối với người lìa mọi cấu uế nhiễm.

Thực hành bố thí đối với bậc Tu-đà-hoàn hướng.

Thực hành bố thí đối với bậc Tu-đà-hoàn quả.

Thực hành bố thí đối với bậc Tư-đà-hàm hướng.

Thực hành bố thí đối với bậc Tư-đà-hàm quả.

Thực hành bố thí đối với bậc A-na-hàm hướng.

Thực hành bố thí đối với bậc A-na-hàm quả.

Thực hành bố thí đối với bậc A-la-hán hướng.

Thực hành bố thí đối với bậc A-la-hán quả.

Thực hành bố thí đối với các vị Duyên giác.

Thực hành bố thí đối với Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác.

Này A-nan, Tôn giả nên biết, bố thí cho người bệnh khổ được phước

gấp đôi, bố thí cho người phá giới được phước gấp trăm, bố thí cho người trì giới được phước gấp ngàn, bố thí cho người lìa mọi cấu nhiễm được phước gấp trăm ngàn. Bố thí cho vị Tu-đà-hoàn hướng được phước vô lượng, huống chi là bố thí cho vị Tư-đà-hàm quả. Bố thí cho vị A-na-hàm hướng được phước vô lượng, huống chi là bố thí cho vị A-na-hàm quả. Bố thí cho vị A-la-hán hướng được phước vô lượng, huống chi là bố thí cho vị A-la-hán quả. Bố thí cho vị Duyên giác được phước vô lượng, huống chi là bố thí cho Đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Như vậy gọi là so sánh lường tính về công đức của mười bốn thứ bố thí.

Lại nữa, này A-nan, nên biết bố thí cho đại chúng có bảy loại:

Bố thí cho các chúng Bí-sô khi Phật còn tại thế.

Bố thí cho các chúng Bí-sô sau khi Phật diệt độ.

Bố thí cho chúng Bí-sô-ni sau khi Phật diệt độ.

Bố thí cho hai chúng Bí-sô và Bí-sô-ni sau khi Phật diệt độ.

Bố thí cho các chúng Bí-sô đi đến các nơi hành hóa sau khi Phật diệt độ.

Bố thí cho chúng Bí-sô-ni đi đến các nơi hành hóa sau khi Phật diệt độ.

Bố thí cho hai chúng Bí-sô và Bí-sô-ni đi đến các nơi hành hóa sau khi Đức Ứng Cúng Thế Tôn Phật diệt độ.

Như vậy gọi là bảy loại đại chúng cần nên bố thí.

Lại nữa, này A-nan, nên biết có bốn loại bố thí thanh tịnh. Những gì là bốn?

Người bố thí thanh tịnh thì không thấy có người nhận.

Vật được thí thanh tịnh thì không thấy có người nhận.

Người thọ nhận thanh tịnh thì không thấy có người bố thí.

Vật được thọ nhận thanh tịnh thì không thấy có người bố thí.

Này A-nan, sao gọi là người bố thí thanh tịnh thì không thấy có người thọ nhận?

Đó là do người bố thí không chấp giữ nơi hình tướng, nên ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý đều thanh tịnh, Chánh mạng thanh tịnh, cái thấy cũng thanh tịnh. Đầy đủ như vậy thì không có hình tướng bố thí, vì không có người thí cho nên cũng không thấy có người nhận. Nếu người bố thí có thấy về hình tướng thì ba nghiệp thân, khẩu, ý không thanh tịnh, mạng cũng không thanh tịnh, cái thấy cũng không thanh tịnh. Nếu xa lìa hình tướng này thì người bố thí và người nhận, cả hai đều thanh tịnh.

Lại nữa, tại sao gọi là vật được thí thanh tịnh thì không thấy có người nhận?

Nếu kẻ thọ nhận thân nghiệp không thanh tịnh, khẩu nghiệp không thanh tịnh, ý nghiệp không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, cái thấy không thanh tịnh, tức có sự chấp tướng nơi đối tượng được bố thí. Nếu người thọ nhận ba nghiệp thanh tịnh, mạng thanh tịnh, cái thấy cũng thanh tịnh, đầy đủ như vậy thì không có chấp tướng nơi đối tượng được bố thí. Do xa lìa hình tướng cho nên đối tượng được bố thí trở nên thanh tịnh.

Lại nữa, sao gọi là người thọ nhận thanh tịnh thì không thấy có người bố thí?

Nếu người thọ nhận mà ba nghiệp thân, khẩu, ý không thanh tịnh, mạng cũng không thanh tịnh, cái thấy cũng không thanh tịnh, thì liền có hình tướng của người thọ nhận. Nếu lìa hình tướng ấy thì không thấy có người bố thí.

Lại nữa, sao gọi là vật được thọ nhận thanh tịnh thì không thấy có người bố thí?

Đó là do người bố thí, ba nghiệp thân, khẩu, ý đều thanh tịnh, mạng thanh tịnh, cái thấy cũng thanh tịnh tức không có vật được thí. Do lìa chấp nơi người bố thí, nên không thấy có người được thọ nhận. Vì vậy đối tượng được thọ nhận thanh tịnh.

Này A-nan, nếu hay biết rõ như vậy, thì đạt được bốn loại bố thí thanh tịnh.

Bấy giờ Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe Phật thuyết giảng rõ về những pháp bố thí rồi, liền đem cái y ấy dâng cúng cho đại chúng và được đại chúng thọ nhận.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ở trong đời vị lai, nếu có các hàng thiện nam... tín tâm, có thể đối với đại chúng khởi tín tâm thanh tịnh làm việc bố thí, thì nên biết kẻ ấy sẽ đạt được phước vô lượng, huống chi ngay nơi hiện tại mà thực hành bố thí.

Tôn giả A-nan và Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe Phật giảng nói như vậy thảy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

□

SỐ 85

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CHẤM DỨT SỰ TRANH LUẬN

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở trong làng của Xá-ma-ca Tử, vào hạ an cư. Các chúng Bí-sô ở cách Phật không xa cũng đều an cư.

Bấy giờ có Sa-môn tên là Tôn-na, cũng an cư vào hạ ở trong rừng Nhạ-lô-ca. Ở đó, có ngoại đạo thuộc phái Ni-càn-đà Nhạ-đề Tử, là người hết mực xấu ác, bỗng nhiên mạng chung. Ông Ni-càn-đà ấy có một người con, muốn tranh luận với Sa-môn. Nói như vầy:

–Pháp luật của ta chỉ có ta tự biết, chẳng phải là chỗ ông biết được. Pháp luật của ông cũng chỉ có ông tự biết, cũng chẳng phải là chỗ ta biết được. Những pháp của ta tất cả đều hợp lý. Còn các pháp của ông thì đều phi lý. Pháp của ta là hòa hợp, pháp của ông thì không hòa hợp. Những điều ông nói, lời trước dẫu đúng thì lời sau liền sai. Lời sau có thể đúng thì lời trước liền sai. Những lời ông nói đều chẳng có ý nghĩa và lợi ích, cũng không giữ lấy được. Tuy ông có giảng nói rộng khắp cũng không thể đạt được giải thoát, cũng không thể biết ý nghĩa sự thật tối thượng, nghĩa là những điều Sa-môn giảng nói không giống với pháp của ta. Vậy làm sao có thể khiến cho tâm ta lãnh hội được?

Ni-càn-đà Tử nói lời này là nhằm dấy khởi sự phá hoại, muốn gây tranh chấp để làm hao tổn sức lực, dùng duyên khổ não để hủy hoại pháp an lạc. Do nhân duyên ấy, nên đối với pháp thanh tịnh của Sa-môn vị ấy khởi lên nghiệp bất thiện. Nhằm dấy khởi sự tranh chấp, phá hoại đủ thứ, sanh tâm ngã mạn, cho là thắng người khác, nên vị ấy nói:

–Những điều Sa-môn nói đều chẳng phải là pháp luật, chẳng thể hiểu rõ, không thể đạt đến giải thoát, đối với đạo Bồ-đề không thể hướng tới. Thầy của ông chẳng phải là Bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ Sa-môn Tôn-na mãn hạ, may y đã xong, liền rời khỏi nơi đó, mang y cầm bát, thứ lớp đi vào làng của Xá-ma-ca Tử. Đến nơi, Ngài cất y bát, rửa chân, tới chỗ của Tôn giả A-nan, cung kính đảnh lễ nơi chân Tôn giả, rồi đứng qua một bên. Tôn giả A-nan hỏi Sa-môn Tôn-na:

–Này Tôn-na, ông an cư mùa hạ ở nơi nào? Lại do duyên gì mà đến đây?

Tôn-na thưa:

–Thưa Tôn giả, tôi ở trong rừng Nhạ-lô-ca, nơi chốn xấu ác để an cư vào hạ. Ở đó ngoại đạo thuộc phái Ni-càn-đà Nhạ-đề Tử là người hết mực xấu ác, bỗng nhiên mạng chung. Ni-càn-đà có một người con muốn dấy khởi sự tranh chấp đối với Sa-môn... cho đến câu nói: "Thầy của ông chẳng phải là Bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác". Do nhân duyên ấy nên tôi đến đây.

Tôn giả A-nan nói:

–Này Tôn-na, tôi biết sự việc này. Vì Đức Phật, Thế Tôn không ở trong chúng, cho nên mới có ngoại đạo dấy khởi sự tranh chấp. Bây giờ ông không được tranh cãi với họ, nếu khởi sự tranh chấp thì chẳng đem lại lợi ích cho nhiều người, còn khiến cho họ sanh ra khổ não, kể cả các chúng trời, người cũng vậy, chỉ gây thêm phiền não. Theo như những điều Tôn-na đã nói, thì chỉ có Đức Thế Tôn mới thấy biết tất cả. Nay ta cùng với ông đi đến chỗ Đức Phật, trình bày hết sự việc ấy.

Tôn-na thưa:

–Lành thay! Thưa Tôn giả, nếu được gặp Phật, tôi sẽ được nhiều lợi ích. Lại ở chỗ Phật có thể được nghe chánh pháp sâu xa.

Lúc ấy Tôn giả A-nan cùng Sa-môn Tôn-na đồng đi tới chỗ Phật, đến nơi cung kính đảnh lễ nơi chân Phật rồi đứng qua một bên. Tôn giả A-nan đến phía trước, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Sa-môn Tôn-na này vào hạ an cư trong rừng Nhạ-lô-ca. Ở đó có ngoại đạo thuộc phái Ni-càn-đà Nhạ-đề Tử, là người hết mực xấu ác, bỗng nhiên mạng chung. Ni-càn có một người con muốn dấy khởi sự tranh luận đối với Sa-môn... cho đến câu nói: "Thầy của ông chẳng phải là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác". Do nhân duyên đó nên Sa-môn này mới đến nói với con. Thưa Thế Tôn, bấy giờ con bảo Tôn-na: "Vì Đức Phật Thế Tôn không ở trong chúng nên mới có ngoại đạo muốn bày ra chuyện tranh luận ấy. Vậy bây giờ ông không được tranh cãi cùng họ. Nếu khởi sự tranh chấp chẳng có lợi ích cho nhiều

người, lại còn khiến họ sanh ra khổ não, kể cả các chúng trời, người cũng như vậy, đều sanh khổ não thôi".

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Tôn giả thấy duyên do gì mà cho rằng: "Đức Phật không ở trong chúng, nên có ngoại đạo mới khởi lên sự tranh chấp"?

Tôn giả A-nan thưa:

–Thưa Thế Tôn, vào một lúc con thấy có hai vị Bí-sô được Đức Phật khen ngợi là Bí-sô khéo giữ gìn giới luật, thực hành oai nghi theo đúng thứ lớp ở một chỗ. Lúc ấy con thấy như vậy rồi, gọi họ lại nói: "Này hai Bí-sô, không nên hiện tướng oai nghi như vậy. Trường hợp Đức Phật không ở trong chúng, nếu có ngoại đạo thấy tướng này rồi liền khởi lên sự tranh chấp. Nếu dấy khởi sự tranh chấp thì chỉ khiến cho nhiều người... kể cả các chúng trời, người đều không có lợi ích, chỉ gây ra khổ não". Con nhớ lại duyên này nên mới nói với Sa-môn Tôn-na như vậy.

Đức Phật bảo:

–Ý của Tôn giả thế nào?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, đối với việc này con không thể biết rõ.

Đức Phật bảo:

–Ta dùng trí tuệ tự thân thành Bậc Chánh Giác, ở trong thời gian ấy đã giảng nói khắp các pháp. Đó là Tứ niệm xứ, Tứ chánh đoạn, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo. Những pháp như vậy Ta đã nêu giảng rõ mọi người đều thấy biết. Này A-nan, đa số các ngoại đạo đối với chúng Bí-sô dấy khởi sự tranh chấp, nguyên do ấy, Tôn giả có thể biết chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Thưa Thế Tôn, con không thể biết được.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đó là có Bí-sô đối với giới pháp có khi tăng, có khi giảm. Đối với oai nghi có khi tăng có khi giảm. Này A-nan, nếu giới pháp và oai nghi có khi tăng khi giảm tức là làm mất thường hằng của giáo pháp, tùy theo chỗ hành hóa như vậy nên có ngoại đạo thấy sự việc đó bèn khởi ra sự tranh luận. Nếu sự tranh chấp khởi ra liền khiến cho nhiều người... kể cả các chúng trời, người đều chẳng có lợi ích, chỉ gây nên khổ não. Vì sao vậy? Này A-nan, đám ngoại đạo Ni-càn-đà chẳng phải là bậc đạt Nhất thiết trí, cũng chẳng phải là hạng người chân thật, đối với tất cả nơi chốn,

tất cả mọi nẻo kiến giải đều chẳng thanh tịnh, do đấy họ thường ưa tạo ra sự tranh chấp. Này A-nan, nên biết các chúng Bí-sô khi khởi lên sự tranh chấp là do có vô số các thứ gốc rễ của sự tranh chấp.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Lành thay! Thưa Thế Tôn. Lành thay! Thưa Thiện Thệ. Nay đã đúng lúc, cúi mong Đức Phật thuyết giảng rõ về gốc rễ của sự tranh chấp, khiến cho các Bí-sô nghe rồi thì ghi nhớ, thọ trì, thường xa lìa mọi sự lỗi lầm.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Các thầy hãy lắng nghe, ghi nhận, hãy khéo nhớ nghĩ. Nay Ta sẽ giảng nói về vấn đề ấy. Này A-nan, nếu có Bí-sô khởi tâm phẫn nộ, do tâm phẫn nộ, nên đối với bậc Sư trưởng không sanh tâm cung kính, tôn trọng, cũng không thể tôn thờ, cúng dường. Do không cung kính Sư trưởng nên không thấy pháp. Vì không thấy pháp cho nên ở trong chúng Bí-sô không có sự quán sát chân chánh. Do không quán sát chân chánh cho nên gây ra sự tranh chấp. Do tranh chấp khởi ra nên khiến cho nhiều người... kể cả các chúng trời, người đều không được lợi ích, chỉ sanh khổ não.

Lại có Bí-sô, đối với trong và ngoài đều chấp cho là có, cho là thật, quan sát, chú ý, tích chứa, vui mừng với các tác ý, sai lạc tà vạy hết mực xấu ác, bộc phát sự hăng hái tà vạy, buông ra vọng ngữ sai lạc, dẫn tới sự tranh chấp. Như vậy, vọng niệm, không nhận thức đúng đắn, dẫn tới sự không tương ứng... cho đến đối với nguyên do của sự tranh chấp không thể đoạn diệt được. Này A-nan, những việc như vậy là căn bản của sự tranh chấp, do đó sanh ra các khổ não. Nhân của khổ não là do trước tiên khởi ra tâm phẫn nộ. Từ đấy lại khởi ra sự che lấp, dua nịnh, gièm pha, ganh ghét, tham lam keo kiệt, không biết hổ thẹn, chẳng có nhận thức đúng đắn, lại chấp giữ kiến giải của mình, cùng các thứ chấp trước, các nhớ nghĩ tà vọng. Do các nhân duyên xấu ác như vậy, đối với bậc Sư trưởng không khởi tâm cung kính, tôn trọng, cũng lại không thể thờ kính cúng dường. Do không tôn kính Sư trưởng của mình nên không thể thấy pháp. Vì không thấy pháp nên đối với chúng Bí-sô không quan sát chân chánh. Do không quan sát chân chánh nên mới khởi ra sự tranh chấp.

Này A-nan, như điều Ta nói, các nguyên do như vậy đều là gốc rễ của sự tranh chấp. Do nhân duyên này, nếu lúc tranh chấp dấy khởi, có bảy pháp để diệt trừ sự việc ấy. Như Ta đã giảng nói, này A-nan, đối với

các việc tranh chấp đã dấy khởi hay chưa phát sanh đều có thể diệt trừ. Những gì là bảy? Đó là: Hiện tiền Tỳ-ni, Ức niệm Tỳ-ni, pháp Bất si Tỳ-ni, Tự ngôn trị, Đa nhân ngữ, Tri sở tác, Như thảo phú địa. Đó là bảy pháp.

Thế nào gọi là pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh chấp? Này A-nan, đó là một người vì một người giảng nói pháp Tỳ-ni, một người vì hai người giảng nói, một người vì nhiều người giảng nói, một người vì đại chúng giảng nói. Hiện tiền thành bốn trường hợp cùng giảng nói. Hai người vì một người giảng nói pháp Tỳ-ni, hai người vì hai người giảng nói, hai người vì nhiều người giảng nói, hai người vì đại chúng giảng nói. Hiện tiền thành bốn trường hợp cùng giảng nói. Nhiều người vì một người giảng nói pháp Tỳ-ni, nhiều người vì hai người giảng nói, nhiều người vì nhiều người giảng nói, nhiều người vì đại chúng giảng nói. Hiện tiền thành bốn trường hợp cùng giảng nói. Đại chúng vì một người giảng nói pháp Tỳ-ni, đại chúng vì hai người giảng nói, đại chúng vì nhiều người giảng nói, đại chúng vì đại chúng giảng nói. Hiện tiền thành bốn trường hợp cùng giảng nói. Như vậy gọi là pháp Hiện tiền Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh luận. Do pháp này nên khiến cho sự tranh chấp được chấm dứt, tiêu diệt.

Sao gọi là pháp Ức niệm Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh luận? Này A-nan, đó là có Bí-sô tạo sự phạm tội rồi nhưng không tự nhớ được. Các Bí-sô khác nói: "Ông đã phạm tội này, phải nên nhớ lại, đối với đại chúng cầu xin đại chúng làm pháp Ức niệm Tỳ-ni". Vị Bí-sô ấy liền đối trước đại chúng cầu xin đại chúng làm pháp Ức niệm Tỳ-ni. Bấy giờ đại chúng theo như bậc Đại sư chỉ dạy ban cho pháp Ức niệm Tỳ-ni. Vị Bí-sô ấy đã nhớ ra, biết rõ thì liền xuất tội, diệt trừ sự tranh luận. Như vậy gọi là pháp Ức niệm Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh luận. Nhờ pháp này nên khiến cho việc tranh chấp được tiêu diệt.

Sao gọi là pháp Bất si Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh luận? Này A-nan, đó là nếu có Bí-sô bị si cuồng tâm loạn do đau yếu về thần kinh gây ra. Tuy được nghe nhiều, nhưng không thể thuận hành với pháp đã nghe, trái lại, nói năng tạp loạn, rồi bỏ chúng mà đi. Bí-sô ấy về sau tâm ý được bình thường trở lại, các Bí-sô khác nói: "Ông đã phạm tội này, nên vào trong chúng cầu xin đại chúng làm pháp Bất si Tỳ-ni". Bí-sô ấy liền đối trước đại chúng cầu xin đại chúng làm pháp Bất si Tỳ-ni. Bấy giờ đại chúng theo như bậc Đại sư chỉ dạy, ban cho vị ấy pháp Bất si Tỳ-ni. Vị

Bí-sô ấy được ra khỏi tội rồi, thì sự tranh luận cũng tiêu diệt. Như vậy gọi là pháp Bất si Tỳ-ni để diệt trừ sự tranh chấp. Nhờ pháp này nên có thể khiến cho sự tranh luận được chấm dứt.

Sao gọi là pháp Tự ngôn trị để diệt trừ sự tranh luận? Này A-nan, đó là nếu có Bí-sô không biết hình tướng của tội, lại nói rằng: "Biết nhiều, hiểu nhiều", rồi ở trong chúng phát ngôn như vầy: "Tôn giả, tôi đối với mọi sự lợi dưỡng khó mà đạt được". Các Bí-sô khác bảo: "Ông đối với tội tướng, không biết, không hiểu mà nói biết nhiều, hiểu rộng. Ông phạm tội này, nên đối trước đại chúng cầu xin đại chúng để sám hối, tạ tội". Vị Bí-sô ấy liền vào trong chúng cầu xin đại chúng thương xót rồi tự hối trách. Bấy giờ đại chúng theo như bậc Đại sư chỉ dạy, ban cho pháp Tự ngôn trị. Vị Bí-sô được ra khỏi tội rồi, thì sự tranh chấp liền chấm dứt. Do pháp này có thể khiến cho sự tranh chấp được dứt trừ.

Sao gọi là pháp Đa nhân ngữ diệt trừ sự tranh chấp? Này A-nan, đó là nếu hai Bí-sô cùng ở một chỗ, sự tranh luận bỗng nhiên dấy khởi, buông ra nhiều lời lẽ đưa đến sự tranh cãi dữ dội. Ai cũng chấp vào lời nói của mình: có lời nói đúng pháp, có lời nói phi pháp, có lời nói đúng luật, có lời nói sai luật, có lời nói cho là có tội, có lời nói cho là không có tội. Khi sự việc diễn ra như thế, nên chấm dứt được thì tốt, còn không thì hai vị Bí-sô ấy phải lìa trú xứ của mình, đi đến chỗ khác mà còn tiếp tục tranh cãi thì phải lìa chỗ ấy nữa, trong khoảng nữa đường mà chấm dứt việc tranh luận đó là tốt, nếu không thì nhiều chúng Bí-sô phải hợp lại để tìm giải pháp để xử lý, dàn xếp chấm dứt sự tranh cãi. Có vị dùng kinh để phân biệt nói, có vị dùng luật để phân biệt nêu bày, có vị dùng Ma-đát-lý-ca (Luận tạng) để phân biệt giảng nói. Nhờ có nhiều người phân biệt giảng giải, cho nên sự tranh luận của hai Bí-sô được chấm dứt. Như vậy gọi là pháp Đa nhân ngữ để diệt trừ sự tranh chấp. Nhờ pháp này nên sự tranh chấp được dứt trừ.

Sao gọi là pháp Tri sở tác diệt trừ sự tranh luận? Này A-nan, đó là nếu Bí-sô phạm tội, tự biết là mình đã phạm, hoặc nói cho người khác biết, hoặc không nói cho người khác biết, tự nhớ nghĩ rồi đi đến chỗ Tỳ-kheo khác, cởi giày dép, đứng trước vị Bí-sô ấy, trạch vai áo, gối bên phải quỳ sát đất, ba lần xưng tên họ, rồi thưa: "Tôi phạm tội ấy, không dám che giấu, nên đi đến Tôn giả cầu xin sám hối. Cúi mong Tôn giả hoan hỷ giúp đỡ". Bấy giờ vị Tôn giả kia liền nhận sự sám hối đó. Vị Bí-sô ấy được thanh tịnh rồi, Tôn giả kia nói: "Bí-sô đã thấy tội tướng

này chăng?". Bí-sô đáp: "Tôi đã thấy tội tướng này". Tôn giả lại nói "Bí-sô nên theo đúng như pháp mà phụng trì luật nghi". Vị Tôn giả nói lên ba lần vậy. Đó gọi là pháp Tri sở tác diệt trừ sự tranh chấp. Nhờ pháp này nên sự tranh chấp được chấm dứt.

Sao gọi là pháp Như thảo phú địa diệt trừ sự tranh luận? Này A-nan, đó là các chúng Bí-sô ở tại một chỗ, cùng khởi lên sự tranh cãi, chia làm hai nhóm. Bấy giờ, trong mỗi nhóm, những người lớn tuổi ở một chỗ với người lớn tuổi, người biết pháp ở một chỗ với người biết pháp, các vị thượng thủ ở một chỗ với các vị thượng thủ. Ở trong nhóm đó, có Bí-sô vì lợi dưỡng nên khởi ra sự tranh luận, đối với các vị trong chúng mình nói như vầy: "Nhà bạch y ở xứ kia dễ có được lợi dưỡng. Tôi ở nơi đó theo đúng như pháp luật mà thuyết giảng. Có Bí-sô khác vì nguyên do ấy nên đối với tôi mới gây ra tranh chấp. Này chư Đại đức, nếu tôi vì việc ấy mà phạm tội tranh chấp, mong các đại đức xả bỏ tội này cho tôi, kể cả việc tôi cố ý vào nhà bạch y, cũng đều xin sám hối trừ bỏ. Vì phạm tội Đột-kiết-la, nên tôi từ nay về sau không làm việc ấy nữa. Nếu có làm, tôi sẽ đến các đại đức cầu xin sám hối, không dám che giấu". Khi Bí-sô này làm pháp sám hối như vậy, nếu trong nhóm chỉ có một Bí-sô không chấp nhận cho sám hối thì vị Bí-sô ấy liền đi tới nhóm khác, cởi bỏ giày dép, trạch vai áo, đến chỗ các thượng tọa cao niên lần lượt thăm hỏi rồi trở lại trước vị Thượng tọa, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch với đại chúng: "Thưa chư Đại đức, nhà bạch y ở chốn kia dễ có được lợi dưỡng, con ở trong đó theo đúng như pháp luật mà thuyết giảng. Có Bí-sô khác, vì nguyên do ấy nên khởi ra tranh cãi với con, con liền ở trong đại chúng như pháp xin sám hối. Nhưng trong đại chúng ấy có một vị Bí-sô không chấp nhận cho con sám hối, nên con đến đây cầu xin sám hối. Thưa chư Đại đức, nếu con do việc này mà phạm tội tranh chấp, xin các Đại đức xả bỏ việc này cho con... kể cả việc con từ nhà bạch y đi ra, cũng đều xin sám hối, tiêu trừ việc phạm tội Đột-kiết-la. Cho nên hôm nay, đối trước các đại đức, cầu xin sám hối, những điều con làm không dám che giấu, cúi xin các Đại đức chấp thuận cho sự sám hối của con, hoan hỷ giúp đỡ".

Bấy giờ đại chúng liền chấp nhận sự sám hối, vị Bí-sô này đã được thanh tịnh. Vị Thượng tọa trong đại chúng hỏi: "Bí-sô đã thấy tội tướng ấy chăng?". Bí-sô đáp: "Con đã thấy tội tướng ấy." Vị Thượng tọa nói: "Bí-sô nên theo đúng như pháp để phụng trì luật nghi". Vị Thượng tọa nói ba lần như thế.

Bấy giờ, trong nhóm bên kia cũng như nhóm bên này: vị lớn tuổi ở một chỗ với các vị lớn tuổi, vị biết pháp ở một chỗ với các vị biết pháp, thượng thủ ở một chỗ với các vị thượng thủ. Khi ấy, ở trong nhóm có Bí-sô vì lợi dưỡng nên khởi ra sự tranh chấp, ở trong chúng mình, tự nói như vầy: "Nơi nhà bạch y kia được lợi dưỡng. Tôi ở trong đó theo đúng như pháp luật mà thuyết giảng. Có Bí-sô khác vì nguyên do này nên khởi ra sự tranh luận..." Như vậy cho đến lần thứ hai, thứ ba, hỏi đáp những việc, như đã nói ở trước.

Này A-nan, tất cả các Bí-sô biết tự mình có phạm tội tranh cãi, qua lại trình bày, sám hối, cùng nhau gặp gỡ, cung kính thăm hỏi, liền diệt trừ nguyên do của sự tranh chấp, đình chỉ các lời bàn cãi, không còn một chút pháp nào phân biệt dấy khởi nữa, như vậy gọi là pháp Như thảo phú địa diệt trừ sự tranh chấp. Nhờ pháp này nên có thể khiến cho sự tranh chấp được chấp dứt.

Này A-nan, bảy pháp diệt trừ sự tranh chấp như vậy, các vị Bí-sô, phải nên ghi nhớ.

Lại nữa, này A-nan, có sáu thứ pháp Hòa kính các Bí-sô hãy lắng nghe, tác ý đúng lý, khéo ghi nhớ, nay Ta sẽ nói cho các thầy. Những gì là sáu?

Đó là thân nghiệp làm việc từ hòa, thường ở chỗ Phật tịnh tu phạm hạnh, đối với chánh pháp luôn tôn trọng, kính lễ, theo đúng như lý tu hành. Đối với chúng Bí-sô cùng sống hòa hiệp. Đó gọi là pháp hòa kính của thân nghiệp.

Lại nữa, đối với ngữ nghiệp luôn nói lời từ hòa, không nói lời tranh cãi chống trái. Đó gọi là pháp hòa kính của ngữ nghiệp.

Lại nữa, đối với ý nghiệp luôn khởi ra ý nghĩ từ hòa, không hề chống đối. Đó gọi là pháp hòa kính của ý nghiệp.

Lại nữa, nếu được sự lợi ích của pháp và sự lợi dưỡng nơi thế gian đều thọ lãnh như nhau. Hoặc có lúc ôm bát theo thứ lớp khất thực, tùy theo chỗ nhận được đồ ăn uống, các vật phải thưa cho chúng biết, cùng chúng đồng thọ, không nên giấu để dùng riêng. Nếu chúng đồng biết, tức đồng phạm hạnh. Đó gọi là pháp hòa kính về lợi dưỡng.

Lại nữa, đối với giới không phá, không dứt bỏ, giới lực kiên cố, lìa cấu uế, đạt được thanh tịnh, biết thời, biết xứ, phổ biến bình đẳng, thọ nhận đồ ăn uống của tín thí cúng dường. Như vậy tịnh giới cùng nhau tu học, cùng nhau hiểu biết, đồng tu phạm hạnh. Đó gọi là pháp hòa kính về

giới luật.

Lại nữa, nếu thấy được trí tuệ của bậc Thánh đưa đến con đường chứng ngộ giải thoát, dẫn đến việc ra khỏi biên giới tận cùng của sự khổ, đối với các tướng như vậy, nhận biết đúng như thật rồi cùng nhau hành hóa, cùng nhau hiểu biết, cùng tu phạm hạnh. Đó gọi là pháp hòa kính về kiến giải.

Những pháp như vậy gọi là sáu pháp hòa kính.

Này A-nan, như trước Ta đã nói về gốc rễ của sự tranh chấp, các Bí-sô, phải nên đoạn trừ. Đối với bảy pháp diệt trừ sự tranh chấp, các thầy cần phải biết rõ. Các việc tranh chấp chưa dấy khởi hoặc đã khởi ra, đều khiến cho nó chấm dứt. Nên cùng nhau tu tập pháp Lục hòa kính. Này các Bí-sô, nếu thực hành như vậy thì dù ở Đông, Tây, Nam, Bắc, theo chốn nơi đi đến, hoặc dừng, hoặc đi, đều khiến cho các Bí-sô đạt được an lạc, xa lìa các sự tranh chấp. Cho đến sau khi Ta nhập Niết-bàn, đều khiến cho các chúng Bí-sô, dù ở nơi đâu, cũng thường được an lạc, như Ta hiện tại ở đời thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh chẳng khác.

□

SỐ 86

PHẬT NÓI KINH NÊ-LÊ

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Đại sư Trúc Đàm Vô Lan, người Tây vực.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Phàm con người có ba việc khiến trở nên ngu si, chẳng đủ hình tướng trung bình. Những gì là ba? Đó là người ngu si nghĩ điều ác, nói điều ác và làm điều ác, đời này gặp phải tai ương, làm cho thân khổ, niệm khổ và ưu khổ.

Thế nào là ưu khổ?

Đó là người ngu si đi theo người trí, người trí bảo: người si mê làm ác, khi chết phải đọa vào trong cõi Nê-lê địa ngục. Người si mê trong tâm nhớ lời của người trí nói: "Nếu ta làm ác, khi chết phải đọa vào Nê-lê". Đó là Ưu khổ.

Thế nào là niệm khổ?

Người si mê thấy kẻ ăn cắp của cải, bị xử trị tàn khốc: hoặc trói gô lại, chặt chân chặt tay rồi ném cho hổ đói ăn, hoặc bỏ vào trong bao rồi dùng lửa đốt, hoặc dùng dao sắt chặt đứt từng khúc, hoặc để dưới đất khiến cho voi chà, hoặc bỏ trong nồi sắt mà chưng, hoặc cột cả tay chân lại rồi phanh thây. Người ngu tự nghĩ: "Kẻ ác tạo ra tội trạng nên mới khiến cho quan trên bắt mà xử trị như vậy. Giả sử quan trên biết ta làm ác cũng sẽ bắt ta như thế". Đó gọi là niệm khổ.

Thế nào là thân khổ?

Người ngu si từ sáng đến tối, nằm, ngồi chưa từng được an ổn, tâm thường nghĩ điều ác, miệng thường nói điều ác, thân thường làm điều ác. Làm điều ác rồi, sau khi bị bệnh liền tự thấy người bị đốt cháy trong nồi nơi Nê-lê. Khi thấy người bị đốt, khi thấy người bị nấu, do làm điều ác nên trở lại làm khổ con người. Thí như sau giờ ngọ, bóng mình ngã dài

trên đất, con người dần dần rơi vào Nê-lê, người ác liền tự nghĩ: "Ta sống ở thế gian ưa sát sanh, ưa trộm cắp, ưa xâm phạm phụ nữ của người, ưa dối gạt người khác, ưa nói hai chiều, ưa nói lời thô ác, ưa nói dối, ưa ganh ghét, ưa tham lam keo kiệt, không tin có Phật, không tin có kinh, không tin là đã tạo nhân duyên sẽ có tội phước, không tin có đời sau sanh ra khiến cho ta chết phải đọa vào Nê-lê". Đó là thân khổ.

Đức Phật dạy:

–Giả sử khiến cho người ác, có mắt như mắt của Ta, thấy người ác hướng đến chỗ xấu ác, bị xử trị như vậy thì kẻ làm ác trong lòng lo sợ, quá đỗi kinh hãi mà chết.

Đức Phật dạy:

–Muốn biết sự đau khổ cùng tột không thể chịu nổi, thì đó chính là Nê-lê. Chúng sanh sống trong cõi Nê-lê phải chịu muôn ngàn khổ bức, không thể nói hết được.

Các Tỳ-kheo đều quỳ xuống, thưa:

–Chúng con mong được nghe thí dụ về sự đau khổ trong địa ngục cõi Nê-Lê.

Đức Phật dạy:

–Thí như quan trên bắt được nghịch tặc, dẫn đến trước vua, tâu: "Kẻ này phản nghịch, làm hại nước hại nhà". Nhà vua bảo quan dùng mâu đâm một trăm lần. Sáng hôm sau, vua hỏi: "Người đó như thế nào?". Thưa: "Vẫn còn sống". Vua bảo: "Lại đâm tiếp một trăm lần". Sáng hôm sau nữa, vua hỏi: "Người đó ra sao?". Thưa rằng: "Vẫn còn sống". Vua sai đâm tiếp một trăm lần nữa.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Như thế người ấy bị đâm ba trăm ngọn mâu. Vậy có chỗ nào trên thân còn nguyên vẹn như lá táo chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Không còn chỗ nào nguyên vẹn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Người ấy bị đâm ba trăm vết thương, vậy có đau đớn không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Người ta chỉ cần bị đâm một mâu thì toàn thân đều đau đớn, huống chi bị đâm tới ba trăm ngọn mâu?

Đức Phật cầm một cục đá nhỏ trong bàn tay, bảo các Tỳ-kheo:

–Hòn đá này lớn hay núi Thái sơn lớn?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Hòn đá trong tay Đức Phật nhỏ, làm sao sánh nổi với hòn núi, dù muốn so sánh tăng lên ức ức vạn lần thì hòn đá ấy cũng không thể bằng ngọn núi lớn được.

Đức Phật dạy:

–Sự thống khổ trong cõi Nê-lê so với sự đau khổ bị mâu đâm thì sự đau khổ này dù tăng lên hàng ức ức vạn lần cũng không bằng sự đau khổ ở trong Nê-lê được. Hòn đá nhỏ ở trong bàn tay ví như ba trăm mũi giáo đâm vào, còn hòn núi thì ví như sự thống khổ trong Nê-lê. Người ngu si tâm nghĩ ác, miệng nói lời ác, thân làm ác, sau khi chết phải đọa vào Nê-lê. Ở trong cõi Nê-lê, có loài quỷ dữ bèn đi trước dẫn người ấy theo, dùng móc câu móc vào họng, vào cằm, khiến cho miệng phải mở ra, rồi dùng nước đồng sôi đổ vào, làm cho môi, lưỡi, ruột, và bao tử đều bị cháy tiêu, rồi nước đồng sôi lại chảy tràn ra ngoài, đau đớn không thể kể xiết. Do người ấy lúc còn sống ở thế gian cầu tìm của cải một cách trái phép để có các thức ăn uống, cho nên giờ phải bị nước đồng sôi rót vào miệng. Nỗi khổ trong địa ngục Nê-lê là như vậy. Quỷ trong Nê-lê dùng móc câu bắt người, chúng móc hàm trên, hàm dưới làm cho miệng mở ra rồi lấy chày sắt nóng đâm vào trong cổ họng, làm cho môi, lưỡi, ruột, bao tử đều cháy tan. Sự đau khổ dữ dội không thể chịu được như vậy, nhưng do chưa hết nghiệp nên vẫn không chết. Sự đau khổ trong Nê-lê là thế.

Quỷ trong Nê-lê lại bắt người leo lên núi sắt, dùng lửa đốt núi khiến hòn núi đỏ rực, tội nhân chạy lên, chạy xuống trên núi ấy sự thống khổ không sao chịu nổi. Nhưng do tội ác của kẻ ấy chưa hết nên vẫn không chết. Sự thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Quỷ trong Nê-lê lại bắt tội nhân rồi dùng búa được nung đỏ rực chặt tay, chặt chân, chặt làm trăm mảnh, đứt ra từng khúc. Nỗi khổ ấy không thể chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Sự thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Quỷ trong Nê-lê lại bắt tội nhân rồi dùng cái rìu sắt chặt đứt thân, toàn thân xương thịt của tội nhân đều bị chặt đứt. Sự khổ ấy không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Trong địa ngục còn có loại chim mỏ như sắt nhọn, luôn mổ vào đầu người, ăn não người, sự khổ ấy không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn không chết được. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Trong Nê-lê lại có bầy thú lạc đà dữ bắt người mà ăn, nghiến răng trèo trẹo, nổi đau đớn ấy không sao chịu nổi. Do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Sự thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Trong Nê-lê có quỷ sứ bắt người rồi dùng dao xẻ dọc hai bên bàng quang, ruột non, cho đến hai bên hông, rồi dùng xe sắt buộc vào thịt nơi hai bên hông của tội nhân vào, đốt lửa đỏ rực nơi xe, bắt tội nhân kéo qua kéo lại trên đó. Sự khổ ấy không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên kẻ ấy vẫn không chết. Sự thống khổ ở trong Nê-lê là như vậy.

Quỷ ở trong Nê-lê lại nắm hai chân tội nhân dốc ngược lên trời, đầu chúc xuống đất rồi quăng vào trong chảo nước sôi sùng sục. Tội nhân ở dưới đáy chảo cũng chín, nổi lên trên cũng chín. Nước sôi làm tội nhân nổi lên chìm xuống trong chảo, chẳng chỗ nào là chẳng nhừ. Thí như nấu đậu, trên dưới đều chín, đậy nắp cũng chín, mở nắp cũng chín. Tội nhân ở trong Nê-lê đều bị chín nhừ, dù ở phương Đông hay phương Tây, phương trên hay phương dưới cũng vậy. Do con người lúc còn sống ở thế gian, tự mình buông lung tâm, buông lung miệng, buông lung thân nên mới bị như vậy.

Quỷ ở trong Nê-lê lại bắt tội nhân nằm trên mặt đất cháy đỏ, dùng năm thứ độc để khảo tra, lấy đinh đang cháy đóng vào tay trái, đóng vào tay phải, lại lấy đinh đang cháy đóng vào chân phải, đóng vào chân trái, lại dùng đinh đang cháy đóng vào tim, xuyên qua đất. Những sự đau khổ độc hại như vậy không sao chịu nổi. Do tội ác của họ chưa hết nên họ vẫn không chết được. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như vậy.

Quỷ trong Nê-lê lại nắm tay tội nhân dẫn vào trong thành ngục Nê-lê. Thành của Nê-lê có bốn hướng, bốn mặt đều có cửa thành, kiên cố, đều có quỷ giữ cửa. Thành này tường vách và mặt đất đều làm bằng sắt, trên thành lại dùng sắt bao phủ, không ai thoát được. Mặt đất thì nung đốt đỏ rực, chu vi bốn ngàn dặm. Tường phía Đông lửa cháy tới tường phía Tây, tường phía Tây lửa cháy tới tường phía Đông, tường phía Nam lửa cháy tới tường phía Bắc, tường phía Bắc lửa cháy tới tường phía Nam, lửa ở trên cháy thẳng xuống đất, lửa dưới đất cháy thẳng lên trên. Các người ác nếu phạm mười điều sau đây đều bị đọa vào ngục đó: Sát sanh, trộm cắp, xâm phạm phụ nữ của người khác, lừa dối, nói hai lưỡi, nói lời xấu ác, nói láo, ganh ghét, tham lam keo kiệt, không tin Phật, không tin Pháp, không tin sự tạo nhân sẽ có quả báo tai ương hay phước đức. Những tội nhân như vậy dẫy đầy trong Nê-lê, sự thống khổ độc hại ở đấy kéo dài

ngàn vạn năm. Rồi thấy từ xa, cửa ở phía Đông mở ra, tội nhân đều chạy đến, chân vừa chạm đất thì liền bị cháy sạch, giở chân lên thì thịt lại liền như cũ. Người nào chạy qua được thì liền qua, người nào chưa qua được thì bị cửa đóng lại. Người thấy mình đã qua khỏi cửa cũng như người chưa qua khỏi cửa, hai chân không thể bước được. Quỷ giữ cửa nói:

–Này người ác đã chết, ngươi đến dưới cửa mong cầu việc gì?

Đáp: –Tôi đói và khát.

Quỷ sứ liền lấy móc câu móc cả hàm trên hàm dưới, khiến miệng tội nhân mở ra, rồi lấy nước đồng sôi đổ vào làm cho môi, lưỡi, ruột, bao tử, đều cháy sạch, nước đồng bèn chảy tràn ra ngoài. Do người ấy lúc còn sống ở thế gian cầu tìm tiền của mà không có đạo lý, phạm điều ác nghịch nên phải lãnh lấy quả báo ấy. Sự thống khổ trong Nê-lê là như vậy.

Lại có Nê-lê luôn rực đỏ như than nung sắt ở thế gian, rộng khoảng mấy ngàn dặm. Tội nhân đều chạy ra khỏi thành, ào vào trong ngục Nê-lê lửa than, bị thiêu nướng, cháy chín chẳng bao giờ ngừng. Sự đau khổ không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết được. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Lại nữa, trong ngục Nê-lê Hàn băng rộng mấy ngàn dặm, tội nhân vào nơi ấy đều bị lạnh cóng, run sợ, tan nát, sự khổ ấy không sao kể xiết, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như vậy.

Lại nữa, trong ngục Nê-lê Phất thỉ chu vi mấy ngàn dặm, phân nóng sôi sục hôi thối. Tội nhân chạy vào trong đó liền bị chín nhừ. Sự khổ cực không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Sự thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Lại nữa, trong ngục Nê-lê máu mủ, chu vi mấy ngàn dặm, hôi thối không sao nói được, máu mủ luôn sôi sùng sục. Khi tội nhân vào trong đó, hình thể đều bị chín nhừ, bại hoại, bị chim quạ ăn thịt. Sự thống khổ không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như vậy.

Lại nữa, khi vào địa ngục núi đao cắt đầu, chu vi mấy ngàn dặm, tội nhân từ nơi Nê-lê máu mủ chạy vào đây muốn lên núi, trên núi có đao nên liền bị cắt chân, cắt tay, cắt bụng, cắt lưng, cắt xương cổ, cắt hông. Sự khổ cực không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Lại nữa, nơi địa ngục Kiếm thọ, cây nhánh đều giống như kiếm. Tội

nhân vào trong đó liền bị kiếm đâm vào ngực, đâm vào hông, đâm vào lưng, đâm vào tay, đâm vào chân, đâm vào thân, trước sau đều bị cắt đứt. Sự khổ cực ấy không sao kể xiết. Do tội ác chưa hết nên vẫn không thể chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như vậy.

Lại nữa, nơi địa ngục Thiết trúc lô, rộng đến mấy ngàn dặm. Cây lá đều giống như dao bén. Tội nhân vào trong đó thì bị gió thổi vào cây tre làm chấn động lá, lá xâu suốt qua xương thịt của tội nhân, hình thể chẳng chỗ nào còn nguyên vẹn. Sự khổ cực ấy không sao chịu nổi, nhưng do tội ác chưa hết nên vẫn chưa chết. Nỗi thống khổ trong Nê-lê là như thế.

Lại nữa, nơi ngục Nê-lê nước mặn, rộng mấy ngàn dặm, nước mặn như muối sôi sùng sục, trong nước có loài chim mỏ như sắt nhọn, luôn mổ vào da, vào xương của tội nhân, tội nhân không sao chịu nổi sự khổ cực ấy, nên liền bơi qua sông. Quỷ canh giữ địa ngục hỏi:

–Này kẻ ác đã chết, các ngươi tìm cầu cái gì?

Tội nhân đáp:

–Chúng tôi bị khổ vì đói khát.

Quỷ liền lấy móc câu móc hàm trên và hàm dưới tội nhân khiến cho miệng phải mở ra, lại dùng nước đồng sôi đổ vào làm cho môi cháy, lưỡi, yết hầu cũng cháy, năm tạng ở trong người đều bị cháy sạch, rồi nước đồng liền chảy tràn ra ngoài. Tội nhân ấy không thể chịu đựng nổi, lại vào trong nước muối sôi chịu sự khổ não như trước, không thể chịu được; lại vào trong địa ngục Thiết trúc lô, bị khổ bức như trước, không sao chịu nỗi; lại vào trong địa ngục Kiếm thọ, bị khổ não như trước, không sao chịu được; lại vào trong địa ngục núi dao cắt đầu, bị khổ bức như trước, không sao chịu được; lại vào trong địa ngục Nùng huyết, bị khổ não như trước, không sao chịu được; lại vào trong địa ngục Phất thỉ bị khổ cực như trước, không sao chịu được; lại vào trong địa ngục Khôi hỏa (tro lửa) bị khổ bức như trước, cũng không sao chịu được; lại vào địa ngục Thiết thành, khổ cực cũng không sao chịu nổi. Ở cửa Đông địa ngục, sự khổ như vậy. Ở cửa địa ngục phía Nam, phía Tây, phía Bắc bao nỗi khổ bức cũng như vậy. Sự thống khổ trong cõi Nê-lê là như thế.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sự khổ bức trong Nê-lê không sao kể xiết. Ta chỉ lược nói qua để cho các vị nghe biết mà thôi.

Đức Phật dạy:

–Người làm ác sanh trong loài súc sanh, ăn cỏ và cây lá, có lưỡi để

liếm, răng để cắn. Loài dùng lưỡi để liếm và răng để cắn là những loài gì? Đó là trâu, bò, ngựa, lừa, voi, lạc đà…. Như vậy, nhiều người lúc còn sống ở thế gian, tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác. Sau khi chết, dần dà làm loài súc sanh chịu sự khổ bức như thế.

Đức Phật dạy:

–Có loài cầm thú sanh nơi tối tăm, lớn lên ở nơi tối tăm, chết cũng ở nơi tối tăm. Đó là loài gì? Đó là loài rắn, chuột, chồn, rái cá, sâu kiến… Những loài như vậy rất nhiều. Đó là con người lúc còn sống ở nhân gian tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác. Sau khi chết, dần dần chuyển biến làm loài cầm thú, chịu sự khổ bức như vậy.

Đức Phật dạy:

–Có loài vật có vảy sanh trong nước, lớn lên trong nước, chết trong nước. Đó là loài gì? Đó là loài thuồng luồng, cá, rùa, cá sấu... như vậy rất nhiều. Là do con người lúc còn sống ở thế gian tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác, cho nên sau khi chết dần dần chuyển biến làm loài vật có vảy sống dưới nước, khổ bức như thế.

Đức Phật dạy:

–Có loại vật nhỏ nhít sanh trong chỗ hôi thối, lớn lên trong chỗ hôi thối, chết trong chỗ hôi thối. Những loại gì sanh trong nơi ấy? Đó là loại trùng sanh nơi đất ẩm thấp, loại trùng sanh trong các ngòi rãnh, loại dòi sanh trong các hầm xí. Những loại như vậy rất nhiều. Do con người lúc còn sống ở thế gian tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác, sau khi chết sanh vào các loài ấy chịu sự khổ bức như vậy.

Đức Phật dạy:

–Có loại sâu bọ, vật nuôi chuyên ăn đồ bất tịnh. Y phục của con người từ xa đã bay mùi hôi thối, chúng liền chạy đến, nói: "Ta được đồ ăn!". Những loại gì chuyên ăn đồ bất tịnh? Đó là chó, heo, ruồi, bọ hung… Các loài thuộc về lãnh vực hôi thối như vậy rất nhiều. Do lúc còn sống con người ở thế gian tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác. Sau khi chết, dần dần chuyển sanh vào các loài ấy chịu sự đau khổ như thế.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Loài sâu bọ hoặc súc sanh như vậy rất nhiều. Ta chỉ nêu ra cho các vị nghe đôi phần sơ lược thôi.

Đức Phật dạy:

–Con người làm ác, sanh trong loài quỷ đói, thường ăn các thứ từ đại tiện, tiểu tiện. Vì sao chúng lại thường ăn những thứ ấy? Đó là do con

người lúc còn sống ở thế gian tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác, keo kiệt, luôn tiếc đồ ăn uống cho nên phải sanh trong loài quỷ đói.

Lại nữa, có loài quỷ đói chuyên ăn máu và mủ. Đó là do con người lúc còn sống ở thế gian ưa đẹp mà làm ác nên khiến phải bị sinh vào loài quỷ đói ăn máu mủ. Trong loài quỷ đói có thứ chó đen, chó trắng chuyên cắn xé ăn da thịt của đám quỷ đói. Lại còn có loài chim chuyên mổ ăn não của đám quỷ ấy. Hoặc có loại quỷ đói mười năm chưa từng thấy nước, hoặc có loại một trăm năm chưa từng thấy nước. Hoặc là từ xa trông thấy nước chảy, muốn chạy tới đó để được ăn uống, nhưng đến nơi thì nước chẳng có. Hoặc là khi có nước thì biến thành nước đồng hay nước muối đang sôi, vừa muốn đến trước để uống thì liền bị đánh đuổi. Ở trong loài quỷ đói phải chịu nhiều khổ bức như thế.

Đức Phật dạy:

–Loài quỷ đói rất nhiều, ta chỉ nói đôi phần sơ lược mà thôi.

Đức Phật dạy:

–Con người ở trong ba đường ác khó mà thoát ra. Thí như nơi biển rộng chu vi tám vạn bốn ngàn dặm, có một con rùa mù, trên mặt nước có một khúc gỗ, trong khúc gỗ ấy có một cái lỗ. Con rùa mù ở dưới nước, trăm năm mới ngóc đầu lên một lần, vậy nó có thể chui vào được cái lỗ nơi khúc cây ấy chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Con rùa mù ấy trải qua trăm ngàn vạn năm còn e không thể chui vào đúng cái lỗ nơi khúc cây ấy. Vì sao như vậy?

Có lúc khúc cây ở phía Đông thì con rùa ở phía Tây.

Có khi khúc cây ở phía Tây thì con rùa ở phía Đông.

Có lúc khúc cây ở hướng Nam thì con rùa ở hướng Bắc.

Có khi khúc cây ở hướng Bắc thì con rùa ở hướng Nam.

Có lúc con rùa mù vừa ngóc đầu lên thì khúc cây bị gió thổi lên đất liền. Con rùa mù một trăm năm mới ngóc đầu lên một lần, hãy còn có lúc đút đầu lọt vào cái lỗ nơi khúc gỗ, chứ con người bị đọa vào ba đường ác mà được làm thân người trở lại còn khó hơn so với con rùa mù kia. Vì sao vậy? Vì con người ở ba đường ác đều không có tri thức, cũng không có giáo pháp chỉ dạy, không biết thiện ác, không biết cha mẹ, cũng không biết bố thí, lại ăn nuốt lẫn nhau, con mạnh nuốt con yếu. Những người ấy, thân chưa hề rời khỏi sự mổ xẻ, lột da, máu mủ đầy dẫy, họ từ khổ vào khổ, từ tối vào tối. Người làm ác phải chịu đựng sự khổ bức như vậy.

Đức Phật dạy:

–Thí như có người bị thua bạc, ngay từ đầu đã mất rất nhiều, cho đến mất cả vợ, con, ruộng, nhà, té ngã, quần áo chẳng còn gì cả, lại bị mắc nợ. Chủ nợ bảo đám tay chân dùng khói xông, lửa đốt.

Đức Phật dạy:

–Người thua bạc như vậy, sự mất ấy còn ít. Ban đầu mất rất nhiều, rồi đến mất vợ, con, ruộng, nhà, lại còn mắc nợ nên bị người ta xông khói, hơ lửa. Như vậy họ chỉ nghèo có một đời, so với người tâm nghĩ điều ác, miệng nói điều ác, thân làm điều ác, sau khi chết bị đọa vào ba đường ác, còn hơn kẻ thua bạc bần cùng ấy, vì phải ở trong ba đường ác vô số kiếp. Giả như nơi ba đường ác mà được thoát ra, trở lại làm người, sanh vào nhà dân dã, ở nơi hoang vắng, hay làm con của nhà bần cùng đi ăn xin, hoặc phải vất vả, nhọc nhằn để tự mưu sống, nhưng cơm không đủ no, áo không đủ ấm. Tuy làm con trong những gia đình như thế lại còn bị hoặc què quặt, đui điếc không bằng người, hoặc sanh nơi nhà đồ tể chuyên sát sanh, hoặc sanh nơi các nhà bán trâu, bò, dê, heo, bắt cá, gà, chó, lang sói … Từ cõi ác được thoát, lại làm con nơi những gia đình như thế, trở lại làm ác, sau khi chết sẽ lại sanh vào trong đường ác.

□

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật dạy bảo các Tỳ-kheo:

–Ta dùng thiên nhãn xem xét mọi người trong nhân gian, sống chết, đẹp đẽ, xấu xí, cao quý, thấp hèn, con người sau khi chết được sinh vào đường tốt hay đường xấu là do con người lúc còn sống thân làm ác, miệng nói ác, tâm nghĩ ác, thường ưa nướng, giết chúng sanh để tế cúng quỷ thần, sau khi chết phải bị đọa vào trong Nê-lê (địa ngục). Nếu thân thường làm thiện, miệng thường nói điều thiện, tâm thường nghĩ thiện, khi chết liền được sanh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

–Con người giống như trời mưa, nước nổi bọt bóng, mưa từ trên trời rơi xuống, cái bong bóng nước này bể thì cái bong bóng kia thành. Con người sống ở thế gian lúc sanh lúc tử như bong bóng nước, vừa sanh liền diệt. Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy người trong thiên hạ, có người

được sanh lên cõi trời, có người thì đọa vào cõi Nê-lê, có kẻ thì nghèo, có người thì giàu, có kẻ tôn quý, có người thấp hèn. Đó là do nhân thiện ác con người đã tạo ra.

Đức Phật nói:

–Ta đều biết rõ tất cả. Thí như trong đêm tối, hai bên cửa thành đều có thắp đuốc lớn. Có người ra cửa thành, có người vào cửa thành, có đến hàng vạn người. Con người từ trong bóng tối đều thấy đuốc sáng mà ra hay vào. Phật dùng thiên nhãn thấy người sanh lên cõi trời, người bị đọa vào Nê-lê, như người từ trong bóng tối thấy ánh lửa sáng mà đi ra vào. Như người đứng trên lầu cao, phía dưới có mấy ngàn vạn nhà, người đứng trên lầu cao đều trông thấy hết.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy người trong thiên hạ, khi chết được sanh lên cõi trời hay bị đọa vào Nê-lê như người đứng trên lầu cao thấy các ngôi nhà ở dưới thấp.

Đức Phật dạy:

–Như người chèo thuyền trong nước trong đều thấy cá, đá, các vật ở trong nước. Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy người trong thiên hạ sanh ở cõi trời hay vào cõi Nê-lê như người nhìn vào nơi nước trong.

Trong thiên hạ có hạt ngọc Minh nguyệt, dùng sợi tơ năm màu xâu lại, người xem hạt châu ngọc ấy đều thấy có năm màu sai khác, biết sợi tơ, biết tướng của hạt ngọc khi xâu sợi tơ. Đức Phật thấy con người trong thiên hạ từ đâu đến, sống, chết, thiện, ác, chuyển biến… như người xem hạt châu.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy người trong thiên hạ bất hiếu với cha mẹ, không thờ kính Sa-môn, Bà-la-môn, không kính các bậc Trưởng lão, không thích bố thí, không sợ đời này tạo các đời sau phải chịu quả báo, những người như vậy khi chết liền bị đọa vào cõi Nê-lê, cùng tương kiến Diêm vương, liền bỏ ác theo thiện. Chủ đám ngục tốt nơi Nê-lê tên là Bàng. Bàng liền dẫn tội nhân đến chỗ Diêm vương. Nê-lê Bàng thưa:

–Người này lúc ở thế gian bất hiếu với cha mẹ, không thờ kính các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, không tôn kính các Trưởng lão, không ưa bố thí, không sợ đời này đời sau, không sợ giới cấm. Xin vua xử trị tội ác của người này.

Diêm vương liền bảo người ấy đến trước nói:

–Như lúc làm người ở thế gian, sao không nghĩ đến sự dưỡng dục của cha mẹ? Những lúc trời nóng thì cha mẹ bồng đến chỗ mát, nhờ ơn bú mớm mà khôn lớn, tại sao lại bất hiếu với cha mẹ?.

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Hãy xử trị như một kẻ gây tội lỗi. Tội ác của ngươi chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải trời, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Nếu thân ngươi đã tạo tội, hãy tự nhận lãnh lấy. Đấy là lần hỏi thứ nhất của Diêm vương.

Ngươi có trông thấy người ở thế gian lúc bị bệnh khốn khổ kịch liệt, hết sức gầy ốm, tay chân không cử động được sao?

Người kia thưa:

–Tôi thật có thấy.

Diêm vương nói:

–Tại sao không tự sửa đổi cho tốt?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là kẻ ngu si, kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Nếu thân ngươi tạo ra phải tự gánh lấy. Tội ác ấy chẳng phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, chẳng phải do vua chúa, chẳng phải do Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Nếu thân ngươi đã tạo ra, vậy phải tự nhận lấy. Đây là lần hỏi thứ hai của Diêm vương.

Ngươi không thấy lúc ở thế gian, người nam người nữ mắt không còn thấy, tai không còn nghe, cầm gậy mà đi, tóc đã trắng xóa, không còn như lúc thiếu niên nữa sao?

Người đó đáp:

–Tôi quả thật có thấy người già cầm gậy mà đi.

–Vậy sao lúc đó ngươi không sửa đổi cho tốt?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là người ngu si, kiêu mạn.

Diêm vương nói:

–Tội ác ấy không phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, chẳng phải do vua chúa, cũng chẳng phải do Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Nếu thân ngươi đã tạo ra vậy phải tự gánh lấy. Đó là lần hỏi thứ ba của Diêm vương.

Ngươi lúc ở thế gian không thấy người nam người nữ chết, từ một

ngày cho đến bảy ngày thân thể hư nát, bị hủy hoại, bị sâu kiến ăn, bị mọi người ghét bỏ sao? Nếu thấy như vậy tại sao không tự sửa đổi cho tốt?

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật có thấy như vậy. Tôi là ngươi ngu si, kiêu mạn.

–Nếu có làm tại sao không hành động đúng đắn? Nếu hành động đúng đắn, thì miệng nói đúng đắn, tâm nghĩ đúng đắn. Tội ác này không phải do cha mẹ, không phải do trời, không phải do vua chúa, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Nếu thân ngươi đã tạo ra, tự ngươi phải thọ lấy. Đó là lần hỏi thứ tư của Diêm vương. Nếu lúc làm người ở thế gian, vậy ngươi có thấy quan lại bắt được kẻ cướp của, giết người hay bọn giặc cướp…, liền trói lại bỏ vào ngục để khảo tra, xét hỏi, hoặc dắt ra giữa đường chém giết, hoặc đem về sanh quán mà phanh thây, ngươi có thấy như vậy chăng?

Người ấy thưa:

–Quả thật tôi có thấy.

– Tại sao không tự sửa đổi cho tốt? Nếu khi làm người, sao lại tạo tác điều bất chánh? Phải theo đường chân chánh hoặc thân chân chánh, hoặc miệng chân chánh, hoặc tâm chân chánh!

Người ấy thưa:

–Tôi quả thật là ngu si, kiêu mạn.

–Nếu thân ngươi tạo thì ngươi phải tự gánh lấy. Tội ác này không phải do cha mẹ, trời, vua chúa hay Sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Thân ngươi đã tạo thì chính ngươi phải chịu. Đó là lần hỏi thứ năm của Diêm vương.

Khi đã chất vấn xong, ngục tốt Bàng của địa ngục liền dẫn tội nhân đến một thành bằng sắt, đó là cõi Nê-lê thứ nhất, gọi là A-tỳ-ma Nê-lê. Thành có bốn cửa, chu vi bốn ngàn dặm, bên trong có một cái chảo lớn rộng bốn mươi dặm, sâu cũng bốn mươi dặm, ngục tốt Bàng của Nê-lê dùng mâu đâm xóc tội nhân, bỏ vào trong chảo mà nấu. Trong vô số thành như vậy đều có lửa, tội nhân từ xa trông thấy, sầu não lo sợ, run lập cập. Những tội nhân vào đó có cả ngàn vạn. Ngục tốt Bàng của Nê-lê xua tội nhân vào trong ấy, cả ngày lẫn đêm không thể ra được. Tội nhân chạy ra bốn cửa để tìm đường tẩu thoát nhưng tất cả cửa đều bị đóng… Tội nhân ở trong đó cả ngàn vạn năm, lửa vẫn không tắt, tội nhân cũng không chết. Thật lâu, thấy cửa phía Đông tự mở, tội nhân đều chạy tới, muốn ra ngoài, vừa chạy đến thì cửa liền đóng lại. Những tội nhân muốn thoát khỏi lại phải tranh giành với những người ở trong cửa để mong thoát ra. Thỉnh

thoảng lại thấy từ xa cửa ở phương Nam mở, họ đều chạy đến thì cửa lại đóng, mọi tội nhân đều tranh giành với nhau ở trong cửa để mong được thoát ra. Rồi lại thấy từ xa cửa thành ở phía Bắc mở, tất cả tội nhân đều chạy đến thì cửa lại đóng, tất cả tội nhân ở trong cửa lại tranh giành nhau để mong thoát ra ngoài. Thỉnh thoảng lại thấy cửa ở phía Tây mở, tất cả tội nhân cũng đều chạy tới thì cửa lại đóng. Thỉnh thoảng bốn cửa lại mở ra, tất cả tội nhân đều chạy đến, được thoát ra ngoài, tự cho là đã giải thoát.

Lại vào trong cõi Nê-lê thứ hai là Cưu-diên, chân chạy dưới đất thì bị cháy, giở chân lên thì thịt lại liền như cũ. Có tội nhân chạy qua hướng Đông, chạy qua hướng Tây, lại chạy qua hướng Nam, rồi chạy qua hướng Bắc, đất ở chung quanh đều nóng cháy, trải qua mấy ngàn vạn năm mới chấm dứt, tự cho là đã được thoát khỏi.

Lại vào trong cõi Nê-lê thứ ba là Di-ly-ma-đức, ở đây có các loại trùng tên là Quật trác, mỏ như sắt, đầu đen. Loại trùng này thấy người liền chạy theo rỉa thịt, rúc rỉa xương tủy, cho đến lúc không còn gì cả, như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết, tự cho là đã được thoát khỏi.

Lại vào cõi Nê-lê thứ tư là Băng-đa-la-đa, trong đó toàn là đá bén nhọn như dao. Tội nhân phải đi trên đầu những hòn đá ấy, có người muốn chạy, muốn được thoát ra, nhưng chẳng biết phải đi như thế nào, chân cẳng đều bị cắt rách vì đất đá đều như dao bén. Như vậy lại trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết, tự cho là đã thoát khỏi.

Lại vào trong cõi Nê-lê thứ năm là A-di-ba-đa-hoàn, ở đấy thì có gió nóng, gió rất nóng, hơn cả lửa hừng nơi thế gian. Gió thổi vào thân, làm cháy tiêu thân thể tội nhân, ai cũng muốn tránh gió, nhưng thường bị gió nóng thổi qua, dù có trốn tránh cũng không thoát. Tội nhân cầu chết nhưng không thể chết, cầu sống cũng không thể sống. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới được ra, tự cho là đã thoát khỏi.

Lại vào cõi Nê-lê thứ sáu là A dụ thảm Ba-lê-hoàn, trong đó có rất nhiều cây, các cây đều đâm vào người, giữa cây có quỷ nhập vào đấy, trên đầu của quỷ phun lửa, nơi miệng cũng phun lửa. Có mười sáu loại quỷ giữ việc đâm người, từ xa thấy người đi tới, vào chỗ lửa dữ dội, chúng bèn đến trước ăn thịt tội nhân. Mười sáu thứ quỷ ấy xâu thân thể tội nhân lại, xé ra mà ăn. Tội nhân đều muốn thoát ra, hễ chạy trốn thì luôn gặp quỷ này. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết, tự cho là đã được thoát khỏi.

Lại vào cõi Nê-lê thứ bảy là Thục tỷ vụ, ở đấy có loài trùng tên là Đôn. Tội nhân vào đó, loại trùng này liền bay vào miệng, ăn dần thân thể người. Tội nhân đều chạy tránh nhưng trùng ăn thịt người vẫn không để yên. Cả đám người luôn chạy khắp bốn hướng nhưng không thể ra được. Như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm mới hết, tự cho là đã thoát khỏi.

Lại vào cõi Nê-lê thứ tám là Đàn-ni-du, trong đó có nước chảy xiết, tội nhân đều rớt vào đấy, hai bên bờ của dòng nước đều có nhiều gai nhọn. Nước ấy nóng hơn nước đang sôi của thế gian. Nước luôn sôi sùng sục, mọi người đều bị chín nhừ, muốn chạy lên bờ thì ở đó có quỷ cầm mâu đâm vào người, khiến lại rớt vào trong nước, không thể thoát ra được. Tội nhân đều theo dòng nước trôi xuống phía dưới, ở đấy lại có quỷ dùng móc câu mà câu. Hỏi:

–Các ngươi từ đâu đến đây?

Mọi người đều thưa:

–Tôi không biết từ đâu đến, cũng không biết phải đi như thế nào. Tôi quá khổ vì đói khát, chỉ muốn chạy kiếm đồ ăn uống mà thôi.

Quỷ bảo:

–Ta sẽ cho ngươi ăn.

Tức thì lấy nước đồng sôi đổ vào miệng khiến mọi thứ bên trong người đều cháy tiêu. Như vậy cầu chết không chết, cầu sống cũng không sống được. Bởi vì người đó lúc ở thế gian làm ác, cho nên cầu thoát khỏi mà không thoát nổi.

Các tội nhân trong Nê-lê lại được thả ra, tự cho là đã thoát khỏi, nhưng lại vào trong địa ngục thứ bảy. Quỷ nơi cõi Nê-lê này lại đón hỏi:

–Đã đi sao lại trở vào?

Các người ấy đều nói:

–Chúng tôi quá khổ vì đói khát.

Họ liền đi vào địa ngục thứ sáu, từ địa ngục thứ sáu lại vào địa ngục thứ năm, rồi vào địa ngục thứ bốn, lại vào địa ngục thứ ba, địa ngục thứ hai, địa ngục thứ nhất, mong ra khỏi cõi địa ngục A-tỳ-ma. Từ xa thấy thành sắt, tất cả đều vui mừng hô lớn:

–Muôn năm!

Diêm vương nghe liền hỏi quỷ Bàng:

–Đó là những tiếng gì vậy?

Nê-lê Bàng liền tâu:

–Đó là tiếng hô. Các người này trước đây đã trải qua trong các cõi

Nê-lê rồi.

Diêm vương bảo:

–Họ là những người bất hiếu với cha mẹ, không sợ trời, không sợ vua chúa, không kính thờ tiên tổ, không vâng theo lời dạy của các Sa-môn, Bà-la-môn, không sợ giới cấm.

Diêm vương lại nhìn, rồi nói:

–Ta chính là Diêm vương. Nay nếu các ngươi được thoát khỏi, lại được làm con của người khác, phải nên hiếu thuận, phải khéo thờ Sư trưởng, phải sợ trời, phải sợ vua chúa, phải vâng lời chỉ dạy của các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, hãy giữ tâm chân chánh, miệng nói lời chân chánh, thân làm việc chân chánh; người sống ở thế gian thấy tội ác nhỏ mà coi thường, chính là tội ác rất nặng ở Nê-lê. Nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn phải nên vâng lời, thờ kính, sau đó sẽ được độ thoát khỏi đường ác cực khổ, nhờ đấy đã đóng bít vĩnh viễn con đường ác. Người trong các cõi Nê-lê đều được ra khỏi, ở ngoài thành, ban đêm đều chết hết. Người chết, đời trước lúc làm người, tuy tạo nhiều điều ác, chỉ có chút thiện, từ trong cõi Nê-lê trở lại, đều được chánh tri, từ cõi Nê-lê ra, tất cả đều chánh tâm chánh hạnh, không còn trở lại cõi Nê-lê. Nê-lê cũng không giữ lấy. Theo việc làm ác dẫn đến phải chịu sự thống khổ khốc hại trong Nê-lê, cũng có thể tự mình nhớ nghĩ, cũng có thể làm việc thiện.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

□

SỐ 87

PHẬT NÓI KINH TRAI GIỚI

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm, người nước Nhục chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại ngôi điện riêng nơi nhà của vị Thừa tướng về phía Đông thành Xá-vệ. Mẹ của Thừa tướng tên là Duy-da, sáng sớm thức dậy tắm rửa, mặc áo tơ năm sắc, cùng các con, nàng dâu, đi tới điện kia, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Phật hỏi Duy-da:

–Tại sao tắm rửa sớm vậy?

Thưa:

–Con muốn cùng các con, nàng dâu đều thọ trai giới.

Đức Phật nói:

–Trai giới có ba loại. Vậy thích loại trai giới nào?

Duy-da quỳ xuống, thưa:

–Con muốn được nghe sao gọi là ba loại trai giới?

Đức Phật dạy:

–Ba loại trai giới là:

Trai giới theo kiểu người chăn bò.

Trai giới theo kiểu của giáo phái Ni-kiền.

Trai giới theo Phật pháp.

Trai giới theo kiểu người chăn bò là như người chăn bò luôn mong cầu nước, cỏ, thức ăn tốt để nuôi bò của họ. Buổi chiều suy nghĩ xem có đám cỏ nào xanh tốt, rộng lớn để sáng mai dắt bò đến đó. Nếu người nam hoặc nữ đã thọ trai giới mà tâm ý để ở gia đình, muốn tạo nhiều lợi lộc cho sản nghiệp, lại chỉ nghĩ đến thức ăn uống ngon để nuôi dưỡng thân thể, đó là như ý của người chăn bò kia, nên không đạt được phước đức và trí tuệ lớn lao.

Trai giới theo kiểu của phái Ni-kiền là vào ngày mười lăm trong

tháng, nằm dưới đất để thọ trì trai giới, lễ bái các vị thần trong khoảng mười do diên do-tuần, nói:

–Ngày hôm nay tôi ăn chay, không dám làm ác. Chúng tôi không có nhà cửa, không có thân thích, nàng dâu con, tôi tớ đều chẳng phải là sở hữu của tôi, tôi không phải là chủ của họ.

Nhưng những người học đạo ấy chỉ chuộng bề ngoài, còn thực chất thì đê tiện, không có tâm chân chánh, đến sáng mai thì hình tướng, tên gọi lại có như cũ. Trai giới như vậy không được đại phước đức và trí tuệ lớn.

Trai giới theo Phật pháp là đệ tử học đạo cứ mỗi tháng có sáu ngày ăn chay, thọ trì tám giới. Những gì là tám?

Giới thứ nhất: Suốt một ngày một đêm thọ trì tâm như bậc Chân nhân, không có ý sát sanh, luôn thương tưởng đến chúng sanh, không được giết hại kể cả loài côn trùng bé nhỏ nhất, không dùng dao gậy, nghĩ và muốn cho chúng sanh luôn được an lạc, chẳng bị sát hại, theo như giới thanh tịnh, nhất tâm tu tập.

Giới thứ hai: Suốt một ngày một đêm thọ trì tâm như bậc Chân nhân, không có ý tham lam trộm cắp, luôn nhớ nghĩ việc bố thí, nên hoan hỷ cho, tự tay cho, cho với sự trong sạch, cho với tâm cung kỉnh, không mong trả ơn, trừ bỏ ý tham lam keo kiệt theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ ba: Suốt một ngày một đêm thọ trì, tâm như bậc Chân nhân, không có ý dâm, không nghĩ đến phòng ốc, tu hành phạm hạnh, không làm điều tà dục, tâm không tham sắc, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ tư: Thọ trì một ngày một đêm, tâm như bậc Chân nhân, không có ý nói dối, luôn nhớ nghĩ về điều thành thật, lời lẽ an định, không được dối trá, luôn tâm miệng giống nhau, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ năm: Thọ trì một ngày một đêm, tâm như bậc Chân nhân, không uống rượu, không say sưa, không mê loạn, không làm mất ý chí, từ bỏ mọi sự phóng dật, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ sáu: Thọ trì một ngày một đêm, tâm như bậc Chân nhân, không có ý cầu an ổn cho riêng mình, không đeo các đồ trang sức quý giá, không thoa son phấn, không ca múa, xướng hát, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ bảy: Thọ trì một ngày một đêm, tâm như bậc Chân nhân,

không có ý cầu mong sự an ổn, không nằm giường đẹp, chỉ nằm giường thấp, ngồi ghế cỏ, trừ bỏ việc nằm ngủ, luôn nhớ nghĩ kinh, đạo, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Giới thứ tám: Thọ trì một ngày một đêm, tâm như bậc Chân nhân, theo pháp ăn đúng giờ, ăn ít, giữ sự điều độ nơi thân, quá giờ ngọ không được ăn lại, theo như giới thanh tịnh, một lòng tu tập.

Đức Phật bảo Duy-da:

–Ngày trai giới nên tu tập năm điều luôn nhớ nghĩ. Những gì là năm?

1. Niệm Phật, Phật là Như Lai, Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, là Thiện Thệ, cha của thế gian, Vô Thượng Sĩ, Kinh Pháp Ngự, Thầy của trời người, hiệu là Phật. Người nhớ nghĩ đến Đức Phật như thế thì những thói quen về sân hận, ác ý, ngu si đều trừ hết, thiện tâm tự sanh, nghĩ thích việc làm của Phật. Ví như dùng dầu mè, thuốc gội tắm rửa, gội đầu, làm cho cấu uế trên đầu được sạch. Người trai giới niệm Phật cũng thanh tịnh như vậy, mọi người trông thấy đều ưa thích.

2. Phải niệm Pháp. Phật giảng nói pháp như ba mươi bảy phẩm, đầy đủ không thiếu, luôn nhớ nghĩ không quên, nên biết pháp này là ánh sáng trí tuệ của thế gian. Người niệm Pháp như vậy, các tập quán về sân hận, ác ý, ngu si đều trừ hết, thiện tâm tự sanh, do ưa thích theo Pháp. Ví như dùng dầu mè thuốc gội tắm rửa làm bụi bặm trên thân được sạch. Người trai giới niệm Pháp, tâm thanh tịnh như vậy, mọi người trông thấy ai cũng ưa thích.

3. Phải niệm chúng Tăng, cung kính thân cận, nương tựa, thọ nhận sự dạy dỗ của các bậc trí tuệ. Chúng đệ tử của Phật, người đạt quả Câu cảng thọ, được Câu cảng chứng, có người được Tần lai thọ, Tần lai chứng, có người được Bất hoàn thọ, Bất hoàn chứng, có người được Ứng chân thọ, Ứng chân chứng, Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Đó là bốn đôi tám bậc, Tứ hướng và Tứ quả, bậc trượng phu đều nhân đấy mà thành tựu giới, định, tuệ, giải thoát và độ tri kiến giải thoát và giải thoát tri kiến, là bậc Thánh đức việc làm đã đầy đủ, nên phải chắp tay kính lạy bậc tôn quý làm phước điền cho trên trời, dưới trời. Niệm chúng Tăng như thế nên các tập quán về sân hận, ác ý, ngu si đều dứt trừ, tâm hoan hỷ tự sanh, ưa thích việc làm của chúng Tăng. Ví như dùng nước tro để giặt áo thì các chất dơ sẽ tẩy sạch. Người trai giới

niệm chúng Tăng là các bậc có uy đức như vậy, mọi người trông thấy ai cũng ưa thích.

4. Niệm giới: thân thọ giới của Phật phải một lòng phụng trì, không thiếu sót, không vi phạm, không loạn động, không bỏ quên, khéo an lập, cẩn thận giữ gìn, nêu cao trí tuệ; về sau không hối hận, không có sự so bì, có thể cùng đem chỉ dạy người. Người niệm giới như vậy thì các tập quán về sân hận, ác ý, ngu si đều được trừ sạch, tâm hoan hỷ tự sanh, ưa thích giới trong mọi tạo tác, giống như lau gương, vật dơ đã hết, ánh sáng hiện ra. Người trai giới niệm giới, tâm thanh tịnh như vậy, mọi người trông thấy ai cũng ưa thích.

5. Nên niệm Thiên: các cõi trời như Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên, Diêm thiên, Đâu-thuật thiên, Bất kiêu lạc thiên, Hóa ứng thanh thiên. Cần phải tự niệm: "Ta đã có Tín, có Giới, có Văn, có Thí, có Trí, đến lúc thân chết, được sanh lên cõi trời, mong ta đừng mất tín, giới, văn, thí trí này. Người nhờ niệm Thiên như thế nên tập quán về sân hận, ác ý, ngu si đều trừ sạch, tâm hoan hỷ tự sanh, ưa thích các nghiệp của trời, giống như ngọc báu thường được trong sáng. Người trai giới niệm Thiên, tâm thanh tịnh như vậy, phụng trì tám giới cấm, thực tập năm điều luôn nhớ nghĩ, là trai giới theo Phật pháp, cùng chư Thiên tu đức, diệt ác tu thiện, về sau sanh lên cõi trời, cuối cùng đắc quả Nê-hoàn. Cho nên người trí tự nỗ lực tu hành, phát tâm tạo phước.

Như vậy, này Duy-da, phước đức từ việc trai giới tạo nên tiếng tốt lan truyền xa rộng. Ví như mười sáu nước lớn ở trong thiên hạ, trong mười sáu nước này của báu đầy dẫy không sao kể hết, cũng không bằng phước đức trong một ngày thọ trì trai giới của Phật pháp. Phước đức như vậy to lớn đến nỗi của báu của mười sáu nước dồn lại chỉ bằng một hạt đậu mà thôi. Sự rộng lớn ở trên trời không thể nói được, như ở nhân gian năm mươi năm thì ở cõi trời thứ nhất mới một ngày một đêm. Tuổi thọ ở cõi trời thứ nhất Tứ thiên vương là năm trăm năm, so với nhân gian là chín trăm vạn năm. Người trai giới theo Phật pháp được sanh lên cõi trời ấy. Nhân gian một trăm năm thì ở cõi trời Đao-lợi chỉ có một ngày một đêm, mà tuổi thọ ở trên cõi trời Đao-lợi là một ngàn tuổi, so với nhân gian là ba ngàn sáu trăm vạn năm. Nhân gian hai trăm năm thì ở cõi trời Diêm thiên chỉ có một ngày một đêm, mà tuổi thọ ở cõi Diêm thiên là hai ngàn năm, so với nhân gian phải trải qua một ức năm ngàn hai trăm vạn năm. Ở nhân gian bốn trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm trên cõi trời Đâu-

thuật. Tuổi thọ ở cõi trời Đâu-thuật là bốn ngàn năm, vậy ở nhân gian phải trải qua sáu ức tám trăm vạn năm. Ở nhân gian tám trăm năm thì chỉ bằng một ngày một đêm trên cõi trời Bất kiêu lạc. Tuổi thọ ở cõi trời Bất kiêu lạc là tám ngàn tuổi, so với nhân gian phải trải qua hai mươi ba ức bốn ngàn vạn năm. Ở nhân gian một ngàn sáu trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Hóa ứng thanh. Tuổi thọ ở cõi trời Hóa ứng thanh là một vạn sáu ngàn năm. Vậy nhân gian phải mất chín mươi hai ức một ngàn sáu trăm vạn năm.

Nếu ai có Tín, có Giới, có Văn, có Thí, có Trí phụng trì pháp trai giới của Phật, ngay khi mạng chung, đều được sanh lên sáu cõi trời này, được an ổn diệu lạc. Theo đó, pháp thiện rất nhiều, Ta chỉ nói rất ít. Hễ ai làm điều thiện thì sau khi mạng chung, thần thức được sanh lên cõi trời thọ phước đức vô lượng.

Duy-da nghe lời Đức Phật dạy, hoan hỷ nói:

–Lành thay! Lành thay! Thưa Thế Tôn, phước đức của pháp trai giới thật là tốt đẹp vô lượng. Mong cho con được thọ giới của Phật. Từ nay về sau, cứ mỗi tháng con thọ sáu ngày trai giới, nỗ lực làm phước cho đến khi qua đời.

Đức Phật nói kinh này xong, tất cả đều hoan hỷ thọ giáo.

□

SỐ 88

PHẬT NÓI KINH ƯU-BÀ-DI ĐỌA-XÁ-CA

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Tống

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật dừng chân ở thành phía Đông, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một nữ nhân tên tự là Vu-da-lâu, người đời gọi là mẹ Vu-da-lâu. Đức Phật ngồi trên tòa cao trong điện riêng của nhà mẹ Vu-da-lâu. Có một người nữ phụng trì pháp giới tên là Đọa-xá-ca, vào lúc sáng sớm ngày mười lăm trong tháng, thức dậy tắm rửa, cùng bảy người con, nàng dâu, cũng đều khiến tắm rửa sạch sẽ, mặc áo mới, ăn điểm tâm, ăn xong rửa tay, dẫn bảy người con, nàng dâu đến trước Đức Phật đảnh lễ. Đức Phật bảo tất cả đều ngồi xuống. Đức Phật hỏi Ưu-bà-di Đọa-xá-ca:

–Tại sao hôm nay tất cả đều tắm rửa, mặc áo mới, cùng với con, dâu, đồng đến chỗ Phật.?

Đọa-xá-ca thưa:

–Hôm nay là ngày mười lăm, chúng con thọ trai giới. Con nghe một tháng phải trai giới sáu ngày, cho nên con cùng con, dâu, đồng trai giới, không dám biếng nhác, xem thường.

Đức Phật bảo Đọa-xá-ca:

–Pháp trai giới chân chánh của Phật có tám giới khiến con người được giải thoát khỏi thế gian, không đọa vào ba cõi ác, sanh ở đâu cũng thường có phước đức che chở, cũng nhờ nhân duyên từ tám giới gốc này mà đạt đến quả vị Phật.

Những gì là pháp trai giới chân chánh của Phật? Đó là có người hiền thiện giữ giới, một tháng với sáu ngày trai tịnh: ngày mồng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm, ngày hai mươi ba, ngày hai mươi chín và ngày

ba mươi. Vào ngày trai tịnh, sáng sớm thức dậy bảo các người trong nhà:

–Ngày hôm nay ta trai tịnh, trong ngày này cả nhà chớ có uống rượu, chớ có tranh cãi, chớ có nói chuyện tiền tài. Cả nhà, ý nghĩ, miệng nói phải như bậc A-la-hán. A-la-hán không có ý sát sinh. Ngày trai tịnh giữ giới cũng phải như bậc A-la-hán, không có ý sát sinh, không có ý đánh đập, nghĩ thương xót cả loài súc sanh, côn trùng khiến thường phát sanh tâm ý như bậc A-la-hán.

Đó là giới thứ nhất. Ngày và đêm hôm nay giữ gìn ý sát, khiến không sát sanh, giữ ý như vậy là giới thứ nhất của Phật.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh giữ ý phải như bậc A-la-hán không có tâm tham, không còn tham luyến đối với thế gian, không có ý tham dù đó là một sợi lông, cọng rau. Như vậy ngày trai tịnh giữ ý như bậc A-la-hán. Người giàu có thường nghĩ đến việc bố thí, người nghèo khó chẳng có gì, vẫn luôn luôn nghĩ đến việc bố thí. Đó là giới thứ hai.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh phải giữ ý như bậc A-la-hán. A-la-hán không chấp chứa phụ nữ, không nghĩ đến chuyện vợ con, không ham thích nữ nhân, cũng không có ý tưởng dâm dục. Như vậy là ngày trai tịnh giữ ý như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ ba.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh, giữ ý phải như bậc A-la-hán, không nói dối, không có ý làm tổn hại người khác. Khi nói là nói kinh Phật, lúc im lặng chỉ nghĩ đến các điều thiện. Như vậy là ngày trai tịnh giữ ý như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ tư.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh phải giữ ý như bậc A-la-hán. A-la-hán không uống rượu, không nghĩ đến rượu, không nhớ đến rượu, xem rượu là xấu ác. Như vậy là ngày trai tịnh giữ ý như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ năm.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh phải giữ ý như bậc A-la-hán. Ý A-la-hán không thích ca múa, dù có nghe cũng không ham thích âm nhạc, cũng không thích mùi hương hoa. Ngày trai tịnh giữ ý như vậy giống như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ sáu.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh phải giữ ý như bậc A-la-hán. A-la-hán không nằm

giường cao đẹp, ý cũng không nghĩ đến việc nằm trên giường cao đẹp. Ngày trai tịnh giữ ý như vậy giống như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ bảy.

Đức Phật dạy:

–Ngày trai tịnh phải giữ ý như bậc A-la-hán. A-la-hán ăn đúng ngọ, sau giờ ngọ, đến sáng không được ăn lại. Được phép uống nước mật đường. Ngày trai tịnh giữ ý như vậy giống như bậc A-la-hán. Đó là giới thứ tám.

Đức Phật lại bảo Ưu-bà-di Đọa-xá-ca:

–Thế gian có người đầu tóc dơ dáy, phải tự mình gội rửa đầu tóc. Gội rồi người đó liền vui mừng, nói: " Đầu của ta đã hết cáu bẩn". Có người giữ tám giới này trong một ngày một đêm, sáng hôm sau vui mừng, liền nghĩ đến giới kinh của Phật như vậy, nên ý ác trong tâm người ấy liền bỏ, ý thiện được sanh.

Đức Phật dạy:

–Có người thân thể dơ bẩn phải vào nước để tắm rửa, thân thể đã được sạch sẽ, ra khỏi nước, vui vẻ nói: "Thân ta hết bụi được nhẹ nhàng". Nếu có người thọ trai giới trong một ngày một đêm, sáng hôm sau liền vui mừng nghĩ đến lời chân chánh của Phật, tự nghĩ khi nào được đắc đạo, khiến cho tâm ta được an định không còn dong ruổi nữa, khiến tâm chí ta dốc đạt được đạo giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Có người áo bị nhiều dơ bẩn, dùng nước tro để tẩy giặt sạch, người đó liền vui mừng. Nếu có người thọ trì trai giới trong một ngày một đêm, sáng hôm sau liền vui mừng, bèn nghĩ đến chúng Tỳ-kheo Tăng: "Trong Tỳ-kheo Tăng có các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán". Niệm Tỳ-kheo Tăng là như vậy.

Đức Phật dạy:

–Như người có tấm gương bị dơ bẩn, lau chùi chất dơ bẩn đi thì gương liền sáng ra. Có người thọ trì trai giới trong một ngày một đêm, có tâm từ bi đối với chúng sanh, tâm được mở ra như mặt trời, như gương sáng, không còn ý sân hận. Nếu có người thọ trì trai giới trong một ngày một đêm, xót thương muôn loài, lắng lòng tự suy nghĩ, tự giữ ý ngay thẳng, tự nhớ nghĩ những điều xấu ác ở trong thân như vậy. Như là không còn sân hận nữa.

Đức Phật bảo Ưu-bà-di Đọa-xá-ca:

–Giữ tám giới tịnh này đầy đủ trong một ngày một đêm còn hơn là

đem vàng bạc châu báu cúng dường cho Tỳ-kheo Tăng. Trong thiên hạ có mười sáu nước:

Ương-ca.
Ma-kiệt.
Ca-di.
Câu-tiết-la.
Cưu-lưu.
Bát-xà-đồ.
A-ba-da.
A-hoan-đề-du.
Chi-đề-du.
Việt-kỳ-du.
Tốc-ma.
Tốc-lại-tra.
Việt-ta.
Mạt-la.
Du-nặc.
Kiếm thiện đề.

Nếu đem tất cả châu báu của mười sáu nước này cúng dường cho chúng Tỳ-kheo Tăng cũng không bằng giữ trai giới trong một ngày một đêm. Giữ trai giới khiến cho người được giải thoát khỏi cuộc đời, còn đem tài vật bố thí thì không thể khiến cho người ta đắc đạo. Nay Ta được Phật đạo cũng nhờ nơi gốc là tám giới này.

Đức Phật bảo Đọa-xá-ca:

–Người trong cõi đời phần nhiều bận bịu lo việc gia đình, vì vậy Ta đem pháp môn này khiến cho họ trong một tháng, sáu ngày trai tịnh giữ tám giới. Như có người hiền thiện muốn mau được đạo quả A-la-hán, nếu muốn mau đạt đạo quả của Phật, nếu muốn được sanh lên cõi trời, thì phải tự làm cho tâm mình luôn chân chính ngay thẳng, giữ ý cho chuyên nhất, một tháng mười lăm ngày trai tịnh cũng tốt, hai mươi ngày trai tịnh cũng tốt. Nhiều người vì bận lo việc gia đình nên mỗi tháng giữ sáu ngày trai tịnh, sáu ngày trai tịnh ấy, ví như nước biển không thể đong lường được. Nếu ai giữ trai giới trong một ngày một đêm, phước đức người đó cũng không thể lường tính được.

Đức Phật bảo Đọa-xá-ca:

–Hãy đưa dâu, con trở về, tụng niệm tám giới của pháp trai giới

chân chánh này.

Ưu-bà-di Đọa-xá-ca liền đến trước Đức Phật đảnh lễ rồi lui ra.

□

SỐ 89

PHẬT NÓI KINH BÁT QUAN TRAI

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Cư sĩ Cừ Kinh Thanh

Nghe như vầy:

Một thời đức Bà-ca-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Nay Ta sẽ nói về pháp Bát quan trai của bậc Thánh. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Khéo suy nghĩ, nay Ta sẽ giảng nói.

Các Tỳ-kheo thưa:

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy các Tỳ-kheo đều theo Phật để thọ giáo.

Đức Thế Tôn bảo:

-Này các Tỳ-kheo, nếu các tộc tánh nam, tộc tánh nữ có tín tâm muốn biết Bát quan trai của bậc Thánh, hãy chỉ dạy cho họ nói như vầy: "Giống như bậc A-la-hán, suốt đời cho đến chết không sát sanh, cũng không dạy người sát sanh, không có tâm oán hận, thường ôm lòng hỗ thẹn, có lòng từ thương yêu tất cả chúng sanh, con tên là..., họ là..., theo lời dạy của A-la-hán, từ ngày hôm nay về sau, tùy theo ý muốn không còn sát sanh, không lòng oán hận, thường ôm lòng hỗ thẹn, có lòng từ thương yêu tất cả chúng sanh.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không trộm cắp, thích bố thí, cũng không dạy người trộm cắp, thường thích ở chỗ tĩnh lặng. Như vậy, con tên là..., họ là..., theo lời dạy của A-la-hán, tùy theo ý muốn không còn trộm cắp, thường nuôi tâm bố thí, thích ở chỗ vắng vẻ, thanh tịnh.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không theo hạnh bất tịnh, thường tu phạm hạnh, thanh tịnh không ô uế, tự mình được vui thích. Như vậy, con tên là..., họ là..., theo lời dạy của A-la-hán, từ ngày hôm nay về sau, tùy theo ý muốn, không còn dâm dật nữa, thanh tịnh, không ô uế.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không nói dối, thường nói lời chân thật, hết mực tôn quý, là các vị tôn trưởng cao quý trong cuộc đời.

Như vậy, con tên là..., họ là..., theo lời dạy của A-la-hán, từ hôm nay về sau, tùy theo ý muốn không còn nói dối, cũng không dạy người khiến họ nói dối, thường nói lời chân thật, làm bậc Tôn trưởng ở đời, không nói dối.

Giống như bậc A-la-hán, cả đời không uống rượu. Như vậy, con tên là..., họ là..., từ nay về sau, tùy theo ý muốn, cũng không uống rượu, cũng không dạy bảo người uống rượu.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không vi phạm trai giới, ăn đúng giờ. Như vậy con tên là..., họ là..., một ngày một đêm này, tùy theo ý muốn cũng không vi phạm trai giới, cũng không dạy bảo người vi phạm trai giới, ăn đúng giờ.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không ngồi giường cao đẹp. Như vậy con tên là..., họ là..., ngày và đêm hôm nay không ngồi giường cao rộng, cũng không dạy bảo người khác ngồi.

Giống như bậc A-la-hán, suốt đời không tập ca múa, vui chơi, cũng không mặc đồ gấm vóc và đeo các thứ trang sức, dùng hương xông ướp xoa vào người. Ngày đêm hôm nay con cũng không tập ca múa, vui chơi, cũng không mặc đồ gấm vóc, mang các đồ trang sức, dùng hương xông ướp xoa vào người.

Như vậy là tu tập pháp Bát quan trai của bậc Thánh; công đức của pháp Bát quan trai này không có hạn lượng, chỉ có thể nói rằng có nhiều phước, có nhiều công đức, có nhiều phước báo mà thôi. Công đức như vậy rất nhiều, không thể kể hết.

Này các Tỳ-kheo, ví như nước của năm con sông lớn đều đổ về một nơi chốn. Đó là Hằng-già, Diêu-bà-noa, Tân-đầu, A-chỉ-da, Bà-đề-ma-khí. Nước nơi các con sông ấy chẳng thể lượng tính, chỉ có thể nói bao nhiêu là nước, bao nhiêu là nước ở trong bình, có bao nhiêu là nước ở ngàn bình, trăm ngàn bình. Cũng như vậy, Bát quan trai của bậc Thánh phước đức không thể kể lường, chỉ nói là: có bao nhiêu là phước, bao nhiêu là công đức, bao nhiêu là quả báo mà thôi, phước đức to lớn ấy không thể tính kể được.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng dạy đều hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 90

PHẬT NÓI KINH BỆ-MA-TÚC

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Cầu-na-bạt-đà-la, người Thiên trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bệ-ma-túc, người theo học thuyết khác, sau bữa ăn trưa thong thả đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi bạch Đức Thế Tôn:

-Thưa Cù-đàm, hình sắc là vi diệu, vô thượng.

-Này Ca-chiên-diên, thế nào là sắc vi diệu?

-Thưa Cù-đàm, đó là sắc vi diệu, hết mực vi diệu, không có sự vi diệu nào hơn nữa. Sắc ấy là vi diệu tột bực, sắc ấy là tối thượng.

-Này Ca-chiên-diên, giống như có người nói như vầy: "Người ấy thật đẹp, tôi muốn hành dâm cùng nàng". Hoặc có người hỏi: "Ông bảo người ấy tuyệt đẹp đối với mọi người, vậy người ấy tên gì, họ gì, hình dạng ra sao, cao hay thấp, hay trung bình, đoan chánh hay không đoan chánh, trắng hay đen; nàng ấy là con gái của chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ hay con gái của hàng thợ thuyền? Kẻ ấy từ phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc đến? Hỏi như vậy rồi nhưng không thể trả lời được. Ông không biết, không thấy mà bảo rằng người ấy đẹp nhất trong mọi người từ phương Bắc đến, rồi nói là "muốn hành dâm".

Này Ca-chiên-diên, ông đã nói "Sắc ấy là hết sức vi diệu, sắc ấy là tối thượng, sắc ấy không có gì hơn được", nhưng khi hỏi sắc ấy thì lại không thể biết.

-Này Cù-đàm, giống như vàng Diêm-phù-đàn được người thợ khéo tay ra sức mài giũa, làm cho sạch sẽ rồi gắn ngọc trắng vào bên trong, hình sắc cực đẹp, màu sắc chiếu sáng. Cho nên, này Cù-đàm, tôi mới nói: sắc ấy là tối diệu, sắc ấy là tối thắng; sắc ấy là vô thượng, sắc ấy là tối thượng.

–Này Ca-chiên-diên, Ta lại hỏi ông, tùy theo ý nghĩ mà trả lời Ta.

Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Vàng Diêm-phù-đàn này được người thợ tài giỏi ra sức mài giũa, làm cho nó sạch rồi gắn ngọc trắng bên trong, hình sắc chiếu sáng. Vậy ánh sáng của con đom đóm lúc trời tối cùng sắc của vàng Diêm-phù-đàn chiếu sáng, thì ánh sáng nào tối thắng, tối thượng, tối diệu, tối hảo hơn?

-Này Cù-đàm, ánh sáng của con đom đóm so với ánh sáng của vàng Diêm-phù-đàn thì ánh sáng đom đóm sáng tỏ hơn, tối thượng, tối hảo, tối diệu hơn.

-Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Ánh sáng của con đom đóm lúc đêm tối cùng với ánh sáng của đèn dầu trong đêm tối, vậy ánh sáng nào tối thắng, tối thượng, tối diệu, tối hảo hơn?

-Thưa Cù-đàm, ánh sáng của đèn dầu so với ánh sáng của con đom đóm thì ánh sáng của đèn dầu là tối thắng, tối thượng, tối diệu, tối hảo hơn.

-Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Ánh sáng của đèn dầu chiếu sáng trong đêm tối, so với ngọn đuốc lớn chiếu sáng trong đêm tối thì ánh sáng nào tối thắng, diệu hảo, tối thượng?

-Thưa Cù-đàm, ánh sáng của ngọn đuốc lớn so với ánh sáng của đèn dầu thì nó tối thắng, tối thượng, diệu hảo hơn.

-Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Ánh sáng của ngọn đuốc lớn chiếu sáng trong đêm tối so với ánh sáng của ngôi sao chói sáng trên bầu trời trong sáng không có mây che vào lúc quá nửa đêm, thì ánh sáng nào tối thắng hết sức diệu hảo?

-Thưa Cù-đàm, ánh sáng của ngôi sao so với ánh sáng của bó đuốc thì nó sáng tỏ, tối thắng, hết sức diệu hảo hơn.

-Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Ánh sáng của ngôi sao vào lúc quá nửa đêm trên bầu trời không có mây che so với ánh sáng của mặt trăng trên bầu trời không có mây che vào lúc quá nửa đêm. Vậy ánh sáng nào tối thắng, hết sức diệu hảo hơn?

-Thưa Cù-đàm, ánh sáng của mặt trăng so với ánh sáng của ngôi sao thì ánh sáng của mặt trăng là tối thắng, hết sức diệu hảo.

-Này Ca-chiên-diên, ý ông thế nào? Ánh sáng của mặt trăng lúc nửa đêm khi trời trong vắt, không có mây che, so với ánh sáng của mặt trời lúc giữa trưa vào mùa hè thì ánh sáng nào tối thắng, vô cùng diệu hảo hơn?

-Thưa Cù-đàm, ánh sáng của mặt trời so với ánh sáng của mặt trăng

thì ánh sáng của mặt trời là tối thắng, vô cùng diệu hảo hơn.

-Này Ca-chiên-diên, có rất nhiều cõi trời đầy đủ oai thần như vậy, có ánh sáng vô cùng mà không gì sánh kịp. Ta vốn an tọa ở trong các cõi ấy, vốn ở trong đó mà giảng nói. Nhưng Ta không nói: "Ánh sáng tối thắng, ánh sáng tối thượng, ánh sáng tối diệu". Này Ca-chiên-diên; ánh sáng của con đom đóm là rất nhỏ, không đáng kể mà ông lại nói: "Tối thượng, tối thắng, tối diệu" sao khi hỏi về ánh sáng thì ông không thể biết?

Khi ấy Bệ-ma-túc bị Đức Thế Tôn quở trách như vậy thì im lặng mà đứng, chẳng có lời biện bạch, thân, mặt ngượng ngùng, chẳng nói gì, chỉ im lặng mà đứng.

Đức Thế Tôn quở trách Bệ-ma-túc rồi, lại bảo:

-Lại nữa, này Ca-chiên-diên, có năm thứ dục ái, niệm ái về sắc, gần với dâm, gây nhiễm đắm. Đó là: mắt thấy sắc, tai biết tiếng, mũi biết hương, lưỡi biết vị, thân biết xúc êm dịu.

Này Ca-chiên-diên, hoặc tham ái sắc, hoặc không tham ái sắc, đó là hoặc có người đối với sắc rất hoan hỷ, ý niệm hoan hỷ cũng đầy đủ; đối với sắc này hay đối với sắc kia, không muốn, không nghĩ, không mong được, không cầu, đó là sắc tối diệu, tối thượng.

Này Ca-chiên-diên, hoặc có người tham ái thinh, hương, vị, xúc; hoặc có người không tham ái về xúc; hoặc có người đối với sự tiếp xúc thì rất hoan hỷ, ý niệm hoan hỷ cũng đầy đủ; đối với sự tiếp xúc kia hoặc sự tiếp xúc khác đều không muốn, không nghĩ, không muốn được, không cầu mong, sự tiếp xúc đó là tối thượng, tối diệu.

Bấy giờ Bệ-ma-túc chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, thưa:

-Thật là kỳ diệu, thưa Cù-đàm! Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô lượng phương tiện giảng nói cho con nghe về sự ưa thích dâm, mong cầu điều ấy. Giống như, thưa Cù-đàm, cây cỏ nhờ lửa mà cháy, lửa nhân cây cỏ mà bốc cháy. Cũng như vậy, Sa-môn Cù-đàm của con dùng vô lượng phương tiện giảng nói về dâm, giảng nói về sự mong cầu ưa thích dâm, giảng nói về sự đình chỉ trừ bỏ điều ấy.

-Này Ca-chiên-diên, ông làm điều bất thiện cho nên đối với việc ấy mới mãi mãi có kiến giải khác, có sự thọ nhận khác, có dục khác, có cầu khác. Điều Ta đã giảng nói là ban phát bình đẳng, bình đẳng mà hiểu biết về ý nghĩa.

Này Ca-chiên-diên, các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, sáng thường thức dậy

sớm và chiều đến thường không ham ngủ nghỉ, luôn bàn luận học hỏi để thành tựu đạo bình đẳng, phân biệt đầy đủ; sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, đã biết đúng thật về Danh, sắc. Điều Ta giảng nói là bình đẳng ban phát, bình đẳng nhận biết về nghĩa.

Lúc ấy Bệ-ma-túc hết sức giận dữ đối với Thế Tôn, trong lòng bực tức, không hoan hỷ muốn buông lời phỉ báng.

-Như vậy, thưa Sa-môn Cù-đàm, đó chẳng phải là lời mạ lỵ.

Nói như vậy xong, thưa với Thế Tôn:

-Này Cù-đàm, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn không biết đời quá khứ, không biết đời vị lai, cùng vô lượng đời sống ở thế gian, nhưng vẫn cứ nói: "Đời sống của bậc Thánh đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, đã biết đúng thật về Danh, sắc".

Đức Thế Tôn suy nghĩ: Bệ-ma-túc hết sức sân hận đối với Ta, trong lòng vô cùng bực tức, không hoan hỷ, muốn bài báng Ta, nói: "Này Sa-môn Cù-đàm, đã nói lời mạ lỵ", rồi thưa với Ta: "Này Cù-đàm, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn không biết đời quá khứ... cho đến biết đúng như thật". Đức Thế Tôn biết như vậy rồi bảo Bệ-ma-túc:

-Này Ca-chiên-diên, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn không biết về đời quá khứ... cho đến biết đúng như thật. Khi ấy nên nói như vầy: "Hãy để đời quá khứ lại, hãy để đời vị lai lại, không nên nghĩ về một đời".

Lại nữa, này Ca-chiên-diên, Ta nói như vầy: "Hãy để đời quá khứ lại, hãy để đời vị lai lại, không nên nghĩ về một đời". Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta không dua nịnh, cũng không dối gạt, luôn hành động ngay thẳng đúng đắn. Ta dạy dỗ họ, thuyết pháp cho họ, như đã nêu bày đều có thể tu học, gần gũi với pháp, biết đó là thiện. Giống như, này Ca-chiên-diên, có đồng nam trẻ tuổi, bị cha mẹ cột tay chân lại, khi đó nếu có trí tuệ phát sinh cha mẹ sẽ mở trói nơi tay chân cho. Nó chỉ nhớ đến việc mở trói, không nghĩ đến việc cột. Như vậy, này Ca-chiên-diên, Ta nói như vầy: "Hãy để đời quá khứ lại... cho đến biết có điều thiện". Này Ca-chiên-diên, giống như nhân dầu và tim bấc mà đèn được cháy. Hoặc có người không đổ dầu, cũng không thay tim bấc, tim dầu có trước đã hết, sau chẳng thêm vào, không lâu đèn ấy sẽ tắt. Như vậy, này Ca-chiên-diên, Ta nói như vầy: "Hãy để đời quá khứ lại... cho đến biết có thiện".

Này Ca-chiên-diên, giống như có mười cây gỗ chụm lại, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi cây gỗ chụm lại, dùng lửa đốt cháy nên biết có một đám lửa lớn. Hoặc có người không dùng củi, không

dùng cỏ, không dùng phân trâu, không dùng trấu, không dùng rơm bỏ vào đống lửa, thì không bao lâu lửa sẽ tắt ngúm, không còn dùng được, diệt nhanh chóng. Như vậy, này Ca-chiên-diên, Ta đã nói: "Hãy để đời quá khứ lại... cho đến biết có thiện".

Đức Phật nói như vậy, bấy giờ Bệ-ma-túc xa lìa mọi phiền não cấu uế, sanh các pháp nhãn. Bệ-ma-túc thấy pháp, đắc pháp, tỏ ngộ pháp, thanh tịnh đối với pháp, xa lìa tà, hết nghi, lại không còn tôn kính trời, không còn tin vào người khác nữa, lìa các do dự, an lập nơi quả chứng, được pháp vô úy ở nơi cảnh giới của Đức Thế Tôn, nên từ tòa đứng dậy, đầu mặt lạy nơi chân Đức Thế Tôn, thưa:

-Con có thể được học đạo với Đức Thế Tôn, thọ cụ túc, làm Tỳ-kheo, theo Thế Tôn để tu hành phạm hạnh?

-Này Tỳ-kheo, hãy hành phạm hạnh.

Bệ-ma-túc học đạo với Thế Tôn, thọ cụ túc, làm Tỳ-kheo.

Tôn giả Bệ-ma-túc học đạo với Đức Thế Tôn, thọ cụ túc, trì pháp,... cho đến thành bậc A-la-hán.

Đức Phật nói như vậy, Bệ-ma-túc nghe lời Thế Tôn dạy, hoan hỷ vui mừng.

□

SỐ 91

PHẬT NÓI KINH CON CỦA BÀ-LA-MÔN MẠNG CHUNG THƯƠNG NHỚ KHÔNG NGUÔI

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, một vị Bà-la-môn ngoại đạo có một người con qua đời khiến ông ta thương nhớ không nguôi. Khi con chết, ông không thể ăn, không thể uống, không mặc y phục, cũng không xoa hương vào người nữa. Ông chỉ đến nơi mộ con để khóc lóc. Ông khóc lóc vì nhớ lại những lúc bồng bế con mình trên tay. Khi ấy vị Bà-la-môn từ từ đi đến chỗ Đức Thế Tôn, chào hỏi, vấn an xong thì ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

-Này Bà-la-môn, tại sao các căn của ông không được ổn định?

-Này Cù-đàm, ý căn của tôi làm sao ổn định cho được? Tôi có một đứa con vừa mất nên thương nhớ mãi không dứt. Nó chết rồi tôi không thể ăn, không thể uống, không mặc y phục, không xoa hương thơm. Tôi chỉ ngồi ở nhà để khóc. Khi khóc thì nhớ những lúc bồng ẵm nó.

-Đúng vậy! Đúng vậy! Này Bà-la-môn, khi ái đã sanh thì sẽ có buồn rầu, khổ não, không vui.

-Thế nào, thưa Cù-đàm, đâu phải như vầy: khi ái đã sanh thì sẽ có buồn rầu, khổ não, không vui? Này Cù-đàm, khi ái đã sanh sẽ có hoan hỷ, thương nhớ.

Ông nói như vậy cho đến lần thứ ba. Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

-Đúng vậy! Đúng vậy! Này Bà-la-môn, khi ái đã sanh, chắc chắn sẽ có ưu sầu, khóc lóc, không vui.

Ngài cũng ba lần trả lời như thế. Vị Bà-la-môn bạch Phật:

-Tại sao, này Cù-đàm, trong khi ái đã sanh lại có ưu sầu, không vui? Này Cù-đàm, khi ái đã sanh rồi chỉ có hoan hỷ, thương nhớ thôi.

Lúc ấy vị Bà-la-môn nghe Đức Thế Tôn nói "Đúng vậy!" thì không

vui, không cho là sai, không cho là đúng, chỉ không vui rồi từ tòa đứng dậy, bỏ đi.

Khi ấy, ở bên ngoài cửa của tinh xá Kỳ hoàn có các người vui đùa đang cười giỡn. Bà-la-môn từ xa trông thấy cảnh tượng ấy, liền nghĩ: "Người thông minh của thế gian cho đây là điều tối thắng. Ta hãy đem những gì đã luận bàn với Sa-môn Cù-đàm nói hết cho những người vui đùa này nghe". Nghĩ như thế rồi Bà-la-môn ấy liền đi đến chỗ những người vui đùa, đem tất cả những điều đã luận bàn với Thế Tôn nói cho những người này nghe. Những người vui đùa này nói với Bà-la-môn:

-Này Bà-la-môn, khi ái đã sanh, làm gì có ưu sầu, khổ đau, không vui. Này Bà-la-môn, lúc ái đã sanh thì sẽ được hoan hỷ, thương nhớ.

Bà-la-môn bèn suy nghĩ: "Lời nói của những người vui đùa này giống như ta", rồi ông bỏ đi.

Những lời luận bàn ấy được nhiều người nghe, dần dà truyền đến cung vua. Vua Ba-tư-nặc nghe đồn rằng: "Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: lúc ái đã sanh thì sẽ có ưu sầu, khổ não, không vui". Vua Ba-tư-nặc nghe như vậy bèn nói với phu nhân Mạt-lị:

-Này Mạt-lị, ta nghe Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Khi ái đã sanh thì sẽ có ưu sầu, khổ não, không vui".

-Đúng vậy! Đúng vậy! Tâu Đại vương, khi ái đã sanh thì chỉ có ưu sầu, khổ não, không vui mà thôi.

-Này Mạt-lị, ta nghe thầy của khanh nói thì đệ tử cũng nói "Đúng vậy". Này Mạt-lị, Sa-môn Cù-đàm kia là thầy của khanh nên nay khanh cũng nói như vầy: "Khi ái đã sanh thì chắc chắn có ưu sầu, khổ não, không vui".

-Tâu Đại vương, nghe lời của thiếp nói Đại vương không tin sao? Vậy Đại vương có thể tự đi hay bảo sứ giả đến để hỏi Đức Thế Tôn xem.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bảo Bà-la-môn Na-lê-ương-già:

-Này Na-lê-ương-già, hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Đến rồi, đem lời của ta thăm hỏi Sa-môn Cù-đàm rằng: "Ta hết lời thăm hỏi Ngài có an ổn, đi đứng có nhẹ nhàng, sức khỏe bình thường chăng? Có thật là Sa-môn Cù-đàm đã nói như vầy: "Khi ái đã sanh thì chắc chắn có ưu sầu, khổ não, không vui chăng?"". Này Na-lê-ương-già, nếu Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, ngươi hãy thọ trì, ghi nhớ kỹ. Vì sao? Vì Ngài không bao giờ nói lời hư dối.

Bà-la-môn Na-lê-ương-già vâng lệnh của vua Ba-tư-nặc nhanh

chóng đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến cùng chào hỏi, vấn an sức khỏe Đức Thế Tôn xong thì ngồi qua một bên, rồi bạch Đức Thế Tôn:

-Thưa Cù-đàm, vua Ba-tư-nặc kính lời thăm hỏi Ngài có được an ổn, đi đứng có nhẹ nhàng, sức khỏe bình thường chăng? Quả thật Sa-môn Cù-đàm có nói rằng: "Khi ái đã sanh thì chắc chắn có ưu sầu, khổ não, không vui không?".

-Này Na-lê-ương-già, Ta lại hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời Ta. Này Na-lê-ương-già, ý ông nghĩ sao, hoặc có người mẹ vừa qua đời, vì mẹ mạng chung nên người con tâm ý cuồng loạn, chẳng buồn mặc y phục, đi đến đâu cũng nói: "Ta không còn thấy mẹ! Ta không còn thấy mẹ!". Này Bà-la-môn nên biết, khi ái đã sanh thì chắc chắn có ưu sầu, khổ não, không vui. Cũng như vậy, đối với cha, anh, chị, em hay vợ qua đời, vì những người thân thuộc qua đời nên kẻ ấy tâm ý cuồng loạn, không còn muốn mặc y phục, đi đến đâu cũng nói: "Ta không thấy cha ta, vợ ta!". Này Bà-la-môn, nên biết khi ái đã sinh thì chỉ có ưu sầu, khổ não, không vui.

Này Bà-la-môn, xưa có một người vợ khi trở về nhà mình những người thân của nàng muốn bắt nàng đem gả cho người khác. Nàng nghe nói: "Thân thuộc muốn bắt mình đem gả cho người khác". Nghe như vậy, nàng cấp tốc chạy về nhà chồng. Đến rồi, nàng nói với chồng: "Anh nên biết, những người thân của em muốn bắt em đem gả cho người khác. Anh muốn làm gì thì làm ngay bây giờ đi". Khi ấy, người chồng cầm con dao thật bén, nắm tay người vợ kéo vào trong nhà, nói như vầy: "Hãy cùng đi với nhau! Hãy cùng đi với nhau!". Anh đâm vợ chết rồi tự sát. Này Bà-la-môn, nên biết do ái ấy sanh ra nên có ưu sầu, khổ não, không vui.

Bấy giờ Bà-la-môn Na-lê-ương-già lắng nghe Đức Thế Tôn nói, khéo thọ trì ghi nhớ, rồi từ tòa đứng dậy, nhiễu quanh Đức Thế Tôn, giã từ Ngài trở về. Khi về đến chỗ vua Ba-tư-nặc, ông liền tâu với vua:

-Thật đúng như vậy! thưa Đại vương, Sa-môn Cù-đàm đã nói như vầy: "Khi ái đã sanh thì có ưu sầu, khổ não, không vui".

Vua Ba-tư-nặc nghe tâu xong thì nói với phu nhân Mạt-lị:

–Này phu nhân, đúng như vậy! Sa-môn Cù-đàm đã nói: "Khi ái đã sinh thì có ưu sầu, khổ não, chẳng vui".

Phu nhân Mạt-lị nói:

-Cho nên, này Đại vương, thiếp xin lại hỏi vua, tùy theo sự nhận xét mà Đại vương hãy trả lời. Này Đại vương, ý của vua nghĩ thế nào? Vua

có thương quý đại tướng Tỳ-lưu-ly chăng?

-Này phu nhân Mạt-lị, ta rất thương mến đại tướng Tỳ-lưu-ly.

-Thưa Đại vương, đại tướng Tỳ-lưu-ly nếu bị hủy hoại hay đổi khác thì Đại vương có sanh khổ đau, buồn rầu, không vui không?

-Này phu nhân Mạt-lị, nếu đại tướng Tỳ-lưu-ly có bị hủy hoại hay đổi khác ta sẽ ưu sầu, khổ não, không vui.

-Này Đại vương, cứ lấy đó mà biết, hễ ái sanh ra thì có ưu sầu, khổ não, không vui. Này Đại vương, ý vua thế nào? Vua có yêu thương đại tướng Hiền Thủ, yêu thương con voi lớn Bôn-đà-lợi, yêu Bà-di-đề-nữ, yêu phu nhân Bà-sa-sát-đế-lê, yêu dân chúng Ca-thi chăng?

-Này phu nhân Mạt-lị, ta yêu dân chúng Câu-tát-la ở Ca-thi.

-Này Đại vương, nếu nhân dân Câu-tát-la ở Ca-thi bị hủy hoại, hay đổi khác, vua có sanh khổ não, ưu sầu không vui chăng?

-Này phu nhân Mạt-lị, năm thứ nhu cầu để tự vui chơi đều do dân chúng Câu-tát-la ở Ca-thi cung cấp cả. Này Phu nhân Mạt-lị, dân chúng ở Ca-thi mà bị hủy hoại hay đổi khác thì tánh mạng của ta còn không được an toàn, huống hồ lại không sanh ra khổ não, ưu sầu, không vui!

-Này Đại vương, nên biết do ái ấy sanh ra nên có ưu sầu, khổ não, không vui. Ý đại vương nghĩ thế nào? Nay ngài có yêu thương thiếp không?

-Này phu nhân Mạt-lị, ta rất yêu thương nàng.

-Này Đại vương, nếu thiếp bị hủy hoại hay đổi khác, Đại vương há lại không sanh ra khổ não, ưu sầu, không vui hay sao?

-Nếu phu nhân Mạt-lị bị hủy hoại hay đổi khác thì ta vô cùng ưu sầu, khổ não, không vui!

-Này Đại vương, do đấy nên biết, nếu ái đã sanh rồi thì sẽ có khổ não, ưu sầu, không vui.

-Này phu nhân Mạt-lị, kể từ ngày hôm nay, nhân việc này, Sa-môn Cù-đàm chính là thầy của ta, ta là đệ tử của Ngài. Này phu nhân Mạt-lị, nay ta quy y Đức Thế Tôn, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Ta thọ giới Ưu-bà-tắc của Đức Thế Tôn. Kể từ ngày nay ta lìa bỏ việc sát sanh..., hôm nay ta tự quy y Phật.

Nói như vậy rồi, vua Ba-tư-nặc từ xa lãnh hội lời dạy của Đức Thế Tôn, hoan hỷ phụng hành.

□

SỐ 92

PHẬT NÓI KINH
MƯỜI VỊ CƯ SĨ NGƯỜI BÁT THÀNH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao,
người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời, lúc Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn không bao lâu, các Tỳ-kheo trưởng thượng ở trong Kê viên, thuộc thành Ba-la-lê-phất-đô-lô.

Bấy giờ có mười vị Cư sĩ, người Bát Thành, có nhiều tiền bạc của cải, cùng đi đến Ba-la-lê-phất-đô-lô để sinh sống. Mười vị Cư sĩ ở Bát Thành mang tiền bạc, đồ vật để mua bán, công việc xong xuôi nên rất hoan hỷ; khi được lợi nhiều thì, trong lòng vô cùng sung sướng. Họ đi ra khỏi thành Ba-la-lê-phất-đô-lô để đến Kê viên. Đến nơi họ lạy nơi chân các Tỳ-kheo trưởng thượng rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy các Tỳ-kheo tôn túc thuyết pháp cho họ nghe, khuyến khích, bình đẳng chỉ dạy, dùng vô lượng phương tiện để giảng nói khiến cho tất cả đều hoan hỷ, rồi các vị tôn túc trụ trong im lặng.

Mười vị Cư sĩ, người ở Bát Thành nghe các vị Tỳ-kheo trưởng thượng thuyết pháp, khuyến khích khiến tất cả hết sức hoan hỷ bèn thưa với các Tỳ-kheo trưởng thượng:

-Thưa chư vị tôn túc, hiện nay Tôn giả A-nan ở chỗ nào? Chúng tôi muốn gặp Tôn giả.

-Này Cư sĩ, Tôn giả A-nan hiện ở trên bờ sông Di-hầu, nước Tỳ-xá-ly, muốn gặp Tôn giả thì cứ đến đó.

Khi ấy, mười vị Cư sĩ, người Bát Thành, từ tòa đứng dậy lạy nơi chân các vị Tỳ-kheo trưởng thượng, nhiễu quanh nhiều vòng rồi ra đi. Họ đến chỗ Tôn giả A-nan, tới nơi đảnh lễ nơi chân rồi ngồi qua một bên, thưa với Tôn giả A-nan:

-Thưa Tôn giả A-nan, chúng tôi có điều muốn hỏi, nếu Tôn giả cho phép chúng tôi mới dám hỏi.

-Cứ hỏi đi, này các Cư sĩ!

-Thưa Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn có trí có kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, dùng mắt thấy đệ nhất nghĩa giảng nói một pháp làm cho Thánh đệ tử an trú, đối với những điều còn lại, khiến cho hữu lậu chấm dứt, ý được giải thoát phải không?

-Này các Cư sĩ, Đức Thế Tôn có trí, có kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, dùng mắt thấy đệ nhất nghĩa giảng nói một pháp khiến Thánh đệ tử được an trú, đối với những điều còn lại, đều làm cho hữu lậu chấm dứt, ý được giải thoát.

- Thưa Tôn giả A-nan, Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, dùng mắt thấy đệ nhất nghĩa giảng nói một pháp thế nào khiến Thánh đệ tử an trú, đối với những điều còn lại đều làm cho hữu lậu chấm dứt, ý được giải thoát?

-Này các Cư sĩ, vị Thánh đệ tử đã được nghe pháp, đối với dâm dục đã được giải thoát cho đến đạt được Tứ thiền, an trú nơi chánh thọ. Vị ấy nương vào pháp, quán tướng của các pháp, hành hóa, an trụ, nhờ có chỗ này nên chỗ trụ của vị ấy chấm dứt được hữu lậu, không trụ nơi đó nên được chấm dứt hữu lậu. Vị ấy tự mình thích pháp, tự mình yêu pháp, tự mình tu tập theo pháp, tự mình kính pháp, được hoan hỷ, kẻ ấy năm hạ phần kết sử đã chấm dứt, được giải thoát. Kẻ ấy được Bát Niết-bàn thành bậc A-na-hàm, không còn trở lại thế gian này nữa. Do đó, này các Cư sĩ, Đức Thế Tôn có trí có kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mắt thấy đệ nhất nghĩa, nói một pháp khiến Thánh đệ tử an trụ, các điều còn lại đều làm cho hữu lậu chấm dứt, ý được giải thoát.

Lại nữa, này các Cư sĩ, vị Thánh đệ tử nghe pháp, ý cùng tâm Từ biến mãn một phương, an trụ nơi chánh thọ. Như vậy, hai, ba, bốn phương trên và dưới, ý cùng tâm Từ đều cùng biến mãn tất cả các phương, không oán, không hại, không giận, rất rộng lớn, phân biệt rõ ràng, biến mãn các phương rồi an trụ chánh thọ. Như vậy ý cùng đi đôi với tâm Bi, Hỷ và Hộ (Xả), biến mãn các phương, an trụ nơi chánh thọ. Vị ấy nương vào pháp quán tướng của các pháp, hành hóa, an trụ, nhờ có chỗ này, an trụ vào đó rồi liền chấm dứt được hữu lậu, không trụ nơi đó, chấm dứt được hữu lậu. Nếu vị ấy do thích pháp, yêu pháp, tu tập, hành hóa theo pháp, tôn kính pháp, được hoan hỷ đối với pháp, năm hạ phần kết sử chấm dứt, được giải thoát, ngay nơi đó được Bát Niết-bàn thành bậc A-na-hàm, không còn trở lại thế gian này nữa. Này các Cư sĩ, đó là Đức Thế Tôn có trí, có kiến, là

Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mắt thấy đệ nhất nghĩa, nói một pháp khiến Thánh đệ tử an trụ, đối với những điều còn lại đều làm cho hữu lậu chấm dứt, ý được giải thoát.

Lại nữa, này các Cư sĩ, vị Thánh đệ tử nghe pháp, vượt qua tất cả hình tướng của Sắc tưởng, cho đến cõi Hữu tưởng, Vô tưởng, an trụ nơi chánh thọ, vị ấy nương vào pháp, quán tướng của các pháp, hành hóa, an trụ cho đến chấm dứt hữu lậu, ý được giải thoát.

Bấy giờ mười vị Cư sĩ người ở Bát Thành thưa với Tôn giả A-nan:

-Thật hết sức kỳ lạ! Thưa Tôn giả A-nan, chúng tôi hỏi Tôn giả A-nan có một cửa cam lộ mà Tôn giả đã nói tới mười hai cửa cam lộ. Thưa Tôn giả A-nan, đối với mười hai cửa cam lộ ấy, cứ nương vào mỗi một cửa thì sẽ được an ổn, tự mình được tự tại. Giống như, thưa Tôn giả A-nan, cách thôn xóm không xa, có một tòa lâu đài, tòa lâu đài ấy có mười hai cửa. Hoặc có người vào trong ấy vì có chút việc, hoặc có người sống không có ý nghĩa, không lợi ích, không an ổn, không an lạc trong tòa nhà ấy, hoặc có người dùng lửa để thiêu đốt tòa lâu đài ấy. Thưa Tôn giả A-nan, người kia đối với mười hai cửa nơi tòa nhà ấy, tùy ý đi ra an ổn. Cũng như vậy, thật lạ lùng! Thưa Tôn giả A-nan, chúng tôi chỉ hỏi Tôn giả A-nan có một cửa cam lộ, nhưng Tôn giả đã nói đến mười hai cửa cam lộ. Thưa Tôn giả A-nan, nhiều cửa như vậy nên đối với mười hai cửa cam lộ ấy, nương vào từng cửa cam lộ, rồi cũng theo từng cửa mà đi ra. Thưa Tôn giả A-nan, các Bà-la-môn kia luôn gắn bó với pháp ác mà còn cúng thí vật dụng cho thầy họ, huống chi chúng con hiện nay đối với bậc Đại sư mà lại không dùng của cải để cúng dường sao?

Bấy giờ mười vị Cư sĩ người ở Bát Thành, trong đêm đó, sửa soạn đầy đủ đồ ăn uống thượng diệu, khi đã sửa soạn đầy đủ đồ ăn uống thượng diệu xong, thì họ trải tòa, rồi cung thỉnh Tỳ-kheo Tăng ở Kê viên, Tỳ-kheo Tăng ở Tỳ-xá-ly đều đến đông đủ. Khi các Tỳ-kheo Tăng ở Kê viên, Tỳ-kheo tăng ở Tỳ-xá-ly đều đã tụ hội, họ tự tay dâng cúng đồ ăn uống thượng diệu. Khi biết các Tỳ-kheo đã dùng xong, thu cất bình bát, họ đem nước rửa tay cho các Tỳ-kheo, rồi dùng năm trăm món vật, mua phòng ốc cúng dường cho Tôn giả A-nan để Tôn giả sử dụng. Tôn giả A-nan đem của ấy cúng dường lại cho chư Tăng bốn phương.

Tôn giả A-nan giảng nói như vậy, mười vị Cư sĩ người ở Bát Thành, nghe Tôn giả A-nan nói rồi, hoan hỷ lãnh thọ.

□

SỐ 93

PHẬT NÓI KINH TÀ KIẾN

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn

Nghe như vầy:

Một thời, khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn không lâu, Tôn giả A-nan ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt-kỳ (Vương xá).

Bấy giờ có ngoại đạo Tà Mạng là bạn từ nhỏ của Tôn giả A-nan, sau bữa ăn trưa ung dung đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi, thăm viếng xong thì ngồi qua một bên, nói với Tôn giả A-nan:

-Tôi có điều muốn hỏi, nếu Tôn giả cho phép tôi mới dám hỏi.

-Hãy hỏi đi, Hiền giả!

-Này Tôn giả A-nan, Đức Sa-môn Cù-đàm dứt bỏ tà kiến, đoạn trừ tà kiến, tại sao Ngài không nói: "Thế gian hữu thường, thế gian vô thường, thế gian hữu biên, thế gian vô biên, mạng là thân, thân là mạng, hay mạng khác thân khác, có mạng chung như vậy, hay không có mạng chung?". Này A-nan, Đức Sa-môn Cù-đàm biết tà kiến, vậy có biết những điều ấy chăng?

-Này Bà-la-môn, Đức Thế Tôn có trí tuệ, có tri kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, dứt bỏ tà kiến, đoạn trừ tà kiến, không có đề cập đến vấn đề: "Thế gian hữu thường, cho đến vấn đề không có mạng chung". Này Bà-la-môn, Đức Thế Tôn có trí tuệ, có tri kiến, nên Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác biết rõ như vậy.

-Này A-nan, Đức Sa-môn Cù-đàm dứt bỏ tà kiến, đoạn trừ tà kiến, không đề cập đến vấn đề: "Thế gian hữu thường, cho đến vấn đề không có mạng chung". Tại sao, này A-nan, Đức Sa-môn Cù-đàm biết đó là tà kiến, điều đó làm sao biết?

-Này Bà-la-môn, Đức Thế Tôn có trí tuệ, có tri kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, dứt bỏ tà kiến, đoạn trừ tà kiến, không có đề cập đến vấn đề: "Thế gian hữu thường, cho đến vấn đề không

có mạng chung". Này Bà-la-môn, đó là tà kiến. Nó tương ưng, hướng tới như vậy, sanh khởi như vậy, cho đến đời sau. Này Bà-la-môn, nên Đức Thế Tôn biết như vậy, có trí, có kiến, Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác biết đó là tà kiến, nên biết như vậy.

-Cho nên, này A-nan, nay tôi xin quy y với Tôn giả.

-Này Bà-la-môn, chớ có quy y với tôi. Hãy như tôi đã quy y Đức Thế Tôn, ông cũng nên quy y với Ngài.

-Này A-nan, nay tôi xin quy y Đức Thế Tôn, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Tôi xin làm Ưu-bà-tắc của Đức Thế Tôn, kể từ ngày hôm nay con xa lìa sát sanh, hôm nay xin quy y với Đức Thế Tôn.

Tôn giả A-nan nói như vậy, vị Tà Mạng kia nghe Tôn giả A-nan nói rồi hoan hỷ, vui mừng.

□

SỐ 94

PHẬT NÓI KINH DỤ MŨI TÊN

Hán dịch: *Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-la-cưu-ma-la một mình ở chỗ vắng vẻ sanh ra ý nghĩa như vầy: "Đức Thế Tôn bỏ tà kiến, trừ tà kiến nhưng không dạy rõ: "Thế gian là hữu thường hay thế gian là vô thường? Thế gian là hữu biên hay thế gian là vô biên? Mạng là thân hay mạng khác, thân khác? Có mạng chung hay không có mạng chung?" Có vấn đề ấy hay không có vấn đề ấy? Ta không thể chấp nhận, không thể sử dụng được, không thể vui được. Nếu Đức Thế Tôn nói rõ về thế gian: "Thế gian là hữu thường", ta sẽ theo Ngài tu phạm hạnh. Nếu Thế Tôn không chịu nói rõ: "Thế gian là hữu thường", ta sẽ tranh luận với Ngài rồi bỏ đi. Cũng như vậy, "Thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên, hay mạng khác thân khác, có vấn đề mạng chung hay không có vấn đề mạng chung? Có hay không có vấn đề "không có mạng chung?". Nếu Đức Thế Tôn nói rõ với ta rằng: "Chỉ có đây là chân thật, ngoài ra là ngu si", ta sẽ tu phạm hạnh với Ngài. Còn nếu Đức Thế Tôn không nói rõ: "Đây là chân thật, ngoài ra là ngu si", ta hỏi xong sẽ bỏ đi".

Lúc ấy Tôn giả Ma-la-cưu-ma-la sau buổi trưa rời khỏi tòa ngồi đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi cung kính đảnh lễ nơi chân rồi ngồi qua một bên, bạch:

-Thưa Thế Tôn, con ở chỗ vắng vẻ, khởi lên ý nghĩ: "Đức Thế Tôn dứt bỏ tà kiến, diệt trừ tà kiến, nhưng không dạy rõ: "Thế gian hữu thường, cho đến không có mạng chung". Điều này con không muốn, con không thể chịu được, không ưa thích. Nếu Đức Thế Tôn biết rõ "thế gian là hữu thường" thì Đức Thế Tôn cứ nói ra. Còn nếu Đức Thế Tôn hoàn toàn không biết "thế gian là hữu thường" thì xin Ngài cứ nói thẳng ra là: "Ta

không biết". Cũng như vậy, với vấn đề "thế gian là vô thường cho đến không có mạng chung", nếu Đức Thế Tôn hoàn toàn biết rõ thì xin hãy nói cho con rằng: "Đây là chân thật, ngoài ra là ngu si". Đức Thế Tôn nên nói rõ như vậy. Còn nếu Đức Thế Tôn không biết "Đây là chân thật, ngoài ra là ngu si" thì Ngài cứ nói thẳng cho con rằng "Ta không biết".

–Này Ma-la-cưu-ma-la, trước đây Ta có từng nói với ông rằng: "Nếu Ta nói "thế gian là hữu thường", thì ông hãy theo Ta tu hành Phạm hạnh" không?

-Không có, thưa Thế Tôn!

–Cũng như vậy, với vấn đề "thế gian là vô thường, cho đến không có mạng chung", nếu Ta nói về vấn đề ấy; nếu Ta nói: "Lời của Ta là chân thật, ngoài ra là ngu si", thì ông sẽ theo Ta tu Phạm hạnh phải không?

-Không có, thưa Thế Tôn!

–Này Ma-la-cưu-ma-la, trước đây ông có nói với Ta: "Nếu Thế Tôn khẳng định "thế gian là hữu thường", thì tôi sẽ theo Ngài để tu Phạm hạnh" không?

-Không có, thưa Thế Tôn!

–Cũng như vậy, với vấn đề "thế gian là vô thường, cho đến không có mạng chung", phải chăng ông đã từng nói: "Nếu Đức Thế Tôn nói với tôi: "Đây là chân thật, ngoài ra là ngu si", thì tôi sẽ theo Ngài tu học Phạm hạnh?"

-Chẳng phải vậy, thưa Thế Tôn!

-Này Ma-la-cưu-ma-la, Ta vốn không nói với ông như vậy, ông cũng vốn không nói với Ta như vậy. Ông quả là người ngu si, vô cớ tại sao lại hủy báng Ta?

Khi ấy Tôn giả Ma-la-cưu-ma-la bị Đức Phật quở trách, không lời biện bạch nên im lặng, khắp cả mình mồ hôi toát ra, cúi mặt lặng thinh.

Đức Thế Tôn quở trách Tôn giả Ma-la-cưu-ma-la xong, rồi bảo các Tỳ-kheo:

-Nếu như có kẻ ngu si nghĩ rằng: "Ta sẽ không theo Đức Thế Tôn để tu Phạm hạnh, nếu Đức Thế Tôn khẳng định: "Thế gian là hữu thường". Người ngu si ấy chưa kịp biết gì thì nửa chừng đã chết rồi. Cũng như vậy, đối với vấn đề "thế gian là vô thường, cho đến không có mạng chung", kẻ ấy cho rằng: "Ta sẽ không theo Đức Thế Tôn để tu hành Phạm hạnh, nếu Đức Thế Tôn nói với ta rằng: "Đây là chân thật, ngoài ra là ngu si". Người ấy chưa biết được gì cả thì nửa chừng đã chết mất rồi.

Ví như có người bị trúng tên độc vào thân, quyến thuộc của anh ta thương xót, muốn cho anh ta được an ổn, được lợi ích, nên cấp tốc mời thầy thuốc đến nhổ mũi tên độc ra. Khi ấy người bị trúng tên độc thầm nghĩ: "Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội. Ta muốn biết người bắn cung họ gì, tên gì, hình dạng ra sao? Kẻ ấy cao hay thấp, hay trung bình? Kẻ ấy đen hay trắng, thuộc dòng Sát-lợi hay Bà-la-môn, hay Cư sĩ, hay thợ thuyền? Kẻ ấy ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc? Tại sao lại lấy tên bắn vào ta? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết cây cung làm bằng loại cây Tát-la, cây đa-la, hay loại cây Xí-la-ương-quật-lê? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết loại gân quấn quanh cây cung làm bằng gân bò, gân dê hay gân của loài trâu đuôi dài? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết chỗ tay nắm giữ cây cung làm bằng xương trắng, đen hay là nâu? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết dây cung làm bằng loại trúc đặt biệt nào? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết mũi tên làm bằng cây Xá-la hay cây tre, hay cây La-nga-lê? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết gân quấn quanh mũi tên ấy là gân bò, gân dê hay gân của loài trâu đuôi dài? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết cái lông vũ gắn sau mũi tên là của chim Khổng tước, của chim Thương hạc, hay của chim Thứu? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, hãy cho ta biết loại sắt bịt nơi đầu mũi tên là Bà-ta, hay Bà-la, hay Na-la, hay Già-la-bệ? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội, cần cho ta biết người thợ làm mũi tên sắt ấy họ gì, tên gì, hình dáng ra sao, cao thấp hay trung bình? Kẻ ấy đen hay trắng? Ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc?"

Nhưng người ấy chưa kịp biết gì cả, nửa chừng thì y đã chết mất rồi. Cũng vậy, nếu có kẻ ngu si nghĩ rằng: "Ta sẽ không theo Đức Thế Tôn để tu Phạm hạnh, nếu Đức Thế Tôn nói thế gian là thường. Người ngu si ấy chưa biết được gì, thì nửa chừng đã chết mất rồi.

Các vấn đề "thế gian chẳng phải là thường, thế gian là hữu biên cho đến không có mạng chung", cũng giống như thế. Nếu có kẻ ngu si suy nghĩ: "Ta chẳng theo Đức Thế Tôn tu hành phạm hạnh, nếu Đức Thế Tôn nói với ta rằng: "Đây là sự thật, ngoài ra đều ngu si", thì kẻ ngu si kia chưa biết được gì cả, nửa chừng đã chết mất.

Dù thế gian là hữu thường thì vẫn có sanh, già, bệnh, chết; có ưu sầu khóc lóc không vui. Như vậy, khối khổ lớn này tích tụ tập khởi. Cũng vậy, cho dù thế gian là vô thường, cho đến không có mạng chung thì vẫn

có sanh, già, bệnh, chết, cho đến khối khổ lớn này tích tụ tập khởi. Dù "thế gian là hữu thường", điều đó Ta cũng không nói. Cũng như thế, "thế gian là vô thường, cho đến mạng chung", điều đó Ta cũng không nói. Vì sao Ta không nói? Vì điều đó chẳng đúng nghĩa, là phi pháp, chẳng phải là Phạm hạnh, không thành tựu thần thông, không đưa đến đạo giác ngộ, không tương ưng với Niết-bàn, cho nên Ta không nói.

Vậy vấn đề gì Ta luôn giảng nói? Ta luôn giảng nói đến: "Đây là khổ". Ta luôn giảng nói: "Đây là nguyên nhân của khổ, là sự diệt trừ khổ, là con đường tu tập để diệt khổ". Vì sao vậy? Ta đã nói rõ những vấn đề ấy là vì chúng là nghĩa, là pháp, đưa đến thần thông, tu hành Phạm hạnh dẫn đến đạo giác ngộ, tương ưng với Niết-bàn, cho nên Ta luôn giảng nói. Những điều Ta không nói đến thì nên bỏ đi, còn những điều Ta nói đến thì nên thọ trì.

Đức Phật giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Thế Tôn nói xong, hoan hỷ thọ nhận.

□

SỐ 95

PHẬT NÓI KINH DỤ CON KIẾN

Hán dịch: *Đời Tống Đại sư Thi Hộ.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng ra luồng hào quang lớn chiếu sáng rực rỡ xong, bảo các Bí-sô:

-Các vị nên biết, vào một thời nọ có một bầy kiến, ban đêm thì gây ra khói, ban ngày thì tạo ra lửa cháy. Có một Bà-la-môn thấy việc này, bèn nói như vầy: "Nếu ai cầm dao bén thì chắc chắn có thể phá tan được bầy kiến ấy". Nói như vậy xong, vị ấy lại thấy một con rùa lớn, Bà-la-môn kia cũng nói như vậy: "Nếu có người cầm dao bén thì chắc chắn có thể phá nát được nó". Tiếp theo lại thấy các con sứa, rồi thấy một con đỉa, tiếp theo thấy những con trùng A-tây-tô-na, lại thấy một con rắn lớn, lại thấy một con trùng Noa-đà-bát-tha, lại thấy con trùng Tán-ca-phược-sất, vị Bà-la-môn thấy các loài trùng ấy rồi, đều nói như trước. Sau cùng, thấy một con rồng lớn, Bà-la-môn ấy liền nói: "Những điều ta đã thấy, chỉ Đức Phật Thế Tôn mới có thể hiểu rõ như thế nào". Ông liền đi đến chỗ một vị Bí-sô, trình bày rõ sự việc như trên, lại nói:

-Này Bí-sô, thầy hãy đem việc này hỏi Đức Phật giúp tôi để cho tâm nghi ngờ của tôi được khai mở. Theo lời Đức Phật đã dạy, tôi sẽ ghi nhớ thọ trì. Vì sao? Này Bí-sô, tôi không thấy trời, người, hay các chúng Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian có ai đem nghĩa này để hỏi Đức Phật, cho nên không thể làm cho những điều nghi ngờ trong tâm được khai mở.

Vị Bí-sô ấy ghi nhận những lời nói trên bèn đi đến chỗ của Ta. Đến nơi, vị ấy đảnh lễ nơi chân, đứng qua một bên, trình bày rõ sự việc trên xong và hỏi:

-Như Bà-la-môn đã thấy bầy kiến, việc ấy thế nào? Nửa đêm phun khói, ban ngày lửa cháy, việc ấy lại như thế nào? Lại thấy một con rùa lớn, con sứa, con đỉa, con trùng A-tây-tô-na, con rắn lớn, con trùng Noa-đà-bát-tha, con trùng Tán-ca-phược-sất, và con rồng lớn. Những điều vị ấy thấy đó là tướng gì? Còn Bà-la-môn kia là người gì? Sao gọi là dao

bén phá tan? Cúi mong Đức Phật giảng nói.

-Này các Bí-sô, lúc đó Ta nói với vị Bí-sô ấy: "Đàn kiến đó chính là thân Ngũ uẩn của tất cả chúng sanh. Nửa đêm phun khói tức là chúng sanh khởi các tầm, từ. Ban ngày lửa cháy tức là chúng sanh tùy theo tầm, từ mà khởi ra thân nghiệp, ngữ nghiệp. Con rùa lớn tức là năm pháp nhiễm ô, con sứa tức là sự phẫn nộ, con đỉa tức là sự tham lam ganh ghét, con trùng A-tây-tô-na tức là pháp của năm dục, con rắn tức là Vô minh, con trùng Noa-đà-bát-tha là sự nghi hoặc, con trùng Tán-ca-phược-sất là sự ngã mạn, con rồng tức là các bậc A-la-hán, vị Bà-la-môn tức là Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, dao bén ấy là người có trí, con dao tức là trí tuệ, phá tan là sự phát khởi hạnh tinh tấn thù thắng.

Này các Bí-sô, ý các vị thế nào?

Những hình tướng mà vị ấy thấy, nói một cách tóm tắt đó là Yết-la-lam của thân ngũ uẩn tích chứa nơi tất cả chúng sanh, do sự bất tịnh của cha mẹ sanh ra, bốn đại hiệp thành, sắc tướng hư giả, thô ác xấu kém, chứa nhóm sự khổ não, rốt cuộc đều bị hủy hoại. Nhưng các chúng sanh không thể hay biết, ngày đêm khởi ra tầm, từ nên tạo ra thân nghiệp, ngữ nghiệp bất thiện, bị năm thứ phiền não che lấp, tham đắm nơi năm dục, khiến sự vô minh thêm dày, sanh tâm ngã mạn, đối với các Thánh pháp nghi ngờ không quyết định, sân hận, tham lam keo kiệt, ganh ghét, phát khởi trong từng niệm, không cầu sự giải thoát. Cho nên Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác muốn khiến cho tất cả người có trí phát khởi hạnh tinh tấn, tu tập trí tuệ, đoạn trừ các phiền não, chứng được Thánh quả.

Này các Bí-sô, đã dứt sanh các lậu thì chứng quả A-la-hán, cho nên nói giống như rồng.

Lại nữa, này các Bí-sô, chư Phật Thế Tôn ở quá khứ và vị lai luôn thương yêu, luôn đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sanh, muốn cho chúng sanh đoạn trừ các phiền não, chứng được Thánh quả, vì các Thanh văn rộng nói nghĩa này. Ngày nay Ta cũng giống như chư Phật mới dùng duyên này giảng nói cho các vị nghe.

Này các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ việc này: nên ở các nơi chốn tịch tĩnh như đồng vắng, nhà trống, giữa núi rừng, dưới tàng cây, nơi hang sâu, chốn am thất mà lắng lòng tư duy, quán sát nghĩa này, đừng có phóng dật, sanh tâm thoái chuyển, cũng lại chỉ dẫn, giáo hóa đạo cho người khác nữa, khiến việc tu tập được rộng khắp đạt lợi ích lớn.

Đức Thế Tôn vì các Bí-sô giảng nói như vậy xong, các Tỳ-kheo thảy đều hoan hỷ tin nhận.

□

SỐ 96

PHẬT NÓI KINH TRỊ Ý

Hán dịch: *Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.*

Đức Phật dạy:

-An Ban Thủ Ý đã thực hành đầy đủ đúng như pháp, muốn học theo thứ lớp như Đức Phật dạy thì ở tại thế gian được sáng suốt, như lúc không có mây thì trăng sáng rõ. Phải giữ vững thân, ý, cả trong lúc nằm, lúc ngồi cũng lại như vậy. Tỳ-kheo đã giữ vững ý rồi, trước sau hợp nhau như thế sẽ được lợi ích. Trước sau đã có lợi ích thì khiến cho hành giả không còn bị chướng ngại. Ý đã an tịnh thì phải canh giữ sáu thứ giặc (lục suy: sáu trần), phải luôn luôn phòng giữ, chớ bỏ nữa chừng, mới biết được thân vô vi giải thoát. Nếu luôn luôn có sự phòng giữ về ý, thân được đình chỉ, không mong cầu, cũng không nguyện được có, cũng chớ nghi sự có, cũng chớ nghi sự không có. Thứ lớp hành động, chỗ còn nghi sẽ sớm được thoát khỏi sanh tử. Nếu chế ngự ý, biết định, ưa thích sự thanh tịnh, quán pháp trong từng thời thì có thể thoát khỏi được già, bệnh. Như vậy có thể tinh tấn ngay khi với bệnh đáng sợ. Trong ý của người học đạo đối với sự trói buộc của sanh, già, bệnh, chết thì có thể đoạn trừ, đời hiện tại có thể chấm dứt được khổ đau. Đã kiểm soát được vấn đề ngủ nghỉ, đã chiến thắng được sự ưa nằm, nhờ cảnh tỉnh mà không còn sợ sệt. Lấy tinh tấn để chiến thắng ngủ nghỉ, ngày đêm luôn tỉnh giác, mong cầu cam lộ (chánh pháp) để được diệt khổ. Người đã có điều đó, có lợi ích quy y theo Phật thì vào lúc nửa đêm phải thường nhớ đến Phật, ai đã tỉnh giác thì được giác ngộ. Đệ tử của Phật phải luôn thực hành như thế. Vào lúc nửa đêm luôn niệm Pháp, niệm Tăng cũng lại như vậy, hành giới cũng như vậy, bố thí cũng như vậy, giữ gìn thân cũng như vậy, hành thiền cũng như vậy, không xâm phạm người cũng như vậy, định ý cũng như vậy, quán Không cũng như vậy, đã giác ngộ rồi thì có thể giác ngộ cho đệ tử của Phật cũng thế. Thực hành pháp ấy như vậy lúc nửa đêm sẽ không rơi vào

vọng niệm.

Hỏi:

-Thế nào là biết thân vô vi giải thoát?

Sư đáp:

-Nê-hoàn là thân vô vi.

-Tu hành theo thứ lớp là thế nào?

-Đã đến đó rồi thì sẽ dần dần trừ bỏ. Đó là tu hành theo thứ lớp.

-Quán pháp trong mọi thời là thế nào?

-Khi Lục nhập đến thì liền kiểm soát. Đó là quán pháp trong mọi lúc.

-Thế nào là làm cho người học đạo được tự ý?

-Dạy cho người tinh tấn, trước hết phải tự ý hành, thân tự giữ gìn, ý tự giữ gìn, tự làm phước, vì phước ở cõi trời chưa đầy đủ thì tự giữ làm cho phước được đầy đủ, liền chứng đắc thiền.

□

SỐ 97

PHẬT NÓI KINH QUẢNG NGHĨA PHÁP MÔN

(Kinh này rút ra từ một phẩm kinh Trung A-hàm)

Hán dịch: Đời Trần, Tam tạng Pháp sư Chân Đế, người Thiên trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Tịnh Mạng Xá-lợi-phất ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng đông đủ chúng Đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tịnh Mạng Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo hãy quây quần để nghe pháp, các Tỳ-kheo thưa:

–Đại đức Xá-lợi-phất, xin vâng.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Này các Trưởng lão, nay tôi giảng nói pháp cho các Trưởng lão nghe, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối thiện, nghĩa thiện, lời thiện, thuần nhất không xen tạp, thanh tịnh viên mãn. Nay tôi vì các vị chỉ rõ phạm hạnh; đó là pháp môn Quảng Nghĩa. Cho nên các vị nay nên lắng nghe cho kỹ, một lòng cung kính, khéo léo ghi nhớ suy niệm. Pháp môn Quảng Nghĩa ấy, này các Trưởng lão, có mười hai loại. Khi xa lìa sự trở ngại, tùy thuận đạo, thì có thể tạo được phương tiện để chứng đắc chánh pháp. Những gì là mười hai?

Tự chiến thắng bản thân.

Cũng giúp cho người khác tự chiến thắng.

Sanh vào cõi người.

Sanh vào nơi có bậc Thánh.

Căn tánh lanh lợi, hơn người.

Thành tựu được chánh kiến.

Khéo tạo tư lương cho sự tu tập.

Sanh nơi xứ thiện, có tín tâm.

Gặp Phật ra đời.

Chuyển pháp luân.

Chánh pháp ở thế gian không bị mất.

Như lời Phật dạy, ở trong chánh pháp theo đúng lý tu hành.

Này các Trưởng lão, đây là mười hai pháp khi xa lìa sự khó khăn trở ngại, tùy thuận theo đạo thì có thể khởi ra phương tiện để chứng đắc chánh pháp.

Này các Trưởng lão, có thể nói cho Tỳ-kheo: nếu muốn giảng nói chánh pháp cho người khác thì pháp với nghĩa phải tương ưng, lời giảng nói phải ứng hợp, nghĩa là có sự cung kính, thứ tự, tóm tắt một cách tương ứng, khiến cho người khác sanh hoan hỷ, ưa thích; đầy đủ sự chánh cần, không tổn hại cho người khác. Điều nói ra thì đúng như lý, tương ứng, không xen tạp, tùy thuận theo thính chúng. Lời nói ra ấy phải có tâm từ bi, có tâm lợi ích, có tâm tùy thuận sự ưa thích, không tham đắm lợi dưỡng, luôn cung kính khen ngợi. Nếu khi chính thức thuyết giảng chánh pháp thì không được tự khen mình, tự cao, không được hủy báng, nói xấu người khác.

Này các Trưởng lão, nếu ai muốn nghe chánh pháp phải đầy đủ mười sáu tướng mới có thể nghe, lãnh hội thọ trì được. Những gì là mười sáu?

Tùy thời mà nghe.

Cung kính.

Ưa thích.

Không chấp trước.

Như điều đã nghe, theo đấy thực hành.

Không làm việc phá hoại, gây khó khăn.

Đối với pháp phải khởi tâm tôn trọng.

Đối với người thuyết pháp phải khởi tâm tôn trọng.

Không khinh thường, bài bác chánh pháp.

Không khinh chê, bài bác người thuyết pháp.

Không xem thường thân mình.

Nhất tâm, không tán loạn.

Có tâm mong cầu giải thoát.

Nhất tâm lắng nghe.

Dựa theo lý để tư duy chân chánh

Trước sau luôn nhớ nghĩ, thọ trì.

Với việc nghe pháp, hàng đệ tử của Phật nếu có thể làm được như

vầy: cung kính lắng nghe, tín căn sanh trưởng thì ở trong chánh pháp, tâm được trong sạch; lấy đó làm điều đầu tiên. Đối với Niết-bàn, sanh tâm hoan hỷ và tâm cầu chứng đắc, lấy đó làm trước nhất. Đối với Niết-bàn, sanh tâm hoan hỷ, xa lìa tham ái; lấy đó làm trước tiên. Đối với Niết-bàn, diệt trừ được chướng ngại, hoặc được tâm an định; lấy đó làm trước nhất. Đối với Niết-bàn, xa lìa nghi hoặc, mê lầm, sanh tri kiến đúng đắn; lấy đó làm trước tiên. Đối với Niết-bàn, khởi tâm hồi hướng tu tập hành quán, để thắp sáng đuốc trí tuệ, vì để đạo pháp được ứng hợp, vì diệt trừ các thứ gây chướng ngại cho sự hỗ trợ đạo, vì để được tâm an trú, vì để đạt được Đệ nhất nghĩa; lấy đó làm trước hết. Đối với tất cả việc thực hành pháp tịch diệt, chứng được chân không, diệt ái lìa dục. Đối với Niết-bàn vô sanh đạt được tâm an trụ, thành tựu tin vui; lấy đó làm trước tiên. Đối với Niết-bàn và các ấm, vô thường, được tâm an trụ, thành tựu tin vui; lấy đó làm trước nhất. Đối với Niết-bàn và Tứ thánh đế đạt được pháp nhãn thanh tịnh, để sanh tuệ nhãn; lấy đó làm trước tiên. Đối với Niết-bàn, đạt được giải thoát, lấy đó làm trước nhất. Do vậy, đối với Niết-bàn đạt giải thoát tri kiến, đều được viên mãn.

Này các Trưởng lão, do có thể đúng như lý nhất tâm lắng nghe chánh pháp như vậy, nên các Thánh đệ tử không bị tổn hại, có thể thuyết pháp, có thể lãnh hội được ý vị chân chánh của lời nói, tức là nương tựa nơi pháp, cúng dường Đại sư, chứng đắc tự lợi và vì Niết-bàn mà làm người nghe pháp.

Có mười pháp sanh khởi, có thể đem lại sự thành tựu đầy đủ được Bát-nhã. Những gì là mười?

Gần gũi bạn lành.

Trì giới thanh tịnh.

Tâm muốn cầu giải thoát.

Thích nghe dạy pháp lành.

Thích cúng dường người thuyết pháp.

Tùy thời mà thưa hỏi, tìm hiểu.

Lắng nghe chánh pháp.

Luôn tu tập theo chánh pháp.

Đối với điều xấu ác thường sanh tâm nhàm chán.

Đã sanh tâm nhàm chán theo đúng như lý có thể dấy khởi bốn Chánh cần.

Thế nào là nương vào lý, tinh cần một cách chân chánh? Đó là đối

với pháp thiện, tâm không biếng trễ, thường điều phục tâm, dứt các pháp ác. Nếu tâm chưa được định thì khiến cho được tự tại. Nếu tâm chưa thông suốt thì khiến cho được thông suốt. Như vậy gọi là nương vào lý nên tinh cần một cách chân chánh.

Này các Trưởng lão, nếu vị Thánh đệ tử tự mình nương vào đạo lý như vậy mà khởi lên chánh cần, có mười thứ pháp tương ưng cho việc tu tập. Những gì là mười?

Quán tưởng về bất tịnh.

Quán tưởng về vô thường.

Đối với pháp quán vô thường, quán tưởng về khổ.

Ở trong pháp quán về khổ, quán tưởng về vô ngã.

Nhàm chán ghét bỏ sự tưởng nhớ về ăn uống.

Quán tưởng thấy tất cả thế gian đều không an lạc.

Sanh khởi tưởng về sự sáng tỏ rực rỡ.

Quán tưởng về sự lìa dục.

Quán tưởng về sự xa lìa, đoạn diệt.

Quán tưởng về cái chết.

Một: Này các Trưởng lão, có mười bốn pháp có thể làm chướng ngại, chống trái đối với pháp quán tưởng về bất tịnh. Những gì là mười bốn?

Cùng ở một chỗ với người nữ.

Khi nhìn xem người nữ mà tâm mất chánh niệm.

Luôn dấy khởi phóng dật.

Sanh tâm dục nặng nề.

Thường tập theo tưởng thanh tịnh.

Không thường tập theo tưởng bất tịnh.

Thường ở với người làm nhiều việc tụ tập, giao tiếp.

Hành động theo người ấy.

Không ưa thích nghe chánh pháp.

Không hỏi han tìm hiểu về chánh pháp.

Không hay gìn giữ sáu căn.

Ăn không có hạn lượng, điều độ.

Một mình ở chỗ vắng vẻ, tâm không được an ổn.

Không thể quán sát một cách như thật.

Hai: Đối với pháp quán tưởng về vô thường thì do sự tham ái chấp trước nơi các pháp hành làm chướng ngại.

Ba: Đối với việc quán tưởng về vô thường, khổ thì có sáu pháp làm chướng ngại. Những gì là sáu?

Biếng nhác.

Trì trệ, chậm chạp.

Luôn ưa ngủ nghỉ.

Phóng dật.

Không thể hành động thuận hợp.

Không thể quán sát đúng như thật.

Bốn: Đối với quán tưởng về khổ, vô ngã thì do ngã kiến làm chướng ngại.

Năm: Đối với việc nhàm chán sự tưởng nhớ về thức ăn, thì do tham đắm mùi vị làm chướng ngại.

Sáu: Đối với việc quán tưởng thấy tất cả thế gian đều không an lạc, thì do sự mong cầu về ái dục nơi thế gian làm chướng ngại.

Bảy: Sanh khởi tưởng về sự sáng tỏ thì có mười một pháp làm chướng ngại. Những gì là mười một?

Nghi hoặc.

Không hay suy nghĩ, lường tính.

Thân nặng nề, thô tháo.

Uể oải.

Siêng năng tinh tấn thái quá.

Siêng năng tinh tấn quá kém.

Tâm ô trược.

Tâm kinh sợ.

Sanh nhiều thứ tưởng.

Nói năng quá nhiều.

Ngắm nhìn sắc quá nhiều.

Tám: Quán tưởng về sự lìa dục thì do hữu dục làm chướng ngại.

Chín: Quán tưởng về sự trừ diệt, xa lìa, thì do sự chấp tướng nơi pháp làm chướng ngại.

Mười: Đối với quán tưởng về cái chết thì sự tham ái về thọ mạng làm chướng ngại.

Những chướng ngại như vậy chưa từng được tiêu diệt, hàng phục. Để diệt trừ các chướng ngại ấy, có ba phương pháp đem lại nhiều ân đức. Những gì là ba?

Thích tu tập.

Diệt trừ và xa lìa.

An trụ nhiều nơi hai điều trên.

Này các Trưởng lão, có mười bốn pháp, đối với việc quán bất tịnh tạo ra rất nhiều ân đức:

Không ở một chỗ với người nữ.

Tâm không mất chánh niệm khi quán xem người nữ.

Dứt bỏ phóng dật.

Không sanh tâm nặng về tham dục.

Thường tu tập tưởng bất tịnh.

Không thường tu tập tưởng tịnh.

Không ở chung với người làm nhiều công việc.

Không thuận theo chỗ hành động của người ấy.

Ưa nghe chánh pháp.

Thích hỏi han, tìm hiểu về chánh pháp.

Luôn giữ gìn sáu căn.

Hạn chế việc ăn uống.

Ở một mình mà tâm được an trụ.

Hay quán sát một cách như thật.

Này các Trưởng lão:

Một là quán tưởng về bất tịnh, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ được ái dục, phiền não của dục.

Hai là quán tưởng về vô thường, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ tất cả pháp hành về tham ái, chấp trước.

Ba là đối với vô thường, quán tưởng về khổ, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ được tâm lười biếng, trì trệ, chậm chạp.

Bốn là ở trong pháp khổ, quán tưởng về vô ngã, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ ngã kiến.

Năm là nhàm chán sự tưởng nhớ về ăn uống, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ được sự tham đắm mùi vị.

Sáu là đối với tất cả thế gian, quán tưởng đều không an lạc, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ được các thứ ái dục ít có ở thế gian.

Bảy là sanh khởi tưởng về ánh sáng, nếu dốc sức tu tập có thể sanh trưởng trí tuệ và chánh kiến.

Tám là quán tưởng về lìa dục, nếu dốc sức tu tập thì có thể trừ diệt được mọi tham dục.

Chín là quán tưởng về sự trừ diệt, xa lìa, nếu dốc sức tu tập thì có

thể diệt trừ tất cả các pháp ác thuộc về hữu vi.

Mười là quán tưởng về cái chết, nếu dốc sức tu tập thì có thể diệt trừ được tham ái về thọ mạng.

Này các Trưởng lão, nếu các Thánh đệ tử theo đúng như lý tu tập tinh cần một cách chân chánh như vậy, có hai mươi pháp làm chướng ngại cho sự siêng năng tu tập. Những gì là hai mươi?

Cùng ở chung với người không tu quán.

Không thích nghe pháp, hỏi pháp.

Không thuận theo sự giáo huấn.

Tự mình trở thành câm điếc.

Có nhiều sự cầu tìm về dục.

Nhiều việc.

Không theo đúng như pháp để an lập đời sống.

Không gắn bó với pháp thiện.

Gặp tám thứ nạn.

Theo thế gian mà bị tán động.

Cao ngạo ngã mạn.

Không thọ lãnh lời dạy hay.

Mất chánh niệm.

Phóng dật.

Không ở với bậc chánh sĩ.

Không giữ gìn các căn.

Không hạn chế việc ăn uống.

Đầu đêm, cuối đêm không tỉnh giác tu tập.

Ở một mình nơi chỗ vắng mà tâm không an trụ.

Không thể quán sát một cách như thật.

Này các Trưởng lão, hai mươi thứ chướng ngại như vậy chưa từng được hàng phục, tiêu diệt. Có mười một pháp có thể hàng phục, tiêu diệt các chướng ngại này, tạo được nhiều ân đức. Những gì là mười một?

Tin, thích tu hành.

Quán về các công đức tu tập.

Có thể làm những điều khó làm.

Có thể chế ngự, điều phục được tâm mình.

Tâm không thoái chuyển.

Thông tỏ được thật tướng của chánh pháp.

Không khinh thường thân mình.

Ưa nghe, ham hiểu biết không chán.

Thưa hỏi để giải quyết nghi ngờ.

Ở một mình chỗ vắng vẻ tâm được an trụ.

Có thể quán sát một cách như thật.

Này các Trưởng lão, vị Thánh đệ tử nếu tận lực tu tập pháp chánh cần như vậy thì có hai mươi pháp đem lại nhiều ân đức. Những gì là hai mươi?

Cùng ở chung với người tu quán.

Ưa thích nghe, hỏi han về chánh pháp.

Thuận hợp với lời dạy.

Tự mình không phải là hạng điếc, câm.

Không mong cầu nhiều về dục.

Không tạo tác nhiều sự việc phiền phức.

An lập sự sống đúng như pháp.

Luôn gắn bó đối với pháp thiện.

Không gặp phải tám nạn.

Không theo thế tục mà bị loạn động.

Tâm không tự cao, kiêu mạn.

Có thể thọ nhận giáo pháp tốt đẹp.

Không mất chánh niệm.

Tâm không buông lung.

Ở một chỗ với bậc Chánh sĩ.

Luôn giữ gìn các căn.

Có thể hạn chế việc ăn uống.

Đầu đêm, cuối đêm luôn tỉnh giác tu tập.

Một mình ở chỗ vắng mà tâm được an trụ.

Quán sát một cách như thật.

Này các Trưởng lão, có hai mươi hai xứ mà người xuất gia phải luôn luôn quán sát. Những gì là hai mươi hai?

Tự suy nghĩ: "Nay ta hình sắc xấu xí, đã lìa bỏ cuộc sống gia đình, xuất gia, có được các hình tướng đáng quý kính". Đó là việc thứ nhất, người xuất gia nên luôn luôn quán sát.

Tự nghĩ: "Nay ta đã mặc y phục hoại sắc".

Tự nghĩ: "Sự trang sức nơi thân ta khác với thế gian".

Tự nghĩ: "Sự sống của ta quan hệ với bốn chúng".

Tự nghĩ: "Nay ta luôn nhờ vào kẻ khác để có những vật dụng cần

thiết cho sự sống. Đó là y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men để trị bệnh".

Tự nghĩ: "Ta hiện nay cho đến hết cuộc đời đối với mọi dục lạc của thế gian đã thọ giới cấm".

Tự nghĩ: "Ta hiện nay cho đến hết cuộc đời, đối với các sự việc chơi bời, vui đùa đã hoàn toàn dứt bỏ".

Tự nghĩ: "Nay ta đã nương tựa vào giới, phải nên tự trách chính mình đã đạt được gì"

Tự nghĩ: "Ta cùng tu tập với bạn lành, vậy đối với giới pháp ta có điều đáng chê trách chăng?"

Tự nghĩ: "Nay ta sẽ giữ thân này để khỏi bị kẻ khác xâm phạm đến chăng?"

Tự nghĩ: "Nay ta thọ dụng đồ ăn uống của đất nước để được đạo quả Bất không chăng?"

Tự nghĩ: "Nay ta ở một mình chỗ vắng vẻ để tâm được an trụ chăng?"

Tự nghĩ: "Nay ta đã được cái gì mà cứ để ngày đêm trôi qua?"

Tự nghĩ: "Nay ta đối với tất cả các hành của xứ tịch diệt, đã chứng đắc xứ không và xứ diệt trừ ái, lìa dục, đạt Niết-bàn vô sanh, được nhập vào chỗ thành tựu, an trụ nơi tâm tín, lạc".

Tự nghĩ: "Nay ta đối với ấm, khởi lên tưởng vô thường. Đối với ấm, khởi lên tưởng vô sở hữu. Đối với ấm, khởi lên tưởng hư vọng. Đối với ấm, khởi lên tưởng không thật. Đối với ấm, khởi lên tưởng hư hoại, được nhập vào chỗ thành tựu, an trụ nơi tâm tín, lạc".

Tự nghĩ: "Nay ta đối với bốn quả Sa-môn đã chứng đắc được một quả vị nào chưa. Do sự chứng đắc này, lúc sắp mạng chung được các bạn lành cùng tu tập là bậc trí tuệ đến thăm hỏi, ta vì có tâm không nghi ngờ, sợ sệt nên sanh tâm vui thích, bày tỏ điều ta đã chứng đắc. Khi tự nói lên điều ấy, phải chăng là đúng như lý?"

Tự nghĩ: "Nay ta chưa lìa bỏ pháp sanh. Đối với đời vị lai vì chưa vượt thoát nên tùy xứ mà sanh".

Tự nghĩ: "Nay ta chưa lìa được tướng già".

Tự nghĩ: "Nay ta chưa lìa được cái khổ hoạn của bệnh".

Tự nghĩ: "Nay ta chưa thoát khỏi cái khổ hoạn của sự chết, chưa vượt qua được sự chết".

Tự nghĩ: "Nay ta đối với mọi đối tượng ái niệm, đối với các nơi

chốn ưa thích luyến tiếc, biệt ly, điều đó không tương ưng, không cùng tụ hội, không cùng nhận biết, quyết định phải như vậy".

Tự nghĩ: "Nay ta tùy thuộc vào nghiệp, bị nghiệp khống chế, do nghiệp làm nhân, nương tựa vào nghiệp, ta đã tạo nghiệp hoặc thiện hoặc ác, tùy theo nghiệp đó quyết định phải thọ báo".

Các xứ như vậy, người xuất gia nên luôn luôn quán sát. Nếu người xuất gia luôn quán sát hai mươi hai điều này thì đối với tên gọi của bậc Sa-môn chắc chắn được viên mãn, xứng hợp.

Nếu tên gọi của bậc Sa-môn đã được viên mãn rồi thì đối với bảy loại tướng, chắc chắn được viên mãn. Những gì là bảy?

Tướng luôn tu tập không dừng nghỉ.

Tướng thường chỉ dạy cho người khác mà không tỏ ra mệt mỏi.

Tướng dứt bỏ mọi tham đắm, vướng chấp.

Tướng được tâm không hề sân hận.

Tướng đạt được chánh niệm.

Tướng không có tăng thượng mạn.

Tướng được tất cả phương tiện nuôi sống.

Vì thành tựu những điều ấy nên có thể đạt được định. Bảy tướng như vậy đều được viên mãn.

Này các Trưởng lão, tâm-ý-thức ấy, lúc trưởng thành, đối với sắc luôn có sự tiếp cận vui thích, đối với thanh, hương, vị, xúc, cũng lại như vậy. Là chỗ sanh trưởng của sắc, thanh, hương, vị, xúc, tâm như vậy là do không chánh tư duy nên đối với cảnh giới giải thoát không thể an lập được.

Này các Trưởng lão, có hai mươi thứ tưởng, người phàm phu do các tưởng đó luôn khiến cho tự tâm sợ sệt, nhàm chán. Những gì là hai mươi?

Nay ta trống rỗng chẳng có uy đức thù thắng.

Nay ta sẽ phải chết, không chế ngự được cái chết.

Ta sẽ bị đọa vào nơi chốn thấp kém nhất.

Nay ta thực hành phương pháp đưa đến sợ hãi, tai nạn.

Nay ta chẳng biết phương pháp làm cho không sợ sệt.

Nay ta không hiểu rõ về con đường ngay thẳng, bình đẳng, quang minh.

Nay ta không được tâm định để xa lìa mọi sự tán loạn.

Đời vị lai ta sẽ thọ lãnh các sự khổ không chịu nổi.

Không thể luôn được duyên lành dồi dào để tu tập.

Ý tưởng có thể bị giết hại thường theo đuổi ta.

Chẳng có gì để ngăn chận ta khỏi trôi lăn trong sáu đường.

Nay ta chưa được giải thoát khỏi bốn cõi.

Nay ta chưa lìa bỏ được vô lượng các thứ kiến chấp.

Nay ta chưa tạo được nghiệp lành để ngăn chặn dòng nghiệp vô gián ở đời vị lai.

Nay ta chưa tạo được việc chấm dứt sanh tử từ vô thỉ kiếp nối tiếp đến đời sau.

Nếu không dốc tâm tạo các nghiệp thiện, cuối cùng chẳng thành tựu được gì.

Không có người khác vì mình tạo nghiệp.

Nếu không tạo tác nghiệp thiện sẽ không đạt được sự an ổn tốt đẹp.

Nếu đã tạo nghiệp, chắc chắn phải có quả báo.

Nay ta không biết là bị vô minh che lấp, chắc chắn không tránh khỏi khổ hoạn của sự chết.

Do từ ý nghĩa trên, nên kẻ phàm phu lấy các tưởng này, thường khiến cho tự tâm nhàm chán, sợ sệt, làm ngăn che tự tâm.

Lại có hai mươi pháp, mau tạo được chỗ nương tựa, an trụ. Những gì là hai mươi?

Tâm chánh tư duy, sẽ mau được an trụ.

Tâm suy tư theo đúng thứ lớp.

Trụ nơi tướng nhất tâm tư duy.

Nhập Tam-ma-đề (Chánh định).

Ra khỏi Tam-ma-đề.

Tự kiềm chế cho tâm lắng xuống.

Được tướng nâng cao tâm lên.

Được tướng tâm xả bỏ.

Được xa lìa chỗ hành hóa không thích hợp.

Được hành xử đúng việc.

Được thọ nhận lời dạy chân chánh.

Luôn tu tập tướng nhàm chán sự xấu ác.

Thường tu tập nhiều tướng hỷ lạc.

Có thể đạt được pháp môn thắng trí.

Được nương tựa vào bậc Sư trưởng tôn quý.

Dốc tu hạnh thiện, tâm mau được an trụ.

Dốc tu pháp niệm A-na-ba-na (Quán hơi thở ra vào).

Tu tập pháp quán bất tịnh.

Tu tập đúng pháp Tứ niệm xứ.

Nỗ lực tu quán Tứ thánh đế.

Hội nhập trong các thật tướng này thì tâm mau đạt được nơi chốn nương tựa, an trụ.

Này các Trưởng lão, vị Thánh đệ tử nếu có thể tu tập đúng như lý về các pháp chánh cần, lại nên biết về mười một thứ chướng ngại gây khó khăn. Những gì là mười một?

Luôn luôn ở nơi chỗ đông đảo.

Coi trọng việc ăn uống.

Thường tạo mọi sự đùa giỡn.

Thường nói lời bỡn cợt.

Thường ưa thích ngủ nghỉ.

Thường ưa nói bậy bạ.

Thường ưa cuộc sống ồn ào.

Tiếc thân mình.

Tâm thường tán loạn, dao động.

Tâm thường phóng dật không thích tu tập.

Ở chỗ phi pháp.

Này các Trưởng lão, mười một thứ này gọi là pháp chướng ngại, chưa từng bị hàng phục, tiêu diệt. Để diệt trừ nó, có mười thắng trí, quyết phải tu tập. Những gì là mười?

Thắng trí Tam-ma-đề (Chánh định).

Thắng trí an trụ nơi pháp định.

Thắng trí xuất định.

Thắng trí đè ép vọng tâm xuống.

Thắng trí nâng cao tâm lên.

Thắng trí xả bỏ.

Thắng trí khéo tiến tới.

Thắng trí khéo thoái lui.

Thắng trí tạo phương tiện.

Thắng trí dẫn dắt thu nhiếp.

Này các Trưởng lão, vị Thánh đệ tử nếu có thể đạt được mười thứ Thắng trí ấy, lại có mười ba pháp nương dựa của hỷ lạc, nhờ vào bên trong mà sanh khởi. Những gì là mười ba?

Nếu người có tín tâm, chân chánh nghĩ đến bậc Đại sư, khi ấy sự hỷ lạc liền nương vào bên trong mà phát sanh. Đó gọi là người có tín tâm có được chỗ nương dựa của hỷ lạc.

Suy nghĩ đúng đắn về chánh pháp.

Suy nghĩ chân chánh về Tăng.

Suy nghĩ đúng đắn về giới thanh tịnh của mình và của người.

Suy nghĩ chân chánh về pháp thiện xả thí của mình và người.

Suy nghĩ chân chánh về pháp tu tập chứng đắc của mình và người. Bấy giờ nhờ nương tựa vào bên trong liền sanh hỷ lạc.

Nên nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn vì ta mà giảng nói pháp diệt trừ các thứ khổ, nương vào đó mà có chánh niệm". Khi ấy, nhờ nương vào bên trong, liền sanh hỷ lạc.

Nên suy nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn vì ta mà giảng nói pháp, khiến sanh trưởng các thứ lợi ích an lạc".

Nên nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn đã vì ta mà chỉ dạy các pháp nhằm ngăn chận, cấm chỉ, đoạn trừ, cách ly vô lượng pháp ác gây chướng ngại".

Lại suy nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn vì ta mà làm cho sanh trưởng vô lượng pháp thiện hỗ trợ đạo".

Người có tín tâm, nhờ bốn niệm này, mà trong khi tu tập liền sanh hỷ lạc.

Này các Trưởng lão, các vị Thánh đệ tử nếu thường xuyên đạt được mười ba thứ hỷ lạc, nương tựa vào bốn pháp, lại có năm pháp... giúp cho việc tu hành được viên mãn. Những gì là bốn pháp cần được nương tựa vào?

Tin tưởng, ưa thích.

Tinh tấn.

Ở riêng một mình nơi chỗ vắng vẻ, tâm được an trụ.

Đối với việc tu tập và sự biến diệt, tâm đừng có nhàm chán một cách thái quá.

Những gì là năm pháp giúp cho việc tu hành được viên mãn?

Tâm an ổn.

Tâm hoan hỷ.

Tâm có chỗ nương dựa.

Tâm lạc.

Tâm định.

Này các Trưởng lão, do năm pháp như vậy nên giúp cho sự tu tập

được viên mãn.

Lại có tám thứ gai nhọn phải xa lìa, phải hủy diệt. Những gì là tám?

Gai nhọn của Dục.

Gai nhọn của Sân.

Gai nhọn của Si.

Gai nhọn của Ngã mạn.

Gai nhọn của Ái.

Gai nhọn của Kiến chấp.

Gai nhọn của Vô minh.

Gai nhọn của Nghi ngờ.

Đối với tám thứ gai nhọn này phải nên xa lìa, trừ diệt.

Nhờ vậy mà các Thánh đệ tử đạt được mười thứ Thánh pháp vô học. Những gì là mười?

Vô học về Chánh kiến.

Vô học về Chánh giác (Chánh tư duy).

Vô học về Chánh ngôn (Chánh ngữ).

Vô học về Chánh nghiệp.

Vô học về Chánh mạng.

Vô học về Chánh tinh tấn.

Vô học về chánh niệm.

Vô học về Chánh định.

Vô học về chánh giải thoát.

Vô học về chánh giải thoát tri kiến.

Này các Trưởng lão, các vị Thánh đệ tử do có thể chứng đắc mười pháp vô học ấy, nên luôn tạo được mọi tương ưng, không có thoái chuyển, mất mát.

Các vị Thánh đệ tử ấy đã lìa năm phần, tương ưng sáu phần, giữ gìn một pháp, được bốn pháp nương tựa, xả bỏ một nẻo thiên chấp, ra khỏi lỗi lầm của sự tìm cầu; quan sát, suy nghĩ không ô trược, thân hành tịch tĩnh, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, ở riêng an trụ nơi thanh tịnh, điều cần làm đã làm xong. Như vậy gọi là bậc Trượng phu thù thắng.

Này các Trưởng lão, tâm-ý-thức sau cùng này, chẳng phải là do sắc, thanh sanh ra nuôi lớn, phát triển, mọi duyên đã dứt hết, nên sự thọ sanh ở đời sau đều đã vĩnh viễn đoạn trừ. Đó gọi là vĩnh viễn đoạn trừ cái khổ ở đời sau. Do giảng nói về nghĩa này cho nên gọi tên là "Pháp môn Quảng Nghĩa".

Này các Trưởng lão, tôi đã giảng nói cho các vị nghe các pháp ác, đó là: ban đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, nghĩa thiện, lời thiện, thuần nhất không xen tạp, thanh tịnh viên mãn, đã vì các vị chỉ bày phạm hạnh, gọi là pháp môn Quảng Nghĩa. Trước đây tôi đã hứa nói những lời như vậy, thì nay tôi đã nói xong.

Bấy giờ Tôn giả Tịnh Mạng Xá-lợi-phất, khi giảng nói kinh này xong, các bậc đồng hành thông tuệ, vô lượng đồ chúng chưa chứng chân nghĩa nay được chứng đắc. Ai chưa được đạo quả Sa-môn thì nay chứng đắc cả, nên đều hết sức vui mừng, tín thọ phụng hành.

Đại đức Xá-lợi-phất đã thuyết giảng như vậy.

SỐ 98

PHẬT NÓI KINH PHỔ PHÁP NGHĨA

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà- Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Hiền giả Xá-lợi-phất mời các Tỳ-kheo cùng nghe thuyết pháp, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, khéo phân biệt lãnh hội, thanh tịnh tròn đầy: "Hãy lắng nghe, hạnh của Hiền giả gọi là pháp hạnh đầy đủ. Hãy khéo suy nghĩ kỹ!"

Các Tỳ-kheo vâng theo lời của Hiền giả, theo Hiền giả Xá-lợi-phất để nghe pháp.

Hiền giả Xá-lợi-phất liền nói về mười hai thời tụ hội, có thể đưa Hiền giả đến Thánh đạo. Những gì là mười hai?

Tự mình có thể dạy mình.

Cũng có thể dạy người khác.

Sanh vào cõi người.

Sanh vào hàng Thánh giả.

Các căn đầy đủ.

Không theo nghiệp thế gian.

Thấy bậc Hiền giả thì vui mừng.

Gặp Phật ra đời.

Nghe Phật thuyết giảng pháp.

Đã nghe thuyết pháp, có thể lãnh hội.

Có thể lãnh hội sự chỉ dạy từ bên ngoài.

Có thể theo lời Phật dạy, đúng như lý tu tập.

Đây là mười hai thời tu hội của Hiền giả, đưa đến sự đắc đạo của Hiền giả, theo đó mà thực hành.

Nếu muốn thuyết giảng kinh cho người khác nghe, phải thuyết giảng hai mươi pháp này. Những gì là hai mươi?

Khéo thuyết giảng.
Nói đầy đủ.
Nói có trước sau.
Nói theo thứ lớp.
Nói một cách hoan hỷ.
Nói điều đáng nói.
Nói điều cởi mở tâm ý.
Nói điều để dứt bỏ sự hổ thẹn.
Không nói điều trách cứ.
Nói lời hòa hợp.
Nói lời thích ứng.
Không nói lời ly tán.
Vì pháp mà nói.
Vì thuận hợp với chúng hội mà nói.
Vì khế cơ mà nói.
Vì nhằm trợ giúp cho ý mà nói.
Vì chẳng phải muốn có tiếng tăm mà nói.
Không phải vì việc lợi mà nói.
Không ức khuyết.
Không bị người chi phối.

Nếu Hiền giả Tỳ-kheo muốn thuyết giảng pháp cho người khác thì phải nên dựa theo hai mươi pháp này mà thuyết giảng.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại bảo các Tỳ-kheo:

-Người muốn nghe pháp phải có mười sáu sự việc. Những gì là mười sáu?

Nên nghe đúng lúc.
Cần phải nghe đầy đủ.
Nên chú ý nghe.
Phải dốc tâm thực hiện.
Không nên bình phẩm chê trách.
Không nên chê trách lỗi lầm.
Chớ tìm cầu sở trường, sở đoản của người khác.
Nên vì pháp mà cung kính.
Phải cung kính người thuyết giảng pháp.
Chớ coi thường pháp.
Cũng chớ coi thường người thuyết giảng pháp.

Chớ nên quá tự ti.

Nhất tâm lắng nghe.

Không có ý gì khác.

Giữ tâm chân chánh.

Thọ nhận, ghi nhớ các pháp đã được nghe.

Nếu Hiền giả muốn được nghe pháp nên ghi nhớ mười sáu điều thì mới có thể nghe pháp. Những gì là mười sáu?

Đúng lúc mới có thể nghe pháp.

Có thể nghe nhiều mới có thể nghe pháp.

Nhĩ căn có khả năng nghe mới có thể nghe pháp.

Vì tôn thờ mới có thể nghe pháp.

Không được chê trách mới có thể nghe pháp.

Chớ tìm cầu các khuyết điểm mới có thể nghe pháp.

Vì tôn kính pháp nên mới có thể nghe pháp.

Vì tôn kính người thuyết giảng kinh nên mới có thể nghe pháp.

Chớ coi thường pháp mới có thể nghe pháp.

Chớ coi thường người thuyết giảng pháp mới có thể nghe pháp.

Không nên quá tự ti mới có thể nghe pháp.

Một lòng hướng về mới có thể nghe pháp.

Không có ý gì khác mới có thể nghe pháp.

Giữ ý chân chánh mới có thể nghe pháp.

Luôn nhớ nghĩ mới có thể nghe pháp.

Định ý mới có thể nghe pháp.

Nếu Hiền giả muốn được nghe pháp, nên so sánh với mười sáu điều trên mới có thể nghe pháp. Đã nghe pháp như trên liền sanh sự tin tưởng thuận hợp, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy Hiền giả liền sanh ra sự ưa thích vô dục, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy liền sanh ra trong ý cảm thọ niềm vui, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy, được lìa bỏ nghi, kiến chấp lại được rõ điều tối thượng, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy liền bỏ ác, giữ ý nơi Chánh định, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy liền thấy Ấm là vô sở hữu, liền thấy Ấm là rỗng không, liền thấy Ấm là vật hèn mọn, đã thấy như vậy ý liền được thông tỏ, ý liền thanh tịnh, ý được tĩnh lặng, ý liền giải thoát. Như vậy từ đó đưa đến Niết-bàn. Đã nghe pháp như vậy, liền thấy tất cả hành của thế gian là trống không, không còn an trụ trong đó nữa,

dứt hết mọi ái, làm cho ý chuyển, được tĩnh lặng, được giải thoát, từ đó đưa đến Niết-bàn. Đã nghe pháp như vậy rồi, đối với hành tướng của các dục theo hạnh ở riêng một mình để đoạn trừ dục vọng, được đệ nhất nguyện, từ đó đưa đến giải thoát. Đã nghe được pháp như vậy rồi, dùng mắt thanh tịnh lãnh hội Tứ đế từ đó đưa đến giải thoát. Đã nghe pháp như vậy rồi dốc phụng hành đầy đủ, từ đó đưa đến giác ngộ. Đã nghe như vậy rồi, Hiền giả dạy đệ tử không được nói những việc gây phiền não, phải nói điều làm cho người khác nghe xong được vui thích, cũng không phạm giới pháp, cũng tùy thuận sự an ổn.

Tự mình mong được mười pháp này, đưa đến trí tuệ. Những gì là mười?

Làm theo hàng thiện tri thức.

Khéo giữ giới.

Cùng kẻ thiện đồng học.

Biết thọ ý.

Thọ nhận giáo pháp.

Tham vấn các bậc Tôn túc.

Nghe thuyết giảng kinh.

Tụ hội lại để nói kinh.

Nói về nhân duyên của sự kinh sợ, đưa đến kinh sợ.

Tự mình quán tưởng để thấy xấu hổ, kinh sợ. Khi tự mình quán thì đoạn trừ được tất cả pháp ác. Từ căn bổn của sự nội quá mới có thể lĩnh hội pháp ấy và liền được định ý, được tự tại. Tất cả đều do nội quán căn bổn ấy. Đây là sự thật để chỉ dạy cho đệ tử xả bỏ ngay từ gốc.

Có thể thực hành mười tưởng. Những gì là mười?

Nhớ nghĩ về tưởng bất tịnh.

Tư duy về phi thường (vô thường).

Tư duy do phi thường đưa đến khổ.

Tư duy vì khổ cho nên phi thân (vô ngã).

Tư duy về đồ ăn là ô uế.

Tư duy về muôn vật trong thiên hạ đều không vui sướng.

Tư duy về cái chết.

Tư duy về vô minh.

Tư duy loại trừ ý vọng.

Tư duy về sự tịch diệt.

Niệm về tưởng bất tịnh, này Hiền giả, là không rơi vào mười bốn tà

pháp. Những gì là mười bốn?

Cùng ở chỗ đông đảo, làm mất chánh niệm.

Tụ hội nơi chỗ khởi tham.

Nhiều tham dục.

Tư tưởng không thanh tịnh.

Không thể đạt được quán bất tịnh.

Cùng làm việc với người làm việc ác.

Không biết điều phải.

Không tôn kính.

Không học hỏi.

Không giữ gìn các căn.

Ăn uống không biết đủ.

Đầu đêm, cuối đêm không tỉnh giác để tu tập.

Không thể ở riêng một mình để thiền định.

Không thể quán sát về tưởng phi thường (vô thường).

Này Hiền giả, vì theo tưởng dục, vô thường, khổ của thế gian nên rơi vào sáu pháp ác. Những gì là sáu?

Không biết đủ.

Không tinh tấn.

Bất tín.

Tham dục.

Không thích an trụ ở chỗ vắng vẻ tịch tịnh.

Không đạt được pháp quán tưởng về khổ, phi thân (vô ngã).

Tưởng Kiến thân ăn đồ tạp uế là vì tham đắm mùi vị nên không đắm trước.

Tư duy về sự bất lạc của thế gian là vì vạn vật ở thế gian thường hành theo tham dục.

Tư tưởng hướng về tà vạy, cái chết là tùy theo mạng căn, xa lìa tư tưởng tu tập sáng suốt.

Này Hiền giả, có mười một thứ tà. Những gì là mười một?

Nghi.

Không nhớ nghĩ.

Thân thô xấu.

Ham ngủ nghỉ.

Tinh tấn quá mức.

Không tinh tấn.

Vui vẻ một cách hư vọng.

Sợ sệt.

Tư tưởng không tập trung.

Không biết suy tính.

Tưởng quán sắc thái quá và muốn lìa đạo tịch diệt.

Nếu trụ nơi pháp ấy khiến cho dứt mất đạo, này Hiền giả, liền khiến cho mất đạo, chưa hoại diệt, khiến hoại diệt.

Có ba pháp thái quá, những gì là ba?

Tham.

Dứt trừ.

Tọa hành.

Tưởng về bất tịnh, này Hiền giả, phải đoạn trừ bằng mười bốn pháp. Những gì là mười bốn?

Không ở chỗ đông người.

Dứt bỏ ý vọng.

Không thích tụ hội đông đảo.

Tự giữ gìn.

Không ham chuộng bệnh tham dục.

Tùy thuận tịnh tưởng.

Quán tịnh tưởng.

Không ở chung với những người thế gian.

Không thọ lãnh sự nghiệp ở thế gian.

Tự giữ gìn căn môn.

Biết tri túc trong việc ăn uống.

Đầu đêm, cuối đêm luôn tỉnh giác, tu tập.

Nhàm chán dục, ở một mình.

Quán tưởng nhiều về bất tịnh.

Này Hiền giả, do sự thực hành vì để đoạn trừ ái dục nên thực hành, tu tập nhiều về vô thường tưởng. Do quán về vô thường, khổ để đoạn trừ ác dục nên đã tập, đã hành, đã tu thật nhiều. Do quán tưởng về khổ, vô ngã để đoạn trừ chấp ngã nên đã tập, đã hành, đã tu thật nhiều. Từ chỗ "kiến thân" ấy nên đoạn trừ tưởng uế thực, đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Do quán tưởng về cái chết để đoạn trừ quan niệm cho thế gian là tốt đẹp nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều để trừ ý tham sống lâu. Do đã đoạn trừ về tư tưởng tối tăm nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Nhờ đạt trí tuệ, thấy được tưởng hư vọng nên đã tập, đã hành, đã

tu tập thật nhiều. Nhờ quán tưởng diệt để đoạn trừ ái nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Do vậy nên được xa lìa tà kiến. Vị Hiền giả, đệ tử học đạo hãy thọ trì chắc thật như thế.

Này Hiền giả, vị đệ tử học đạo có hai mươi pháp khiến không được thuận hợp với đạo. Những gì là hai mươi?

Không ở chung với người hành đạo.

Không dốc tâm học hỏi.

Không biết làm việc thích ứng.

Bị điếc câm.

Làm hạnh ác.

Có ý tham.

Đa sự.

Ít tinh tấn.

Hủy hoại chỗ mình nương tựa.

Ưa hình sắc.

Tự khoe khoang.

Điên đảo.

Mất chánh niệm.

Tham.

Ở chung với người bất thiện.

Không giữ gìn các căn.

Ăn uống không biết điều độ.

Đầu đêm, cuối đêm không tỉnh giác tu tập.

Không thích ở riêng một mình để thiền định.

Không quán đúng như thật.

Đó là hai mươi pháp, này Hiền giả, khiến cho lìa bỏ đạo pháp chưa đoạn diệt sẽ đoạn diệt. Có mười một pháp để phát huy. Những gì là mười một?

Mong muốn.

Dốc đạt được.

Thấy phương tiện.

Biết chiêm ngưỡng.

Không hao phí.

Thù thắng.

Đạt pháp tướng.

Tùy thuận.

Hỏi han, tìm hiểu.

Riêng tự giữ gìn.

Quán đúng như thật có.

Như vậy là chánh quán phù hợp.

Này Hiền giả, vị đệ tử học đạo có hai mươi pháp để phát huy. Những gì là hai mươi?

Cùng ở chung với người hành đạo.

Học hỏi.

Biết làm việc đúng lúc.

Không câm điếc.

Cùng làm.

Không ở với người tham.

Không đa sự.

Không bỏ tinh tấn.

Không ngang ngược.

Không theo hình dáng.

Không kiêu căng.

Không điên đảo.

Giữ gìn tâm ý.

Không tham.

Ở chung với những người thiện.

Phòng hộ các căn.

Ăn uống biết đủ.

Đầu đêm, cuối đêm luôn siêng năng tu tập.

Thích ngồi riêng một mình để tư duy.

Quán như thật.

Nếu đã quán như thế xong, vị Hiền giả lại phải quán có hai mươi hai thời xứ để tác thành Sa-môn hành, vì để mau đạt đến đích, hãy quan sát. Những gì là hai mươi hai?

Đã thọ lãnh sự không đoan chánh.

Đã tạo nghiệp khác.

Vì đời sống của mình mà nương tựa người khác.

Cho đến hết cuộc đời chỉ cầu áo quần, đồ ăn uống, thuốc men chữa bệnh lúc ốm đau và đồ nằm.

Suốt đời bị dục che lấp.

Thân hưởng dục lạc ở nhân gian cho đến lúc mạng chung. Đã làm

Sa-môn phải gấp quán sát như vậy.

Đừng vì thân mình mà làm thương tổn kẻ khác.

Có thể ưa thích một mình ở nơi trống vắng.

Không theo tội mà thọ thực.

Đừng vì thân mình mà làm mất giới.

Đừng vì sự thông minh của mình mà tranh cãi với đồng đạo.

Hãy khiến cho đạo của mình phù hợp với sự học bốn đức, để khi mạng chung, giả sử có kẻ đồng đạo đến hỏi, ta vẫn giải thích được, đừng để đến khi đó mới tạm thời muốn hành đạo. Hãy quán như vậy.

Hãy khiến cho ta được quán "Ấm là vô thường".

Hãy khiến cho ta được quán "Ấm là vô sở hữu".

Khiến ta được quán "Ấm không quan trọng". Hành giả phải gấp quán như vậy.

Vì khiến cho ta đối với thế gian hành không, không tham đắm, dứt tận ái, đạt giải thoát, nên ý hoan hỷ, đình chỉ thọ, được giải thoát rồi, xa lìa thời xứ của hình thể bệnh tật. Phải quán như vậy.

Vì sanh, do sanh chi phối mà chưa được giải thoát.

Vì già, do già chi phối mà chưa được giải thoát.

Vì bệnh, do bệnh chi phối mà chưa được giải thoát.

Vì pháp phải chết, do pháp chết chi phối mà chưa được giải thoát. Đối với hình tướng trôi qua rất gấp, phải quán như vậy.

Vì tất cả những điều ta yêu thích rồi sẽ biệt ly, biến mất, người ta lấy đi, bị chết, không thể tồn tại lâu dài. Thân hình đối với thời gian và xứ (không gian) trôi qua rất nhanh, phải phân biệt quán như vậy.

Mỗi người tùy thuộc hành động của mình mà có quả báo, tùy theo sự tạo tác từ gốc của mỗi người, tùy theo hành động của từng người mà thọ khổ, tùy theo sự hành động thiện hay ác của mỗi người mà phải thọ quả báo tương ứng. Thân hình đối với thời xứ trôi qua rất nhanh, phải quán như vậy.

Đó là hai mươi hai hạnh đã tập, đã hành, đã làm nhiều lần. Vậy Sa-môn cũng như hành giả phải suy tư đầy đủ. Vì Sa-môn đã suy tư một cách đầy đủ việc làm của mình, liền có thể đầy đủ bảy điều suy tư. Những gì là bảy?

Thường tu tập không ngừng nghỉ, liền được nhập đạo.

Không di chuyển.

Không tranh chấp.

Suy nghĩ chân chánh.

Không khởi tâm kiêu mạn.

Chỉ ở thế gian mà cầu y phục.

Vì đình chỉ ý mà được tự tại.

Đó là tâm, ý, thức của Hiền giả suốt cả ngày đêm lâu dài đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc ở thế gian mà không kiềm chế được thì nay có thể chế phục, đình chỉ được, liền nhập vào dòng họ cam lộ.

Đã tu tập xong như vậy, Hiền giả có hai mươi chủng hạnh, chưa được đắc đạo, sẽ làm cho ý lo sợ. Những gì là hai mươi chủng hạnh?

Không có sự thâm nhập vào không.

Không học về cái chết.

Nương tựa vào chỗ thấp nhỏ.

Không sợ nghiệp.

Không biết, không sợ nghiệp.

Không biết đạo.

Không được định ý.

Đời đau khổ.

Khó gặp các Hiền giả.

Ở thế gian, không khác người thế gian.

Chưa làm cây cầu để thoát khỏi địa ngục.

Chưa thoát khỏi chỗ ác.

Nhiều nghi ngờ.

Chưa tạo được nơi chủ yếu của thế gian.

Chưa được trí tuệ sáng suốt.

Đối với người này không thể làm. Nhưng đối với người kia có thể làm.

Cái không nên làm thì đừng làm.

Vì cái không làm nên cũng không có tốt xấu.

Đã làm rồi thì không bao giờ quên.

Chỉ tự hành đầy đủ, chỉ tự hành thuận hợp, chỉ tự hành theo gốc, chỉ tự hành theo nẻo quy về mà thôi. Nếu người tự làm thiện hay ác sẽ thọ lấy quả báo. Người trong thế gian này nên theo đó mà lo sợ cho thân mình.

Theo hai mươi nhân duyên này, ý ác thì lại bị ác, ý lo sợ thì bị lo sợ, ý xa lìa thì được xa lìa.

Có hai mươi chủng hạnh, ý phải sớm đình chỉ. Những gì là hai mươi?

Niệm ý tưởng, ý liền được đình chỉ nhanh.
Trong ý, biết ý, đình chỉ nhanh.
Ý được nhất tâm, đình chỉ nhanh.
Chánh tưởng, biết ý đình chỉ nhanh.
Chánh chỉ tướng, ý đình chỉ nhanh.
Từ chánh kiến khởi tưởng, ý đình chỉ nhanh.
Nhiếp tưởng, ý đình chỉ nhanh.
Trợ tưởng, ý đình chỉ nhanh.
Giữ tưởng, ý đình chỉ nhanh.
Hành Bốn ý chỉ, ý đình chỉ nhanh.
Hành Bốn đoạn ý, ý đình chỉ nhanh.
Lìa bất khả hành, ý đình chỉ nhanh.
Bốn thần túc, ý đình chỉ nhanh.
Nên gần hành xứ, ý đình chỉ nhanh.
Phải nương tựa theo học, ý đình chỉ nhanh.
Phải đọc tụng hiểu rõ, ý đình chỉ nhanh.
Phải có tâm Bi, ý đình chỉ nhanh.
Tùy hỷ trong nhiều phương pháp, ý đình chỉ nhanh.
Phải phân biệt mọi sự, ý đình chỉ nhanh.
Phải thực hành điều này, ý đình chỉ nhanh.

Như vậy là chánh thân. Vị Hiền giả dạy đệ tử có mười một điều ngăn cấm cần phải biết. Những gì là mười một?

Tụ hội.
Ăn nhiều.
Đa sự.
Nói nhiều.
Ngủ nhiều.
Thích đi dạo.
Thích ở chung.
Làm cho thân hưởng thụ dục lạc.
Khinh khi.
Tham dâm.
Không thích cùng ở trong xứ sở.
Những việc làm như vậy chưa đoạn thì nay phải đoạn.
Lại có mười điều phải luôn học. Những gì là mười?
Phải luôn luôn định ý.

Phải luôn luôn định chỉ.

Luôn luôn khởi định.

Luôn luôn đình chỉ.

Luôn luôn ngăn chận.

Luôn luôn giữ gìn.

Luôn luôn trở về gốc.

Luôn luôn giữ gìn ngăn chận.

Luôn luôn dùng phương tiện.

Luôn luôn hội nhập.

Người luôn luôn nhập đạo phải dạy đệ tử như vậy.

Có mười ba đức. Những gì là mười ba?

Đã niệm Đức Như Lai liền được tin tưởng, vui mừng, nhờ đó sanh ra hỷ.

Đối với pháp cũng vậy.

Đối với học giả cũng vậy.

Đối với việc trì giới của mình cũng vậy.

Đối với sự trì giới của người khác cũng vậy.

Đối với việc tự thân chứng đắc cũng vậy.

Đối với sự chứng đắc cũng vậy.

Đối với tự thân thí cũng vậy.

Đối với người khác thí cũng vậy.

Vì đạo mà trừ nhiều khổ.

Vì thế gian nói nhiều kinh khiến cho họ được tư duy.

Bỏ vô số hành động ác.

Làm vô số thiện pháp khiến cho sanh ra sự hoan hỷ, đã có tín tâm có thể sanh ra những sự vui mừng.

Như vậy, hãy dạy cho đệ tử như vậy.

Hãy nên nương tựa vào bốn pháp hạnh, khiến cho năm pháp được tròn đầy. Những gì là nương tựa vào bốn pháp?

Nương tựa vào pháp.

Nương tựa vào sự mong muốn.

Nương tựa vào sự tinh tấn liên tục.

Nương tựa vào sự trụ thiền độc tọa, chớ tham đắm vào các dục khác.

Những gì là năm pháp tròn đầy có ích cho đạo?

Hỷ.

Ái.

Y.

Lạc.

Định.

Hãy dạy đệ tử vui thích thực hành như vậy.

Hãy diệt trừ tám thứ ung nhọt, những gì là tám? Đó là những thứ ung nhọt:

Về dục.

Về sân hận.

Về ngu muội.

Về kiêu mạn.

Về ái.

Về si mê.

Về lợi dưỡng, ham được cung kính, ham được danh tiếng.

Về nghi, nên không hiểu biết.

Hành giả đối với tám thứ ung nhọt này có thể làm cho biến mất, làm cho tiêu diệt, thì liền được giải thoát.

Có mười pháp vô học. Những gì là mười?

Vô học trực kiến.

Trực trị.

Trực thanh.

Trực hành.

Trực hữu.

Trực phương tiện.

Trực niệm.

Trực định.

Trực độ.

Trực tuệ.

Do đạt mười pháp vô học này, từ nhân duyên đó liền được chánh tương ưng, liền bỏ năm thứ chánh trực, tương ưng với sáu phần, giữ gìn một pháp, được bốn y chỉ, xả một nẻo thiên chấp, thoát khỏi lỗi lầm của sự tìm cầu, không có tư duy ô trược, đình chỉ thân hành, đình chỉ thinh hành, đình chỉ tâm hành, đình chỉ sự suy tư của ý, tuệ khéo giải thoát tuệ, khéo giải thoát tất cả. Đã làm được như vậy gọi là tối thắng. Này Hiền giả, đó là tâm – ý – thức tối hậu của Hiền giả từ xưa đến nay không còn tạo tác, không còn tụ, không còn hội, liền chấm dứt tất cả. Đó là pháp chủ yếu để đoạn trừ khổ đau.

Ở trên đã nói, Hiền giả đã nghe thuyết giảng pháp, phần đầu cũng thiện, phần giữa cũng thiện, phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, đầy đủ phạm hạnh, nói về những điểm cốt yếu của đạo một cách thanh tịnh, gọi là đầy đủ nhân duyên pháp lợi, như trên tôi hứa nói thì đã nói xong.

Hiền giả Xá-lợi-phất thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo đều chí tâm thọ trì, ghi nhớ những lời dạy của Hiền giả.

□

SỐ 99

KINH TẠP A-HÀM (I)

雜阿含經

Hán dịch: Tống, Tam tạng Cầu-na-bạt-đà la.
Việt dịch: Thích Đức Thắng. Hiệu đính &
Chú thích: TUỆ SỸ.

TẠP A-HÀM QUYỂN 1

Kinh 1. Vô thường[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Các ông hãy quán sát sắc là vô thường[2]. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhàm tởm[3]. Khi đã nhàm tởm thì dứt sạch hỷ tham[4]. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát[5].

"Cũng vậy, các ông hãy quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhàm tởm. Khi đã nhàm tởm thì dứt sạch hỷ tham. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát.

"Như vậy, Tỳ-kheo, nếu muốn tự chứng tâm giải thoát này thì có thể tự chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những

---

1. Đại Chánh, quyển 1. Tham chiếu Pāli, S. 22. 12-14. Aniccam.

2. Sắc vô thường 色無常。Pāli: rūpaṃ aniccaṃ.

3. Hán: yểm ly 厭離。Pāli: nibbindati, chán ghét, ghét bỏ.

4. Hán: Hỷ tham tận 喜貪盡。Pāli: varajjati/ virāga, không còn mê đắm, ly nhiễm, ly tham.

5. Pāli: virāgà vimuccati. Vimuttasmiṃ vimuttam iti ñāṇaṃ hoti, do ly tham mà được giải thoát. Khi giải thoát, có nhận thức là đã giải thoát.

việc cần làm đã làm xong và tự biết không còn tái sanh đời sau nữa[6].'

"Cũng như quán sát vô thường, quán sát khổ, không, phi ngã cũng vậy."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 2. Chánh tư duy[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc, các ông hãy tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật sắc là vô thường. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo, đối với sắc mà tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật sắc là vô thường, thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ mà nói là tâm giải thoát.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức các ông hãy tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật... thức là vô thường. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo, đối với thức mà tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật... thức là vô thường, thì đối với thức, dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ mà nói là tâm giải thoát.

"Như vậy, Tỳ-kheo, nếu muốn tự chứng tâm giải thoát này thì có thể tự chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong và tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Cũng như tư duy chân chánh về vô thường, khổ, không, phi ngã cũng như vậy."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

6. Phát biểu của vị đã chứng quả A-la-hán: ngã sanh dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, tự tri bất thọ hậu hữu 我生已盡梵行已立所作已辦自知不受後有。Pāli: khīṇā jāti vusitaṃ brahmacariyaṃ kataṃ karanīyaṃ nāparam itthatayāti pajānāti.

7. Tham chiếu, S. 22. 15-17. Yad aniccam.

Kinh 3. Vô tri (1)[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục[9] thì không thể đoạn trừ khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục, thì không thể đoạn trừ khổ não.

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc, nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì có thể đoạn trừ khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành và thức, nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì có thể đoạn trừ khổ não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 4. Vô tri (2)[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục, tâm không giải thoát, thì không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không biết, không rõ, không đoạn tận, không lìa tham dục[11], tâm không giải thoát, thì sẽ không thể nào vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Tỳ-kheo, đối với sắc nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì sẽ vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

---

8. Pāli, S. 22. 24. Parijānaṃ.

9. Hán: bất tri, bất minh, bất đoạn, bất ly dục 不知不明不斷不離欲。Pāli: anabhijānam aparijānaṃ avirājayaṃ appajahaṃ, không thắng trí, không biến tri, không ly tham, không xả trừ.

10. S. 35. 27. Parijānanā.

11. Ly dục tham, các đoạn trên: ly dục. Pāli: viraja, ly nhiễm. Đồng nghĩa với virāga, ly tham.

"Này các Tỳ-kheo, người nào nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu người nào nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì sẽ vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 5. Vô tri (3)[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ai đối với sắc mà yêu thích[13], thì đối với khổ cũng yêu thích. Đối với khổ mà yêu thích, thì đối với khổ sẽ không được giải thoát, không rõ, không ly dục.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà yêu thích, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ, thì đối với khổ không được giải thoát.

"Này các Tỳ-kheo, ai đối với sắc không yêu thích, thì đối với khổ cũng không thích. Ai đối với khổ không thích, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

"Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức không yêu thích, thì đối với khổ cũng không thích. Ai đối với khổ không thích, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát. Ai không giải thoát tâm tham, thì sẽ không thể đoạn trừ được khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức ai không biết, không rõ, không ly dục, tâm không giải thoát. Tham tâm không giải thoát, thì sẽ không đoạn trừ được khổ não.

"Đối với sắc, nếu người nào biết, rõ, lìa tham dục, tâm giải thoát,

---

12. S. 22. 29. Abhinandanaṃ (hoan hỷ) và phần cuối 22.24. Parijānaṃ (biến tri).

13. Hán: ái hỷ 愛喜。Pāli: abhinandati, hoan hỷ, chào mừng, hoan nghinh.

thì sẽ có thể đoạn trừ được khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu biết, rõ, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể đoạn trừ khổ não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 6. Vô tri (4)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc, không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát thì sẽ không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát, thì sẽ không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc nếu biết, nếu rõ, nếu lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 7. Hỷ lạc sắc[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ai yêu thích sắc, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ thì đối với khổ không được giải thoát.

"Cũng vậy, ai yêu thích thọ, tưởng, hành và thức, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ thì đối với khổ không được giải thoát.

"Này các Tỳ-kheo, ai không yêu thích sắc, thì sẽ không thích khổ. Ai không yêu thích khổ, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

---

14. S. 35. 27, Parijānanā.

15. S. 22. 29 Abhinandanaṃ.

"Cũng vậy, ai không yêu thích thọ, tưởng, hành, thức thì sẽ không thích khổ. Ai không thích khổ, thì đối với khổ sẽ được giải thoát."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Vô thường và khổ không,
Phi ngã, chánh tư duy.
Có bốn kinh vô tri,
Cùng hỷ lạc nơi sắc.

□

Kinh 8. Quá khứ vô thường[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc quá khứ, vị lai là vô thường huống chi là sắc hiện tại. Thánh đệ tử hãy quán sát như vầy: 'Không hồi tưởng sắc quá khứ, không tìm cầu sắc vị lai, đối với sắc hiện tại thì nên nhàm tởm, ly dục, hướng thẳng đến diệt tận[17].'

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai là vô thường huống chi là... thức hiện tại. Thánh đệ tử hãy quán sát như vầy: 'Không hồi tưởng thức quá khứ, không mong cầu thức vị lai và đối với thức hiện tại thì nên nhàm chán, ly dục, hướng thẳng đến diệt tận.'

"Vô thường, khổ, không, phi ngã cũng lại như vậy."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 9. Yểm ly[18]

Tôi nghe như vầy:

---

16. *S. 22. 9-11. Atītānāgatapaccupanna.*

17. *Hán: chánh hướng diệt tận 正向滅盡。Pāli: nirodhāya paṭipanno, tu tập hướng đến sự diệt tận (đối với sắc...).*

18. *Gần giống kinh số 2 trên, S. 22. 15. Yad aniccam.*

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta[19]. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán[20].

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

"Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ nhàm tởm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm tởm nên không ham muốn[21], vì không ham muốn nên được giải thoát. Đối với giải thoát, trí chân thật phát sanh[22], biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 10. Giải thoát[23]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Chẳng phải ta tức chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

---

19. Pāli: yad dukkhaṃ tad anattā; yad anattā tam netaṃ mama, neso'ham asmi, na meso attā'ti, cái gì khổ cái đó không phải là tự ngã. Cái gì không phải là tự ngã, cái đó không phải là của tôi, cái đó, "nó không phải là tôi; nó không phải là tự ngã của tôi."

20. Pāli: evam etam yathābhūtam sammappaññāya daṭṭhabbaṃ, điều đó cần được thấy rõ một cách như thật bằng trí tuệ chân chính như vậy.

21. Bất lạc 不樂; tức chỗ khác nói là ly dục, hay ly tham. Pāli: virāga.

22. Giải thoát giả chân thật trí sanh 解脫者眞寔智生。Pāli: vimuttasmiṃ vimuttam iti ñāṇaṃ hoti, trong sự giải thoát, biết rằng ta đã giải thoát. Xem cht.5 kinh 1 trên.

23. Gần giống kinh số 2 và số 9. Pāli: S.22. 15 Yad aniccam.

"Thánh đệ tử quán sát như vậy giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói, đó cũng là sự giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 11. Nhân duyên (1)[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc, chúng cũng vô thường[25]. Vậy, các sắc được sanh ra từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các thức, chúng cũng vô thường. Vậy, các thức được sanh ra từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

"Như vậy, các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Cái gì là vô thường thì cái đó là khổ. Cái gì khổ thì chúng chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì không phải là sở hữu của ta. Thánh đệ tử quán sát như vậy, nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm chán nên không thích. Vì không thích nên giải thoát và có tri kiến về giải thoát[26], biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

24. S. 22. 18. Hetu (nhân).

25. Pāli: yo pi hetu yo pi paccayo rūpassa uppādāya so pi anicco, cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sự sinh khởi của sắc, cái đó cũng vô thường.

26. Giải thoát tri kiến, xem cht.22 kinh 9 trên.

Kinh 12. Nhân duyên (2)[27]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc cũng vô thường. Vậy, các sắc được sanh từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Vậy, các thức được sanh ra từ nhân và duyên vô thường làm sao có thể là thường được?

"Như vậy, các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Cái gì là vô thường thì cái đó là khổ. Cái gì khổ thì chúng chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì không phải là sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán. Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành và thức. Ta nói, đó cũng là giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não như vậy."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 13. Vị (1)[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu chúng sanh nào không nếm vị ngọt của sắc thì sẽ không nhiễm đắm sắc[29]. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của sắc cho nên bị đắm trước.

"Cũng vậy, chúng sanh nào không nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức thì chúng sanh ấy không bị đắm nhiễm thức. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức cho nên chúng sanh ấy bị nhiễm trước vào thức.

---

27. Gần giống kinh 11 trên. Pāli, S. 22. 19-20. Hetu.

28. Pāli, S. 22. 28. Assāda.

29. Pāli: no cedaṃ bhikkhave rūpassa assādo abhavissa na yidaṃ sattā rūpasmiṃ sārajjeyyaṃ, nếu (trước đó) đã không tồn tại vị ngọt của sắc, thì các chúng sanh không thể tham đắm nơi sắc.

"Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh không phải là sự tai hại[30], thì chúng sanh ấy không nên nhàm chán sắc. Vì sắc là mối hại của chúng sanh cho nên những chúng sanh ấy nhàm chán sắc.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu không phải là mối hại thì chúng sanh ấy không nên nhàm chán thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức là mối hại của chúng sanh, cho nên những chúng sanh ấy nhàm chán thức.

"Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh mà không có sự xuất ly[31], thì những chúng sanh ấy không nên thoát ly sắc. Vì sắc đối với chúng sanh có sự xuất ly, cho nên những chúng sanh ấy thoát ly sắc.

"Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh không có sự xuất ly, thì những chúng sanh ấy không nên thoát ly thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh có sự xuất ly, cho nên những chúng sanh ấy thoát ly thức.

"Này các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với năm thọ ấm[32] này mà không biết một cách như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, thì Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã không thể tự chứng, không được thoát, không vượt ra, không xa lìa, vĩnh viễn an trú trong sự điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác[33].

"Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã biết năm thọ ấm này một cách như thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, nên Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã có thể tự chứng, đã thoát, đã vượt ra, đã xa lìa, vĩnh viễn không an trú trong sự điên đảo, cũng có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

30. Hán: hoạn 患 Pāli: adìnavo, tai họa, sự nguy hiểm.

31. Xuất ly 出離; cũng nói là xuất yếu; Pāli: nissaraṇa, sự thoát ly, thoát ra khỏi chỗ nguy hiểm.

32. Thọ ấm 受陰, cũng nói là thủ uẩn. Pāli: upādānakkhanda.

33. Pāli: (……) sattā sadevakā lokà samārakā sabrahmakā sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya nissaìà visamyuttā vippamuttā vimariyādikatena cetasā viharanti, (do biết rõ nên) các chúng sanh ấy, đối với thế giới này bao gồm Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng với trời và người, mà được thoát ly, tách ra khỏi, tự tại, an trú với tâm không bị câu thúc.

Kinh 14. Vị (2)[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Trước kia Ta đã từng đi tìm kiếm vị ngọt của sắc[35]. Nếu khi cảm giác tùy thuận[36] vị ngọt của sắc, thì đối với vị ngọt của sắc Ta dùng trí tuệ thấy rõ như thật.

"Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm kiếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận thọ, tưởng, hành, thức, thì đối với vị ngọt của thức Ta dùng trí tuệ thấy rõ như thật.

"Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tìm kiếm sự tai hại của sắc. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự tai hại của sắc, thì đối với sự tai hại của sắc Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

"Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm kiếm sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự tai hại của thức, thì đối với sự tai hại của thức Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

"Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tìm cầu sự xuất ly sắc. Nếu khi cảm giác tùy thuận sắc, thì đối với sự xuất ly sắc Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

"Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm cầu sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức thì đối với sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức Ta dùng trí tuệ để biết rõ như thật.

"Này các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với năm thọ ấm này mà không biết một cách như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, thì Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã không thể tự chứng, không được thoát, không vượt ra, không xa lìa, vĩnh viễn an trú trong sự điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

"Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã biết năm thọ ấm này một cách như thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, nên Ta ở giữa

---

34. Gần giống kinh 13 trên. Pāli, S. 22. 26-27. Assāda.

35. Ư sắc vị hữu cầu hữu hành 於色味有求有行。Pāli: rūpassa assāda-pariyesanaṃ acariṃ, Ta đã đi để tìm cầu vị ngọt của sắc.

36. Tùy thuận giác 隨順覺。Pāli: yad rūpassa assādo tad ajjhagamaṃ, Ta (đã) tiếp cận vị của sắc.

chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã có thể tự chứng, đã thoát, đã vượt ra, đã xa lìa, vĩnh viễn không an trú trong sự điên đảo, cũng có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Quá khứ nói bốn kinh
Yểm ly và giải thoát
Nói hai kinh nhân duyên
Vị ngọt cũng hai kinh.

□

Kinh 15. Sử[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ[38] đến chỗ Đức Phật, cúi đầu lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở chỗ vắng[39], tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình[40], chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm[41] cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay

---

37. Pāli, S. 22. 36. Bhikkhu; tham chiếu S. 22. 63-65. Upādiyāmano.

38. Hán: dị Tỳ-kheo 異比丘。Pāli: aññataro.

39. Độc nhất tĩnh xứ 獨一靜處。Pāli: eko vūpakaṭṭho, cô độc, cách biệt người đời.

40. Tín gia phi gia xuất gia 信家非家出家。Pāli: agārasmā anagārayaṃ pabbajjati, từ bỏ gia đình, ra đi sống không gia đình.

41. Hiện pháp tác chứng 現法作證。Pāli: diṭṭhe va dhamme sayaṃ abhiññā sacchikitvà, ngay trong đời nay, bằng thắng trí, tự mình thể nghiệm.

xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Này Tỳ-kheo, nếu để sai sử theo sử, tức là chết theo sử[42]. Nếu chết theo sử là bị thủ trói buộc[43]. Nếu Tỳ-kheo không bị sai sử theo sử, thì sẽ không chết theo sử. Không chết theo sử, tức là giải thoát đối với thủ."

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối trong pháp yếu mà Ta đã lược nói, nếu ngươi hiểu rộng nghĩa của nó thì phải như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, sắc sai sử theo sử, sắc chết theo sử[44]. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

"Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử, thì chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

"Bạch Thế Tôn, nếu sắc không sai sử theo sử, thì sắc không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

"Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử, thì không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối

---

[42] Nhược tùy sử sử giả tức tùy sử tử 若隨使使者即隨使死。Hán dịch tối nghĩa. Có lẽ Pāli: yaṃ kho bhikkhu anuseti tam anumīyati, nó thiên chấp theo cái gì thì nó suy lường theo cái đó. Pāli: anuseti, nghĩa đen: nằm theo, tiềm phục, tùy miên; danh từ phát sanh là anusaya: tùy miên, chỉ phiền não tiềm phục (tùy tùng miên phục). Bản Hán hiểu anseti là do động từ sevati: phục vụ, nên dịch là tùy sử hay sai sử. Pāli: anumīyati (suy lường), do gốc động từ mà: đo lường; nhưng bản Hán hiểu là do động từ miyyati: chết, nên dịch là tùy tử (chết theo).

[43] Tùy sử tử giả tắc vi thủ sở phược 隨使死者則爲取所縛，Pāli, yam anumīyati tena saṃkhaṃ gacchati, nó suy lường theo cái gì, nó được định danh theo cái đó. Xem thêm cht.46 kinh 16 dưới.

[44] Pāli: rūpam... anuseti tam anumīyati, nó thiên chấp sắc, nó suy lường theo sắc.

với thủ được giải thoát.

"Như vậy, trong pháp yếu được Thế Tôn nói tóm tắt, ý nghĩa được diễn rộng như vậy."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo! Trong pháp yếu được Ta nói tóm tắt, ý nghĩa được diễn rộng như vậy.

"Vì sao?

"Sắc sai sử theo sử, sắc chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử, thì chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

"Này Tỳ-kheo, nếu sắc không sai sử theo sử, thì sắc không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

"Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử, thì không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát."

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia sau khi nghe Đức Phật dạy xong tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui. Vị kia ở một mình nơi chỗ vắng tinh cần tu tập, sống không buông lung. Sau khi tinh cần tu tập sống không buông lung rồi, vị kia tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, … cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành A-la-hán, tâm được giải thoát.

□

Kinh 16. Tăng chư số[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo nọ đi đến chỗ Phật thưa hỏi những việc như trên, nhưng có những sự sai biệt như sau:

"Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số[46]. Nếu

---

45. S. 22. 35. Bhikkhu.

46. Tăng chư số 增諸數 : không rõ nghĩa. Pāli: saṃkhaṃ gacchati, nghĩa đen: đi đến chỗ tính toán; nghĩa bóng: được định danh, hay được định nghĩa. Tham chiếu S. 22. 35:

không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số.”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với những pháp mà Ta đã nói tóm tắt, ngươi hiểu rộng nghĩa của nó như thế nào?”

Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu sắc sai sử theo sử thì chết theo sử. Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử thì chết theo sử. Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số.

“Bạch Thế Tôn, nếu sắc không sai sử theo sử thì không chết theo sử. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử thì không chết theo sử. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số.

“Bạch Đức Thế Tôn, trong những pháp đã được nói tóm tắt, con đã hiểu nghĩa rộng của nó như vậy.”

Như trên và cho đến … ‘đạt được A-la-hán, tâm được giải thoát’.

□

Kinh 17. Phi ngã[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, chắp tay bạch Đức Phật rằng:

“Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

---

yam anuseti tena saṃkhaṃ gacchati: nó thiên chấp cái gì thì nó được định danh theo cái đó. Xem thêm cht.43 kinh 15 trên.

47. S. 22. 68. Anattā, 69. Anattaniya.

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ngươi đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn."

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này Tỳ-kheo, pháp nào không thích ứng[48] đối với ngươi thì nên nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài[49]."

Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

"Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ!"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với những pháp đã được nói tóm tắt, ngươi hiểu rộng ý như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, sắc chẳng phải là thích ứng đối với con, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thích ứng đối với con, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài. Cho nên, bạch Thế Tôn, đối với pháp mà Thế Tôn đã nói tóm tắt con đã hiểu rộng nghĩa của nó như vậy."

Đức Phật dạy:

"Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đối với những pháp đã được nói tóm tắt của Ta, ông đã hiểu nghĩa rộng của nó. Vì sao? Vì sắc chẳng phải là thích ứng đối với ông, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thích ứng đối với ông, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài."

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống

---

48. Phi sở ưng pháp 非所應法。Có lẽ Pāli: na-tumhākam, không phải của các ông. Xem cht.52 kinh 18 dưới.

49. Pāli: tam vo pahìnaṃ hitāya sukhāya bhavissati, đoạn trừ pháp ấy sẽ dẫn đến lợi ích và an lạc.

không buông lung. Sau khi siêng năng tu tập, sống không buông lung, thầy tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

□

Kinh 18. Phi bỉ[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, lễ Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Nếu có pháp nào chẳng phải là thích ứng của các ông và cũng chẳng phải là thích ứng của người khác, thì hãy nhanh chóng đoạn trừ

---

[50]. S.22. 33-34. Na-tumhākaṃ (không phải của các ông, so sánh dẫn Pāli cht.52 dưới).

pháp ấy[51]. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài."

Tỳ-kheo kia, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, sắc chẳng phải là con, chẳng phải là thích ứng của con[52], cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là con, chẳng phải là thích ứng của con, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cho nên đối với những pháp mà Như Lai đã nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó như vậy."

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu nghĩa rộng của nó. Vì sao? Này Tỳ-kheo, sắc chẳng phải là ta, chẳng phải là thích ứng của ta, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là ta, chẳng phải là thích ứng của ta, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài."

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

□

---

51. Pāli: yam bhikkhave na-tumhākaṃ, tam pajahatha, này các Tỳ-kheo, cái gì không phải là của các ông, hãy loại bỏ cái ấy.

52. Pāli: na hi no etam bhante attā và attaniyam, bạch Thế Tôn, cái đó không phải là tự ngã của con, cũng không phải là sở thuộc của tự ngã của con.

Kinh 19. Kết hệ[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, lễ Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Tỳ-kheo, pháp bị trói buộc bởi kết sử, hãy nhanh chóng đoạn trừ[54]. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài."

Tỳ-kheo kia, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Đức Thế Tôn, sắc là pháp bị kết sử trói buộc[55]. Pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ rồi, sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là pháp

---

53. S. 22. 70. Rajanīyasaṇṭhitaṃ (sự cấu thành, hay tồn tại, bị ô nhiễm).

54. Pāli: yam kho bhikkhu rajanīyasaṇṭhitaṃ tatra te chando pahātabbo, Tỳ-kheo, cái gì là môi trường cho sự ô nhiễm, nơi cái ấy người phải đoạn trừ sự ham muốn.

55. Pāli: rūpaṃ kho rajanīyasaṇṭhitaṃ, sắc là môi trường để bị tham nhiễm.

bị kết sử trói buộc. Pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi pháp kia đã được đoạn trừ rồi, thì sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cho nên đối với những pháp đã được Đức Thế Tôn nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu được nghĩa rộng của nó. Vì sao? Vì sắc là pháp bị kết sử trói buộc, pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ rồi, sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là pháp bị kết sử trói buộc, pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi pháp kia đã được đoạn trừ rồi, thì sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài."

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

□

Kinh 20. Thâm kinh

Thâm kinh cũng nói như vậy[56].

□

Kinh 21. Động dao[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, lễ Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình,

---

[56]. Nguyên văn trong bản Hán; theo đó, còn một kinh tên là "Thâm kinh" với nội dung hoàn toàn như kinh trên.

[57]. S. 22. 63. Upādiyamāna; S.22. 64. Maññamāna.

sống không gia đình, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Này Tỳ-kheo, người nào dao động thì sẽ bị ma trói. Nếu người nào không động thì sẽ giải thoát khỏi Ba-tuần[58]."

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, khi bị sắc làm dao động[59] thì bị ma trói buộc. Nếu không dao động thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cũng vậy khi thọ, tưởng, hành, thức làm dao động thì bị ma trói buộc. Nếu không dao động thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cho nên đối với những pháp đã được Đức Thế Tôn nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu được nghĩa rộng của nó. Vì sao? Khi bị sắc làm dao động, thì bị ma trói buộc. Nếu không động, thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cũng vậy khi bị thọ, tưởng, hành, thức làm dao động, thì sẽ bị ma trói buộc. Nếu không động, thì giải thoát khỏi Ba-tuần"… cho đến: '… tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

□

---

58. Pāli: upādiyamāno baddho mārassa anupādiyamāno mutto pāpimāto, khi chấp thủ thì bị ma trói chặt. Khi không chấp thủ thì thoát khỏi Ba-tuần (Ác ma).

59. Pāli: rūpaṃ upādiyamāno, khi chấp thủ sắc.

Kinh 22. Kiếp-ba sở vấn[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Kiếp-ba[61], đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như lời Đức Thế Tôn đã dạy, 'Tỳ-kheo tâm khéo được giải thoát.' Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo tâm khéo được giải thoát[62]?"

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Kiếp-ba rằng:

"Lành thay! Lành thay! Ông có thể hỏi Như Lai về tâm khéo giải thoát. Lành thay, Kiếp-ba! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Này Kiếp-ba, hãy quán sát biết rõ những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều vô thường. Khi đã quán sát chân chính về vô thường rồi, thì sắc ái liền được trừ. Khi sắc ái đã được trừ rồi, thì tâm khéo giải thoát. Cũng vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều vô thường. Khi đã quán sát chân chính về vô thường rồi, thì thức ái liền được trừ. Khi thức ái đã được trừ rồi, thì Ta nói là tâm khéo giải thoát.

"Này Kiếp-ba, Tỳ-kheo có tâm khéo giải thoát như vậy, Như Lai nói là tâm khéo giải thoát. Vì sao? Vì ái dục đã được đoạn trừ. Người nào ái dục đã được đoạn trừ, thì Như Lai gọi người đó là tâm khéo giải thoát."

Sau khi Tỳ-kheo Kiếp-ba nghe những lời dạy của Đức Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Kiếp-ba, sau khi nhận lãnh những lời Phật dạy rồi, một mình ở chỗ vắng chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung… cho đến '… tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Tâm khéo giải thoát, thành bậc A-la-hán.

□

---

60. S. 22. 124-125. Kappo.

61. Kiếp-ba 劫波。Pāli: Kappo.

62. Câu hỏi của Kappa trong bản Pāli giống như của Rāhula, xem cht.64 kinh tiếp theo.

Kinh 23. La-hầu-la sở vấn (1)[63]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong rừng trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn[64]?"

Đức Phật dạy La-hầu-la:

"Lành thay! Lành thay! Phải chăng ngươi hỏi Như Lai rằng, 'biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn'?"

La-hầu-la bạch Phật rằng:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn."

Phật dạy La-hầu-la:

"Lành thay! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này La-hầu-la, hãy quán sát, những gì thuộc về các sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau[65]; nên bằng tuệ bình đẳng[66] mà quán sát như thật như vậy. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên bằng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy.

---

63. S. 22. 91. Rāhulo.

64. Pāli: kathaṃ nu kho bhante jānato kathaṃ passato imasmiñ ca saviññāṇake kāye bahiddhà ca sabbanimittesu ahaṭkāramamaṃkāramānānusayā na honti, bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như nào mà trong thân có thức này cùng với các tướng bên ngoài không tồn tại các tùy miên tác thành ngã, ngã sở và ngã mạn?

65. Phi ngã, bất dị ngã, bất tương tại 非我不異我不相在。Pāli: n'etaṃ mama n'eso' ham asmi na m' eso attā, cái này không phải của tôi, không phải là tôi; nó không phải là tự ngã của tôi.

66. Bình đẳng tuệ 平等慧。Pāli: sammappñaāya, bằng chánh trí, hay nhận thức chân chánh.

"Như vậy, này La-hầu-la, Tỳ-kheo nên biết như vậy, thấy như vậy. Người nào biết như vậy, thấy như vậy, thì đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo nếu như vậy đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, thì Tỳ-kheo đó được gọi là người đoạn ái dục, chuyển đi các kết sử, chân chánh hiện quán[67] đạt đến biên tế của khổ."

La-hầu-la sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 24. La-hầu-la sở vấn (2)[68]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo La-hầu-la:

"Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của ta cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn?"

La-hầu-la bạch Phật rằng:

"Thế Tôn là chủ các pháp, là vị dẫn đường, là người che chở. Lành thay, Thế Tôn! Hãy vì các Tỳ-kheo mà diễn nói nghĩa này. Các Tỳ-kheo, sau khi đã được nghe những lời Phật dạy, sẽ hoan hỷ phụng hành."

Phật bảo La-hầu-la:

"Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói."

La-hầu-la bạch Phật:

"Thưa vâng, con xin vâng lời."

Phật bảo La-hầu-la:

"Hãy quán sát những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó chẳng phải ngã, không khác

---

67. Hán: chánh vô gián đẳng 正無間等; nghĩa đen: hoàn toàn không bị trở ngại. Trong các kinh khác, nhóm từ này tương đương Pāli: abhisamaya: hiện quán, chỉ sự quán chiếu và chứng ngộ bốn Thánh đế; xem thêm cht.18 kinh 105.

68. Pāli, S.22. 92. Rāhulo.

ngã, không ở trong nhau; nên dùng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy. Cũng vậy thọ, tưởng, hành và thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên dùng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy.

"Tỳ-kheo biết như vậy, phải thấy như vậy, đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, sẽ siêu việt nghi tâm, xa lìa các tướng, tịch tịnh giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, chuyển đi các kết sử, chân chánh hiện quán, đạt đến chỗ tận cùng của mé khổ một cách chân chính."

La-hầu-la sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Sử, tăng chư số,
Phi ngã, phi bỉ,
Kết phược, dao động,
Kiếp-ba sở vấn,
Cùng La-hầu-la,
Hai kinh sở vấn.

Kinh 25. Đa văn[69]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đi đến chỗ Phật, làm lễ Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Thế Tôn nói 'Đa văn'. Vậy thế nào là đa văn?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn hỏi Ta về nghĩa của đa văn phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

---

69. *Không thấy Pāli tương đương.*

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Tỳ-kheo, nên biết, nếu nghe pháp mà đối với sắc phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh[70], thì đó gọi là đa văn. Cũng vậy nếu nghe pháp mà đối với thọ, tưởng, hành, thức phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là đa văn. Này Tỳ-kheo, đó gọi là đa văn mà Như Lai nói."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

□

Kinh 26. Thiện thuyết pháp[71]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Thế Tôn nói 'Pháp sư.' Vậy thế nào gọi là Pháp sư[72]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết những gì mà Như Lai đã nói về nghĩa Pháp sư phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nếu người nào đối với sắc mà nói pháp khiến sanh ra yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh[73], thì đó gọi là Pháp sư. Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói pháp khiến sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là Pháp sư. Đó cũng gọi là những gì mà Như Lai đã nói về Pháp sư."

---

70. Xem cht.73 kinh 26 dưới.

71. Pāli, S. 22. 115-116. Kathika.

72. Pháp sư 法師。Pāli: dhammakathiko.

73. Pāli: rūpassa ce bhikkhu nibbidāya virāgāya nirodhāya dhammaṃ deseti, nếu vị ấy nói pháp dẫn đến sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

Kinh 27. Hướng pháp[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt làm lễ, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Đức Thế Tôn nói 'Pháp thứ pháp hướng[75].' Vậy thế nào là Pháp thứ pháp hướng?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết Pháp thứ pháp hướng phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này Tỳ-kheo, đối với sắc mà hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, thì gọi đó là Pháp thứ pháp hướng[76]. Cũng vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức mà hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Pháp thứ pháp hướng."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

---

74. Pāli, S. 22. 39-41. Anudhamma.

75. Pháp thứ pháp hướng 法次法向, hướng đến pháp và thứ pháp, hay tu tập hướng theo tính tuần tự của pháp; cũng nói là pháp tùy pháp hành. Pāli: dhammānudhamma-paṭipanno, thực hành pháp và tùy pháp; thực hành tùy thuận theo pháp. Tập Dị Môn Luận 6: "Thế nào là pháp tùy pháp hành? Sự xuất ly được dẫn sinh bởi như lý tác ý, các pháp thiện thù thắng được phát sanh bởi viễn ly, tu tập vững chắc, tinh cần không gián đoạn; như vậy gọi là pháp tùy pháp hành."

76. Pāli: rūpassa ce.… nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti, là sự thực hành dẫn đến sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc.

Kinh 28. Niết-bàn[77]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo khác, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn nói 'chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại[78].' Vậy, thế nào là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết về sự 'chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại' phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với sắc mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại[79]. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

□

Kinh 29. Tam-mật-ly-đề vấn thuyết pháp sư[80]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

---

77. Pāli, tham chiếu các kinh S.. 22. 155-116 Kathika, 33. 154. Kathika.

78. Đắc kiến (hiện) pháp Niết-bàn 得見法涅槃, Xem cht.dưới.

79. Pāli: rūpassa ce nibbidà virāgā nirodhà anupādā vimutto hoti, diṭṭhadhamme nibbānapatto, do yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc mà giải thoát không chấp thủ, đó là chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại.

80. Pāli, tham chiếu S. 22. 115. Kathika.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-mật-ly-đề đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Thế Tôn nói 'Thuyết pháp sư.' Vậy, thế nào gọi là Thuyết pháp sư?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nay ngươi muốn biết về nghĩa Thuyết pháp sư phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc mà nói yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Thuyết pháp sư. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Thuyết pháp sư."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

Kệ tóm tắt:

Đa văn, thiện thuyết pháp,
Hướng pháp và Niết-bàn.
Tam-mật-ly-đề hỏi:
Thế nào, Thuyết pháp sư?

□

Kinh 30. Thâu-lũ-na (1)[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy có con của một trưởng giả tên là Thâu-lũ-na[82], hằng ngày du hành đến núi Kỳ-xà-quật và ghé chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi chào đón thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

"Có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc vốn vô thường, biến dịch, không an ổn mà nói rằng, 'Ta hơn, ta bằng, ta kém.' Tại sao số Sa-môn, Bà-la-môn này lại có ý tưởng như vậy, mà không thấy cái chân thật? Cũng vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với thọ, tưởng, hành, thức vốn

---

[81] *Pāli, S. 22. 49. Soṇa.*

[82] *Thâu-lũ-na 輸屢那。Pāli: Soṇo gahapatiputto.*

vô thường, biến dịch, không an ổn, mà nói là: 'Ta hơn, ta bằng, ta kém.' Tại sao số Sa-môn, Bà-la-môn này lại có ý tưởng như vậy, mà không thấy cái chân thật?

"Có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc vốn vô thường, không an ổn, biến dịch mà nói rằng, 'Ta hơn, ta bằng, ta kém.' Vậy, do quan điểm gì mà họ không thấy cái chân thật? Cũng vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức vốn vô thường, biến dịch, không an ổn, mà nói rằng, 'Ta hơn, ta bằng, ta kém.' Vậy, do quan điểm gì mà họ không thấy cái chân thật? Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Là vô thường."

"Này Thâu-lũ-na, nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?"

Đáp: "Là khổ."

"Này Thâu-lũ-na, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Ý ông thế nào? Là Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy rằng sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Không."

"Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?"

Đáp: "Là vô thường."

"Nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?"

Đáp: "Là khổ."

"Này Thâu-lũ-na, thức nếu là vô thường là khổ, thì chúng là pháp biến dịch. Ý ông thế nào, Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy rằng thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Không."

"Này Thâu-lũ-na, nên biết rằng, sắc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những sắc ấy đều không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

"Này Thâu-lũ-na, cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ ấy không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

"Này Thâu-lũ-na, đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh tâm yểm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái

sanh đời sau nữa.’”

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, Thâu-lũ-na, con trưởng giả, xa lìa được trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Bấy giờ, Thâu-lũ-na, con trưởng giả, thấy pháp, chứng đắc pháp, không do từ ai khác, ở trong chánh pháp được vô sở úy, từ nơi chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, quỳ gối chắp tay, bạch Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

“Nay, con đã được độ. Từ hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Từ hôm nay cho đến suốt đời con luôn thanh tịnh quy y Tam bảo.”

Khi Thâu-lũ-na con trưởng giả đã được nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất dạy rồi, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

□

Kinh 31. Thâu-lũ-na (2)[83]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy có con của một trưởng giả tên là Thâu-lũ-na, hằng ngày du hành đến núi Kỳ-xà-quật và ghé chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi chào đón thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Thâu-lũ-na:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về sắc, không biết như thật sự tập khởi của sắc, không biết như thật sự diệt tận của sắc, không biết như thật con đường đưa đến sự diệt tận của sắc[84]; Thâu-lũ-na, nên biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này không đủ khả năng để đoạn trừ sắc. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về thọ, tưởng, hành và thức; không biết như thật về sự tập khởi của chúng, không biết như thật về sự diệt tận của chúng, không biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của chúng, thì họ không đủ khả năng đoạn trừ chúng.

“Này Thâu-lũ-na, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, biết như thật về sự diệt tận của sắc, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc; Thâu-

---

83. Tham chiếu kinh 30 trên.

84. Hán: sắc diệt đạo tích 色滅道跡。Pāli: rūpa-nirodhagāminiṃ-paṭipadaṃ, sự thực hành dẫn đến diệt tận của sắc.

lũ-na, nên biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này đủ khả năng đoạn trừ sắc. Cũng vậy, này Thâu-lũ-na nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về với thọ, tưởng, hành và thức, biết như thật về sự tập khởi của chúng, biết như thật về sự diệt tận của chúng, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của chúng; Thâu-lũ-na, nên biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này đủ khả năng đoạn trừ chúng.

"Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Là vô thường."

Lại hỏi:

"Nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?"

Đáp: "Là khổ."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

"Nếu sắc là vô thường, là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Không."

"Này Thâu-lũ-na, cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?"

Đáp: "Là vô thường."

Lại hỏi:

"Nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?"

Đáp: "Là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy chúng là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Không."

"Này Thâu-lũ-na, nên biết sắc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; đối với tất cả sắc không là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

"Này Thâu-lũ-na, Thánh đệ tử đối với sắc nên sanh tâm yểm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não.

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

"Này Thâu-lũ-na, Thánh đệ tử đối với chúng nên sanh tâm yểm ly,

ly dục, giải thoát, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não."

Khi Thâu-lũ-na đã nghe những gì từ Tôn giả Xá-lợi-phất dạy rồi, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

Kinh 32. Thâu-lũ-na (3)[85]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy có con của một trưởng giả tên là Thâu-lũ-na, hằng ngày du hành đến núi Kỳ-xà-quật và ghé chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi chào đón thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Thâu-lũ-na:

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về sắc, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, không biết như thật về sự diệt tận của sắc, không biết như thật về vị ngọt của sắc, không biết như thật về sự tai hại của sắc, không biết như thật về sự xuất ly của sắc, thì sẽ không đủ khả năng để siêu việt sắc. Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về sự thọ, tưởng, hành và thức; không biết như thật về sự tập khởi của chúng, không biết như thật về sự diệt tận của chúng, không biết như thật về vị ngọt của chúng, không biết như thật về sự tai hại của chúng, không biết như thật về sự xuất ly của chúng, thì Sa-môn, Bà-la-môn này sẽ không đủ khả năng để siêu việt chúng.

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc, thì Sa-môn, Bà-la-môn này có đủ khả năng vượt qua khỏi sắc. Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về thọ, tưởng, hành và thức, về sự tập khởi của chúng, về sự diệt tận của chúng, về vị ngọt của chúng, về sự tai hại của chúng, về sự xuất ly của chúng, thì Sa-môn, Bà-la-môn này có đủ khả năng siêu việt khỏi chúng.

"Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Là vô thường."

---

85. Tham chiếu kinh 30, 31 trên.

"Vậy vô thường là khổ phải không?"

Đáp: "Là khổ."

"Này Thâu-lũ-na, nếu sắc vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử ở trong đó có nên thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Không."

"Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Như vậy thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?"

Đáp: "Là vô thường."

"Vậy vô thường là khổ phải không?"

Đáp: "Là khổ."

"Này Thâu-lũ-na, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử ở trong đó có nên cho là có ngã, khác ngã, ở trong nhau không?"

Đáp: "Không."

"Này Thâu-lũ-na, nên biết rằng đối với sắc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những sắc này không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

"Này Thâu-lũ-na, cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

"Này Thâu-lũ-na, là Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này phải quán chân chánh là chẳng phải ngã, chẳng phải sở hữu của ngã. Quán sát chân chánh như vậy đối với thế gian không có gì để nhiếp thọ. Khi không có gì để nhiếp thọ, thì sẽ không có gì để chấp trước. Khi đã không có gì để chấp trước, thì sẽ tự đạt được Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.'

Khi Thâu-lũ-na con của một trưởng giả đã được nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất dạy rồi, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

□

TẠP A-HÀM QUYỂN 2

Kinh 33. Phi ngã[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã, không nên ở nơi sắc mà bệnh, khổ sanh và cũng không thể có ước muốn khiến như vậy hay không như vậy đối với sắc. Vì sắc là vô ngã cho nên ở nơi sắc có bệnh, khổ sanh và nó cũng có ước muốn khiến như vậy, hay không như vậy đối với sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là vô thường, bạch Thế Tôn."

"Tỳ-kheo, nếu là vô thường, thì có phải là khổ?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là khổ, bạch Thế Tôn."

"Vậy, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có nên thấy là có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau[2]?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Không nên, bạch Thế Tôn."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngã, không phải khác ngã,

---

[1] *Bản Phật Quang quyển 4, kinh 79. Quốc Dịch quyển 3, phẩm 7. Đại Chánh, quyển 2. Pāli, S. 22. 59. Pañca.*

[2] *Bản Pāli: etaṃ mama eo'ham asmi eso attā ti, cái này là của tôi; cái này là tôi; cái này là tự ngã của tôi.*

hay không ở trong nhau. Hãy quán sát như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử, đối với năm thọ ấm này, hãy quán sát như thật chúng là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi quán sát như thật rồi, thì đối với thế gian không có gì phải chấp thủ. Vì đã không có gì để chấp thủ, nên cũng không có gì để đắm trước. Vì đã không có gì để đắm trước, nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 34. Ngũ Tỳ-kheo[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, nơi Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

"Sắc không có ngã[4]. Nếu sắc mà có ngã, thì bệnh, khổ không thể sanh nơi sắc được, cũng không thể có ước muốn khiến cho như vầy hay không như vầy đối với sắc được. Vì sắc là vô ngã, cho nên nơi sắc bệnh, khổ sanh và cũng có thể có ước muốn khiến cho như vầy hay không như vầy được. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là vô thường, bạch Thế Tôn."

"Tỳ-kheo, vô thường là khổ chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Là khổ, bạch Thế Tôn."

"Tỳ-kheo, vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc có nên thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

---

3. Pāli, S. 22. 59. Pañca.

4. Sắc phi hữu ngã 色非有我。Pāli: rūpam bhikkhave anattā.

"Không nên, bạch Thế Tôn."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát như thật tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải là ngã sở. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này, hãy quán sát như thật, thấy chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy, đối với thế gian đều không có gì để thủ. Vì không có gì để thủ, nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước, cho nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 35. Tam Chánh sĩ [5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tinh xá Trúc viên, tại Chi-đề.

Bấy giờ có ba vị Chánh sĩ[6] mới xuất gia. Đó là Tôn giả A-nậu-luật-đà[7], Tôn giả Nan-đề[8], Tôn giả Kim-tỳ-la[9].

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết trong tâm họ đang nghĩ những gì, nên răn dạy họ rằng:

"Tỳ-kheo, đây là tâm, đây là ý, đây là thức. Hãy tư duy điều này. Chớ tư duy điều này. Hãy đoạn trừ dục này, đoạn trừ sắc này, tự thân tác chứng, thành tựu và an trụ.

"Tỳ-kheo, có sắc nào là thường còn, không biến dịch, tồn tại mãi không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch không, Thế Tôn."

---

5. *Không có Pāli tương đương.*
6. *Đây chỉ ba công tử họ Thích.*
7. *A-nậu-luật-đà 阿冤律陀。Pāli: Anuruddha.*
8. *Nan-đề 難提。Pāli: Nandiya.*
9. *Kim-tỳ-la 佥毗羅。Pāli: Kimbila.*

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Sắc là vô thường, là pháp biến dịch, yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh. Sắc như vậy từ xưa tới nay, tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch. Khi đã biết như vậy rồi, thì tất cả các lậu, hại, xí nhiên, ưu não đã từng duyên vào sắc này mà sanh ra, thảy đều bị đoạn diệt. Khi đã đoạn diệt rồi, thì không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để chấp trước rồi, thì sống an lạc. Khi đã sống an lạc rồi, thì đạt được Bát-niết-bàn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Khi Đức Phật nói kinh này, ba vị Chánh sĩ lậu hoặc không còn khởi lên nữa, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 36. Thập lục Tỳ-kheo[10]

Tôi nghe như vầy:

Khi Đức Phật ở trong vườn xoài Tán cái, bên bờ sông Bạt-đề, nước Ma-thâu-la[11].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy an trú nơi hòn đảo chính mình[12], an trú nơi nương tựa chính mình[13], an trú nơi hòn đảo pháp[14], an trú nơi nương tựa pháp[15], chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nương tựa nơi nào khác.

"Tỳ-kheo hãy quán sát chân chánh, an trú nơi hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú nơi nương tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nơi nương tựa nào khác.

"Do nhân gì mà ưu, bi, khổ, não sanh? Tại sao có bốn? Do bởi đâu bị cái gì trói buộc[16]? Làm sao tự quán sát, ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay

---

10. Pāli, S. 22. 43. Attapīpa.

11. Ma-thâu-la 摩偷羅。Pāli: Mathurà. Bản Pāli, Sāvatthinidānaṃ, nhân duyên ở Xá-vệ.

12. Hán: tự châu 自州。Pāli: attadīpa.

13. Hán: tự y 自依。Pāli: attasaraṇā.

14. Hán: Pháp châu 法州。Pāli, dhammadīpa, pháp là hòn đảo.

15. Hán: pháp y 法低。Pāli, dhammasaraṇā, pháp là nơi nương tựa.

16. Pāli: kiṃjātikà... kiṃpahotikà, do cái gì chúng sinh? Do cái gì chúng hiện?

sanh; ưu, bi, khổ, não đã sanh nay lại tăng trưởng rộng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà nói, sau khi chúng con nghe xong, sẽ y như những lời dạy mà làm theo."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, có sắc, nhân sắc mà trói buộc vào sắc; tự quán sát ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay sanh, đã sanh rồi nay lại tăng trưởng rộng. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, có sắc nào là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi không?"

Đáp: "Bạch không, Thế Tôn."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, sắc là vô thường. Nếu thiện nam tử biết sắc là vô thường, khổ, biến dịch, dục, diệt tận, tịch tĩnh; từ xưa tới nay tất cả sắc đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch; biết rồi, nếu sắc là nhân duyên sanh ra ưu, bi, khổ, não, thì nên đoạn trừ chúng. Khi đã đoạn trừ rồi, thì không còn gì để chấp trước. Vì không chấp trước nên sống an vui. Khi đã sống an vui rồi, thì đó gọi là Niết-bàn. Đối với thọ tưởng, hành và thức lại cũng như vậy."

Khi Đức Phật nói kinh này, thì mười sáu Tỳ-kheo không sanh các lậu, tâm đạt được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Trúc viên, Tỳ-xá-ly,
Thanh tịnh, chánh quán sát,
Vô thường, khổ, phi ngã,
Năm, ba và mười sáu.

□

Kinh 37. Ngã[17]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không tranh luận với thế gian. Thế gian tranh luận với Ta. Vì sao vậy? Tỳ-kheo, nếu người nào nói đúng pháp, thì người ấy không tranh luận với thế gian.

"Những gì người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Thế nào là người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có? Tỳ-kheo, sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, thì Ta cũng nói có.

"Những gì người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không. Thế nào là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không? Tỳ-kheo, sắc thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi, là điều người trí thế gian nói là không, thì Ta cũng nói là không. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi; là điều người trí nói không, thì Ta cũng nói không. Đó gọi là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

"Tỳ-kheo, có những pháp thế gian, ở trong thế gian[18], Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người mà phân biệt, giảng nói, hiển thị, nhưng những kẻ mù không có mắt trong thế gian đã không biết, không thấy, đó không phải là lỗi của Ta.

"Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

"Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng

---

17. Quốc Dịch, phẩm 8, quyển 3. Pāli, S. 22. 94 Puppha (bông hoa), hay Vaddha (tăng trưởng).

18. Thế gian thế gian pháp 世間世間法。Pāli: loke lokadhamma, pháp thế gian trong thế gian.

những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 38. Ty hạ[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Người đời làm nghề thấp hèn, bằng đủ mọi cách mưu sinh tìm cầu của cải, mà được giàu sang; điều đó người đời ai cũng biết. Như điều mà người đời biết, Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Chớ nghĩ Ta khác người đời.

"Tỳ-kheo, giống như cùng một món đồ, có nơi người ta gọi là kiền-tỳ, có nơi gọi là bát, có nơi gọi là chủy-chủy-la, có nơi gọi là giá-lưu, có nơi gọi là tỳ-tất-đa, có nơi gọi là bà-xà-na, có nơi gọi là tát-lao[20], theo sự hiểu biết chỗ này hay chỗ kia. Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Đừng nghĩ Ta khác người đời.

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, có pháp thế gian mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được."

"Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

"Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta đã tự biết, tự thấy,… cho đến, những kẻ mù không mắt, không biết không thấy, thì Ta làm gì được!"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy,

---

19. *Pāli, S. 22. 94. Puppha (hay Vaddha).*

20. *Kiền-tỳ 揵茨，chủy-chủy-la 匕匕羅，giá-lưu 遮留，tỳ-tất-đa 毗悉多，bà-xà-na 婆闍那，tát-lao 薩牢，không rõ phiên âm từ gì.*

hoan hỷ phụng hành.

Kinh 39. Chủng tử[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm loại hạt giống. Năm loại đó là gì? Đó là, hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân, hạt giống từ đốt[22], hạt giống tự rụng, hạt giống từ quả. Năm loại hạt giống này tuy không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió[23], vừa chín, chắc hạt, có đất, nhưng nếu không có nước[24], thì những loại hạt giống đó không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Nếu những hạt giống mới vừa chín tới, chắc hạt này, tuy không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió, có nước, nhưng nếu không có đất, thì chúng cũng không sanh trưởng lớn mạnh được. Nếu những hạt giống mới vừa chín tới, chắc hạt này, mà không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió, có nước, có đất đầy đủ, thì những hạt giống này sẽ sanh trưởng lớn mạnh.

"Tỳ-kheo, năm loại hạt giống này được ví cho các thọ ấm cùng hiện hữu với thức. Đất được ví cho bốn thức trụ[25]. Nước được ví cho hỷ tham[26]. Bốn thủ[27] vin bám nơi thức mà trụ. Bốn là những gì? Thức trụ ở trong sắc, vin bám sắc, hỷ tham được ướt nhuần, sanh trưởng lớn mạnh. Cũng vậy, thức trụ trong thọ, tưởng và hành, vin bám thọ, tưởng, hành, hỷ tham được ướt nhuần, sanh trưởng lớn mạnh.

---

21. Pāli, S. 22. 54. Bīja.

22. Năm loại giống theo Pāli: mūlabīja, từ rễ; khandhabīja, từ thân, aggabīja, từ cành, hay ngọn, phalubīja, từ đốt; bījabīja, từ hạt giống.

23. Pāli: avātāpahatāni, không bị làm hư bởi gió, nóng.

24. Bản Pāli: pathavī ca nàssa āpo ca nàssa, không có địa giới và không có thủy giới.

25. Tứ thức trụ 四識Ñ住。Pāli: catassa viññāṭṭhitiyo, bốn điểm lập cước, bốn sở y của thức.

26. Hỷ tham 喜貪。Pāli: nandirāga.

27. Tứ thủ 四取。Pāli; cattāri upādāni: kàmūpādānaṃ, diṭṭhūpādānaṃ, sīlabbatūpādānaṃ, attavādūpadānaṃ, dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Xem D. 33. Saṅgīti.

"Tỳ-kheo, thức ở trong đó, hoặc đến, hoặc đi, hoặc hiện, hoặc mất, hoặc sanh trưởng lớn mạnh.

"Tỳ-kheo, nếu lìa sắc, thọ, tưởng, hành mà thức có đến, có đi, có hiện, có mất, có sanh, thì chỉ có trên ngôn thuyết, chứ nếu hỏi đến thì sẽ không biết, càng làm cho si mê, vì không phải là cảnh giới.

"Đối với sắc giới mà lìa tham. Khi đã lìa tham rồi, sự trói buộc bởi ý sanh[28] và sự ngưng trệ nơi sắc bị đoạn trừ[29]. Khi sự trói buộc bởi ý sanh[30] và sự ngưng trệ nơi thức bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám bị cắt đứt[31]. Khi sự vin bám bị cắt đứt rồi, thì thức cũng không còn chỗ trụ để sanh trưởng lớn mạnh trở lại. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng và hành giới[32] lìa tham. Khi đã lìa tham rồi, thì ý sanh xúc[33] và sự ngưng trệ nơi hành bị đoạn trừ. Khi ý sanh xúc và sự ngưng trệ nơi hành bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám bị cắt đứt. Khi sự vin bám bị cắt đứt rồi, thì thức cũng không còn chỗ trụ để sanh trưởng lớn mạnh trở lại. Vì đã không sanh trưởng cho nên không tác hành[34]. Khi đã không tác hành, thì trụ vững[35]. Do an trụ vững mà tri túc. Do tri túc mà giải thoát.[36] Do giải thoát mà đối với các thế gian không còn gì để thủ, không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để thủ và không còn gì để chấp trước, do đó tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Ta nói thức này, không đi sang Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên, dưới. Nó không đi đến đâu cả, mà chỉ ngay trong đời hiện tại sẽ nhập Niết-bàn, tịch diệt, thanh lương, thanh tịnh, chân thật[37]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

28. Xem cht.20 kinh 64.

29. Ư sắc phong trệ 於色封滯。Pāli: rūpupayaṃ, tiếp cận sắc, bị lôi kéo vào sắc, bị phong tỏa, vây khốn bởi sắc. Xem thêm cht.39 kinh 40.

30. Ý sanh 意生, xem cht.20 kinh 64.

31. Phan duyên đoạn 攀緣斷。Pāli: vocchijjatārammanaṃ, sở duyên bị đoạn trừ.

32. Hành giới 行界。Pāli: saṭkhāradhātu.

33. Xem cht.20 kinh 64.

34. Tác hành 作行。Pāli: abhisaṭkhāra, hành vi, hành sử, tác động.

35. Pāli: viññānaṃ avirāḷhaṃ anabhisaṭkhāraṃ vimuttaṃ, thức không sanh trưởng, không tác hành, được giải phóng.

36. Pāli: vimuttattā ṭhitaṃ; ṭhitattā santusitaṃ; santusitattā na paritassati, do giải thoát mà trụ vững, do trụ vững mà thỏa mãn; do thỏa mãn mà không sợ hãi.

37. So sánh kinh 64.

Kinh 40. Phong trệ[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Phong trệ[39], thì không giải thoát. Không phong trệ, thì được giải thoát.

"Thế nào là phong trệ không giải thoát?

"Tỳ-kheo, thức vin bám vào bốn thủ ấm mà trụ. Bốn là những gì? Thức bị phong trệ bởi sắc mà trụ. Cũng vậy, thức bị phong trệ bởi thọ, tưởng và hành mà trụ… cho đến chẳng phải là cảnh giới.[40] Đó gọi là phong trệ nên không giải thoát.

"Thế nào là không bị phong tỏa trì trệ, thì giải thoát?

"Đối với sắc giới ly tham; với thọ, tưởng, hành mà ly tham… cho đến thanh lương, thanh tịnh, chân thật. Đó gọi là không bị phong trệ, thì được giải thoát."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 41. Ngũ chuyển[41]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Ta đối với năm thọ ấm này, có năm như thật tri[42]. Như thật tri về sắc, về sự tập khởi của sắc, về vị ngọt của sắc, về tai hại của sắc và về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, như thật tri về thọ, tưởng, hành, thức, về sự tập khởi của

---

38. Pāli, S. 22. 53. Upāya.

39. Phong trệ 封滯, phong tỏa và trì trệ, bị vây khốn. Pāli. upàyo và sớ giải: taṇhāmānadiṭṭhivasena pañcakkhandhe upagato, do thế lực của ái, mạn, kiến và bị hãm trong năm uẩn. Xem thêm cht.29 kinh 39.

40. Xem kinh 39.

41. Pāli, S.22.56. Upādānaṃ parivaṭṭaṃ (Thủ chuyển).

42. Năm như thật tri về sắc: sắc 色, sắc tập 色集, sắc vị 色味, sắc hoạn 色患, sắc ly 色離。Pāli: Catuparivaṭṭam, bốn chuyển: rūpaṃ (sắc), rūpasamudāyam (sắc tập), rūpanrodhaṃ (sắc diệt), rūpanirodhayāminiṃ paṭipadam (sắc diệt đạo tích).

thức, về vị ngọt của thức, về tai hại của thức và về sự xuất ly thức.

"Thế nào là như thật tri về sắc? Những gì là sắc là tất cả bốn đại và sắc do bốn đại sanh ra. Đó gọi là sắc. Như vậy, như thật tri về sắc.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của sắc? Đối với sắc mà có hỷ ái. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của sắc.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của sắc? Do duyên vào sắc mà sanh ra hỷ lạc. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của sắc.

"Thế nào là như thật tri về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của sắc.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly sắc.

"Thế nào là như thật tri về thọ? Có sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ nhãn xúc, thọ phát sanh từ tai, mũi, lưỡi, thân và ý xúc. Đó gọi là sáu thọ. Như vậy, như thật tri về thọ.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thọ.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc duyên vào sáu thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thọ.

"Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai hại của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thọ.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thọ? Đối với thọ mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là lìa thọ. Như vậy, như thật tri về sự lìa thọ.

"Thế nào là như thật tri về tưởng? Có sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh bởi nhãn xúc; tưởng phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là tưởng. Như vậy, như thật tri về tưởng.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của tưởng? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của tưởng.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc do duyên vào

tưởng mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của tưởng.

"Thế nào như thật tri về sự tai hại của tưởng? Tưởng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của tưởng.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly tưởng? Đối với tưởng mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa tưởng. Như vậy, như thật tri về sự lìa tưởng.

"Thế nào là như thật tri về sự hiện hữu của hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh bởi nhãn xúc. Tư phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là hành. Như vậy, như thật tri về hành.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của hành.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của hành.

"Thế nào gọi là như thật tri về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của hành.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly hành? Đối với hành mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly hành.

"Thế nào là như thật tri về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, thức của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là thức. Như vậy, như thật tri về thức.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thức.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên vào thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thức.

"Thế nào là như thật tri về sự tại hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thức.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thức? Đối với thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham.

Đó gọi là sự lìa thức. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly của thức.

"Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như vậy, mà thấy như vậy, thì do biết như vậy, thấy như vậy người đó hướng đến ly dục, đó gọi là chánh hướng[43]. Nếu người nào hướng đến chân chánh, thì ta nói người đó đã được thể nhập[44]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như thật, thấy như thật; do biết như thật, thấy như thật, đối với sắc sanh yểm ly, ly dục, không khởi lên các lậu, tâm đạt được giải thoát. Nếu người nào đã đạt được tâm giải thoát, thì người đó thuần nhứt[45]. Người nào đã được thuần nhứt, thì phạm hạnh đã lập. Người nào phạm hạnh đã lập, không còn bị ai khống chế[46]. Đó gọi là biên tế của khổ[47]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 42. Thất xứ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bảy xứ thiện[48], với ba phương pháp quán nghĩa[49], hoàn toàn[50] ở trong pháp này mà chứng đắc lậu tận[51], đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải

---

43. *Chánh hướng 正向。Pāli: sammāpaṭipanno, thực hành chân chánh. Bản Pāli: supaṭipanno, thiện hành, thực hành tốt, thiện xảo.*

44. *Pāli: ye supsṭipannā te imasmiṃ dhammavinaye gādhanti, những ai thực hành chân chánh (khéo thú hướng), những người ấy xác lập trong pháp và luật này.*

45. *Thuần nhất 純一。Pāli: kevalin, con người toàn thiện, đấng độc tôn.*

46. *Hán: ly tha tự tại 離他自在。*

47. *Khổ biên 苦邊ä。Pāli: dukkhānta, biên tế của khổ, sự chấm dứt của khổ.*

48. *Thất xứ thiện 七處善：ngũ uẩn cùng với tập, diệt, đạo, vị, hoạn, ly. Pāli: sattaṭṭhāna-kusala, sự thiện xảo (khéo léo) trong bảy trường hợp.*

49. *Tam quán nghĩa 三觀義：tức ba khoa uẩn, xứ và giới. Pāli: tividhūpaparikkhì, ba phương pháp quán sát. Xem cht.52 dưới.*

50. *Nguyên Hán: tận 盡; có lẽ dịch chữ kevalin: thuần nhất, độc nhất. Xem cht.45.*

51. *Pāli: imasmiṃ dhammavinaye kevalì susitā, ở trong chánh pháp và luật này mà được độc tôn (chỉ A-la-hán), xác lập.*

thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự thân chứng ngộ cụ túc và an trụ, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Tỳ-kheo, thế nào là bảy xứ thiện? Tỳ-kheo biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự tận diệt của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức.

"Thế nào là biết như thật về sắc? Những gì là sắc là tất cả bốn đại và sắc do bốn đại tạo ra. Đó gọi là sắc. Như vậy là biết như thật về sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sắc? Ái hỷ là sự tập khởi của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của sắc

"Thế nào là biết như thật về sự đoạn tận của sắc? Ái hỷ diệt. Đó gọi là sự diệt tận của sắc. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của sắc.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của sắc? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự tận diệt của sắc. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của sắc.

"Thế nào là biết như thật về vị ngọt của sắc? Hỷ lạc do duyên vào sắc mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly sắc.

"Thế nào là biết như thật về sự hiện hữu của thọ? Có sáu loại thọ: mắt tiếp xúc sanh ra thọ và tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi tiếp xúc sanh ra thọ, đó gọi là sự hiện hữu của thọ. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của thọ.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của

thọ.

"Thế nào là biết như thật về sự đoạn tận của thọ? Khi xúc diệt, thì đó là sự diệt tận của thọ. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thọ.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của thọ? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định, đó gọi là con đường đưa đến sự tận diệt của thọ. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của thọ.

"Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc do duyên thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thọ.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của thọ.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly thọ? Nếu ở nơi thọ mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa thọ. Như vậy là biết như thật về sự lìa thọ.

"Thế nào là biết như thật về tưởng? Có sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh từ xúc của mắt; tưởng phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là sự hiện hữu của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của tưởng? Tập khởi của xúc là tập khởi của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của tưởng? Diệt tận xúc là diệt tận tưởng. Như vậy là biết như thật về sự đoạn diệt của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của tưởng? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự đoạn diệt của tưởng. Như vậy là biết như thật về con đường đoạn diệt của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc nhờ duyên vào tưởng mà sanh ra. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của tưởng? Tưởng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của tưởng.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly tưởng? Nếu ở nơi tưởng mà

điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly tưởng. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly tưởng.

"Thế nào là biết như thật về hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh từ xúc của mắt. Tư phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là hành. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của hành.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của hành.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Sự diệt tận của xúc là sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của hành.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh ra, nên gọi là vị ngọt của hành. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của hành.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của hành.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly hành? Nếu ở nơi hành mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua được dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly hành.

"Thế nào là biết như thật về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là sự hiện hữu của thức. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của thức.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thức.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức? Sự diệt tận của danh sắc là sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thức.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về con đường đưa

đến sự diệt tận của thức.

"Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thức.

"Thế nào là biết như thật về sự tai hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của thức.

"Thế nào là biết như thật về sự xuất ly thức? Nếu ở nơi thức mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly thức. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly thức.

"Tỳ-kheo, đó gọi là bảy xứ thiện.

"Thế nào là ba phương pháp quán nghĩa? Nếu, Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng, dưới gốc cây, hay nơi đồng trống, quán sát ấm, giới, nhập[52] bằng phương tiện chân chánh[53] mà tư duy nghĩa của chúng. Đó gọi là ba phương pháp quán nghĩa của Tỳ-kheo.

"Đó gọi là bảy xứ thiện và ba phương pháp quán nghĩa của Tỳ-kheo, hoàn toàn ở trong pháp này mà chứng đắc lậu tận, đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự thân chứng ngộ cụ túc và an trụ, biết rằng, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 43. Thủ trước[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chấp thủ nên sanh đắm trước[55]. Không chấp thủ, không đắm trước. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói."

---

52. Pāli: dhātuso, āyatanaso, paṭiccasamuppādaso, giới, xứ, duyên khởi.

53. Chánh phương tiện, tức chánh tinh tấn. Pāli: sammāvayāma.

54. Pāli, S. 22. 7 Upādāparitassanā.

55. Hán: thủ cố sanh trước 取故生著。Xem thêm cht.62 kinh 44. Pāli: upādā paritassanaṃ, chấp thủ và kinh sợ (do chấp nên có sợ hãi).

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa vâng, chúng con xin theo lời dạy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thế nào là do chấp thủ nên sanh đắm trước? Phàm phu ngu si không học, đối với sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau[56]; thấy sắc là ngã, hay ngã sở để mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ, nếu sắc kia chuyển biến hay đổi khác, thì tâm cũng chuyển theo[57]. Khi tâm đã chuyển theo, thì sanh ra sự chấp thủ, nắm giữ tâm mà trụ[58]. Sau khi trụ, sanh ra sợ hãi, chướng ngại tâm loạn[59], do thủ trước[60] vậy.

"Phàm phu ngu si vô học, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; thấy thức là ngã, hay ngã sở để mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ, nếu thức kia chuyển biến hay đổi khác, thì tâm cũng chuyển theo. Khi tâm đã chuyển theo, thì sanh ra sự chấp thủ, nắm giữ tâm mà trụ. Sau khi trụ, sanh ra sợ hãi, chướng ngại tâm loạn; do thủ trước vậy. Đó gọi là thủ trước.

"Thế nào là không thủ, thì không đắm? Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc không thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; ở nơi sắc không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ. Không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ, khi sắc kia chuyển biến, hay đổi khác, thì tâm cũng không chuyển theo. Tâm không chuyển theo, không sanh thủ trước, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, không sanh sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn; do không thủ trước vậy.

"Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức không thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; ở nơi thức không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ. Không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ, khi thức kia chuyển biến, hay

---

56. Ngã... tương tại 我…相在。Pāli: rūpaṃ attato samanupassati rūpavantaṃ và attānaṃ, attāni rūpaṃ rūpasmiṃ và attānaṃ, nó quán sát, sắc là ngã, ngã có sắc, sắc trong ngã, ngã trong sắc.

57. Pāli: rūpaviparilàmānupavatti viññānaṃ, sắc biến chuyển, thức vận chuyển theo.

58. Paritassanā dhammasamuppādā cittaṃ pariyādāya tiṭṭhanti, sự sợ hãi và sự sanh khởi của các pháp chiếm cứ tâm đã bị biến dị theo sắc mà trú. Sớ giải nói: paritassanā dhammasamuppādā ti taṇhāparitassanā ca akusaladhammasamuppādā ca, sự sợ hãi và sự sanh khởi của pháp, đó là sự sợ hãi do khát ái và sự sanh khởi của pháp bất thiện.

59. Tâm loạn, có lẽ Pāli: cetaso pariyādāna (vipariyāsa: điên đảo), tâm bị chiếm cứ.

60. Tức do thủ và trước, Pāli: upādāya paritassati, do chấp thủ mà nó sợ hãi. Xem cht.55 trên.

đổi khác, thì tâm cũng không chuyển theo. Tâm không chuyển theo, không sanh thủ trước, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, không sanh sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn; do không thủ trước vậy. Đó gọi là không thủ trước.

"Đó gọi là thủ trước và không thủ trước."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 44. Hệ trước[61]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có sanh thì sẽ có trói buộc[62], nếu không sanh thì sẽ không có trói buộc. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là nếu có sanh thì sẽ có trói buộc? Phàm phu ngu si vô học, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với sắc mà ái hỷ, tán thán, thủ trước; ở nơi sắc thấy là ngã, là ngã sở mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ rồi, nếu sắc kia biến chuyển hay đổi khác, tâm theo đó mà biến khác. Vì tâm theo đó biến khác, nên nắm giữ tâm mà trụ[63]. Vì nắm giữ tâm trụ nên sanh sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng[64]. Vì có sanh nên có sự trói buộc[65]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là có sanh nên có sự trói buộc.

"Thế nào là nếu không sanh thì không trói buộc? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Vì đã biết như thật, nên không ái hỷ, tán thán, thủ trước; không buộc chặt ngã và ngã sở, mà chấp thủ. Vì không chấp thủ nên sắc kia nếu biến chuyển hay đổi khác,

---

61. Pāli, S. 22. 8. Upādāparitassanā.

62. Hán: sanh tắc hệ trước 生則繫著。Pāli: upādāparitassña ca, chấp thủ và sợ hãi. Có lẽ trong bản Hán đọc là: uppāda-paritassanā, Xem cht.55 kinh 43.

63. Xem cht.58 kinh 43.

64. Cố niệm 顧念; kinh 43: tâm loạn (?). Pāli: apekkhavà, hy vọng, hoài vọng.

65. Nguyên văn Hán: dĩ sanh hệ trước cố. xem cht.62.

tâm không theo đó mà biến khác. Vì tâm không theo sự biến khác, nên tâm không bị trói buộc, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, nên tâm không sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng; vì không sanh nên không trói buộc vậy. Đó gọi là không sanh, nên không có trói buộc.

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không sanh, nên không bị trói buộc."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 45. Giác[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy có ngã, thì tất cả cũng đều ở nơi năm thọ ấm này mà thấy có ngã. Các Sa-môn, Bà-la-môn thấy sắc là ngã, sắc là khác ngã, hay ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã[67]; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, ngã ở trong thức, thức ở trong ngã.

"Phàm phu ngu si vô học vì vô minh nên thấy sắc là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau và nói ngã là chân thật nên không xả. Vì không xả nên các căn tăng trưởng. Khi các căn đã tăng trưởng rồi, thì sẽ sanh ra các xúc. Do bị xúc chạm bởi sáu xúc nhập xứ[68], do đó phàm phu ngu si vô học khởi lên cảm giác khổ vui, từ xúc mà nhập xứ khởi lên. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc nhập xứ.

"Như vậy, Tỳ-kheo, có ý giới, pháp giới, vô minh giới. Kẻ phàm phu ngu si vô học, vì vô minh xúc[69] cho nên khởi lên ý tưởng có, ý tưởng

---

66. Pāli, S. 22. 47. Samanupassanā.

67. Sắc tại ngã, ngã tại sắc 色在我，我在色，trong các kinh khác, Hán dịch là tương tại. Xem cht.65 kinh 23. Pāli: attāni và rūpaṃ, rūpasmiṃ và attānaṃ.

68. Xúc nhập xứ 觸入處，hay xúc xứ. Pāli: phassāyatana.

69. Vô minh xúc 無明觸，Pāli: avijjāsamphassa, bị xúc động bởi vô minh. Bản Pāli nói: avijjāsamphassajena vedayitena phuṭṭhassa puthujjanassa, đối với phàm phu bị xúc chạm bởi cảm thọ phát sanh do sự xúc động của vô minh.

không, ý tưởng vừa có vừa không, ý tưởng ta hơn, ý tưởng ta bằng, ý tưởng ta kém, ý tưởng ta biết, ta thấy. Những ý tưởng biết như vậy, những ý tưởng thấy như vậy đều do sáu xúc–nhập xứ mà phát sanh.

"Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu xúc–nhập xứ này, xả bỏ vô minh mà sanh minh. Không sanh ra ý tưởng về có, ý tưởng về không, ý tưởng về vừa có vừa không, ý tưởng hơn, ý tưởng bằng, ý tưởng kém, ý tưởng ta biết, ta thấy. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi, thì những gì do vô minh–xúc khởi lên trước kia sẽ bị diệt và cảm thọ phát sanh do minh xúc sau đó sẽ khởi lên."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 46. Tam thế Ấm thế thực[70]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nhờ trí túc mạng tự biết rõ những đời sống trước của mình, thì việc đã biết, đang biết, sẽ biết đều phát xuất từ năm thọ ấm này. Việc đã biết đang biết, sẽ biết về đời quá khứ của ta đã từng trải qua, có sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy, thức như vậy.

"Cái gì có thể phân tán, trở ngại[71], thì cái đó gọi là sắc thọ ấm[72]. Như bàn tay, đá, gậy, dao, bị trở ngại bởi ngón tay; hoặc do lạnh, nóng, khát, đói, hoặc do xúc bởi muỗi mòng, độc trùng, mưa gió; đó gọi là trở ngại do xúc[73]. Cho nên, chướng ngại, đó là sắc thọ ấm. Lại nữa, sắc thọ ấm này

---

70. Bị uẩn trong ba đời nhai nuốt. Pāli, S. 22. 79. Sīha.

71. Hán: khả ngại khả phân 可閡可分 : có thể bị gây trở ngại, có thể bị chia chẻ.

72. Định nghĩa về sắc, xem Câu-xá 1: "vì nó biến hoại nên nói là sắc". Pāli: ruppatī'ti kho bhikkhave tasmā rūpan' ti vuccati, này các Tỳ-kheo, nó não hoại (tức gây tổn hại), do đó nó được nói là sắc.

73. Pāli: kena ruppati? sītenapi ruppati uṇhenapi ruppati… daṃsa-makasa-(...)-samphassena ruppati, nó bị não hoại bởi cái gì? Nó bị não hoại bởi lạnh, bởi nóng,… bởi sự xúc chạm của muỗi mòng…

là vô thường, khổ, biến dịch.

"Những tướng cảm nhận, đó là thọ thọ ấm[74]. Cảm nhận cái gì? Cảm nhận sự khổ, cảm nhận sự lạc, cảm nhận sự không khổ không lạc. Cho nên gọi tướng cảm nhận là thọ thọ ấm. Lại nữa, thọ thọ ấm này là vô thường, khổ, biến dịch.

"Các tưởng, là tưởng thọ ấm[75]. Tưởng cái gì? Tưởng ít, tưởng nhiều, tưởng vô lượng, hoàn toàn không có gì tưởng là không có gì. Đó gọi là tưởng thọ ấm. Lại nữa, tưởng thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch.

"Tướng tạo tác hữu vi là hành thọ ấm[76]. Tạo tác cái gì? là tạo tác sắc, tạo tác thọ, tưởng, hành và thức. Cho nên tướng tạo tác hữu vi là hành thọ ấm.

"Lại nữa, hành thọ ấm này là pháp vô thường, khổ, biến dịch.

"Tướng phân biệt biết rõ là thức thọ ấm[77]. Biết rõ cái gì? Là biết rõ sắc, biết rõ thanh, hương, vị, xúc và pháp, cho nên gọi là thức thọ ấm. Lại nữa, thức thọ ấm là pháp vô thường, khổ, biến dịch.

"Này các Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử kia đối với sắc thọ ấm kia phải học như vầy, 'Ta nay bị sắc hiện tại ăn[78]. Quá khứ đã từng bị sắc kia ăn, như trong hiện tại.' Lại nghĩ như vầy: 'Nay ta đang bị sắc hiện tại ăn, nếu mà ta ham muốn sắc vị lai, thì cũng sẽ bị sắc kia ăn như trong hiện tại.' Biết như vậy rồi, người ấy không hoài niệm sắc quá khứ, không ham muốn sắc vị lai, đối với sắc hiện tại sanh yểm ly, lìa dục, diệt hết tai hại, hướng đến tịch diệt. Đa văn Thánh đệ tử đối với thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm hãy học như vầy, 'Ta nay bị thức hiện tại ăn. Quá khứ đã từng bị thức kia ăn, như trong hiện tại. Nếu mà ta ham muốn thức vị lai, thì cũng

---

74. Chư giác tướng 諸覺相。Định nghĩa thọ uẩn, xem Câu-xá 1: thọ tức lãnh nạp tùy xúc. Pāli: vedayatī' ti kho bhikkhave tasmā vedanā ti, nó cảm nhận, do đó nó được nói là thọ.

75. Định nghĩa về tưởng thủ uẩn, Câu-xá 1: "tưởng thủ tượng vi thể", tự thể của tưởng là thâu nhận các ấn tượng. Pāli: saññānātī' ti kho bhikkhave tasmā saññā ti vuccati, nó tri giác (tri nhận), do đó nó được nói là tưởng.

76. Định nghĩa hành uẩn, Pāli: saṭkhataṃ abhisaṭkharontī'ti kho bhikkhavve saṭkhārā' ti vuccati, chúng tác thành pháp hữu vi, do đó chúng được nói là các hành.

77. Định nghĩa thức uẩn, Câu-xá 1: "thức vị các liễu biệt", thức là sự nhận thức từng đối tượng cá biệt. Pāli: vijānātī' ti kho bhikkhave viññānan' ti vuccati, nó liễu biệt, do đó nó được gọi là thức.

78. Pāli: ahṃ kho etarahi rūpena khajjami. Ta ở nơi đây bị sắc nhai nuốt.

sẽ bị thức kia ăn như trong hiện tại.' Biết như vậy rồi, người ấy không hoài niệm thức quá khứ, không ham muốn thức vị lai, đối với thức hiện tại sanh yểm ly, lìa dục, diệt tận[79], hướng đến tịch diệt. Ở đây, diệt chứ không tăng, lui chứ không tiến, diệt chứ không khởi, xả chứ không thủ[80].

"Ở nơi cái gì diệt mà không tăng? Sắc diệt mà không tăng. Thọ, tưởng, hành, thức diệt mà không tăng.

"Ở nơi cái gì lùi mà không tiến? Sắc lùi mà không tiến. Thọ, tưởng, hành, thức lùi mà không tiến.

"Ở nơi cái gì diệt mà không khởi? Sắc diệt mà không khởi. Thọ, tưởng, hành, thức diệt mà không khởi.

"Ở nơi cái gì xả mà không thủ? Sắc xả mà không thủ. Thọ, tưởng, hành, thức xả mà không thủ.

"Diệt chứ không tăng, tịch diệt mà an trụ. Lùi chứ không tiến, im lặng lui mà an trụ. Diệt chứ không khởi, tịch diệt mà an trụ. Xả chứ không thủ, không sanh ra sự trói buộc. Không bị trói buộc, nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Đức Phật nói kinh này số đông các Tỳ-kheo không khởi các lậu, tâm được giải thoát."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Ngã, ty hạ, chủng tử,
Phong trệ, ngũ chuyển, thất (xứ thiện)
Hai hệ trước và giác,
Tam thế ấm thế thực.

□

---

[79] *Trong bản Hán: diệt hoạn 灭患。*

[80] *Diệt nhi bất tăng, thoái nhi bất tiến, diệt nhi bất khởi, xả nhi bất thủ 灭而不增，退而不進，灭而不起，捨而不取。Pāli: apacināti no ācināti, pajahati na upādiyati, visineti na ussineti, vidhūpeti na sandhūpeti, tổn giảm chứ không tích lũy; đoạn trừ chứ không chấp thủ; xa lánh chứ không gần gũi; làm mất mùi chứ không xông ướp mùi.*

Kinh 47. Tín[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Thiện nam có lòng tin, cần suy nghĩ như vầy: 'Ta nên thuận theo pháp. Ta hãy an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức.' Thiện nam tử có lòng tin bèn an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập tu tập nhiều, về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên đối với sắc được yểm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yểm ly. Do yểm ly mà ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 48. A-nan (1)[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Thiện nam tử có lòng tin, chánh tín xuất gia, sống không gia đình, tự nghĩ: 'Ta nên thuận theo pháp. Ta hãy an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức.' Thiện nam tử có lòng tin bèn an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên đối với sắc được yểm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yểm ly[83]. Ta nói người ấy chắc chắn sẽ được thoát ly khỏi tất cả sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy,

---

[81]. Quốc Dịch, phẩm 9, quyển 3. Pāli, S. 22. 147. Kulaputtena-dukkhā, (khổ với thiện gia nam tử).

[82]. Pāli. 22. 147. Kulaputtena-dukkhā.

[83]. Trong bản Hán: đắc ly 得離; trong kinh 93: đắc yểm 得厭。

hoan hỷ phụng hành.

Kinh 49. A-nan (2)[84]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có trưởng giả hay người con trưởng giả nào có lòng tin, đến hỏi ngươi rằng, 'Ở nơi pháp nào mà biết rõ được sự sanh diệt của nó?' thì ngươi sẽ trả lời như thế nào?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con trưởng giả nào, đến hỏi con như vậy, thì con sẽ đáp rằng, 'Biết sắc là pháp sanh diệt; biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt.' Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con trưởng giả nào hỏi như vậy, thì con sẽ trả lời như vậy."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Lành thay! Lành thay! Nên đáp như vậy. Vì sao vậy? Vì sắc là pháp sanh diệt; thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Biết sắc là pháp sanh diệt, thì đó gọi là biết sắc. Biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt, thì đó gọi là biết… thức."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 50. A-nan (3)[85]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có các ngoại đạo xuất gia đến hỏi ngươi rằng, 'A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người tu các phạm hạnh.' Được hỏi như vậy, nên đáp thế nào?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu có người ngoại đạo xuất gia đến hỏi con rằng,

---

84. Pāli, S. 22. 37-38. Ānanda.

85. Pāli, S. 22. 37-38. Ānanda.

'A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người tu các phạm hạnh?' Thì con sẽ trả lời rằng, 'Vì để đối với sắc, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên Đức Thế Tôn dạy tu các phạm hạnh. Vì để đối với thọ, tưởng, hành, thức, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh.' Bạch Thế Tôn, nếu có người ngoại đạo xuất gia hỏi như vậy, thì con cũng sẽ đáp như vậy."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Lành thay! Lành thay! Nên đáp như vậy. Vì sao vậy? Thật vậy, Ta vì đối với sắc mà tu tập yểm ly, lìa dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh. Và vì đối với thọ, tưởng, hành, thức, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 51. Hoại pháp[86]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ vì các ông nói pháp hoại và bất hoại[87]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, sắc là pháp hoại. Sắc kia diệt, Niết-bàn là pháp bất hoại[88]. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp hoại. Thức kia diệt, Niết-bàn, là pháp bất hoại."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

86. Pāli, S. 22. 32. Pabhaṅgu.

87. Hoại bất hoại pháp 壞不壞法。Pāli: pabhaṅguṃ ca apabhaṅguṃ ca.

88. Pāli: yo tassa nirodho vūpasamo atthaṅgamo idaṃ appabhaṅgo, sắc ấy diệt, tịch tĩnh, tiêu vong, ấy là pháp bất hoại.

Kinh 52. Uất-đê-ca

Như trong Tăng Nhất A-hàm, phẩm Bốn pháp.

□

Kinh 53. Bà-la-môn

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thứ[89], phía Bắc tụ lạc Tát-la thuộc nước Câu-tát-la[90].

Bấy giờ chủ tụ lạc Bà-la-môn Đại Tánh nghe đồn rằng, "Sa-môn dòng họ Thích, ở nơi dòng họ lớn Thích-ca mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia, học đạo, sống không gia đình, thành Bậc Vô Thượng Đẳng Chánh Giác, đang du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thứ, phía Bắc tụ lạc Tát-la thuộc nước Câu-tát-la này. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm này, tướng mạo danh xưng, công đức chân thật như vậy được cả trời và người ca tụng, tiếng đồn bay khắp tám phương; là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ở giữa các cõi, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, với trí tuệ rộng lớn có thể tự mình chứng biết rõ rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ngài vì đời nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều toàn thiện; có nghĩa, có vị đều thiện, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, diễn nói chánh pháp vi diệu. Lành thay, nên gặp! Lành thay, nên đi đến! Lành thay, nên cung kính thừa sự!"

Nghĩ như vậy rồi, ông liền sửa soạn xe cộ, đem theo nhiều tùy tùng, bưng bình vàng, người cầm lọng cán vàng, đi đến chỗ Đức Phật, cung kính phụng sự. Khi đến cửa rừng, xuống xe đi bộ đến chỗ Đức Thế Tôn, hỏi thăm sức khỏe có an lành không? Rồi ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn rằng:

"Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài luận về cái gì? Và thuyết về cái gì?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta luận về nhân và thuyết về nhân."

---

89. Thân-thứ lâm 申怒林。Pāli: siṃsapā-vana, rừng cây siṃsapā.

90. Câu-tát-la 拘薩羅。Pāli: Kosala.

Lại bạch Phật rằng:

"Thế nào là luận về nhân? Và thế nào là thuyết về nhân?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Có nhân, có duyên để thế gian tập khởi; có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian. Có nhân, có duyên để thế gian diệt; có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian."

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là có nhân, có duyên để thế gian tập khởi? Và có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên ái lạc sắc, khen ngợi sắc, tâm nhiễm đắm mà trụ. Kia đối với sắc mà ái lạc nên sanh thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có lão, tử, ưu, bi, khổ, não. Đó chính là sự tập khởi của toàn bộ khối khổ lớn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, lại cũng như vậy. Này Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên để thế gian tập khởi; có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thế nào là có nhân, có duyên để thế gian diệt tận? Và có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Do biết như thật, đối với sắc không ái lạc, không khen ngợi, không nhiễm đắm, không lưu trú. Không ái lạc, không lưu trú, nên sắc ái bị diệt; ái diệt nên thủ diệt; thủ diệt nên hữu diệt; hữu diệt nên sanh diệt; sanh diệt nên lão, tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Này Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên để thế gian diệt tận; cũng gọi là có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian.

"Này Bà-la-môn, đó gọi là luận nhân, đó gọi là thuyết nhân."

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, luận nhân là như vậy, thuyết nhân là như vậy. Tôi bận nhiều việc thế gian, nay xin từ giã ra về."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nên biết đúng thời."

Phật nói kinh này xong, các Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, lễ dưới chân rồi lui.

Kinh 54. Thế gian

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ có Bà-la-môn tại tụ lạc Tỳ-ca-đa-lỗ-ca, đến chỗ Đức Phật, cung kính thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, tôi có một đệ tử trẻ, biết thiên văn, biết chủng tộc, xem tướng tốt, xấu cho mọi người; nói có, ắt là có; nói không, ắt là không; nói thành, ắt là thành; nói hoại, ắt là hoại. Thưa Cù-đàm, ý ngài nghĩ sao?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Hãy gác qua việc đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc. Nay Ta hỏi ông, tùy theo ý ông mà trả lời.

"Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, sắc vốn không có chủng loại chăng?"

Đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn."

"Thọ, tưởng, hành, thức vốn không có chủng loại chăng?"

Đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông bảo rằng đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc, vì mọi người mà nói như vầy: Nói có, ắt là có; nói không, ắt là không. Vậy cái biết cái thấy này không phải là không thật chăng?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Đúng vậy, Thế Tôn."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ý ông nghĩ sao? Có loại sắc nào còn mãi trăm năm không? khác với sanh, khác với diệt chăng? Thọ, tưởng, hành, thức còn mãi trăm năm chăng? Hay khác với sanh, khác với diệt chăng?"

Đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn.

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ý ông nghĩ sao? Đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc, vì mọi người nói là thành chứ không hoại; vậy cái biết, cái thấy này không phải là không thay đổi chăng?"

Đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ý ông nghĩ sao? Pháp này và pháp kia; thuyết này và thuyết kia, quan điểm nào hơn?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, ở đây là nói như pháp, như những gì Đức Phật đã nói, hiển bày, khai mở. Cũng như có người bị chìm xuống nước được cứu hộ, người bị tù tội được giải thoát ra, người lạc đường được chỉ nẻo đi, nơi tăm tối được đèn sáng. Hôm nay, Đức Thế Tôn khéo nói pháp thù thắng, cũng lại hiển bày, khai phát như vậy."

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Tỳ-ca-đa-lỗ-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ dưới chân rồi lui.

□

Kinh 55. Ấm[91]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay, Ta sẽ nói về ấm và thọ ấm.

"Thế nào là ấm? Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng được gọi chung là sắc ấm.

"Tùy theo những gì là thọ, tưởng, hành, thức; tất cả được gọi chung là thọ, tưởng, hành, thức ấm. Đó gọi là ấm.

---

[91] *Pāli, S. 22, 48. Khaadā.*

"Thế nào là thọ ấm? Nếu sắc là hữu lậu, chấp thủ, thì sắc kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, phát sanh ra tham dục, sân nhuế, ngu si và các thứ tâm pháp tùy phiền não[92] khác. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là thọ ấm."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 56. Lậu vô lậu

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu.

"Thế nào là pháp hữu lậu? Nếu sắc là pháp hữu lậu, bị chấp thủ; sắc sanh ra ái và nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là pháp hữu lậu, bị chấp thủ; thức kia sanh ra ái và nhuế. Đó gọi là pháp hữu lậu.

"Thế nào là pháp vô lậu? Những gì sắc vô lậu, không bị chấp thụ[93]; sắc kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, sắc kia không sanh ái, nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô lậu, không chấp thủ; thức kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, không sanh ái, nhuế. Đó gọi là pháp vô lậu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Hai tín, hai A-nan,
Pháp hoại, Uất-để-ca,
Bà-la và thế gian,
Trừ pháp lậu, vô lậu.

---

92. *Thượng phiền não tâm pháp 上煩惱心法, chỉ các tâm sở tùy phiền não.*

93. *Trong bản Hán: phi thọ 非受。*

Kinh 57. Tật lậu tận[94]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Sau đó, lại ôm y-bát, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình, đến quốc độ phương Tây, du hành trong nhân gian[95].

Bấy giờ, trong rừng An-đà có một Tỳ-kheo từ xa trông thấy Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình. Sau khi thấy vậy, liền đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa:

"Tôn giả biết cho, Đức Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình ra đi du hành."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo kia:

"Nếu như Đức Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình ra đi du hành, thì chúng ta không nên đi theo. Vì sao? Vì ngày hôm nay Đức Thế Tôn muốn ít bận rộn để an trụ tịch diệt[96]."

Bấy giờ Đức Thế Tôn du hành về phương Bắc, đến trụ dưới tàn cây Bạt-đà-tát-la[97], trong rừng cây có người giữ gìn, tại tụ lạc Ba-đà[98] thuộc nước Bán-xà[99].

Sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, có một số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa với Tôn giả A-nan rằng:

"Ngài có nghe, hiện nay Đức Thế Tôn đang ở nơi nào không?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Tôi có nghe, hiện nay Đức Thế Tôn đang ở về phương Bắc, dưới tàn cây Bạt-đà-tát-la, trong rừng cây có người giữ gìn, tại tụ lạc Ba-đà thuộc nước Bán-xà."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Tôn giả A-nan rằng:

"Tôn giả biết cho, đã lâu rồi chúng tôi không gặp Đức Thế Tôn; nếu ngài không ngại cực nhọc, thì có thể cùng chúng tôi đến chỗ Đức Thế Tôn, xin thương xót cho!"

---

94. Quốc Dịch, phẩm 10. Pāli, S. 22. 81. Pārileyya.

95. Chuyện xảy ra khi Phật trú tại Kiều-thưởng-di. Pāli: Kosambiyaṃ viharati ghositārāme.

96. Hán: tịch diệt 寂滅, đây chỉ sự tĩnh lặng.

97. Bạt-đà-tát-la thọ 跋陀薩羅樹。Pāli: bhaddasāla (cây sa-la hiền), một loại cây sa-la.

98. Ba-đà tụ lạc 波陀聚落。Pāli: Pārileyyaka, tên một khu rừng được bảo vệ (rakkhitavanasaṇḍo, sớ giải) tại Kosambi.

99. Bán-xà quốc 半闍國。Pāli: Pañcala; nhưng bản Pāli không đề cập tên nước này.

Tôn giả A-nan biết đã đúng lúc, nên im lặng mà nhận lời.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo chờ qua đêm, sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, sắp xếp ngọa cụ, mang y bát, đi về hướng Tây du hành trong nhân gian, rồi quay về hướng Bắc, đến khu rừng có người giữ gìn, tại tụ lạc Ba-đà, thuộc nước Bán-xà.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo sắp xếp y bát, rửa chân xong, đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì số đông Tỳ-kheo nói pháp, khai thị, giáo giới, làm cho lợi ích, làm cho an lạc[100].

Vào lúc ấy, giữa chúng có một Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Biết như thế nào, thấy như thế nào để nhanh chóng chứng đắc lậu tận?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được những ý nghĩ của Tỳ-kheo kia, nên bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo đang ở trong chỗ ngồi này nghĩ rằng: 'Biết như thế nào, thấy như thế nào để nhanh chóng chứng đắc lậu tận[101]?' Ta đã từng nói pháp rằng: 'Hãy khéo léo quán sát các ấm; đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần.' Ta đã từng nói những pháp như vậy để quán sát các ấm. Thế mà hiện nay vẫn còn có thiện nam tử, không muốn nỗ lực siêng thực hành, không nỗ lực siêng vui thích, không nỗ lực siêng suy nghĩ, không nỗ lực siêng tin tưởng, mà tự biếng lười, không nỗ lực tăng tiến để diệt tận được các lậu! Lại nữa, nếu có thiện nam tử đối với những gì Ta đã nói, mà quán sát các ấm, nỗ lực siêng ham muốn, nỗ lực siêng vui thích, nỗ lực siêng suy nghĩ, nỗ lực siêng tin tưởng, thì có thể nhanh chóng chứng đắc lậu tận.

"Phàm phu ngu si không học, ở nơi sắc thấy là ngã. Nếu thấy ngã, thì đó gọi là hành[102]. Hành này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì

---

100. Thị giáo lợi hỷ 示教利喜, thứ tự thuyết pháp của Phật. Pāli: samdassesi samādapesi samuttejasi sampahaṃsesi.

101. Pāli: anantarā āsavānaṃ khayo hoti, vô gián lậu tận.

102. Hành 行。Pāli: saṭkhāro.

sanh và cái gì chuyển[103]? Ái được sanh bởi vô minh xúc[104] và duyên vào ái nên khởi lên hành này.

"Ái này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? Ái này lấy thọ làm nhân, thọ là tập khởi; do thọ sanh, do thọ chuyển.

"Thọ này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? Thọ này lấy xúc làm nhân, xúc là tập khởi; do xúc sanh, do xúc chuyển.

"Xúc này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển?

Xúc này lấy sáu nhập xứ làm nhân, sáu nhập xứ là tập khởi; do sáu nhập xứ sanh, do sáu nhập xứ chuyển.

"Sáu nhập xứ này là pháp hữu vi vô thường, là pháp duyên khởi của tâm; xúc thọ, hành thọ này là pháp hữu vi vô thường, là pháp duyên khởi của tâm[105].

"Người nào đã quán sát như vậy mà còn thấy sắc là ngã; hay không thấy sắc là ngã mà còn thấy sắc là ngã sở; hay không thấy sắc ngã sở mà còn thấy sắc ở trong ngã; hay không còn thấy sắc ở trong ngã mà thấy ngã ở trong sắc; hay không thấy ngã ở trong sắc mà còn thấy thọ là ngã; hay không thấy thọ là ngã mà còn thấy thọ là ngã sở; hay không thấy thọ là ngã sở mà còn thấy thọ ở trong ngã; hay không thấy thọ ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong thọ; hay không thấy ngã ở trong thọ mà còn thấy tưởng là ngã; hay không còn thấy tưởng là ngã mà còn thấy tưởng là ngã sở; hay không thấy tưởng ngã sở mà còn thấy tưởng ở trong ngã; hay không thấy tưởng ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong tưởng; hay không thấy ngã ở trong tưởng mà còn thấy hành là ngã; hay không thấy hành là ngã mà còn thấy hành là ngã sở; hay không thấy hành là ngã sở mà còn thấy hành ở trong ngã; hay không thấy hành ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong hành; hay không thấy ngã ở trong hành mà còn thấy thức là ngã;

---

103. Nhân, tập, sanh, chuyển 因集生轉, tức bốn hành tướng của Tập đế trong Thánh đế hiện quán (nhân, tập, sanh, duyên) của Hữu bộ, xem Câu-xá 23. Pāli: kiṃnidāno kiṃsamudayo kiṃjātiko kiṃpabhavo.

104. Xúc sanh ái 觸生愛。Pāli: avijjāsamphassajena... vedayitena... uppannā taṇhā, khát ái sanh bởi cảm thọ phát sanh từ sự xúc động (chạm) của vô minh.

105. Tâm duyên khởi pháp 心緣起法, pháp duyên vào tâm mà khởi. Pāli: aniccaṃ saṭkhataṃ paṭiccasamuppannaṃ, (là pháp) vô thường, hữu vi, duyên khởi.

hay không thấy thức là ngã mà còn thấy thức là ngã sở; hay không còn thấy thức là ngã sở mà còn thấy thức ở trong ngã; hay không thấy thức ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong thức; hay không thấy ngã ở trong thức mà lại khởi lên đoạn kiến, hoại hữu[106] kiến; hay không khởi đoạn kiến, hoại hữu kiến, nhưng không xa lìa ngã mạn. Người nào không xa lìa ngã mạn, thì lại thấy ngã. Thấy ngã, đó là hành. Hành này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? thì như trước đã nói, cho đến, ngã mạn.

"Người nào biết như vậy, thấy như vậy, nhanh chóng chứng đắc lậu tận."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 58. Ấm căn[107]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Lộc mẫu, Đông viên, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy[108], Thế Tôn đến trước các Tỳ-kheo, trải tòa ngồi và bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm."

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai bên phải, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, có phải đây là năm thọ ấm: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy trở lại chỗ ngồi mà hỏi, Ta sẽ vì ngươi mà nói."

Tỳ-kheo kia sau khi lạy Phật rồi trở lại chỗ ngồi của mình, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, năm thọ ấm này, lấy gì làm gốc, do gì tập khởi, do

---

106. Hoại hữu 壞有, tức phi hữu, theo nghĩa hủy diệt, không còn tồn tại. Pāli: vibhava.

107. Pāli, tham chiếu các kinh, S. 22. 82. Puṇṇamā; M. 109. Mahāpuṇṇama-sutta; 110. Cāḷapuṇṇama-sutta.

108. Bản Pāli: tad uposathe pannarase puṇṇāya puṇṇamāya rattiyā, ngày Bố-tát, vào đêm trăng tròn nửa tháng.

cái gì mà sanh, do cái gì mà xúc?

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Năm thọ ấm này, lấy dục làm gốc, do dục tập khởi, vì dục sanh và vì dục mà xúc."

[109]Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật vừa nói, hoan hỷ tùy hỷ, mà bạch Phật rằng:

"Thế Tôn đã vì chúng con nói, năm ấm là thọ[110]. Hay thay! những gì đã được nói. Nay con xin hỏi lại. Bạch Thế Tôn, ấm là thọ hay năm ấm khác thọ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Chẳng phải năm ấm là thọ, cũng chẳng phải năm ấm khác thọ. Ở nơi đó mà có dục tham, thì đó là năm thọ ấm[111]."

[112]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay, Thế Tôn! Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Có hai ấm tương quan[113] chăng?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Cũng như có một người suy nghĩ như vầy: 'Ta ở đời vị lai sẽ được sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy, thức như vậy.' Đó gọi là ấm ấm tương quan[114]."

[115]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là ấm[116]?"

---

109. Theo kệ tóm tắt ở cuối phẩm, từ đây xuống, thuộc kinh khác, có tên là "Ấm tức thọ".

110. Thọ 受, tức thủ hay chấp thủ. Pāli: upādāna.

111. Pāli: yo tattha chandarāgo taṃ tattha upādānan ti, nơi nào có dục tham, nơi đó có chấp thủ.

112. Theo bài kệ tóm tắt cuối phẩm, từ đây trở xuống thuộc kinh khác, gọi là "kinh Hai ấm tương quan".

113. Hán: tương quan 相觀, có lẽ là tương ngại 相閡?: hai ấm trở ngại nhau. Câu hỏi theo Pāli: siyā pana bhante pañcupādānakkhandhesu chandarāgavemattā ti, có sự sai biệt của dục tham trong năm thủ uẩn chăng? Xem thêm cht.116 dưới.

114. Xem cht.113.

115. Theo kệ tóm tắt, trở xuống thuộc kinh "Danh tự".

116. Câu hỏi theo Pāli: kittāvatà nu kho khandhanaṃ khandhādhivacanan ti, cho đến mức nào là danh xưng uẩn của các uẩn? Có lẽ câu này trong bản Hán được dịch là "ấm ấm tương quan"?

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Những gì sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, tất cả chúng gọi chung là ấm. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Như vậy, này Tỳ-kheo, đó gọi là ấm."

[117]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì mà gọi là sắc ấm? Do nhân gì, duyên gì mà gọi thọ, tưởng, hành, thức ấm?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Bốn đại là nhân, bốn đại là duyên; đó gọi là sắc ấm. Vì sao? Vì những gì thuộc về sắc ấm, tất cả những cái đó đều là bốn đại, được tác thành do duyên bốn đại. Xúc là nhân, xúc là duyên sanh ra thọ, tưởng, hành; cho nên gọi là thọ, tưởng, hành ấm. Vì sao? Vì nếu những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thì tất cả chúng đều lấy xúc làm duyên. Danh sắc là nhân, danh sắc là duyên, đó gọi là thức ấm. Vì sao? Vì nếu những gì thuộc về thức, thì tất cả chúng đều lấy danh sắc làm duyên."

[118]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Thế nào là vị ngọt của sắc? Thế nào là sự tai hại của sắc? Thế nào là sự xuất ly sắc? Thế nào là vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức? Thế nào là sự tai hại của thức? Thế nào là sự xuất ly của thức?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hỷ lạc duyên vào sắc sanh ra, đó gọi là vị ngọt của sắc. Nếu sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đó gọi là sự tai hại của sắc. Nếu đối với sắc mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham, đó gọi là sự xuất ly sắc. Nếu hỷ lạc duyên vào thọ, tưởng, hành, thức sanh ra, đó gọi là vị ngọt của thức. Nếu thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, khổ, biến dịch, thì đó gọi là sự tai hại của thức. Đối với thọ, tưởng, hành, thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham, thì đó gọi là sự xuất ly thức.

---

117. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Nhân duyên".

118. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Hai vị ngọt".

[119]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! Những gì đã được. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Từ cái gì sanh ra ngã mạn[120]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Phàm phu ngu si không học, ở nơi sắc thấy là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Từ đây sanh ra ngã mạn."

[121]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Bạch Thế Tôn, làm thế nào để đạt được không ngã mạn?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc không thấy là ngã, là khác ngã, là ở trong nhau. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng không thấy là ngã, là khác ngã, là ở trong nhau."

[122]Tỳ-kheo bạch Phật:

"Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ."

Lại hỏi nữa:

"Biết cái gì, thấy cái gì nhanh chóng chứng đắc lậu tận[123]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, tất cả chúng đều chẳng phải là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Và thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Tỳ-kheo, biết như vậy, nên thấy như vậy, nhanh chóng chứng đắc lậu tận."

Bấy giờ, trong chúng lại có một vị Tỳ-kheo khác căn trí đần độn, không hiểu biết, vì vô minh che lấp, nên khởi tà kiến ác, nghĩ rằng: "Nếu vô ngã, tạo nghiệp vô ngã, vậy thì ai là người sẽ chịu quả báo trong đời vị lai?"

---

119. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Ngã mạn".

120. Ngã mạn 息慢, phúc cảm tác thành tự ngã. Ở đây, Pāli: ahaṃkāra-mamaṃkāra-mānānusaya, ngã, ngã sở và mạn tùy miên.

121. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Không ngã mạn".

122. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh "Chóng lậu tận".

123. Trong bản Hán: tận đắc 盡得; có lẽ chính xác là tật đắc 疾得。

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo kia, nên liền bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong chúng này, có người ngu si, vô trí, vô minh, nghĩ rằng: 'Nếu sắc là vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã, tạo nghiệp vô ngã, thì ai là người sẽ nhận quả báo?' Những điều nghi ngờ như vậy, trước đây Ta đã giải thích. Thế nào Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, vô thường."

Hỏi: "Vô thường là khổ chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là khổ."

Hỏi: "Vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, ở trong nhau không?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải là ngã, chẳng phải những gì thuộc về ngã. Ai thấy như vậy được gọi là thấy đúng. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán như vậy, liền tu tập tâm nhàm chán. Đã nhàm chán rồi, thì ly dục. Do ly dục mà giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Phật nói kinh này xong, phần nhiều các Tỳ-kheo không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

Ấm căn, ấm tức thọ,
Hai ấm cùng tương quan,
Danh tự, nhân, hai vị,
Ngã mạn, chóng lậu tận.

□

TẠP A-HÀM QUYỂN 3

Kinh 59. Sanh diệt[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Hãy quán sát năm thọ ấm này là pháp sanh diệt. Nghĩa là, 'Đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc; đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của… thức, sự diệt tận của… thức.'

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Thế nào là sự diệt tận của sắc? Thế nào là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Thế nào là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức?

"Sự tập khởi của ái hỷ là sự tập khởi của sắc; sự diệt tận của ái hỷ là sự diệt tận của sắc. Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành; sự diệt tận của xúc là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành. Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của thức; sự diệt tận của danh sắc là sự diệt tận của thức.

"Này Tỳ-kheo, như vậy là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc; đó là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc. Như vậy là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức; đó là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

[1] *Quốc Dịch Nhất Thiết Kinh, quyển 4 kinh 96. Phật Quang quyển 3, kinh 50. Đại Chánh, quyển 3, kinh 59. Pāli, S. 22. 5. Samādhi.*

Kinh 60. Bất lạc[2]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Lành thay! Tỳ-kheo không ưa sắc, không khen ngợi sắc, không chấp thủ sắc, không đắm trước sắc. Lành thay! Tỳ-kheo không ưa thọ, tưởng, hành, thức, không khen ngợi… thức, không chấp thủ… thức, không đắm trước… thức. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo không ưa sắc, không khen ngợi sắc, không chấp thủ sắc, không đắm trước sắc, thì đối với sắc sẽ không ưa thích, tâm được giải thoát. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không ưa thức, không khen ngợi thức, không chấp thủ thức, không đắm trước thức, thì đối với thức sẽ không ưa thích, tâm được giải thoát.

"Nếu Tỳ-kheo không ưa sắc, tâm được giải thoát. Cũng vậy, nếu không ưa thọ, tưởng, hành, thức, tâm được giải thoát, không sanh không diệt, bình đẳng an trú xả với chánh niệm chánh trí.

"Tỳ-kheo này đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, kiến chấp liên hệ biên tế quá khứ[3] vĩnh viễn diệt tận không dư tàn. Khi kiến chấp liên hệ biên tế quá khứ vĩnh viễn diệt tận không dư tàn, thì kiến chấp liên hệ biên tế vị lai cũng vĩnh viễn diệt tận không dư tàn. Khi kiến chấp liên hệ biên tế vị lai cũng vĩnh viễn diệt tận không dư tàn, thì kiến chấp liên hệ biên tế quá khứ và biên tế vị lai cũng diệt tận không dư tàn, không còn gì ngăn che. Khi đã không còn gì ngăn che, thì đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Không chấp thủ nên cũng không có gì để mong cầu. Không có gì để mong cầu, nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

[2] *Pāli, S. 22. 5. Samādi.*

[3] *Tiền tế 前際, biên tế phía trước, chỉ quá khứ tối sơ: đời trước ta hiện hữu hay không hiện hữu?*

Kinh 61. Phân biệt (1)[4]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Thế nào là sắc thọ ấm? Những gì là sắc, tất cả chúng đều là bốn đại và sắc do bốn đại tạo. Đó gọi là sắc thọ ấm. Lại nữa, sắc kia là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Nếu sắc thọ ấm này vĩnh viễn bị đoạn trừ không dư tàn, rốt ráo xả ly, diệt tận, ly dục, tịch diệt, các sắc thọ ấm khác không tương tục, không xuất hiện, không khởi lên, thì đó gọi là vi diệu, cũng gọi là tịch tĩnh, cũng gọi là xả ly tất cả hữu dư, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.

"Thế nào là thọ thọ ấm? Đó là sáu thọ thân. Những gì là sáu? Thọ phát sanh do xúc con mắt; thọ phát sanh do xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là thọ thọ ấm. Lại nữa, thọ thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

"Thế nào là tưởng thọ ấm? Đó là sáu tưởng thân. Những gì là sáu? Tưởng phát sanh do xúc con mắt; cho đến, tưởng phát sanh do xúc của ý. Đó gọi là tưởng thọ ấm. Lại nữa, tưởng thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

"Thế nào là hành thọ ấm? Đó là sáu tư thân. Những gì là sáu? Tư phát sanh do xúc con mắt; cho đến, tư phát sanh do xúc của ý. Đó gọi là hành thọ ấm. Lại nữa, hành thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

"Thế nào là thức thọ ấm? Đó là sáu thức thân. Những gì là sáu? Thức thân con mắt; cho đến ý thức thân, đó gọi là thức thọ ấm. Lại nữa, thức thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

"Này các Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này mà dùng trí tuệ tư duy, quán sát, phân biệt, nhẫn thọ, đó gọi là tùy tín hành, siêu thăng, ly sanh[5], vượt qua khỏi địa vị phàm phu. Nếu chưa đạt được quả Tu-đà-hoàn, mà

---

[4] Pāli, S. 22. Samādhi.

[5] Siêu thăng ly sanh 超昇離生, cũng nói nhập chánh tánh ly sanh. Sát-na đầu tiên chứng Dự lưu, thể nhập bản tánh của Thánh, rời khỏi bản tánh phàm phu.

nửa chừng không chết, thì chắc chắn sẽ đạt được quả Tu-đà-hoàn.

"Này các Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này, mà bằng tăng thượng trí tuệ, tư duy quán sát, nhẫn thọ, thì đó gọi là tùy pháp hành, siêu thăng, ly sanh, vượt qua khỏi địa vị phàm phu. Nếu chưa đạt được quả Tu-đà-hoàn, mà nửa chừng không chết, thì chắc chắn sẽ đạt được quả Tư-đà-hoàn.

"Này Tỳ-kheo, đối với pháp này nếu bằng trí tuệ chân chánh mà quán sát[6] như thật, ba kết được biết là hoàn toàn đoạn trừ[7]; đó là, thân kiến, giới thủ, nghi. Tỳ-kheo, đó gọi là quả Tu-đà-hoàn, sẽ không rơi vào đường ác, quyết định thẳng đến Chánh giác[8], bảy lần sanh qua lại giữa trời, người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ.

"Này Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này nếu dùng trí tuệ chân chánh mà quán sát như thật, tâm sẽ không khởi lên lậu hoặc, thì gọi là A-la-hán. Khi các lậu đã sạch rồi, thì những gì cần làm đã làm xong, trút bỏ gánh nặng, đạt được mục đích của mình[9], các kết sử hữu[10] dứt sạch, chánh trí, tâm đạt được giải thoát."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 62. Phân biệt (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, vô minh, đối với năm thọ ấm sanh ra hệ phược bởi ngã kiến, khiến cho tâm bị hệ phược mà sanh ra tham dục.

"Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử có trí tuệ, có minh, thì đối với năm thọ ấm này không bị hệ phược bởi ngã kiến khiến tâm bị trói buộc

---

6. Nguyên Hán: đẳng quán 等觀。Pāli: samanupassati.

7. Tận đoạn trí 盡斷知，hoặc nói là đoạn biến tri, hay biến tri đoạn: đoạn trừ rốt ráo, toàn diện.

8. Trong bản: tam-bồ-đề 三菩提，tức Pāli: sambodhi.

9. Hán: đãi đắc kỷ lợi 逮得己利。

10. Hữu kết, phiền não dẫn đến tái sanh, trói buộc vào tái sanh. Pāli: bhavasaṃyojana.

dính mắc mà khởi lên tham dục.

"Vì sao kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, không sáng suốt, đối với năm thọ ấm, bị hệ phược bởi ngã kiến, khiến cho tâm bị trói buộc dính mắc mà sanh ra tham dục? Này Tỳ-kheo, kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, không sáng suốt, thấy rằng sắc là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Những kẻ phàm phu ngu si không học, không trí tuệ, không sáng suốt như vậy, đối với năm thọ ấm nói là ngã và bị hệ phược, làm cho tâm bị hệ phược mà sanh ra tham dục.

"Vì sao Thánh đệ tử, có trí tuệ, sáng suốt, không được nói là bị ngã hệ phược, khiến kết buộc tâm mà sanh tham dục? Vì không thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức không thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong ngã. Như vậy, Thánh đệ tử, có trí tuệ, sáng suốt, đối với năm thọ ấm không bị ngã hệ phược, để khiến trói buộc tâm mà sanh ra tham dục. Nếu những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, nên quán sát chân chánh tất cả đều là vô thường. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc là quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, thì cũng nên quán sát chân chánh tất cả đều là vô thường."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 63. Phân biệt (3)[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Này Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương có ngã, tất cả y trên năm thọ ấm này mà chủ trương có ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng

[11] *Pāli, S. 22. 47. Samanupassanā.*

vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Như vậy, kẻ phàm phu ngu si không học, chấp ngã, vô minh, phân biệt mà quán sát như vậy, không lìa ngã sở[12]. Do không lìa ngã sở, nhập vào các căn[13]. Khi nhập vào các căn rồi thì sẽ sanh ra xúc. Sáu xúc duyên vào những gì được xúc, phàm phu ngu si không học sanh ra khổ vui, từ đó phát sanh ra những cái này và những cái khác, đó là sáu xúc thân. Những gì là sáu? Xúc nhập xứ của mắt; xúc nhập xứ của tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

"Này Tỳ-kheo, có ý giới, pháp giới, vô minh giới. Phàm phu ngu si không học được chạm bởi vô minh xúc nên nói là hữu, nói là vô, nói là vừa hữu vừa vô, nói là chẳng phải hữu chẳng phải vô, nói là ta hơn hết, nói là tương tợ, ta biết, ta thấy.

"Lại nữa, này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử, khi trụ vào sáu xúc nhập xứ mà có thể nhàm chán xa lìa vô minh, có thể sanh ra minh, người đó đối với vô minh mà ly dục, sanh ra minh, nên chẳng hữu, chẳng vô, chẳng phải vừa hữu vừa vô, chẳng phải chẳng hữu, chẳng vô, chẳng phải có ta hơn, chẳng phải có ta kém, chẳng phải có ta bằng, ta biết, ta thấy. Khi biết như vậy, thấy như vậy rồi thì vô minh xúc khởi lên trước kia sẽ diệt và minh xúc sau sẽ tập khởi."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 64. Ưu-đà-na[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Lộc-tử-mẫu trong Đông-viên, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, buổi chiều, sau giờ Thế Tôn từ thiền tịnh dậy, đến giảng đường, vào trong nhà giảng, trải tòa ngồi trước đại chúng. Rồi thì, Thế Tôn nói kệ Ưu-đà-na:

Pháp không có tôi ta,

---

[12] *Pāli: samanupassanā asmi ti cassa avigataṃ, quán sát như vậy thì không rời khỏi ý tưởng "Tôi hiện hữu" (ngã kiến).*

[13] *Pāli: avigate pañcanaṃ indriyānaṃ avakkanti hoti, khi không rời, năm căn có lối vào.*

[14] *Pāli, S. 22. 55. Udānaṃ.*

Cũng lại không của ta;
Cũng sẽ không có ta,
Của ta từ đâu sanh?
Tỳ-kheo giải thoát[15] *đây,*
Đoạn trừ hạ phần kết[16].

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật rằng:

"Thế nào là không có tôi ta, cũng lại không của ta, cũng sẽ không có ta, của ta từ đâu sanh? Tỳ-kheo giải thoát đây, đoạn trừ hạ phần kết?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Phàm phu ngu si không học, chấp sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành, thức cho là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Đa văn Thánh đệ tử, không thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; cũng chẳng phải là người biết, cũng chẳng phải là người thấy. Sắc này là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Sắc là khổ. Thọ, tưởng, hành, thức là khổ. Sắc là vô ngã. Thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã. Sắc này sẽ không tồn tại. Thọ, tưởng, hành, thức sẽ không tồn tại. Vì sắc này sẽ hủy hoại[17]. Thọ, tưởng, hành, thức sẽ hủy hoại. Cho nên, chẳng có ngã, chẳng có ngã sở và cũng sẽ chẳng có ngã, ngã sở. Nếu ai giải thoát như vậy, thì sẽ đoạn trừ được năm kết sử hạ phần."

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, khi đã đoạn trừ năm kết sử hạ phần rồi, làm sao để ngay trong đời này tự biết, tự tác chứng, thành tựu và an trú với sự diệt tận các lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tác sanh đời sau nữa'?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Phàm phu chúng sanh ngu si không học ở chỗ không sợ hãi mà sanh ra sợ hãi. Phàm phu chúng sanh ngu si không học sanh ra sự sợ hãi rằng không ngã, không ngã sở; cả hai sẽ chẳng sanh.

---

15. Hán: giải thoát 解脫。Pāli: evaṃ muccamāno, khi lãnh hội (thắng giải) như vậy. Bản Hán đọc là muttamāno.

16. Hạ phần kết 下分結, chỉ năm phiền não dẫn đến tái sanh Dục giới. Pāli: orambhāgiyāni saṃyojāni.

17. Hán: hoại hữu 壞有。Pāli: rūpaṃ vibhavissati, sẽ hủy diệt, sẽ không tồn tại.

"Do vin bám[18] mà có bốn trú xứ của thức[19]. Thức trụ nơi sắc, vin bám sắc, ham muốn sắc, để tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Thức trú nơi thọ, tưởng, hành, vin bám hành, ham muốn hành, để tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Tỳ-kheo, thức ở nơi này, hoặc đến, hoặc đi, hoặc ở, hoặc khởi, hoặc diệt, tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Nếu nói rằng lại có pháp khác và ở đó thức hoặc đến, hoặc đi, hoặc ở, hoặc khởi, hoặc diệt, tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn; thì đây chỉ có trên ngôn thuyết, chứ nếu hỏi đến, thì sẽ không biết, chỉ tăng thêm ngu si, vì chúng chẳng phải là cảnh giới. Vì sao? Tỳ-kheo, xa lìa tham dục của sắc giới, thì triền phược của ý sanh[20] đối với sắc cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi triền phược của y sanh đối với sắc bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám của thức cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi ấy, thức không có chỗ trú, cũng không tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn trở lại. Khi triền phược của ý sanh đối với thọ, tưởng, hành giới, nếu đã lìa tham dục rồi, thì sự vin bám của thức cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi ấy, thức không có chỗ trú, cũng không tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn trở lại. Vì thức không chỗ trụ, nên không tăng trưởng. Vì không tăng trưởng nên không có gì để tạo tác. Vì không có gì để tạo tác cho nên được an trụ. Vì đã an trụ nên biết đủ. Vì đã biết đủ nên được giải thoát. Vì đã giải thoát nên đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Này Tỳ-kheo, Ta nói thức không trụ Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn bên, trên, dưới, ngoại trừ ngay trong hiện tại mà muốn nhập Niết-bàn, diệt tận, tịch tĩnh, thanh lương."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Sanh diệt và bất lạc,
Và ba kinh phân biệt,
Quán sát về tham trước,
Đó là Ưu-đà-na.

---

18. *Hán: phan duyên 攀緣。*
19. *Tứ thức trú 四識住。*
20. *Ý sanh 意生, cũng nói ý sở thành 意所成; đây chỉ thân được tác thành bởi ý khi tái sanh vào trong Sắc giới.*

Kinh 65. Thọ[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư[22], cho trong tâm mình tĩnh lặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo luôn tu tập phương tiện thiền tư, thì trong tâm mình sẽ được tĩnh lặng, nên quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là sự tập khởi của… thức, đây là sự đoạn tận của… thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Phàm phu ngu si vô học nên đối với các thọ khổ, lạc, không khổ không lạc, không quán sát như thật rằng đây là sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự xuất ly của thọ. Vì không biết quán sát như thật, nên đối với thọ lại ưa thích tham đắm mà sanh ra chấp thủ và thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não; khối lớn đau khổ như vậy từ tập mà sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Đó là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc? Sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Đa văn Thánh đệ tử đối với các thọ khổ, lạc, không khổ không lạc, quán sát như thật rằng đây là sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự xuất ly của thọ. Vì quán sát như thật nên đối với thọ sự ưa thích đắm trước bị đoạn trừ. Vì sự đắm trước đã bị đoạn trừ, nên chấp thủ cũng bị diệt. Vì thủ đã bị diệt, nên hữu cũng bị diệt. Vì hữu đã bị diệt, nên sanh cũng bị diệt. Vì sanh đã bị diệt, cho nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não cũng bị diệt; khối lớn đau khổ như vậy tất cả đều diệt. Đó gọi là sắc diệt. Đó gọi là thọ, tưởng, hành, thức diệt. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư, cho tâm mình luôn tĩnh lặng. Tỳ-kheo an trụ thiền tư, thì bên trong tâm luôn tĩnh lặng, nỗ lực siêng năng phương tiện quán sát như thật."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[21] Quốc Dịch, phẩm 12, quyển 4. Pāli, S. 22. 5. Samādhi (xem các kinh 59-62); S. 22. 6. Paṭisallāna.

[22] Thiền tư 撣思。Pāli: paṭisallāna, sống cô độc tại một nơi thanh vắng; yển tọa, độc cư.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, có mười hai kinh[23] tiếp theo là Phân biệt, Chủng chủng phân biệt, Tri, Quảng tri, Chủng chủng tri, Thân cận, Thân cận tu tập, Nhập, Xúc và Chứng.

□

Kinh 66. Sanh[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư, cho trong tâm mình tịch lặng. Vì sao? Vì nhờ tu tập phương tiện thiền tư, trong tâm mình đã tịch lặng để quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Quán sát như thật rằng đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của… thức, sự diệt tận của… thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức?

"Này Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, không quán sát như thật về sự tập khởi của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc, nên ưa muốn sắc kia, khen ngợi yêu đắm, nên sắc sẽ tái sanh lại vào đời vị lai. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói rộng như vậy. Khi sắc kia sanh, thọ, tưởng, hành, thức sanh; mà đối với sắc không giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức không giải thoát, Ta nói người đó sẽ không giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não; thuần khối lớn đau khổ. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc và sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức?

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, biết như thật. Do biết như thật nên không thích sắc, không khen ngợi sắc, không ưa đắm sắc, cũng không sanh ra sắc vị lai. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói rộng như vậy. Sắc không sanh, thọ, tưởng, hành, thức không sanh; do đó đối với sắc được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức

---

[23] Trong bản Đại Chánh, ghi là hai kinh. Theo các bản, Phật Quang, Quốc Dịch và Ấn Thuận, đều đính chính là mười hai.

[24] Pāli, S. 22. 7. Upādāparitassanā.

được giải thoát. Ta nói người này giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não, thuần khối lớn đau khổ. Đó gọi là sự diệt tận của sắc, là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức.

"Cho nên, Tỳ-kheo, nên luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư, để bên trong tâm mình tịch lặng, tinh tấn siêng năng phương tiện quán sát như thật."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, cho đến kinh Tác chúng, gồm mười hai, cũng cần diễn rộng.

□

Kinh 67. Lạc

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư, cho nội tâm tĩnh lặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo tu tập phương tiện thiền tư, cho nội tâm tĩnh lặng để quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Biết như thật đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của… thức, sự diệt tận của… thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc và sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật nên ưa thích đắm trước vào sắc kia, khen ngợi sắc. Vì ưa thích đắm trước sắc, khen ngợi sắc nên chấp thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử, ưu, bi, khổ, não; thuần khối lớn đau khổ như vậy sanh ra. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc? Sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Vì biết như thật, nên không thích đắm sắc, không khen ngợi sắc. Vì không thích đắm trước, khen ngợi sắc cho nên ái lạc bị diệt trừ. Ái lạc diệt nên chấp thủ cũng diệt. Thủ diệt nên hữu diệt. Hữu diệt nên sanh diệt. Sanh

đã bị diệt nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não cũng bị diệt; và như vậy thuần khối lớn đau khổ diệt.

"Thế nào là đa văn Thánh đệ tử biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức và về sự tập khởi của… thức, về sự diệt tận của… thức, về vị ngọt của… thức, về sự tai hại của… thức, về sự xa lìa… thức? Vì đã biết như thật về chúng, nên không thích đắm… thức kia, không khen ngợi… thức. Vì không thích đắm… thức nên ái lạc diệt. Ái diệt, nên thủ diệt. Thủ diệt nên hữu diệt. Hữu diệt nên sanh cũng bị diệt. Sanh diệt nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt, như vậy thuần khối lớn đau khổ tất cả đều diệt. Này Tỳ-kheo, đó gọi là sự diệt tận của sắc, là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Tỳ-kheo nên thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư để cho nội tâm được tĩnh lặng."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, cho đến kinh Tác chúng, gồm mười hai, cũng cần diễn rộng.

□

Kinh 68. Lục nhập xứ[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư, để cho nội tâm được tĩnh lặng, thì mới quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Biết như thật đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của… thức, sự diệt tận của… thức.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc? Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Do duyên mắt và sắc nên thức của mắt sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc; duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái, cho đến thuần khối lớn đau khổ sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Duyên tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Do duyên ý và pháp, thức của ý sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc, duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái. Như vậy, cho đến thuần khối lớn

[25] *Không thấy Pāli tương đương.*

đau khổ sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.

"Thế nào là sự diệt tận của sắc? Sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Do duyên mắt và sắc nên thức của mắt sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc. Khi xúc diệt thì thọ diệt, cho đến thuần khối lớn đau khổ diệt. Duyên tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Do duyên ý và pháp, thức của ý sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc. Khi xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt… cho đến thuần khối lớn đau khổ diệt. Đó gọi là sự diệt tận của sắc là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Cho nên này các Tỳ-kheo, nên thường xuyên tu tập phương tiện thiền tư, để cho nội tâm được tĩnh lặng."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh Quán sát, cũng vậy, cho đến kinh Tác chúng, gồm mười hai, cũng cần diễn rộng.

Bài kệ tóm tắt:

Thọ và sanh và lạc,
Cũng nói lục nhập xứ,
Mỗi một mười hai thứ,
Kinh thiền định tam-muội.

□

Kinh 69. Kỳ đạo[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân[27] và về con đường dẫn đến sự diệt tận của hữu thân.

"Thế nào là con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân? Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên ưa thích sắc, khen ngợi sắc, đắm trước sắc, trụ vào sắc. Vì đã ưa thích sắc, khen ngợi sắc, đắm trước sắc, trụ vào sắc,

---

[26] *Quốc Dịch, phẩm 13, quyển 4. Pāli, S. 22. 44. Paṭipadà.*

[27] *Hữu thân tập thú đạo 有身集趣道。Pāli: sakkāyasamudayagāmini-paṭipadà.*

nên yêu thích chấp thủ. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não; thuần khối lớn đau khổ như vậy được sanh ra. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói rộng như vậy. Đó gọi là con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân. Tỳ-kheo, nên biết, con đường dẫn đến sự tập khởi của hữu thân, chính là con đường dẫn đến sự tập khởi của khổ.

"Thế nào là con đường dẫn đến sự diệt tận của hữu thân? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì đã biết như thật nên đối với sắc không ưa, không khen, không đắm, không trụ. Vì không ưa, không khen, không đắm, không trụ nên ái lạc sắc kia diệt. Ái lạc diệt, thì thủ cũng diệt; thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não, thuần khối lớn đau khổ như vậy diệt. Cũng như sắc, đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân này cũng là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Cho nên nói là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh Đương thuyết, hai kinh Hữu và Đương tri cũng vậy[28].

□

Kinh 70. Thật giác[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về biên tế của hữu thân[30], về biên tế tập khởi của hữu thân[31], về biên tế diệt tận của hữu thân[32]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ,

---

[28] *Kinh này cũng được gọi là Đương thuyết (sẽ nói), vì bắt đầu bằng hai chữ như vậy. Hai kinh tiếp theo hoàn toàn đồng nhất với kinh này, nên không chép. Đây lời của người truyền kinh.*

[29] *Pāli 22. 103. Antà.*

[30] *Hữu thân biên 有身邊ä。Pāli: sakkāyanta.*

[31] *Hữu thân tập biên 有身集邊ä。Pāli: sakkāya-samudayanta.*

[32] *Hữu thân diệt biên 有身滅邊ä。Pāli: sakkāya-nirodhànta.*

Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là biên tế của hữu thân? Là chỉ cho năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là biên tế của hữu thân.

"Thế nào là biên tế tập khởi của hữu thân? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia[33]. Đó gọi là tập khởi của hữu thân.

Thế nào là biên tế diệt tận của hữu thân? Tức là ái này, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ. Đó là biên tế sự diệt tận của hữu thân. Đó là nói về biên tế hữu thân, về biên tế sự tập khởi của hữu thân, về biên tế sự đoạn diệt của hữu thân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh Đương thuyết, hai kinh Hữu và Đương tri cũng vậy.

□

Kinh 71. Hữu thân[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta nói về hữu thân[35], về sự tập khởi của hữu thân, về con đường dẫn đến sự diệt tận của hữu thân[36]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là hữu thân? Là năm thọ ấm. Đó là: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là hữu thân.

"Thế nào là sự tập khởi của hữu thân? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia[37]. Đó gọi là sự tập khởi của hữu thân.

"Thế nào là sự diệt tận của hữu thân? Tức là ái này, ái về hữu đương

---

33. Pāli: tatra-tatrabhinandinì, seyyathidaṃ kāmataṇhā bhavataṇhā vibhavataṇhā, ưa thích nơi này nơi kia, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

34. Pāli, S.22. 105. Sakkāya.

35. Hữu thân 有身。Pāli: sakkāya.

36. Hữu thân diệt đạo tích 有身滅道跡。

37. Xem cht.33, kinh 70.

lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ. Đó gọi là sự diệt tận của hữu thân.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân? Là chỉ cho tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân.

"Đó là nói về hữu thân, về sự tập khởi của hữu thân, về sự diệt tận của hữu thân, về con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh Đương thuyết, hai kinh Hữu và Đương tri cũng vậy.

Nhưng có sự sai biệt:

"Tỳ-kheo biết hữu thân, đoạn tập khởi của hữu thân, chứng diệt của hữu thân, tu tập con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Đó là Tỳ-kheo đoạn trừ các kết sử, triền phược của ái dục, tu vô gián đẳng, cứu cánh khổ biên."

Lại có sự sai biệt:

"Đó gọi là Tỳ-kheo đã cứu cánh khổ biên, cứu cánh ly cấu, cứu cánh phạm hạnh, là bậc thượng sĩ thuần tịnh."

Lại có sự sai khác:

"Đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán, sạch hết các lậu hoặc, những gì cần làm đã làm xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã đạt được mục đích của mình, dứt sạch các kết sử, chánh trí tâm giải thoát."

Lại có sự sai biệt:

"Đó gọi là Tỳ-kheo đã phá sập quan ải, vượt hào, siêu việt cảnh giới, thoát khỏi các sự canh phòng, dựng cờ Thánh pháp."

Lại có sự sai biệt:

"Thế nào là đã phá sập quan ải? Là đã dứt bỏ được năm hạ phần kết. Thế nào là vượt hào? Là vượt khỏi hào sâu vô minh. Thế nào là siêu việt khỏi cảnh giới? Là đến chỗ cùng tột không đầu mối của sanh tử. Thế nào là thoát khỏi các sự canh phòng? Là ái đã hết sạch. Thế nào dựng cờ Thánh pháp? Là ngã mạn đã dứt sạch."

Lại có sự sai biệt:

"Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn năm chi, thành tựu sáu chi, thủ hộ một, y bốn thứ, xả các đế, lìa các thứ mong cầu, tịnh các giác, thân hành tịch

tĩnh, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, vô thượng phạm hạnh thuần nhất đã lập."

Kệ tóm tắt:

Kỳ đạo, có ba kinh,
Thật giác cũng ba kinh,
Hữu thân kinh thuyết,
La-hán có sáu hạng.

Kinh 72. Tri pháp[38]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói về các pháp sở tri, trí và trí giả[39]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Thế nào là các pháp đã sở tri? Là năm thọ ấm. Đó là: Sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là những pháp sở tri.

"Thế nào là trí? Là sự điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, siêu việt dục tham. Đó gọi là trí.

"Thế nào gọi là trí giả? Đó là A-la-hán. A-la-hán chẳng phải tồn tại sau khi chết, chẳng phải không, chẳng phải có không tồn tại sau khi chết, chẳng phải chẳng có không tồn tại sau khi chết. Nói rộng ra vô lượng, các số đã vĩnh viễn dứt sạch. Đó gọi là nói về các pháp sở tri, trí và trí giả."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 73. Trọng đảm[40]

Tôi nghe như vầy:

---

38. Quốc Dịch, phẩm 14. Pāli, S. 22. 23. Pariññāyya.

39. Sở tri pháp, trí, trí giả 所知法智智者; pháp cần được nhận thức toàn diện (Pāli: pariññeyya: ưng biến tri); sự nhận thức toàn diện (pariññā: biến tri trí) và người có nhận thức toàn diện (Pāli không đề cập).

40. Gánh nặng. Pāli, S. 22. 22. Bhāra.

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về gánh nặng, thủ gánh nặng, xả gánh nặng và người đang gánh nặng[41]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Thế nào là gánh nặng? Là năm thọ ấm. Đó là: Sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Thế nào là thủ gánh nặng? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia[42].

"Thế nào là xả gánh nặng? Tức là ái này, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ.

"Thế nào là người đang gánh nặng? Chính là con người[43]. Con người này có tên như vậy, thọ sanh như vậy, dòng họ như vậy, ăn uống như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy, tồn tại như vậy, thọ mạng như vậy, giới hạn thọ mạng sống như vậy. Đó gọi là gánh nặng, thủ gánh nặng, xả gánh nặng và người đang gánh nặng."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Đã vứt bỏ gánh nặng,
Không nên nhận trở lại.
Gánh nặng là khổ lớn,
Trút gánh là vui nhiều.
Đoạn trừ tất cả ái,
Thì sạch tất cả hành.
Thấu triệt mọi cảnh khác,
Không còn luận chuyển hữu.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

41. Trọng đảm, thủ đảm, xả đảm, đảm giả 重擔取擔捨擔。Pāli: bhāra, bhāradāna, bhāranikkhepana, bharahāra.

42. Xem cht.33, kinh 70.

43. Hán: sĩ phu 士夫。Pāli: puggala (bổ-đặc-già-la).

Kinh 74. Vãng nghệ[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Phàm phu ngu si không học không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên đối với sắc có sự thích thú, ngợi khen, đắm trước, bị dính mắc mà trụ; bị trói buộc bởi dây trói của sắc, bị trói buộc bởi dây trói bên trong, không biết nguồn gốc, không biết biên tế, không biết xuất ly.

"Đó gọi là kẻ phàm phu ngu si không học, vì bị trói buộc nên sanh, vì bị trói buộc nên chết, vì bị trói buộc từ đời này sang đời khác, nên người này sanh ra cũng vì sự trói buộc mà chết đi cũng vì sự trói buộc.

"Đó gọi là kẻ phàm phu ngu si không học, bị ma khống chế, vào trong lưới ma, theo ma biến hóa[45], bị ma trói buộc, bị ma lôi kéo. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì đã biết như thật, nên không tham vui sắc, không ngợi khen, không bị dính mắc mà trụ; không bị trói buộc bởi dây trói của sắc, không bị trói buộc bởi dây trói bên trong, biết nguồn gốc, biết biên tế, biết xuất ly.

"Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc mà sanh, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc mà chết, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc từ đời này sang đời khác; không bị ma khống chế, không bị rơi vào tay ma, không bị ma tạo tác[46], không bị ma trói buộc, giải thoát sự trói buộc của ma, lìa khỏi sự dẫn dắt của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

44. Pāli, S. 22. 117. Bandhana; 22. 65. Abhinnandamāna.

45. Ma sở hóa 魔所化; đoạn dưới nói là ma sở tác 魔所作。

46. Xem cht.45 trên.

Kinh 75. Quán[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm. Tỳ-kheo đối với sắc nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với sắc nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; nhàm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát.

"Này Tỳ-kheo, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có sự sai biệt nào?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Như Lai là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp. Cúi xin Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói rộng nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ thực hành theo."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác chưa từng nghe pháp nhưng có thể tự mình giác ngộ pháp, tự thông đạt Vô thượng Bồ-đề, rồi để giác ngộ cho hàng Thanh văn trong đời vị lai mà nói pháp, đó là, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được những gì chưa đạt, được những cái lợi chưa từng được lợi, biết đạo, phân biệt đạo, nói đạo, thông suốt đạo; lại có thể thành tựu cho các Thanh văn, truyền dạy, răn bảo; như vậy mà thuận theo thiện pháp, hoan hỷ thiện pháp. Đó gọi là sự sai biệt giữa Như Lai và A-la-hán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

[47]. *Pāli, S. 22. 58. Sambuddha.*

Kinh 76. Dục[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Này các Tỳ-kheo, hãy quán sát sắc. Sau khi quán sát sắc, thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa không, Thế Tôn."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Sắc là vô ngã. Cái gì vô ngã thì vô thường, vô thường thì khổ. Nếu khổ thì kia tất cả đều chẳng phải ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Hãy quán sát như vậy.

"Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này quán sát là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi đã quán sát như vậy rồi, đối với thế gian không có gì để chấp thủ. Khi đã không có gì để chấp giữ thì sẽ không có gì để đắm trước. Khi đã không có gì để đắm trước thì sẽ tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 77. Sanh (1)[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy đoạn trừ dục tham ở nơi sắc. Dục tham đã đoạn trừ rồi thì sắc đoạn. Khi sắc đoạn rồi, thì được biến tri về đoạn[50]. Khi được biến tri về

---

48. Pāli, S. 22. 118-119. Parimucchita.

49. Pāli, 22. 25. Chadarāga.

50. Đoạn tri 斷知, hay đoạn biến tri, nhận thức toàn diện về sự đoạn trừ, tức đã đoạn trừ

đoạn, thì gốc rễ bị đoạn. Như chặt ngọn cây Ta-la, sau này không còn tái sanh được nữa. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức, dục tham đoạn… cho đến, đời sau không tái sanh được nữa."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 78. Sanh (2)[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu sắc khởi, trụ, xuất thì khổ ở đây khởi, bệnh ở đây trụ, già, chết ở đây xuất. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, nếu sắc diệt, ngừng nghỉ, biến mất thì khổ ở đây diệt, bệnh ở đây dừng, già chết ở đây biến mất. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 79. Sanh (3)[52]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc quá khứ, vị lai còn là vô thường, huống nữa là sắc hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy rồi, không nuối tiếc sắc quá khứ, không cầu mong sắc vị lai và đối với sắc hiện tại thì nhàm chán, ly dục, diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, nếu không có sắc quá khứ, đa văn Thánh đệ tử không có việc không nuối tiếc sắc quá khứ; vì có sắc quá khứ cho nên đa văn Thánh đệ tử không nuối tiếc sắc quá khứ. Nếu không có sắc vị lai, đa văn Thánh

---

triệt để. Pāli: pahāna-pariññā.

[51] *Pāli, S. 22. 30. Uppādaṃ.*

[52] *Pāli, S. 22. 9-11. Atītānāgatapaccuppanna.*

đệ tử không có việc không cầu mong sắc vị lai rồi; vì có sắc vị lai cho nên đa văn Thánh đệ tử không cầu mong sắc vị lai. Nếu không có sắc hiện tại, đa văn Thánh đệ tử không có việc đối với sắc hiện tại mà nhàm chán, hướng đến lìa dục, diệt tận; vì có sắc hiện tại cho nên đa văn Thánh đệ tử đối với sắc hiện tại mà nhàm chán, hướng đến lìa dục, diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 80. Pháp Ấn[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói về Thánh pháp ấn và Kiến thanh tịnh. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

"Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy, Tôi đối với tam-muội Không[54] chưa có sở đắc, mà khởi Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn.' Thì đừng nên nói như vậy. Vì sao? Vì nếu đối với Không chưa đạt được, mà nói là Tôi đã đạt được Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn, thì việc này sẽ không xảy ra.

"Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy, 'Tôi đã đạt được Không, có khả năng khởi lên Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn.' Thì đây là lời nói chính xác. Vì sao? Vì nếu đã đạt được Không rồi, thì sẽ có khả năng khởi lên Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn; điều này chắc chắn có thể xảy ra.

"Thế nào là đối với Kiến thanh tịnh của Thánh đệ tử?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Phật là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp. Cúi xin hãy vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp xong, sẽ thực hành theo lời dạy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

---

53. Không thấy Pāli tương đương.

54. Không, Vô tướng, Vô nguyện: ba Tam-muội môn.

"Nếu Tỳ-kheo nào, ngồi dưới gốc cây, chỗ trống vắng, mà khéo quán sát sắc là vô thường, là pháp ma diệt, ly dục. Cũng vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, là pháp ma diệt, ly dục. Quán các thọ ấm kia là vô thường, là pháp ma diệt, không bền chắc, biến dịch, thì tâm sẽ được an lạc, thanh tịnh, giải thoát. Đó gọi là Không. Quán sát như vậy cũng không thể lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát sự đoạn tận của tướng sắc, sự đoạn tận của tướng thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó gọi là vô tướng. Quán sát như vậy cũng chưa lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát sự đoạn trừ tướng tham, tướng sân nhuế, tướng ngu si. Đó gọi là Vô sở hữu. Quán sát như vậy cũng chưa lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát ngã và ngã sở từ đâu sanh ra?

"Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát về ngã, ngã sở từ thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm, biết mà sanh ra.

"Lại quán sát, do nhân gì, duyên gì mà có thức; nhân, duyên của thức kia là thường hay vô thường?

"Lại tư duy do nhân gì, duyên gì mà có thức; nhân kia, duyên kia của thức đều là vô thường. Lại nữa, nhân kia, duyên kia tất cả đều là vô thường, thức được sanh bởi đó làm sao là thường được? Vô thường là hành của hữu vi, từ duyên khởi, là pháp tai hại, là pháp hoại diệt, là pháp ly dục, là pháp đoạn tri[55]. Đó gọi là Thánh pháp ấn, Tri kiến thanh tịnh.

"Đó là nói rằng, 'Tỳ-kheo Ta sẽ nói về Thánh pháp ấn và Kiến thanh tịnh.' Được nói rộng như vậy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 81. Phú-lan-na[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú Tỳ-da-ly, trong giảng đường Trùng các, bên bờ

---

55. Xem cht.50 kinh 77 trên.

56. Pāli, S. 22. 60. Mahāli.

ao Di-hầu.

Bấy giờ có người Ly-xa[57] tên là Ma-ha-nam[58], thường ngày hay du hành đến chỗ Đức Phật. Ly-xa này bấy giờ tự nghĩ: 'Nếu ta đến sớm chỗ Phật, thì hiện giờ Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết của ta đều đang thiền tư. Bây giờ ta nên đến chỗ ngoại đạo A-kỳ-tỳ nơi bảy cây Yêm-la.' Rồi ông đến chỗ ở của Phú-lan-na Ca-diếp[59] này.

Hiện Phú-lan-na Ca-diếp đang là thủ lãnh chúng ngoại đạo gồm năm trăm người, đang vây quanh trước sau, tiếng cười đùa huyên náo, bàn luận việc thế gian. Bấy giờ, Ca-diếp từ xa nhìn thấy Ly-xa Ma-ha-man đang đến, liền bảo các quyến thuộc của mình nên giữ yên tĩnh, "Các ông nên giữ yên lặng. Đó là Ly-xa Ma-ha-man, là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Ông ta là đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm và cũng là người đứng đầu ở Tỳ-da-ly. Ông ta luôn thích sự tĩnh lặng và khen ngợi sự tĩnh lặng. Chỗ ông ta đến là nơi đồ chúng tĩnh lặng, vì thế cho nên các ông nên giữ sự yên lặng."

Khi Ma-ha-nam đến chỗ đồ chúng Phú-lan-na, cùng với Phú-lan-na thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Ma-ha-nam hỏi Phú-lan-na rằng:

"Tôi nghe Phú-lan-na vì các đệ tử nói pháp rằng, sự cấu uế hiện có của chúng sanh không do nhân, không do duyên và, sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh cũng không nhân, không duyên. Hiện thế gian đang truyền luận thuyết này. Có thật đây là những lời hủy báng nhau của người ngoài, hay người đời bày đặt ra? Đó là pháp, hay phi pháp? Ông có cùng tranh luận với người đời, bị nạn vấn, bị chỉ trích không?

Phú-lan-na Ca-diếp đáp:

"Thật sự, có luận thuyết này, chứ không phải là người đời ngoa truyền. Tôi đã lập ra luận thuyết này. Đó là luận như pháp. Tôi đã nói pháp này. Tất cả đều thuận theo pháp. Không có người thế gian nào đến đây nạn vấn và chỉ trích. Vì sao? Ma-ha-nam, tôi thấy như vậy, nói như vậy: 'Sự cấu uế hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên và sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên.'"

Khi Ma-ha-nam nghe những gì Phú-lan-na đã nói, lòng không vui,

---

57. Ly-xa 離車。Pāli, Liccha, một thị tộc hùng mạnh thời Phật.

58. Ma-ha-nam 摩訶男。Pāli: Mahānāma. Nhưng bản Pāli nói là Mahāli.

59. Phú-lan-na Ca-diếp 富蘭那迦葉。Pāli: Pūraṇa Kassapa.

chỉ trích, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Ông đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem tất cả mọi chuyện đã bàn luận cùng Phú-la-na trình hết lên Thế Tôn.

Phật bảo Ly-xa Ma-ha-nam:

"Đó là những lời nói không cân nhắc[60] của Phú-lan-na, không đáng để ghi nhớ. Như vậy, Phú-lan-na là người ngu si, thiếu hiểu biết, không thiện xảo, khi chủ trương không nhân mà nói như vầy: 'Sự cấu uế hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên và sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh cũng không nhân, không duyên.' Vì sao? Có nhân, có duyên khiến chúng sanh có cấu uế; có nhân, có duyên khiến chúng sanh thanh tịnh.

"Ma-ha-nam, do nhân gì, duyên gì mà chúng sanh có cấu uế?

"Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, sắc chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà là tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sanh nhiễm đắm sắc. Do nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc, nên có phiền não.

"Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì… thức chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà là tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sanh nhiễm đắm… thức. Vì đã bị nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc nên sanh ra phiền não.

"Đó gọi là có sự cấu uế của chúng sanh là có nhân, có duyên.

"Ma-ha-nam, vì nhân gì, duyên gì mà chúng sanh thanh tịnh?

"Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ, xa lìa khổ, thì chúng sanh không nên nhân sắc này mà sanh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì sắc chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sầu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sanh đối với sắc sanh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên

---

60. Xuất ý ngữ 出意語。Pāli: adhivitti pada.

giải thoát.

"Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ, xa lìa khổ, thì chúng sanh không nên nhân nơi… thức mà sanh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sầu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sanh đối với sắc sanh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

"Này Ma-ha-nam, đó gọi là sự thanh tịnh của chúng sanh là có nhân, có duyên."

Khi Ma-ha-nam nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Tri pháp cùng trọng đảm,
Vãng nghệ, quán, dục tham.
Kinh sanh và lược thuyết,
Pháp ấn, Phú-lan-na.

□

Kinh 82. Trúc viên[61]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại Chi-đề, tinh xá Trúc viên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đa văn Thánh đệ tử ở nơi cái gì mà thấy vô thường, khổ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Sau khi nghe xong các Tỳ-kheo sẽ y như những lời dạy mà thực hành.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc thấy là vô thường, khổ; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là vô thường, khổ.

"Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

---

61. Quốc Dịch, phẩm 7, quyển 2. Không thấy Pāli tương đương.

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

"Tỳ-kheo, vô thường là khổ phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy thì là đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy mà nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức. Vì nhàm chán nên không còn thích; vì không thích nên được giải thoát; vì đã được giải thoát cho nên biết rằng, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 83. Tỳ-da-ly[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú Tỳ-da-ly, trong giảng đường Trùng các, bên bờ ao Di-hầu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đa văn Thánh đệ tử ở nơi cái gì thấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau; bằng quán sát bình đẳng như vậy mà tri kiến như thật?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Sau khi nghe xong các Tỳ-kheo sẽ y như

---

62. *Không thấy Pāli tương đương.*

những lời dạy mà thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc thấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là quán chánh xác như thật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, là vô thường.”

Lại bảo các Tỳ-kheo:

“Vô thường là khổ chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, là khổ.”

“Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy thì đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn, không.”

“Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là các sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là quán chính xác như thật. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với sắc được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng được giải thoát. Ta nói người này giải thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não, cùng tụ lớn thuần khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 84. Thanh tịnh[63]

Tôi nghe như vầy:

---

[63] *Pāli, S. 22. 45. Aniccā.*

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Vô thường thì khổ. Khổ chẳng phải là ngã. Chẳng phải ngã thì tất cả kia chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật[64], đó gọi là chánh quán. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử, đối với năm thọ ấm này quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy, đối với các thế gian không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm nhiễm; vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 85. Chánh quán sát[65]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo, ở nơi cái gì mà không thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo những lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Ở nơi sắc không thấy có ngã, khác ngã, ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

---

64. Yadanattā tam n'etam mama nesoham asmi, na meso nattā 'ti, vô ngã là cái này không phải của tôi, tôi không phải là cái này, cái này không phải là tự ngã của tôi.

65. Pāli, S. 22. 46 Aniccā.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Có phải vô thường là khổ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ, đó là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì thuộc sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử quán sát năm thọ ấm là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi quán sát như vậy, thì đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm. Vì không có gì để đắm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 86. Vô thường[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu sắc vô thường mà có thường, thì sắc này không nên có bệnh, có khổ và đối với sắc cũng không nên có những sự mong cầu phải như thế này hay không như thế này. Vì sắc là vô thường, nên đối với sắc có bệnh, có khổ sanh ra và cũng không thể mong để được như thế này hay không như thế này. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, ý ngươi nghĩ sao? Sắc là thường hay vô thường?"

---

66. *Cf. Mv. i. 6,13.*

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

Này các Tỳ-kheo:

"Vô thường có phải là khổ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

Này các Tỳ-kheo:

"Nếu vô thường, khổ, đó là pháp biến dịch, vậy Thánh đệ tử ở trong đó có thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, biết như thật. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử chánh quán sát sắc; khi đã chánh quán sát sắc rồi thì sẽ sanh ra nhàm chán, ly dục, không ham thích, giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán, ly dục, không ham thích, giải thoát, biết rằng, 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 87. Khổ[67]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là khổ. Nếu sắc không phải là khổ, thì đối với sắc sẽ không có bệnh, có khổ sanh ra và cũng không nên muốn như thế này hay không thể như thế này. Vì sắc là khổ và vì sắc là khổ nên bệnh sanh ra nơi sắc, đối với sắc cũng có thể muốn như thế, hay không khiến như thế. Đối với

[67] *Cf. Mv. i. 6,13.*

thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

Này các Tỳ-kheo:

"Vô thường có phải là khổ?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

Này các Tỳ-kheo:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch; vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, quán sát như thật. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc sẽ được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức sẽ được giải thoát. Ta nói người này sẽ giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ lớn thuần khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

TẠP A-HÀM QUYỂN 4

Kinh 88. Hiếu dưỡng[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn trẻ tuổi tên là Uất-đa-la[2] đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui qua ngồi một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con thường đi khất thực như pháp, đem cúng dường cho cha mẹ, khiến cho ông bà được an vui, xa lìa khổ. Bạch Thế Tôn, việc làm của con như vậy có nhiều phước không?"

Phật bảo Uất-đa-la:

"Thật có nhiều phước. Vì sao? Vì nếu có người nào khất cầu đúng pháp, để cúng dường cha mẹ, làm cho an vui, trừ khổ não, thì thật là người có phước lớn."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Như ngươi đối cha mẹ,
Cung kính và cúng dường,
Đời này lưu tiếng thơm,
Khi chết được lên trời.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

1. *Ấn Thuận Hội Biên, tiếp theo Tụng 5 Bát chúng, 21. Tương ưng Bà-la-môn (Đại Chánh kinh 1151-1163, 88-102, 1178-1187). Đại Chánh, quyển 4, kinh 88, tương đương Pāli, S. 7. 19 Mātuposaka; Biệt dịch 100(88).*
2. *Uất-đa-la 鬱多羅; xem kinh 282. Pāli: Mātupasako brāhmaṇo: Bà-la-môn tên là Mātupasaka.*

Kinh 89. Ưu-ba-ca (1)[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Ưu-ba-ca[4] đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, các Bà-la-môn thường hay khen ngợi đại hội tà thạnh[5]. Còn Sa-môn Cù-đàm có khen ngợi đại hội tế lễ không?"

Phật bảo Ưu-ba-ca:

"Ta không khen ngợi một chiều. Hoặc có đại hội tà thạnh Ta tán thán. Cũng có đại hội tà thạnh Ta không tán thán."

Ưu-ba-ca bạch Phật:

"Những đại hội tế lễ nào có thể được khen ngợi và những đại hội tế lễ nào không được khen ngợi?"

Phật bảo Ưu-ba-ca:

"Nếu có đại hội tế lễ nào mà cột trói cả bầy nghé, trâu đực, trâu cái, những con dê và những chúng sanh nhỏ bé khác, tất cả đều bị sát hại; hành hạ áp bức những kẻ nô tỳ, người làm công, đánh đập bằng chịu roi vọt, làm cho sợ hãi, buồn khổ, khóc la, kêu gào, không hoan hỷ, không sướng, lao dịch khổ nhọc. Những đại hội tế lễ như vậy, Ta không khen ngợi, vì chúng gây nên tai nạn lớn.

"Nếu những đại hội tế lễ mà không trói cột các súc vật, cho đến không khiến chúng sanh phải lao dịch khổ nhọc; những đại hội tế lễ như vậy được Ta khen ngợi tán thán, vì nó không mang lại tai nạn lớn."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đại hội như tế ngựa,[6]
Gây nên tai họa lớn;
Các tà thạnh như vậy,
Đại tiên không khen ngợi.
Trói cột các chúng sanh,
Sát hại côn trùng nhỏ,

---

3. Pāli, A.iv. 39 Ujjaya. Cf. Biệt dịch, 100 (89).

4. Ưu-ba-ca 優波迦。Pāli: Ujjayo brāhmaṇo: Bà-la-môn tên là Ujjaya.

5. Tà thạnh đại hội 邪盛大會。N⁰100(89): đại tự 大祀。Pāli: (mahā)yaññaṃ.

6. Mã tự, loại tế đàn trong đó là vật hy sinh. Bản Pāli liệt kê: assamedham, hy sinh ngựa; purisanedham, hy sinh người; sammāpāsam, lễ ném gậy; vājapeyya, lễ uống rượu (để thêm sức), niraggaḷa, vô già hội (lễ rút then).

Chẳng phải lễ hội chánh,
Đại tiên không tùy thuận.
Nếu không hại chúng sanh,
Không gây các tai họa,
Thì gọi lễ hội chánh,
Đại tiên thuận tán thán.
Bố thí và cúng dường,
Đúng pháp thiết đại tế;
Người thí, tâm thanh tịnh,
Phạm hạnh ruộng phước tốt;
Những đại hội như vậy,
Gọi lễ hội La-hán.
Hội này được quả lớn,
Chư Thiên đều hoan hỷ.
Tự mình cung kính thỉnh,
Tự tay ban phát cho,
Mình người đều thanh tịnh;
Cho này được quả lớn.
Kẻ trí cho như vậy,
Tín tâm được giải thoát.
Cõi đời vui, không tội,
Người trí sanh nơi đó.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

□

Kinh 90. Ưu-ba-ca (2)[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật cũng nói đầy đủ như kinh trên[8], tuy nhiên có sự sai khác nơi bài kệ, Ngài đã nói:

Vô vi, không các nạn,
Khi tế lễ thanh tịnh,
Thuận hành theo như pháp,

---

7. Pāli, A.iv. 40. Udàyi. Cf. Biệt dịch, N⁰100(90).

8. Bản Pāli, người hỏi là Bà-la-môn Udàyi.

Giữ gìn các phạm hạnh,
Tiếng thơm khắp thế giới,
Vượt lên trên phàm tục.
Đối với tế đàn thiện,
Phật khen ngợi lễ này.
Bố thí và cúng dường,
Tế lễ phải tùy thời,
Tịnh tín, cho bình đẳng,
Phạm hạnh ruộng phước tốt,
Người ban cho như vậy,
Là cúng ruộng La-hán.
Cho rộng lớn như vậy,
Chư Thiên sẽ khen ngợi,
Tự mình cung kính thỉnh,
Tự tay ban phát cho,
Mình người đều thanh tịnh;
Cho này được quả lớn.
Kẻ trí cho như vậy,
Tín tâm được giải thoát.
Cõi đời vui, không tội,
Người trí sanh nơi đó.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

□

Kinh 91. Uất-xà-ca[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Uất-xà-ca[10] đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, người thế tục tại gia nên thực hành bao nhiêu pháp để được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại[11]?"

---

9. Pāli, A. viii. 55. Ujjaya. Cf. Biệt dịch, N⁰100(91).

10. Uất-xà-ca 鬱闍G 迦。Pāli, Ujjaya brāhmaṇa.

11. Hán: hiện pháp an cập hiện pháp lạc 現法安及現法樂。Pāli: diṭṭhadhammahitāya diṭṭhadhammasukhāya.

Phật bảo Bà-la-môn:

"Có bốn pháp giúp cho người thế tục tại gia được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại. Đó là: Phương tiện đầy đủ, Thủ hộ đầy đủ, Thiện tri thức đầy đủ, Chánh mạng đầy đủ.

"Thế nào là Phương tiện đầy đủ[12]? Người thiện nam tự nuôi sống bằng các nghề nghiệp kỹ xảo, như làm ruộng, buôn bán, phục vụ vương sự, chép sách, toán thuật, hội họa. Đối với những nghề nghiệp kỹ xảo đó, luôn tinh tấn siêng năng trau dồi. Đó gọi là Phương tiện đầy đủ.

"Thế nào là Thủ hộ đầy đủ? Người thiện nam có tiền bạc, gạo lúa, do nỗ lực mà thu hoạch, tự tay mình làm ra, đúng như pháp mà có được, tích cực giữ gìn, không để cho vua, giặc, nước, lửa, tước đoạt, hay trôi, chìm, mất mát. Ngược lại, nếu không khéo giữ gìn sẽ tiêu mất; hay nếu không lưu tâm đến chúng, thì sẽ bị người khác chiếm lấy, cùng những tai nạn sẽ làm cho hư hỏng. Đó gọi là người thiện nam khéo thủ hộ.

"Thế nào là Thiện tri thức đầy đủ? Có người thiện nam không mất điều độ, không buông lung, không dối trá, không hung hiểm. Những tri thức như vậy, có khả năng khéo léo an ủi; sự sầu khổ chưa sanh có thể khiến không sanh, sự sầu khổ đã sanh có thể khai mở, tỉnh giác; những điều vui thích chưa sanh có thể khiến sanh nhanh, những điều vui thích đã sanh khiến giữ gìn không để mất. Đó gọi là người thiện nam thiện tri thức đầy đủ.[13]

"Thế nào là Chánh mạng đầy đủ? Người thiện nam có được những tiền của, trong việc chi thu cân đối, bảo quản chu tất, không để cho việc nhập nhiều mà xuất ít, hay xuất nhiều mà nhập ít; như người cầm cân ít thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, cho đến lúc nào biết cân bằng thì mới thôi. Như vậy, người thiện nam đã cân đối được tài vật của mình trong khi xuất nhập ngang nhau, không khiến cho nhập nhiều xuất ít, hay xuất nhiều nhập ít. Nếu người thiện nam không có tiền của nhiều mà sử dụng rộng rãi quá trớn, thì do sự sinh hoạt này mà người ta nói là 'quả ưu-đàm-bát không có hạt giống'[14]; ham muốn ngu si, không biết nghĩ đến sau này.

---

12. Hán: phương tiện cụ túc 方便具足。Pāli: uṭṭhānasampāda: thành tựu tinh cần.

13. Cf. Pāli: kalyāṇamittā... saddhasampannā, sīlasampannā, cāgasampannā, paññā-sampannā, bạn tốt... là những người có tín, có giới, có thí xả, có tuệ.

14. Bản Cao-li: ưu-đàm-bát quả 優曇鉢果 ; bản Tống-Nguyên-Minh: ưu-đàm-bát hoa. Bản Pāli: udumbarakhādìvāyam kulaputto bhoge khādatī ti, "thiện nam tử này thọ dụng như người ta ăn quả sung. Sớ giải: như người rung cây sung chín, làm rụng nhiều quả,

Hoặc có người thiện nam dư dật mà không dám tiêu dùng, mọi người ở gần đều nói: 'Người ngu si này như con chó chết đói.' Cho nên người thiện nam, những tiền của có được, nên tự mình cân đối, xuất nhập ngang nhau. Đó gọi là Chánh mạng đầy đủ. Như vậy Bà-la-môn, đây là bốn pháp thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, những người tại gia có bao nhiêu pháp để có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Có bốn pháp có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau. Đó là: Tín đầy đủ, Giới đầy đủ, Thí đầy đủ, Tuệ đầy đủ.

"Thế nào là có Đức tin đầy đủ? Đối với Như-lai, người thiện nam có tâm kính tin, gốc rễ tín vững chắc, mà chư Thiên, Ma, Phạm cùng với loài người[15] không thể phá hoại. Đó gọi là người thiện nam có Đức tin đầy đủ.

"Thế nào là có Giới đầy đủ? Người thiện nam không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là có Giới đầy đủ.

"Thế nào là có Thí đầy đủ? Người thiện nam với tâm không vấy bẩn bởi sự keo kiệt, sống đời tại gia mà hành bố thí buông xả[16], thường tự tay mình cho, vui vẻ tu hạnh thí xả. Đó gọi là người thiện nam có Thí đầy đủ.

"Thế nào là có Tuệ đầy đủ? Người thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế; biết như thật về Tập, Diệt, Đạo Thánh đế. Đó gọi là người thiện nam có Tuệ đầy đủ.

"Nếu người thiện nam nào ở tại gia đình mà thực hành bốn pháp này, có thể thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại."

Bấy giờ Đức Thế Tôn, lại nói kệ rằng:

Phương tiện[17], tạo dựng nghiệp,
Tích tụ phải giữ gìn,
Người thiện nam thân hữu,

---

nhưng chỉ ăn vài quả ăn được, còn thì vất bỏ hết.

*15. Hán: cập dư thế nhân đồng pháp 及餘世人同法。Pāli: sadevamanussa, bản Hán hiểu tiền tố **sa**- (cùng với) là "đồng pháp". Xem kinh 647 ở sau.*

16. Hán: giải thoát thí 解脫施。Pāli: muttacāga.

17. Hán, phương tiện, đây nên hiểu "tinh cần". Pāli: uṭṭhātà kammadheyyesu, hăng hái trong các sự nghiệp.

Chánh mạng trong tự sống.
Tịnh tín, giới đầy đủ,
Bố thí lìa xan tật,
Thanh tịnh đường thăng tiến[18]*,*
Đời sau được an lạc.
Nếu sống đời tại gia,
Thành tựu tám pháp này,
Suy nghiệm lời Phật dạy,
Những điều Phật giác tri,
Thì hiện tại an ổn,
Sống hiện tại hỷ lạc,
Đời sau cũng hỷ lạc.

Phật nói kinh này xong, Uất-xà-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

□

Kinh 92. Kiêu Mạn[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ tại nước Xá-vệ có Bà-la-môn Kiêu Mạn[20], đang sống tại đây, dòng họ cha mẹ đều thuần tịnh không một tỳ vết nào đáng bị chê trách;[21] bảy đời nối tiếp nhau, tất cả đều thuần tịnh; là bậc thầy của các Bà-la-môn. Ngôn luận thông suốt; điển tịch các luận, có hàng vạn tên, thảy đều biết rõ; hiểu pháp hơn thua, phân biệt[22] tự nghĩa,[23] ghi nhớ từng câu; tướng mạo đoan chánh. Do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh,

---

18. *Để bản: tốc đạo 速道; bản Nguyên-Minh: mê đạo 迷道; Ấn Thuận cũng hiệu chính là "mê đạo". Hiệu chính nhầm. Pāli: niccaṃ maggam, thường đạo. Đây chỉ con đường sinh thiên.*
19. *Pāli: S. 7. 35. Mānatthaddha. Cf. N⁰100(258).*
20. *Kiêu mạn Bà-la-môn 憍慢婆羅門。Pāli: Mānatthaddo nāma brāhmaṇo, người Bà-la-môn tên là Mānatthaddha. N⁰100(258): Cực Mạn ma-nạp 極慢摩納。*
21. *Nghĩa là, thuần chủng, không lai giống.*
22. *Để bản: phân minh 分明; Tống-Nguyên-Minh: phân biệt 分別。*
23. *Để bản: chư cú cú ký thuyết 諸句句記說; sau chữ chư 諸, bản Nguyên Minh thêm: (chư) tự tất tri vạn sự cửu viễn, bản mạt nhân duyên (諸) 字悉知萬事九遠本末因緣。"...biết rõ căn nguyên chung thủy, lịch sử lâu dài của vạn sự..."*

tự cao về sự giàu sang; ông không kính trọng cha mẹ, các bậc tôn túc, sư trưởng. Khi ông nghe tin Sa-môn Cù-đàm đã từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ này, ông liền nghĩ: "Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm này. Nếu Sa-môn có nói gì, ta sẽ cùng Sa-môn bàn luận. Nếu không nói gì, ta sẽ im lặng ra về."

Bấy giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn đi xe ngựa trắng, với các thiếu niên Bà-la-môn theo hầu trước sau, cầm lọng cán vàng, tay ôm bình vàng, đến gặp Đức Thế Tôn. Khi tới cửa vườn, ông xuống xe đi bộ vào. Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang nói pháp cho đại chúng vây quanh.[24] Thế Tôn không hề để ý đến Bà-la-môn Kiêu Mạn. Bà-la-môn Kiêu Mạn tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm không để ý đến ta.[25] Thôi ta nên về."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-la-môn Kiêu Mạn, nên nói kệ rằng:

Kiêu Mạn đã đến đây,
Bất thiện lại tăng trưởng.
Trước vì nghĩa mà đến,
Hãy tăng trưởng nghĩa ấy.[26]

Bây giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn lại nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta." Rồi ông sửa soạn hành lễ.[27] Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn:

"Thôi! Thôi! Không cần phải làm lễ. Tâm tịnh là đủ rồi[28]."

Lúc ấy, mọi người đều lớn tiếng xướng rằng:

"Lạ thay! Thế Tôn, là Bậc Đại đức, Đại lực. Nay, Bà-la-môn Kiêu Mạn này, do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang; nên không kính trọng cha mẹ, các bậc tôn túc, sư trưởng, mà nay đối trước Sa-môn Cù-đàm lại khiêm hạ, hạ mình, muốn lễ sát chân Phật."

Bà-la-môn Kiêu Mạn trước mọi người lớn tiếng bảo lặng, rồi nói kệ rằng:

Thế nào[29] chẳng khởi mạn?
Thế nào khởi cung kính?

---

24. Bản Pāli và N⁰100(258) không có chi tiết này.

25. Pāli: nāyaṃ samaṇo gotamo kiñci jānati, "Sa-môn Cù-đàm này chẳng biết gì."

26. Pāli: yena atthena āgacchi, tam evam anubrūhaye, "Ông hãy nói, đến đây với mục đích gì?"

27. Bản Pāli: Ông lễ dưới chân Phật và ôm hôn chân Phật.

28. Pāli: yato te mayi cittaṃ pasannaṃ, "Do đâu ông có tâm tịnh tín đối với Ta?"

29. Pāli: kesu, "đối với những ai". Bản Hán hiểu "đối với cái gì?"

Thế nào khéo an ủi?
Thế nào khéo cúng dường?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đáp kệ rằng:

Đối cha mẹ, huynh trưởng,
Hòa thượng, các sư trưởng,
Cùng các bậc tôn trọng,
Không nên sanh kiêu mạn.
Phải khéo lòng cung kính,
Khiêm hạ và hỏi thăm,
Tận tâm mà phụng sự,
Cùng các việc cúng dường.
A-la-hán lậu tận,
Tâm lìa tham, nhuế, si,
Chánh trí khéo giải thoát,
Điều phục tâm kiêu mạn;
Đối các Hiền thánh này,
Chắp tay cúi đầu lễ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn Kiêu Mạn thuyết pháp bằng nhiều cách, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến hoan hỷ.[30] Đức Phật nói pháp theo tuần tự, nói về bố thí, trì giới, công đức sanh thiên, về vị ngọt, sự tai hại của ái dục, về sự phiền não, thanh tịnh, về xuất yếu viễn ly, về các phần thanh tịnh; nói rộng như vậy.[31] Như tấm vải trắng sạch, chưa bị nhuộm đen, thấm nhuộm màu nhanh chóng; Bà-la-môn Kiêu Mạn ngay tại chỗ ngồi hiểu rõ Bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chứng đắc hiện quán[32]. Bấy giờ Bà-la-môn Kiêu Mạn, thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, chứng nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc, mà không do người khác độ thoát, ở trong chánh pháp được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Nay, con có được phép ở trong chánh pháp, xuất gia thọ cụ túc

---

30. Hán: thị, giáo, chiếu, hỷ.

31. Xem các kinh 1158, 1323. So sánh Pāli, định cú, D.i. 110 và rải rác: anupubbiṃ kathaṃ kathesi... kāmānaṃ ādinavaṃ okāraṃ saṃkilesaṃ nekkhamme ànsaṃsaṃ pakāsesi, Phật thuyết pháp theo tuần tự... nói về sự nguy hiểm của các dục, sự thấp hèn, sự ô nhiễm, nói về lợi ích của sự xuất ly.

32. Nguyên Hán: vô gián đẳng 無間等; chỉ hiện quán hay hiện chứng bốn Thánh đế, giai đoạn chứng đắc Dự lưu chi. Tham chiếu Pāli, định cú, S.v. tr. 415:... catunnaṃ ariyasaccānaṃ yathābhūtaṃ abhisamayāya.

chăng?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn:

"Nay, ông có thể ở trong chánh pháp xuất gia thọ cụ túc."

Bà-la-môn kia liền xuất gia, một mình âm thầm tư duy về lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, cho đến, đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

□

Kinh 93. Tam hỏa[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Trường Thân tổ chức đại tế đàn[34] như vầy: đem bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, còn những con trâu cái, trâu con, những con dê tơ, cùng những sanh vật nhỏ bé khác cũng đều bị trói cột. Rồi sửa soạn các món đồ ăn thức uống để bố thí một cách rộng rãi. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập trung đến đại tế đàn này.

Bấy giờ, Bà-la-môn Trường Thân[35] nghe Sa-môn Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ này, thì tự nghĩ: "Nay, ta tổ chức đại tế đàn, đem bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến những sanh vật bé nhỏ khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi về pháp tế tự, chớ để cho các phần số[36] trong đại tế đàn mà ta tổ chức bị thiếu sót." Suy nghĩ như vậy rồi, đi xe ngựa trắng, dẫn theo trước sau nhiều thiếu niên Bà-la-môn, cầm lọng cán vàng, ôm bình nước vàng, ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính thừa sự. Khi đến cổng tinh xá, ông xuống xe, đi bộ đến trước Phật. Sau khi chào hỏi xong,

---

33. Pāli, A.vii.44 Aggi. Cf. N⁰100(259).

34. Nguyên Hán: tà thạnh đại hội 邪盛大會 ; xem kinh 89 trên. Pāli: mahāyaññа; xem thêm D. i. 138sq.

35. Trường Thân 長身。Pāli: Uggatasarìra.

36. Tà thạnh pháp 邪盛法。(Pāli: tividhaṃ yaññasampadaṃ), chỉ ba nghi thức tế tự. Phần số 分數 , chỉ mười sáu tư cụ hay đạo cụ cho tế tự (Pāli: soḷasaparikkhāraṃ). Tham chiếu Pāli, Kùỉadantasutta, D. i. 129.

ông lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, nay tôi muốn tổ chức lễ hội lớn tế lễ, với bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến các loài sanh vật nhỏ bé khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, tôi lại nghe Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đã đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, nên tôi đến đây để thỉnh vấn Cù-đàm về pháp tế tự và phần số của các phẩm vật, không để cho các phần số trong đại tế đàn mà tôi tổ chức bị thiếu sót."

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Có một thứ đại tế đàn, tuy người chủ thực hành việc bố thí làm phước nhưng lại sanh ra tội, gặt hái quả báo bất thiện, bị đâm chém bởi ba thứ đao kiếm. Ba loại ấy là: đao kiếm bởi thân, đao kiếm bởi miệng, đao kiếm bởi ý.

"Thế nào là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ? Như có một người chủ tổ chức đại tế đàn, suy nghĩ: "Ta tổ chức đại hội tế tự, cần phải giết ngần ấy trâu đực mập mạnh, trâu cái, trâu con, dê tơ, cùng nhiều loài sanh vật nhỏ bé khác." Đó gọi là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ. Tuy người thí chủ có ý nghĩ là làm các việc bố thí và cúng dường như vậy, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

"Thế nào là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ? Có một người chủ tổ chức lễ hội lớn, bảo như vầy: "Nay, ta tổ chức lễ hội lớn tế lễ, các ngươi phải giết ngần ấy trâu đực mập mạnh, cho đến ngần ấy sanh vật nhỏ bé khác." Đó gọi là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn, tuy làm các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

"Thế nào là đao kiếm bởi thân, sanh ra các quả báo khổ? Có người chủ lễ hội lớn, tự tay mình giết trâu đực, cho đến giết hại các loài sanh vật bé nhỏ khác. Đó gọi là đao kiếm bởi thân sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn này, tuy nghĩ đến các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

"Tuy nhiên, Bà-la-môn nào siêng năng tùy thời cúng dường ba thứ lửa, cung kính lễ bái, phụng sự, mang lại sự an lạc. Những gì là ba? Một là lửa căn bản, hai là lửa cư gia, ba là lửa phước điền.

"Thế nào là lửa căn bản, mà tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được

tiền của, hay do sự cần cù khó nhọc chân tay mà có được như pháp, đem phụng dưỡng cha mẹ, khiến cho họ được an lạc, đó gọi là lửa căn bản. Vì sao gọi là căn bản? Vì người thiện nam do cha mẹ sanh ra, nên cha mẹ được gọi là căn bản. Người thiện nam vì tôn sùng căn bản nên tùy thời cung kính, phụng sự, mang lại sự an lạc cho họ.

"Thế nào là lửa gia cư, mà người thiện nam tùy thời nuôi dưỡng, đem lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, người giúp việc, khách thương, tùy thời mà cung cấp, với lòng tôn trọng, đem lại sự hạnh phúc cho họ. Đó gọi là lửa cư gia. Vì sao gọi là gia? Vì người thiện nam sống đời tại gia, vui thì cùng vui, khổ thì cùng khổ, mọi sinh hoạt trong gia đình đều tùy thuận lệ thuộc vào nhau, cho nên gọi là gia. Vì vậy, người thiện nam nên tùy thời mà cung cấp và mang lại sự an lạc cho họ.

"Thế nào là lửa phước điền, mà người thiện nam tùy thời cung kính, tôn trọng cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem phụng sự, cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã khéo điều phục tham, nhuế, si. Cúng dường những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy là kiến lập phước điền, càng lúc càng tăng tiến, hiện tại an vui được báo tốt, tương lai sẽ sanh về cõi trời. Đó gọi là lửa phước điền. Vì sao gọi là điền? Vì đó là đám ruộng phước của thế gian, là nơi đáng được cúng dường, cho nên gọi là điền. Do vậy, người thiện nam nên tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường và mang lại sự an lạc cho họ."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Căn bản và cư gia,
Lửa ruộng phước xứng đáng;
Luôn cúng dường lửa này,
Vui an ổn sung túc.
Cõi đời vui, không tội,
Người tuệ sanh về đó,
Của như pháp mở hội,
Cúng dường nơi đáng cúng;
Vì cúng dường đúng chỗ,
Nên tiếng thơm, sanh Thiên.

"Nhưng, này Bà-la-môn, người thiện nam, nay đối với với ba thứ lửa

mà trước kia đã từng cúng dường, hãy đoạn trừ, dập tắt. Những gì là ba? Lửa tham dục, lửa sân hận, lửa ngu si. Vì sao? Vì lửa tham mà không được đoạn trừ, không bị dập tắt, thì sẽ tự mình hại mình, hại người; mình người đều bị hại; hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại và đời sau đều mắc tội. Vì duyên vào những tội này nên sanh ra tâm pháp buồn lo, khổ não. Đối với lửa sân, lửa si cũng lại như vậy.

"Này Bà-la-môn, nếu người thiện nam phụng thờ thứ lửa do nhóm củi, thường xuyên phải khổ nhục, thường xuyên phải nhen nhóm, thường xuyên lửa tắt; vì những nhân duyên này mà chịu khổ."

Bấy giờ, Trường Thân Bà-la-môn, ngồi im lặng. Lúc ấy, có người con của Bà-la-môn tên là Uất-đa-la đang ngồi trong hội. Trường Thân Bà-la-môn sau khi im lặng và suy giây lát, rồi bảo Uất-đa-la:

"Con trở về chỗ lễ hội tế lễ, hãy thả những con trâu bị cột nơi trụ; cùng những sanh vật đã bị trói cột, tất cả đều thả ra hết và nói lại với chúng rằng: "Trường Thân Bà-la-môn cho phép các ngươi tùy ý tự tại nơi núi đồi, đầm ao, đồng hoang… mặc sức ăn cỏ tươi, uống các dòng nước trong, gió mát bốn bề, hưởng thụ mọi sự khoái lạc."

Uất-đa-la bạch rằng:

"Con xin vâng theo lời thầy dạy."

Uất-đa-la liền đi đến chỗ lễ hội tế lễ, thả hết mọi sanh vật và nói với chúng rằng: "Trường Thân Bà-la-môn đã cho phép các ngươi tùy theo sở thích đối với núi đồi, đầm ao, đồng hoang… ăn cỏ, uống nước, gió mát bốn bề, tự theo ý thích."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Uất-đa-la đã hoàn thành công việc xong, liền nói pháp cho Bà-la-môn Trường Thân, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, như cách thuyết pháp của các Đức Thế Tôn, theo thứ tự trước sau nói về việc trì giới, bố thí và công đức sanh lên cõi trời; về vị ngọt và sự tai hại của ái dục, về sự thanh tịnh của xuất ly, về sự thanh tịnh các phiền não[37]; khai thị, tỏ bày. Giống như tấm lụa trắng sạch dễ thấm màu nhuộm, Trường Thân Bà-la-môn lại cũng như vậy, ngay nơi chỗ ngồi thấy được Bốn chân đế, chứng đắc hiện quán.[38] Khi Trường Thân Bà-la-môn tự thân đã thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, vượt qua khỏi những nghi hoặc, không do người khác độ thoát, ở trong chánh pháp đạt được vô sở úy, liền

---

37. Xem cht. 31 kinh 92 trên.

38. Xem cht. 32 kinh 92 trên.

từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai hữu, chắp tay bạch Phật:

"Con đã được độ, bạch Thế Tôn. Con, từ ngày hôm nay cho đến suốt đời, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Ngưỡng mong Ngài chứng tri cho con. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn và đại chúng nhận bữa ăn con cúng dường."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Trường Thân Bà-la-môn biết Phật đã nhận lời mời, làm lễ Phật, đi vòng bên hữu ba lần rồi lui. Trường Thân Bà-la-môn trở về lại chỗ tế lễ, sửa soạn đồ vật cúng dường thanh khiết, ngon lành và bố trí giường ghế, chỗ ngồi xong, sai người đến thỉnh Phật:

"Bạch Ngài đã đến giờ, xin Ngài biết cho!"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với đại chúng theo sau, đi đến chỗ lễ hội của Trường Thân Bà-la-môn. Ngài ngồi trước đại chúng. Khi Trường Thân Bà-la-môn biết Đức Thế Tôn đã ngồi an định rồi, tự tay dâng cúng các thứ đồ ăn thức uống. Khi Đức Phật và đại chúng ăn xong; rửa tay, rửa bát xong, ông ngồi riêng ngay ngắn trên một chiếc ghế thấp đặt trước đại chúng để nghe pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Trường Thân Bà-la-môn mà nói pháp bằng nhiều cách, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

□

Kinh 94. Mặt Trăng[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Tăng-ca-la đến chỗ Phật, cùng Đức Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe lẫn nhau, rồi ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, làm sao để có thể biết người nam bất thiện?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Giống như trăng."

Bà-la-môn lại hỏi:

"Làm sao để có thể biết người nam thiện?

---

[39]. Cf. N⁰100(260); N 26. 148 (kinh Hà Khổ, đoạn cuối); N⁰125 (17.8); Cf. A.v. 31.

Phật bảo Bà-la-môn:

"Giống như trăng."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thế nào là người nam bất thiện giống như trăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Như trăng cuối tháng[40], ánh sáng mất, màu sắc cũng mất, sở hệ cũng mất, ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm[41], cho đến không còn xuất hiện. Cũng vậy, có người đối với Như Lai mà tín tâm tịch tĩnh[42], thọ trì tịnh giới, khéo học, nghe nhiều, nhường bớt phần mình để bố thí, chánh kiến chân thật; nhưng sau đó lại thoái thất, tín tâm thanh tịnh đối với Như Lai, đối với sự trì giới, bố thí, nghe nhiều, chánh kiến chân thật ngay thẳng[43]; đối với sự bố thí, trì giới, đa văn, chánh kiến, tất cả đều bị đánh mất; ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm, cho đến trong khoảnh khắc tất cả đều bị quên mất. Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu người thiện nam nào, mà không thân quen gần gũi thiện tri thức, không thường xuyên nghe pháp, không suy nghĩ chân chánh, thân làm các hành vi ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ về những điều ác, thì vì những nhân duyên ác đã tạo ra này, nên khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào trong đường ác, địa ngục. Như vậy, này Bà-la-môn, người nam bất thiện được ví như trăng."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Thế nào là người nam thiện được ví như trăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Như trăng đầu tháng[44], ánh sáng và màu sắc tươi sáng, ngày đêm càng lúc càng sáng dần, cho đến khi trăng đầy, hoàn toàn tròn đầy tươi sáng. Cũng vậy, người nam thiện đối với pháp luật của Như Lai mà có được tín tâm thanh tịnh, cho đến, chánh kiến chân thật, chân tịnh càng tươi sáng, giới tăng, thí tăng, đa văn tăng, tuệ tăng, ngày đêm càng lúc càng tăng. Rồi vào lúc khác, gần gũi thiện tri thức, nghe thuyết chánh pháp, bên trong suy nghĩ chân chánh, thân làm các việc lành, miệng nói

---

40. Hán: nguyệt hắc phần 月黑分, phần tối của tháng, phần nửa sau của mỗi tháng. Pāli: kāla-pakkha.

41. Để bản: diệt 滅。Đọc theo bản Tống: giảm 減。

42. Để bản: tín gia tâm 信家心。Tống-Nguyên-Minh: tín tịch tâm 信寂心。Đoạn dưới: tịnh tín 淨信。

43. Hán: chân trực 真直; đoạn trên: chân thật 真實。

44. Hán: nguyệt tịnh phần 月淨分, phần sáng của tháng. Pāli: sukka-pakkha.

những lời lành, ý nghĩ những điều lành; nhờ vào những nhân duyên này mà khi thân hoại mạng chung sẽ được hóa sanh lên cõi trời. Này Bà-la-môn, vì vậy cho nên người nam thiện được ví như trăng."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như trăng trong không bợn,
Chu du khắp hư không;
Trong tất cả tinh tú,
Ánh trăng sáng hơn hết.
Tịnh tín cũng như vậy,
Giới, văn, rộng bố thí,
Lìa bỏn sẻn trong đời,
Bố thí này sáng ngời.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Tăng-ca-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy cáo lui.

□

Kinh 95. Sanh Văn[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, tôi nghe Ngài nói rằng: "Chỉ nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người khác; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác mà được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, không nên cúng dường cho đệ tử người khác; cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn." Bạch Cù-đàm, thế nào, những lời nói ấy có phải là lời nói thật chăng? Chẳng phải là hủy báng Cù-đàm chăng? Nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, không bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách chăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Người nào nói những lời như vậy là hủy báng Ta; không nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, bị người

---

45. A. iii. 57 Vacchagotta. Hán, N⁰100(261).

khác dùng đồng pháp đến quở trách. Vì sao? Vì Ta không nói như vầy: "Nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác là được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn; không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn." Nhưng này Bà-la-môn Ta nói như vầy, những lời nói như trên sẽ tạo ra hai thứ chướng ngại: chướng ngại cho việc cúng dường của người thí chủ và làm chướng ngại cho người nhận đồ cúng dường.

"Này Bà-la-môn, cho đến bất cứ người nào, chỉ cần đem thức ăn trong khi rửa bát chén còn lại, đổ ở trên đất sạch, khiến cho những sanh vật nơi đó được sự lợi lạc, thì Ta nói những người đó đã được vào cửa phước rồi, huống chi là bố thí cho con người. Này Bà-la-môn, tuy nhiên Ta cũng nói, người nào cúng dường cho người trì giới, quả báo đó sẽ không đồng với sự bố thí cho người phạm giới."

Bà-la-môn Sanh Văn bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, đúng vậy, tôi cũng nói như vậy, cúng dường cho người trì giới sẽ được quả báo lớn, chứ không phải cúng dường cho người phạm giới."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Hoặc đen, hoặc trắng tinh,
Hoặc đỏ, hoặc có màu,
Màu tạp cùng vàng ròng,
Thuần vàng cùng màu xám,
Những trâu cái như vậy,
Trâu con đẹp đẽ này,
Đầy đủ sức cường tráng,
Khéo huấn luyện, đi nhanh,
Chỉ khiến chuyên chở nặng,
Không hỏi màu sắc nó.
Con người cũng như vậy,
Tùy thuộc vào nơi sanh,
Sát-lợi, Bà-la-môn,
Tỳ-xá, Thủ-đà-la,
Hạ tiện Chiên-đà-la,
Nơi sanh thảy không đồng.
Giả sử giữ tịnh giới,

Lìa gánh nặng phiền não,
Thuần nhất tu phạm hạnh,
A-la-hán lậu tận,
Đấng Thiện Thệ trong đời:
Cúng các Ngài, quả lớn.
Người ngu không trí tuệ,
Chưa từng nghe chánh pháp:
Cúng kia không quả lớn,
Vì không gần bạn lành.
Nếu gần thiện tri thức,
Như Lai cùng Thanh văn,
Tín tịnh nơi Thiện Thệ,
Căn sanh, lực kiên cố,
Sẽ đi về đường lành,
Sanh vào dòng tôn quý,
Cứu cánh Bát-niết-bàn,
Đại Tiên nói như vậy.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ cáo lui.

□

Kinh 96. Dị bà-la-môn[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy, có Bà-la-môn[47] tuổi già sức yếu, chống gậy, cầm bát, đi khất thực từng nhà một. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

"Nay ông đã tuổi già sức yếu rồi, sao lại còn phải chống gậy cầm bát đi khất thực từng nhà?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, bao nhiêu tài vật có được ở trong nhà tôi, tất cả đều giao cho con trai, cưới vợ cho con trai. Nhưng sau đó chúng lại đuổi ra khỏi nhà, nên phải chống gậy, cầm bát đi khất thực từng nhà."

---

46. S. 7. 14 Mahāsāla. Biệt dịch, N⁰100(262).

47. Pāli: brāhmaṇamahāsālo, đại phú Bà-la-môn.

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông có thể học thuộc lòng một bài kệ của Ta, rồi trở về nhà, ở giữa mọi người Bà-la-môn, đọc cho con trai của ông nghe được không?"

Bà-la-môn bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, có thể được."

Bấy giờ, Đức Phật liền nói bài kệ:

Sanh con lòng vui mừng,
Vì con tích chứa của,
Rồi cưới vợ cho con.
Nhưng mình phải bỏ nhà.
Đứa con quê mùa kia,
Nghịch, phụ ân cha mẹ,
Thân người, tâm La-sát,
Xua đuổi bậc già cả.
Như ngựa già vô dụng,
Bị cướp mất thóc lúa,
Con trẻ mà cha già,
Phải xin ăn từng nhà.
Gậy cong này hơn hết,
Ân ái hơn con đẻ,
Vì ta ngừa trâu dữ,
Tránh đất hiểm, được an,
Xua đuổi loài chó dữ,
Giúp ta qua chỗ tối,
Tránh hầm sâu, giếng thẳm,
Cây cỏ và gai gốc;
Nhờ sức oai cây gậy,
Đứng vững không té ngã.

Sau khi nhận bài kệ từ Đức Thế Tôn, người Bà-la-môn liền trở về giữa đám đông Bà-la-môn, đọc lại cho con trai nghe. Trước hết ông cáo bạch mọi người: "Hãy nghe tôi nói." Sau đó ông đọc lại bài kệ như trên. Người con trai vừa xấu hổ vừa sợ hãi, liền ôm choàng người cha mình đưa vào nhà, tắm rửa lau mình, mặc áo quần sạch sẽ và lập làm gia chủ.

Rồi thì, Bà-la-môn tự nghĩ: "Ta có được dòng họ tôn quý như hôm nay, là nhờ ân đức của Sa-môn Cù-đàm. Như kinh điển của ta đã dạy: 'Là Thầy thì cúng dường như bậc Thầy; là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng. Những gì ta đã được hôm nay đều nhờ vào oai lực của Sa-

môn Cù-đàm, Ngài là Thầy của ta. Hôm nay ta sẽ đem chiếc y quý giá tốt đẹp nhất cúng dường cho Cù-đàm."

Bấy giờ, Bà-la-môn đem chiếc y quý giá nhất đến chỗ Đức Thế Tôn. Trước mặt Thế Tôn, cùng thăm hỏi sức khỏe rồi, sau đó ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, ngày nay gia cư của con được thành tựu là nhờ vào oai lực của đức Cù-đàm. Như kinh điển bên con đã dạy: "Là Thầy thì cúng dường như là bậc Thầy, là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng." Ngày nay Cù-đàm là Thầy của con, xin thương xót con mà nhận chiếc y này."

Vì thương xót mà Đức Thế Tôn đã nhận chiếc y.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói đủ các pháp, chỉ dạy, làm sáng tỏ, làm cho vui mừng.

Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ cáo lui.

□

Kinh 97. Khất thực[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy có một Bà-la-môn tuổi già sức yếu, chống gậy cầm bát đi khất thực từng nhà. Bà-la-môn này từ xa nhìn thấy Đức Thế Tôn liền tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm chống gậy bưng bát, đi khất thực từng nhà. Ta cũng chống gậy ôm bát đi khất thực từng nhà. Ta cùng Cù-đàm đều là Tỳ-kheo[49]."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ để trả lời:

Được gọi là Tỳ-kheo,
Chẳng chỉ vì khất thực.
Kẻ trì pháp tại gia,
Sao được gọi Tỳ-kheo?
Đã lìa dục tai hại,
Tu tập các chánh hạnh,

---

48. S.7. 20. Bhikkhaka. Biệt dịch, N⁰100(263).

49. Pāli: Bhikkhako, người ăn xin, hành khất. Bản Hán hiểu là Bikkhu.

Tâm mình không sợ hãi,
Đó gọi là Tỳ-kheo.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ cáo lui.

□

Kinh 98. Canh điền[50]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến trụ trong rừng Nhất-na-la[51], tại tụ lạc Nhất-na-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào tụ lạc Nhất-na-la khất thực. Rồi Thế Tôn nghĩ: "Nay trời còn quá sớm. Giờ Ta hãy đi đến chỗ phân phát ẩm thực[52] của Bà-la-môn làm ruộng là Bà-la-đậu-bà-giá[53]." Bà-la-môn chuẩn bị đủ năm trăm cái cày, đang phân phát ẩm thực. Từ xa Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá nhìn thấy Đức Thế Tôn, bèn thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, nay tôi cày ruộng, gieo giống để cung cấp lương thực. Vậy, Sa-môn Cù-đàm cũng nên cày ruộng gieo giống để cung cấp lương thực!"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta cũng cày ruộng gieo giống, để cung cấp lương thực."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Tôi không thấy Sa-môn Cù-đàm sắm cái cày, cái ách, dây buộc, cái bừa, hay cái roi, mà nay Cù-đàm lại nói: "Ta cũng cày ruộng, gieo giống, để cung cấp lương thực!"

Lúc ấy, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá liền nói kệ rằng:

Người tự nói cày ruộng,
Mà không thấy cái cày;
Lại bảo tôi cày ruộng.
Xin cho biết phép cày.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ đáp lại rằng:

---

50. S. 7. 11. Kasi; Sn. 14. Biệt dịch, N⁰100(264).

51. Nhất-na-la 一那羅。Pāli: Ekanālā.

52. Hán: tác ẩm thực xứ 作飲食處。Pāli: parivesanā, sự phân phối thực phẩm, hay sự dọn ăn.

53. Hán: canh điền Bà-la-đậu-bà-giá 耕田婆羅豆婆遮。Pāli: kasi-bhāradvāja-brāhmaṇa.

Tín tâm là hạt giống,
Khổ hạnh mưa đúng mùa,
Trí tuệ là cày, ách,
Tàm quý là cán cày.
Tự gìn giữ chánh niệm,
Là người giỏi chế ngự.
Giữ kín nghiệp thân, miệng,
Như thực phẩm trong kho.
Chân thật là xe tốt,
Sống vui không biếng nhác,
Tinh tấn không bỏ hoang,
An ổn mà tiến nhanh,
Thẳng đến không trở lại,
Đến được chỗ không lo.
Người cày ruộng như vậy,
Chứng đắc quả Niết-bàn.
Người cày ruộng như vậy,
Không tái sinh các hữu.

Bấy giờ, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Phật rằng:

"Cù-đàm rất giỏi cày ruộng! Cù-đàm cày ruộng thật hay!"

Rồi thì, sau khi nghe Đức Thế Tôn nói kệ, tín tâm đối với ông càng tăng, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá đem dâng cúng Phật một bát đầy đồ ăn thức uống thơm ngon. Đức Thế Tôn không nhận, vì có được là do nói bài kệ. Ngài bèn nói kệ rằng:

Không vì việc nói pháp,
Nhận ăn thức ăn này.
Chỉ vì lợi ích người,
Nói pháp không thọ thực.

Nói rộng như đã nói rộng với Hỏa chủng Bà-la-môn ở trước như vậy.

Lúc này, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Đức Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, giờ con đem thức ăn này để chỗ nào?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, thiên thần, hay người thế gian nào, mà dùng thức ăn này được an ổn được. Này Bà-la-môn, ông hãy đem thức ăn này để vào trong nước không có trùng hay chỗ đất nào ít cỏ tươi."

Khi ấy, người Bà-la-môn này đem thức ăn đặt vào trong nước không có trùng, nước liền bốc khói, sôi bùng kêu xèo xèo. Như hòn sắt nóng được ném vào trong nước lạnh phát ra tiếng kêu xèo xèo; cũng vậy, thức ăn này được để vào trong nước không có trùng thì sôi bùng khói bốc lên và phát ra tiếng kêu xèo xèo. Bà-la-môn tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ đặc, có oai đức lớn, có oai lực lớn nên mới có thể làm cho đồ ăn thức uống thần biến như vậy." Khi Bà-la-môn thấy thức ăn hiện điềm lành, lòng tin của ông càng tăng, lại bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, nay con có thể được phép ở trong chánh pháp xuất gia thọ cụ túc không?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay ông có thể được phép ở trong chánh pháp, xuất gia thọ cụ túc; được làm Tỳ-kheo."

Sau khi Bà-la-môn này xuất gia rồi, một mình lặng lẽ tư duy về lý do người dòng họ quý tộc cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia, học đạo, sống không gia đình, cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

□

Kinh 99. Tịnh thiên[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả tên là Tịnh Thiên[55], từ nước Tỳ-đề-ha du hành trong nhân gian đến trong vườn Am-la tại thành Di-hy-la. Sáng hôm ấy, Tôn giả Tịnh Thiên đắp y mang bát vào thành Di-hy-la khất thực, theo thứ tự khất thực, đi lần đến nhà cũ.

Cũng lúc ấy, mẹ của Tịnh Thiên, tuổi đã già, đang dâng lễ cúng thần lửa tại nhà giữa để cầu sanh lên cõi Phạm thiên, mà không biết Tôn giả Tịnh Thiên đang đứng ngoài cửa. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương đối với Tôn giả Tịnh Thiên sanh lòng kính tin cực kỳ. Tỳ-sa-môn Thiên vương, cùng với các hàng Dạ-xoa theo sau, đang nương vào hư không mà đi, thấy Tôn giả Tịnh Thiên đang đứng ngoài cửa; lại thấy trong nhà giữa mẹ Tôn giả đang bưng đồ ăn thức uống dâng cúng thần lửa, mà không

---

54. S. 6. 3. Brahmadeva. Biệt dịch, N⁰100(265).

55. Tịnh Thiên 淨天。Pāli: brāhmaṇiyā brahmadevo nāma... pabbajito, con trai của một nữ Bà-la-môn, tên là Brahmadeva, đã xuất gia.

thấy con mình đang đứng ngoài cửa. Thấy vậy, từ không trung hạ xuống, đến trước mặt mẹ Tịnh Thiên nói kệ rằng:

Bà-la-môn-ni này,
Phạm thiên thật xa vời,
Vì muốn sanh nơi đó,
Ở đây thờ cúng lửa.
Chẳng phải đường Phạm thiên,
Thờ tự chi vô ích?
Này Bà-la-môn-ni,
Tịnh Thiên đứng ngoài cửa,
Cấu uế đã dứt sạch,
Là trời trong các trời.
Vắng lặng không có gì,
Một mình không tài sản,
Vì khất thực vào nhà,
Là người đáng cúng dường.
Tịnh Thiên khéo tu thân,
Ruộng phước tốt Trời, Người,
Xa lìa tất cả ác,
Không hề nhiễm, bị nhiễm,
Đức đồng với Phạm thiên.
Thân tuy ở nhân gian,
Mà không nhiễm pháp nào,
Như rồng đã thuần thục[56],
Tỳ-kheo sống chánh niệm,
Tâm mình khéo giải thoát.
Nên dâng nắm cơm đầu[57],
Là ruộng phước tối cao.
Nên đem tâm chánh tín,
Kịp thời cúng dường nhanh.
Nên dự lập hòn đảo,
Khiến vị lai an lạc.
Bà xem ẩn sĩ [58] *này,*

---

[56] *Hán: thuần thục long 淳熟龍 ; nên hiểu là "voi chúa đã được khéo huấn luyện". Pāli: nāgavo danto.*

[57] *Nguyên bản: sơ Phật 初佛。Bản Tống: sơ đoàn 初揣。*

[58] *Nguyên Hán: mâu-ni 牟尼。*

Đã qua dòng biển khổ.
Cho nên hãy tín tâm,
Kịp thời cúng dường nhanh;
Nên dự lập hòn đảo,
Khiến vị lai an lạc.
Thiên vương Tỳ-sa-môn,
Chỉ bày, bỏ thờ lửa.

Bấy giờ, Tôn giả Tịnh Thiên vì mẹ mình mà nói pháp bằng nhiều cách, soi sáng chỉ bày, làm cho an vui, rồi trở ra đường mà đi.

Kinh 100. Phật (1)[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn đến chỗ Phật, cùng thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Cù-đàm, gọi là Phật, vậy thế nào là Phật? Là tên do cha mẹ đặt, hay là do Bà-la-môn đặt?"

Rồi Bà-la-môn liền nói kệ rằng:

Phật là trên hơn hết,
Vượt lên cả thế gian,
Là do cha mẹ đặt,
Gọi đó là Phật chăng?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Phật thấy đời quá khứ,
Thấy vị lai cũng vậy,
Cũng thấy đời hiện tại,
Tất cả hành khởi diệt,
Trí sáng biết rõ ràng,
Điều cần tu đã tu,
Điều nên đoạn đã đoạn,
Cho nên gọi là Phật.
Nhiều kiếp tìm lựa chọn,
Thuần khổ không chút vui,

[59] *Biệt dịch, N⁰100(266).*

Có sanh ắt có diệt,
Xa lìa dứt bụi nhơ,
Nhổ gốc gai kết sử,
Đẳng giác gọi là Phật.

Phật nói kệ xong, Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

□

Kinh 101. Phật (2)[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, ngồi nghỉ trưa[61] dưới một bóng cây giữa hai thôn Hữu-tùng-ca-đế[62] và Đọa-cưu-la[63]. Lúc ấy có một Bà-la-môn thuộc dòng họ Đậu-ma[64] đang đi trên con đường kia, đến sau Phật. Ông thấy dấu chân Phật hiện ra như bánh xe ngàn căm, dấu chỉ rõ ràng, chỉ bên trong thì đều, vòng chỉ bên ngoài thì tròn, tất cả đều đẹp đẽ và đầy đặn. Thấy vậy, liền tự nghĩ: "Ta chưa từng thấy người thế gian nào mà có dấu chân như vậy. Giờ ta phải theo dấu mà tìm ra người này."

Ông liền theo dấu chân đưa đến chỗ Phật, thấy Đức Thế Tôn đang ngồi nghỉ trưa dưới một bóng cây, dung mạo đoan nghiêm tuyệt thế, các căn vắng lặng, tâm Ngài an định tịch tĩnh, điều phục đệ nhất, thành tựu chánh quán, ánh sáng rực rỡ, giống như núi vàng.

Sau khi đã thấy vậy rồi, liền bạch:

"Ngài là Trời chăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta chẳng phải là Trời."

Lại hỏi:

"Là Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân chăng?"

---

60. A. iv. 36 Loke. Biệt dịch, N⁰100(267), N⁰125(38.3).

61. Nguyên bản: nhập tận chánh thọ 入盡正受。Theo bản Tống, sửa lại: nhập trú... 入晝。Pāli: divāvihāra.

62. Hữu-tùng-ca-đế 有從迦帝。Bản Tống: Hữu-tỉ-ca-đế 有徙迦諦。Pāli: Ukkṭṭha.

63. Đọa cưu-la 墮鳩羅。Pāli: Setavya.

64. Đậu-ma chủng tánh 豆磨種姓。Pāli: Doṇo brāhmaṇo, Bà-la-môn Doṇa.

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta chẳng phải Rồng … cho đến Nhân, Phi nhân."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Nếu bảo rằng chẳng phải Trời, chẳng phải Rồng… cho đến chẳng phải Nhân, chẳng phải Phi nhân, vậy thì Ngài là ai?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Trời, Rồng, Càn-thát-bà,
Khẩn-na-la, Dạ-xoa,
A-tu-la không lành,
Những La-hầu-la-già,
Nhân cùng chẳng phải Nhân,
Đều do phiền não sanh.
Lậu hoặc phiền não này,
Tất cả, Ta đã bỏ,
Đã phá, đã diệt sạch,
Như hoa Phân-đà-lợi,
Tuy sanh từ trong nước,
Nhưng chưa từng dính nước.
Ta tuy sanh thế gian,
Chẳng bị nhiễm thế gian,
Nhiều kiếp thường lựa chọn,
Thuần khổ không chút vui.
Tất cả hành hữu vi,
Thảy đều bị sanh diệt,
Trừ nhơ, không lay động,
Đã nhổ sạch gai góc,
Cùng tột bờ sanh tử,
Cho nên gọi là Phật.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Đậu-ma nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, rồi tiếp tục mà đi.

Kinh 102. Lãnh quần đặc[65]

Tôi nghe như vầy:

[65] *Sn. 1.7. Vasala. Biệt dịch, N⁰100(268).*

Một thời, Đức Phật ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực, theo thứ tự khất thực, đến nhà Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá[66]. Lúc ấy, Bà-la-môn tay cầm cái thìa gỗ đựng đầy thức ăn, sửa soạn cúng dường lửa, đang đứng ở bên cửa. Từ xa trông thấy Phật đi đến, ông liền gọi Phật rằng:

"Hãy dừng lại! Dừng lại! Này gã tiện dân[67], chớ đến gần cửa tôi."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ông có biết tiện dân và pháp của tiện dân không?"

Bà-la-môn nói:

"Tôi không biết tiện dân và cũng không biết pháp của tiện dân. Vậy, Sa-môn Cù-đàm có biết tiện dân và pháp của tiện dân không?"

Phật bảo:

"Ta biết rõ về tiện dân và pháp của tiện dân."

Ngay lúc đó Bà-la-môn để xuống những dụng cụ thờ lửa, vội vàng trải giường ngồi, mời Đức Phật ngồi và thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin vì tôi mà nói về tiện dân và pháp của tiện dân."

Đức Phật liền ngồi vào chỗ ngồi và nói kệ rằng:

Tâm sân nhuế ôm hận,
Che giấu các lỗi lầm,
Khởi ác kiến, phạm giới,
Dối trá không chân thật;
Những con người [68] như vậy,
Nên biết, là tiện dân.
Hung bạo, tham, bủn xỉn,
Ác dục, keo, trá ngụy,
Tâm không hổ, không thẹn,
Nên biết, là tiện dân.
Loài một sanh, hai sanh,[69]
Tất cả đều sát hại,
Không có lòng thương xót,

---

66. *Bà-la-đậu-bà-giá 婆羅豆婆遮。Pāli: Aggika-Bhāradvāja, Bhāradvāja thờ lửa.*

67. *Nguyên Hán: lãnh quần đặc 領群特: gã chăn bò. Pāli: vasalaka, gã tiện dân, người hèn hạ. Bản Hán đọc là vacchalaka.*

68. *Nguyên Hán: sĩ phu 士夫。*

69. *Nhất sanh, nhị sanh 一生二生。Pāli: ekajaṃ và dvijaṃ; Sớ giải: trừ loài sanh trứng, còn lại là loài một (lần) sanh. Hai lần sanh, là loài sanh trứng.*

Đó là hạng tiện dân.
Hoặc giết, trói, đánh, đập,
Thôn xóm cùng thành ấp,
Trách mắng cách vô đạo,[70]
Biết đó là tiện dân.
Ở, dừng và đi đường,
Dẫn đầu một nhóm đông,
Hành hạ người dưới tay,
Gây sợ hãi bức hiếp,
Thủ lợi về cho mình,
Biết đó là tiện dân.
Thôn xóm cùng đất trống,
Vật có chủ, không chủ,
Chiếm đoạt làm của mình,
Biết đó là tiện dân.
Tự bỏ bê vợ mình,
Lại không vào nhà điếm,
Mà xâm đoạt vợ người,
Biết đó là tiện dân.
Những thân thuộc trong ngoài,
Thiện tri thức đồng tâm,
Xâm phạm vật họ yêu,
Biết đó là tiện dân.
Nói dối lừa gạt người,
Gạt lây của không chứng,
Người đòi mà không trả,
Biết đó là tiện dân.
Vì mình cũng vì người,
Vì trách, hoặc vì tiền,[71]
Mà hùa theo lời người,
Nói dối, chứng cho người;
Người nói dối như vậy,
Biết đó là tiện dân.

---

[70] *Pāli: niggāhako samaññāto, kẻ được gọi là áp bức. Bản Hán hiểu niggāhaka là kẻ trách mắng.*

[71] *Để bản: (...) cập tài dữ 及財與: hoặc vì người cho tiền (mà làm chứng dối). Ấn Thuận theo Tống-Nguyên-Minh sửa lại là (...) cập vô trách 及無責 (không bị quở trách). Pāli: dhanahetu.*

Tạo nghiệp ác, bất thiện,
Không có người hay biết,
Ẩn giấu che tội ác,
Biết đó là tiện dân.
Nếu người hỏi nghĩa này,
Lại đáp bằng phi nghĩa,
Điên đảo lừa dối người,
Biết đó là tiện dân.
Thật trống, không có gì,
Mà khinh chê người trí,
Ngu si vì lợi mình,
Biết đó là tiện dân.
Cao mạn tự huênh hoang,
Đi chê bai người khác,
Kiêu mạn thật thấp hèn,
Biết đó là tiện dân.
Tự tạo các lỗi lầm,
Lại đổ lỗi người khác,
Nói dối chê thanh bạch,
Biết đó là tiện dân.
Trước nhận lợi dưỡng người,
Khi người ấy đến mình,
Không có lòng đền đáp,
Biết đó là tiện dân.
Sa-môn, Bà-la-môn,
Đến khất cầu như pháp,
Không cho mà quở trách,
Biết đó là tiện dân.
Nếu cha mẹ tuổi già,
Khí lực trẻ đã suy,
Không chăm lo phụng dưỡng,
Biết đó là tiện dân.
Cha mẹ, bậc tôn trưởng,
Anh em, quyến thuộc thân.
Thật không phải La-hán,
Tự hiện đức La-hán,
Là giặc lớn thế gian,
Biết đó là tiện dân.

Sanh dòng họ tôn quý,
Học sách Bà-la-môn,
Mà ở trong chỗ đó,
Tập làm các nghiệp ác,
Không vì sanh nơi quý,
Mà khỏi tội, thoát đường ác;
Hiện tại bị quở trách,
Đời sau vào đường ác.
Sanh nhà Chiên-đà-la,
Đời gọi Tu-đà-di[72],
Tiếng đồn khắp thiên hạ,
Chiên-đà-la không có;
Bà-la-môn, Sát-lợi,
Đại tộc, thảy cúng dường.
Theo đường lên Tịnh thiên[73],
Sống bình đẳng chân thật,
Không vì chỗ sanh chướng,
Mà không sanh Phạm thiên,
Hiện tại tiếng đồn tốt,
Đời sau sanh cõi lành,
Hai đời ông nên biết,
Như Ta đã chỉ bày,
Không vì dòng họ sanh,
Mà gọi là tiện dân.
Không vì dòng họ sanh,
Mà gọi Bà-la-môn.
Hành nghiệp, thành tiện dân;
Hành nghiệp, Bà-la-môn.

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

Đại Tinh Tấn, đúng vậy!
Đại Mâu-ni, đúng vậy!
Không vì chỗ sanh ra,
Mà gọi là tiện dân,
Không vì chỗ sanh ra,

---

[72] *Tu-đà-di 須陀夷; có lẽ đồng nhất với Mātaṅga của Pāli: Bồ-tát sanh làm người Chiên-đà-la (giai cấp hạ tiện) tên là Mātaṅga, nhưng danh tiếng đồn vang, khiến các nhà đại tộc cũng phải cung kính. Xem Mātaṅga jātaka (N⁰497).*

[73] *Tịnh thiên đạo 淨天道, tức đường dẫn lên Phạm thiên.*

Gọi là Bà-la-môn,
Hành nghiệp, thành tiện dân;
Hành nghiệp, Bà-la-môn.

Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá càng được thêm tín tâm, bèn lấy bát đựng đầy thức ăn thượng hảo dâng lên Đức Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì nói bài kệ này mà có được, như bài kệ đã nói trên.

Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá thấy thức ăn hiện ra điềm lạ *(như kinh 98)* lòng tin của ông càng tăng, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay con có được phép ở trong Chánh pháp luật xuất gia thọ cụ túc không?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nay ông được phép ở trong Chánh pháp luật xuất gia thọ cụ túc."

Sau khi được xuất gia rồi, một mình lặng lẽ tư duy *(như trước đã nói ... cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát)*.

Khi Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đã đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát rồi, thì tự biết được hỷ lạc, liền nói bài kệ rằng:

Trái đạo, cầu thanh tịnh,
Cúng dường tế thần lửa,
Không biết đạo thanh tịnh,
Như kẻ mù bẩm sinh.
Nay đã được an lạc,
Xuất gia thọ cụ túc,
Chứng đạt được ba minh.
Lời Phật dạy đã làm,
Trước Bà-la-môn khó,
Nay là Bà-la-môn,
Đã tắm, sạch bụi bẩn,
Vượt chư Thiên bờ kia.[74]

□

[74] *Bản Hán, "21. Tương ưng Bà-la-môn" đến đây bị cắt ngang do sự rối loạn số quyển. Tương ưng này được nối tiếp với kinh số 1178, quyển 44.*

TẠP A-HÀM QUYỂN 5

Kinh 103. Sai-ma[1]

Tôi nghe như vầy:

Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo Thượng tọa trú ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-xá-di[2]. Lúc ấy cũng ở nước Câu-xá-di tại vườn Bạt-đà-lê[3] có Tỳ-kheo Sai-ma[4] thân mang trọng bệnh. Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-sa[5] là người nuôi bệnh. Tỳ-kheo Đà-sa đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, lễ dưới chân các Tỳ-kheo Thượng tọa rồi đứng sang một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa bảo Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Thầy trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma nói rằng: 'Các Thượng tọa hỏi thăm thầy, thân thể có an ổn chút nào không? Đau đớn không tăng lắm chứ?'"

Lúc ấy, Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma, nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: 'Các Thượng tọa hỏi thăm thầy, thân thể có an ổn chút nào không? Đau đớn không tăng lắm chứ?'

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Bệnh của tôi không bớt, thân không được an ổn, các thứ khổ bức bách càng tăng thêm, không cứu nổi. Giống như người có nhiều sức mạnh bắt lấy người gầy yếu đuối, dùng dây trói chặt vào đầu cùng hai tay, rồi siết chặt làm cho đau đớn vô cùng. Hiện tại sự thống khổ của tôi còn hơn cả người kia nữa. Giống như tên đồ tể dùng dao bén mổ bụng bò lấy nội tạng nó ra; sự đau đớn bụng con bò như thế nào có thể chịu nổi, còn hiện tại sự đau đớn bụng của tôi, hơn cả sự đau của con bò kia. Như hai lực sĩ

---

1. *Đại Chánh, quyển 5. Quốc Dịch, quyển 5, phẩm 15. Pāli, S. 22. 89. Khema.*
2. *Câu-xá-di quốc Cù-sư-la viên 拘舍彌國瞿師羅園。Pāli: Kosambī, Ghositārāma.*
3. *Bạt-đà-lê viên 跋陀梨園。Pāli: Badarikārāma.*
4. *Sai-ma 差摩。Pāli: Khema.*
5. *Đà-sa 陀娑。Pāli: Dāsaka.*

bắt một người yếu đuối treo lên trên lửa rồi đốt hai chân họ, hiện nay hai chân của tôi còn nóng hơn người kia."

Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-sa đến lại chỗ các Thượng tọa, đem những lời đã nói về bệnh trạng của Tỳ-kheo Sai-ma bạch lại đầy đủ cho các Thượng tọa. Các Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma và nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: "Đức Thế Tôn đã dạy có năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Tỳ-kheo Sai-ma, thầy có thể quán sát một chút về năm thọ ấm này, không phải ngã, không phải ngã sở, được không?"

Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa dạy rồi trở về nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

"Các Thượng tọa nhắn lại thầy là: 'Thế Tôn đã từng dạy về năm thọ ấm, thầy có thể quán sát một chút, không phải ngã, không ngã sở được không?'"

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Đối với năm thọ ấm này, tôi có thể quán sát không phải ngã, không phải ngã sở."

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại bạch với các Thượng tọa rằng:

"Tỳ-kheo Sai-ma nói, 'Đối với năm thọ ấm này, tôi có thể quán sát không phải ngã, không phải ngã sở.'".

Các Tỳ-kheo Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: "Thầy có thể đối với năm thọ ấm quán sát về không phải ngã, không phải những gì thuộc về ngã như các bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc được không?"

Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa dạy, lại đến chỗ Tỳ-kheo Sai-ma, nói với Sai-ma rằng: "Thầy có thể quán sát năm thọ ấm như các bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc được không?"

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

"Tôi có thể quán sát năm thọ ấm là không phải ngã, không phải ngã sở; nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc."

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại chỗ các Thượng tọa, bạch với các Thượng tọa, Tỳ-kheo Sai-ma nói, 'Tôi có thể quán sát năm thọ ấm là không phải ngã, không phải ngã sở; nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc.'"

Bây giờ, các Thượng tọa bảo Tỳ-kheo Đà-sa, "ngươi hãy trở về nói với Tỳ-kheo Sai-ma: 'Thầy nói là thầy quán sát năm thọ ấm không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận

lậu hoặc. Trước sau mâu thuẫn nhau.’”

Tỳ-kheo Đà-sa lại vâng lời dạy các Thượng tọa, đến nói với Tỳ-kheo Sai-ma là: ‘Thầy nói là thầy quán sát năm thọ ấm không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc. Trước sau mâu thuẫn nhau.’

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

“Đối với năm thọ ấm tôi quán sát không phải là ngã, không phải là ngã sở. Nhưng chẳng phải là A-la-hán. Vì đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xả ly, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.”

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại chỗ các Thượng tọa, bạch với các Thượng tọa, là Tỳ-kheo Sai-ma xin thưa rằng: ‘Đối với năm thọ ấm tôi quán sát không phải là ngã, không phải là ngã sở. Nhưng chẳng phải là A-la-hán. Vì đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xả ly, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.’

Các Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: ‘Thầy nói có ngã. Vậy thì ở chỗ nào có ngã? Sắc là ngã hay ngã khác sắc? Và thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã khác thức?’

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

“Tôi không nói sắc là ngã hay ngã khác sắc; thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã khác thức. Nhưng đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.”

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

“Sao dám làm phiền thầy phải chạy qua chạy lại! Thầy mang giùm cây gậy đến đây, tôi sẽ tự chống gậy đến các Thượng tọa kia. Xin trao gậy cho tôi.”

Tỳ-kheo Sai-ma liền tự chống gậy đi đến chỗ các Thượng tọa. Từ xa các Thượng tọa nhìn thấy Tỳ-kheo Sai-ma chống gậy đi lại, liền trải tòa, sửa ghế ngồi, đích thân ra nghinh tiếp, vì thầy mang giúp y bát và mời ngồi, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi các Thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

“Thầy bảo ngã mạn; vậy chỗ nào thấy ngã? Sắc là ngã chăng? Ngã khác sắc chăng? Và thọ, tưởng, hành, thức là ngã chăng? Ngã khác thức chăng?”

Tỳ-kheo Sai-ma bạch rằng:

"Chẳng phải sắc là ngã, chẳng phải ngã khác sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng phải ngã khác thức. Nhưng đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi có thể chưa đoạn hết, chưa có thể biết rõ, chưa có thể xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.

"Giống như hương thơm của hoa Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-mâu-đầu, Phân-đà-lợi, có phải là mùi hương của rễ? Hay hương khác rễ; là mùi hương tinh thô của thân, lá, cuống? Là mùi hương khác tinh thô? Hay là tất cả những thứ đó chăng?"

Các Thượng tọa đáp rằng:

"Không phải đâu, Tỳ-kheo Sai-ma, chẳng phải rễ của hoa Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-mâu-đầu, Phân-đà-lợi, là mùi hương và chẳng phải mùi hương khác rễ; cũng chẳng phải thân, lá, cuống, tinh thô là mùi hương; cũng chẳng phải mùi hương khác tinh thô."

Tỳ-kheo Sai-ma lại hỏi:

"Vậy đó là những thứ hương gì?"

Các Thượng tọa đáp rằng:

"Là mùi hương của hoa."

Tỳ-kheo Sai-ma lại nói:

"Vậy thì ngã cũng như vậy. Chẳng phải sắc là ngã, ngã không lìa sắc và chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã, ngã không lìa thức; nhưng đối với năm thọ ấm, tôi thấy không phải ngã, không phải ngã sở, mà đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.

"Các Thượng tọa hãy nghe tôi nói thí dụ, vì người trí nhờ thí dụ mà được hiểu rõ. Giống như chiếc áo của người nhũ mẫu giao cho người giặt. Họ giặt bằng nước tro, tuy có sạch bụi nhơ, nhưng vẫn còn có mùi. Nếu muốn hết mùi này thì cần phải dùng các thứ hương thơm xông ướp. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử xa lìa năm thọ ấm, quán sát chân chánh rằng không phải ngã, không phải ngã sở, có thể đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm chán, nhưng đối với năm thọ ấm sau đó vị ấy tư duy thêm nữa, quán sát sự sanh diệt của chúng, rằng: 'Đây là sắc; đây là sự tập khởi của sắc này, đây là sự diệt tận của sắc này. Đây là thọ, tưởng, hành, thức này, đây là sự tập khởi... thức này và sự đoạn tận của... thức này cũng như vậy. Đối với năm thọ ấm khi đã quán sát sự sanh diệt của chúng như vậy rồi, thì ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tất cả đều được tiêu trừ. Đó gọi là quán sát chân chánh

chân thật.”

Khi Tỳ-kheo Sai-ma nói pháp này, thì các vị Thượng tọa xa lìa được trần cấu, được trong sạch mắt pháp. Tỳ-kheo Sai-ma nhờ không khởi các lậu hoặc, nên tâm được giải thoát. Vì được an vui lợi ích nơi chánh pháp nên những bệnh của thân tất cả đều được tiêu trừ.

Bấy giờ, các Thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

“Lần đầu chúng tôi được nghe những gì Nhân giả nói đã hiểu rõ và mừng vui, huống chi là được nghe lại nhiều lần. Sở dĩ chúng tôi hỏi nhiều là vì muốn phát khởi biện tài vi diệu của Nhân giả, chứ không phải có ý nhiễu loạn. Nhân giả là người có khả năng nói rộng chánh pháp của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.”

Sau khi các Thượng tọa nghe những gì mà Tỳ-kheo Sai-ma nói xong, tất cả đều hoan hỷ phụng hành.

Kinh 104. Diệm-ma-ca[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Diệm-ma-ca khởi tà kiến ác nói rằng: ‘Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa.’

Lúc ấy, có số đông Tỳ-kheo nghe những lời này, liền đến đó nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca rằng:

“Có thật thầy đã nói: ‘Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa’?”

Đáp rằng:

“Thưa các Tôn giả, thật sự như vậy.”

Các Tỳ-kheo nói với Diệm-ma-ca:

“Chớ nên hủy báng Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không hề nói những lời này. Thầy nên từ bỏ tà kiến ác này đi.”

Khi các Tỳ-kheo đã nói những lời này rồi, mà Tỳ-kheo Diệm-ma-ca vẫn còn ôm chặt tà kiến ác này, lại nói như vầy:

---

6. Pāli 22. 85. Yamaka (Diệm-ma-ca).

"Thưa các Tôn giả, chỉ có đây mới là sự thật, nếu khác đi thì là giả dối."

Thầy nói ba lần như vậy.

Khi các Tỳ-kheo không thể điều phục được Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, liền bỏ ra đi, đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

"Tôn giả biết cho, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca kia đã khởi lên tà kiến ác nói như vầy: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa.' Chúng tôi đã nghe những lời nói này, nên đến hỏi Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, có thật thầy đã nói: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa?' Thầy ấy đáp, 'Thưa các Tôn giả, thật sự là như vậy, nếu khác đi thì là kẻ ngu nói.' Chúng tôi liền bảo rằng: 'Chớ nên hủy báng Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không hề nói những lời này. Thầy nên từ bỏ tà kiến ác này đi.' Qua ba lần can gián, thầy vẫn ôm chặt tà kiến ác mà không bỏ, nên nay chúng tôi đến chỗ Tôn giả, xin Tôn giả thương xót Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, hãy làm cho thầy dứt bỏ tà kiến ác."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Vâng, tôi sẽ làm cho thầy này dứt bỏ tà kiến ác."

Sau khi nghe những lời Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, số đông Tỳ-kheo tùy hỷ vui mừng, trở về chỗ ở của mình.

Bấy giờ, lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, ra khỏi thành trở về tinh xá, cất y bát, rồi đến chỗ Tỳ-kheo Diệm-ma-ca.

Tỳ-kheo Diệm-ma-ca từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đến, liền trải tòa, chuẩn bị nước rửa chân, sắp đặt ghế ngồi, ân cần nghinh tiếp, mang giúp y bát, rồi mời ngồi. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất vào chỗ ngồi và rửa chân xong, nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca:

"Có thật thầy đã nói: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ không còn gì nữa?'"

Tỳ-kheo Diệm-ma-ca bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thật sự là như vậy."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Bây giờ tôi hỏi thầy, cứ theo ý thầy mà trả lời tôi. Thế nào, Diệm-

ma-ca, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, là vô thường."

Lại hỏi: "Nếu là vô thường, thì là khổ chăng?"

Đáp: "Là khổ."

Lại hỏi: "Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch. Vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Lại hỏi: "Thế nào Diệm-ma-ca, sắc là Như Lai chăng?"

Đáp: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi: "Thế nào, Diệm-ma-ca, khác sắc là Như Lai chăng? Khác thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai chăng?"

Đáp: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi: "Ở trong sắc có Như Lai không? Ở trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi: "Trong Như Lai có sắc không? Trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức không?"

Đáp: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi: "Phi sắc, thọ, tưởng, hành, thức[7] có Như Lai phải không?"

Đáp: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

"Như vậy, này Diệm-ma-ca, Như Lai ngay trong đời này là chân thật, như thật, thường trú, không thể nắm bắt, không thể giả thiết[8]; sao thầy lại có thể nói, 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa?' Nói như vậy đúng thời chăng?"

Đáp: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không."

Lại hỏi: "Này Diệm-ma-ca, trước đây thầy nói: 'Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa.' Tại sao nay lại nói là không phải?"

Tỳ-kheo Diệm-ma-ca nói:

---

7. Phi sắc...非色。Pāli: arūpaṃ...

8. Pāli: ettha ca te āvuso yamaka diṭṭheva dhamme saccato thetato tathāgate anupalabbhiyāmāne, ở chỗ này, ngay trong đời này, Như Lai chân thật, thường trú, vượt ngoài khả năng nhận thức.

"Trước đây, vì vô minh tôi không hiểu, nên có tà kiến ác như vậy. Nay đã nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, nên những gì không hiểu do vô minh, tất cả đều dứt sạch."

Lại hỏi:

"Nếu lại được hỏi: 'Tỳ-kheo, tuyên bố tà kiến ác trước đây, nay do biết gì, thấy gì, mà tất cả đều bị loại bỏ?' Thầy sẽ đáp như thế nào?"

Diệm-ma-ca đáp:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có người đến hỏi thì tôi sẽ đáp như vầy, 'A-la-hán lậu tận, sắc là vô thường; vô thường là khổ. Khổ dứt thì vắng lặng, mát mẻ, lặng im. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.' Nếu có người nào đến hỏi thì tôi sẽ đáp như vậy."

Xá-lợi-phất nói:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, thầy nên đáp như vậy. Vì sao? Vì bậc A-la-hán lậu đã hết, thì thấy sắc là vô thường, mà vô thường là khổ. Nếu vô thường là khổ, thì là pháp sanh diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy."

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, thì Tỳ-kheo Diệm-ma-ca xa lìa trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca:

"Nay tôi sẽ nói thí dụ, mà người trí nhờ thí dụ thì sẽ hiểu rõ được. Thí như một trưởng giả, hay con một trưởng giả giàu có, nhiều của cải, rất mong được nhiều người giúp việc để khéo giữ gìn tài sản. Lúc ấy có kẻ thù độc ác, giả đến gần gũi giúp đỡ và xin làm tôi tớ, luôn luôn dò xét việc ngủ nghỉ sớm muộn của chủ nhân, mà nhân đó hầu hạ hai bên, kính cẩn phục vụ; luôn thuận theo lời chủ, khiến chủ nhân vừa lòng, xem như bạn thân, tưởng như con cháu, rất tin tưởng, không nghi ngờ, nên không bao giờ tự đề phòng giữ gìn. Sau đó tên này dùng dao bén, giết chết người chủ.

"Này Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, thầy nghĩ thế nào về kẻ thù độc ác kia, bạn thân trưởng giả ấy; đó chẳng phải là phương tiện ban đầu, với tâm hại luôn luôn dò xét tìm cơ hội, để dẫn đến cái chung cuộc đối với người chủ sao? Trong khi trưởng giả không hay biết gì về cái hậu quả tai hại mà mình phải gánh chịu hôm nay."

Đáp: "Thật như vậy."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tỳ-kheo Diệm-ma-ca:

"Thầy nghĩ thế nào về trưởng giả này, nếu biết người kia giả làm

người thân để ám hại, thì ông ta đã khéo tự đề phòng giữ gìn và sẽ không bị làm hại phải không?"

Đáp: "Đúng vậy."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

"Cũng vậy, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, kẻ phàm phu ngu si không học, đối với năm thọ ấm tưởng là thường, tưởng là an ổn, tưởng là không bệnh, tưởng là ngã, tưởng là ngã sở. Đối với năm thọ ấm này giữ gìn, nuối tiếc, cuối cùng thì cũng bị năm thọ ấm oan gia này làm hại, như trưởng giả kia bị kẻ oan gia, giả làm người thân hại đi mà không hay biết.

"Này Diệm-ma-ca, đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này phải quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Đối với năm thọ ấm này vị ấy không thọ lãnh, không đắm trước. Vì không thọ lãnh nên không đắm trước, vì không đắm trước nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói bài pháp này, thì Tỳ-kheo Diệm-ma-ca không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Tôn giả Xá-lợi-phất vì Tỳ-kheo Diệm-ma-ca nói pháp sáng soi, chỉ bày làm cho vui vẻ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

□

Kinh 105. Tiên-ni[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ có một ngoại đạo xuất gia tên là Tiên-ni[10] đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Ngày hôm qua, có các Sa-môn, Bà-la-môn, Giá-la-ca[11], cùng nhau

---

9. Pāli, S. 44. 9. Kutūhalasālā.

10. Tiên-ni 仙尼。Bản Pāli: Vacchagotto paribbājako, du sĩ (phổ hành Sa-môn) dòng họ Vaccha.

11. Già-la-ca 遮羅迦。Pāli: caraka, du hành tăng, hay phổ hành Sa-môn. Bản Pāli: paribbājaka, đồng nghĩa.

tập trung tại giảng đường Hy hữu[12], khen ngợi như vầy: 'Phú-lan-na Ca-diếp[13], là người lãnh đạo đồ chúng, có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau. Trong số họ có người cực thông minh, có người đần độn, nhưng đến khi họ chết đi, không được xác nhận[14] là họ sẽ tái sanh ở đâu. Lại có Mạc-ca-lê Cù-xá-lợi Tử[15] là người lãnh đạo đồ chúng, có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau. Trong số họ có người cực thông minh, có người đần độn, nhưng đến khi họ chết đi, không được xác nhận là họ sẽ tái sanh ở đâu. Cũng vậy, Tiên-xà-na Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa Xí-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử[16] v.v… mỗi người đều có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau, như đã nói trên.'

"Sa-môn Cù-đàm lúc bấy giờ cũng được thảo luận trong đó, rằng: 'Sa-môn Cù-đàm là thủ lãnh của đại chúng. Trong số đệ tử của Ngài nếu có ai mạng chung thì liền được ghi nhận là sẽ sanh vào chỗ này, sẽ sanh vào nơi kia. 'Trước đây tôi có sanh nghi, vì sao Sa-môn Cù-đàm đạt được pháp như vậy[17]?'"

Phật bảo Tiên-ni:

"Ông chớ sanh nghi ngờ. Vì có mê lầm nên sanh ra nghi hoặc. Tiên-ni nên biết, có ba hạng tôn sư. Những gì là ba? Có một hạng tôn sư thấy đời hiện tại chân thật là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết, nhưng không thể biết những việc sau khi chết. Đó là hạng thầy thứ nhất xuất hiện ở thế gian. Lại nữa, này Tiên-ni có một hạng tôn sư, thấy đời hiện tại chân thật là ngã, sau khi chết cũng thấy là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết. Lại nữa, này Tiên-ni có một hạng tôn sư, không thấy đời hiện tại chân thật là ngã, sau khi mạng chung cũng lại không thấy chân thật là ngã.

"Này Tiên-ni, hạng tôn sư thứ nhất thấy đời hiện tại chân thật là ngã, rồi theo chỗ biết ấy mà thuyết, thì đó gọi là đoạn kiến. Hạng tôn sư thứ hai, thấy đời hiện tại và đời vị lai chân thật là ngã, rồi theo chỗ biết

---

12. Hy hữu giảng đường 希有講堂。Pāli: kutūhala-sālā.

13. Phú-lan-na Ca-diếp 富蘭那迦葉。Pāli: Pūraṇo Kassapo.

14. Bản Pāli nói ngược lại: được xác nhận: upapattīsu vyākarati.

15. Mạt-ca-lê Cù-xá-lợi tử 末迦梨瞿舍利子。Pāli: Makkhali-Gosāla.

16. Tiên-xà-na Tỳ-la-chi Tử 先闍那毘羅胝子。Pāli; Sañjaya-Belaṭṭhiputta. A-kỳ-đa Xí-xá-khâm-bà-la 阿耆多翅舍欽婆羅。Pāli: Ajita-Kesakambala. Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên 迦羅拘陀迦旃延，Kakudha-Kaccāyana. Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử 尼犍陀若提子。Pāli: Nigaṇṭha-Nātaputta.

17. Bản Pāli hơi khác: kathaṃ nāma samanassa gotamassa dhammo abhiññeyyo, pháp của Sa-môn Cù-đàm cần được thấu hiểu như thế nào?

ấy mà thuyết, thì đó gọi là thường kiến. Hạng tôn sư thứ ba, không thấy đời hiện tại chân thật là ngã và sau khi chết cũng không thấy ngã, thì đó là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nói, hiện tại cắt đứt ái, ly dục, diệt tận, chứng Niết-bàn."

Tiên-ni bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, tôi nghe những gì Đức Thế Tôn nói càng thêm nghi ngờ."

Phật bảo Tiên-ni:

"Càng nghi ngờ thêm là đúng. Vì sao? Vì đây chính là chỗ sâu xa khó thấy khó biết, cần phải quán chiếu sâu xa, vi diệu mới thấu đáo được, chỉ có bậc thông tuệ mới hiểu rõ, còn loại chúng sanh thường tình thì chưa có khả năng biết được. Vì sao? Vì chúng sanh lâu đời có những kiến giải dị biệt, nhẫn thọ dị biệt, sự mong cầu dị biệt, những ước muốn dị biệt."

Tiên-ni bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đối với Thế Tôn có lòng tin thuần tịnh, xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp, để ngay nơi chỗ ngồi này tuệ nhãn của con được thanh tịnh."

Phật bảo Tiên-ni:

"Nay Ta sẽ tùy thuộc vào chỗ ưa thích của ông mà nói."

Phật bảo Tiên-ni:

"Sắc là thường, hay là vô thường?"

Đáp: "Là vô thường."

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Này Tiên-ni, vô thường là khổ chăng?"

Đáp: "Là khổ."

Đức Thế Tôn lại hỏi Tiên-ni:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Lại hỏi:

"Thế nào, Tiên-ni, sắc có phải là Như Lai không?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

"Thọ, tưởng, hành, thức có phải là Như Lai không?"

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Ngoài sắc có Như Lai không? Ngoài thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Trong sắc có Như Lai không? Trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Trong Như Lai có sắc không? Và trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức không?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tiên-ni:

"Phi sắc, phi thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Tiên-ni:

"Các đệ tử của Ta nghe những gì Ta đã nói mà không hiểu nghĩa lý để khởi vô gián đẳng[18] đối với mạn. Vì phi vô gián đẳng nên mạn không bị đoạn trừ. Vì không dứt trừ được mạn, nên khi bỏ ấm này thì ấm khác tiếp nối sinh. Do vậy, này Tiên-ni, Ta ký thuyết cho các đệ tử, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào chỗ này hay chỗ kia. Vì sao? Vì mạn còn sót lại.

"Này Tiên-ni, các đệ tử của Ta đối với những gì Ta đã nói, có khả năng hiểu rõ, thì đối với các mạn mà đạt được vô gián đẳng. Nhờ đạt được vô gián đẳng nên các mạn dứt trừ; vì các mạn được dứt trừ nên sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn có tương tục. Này Tiên-ni, những người đệ tử này, Ta không bảo là khi bỏ ấm này rồi, họ sẽ sinh vào chỗ này hay chỗ kia. Vì sao? Vì không có nhân duyên để có thể ký thuyết. Nếu muốn Ta ký thuyết, Ta sẽ ký thuyết rằng, họ đã đoạn trừ các ái dục, vĩnh viễn xa lìa kết sử hữu, chánh ý giải thoát, tận cùng mé khổ. Từ xưa tới nay và ngay trong hiện tại, Ta thường nói, mạn quá, mạn tập, mạn sanh, mạn khởi; nếu đối với mạn mà thường xuyên quán sát thì các khổ sẽ không sanh."

---

18. Vô gián đẳng 無間等, Quốc Dịch chú: Pāli là abhisamaya, thường được dịch là hiện quán hay hiện chứng; có nghĩa là lý giải, thấu hiểu thông suốt.

Khi Phật nói pháp này, Tiên-ni Sa-môn ngoại đạo[19] xa lìa trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Bấy giờ, Tiên-ni thấy pháp, đắc pháp, đoạn trừ các nghi hoặc, không do người khác mà biết, không do người khác để được độ thoát. Ở trong Chánh pháp, tâm đạt được vô sở úy. Ông từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con có được phép ở trong Chánh pháp xuất gia tu phạm hạnh không?"

Phật bảo Tiên-ni:

"Ông có thể xuất gia, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp."

Sau khi Tiên-ni đã được phép xuất gia rồi, một mình ở nơi vắng vẻ tu tập không buông lung, tự suy nghĩ về lý do nào mà người có dòng họ quý cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, tu hành phạm hạnh, thấy pháp, tự biết đã chứng đắc: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đã đạt được quả A-la-hán.

Sau khi đã nghe những gì Đức Phật đã nói, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 106. A-nậu-la[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá[21].

Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là A-nậu-la-độ[22] ở núi Kỳ-xà-quật. Lúc ấy, có số đông người xuất gia ngoại đạo, đến chỗ A-nậu-la-độ. Sau khi họ đã chào hỏi thăm nhau, rồi ngồi sang một bên và, bạch với A-nậu-la-độ:

"Chúng tôi có điều muốn hỏi. Ngài có rảnh mà giải thích cho chúng tôi không?"

A-nậu-la-độ nói với các ngoại đạo:

---

19. Trong bản Hán: Tiên-ni xuất gia, chỉ ngoại đạo xuất gia, hay du sĩ (Pāli: paribbājaka) hay tu sĩ ngoại đạo.

20. Pāli: S. 22. 86. Anurādha.

21. Bản Pāli: vesāliyaṃ mahāvane kūṭāgārasālāyaṃ, ở Vesāli, trong giảng đường Trùng các trong Đại lâm.

22. A-nậu-la-độ 阿晼羅度。Pāli: Anurādha.

"Tùy theo điều muốn hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Các ngoại đạo lại hỏi:

"Thế nào, Tôn giả, Như Lai sau khi chết tồn tại chăng?"

A-nậu-la-độ nói:

"Như Thế Tôn đã nói, điều này thuộc vô ký[23]."

Lại hỏi:

"Như Lai sau khi chết không tồn tại chăng?"

A-nậu-la-độ nói:

"Như Thế Tôn đã nói, điều này thuộc vô ký."

Lại hỏi:

"Như Lai sau khi chết tồn tại và không tồn tại; chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại chăng?"

A-nậu-la-độ nói:

"Như Thế Tôn đã nói, điều này thuộc vô ký."

Lại hỏi A-nậu-la-độ:

"Thế nào, Tôn giả, Như Lai sau khi chết là tồn tại chăng? Bảo rằng vô ký. Như Lai sau khi chết không tồn tại chăng? Bảo rằng vô ký. Như Lai sau khi chết là cũng tồn tại, cũng không tồn tại; chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại chăng? Bảo rằng vô ký. Thế nào, Tôn giả, Sa-môn Cù-đàm không biết, không thấy chăng?"

A-nậu-la-độ nói:

"Đức Thế Tôn chẳng phải không biết, chẳng phải không thấy."

Bấy giờ, các ngoại đạo không hài lòng về những gì mà Tôn giả A-nậu-la-độ đã nói, bèn chỉ trích, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tôn giả A-nậu-la-độ chờ cho các ngoại đạo đi rồi, đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, đem những gì các ngoại đạo đã hỏi trình lên tất cả cho Phật:

"Bạch Thế Tôn, họ đã hỏi như vậy và con đáp như vậy, nói như vậy, có phù hợp với Chánh pháp không? Con không mắc tội hủy báng Thế Tôn chăng? Là thuận theo pháp hay là trái với pháp? Không khiến cho khi có người đến cật vấn mà bị bế tắc chăng?"

Phật bảo A-nậu-la-độ:

---

[23]. Vô ký 無記。(Pāli: avyākata), thuộc loại không xác định, không được trả lời. Bản Pāli; tathāgato aññatra imehi catūhi ĩhànehi paññāpayamāno paññāpeti, Như Lai ở ngoài giả thiết với bốn trường hợp ấy.

"Nay Ta hỏi ngươi, theo những gì Ta hỏi mà trả lời. Này A-nậu-la-độ, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Là vô thường."

"Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay là vô thường?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Nói chi tiết như kinh Diệm-ma-ca, cho đến, thức là Như Lai chăng? Đáp là không.

Phật bảo A-nậu-la-độ:

"Nói như vậy là nói lời phù hợp[24], chẳng phải hủy báng Như Lai, chẳng phải vượt qua thứ lớp, như những lời của Như Lai nói theo các pháp tùy thuận[25] không ai có thể đến cật vấn chê trách được. Vì sao? Vì đối với sắc, Ta biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự đoạn tận của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Này A-nậu-la-độ, nếu bỏ qua những điều Như Lai giải thích[26] mà bảo là Như Lai không biết, không thấy, thì đây chẳng phải là lời nói chính xác[27]."

Phật nói kinh này xong, A-nậu-la-độ nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

□

Kinh 107. Trưởng giả[28]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng sâu Lộc dã, tại núi Thiết-thủ-bà-la[29], thuộc nước Bà-kỳ[30]. Bấy giờ có trưởng giả Na-câu-la[31] đã một trăm hai mươi tuổi, già nua, các căn suy nhược, yếu đuối bệnh khổ mà vẫn muốn

---

24. Tống-Nguyên-Minh: chư thuyết 諸說。Bản Cao-ly: chư ký 諸記 (tùy thuận) các cách trả lời.

25. Hán: chư thứ pháp thuyết 諸次法說。Thứ pháp tức tùy pháp (Pāli: anudhamma), pháp tùy thuận.

26. Như Lai sở tác 如來所作; có thể do veyyakāraṇa: sự giải thích. Một số vấn đề Phật không giải đáp vì được xem là không thiết thực nhưng rất nhiều vấn đề thiết thực khác được Phật giải đáp.

27. (phi) đẳng thuyết 等說。

28. Pāli, S. 22. 1. Nakulapitā.

29. Thiết-thủ-bà-la sơn Lộc dã thâm lâm 設首婆羅山鹿野深林。Pāli: Susuṃmāragira Bhesakalāvana Migadāya, trong núi Cá sấu, rừng Kinh sợ, chỗ nuôi hươu.

30. Bạt-kỳ quốc 跋耆國。Pāli: Bhaggesu, ở giữa những người Bhagga.

31. Na-câu-la trưởng giả 那拘羅。Pāli: Nakulapitā gahapati, gia chủ, cha của ông Nakula.

diện kiến Đức Thế Tôn, cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Ông đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi lui ngồi sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nay con đã già nua, yếu đuối, bệnh khổ, tự gắng sức đến yết kiến Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp khiến cho con luôn luôn được an lạc."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo gia chủ Na-câu-la:

"Lành thay! Gia chủ, thật sự ông đã già nua, các căn suy nhược, yếu đuối bệnh hoạn, mà có thể tự mình đến diện kiến Như Lai cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính khác. Gia chủ nên biết, ở nơi cái thân khổ hoạn này mà tu học thân không khổ hoạn[32]."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì gia chủ Na-câu-la, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ[33] rồi ngồi im lặng. Sau khi gia chủ Na-câu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ vui mừng, lễ Phật mà lui.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới một bóng cây cách Phật không xa. Gia chủ Na-câu-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, đảnh lễ dưới chân, rồi lui ngồi sang một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

"Hiện tại các căn của gia chủ vui vẻ, nhan sắc sáng tươi, có phải đã nghe pháp sâu xa từ nơi Thế Tôn rồi chăng?"

Gia chủ Na-câu-la bạch ngài Xá-lợi-phất:

"Hôm nay Đức Thế Tôn vì tôi nói pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ; vì nước pháp cam lộ rưới vào thân tâm tôi, cho nên nay các căn của tôi vui vẻ, nhan sắc sáng tươi."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

"Đức Thế Tôn đã vì ông nói những pháp gì, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, nhuần thắm nước cam lộ?"

Gia chủ Na-câu-la bạch ngài Xá-lợi-phất:

"Con đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn rằng: 'Con đã già nua, yếu đuối, khổ hoạn, tự con đến diện kiến Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính.' Đức Phật bảo con: 'Lành thay! Gia chủ, ông thực sự đã già nua, yếu đuối, khổ hoạn, mà có thể tự nỗ lực đến gặp Ta cùng

---

32. Pāli: āturakāyassa me sato cittaṃ anāturaṃ bhavissatī ti evña hi te gahapati sikkhitabban ti, ta có thân bệnh khổ này; tâm ta sẽ không bệnh khổ; cần học tập như vậy.

33. Thị, giáo, chiếu, hỷ, tức Thị, giáo, lợi, hỷ: thứ tự thuyết pháp của Phật.

các Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Bây giờ đối với thân khổ hoạn này, ông thường nên ở nơi cái thân khổ hoạn này mà tu học thân không khổ hoạn.' Đức Thế Tôn đã vì con nói pháp như vậy, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, nước cam lộ nhuần thấm."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

"Vừa rồi sao ông không hỏi lại Đức Thế Tôn, thế nào là thân bị bệnh khổ, là tâm bị bệnh khổ? Thế nào là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ?"

Gia chủ đáp:

"Vì lý do này nên con đến gặp Tôn giả, xin vì con nói tóm lược pháp yếu."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

"Lành thay! Gia chủ, nay ông hãy lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói. Kẻ phàm phu ngu si không học, đối với sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, sự tai hại của sắc, vị ngọt của sắc, sự xuất ly sắc không biết như thật. Vì không biết như thật nên ái lạc sắc, nói rằng sắc là ngã, là ngã sở, rồi chấp thủ, nhiếp thủ. Khi sắc này hoặc bị hư hoại, hoặc bị biến đổi; tâm thức cũng tùy theo mà biến chuyển, khổ não liền sanh. Khi khổ não đã sanh thì phát sinh sự sợ hãi, sự chướng ngại, sự hoài vọng, sự lo nghĩ buồn khổ tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là bệnh khổ của thân tâm.

"Thế nào là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về xuất ly của sắc. Khi đã biết như thật rồi thì không sanh ra ái lạc, thấy sắc là ngã, hay ngã sở. Sắc này nếu biến dịch hay đổi khác đi nữa, thì tâm cũng không thay đổi theo mà sanh ra khổ não. Khi tâm đã không biến chuyển theo mà sanh ra khổ não rồi, thì được sự không sợ hãi, chướng ngại, tiếc nuối, lo nghĩ, buồn khổ, tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ."

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, gia chủ Na-câu-la đạt được mắt pháp trong sạch. Bấy giờ, gia chủ Na-câu-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, vượt qua được mọi sự hồ nghi mà không do ai khác, ở trong chánh pháp tâm đạt được vô sở úy, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Con đã vượt qua, đã được độ thoát. Nay con xin nương về Tam

bảo Phật, Pháp, Tăng, làm người Ưu-bà-tắc; xin ngài chứng biết cho con. Nay con xin nguyện suốt đời nương về Tam bảo."

Sau khi gia chủ Na-câu-la đã nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra đi.

Kinh 108. Tây[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại tụ lạc Thiên hiện của dòng họ Thích[35].

Bấy giờ có số đông Tỳ-kheo người phương Tây muốn trở về phương Tây an cư, đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì họ mà nói pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng nhiều cách được khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, số đông Tỳ-kheo phương Tây từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo phương Tây chúng con, muốn trở về phương Tây an cư, nay chúng con xin được từ giã."

Phật bảo các Tỳ-kheo phương Tây:

"Các ông đã từ giã Xá-lợi-phất chưa?"

Đáp: "Bạch, chưa từ giã."

Phật bảo các Tỳ-kheo phương Tây:

"Xá-lợi-phất thuần tu phạm hạnh, các ông nên từ giã. Ông ấy có thể làm cho các ông được lợi ích và an lạc lâu dài."

Các Tỳ-kheo phương Tây từ tạ mà lui và chuẩn bị đi. Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới một bóng cây kiên cố[36] cách Phật không xa. Các Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Chúng tôi muốn trở về phương Tây an cư, nên đến đây xin từ giã."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

"Các ông đã từ giã Đức Thế Tôn chưa?"

Đáp: "Thưa, đã từ giã rồi."

---

34. Pāli, S.22.2 Devadaha.

35. Thích thị thiên hiện tụ lạc 釋氏天現聚落。Pāli: devadahaṃ nāma sakyānaṃ nigamo, tại làng Devadaha của những người họ Thích.

36. Kiên cố thọ 堅固樹，tên cây. Pāli: eoagalābumba, cây ba-đậu (?)

Xá-lợi-phất bảo:

"Các ông trở về phương Tây, mỗi quốc độ mỗi khác nhau, mỗi chúng hội mỗi khác nhau, ắt sẽ có người hỏi các ông. Hiện tại các ông đang ở chỗ Đức Thế Tôn nghe pháp được khéo giảng thuyết, hãy khéo lãnh thọ, khéo ghi nhớ, khéo quán sát, khéo thâm nhập, để đủ khả năng vì mọi người kia mà tuyên nói lại đầy đủ, để không phải là hủy báng Đức Phật chăng? Không để cho các chúng kia nạn vấn, gạn hỏi chê trách và bị bế tắc chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch ngài Xá-lợi-phất:

"Chúng tôi vì muốn nghe pháp, nên đến chỗ Tôn giả. Xin Tôn giả vì thương xót chúng tôi mà nói pháp đầy đủ."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

"Người Diêm-phù-đề lợi căn thông minh. Hoặc Sát-lợi, Sa-môn, Bà-la-môn, hay gia chủ, có thể họ sẽ hỏi các ông rằng: 'Đại sư của các ông nói pháp như thế nào? Dùng những pháp nào để truyền dạy cho các ông?' Thì các ông nên đáp: 'Đại sư chỉ nói điều phục dục tham và chỉ đem pháp này để truyền dạy.'

"Họ sẽ hỏi lại các ông: 'Ở trong pháp nào mà điều phục dục tham?' Các ông nên đáp: 'Đại sư chỉ nói ở trong sắc ấm kia mà điều phục dục tham; ở trong thọ, tưởng, hành, thức ấm kia mà điều phục dục tham. Đại sư của chúng tôi nói pháp như vậy.'

"Họ sẽ lại hỏi: 'Dục tham có tai hại gì mà Đại sư lại nói ở ngay nơi sắc điều phục dục tham; nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham?' Các ông nên trả lời: 'Nếu ở nơi sắc mà dục không đoạn trừ, tham không đoạn trừ, ái không đoạn trừ, niệm không đoạn trừ, khát không đoạn trừ và khi sắc kia biến đổi, hoặc khác đi, thì sẽ sanh ra ưu, bi, khổ, não; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thấy dục tham có những tai hại như vậy, nên ở nơi sắc phải điều phục dục tham; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham.'

"Họ sẽ lại hỏi: 'Thấy có lợi ích gì trong việc dứt trừ dục tham, mà Đại sư nói ở nơi sắc phải điều phục dục tham; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham?' Các ông nên trả lời: 'Nếu ở nơi sắc mà đoạn trừ dục, đoạn trừ tham, đoạn trừ niệm, đoạn trừ ái, đoạn trừ khát, thì đối với sắc nếu có biến đổi, hoặc khác đi, vẫn không khởi lên ưu, bi, khổ, não; và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Thưa các ngài, nếu vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp bất thiện mà khiến cho cuộc sống ngay

trong hiện tại vẫn được an vui, không khổ, không chướng ngại, không phiền não, không nóng bức, thân hoại mạng chung được sanh vào nơi tốt lành, thì Đức Thế Tôn cuối cùng đã không dạy: Hãy đoạn trừ các pháp bất thiện. Và cũng không dạy người ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh, để đạt được tận cùng của mé khổ. Vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp bất thiện nên sẽ đưa đến một cuộc sống khổ đau ngay trong hiện tại và chướng ngại, nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào trong đường ác. Cho nên Đức Thế Tôn dạy, hãy đoạn trừ pháp bất thiện và ở trong Phật pháp phải tu các phạm hạnh để đạt được rốt cùng mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ. Nếu vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp thiện, mà ngay trong cuộc sống hiện tại chịu khổ, chướng ngại, nhiệt não và sẽ đọa vào trong đường ác, thì Thế Tôn đã không dạy nên thọ trì pháp thiện, ở trong Phật pháp phải tu phạm hạnh để đạt được rốt cùng mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ. Vì thọ trì pháp thiện nên ngay trong cuộc sống hiện tại được an vui, không khổ, không chướng ngại, không phiền não, không nhiệt bức; sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào nơi tốt lành. Cho nên Đức Thế Tôn khen ngợi việc dạy người lãnh thọ các pháp thiện, ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh để đạt được rốt cùng của mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ."

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, các Tỳ-kheo phương Tây không khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này xong, các Tỳ-kheo tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

□

Kinh 109. Mao đoan[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như hồ nước vuông vức năm mươi do-tuần, chiều sâu cũng như vậy, với nước tràn đầy. Lại có người dùng sợi lông, dùng cọng cỏ, hay móng tay để hất nước. Này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào? Nước do người kia hất lên là nhiều hay là nước hồ nhiều?"

---

[37] *Đầu sợi lông. Pāli, S. 13. 2. Pokkharaṇī (hồ sen).*

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Nước mà người kia dùng lông, dùng cỏ, hay móng tay để hất lên là rất ít, không đáng để nói. Nước hồ thì rất nhiều, gấp cả trăm ngàn vạn lần, không thể nào so sánh được."

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, các khổ được đoạn trừ do thấy Thánh đế, cũng như nước hồ kia, vĩnh viễn không sanh lại trong đời vị lai."

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này xong, bèn vào thất tọa thiền. Sau khi Đức Thế Tôn vào thất, bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi trong chúng, bảo các Tỳ-kheo:

"Thật là điều chưa từng được nghe, hôm nay Đức Thế Tôn khéo nói thí dụ về cái hồ! Vì sao? Thánh đệ tử đầy đủ kiến đế[38], đạt được quả vô gián đẳng[39]. Nếu kẻ phàm tục nào khởi tà kiến, thân kiến, căn bản thân kiến, tập thân kiến, sanh thân kiến, nghĩa là che giấu những cảm giác lo âu, giữ gìn tiếc thương những điều vui mừng[40], nói là ngã, nói là chúng sanh, nói là kỳ đặc, kiêu căng, tự cao. Các thứ tà như vậy tất cả đều bị trừ diệt, cắt đứt cội rễ như cây đa-la bị bẻ gãy, khiến cho đời vị lai không còn tái sanh lại nữa.

"Này các Tỳ-kheo, những gì là các thứ tà kể trên bị đoạn trừ bởi Thánh đệ tử khi thấy Thánh đế, vị lai vĩnh viễn không khởi lên lại nữa?

"Phàm phu ngu si không học, thấy sắc là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong thức, là thức ở trong ngã.

"Thế nào thấy sắc là ngã? Chứng đắc chánh thọ nhập nhất thiết xứ về đất[41], sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, 'Đất tức là ngã, ngã tức là đất; ngã và đất chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt.' Cũng vậy, chánh thọ nhập nhất thiết xứ về nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng[42], sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, 'Hành tức là ngã, ngã tức là hành,

---

38. Kiến đế cụ túc 見帝具足, chỉ sự thấy và chứng bốn Thánh đế. Pāli: diṭṭhisampanna, thành tựu sự thấy, có đầy đủ sự thấy biết về Thánh đế.

39. Vô gián đẳng quả 無間等果, đây chỉ sự thành tựu Thánh đế hiện quán, tức quán sát bốn Thánh đế để chứng quả Dự lưu. Xem cht.18, kinh 105. Pāli: abhisametvà (abhisamaya), sau khi hiện chứng.

40. Ưu thích ẩn phú, khánh cát bảo tích 憂戚隱覆慶吉保惜; chưa rõ hết ý nghĩa.

41. Địa nhất thiết nhập xứ chánh thọ 地一切入處正受, ttức biến xứ định về đất; định (chánh thọ hay chánh định, Pāli: samāpatti) được tu tập với đối tượng là tính phổ biến của đất. Pāli: paṭhavi-kasiṇa-samādhi.

42. Mười đối tượng (Pāli: kammaṭṭhāna) của biến xứ định (Pāli: kasiṇa-samādhi): đất, nước,

chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt.' Như vậy, ở nơi các nhất thiết nhập xứ, mỗi mỗi đều được chấp là ngã. Đó gọi là sắc tức là ngã.

"Thế nào là sắc khác ngã[43]? Nếu người kia thấy thọ là ngã; khi thấy thọ là ngã rồi thì thấy sắc là ngã sở; hoặc thấy tưởng, hành, thức tức là ngã thì thấy sắc là ngã sở.

"Thế nào là thấy sắc ở trong ngã? Thấy thọ là ngã thì sắc ở trong ngã; nếu lại thấy tưởng, hành, thức tức là ngã thì sắc ở trong ngã.

"Thế nào là thấy ngã ở trong sắc? Nếu thấy thọ tức là ngã thì nó hiện hữu trong sắc, nhập vào trong sắc, phổ biến khắp tứ chi; hay nếu thấy tưởng, hành, thức là ngã thì nó hiện hữu ở trong sắc và, biến khắp tứ chi. Đó gọi là ngã ở trong sắc.

"Thế nào là thấy thọ tức là ngã? Là sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ xúc của mắt. tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu thọ thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã và ngã là thọ. Đó gọi là thọ tức ngã.

"Thế nào là thấy thọ khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thọ là ngã sở; và nếu tưởng, hành, thức là ngã, thì thọ là ngã sở. Đó gọi là thọ khác ngã.

"Thế nào là thấy thọ ở trong ngã? Nếu sắc là ngã, thì thọ ở trong nó; và nếu tưởng, hành, thức là ngã, thì thọ ở trong nó. Đó gọi là thọ trong ngã.

"Thế nào là thấy ngã ở trong thọ? Nếu sắc là ngã, thì nó hiện hữu ở trong thọ và biến khắp toàn thân; và nếu tưởng, hành, thức là ngã, thì chúng hiện hữu ở trong thọ và biến khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong thọ.

"Thế nào là thấy tưởng tức là ngã? Là sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh từ xúc của mắt; tưởng phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu tưởng thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã. Đó gọi là tưởng tức là ngã.

"Thế nào là thấy tưởng khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì tưởng là ngã sở; và nếu thức là ngã, thì tưởng là ngã sở. Đó gọi là tưởng khác ngã.

"Thế nào là thấy tưởng ở trong ngã? Nếu sắc là ngã, thì tưởng hiện hữu ở trong nó; và nếu thọ, hành, thức là ngã, thì tưởng hiện hữu ở trong

---

lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không và ánh sáng.

43. Sắc dị ngã 色異我, ở đây Pāli: rūpavantaṃ và attānam (thấy rằng) tự ngã có sắc; tức là, tự ngã sở hữu sắc như người sở hữu xâu chuỗi ngọc.

chúng. Đó gọi là tưởng ở trong ngã.

"Thế nào là thấy ngã ở trong tưởng? Nếu sắc là ngã, thì nó hiện hữu trong tưởng và biến khắp toàn thân; và nếu thọ, hành, thức là ngã thì chúng hiện hữu trong tưởng và biến khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong tưởng.

"Thế nào là thấy hành là ngã? Là sáu tư thân; tư phát sanh từ xúc của mắt; tư phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu tư thân này, mỗi mỗi được thấy ngã. Đó gọi là hành tức ngã.

"Thế nào là thấy hành khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì hành là ngã sở; và nếu thọ, tưởng, thức là ngã, thì hành là ngã sở. Đó gọi là hành khác ngã.

"Thế nào là thấy hành ở trong ngã? Nếu sắc là ngã, thì hành hiện hữu ở trong nó; và nếu thọ, tưởng, thức là ngã, thì hành hiện hữu ở trong chúng. Đó gọi là hành ở trong ngã.

"Thế nào là thấy ngã ở trong hành? Nếu sắc là ngã, thì nó hiện hữu ở trong hành và biến khắp toàn thân; và nếu thọ, tưởng, thức là ngã, thì chúng hiện hữu ở trong hành và biến khắp toàn thân thể. Đó gọi là ngã ở trong hành.

"Thế nào là thấy thức là ngã? Chỉ cho sáu thức thân: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Sáu thức thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã. Đó gọi là thức tức ngã.

"Thế nào là thấy thức khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thức là ngã sở; và nếu thấy thọ, tưởng, hành là ngã, thì thức là ngã sở. Đó gọi là thức khác ngã.

"Thế nào là thấy thức ở trong ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thức hiện hữu ở trong nó; và nếu thọ, tưởng, hành là ngã, thì thức ở trong chúng. Đó gọi là thức ở trong ngã.

"Thế nào là ngã ở trong thức? Nếu sắc là ngã, thì nó ở trong thức và biến khắp toàn thân; và nếu thọ, tưởng, hành là ngã thì chúng ở trong thức và biến khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong thức.

"Như vậy, Thánh đệ tử thấy Bốn chân đế sẽ đạt được quả vô gián đẳng và đoạn trừ các thứ tà kiến, vĩnh viễn không khởi lên trở lại trong đời vị lai.

"Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, được tích tụ về một nơi, cần được quán như vầy: 'Tất cả đều là vô thường, tất cả là khổ, tất cả là không, tất cả là phi ngã, không nên ái lạc,

thâu lấy, chấp thủ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, không nên ái lạc, chấp thủ, bảo trì.' Khéo quán sát như vậy, buộc tâm an trụ, không mê mờ đối với pháp, lại luôn luôn tinh tấn quán sát, xa lìa tâm biếng nhác, thì sẽ đạt được hỷ lạc, thân tâm khinh an, tịch tĩnh, an trụ với xả[44]; đầy đủ các phẩm đạo, tu hành trọn vẹn, vĩnh viễn xa lìa các thứ ác; không phải không tiêu tan, không phải không tịch diệt; diệt mà không khởi, giảm mà không tăng, đoạn mà không sanh, không chấp thủ, không đắm trước, tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo không khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

44. *Thứ tự tu tập bảy giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả. Pāli: satta sambhojjhaṅgā: sati-sambojjhaṅgo, dhammvicaya-, viriya-, pīti-, passaddhi-, samādhi-sambhojjhaṅgo.*

Kinh 110. Tát-giá[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở cạnh ao Di hầu tại Tỳ-xá-ly[46].

Bấy giờ, tại Tỳ-xá-ly có một Ni-kiền tử[47] thông tuệ, minh triết, hiểu rõ các luận và có sự kiêu mạn của thông minh; trong các luận rộng rãi, trí tuệ đã đạt đến chỗ vi diệu[48]; nói pháp cho mọi người, vượt hẳn mọi luận sư. Ông thường nghĩ rằng: 'Các Sa-môn, Bà-la-môn không ai địch lại ta. Ngay cả đến với Như Lai ta cũng có thể cùng luận bàn. Bọn luận sư nghe đến tên ta thì trán và nách đều toát mồ hôi, các lỗ chân lông đều chảy nước. Ta luận nghĩa như gió có thể đè bẹp cỏ, bẻ gãy cây, phá vỡ vàng đá và hàng phục các loài rồng voi, huống chi là bọn luận sư ở thế gian lại có thể đương đầu với ta ư!"

Lúc này, có Tỳ-kheo tên là A-thấp-ba-thệ[49], sáng sớm đắp y mang bát, oai nghi tề chỉnh, mắt đoan chánh nhìn thẳng bước, vào thành khất thực. Bấy giờ, Ni-kiền tử Tát-giá[50] có chút việc đi đến các làng xóm; từ cửa thành ra trông thấy Tỳ-kheo A-thấp-ba-thệ, liền đến chỗ Tỳ-kheo hỏi:

"Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp như thế nào? Dùng những pháp nào để dạy cho các đệ tử khiến cho họ tu tập?"

A-thấp-ba-thệ nói:

"Này cư sĩ Hỏa chủng[51], Đức Thế Tôn nói pháp như vầy để dạy cho các đệ tử, khiến cho họ theo đó mà tu học. Ngài dạy các Tỳ-kheo: 'Đối với sắc hãy quán là không có ngã; với thọ, tưởng, hành, thức, hãy quán là không có ngã. Đối với năm thọ ấm này phải siêng năng phương tiện quán sát như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là giết hại, là vô thường, khổ, không, chẳng phải ngã.'"

Ni-kiền tử Tát-giá nghe những lời nói này, tâm không vui, liền nói rằng:

---

45. *Pāli, M. 35. Cāḷasaccaka-sutta.*

46. *Tỳ-xá-ly, Di hầu trì trắc 毗舍離獼猴池側。Bản Pāli: vesāliyaṃ vihārati mahāvane kūṭāgārasālāyaṃ, trong Đại lâm, giảng đường Trùng các.*

47. *Pāli: Saccako Nigaṇṭhaputto, một Ni-kiền tử tên là Saccaka.*

48. *Bản Pāli mô tả: bhassappavādako paṇḍitavādo sādhusammato bahujanassa, là người ưa khiêu chiến nghị luận, thông bác về các quan điểm, được nhiều người trọng vọng.*

49. *A-thấp-ba-thệ 阿濕波誓。Pāli: Assaji, một trong năm Tỳ-kheo đầu tiên.*

50. *Tát-giá Ni-kiền tử 隆遮尼揵子。Pāli: Saccaka Nigaṭhaputta.*

51. *Hỏa chủng cư sĩ 火種居士。Pāli: Aggivessana, họ của Saccaka.*

"A-thấp-ba-thệ, chắc ông đã nghe lầm rồi! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn không nói những lời này. Nếu Sa-môn Cù-đàm đã nói những lời này thì đó là thứ tà kiến. Tôi sẽ đến nạn vấn ông ấy để khiến phải từ bỏ."

Bấy giờ, Ni-kiền tử Tát-giá đi đến các làng xóm, tại chỗ những người Ly-xa đang tụ hội, nói với các Ly-xa rằng:

"Hôm nay tôi có gặp vị đệ tử thứ nhất của Sa-môn Cù-đàm, tên là A-thấp-ba-thệ, cùng nhau bàn luận. Nếu đúng như lời ông ta nói, thì tôi sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng bàn luận, làm cho xoay chuyển tiến thoái đều theo ý của tôi.

"Giống như người cắt cỏ, tay nắm thân chúng đưa lên rũ bỏ đi những loại tạp uế; tôi cũng như vậy, tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm cật vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ cốt yếu, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ đi cái tà ấy.

"Như người nấu rượu, cầm túi hèm rượu ép lấy nước tinh thuần và bỏ đi cặn bã hèm. Tôi cũng như vậy, đi đến Sa-môn Cù-đàm nạn vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ thuần chân, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ đi cái tà ấy.

"Như thợ dệt chiếu, dùng chiếu đựng đầy vật nhơ, nên trước khi muốn đem ra chợ bán, phải tẩy xóa những vết nhơ, loại bỏ đi những mùi hôi thối. Tôi cũng như vậy, đi đến Sa-môn Cù-đàm nạn vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ cương lĩnh, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ các thuyết uế tạp.

"Như người huấn luyện voi của nhà vua, dắt con voi say vào trong nước sâu, rửa thân thể nó, tứ chi, tai, mũi; toàn thân thể của nó đều được tắm rửa, trừ bỏ các thứ bụi bẩn. Tôi cũng như vậy, đi đến Sa-môn Cù-đàm nạn vấn bàn luận, tôi sẽ nắm lấy chỗ yếu lĩnh, rồi mặc ý xoay tới hay xoay lui, loại bỏ các thuyết uế tạp. Các Ly-xa, các người cũng nên cùng tôi đến để xem sự hơn thua."

Trong nhóm Ly-xa có người nói rằng:

"Ni-kiền tử Tát-giá mà có thể cùng với Sa-môn Cù-đàm bàn luận, thì điều này không thể xảy ra."

Lại có người nói:

"Ni-kiền tử Tát-giá, là người lợi căn thông tuệ có khả năng luận bàn với Sa-môn Cù-đàm."

Lúc này, có năm trăm Ly-xa cùng Ni-kiền tử Tát-giá đi đến chỗ Đức Phật để luận bàn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ngồi dưới bóng cây ở trong

rừng Đại lâm, an trú nơi Thiên trụ[52]. Giờ này có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng và đang đi kinh hành trong rừng, từ xa trông thấy Ni-kiền tử Tát-giá đang đi đến. Đến chỗ các Tỳ-kheo, Tát-giá hỏi các Tỳ-kheo:

"Sa-môn Cù-đàm đang ở chỗ nào?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Đang ngồi dưới bóng cây trong Đại lâm, nơi ở của chư Thiên."

Ni-kiền tử Tát-giá liền đến chỗ Đức Phật, cung kính hỏi thăm, rồi ngồi sang một bên. Các gia chủ Ly-xa cũng đến chỗ Đức Phật, có người cung kính, có người chắp tay chào hỏi, rồi đứng sang một bên. Bây giờ, Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật:

"Tôi nghe Cù-đàm nói pháp như vầy và dạy các đệ tử như vầy: 'Đối với sắc hãy quán là không có ngã; với thọ, tưởng, hành, thức, hãy quán là không có ngã. Đối với năm thọ ấm này phải siêng năng phương tiện quán sát như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là giết hại, là vô thường, khổ, không, chẳng phải ngã.' Có phải Cù-đàm dạy như vậy hay không? Hay đây là những lời tuyên truyền với mục đích là để hủy báng Cù-đàm chăng? Thuyết là như thuyết, hay không như thuyết? Thuyết đúng như pháp chăng? Thuyết theo thuận thứ của pháp chăng? Không có kẻ khác nào đến nạn vấn dồn vào chỗ bế tắc chăng?"

Phật nói với Ni-kiền tử Tát-giá:

"Như những gì ông đã nghe. Thuyết là như thuyết, là thuyết đúng như pháp, thuyết theo thuận thứ của pháp, chứ chẳng phải là hủy báng và cũng không có nạn vấn nào khiến bị bế tắc. Vì sao? Ta đã thật sự vì các đệ tử mà thuyết pháp như vậy, Ta đã thật sự luôn luôn dạy dỗ các đệ tử để cho họ tùy thuận theo pháp giáo, khiến họ quán sắc là không ngã; thọ, tưởng, hành, thức là không ngã. Quán năm thọ ấm này như là bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã."

Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, bây giờ, tôi sẽ đưa ra một thí dụ."

Phật bảo Ni-kiền tử Tát-giá:

"Nếu thấy thích hợp."

"Ví như tất cả những gì được tạo tác ở thế gian đều nương trên đất;

---

[52]. *Trú ư thiên trú 住於天住。Pāli: divāvihārāra, an trú ban ngày tức nghỉ trưa, nhưng bản Hán đọc là Deva-vihāra: trú xứ của chư Thiên.*

cũng vậy sắc là con người[53], mọi việc thiện ác đều phát sanh từ đó[54]. Thọ, tưởng, hành, thức là con người, mọi việc thiện ác cũng đều phát sanh từ đó.

"Thêm một thí dụ nữa, như cõi người, cõi thần[55], cỏ thuốc, cây cối, đều nương vào đất mà được sanh trưởng; cũng vậy, sắc là con người. Thọ, tưởng, hành, thức là con người."

Phật nói:

"Này Hỏa chủng cư sĩ, ông nói sắc là con người[56]; thọ, tưởng, hành, thức là con người chăng?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, đúng như vậy. Sắc là con người; thọ, tưởng, hành, thức là người. Ở đây tất cả mọi người đều nói như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Thôi, hãy lập luận theo luận thuyết của ông đi, việc gì phải đem mọi người ra."

Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật:

"Sắc thật sự là con người."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Bây giờ, Ta hỏi ông, cứ theo ý ông mà đáp. Như quốc vương, mà trong nước mình nếu có người phạm tội, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi, hoặc đánh bằng roi, hoặc chặt tay chân. Hoặc nếu có người có công thì vua sẽ ban thưởng voi, ngựa, xe cộ, thành ấp, tài sản, bảo vật cho. Tất cả vua đều làm được, phải không?"

Đáp:

"Thưa Cù-đàm, có thể làm được như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Phàm là người chủ, ắt phải được tự tại chăng?"

Đáp: "Thưa Cù-đàm, đúng như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

---

53. Sắc thị ngã nhân 色是我人。Pāli: rūpattāyaṃ purisapuggalo, con người cá biệt (này) lấy sắc làm tự thể (tự ngã).

54. Pāli: rūpe patiṭṭhāya puññaṃ và apuññaṃ và pasavati, do an trú trên sắc mà phước thiện hay phi phước thiện sanh khởi.

55. Nhân giới thần giới 人界神界。Pāli: bījagāmabhūtagāmā, chủng loại hạt giống và chủng loại thực vật.

56. Pāli: rūpaṃ me attā, sắc là tự ngã của tôi.

"Ông nói sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức là ngã, vậy có được tùy ý tự tại khiến nó như vậy hay không như vậy chăng?"

Lúc này, Ni-kiền tử Tát-giá ngồi im.

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Nói ngay đi! Nói ngay đi! Tại sao im lặng?"

Ba lần hỏi như vậy, Ni-kiền tử vẫn cố im lặng. Ngay lúc đó thần lực sĩ Kim cương[57] đang ở giữa hư không, cầm chày kim cương lửa bốc mạnh hừng hực, đặt trên đầu Ni-kiền tử Tát-giá, bảo rằng: "Đức Thế Tôn đã ba lần hỏi, tại sao ông không trả lời? Ta sẽ dùng chiếc chày kim cương đập vỡ đầu ông ra làm bảy mảnh." Vào lúc ấy, nhờ vào thần lực của Phật, nên chỉ khiến cho một mình Ni-kiền tử Tát-giá thấy thần Kim cương mà thôi, ngoài ra không một ai thấy hết.

Ni-kiền tử Tát-giá thấy vậy sợ hãi quá, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, không phải như vậy."

Phật bảo Ni-kiền tử Tát-giá:

"Hãy chậm rãi suy nghĩ, sau đó mới nói rõ. Trước đây, ở giữa mọi người, ông bảo sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức cũng là ngã. Nhưng bây giờ lại bảo là không phải. Trước sau mâu thuẫn nhau. Trước đây, ông thường bảo rằng sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức cũng là ngã. Này Hỏa chủng cư sĩ, nay Ta hỏi ông, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Thưa Cù-đàm, là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường có phải là khổ không?"

Đáp: "Thưa Cù-đàm, là khổ."

Lại hỏi:

"Vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy là đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Thưa Cù-đàm, không."

"Và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Ông hãy suy nghĩ cho kỹ rồi sau mới nói."

Lại hỏi Hỏa chủng cư sĩ:

"Nếu đối với sắc mà chưa lìa tham, chưa lìa dục, chưa lìa niệm, chưa

---

[57]. Kim cang lực sĩ quỷ thần 金剛力士鬼神。Pāli: vajirapāṇi yakkho, quỷ Dạ-xoa tay cầm chày kim cang.

lìa ái, chưa lìa khát, khi sắc này biến đổi, hoặc khác đi thì nó sẽ sanh ra ưu, bi, khổ, não chăng?"

Đáp: "Thưa Cù-đàm, đúng vậy."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Lại hỏi Hỏa chủng cư sĩ:

"Nếu đối với sắc mà lìa tham, lìa dục, lìa niệm, lìa ái, lìa khát, khi sắc này biến đổi, hoặc khác đi, thì kia sẽ không sanh ra ưu, bi, khổ, não chăng?"

Đáp: "Thưa Cù-đàm, đúng vậy, như thật không khác."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

"Này Hỏa chủng cư sĩ, như thân mắc các bệnh khổ, thường bị khổ câu thúc, cái khổ này không dứt, không vứt đi được, thì người kia được an vui chăng?"

Đáp: "Thưa Cù-đàm, không."

Như vậy, này Hỏa chủng cư sĩ, khi thân mắc các bệnh khổ, thường bị khổ câu thúc, cái khổ này không dứt, không vứt đi được, thì không được an vui.

"Này Hỏa chủng cư sĩ, như người mang búa vào núi, tìm những cây gỗ thật chắc, thấy cây chuối to lớn, ngay thẳng, liền chặt rễ lá và lột bẹ của nó cho đến tận cùng, mà vẫn không thấy cái lõi chắc thật. Này Hỏa chủng cư sĩ, ông cũng như vậy, đã tự lập ra luận thuyết, nhưng nay Ta đã khéo léo tìm ra cái nghĩa chân thật của nó, mà vẫn không thấy được cái cốt lõi chân thật, nó giống như cây chuối vậy. Thế mà ở giữa mọi người, ông dám đứng ra tuyên bố là: 'Trong đám Sa-môn, Bà-la-môn, ta không thấy một ai có tri kiến có thể cùng đem bàn luận với tri kiến của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, mà không bị Ta chiết phục.' Và lại tự nói: 'Ta luận nghĩa như gió có thể đè bẹp cỏ, bẻ gãy cây, phá vỡ vàng đá và hàng phục các loài rồng voi, đến nỗi có thể khiến cho họ toát mồ hôi trán, toát mồ hôi nách và các lỗ chân lông đều đẫm nước.' Nay ông đã tự luận nghĩa cho chính mình, nhưng không tự lập lại những lời lẽ khoác lác trước đây, là có thể chiết phục mọi hiện tượng này. Hiện tại ông đã đem hết khả năng lý sự thủ đắc của mình, mà không thể làm lay động được một sợi lông của Như Lai."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở giữa mọi người, vén Uất-đa-la-tăng bày ngực và chỉ:

"Mọi người hãy nhìn xem, có thể nào làm lay động được một sợi

lông của Như Lai không?"

Lúc này, Ni-kiền tử Tát-giá im lặng, cúi đầu, hổ thẹn, thất sắc. Khi ấy ở trong chúng có một Ly-xa tên là Đột-mục-khư[58], từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, cho phép con nói thí dụ."

Phật bảo Đột-mục-khư:

"Nếu thấy hợp thời."

Đột-mục-khư bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thí như có người mang cái đấu, cái hộc vào trong một đống thóc lớn xúc ra hai, ba hộc; thì hiện tại Ni-kiền tử Tát-giá cũng giống như vậy. Bạch Thế Tôn, giống như một gia chủ giàu có, nhiều của cải, bỗng nhiên phạm vào tội lỗi, nên tất cả những tài vật đó đều bị sung vào nhà vua, thì Ni-kiền tử Tát-giá cũng giống như vậy, tất cả mọi sự biện tài có được của ông, đều bị Như Lai tóm thâu hết. Giống như cạnh làng xóm, thành ấp có con sông lớn, mọi nam nữ lớn nhỏ đều vào trong dòng nước nô đùa. Họ bắt lấy con cua ở trong nước bẻ gãy chân rồi đem đặt trên mặt đất; vì không có chân nên không thể trở lại dòng sông được. Ni-kiền tử Tát-giá cũng giống như vậy, các biện tài của ông đều bị Như Lai bẻ gãy, để rồi không bao giờ dám trở lại cùng Như Lai bàn luận đối địch nữa."

Lúc này, Ni-kiền tử Tát-giá vô cùng tức giận, thóa mạ Ly-xa Đột-mục-khư:

"Nhà ngươi là thứ thô lỗ; không biết gì hết sao lại rống lên? Tự ta cùng Sa-môn Cù-đàm bàn luận, chứ có can hệ gì đến việc của ngươi đâu?"

Ni-kiền tử thóa mạ Đột-mục-khư rồi, lại bạch Phật:

"Hãy gác qua những lời nói của tên hạ tiện kia đi. Bây giờ riêng tôi có điều muốn hỏi."

Phật bảo Ni-kiền tử Tát-giá:

"Tùy ý ông cứ hỏi, Ta sẽ theo câu hỏi mà trả lời."

"Vì đệ tử, Cù-đàm nói pháp như thế nào để cho họ xa lìa nghi hoặc?"

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Ta nói cho các đệ tử rằng: 'Những gì thuộc về sắc, hoặc là quá khứ, hoặc là hiện tại, hoặc là vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều quán sát như thật,

---

[58] *Đột-mục-khư* 突目佉。*Pāli: Dummukha.*

chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau. Và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.' Kia học tập như vậy chắc chắn sẽ thấy được dấu vết con đường[59], không bị đứt mất, có thể thành tựu tri kiến nhàm chán, canh giữ cửa cam lộ. Tuy chẳng phải tất cả đều đạt được cứu cánh, nhưng tất cả đều hướng đến Niết-bàn. Đệ tử theo pháp dạy của Ta như vậy, thì sẽ được xa lìa nghi hoặc."

Lại hỏi:

"Thưa Cù-đàm, Ngài dạy thế nào để cho các đệ tử, ở trong Phật pháp chứng đắc lậu tận, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'?"

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ:

"Chính bằng pháp này: 'Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều được biết như thật, là chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau; và thọ, tưởng, hành, thức chúng cũng lại như vậy.' Đệ tử kia lúc bấy giờ thành tựu được ba thứ vô thượng: Trí vô thượng, Đạo vô thượng, Giải thoát vô thượng[60]. Khi đã thành tựu được ba vô thượng này rồi, vị ấy đối với Đại sư mà cung kính, tôn trọng, cúng dường như là Phật, rằng: 'Thế Tôn đã giác ngộ tất cả các pháp, rồi bằng pháp này, Ngài điều phục đệ tử khiến cho họ được an lạc, khiến cho họ được vô úy, điều phục tịch tĩnh, cứu cánh Niết-bàn. Đức Thế Tôn vì mục đích Niết-bàn nên nói pháp cho các đệ tử.'

"Này cư sĩ Hỏa chủng, các đệ tử của Ta ở trong pháp này mà chứng đắc lậu tận, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, ở ngay trong đời này mà tự tri, tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, giống như một người khỏe mạnh bị những mũi đao nhọn rơi loạn xạ vào người, còn có thể thoát ra được. Nhưng đối với thủ

---

59. Hán: kiến tích 見跡, hay nói là kiến đạo tích, chỉ vị đang thực hành hướng đến chỗ thấy Thánh đế.

60. Thành tựu ba vô thượng: trí vô thượng, đạo vô thượng, giải thoát vô thượng. Pāli: dassanānuttariyena, paṭipadāduttariyena, vimuttānuttariyena, kiến vô thượng, đạo tích (thực hành) vô thượng, giải thoát vô thượng.

thuật luận bàn của Cù-đàm, thì thật khó có thể thoát được. Như rắn nhiều nọc độc còn có thể tránh được; như lửa mạnh ở giữa đầm hoang còn có thể tránh được; voi say hung dữ cũng có thể thoát được; như sư tử đói cuồng điên, tất cả đều có thể thoát được hết, nhưng đối với trong thủ thuật luận bàn của Sa-môn Cù-đàm thì thật là khó có thể thoát được. Không phải như bọn tầm thường chúng tôi, khinh suất, lỗ mãng, luận thuyết nửa vời, mà có thể đến chỗ Cù-đàm để luận nghị được.

"Thưa Sa-môn Cù-đàm, Tỳ-xá-ly này là nước an lạc, thịnh vượng, lại có các tháp miếu Giá-ba-lê, Tất-yêm-la-thọ, Đa-tử và Cù-đàm có thể ở tại tháp miếu Câu-lâu-đà, hay Ba-la-thọ-trì, hay Xả-trọng-đảm, hay Lực sĩ Bảo-quan[61]. Thế Tôn sẽ an lạc ở nước Tỳ-xá-ly này, vì ở chỗ Thế Tôn thường được cung kính, phụng sự, cúng dường bởi chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng những người trong thế gian; và nhờ những việc làm này, sẽ khiến cho chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn luôn luôn được an lạc. Xin Ngài hãy dừng lại nơi này và sáng mai xin Ngài cùng đại chúng nhận bữa ăn đạm bạc của con."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Ni-kiền tử Tát-giá biết Đức Thế Tôn đã nhận lời mời rồi, tùy hỷ vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Trên đường về, Ni-kiền tử Tát-giá bảo các Ly-xa:

"Ta đã thỉnh được Sa-môn Cù-đàm và đại chúng để cúng dường trai phạn, các ông, mỗi người hãy sửa soạn một món ăn đem đến chỗ ta."

Các Ly-xa mỗi người trở về nhà, ngay đêm hôm đó sửa soạn đồ cúng dường và sáng sớm đem đến chỗ Ni-kiền tử Tát-giá. Sáng hôm ấy, Ni-kiền tử Tát-giá lo rưới nước, quét dọn nhà cửa, trải chỗ ngồi, chuẩn bị nước sạch, rồi sai người đến Phật thưa là đã đến giờ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đại chúng đắp y mang bát đến nhà Ni-kiền tử Tát-giá, Ngài ngồi trước đại chúng. Ni-kiền tử Tát-giá tự tay dâng đầy đủ đồ ăn thức uống thanh tịnh cho đại chúng. Sau khi thọ thực và rửa bát xong, Ni-kiền tử Tát-giá biết Phật và đại chúng đã hoàn tất xong mọi việc, ông lấy một cái ghế thấp đặt ngồi trước Phật. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Ni-kiền tử Tát-giá mà tùy hỷ nói kệ:

---

[61] Giá-ba-lê, Tất-yêm-la-thọ, Đa-tử, Câu-lâu-đà, Ba-la-thọ-trì, Xả-trọng-đảm, Lực sĩ Bảo-quan. Tên các chi-đề, tức các linh miếu (Pāli: cetiya) nổi tiếng ở Vesali. Bản Pāli không nêu danh sách này.

Ở trong các lễ hội,
Thờ lửa là hơn hết.
Trong kinh điển Vi-đà,
Bà-tỳ-đế trên hết.
Con người, vua là nhất.
Các sông, biển là hơn.
Các sao, trăng là nhất.
Ánh sáng, mặt trời nhất.
Trong mười phương trời người,
Đẳng Chánh Giác là nhất.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Ni-kiền tử Tát-giá nói đủ các thứ pháp, soi sáng, chỉ dạy, làm cho an vui rồi, trở về chỗ cũ. Trên đường trở về các Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận về việc năm trăm Ly-xa đã vì Ni-kiền tử Tát-giá mà đã sửa soạn đồ ăn thức uống cúng dường. Các Ly-xa này sẽ được phước gì? Còn Ni-kiền tử Tát-giá sẽ được phước gì?

Khi các Tỳ-kheo đã trở về trú xứ, đem cất y bát và rửa chân xong đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Trên đường về chúng con cùng nhau bàn tán về việc năm trăm Ly-xa đã vì Ni-kiền tử Tát-giá sửa soạn đồ ăn thức uống, cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Vậy năm trăm Ly-xa này sẽ được phước gì? Và Ni-kiền tử Tát-giá sẽ được phước gì?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Năm trăm Ly-xa này đã vì Ni-kiền tử, sửa soạn đồ ăn thức uống cúng dường, thì sẽ tạo nhân duyên được phước đối với chỗ Ni-kiền tử Tát-giá. Còn Ni-kiền tử Tát-giá thì sẽ được phước công đức Phật. Các Ly-xa này được nhân duyên quả báo của bố thí nhưng có tham, sân, si; còn Ni-kiền tử Tát-giá thì sẽ được nhân duyên quả báo bố thí nhưng không có tham, sân, si."

□

Bài kệ tóm lược nội dung những kinh trên:

Mười câu hỏi Đa-la[62],
Sai-ma, Diệm, Tiên-ni,
A-nậu-la, Gia chủ,
Tây, Mao đoan, Tát-giá.

□

[62] *Bỉ Đa-la thập vấn 彼多羅十問, có lẽ chỉ kinh tương đương Pāli S. 42. 13. Pātali, nhưng bản Hán dịch này thiếu. Tham chiếu Đại N*^{0}*26 (20).*

TẠP A-HÀM QUYỂN 6

Kinh 111. Hữu lưu[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú ở tại núi Ma-câu-la[2]. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[3], vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, đến chỗ Phật, lạy sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Như Thế Tôn nói, 'hữu lưu'[4]. Vậy, thế nào gọi là hữu lưu? Và thế nào gọi là hữu lưu diệt[5]?"

Phật bảo La-đà:

"Hay thay câu hỏi của ông! Ta sẽ vì ông mà nói. Nói hữu lưu, tức là, những kẻ phàm phu ngu si, không học, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật nên, đối với sắc lại ái lạc, tán thán, chấp chặt, đắm nhiễm. Do duyên ái lạc sắc nên có thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não tăng trưởng; như vậy là tập khởi của thuần một khối khổ lớn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là hữu lưu.

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt

---

1. Đại Chánh, quyển 6. Quốc Dịch xếp vào Tụng 1. Ấn Thuận xếp vào Tụng 7; "34. Tương ưng La-đà", tổng thể có một trăm ba mươi ba kinh, nhưng chỉ có hai mươi hai kinh có nội dung được truyền. Tương đương Pāli, S. 23. Rādhasamyuttam, Roman iii. 188. Phật Quang, quyển 6, kinh 113. Quốc Dịch, đồng, kinh 192. Tương đương Pāli, 23. 3. Bhavaneti.

2. Ma-câu-la sơn 摩拘羅山。(Pāli: Makula), tên núi ở Kiều-thưởng-di. Bản Pāli nói: Sāvatthinidānam, nhân duyên ở Sāvatthi.

3. La-đà 羅陀。Pāli: Rādha.

4. Hữu lưu 有流，dòng chảy của hữu hay tồn tại. Bản Pāli: bhavanetti, lưới của hữu.

5. Hữu lưu diệt 有流滅。Pāli: bhavanettinirodha, sự diệt tận của lưới hữu.

tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Do biết như thật nên, đối với sắc kia không khởi ái lạc, tán thán, chấp chặt, đắm nhiễm. Vì không ái lạc, tán thán, chấp chặt, đắm nhiễm nên, sắc ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não thuần một tụ khổ lớn như vậy diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là những lời dạy của Như Lai về hữu lưu và hữu lưu diệt."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 112. Đoạn tri[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú ở tại núi Ma-câu-la[7]. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[8], vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, đến chỗ Phật, lạy sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch, như Thế Tôn nói, 'Biến tri[9] sắc; biến tri thọ, tưởng, hành, thức.' Bạch Thế Tôn, vậy thế nào là biến tri sắc; biến tri thọ, tưởng, hành, thức?"

Phật bảo La-đà:

"Hay thay câu hỏi của ông! Ta sẽ vì ông mà nói. Đối với sắc mà ưu, bi, khổ, não hết, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thì đó gọi là biến tri sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức mà ưu, bi, khổ, não hết, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thì đó gọi là biến tri thọ, tưởng, hành, thức."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

6. Pāli, S. 23. 4. Pariññeyyā.

7. Xem cht.2, kinh 111.

8. La-đà 羅陀。Pāli: Rādha.

9. Nguyên Hán: đoạn tri 斷知，chỉ cho sự đoạn trừ phiền não do nhận thức toàn diện về bốn Thánh đế. Pāli: pariññeyya.

Kinh 113. Đoạn sắc khổ[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả, cùng thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả La-đà:

"Vì sao thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

Tôn giả La-đà trả lời:

"Vì tôi muốn đoạn trừ khổ, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Lại hỏi:

"Thầy vì muốn đoạn trừ những thứ khổ nào, nên phải theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Vì muốn đoạn trừ cái khổ về sắc, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh. Vì muốn đoạn trừ cái khổ về thọ, tưởng, hành, thức nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe Tôn giả nói những lời như vậy, thì tâm họ không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mắng chửi rồi bỏ đi.

Bấy giờ, Tôn giả La-đà biết các xuất gia ngoại đã ra đi rồi, liền tự nghĩ: 'Vừa rồi, ta đã nói những lời như vậy, há không hủy báng Thế Tôn chăng? Nói như đúng như thuyết chăng? Nói đúng như pháp, hay là thuận thứ của pháp chăng? Sẽ không bị người khác đến nạn vấn, chỉ trích, làm cho bế tắc chăng?"

Vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, những gì con đã nói không lỗi lầm chăng? Không hủy báng Thế Tôn chăng? Nói như đúng như thuyết chăng? Nói đúng như pháp, hay là thuận thứ của pháp chăng? Sẽ không bị người khác đến nạn vấn, chỉ trích, làm cho bế tắc chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những gì thầy nói đều là lời thật, không hủy báng Như Lai, nói như lời dạy của Ta, nói như pháp, nói pháp và thứ pháp. Vì sao? Này La-

---

10. Không thấy Pāli tương đương.

đà, vì sắc là khổ, vì muốn dứt cái khổ này nên xuất gia tu phạm hạnh; và đối với thọ, tưởng, hành, thức là khổ, vì muốn dứt những cái khổ này nên xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 114. Tri khổ[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Vì mục đích biết khổ[12] nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các ngoại đạo nghe La-đà nói những lời như vậy, tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy trách mắng rồi ra đi.

Bấy giờ vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Sắc là khổ. Vì để biết nó là khổ nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh. Thọ, tưởng, hành, thức là khổ. Vì để biết thức là khổ nên theo Như Lai xuất gia tu

---

11. Pāli, S. 35. 81. Bhikkhu.

12. Tri khổ 知苦。Pāli: dhukkassa pariññatthaṃ, vì mục đích biến tri khổ. Xem cht.9, kinh112.

phạm hạnh.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 115. Đoạn ưu khổ[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

“Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?”

La-đà trả lời:

“Vì đối với sắc muốn dứt hết ưu, bi, khổ, não, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh. Vì đối với thọ, tưởng, hành, thức muốn dứt hết ưu, bi, khổ, não, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh.”

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

“Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?”

Phật bảo La-đà:

“Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Này La-đà, sắc là ưu, bi, khổ, não. Vì muốn dứt hết nó nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh. Thọ, tưởng, hành, thức là ưu, bi, khổ, não vì muốn dứt hết chúng

---

13. Không thấy Pāli tương đương.

nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 116. Ngã tận

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[14].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Ở nơi sắc thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc[15], muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc, muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Ở nơi sắc thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc, vì muốn dứt bỏ chúng, ly

---

[14] Xem cht.2&3, kinh 111.

[15] Ngã kiến, ngã sở ngã mạn sử hệ trước 我見我所我慢使繫著。Pāli: ahaṃkāra-mamaṃkāra-mānānusayā, các tùy miên tác thành phức cảm cái tôi và của tôi.

dục, diệt, tịch tĩnh. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các kết sử trói buộc, muốn dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh, nên theo Thế Tôn xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 117. Đoạn hữu lậu

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[16].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Sắc hữu lậu, chướng ngại, bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, chướng ngại, bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Vì sắc hữu lậu, chướng ngại, bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh;

---

16. Xem cht.2&3, kinh 111.

thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, chướng ngại bức xúc, sầu lo; vì để dứt bỏ chúng, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 118. Tham nhuế si

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[17].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Vì mục đích ở nơi sắc mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si; ở nơi thọ tưởng, hành, thức mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Vì mục đích ở nơi sắc mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham, nhuế, si; ở nơi thọ tưởng, hành, thức mà đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đối với tham,

---

17. *Xem cht.2&3, kinh 111.*

nhuế, si nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 119. Tận dục ái hỷ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà[18].

Khi ấy, có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi lui qua một bên, hỏi La-đà:

"Vì những lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?"

La-đà trả lời:

"Ở nơi sắc mà có dục, ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà có dục, ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

Khi các xuất gia ngoại đạo nghe như vậy rồi tâm không vui, liền từ chỗ ngồi đứng dậy quở mắng rồi ra đi.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi xuất thiền, La-đà đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc trên đó, bạch Phật đầy đủ:

"Bạch Thế Tôn, con đã nói những lời như trên, không hủy báng Thế Tôn chăng? Sẽ không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc chăng? Nói không như thuyết, nói không như pháp, nói không theo thuận thứ của pháp chăng?"

Phật bảo La-đà:

"Những lời ngươi nói là chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến nạn vấn, chỉ trích dồn vào chỗ bế tắc, nói như thuyết, nói như pháp, nói theo thuận thứ của pháp. Vì sao? Ở nơi sắc mà có ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà có ái, hỷ, vì để đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh."

---

18. Xem cht.2&3, kinh 111.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 120. Ma (1)[19]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với La-đà:

"Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, hãy quán sát tất cả chúng do ma tạo ra; và những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, hãy quán sát tất cả chúng đều do ma tạo ra."

Phật bảo La-đà: "Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi: "Nếu là vô thường, thì khổ chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là khổ."

Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Lại hỏi: "Này La-đà, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo La-đà:

"Nếu đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này không thấy là ngã, là ngã sở nên đối với các pháp thế gian không chấp giữ. Vì không có gì chấp giữ nên không có gì để dính mắc. Vì không có gì để dính mắc nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[19] *Pāli, S. 23. 1. Māro.*

Kinh 121. Tử diệt[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với La-đà:

"Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều là pháp chết; những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều là pháp chết[21]."

Phật bảo La-đà: "Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi: "Nếu là vô thường, thì khổ chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là khổ."

Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Lại hỏi: "Này La-đà, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo La-đà:

"Nếu đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này không thấy là ngã, là ngã sở nên đối với các pháp thế gian không chấp giữ. Vì không có gì chấp giữ nên không có gì để dính mắc. Vì không có gì để dính mắc nên tự giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

20. Pāli, S. 23. 12. Māradhamma.

21. Ma pháp 魔法。Pāli: māradhamma, ma pháp hay tử pháp, quy luật của sự chết.

Kinh 122. Chúng sanh[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la.

Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nói: 'chúng sanh'. Vậy thế nào là chúng sanh?"

Phật bảo La-đà:

"Ở nơi sắc mà nhiễm đắm triền miên, do đó gọi là chúng sanh[23]. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà nhiễm đắm triền miên, nên gọi là chúng sanh."

Phật bảo La-đà:

"Ta nói, ở nơi cảnh giới của sắc, hãy phá sập, tiêu diệt. Ở nơi cảnh giới của thọ, tưởng, hành, thức phá sập, tiêu diệt; đoạn tận ái dục. Ái tận thì khổ tận. Khổ tận, Ta nói đó là tận cùng biên tế của khổ[24].

"Giống như trong làng xóm, những trẻ con trai gái chơi đùa, nhóm đất lại tạo thành nhà cửa, thành quách. Tâm chúng yêu thích, say đắm. Khi tâm yêu thích chưa hết, ước muốn chưa tan, nhớ nghĩ chưa dứt, thèm khát chưa tiêu, thì tâm chúng luôn luôn có sự yêu thích, giữ gìn và bảo là thành quách của ta, nhà cửa ta. Đối với những đống đất kia mà lòng yêu thích hết đi, ước muốn không còn, nhớ nghĩ đã dẹp, thèm khát đã tan, thì tay xô, chân đạp, khiến cho tiêu tán. Cũng vậy, này La-đà, đối với sắc mà phá sập, tiêu diệt; đoạn tận ái dục. Ái tận thì khổ tận. Khổ tận, Ta nói đó là tận cùng biên tế của khổ."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

22. Pāli, S. 23. 2. Satto.

*23. Nhiễm trước triền miên 染著纏綿, định nghĩa từ "chúng sanh"; Pāli: rūpe kho rādha yo chando yo rāga yā nandi yā taṇhā tatra satto tatra visatto tasmā sattoti vuccati, ở nơi sắc mà có dục vọng, đam mê, khoái cảm, khát ái; ở đó đắm nhiễm, ở đó đắm nhiễm triền miên, do đó được gọi là chúng sanh. Theo đây, chúng sanh, satta, được coi như là phân từ quá khứ của sajjati: đắm nhiễm hay cố chấp, bám chặt vào. Thông thường, satta được cho là danh từ phát sanh của động từ căn **as**: tồn tại, hiện hữu; nên satta được hiểu là "cái ở trong trạng thái đang tồn tại."*

24. Hán: tác khổ biên 作苦邊ä。Pāli: dukkhassa antakaro, chấm dứt sự khổ.

Kinh 123. Hữu thân[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la.

Bấy giờ có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, Thế Tôn! Vì con mà nói tóm lược pháp yếu. Sau khi nghe pháp rồi, con sẽ ở một mình nơi vắng vẻ, sống không buông lung, chuyên tâm suy nghĩ về mục đích mà người con trai của tông tộc[26] cạo bỏ râu tóc, mình mặc nhiễm y[27], chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, nỗ lực siêng năng tu các phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri, tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Phật bảo La-đà:

"Lành thay! La-đà có thể ở trước Phật hỏi ý nghĩa này! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"La-đà, nên biết, hữu thân, sự tập khởi của hữu thân, về sự diệt tận của hữu thân, về con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Những gì là hữu thân? Đó là cho năm thọ ấm: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Thế nào là sự tập khởi của hữu thân? Đó là đương lai hữu ái[28], câu hữu với tham và hỷ, ái lạc nơi này nơi kia[29]. Đó gọi là sự tập khởi của hữu thân.

"Thế nào là sự diệt tận của hữu thân? Đương lai hữu ái[30], câu hữu với tham và hỷ, ái lạc nơi này nơi kia, hoàn toàn bị đoạn trừ, vất bỏ, nhổ sạch, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ[31]. Đó gọi là sự diệt tận của hữu thân.

---

25. Pāli, S. 23. 9-19. Chandarāgo.

26. Tộc tánh tử 族姓子, cũng nói là thiện nam tử, hay thiện gia nam tử. Pāli: kulaputta, con trai của gia tộc; thiện gia nam tử, hay lương gia tử đệ.

27. Nhiễm y 染衣; áo nhuộm; đây chỉ ca-sa.

28. Đương lai hữu ái 當來有愛。Pāli: taṇhā ponobhavikà, khát ái về đời sống tương lai, khát vọng tồn tại đời sau.

29. Bỉ bỉ ái lạc 彼彼愛樂, ước muốn sẽ tái sinh vào nơi này hay nơi kia. Pāli: tatratatrābhinandì.

30. Trong bản; đương hữu ái, tức đương lai hữu ái, xem cht.28 trên.

31. Pāli (S. iii. 138): yo tassàyeva taṇhā asesavirāganirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo, khát ái ấy hoàn toàn được ly nhiễm, diệt tận, xả bỏ, xả ly, giải thoát, không chấp tàng.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân? Là chỉ cho Bát chánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân. Hữu thân, nên biết: sự tập khởi của hữu thân nên đoạn; sự diệt tận của hữu thân nên chứng; con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân nên tu.

"Này La-đà, nếu đa văn Thánh đệ tử, đối với hữu thân hoặc biết, hoặc đoạn; đối với sự tập khởi của hữu thân hoặc biết, hoặc đoạn; đối với sự diệt tận của hữu thân hoặc biết, hoặc chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân hoặc biết, hoặc tu rồi, thì này La-đà, đó gọi là đoạn trừ ái, xả ly ái, chuyển đổi kết sử, đình chỉ mạn, chứng đắc vô gián đẳng[32], cứu cánh biên tế khổ."

Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi cáo lui.

Sau khi Đức Thế Tôn đã dạy như vậy rồi, thì Tỳ-kheo La-đà một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh suy nghĩ về mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia, học đạo, sống không gia đình, nỗ lực siêng năng tu các phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri, tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Thành bậc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 124. Ma (2)[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa,

---

32. Vô gián đẳng, xem cht.18 kinh 105; cht.39 kinh 109.

33. Pāli, S. 23. 11. Māro.

hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là ma.

"Này La-đà, ý ngươi nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi: "Vô thường có phải là khổ chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là khổ."

Lại hỏi: "Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

"Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên này La-đà, đa văn Thánh đệ tử, đối với sắc sanh tâm nhàm chán; và đối với thọ, tưởng, hành, thức sanh tâm nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên không thích, vì đã không thích nên giải thoát và giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 125. Ma pháp[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần tất cả chúng đều là ma, tạo tác của ma. Và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật bảo La-đà: "Này La-đà, ý ngươi nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là vô thường."

---

[34] *Pāli, S. 23. 23. Māro.*

Lại hỏi: "Vô thường có phải là khổ chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không."

"Vì vậy, này La-đà, đa văn Thánh đệ tử, đối với sắc nên sanh tâm nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên không thích, vì đã không thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh thứ ba cũng như vậy, nhưng có chỗ khác là:

Phật bảo La-đà: Đa văn Thánh đệ tử ở nơi năm thọ ấm này mà quán sát là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi đã quán sát, thì đối với các pháp trên thế gian đều không có gì để mà chấp giữ. Vì không có gì để chấp giữ nên không dính mắc, vì không dính mắc nên tự giác ngộ Niết-bàn: "Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 126. Tử pháp[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

"Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là pháp chết. Đối với thọ, tưởng,

---

[35] *Pāli, S. 23. 24. Māradhamma.*

hành, thức lại cũng như vậy.”

Ngoài ra như đã nói kinh trên.

□

Kinh 127. Phi ngã phi ngã sở[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy, có thị giả là Tỳ-kheo La-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà:

“Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát tất cả chúng đều là pháp đoạn tận[37]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với sắc mà sanh nhàm chán; đối với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên không thích, vì không thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Cũng như kinh “Ta quán sát pháp đoạn tận,” các kinh tiếp theo cũng vậy, gồm: [38]

Quán sát diệt pháp,

Quán sát khí xả pháp *(vứt bỏ)*,

Quán sát vô thường pháp,

Quán sát khổ pháp,

Quán sát không pháp,

Quán sát phi ngã pháp,

Quán sát vô thường-khổ-không-phi ngã pháp,

Quán sát bệnh pháp,

---

36. Pāli, S.23. 19-22. Khaya.

37. Đoạn pháp 斷法。Pāli: khayadhamma.

38. Quốc Dịch, phẩm iii. Phẩm này gồm mười ba kinh, có đầu đề nhưng không có nội dung.

Quán sát ung pháp *(ung nhọt),*

Quán sát thích pháp *(gai nhọn),*

Quán sát sát pháp *(giết hại),*

Quán sát sát căn bản pháp,

Quán sát bệnh, ung *(ung nhọt),* thích pháp *(gai nhọn),* sát *(giết hại),* sát căn bản.[39]

□

Kinh 128. Đoạn pháp (1)[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo La-đà:

"Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; quán sát tất cả chúng đều là pháp đoạn tận[41]. Đã quán sát như vậy rồi, thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Dục tham đã được đoạn trừ rồi, thì Ta nói đó là tâm khéo giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, có mười bốn kinh, nội dung như trên.

□

Kinh 129. Đoạn pháp (2)[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Ma-câu-la. Khi ấy có Tỳ-kheo thị giả tên là

---

39. Các kinh này được cho là có nội dung tương đồng với các kinh Pāli S. 23. 20. Vayadhamma; 21. Samudayadhamma; 22. Nirodhadhamma.

40. Quốc Dịch, phẩm iv. Phẩm này có tất cả mười lăm kinh, nhưng chỉ có hai kinh có nội dung được truyền. Còn lại chỉ có đầu đề. Phật Quang, kinh 130. Pāli, S. 23. 31. Khaya.

41. Đoạn pháp 斷法: có lẽ dư chữ pháp. Trong đây, hai kinh liên tiếp, một kinh nói về đoạn, một kinh nói đoạn pháp, tương đương Pāli là S.22. 31. Khaya và S. 22. 32. Khayadhamma.

42. Pāli, S. 23. 32. Khayadhamma.

La-đà.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo La-đà:

"Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; quán sát tất cả chúng đều là pháp đoạn tận[43]. Đã quán sát như vậy rồi, thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Dục tham đã được đoạn trừ rồi, thì Ta nói đó là tâm khéo giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 130. Cầu Đại sư (1)[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Muốn đoạn trừ năm thọ ấm, thì phải cầu Đại sư. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Muốn đoạn trừ năm thọ ấm này, thì phải cầu Đại sư."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh *"Đương đoạn,"* các kinh tiếp theo cũng vậy, có tên như sau:

Đương thổ *(hãy nhả ra)*;

Đương tức *(hãy đình chỉ)*;

Đương xả *(hãy xả bỏ)*.

Cũng như kinh "Cầu Đại sư," các kinh sau đây có nội dung tương đồng (*có năm mươi chín kinh*):

Cầu Thắng sư *(bậc thầy cao cả),*

Thuận thứ sư *(bậc thầy thuận theo thứ lớp),*

---

43. Xem cht.41 kinh 128.

44. Pāli, S. 23. 35-46. Māro, v.v...

Giáo giới giả *(người răn dạy),*
Thắng giáo giới giả *(người răn dạy hơn nhất),*
Thuận thứ giáo giới giả *(người răn dạy thuận theo thứ lớp),*
Thông giả *(người thông suốt),*
Quảng thông giả *(người thông suốt rộng rãi),*
Viên thông giả *(người thông suốt tròn đầy),*
Đạo giả *(người dẫn đường),*
Quảng đạo giả *(người dẫn đường rộng rãi),*
Cứu cánh đạo giả *(người dẫn đường rốt ráo),*
Thuyết giả *(người thuyết giảng),*
Quảng thuyết giả *(người thuyết giảng rộng rãi),*
Thuận thứ thuyết giả *(người thuyết giảng theo thứ lớp),*
Chánh giả *(người chân chánh),*
Bạn giả *(người đồng hành),*
Chân tri thức giả *(bằng hữu chân thật),*
Thân giả *(người thân cận),*
Mẫn giả *(người thương xót),*
Bi giả *(người từ bi),*
Sùng nghĩa giả *(người sùng nghĩa),*
An ủy giả *(người an ủi),*
Sùng lạc giả *(người sùng lạc),*
Sùng xúc giả *(người sùng xúc),*
Sùng an ủy giả *(người sùng sự an ủi),*
Dục giả *(người muốn),*
Tinh tấn giả *(người tinh tấn),*
Phương tiện giả *(người phương tiện),*
Cần giả *(người chuyên cần),*
Dũng mãnh giả *(người dõng mãnh),*
Cố giả *(người kiên cố),*
Cường giả *(người mạnh mẽ),*
Kham năng giả *(người có khả năng),*
Chuyên giả *(người tinh chuyên),*
Tâm bất thoái giả *(người tâm không thoái lui),*
Kiên chấp trì *(người giữ gìn chắc chắn),*
Thường tập giả *(người thường tu tập),*
Bất phóng dật giả *(người không buông lung),*

Hòa hiệp giả *(người hòa hợp),*
Tư lương giả *(người suy xét),*
Ức niệm giả *(người nhớ nghĩ),*
Giác giả *(người tỉnh giác),*
Tri giả *(người biết),*
Minh giả *(người sáng suốt),*
Tuệ giả *(người trí tuệ),*
Thọ giả *(người lãnh thọ),*
Tư duy giả *(người tư duy),*
Phạm hạnh giả *(người phạm hạnh),*
Niệm xứ giả *(người có niệm xứ),*
Chánh cần giả *(người có chánh cần),*
Như ý túc *(người được như ý túc),*
Căn giả *(người được căn),*
Lực giả *(người được lực),*
Giác phần giả *(người được giác phần),*
Đạo phần giả *(người được đạo phần),*
Chỉ giả *(người được chỉ),*
Quán giả *(người được quán),*
Niệm thân giả *(người được niệm thân),*
Chánh ức niệm *(người được chánh ức niệm).*

□

Kinh 131. Tập cận[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào tập cận với sắc, bị ma chi phối[46], rơi vào tay ma, theo ước muốn của ma, bị ma trói buộc, không thoát ra khỏi sợi dây trói của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không tập cận sắc, thì những Sa-môn, Bà-la-môn ấy không bị ma chi phối, không rơi vào tay ma, không chạy theo ước muốn

---

45. Phật Quang, kinh 133.

46. Hán: Tùy ma tự tại 隨魔自在。Pāli: Mārassa vasaṃ gacchanti, chúng nó đi theo quyền lực của ma.

của ma, sẽ không bị ma trói buộc, thoát sợi dây trói của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như kinh "Tập cận", các kinh sau đây có nội dung giống vậy:

Tập trước giả *(quen thói đam mê),*

Vị giả *(hảo vị ngọt),*

Quyết định trước giả *(đam mê thành tánh cố định),*

Chỉ giả *(dừng nghỉ),*

Sử giả *(sai sử),*

Vãng giả *(đi đến),*

Tuyển trạch giả *(lựa chọn),*

Bất xả *(không xả),*

Bất thổ *(không nhả ra),*

"Những Sa-môn, Bà-la-môn nào như vậy không bị ma chi phối" *như nói ở kinh trên. Như đã nói ở trên.*

Kinh 132. Bất tập cận[47]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không tập cận sắc, thì những Sa-môn, Bà-la-môn ấy không bị ma chi phối, không rơi vào tay ma, không chạy theo ước muốn của ma, sẽ không bị ma trói buộc, thoát sợi dây trói của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cho đến "Thổ sắc" lại cũng như vậy[48].

---

47. Phật Quang, kinh 134.

48. Tức là, chiếu theo kinh 131 và các kinh tiếp theo được liệt kê ở trên, các kinh tiếp theo kinh 132 này có nội dung tương phản. Nghĩa là, tiếp theo kinh 131 là kinh "Tập trước", thì tiếp theo kinh 132 ở đây là "Bất tập trước" cho đến, "Thổ" và tương phản là "Bất thổ".

Kinh 133. Sanh tử lưu chuyển[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do sanh khởi cái gì, do hệ lụy cái gì mà có kiến chấp ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử, không biết biên tế tối sơ là gì[50]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Xin thương xót mà nói rộng nghĩa này. Sau khi các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, vì có sắc, sanh khởi sự của sắc, hệ lụy sắc, nơi sắc mà thấy ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi: "Nếu vô thường, là khổ phải chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là khổ."

"Như vậy này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, thì do có cái khổ này mà sự ấy sanh khởi, hệ lụy, thấy là ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị

---

[49] Quốc Dịch, Tụng 1, "3. Tương ưng Kiến". Ấn Thuận xếp vào Tụng 7, "35. Tương ưng kiến," tổng thể có chín mươi ba kinh, trong đây chỉ có sáu kinh có nội dung. Tương đương Pāli, S. 24. Diṭṭhisamyuttam, Roman 3. 201. Pāli, S. 24. 2. Etaṃ mamaṃ (cái này là của tôi).

[50] Pāli: kismiṃ nu kho bhikkhave sati kiṃ upādāya kiṃ abhinivissa evaṃ diṭṭhi upajjati: etaṃ mama eso'ham asmi eso me attā ti, Do cái gì đang hiện hữu, do chấp thủ cái gì, do tham luyến cái gì, mà khởi lên quan điểm này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, cái sở cầu, cái sở đắc, cái được nhớ nghĩ[51]; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu có kiến chấp cho rằng có ngã, có thế gian, có đời này, là pháp thường hằng, không biến dịch, thì tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái này là tôi, không phải cái này là của tôi, không phải là tôi trong tương lai, không phải là của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[52] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 134. Hồ nghi đoạn (1)[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nội dung chi tiết như kinh trên. Sai biệt ở chỗ:

---

51. Kiến văn giác thức cầu đắc tùy ức 見聞覺識Ñ 求得隨憶。Pāli: diṭṭham sutam mutam viññatam tattam anuvicaritam, cái được thấy, cái được nghe, cái được cảm nhận, cái được nhận thức, cái sở đắc, cái sở cầu, cái được nhớ nghĩ.

52. Lục kiến xứ 六見處，sáu căn cứ để chấp ngã.

53. Phật Quang, kinh 136.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[54] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì đoạn trừ hồ nghi đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo... cho đến, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 135. Hồ nghi đoạn (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nội dung chi tiết như kinh trên. Sai biệt ở chỗ:

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[55] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì đoạn trừ hồ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo... cho đến, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 136. Sanh tử lưu chuyển[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do sanh khởi cái gì, do hệ lụy cái gì mà có kiến chấp ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử, không biết biên tế tối sơ là gì[57]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Lành thay,

---

54. Xem cht.52, kinh 133 trên.

55. Xem cht.52, kinh 133 trên.

56. Phật Quang, kinh 138.

57. Xem cht.50 kinh 133 trên.

Thế Tôn! Xin thương xót mà nói rộng nghĩa này. Sau khi các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, vì có sắc, sanh khởi sự của sắc, hệ lụy sắc, nơi sắc mà thấy ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi: "Nếu vô thường, là khổ phải chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là khổ."

"Như vậy này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, thì do có cái khổ này mà sự ấy sanh khởi, hệ lụy, thấy là ngã, khiến cho chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái cột cổ, phải dong ruổi nơi đường dài, luân hồi theo sanh tử, lưu chuyển trong sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, cái sở cầu, cái sở đắc, cái được nhớ nghĩ[58]; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu có kiến chấp cho rằng có ngã, có thế gian, có đời này, là pháp thường hằng, không biến dịch, thì tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái này là tôi, không phải cái này là của tôi, không phải là tôi trong tương lai, không phải là của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

---

58. Xem cht.51, kinh 133 trên.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ[59] này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng. Đó gọi là Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 137

Kinh tiếp theo, nội dung cũng như vậy, chỉ sai khác ở chỗ: "Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo."

Kinh 138

Kinh thứ ba cũng như vậy, chỉ khác nhau ở chỗ: "Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật-Pháp-Tăng và dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo."

[59] *Xem cht.52, kinh 133 trên.*

TẠP A-HÀM QUYỂN 7

Kinh 139. Ưu não sanh khởi[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà nếu ưu, bi, khổ, não chưa khởi, thì khiến cho nó khởi; ưu, bi, khổ, não đã khởi, thì khiến cho nó càng tăng trưởng rộng lớn thêm?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Thế Tôn nói rộng ra; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Do có sắc, sanh khởi sắc, hệ lụy, đắm đuối sắc, nơi sắc thấy ngã, cho nên, ưu, bi, khổ, não chưa khởi thì khiến cho khởi; ưu, bi, khổ, não đã khởi, thì khiến tăng trưởng rộng thêm. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường có phải là khổ chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, là khổ."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ. Vì có khổ này nên sanh khởi sự ấy[2], hệ lụy, đắm đuối, thấy ngã, cho nên, ưu, bi, khổ,

---

1. *Đại Chánh, quyển 7. Phật Quang, kinh 141.*
2. *Xem kinh 133.*

não chưa khởi thì khiến khởi; ưu, bi, khổ, não đã khởi thì khiến cho tăng trưởng rộng lớn thêm. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, cái sở cầu, cái sở đắc[3], cái được nhớ nghĩ, cái được tùy giác, cái được tùy quán; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu có kiến chấp cho rằng có ngã, có thế gian, có đời này, có đời khác, là pháp thường hằng, không biến dịch, thì tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái tôi đời này, không phải cái của tôi đời này[4], không phải là tôi trong tương lai, không phải là cái của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến chánh giác[5], bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

3. Trong bản Hán: khởi cầu 起求，kinh 133: cầu đắc 求得; Pāli: pattam pariyesitam.

4. Phi thử thế ngã, phi thử thế ngã sở 非此世我，非此世我所; xem kinh 133: phi thử ngã, phi thử ngã sở 非此我，非此我所。

5. Nguyên trong bản Hán: tam-bồ-đề.

Kinh 140

Kinh tiếp theo cũng như vậy, nhưng có sự sai biệt ở chỗ: Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo.

□

Kinh 141

Kinh tiếp theo cũng như vậy, nhưng lại có sự sai biệt ở chỗ: Dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật-Pháp-Tăng và Khổ-Tập-Diệt-Đạo.

□

Kinh 142. Ngã ngã sở[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà nếu ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử[7] chưa khởi, thì khiến cho nó khởi; mà nếu ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử đã khởi, thì khiến cho càng tăng trưởng rộng lớn thêm?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Thế Tôn nói rộng ra; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ hoan hỷ vâng lời thực hành."

(...) chi tiết như kinh trên (kinh 139), cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 143 và kinh 144

Hai kinh này dạy cũng như kinh trên (kinh 139).

□

---

6. Phật Quang, kinh 144. Pāli, S. 22. 150. Etaṃ mam; 24. 2. Etaṃ mama.

7. Pāli: ahaṃkāra-mamaừra-mānānusaya, ngã, ngã sở, mạn tùy miên.

Kinh 145. Hữu lậu chướng ngại[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà nếu hữu lậu, chướng ngại, thiêu đốt, ưu, bi, khổ, não chưa khởi thì sanh khởi; hữu lậu, chướng ngại, thiêu đốt, ưu, bi, khổ, não, đã sanh khởi thì khiến cho càng tăng trưởng rộng lớn thêm?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 146. Tam thọ [9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà khiến cho ba thọ chuyển hiện ở thế gian?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 147. Tam khổ[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà khiến cho ba khổ chuyển hiện ở thế gian?"

---

8. Phật Quang, kinh 147.

9. Phật Quang, kinh 148. Pāli, S. 22. 149. Ajjhattikư; 35. 105. Upādāya.

10. Phật Quang, kinh 149.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 148. Thế bát pháp

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, mà khiến cho tám thế pháp[11] chuyển hiện ở thế gian?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 149. Ngã thắng[12]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta hơn, ta bằng, ta kém?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp (…)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

---

11. Tám thế pháp: đắc, thất, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.

12. Phật Quang, kinh 151. Pāli, S. 35. 108. Seyyo.

Kinh 150. Tha thắng[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Có người hơn ta, có người bằng ta, có người thua ta?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi sở y của pháp (...)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 151. Vô thắng[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có người hơn ta, không có người ngang ta, không có người thua ta?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp (…)."

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 152. Hữu ngã[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Có ta, có đời này, có đời khác, là pháp thường hằng không biến đổi, an

---

13. Phật Quang, kinh 152.

14. Phật Quang, kinh 153.

15. Phật Quang, kinh 154. Pāli, S. 22. 151. Esottā; 24. 3. So attā.

trụ như vậy?’”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp (…).”

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 153. Bất nhị[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: ‘Như vậy, ta và cái kia[17], tất cả không phải hai, không phải khác, bất diệt?’”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp (…).”

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 154. Vô quả[18]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: ‘Không có bố thí[19], không hội tế[20], không có chú thuyết[21], không có nghiệp báo đường lành, đường ác, không có đời này, không có đời khác, không

---

16. Quốc Dịch, tụng 1, tương ưng 3, phẩm iii, Phật Quang, kinh 155.

17. Hán: bỉ 彼; đây chỉ Đại Phạm thiên 大梵天; theo triết học Veda-Upanishad, ta và Brahman là một.

18. Pāli, S. 24. 5. Natthi (phần đầu).

19. Tức không có kết quả phước báo của sự bố thí. Pāli: natthi dinnaṃ.

20. Hán: hội 會, chỉ đại hội tế lễ. Pāli: yiṭṭham.

21. Hán: thuyết 說。Pāli: hutaṃ, vật cúng thần, con vật hy sinh; cũng chỉ lễ hiến tế hy sinh.

có cha mẹ, không có chúng sanh, không có thế gian, trong thế gian không có A-la-hán, không có bậc chánh hành, chánh hướng[22] để đời này hay đời sau, thấy pháp an trụ đầy đủ với tự tri, tự tác chứng rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa[23]?'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 155. Vô lực[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Không có lực, không có tinh tấn, không có lực tinh tấn, không có phương tiện của con người, không tinh cần của con người, không có phương tiện tinh cần của con người, không có tự mình làm, không có người khác làm, không có tự mình và người khác làm; hết thảy con người, hết thảy chúng sanh, hết thảy thần, đều vô phương tiện, bất lực, vô thế, vô tinh tấn, không khả năng, định phận, tương tục, chuyển biến, chịu khổ vui trong sáu đường[25]?'"

---

[22] *Nguyên Hán: chánh đáo chánh thú 正到正趣? : chỉ các Thánh giả hữu học. Pāli: na'tthi loke samaṇa-brāmanā sammggatà sammā-paṭipannā ye imña ca lokaṃ parña ca lokaṃ sayaṃ abhiññā sacchikatvà pavedenti, trong đời này không có Sa-môn hay Bà-la-môn nào là những vị chánh hành, chánh hướng mà tự thân chứng nghiệm thế giới này hay thế giới khác.*

[23] *Chủ trương tà kiến, không tin nhân quả. Một phần trong thuyết hư vô của Ajito Kesakambalì, một trong Lục sư ngoại đạo. Phần sau, nói ở kinh 158. Xem D. 2. Sāmañña-phala-sutta.*

[24] *Pāli, S. 24. 7. Hetu (nhân).*

[25] *Một phần trong chủ trương của Makkhali-Gosālo, một trong Lục sư ngoại đạo; xem Sāmañña-phala-sutta, D.i.53 (…) sabbe sattā (…) avasā abalà avìriyā niyati-saṅgati-bhāva-pariịatà chass'evābhijātisu sukha-dukkha paṭisaṃvedenti, tất cả chúng sanh … không tự chủ, bất lực, không nghị lực, bị chi phối bởi định mệnh, chuyển biến theo bản tánh, để mà thọ khổ hay lạc trong sáu chủng loại.*

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 156. Tử hậu đoạn hoại[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy[27]: 'Những chúng sanh sống trong đời này, sau khi chết đoạn hoại không còn gì. Con người do bốn đại hòa hợp, sau khi thân hoại mạng chung, thì đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió, thành người thứ năm nằm trên cáng, còn bốn người kia khiêng thây người chết đưa đến bãi tha ma, cho đến khi chưa thiêu đốt thì có thể nhận biết, nhưng khi đã thiêu đốt rồi thì xương cốt trắng tinh như màu chim bồ câu. Người kiêu mạn biết bố thí, người có một chút trí tuệ biết nhận lãnh: ai nói có sự việc ấy thì tất cả những gì họ nói ra đó chỉ là những lời nói dối không thật[28]; hoặc dù ngu hay trí mà sau khi chết qua đời khác, thì tất cả đều đoạn hoại không còn gì?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

---

26. Pāli, S. 24. 5. Natthi (phần sau).

27. Phần sau trong chủ trương đoạn diệt của Ajita Kesa-kambali; phần đầu nói trong kinh trên. D.i.55.

28. Tham chiếu Pāli: (…) bhassantāhutiyo; dattu-paññattaṃ yad idaṃ dānaṃ, tesaṃ tucchaṃ musà vilāpo ye keci atthika-vādaṃ vadanti, vật cúng thành tro, bố thí là chuyện bày đạt của người ngu; nói sau khi chết còn tồn tại là dối trá.

Kinh 157. Vô nhân vô duyên (1)[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên[30]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

Kinh 158. Vô nhân vô duyên (2)[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên[32]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

---

29. *Pāli, S. 24. 7. Hetu.*

30. *Chủ trương của Makkhali-Gosāla, xem Sāmañña-phala-sutta (D.i.53): na'tthi hetu n'atthi paccayo sattānaṃ saṃkilesāya, không có nhân, không có duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh.*

31. *Pāli, S. 24. 5. Hetu.*

32. *Chủ trương của Makkhali-Gosāla, xem Sāmañña-phala-sutta (D.i.53): na'tthi hetu n'atthi paccayo sattānaṃ visuddhiyā, không có nhân, không có duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh.*

Kinh 159. Vô nhân vô duyên (3)[33]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Chúng sanh không tri không kiến, không nhân, không duyên'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp.(…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 160. Vô nhân vô duyên (4)[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp.(…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 161. Thất thân[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì,

---

33. Pāli, S. 24. 7. Hetu.

34. Phật Quang, kinh 162.

35. Pāli, S. 24. 8. Mahādiṭṭhi; tham chiếu Sāmañña-phala-sutta, D.i.56.

do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Có bảy thân, chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, là chắc thật, không dao động, không giết. Những gì là bảy? Đó là: thân đất, thân nước, thân lửa, thân gió, khổ, lạc, mạng. Bảy loại thân này chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, là chắc thật, không dao động, không giết, không chuyển, không biến, không bức bách nhau; hoặc phước, hoặc ác, hoặc phước ác; hoặc khổ, hoặc vui, hoặc khổ vui; hoặc người bị bêu đầu, hoặc người chém đầu, cũng không bức bách thế gian; hoặc mạng, hoặc thân, trong khoảng bảy thân, chịu đựng đao đâm qua lại cũng không hại mạng; ở đây không giết, không người giết; không trói buộc, không người trói buộc; không nhớ nghĩ, không người nhớ nghĩ; không dạy dỗ, không người dạy dỗ[36]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 162. Tác giáo[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Làm, bảo làm, đoạn mạng, bảo đoạn mạng, nấu, bảo nấu; giết, bảo giết, sát hại chúng sanh; trộm của người; hành tà dâm; biết mà nói dối; uống rượu; khoét tường, bẻ khóa, cướp đoạt; đón đường, phá làng xóm, hại thành ấp, dùng kiếm cực bén chém, chặt, cắt chất thành đống thịt lớn; học tập như vậy, làm như vậy, chẳng phải là nhân duyên ác, cũng chẳng phải chiêu mời quả báo ác. Đi về phía Nam sông Hằng, sát hại. Đi đến phía Bắc sông Hằng mở đại hội cúng tế; làm như vậy, chẳng phải là nhân duyên

[36] *Chủ trương của Pakudha Kaccāyana.*

[37] *Pāli, 24. 6. Karoto.*

phước hay là ác và cũng chẳng phải là chiêu mời quả báo phước hay là ác; bố thí, tự chế ngự, hộ trì, hành lợi, đồng lợi, những việc làm ở đây cũng chẳng phải là làm phước[38]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp.(…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 163. Sanh tử định lượng[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Ở đây có mười bốn trăm ngàn cửa sanh[40], sáu mươi ngàn, sáu trăm[41]; có năm nghiệp[42], ba nghiệp, hai nghiệp, một nghiệp, nửa nghiệp; sáu mươi hai đạo tích[43], sáu mươi hai nội kiếp[44], một trăm hai mươi Nê-lê[45], một trăm ba mươi căn[46], ba mươi sáu tham giới[47], bốn mươi chín ngàn loại rồng, bốn mươi chín ngàn loại kim sí điểu, bốn mươi chín ngàn loại ngoại đạo tà mạng[48], bốn mươi chín ngàn loại ngoại đạo xuất gia, bảy kiếp

---

38. Chủ trương của Pūraṇa Kassapa, xem Sāmaññā-phala-sutta, D.i.52.

39. Quốc Dịch, phẩm iv, quyển 7. Pāli, S. 24. 8. Mahādiṭṭhi.

40. 14 x 100 x 1.000 = 1.400.000 sanh môn, cửa thọ sanh hay sanh loại. Pāli: yoni-pamukkha, cửa thọ sanh hàng đầu, hàng ưu sinh.

41. Câu này, trong bản Hán, vì được dịch sát theo tiếng Phạm, nên cần chấm câu lại để dịch cho đúng. So sánh Pāli: imāni yoni-pamukkha-satasahassāni saṭṭhiñ ca satāni cha ca satāni: có một triệu bốn trăm (1.400.000) sanh môn tối thượng và sáu ngàn và sáu trăm (sanh môn khác nữa).

42. Bản Pāli: pañca ca kammuno satāni pañca ca kammāni, có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp…

43. Pāli: dvaṭṭhi paṭipadà, có sáu mươi hai đường lối hành đạo.

44. Pāli: antara-kappa: kiếp trung gian, trung kiếp.

45. Nê-lê 泥黎, tức địa ngục. Pāli: tiṃse niriya-sate, ba ngàn địa ngục.

46. Pāli: vìse indriya-sate, hai ngàn căn.

47. Chattiṃsa rajo-dhātuyo, ba mươi sáu trần giới (cõi vi trần); bản Hán đọc là rāga-dhātuyo: tham giới 貪界。

48. Pāli: ekūna-paññāsa paribbājaka-sate, bốn ngàn chín trăm du sĩ (xuất gia) ngoại đạo.

tưởng, bảy kiếp vô tưởng[49], bảy A-tu-la, bảy Tỳ-xá-giá, bảy trời, bảy người, bảy trăm biển[50], bảy mộng, bảy trăm mộng, bảy vực thẳm, bảy trăm vực thẳm, bảy giác, bảy trăm giác, sáu sanh[51], mười tăng tiến, tám đại sĩ địa. Ở trong tám vạn bốn ngàn đại kiếp này, hoặc ngu si, hoặc trí tuệ, qua lại từng trải, rồi mới cùng tận mé khổ[52]. Ở đó không có Sa-môn, Bà-la-môn có thể nói như vầy: 'Tôi luôn luôn giữ giới, nhận các khổ hạnh, tu các phạm hạnh; để nghiệp chưa chín mùi khiến được chín mùi, nghiệp đã chín mùi rồi thì buông bỏ.' Tiến thoái, không thể biết. Ở đây, khổ và lạc là thường trụ, sống và chết có giới hạn nhất định. Giống như ống chỉ, ném vào giữa hư không từ từ rơi xuống dần, cho tới đất rồi dừng lại; việc sống chết có giới hạn nhất định, trong tám vạn bốn ngàn đại kiếp cũng như vậy[53].'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 164. Phong[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Gió không thổi, lửa không cháy, nước không chảy, tên không bắn, mang

---

49. Pāli: satta saññì-gabbhà satta asaññì-gabbhà, bảy tưởng thai và bảy vô tưởng thai. Trong bản Hán, đọc là (a)saññì-kappà (kiếp có tưởng).

50. Pāli: satta sarā, bảy hồ nước lớn.

51. Pāli: chābhijātiyo, sáu sanh loại ưu thắng, chỉ sáu giai cấp.

52. Pāli: sandhāvitvà saṃsaritvà dukkhass' antaṃ karissanti, lưu chuyển luân hồi (qua tất cả thời gian và chủng loại kể trên, cuối cùng mới) sẽ cứu cánh khổ biên, hoàn toàn chấm dứt khổ.

53. Trên đây là một phần trong thuyết "Luân hồi tịnh hóa" (Pāli: saṃsāra-suddhiṃ) của Makkhali-Gosalà. Tham chiếu Sāmaññа-phala-sutta, D.i.53-54.

54. Pāli, S. 22. 24. 1, 19, 45. Vātà.

thai không sanh, sữa không vắt, mặt trời mặt trăng mọc mà như lặn[55], hoặc sáng hoặc tối, không thể biết'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

Kinh 165. Đại Phạm[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Đại Phạm này là đấng tự tại, đấng sáng tạo, là cha của chúng sanh?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

Kinh 166. Sắc thị ngã (1)[57]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Sắc là ngã[58], ngoài ra chỉ là hư danh; không sắc là ngã, ngoài ra chỉ là hư danh; sắc phi sắc là ngã, ngoài ra chỉ là hư danh; phi sắc phi phi sắc là ngã, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã là hữu biên, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã

---

55. Pāli: na candimasūriyā udenti và apenti và esikaṭṭhayiṭṭhitā ti, mặt trăng và mặt trời không mọc hay lặn, mà đứng một chỗ như trụ đá.

56. Phật Quang, kinh 167.

57. Pāli, S. 24.. 37-44. Rūpì attā, v.v...

58. Pāli: rūpì attā hoti arogo paraṃ maraṇā ti, tự ngã có sắc, sau khi chết không bệnh.

là vô biên, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã là hữu biên và vô biên, ngoài ra chỉ là hư danh; ngã chẳng phải là hữu biên và chẳng phải là vô biên, ngoài ra chỉ là hư danh; một tưởng, đa dạng thứ tưởng, nhiều tưởng, vô lượng tưởng; ngã chỉ một mực là lạc, chỉ một mực là khổ, hoặc vừa khổ vừa lạc, không khổ không lạc ngoài ra chỉ là hư danh'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

Kinh 167. Sắc thị ngã (2)[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Sắc là ngã[60], ngoài ra chỉ là vọng tưởng; phi sắc phi phi sắc là ngã, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; ngã là hữu biên, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; ngã là vô biên, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; ngã chẳng phải là hữu biên và chẳng phải là vô biên, ngoài ra chỉ là vọng tưởng; một tưởng, đa dạng thứ tưởng, nhiều tưởng, vô lượng tưởng; ngã chỉ một mực là lạc, chỉ một mực là khổ, hoặc vừa khổ vừa lạc, không khổ-không lạc ngoài ra chỉ là hư danh'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

Kinh 168. Thế gian thường[61]

Tôi nghe như vầy:

---

59. Phật Quang, kinh 169.

60. Xem cht.58, kinh 166.

61. Pāli, S. 24. 9-18. Sassato loko v.v…

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Thế gian là thường; thế gian là vô thường; thế gian là thường – vô thường; thế gian là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường[62]. Thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên; thế gian là hữu biên – vô biên; thế gian là chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên[63]. Mạng tức là thân, mạng khác thân khác[64]. Sau khi Như Lai mất là có, sau khi Như Lai mất là không; sau khi Như Lai mất là vừa có vừa không; sau khi Như Lai mất là vừa chẳng phải có vừa chẳng phải chăng[65]'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

□

Kinh 169. Thế gian ngã thường[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Thế gian, ngã là thường; thế gian, ngã là vô thường; thế gian, ngã là thường – vô thường; thế gian, ngã là chẳng phải thường chẳng phải vô thường; ngã khổ là thường; ngã khổ là vô thường; ngã khổ là thường – vô thường; ngã khổ là chẳng phải thường chẳng phải vô thường; thế gian, ngã là tự tạo; thế gian, ngã là cái khác tạo; thế gian, ngã là tự tạo và cái khác tạo; thế gian, ngã chẳng phải là tự tạo, chẳng phải là cái khác tạo, chẳng phải tự cũng chẳng phải cái khác, không nhân tạo tác; thế

---

62. *Đoạn này tương đương Pāli, S. 24. 9-10. Sassato loko v.v…*
63. *Đoạn này tương đương Pāli, S. 24. 11-12. Antavà v.v…*
64. *Pāli, S. 23. 13-14: taṃ jìvaṃ taṃ sarìraṃ.*
65. *Pāli, S. 24. 15-18: hoti tathāgato v.v…*
66. *Phật Quang, kinh 171.*

gian, ngã khổ là tự tạo; thế gian, ngã khổ là cái khác tạo; thế gian, ngã khổ vừa tự vừa cái khác tạo; thế gian, ngã khổ chẳng phải tự cũng chẳng phải cái khác, không nhân tạo tác'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

Kinh 170. Ngộ lạc Niết-bàn[67]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Nếu không khoái lạc ngũ dục, thì sẽ Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Nếu ly dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có lạc phát sanh do ly dục, nhập vào Sơ thiền, cho đến, đệ Tứ thiền. Đó là đệ nhất nghĩa Bát-niết-bàn'?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (...)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

Kinh 171. Ngã chánh đoạn[68]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vầy, nói như vầy: 'Nếu sắc bốn đại thô đoạn hoại, không còn gì, thì đó gọi là ngã bị đoạn diệt thật sự. Nếu ngã ở dục giới đoạn hoại, sau khi chết sẽ không còn gì

---

67. *Phật Quang, kinh 172.*
68. *Phật Quang, kinh 173.*

nữa, thì đó gọi là ngã bị đoạn diệt thật sự. Nếu ngã ở sắc giới, sau khi chết không còn gì nữa, thì đó gọi là ngã bị đoạn diệt thật sự. Nếu đạt được không nhập xứ, vô sở hữu nhập xứ, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, sau khi chết ngã bị đoạn hoại không còn gì nữa, thì đó gọi là ngã bị đoạn hoại thật sự.'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là mắt pháp, là sở y của pháp. (…)"

Chi tiết như kinh trên. Theo thứ tự như ba kinh trên (kinh 139, 140, 141).

Kinh 172. Đương đoạn[69]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu pháp là vô thường, thì nên đoạn trừ; khi đã đoạn trừ được pháp này rồi, thì sẽ được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc. Pháp nào là vô thường? Sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức là vô thường."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 173. Quá khứ đương đoạn[70]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu pháp quá khứ là vô thường, thì nên đoạn trừ; khi đã đoạn trừ pháp này rồi, thì sẽ được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc. Pháp quá khứ nào là vô thường? Sắc quá khứ là pháp vô thường, dục quá khứ là pháp vô thường, nên pháp này phải đoạn trừ; khi đã đoạn trừ pháp này rồi, thì sẽ được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc; đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

---

69. Quốc Dịch, phẩm v. Ấn Thuận, "36 Tương ưng Tri" (Đại Chánh kinh 172-187). Phật Quang, kinh 174.

70. Phật Quang, kinh 175.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, các kinh: Vị lai, Hiện tại, Quá khứ; Hiện tại-vị lai; Hiện tại-quá khứ; Vị lai-quá khứ; Vị lai-hiện tại; chi tiết như kinh trên.

Kinh 174. Cầu Đại sư (2)[71]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Vì muốn đoạn trừ pháp vô thường, nên phải cầu Đại sư. Sao gọi là pháp vô thường? Sắc là pháp vô thường, vì muốn đoạn trừ pháp này nên phải cầu Đại sư; đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, tám kinh sau đây:

Quá khứ,
Vị lai,
Hiện tại
Hiện tại-vị lai;
Hiện tại-quá khứ;
Vị lai-quá khứ;
Vị lai-hiện tại;
Nên cầu Đại sư như thế.

Các kinh sau đây[72], mỗi kinh thêm các chi tiết như tám kinh trên:

Chủng chủng giáo tùy thuận,
An,
Quảng an,
Châu phổ an,
Đạo *(dẫn đường),*
Quảng đạo *(dẫn đường rộng rãi),*
Cứu cánh đạo *(dẫn đường rốt ráo),*

---

71. *Phật Quang, kinh 176.*

72. *Ấn Thuận liệt kê một trăm mười tám kinh.*

Thuyết,
Quảng thuyết,
Tùy thuận thuyết,
Đệ nhị bạn,
Chân tri thức,
Đồng ý,
Mẫn,
Bi,
Sùng nghĩa,
Sùng an uỷ,
Lạc,
Sùng xúc,
Sùng an ổn,
Dục,
Tinh tấn,
Phương tiện,
Quảng phương tiện,
Kham năng phương tiện,
Kiên cố,
Cường,
Kiện,
Dũng mãnh,
Thân tâm dũng mãnh,
Nan phục nhiếp thọ,
Thường học,
Bất phóng dật,
Tu,
Tư duy,
Niệm,
Giác,
Tri,
Minh,
Tuệ,
Biện,
Tư lương,
Phạm hạnh

Như ý,
Chánh cần,
Căn,
Lực,
Giác,
Đạo,
Chỉ,
Quán,
Niệm thân,
Chánh ức niệm.

Như kinh "Đoạn nghĩa" các kinh sau đây cũng có nội dung như vậy:

Tri nghĩa,
Tận nghĩa,
Thổ nghĩa,
Chỉ nghĩa,
Xả nghĩa.[73]

□

Kinh 175. Cứu đầu nhiên thí[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, thì nên cần cầu bậc Đại sư. Vì muốn đoạn trừ những pháp vô thường nào nên cần cầu bậc Đại sư? Vì muốn đoạn trừ sắc vô thường, nên

---

73. *Từ "Đoạn" đến "Xả" có tất cả sáu kinh.*

74. *Thí dụ chữa lửa đang cháy trên đầu. Quốc Dịch, phẩm vi.*

cần cầu bậc Đại sư; vì muốn đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nên cần cầu bậc Đại sư."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh "Đoạn trừ vô thường," cũng vậy, các kinh sau đây[75] *tương tự:*

Quá khứ vô thường,

Vị lai vô thường,

Hiện tại vô thường;

Quá khứ, vị lai vô thường;

Quá khứ hiện tại vô thường;

Vị lai, hiện tại vô thường;

Quá khứ, vị lai, hiện tại vô thường như vậy.

Như tám kinh Thí dụ cứu lửa trên đầu đã nói chi tiết như trên.

Cũng như "Cầu bậc Đại sư", các kinh "Chủng chủng giáo," "Tùy thuận giáo," chi tiết như trên đã nói[76].

Cũng ý nghĩa như "đoạn", các kinh có nghĩa "tận, thổ, chỉ, xả, diệt, một" cũng chi tiết như vậy.

□

Kinh 176. Thân quán trụ (1)[77]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Vì để đoạn trừ vô thường, hãy tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân[78]. Những gì là pháp vô thường? Sắc là vô thường. Vì để đoạn trừ vô thường, hãy tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân. Cũng vậy, thọ tưởng, hành, thức là vô thường. Vì muốn đoạn trừ chúng nên hãy tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

75. *Tất cả tám kinh.*

76. *Ấn Thuận liệt kê bốn trăm bảy mươi hai kinh (từ 2937-3408).*

77. *An trụ nơi thân quán. Phật Quang, kinh 178.*

78. *Tức tu tập bốn Niệm xứ.*

Cũng như kinh "Vô thường," cũng vậy, với nội dung tương tự:

Sắc quá khứ là vô thường;

Sắc vị lai;

Sắc hiện tại;

Sắc quá khứ, vị lai;

Sắc quá khứ, hiện tại;

Sắc vị lai, hiện tại;

Sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường. Vì muốn đoạn trừ chúng, nên tùy thuận tu quán trụ nội thân trên thân. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Cũng như "Tùy thuận tu tập với sự quán trụ thân trên nội thân," có các kinh[79] *với nội dung tương tự:*

Quán thân trên ngoại thân,

Quán thân trên nội ngoại thân;

Quán thọ trên nội thọ,

Quán thọ trên ngoại thọ,

Quán thọ trên nội ngoại thọ;

Quán tâm trên nội tâm,

Quán tâm trên ngoại tâm,

Quán tâm trên nội ngoại tâm;

Quán pháp trên nội pháp,

Quán pháp trên ngoại pháp,

Quán pháp trên nội ngoại pháp.

Cũng như kinh với nghĩa "Đoạn trừ vô thường, hãy tu bốn Niệm xứ." Cũng vậy các kinh: tri nghĩa, tận nghĩa, thổ nghĩa, chỉ nghĩa, xả nghĩa, diệt nghĩa, một nghĩa nên tùy thuận tu Tứ niệm xứ cũng dạy như trên.

□

Kinh 177. Thân quán trụ (2)[80]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

---

79. *Ấn Thuận phân tích thành một trăm mười tám kinh.*

80. *An trụ với sự quán thân.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân. Thế nào là để đoạn trừ lửa vô thường mà tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân? Sắc là vô thường, vì muốn đoạn trừ nó, nên phải tùy thuận tu quán trụ thân trên nội thân. Đối với thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, vì muốn đoạn trừ chúng, nên tùy thuận tu quán trụ thân trên nội thân."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như vô thường, như quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường như vậy. Như tám kinh quán trụ thân trên nội thân, thì tám kinh quán thân trên ngoại thân, tám kinh quán thân trên nội ngoại thân như đã thuyết ở trên.

Như hai mươi bốn kinh nói về thân niệm xứ, hai mươi bốn kinh nói về thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ cũng thuyết như trên vậy. Như chín mươi hai kinh nói về đoạn trừ vô thường, thì chín mươi kinh nói về nên hiểu biết (tri), nên nhàm chán (thổ), nên dứt trừ (tận), nên dừng nghỉ (chỉ), nên buông xả (xả), nên diệt tận (diệt), nên bặt dứt (một) cũng thuyết như trên vậy.

Kinh 178. Đoạn ác bất thiện pháp[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

---

[81] *Quốc Dịch, phẩm vii.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên pháp ác bất thiện đã sanh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng. Vì để đoạn trừ những pháp vô thường nào, đối với pháp ác bất thiện đã sanh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng? Vì để đoạn trừ sắc vô thường, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên đối với pháp ác bất thiện đã sanh thì hãy đoạn trừ, khởi ý dục, tinh cần, nhiếp tâm khiến cho tăng trưởng."

Chi tiết như kinh trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Như kinh vô thường, quá khứ là vô thường; vị lai là vô thường; hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lại, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường tám kinh cũng nói như trên vậy.

Như pháp ác bất thiện đã sanh ra cần được đoạn trừ. Pháp ác bất thiện chưa sanh sẽ khiến không sanh. Pháp thiện chưa sanh sẽ khiến sanh ra và nếu đã sanh rồi, thì sẽ khiến tăng trưởng rộng, khởi lên ý muốn tìm cách nhiếp tâm làm tăng trưởng, trong tám kinh cũng nói như trên vậy.

Như ba mươi hai kinh nói về đoạn trừ vô thường, ba mươi hai kinh nói về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng nói đầy đủ như trên vậy.

□

Kinh 179. Dục định[82]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc[83]. Vậy nên đoạn trừ những pháp vô thường nào? Để đoạn trừ sắc vô thường; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường; cho nên tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc."

Chi tiết như kinh đã nói (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường tám kinh cũng nói như trên vậy.

Như kinh tu dục định, thì ba mươi hai kinh nói về tinh tấn định, ý định, tư duy định cũng như vậy. Như ba mươi hai kinh nói về nên đoạn trừ, ba mươi hai kinh nói về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng dạy như trên vậy.[84]

---

82. Phật Quang, kinh 181.

83. Bốn Như ý túc hay bốn Thần túc: dục định đoạn hành thành tựu như ý túc, hoặc nói: dục tam-ma-địa thắng hành thần túc, "Như ý túc được thành tựu do không ngưng chuyên cần với (bốn) Chánh đoạn để tập trung (định) trên một ước muốn (đối với một phép thần thông nào đó)." Tiếp theo, tâm tam-muội, tinh tấn tam-muội và tư duy tam-muội, với công thức như dục tam-muội.

84. Xem kinh 175. Ấn Thuận liệt kê và phân tích thành một ngàn một trăm ba mươi hai (1132) kinh.

Kinh 182. Tín căn

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, nên tu tín căn. Vậy nên đoạn trừ những pháp vô thường nào? Đoạn trừ sắc vô thường, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nên tu tín căn."

Nói chi tiết như vậy (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường cũng dạy như trên.

Như tám kinh nói về tín căn, thì tám kinh nói về tu tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng dạy như trên vậy.

Như bốn mươi kinh nói về nên đoạn trừ, bốn mươi kinh nói về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.

□

Kinh 181. Tín lực

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, nên tu tín lực. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu tín lực? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu tín lực; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu tín lực."

Nói chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Như kinh dạy về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như kinh dạy về tín lực, tám kinh dạy về tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực cũng dạy như trên vậy.

Như bốn mươi kinh dạy về đoạn trừ, trong mỗi một kinh của bốn mươi kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng dạy như trên vậy.[85]

□

Kinh 182. Niệm giác phần[86]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

---

85. *Xem kinh 175. Ấn Thuận: một ngàn một trăm bốn mươi (1140) kinh.*

86. *Tức niệm giác chi, trong bảy giác chi.*

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu niệm giác phần. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu niệm giác phần? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu niệm giác phần, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu niệm giác phần."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh thuyết về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như tám kinh thuyết về niệm giác phần, trong mỗi một kinh của tám kinh thuyết về trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, xả giác phần, định giác phần cũng thuyết như trên vậy.

Như năm mươi sáu kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của năm mươi sáu kinh thuyết về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[87]

□

Kinh 183. Chánh kiến

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa

87. *Ấn Thuận: một ngàn một trăm năm mươi sáu (1156) kinh.*

vô thường, nên tu chánh kiến. Vậy để đoạn trừ những thứ lửa vô thường nào phải tu chánh kiến? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu chánh kiến; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu chánh kiến."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh thuyết về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như tám kinh dạy về chánh kiến, trong mỗi một kinh của tám kinh dạy về chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định cũng dạy như trên.

Như sáu mươi bốn kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của sáu mươi bốn kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[88]

□

Kinh 184. Khổ tập tận đạo

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu Khổ-Tập-Tận-Đạo. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu Khổ-Tập-Tận-Đạo? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu Khổ-Tập-Tận-Đạo; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu Khổ-Tập-Tận-

88. *Ấn Thuận: một ngàn một trăm sáu mươi bốn (1164) kinh.*

Đạo.”

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như kinh dạy về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng thuyết như trên vậy.

Như tám kinh dạy về Khổ-Tập-Tận-Đạo, trong mỗi một kinh của tám kinh dạy về khổ tận đạo lạc, phi tận đạo lạc tận đạo cũng thuyết như trên vậy.

Như ba mươi hai kinh dạy về nên đoạn trừ, thì trong mỗi một kinh của ba mươi hai kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[89]

Kinh 185. Vô tham pháp cú[90]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, nên tu pháp cú không tham. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu pháp cú không tham? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu

---

89. *Ấn Thuận: một ngàn một trăm ba mươi hai (1132) kinh.*

90. *Bốn pháp cú, hay bốn pháp tích, xem Tập Dị Môn Luận 6. Xem D. 33. Saṅgiti: cattāri dhammapadāni: anabhijjhà dhammapadaṃ, avyāpādo dhammapadaṃ, sammā-sati dhammapadư, sammā-samādhi dhammapadaṃ, vô tham pháp tích, vô sân pháp tích, chánh niệm pháp tích, chánh định pháp tích.*

pháp cú vô tham; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu pháp cú vô tham."

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Như kinh thuyết về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng thuyết như trên vậy.

Như tám kinh thuyết về nên tu pháp cú không tham, trong mỗi một kinh của tám kinh thuyết về pháp cú chánh cú, các cú không nhuế, không si cũng thuyết như trên vậy.

Như hai mươi bốn kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của hai mươi bốn kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng thuyết như trên vậy.[91]

□

Kinh 186. Chỉ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

'Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu chỉ. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào phải tu chỉ? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu chỉ; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu chỉ."

---

91. *Ấn thuận: một ngàn một trăm ba mươi hai (1132) kinh.*

Chi tiết như trên (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh dạy về vô thường, quá khứ là vô thường, vị lai là vô thường, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai là vô thường; quá khứ, hiện tại là vô thường; vị lai, hiện tại là vô thường; quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, tám kinh cũng dạy như trên vậy.

Như tám kinh dạy về tu chỉ, tám kinh dạy về tu quán cũng dạy như trên vậy.

Như mười sáu kinh dạy về nên đoạn trừ, trong mỗi một kinh của mười sáu kinh dạy về nên hiểu biết, nên nhàm chán, nên dứt trừ, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt tận, nên dứt bặt cũng dạy như trên vậy.

"Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, phải biết như thật và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử phải chánh quán như vậy, đối với sắc sẽ sanh ra nhàm chán, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán. Khi đã nhàm chán rồi thì sẽ không thích, vì đã không thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'."[92]

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

□

Như kinh dạy về vô thường, cũng vậy đối với dao động, chuyển xoay (toàn chuyển), lao hạch, phá hoại, bệnh dật dờ, hủ bại, nguy đốn, không thường, không an, biến đổi, khổ não, tai hoạn, ma tà, ma thế, ma khí, như bọt nước, như bong bóng, như cây chuối, như huyễn; yếu kém, tham đắm, đánh giết, đao kiếm, ganh ghét, tàn sát nhau, tổn giảm, hao suy, trói buộc, đánh đập, ghẻ chóc, ung nhọt, gai nhọn, phiền não, trách phạt, che giấu, chỗ tai hại, buồn rầu, ác tri thức; khổ, không, chẳng phải ngã, chẳng phải những gì thuộc về ngã, oan gia, xích trôi, chẳng phải nghĩa, chẳng phải an ủi, nhiệt não, không bóng mát, không hòn đảo, không che, không nương tựa, không bảo vệ; pháp sanh, pháp già, pháp bệnh, pháp chết, pháp ưu bi,

92. *Đoạn này, Ấn Thuận tách thành một kinh riêng.*

pháp khổ não, pháp không sức, pháp yếu kém, pháp không thể muốn, pháp dụ dẫn, pháp nuôi dưỡng, có pháp khổ, pháp có giết, pháp có não, pháp có nhiệt, pháp có tướng, pháp có thổi, pháp có giữ, pháp thâm hiểm, pháp khó khăn, pháp bất chánh, pháp hung bạo, pháp có tham, pháp có nhuế (sân), pháp có si, pháp không trụ, pháp đốt cháy, pháp chướng ngại, pháp tai ương, pháp tập hợp, pháp tiêu diệt, pháp đống xương, pháp cục thịt, pháp cầm đuốc, pháp hầm lửa, như rắn độc, như mộng, như đồ vay mượn, như trái cây, như kẻ mổ trâu (đồ tể), như kẻ giết người, như sương dính, như nước sâu, như dòng chảy siết, như sợi dệt, như bánh xe đạp nước, như gậy sào, như bình độc, như thân độc, như hoa độc, như trái độc, phiền não xung động cũng như vậy.

Cho đến: đoạn trừ quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, phải tu chỉ quán. Vậy muốn đoạn trừ những pháp nào trong quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường cho đến dứt bặt, để phải tu chỉ quán? Vì muốn đoạn trừ sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, cho đến khi dứt bặt nên tu chỉ quán. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Cho nên những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau phải biết như thật. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử phải quán như vậy, đối với sắc sẽ sanh ra nhàm chán và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán. Vì đã nhàm chán nên sẽ không thích, vì đã không thích nên sẽ được giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Kinh 187. Tham dục

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Vì thành tựu một pháp, nên không có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Một pháp được thành

tựu là pháp nào? Tham dục, một pháp được thành tựu, nên không có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường.

"Thành tựu một pháp gì[93]? Đó là thành tựu pháp không tham dục. Pháp không tham dục, có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Như thành tựu và không thành tựu, đối với biết và không biết, gần và không gần, sáng và không sáng, hiểu và không hiểu, quan sát và không quan sát, suy lường và không suy lường, che giấu và không che giấu, gieo trồng và không gieo trồng, đè nén và không đè nén, che mờ và không che mờ lại cũng như vậy. Biết (tri) như vậy, thức như vậy, hiểu rõ (giải) như vậy, chấp nhận (cho), mong cầu, biện biệt, tiếp xúc, nhận thật lại cũng như vậy.

Như tham, đối với nhuế, si, sân, hận, mắng chưởi, chấp chặt, ganh ghét, keo kiệt, lừa dối, không hổ, không thẹn, mạn, mạn mạn, tăng mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, tà mạn, ty mạn, kiêu mạn, buông lung, kiêu căng, cống cao, quanh co, hình thức dối trá, dụ lợi, ác lợi, muốn nhiều, muốn thường không cung kính, miệng ác, tri thức ác, không nhẫn, tham đắm, hạ tham, ác tham; thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ, dục ái, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi, hôn túy, quanh quẹo, mạnh bạo, lười biếng, loạn tưởng, nhớ nghĩ không đúng, thân nhơ, không ngay thẳng, không dịu dàng, không khác; tầm cầu dục (dục giác), tầm cầu sân (sân giác), tầm cầu hại, tầm cầu thân thuộc, tầm cầu bờ cõi, tầm cầu nhẹ dễ, tầm cầu yêu nhà người, sầu ưu, não khổ. Đối với những thứ này tất cả cho đến: "bị che mờ, không có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc. Pháp ấy là pháp nào? Là pháp khổ não, vì khổ não che mờ nên không có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc, không có khả năng tác chứng sự đoạn diệt thọ, tưởng, hành, thức. Có một pháp không che mờ, nên có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc và có khả năng tác chứng sự đoạn diệt thọ, tưởng, hành, thức. Pháp ấy là pháp nào? Là pháp khổ não, vì pháp này không che mờ nên có khả năng tác chứng sự đoạn diệt sắc và cũng có khả năng tác chứng sự đoạn diệt thọ, tưởng, hành, thức.

---

93. Để có khả năng nhận biệt sắc v.v… là vô thường.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

□

TẠP A-HÀM QUYỂN 8

Kinh 188. Ly hỷ tham[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy quán sát chân chánh mắt là vô thường. Quán sát như vậy gọi là chánh kiến. Do chánh quán nên sanh nhàm tởm. Do nhàm tởm nên lìa hỷ, lìa tham. Do lìa hỷ, lìa tham, Ta nói là tâm chánh giải thoát[2]. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lìa hỷ, lìa tham. Do lìa hỷ, lìa tham, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Tâm chánh giải thoát rồi, thì có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói về "vô thường", cũng vậy, nói về "khổ, không, chẳng phải ngã".

□

Kinh 189. Ly dục tham[3]

Tôi nghe như vầy:

---

1. *Ấn Thuận, tụng 2: Lục nhập xứ, một tương ưng duy nhất: "2 Tương ưng Nhập xứ", gồm hai trăm tám mươi lăm (285) kinh (Đại Chánh hai trăm năm mươi sáu (256) kinh: 188-342). Phần lớn tương đương Pāli, S. 35. Salāyatana-samyutta. Đại Chánh, quyển 8, kinh 188, tương đương Pāli, S. 35. 157-158 Nandikkhaya; S. 35. 170-81. Yadanicca; 35. 185 Ajjhata.*

2. *Pāli: nandirāgakkhayā cittaṃ suvimuttan ti vuccati, do hỷ tham bị đoạn tận nên tâm được nói là hoàn toàn giải thoát.*

3. *Pāli, S. 35. 157-158. Nandikkhaya.*

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt, hãy tư duy chân chánh[4], quán sát là vô thường. Vì sao? Đối với mắt mà tư duy chân chánh, quán sát là vô thường thì ở nơi mắt dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, do tư duy chân chánh, quán sát, nên dục tham được đoạn trừ. Do dục tham đã được đoạn trừ, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Như vậy, này các Tỳ-kheo, người nào được tâm chánh giải thoát thì có thể ký thuyết: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 190. Tri (1)[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với mắt mà không phân biệt, không biết rõ, không đoạn trừ, không ly dục[6], thì không thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc ly dục, thì có thể chân chánh diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc xa lìa dục, thì có thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

4. Pāli: yoniso manasikāro, như lý tác ý.

5. Pāli, S. 35. 26-27. Parijānanā.

6. Bất thức, bất tri, bất đoạn, bất ly dục 不識Ñ 不知不斷不離欲。Pāli: anabhijānaṃ aparijānaṃ avirājayaṃ appajahaṃ, không thắng tri, không biến tri, không ly dục, không đoạn trừ.

Kinh 191. Tri (2)[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với mắt mà không phân biệt, không biết rõ, không đoạn trừ, không ly dục[8], thì không thể có khả năng vượt qua khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc ly dục, thì có thể vượt qua khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hoặc phân biệt, hoặc biết rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc xa lìa dục, thì có thể có khả năng vượt qua khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh, chết."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 192. Bất ly dục (1)[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt nếu ly dục, tâm giải thoát, thì có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà ly dục, tâm giải thoát, thì có thể có khả năng hoàn toàn diệt tận khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

7. Nội dung gần với kinh trên.

8. Xem cht.6 kinh 190.

9. Pāli, S. 35. 21-22. Uppādena.

Kinh 193. Bất ly dục (2)[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt và sắc mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả năng vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà không ly dục, tâm không giải thoát, thì không thể có khả vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt và sắc nếu ly dục, tâm giải thoát, thì có khả năng vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà ly dục, tâm giải thoát, thì có thể có khả năng vượt qua cái khổ của sanh, già, bệnh, chết."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 194. Sanh hỷ[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ai ở nơi mắt mà sanh hỷ, thì đối với khổ cũng sanh hỷ[12]. Ai đối với khổ mà sanh hỷ, Ta nói người đó không thể giải thoát khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà sanh hỷ, thì đối với khổ cũng sẽ sanh hỷ. Ai đối với khổ mà sanh hỷ, Ta nói người đó không thể giải thoát khổ.

"Này các Tỳ-kheo, ai đối với mắt mà không sanh hỷ, thì đối với khổ cũng không sanh hỷ. Ai đối với khổ mà không sanh hỷ, Ta nói người đó có thể giải thoát khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà không sanh hỷ, thì đối với khổ cũng không sanh hỷ. Ai đối với khổ mà không sanh hỷ, Ta nói người đó có thể giải thoát khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy,

---

10. Tham chiếu kinh 194.

11. Pāli, S. 35. 19-20. Abhinandena.

12. Pāli: yo bhikkhave cakkhuṃ abhinandati dukkhaṃ so abhinandati, ai thích sắc thì người đó thích khổ.

hoan hỷ phụng hành.

Kinh 195. Vô thường (1)[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tất cả đều vô thường. Thế nào là tất cả đều vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, tất cả chúng đều là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy thì đối với mắt sẽ sanh nhàm tởm. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, đối với chúng cũng sanh nhàm tởm. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và thanh, hương, vị, xúc, pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, đối với tất cả chúng cũng sanh nhàm tởm. Do nhàm tởm nên không ái lạc, do không ái lạc nên được giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói về "vô thường," các kinh nói về "khổ, không, phi ngã" cũng nói như trên vậy.

Kinh 196. Vô thường (2)[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

---

[13] *Pāli, S. 35. 1-12. Anicca v.v...*

[14] *Pāli, S. 35. 43. Anicca.*

"Tất cả đều là vô thường[15]. Cái gì là tất cả? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc[16] và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc[17], tất cả chúng đều là vô thường. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, thì chúng cũng vô thường.

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, đối với mắt được giải thoát. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, cũng được giải thoát. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, cũng được giải thoát. Ta nói, người này giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói "Tất cả là vô thường", cũng vậy, các kinh nói:

Tất cả là khổ.[18]

Tất cả là không.[19]

Tất cả chẳng phải ngã.[20]

Tất cả là pháp nghiệp hư dối.[21]

Tất cả là pháp phá hoại.[22]

Tất cả pháp sanh.[23]

Tất cả pháp già.[24]

Tất cả pháp bệnh.[25]

Tất cả pháp chết.[26]

---

15. *Trong bản Pāli: sabbaṃ bhikkhave aniccam.*
16. *Pāli: cakkhusam phasso anicco, xúc của con mắt là vô thường.*
17. *Pāli: cakkhusam phassa paccayā, do bởi duyên là xúc của con mắt.*
18. *Cf. S. 35. 44. Dukkha.*
19. *S. 35. 85. Suñña.*
20. *S. 35. 45. Anattā.*
21. *S. 35. 40. Vaya; Pāli: sabbam bhikkhave vaya-dhammam: tất cả đều là pháp hoại diệt. Bản Hán hiểu là mayakammam (nghiệp hư vọng).*
22. *S. 35. 39. Khaya.*
23. *S. 35. 33. Jāti.*
24. *S. 35. 34. Jarā.*
25. *S. 35. 35. Vyādhi.*
26. *S. 35. 36. Maraṇa.*

Tất cả pháp sầu lo.[27]
Tất cả pháp phiền não.[28]
Tất cả pháp tập khởi.[29]
Tất cả pháp diệt tận.[30]
Tất cả pháp biết.[31]
Tất cả pháp phân biệt.[32]
Tất cả pháp dứt trừ.[33]
Tất cả pháp giác.[34]
Tất cả pháp chứng.[35]
Tất cả ma.
Tất cả thế lực ma.
Tất cả khí cụ ma.
Tất cả đang cháy.
Tất cả cháy bùng.
Tất cả thiêu cháy.[36]
Cũng đều nói chi tiết như hai kinh trên như vậy.

□

Kinh 197. Thị hiện[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong Chi-đề Thị-lợi-sa, tại Già-xà[38], cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo mà trước kia là những Bà-la-môn bện tóc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì một ngàn vị Tỳ-kheo thị hiện ba sự giáo

---

27. S. 35. 37. Soko.
28. S. 35. 38. Saṃkilesa.
29. S. 35. 41. Samudaya.
30. S. 35. 42. Nirodha.
31. S. 35. 46. Abhiññeyya (cần được thắng tri).
32. S. 35. 49. 47. Pariññeyya (Biến tri).
33. S. 35. 48. Pahātabba.
34. S. 35. 50. Abhiññāpariññeyya.
35. S. 35. 49. Sacchikātabba.
36. S. 35. 28. Āditta.
37. Pāli, S. 35. 28. Āditta.
38. Già-xà Thị-lợi-sa chi-đề. Pāli: gayāyaṃ viharati gayāsìse, trú tại thôn Gāya, trên núi Gāyasīsa (Tượng đầu sơn).

hóa[39]. Những gì là ba? Đó là, thị hiện thần túc biến hóa, thị hiện tha tâm, thị hiện giáo giới.

Thị hiện thần túc là, Đức Thế Tôn tùy theo sự thích hợp mà thị hiện nhập thiền định chánh thọ[40]; vượt qua hư không đến phương Đông hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi; vào hỏa tam-muội[41], rồi cho ra ánh lửa màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, pha lê; cả nước, lửa đều hiện; hoặc dưới thân ra lửa, trên thân ra nước, hoặc trên thân ra lửa, dưới thân ra nước, bốn phía chung quanh lại cũng như vậy. Thế Tôn sau khi thị hiện thần biến rồi, trở lại ngồi giữa đại chúng, đó gọi là thị hiện thần túc.

Thị hiện tha tâm là, như tâm người kia, tự thân an trú và chứng nghiệm, biết rằng ý của người kia như vậy, thức của người kia như vậy, người kia đang nghĩ như vậy, hay không đang nghĩ như vậy, đang xả như vậy. Đó gọi là thị hiện tha tâm.

Thị hiện giáo giới là, như Thế Tôn nói: ‘Này các Tỳ-kheo, tất cả bị thiêu đốt[42]. Thế nào tất cả bị thiêu đốt? Mắt bị thiêu đốt. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, tất cả đều bị thiêu đốt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, bị thiêu đốt; pháp, ý thức, ý xúc và thọ với cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, hay cảm thọ không khổ không lạc, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc tất cả cũng bị thiêu đốt. Bị cái gì thiêu đốt? Bị lửa tham thiêu đốt, lửa nhuế thiêu đốt, lửa si thiêu đốt, lửa sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não thiêu đốt.”

Bấy giờ, một ngàn vị Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, không còn khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

39. Tam chủng thị hiện giáo hóa 三種示現教化; cũng gọi là tam thị đạo 三示道。Xem Tập Dị Môn Túc Luận 3: thần biến thị đạo, ký tâm thị đạo, giáo giới thị đạo; xem Trường A-hàm kinh 24. Xem D. 11. Kevaddha, tīṇi pāṭihāriyāni: iddhi-pāṭihāriyaṃ, ādesanā-pāṭihāriyaṃ, anusāsani-pāṭihāriyaṃ.

40. Thiền định chánh thọ 禪定正受, hay tam-muội chánh thọ, tam-muội đẳng chí, chỉ năng lực thiền định. Pāli: samādhi-samāpatti.

41. Hỏa tam-muội 火三昧, năng lực thiền định làm thân thể bốc lửa.

42. Pāli: sabbaṃ bhikkhave ādittaṃ.

Kinh 198. La-hầu-la (1)[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trên núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Biết như thế nào, thấy như thế nào, để nơi nội thức thân của con[44] cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử[45]?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo La-hầu-la:

"Lành thay, La-hầu-la! Ông đã có thể hỏi Như Lai về ý nghĩa sâu xa này."

Phật bảo La-hầu-la tiếp:

"Mắt hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải ở trong nhau, hãy biết như thật như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Này La-hầu-la, biết như vậy, thấy như vậy thì nơi nội thức thân của ta cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử.

"Này La-hầu-la, như vậy, ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử không sanh, thì này La-hầu-la, đó gọi là đoạn trừ kiến chấp ái trược, đắc chánh vô gián đẳng[46], cứu cánh biên tế của khổ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như nói về "nội nhập xứ," cũng vậy, "ngoại nhập xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức; nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; thọ phát sanh bởi nhãn xúc, thọ phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; tưởng phát sanh bởi nhãn xúc, tưởng phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; tư phát sanh bởi nhãn xúc, tư phát sanh bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; ái phát sanh bởi nhãn xúc, ái phát sanh bởi

---

43. Pāli, S. 18. 21. Anusaya (tùy miên); 22. 91. Rāhula.

44. Pāli: imasmiṃ saviiññāṇake kàye, trong thân có thức này.

45. Ngã ngã sở ngã mạn sử hệ trước 我我所我慢使繫著。Pāli: ahaṃkà-mamaṃkāra-mānānusayā, các tùy miên tác thành ý tưởng về tôi, về của tôi.

46. Vô gián đẳng 無間等。Pāli: abhisamaya, hiện quán hay hiện chứng; xem cht.67, kinh 23.

nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc" đều nói như trên.[47]

□

Kinh 199. La-hầu-la (2)[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo La-hầu-la:

"Biết như thế nào, thấy như thế nào, để nơi nội thức thân này cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử?"

La-hầu-la bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Xin vì các Tỳ-kheo mà dạy đầy đủ nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng lời thực hành."

Phật bảo La-hầu-la:

"Lành thay! Hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Những gì thuộc về mắt, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, hãy quán sát chân chánh như vậy.

"Này La-hầu-la, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Này La-hầu-la, biết như vậy, thấy như vậy, nơi nội thức thân này cùng ở nơi tất cả những tướng bên ngoài không sanh ngã, ngã mạn, ngã sở và ngã mạn kết sử."

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy vượt cả hai[49], xa lìa các tướng, tịch diệt, giải thoát.

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy đoạn trừ các ái dục, chuyển kết

---

47. Gồm bảy kinh: 1. Ngoại nhập xứ; 2. Nhãn thức v.v...; 3. Nhãn xúc v.v...; 4. Thọ sanh bởi nhãn xúc v.v...; 5. Tưởng sanh bởi nhãn xúc v.v...; 6. Tư sanh bởi nhãn xúc v.v...; 7. Ái sanh bởi nhãn xúc v.v...

48. Pāli, S. 18. 22. Apagata; 22. 92. Rāhula.

49. Việt ư nhị 越於二; đây chỉ vượt qua hai mạn tùy miên: ngã mạn và ngã sở mạn. Pāli: ahaṃkāra-mamaṃkāra-mānāpagataṃ mānasaṃ hoti vidhà samatikkantaṃ santaṃ suvimuttīti, ý thoát ly ngã mạn và ngã sở mạn, vượt ngoài các tướng trạng sai biệt, an tĩnh, giải thoát.

sử, cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như nói về "nội nhập," cũng vậy, "ngoại nhập," cho đến "ái[50] *phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc," cũng nói chi tiết như vậy.*

□

Kinh 200. La-hầu-la (3)[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, Thế Tôn! Xin vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp, một mình con ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, không buông lung. Sau khi sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, con sẽ tư duy về mục đích mà một thiện gia nam tử[52] cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, tu trì phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri tự tác chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần thục, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được[53], nên hỏi La-hầu-la:

"Ngươi đã từng truyền dạy năm thọ ấm cho người chưa?"

La-hầu-la bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chưa."

Phật bảo La-hầu-la:

"Ngươi nên vì người khác mà diễn nói năm thọ ấm."

---

50. Trong ấn bản: thọ 受。Theo kinh 198 trên, sửa lại cho đủ bảy kinh.

51. Pāli, S. 35. 121. Rāhula.

52. Trong bản, tộc tánh tử 族姓子。

53. Trong bản Pāli (S. 35. 121), Phật nhận xét: paripakkā kho rāhulassa vimuttaparipācaniyā dhammā; yaṃ nūnāhaṃ rāhulaṃ uttariṃ āsavānaṃ khaye vineyyan ti, đối với Rāhula, các pháp cần thành thục đã được thành thục; vậy Ta hãy hướng dẫn Rāhula vào trong lậu tận vô thượng.

Khi La-hầu-la nghe lời dạy của Phật rồi, sau đó vì người khác diễn nói về năm thọ ấm. Nói xong trở lại chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn con đã vì người khác nói về năm thọ ấm rồi, xin Thế Tôn vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp xong rồi sẽ ở một mình chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung và cho đến… '… tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại xét thấy tâm của La-hầu-la Tuệ giải thoát chưa thuần thục, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được, nên hỏi La-hầu-la:

"Ngươi đã vì người khác nói về sáu nhập xứ chưa?"

La-hầu-la bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chưa."

Phật bảo La-hầu-la:

"Ngươi nên vì người khác diễn nói về sáu nhập xứ."

Rồi, vào một lúc khác, La-hầu-la lại diễn nói sáu nhập xứ cho người khác nghe. Sau khi nói sáu nhập xứ xong, đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã vì người khác mà diễn nói sáu nhập xứ rồi. Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp xong sẽ ở một mình nơi vắng vẻ, chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung, cho đến … '… tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần thục, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được, nên hỏi La-hầu-la:

"Ngươi đã vì người khác nói pháp Ni-đà-na[54] chưa?"

La-hầu-la bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, chưa."

Phật bảo La-hầu-la:

"Ngươi nên vì người khác mà diễn nói pháp Ni-đà-na đi."

Rồi, vào một lúc khác, La-hầu-la lại vì người khác nói đầy đủ pháp Ni-đà-na xong, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng lui sang một bên, bạch Phật:

---

[54]. Ni-đà-na 尼陀那。Pāli: nidāna, nhân duyên, hay nguyên nhân, mối quan hệ, hay nguồn gốc phát sanh của một cái gì.

"Bạch Thế Tôn vì con mà nói pháp, sau khi con nghe pháp xong, sẽ ở một mình nơi chỗ vắng chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung, cho đến … '… tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát vẫn chưa thuần thục, cho đến… bảo La-hầu-la:

"Ngươi nên đối với những pháp đã nói ở trên, ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh suy nghĩ, mà quán sát nghĩa lý của chúng."

Bấy giờ, La-hầu-la vâng lời Phật dạy, như pháp đã nói, như pháp đã được nghe, suy nghĩ cân nhắc, quán sát nghĩa lý của chúng, tự nghĩ: "Các pháp này, tất cả đều thuận hướng Niết-bàn, lưu nhập Niết-bàn, cuối cùng an trụ[55] Niết-bàn.

Rồi, một lúc khác, La-hầu-la đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi lui đứng sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đối với pháp đã được nói, pháp con đã được nghe như trên, con đã ở một mình nơi vắng vẻ, tư duy cân nhắc và quán sát nghĩa lý của chúng, thì biết những pháp này tất cả đều thuận hướng Niết-bàn, lưu nhập Niết-bàn, cuối cùng an trụ Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát đã được thuần thục, có thể nhận lãnh được pháp tăng thượng, nên bảo La-hầu-la[56]:

"Tất cả đều vô thường. Những pháp nào là vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc v.v… đều vô thường *(chi tiết như các kinh trước)*."

Tôn giả La-hầu-la sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau khi La-hầu-la đã vâng theo lời Phật dạy rồi, một mình ở nơi vắng vẻ, sống không buông lung, chuyên tinh tư duy về mục đích mà một thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, chuyên tu phạm hạnh cho đến… ngay trong đời này, tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Thành bậc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

Phật nói kinh này xong, La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy,

---

55. Nguyên bản: hậu trụ 後住; Ấn Thuận sửa lại tuấn thâu 浚輸: chảy rót vào.

56. Xem cht.53 trên.

hoan hỷ phụng hành.

Kinh 201. Lậu tận[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào, để lần lượt nhanh chóng chứng đắc lậu tận?"[58]

Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

"Hãy quán sát chân chánh về vô thường. Những pháp nào là vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hãy quán sát là vô thường. Pháp, ý thức, ý xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, tất cả chúng cũng đều là vô thường. Này Tỳ-kheo, biết như vậy, thấy như vậy thì để lần lượt nhanh chóng chứng đắc lậu tận."

Khi Tỳ-kheo kia đã nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng làm lễ mà lui.

Như kinh Đức Phật đã dạy cho Tỳ-kheo trên, nhưng có điểm sai biệt ở chỗ:

Biết thế nào, thấy thế nào, để lần lượt dứt sạch các kết sử[59],

Đoạn trừ tất cả những hệ phược[60],

Đoạn trừ tất cả những sử[61],

Đoạn trừ tất cả những tùy phiền não[62],

---

57. Pāli, S. 35. 53-59. Avijjā v.v…

58. Pāli, S. 35. 56: àsāva pahīyantīti, các lậu bị đoạn trừ.

59. Pāli, S. 35. 54. Saṃyojana-pahānaṃ, đoạn trừ kết sử.

60. Pāli, S. 35. 55. Saṃyojana-samugghātaṃ, đoạn triệt kết sử.

61. Sử 使，hay tùy miên 隨眠。Pāli: anusaya.

62. Tùy phiền não 隨煩惱，nguyên Hán: thượng phiền não 上煩惱。Pāli: upakilesa.

Đoạn trừ tất cả những kết[63],
Đoạn trừ những lưu[64],
Đoạn trừ những ách[65],
Đoạn trừ những thủ[66],
Đoạn trừ những xúc,
Những ngăn che (cái) được đoạn trừ,
Đoạn trừ các triền phược,
Đoạn trừ những cấu uế,
Đoạn trừ những ái,
Đoạn trừ những ý,
Đoạn trừ những tà kiến, sanh chánh kiến,
Đoạn trừ vô minh sanh minh. (…)

"Này Tỳ-kheo, quán sát mắt là vô thường như vậy, cho đến… biết như vậy, thấy như vậy lần lượt vô minh được đoạn trừ để sanh ra minh."

Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy rồi vui mừng, làm lễ mà lui.

□

Kinh 202. Ngã kiến đoạn[67]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào để lần lượt ngã kiến được

---

63. Kết 結 đây chỉ bốn phược hay bốn thân hệ; Trường A-hàm, kinh 9, Tập Dị Môn Túc Luận: tham thân hệ, sân thân hệ, giới cấm thủ thân hệ (ràng buộc với thân), thử thật chấp thủ thân hệ (chấp thủ cái này là có thật); D. 33. Saṅgiti: cattāro ganthà, abhijjhà-kāya-ganho, vyāpādo kāya-gantho, sīlabbata-parāmāso kāyagantho, idaṃcābhiniveso kāyagantho.

64. Chư lưu 諸流, có lẽ chỉ bốn bộc lưu (dòng xoáy), Trường A-hàm kinh 9: "Chúng tập": dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu. Pāli, D. 33. Saṅgitī: cattāro oghà, kàmogho bhavogho diṭṭhogho avijjogho.

65. Có bốn ách: dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách. Pāli: cattāro yogà, kāma-yogo, bhava-yogo, diṭṭhi-yogo, avijjā-yogo.

66. Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Pāli: cattāri upādānāni, kàmūpādānaṃ, diṭṭhūpādānaṃ, sīlabbatūpādānaṃ, attavādūpādānaṃ.

67. Pāli, S. 35. 166. Attano.

đoạn trừ, vô ngã kiến phát sanh?"

Phật bảo Tỳ-kheo kia:

"Đối với mắt mà chánh quán vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, kia cũng chánh quán là vô ngã. Cũng vậy, cho đến, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, kia cũng chánh quán là vô ngã.

"Này Tỳ-kheo, biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ lần lượt ngã kiến được đoạn trừ, vô ngã kiến phát sanh. Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng làm lễ mà lui.

□

Kinh 203. Năng đoạn nhất pháp[68]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la[69] tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, đoạn trừ được một pháp, thì sẽ đạt được chánh trí[70] và có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Cúi xin diễn nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng theo lời chỉ dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là đoạn trừ một pháp cho đến… không còn tái sanh đời sau nữa? Đó là vô minh, ly dục, minh phát sanh, đạt được chánh trí và có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'."

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo

---

68. Có thể đoạn một pháp. Pāli, S. 35. 79-80: Avijjāpahāna.

69. Kỳ-bà Câu-ma-la dược sư 耆婆拘摩羅藥Ä師。Pāli: Jīvaka-Komāra-bhaccambavana, vườn xoài của nhi khoa y sư Jīvaka.

70. Pāli: atthi... eko dhammo yassa pahānā bhikkhuno avijjā pahīyati, có một pháp mà Tỳ-kheo nào đoạn trừ, vô minh bị đoạn trừ.

vai hữu, đảnh lễ Phật, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào để vô minh ly dục, minh phát sanh?"[71]

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy quán sát chân chánh mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy. Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với vô minh ly dục, minh phát sanh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 204. Như thật tri kiến[72]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la[73] tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

"Đối với mắt, hãy biết như thật, thấy như thật. Hoặc sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy biết như thật, thấy như thật. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Khi đã biết như thật về chúng, đã thấy như thật về chúng rồi, đối với mắt sanh ra nhàm tởm. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, cũng sanh ra nhàm tởm. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Do nhàm tởm mà không ái lạc. Do không ái lạc mà được giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

71. Pāli, S. 35. 79: avijjā pahīyati, vijjā uppajjati, vô minh bị đoạn trừ, minh sinh khởi. Bản Hán đọc là: avijjāvirago, ly tham đối với vô minh.

72. Xem kinh 203 trên.

73. Xem cht.69, kinh 203.

Kinh 205. Ưu-đà-na[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la[75] tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói những bài kệ Ưu-đà-na rồi, bảo Tôn giả A-nan:

"Mắt là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, dễ phân[76]; sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc; chúng cũng vô thường, khổ, là pháp biến dịch, dễ phân. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử nên quán sát như vậy, đối với mắt sẽ được giải thoát; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc cũng được giải thoát. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý, ý thức, ý xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, cũng sẽ được giải thoát. Ta bảo người này sẽ giải thoát được sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 206. Như thật tri[77]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[78]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy chuyên cần phương tiện thiền tư[79] để được nội tâm tịch tĩnh. Vì sao? Này các Tỳ-kheo, do phương tiện thiền tư, được nội tâm tịch tĩnh, nên tri kiến như thật, như vậy được hiển hiện[80]. Hiển hiện như thật tri về

---

74. Pāli: udāna, cảm hưởng, tự thuyết.

75. Xem cht.69, kinh 203.

76. Dị phần 異分。Pāli: aññathābhāvi (biến thái).

77. Pāli, S. 35. 160. Jìvakambavane; 35. 100. Paṭisallànà.

78. Trong bản Pāli, khu vườn này tại thành Vương xá: Rājagahe... Jìvakambavane.

79. Phương tiện thiền tư 方便禪思，chuyên cần tu tập ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tu tập trầm tư mặc tưởng. Pāli: paṭisallàne bhikkhave yogam āpajjatha.

80. Như thật tri hiển hiện 如實知顯現。Pāli: yathābhūtaṃ pakkhayati, được hiển hiển một cách trung thực (như thực).

cái gì? Hiển hiện như thật tri đối với mắt. Hiển hiện như thật tri đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Các pháp này là vô thường, hữu vi cũng được hiển hiện như thật tri như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 207. Tam-ma-đề[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[82]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu tập vô lượng Tam-ma-đề, chuyên cần tập trung ý nghĩ. Vì sao? Vì do tu tập vô lượng Tam-ma-đề, chuyên cần tập trung ý nghĩ mà được như thật hiển hiện[83]. Như thật hiển hiện cái gì? Như thật hiển hiện đối với mắt."

Chi tiết như trên... cho đến:

"Các pháp này là vô thường, hữu vi, cũng được hiển hiện như thật như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 208. Vô thường[84]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[85]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

81. Pāli, S. 35. 159. Jìvakambavane; 35. 99. Samādhi.

82. Xem cht.69, kinh 203.

83. Pāli: samāhito bhikkhave bhikkhu yathābhūtaṃ pajānāti, Tỳ-kheo tập trung tư tưởng, thì nhận thức một cách như thật.

84. Pāli, S. 35. 10-12. Anicca,v.v…

85. Xem cht.69, kinh 203.

"Mắt quá khứ, vị lai là vô thường, huống chi là mắt hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, sẽ không hoài niệm mắt quá khứ, không ham cầu mắt vị lai và đối với mắt hiện tại thì nhàm tởm, không ham muốn, ly dục, hướng đến chán bỏ[86]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như vô thường, đối với khổ, không, vô ngã cũng thuyết như vậy[87].

Như bốn kinh nội nhập xứ, thì bốn kinh ngoại nhập xứ, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và bốn kinh nội ngoại nhập xứ cũng thuyết như vậy[88].

Kinh 209. Lục xúc nhập xứ[89]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[90]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu xúc nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là, nhãn xúc nhập xứ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sáu xúc nhập xứ này mà không biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly, thì biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này cách xa pháp, luật của Ta như trời và đất."

Lúc ấy, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục đảnh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

"Con có đầy đủ tri kiến như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly của sáu nhập xứ này."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Bây giờ, Ta hỏi ngươi, hãy theo câu hỏi của Ta mà trả lời. Này Tỳ-kheo, ngươi có thấy nhãn xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

---

86. Hán: hướng yếm 向厭。Ấn Thuận sửa lại: hướng diệt 向滅 hướng đến diệt tận.

87. Pāli, hai kinh: S. 35. 8: Dukkham, 35. 9: Anattā.

88. Pāli, ba kinh: S. 35. 10: Bāhirāniccā; 35. 11: Bāhirādukkhā; 35. 12: Bāhirānattā.

89. Pāli, S. 35. 71-73. Chaphassāyatanikà (Sáu xúc xứ).

90. Xem cht.69, kinh 203.

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với nhãn xúc nhập xứ này là chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, người nào thấy, biết như thật, thì sẽ không khởi lên các lậu hoặc, tâm sẽ không nhiễm đắm, tâm được giải thoát. Đó gọi là xúc nhập xứ đầu tiên đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã đoạn trừ cội gốc của nó như chặt ngọn cây đa-la, đối với pháp vị lai, nhãn thức và sắc vĩnh viễn không khởi lên lại.

"Ngươi có thấy tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ, chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, người nào biết, thấy như thật như vậy, thì sẽ không khởi lên các lậu hoặc, tâm không đắm nhiễm, tâm đạt được giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với sáu xúc nhập xứ, đã đoạn trừ được, đã biết rõ, đã đoạn trừ được cội gốc này như chặt ngọn cây đa-la, ý thức và pháp sẽ không còn sanh trở lại ở đời vị lai nữa."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 210. Địa ngục[91]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[92]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chớ lạc, chớ khổ[93]. Vì sao? Có địa ngục gọi là Sáu xúc nhập xứ[94].

---

91. Pāli, S. 35. 135. Saṅgayha (Chấp trước).

92. Xem cht.69, kinh 203.

93. Pāli: lābhà vo, bhikkhave, suladdhaṃ vo, bhikkhave, khaṇo vo paṭiladdho brahmacariyavàsāya, các Tỳ-kheo, đây là điều lợi đắc của các ngươi; đây là điều thiện lợi của các ngươi. Các Tỳ-kheo, các ngươi có cơ hội để sống cuộc đời phạm hạnh.

94. Lục xúc nhập xứ, 六觸入處, tên gọi một địa ngục. Pāli: diṭṭhà mayā bhikkhave

Chúng sanh sanh ở trong địa ngục này, mắt chỉ thấy sắc không đáng ưa, chứ không thấy sắc đáng ưa; chỉ thấy sắc không đáng tưởng nhớ, chứ không thấy sắc đáng được tưởng nhớ; chỉ thấy sắc không lành, chứ không thấy sắc lành. Vì những nhân duyên này nên chỉ một mực nhận lãnh buồn khổ mà thôi. Tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý thức đối pháp cũng chỉ thấy không đáng yêu, chứ không thấy đáng yêu; chỉ thấy việc không đáng nhớ, chứ không thấy đáng nhớ; chỉ thấy pháp không lành, chứ không thấy pháp lành. Vì những nguyên nhân này nên luôn luôn phải chịu buồn khổ.

"Này các Tỳ-kheo, có cõi trời gọi là Sáu xúc nhập xứ[95]. Chúng sanh sanh vào nơi này, mắt chỉ thấy sắc đáng yêu, chứ không thấy sắc không đáng yêu; chỉ thấy sắc đáng nhớ, chứ không thấy sắc không đáng nhớ; chỉ thấy sắc lành, chứ không thấy sắc không lành. Vì những nguyên nhân này, nên luôn luôn chỉ cảm nhận vui thích mà thôi. Và tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý thức đối với pháp là đáng yêu, chứ không phải không đáng yêu; là đáng nhớ, chứ không phải không đáng nhớ; là lành, chứ không phải là không lành.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 211. Thế gian ngũ dục[96]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly[97]. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Xưa kia, khi Ta chưa thành Chánh giác, ở một mình nơi thanh vắng, thiền định tư duy, quán sát xem tự tâm phần nhiều hướng đến nơi nào? Tự tâm phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ, phần ít chạy theo năm công đức của dục hiện tại, lại càng rất ít chạy theo đời vị lai. Khi Ta quán sát thấy tâm phần nhiều chạy theo năm dục quá khứ,

---

chaphassāyatanikà nāma nirayā. Này các Tỳ-kheo, Ta thấy có địa ngục tên là Sáu xúc xứ.

95. Pāli: chaphassāyatanikà nāma saggà.

96. Pāli, S. 35. 117. Lokakāmaguịa.

97. Xem cht.69, kinh 203.

bèn nỗ lực tìm phương tiện, tinh cần tự giữ gìn, không để chạy theo năm công đức của dục quá khứ nữa.

"Do tinh cần tự giữ, nên Ta dần dần tiếp cận được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác[98].

"Này các Tỳ-kheo, các ông cũng phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ, còn đối với hiện tại, vị lai thì lại cũng rất ít. Hiện tại, các ông cũng nên vì tâm phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ đó, tăng cường tự phòng hộ, không bao lâu cũng sẽ chứng đắc lậu tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Vì sao? Vì mắt thấy sắc làm nhân duyên sanh ra nội cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với pháp làm nhân duyên sanh ra nội cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với những nhập xứ này cần phải giác tri[99], khi mắt kia diệt, sắc tưởng sẽ lìa[100]; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng sẽ lìa."

Phật nói cần phải nhận biết sáu nhập xứ rồi, liền vào thất tọa thiền.

Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo, sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, bàn luận như vầy:

"Thế Tôn đã vì chúng ta nói gọn pháp yếu, nhưng không phân tích đầy đủ mà đã vào thất tọa thiền. Thế Tôn bảo rằng: 'Sáu nhập xứ cần phải giác tri; khi mắt kia diệt thì sắc tưởng sẽ lìa; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng sẽ lìa.'

"Hiện tại, đối với pháp do Đức Thế Tôn đã nói gọn, chúng ta vẫn còn chưa hiểu. Nay ở trong chúng này, ai là người có trí tuệ có thể vì chúng ta, đối với pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn đó, mà vì chúng ta diễn nói đầy đủ nghĩa của nó?

"Họ lại nghĩ: 'Chỉ có Tôn giả A-nan, luôn luôn hầu Đức Thế Tôn, thường được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi. Chỉ có Tôn giả A-nan mới có thể vì chúng ta diễn nói lại nghĩa pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn đó. Nay, chúng ta cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan hỏi về

---

98. Trong nguyên bản, a-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề, 阿耨多羅三藐三菩提。

99. Pāli: se āyatane veditabbe, các xứ này cần được biết rõ.

100. Pāli: cakkhu ca nirujjhati, rūpasaññā ca nirujjhati, mắt bị diệt và sắc tưởng bị diệt.

ý nghĩa quan trọng của chúng và theo những gì Tôn giả A-nan nói tất cả chúng ta sẽ phụng hành.'"

Bấy giờ, số đông chúng Tỳ-kheo, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Tôn giả, nên biết cho, Đức Thế Tôn vì chúng tôi đã nói gọn pháp yếu, *(chi tiết như đã nói ở trên)*, xin Tôn giả vì chúng tôi nói đầy đủ nghĩa của chúng."

Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các thầy mà nói về pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn một cách đầy đủ nghĩa của chúng. Đức Thế Tôn đã nói tóm gọn chỉ cho việc diệt sáu nhập xứ, còn những điều khác sẽ nói là nhãn xứ diệt thì sắc tưởng sẽ lìa; và tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ diệt, thì pháp tưởng sẽ lìa. Đức Thế Tôn nói gọn pháp này xong vào thất thiền định. Nay tôi đã vì các ông phân tích nghĩa này."

Tôn giả A-nan nói nghĩa này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả đã nói, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 212. Bất phóng dật[101]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung[102], cũng chẳng phải không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung.

"Ta không nhắm đến những hạng Tỳ-kheo nào để nói hành không buông lung? Nếu Tỳ-kheo đã chứng đắc A-la-hán, đã diệt tận các lậu, đã rời bỏ các gánh nặng, đã đạt được mục đích của mình, đã tận trừ các kết sử hữu[103], tâm chánh giải thoát; đối với hạng Tỳ-kheo như vậy, Ta không vì họ nói hạnh không buông lung. Vì sao? Vì các hàng Tỳ-kheo này đã hành không buông lung, nên không thể nào hành buông lung nữa. Nay Ta

---

101. Không buông lung. Pāli, S. 35. 134. Devadahakhaṇa.

102. Pāli: nāhaṃ, bhikkhave, sabbesaṃyeva bhikkhūnaṃ chasu phassāyatanesu appamādena karaṇīyanti vadāmi, các Tỳ-kheo, Ta không nói rằng hết thảy các Tỳ-kheo cần phải thực hành không buông lung nơi sáu xúc xứ.

103. Hán: hữu kết, 有結，chỉ các phiền não dẫn đến tái sanh. Pāli: bhavasaṃyojana.

thấy các Tôn giả kia đã đạt được quả không buông lung, cho nên không phải vì họ mà nói hành không buông lung.

"Vì những hạng Tỳ-kheo nào mà nói hành không buông lung? Đó là hàng Tỳ-kheo còn ở học địa, tâm, ý chưa được tăng thượng an ổn, hướng đến an trụ Niết-bàn. Đối với những hàng Tỳ-kheo như vậy, Ta vì họ mà nói hành không buông lung. Vì sao? Vì hàng Tỳ-kheo này đang tập học các căn, tâm còn ái lạc theo các phương tiện sinh sống, gần gũi bạn lành, chẳng bao lâu các lậu được đoạn trừ, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; ngay trong hiện tại tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Vì sao? Vị kia, sau khi thấy sắc đáng được yêu thích và đắm trước được nhận thức bởi mắt; Tỳ-kheo này thấy rồi, không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không trói đắm vào. Vì không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không bị trói đắm vào, nên nỗ lực tinh tấn, thân tâm an chỉ, tịch tĩnh, tâm tuyệt đối an trụ không quên, thường định nhất tâm, pháp hỷ không lường, sớm được tam-muội Chánh thọ đệ nhất, không bao giờ bị thoái thất theo nơi mắt và sắc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 213. Pháp[104]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ vì các ông diễn nói hai pháp. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Hai pháp đó là gì? Nhãn và sắc là hai: tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp là hai. Đó gọi là hai pháp.

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như vầy: 'Đây chẳng phải là hai. Hai pháp mà Sa-môn Cù-đàm nói, đó thật sự không phải là hai[105].'

---

104. Pāli, S. 35. 92. Dvayaṃ.

105. Pāli: aham etaṃ dvayaṃ paccakhāya aññaṃ dvayaṃ paññapessamì ti, "Tôi loại bỏ qua hai pháp này mà sẽ công bố hai pháp khác".

Người kia nói hai pháp theo ý của mình, đấy chỉ có trên ngôn thuyết; khi hỏi đến thì sẽ không biết, khiến sẽ tăng thêm nghi hoặc cho họ, vì đây chẳng phải là cảnh giới của họ. Vì sao? Vì duyên vào mắt và sắc sanh ra nhãn thức, cả ba hòa hợp duyên lại thành xúc, duyên vào xúc sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Nếu không biết như thật về sự tập khởi của cảm thọ, về sự diệt tận của cảm thọ, về vị ngọt của cảm thọ, về sự tai hại của cảm thọ, về sự xuất ly cảm thọ này, thì sẽ gieo trồng tham dục nơi thân xúc, sẽ gieo trồng sân nhuế nơi thân xúc, sẽ gieo trồng giới thủ về thân xúc, sẽ gieo trồng ngã kiến nơi thân xúc; cũng gieo trồng và làm tăng trưởng các ác pháp bất thiện. Thuần một tụ khổ lớn như vậy, đều từ sự tập khởi mà sanh ra. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức. Cả ba chúng hòa hợp sanh ra xúc, *nói chi tiết như trên*.

"Lại nữa, khi nhãn duyên vào sắc sanh ra nhãn thức, cả ba chúng hòa hợp sanh ra xúc và xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Khi đã biết về sự tập khởi của cảm thọ, về sự diệt tận của cảm thọ, về vị ngọt của cảm thọ, về sự tai hại của cảm thọ, về sự xuất ly của cảm thọ như vậy rồi, thì sẽ không gieo trồng tham dục nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng sân nhuế nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng giới thủ nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng ngã kiến về thân xúc, sẽ không gieo trồng các pháp ác bất thiện. Như vậy các pháp ác bất thiện sẽ bị tiêu diệt và thuần một tụ khổ lớn cũng bị tiêu diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 214. Nhị pháp[106]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có hai nhân duyên sanh ra thức. Những gì là hai? Đó là: mắt và sắc; tai và mũi; lưỡi và vị; thân và xúc; ý và pháp. Nói chi tiết như trên,

---

106. Pāli, S. 35. 93. Dvayaṃ.

cho đến… chẳng phải là cảnh giới của thọ.

"Vì sao? Vì mắt và sắc làm nhân duyên sanh ra nhãn thức, chúng là pháp hữu vi, vô thường, tâm duyên mà sanh; ba pháp này hòa hợp sanh ra xúc, xúc rồi sanh cảm thọ, cảm thọ rồi sanh tư, tư rồi sanh tưởng. Tất cả những pháp này là pháp hữu vi, vô thường, tâm duyên mà sanh, tức là: xúc, tưởng, tư. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 215. Phú-lưu-na[107]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Phú-lưu-na cùng các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Thế Tôn nói pháp hiện thấy, nói dập tắt sự rực cháy, nói không đợi thời, nói hướng đạo chân chánh, nói chính nơi đây mà thấy, nói duyên tự tâm mà giác ngộ[108]. Vậy, bạch Thế Tôn thế nào là pháp hiện thấy, cho đến duyên tự tâm mà giác ngộ?

Phật bảo Phú-lưu-na:

"Lành thay! Phú-lưu-na có thể hỏi những điều này. Này Phú-lưu-na, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri[109] sắc, giác tri sắc tham. Nếu bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt, thì biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Này Phú-lưu-na, nếu mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, giác tri sắc tham, biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận

---

107. Pāli, S. 35. 88. Puṇṇa.

108. Hán: hiện pháp, xí nhiên, bất đãi thời, chánh hướng, tức thử kiến, duyên tự giác 現法，熾燃，不待時，正向，即此見，緣自覺; các phẩm tính của Chánh pháp; định cú theo Pāli:svākkhāto bhagavatà dhammo sandiṭṭhikio akāliko ehi-passiko opnayiko paccattaṃ veditabbo viññuhì ti. Hán dịch, Phẩm Loại Túc Luận 2: thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng; tham chiếu Du-già Sư Địa Luận 8 (Đại 30, tr.766c): hiện kiến, vô xí nhiên, ứng thời, dẫn đạo, duy thử kiến, nội sở chứng.

109. Giác tri 覺知，tức được cảm thọ, cảm nhận. Pāli: vedayita.

thức bởi mắt. Đó gọi là pháp được hiện thấy[110].

"Thế nào là dập tắt sự rực cháy? Thế nào là không đợi thời? Thế nào là hướng đạo chân chánh? Thế nào là chính nơi đây mà thấy? Thế nào là duyên tự tâm mà giác ngộ?

"Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, nhưng không khởi giác tri sắc tham; biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức nhưng không khởi giác tri sắc tham. Nếu Tỳ-kheo, Phú-lưu-na, khi mắt thấy sắc, rồi giác tri sắc, không khởi giác tri sắc tham và biết như thật về sắc, biết như thật là không khởi giác tri sắc tham; gọi đó là dập tắt sự rực cháy, không đợi thời, hướng đạo chân chánh, chính nơi đây mà thấy, duyên tự tâm mà giác ngộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lưu-na nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 216. Đại hải[111]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nói biển lớn, đó là lời nói của người ngu nói, chứ không phải là lời nói của bậc Thánh. Biển lớn này chỉ là một ít nước thôi. Biển mà Thánh nói là cái gì? Đó là, sắc được nhận thức bởi mắt, đáng mong muốn, đáng yêu thích, chìm đắm tham lạc liên hệ nghiệp thân, khẩu, ý[112]; đó gọi là biển. Tất cả thế gian bao gồm chúng A-tu-la, cho đến trời, người tham lạc chìm đắm trong đó. Như trong ruột chó, như đống cỏ loạn[113]; đời này và đời khác được nối kết chằng chịt lại cũng như vậy. Đối với tiếng được nhận thức bởi tai, mùi được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, đời này và đời khác được nối kết chằng

---

110. Hiện kiến pháp 現見法, ở trên Hán dịch là hiện pháp. Pāli: sandiṭṭhiko.

111. Pāli, S. 35. 188. Samudda.

112. Pāli: cakkhuviññeyyā rūpà iṭṭhà (...) kàmūpasaṃhitā, sắc được nhận thức bởi mắt, khả ái... liên hệ đến dục. Bản Hán đọc: kammūpasaṃhitā, liên hệ nghiệp.

113. Pāli: tantākulakajātà kulagaṇṭhikajātà muñjapabbajabhutà, giống như cuộn chỉ rối, như vật sình thối được che đậy, như cỏ muñja, cỏ pabbaja.

chịt lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như nói về nghiệp thân, miệng, ý; tham, nhuế, si, già, bệnh, chết cũng nói chi tiết như vậy.

Giống như ba kinh nói về năm căn, ba kinh nói về sáu căn cũng như vậy.

□

Kinh 217. Đại hải (2)[114]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nói biển lớn, đó là lời nói của người ngu nói, chứ không phải là lời nói của bậc Thánh. Bậc Thánh nói mắt là biển lớn của con người và sắc kia là sóng cả[115]. Nếu người nào chịu nổi sắc ba đào, thì sẽ vượt qua bờ bên kia của biển cả của mắt, với các sóng cả, các dòng xoáy, sâu trùng độc hại và nữ quỷ La-sát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; chúng là biển cả của con người, âm thanh, mùi hương, vị, xúc chạm và pháp là sóng cả. Nếu ai kham chịu nổi pháp ba đào này, thì sẽ vượt qua bờ bên kia của biển cả của mắt, với các sóng cả, các dòng xoáy, sâu trùng độc hại và nữ quỷ La-sát."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đọc bài kệ:

Biển cả sóng cuồn cuộn,
Quỷ, ác trùng, ghê sợ.
Khó vượt nhưng vượt được;
Vĩnh viễn đoạn tập khởi,
Dứt trừ tất cả khổ,
Không tái sanh đời khác.
Vĩnh viễn trụ Niết-bàn,
Không còn buông lung nữa.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

114. Pāli, S. 35. 187. Samudda.

115. Pāli: tassa rūpamayo vego, dòng nước chảy xiết của nó được tạo thành bởi sắc.

Kinh 218. Khổ tập diệt[116]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ vì các ông mà nói về con đường dẫn đến tập khởi của khổ và con đường dẫn đến diệt tận khổ[117]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là con đường dẫn đến tập khởi khổ? Do duyên con mắt và sắc, nhãn thức phát sanh; ba sự hòa hợp sanh ra xúc; xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Khổ tập khởi như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là con đường tập khởi của khổ.

"Thế nào là con đường dẫn đến diệt tận khổ? Do duyên con mắt và sắc, nhãn thức phát sanh; ba sự hòa hợp sanh ra xúc. Xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não cũng diệt luôn, thuần một tụ khổ lớn như vậy bị tiêu diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 219. Niết-bàn đạo tích[118]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về con đường đưa đến Niết-bàn[119]. Vậy, thế nào là con đường đưa đến Niết-bàn? Quán sát mắt là vô thường. Quán sát sắc,

---

116. *Pāli, S. 35. 106. Dukkha.*

117. *Khổ tập đạo tích, khổ diệt đạo tích 苦集，道跡 苦滅道跡。Pāli: dukkhassa bhikkhave samadayña ca atthaṅgamña ca dessāmi, Ta sẽ nói về sự nổi lên và sự chìm xuống (sanh khởi và diệt tận) của khổ.*

118. *Pāli, S. 35. 146. Sappāya (thể nghiệm).*

119. *Niết-bàn đạo tích 涅槃道跡。Pāli: nibbānasappāyaṃ vo bhikkhace paṭipadaṃ dessāmi, Ta sẽ nói về con đường dẫn đến thể nghiệm Niết-bàn.*

nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc; chúng cũng đều là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 220. Tợ thú Niết-bàn đạo tích[120]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có con đường tương tợ đưa đến Niết-bàn. Vậy, thế nào là con đường tương tợ đưa đến Niết-bàn? Quán sát mắt chẳng phải ngã. Quán sát sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, chúng cũng được quán sát là vô thường[121]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là con đường tương tợ đưa đến Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 221. Thủ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có con đường đưa đến tất cả thủ. Vậy, thế nào là con đường đưa đến tất cả thủ? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh; cả ba hòa hợp sanh ra xúc. Xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, vì được chấp thủ bởi thủ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng vậy, vì được chấp thủ bởi thủ. Đó gọi là con đường đưa đến tất cả thủ.

"Thế nào là con đường đoạn tận tất cả thủ? Duyên con mắt và sắc

---

120. Con đường tương tợ (gần giống) dẫn đến Niết-bàn. Pāli, S. 35. 147-149. Sappāya.

121. Trong nguyên bản: vô thường 無常。Ấn Thuận sửa lại là phi ngã 非我?

mà nhãn thức phát sanh; cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Nếu xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 222. Tri thức[122]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên biết tất cả pháp được liễu tri, tất cả pháp được nhận thức[123]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

Thế nào là tất cả pháp được liễu tri? Tất cả pháp được nhận thức? Này các Tỳ-kheo, mắt là pháp được liễu tri, được nhận thức. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều là pháp được liễu tri, được nhận thức. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 223. Đoạn (1)[124]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không nói có một pháp không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Thế nào là không nói có một pháp không được liễu tri, không được nhận thức, mà cứu cánh biên tế khổ? Ta

---

122. Pāli, S. 35. 26-27. Parijāna.

123. Tri pháp, thức pháp, 知法識Ñ法。Bản Pāli: anabhijānaṃ, aparijānaṃ: không được thắng tri (nhận thức rõ ràng), không được biến tri (nhận thức toàn diện).

124. Pāli, xem kinh 222.

không nói, đối với mắt không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, Ta không nói không được liễu tri, không được nhận thức, mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 224. Đoạn (2)[125]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ[126]. Vậy, thế nào là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ? Mắt là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, chúng là tất cả pháp dục cần phải đoạn trừ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 225. Đoạn (3)[127]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không nói rằng một pháp không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Vậy, thế nào là không nói rằng một pháp không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ?

---

125. Pāli, S. 35. 24-25. Pahāna.

126. Hán: nhất thiết dục pháp 一切欲法。Bản Pāli: sabbappahānāya vo bhikkhave dhammaṃ dessāmi, Ta sẽ nói cho các ngươi pháp cần để đoạn trừ triệt để.

127. Pāli, xem kinh 224.

Ta không nói mắt không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng, Ta không nói, không được biết rõ, không bị đoạn trừ mà có thể cứu cánh biên tế khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 226. Kế (1)[128]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về sự đoạn trừ tất cả kế chấp[129]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là không kế chấp? Không chấp sắc thấy là ngã, không chấp mắt là ngã sở, không chấp lệ thuộc vào nhau. Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, đối với chúng cũng không mê chấp lạc là ngã, là ngã sở, không chấp là tương thuộc[130]. Không chấp tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Người nào không chấp như vậy, đối với các pháp thế gian thường không có gì để chấp giữ. Vì không có gì để chấp giữ nên không có gì để đắm nhiễm. Vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

128. Tức phân biệt chấp trước. Pāli, S. 35. 90-91. Eja (dao động, bị kích thích bởi sự dụ hoặc).

129. Pāli: ejā, sự dao động. Sớ giải Pāli nói, ejā tức taṇhā (khát ái).

130. Hán: bất kế lạc tương lạc 不計樂相樂，xem kinh 227. Pāli: tasmimpi na maññeyya tam meti na maññeyya: không ở nơi đây (khổ, lạc) mà tư duy; không y theo đây mà tư duy; cũng không tư duy nó là của tôi.

Kinh 227. Kế (2)[131]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Kế chấp là bệnh, kế chấp là ung nhọt, kế chấp là gai nhọn[132]. Như Lai vì không trụ kế chấp nên xa lìa bệnh, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn. Cho nên này các Tỳ-kheo, nếu muốn cầu không trụ kế chấp, để xa lìa bệnh, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn, thì Tỳ-kheo các ông chớ kế chấp mắt là ngã, là ngã sở, chớ kế chấp tương thuộc của mắt; chớ chấp sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, cũng không chấp cho là ngã, là ngã sở, hay ở trong nhau. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

Này các Tỳ-kheo, người nào không chấp như vậy, đối với mắt sẽ không có gì để chấp giữ. Vì không có gì để giữ, nên không có gì để đắm nhiễm. Vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như mắt... đã nói trên, còn tất cả những nội dung khác cũng như vậy.

□

Kinh 228. Tăng trưởng

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp tăng trưởng và pháp tổn diệt. Thế nào là pháp tăng trưởng? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh; cả ba

---

131. Pāli, xem kinh 226.

132. Kế giả thị bệnh 計者是病。Pāli: ejā bhikkhave rogo ejā gaṇḍo ejā sallaṃ, động tham (kích thích bởi tham dục) là bệnh; động tham là gai nhọn; động tham là mũi tên độc. Xem cht.129, kinh 226 trên.

hòa hợp nhau sanh ra xúc. Xúc làm duyên sanh ra cảm thọ... *(nói chi tiết đầy đủ cho đến...),* thuần một tụ khổ lớn. Đó gọi là pháp tăng trưởng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy, đó gọi là pháp tăng trưởng.

"Thế nào là pháp tổn diệt? Duyên con mắt và sắc mà nhãn thức phát sanh, cả ba hòa hợp nhau sanh ra xúc. Xúc diệt thì thọ diệt, chi tiết cho đến… thuần một tụ khổ lớn bị diệt tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy, đó gọi là pháp tổn diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như pháp tăng trưởng và tổn diệt, thì pháp khởi, pháp xứ, pháp biến dịch, pháp tập khởi, pháp diệt tận cũng dạy như trên.

□

Kinh 229. Hữu lậu vô lậu

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Vậy, thế nào là pháp hữu lậu? Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc; thuộc thế tục, nên gọi là pháp hữu lậu.

"Thế nào là pháp vô lậu? Là vượt ra ngoài thế gian ý, hoặc pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thuộc xuất thế gian, nên gọi là pháp vô lậu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

TẠP A-HÀM QUYỂN 9

Kinh 230. Tam-di-ly-đề (1)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, gọi là thế gian. Vậy, thế nào gọi là thế gian?"

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

"Con mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc. Đó gọi là thế gian. Vì sao? Vì sáu nhập xứ tập khởi nên xúc tập khởi, như vậy cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng tập khởi.

"Này Tam-di-ly-đề, nếu không có con mắt kia, không có sắc, không có nhãn thức, không có nhãn xúc và không có cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc; không có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thì không có thế gian, cũng không thi thiết thế gian[2]. Vì sao? Vì sáu nhập xứ diệt nên xúc diệt, cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng diệt."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như thế gian, chúng sanh, cũng được thuyết như vậy.

□

---

[1] *Pāli, S. 35. 65-68. Samiddhi.*

[2] *Thi thiết thế gian 施設世間, giả thiết hay khái niệm về thế gian. Pāli: lokapaññatti.*

Kinh 231. Tam-di-ly-đề (2)[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, gọi là thế gian. Vậy, thế nào gọi là thế gian?"

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

"Mong manh tan vỡ[4], đó gọi là thế gian. Thế nào là mong manh tan vỡ?[5]

"Này Tam-di-ly-đề, mắt là pháp mong manh tan vỡ. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều mong manh tan vỡ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó là nói rằng vì nó mong manh tan vỡ cho nên gọi là thế gian."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 232. Không[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nói rằng 'Thế gian trống không[7].' Vậy, thế nào gọi là 'Thế gian trống không'?"

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

"Mắt là không; pháp thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch là

---

3. Pāli, xem kinh 230; tham chiếu, S. 35. 82. Loka.

4. Nguy thúy bại hoại 危脆敗壞: mong manh, giòn, dễ tan vỡ. Pāli: lujjati; xem cht.5 dưới.

5. Pāli, S. 35. 82. Loka, câu này Phật trả lời cho một Tỳ-kheo (aññataro bhikikhu): lujjatī 'ti kho, bhikkhu, tamsà lokoti vuccati, nó bị tan vỡ, do đó nó được gọi là thế gian. Theo định nghĩa này, danh từ loka (thế gian) là do gốc động từ lujjati (tan vỡ, vì quá giòn, hay mong manh).

6. Pāli, S. 35. 65-85. Suñña.

7. Hán: thế gian không 世間空。Pāli: suñño loko. Trong bản Pāli, câu hỏi này do Ānanda.

không; ngã sở là không[8]. Vì sao? Vì tánh của nó tự là như vậy. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng cũng không, pháp thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch là không, ngã sở là không. Vì sao? Vì tánh của nó tự như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là thế gian không."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 233. Thế gian[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về thế gian, về sự tập khởi của thế gian, về sự diệt tận thế gian, về con đường đưa đến sự diệt tận thế gian. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

"Thế nào là thế gian? Đó là sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nội nhập xứ.

"Thế nào là sự tập khởi thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia[10].

"Thế nào là sự diệt tận thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia, đã được đoạn trừ không dư tàn, đã xả bỏ, đã nhả ra, đã dứt sạch, đã ly dục, tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận? Là tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

8. Pāli, S. 35. 85: cakkhuṃ suññaṃ attena và attaniyena và, con mắt trống không, không ngã hay ngã sở.

9. Pāli, S. 35. 107. Loka.

10. Đương lai hữu ái 當來有愛。Pāli: taṇhā ponobhavikà, khát ái về đời sống tương lai, khát vọng tồn tại đời sau.

Kinh 234. Thế gian biên[11]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta không nói là có người đi đến tận cùng biên tế của thế giới[12]. Ta cũng không nói là không đi đến tận cùng biên tế của thế giới mà có thể cứu cánh tận cùng biên tế của khổ."

Ngài nói như vậy rồi vào thất thiền định.

Sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, thì bấy giờ có số đông Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận:

"Đức Thế Tôn vừa rồi đã tóm lược nói pháp là: 'Ta không nói là có người đi đến tận cùng biên tế của thế giới. Ta cũng không nói là không đi đến tận cùng biên tế của thế giới mà có thể cứu cánh tận cùng biên tế của khổ.' Ngài nói như vậy rồi vào thất thiền định. Nay chúng ta chưa hiểu rõ ý nghĩa của bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Ở trong các vị, ai là người có thể vì chúng ta nói đầy đủ ý nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó không?"

Lại nói:

"Chỉ có Tôn giả A-nan là người thông minh, trí tuệ ghi nhớ tất cả; thường theo hầu bên cạnh Thế Tôn và được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi là đa văn, có thể vì chúng ta mà nói đầy đủ ý nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả A-nan nhờ Tôn giả giải thích."

Rồi thì, số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-nan, thăm hỏi nhau rồi ngồi qua một bên, đem hết mọi chuyện trên hỏi Tôn giả A-nan.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các Tôn giả mà nói. Hoặc là thế gian, hoặc là danh của thế gian, giác của thế gian, ngôn từ của thế gian, ngữ thuyết của thế gian, tất cả những thứ này đều thuộc vào số mục của thế gian[13]. Thưa các Tôn giả, mắt là thế gian, là danh của thế gian, là

---

[11] Pāli, S. 35. 116. Lokakāmaguṇa (phẩm chất dục lạc của thế gian).

[12] Pāli: nāhaṃ, bhikkhave, gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ, daṭṭheyyaṃ, patteyyanti vadāmi, Ta không nói rằng, do đi mà có thể đến và thấy và biết tận cùng biên tế của thế giới.

[13] Pāli: yena āvuso lokasmiṃ lokasaññī hoti lokamānī – ayaṃ vuccati ariyassa vinaye loko, cái mà do bởi nó người có khái niệm về thế gian, có suy tưởng về thế gian, cái đó

giác của thế gian, là ngôn từ của thế gian, là ngữ thuyết của thế gian, tất cả chúng đều thuộc vào số mục của thế gian. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu nhập xứ phải biết như thật về sự tập khởi, về sự diệt tận, về vị ngọt, về sự tai hại, về sự xuất ly của chúng. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử đã đến chỗ tận cùng của thế giới, biết được thế gian và sức nặng của thế gian[14] và vượt qua khỏi thế gian."

Bấy giờ Tôn giả A-nan lại nói kệ:

Chẳng phải do bước đi,
Mà đến bờ thế giới.
Không đến bờ thế giới,
Thì không thoát khỏi khổ.
Cho nên Đức Mâu-ni,
Là Đấng Biết Thế Gian[15],
Đã đến bờ thế giới,
Các phạm hạnh đã lập.
Bờ thế giới chỉ có
Chánh trí mới biết rõ.
Giác tuệ đạt thế gian,
Nên nói vượt bờ kia.

"Như vậy các Tôn giả, vừa rồi Đức Thế Tôn đã tóm lược bài pháp, rồi vào thất thiền định. Nay tôi vì các Tôn giả phân biệt nói đầy đủ."

Khi Tôn giả A-nan nói bài pháp này rồi, số đông các Tỳ-kheo nghe những lời nói xong, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 235. Cận trụ[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có thầy, có đệ tử gần gũi, là khổ đối với đời sống cô độc. Không thầy, không đệ tử gần gũi, là an lạc đối với đời sống cô độc[17]. Thế nào là

---

trong Thánh pháp luật được gọi là thế gian (= thế giới).

14. Thế gian sở trọng 世間所重。

15. Trí Thế Gian 知世間，tức Thế Gian Giải, một trong mười hiệu của Phật.

16. Cận trụ 近住，đây hiểu là nội trú: đệ tử hầu cạnh thầy. Pāli, S. 35. 150. Antevàsì.

17. Pāli: santevàsiko, bhikkhave, bhikkhu sācariyako dukkhaṃ na phàsu viharati.

có thầy, có đệ tử gần gũi, là khổ đối với đời sống cô độc? Duyên vào mắt thấy sắc, sanh ra các niệm tưởng ác bất thiện[18] câu hữu với tham, nhuế, si. Nếu Tỳ-kheo nào thực hành pháp này, thì gọi là có thầy[19]; nếu trụ vào bên cạnh đó thì gọi là đệ tử gần gũi[20]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

"Như vậy nói là có thầy, có đệ tử gần gũi, thì thường khổ đối với đời sống cô độc.

"Thế nào là không thầy, không đệ tử gần gũi, thường an lạc đối với đời sống cô độc? Duyên vào mắt thấy sắc, sanh ra niệm ác bất thiện câu hữu với tham, nhuế, si, mà Tỳ-kheo này không hành theo, đó gọi là không thầy. Nếu không nương vào đó mà trụ thì gọi là không đệ tử gần gũi. Đó gọi là không thầy, không đệ tử gần gũi, thường an lạc đối với đời sống cô độc.

"Nếu Tỳ-kheo nào, không thầy, không đệ tử gần gũi, thì Ta nói người này phước phạm hạnh. Vì sao? Tỳ-kheo không thầy, không đệ tử gần gũi, thì Tỳ-kheo ấy đã kiến lập phạm hạnh ở nơi Ta, có khả năng chân chánh diệt tận khổ, cứu cánh biên tế khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 236. Thanh tịnh khất thực trụ[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào

---

Anantevàsiko, bhikkhave, bhikkhu anācariyako sukhaṃ phàsu viharati, Tỳ-kheo có đệ tử nội trú, có thầy, sống không thoải mái. Tỳ-kheo không đệ tử nội trú, không thầy, sống an lạc.

18. Ác bất thiện giác 惡不善覺。Pāli: pāpakā akusalà dhammā sarasaṭkappà saṃyojaniyā, các pháp ác bất thiện được tưởng nhớ, được ước vọng, dẫn đến sự trói buộc.

19. Hán: hữu sư 有師。Pāli: sācariyako, người có thầy: samudācaranti naṃ pāpakā akusalà dhammāti, tasmā sācariyakoti vuccati, các pháp ác bất thiện dẫn nó đi, nên nó được nói là người có thầy.

20. Hán: cận trụ đệ tử 近住弟子。Pāli: antevāsa, đệ tử nội trú.

21. An trụ nơi sự thanh tịnh của khất thực; sống với sự khất thực thanh tịnh. Pāli, M. 151. Piṇḍapātapārisuddhi-sutta, Cf. N⁰125 (45.6).

thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong; cầm tọa cụ vào trong rừng, tọa thiền nghỉ trưa. Sau khi tọa thiền xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Ngươi từ đâu lại?"

Xá-lợi-phất đáp:

"Bạch Thế Tôn, con từ chỗ tọa thiền nghỉ trưa ở trong rừng lại."

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

"Hôm nay ngươi nhập vào thiền nào mà an trú?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Hôm nay con ở trong rừng, nhập an trụ thiền Không tam-muội[22]."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, hôm nay ngươi đã nhập thiền trú bậc thượng tọa mà tọa thiền[23]. Nếu các Tỳ-kheo nào, muốn nhập thiền thượng tọa, thì phải học như vầy:

"Khi vào thành, khi đi khất thực, hoặc lúc ra khỏi thành, thì phải tư duy như thế này: 'Hôm nay mắt ta thấy sắc, có khởi lên dục, ân ái, ái lạc, niệm tưởng, đắm nhiễm không?' Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo quán sát như vậy, nếu nhãn thức đối với sắc mà có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này vì để đoạn ác bất thiện nên phải phát khởi quyết ý tinh cần, có khả năng buộc chặt ý niệm để tu học. Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, vì muốn dập tắt hết lửa, nên phải phát khởi nỗ lực quyết tâm để dập tắt lửa. Tỳ-kheo này lại cũng phải như vậy, phải phát khởi quyết ý tinh cần, buộc chặt ý niệm để tu học.

"Nếu Tỳ-kheo khi quán sát, hoặc ở giữa đường, hoặc đi khất thực ở trong làng xóm, hoặc đi ra khỏi làng xóm, ngay trong lúc đó mà nhãn thức đối với sắc không có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này ước nguyện bằng thiện căn hỷ lạc này, ngày đêm tinh cần cột niệm tu tập. Đó gọi là Tỳ-kheo đi, đứng, ngồi, nằm, với sự khất thực đã được thanh tịnh. Cho nên kinh này gọi là Thanh tịnh khất thực trụ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[22] Pāli: suññatāvihārena kho ahaṃ bhante etarahi bahulaṃ vihārāmì ti, bạch Thế Tôn, ở đây con phần nhiều an trú bằng sự an trụ nơi không tánh.

[23] Pāli: mahāpurisavihāro eso, sāriputta, yadidaṃ suññaṃ, đây là sự an trụ của bậc Đại nhân, này Sariputta, đó là an trụ không.

Kinh 237. Tỳ-xá-ly[24]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ có gia chủ tên là Úc-cù-lũ[25] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Vì sao có Tỳ-kheo nhập Niết-bàn ngay trong đời này và có Tỳ-kheo không nhập Niết-bàn ngay trong đời này?"

Phật bảo gia chủ:

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà có ái niệm, đắm nhiễm; do ái niệm, đắm nhiễm, thường y trên thức và bị nó trói buộc, bị nó giữ chặt, nên không thể nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà không ái niệm, đắm nhiễm; vì không có ái niệm, đắm nhiễm nên không y trên thức. Vì không bị xúc, không bị dính mắc, không bị chấp thủ, nên các Tỳ-kheo này nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Cho nên, này gia chủ, có Tỳ-kheo nhập Niết-bàn ngay trong đời này và có Tỳ-kheo không nhập Niết-bàn ngay trong đời này."

Như kinh Gia chủ hỏi, kinh A-nan hỏi và kinh Phật vì các Tỳ-kheo mà nói, cũng dạy như trên vậy.

□

Kinh 238. Nhân duyên

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì mà nhãn thức sanh? Và vì nhân gì duyên gì mà tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức sanh?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì mắt do duyên sắc nên nhãn thức sanh. Vì sao? Khi nhãn thức

---

[24] *Pāli, S. 35. 124. Vesāli.*

[25] *Úc-cù-lũ 郁瞿婁。Pāli: Ugga (Úc-già).*

sanh, là do tất cả mắt và sắc làm nhân duyên. Tai và âm thanh làm nhân duyên, mũi và hương làm nhân duyên, lưỡi và vị làm nhân duyên; ý và pháp làm nhân duyên nên ý thức sanh. Vì sao? Vì những gì là ý thức, tất cả chúng đều do ý và pháp làm nhân duyên sanh ra.

"Này Tỳ-kheo, đó gọi là do nhân duyên sanh ra nhãn thức, cho đến do nhân duyên sanh ra ý thức."

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 239. Kết[26]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp bị kết buộc và pháp kết buộc[27].

"Thế nào là pháp bị kết sử trói buộc? Là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị kết sử trói buộc.

"Thế nào là pháp kết sử? Là dục tham[28]. Đó gọi là pháp kết sử."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 240. Thủ[29]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp bị chấp thủ và pháp chấp thủ.

---

26. Kết 結, hay kết sử 結使, chỉ sự trói buộc của phiền não. Pāli, S.35. 109, 122. Saṃyojana.

27. Kết sở hệ pháp, kết pháp 結所繫法結法, pháp bị trói buộc bởi kết sử và kết sử. Pāli: saṃyojaniye dhamme, saṃyojanaṃ.

28. Dục tham 欲貪。Pāli: chandarāgo.

29. Pāli, S. 35. 110, 123. Upādāna.

"Thế nào là pháp bị chấp thủ? Là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị chấp thủ.

"Thế nào là pháp chấp thủ? Là dục tham. Đó gọi là pháp chấp thủ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 241. Thiêu nhiệt[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, thà dùng lửa đốt cháy que đồng rồi đem thui con mắt của mình, khiến cho nó cháy thiêu, chứ không để nhãn thức chấp vào sắc tướng mà chấp thủ hình dáng tốt đẹp. Vì sao? Vì chấp vào sắc tướng, chấp thủ những hình ảnh tốt đẹp, nên bị rơi vào đường ác, như hòn sắt bị chìm.

"Phàm phu ngu si, không học, thà nung đỏ dùi sắt đem dùi lỗ tai mình còn hơn là dùng nhĩ thức chấp vào âm thanh mà chấp thủ tiếng hay. Vì sao? Vì nhĩ thức chấp vào âm thanh mà chấp thủ tiếng hay, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

"Phàm phu ngu si, không học, thà dùng lưỡi dao bén cắt đứt mũi mình đi, còn hơn là dùng tỷ thức chấp vào mùi mà chấp thủ hương thơm. Vì sao? Vì chấp vào hương mà chấp thủ mùi thơm, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong dường ác, như hòn sắt bị chìm.

"Phàm phu ngu si, không học, thà dùng lưỡi dao bén cắt đứt lưỡi mình đi, còn hơn là dùng thiệt thức chấp vào vị mà chấp thủ vị ngon. Vì sao? Vì chấp vào vị mà chấp thủ vị ngon, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

"Phàm phu ngu si, không học, thà dùng thanh sắt cứng, cây giáo mũi nhọn đâm vào thân thể mình, còn hơn là dùng thân thức chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái. Vì sao? Vì chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái, thì khi thân hoại mạng

---

30. Thiêu nhiệt 燒熱, hay xí nhiên 熾燃: rực cháy; ngọn lửa đang bùng cháy. Pāli, S. 35. 194. Ādittena.

chung, sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

"Này các Tỳ-kheo, ham ngủ là sinh hoạt của người ngu, là mạng sống của người ngu, không lợi, không phước[31]. Nhưng này các Tỳ-kheo, thà nên mê ngủ còn hơn là đối với sắc kia mà khởi lên giác tưởng[32]. Nếu khởi lên giác tưởng ắt sẽ sanh ra triền phược, tranh tụng, có thể khiến cho mọi người đưa đến việc làm phi nghĩa, không mang lại lợi ích và an lạc cho trời người[33].

"Đa văn Thánh đệ tử kia nên phải học như vầy: 'Nay ta thà nung đỏ cây thương bằng sắt đem đâm vào con mắt, còn hơn là dùng nhãn thức để chạy theo sắc tướng thì chắc chắn sẽ bị rơi vào ba đường ác phải chịu khổ lâu dài. Từ hôm nay, ta phải tư duy chân chánh, quán sát mắt là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh. Đối với tai, mũi lưỡi, thân nhập xứ, cũng phải học như vậy. Thà dùng cây thương sắt đâm thủng thân mình, còn hơn là đem thân thức chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái, thì sẽ rơi vào ba đường ác. Từ hôm nay, ta phải tư duy đúng, quán sát thân là pháp hữu vi vô thường, tâm duyên sanh. Hoặc xúc, thân thức, thân xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên thân xúc, chúng cũng là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh.'

"Đa văn Thánh đệ tử nên học như vầy: 'Ham ngủ là sinh hoạt của người ngu, là mạng sống của người không lợi, không phước. Ta không ham ngủ, cũng không khởi giác tưởng. Nếu khởi giác tưởng thì sẽ sanh ra triền phược, tranh tụng, khiến cho mọi người làm những việc phi nghĩa, không lợi ích, không đem lại an lạc.'

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với mắt sanh ra nhàm tởm. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc,

---

31. Pāli: sottaṃ kho... vañjhaṃ jìvitānaṃ... aphalaṃ jìvitānaṃ... momūhaṃ jìvitānaṃ vadāmi: ngủ, Ta nói là sự không sanh sản của sinh mạng, là sự không kết trái của sinh mạng, là sự ngu mê của sinh mạng.

32. Pāli: na tveva tathārupe vitakke vitakkeyya, không tư duy tầm cầu những tư duy tầm cầu.

33. Bản Pāli: (...) saṅghaṃ bhindeyya, còn có thể khiến phá hòa hợp Tăng.

đối với chúng cũng sanh ra nhàm tởm. Do nhàm tởm nên không yêu thích; vì không yêu thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 242. Tri[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Đối với mắt mà không liễu tri, không nhận thức, không đoạn tận, không ly dục, thì không thể chân chánh diệt khổ. Đối với mắt, nếu liễu tri, nhận thức, đoạn tận, ly dục, thì có thể chân chánh diệt khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như bốn kinh thuyết về mắt cho đến ý, hai mươi bốn kinh cũng thuyết như trên vậy.

Kinh 243. Vị[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, nếu nếm vị nơi mắt, thì nên biết, Sa-môn, Bà-la-môn đó không tự tại thoát khỏi bàn tay của ma, bị ma trói buộc và lọt vào sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không nếm vị nơi mắt, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn đó không chạy theo ma, thoát khỏi bàn tay của ma, không lọt vào sự trói buộc của ma."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy,

---

34. Pāli, S. 35. 111-112. Pajāna.

35. Pāli, S. 35. 15-18. Assādena, v.v…

hoan hỷ phụng hành.

Như vị ngọt, đối với hoan hỷ, khen ngợi, đắm nhiễm, trụ vững, yêu thích, ghen ghét cũng thuyết như vậy. Như bảy kinh Nội nhập xứ, bảy kinh Ngoại nhập xứ cũng thuyết như vậy.

Kinh 244. Ma câu[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu móc câu của ma. Những gì là sáu? Đó là, sắc được con mắt nếm vị, đó là móc câu của ma. Tiếng được tai nếm vị, đó là móc câu của ma. Hương được mũi nếm vị, đó là móc câu của ma. Lưỡi đắm vào vị ngọt của vị, đó là móc câu của ma. Xúc được thân nếm vị, đó là móc câu của ma. Pháp được ý nếm vị, đó là móc câu của ma. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà mắt nếm vị ngọt của sắc, thì nên biết là Sa-môn, Bà-la-môn ấy bị móc câu của ma móc vào yết hầu của họ, đối với ma không được tự tại."

Nói uế, nói về tịnh, cũng chi tiết như trên.

KINH 245. TỨ PHẨM PHÁP[37]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nơi tụ lạc Điều phục bác ngưu, tại Câu-lưu-sấu[38], lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ vì các ông nói pháp, ngôn ngữ phần đầu thiện xảo, ngôn ngữ phần giữa thiện xảo, ngôn ngữ phần cuối cũng thiện xảo, nghĩa thiện xảo, vị thiện xảo, thuần nhất, thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch. Đó là kinh 'Tứ phẩm pháp', hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

---

36. Móc câu của ma. Pāli, S. 35. 114-115. Mārapāsa.

37. Pāli, S. 35. 189. Bālisika.

38. Câu-lưu-sấu Điều phục bác ngưu tụ lạc 拘留搜調伏駁牛聚落。Pāli: Kurusu Kammāsadamma. Xem kinh 263 dưới.

"Kinh Tứ phẩm pháp là gì? Có sắc được nhận thức bởi mắt là đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích, đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy rồi thì hoan hỷ, tán thán, ái lạc, bám chặt vào đó. Có sắc được nhận thức bởi mắt là không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích đắm vào, chỉ có khổ, đáng nhàm tởm. Tỳ-kheo thấy rồi thì sân hận, bất mãn. Những Tỳ-kheo như vậy không được tự tại thoát khỏi ma,... cho đến sẽ không giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Có sắc được nhận thức bởi mắt là đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích, đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy rồi không hoan hỷ, không tán thán, không ái lạc mà bám chặt vào đó. Có sắc được nhận thức bởi mắt là không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích đắm vào, chỉ có khổ, đáng nhàm tởm. Tỳ-kheo thấy rồi thì không sân hận, không bất mãn. Tỳ-kheo như vậy, không bị ma tự tại chi phối,... cho đến thoát khỏi mọi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là kinh Tứ phẩm pháp của Tỳ-kheo."

□

Kinh 246. Thất niên[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương xá[40]. Bấy giờ vào lúc sáng sớm Thế Tôn đắp y bưng bát vào thành Vương xá khất thực. Lúc ấy[41] Thiên ma Ba-tuần nghĩ rằng, "Vừa sáng sớm mà Sa-môn Cù-đàm đã đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Nay ta nên đến đó làm nhiễu loạn ý đạo của ông ta." Bấy giờ, Ma Ba-tuần hóa làm một người đánh xe, cầm roi đi tìm bò, mặc đồ rách rưới, đầu tóc rối bù, tay chân nứt nẻ, tay cầm roi bò, đến trước Thế Tôn hỏi:

"Cù-đàm có thấy con bò của tôi ở đâu không?"

Đức Thế Tôn liền nghĩ, "Đây là ác ma, muốn đến gây nhiễu loạn Ta." Ngài liền nói với ma:

"Này ác ma, ở đâu có bò? Cần bò để làm gì?"

Ma liền nghĩ, Sa-môn Cù-đàm đã biết ta là ma rồi, bèn bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, nhãn xúc nhập xứ là xe tôi cưỡi. Tai, mũi, lưỡi, thân,

---

39. Bảy năm. Pāli, S. 35. 24. Sattavassāni.

40. Bản Pāli: Phật trú tại Uruvela (Ưu-lâu-tần-loa), bên bờ sông Nerañjara (Ni-liên-thiền).

41. Bản Pāli: lúc bấy giờ, Ma Ba-tuần theo gót Thế Tôn suốt bảy năm.

ý xúc nhập xứ là xe tôi cưỡi."

Lại hỏi:

"Bạch Cù-đàm, Ngài muốn đi đến đâu?"

Phật bảo ác ma:

"Ngươi có nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Nếu kia là chỗ không có nhãn xúc nhập xứ, không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ, thì chỗ đó không đến được. Ta đi đến đó."

Bấy giờ Thiên ma Ba-tuần nói kệ rằng:

Ở đâu thường có ngã,
Chúng đều là của ta,
Tất cả thuộc về ta.
Cù-đàm đi đến đâu?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lại:

Nếu ai nói có ngã,
Kia nói ngã là quấy.
Như vậy biết Ba-tuần,
Tự hãm vào bế tắc.

Ma lại nói kệ:

Nếu bảo rằng biết đạo,
An ổn đến Niết-bàn;
Ngài một mình đi đến,
Phiền gì dạy người khác?

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu có người lìa ma,
Hỏi đường qua bờ giác,
Vì họ nói bình đẳng,
Chân thật quyết không sót,
Tu tập không buông lung,
Thường khỏi ma chi phối.

Ma lại nói kệ:

Có đá tựa cục thịt,
Quạ đói đến muốn ăn,
Nó tưởng là mềm ngon,
Muốn lấp vào bụng trống.
Xong không được vị kia;
Mỏ gãy mà bay đi.
Ta nay giống như quạ,

Cù-đàm như cục đá,
Không được, thẹn mà đi.
Như quạ bay giữa trời,
Trong lòng ôm sầu độc,
Biến nhanh mất đường bay.

□

Kinh 247. Tập cận

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mắt quen gần gũi[42] sắc, thì bị rơi vào chỗ tự tại của ma, cho đến không giải thoát được sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, mà mắt không quen gần gũi sắc, không bị rơi vào chỗ tự tại của ma, cho đến, sẽ giải thoát được sự trói buộc của ma. Đối với tai mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh quen gần gũi: trói buộc, đắm nhiễm, vị ngọt, chòm xóm láng giềng, (nếu) sai sử, trói chặt, ngã sở, mong cầu, ham muốn, thuần, nồng hậu không bỏ, cũng thuyết như trên vậy.[43]

□

Kinh 248. Thuần-đà

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại Kê lâm viên[44], nước Ba-tra-lợi Phất-đa-la[45]. Bấy giờ Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Đại Thuần-đà[46], cùng nhau thăm hỏi xong, ngồi qua một bên. Bấy giờ Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Thuần-đà:

---

42. Tập cận 習近。Pāli: sevati: thân cận và phục vụ.

43. Tóm tắt mười bốn kinh.

44. Kê lâm viên 雞林唯 cũng thường gọi là Kê viên. Pāli: Kukkuṭārāma.

45. Ba-tra-lợi Phất-đa-la quốc 波吒利弗多羅國, thường nói là Hoa thị thành. Pāli: Pāṭaliputta.

46. Đại Thuần-đà 大周那. Em trai của ngài Xá-lợi-phất. Pāli: Mahā-Cunda.

"Có những điều tôi muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để giải đáp cho không?"

Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết thì tôi sẽ trả lời."

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Thuần-đà:

"Như Đức Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói, sắc do bốn đại tạo được thi thiết, được hiển thị, rằng sắc do bốn đại tạo này là phi ngã. Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, cũng nói thức là phi ngã chăng[47]?"

Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan:

"Tôn giả là đa văn bậc nhất. Tôi từ xa đến chỗ Tôn giả là vì muốn hỏi pháp này. Hôm nay Tôn giả xin vì tôi mà nói nghĩa này."

Tôn giả A-nan hỏi Thuần-đà:

"Nay tôi hỏi Tôn giả, hãy tùy ý mà trả lời. Thưa Tôn giả Thuần-đà, vì có mắt, có sắc, có nhãn thức phải không?"

Đáp:

"Phải."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Do duyên vào mắt và sắc nên nhãn thức sanh phải không?"

Đáp:

"Đúng như vậy."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức; nhân này, duyên này là thường hay là vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Nhân này, duyên này sanh ra nhãn thức; nhân này, duyên này là vô thường, biến dịch, vậy thức kia có trụ không?"

Đáp:

---

47. Tham chiếu, S. 35. 193. Udàyi: Yatheva nu kho, āvuso ānanda, ayaṃ kàyo bhagavatà anekapariyāyena akkāto vivaìo pakāsito – itipāyaṃ kàyo anattā ti sakkà evameva viññāṇaṃ pidaṃ ācikkhituṃ desetuṃ paññapetuṃ paṭṭhapetuṃ vivarituṃ vibhajituṃ uttānìkātuṃ – itipidaṃ viññāṇaṃ anattā ti? Thế Tôn bằng nhiều phương tiện thuyết minh thân này, rằng thân này là vô ngã. Theo như vậy, thì có thể thuyết minh, hiển thị, phân biệt, làm sáng tỏ về thức này, rằng thức này là vô ngã, được chăng?

"Bạch Tôn giả, không."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Theo ý Tôn giả thế nào, pháp kia hoặc sanh hoặc diệt có thể biết được, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Tôn giả A-nan, không."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Theo ý Tôn giả thế nào đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp; có ý, có pháp, có ý thức không?"

Đáp:

"Có."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Do duyên vào ý và pháp mà ý thức sanh chăng?"

Đáp:

"Đúng như vậy."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Nếu ý duyên pháp mà ý thức sanh; nhân này, duyên này là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Hoặc nhân, hoặc duyên mà sanh ra ý thức; nhân này, duyên này là vô thường, biến dịch, vậy ý thức có trụ không?"

Đáp:

"Không."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Theo ý Tôn giả thế nào, pháp này hoặc sanh hay diệt có thể biết, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Bạch Tôn giả A-nan, không."

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Thuần-đà:

"Cho nên, này Tôn giả, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói, thức cũng vô thường.

"Giống như có người cầm rìu vào núi, thấy cây chuối, cho là có thể

dùng được, liền chặt đứt gốc, tách bỏ lá, lột bẹ để tìm lõi của nó. Nhưng lột đến chỗ tận cùng vẫn không thấy chỗ nào chắc cả. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử quán sát chân chánh nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Khi quán sát chân chánh, không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm nhiễm; vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi hai vị Chánh sĩ kia nói pháp trên, cả hai đều hoan hỷ và mỗi vị trở về chỗ ở của mình.

□

Kinh 249. Câu-hi-la (1)[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những điều muốn hỏi, Tôn giả có thì giờ vì tôi mà giải thích được không?"

Tôn giả Xá-lợi-Phất nói:

"Tùy theo những gì Tôn giả hỏi, nếu tôi biết thì sẽ trả lời."

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có còn gì nữa không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

"Đừng hỏi rằng: 'Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh, có còn gì nữa không?'"

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không còn gì nữa chăng?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả A-nan:

"Cũng đừng nên hỏi rằng: 'Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không còn gì nữa chăng?'"

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

---

48. Pāli, A. 4. 174. Koṭṭhika.

"Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có vừa còn vừa không còn gì, vừa chẳng phải còn vừa chẳng phải chẳng còn gì chăng?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả A-nan:

"Ở đây, cũng không nên hỏi rằng: 'Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có vừa còn vừa không còn gì, vừa chẳng phải còn vừa chẳng phải chẳng còn gì chăng?'"

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Như những gì Tôn giả đã nói, sáu xúc nhập xứ, sau khi đã bị đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không nên nói có, cũng không nên nói không, cũng không nên nói vừa có vừa không, cũng không nói chẳng phải có chẳng phải không. Vậy thì, những lời nói này có nghĩa gì?"

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tôn giả A-nan:

"Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có còn gì chăng? Đây là những lời hư vọng. Hoặc không còn gì chăng? Đây cũng là lời hư vọng. Hoặc có và không còn gì chăng? Đây cũng là lời hư vọng. Hoặc chẳng phải có còn chẳng phải không còn gì chăng? Đây cũng là những lời hư vọng. Nếu nói, sáu xúc nhập xứ sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch diệt, thì xa lìa các hư ngụy, đạt được Niết-bàn. Đó là những lời dạy của Phật."

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều hoan hỷ và mỗi người trở về chỗ của mình.

□

Kinh 250. Câu-hi-la (2)[49]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh để giải đáp cho chăng?"

---

[49] *Pāli, S. 35. 191. Koṭṭhika.*

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu tôi biết, tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào, mắt kết buộc sắc[50], hay sắc kết buộc mắt? Tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp; ý kết buộc pháp hay pháp kết buộc ý?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, ở giữa hai cái đó, cái gì là dục tham thì cái đó là kết buộc.

"Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, giống như hai con bò, một đen một trắng, cùng bị buộc vào một cái ách. Có người hỏi, 'Bò đen buộc bò trắng hay bò trắng buộc bò đen?' Hỏi như vậy có đúng không?"

Đáp:

"Không, Tôn giả Xá-lợi-phất, chẳng phải bò đen buộc bò trắng, cũng chẳng phải bò trắng buộc bò đen. Nhưng ở đây, hoặc là cái ách, hay là dây buộc cổ, là cái kết buộc chúng."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Cũng vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Ở đây dục tham kết buộc chúng. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, nếu mắt kết buộc sắc, hay nếu sắc kết buộc mắt và cho đến, nếu ý kết buộc pháp, hay nếu pháp kết buộc ý, thì Thế Tôn đã không dạy người kiến lập phạm hạnh để đoạn tận khổ. Vì chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt và cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý, nên Đức Thế Tôn dạy người kiến lập phạm hạnh để đoạn tận khổ. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, Thế Tôn khi mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu, không khởi dục tham; còn những chúng sanh khác khi mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu thì khởi dục tham. Cho nên Đức Thế Tôn nói hãy đoạn tận dục tham, thì tâm được giải thoát. Cho đến, ý và pháp lại cũng như vậy."

---

[50]. Nhãn hệ sắc, sắc hệ nhãn 眼繫色色繫眼。Pāli: kiṃ nu kho... cakkhu rūpānaṃ saṃyojanaṃ, rūpà cakhussa saṃyojanan ti: Mắt là kết sử của các sắc, hay các sắc là kết sử của mắt?

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều hoan hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

□

Kinh 251. Câu-hi-la (3)[51]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh để giải đáp cho chăng?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu tôi biết, tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

"Là không biết. Không biết tức là vô minh. Không biết cái gì? Không biết như thật mắt là vô thường; đó gọi là không biết. Không biết như thật mắt là pháp sanh diệt, đó gọi là không biết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Như vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đối với sáu xúc nhập xứ này mà không như thật thấy, biết, không vô gián đẳng[52], ngu si, không sáng, tối tăm, đó gọi là vô minh."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là minh, vậy thế nào là minh?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

"Là biết. Biết tức là minh. Biết những gì? Mắt là vô thường, nên biết như thật mắt là vô thường; mắt là pháp sanh diệt, nên biết như thật mắt là pháp sanh diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, đối với sáu xúc nhập xứ này mà như thật biết, thấy, sáng tỏ, giác ngộ, có trí tuệ, có vô gián đẳng, đó gọi là minh."

---

[51]. Pāli, A. 4. Koṭṭhika (hoặc Upavāṇa); M. 43. Mahāvedalla. Cf. N[0]26 (211).

[52]. Tức không hiện quán, không lý giải chính xác.

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều tùy hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

□

Kinh 252. Ưu-ba-tiên-na[53]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà thành Vương xá. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-tiên-na ở trong khu Hàn lâm[54], giữa bãi tha ma, dưới chân núi Xà-đầu, hành xứ Ca-lan-đà tại thành Vương xá[55]. Bấy giờ Tôn giả Ưu-ba-tiên-na đang ngồi thiền một mình trong hang đá, có một con rắn rất độc, dài khoảng một thước, từ trên phiến đá rơi xuống trên người Ưu-ba-tiên-na. Ưu-ba-tiên-na gọi Tôn giả Xá-lợi-phất đi nói với các Tỳ-kheo:

"Có con rắn độc rơi xuống trên người tôi. Thân tôi đang bị trúng độc. Các ông hãy đến nhanh lên, khiêng người tôi ra để bên ngoài, chớ để người tôi hủy hoại như một đống trấu nát."

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới bóng cây gần đó, nghe Ưu-ba-tiên-na nói, liền đến chỗ Ưu-ba-tiên-na nói với Ưu-ba-tiên-na:

"Nay nhìn sắc tướng của thầy, tôi thấy các căn vẫn bình thường không đổi khác, mà nói là trúng độc, nhờ 'khiêng người tôi ra để bên ngoài, chớ để người tôi hủy hoại như một đống trấu.' Vậy thì rốt cuộc là thế nào?"

Ưu-ba-tiên-na nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Nếu ai đó nói, 'Con mắt là tôi, là của tôi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là tôi, là của tôi. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là tôi, là của tôi. Địa giới là tôi, là của tôi. Nước, lửa, gió, không, thức giới là tôi, là của tôi; đối với sắc ấm, chấp sắc ấm là tôi, là của tôi. Thọ, tưởng, hành, thức ấm là tôi, là của tôi. Với người đó, sắc mặt và các căn có thể biến đổi khác đi. Nhưng hiện tại tôi không như vậy. Mắt không phải là tôi, là không phải của tôi, cho đến, thức ấm không phải tôi, không phải của tôi, vì vậy cho nên sắc mặt và các căn không có biến đổi khác đi."

---

53. Pāli, S. 35. 69. Upasena.

54. Hàn lâm 寒林, rừng lạnh, khu đất trống vất xác người chết, không thiêu. Pāli: sītavana.

55. Vương xá thành, Xà-đầu nham hạ Ca-lăng-già hành xứ 王舍城蛇頭巖下迦陵伽行處。Pāli: rājagahe viharati sītavane sappasoṇḍikapabbhāre, trú Vương xá, trong rừng Lạnh, trong một hang đá trong núi Xà-đầu.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Như vậy, này Ưu-ba-tiên-na, nếu thầy vĩnh viễn xa lìa ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử, khiến đoạn tận gốc rễ của chúng như chặt ngọn cây đa-la, thì đối với đời vị lai vĩnh viễn không khởi lên trở lại, vậy làm sao sắc mặt và các căn biến đổi khác đi được?"

Rồi thì, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đi vòng qua dìu thân Tôn giả Ưu-ba-tiên-na ra khỏi hang. Thân người bị trúng độc của Tôn giả Ưu-ba-tiên-na đang hủy hoại như một đống trấu nát.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ:

Từ lâu, trồng phạm hạnh,
Khéo tu tám Thánh đạo,
Hoan hỷ xả bỏ thân,
Giống như vất bát độc.
Từ lâu, trồng phạm hạnh,
Khéo tu tám Thánh đạo,
Hoan hỷ xả bỏ thân,
Như người bệnh hết bệnh.
Từ lâu, trồng phạm hạnh,
Khéo tu tám Thánh đạo,
Như ra khỏi nhà lửa,
Lúc chết không lo tiếc.
Từ lâu, trồng phạm hạnh,
Khéo tu tám Thánh đạo,
Dùng tuệ quán thế gian,
Giống như cây cỏ thối,
Không còn mong gì nữa,
Cũng không tiếp tục nữa.

Sau khi cúng dường thi thể Tôn giả Ưu-ba-tiên-na xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ưu-ba-tiên-na bị con rắn nhỏ cực độc bằng chiếc thẻ tre trị mắt, rơi xuống trên người và thân thể Tôn giả hủy hoại như đống trấu nát."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Nếu Ưu-ba-tiên-na tụng bài kệ này, thì sẽ không trúng độc và thân thể cũng không bị hủy hoại như đống trấu nát được."

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, tụng những bài kệ nào và văn cú của nó ra sao?"
Phật liền vì Xá-lợi-phất đọc kệ:

Thường thường thương xót chúng,
Kiên cố Lại-tra-la,
Thương Y-la-bàn-na,
Thi-bà-phất-đa-la,
Khâm-bà-la thượng mã,
Cũng thương Ca-câu-tra.
Cùng Cù-đàm đen kia,
Nan-đà, Bạt-nan-đà,
Thương xót loài không chân,
Và cả loài hai chân,
Bốn chân, cùng nhiều chân,
Cũng khởi lòng thương xót.
Thương xót các loài rồng,
Trên đất liền, dưới nước,
Thương tất cả chúng sanh,
Dễ sợ, không dễ sợ[56].
An vui cho tất cả,
Cũng lìa sanh phiền não,
Muốn cho tất cả hiền,
Tất cả chớ sanh ác,
Thường ở núi Xà-đầu,
Các ác không nhóm hợp.
Rắn hung hại ác độc,
Thường hại mạng chúng sanh,
Như lời chân thật này,
Đại Sư vô thượng dạy.
Nay Ta tụng kệ này,
Lời Đại Sư chân thật,
Tất cả các ác độc,
Không thể hại thân ta.
Tham dục, sân, nhuế, si,
Ba độc của thế gian,
Như ba ác độc này,
Vĩnh trừ gọi Phật bảo.

---

[56] *Bản Cao-ly: hữu lượng 有量 (lường được); Tống-Nguyên-Minh: hữu úy 有畏 (dễ sợ).*

Pháp bảo diệt các độc,
Tăng bảo cũng hoàn toàn,
Phá hoại ác hung độc,
Nhiếp thủ hộ người lành,
Phật phá tất cả độc,
Nay vì phá rắn độc,
Nên nói chú thuật này.

Ô-đam-bà-lệ, đam-bà-lệ, đam-lục, ba-la-đam-lục, nại-tí, túc-nại-tí, chỉ-bạt-tí, văn-na-di, tam-ma-di, đàn-đế, ni-la-chỉ-thí, bà-la-câu-bế-ô-lệ, ô-ngu-lệ, tất-bà-ha[57].

"Này Xá-lợi-phất, nếu lúc ấy thiện gia nam tử Ưu-ba-tiên-na mà đọc bài kệ này, tụng những câu này, thì chắc chắn rắn độc không rơi trúng người và thân thể cũng không hủy hoại như đống trấu nát."

Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ưu-ba-tiên-na chưa từng nghe bài kệ này, chưa từng nghe những câu chú thuật này. Hôm nay Thế Tôn mới nói nó, mục đích chính là vì đời sau."

Sau khi nghe Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

□

Kinh 253. Tỳ-nữu ca-chiên-diên[58]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Ưu-đà-di[59] đi qua nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến thôn Câu-bàn-trà[60], trú trong vườn Am-la của nữ Bà-la-môn dòng họ Tỳ-nữu Ca-chiên-diên.

Bấy giờ có những người đệ tử nhỏ tuổi của nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị[61] đi nhặt củi trong vườn Am-la, thấy Tôn giả Ưu-đà-di

---

57. *Chưa tìm thấy gốc tiếng Phạm.*
58. *Pāli, S. 35. 133. Verahaccāni.*
59. *Ưu-đà-di 優陀彌。Pāli: Udàyi.*
60. *Câu-tát-la quốc, Câu-bàn-trà tụ lạc 拘薩羅國，拘磐茶聚樂。Pāli: kāmaṇḍāyaṃ viharati todeyyassa brahmanassa ambavane, trú ở Kāmaṇḍà, trong vườn xoài của Bà-la-môn Todeyya.*
61. *Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị Bà-la-môn ni 毗紐迦旃延氏婆羅門尼。Pāli: verahaccānigottāya brāhmaṇiyā, của Bà-la-môn ni dòng họ Verahaccāni.*

đang ngồi dưới bóng cây, tướng mạo đoan chánh, các căn vắng lặng, tâm ý an trụ, thành tựu sự điều phục bậc nhất; thấy vậy bèn đến chỗ ngài, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di vì các thiếu nữ, bằng nhiều hình thức, thuyết pháp, khích lệ họ xong, rồi im lặng. Sau khi nghe Tôn giả dạy, các thiếu niên tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Các thiếu nữ vác củi trở về chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị, đặt củi xuống đất, rồi đến chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị, thưa:

"Hòa thượng ni của chúng con biết cho, trong vườn Am-la có Sa-môn Ưu-đà-di, dòng họ Cù-đàm đang ở nơi đó và nói pháp rất hay."

Nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị bảo các thiếu nữ:

"Các con hãy đến đó mời Sa-môn Ưu-đà-di dòng họ Cù-đàm ngày mai đến đây dùng cơm."

Bấy giờ, các đệ tử thiếu nữ vâng lời nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên đến chỗ Tôn giả Ưu-đà-di bạch:

"Tôn giả biết cho, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, Hòa thượng của chúng con, mời Tôn giả ngày mai đến dùng cơm."

Bấy giờ, Ưu-đà-di im lặng nhận lời. Các thiếu nữ biết Tôn giả Ưu-đà-di đã nhận lời mời rồi, trở về chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, thưa:

"Bạch Hòa thượng ni, chúng con đã vâng lời Hòa thượng ni mời Tôn giả Ưu-đà-di và Tôn giả Ưu-đà-di đã im lặng nhận lời mời rồi, xin Hòa- thượng-ni biết cho."

Qua khỏi đêm, sáng hôm sau, Tôn giả Ưu-đà-di đắp y mang bát đến nhà nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên. Nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên từ xa trông thấy Tôn giả Ưu-đà-di lại, vội vàng trải giường chõng mời ngồi; dọn các thứ đồ ăn thức uống ra, tự tay mình cúng dường các món ngon đầy đủ. Sau khi ăn xong, rửa tay, rửa bát, rồi trở lại chỗ ngồi. Bấy giờ, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên biết Tôn giả đã ăn xong, bà mang một đôi giầy tốt, lấy vải phủ đầu, để riêng một cái ghế cao, tỏ vẻ khinh thường, ngạo mạn mà ngồi và nói với Tôn giả Ưu-đà-di:

"Tôi có điều muốn hỏi, ngài có rảnh để trả lời cho không?"

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

"Thưa chị, hôm nay không phải lúc."

Nói như vậy xong, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Sáng hôm sau các đệ tử lại đến vườn Am-la nhặt củi và nghe pháp và trở về lại bạch

với Hòa thượng ni. Hòa thượng ni lại sai đi mời Tôn giả thọ trai. Ba lần như vậy đến thỉnh pháp, vẫn trả lời là chưa đúng lúc, mà không nói pháp. Các đệ tử thiếu niên lại bạch Hòa thượng ni:

"Ở trong vườn Am-la Sa-môn Ưu-đà-di nói pháp rất hay."

Hòa thượng ni nói:

"Ta cũng biết là ông ấy nói pháp rất hay. Nhưng qua ba lần mời đến cúng dường và hỏi pháp, luôn luôn bảo là chưa đúng lúc, không nói mà bỏ đi."

Các đệ tử thưa:

"Hòa thượng ni mang giầy tốt, dùng vải che đầu, ngồi không cung kính, thì Tôn giả này làm sao nói được. Vì sao? Vì Tôn giả Ưu-đà-di này rất cung kính pháp nên không nói mà bỏ đi."

Hòa thượng ni bảo:

"Nếu như vậy thì nên vì ta mời lại Tôn giả đi."

Các đệ tử vâng lời dạy, thỉnh cúng dường trở lại như trước.

Bấy giờ, Hòa thượng ni biết Tôn giả đã ăn uống xong xuôi, bà ta liền cởi giầy, sửa lại quần áo, ngồi xuống một chiếc ghế thấp, cung kính bạch:

"Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh mà trả lời cho không?"

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

"Hôm nay, chị cứ hỏi, tôi sẽ nói cho chị nghe."

Cô ta liền hỏi:

"Có Sa-môn, Bà-la-môn nói: 'Khổ vui là do mình tự tạo.' Hoặc lại có người nói: 'Khổ vui là do người khác tạo.' Hoặc lại có người nói: 'Khổ vui là do tự mình tạo và người khác tạo.' Hoặc có người nói: 'Khổ vui chẳng phải do mình tạo cũng chẳng do người khác tạo[62].' Vậy theo Tôn giả thì thế nào?"

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

"Này chị, A-la-ha[63] nói khổ vui phát sanh bằng cách khác, chứ không phải nói như vậy."

Nữ Bà-la-môn lại hỏi:

---

62. Câu hỏi trong bản Pāli: kismiṃ nu kho bhante arahanto sukhadukkhaṃ paññapenti, kismiṃ asati arahanto sukhadukkhaṃ paññapenti, do cái gì tồn tại và cái gì không tồn tại, các A-la-hán tuyên bố về khổ và lạc?

63. A-la-ha 阿羅漢。Pāli: arahā, tức A-la-hán; ở đây chỉ chung các bậc Thánh được tôn sùng, không phải riêng A-la-hán trong hàng Thanh văn của Phật.

"Nghĩa ấy như thế nào?"

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

"A-la-ha nói, từ nhân duyên các khổ và lạc sanh."

Tôn giả Ưu-đà-di lại nói với nữ Bà-la-môn:

"Bây giờ tôi hỏi chị, tùy ý mà trả lời tôi. Ý chị nghĩ sao, có mắt không?"

Đáp: "Bạch có."

"Có sắc không?"

Đáp: "Bạch có."

"Có nhãn thức, nhãn xúc và các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc không?"

Đáp: "Bạch Tôn giả Ưu-đà-di, có như vậy."

Tôn giả Ưu-đà-di lại hỏi:

"Có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc không?"

Đáp: "Bạch Tôn giả Ưu-đà-di, có như vậy."

Tôn giả Ưu-đà-di nói:

"Đó là điều mà các A-la-ha nói, từ nhân duyên khổ vui sanh."

Nữ Bà-la-môn bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

"A-la-ha nói, từ nhân duyên khổ vui sanh, là như vậy chăng?"

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

"Nữ Bà-la-môn, đúng như vậy."

Nữ Bà-la-môn lại hỏi:

"Bạch Sa-môn, A-la-ha nói như thế nào, từ nhân duyên khổ vui, không khổ không vui diệt?"

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

"Bây giờ tôi hỏi chị, cứ tùy ý mà trả lời tôi. Này nữ Bà-la-môn, khi tất cả mắt, tất cả thời, diệt không còn gì, bấy giờ còn tồn tại chăng các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc?"

Đáp:

"Bạch Sa-môn, không."

"Cũng vậy, khi tai, mũi, lưỡi, thân, ý và tất cả thời cũng diệt tận vĩnh viễn không còn gì hết, thì bấy giờ còn tồn tại chăng các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc trong nội thân phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc?"

"Bạch Sa-môn, không."

"Như vậy, này nữ Bà-la-môn, đó là điều mà bậc A-la-ha nói, từ nhân duyên khổ vui, không khổ không vui diệt."

Khi Tôn giả Ưu-đà-di nói pháp này, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên xa lìa trần cấu, được con mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc không do ai khác; thâm nhập vào giáo pháp của Phật, đối với pháp đạt được vô sở úy, từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, cung kính chắp tay bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

"Hôm nay, con quyết định, ngay từ bây giờ con xin qui y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ nay cho đến suốt đời con xin quy y Tam bảo."

Lúc bấy giờ Tôn giả Ưu-đà-di vì nữ Bà-la-môn nói pháp, soi sáng, chỉ bày, dạy bảo, làm cho vui vẻ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

□

Kinh 254. Nhị-thập-ức-nhĩ[64]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ[65] ở núi Kỳ-xà-quật, thường tinh tấn chuyên cần tu tập pháp Bồ-đề phần. Rồi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ một mình lặng lẽ thiền tư và nghĩ rằng: "Ở trong hàng đệ tử Thanh văn tinh tấn chuyên cần của Đức Thế Tôn, thì ta có trong số đó. Nhưng hôm nay ta chưa diệt tận được các lậu. Ta là người thuộc dòng quý tộc, có nhiều của cải quý báu, nay thà hoàn tục để hưởng thọ ngũ dục, rồi làm phước, bố thí rộng rãi còn tốt hơn nhiều."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Nhị-thập-ức-nhĩ nên bảo một Tỳ-kheo:

"Ngươi hãy đến chỗ Nhị-thập-ức-nhĩ bảo là Thế Tôn cho gọi."

Tỳ-kheo này vâng lời Phật dạy đến chỗ Tỳ-kheo Nhị-thập-ức-nhĩ, nói rằng:

"Đức Thế Tôn cho gọi thầy."

Nhị-thập-ức-nhĩ nghe Tỳ-kheo kia bảo là Đại Sư gọi, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

---

64. *Pāli, A. 6. 55. Soṇa.*

65. *Nhị-thập-ức-nhĩ 二十億耳。Pāli: Soṇa.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

"Có thật ngươi ở một mình lặng lẽ thiền tư và nghĩ rằng: 'Ở trong hàng Thanh văn đệ tử tinh tấn chuyên cần của Đức Thế Tôn, thì ta có trong số đó. Nhưng mãi đến hôm nay ta vẫn chưa diệt tận được các lậu. Ta là người thuộc dòng dõi quý tộc, có nhiều của cải quý báu, ta thà hoàn tục để hưởng thọ ngũ dục, rồi làm phước, bố thí rộng rãi.' Có phải không?"

Khi ấy, Nhị-thập-ức-nhĩ nghĩ rằng: 'Thế Tôn đã biết tâm ta.' Vừa kinh ngạc vừa sợ hãi, lông dựng đứng, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật như vậy."

Phật bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

"Nay Ta hỏi ngươi, ngươi cứ theo ý mình mà trả lời cho Ta. Này Nhị-thập-ức-nhĩ, khi ngươi còn ở ngoài đời, ngươi đàn hay lắm phải không?"

"Bạch, đúng vậy."

Thế Tôn lại hỏi:

"Theo ý ngươi thì thế nào, khi ngươi khảy đàn, nếu sợi dây của nó căng quá, thì âm thanh có hòa nhã và vi diệu không?"

"Bạch, không."

Thế Tôn lại hỏi:

"Thế nào, nếu sợi dây của nó chùng quá, thì âm thanh có phát ra hòa nhã và vi diệu không?"

"Bạch, không."

Thế Tôn lại hỏi:

"Thế nào, nếu biết điều chỉnh sợi dây đàn không căng quá cũng không chùng quá, thì sau đó mới phát ra âm thanh hòa nhã, vi diệu phải không?"

"Bạch Thế Tôn, đúng như vậy."

Phật bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

"Người nào tinh tấn thái quá thì sẽ tăng thêm điệu hối, còn người thiếu tinh tấn quá thì sẽ sanh ra giải đãi. Cho nên, ngươi phải bình đẳng trong tu tập và nhiếp thọ, không đắm nhiễm, không buông lung, không chấp tướng."

Sau khi được Thế Tôn dạy, Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ luôn luôn nghĩ về thí dụ cây đàn cầm của Đức Thế Tôn đã nói. Tôn giả một mình lặng lẽ thiền tư, như trên đã nói, cho đến các lậu được diệt hết, tâm được giải

thoát, thành A-la-hán. Rồi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ đạt được A-la-hán, bên trong có cảm giác hỷ lạc giải thoát và tự nghĩ: 'Nay ta nên đến thăm viếng Đức Thế Tôn.' Và Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, trong pháp của Thế Tôn, đạt được A-la-hán, đoạn tận các lậu, việc cần làm đã làm xong, rời bỏ gánh nặng, đạt được mục đích của mình, dứt sạch các hữu kết, chánh trí tâm giải thoát. Ngay lúc đó được sáu xứ giải thoát[66]. Những gì sáu? Đó là: ly dục giải thoát, lìa nhuế giải thoát, viễn ly giải thoát, ái tận giải thoát, các thủ giải thoát, tâm không xao lãng giải thoát.

"Bạch Thế Tôn, nếu có người nào dựa vào một ít tín tâm mà bảo là ly dục[67] giải thoát, thì điều này không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si, đó mới gọi là chân thật ly dục giải thoát.

"Nếu có người nào lại chỉ dựa vào một ít việc trì giới mà bảo rằng ta được lìa nhuế giải thoát, thì điều này cũng không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si, đó mới gọi là chân thật giải thoát.

"Nếu có người nào lại chỉ dựa vào sự tu tập để có lợi dưỡng mà bảo là đã viễn ly[68] giải thoát, thì điều này cũng không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si, đó mới gọi là chân thật xa lìa được giải thoát.

"Đoạn tận được tham, nhuế, si, cũng gọi là lìa ái, cũng là lìa thủ, cũng gọi là lìa xao lãng[69] giải thoát.

"Như vậy, bạch Thế Tôn, nếu các Tỳ-kheo chưa được La-hán, chưa đoạn tận các lậu, thì đối với sáu xứ này không được giải thoát.

"Lại nếu có Tỳ-kheo nào, còn ở nơi học địa, chưa được Niết-bàn an lạc tăng thượng, mà tu tập hướng về an trụ tâm, bấy giờ thành tựu được học giới, thành tựu được học căn và sau đó lậu hoặc sẽ được đoạn hết, được vô lậu tâm giải thoát, cho đến... 'tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ngay lúc bấy giờ được vô học giới, được vô học các căn. Như đứa

---

66. Giải thoát lục xứ 解脫六處Pāli: cha ỉhānāni adhimutto hoti: nekkhammādhimutto, pavivekādhimutto, avyāpajjādhimutto, taịhakkhayādhimutto, upādānakkhayādhimutto, asammohādhimutto, sáu thắng giải xứ, hay sáu trường hợp quyết tâm: quyết tâm xuất gia, quyết tâm viễn ly (sống cô độc), quyết tâm không sân, quyết tâm đoạn tận ái, quyết tâm diệt tận thủ, quyết tâm vô si.

67. Ly dục 離欲：ở đây chỉ xuất gia.

68. Viễn ly 遠離，ở đây chỉ đời sống ẩn dật, xa lánh thế tục.

69. Thất niệm 失念 tức quên mất chánh niệm. Trong bản Pāli: asammoha, không si.

trẻ mới sinh ngu ngơ, còn nằm ngửa, sau đó một thời gian các căn của đứa bé mới được thành tựu và từ từ tăng trưởng; bấy giờ mới thành tựu được các căn của người lớn. Người còn ở tại học địa lại cũng như vậy, khi chưa được an lạc tăng thượng và cho đến, thành tựu vô học giới, vô học các căn.

"Nếu mắt thường phân biệt sắc, vẫn không hề phương hại tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý an trụ chắc chắn, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát và quán sát sanh diệt, cho đến vô thường. Tai phân biệt âm thanh, mũi phân biệt mùi hương, lưỡi phân biệt vị, thân phân biệt xúc chạm, ý phân biệt pháp trần, vẫn không hề phương hại tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã an trụ chắc chắn, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát, cùng quán sát sanh diệt. Như núi đá lớn ở gần thôn ấp, không chẻ đứt, không đập vỡ, không đục thủng nó được, vì núi đá dày đặc; giả sử như có gió bốn phương thổi đến thì cũng không làm cho nó lay động được, không thể xuyên thủng qua được. Người vô học kia cũng lại như vậy, mắt thường phân biệt sắc, cho đến ý thường phân biệt pháp trần, vẫn không hề phương hại tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã an trụ chắc chắn, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát, cùng quán sát sanh diệt."

Bấy giờ, Nhị-thập-ức-nhĩ lập lại bằng bài kệ:

Ly dục, tâm giải thoát,
Không nhuế thoát cũng vậy;
Viễn ly, tâm giải thoát,
Tham ái quyết không còn.
Tâm giải thoát các thủ,
Và ý không mất niệm,
Rõ ràng nhập xứ sanh,
Ở kia tâm giải thoát.
Người kia tâm giải thoát,
Tỳ-kheo ý dừng nghỉ,
Đã làm những gì cần,
Không còn việc để làm.
Giống như núi đá lớn,
Gió bốn phương không động,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Và những pháp tốt xấu,
Thường đối sáu nhập xứ,
Không lay động tâm mình,

Tâm thường trụ vững chắc,
Quán sát pháp sanh diệt.

Khi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ nói bài kệ này, tâm Đại Sư hoan hỷ. Các vị phạm hạnh có học nghe những gì Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ nói cũng đều rất hoan hỷ.

Khi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ nghe Đức Phật nói pháp, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau khi biết Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ đi không lâu, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Người có tâm khéo giải thoát, nên tuyên bố như vậy, giống như Nhị-thập-ức-nhĩ đã bằng trí tuệ mà tuyên bố, không phải tự cao, cũng không phải coi rẻ người, nói đúng nghĩa của nó, không phải như những người tăng thượng mạn, không đạt được nghĩa của nó, mà tự khen ngợi mình được pháp hơn người, để tự mình phải chuốc lấy tổn giảm."

□

Kinh 255. Lỗ-hê-già[70]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trú tại hang A-luyện-nhã, trong thôn Di hầu, bên cạnh sông Thấp-ma-đà, nước A-bàn-đề[71]. Có Bà-la-môn Lỗ-hê-giá[72], cung kính phụng sự theo pháp của một La-hán.

Bấy giờ là sáng sớm, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đắp y mang bát vào thôn Di-hầu-thất, theo thứ tự khất thực, khất thực xong trở về, cất y bát, rửa chân rồi, vào thất ngồi thiền.

Khi ấy có các đệ tử thiếu niên của Bà-la-môn Lỗ-hê-giá đi nhặt củi, đến bên cạnh hang của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cùng nhau cười đùa nói: "Có Sa-môn trọc đầu đang ở trong này. Ông là người đen đủi, chẳng phải là hạng người đáng tôn quý, nhưng Bà-la-môn Lỗ-hê-giá lại tôn trọng cúng dường, đúng như pháp La-hán?" Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-

---

70. *Pāli, S. 35. 132. Lohicca.*

71. *A-bàn-đề quốc, Thấp-ma-đà giang trắc, Di hầu thất A-luyện-nhã quật 阿将提國濕摩陀江側獼猴室阿練若窟。Pāli: avantīsu viharati makkarakate araññakuṭikāyaṃ, trú tại Avanti, ngoài thị trấn Makkarakata (bản Hán đọc là Makkarakuṭikà), tại một thảo am trong khu rừng vắng (Pāli: araññakuṭikāyaṃ, bản Hán đọc là arñīakùĭāyaṃ).*

72. *Lỗ-hê-giá 魯醯遮。Pāli: Lohicca.*

diên bảo các thiếu niên:

"Này các cậu trẻ, các cậu chớ làm ồn!"

Các thiếu niên này trả lời:

"Chúng con không dám nói nữa."

Qua ba lần như vậy, chúng vẫn nói mãi. Lúc này Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên phải ra ngoài cửa nói với các thiếu niên:

"Này các cậu trẻ, các cậu đừng làm ồn nữa. Bây giờ, ta sẽ vì các cậu mà nói pháp, các cậu hãy lắng nghe."

Các thiếu niên nói:

"Vâng ạ, xin ngài giảng pháp cho, chúng con sẽ lắng nghe và lãnh thọ."

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên liền nói bài kệ:

Bà-la-môn xưa kia,
Tu tập giới thắng diệu,
Được sanh trí túc mạng,
An vui thiền chân thật,
Thường ở trong từ bi,
Đóng hết cửa các căn,
Điều phục lỗi về miệng,
Xưa kia hành như vậy.
Bỏ gốc hành chân thật,
Mà giữ việc hư dối,
Giữ tộc tánh buông lung,
Theo căn duyên sáu cảnh,
Đói khát ở gò mả,
Tắm ba (lần), tụng ba kinh,
Không giữ gìn cửa căn,
Giống như mộng được báu.
Bện tóc, khoác áo da,
Giới trộm, mình trét tro,
Áo thô dùng che hình,
Chống gậy mang bình nước,
Giả hình Bà-la-môn,
Vì tìm cầu lợi dưỡng.
Khéo nhiếp hộ thân mình,
Lắng sạch lìa trần cấu,
Không não hại chúng sanh,

Là đạo Bà-la-môn.

Bấy giờ, các thiếu niên Bà-la-môn, lòng sân hận không vui, bảo Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên là đã hủy báng kinh điển họ, hủy hoại những gì kinh điển đã nói và nhục mạ Bà-la-môn, rồi ôm củi trở về chỗ Bà-la-môn Lỗ-hê-giá, tâu lại với Bà-la-môn Lỗ-hê-giá rằng:

"Hòa thượng biết không, ông Ma-ha Ca-chiên-diên phỉ báng kinh điển ta, dùng lời lẽ chê bai, mạ nhục Bà-la-môn."

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói với các thiếu niên:

"Các con chớ nói những lời như vậy. Vì sao? Vì ngài Ma-ha Ca-chiên-diên giữ trọng giới đức, không lý lại đi hủy báng kinh điển ta, dùng lời lẽ chê bai, mạ nhục Bà-la-môn?"

Các thiếu niên bạch:

"Nếu Hòa thượng không tin những lời của chúng con, thì nên tự mình đến đó xem sao?"

Khi ấy Bà-la-môn Lỗ-hê-giá không tin những lời nói của các thiếu niên, liền đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe rồi, ngồi lui qua một bên, bạch với ngài Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Các đệ tử thiếu niên của tôi có đến đây không?"

Đáp: "Có đến đây."

"Ngài có nói chuyện ít nhiều gì với chúng không?"

Đáp: "Có cùng với chúng nói chuyện."

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá bạch:

"Ngài đã cùng với các thiếu niên nói chuyện, vậy nay ngài có thể vì tôi mà nói lại hết mọi chuyện."

Ngài Ma-ha Ca-chiên-diên liền kể lại đầy đủ câu chuyện.

Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá cũng nổi sân nhuế, tâm không vui, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Trước đây, tôi không tin những lời của bọn trẻ, nhưng bây giờ thì đích thật là ngài đã phỉ báng kinh điển tôi, nói những lời lẽ chê bai và mạ nhục Bà-la-môn."

Ngừng một lát, ông lại nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Nhân giả đã nói về cửa. Vậy cái gì là cửa?"

Ma-ha Ca-chiên-diên nói:

"Lành thay, lành thay, Bà-la-môn! Điều ông hỏi là đúng pháp. Nay tôi sẽ vì ông mà nói về cửa. Này Bà-la-môn, mắt là cửa, vì nó thấy sắc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là cửa, vì nó nhận thức pháp."

Bà-la-môn nói:

"Kỳ diệu thay, ngài Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về cửa thì ngài liền nói về cửa. Như những gì ngài đã nói, không giữ gìn cửa. Vậy thế nào là không giữ gìn cửa?"

Ngài Ma-ha Ca-chiên-diên nói:

"Lành thay, lành thay, Bà-la-môn! Ông đã hỏi về việc không giữ gìn cửa, là câu hỏi đúng pháp. Bây giờ tôi sẽ ông nói về việc không giữ gìn cửa. Này Bà-la-môn, kẻ phàm phu ngu si không học, khi mắt thấy sắc rồi, nếu là sắc đáng nhớ thì khởi tâm duyên vào đắm nhiễm; nếu là sắc không đáng nhớ thì khởi tâm sân nhuế, không an trụ vào thân niệm xứ, nên đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không biết như thật, ở nơi đó khởi lên các thứ pháp ác bất thiện, không đạt được Vô dư Niết-bàn, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát có phương hại, không được đầy đủ. Vì tâm giải thoát, tuệ giải thoát không đầy đủ, nên thân dẫy đầy những ác hạnh, không dừng nghỉ, tâm không được tịch tĩnh. Vì nó không tịch tĩnh nên đối với các căn nó không điều phục, không giữ gìn, không tu tập. Như mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy."

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói:

"Kỳ diệu thay, kỳ diệu thay, ngài Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về việc không giữ gìn cửa, thì ngài liền vì tôi nói về việc không giữ gìn cửa. Vậy, bạch ngài Ma-ha Ca-chiên-diên, thế nào gọi là việc khéo giữ gìn cửa?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với Bà-la-môn:

"Lành thay! Lành thay! Ông đã hỏi tôi về việc khéo giữ gìn cửa. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Tôi sẽ vì ông mà nói về nghĩa khéo giữ gìn. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật khi mắt thấy sắc rồi, đối với sắc đáng nhớ thì không khởi lên tâm duyên vào đắm nhiễm; đối với sắc không đáng nhớ, thì không khởi lên tâm sân nhuế, thường nhiếp tâm mình, an trụ vào thân niệm xứ, vô lượng tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Những pháp ác bất thiện khởi lên ở nơi đó, thì hoàn toàn dứt bặt, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì được đầy đủ. Do đã giải thoát đầy đủ rồi nên những ác hạnh của thân xúc tất cả đều được dừng nghỉ, tâm đạt được chánh niệm. Đó gọi là cửa đầu tiên của việc khéo điều phục giữ gìn trong lúc tu tập. Như mắt và sắc, đối với tai và âm thanh, mũi và mùi hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp lại cũng như vậy."

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói:

"Kỳ diệu thay, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về nghĩa giữ gìn cửa, ngài liền vì tôi nói về nghĩa giữ gìn cửa. Giống như người tìm cỏ thuốc độc mà lại được cam lộ; nay tôi cũng như vậy, ôm lòng sân nhuế đến ngồi nơi đây, mà lại được ngài dùng mưa pháp rưới lên thân tôi như mưa cam lộ. Bạch Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tôi đang bận nhiều công việc tại nhà, xin phép ngài tôi cáo từ."

Tôn giả Ma ha Ca-chiên-diên nói:

"Bà-la-môn, nên biết đúng thời."

Sau khi nghe những gì Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, Bà-la-môn hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

□

TẠP A-HÀM QUYỂN 10

Kinh 256. Vô minh (1)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Vô minh là không biết[2], không biết tức là vô minh. Không biết những gì? Sắc là vô thường, mà không biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt mà không biết như thật sắc là pháp ma diệt[3]. Sắc là pháp sanh diệt mà không biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường mà không biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là

---

1. Đại Chánh, quyển 10. Theo bài kệ tóm tắt ở cuối kinh 262 quyển 10, thì các kinh từ số 256-262 là tiếp theo kinh Thâu-lũ-na (Đại Chánh, kinh 32). Trưởng lão Ấn Thuận, Tạp A-hàm Kinh Luận Hội Biên, đưa các kinh này lên quyển 2 (Tụng 1, 1 Tương ưng Ấm) cho đúng với kệ tóm tắt. Phật Quang Đại Tạng, Quốc Dịch Nhất Thiết Kinh (Nhật bản) cũng làm như vậy. Kinh 256, tương đương Pāli, S. 22. 126-128. Amudayadhamma, 129-130. Assāda.

2. Hán: bất tri 不知。Pāli: nappajānati, không nhận thức sâu sắc.

3. Pāli: samudayadhammaṃ rūpaṃ… vayadhammaṃ rūpaṃ, sắc là pháp tập khởi, là pháp băng hoại.

pháp vô thường. Thức là pháp ma diệt mà không biết như thật thức là pháp ma diệt; thức là pháp sanh diệt mà không biết như thật thức là pháp sanh diệt. Này Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này mà không thấy, không biết như thật, không có vô gián đẳng[4], ngu si, mờ tối, không sáng tỏ, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này gọi là vô minh."

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là minh, vậy thế nào là minh? Ai có minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Minh là biết; biết gọi là minh."

Lại hỏi:

"Biết những gì?"

Đáp:

"Sắc là vô thường; biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt, biết như thật sắc là pháp ma diệt. Sắc là pháp sanh diệt, biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Thức là pháp ma diệt, biết như thật thức là pháp ma diệt. Thức là pháp sanh diệt, biết như thật thức là pháp sanh diệt. Này Tôn giả Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, như thật biết, thấy, sáng tỏ, có giác, có tuệ, có vô gián đẳng, đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh."

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

□

Kinh 257. Vô minh (2)[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói

---

[4]. Vô gián đẳng 無嘚等; Xem cht.67, kinh 23 trên; kinh 259, 260 dưới.

[5]. Pāli, S.22. 133-135. Koṭṭhika.

cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Vô minh là không biết; không biết tức là vô minh. Không biết những gì? Không biết như thật về sắc; không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; không biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Này Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, mà không biết như thật, không biết, không thấy, không có vô gián đẳng, ngu si, mờ tối, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này, gọi là vô minh.

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thế nào là minh? Ai có minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Gọi minh là biết, biết tức là minh."

Lại hỏi:

"Biết những gì?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về con đường đưa đến sự đoạn tận của sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Này Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, như thật biết, thấy, sáng tỏ, có giác, có tuệ, có vô gián đẳng, thì đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh."

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

□

Kinh 258. Vô minh (3)[6]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Không biết là vô minh.

"Không biết những gì?"

"Không biết như thật về sắc. Không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức. Không biết như thật về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức, về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức, về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức. Này Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, mà không biết như thật, không thấy như thật, không có vô gián đẳng, mờ tối, hay ngu si, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này, thì gọi là vô minh."

Lại hỏi:

"Gọi là minh, vậy thế nào là minh? Ai có minh này? "

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Biết tức là minh.

Lại hỏi:

"Biết những gì?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc.

---

6. Pāli, S. 22. 131-134. Samudaya.

Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức, về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức, về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức. Này Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, biết như thật, thấy như thật, sáng tỏ, có giác, có quán, có vô gián đẳng, thì đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh."

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

□

Kinh 259. Vô gián đẳng[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, chưa đạt được pháp vô gián đẳng[8] mà muốn cầu pháp vô gián đẳng, thì phải dùng phương tiện nào mà tìm cầu; phải tư duy những pháp nào[9]?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, chưa đạt được pháp vô gián đẳng, mà muốn tìm cầu pháp vô gián đẳng, thì phải tinh cần tư duy, năm thọ ấm là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì

---

7. Pāli, S. 22. 122. Sīla.

8. Vô gián đẳng 無間等, đây chỉ hiện quán Thánh đế (Pāli: sacca-abhisamaya). Xem cht.67, kinh 23.

9. S. 22.122, Koṭṭhika hỏi: sīlavātavuso sāriputta bhikkhunà katame dhammā yoniso manasikātabbà, Tỳ-kheo có giới cần tư duy như lý về những pháp nào?

sao? Vì đó là chỗ cần tư duy[10]. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì sẽ chứng được quả Tu-đà-hoàn."

Lại hỏi:

"Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả Tu-đà-hoàn rồi, mà muốn chứng được quả Tư-đà-hàm, thì phải tư duy những pháp nào[11]?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Câu-hi-la, khi đã chứng được quả Tu-đà-hoàn rồi, mà muốn chứng được quả Tư-đà-hàm, thì cũng phải tinh cần tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì sẽ chứng được quả Tư-đà-hàm."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi:

"Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả Tư-đà-hàm rồi, mà muốn chứng được quả A-na-hàm, thì phải tư duy những pháp nào?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Câu-hi-la, khi đã chứng được quả Tư-đà-hàm rồi, mà muốn chứng được quả A-na-hàm, thì phải tinh cần tư duy năm pháp thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì cũng sẽ chứng được quả A-na-hàm. Sau khi đã chứng được quả A-na-hàm, mà muốn chứng được quả A-la-hán, cần phải tinh tấn tư duy về năm pháp thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì cũng sẽ chứng được quả A-la-hán."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả A-la-hán rồi, thì còn phải tư duy những pháp nào nữa?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Ma-ha Câu-hi-la, A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện

---

10. Thị sở ưng xứ 是所應處。Pāli: yoniso manasi katabbà, cần phải tư duy một cách như lý.

11. Pāli, Koṭṭhika hỏi: sotāpannena... bhikkhunà katame dhammā yoniso katabbà, Tỳ-kheo đã chứng quả Dự lưu cần tư duy như lý những pháp nào?

pháp lạc trú[12].

Hai vị Chánh sĩ nghe lẫn nhau những điều được nói, hoan hỷ ra về.

□

Kinh 260. Diệt

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

"Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh mà giải đáp cho không?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Nhân giả cứ hỏi, nếu tôi biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

"A-nan, gọi là diệt. Thế nào là diệt? Ai có diệt này?"

Tôn giả A-nan nói:

"Xá-lợi-phất, năm thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt.[13] Pháp này diệt nên nói là diệt. Những gì là năm? Sắc thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Đúng vậy! Đúng vậy! A-nan, như những gì Nhân giả đã nói, năm thọ ấm này là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Những gì là năm? Sắc thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được

---

[12]. Bốn tư duy thắng tiến: 1. Để đắc pháp chưa đắc, chỉ quả Tu-đà-hoàn; 2. Lãnh hội pháp chưa lãnh hội, chỉ Tư-đà-hàm; 3. Chứng pháp chưa chứng, chỉ A-la-hán; 4. Hiện pháp lạc trụ: A-la-hán không còn gì phải học nữa, nhưng luôn luôn tu tập tứ thiền để có hiện pháp lạc trú. So sánh Pāli: ime dhammā bhāvitā bahulìkatà diṭṭhadhammasukhavihārā ceva saṃvuattanti satisampajaññā cāti, những pháp này được phát triển, được thực hiện thường xuyên sẽ đưa đến hiện pháp lạc trú, có chánh niệm và chánh trí.

[13]. Pāli: rūpam nu kho ānanda aniccaṃ sankhatam paṭiccasamuppadaṃ khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammaṃ, sắc là vô thường, được tạo tác, do duyên khởi, là pháp diệt tận, là pháp hủy hoại, là pháp xả ly, là pháp tiêu diệt.

ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

"Này A-nan, năm thọ ấm này, nếu không phải là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, làm sao có thể bị diệt? Này A-nan, vì năm thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

Hai vị Chánh sĩ nghe lẫn nhau những điều được nói, hoan hỷ ra về.

□

Kinh 261. Phú-lưu-na[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả A-nan ở trong vườn Cù-sư-la tại nước Câu-diệm-di[15], bấy giờ Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

"Tôn giả Phú-lưu-na Di-đa-la-ni Tử[16], khi tuổi niên thiếu, mới xuất gia[17], thì thường hay nói pháp sâu xa như vầy:

"A-nan, đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ngã, chứ không phải pháp không sanh khởi. A-nan, thế nào là đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ta, chứ không phải pháp không sanh khởi[18]? Sắc sanh khởi[19], sanh khởi là ta chứ không phải không sanh. Thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, sanh khởi là ta, chứ không phải không sanh. Giống như người tay cầm tấm gương sáng, hay dùng mặt nước trong, tự nhìn vào xem thấy mặt mình sanh ra. Vì có sanh nên thấy, chứ không phải không sanh[20]. Cho nên,

---

14. Pāli, S. 22. 83. Ānando.

15. Câu-diệm-di quốc Cù-sư-la viên 拘睒彌國瞿師羅園。Pāli: Kosambī Ghositārāma.

16. Phú-lưu-na Di-đa-la-ni Tử 富留那彌多羅尼子。Pāli: Puṇṇa Mantà.

17. Văn Hán dịch hàm hồ, khiến có thể hiểu đây nói về Phú-lưu-na. Bản Pāli: (...) mantāniputto amhākaṃ navaṃ bahūpakāro hoti, Mantāputta giúp ích chúng tôi những người mới xuất gia rất nhiều.

18. Sanh pháp kế thị ngã, phi bất sanh 生法計是我非不生。Pāli: kiṃ ca upādāya asmi ti hoti, no anupādāya, do chấp thủ cái gì mà nói rằng 'tôi hiện hữu,' chứ không phải không chấp thủ? Bản Hán, đọc là uppādāya (sanh khởi), thay vì upādāya (chấp thủ).

19. Hán: sắc sanh 色生。Pāli: rūpaṃ upādāya, do chấp thủ sắc. Xem cht. trên.

20. Pāli: (...) upādāya passeyya no anupādāya, (như người nhìn vào gương sáng), do chấp thủ mà thấy, không chấp thủ thì không thấy.

A-nan, sắc sanh khởi, vì có sanh khởi nên chấp là ngã, chứ không phải không sanh khởi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, vì có sanh khởi nên chấp là ngã, chứ chẳng phải không sanh khởi. Thế nào A-nan, sắc là thường hay vô thường?

"Đáp: "Là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường là khổ phải không?"

Đáp: "Là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy thì Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Thưa không."

Lại hỏi:

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?"

Đáp: "Là vô thường."

Lại hỏi:

"Vậy, vô thường là khổ phải không?"

Đáp: "Là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy thì là đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp: "Thưa không."

"A-nan, cho nên đối với sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, chẳng ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Cần phải biết như thật, quán sát như thật. Quán sát như vậy rồi, Thánh đệ tử đối với sắc sẽ sanh ra nhàm chán, xa lìa dục, giải thoát: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán, xa lìa dục, giải thoát: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Các Tỳ-kheo nên biết, vị Tôn giả này đối với tôi có rất nhiều lợi

ích. Tôi nghe những gì từ Tôn giả ấy rồi, liền xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Từ đó tới nay, tôi thường thuyết pháp này cho bốn chúng, chứ không thuyết cho các người ngoại đạo xuất gia, Sa-môn, Bà-la-môn."

□

Kinh 262. Xiển-đà[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, số đông Tỳ-kheo Thượng tọa, trú ở Tiên nhân đọa xứ, trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại[22]. Phật vào Niết-bàn không bao lâu.

Bấy giờ, vào sáng sớm, trưởng lão Xiển-đà[23] đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Ăn xong, thu dọn y bát, rửa chân, rồi cầm chìa khóa cửa, đi từ rừng này đến rừng khác, từ phòng này đến phòng khác, từ chỗ kinh hành này đến chỗ kinh hành khác, chỗ nào cũng yêu cầu các Tỳ-kheo:

"Xin chỉ dạy tôi, nói pháp cho tôi, để cho tôi biết pháp, thấy pháp và tôi sẽ biết như pháp và quán như pháp[24]."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Xiển-đà:

"Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt[25].

Xiển-đà thưa các Tỳ-kheo:

"Tôi đã biết sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt."

Xiển-đà lại thưa:

"Nhưng tôi không thích nghe tất cả các hành đều không tịch, bất khả đắc, ly dục, ái tận, Niết-bàn[26]. Ở trong đó làm sao có ngã mà nói là

---

21. Pāli, S. 22. 90. Channo.

22. Ba-la-nại quốc, Tiên nhân đọa xứ, Lộc dã uyển 波羅柰國仙人墮處鹿野苑。Pāli: Bārāṇasiyaṃ Isipatane Migadāye.

23. Xiển-đà 闡陀。Pāli: Channo; cũng thường gọi là Xa-nặc.

24. Pāli: yathāhaṃ dhammaṃ passeyyan ti, tôi có thể như vậy mà quán sát pháp.

25. Pāli: sabbe saṭkhārā aniccā, sabbe dhammā anattā, không có câu chót như trong bản Hán.

26. Pāli: atha ca me sabbasaṭkhārasamathe sabbūpadhipaṭinissage taṭhakkhaye virāge nirodhe nibbāne cittaṃ na pakkandati nappasīdati na satiṭṭhati nādhimuccati, nhưng, trong sự tĩnh chỉ của hết thảy hành, trong sự xả bỏ sanh y, trong sự diệt tận tham ái,

biết như vậy, thấy như vậy, đó gọi là thấy pháp?"

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Xiển-đà lại thưa:

"Ở đây, vị nào có khả năng nói pháp cho tôi, khiến tôi biết pháp, thấy pháp?"

Xiển-đà lại nghĩ: 'Tôn giả A-nan, hiện nay đang ở trong vườn Cù-sư-la nước Câu-diệm-di, đã từng cúng dường gần gũi Đức Thế Tôn và được Phật khen ngợi; những bậc Phạm hạnh tất cả đều biết rõ. Tôn giả ắt có thể vì ta mà nói pháp, khiến cho ta biết pháp, thấy pháp."

Buổi sáng sớm hôm sau, Xiển-đà đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Ăn xong, thu cất ngọa cụ, rồi mang y bát đến nước Câu-diệm-di. Người lần hồi du hành đến nước Câu-diệm-di. Sau khi thu cất y bát và rửa chân xong, liền đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau thăm hỏi và ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Xiển-đà thưa Tôn giả A-nan:

"Một thời, các Tỳ-kheo Thượng tọa, trú ở Tiên nhân đọa xứ, trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, vào sáng sớm, tôi đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Ăn xong, thu dọn y bát, rửa chân, rồi cầm chìa khóa cửa, đi từ rừng này đến rừng khác, từ phòng này đến phòng khác, từ chỗ kinh hành này đến chỗ kinh hành khác, chỗ nào cũng yêu cầu các Tỳ-kheo: 'Xin chỉ dạy tôi, nói pháp cho tôi, để cho tôi biết pháp, thấy pháp và tôi sẽ biết như pháp và quán như pháp.' Khi ấy, các Tỳ-kheo nói pháp cho tôi rằng: 'Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt.' Tôi bấy giờ thưa các Tỳ-kheo: 'Tôi đã biết sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn tịch diệt. Nhưng tôi không thích nghe tất cả các hành đều không tịch, bất khả đắc, ly dục, ái tận, Niết-bàn. Ở trong đó làm sao có ngã mà nói là biết như vậy, thấy như vậy, đó gọi là thấy pháp?' Rồi suy nghĩ như vầy: 'Ở đây, vị nào có khả năng nói pháp cho tôi, khiến tôi biết pháp, thấy pháp?' Tôi lại nghĩ: 'Tôn giả A-nan, hiện nay đang ở trong vườn Cù-sư-la nước Câu-diệm-di, đã từng cúng dường gần gũi Đức Thế Tôn và được Phật khen ngợi; những bậc Phạm hạnh tất cả đều biết rõ. Tôn giả ắt có thể vì ta mà nói pháp, khiến cho ta biết pháp, thấy pháp.'

---

trong ly dục, tịch diệt, Niết-bàn, tâm của tôi không thăng tiến, không minh tịnh, không an trú, không được thắng giải thoát.

"Lành thay, Tôn giả A-nan, nay hãy nói pháp cho tôi, khiến tôi biết pháp, thấy pháp."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà:

"Lành thay! Xiển-đà, tôi rất hoan hỷ. Tôi chúc mừng Nhân giả, có thể đối trước người phạm hạnh không che giấu, phá bỏ gai nhọn giả dối. Này Xiển-đà, kẻ phàm phu ngu si không có thể hiểu sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường; tất cả các hành đều là vô thường, tất cả các pháp đều là vô ngã, Niết-bàn là tịch diệt. Nay ngươi có thể nhận lãnh pháp vi diệu hơn hết này. Thầy hãy lắng nghe. Tôi sẽ vì ngươi mà nói."

Lúc này, Xiển-đà tự nghĩ: "Nay ta rất vui mừng, có được cái tâm thù thắng vi diệu, được tâm phấn khởi hoan hỷ. Nay ta có thể nhận lãnh được pháp vi diệu thù thắng này."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà:

"Chính tôi đã từng trực tiếp nghe từ Đức Phật dạy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: 'Người đời điên đảo nương chấp vào hai bên: hoặc là hữu, hoặc là vô[27]. Người đời thủ các cảnh giới, tâm liền phân biệt chấp trước[28]. Này Ca-chiên-diên, nếu không thọ, không thủ, không trụ, không phân biệt chấp trước ngã; khổ này khi sanh thì sanh, khi diệt thì diệt[29]. Này Ca-chiên-diên, đối với điều đó không nghi ngờ, không mê hoặc, không do ai khác mà tự mình biết, đó gọi là chánh kiến mà Đức Như Lai đã giảng nói. Vì sao? Này Ca-chiên-diên, vì nếu quán sát như thật về sự tập khởi của thế gian, sẽ không sanh ra kiến chấp thế gian là vô. Quán sát như thật về sự diệt tận của thế gian, sẽ không sanh ra kiến chấp thế gian là hữu[30]. Này Ca-chiên-diên, Như Lai đã xa lìa hai bên, thuyết ở Trung đạo, rằng: cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh; nghĩa là duyên vô minh nên có hành và, cho đến sự tập khởi của sanh, già, bệnh, chết, ưu,

---

27. Hữu vô 有無。Pāli: atthitā natthitā, tồn tại, không tồn tại, hay hữu thể và vô thể.

28. Pāli: upayupādānābhivinisesavinibandho, bị buộc chặt vào thành kiến và chấp thủ phương tiện.

29. Pāli: dukkham eva uppajjamānaṃ uppajjati, dukkham niruffhamānaṃ nirujjhati, na kaṭkhati na vicikicchati, khi có cái đang sanh thì khổ này sanh; khi có cái đang diệt thì khổ diệt; vị ấy không hoài nghi, không do dự.

30. Pāli: lokasamudayaṃ kho kaccāna yathābhūtaṃ sammappaññāya passato yā loke natthitā sà na hoti; lokanirodhaṃ... yā loke atthitā sà na hoti, nếu bằng trí tuệ chân chánh mà quán sát như thực sự tập khởi của thế gian, thì đối với thế gian, không có ý niệm về vô. Quán sát sự tịch diệt của thế gian... không có ý niệm về hữu.

bi, khổ, não. Và rằng, cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt; có nghĩa là vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sự diệt tận của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.'"

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì Tỳ-kheo Xiển-đà xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Khi Tỳ-kheo Xiển-đà đã thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, khởi pháp, vượt qua khỏi mọi sự hồ nghi, không do ai khác, đối với giáo pháp của Bậc Đại Sư, đạt được vô sở úy; rồi cung kính chắp tay bạch Tôn giả A-nan:

"Cần phải như vậy, bậc trí tuệ Phạm hạnh, thiện tri thức, như vậy giáo thọ, giáo giới, nói pháp. Hôm nay tôi từ chỗ Tôn giả A-nan nghe pháp như vầy: 'Tất cả hành đều không, đều tịch diệt, bất khả đắc, ái tận, ly dục, diệt tận, Niết-bàn, tâm an vui, hoàn toàn an trụ giải thoát, không còn quay lại, không còn thấy ngã, chỉ thấy chánh pháp."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà:

"Nay, thầy đã được cái lợi tốt nhất, ở trong pháp Phật sâu xa đã đạt được tuệ nhãn của bậc Thánh."

Lúc này hai vị Chánh sĩ tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy, họ trở về chỗ ở của mình.

Bài kệ tóm tắt:

Ba kinh Thâu-lũ-na,
Vô minh cũng có ba,
Vô gián đẳng và diệt,
Phú-lưu-na, Xiển-đà.

□

Kinh 263. Ưng thuyết[31]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong xóm Tạp sắc mục ngưu[32], ở nước Câu-lưu[33].

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

---

31. Pāli, S. 22. 101. Vàsijaña.

32. Tạp sắc mục ngưu tụ lạc 雜色牧牛聚落; nghĩa đen: xóm nuôi bò vện (đốm). Dịch nghĩa từ Pāli: Kammāsadhamma, một thị trấn ở nước Kuru mà Phật hay dừng chân. Trên, kinh 245, dịch là Điều phục bác ngưu tụ lạc.

33. Câu-lưu quốc 拘留國。Pāli: Kuru.

"Ta do tri kiến mà diệt tận các lậu[34], chứ không phải không tri kiến. Thế nào là do tri kiến mà diệt tận các lậu, chứ không phải không tri kiến? Nghĩa là: 'Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc này, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức.' Nếu không cần phương tiện, tùy thuận thành tựu, mà dụng tâm cầu mong rằng: 'Mong ta diệt sạch được các lậu, tâm được giải thoát,' nên biết, Tỳ-kheo kia cuối cùng không thể diệt sạch được các lậu để giải thoát. Vì sao? Vì không tu tập. Không tu tập những gì? Không tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Giống như gà mái đẻ ra nhiều trứng, nên không thể thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh, mà lại mong cho gà con dùng móng chân, dùng mỏ để mổ vỏ trứng chui ra an toàn. Nên biết, gà con kia không đủ sức để dùng móng chân, dùng mỏ mổ vỏ trứng chui ra an toàn. Vì sao? Vì gà mái kia không thể thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh, nuôi lớn gà con.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo không tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu, mà lại mong diệt sạch hết các lậu để giải thoát, thì việc này không thể có được. Vì sao? Vì không tu tập. Không tu tập những gì? Không tu niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Nếu Tỳ-kheo tu tập, tùy thuận thành tựu, thì tuy không muốn diệt sạch các lậu để giải thoát, nhưng với Tỳ-kheo kia các lậu cũng tự diệt sạch, tâm được giải thoát. Vì sao? Vì nhờ đã tu tập. Tu tập những gì? Tu niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Giống như gà mái khéo nuôi dưỡng con mình, thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh, cho dù nó không muốn gà con tìm cách tự mổ vỏ trứng để ra, nhưng các con của nó cũng tự tìm đủ cách để thoát ra ngoài một cách an toàn. Vì sao? Vì gà mái thường xuyên ấp, điều hòa nóng lạnh.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo cần phương tiện, thì cho dù không muốn diệt sạch các lậu để giải thoát, nhưng với Tỳ-kheo này các lậu tự hết, tâm được giải thoát. Vì sao? Vì đã nhờ vào sự chuyên cần tu tập. Tu tập những gì? Tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Giống như một người thợ khéo[35], hay học trò của người thợ khéo, tay cầm cán búa, cầm mãi không rời, dần dần trên cán búa mòn đi, hiện

---

34. Pāli: jānato ahaṃ bhikkhave passato āsavānaṃ khyaṃ vadāmi, "Ta nói, này các Tỳ-kheo, do biết, do thấy, các lậu bị diệt tận".

35. Công xảo sư 工巧師。Pāli: palagaṇḍa: thợ đẽo đá, thợ xây dựng.

rõ chỗ ngón tay cầm, nhưng chỗ mòn hiện ra vì quá vi tế nên người kia không biết cán búa bị mòn.

"Cũng vậy, Tỳ-kheo tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu, thì sẽ không tự mình thấy biết là hôm nay lậu hết chừng mức nào, hay ngày mai lậu hết chừng mức nào; nhưng Tỳ-kheo kia biết là hữu lậu đã hết sạch. Vì sao? Vì nhờ đã tu tập. Tu tập những gì? Tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo.

"Giống như chiếc thuyền lớn đậu bờ biển; trải qua tháng sáu mùa hè[36] bị gió xát, mặt trời nung, dây cột đứt từ từ[37]. Cũng vậy, Tỳ-kheo tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu, thì tất cả những kết, sử, phiền não, triền[38] dần dần sẽ được giải thoát. Vì sao? Vì nhờ khéo tu tập. Tu tập những gì? Tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo."

Khi nói pháp này, thì sáu mươi Tỳ-kheo không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 264. Tiểu thổ đoàn[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ trong khi đang thiền tọa tư duy, suy nghĩ như vầy: 'Có sắc nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không? Cũng vậy, có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không?'

Vào buổi chiều, sau khi Tỳ-kheo này từ thiền tọa dậy, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, trong khi con đang thiền tọa tư duy, suy nghĩ như

---

36. Hạ lục nguyệt 夏六月。Pāli: vassamāsāni udake pariyādāya, các tháng mùa mưa ở trên nước.

37. Bản Pāli: mùa mưa thuyền ở trên nước, đến mùa đông, thuyền mắc cạn. Dây nhợ các thứ dần dần bị đứt.

38. Các từ chỉ phiền não: kết hay kết phược (Pāli: samyojana), sử hay tùy miên (Pāli: anusaya), phiền não (kilesa), triền hay triền phược (Pāli: pariyuṭṭhāna). Bản Pāli chỉ kể samyojana.

39. Nắm đất nhỏ. Pāli, S. 22. 96 Gomaya (phân bò); 97. Nakkhasikhā (móng tay).

vầy: ‘Có sắc nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không? Cũng vậy, có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không?’ Nay bạch Thế Tôn: ‘Có sắc nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không? Và có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu không?’

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tay cầm một hòn đất nhỏ[40] hỏi Tỳ-kheo kia:

“Ông có thấy hòn đất trong tay Ta không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật lại nói:

“Tỳ-kheo, ngã nhỏ bằng một ít đất như vậy cũng là bất khả đắc. Nếu ngã là khả đắc, thì nó là pháp thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi.”

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Ta nhớ lại đời trước, tu phước lâu dài, đã được quả báo thù thắng vi diệu, khả ái. Ta đã từng trong bảy năm tu tập tâm từ, trải qua bảy kiếp thành hoại, không tái sanh vào thế gian này. Trong bảy kiếp hoại Ta sanh lên cõi trời Quang âm, trong bảy kiếp thành Ta lại sanh vào trong cung điện trống không trong cõi Phạm, làm Đại Phạm vương, thống lãnh ngàn thế giới, không ai hơn, không ai trên. Từ đó trở về sau, ba mươi sáu lần Ta lại làm Thiên đế Thích, rồi lại trăm ngàn lần làm Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh bốn thiên hạ, dùng chánh pháp để giáo hóa và cai trị; có đầy đủ bảy báu: báu xe, báu voi, báu ngựa, báu ma-ni, báu ngọc nữ, báu đại thần chủ kho tàng, báu đại thần chủ binh. Ta có đầy đủ ngàn người con tất cả đều dõng mãnh. Ở trong bốn biển, đất đai bằng phẳng, không có những thứ gai độc; chỉ dùng chánh pháp để điều phục, chứ không dùng oai thế, hay bức bách.

“Pháp vua Quán đảnh[41], có tám vạn bốn ngàn long tượng đều được dùng các thứ báu để trang sức trang nghiêm, lưới báu phủ lên, dựng cờ quý báu; ở đây tượng vương Bố-tát[42] dẫn đầu, hai buổi sáng chiều tự động

---

[40] Tiểu thổ đoàn 小土摶。Pāli: S. 22. 96: gomaya: cục phân bò; S. 22. 97: parittaṃ nakkhasikhāya paṃsuṃ, lấy một ít bụi bằng đầu móng tay.

[41] Chỉ vào một tiền kiếp của Phật. Quán đảnh vương 灌頂王，thấp hơn Chuyển luân vương một bậc. Pāli: rājā muddhāvasitto.

[42] Bố-tát tượng vương 布薩象王。Pāli: Uposatha-nāgarāja.

hội tụ trước điện. Lúc ấy Ta nghĩ: 'Bầy voi lớn này, mỗi ngày qua lại đạp chết chúng sanh vô số. Ta ước sao bốn vạn hai ngàn voi, cứ một trăm năm trở lại một lần.' và sở nguyện của Ta liền được như ý. Trong tám vạn bốn ngàn voi đó, có bốn vạn hai ngàn voi cứ trăm năm đến lại một lần.

"Pháp vua Quán đảnh lại có tám vạn bốn ngàn con ngựa; cũng dùng hoàn toàn vàng ròng làm dụng cụ để cưỡi, lưới vàng phủ lên. Ở đây mã vương Bà-la[43] dẫn đầu chúng.

"Pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn cỗ xe bằng bốn loại báu như xe vàng, xe bạc, xe lưu ly, xe pha lê; dùng da sư tử, da cọp, da beo và vải tạp sắc khâm-ba-la[44] phủ lên trên; đứng đầu là xe âm thanh Bạt-cầu tỳ-xà-da-nan-đề[45].

"Pháp vua Quán đảnh thống lãnh tám vạn bốn ngàn thành, nhân dân đông đúc, an lạc, phồn vinh. Đứng đầu là thành Câu-xá-bà-đề[46].

"Pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn cung điện bằng bốn loại báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ma ni; Do-ha[47] là trên hết.

"Này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn giường bằng bốn loại báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê; cùng các loại nệm bằng lụa quý, được trải lên trên nó bằng loại ngọa cụ Ca-lăng-già[48] và đặt lên những chiếc gối đỏ.

"Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua quán đảnh lại có tám vạn bốn ngàn y phục, gồm bốn thứ như y ca-thi-tế[49], y sô-ma[50], y đầu-cưu-la[51], y câu-triêm-bà[52].

"Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, như nữ Sát-lợi, nữ tợ Sát-lợi, huống chi là những người nữ khác.

---

43. Bà-la mã vương 婆羅馬王。Pāli: Valāhaka-assa-rāja.

44. Khâm-bà-la 欽波羅。Pāli: kambala, vải bằng lông thú.

45. Bạt cầu tỳ-xà-da-nan-đề 跋求毗闍耶難提。Pāli: Vejatanta, cỗ xe Chiến thắng của Đế-thích, phát ra âm thanh khủng khiếp (Pāli: bakkula, Hán âm là bạt-cầu). Xem thêm cht.53 dưới.

46. Câu-xá-bà-đề 拘舍婆提。Pāli: Kusāvtī.

47. Do-ha 由訶; phiên âm của byūha: trang nghiêm. Pāli: Mahā-byūha-kūṭāgāra, đại lâu các Trang nghiêm.

48. Ca-lăng-già 迦陵伽。Pāli: kadaliṅga: một loại sơn dương.

49. Ca-thi-tế y 迦尸細衣。Pāli: koseyya, vải lụa (quyến).

50. Sô-ma y 芻摩衣。Pāli: khoma, vải gai.

51. Đầu-cưu-la y 頭鳩羅衣。Pāli: dukùla, vải gai vàng (hoàng ma).

52. Câu-triêm-bà y 拘沾婆衣; không rõ vải gì. Bốn loại vải theo bản Pāli: khoma, koseyya, kambala, kappàsika.

"Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn đồ ăn thức uống đủ các hương vị.

"Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, chỉ có một người được vua chọn để hầu hạ; trong tám vạn bốn ngàn y phục báu, nhà vua chỉ mặc một y; trong tám vạn bốn ngàn giường báu, nhà vua chỉ nằm một giường; trong tám vạn bốn ngàn cung điện, nhà vua chỉ ở một cung; trong tám vạn bốn ngàn thành, nhà vua chỉ chọn ở một thành, đó là Câu-xá-bà-đề; trong tám vạn bốn ngàn xe báu, nhà vua chỉ đi có một xe đó là Tỳ-xà-da-nan-đề cù-sa[53], để ra khỏi thành du lãm; trong tám vạn bốn ngàn ngựa báu, nhà vua chỉ cưỡi có một con, đó là Bà-la-ha, lông đuôi màu xanh biếc; trong tám vạn bốn ngàn long tượng, nhà vua chỉ cưỡi một voi, đó là Bố-tát-đà để ra khỏi thành du quán.

"Này Tỳ-kheo, ở đây nhà vua nhờ những nghiệp báo gì mà có được những oai đức tự tại như vậy? Ở đây nhờ vào ba loại nghiệp báo. Những gì là ba? Một là bố thí, hai là điều phục, ba là tu đạo. Tỳ-kheo nên biết, phàm phu vì quen đắm nhiễm ngũ dục nên không biết chán và đủ; còn Thánh nhân vì đã thành tựu được trí tuệ đầy đủ nên thường biết đủ.

"Này Tỳ-kheo, tất cả các hành, quá khứ diệt tận, quá khứ biến dịch. Các vật dụng tự nhiên kia và tên gọi của chúng, tất cả đều ma diệt. Cho nên này Tỳ-kheo, thôi hãy dừng lại với các hành[54], hãy nhàm chán, đoạn trừ dục, giải thoát.

"Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, vô thường."

"Nếu vô thường thì khổ phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay là vô thường?"

---

53. Tỳ-xà-da-nan-đề cù-sa 毘闍G 耶 難 提 瞿 沙。Pāli: Vejayanta-ghosa (? Âm thanh Chiến thắng), xem cht.45 trên.

54. Vĩnh tức chư hành 永 息 諸 行。Pāli: alam eva sabbasaṭkhāresu nibbindatum, thôi đủ rồi, hãy nhàm tởm hết thảy các hành.

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, vô thường."

"Nếu vậy, vô thường là khổ phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Những gì thuộc về hữu sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau.

"Tỳ-kheo, đối với sắc nên sanh tâm nhàm tởm. Do nhàm tởm mà ly dục, giải thoát. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nên sanh tâm nhàm tởm. Do nhàm tởm mà ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui. Sau đó luôn luôn nhớ về những lời dạy với thí dụ nhúm đất, một mình ở chỗ vắng vẻ, tinh tấn siêng năng tư duy, sống không buông lung. Sau khi sống không buông lung, vị ấy tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình,… cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.

Lúc ấy, Tôn giả này cũng tự biết pháp, tâm đạt được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

□

Kinh 265. Bào mật[55]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trú xứ A-tỳ-đà, bên bờ sông Hằng[56].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Giống như nước lớn sông Hằng cuộn lên, bọt nước theo dòng chảy mà tụ lại. Nếu như người nào có mắt sáng quán sát, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát, phân biệt thật kỹ đó, sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong nhóm bọt nước nổi kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì sắc vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như trời mưa lớn, bong bóng nước chợt hiện chợt mất. Nếu người nào có mắt sáng quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát tư duy, phân biệt thật kỹ đó sẽ thấy rằng không có cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong bong bóng nước kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về thọ, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thọ vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như cuối xuân, đầu hạ, không mây, không mưa, giữa trưa trời nắng gắt, sóng nắng[57] chập chờn, người nào sáng mắt quán sát, tư duy, phân biệt kỹ càng và, khi quán sát, tư duy, phân biệt kỹ càng thì sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là

---

55. Bọt nước. Pāli, S. 22. 95. Pheṇa.

56. A-tỳ-đề-đà xứ Hằng hà trắc 阿毗提陀處恆河側。Pāli: ayujjhāyaṃ viharati gaṅgāya nadiyā tire.

57. Nguyên Hán: dã mã 野馬 (ngựa đồng); Pāli: marìcikà, quáng nắng; chỉ ảo ảnh bất thực, như lầu sò chợ biển.

chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong quáng nắng kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc về tưởng, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì tưởng vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như người mắt sáng muốn tìm gỗ cứng chắc, nên cầm búa bén đi vào rừng núi. Thấy một cây chuối lớn, thân dài lớn ngay thẳng, y liền đốn gốc, chặt đứt ngọn nó, lột bỏ hết bẹ, cuối cùng không có gì là chắc thật. Nếu người nào có mắt sáng thì sẽ quán sát, tư duy, phân biệt và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt rồi thì sẽ thấy rằng không gì có cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong cây chuối kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về hành, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì hành vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như nhà ảo thuật, hay là học trò của nhà ảo thuật, ở giữa ngã tư đường, huyễn hóa ra binh voi, binh ngựa, binh xa, binh bộ. Lúc này có người trí mắt sáng, quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi họ đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ, thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật. Vì sao? Vì những hiện tượng huyễn hóa kia vốn không chắc thật. Như vậy, này các Tỳ-kheo những gì thuộc về thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, thì Tỳ-kheo nên quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật; chúng như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thức vốn không chắc thật."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lại nghĩa này, nên nói bài kệ:

Quán sắc như bọt nước,
Thọ như bong bóng nước,

Tưởng như quáng nắng xuân,
Các hành như cây chuối,
Các thức pháp như huyễn,
Đấng Nhật thân[58] *dạy vậy.*
Tư duy kỹ khắp cả,
Chánh niệm khéo quán sát:
Không thật, chẳng kiên cố,
Không có ngã, ngã sở.
Đối thân khổ ấm này,
Đại Trí phân biệt dạy,
Xa lìa ba pháp này,
Thân thành vật vất bỏ:
Thọ, hơi ấm và thức.
Lìa chúng, phần thân khác,
Vĩnh viễn vùi gò hoang,
Như gỗ, không thức tưởng.
Thân này thường như vậy,
Huyễn dối dụ người ngu;
Như gai độc, như sát,
Không có gì chắc thật.
Tỳ-kheo siêng tu tập,
Quán sát thân ấm này,
Chuyên tinh luôn ngày đêm,
Chánh trí, buộc niệm lại,
Hành hữu vi ngừng nghỉ,
Vĩnh viễn chốn thanh lương.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 266. Vô tri (1)[59]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

---

[58] *Hán: Nhật chủng tánh tôn 日種姓尊。Pāli: Ādiccabandhu, bà con với Mặt trời, chỉ dòng họ Thích, được coi là có nguồn gốc từ Mặt trời.*

[59] *Pāli, S. 22. 99. Gaddula (dây trói) (1).*

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sanh tử vô thỉ, vì bị vô minh che khuất, ái kết[60] buộc ràng, luân hồi trong đêm dài tăm tối, nên không biết được biên tế tối sơ[61] của khổ. Cũng như trăm thứ cỏ cây, lúa, thóc, mọc trên mặt đất, tất cả đều bị khô héo vì lâu ngày không mưa. Này các Tỳ-kheo, vì bị vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ[62].

"Này các Tỳ-kheo, có khi nước trong biển lớn cũng khô cạn vì lâu ngày trời không mưa. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ.

"Này các Tỳ-kheo, có lúc, sau một thời gian lâu dài, núi chúa Tu-di[63] tất phải sụp đổ. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ.

"Này các Tỳ-kheo, có lúc, sau một thời gian lâu dài, quả đất này bị tan hoại. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, nên chúng sanh sống chết luân hồi. Ái kết không dứt, không chấm dứt được khổ.

"Này các Tỳ-kheo, giống như con chó bị cột vào trụ. Khi sợi dây chưa bứt, nó lâu dài đi quanh cây trụ, chuyển động luân hồi. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vì chúng sanh ngu si không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc, nên mãi mãi bị xoay vần qua lại, bị chuyển vần theo sắc. Cũng vậy, nếu không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức; về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức; về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức; về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức; về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức, thì sẽ mãi mãi bị xoay vần qua lại, bị chuyển vần theo thọ, tưởng, hành, thức.

"Này các Tỳ-kheo, nó bị chuyển theo sắc, chuyển theo thọ, chuyển theo tưởng, chuyển theo hành, chuyển theo thức. Vì bị chuyển theo sắc nên không thoát khỏi sắc; vì bị chuyển theo thọ, tưởng, hành, thức nên

---

60. Ái kết 愛結。Pāli: taṇhāsaṃyojana.

61. Bản tế 本際。Pāli: pubbà koṭi.

62. Bất tận khổ biên 不盡苦邊ä。Pāli: na... dukkhassa antakiriyaṃ.

63. Tu-di sơn vương 須彌山王。Pāli: Sineru pabbatarājā.

không thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Vì không thoát, nên không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc; biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức; về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức; về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức; về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức; về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức, nên không bị chuyển theo thọ, tưởng, hành, thức. Vì không bị chuyển theo, nên thoát khỏi sắc, thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói vị ấy sẽ thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 267. Vô tri (2)[64]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh, đối với sanh tử vô thỉ, vì bị vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, luân hồi trong lâu dài, mà không biết được biên tế tối sơ của khổ.

"Này các Tỳ-kheo, giống như con chó bị dây cột vào trụ. Dây trói không đứt, nó xoay chuyển quanh cây trụ, khi đứng, khi nằm, không rời khỏi trụ. Cũng vậy, chúng sanh phàm phu ngu muội, đối với sắc không lìa tham dục, không xa lìa ái, không lìa niệm, không xa lìa khát, luân hồi theo sắc, chuyển xoay theo sắc, khi đứng, khi ngồi, không rời khỏi sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, theo thọ, tưởng, hành, thức chuyển xoay, khi đứng, khi nằm không rời khỏi thức.

"Này các Tỳ-kheo, hãy khéo quán sát tư duy tâm. Vì sao? Vì trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân nhuế, ngu si làm nhiễm uế. Này các Tỳ-kheo, vì tâm não nên chúng sanh não; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh[65].

---

64. Pāli, S. 22. 100 Gaddula (2).

65. Pāli: cittasaṃkilesā bhikkhave sattā saṃkilissanti; cittavodànà sattā visujjhanti, tâm ô nhiễm nên chúng sanh ô nhiễm; tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.

"Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy có một sắc[66] mà đa dạng như chim có sắc đốm[67], tâm mình lại còn hơn thế nữa. Vì sao? Tâm chúng sanh kia đa dạng, nên sắc cũng đa dạng. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy tư duy quán sát rõ tâm mình. Này các Tỳ-kheo, trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân nhuế, ngu si làm nhiễm uế. Này các Tỳ-kheo, vì tâm não nên chúng sanh não; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.

"Tỳ-kheo, nên biết, ngươi có thấy chim Ta-lan-na[68] có nhiều màu sắc không?"

Đáp:

"Thế Tôn, đã từng thấy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, như loài chim Ta-lan-na có nhiều màu sắc, Ta nói tâm của chúng cũng có nhiều như vậy. Vì sao? Vì tâm của chim Ta-lan-na đa dạng, nên màu sắc đa dạng[69]. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy tư duy quán sát rõ tâm mình. Này các Tỳ-kheo, trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân nhuế, ngu si làm nhiễm uế. Này các Tỳ-kheo, vì tâm não nên chúng sanh não; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.

"Giống như người thợ vẽ, hay học trò của người thợ vẽ, khéo dọn sạch đất, rồi dùng các thứ màu, theo ý mình vẽ nên các loại hình tượng khác nhau.

"Cũng vậy Tỳ-kheo, chúng sanh phàm phu ngu si, không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Không biết như thật về sắc nên thích thú đắm nhiễm sắc. Vì thích thú đắm nhiễm sắc, nên lại sanh ra các sắc vị lai. Cũng vậy, phàm phu ngu si, không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức. Không biết như thật nên thích thú đắm nhiễm thức. Thích thú đắm nhiễm

---

66. Nhất sắc chủng chủng 一色種種; có lẽ Pāli: ekanikāyam pi... evam cittaṃ, một bộ loại đa dạng như vậy.

67. Ban sắc điểu 般色鳥。Bản Pāli nói: tiracchānagatà pāṇā, các sinh vật thuộc động vật.

68. Ta-lan-na 嗟蘭那; có lẽ phiên âm từ caraṇa, một loại tranh về đề tài "đức hạnh" (caraṇa), vẽ để khuyên đời. Pāli: caraṇam nāma cittam; bức họa màu có tên là caraṇa.

69. Pāli: caraṇaṃ nāma cittaṃ cittena cittitaṃ, bức họa caraṇa ấy do tâm nên có nhiều màu sắc. Trong bản Pāli, hai citta với hai nghĩa khác nhau: tranh vẽ màu và tâm. Trong bản Hán hiểu hai từ đều là tâm cả.

thức, nên lại sanh ra các thức vị lai. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức vị lai sẽ sanh nên đối với sắc không giải thoát; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng không giải thoát. Ta nói người này không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

"Có đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Biết như thật rồi nên không đắm nhiễm sắc. Không đắm nhiễm nên không sanh ra sắc vị lai. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức. Biết như thật nên không nhiễm đắm thức, vì không đắm nhiễm nên không sanh ra các thức vị lai. Không thích nhiễm sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên đối với sắc sẽ được giải thoát và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sẽ được giải thoát. Ta nói những người này sẽ giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 268. Hà lưu[70]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Giống như nước sông phát xuất từ khe núi, nước sâu chảy xiết, dòng nước cuồn cuộn cuốn trôi tất cả những vật chìm nổi. Hai bên bờ sông mọc um tùm nhiều loại cỏ cây, bị dòng nước lớn cuốn rạp cả hai bên bờ. Nhiều người lội qua, số lớn bị nước cuốn trôi, theo dòng chìm đắm; gặp sóng đẩy vào gần bờ, dùng tay chộp lấy cỏ cây, nhưng cây cỏ lại bị đứt và trở lại theo dòng nước cuốn trôi.

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu chúng sanh phàm phu ngu muội nào không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc; và vì không biết như thật nên đắm nhiễm sắc, ở nơi sắc, nói sắc là ngã[71], nhưng rồi sắc

---

[70]. Dòng sông. Pāli, S. 22. Nadì.

[71]. Pāli: rūpaṃ attato samanupassati, rūpavantaṃ và attānaṃ; attāni và rūpaṃ, rūpasmiṃ và attānaṃ, nó quán sắc là tự ngã, hay tự ngã của sắc, hay sắc trong tự ngã, hay tự

kia theo đó mà đoạn. Cũng vậy, không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức,... về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly thức. Vì không biết như thật nên đắm nhiễm thức, nói thức là ngã, nhưng rồi thức kia lại theo đó mà đoạn.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc; và vì đã biết như thật nên không đắm nhiễm sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức, về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức, về sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật nên không đắm nhiễm thọ, tưởng, hành, thức. Không đắm nhiễm nên như vậy tự biết chứng đắc Bát-niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 269. Kỳ lâm[72]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Những pháp không thích ứng của các ông[73], thì hãy nên lìa bỏ hết. Nếu buông bỏ những pháp này rồi, các ông sẽ được an vui lâu dài.

"Tỳ-kheo, những pháp nào không thích ứng của các ông, mà các ông phải nhanh chóng lìa bỏ? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không phải là pháp thích ứng của các ông, hãy lìa bỏ hết. Nếu dứt sạch pháp này rồi các ông sẽ được an vui lâu dài.

"Giống như cây cối trong rừng Kỳ-hoàn[74]; có người đến chặt cành lá rồi đem đi, các ông cũng chẳng lấy làm lo buồn. Vì sao? Vì những cây này chẳng phải ta, chẳng phải sở hữu của ta. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo,

---

ngã trong sắc.

[72] Pāli, S. 22. 33-34. Natumhākaṃ (không phải của các ông).

[73] Phi như sở ưng pháp 非汝所應法。Pāli: na-tumhākaṃ, không phải của các ông.

[74] Kỳ-hoàn lâm 祇桓林，tức cũng thường nói là Kỳ thọ. Pāli: Jetavana.

những gì không là thích ứng của các ông, hãy lìa bỏ tất cả. Nếu xa lìa hết rồi, các ông sẽ được an vui lâu dài. Những gì không phải thích ứng của các ông? Sắc không phải là thích ứng của các ông, phải lìa bỏ hết. Nếu xa lìa rồi thì sẽ được an vui lâu dài. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không phải thích ứng của các ông, hãy nhanh chóng lìa bỏ. Nếu buông bỏ các pháp này rồi, sẽ được an vui lâu dài.

"Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là vô thường."

Phật dạy:

"Tỳ-kheo, vậy vô thường là khổ phải không?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Thế Tôn, là khổ."

Phật bảo:

"Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không[75]?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Thế Tôn, không."

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay là vô thường?"

Đáp:

"Thế Tôn, là vô thường."

Phật bảo:

"Vô thường là khổ chăng?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Thế Tôn, là khổ."

Phật bảo:

"Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Thế Tôn, không."

"Tỳ-kheo, cho nên, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc

---

75. *Xem cht.71 kinh 268 trên.*

vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Thánh đệ tử phải quán sát năm thọ ấm này chẳng phải ngã, chẳng phải sở hữu của ngã. Lúc quán sát như vậy, đối với thế gian không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên tự đạt Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 270. Thọ[76]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tu tập tưởng vô thường[77], tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, điệu mạn[78], vô minh[79].

"Giống như người làm ruộng, cuối hạ đầu thu, cày đất cho sâu, làm sạch hết cỏ. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Tỳ-kheo, như người cắt cỏ, tay cầm ngọn cỏ, đưa lên và giũ sạch, tất cả cỏ khô héo đều rơi rớt hết và lấy được những cọng cỏ dài. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như trái Am-la[80] bám lơ lửng trên cây; một cơn gió mạnh thổi qua cành, quả rụng xuống. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như bên trong lầu gác là nơi chứa các loại gỗ ván quý, bền chắc, để gìn giữ không cho thất lạc. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu

---

76. Pāli, S.22. 102 Aniccatà.

77. Hán: vô thường tưởng 無常想。Pāli: anicca-saññā.

78. Điệu (trạo) mạn 掉慢。Pāli: asmimāna, phúc cảm về cái tôi đang hiện hữu.

79. Pāli: kāmarāga, rūparāga, bhavarāga, avijjā, asmimāna, dục ái, sắc ái, hữu ái, vô minh, ngã mạn.

80. Am-la quả 菴羅果。Pāli: ambapiṇḍi, quả xoài.

tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như trong tất cả dấu chân của chúng sanh, dấu chân voi là lớn hơn, vì nó có thể chứa nhiều dấu chân khác. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như tất cả các sông ngòi ở thế gian này đều đổ vào biển cả. Biển cả là hơn hết, vì nó dung nạp tất cả. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như mặt trời xuất hiện, có thể phá tan mọi sự tối tăm của thế gian. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Giống như Chuyển luân Thánh vương, so với các tiểu vương là tối thượng, tối thắng. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

"Tỳ-kheo, làm thế nào để tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh?

"Nếu Tỳ-kheo ở chỗ đồng trống hay ở trong rừng cây, mà khéo tư duy chân chánh, quán sát sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; tư duy như thế thì dứt hết tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh. Vì sao? Vì nếu người nào tu tập được tưởng vô thường, thì có thể tu tập được tưởng vô ngã. Thánh đệ tử an trú ở tưởng vô ngã, tâm lìa ngã mạn, tùy thuận chứng đắc Niết-bàn."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 271. Đê-xá[81]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Đê-xá[82], cùng với một số đông Tỳ-kheo khác tập hợp tại nhà ăn. Tỳ-kheo Đê-xá nói với các Tỳ-kheo:

---

[81] *Pāli, S. 22. 84. Tisso.*

[82] *Đê-xá 低舍。Pāli: Tisso bhagavato pitucchāputto, Tissa, con trai của bà cô của Thế Tôn, tức em cô cậu.*

"Thưa các Tôn giả, đối với pháp tôi không thể phân biệt[83]. Tôi không thích tu phạm hạnh nữa, chỉ thích ngủ nghỉ nhiều và nghi hoặc đối với pháp."

Bấy giờ trong chúng có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Thế Tôn, Tỳ-kheo Đê-xá, nhân lúc chúng tăng tập hợp tại nhà ăn, đã nói lên những lời như vầy: 'Đối với pháp tôi không thể phân biệt. Tôi không thích tu phạm hạnh nữa, chỉ thích ngủ nghỉ nhiều và nghi hoặc đối với pháp.'"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo Đê-xá này là kẻ ngu si, không gìn giữ các căn, ăn uống không có chừng mực; đầu đêm, cuối đêm, tâm không tỉnh thức, giải đãi biếng nhác, không nỗ lực tinh tấn, không khéo quán sát tư duy pháp thiện. Tỳ-kheo này mà đối với phân biệt pháp, tâm thích tu phạm hạnh, xa lìa mọi sự ngủ nghỉ và ở trong chánh pháp mà xa lìa mọi sự nghi hoặc, thì việc này không thể xảy ra. Nếu Tỳ-kheo giữ gìn các căn, ăn uống chừng mực; đầu đêm, cuối đêm, tỉnh thức tinh tấn, quán sát pháp lành; với Tỳ-kheo ấy, sự yêu thích pháp phân biệt, ưa tu phạm hạnh, xa lìa mọi sự ngủ nghỉ, tâm không nghi ngờ pháp, điều này có thể xảy ra."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

"Ngươi hãy đến nói Tỳ-kheo Đê-xá rằng Đạo Sư cho gọi."

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, xin vâng."

Sau khi lễ dưới chân Phật, Tỳ-kheo kia đến chỗ Đê-xá bảo rằng:

"Trưởng lão Đê-xá, Đức Thế Tôn cho gọi ông."

Đê-xá vâng lời, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tỳ-kheo Đê-xá:

"Này Đê-xá, có thật ngươi cùng với nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn và tuyên bố những lời như vầy: 'Thưa các trưởng lão, đối với pháp, tôi không thể phân biệt, tôi không thích tu phạm hạnh, mà chỉ thích ngủ nghỉ nhiều và đối với pháp còn nghi hoặc'?"

Đê-xá bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật hỏi Đê-xá:

---

[83] Pāli: dhammāpi maṃ na paṭibhanti, các pháp không được hiểu rõ ràng đối với tôi.

"Bây giờ Ta hỏi ngươi, hãy trả lời tùy ý.

"Ý ngươi nghĩ sao? Nếu đối với sắc mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khát vọng và sắc này nếu biến đổi hoặc khác đi thì ngươi nghĩ thế nào, ngươi có sanh ra buồn lo, khổ não không?"

Đê-xá bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn. Nếu đối với sắc mà chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa ái, chẳng lìa nhớ nghĩ, chẳng lìa khát vọng và sắc này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì quả thật sẽ khởi lên buồn lo, khổ não. Thế Tôn, thật như vậy, không khác."

Phật bảo Đê-xá:

"Lành thay! Lành thay! Đê-xá, cần phải thuyết pháp như vậy, về sự không ly tham dục.

"Này Đê-xá đối với thọ, tưởng, hành, thức mà chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa ái, chẳng lìa nhớ nghĩ, chẳng lìa khát vọng và khi thức này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì ý ngươi nghĩ sao, ngươi có sanh ra buồn lo, khổ não không?"

Đê-xá bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, đối với thức mà chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa nhớ nghĩ, chẳng lìa khát vọng và khi thức này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì thật sự sẽ khởi lên buồn lo và khổ não. Bạch Thế Tôn, thật như vậy, không khác."

Phật bảo Đê-xá:

"Lành thay! Lành thay! Đê-xá, cần phải thuyết pháp như vậy, về sự không ly tham dục đối với thức."

Phật nói với Đê-xá:

"Ý ngươi nghĩ sao? Nếu đối với sắc mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ, lìa khát vọng và sắc này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì có sanh ra buồn lo, khổ não không?"

Đê-xá bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không. Thật như vậy, không khác."

"Ý ngươi nghĩ sao? đối với thọ, tưởng, hành, thức lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ, lìa khát vọng và thức này nếu biến đổi hoặc khác đi, thì có sanh ra buồn lo, khổ não không?"

Đê-xá bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không. Thật như vậy, chẳng khác."

Phật bảo Đê-xá:

"Lành thay! Lành thay! Đê-xá, bây giờ Ta sẽ nói thí dụ, người trí sẽ nhờ thí dụ mà hiểu được. Như hai người bạn cùng đi trên một con đường, một người biết rành đường, một người không rành đường. Người không biết nói với người biết như vầy: 'Tôi muốn đến thành phố kia, thôn ấp kia, làng xóm kia, hãy chỉ đường cho tôi đến đó.' Khi ấy, người rành đường liền chỉ đường cho người kia, nói rằng: 'Anh đi theo con đường này và sẽ thấy hai con đường ở phía trước; bỏ bên trái đi theo lối phải tới trước, sẽ gặp hầm hố và dòng sông. Lại bỏ bên trái, theo lối phải, sẽ gặp một khu rừng. Lại bỏ bên trái, theo lối phải, cứ như vậy, từ từ tiến bước về phía trước thì sẽ đến thành kia.'"

Phật bảo Đê-xá:

"Thí dụ này như vầy: người không biết đường là ví cho kẻ phàm phu ngu si, còn người biết đường là ví cho Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Hai con đường trước là chỉ cho sự hồ nghi của chúng sanh. Con đường trái là chỉ cho ba pháp bất thiện: tham, nhuế và hại giác[84]. Con đường bên phải là chỉ cho ba thiện giác: xuất yếu ly dục giác, bất sân giác, bất hại giác[85]. Đi về đường bên trái là chỉ cho tà kiến, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đi về đường bên phải là chỉ cho chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Còn hầm hố và dòng nước là chỉ cho sân nhuế, buồn lo, che lấp. Rừng cây là chỉ cho năm công đức của dục. Thành kia là chỉ cho Niết-bàn."

Phật bảo Đê-xá:

"Phật là vị Đạo Sư, vì các hàng Thanh văn mà những gì cần làm đã làm xong. Như nay, vì lòng thương xót nên đưa đến sự lợi ích, an vui; phận sự Ta đã làm xong. Hôm nay ngươi hãy làm những việc phải làm. Hãy đến dưới bóng cây, hoặc chỗ đất trống, hoặc trong hang núi, trải cỏ làm chỗ ngồi, khéo tư duy chánh niệm, tu tập không buông lung, chớ để tâm hối hận về sau này. Nay Ta dạy ngươi như vậy."

Bấy giờ, Đê-xá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

84. Ba bất thiện giác 不善覺, cũng nói là ba bất thiện tầm, tức ba sự trầm tư hay suy tầm bất thiện. Xem Trường A-hàm, kinh 9 Chúng tập. Pāli: tayo akusala-vitakkà. D. 33. Saṅgiti.

85. Ba thiện giác 善覺, cũng nói là ba thiện tầm; xem Trường A-hàm, kinh 9 Chúng tập; D. 33. Saṅgīti.

□

Kinh 272. Trách chư tưởng[86]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong chúng xảy ra một việc tranh cãi nhỏ. Thế Tôn vì sự cố ấy quở trách các Tỳ-kheo. Vào lúc sáng sớm, Đức Phật đắp y mang bát vào thành khất thực. Sau khi ăn xong, Ngài xếp y bát, rửa chân, rồi đi vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, một mình tĩnh tọa tư duy, suy nghĩ như vầy: 'Trong chúng vừa xảy ra một việc tranh cãi nhỏ, Ta đã quở trách các Tỳ-kheo. Nhưng trong chúng này có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, nếu không thấy Đại Sư, có thể họ sẽ khởi tâm hối, buồn rầu không vui. Ta luôn luôn có lòng thương xót đối với các Tỳ-kheo; nay cũng vì lòng thương xót, Ta nên trở về để nhiếp thủ đồ chúng này."

Bấy giờ, vua Đại phạm biết được ý nghĩ của Phật, như lực sĩ co duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc đã biến mất khỏi cõi trời Phạm thiên, đến trước Phật bạch:

"Thật vậy, Thế Tôn! Thật vậy, Thiện Thệ! Thế Tôn đã quở trách các Tỳ-kheo vì một chút việc tranh cãi nhỏ. Ở trong chúng kia có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, nếu không trông thấy Đại Sư, có thể họ sẽ khởi tâm hối, buồn rầu không vui. Thế Tôn luôn luôn vì lòng thương xót, nhiếp thọ chúng Tăng. Lành thay, Thế Tôn! Hôm nay xin Ngài trở về để nhiếp thủ các Tỳ-kheo."

Bấy giờ, Thế Tôn vì rủ lòng thương tưởng Phạm thiên, Ngài im lặng nhận lời. Khi ấy, trời Đại phạm biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời rồi, đảnh lễ Phật và đi nhiễu bên phải ba vòng rồi biến mất.

Vua Đại phạm đi chưa bao lâu, Đức Thế Tôn trở về vườn Cấp cô độc, trải tọa cụ ngồi ngay thẳng, biểu hiện ra bên ngoài các tướng vi tế, khiến cho các Tỳ-kheo mới dám đến hầu gặp. Các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật với vẻ mặt đầy hổ thẹn, sau khi đảnh lễ dưới chân Phật rồi, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

---

[86] *Pāli, S. 22. 80. Piṇḍolyaṃ (khất thực).*

"Người xuất gia có cuộc sống thấp hèn[87]; cạo tóc, ôm bát, khất thực từng nhà, giống như bị cấm chú[88]. Sở dĩ như vậy, là vì muốn cầu mục đích cao thượng[89], muốn thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, tận cùng biên tế của khổ.

"Này các Thiện nam, các ông không vì vua, giặc sai sử, không vì mắc nợ người, không vì khủng bố, không vì mất mạng mà xuất gia, mà chính vì muốn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Các ông há không vì mục đích ấy mà xuất gia chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật vậy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo các ông, vì mục đích cao thượng như vậy mà xuất gia, vậy tại sao ở đây lại còn có kẻ phàm phu ngu si khởi lòng tham dục, sanh ra nhiễm đắm quá mức, sân nhuế, hung bạo, biếng nhác yếu hèn, mất niệm, không định, các căn mê loạn?

"Giống như người từ tối tăm vào tối tăm; từ mờ mịt vào mờ mịt; từ hầm phẩn ra rồi lại rơi vào hầm phẩn; dùng máu rửa máu; lìa bỏ các việc ác, rồi trở lại nắm lấy các việc ác. Ta nói những thí dụ này, Tỳ-kheo phàm phu cũng như vậy.

"Lại giống như củi thiêu tử thi, bị ném bỏ trên gò mả, không bị tiều phu thu gom. Ta nói thí dụ này, thì đối với Tỳ-kheo phàm phu ngu si khởi lòng tham dục, sanh ra đắm nhiễm quá mức, sân nhuế hung bạo, biếng nhác yếu hèn, mất niệm không định, các căn tán loạn cũng lại như vậy.

"Này các Tỳ-kheo, có ba pháp bất thiện giác[90], đó là: tham giác, nhuế giác, hại giác. Ba giác này do tưởng mà sanh khởi. Thế nào là tưởng? Tưởng có vô lượng thứ: Tham tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng[91] … Các pháp bất thiện giác từ đây sanh khởi. Này các Tỳ-kheo, tham tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng; tham giác, nhuế giác, hại giác và vô lượng thứ bất thiện, làm sao để diệt sạch rốt ráo? Hãy buộc tâm vào bốn Niệm xứ,

---

87. Hán: ti hạ hoạt mạng 卑下活命。Pāli: antam idam jivikānaṃ yadidam piḍolyaṃ, đây là nghề sinh sống rất thấp, đó là nghề xin ăn.

88. Pāli: abhisāpāyaṃ lokasmiṃ, trong thế gian có lời nguyền rủa này.

89. Nguyên Hán: thắng nghĩa 勝義。

90. Xem cht.84, kinh 271.

91. Ba bất thiện tưởng, xem Trường A-hàm, kinh 9 Chúng tập. Pāli, tisso akusala-saññā: kāma-saññā, vyāpāda-saññā, vihiṃsà-saññā; D. 33. Saṅgīti.

hãy an trụ nơi vô tưởng tam-muội, tu tập, tu tập nhiều; pháp ác bất thiện từ đây diệt hết, dứt sạch không còn sót, là chính nhờ ở pháp này.

"Người thiện nam, người thiện nữ có lòng tin vui xuất gia, tu tập vô tướng tam-muội; tu tập, tu tập nhiều, sẽ trụ trong cửa cam lộ, cho đến cứu cánh cam lộ Niết-bàn[92]. Ta không nói cam lộ Niết-bàn này y cứ vào ba kiến. Những gì là ba? Có một hạng chủ trương như vầy, nói như vầy: 'Mạng tức là thân.' Lại có hạng chủ trương như vầy: 'Mạng khác thân khác.' Lại nói như vầy: 'Sắc là ngã, không hai không khác, tồn tại mãi mãi, không biến đổi.' Đa văn Thanh đệ tử tư duy như vầy: 'Thế gian có pháp nào đáng để chấp thủ mà không có sai lầm tội lỗi?' Khi tư duy rồi, họ không thấy một pháp nào khả thủ mà không có sai lầm tội lỗi cả. Nếu ta chấp thủ sắc, tức là có sai lầm tội lỗi. Nếu chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức thì có sai lầm tội lỗi. Đã biết vậy rồi, thì đối với các pháp thế gian không có gì để chấp thủ, vì không có gì để chấp thủ nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

Ưng thuyết, tiểu thổ đoàn,
Bào mạt, hai vô tri,
Hà lưu, Kỳ lâm, thọ,
Đê-xá, trách chư tưởng.

□

[92] *Chỉ Niết-bàn bất tử.*

TẠP A-HÀM QUYỂN 11

Kinh 273. Thủ thanh dụ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình lặng lẽ tư duy: "Thế nào là ngã? Ngã làm gì? Cái gì là ngã? Ngã trụ ở đâu?" Sau khi từ thiền tịnh tỉnh giác, Tỳ-kheo này đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tư duy: 'Thế nào là ngã? Ngã làm gì? Cái gì là ngã? Ngã trụ ở đâu?'"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ vì ngươi mà nói hai pháp[2]. Ngươi hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Thế nào là hai? Mắt và sắc là hai. Tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là hai pháp.

"Này Tỳ-kheo, nếu có người bảo rằng: 'Sa-môn Cù-đàm nói hai pháp, nhưng đó chẳng phải là hai. Nay tôi sẽ bỏ cái này để lập hai pháp khác.' Người kia chỉ nói suông[3], nhưng nếu gạn hỏi thì không biết và càng tăng thêm nghi hoặc, vì chẳng phải là cảnh giới của họ. Vì sao? Vì duyên mắt và sắc nên sanh ra nhãn thức.

"Này Tỳ-kheo, mắt này là hình thịt[4], là bên trong, là nhân duyên, là cứng[5], là thọ[6]. Đó gọi là nội địa giới, hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, nếu hình thịt của mắt, hoặc bên trong, hoặc nhân duyên, chất dịch từ mắt tiết

---

1. *Ví dụ về tiếng và bàn tay. Đại Chánh quyển 11, kinh 273. Pāli, S. 35. 92-93. Dvayaṃ.*
2. *Xem kinh 215.*
3. *Hán: ngữ số 語數。Pāli: vācāvatthuka.*
4. *Hán: Nhục hình 肉形，chỉ khối thịt.*
5. *Chỉ thuộc địa đại, thể rắn.*
6. *Thọ 受，tức chấp thọ đại chủng, chỉ loại vật chất hữu cơ. Xem Câu-xá 1 (Đại 29, 2c13).*

ra, là thọ. Đó gọi là nội thủy giới hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, nếu hình thịt của mắt này, hoặc bên trong, hoặc nhân duyên, phát ra ánh sáng ấm nóng, là thọ. Đó gọi là nội hỏa giới hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, nếu hình thịt của mắt này, hoặc ở trong, hoặc nhân duyên, dao động nhẹ nhàng, là thọ. Đó là nội phong giới hình thịt của mắt. Này Tỳ-kheo, thí như hai tay chập lại tạo thành âm thanh, cũng vậy duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức. Ba sự này hòa hợp sanh ra xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này chẳng phải ngã, chẳng phải thường, mà đó là cái ngã vô thường; chẳng phải lâu bền, chẳng phải an ổn, đó là cái ngã biến dịch. Vì sao? Này Tỳ-kheo, vì nó là pháp thọ sanh có sanh, già, chết, tiêu mất.

"Này Tỳ-kheo, các hành như huyễn, như sóng nắng, trong khoảnh sát na, tàn lụi, không thật đến không thật đi. Cho nên Tỳ-kheo, đối với các hành vốn không, nên biết, nên hoan hỷ, nên suy niệm rằng, trống không là các hành thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch; trống không không có ngã, không có ngã sở.

"Ví như người mắt sáng tay cầm đèn sáng vào trong nhà trống, xem xét cái nhà trống ấy. Cũng vậy, Tỳ-kheo, đối với tất cả hành trống không, tâm quán sát, hoan hỷ, rằng trống không là các hành. Trống không, không ngã và ngã sở, là các pháp (được coi là) thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch. Cũng vậy, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp thành xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này vô ngã, vô thường, chi tiết cho đến không, vô ngã và ngã sở. Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào? Mắt là thường hay là vô thường?"

"Bạch Thế Tôn, vô thường."

Phật lại hỏi:

"Nếu vô thường là khổ chăng?"

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Phật lại hỏi:

"Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

"Bạch Thế Tôn, không."

"Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Như vậy đa văn Thánh đệ tử đối với mắt sanh nhàm tởm; nhàm tởm nên không ưa thích, không ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Tỳ-kheo ấy nghe Phật thuyết về kinh thí dụ hai tay hợp lại phát tiếng, một mình đi đến chỗ vắng, tinh cần tư duy, sống không buông lung, … tự biết không còn thọ thân sau, thành A-la-hán.

Kinh 274. Khí xả[7]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Những gì không phải là của các ông có, cần phải xả bỏ hết; khi đã xả bỏ hết pháp đó rồi, thì được an vui lâu dài. Này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào? Ở trong rừng Kỳ-hoàn này, các thứ cỏ cây, cành lá, nếu có người mang đi, thì các ông có nghĩ rằng: 'Những vật này là tôi, là của tôi, người kia sao lại đem đi?'"

Các Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì những vật này chẳng phải ta, chẳng phải của ta."

"Tỳ-kheo, các ông cũng lại như vậy, đối với vật không phải của mình, phải xả bỏ hết; khi đã xả bỏ những pháp này rồi, thì được an vui lâu dài. Những gì không phải sở hữu của các ông? Mắt, không phải của các ông, nên xả bỏ; khi đã xả bỏ rồi, thì được an vui lâu dài. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Thế nào, Tỳ-kheo, mắt là thường hay là vô thường?"

Tỳ-kheo đáp:

"Bạch Thế Tôn, là vô thường."

Phật lại hỏi:

"Nếu là vô thường thì khổ phải không?"

"Bạch Thế Tôn, là khổ."

Phật lại hỏi:

"Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử đối với sáu nhập xứ này, nên quán sát chẳng phải ta, chẳng phải của ta. Khi quán sát rồi, đối với các pháp thế gian không chấp thủ. Vì không chấp thủ nên không đắm trước, do không đắm trước nên tự mình giác ngộ Niết-

---

[7]. Pāli, S. 22. 33. Natumhākaṃ; 35. 101-102. Natumhākaṃ; 35. 137-138. Palàsinà.

bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 275. Nan-đà[8]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có người nói: ‘Người có sức mạnh nhất chỉ có Nan-đà.’ Đây là lời nói chính xác. Có người nói: ‘Người đẹp trai nhất cũng chỉ có Nan-đà.’ Đây là lời nói đúng. Có người lại nói: ‘Người ái dục nặng cũng chỉ có Nan-đà.’ Đây là lời nói đúng. Này các Tỳ-kheo, nhưng hiện tại Nan-đà đã đóng cửa các căn, ăn uống điều độ, đầu đêm, cuối đêm tinh tấn siêng năng tu tập, thành tựu chánh trí, có thể suốt đời Phạm hạnh thanh bạch, thuần nhất viên mãn.

“Tỳ-kheo Nan-đà này đã đóng cửa các căn. Nếu mắt thấy sắc, thì không còn chấp giữ tướng dạng của sắc, không chấp giữ vẻ đẹp riêng[9]. Nếu những gì khiến nhãn căn không được phòng hộ[10], bị ngăn che bởi vô minh, tham ái thế gian; Tỳ-kheo khởi tâm phòng hộ[11], không để các pháp ác bất thiện ấy tiết lậu vào tâm. Tỳ-kheo sanh các luật nghi để phòng hộ các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý[12]. Đó gọi là Tỳ-kheo Nan-đà đóng cửa các căn[13].

“Thế nào là ăn uống có điều độ? Tỳ-kheo Nan-đà đối với sự ăn có

---

8. Pāli, A. 8. 9. Nanda; 9. 4. Nandaka.

9. Hán: Tùy hình hảo 隨形好。Pāli: anuvyañjana, dấu hiệu riêng biệt hay đặc biệt.

10. Nguyên Hán: Tăng bất luật nghi 增不律儀，Xem kinh 277. Pāli: asaṃvuttaṃ (asaṃvara).

11. Nguyên Hán: Sanh chư luật nghi. Pāli: tassa saṃvarāya paṭipajjati.

12. Hán: Phòng hộ ư nhãn... căn, sanh chư luật nghi 防護於眼根生諸律儀。Pāli: rakkhati cakkhundriyaṃ, cakkhundriye saṃvara āpajjati: Thủ hộ nhãn căn, vị ấy thực hành sự phòng hộ nơi nhãn căn.

13. Đoạn này nói về sự phòng hộ căn môn hay căn luật nghi của Tỳ-kheo (indriya-saṃvara), nhưng bản Hán rất tối khó dịch sát được.

hệ số[14], không vì tự cao, không vì buông lung, không vì sắc đẹp, không vì trang nghiêm, vừa đủ nuôi thân mà thôi, không kể ngon dở, cốt trừ đói khát để tu phạm hạnh; vì để đối với những cảm giác khổ đã khởi lên trước đây, liền làm cho dập tắt, những cảm giác khổ chưa khởi khiến cho không khởi; vì để thành tựu được ý chí hướng thượng[15]; vì để khí lực an lạc, sống một mình không cần ai biết đến[16]. Như người đi xe phải bôi dầu, không vì tự cao, *(chi tiết như trên, cho đến)* không vì trang điểm, mà vì để vận tải. Cũng giống như xức ghẻ, không vì tham vị thuốc mà vì muốn hết đau. Cũng vậy, thiện gia nam tử Nan-đà biết ăn uống có điều độ,… cho đến, sống một mình không cần ai biết đến. Đó gọi là Nan-đà biết ăn uống có điều độ.

"Thiện nam tử Nan-đà đầu đêm, cuối đêm, tinh tấn siêng năng tu tập. Nan-đà ban ngày kinh hành, tọa thiền, trừ bỏ ấm chướng để cho thân thanh tịnh; đầu đêm kinh hành, tọa thiền, trừ bỏ ấm chướng để cho thân thanh tịnh[17]; nửa đêm ra ngoài phòng rửa chân, rồi vào trong phòng nằm nghiêng bên phải, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm vào tướng ánh sáng, nghĩ tưởng đến sự tỉnh dậy; cuối đêm từ từ tỉnh dậy, kinh hành, tọa thiền. Đó gọi là thiện nam tử Nan-đà, đầu đêm, cuối đêm, tinh tấn siêng năng tu tập.

"Thiện gia nam tử Nan-đà kia có thắng niệm, chánh tri[18]. Thiện nam tử Nan-đà quán sát phương Đông, nhất tâm chánh niệm, an trú quán sát. Quán sát phương Nam, phương Tây, phương Bắc lại cũng như vậy. Nhất tâm chánh niệm, an trú quán sát; người nào quán sát như vậy, thì các pháp bất thiện, tham ưu ở thế gian không lọt vào tâm được.

"Thiện nam tử Nan-đà kia tỉnh giác khi các thọ sanh khởi, tỉnh giác khi các thọ đình trú, tỉnh giác khi các thọ diệt; luôn trú trong chánh niệm, không cho tán loạn; tỉnh giác khi các tưởng sanh khởi, tỉnh giác khi các

---

14. Hán: Ư thực hệ số 於食繫數, ý nói, biết ước lượng việc ăn. Pāli: paṭisaṭkhā yoniso āhāraṃ āhārati, (Nan-đà) ăn thức ăn với sự tư duy (ước lượng) chính xác. Pāli: paṭisaṭkhā: tư trạch hay tư khảo, bản Hán hiểu là con số (do saṭkhā: con số).

15. Hán: Thành kỳ sùng thượng cố 成其崇尚故, Có lẽ Pāli: yātrà ca me bhavissati anavajjatà và ở đây ta sẽ không có lỗi lầm (sẽ không trở thành hèn kém).

16. Hán: Vô văn độc trú 無聞獨住, Bản Cao-ly chép vô văn, Tống-Nguyên-Minh chép vô vấn 無間。

17. Pāli: āvaraṇīyehi dhammehi cittaṃ parisodheti, tẩy sạch tâm khỏi những pháp che lấp.

18. Thắng niệm chánh tri 勝念正知。Pāli: satisampajañña, chánh niệm tỉnh giác.

tưởng đình trú, tỉnh giác khi các tưởng diệt; tỉnh giác khi các giác[19] sanh khởi, tỉnh giác khi các giác trú, tỉnh giác khi các giác diệt; luôn trú trong chánh niệm, không cho tán loạn. Đó gọi là thiện nam tử Nan-đà thành tựu chánh niệm, chánh trí.

"Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Đóng kín cửa các căn như thiện nam tử Nan-đà; ăn uống có điều độ như thiện nam tử Nan-đà; đầu đêm, cuối đêm tinh tấn siêng năng tu tập như thiện nam tử Nan-đà; thành tựu chánh niệm, chánh trí như thiện nam tử Nan-đà.' Như pháp truyền dạy cho Nan-đà cũng nên được đem dạy cho người khác."

Khi ấy có Tỳ-kheo nọ nói kệ:

Khéo đóng cửa các căn,
Nhiếp tâm, trú chánh niệm,
Ăn uống biết điều độ,
Giác biết các tưởng tâm,
Thiện nam tử Nan-đà,
Được Thế Tôn khen ngợi.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 276. Nan-đà thuyết pháp[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có chúng Đại Thanh văn ni ở trong vườn vua nước Xá-vệ. Tên các Tỳ-kheo-ni này là Thuần-đà Tỳ-kheo-ni, Dân-đà Tỳ-kheo-ni, Ma-la-bà Tỳ-kheo-ni, Ba-la-giá-la Tỳ-kheo-ni, Đà-la-tỳ-ca Tỳ-kheo-ni, Sai-ma Tỳ-kheo-ni, Nan-ma Tỳ-kheo-ni, Cáo-nan-xá Cù-đàm-di Tỳ-kheo-ni, Ưu-bát-la-sắc Tỳ-kheo-ni, Ma-ha Ba-xà-ba-đề Tỳ-kheo-ni. Những vị này cùng một số Tỳ-kheo-ni khác đều ở trong vườn vua.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề[21] cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni lần lượt trước sau đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, Thế Tôn vì Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-

---

19. *Giác 覺。Pāli: vitakka, tầm, suy tầm.*

20. *Pāli, M.146. Nandakovāda-sutta.*

21. *Ma-ha Ba-xà-ba-đề 摩訶波闍G 波提。Pāli: Mahā-pajapatī.*

ba-đề mà thuyết pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ [22]. Sau khi bằng nhiều cách thuyết pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, Ngài khiến họ lui về, bảo rằng:

"Tỳ-kheo-ni, thời gian thích hợp, nên đi!"

Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe những điều Phật dạy, vui vẻ làm lễ mà lui.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã về rồi, mới bảo các Tỳ-kheo:

"Ta nay tuổi đã già yếu, không còn có thể vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp được. Tỳ-kheo Tăng các ngươi, từ nay các Thượng tọa tôn đức giáo thọ các Tỳ-kheo-ni."

Các Tỳ-kheo vâng lời Đức Thế Tôn, tuần tự theo thứ lớp giáo thọ các Tỳ-kheo-ni. Theo thứ tự, đến phiên Nan-đà.

Bấy giờ, theo thứ tự, Nan-đà nên đi nhưng không muốn đi giáo thọ.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni trước sau lần lượt đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, cho đến… xin được nghe pháp. Nghe xong họ vui vẻ, đảnh lễ rồi ra về.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã về rồi, liền hỏi Tôn giả A-nan:

"Hôm nay đến phiên ai giáo thọ các Tỳ-kheo-ni?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, các Thượng tọa đã lần lượt giáo thọ Tỳ-kheo-ni rồi, nay tới phiên Nan-đà, nhưng Nan-đà không muốn giáo thọ."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Nan-đà:

"Ngươi hãy giáo thọ các Tỳ-kheo-ni, vì các Tỳ-kheo-ni mà nói pháp. Vì sao? Vì Ta đã đích thân dạy dỗ các Tỳ-kheo-ni, nên ngươi cũng phải như vậy. Ta đã vì các Tỳ-kheo-ni mà nói pháp, thì ngươi cũng nên như vậy."

Bấy giờ, Nan-đà im lặng vâng lời.

Sáng sớm hôm sau, Nan-đà đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, thu cất y bát, rửa chân xong vào thất tọa thiền. Rồi tỉnh giác thiền tịnh, Nan-đà đắp y Tăng-già-lê và dẫn theo một Tỳ-kheo đi đến vườn vua. Các Tỳ-kheo-ni từ xa trông thấy Tôn giả Nan-

---

[22] *Thị, giáo, chiếu, hỷ, 示教照喜, Xem cht.33 kinh 107.*

đà đến, vội vàng trải chỗ ngồi và mời ngồi. Tôn giả Nan-đà an tọa xong, các Tỳ-kheo-ni cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Nan-đà nói với các Tỳ-kheo-ni:

"Này các cô! Các cô có điều gì xin hỏi tôi, tôi sẽ vì các cô mà nói pháp. Các cô nếu hiểu rồi, thì nói là đã hiểu; nếu chưa hiểu thì nên nói là chưa hiểu. Đối với những nghĩa lý mà tôi đã nói ra, nếu đã hiểu thì hãy khéo thực hành, nếu không hiểu thì phải hỏi lại, tôi sẽ sẵn sàng nói lại."

Các Tỳ-kheo-ni bạch Tôn giả Nan-đà:

"Ngày nay chúng con nghe Tôn giả dạy, cho phép chúng con hỏi, bảo chúng con rằng: 'Các cô nếu hiểu rồi, thì nói là đã hiểu; nếu chưa hiểu, thì nên nói là chưa hiểu. Đối với những nghĩa lý mà tôi đã nói ra, nếu đã hiểu thì hãy khéo thực hành, nếu không hiểu thì phải hỏi lại.' Chúng con nghe được điều này, lòng rất vui mừng. Bây giờ, chúng con xin hỏi về những nghĩa lý chưa được hiểu."

Lúc đó Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Thế nào các cô, khi quán sát về nội nhập xứ của mắt có thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Hỏi tiếp:

"Khi quán sát về nội nhập xứ của tai mũi, lưỡi, thân, ý có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Bạch Tôn giả Nan-đà, vì đối với pháp này chúng con đã từng thấy biết như thật. Đối với sáu nội nhập xứ quán sát là vô ngã, chúng con từng hiểu ý như vầy: sáu nội nhập xứ là vô ngã."

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Lành thay! Lành thay! Các cô nên hiểu như vậy. Sáu nội nhập xứ nên quán sát là vô ngã.

"Này các Tỳ-kheo-ni, ngoại nhập xứ của sắc có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Hỏi tiếp:

"Ngoại nhập xứ của thanh, hương, vị, xúc, pháp, có phải là ngã,

khác ngã, hay ở trong nhau chăng?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu ngoại nhập xứ này, chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con thường hiểu ý này: Sáu ngoại nhập xứ như thật là vô ngã."

Tôn giả Nan-đà khen ngợi các Tỳ-kheo-ni:

"Tốt lắm! Các cô đối với nghĩa này nên quán sát như vầy: 'Sáu ngoại nhập xứ là vô ngã. Nếu duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức, vậy thì nhãn thức này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?'"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Hỏi tiếp:

"Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý,… pháp làm duyên sanh ra ý thức, vậy thì ý thức này có phải là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu thức thân này chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý này: Sáu thức thân như thật là vô ngã."

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Lành thay! Lành thay! Đối với nghĩa này các cô nên quán sát như vầy: 'Sáu thức thân như thật là vô ngã; duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, vậy thì xúc này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?'"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Hỏi tiếp:

"Tai, mũi, lưỡi, thân, ý,… pháp làm duyên sanh ý thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, vậy thì xúc này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu xúc này chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý như vầy: Sáu xúc như thật là vô ngã."

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Lành thay! Đối với nghĩa này, các cô nên quán sát như vầy: 'Sáu xúc thân như thật là vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, ba sự hòa

hợp sanh ra xúc, xúc duyên thọ, vậy thì thọ này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?'"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Hỏi tiếp:

"Tai, mũi, lưỡi, thân, ý,… pháp làm duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên thọ, vậy thì thọ này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu thọ thân này chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý này: Sáu thọ thân như thật là vô ngã."

Tôn giả Nan-đà lại bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Lành thay! Đối với nghĩa này, các cô nên quán sát như vầy: 'Sáu thọ thân này như thật là vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên tưởng, vậy thì tưởng này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?'"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Hỏi tiếp:

"Tai, mũi, lưỡi, thân, ý,... pháp làm duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên tưởng, vậy thì tưởng này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu tưởng thân này, chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý này: Sáu tưởng thân như thật là vô ngã."

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Lành thay! Tỳ-kheo-ni, đối với nghĩa này, các cô nên quán sát như vầy: 'Sáu tưởng thân này như thật là vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên tư, vậy thì tư này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?'"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Hỏi tiếp:

"Tai, mũi, lưỡi, thân, ý,… pháp làm duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa

hợp sanh ra xúc, xúc duyên tư, vậy thì tư này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu tư thân này, chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con thường hiểu ý này: Sáu tư thân này như thật là vô ngã."

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Lành thay! Tỳ-kheo-ni, đối với nghĩa này, các cô nên quán sát như vầy: 'Sáu tư thân này như thật là vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên ái, vậy thì ái này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?'"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Hỏi tiếp:

"Tai, mũi, lưỡi, thân, ý,… pháp làm duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp sanh ra xúc, xúc duyên ái, vậy thì ái này có phải là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì đối với sáu ái thân này, chúng con đã từng quán sát như thật là vô ngã. Chúng con thường hiểu ý này: Sáu ái thân này như thật là vô ngã."

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Đối với nghĩa này các cô nên quán sát như vầy: 'Sáu ái thân này như thật là vô ngã.'

"Này các Tỳ-kheo-ni, ví như nhờ vào có dầu và nhờ vào tim đèn nên đèn được cháy sáng. Dầu này là vô thường, tim đèn là vô thường, lửa là vô thường, cây đèn cũng là vô thường. Nếu có người bảo rằng không dầu, không tim, không lửa, không đèn mà có ánh sáng thường trụ mãi mãi, không biến đổi, thì lời nói này có đúng không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không."

Tôn giả Nan-đà nói:

"Vì sao? Vì nhờ vào có dầu, tim, cây đèn, nên đèn cháy sáng. Dầu, tim và cây đèn này đều là vô thường. Nếu không dầu, không tim, không đèn thì ánh sáng của cây đèn cũng theo đó mà diệt mất, tịch tĩnh, thanh lương, chân thật. Như vậy, này các cô, sáu nội nhập xứ này là vô thường.

Nếu có người bảo rằng ‘Hỷ lạc do nhân duyên sáu nội nhập xứ này mà sanh; nó thường hằng, thường trụ, không biến đổi, an ổn’, thì lời nói này có đúng không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì chúng con đã từng quán sát như thật rằng vì những pháp kia làm duyên sanh ra những pháp này; nếu những pháp làm duyên kia diệt, thì các pháp được sanh ra này cũng tùy theo đó mà diệt mất, tịch tĩnh, thanh lương, chân thật.”

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Lành thay! Đối với nghĩa này, các cô nên quán sát như vầy: Do những pháp kia làm duyên sanh ra những pháp này; những pháp làm duyên kia nếu diệt đi, thì các pháp được sanh ra này cũng tùy theo đó mà diệt mất, tịch tĩnh, thanh lương, chân thật.”

“Này các Tỳ-kheo-ni, thí như cây đại thọ có gốc, cành, nhánh, lá. Gốc chúng cũng là vô thường, nên cành, nhánh, lá cũng đều là vô thường. Nếu có người bảo rằng không có cành, nhánh, lá của cây này, mà chỉ có cái bóng của nó là thường trụ mãi mãi, không biến đổi, thì lời nói này có đúng không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì như gốc, cành, nhánh, lá cây lớn này; gốc chúng cũng là vô thường, nên cành, nhánh, lá cũng là vô thường. Không gốc, không cành, không nhánh, không lá, thì cái bóng nương vào nơi cây đó, tất cả cũng đều không.”

Hỏi tiếp:

“Này các cô, duyên vào ngoại lục nhập xứ vô thường. Nếu bảo rằng ‘hỷ lạc do nhân duyên sáu ngoại nhập xứ mà sanh là thường trụ mãi mãi, không biến đổi và an ổn,’ thì lời nói này có đúng không?”

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

“Bạch Tôn giả, không. Vì sao? Vì đối với nghĩa này chúng con đã quán sát như thật, là do những pháp kia làm duyên sanh ra những pháp này; nếu những pháp làm duyên kia diệt, thì các pháp được sanh ra này cũng tùy theo đó mà diệt mất, vắng lặng, mát mẻ, chân thật.”

Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Lành thay! Các Tỳ-kheo-ni, đối với nghĩa này nên quán sát như thật, là do những pháp kia làm duyên sanh ra những pháp này; nếu những pháp làm duyên kia diệt, thì các pháp được sanh ra này cũng tùy theo đó

mà diệt mất, vắng lặng, mát mẻ, chân thật.

"Các cô hãy nghe tôi nói thí dụ, người trí nhờ thí dụ này mà hiểu rõ. Như người đồ tể mổ trâu một cách thiện nghệ, hay người học trò của ông ta, tay cầm dao bén để lột da con trâu, bằng cách lòn lách vào giữa da và thịt mà không phạm vào phần thịt bên trong, cũng không rách phần da ở bên ngoài, kể cả việc mổ lột chân cẳng gân cốt con trâu, sau đó dùng tấm da ấy phủ lên nó trở lại. Nếu có người bảo rằng: 'Da thịt của con trâu này hoàn toàn không bị cắt rời.' Vậy, lời nói này có đúng không?"

Các Tỳ-kheo-ni đáp:

"Bạch Tôn giả Nan-đà, không. Vì sao? Vì người đồ tể thiện nghệ này và học trò của ông ta tay cầm dao bén, lòn lách vào giữa da và thịt, để lột da mà không chạm đến da thịt của nó, kể cả chân cẳng gân xương, tất cả đều đứt hết, sau đó trùm lại con trâu ấy. Nhưng da thịt đã bị cắt rời, không phải là không bị cắt rời."

"Này các cô, tôi sẽ giải thích về ý nghĩa của thí dụ này: Con trâu dụ cho sắc thô của thân người, như được nói chi tiết trong kinh Giỏ rắn độc. Thịt là chỉ cho nội lục nhập xứ. Da ngoài chỉ cho ngoại lục nhập xứ. Người đồ tể chỉ cho bậc hữu học thấy dấu[23]. Gân xương ở khoảng giữa da thịt chỉ cho sự câu hữu của hai món tham-hỷ. Dao bén chỉ cho trí tuệ sắc bén. Đa văn Thánh đệ tử dùng dao bén trí tuệ chặt đứt tất cả những kết sử, triền phược, tùy miên, phiền não, tùy phiền não. Cho nên, các cô nên học như vậy. Đối với những pháp đáng yêu thích, tâm không nên đắm trước, vì để đoạn trừ tham vậy. Đối với những pháp đáng sân hận, cũng không nên sanh tâm sân hận, vì để đoạn trừ sân vậy. Đối với những pháp đáng si, không nên sanh tâm si, vì để đoạn trừ si vậy. Đối với năm thọ ấm phải quán sát sanh diệt. Đối với sáu xúc nhập xứ phải quán sát về sự tập khởi và sự diệt tận. Đối với bốn Niệm xứ nên khéo buộc tâm. An trú nơi bảy giác phần; khi tu bảy giác phần rồi, thì đối với dục lậu kia tâm không duyên đắm, tâm giải thoát. Đối với hữu lậu, tâm không duyên đắm, tâm giải thoát. Đối với vô minh lậu, tâm không duyên đắm, tâm được giải thoát. Các cô nên học như vậy."

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà, vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng nhiều cách thuyết pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ma-ha

---

[23] *Hán: học kiến tích, 學見跡。Xem cht. 38, kinh 109.*

Ba-xà-ba-đề cùng đi với năm trăm Tỳ-kheo-ni quyến thuộc lần lượt đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, lui đứng qua một bên, … cho đến đảnh lễ Phật rồi trở về.

Bấy giờ Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã ra về, Ngài mới bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như trăng sáng đêm mười bốn, có nhiều người ngắm trăng; trăng đã tròn hay chưa tròn? Nên biết vầng trăng ấy chưa tròn lắm. Cũng vậy, thiện nam tử Nan-đà vì năm trăm Tỳ-kheo-ni chân chánh giáo thọ, chân chánh thuyết, đối với sự giải thoát của họ, vẫn chưa phải là rốt ráo. Nhưng những Tỳ-kheo-ni này khi mạng chung không một kết sử nào là không đoạn, để có thể khiến cho họ sanh trở lại đời này."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Nan-đà:

"Hãy vì các Tỳ-kheo-ni mà nói pháp."

Lúc ấy, Tôn giả Nan-đà im lặng vâng lời. Sáng hôm sau, Tôn giả mang bát vào thành khất thực. Thọ trai xong, Tôn giả đi tới vườn vua, rồi ngồi xuống chỗ ngồi vì các Tỳ-kheo-ni nói pháp, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng nhiều cách thuyết pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rời khỏi chỗ ngồi, đứng dậy ra về.

Một hôm, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni trước sau lần lượt đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật,… cho đến đảnh lễ ra về.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã đi rồi, bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như trăng sáng đêm rằm, không còn ai nghi ngờ về vầng trăng tròn hay không tròn, nhưng vầng trăng kia hoàn toàn tròn đầy. Cũng vậy, thiện gia nam tử Nan-đà, đã vì các Tỳ-kheo-ni chân chánh giáo thọ như vậy, cứu cánh giải thoát. Nếu lúc mạng chung, dù không có người nào nói họ sẽ đi về đâu, nhưng họ cũng có thể tự biết đây là biên tế của khổ."

Bấy giờ, Thế Tôn thọ ký cho năm trăm Tỳ-kheo-ni chứng quả thứ nhất[24].

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

24. Tức Tu-đà-hoàn.

Kinh 277. Luật nghi bất luật nghi[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bất luật nghi và luật nghi[26], các Tỳ-kheo hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là bất luật nghi? Nếu nhãn căn không được luật nghi thâu giữ[27], thì nhãn thức bị đắm sắc. Vì bị đắm sắc nên sanh ra khổ thọ. Vì khổ thọ nên không được nhất tâm[28]. Vì không nhất tâm nên không thấy biết như thật. Vì không thấy biết như thật nên không lìa nghi hoặc. Vì không lìa nghi hoặc nên bị chúng làm mê lầm chịu khổ mãi mãi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là bất luật nghi.

"Thế nào là luật nghi? Nếu nhãn căn được luật nghi thâu giữ; khi nhãn thức nhận thức sắc, tâm không nhiễm trước[29]. Khi tâm đã không nhiễm trước thì thường trụ an vui. Vì tâm đã trụ trong an vui nên thường được nhất tâm. Vì đã nhất tâm nên thấy biết như thật. Vì đã thấy biết như thật nên lìa nghi hoặc. Vì đã lìa nghi hoặc nên không bị chúng làm mê lầm và thường trụ trong an vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là luật nghi."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 278. Thoái bất thoái[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

---

25. Pāli, S. 35. 97. Pamādavihārī.

26. Luật nghi, bất luật nghi 律儀不律儀。Pāli: saṃvara, asaṃvara, phòng hộ và không phòng hộ.

27. Pāli: cakkhundriyaṃ asaṃvuttaṃ, nhãn căn không được nhiếp hộ (phòng hộ).

28. Pāli: dukkhino cittaṃ na samādhiyati, vì khổ nên tâm không được tập trung (không thể nhập định).

29. Pāli: cakkhundriyaṃ saṃvuttassa, bhikkhave, viharato cittaṃ na vyāsiñcati cakkhuviññeyyesu rūpesu, an trú với sự nhiếp hộ nhãn căn, tâm không bị đọa lạc (nhiễm ô) trong các sắc được nhận thức bởi mắt.

30. Pāli, S. 35. 96. Parihānaṃ.

"Có pháp thoái chuyển, không thoái chuyển và sáu xúc nhập xứ.[31] Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là pháp thoái chuyển? Khi mắt biết sắc, tri giác dục vọng phát sanh[32], Tỳ-kheo đó vui mừng, khen ngợi, chấp lấy, dính mắc, thuận theo sự xoay chuyển của pháp này, nên biết Tỳ-kheo này đã thoái chuyển các pháp lành[33]. Thế Tôn nói đó là pháp thoái chuyển. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Thế nào là pháp không thoái chuyển? Khi mắt biết sắc mà kết buộc của tri giác dục vọng không sanh, Tỳ-kheo đó không vui mừng, không khen ngợi, không chấp lấy, không dính mắc và đối với pháp này không thuận theo sự xoay chuyển, nên biết Tỳ-kheo này không thoái chuyển các pháp lành. Thế Tôn nói đó là pháp không thoái chuyển. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Thế nào là sáu thắng nhập xứ[34]? Khi nhãn thức duyên sắc, mà không sanh tri giác dục vọng dẫn đến kết buộc ô nhiễm, thì nên biết Tỳ-kheo này đã thắng được nhập xứ kia[35]. Thế Tôn nói đó là thắng được nhập xứ kia. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sáu thắng nhập xứ đã thắng được rồi, thì sẽ đoạn trừ được kết sử tham dục và sẽ đoạn trừ được kết sử ngu si, sân hận. Giống như ông vua đánh thắng oán địch và được tôn là 'Ông vua chiến thắng', người đã đoạn trừ các kết sử rồi được gọi là 'Bà-la-môn chiến thắng.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

31. Thoái, bất thoái, lục xúc nhập xứ 退不退六觸入處。Đoạn dưới, nói là thắng nhập xứ. Pāli: parihānadhammañca vo, bhikkhave, dessāmi aparihānadhammañca cha ca abhibhāyatanāni, Ta sẽ nói pháp thoái chuyển, pháp không thoái chuyển và sáu thắng xứ.

32. Dục giác 欲覺。Pāli: cakkhunà rūpaṃ disvà uppajjanti pāpakā akusalà sarasaṭkappà saṃyojaniyā, khi nhận thức sắc bởi mắt, các hoài niệm và ước vọng bất thiện, dẫn đến hệ lụy sanh khởi.

33. Pāli: parihayāmi kusalehi dhammehi, ta đã thụt lùi khỏi các pháp lành.

34. Xem cht.31 trên.

35. Thắng bỉ nhập xứ 勝彼入處。Pāli: abhibhūtam etaṃ āyatanaṃ, môi trường (xứ) này đã bị chiến thắng (chinh phục).

Kinh 279. Điều phục[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sáu căn này[37] mà không điều phục, không đóng kín, không thủ hộ, không chấp trì, không tu tập, thì đời vị lai sẽ chịu quả báo khổ.

"Sáu căn là những gì? Nhãn căn không điều phục, không đóng kín, không thủ hộ, không chấp trì, không tu tập, thì ở đời vị lai sẽ chịu báo khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

"Phàm phu ngu si không học, khi mắt thấy sắc, chấp thủ tướng chung, chấp thủ tướng riêng; bất kể nhãn căn hướng đến nơi nào, đều an trụ với bất luật nghi được chấp thọ[38]; các ác pháp bất thiện tham ái của thế gian lọt vào tâm, những điều như thế đều do không thể chấp trì luật nghi, phòng hộ nhãn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Như thế đối với sáu căn, không điều phục, không đóng kín, không giữ gìn, không chấp trì, không tu tập thì ở đời vị lai sẽ chịu quả báo khổ.

"Thế nào là sáu căn khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo giữ gìn, khéo chấp trì, khéo tu tập thì ở đời vị lai sẽ được an vui? Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc không chấp thủ tướng chung, không chấp thủ tướng riêng; bất kể nhãn căn hướng đến nơi nào, vẫn thường an trú với luật nghi. Những pháp ác, bất thiện tham ái ở thế gian không lọt vào tâm, có thể sanh ra các luật nghi, khéo thủ hộ nhãn căn[39]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là sáu căn khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo giữ gìn, khéo chấp trì, khéo tu tập, thì ở đời vị lai sẽ được an vui.

---

36. Pāli, S. 35. 94. Saṅgayha.

37. Pāli: chayime bhikkhave phassāyatanā adantà aguttā arakkhitā asaṃvuttā, sáu xúc xứ này không được chế ngự, không được canh gác, không được phòng vệ, không được nhiếp hộ.

38. Bất luật nghi chấp thọ trú 不律儀執受住。Quốc Dịch đưa từ trú xuống câu dưới. Đây theo văn Pāli đưa lên câu trên. Pāli: cakkhundriyaṃ asaṃvuttaṃ viharantaṃ, sống với nhãn căn không được phòng hộ (bất luật nghi).

39. Đoạn văn Hán này có nhiều chỗ tối nghĩa, cần tham chiếu thêm Pāli (D. ii. Sāmaññaphala-sutta): yatvādhikaraṇanaṃ eịaṃ cakkhundriyaṃ asaṃvuttaṃ viharantaṃ abhijjhà-domanassà pāpakā akusalà dhammā anvàssaveyyuṃ, tassa saṃvarāya paṭipajjati, do nguyên nhân nào mà nhãn căn không được an trụ phòng ngự (Hán: bất luật nghi) để cho tham và ưu, các pháp ác bất thiện tuôn chảy vào, vị ấy tu tập để phòng ngự nguyên nhân ấy.

Đức Phật liền nói bài kệ:

Nơi sáu xúc nhập xứ,
Trú vào không luật nghi;
Những Tỳ-kheo như vậy,
Mãi mãi chịu khổ lớn.
Đối với các luật nghi,
Luôn tinh cần tu tập,
Chánh tín, tâm không hai,
Các lậu chẳng vào tâm.
Mắt thấy những sắc kia,
Vừa ý không vừa ý;
Vừa ý, không sanh muốn,
Không vừa ý, chẳng ghét.
Tai nghe những âm thanh,
Có niệm và không niệm;
Đối niệm, không ưa đắm,
Không niệm, không khởi ác.
Mũi ngửi đến các mùi,
Hoặc thơm, hoặc là hôi;
Đối thơm, hôi, bình đẳng,
Không muốn, cũng không trái.
Đối các vị để ăn,
Chúng cũng có ngon, dở;
Vị ngon không khởi tham,
Vị dở không kén chọn.
Thân xúc tạo vui sướng,
mà chẳng sanh buông lung;
Xúc chạm bị khổ đau,
Không sanh tưởng oán ghét.
Khổ vui đều buông hết,
Chưa diệt khiến cho diệt.
Phải quán sát tâm ý,
Các tướng, các tướng kia,
Giả dối mà phân biệt,
Dục tham càng rộng lớn.
Giác ngộ các ác kia,
An trú tâm lìa dục.
Khéo nhiếp sáu căn này,

Sáu cảnh xúc không động,
Dẹp sạch các ma oán,
Vượt qua bờ sống chết.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 280. Tần-đầu thành[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến ở trong rừng Thân-thứ[41], phía bắc thành Tần-đầu[42].

Bấy giờ các Bà-la-môn, trưởng giả trong thành Tần-đầu đều nghe Thế Tôn đang ở nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thứ, phía bắc thành Tần-đầu. Họ nghe vậy rồi, tất cả đều ra khỏi thành, đến rừng Thân-thứ, chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Phật nói với các Bà-la-môn, trưởng giả thành Tần-đầu:

"Nếu có người hỏi các ông: 'Những hạng Sa-môn, Bà-la-môn nào không đáng cung kính, lễ bái, thừa sự, cúng dường?' thì các ông nên đáp là: 'Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, mắt thấy sắc mà chưa lìa được tham, chưa lìa được dục, chưa lìa ái, chưa lìa khao khát, chưa lìa niệm, nội tâm không tịch tịnh, việc làm phi pháp, hành vi thô tháo. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy, thì những hạng Tỳ-kheo như vậy không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, thừa sự, cúng dường.' Nói như vậy xong, lại có người khác hỏi: 'Vì sao những Sa-môn này không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường?' Các ông nên trả lời: 'Chúng tôi mắt thấy sắc mà không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa niệm, trong tâm không tịch tịnh và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn kia, khi mắt thấy sắc cũng không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao

---

40. Pāli, M. 150. Nagaravindeyya-sutta.

41. Thân-thứ lâm 申怒林; rừng cây siṃsapa. Bản Pāli: nagaravindaṃ nāma kosalānaṃ brāmhmaṇānaṃ gāmo tad avasi, tạm trú tại một làng Nagaravinda, một ngôi làng Bà-la-môn của người Kosala.

42. Tần-đầu thành 頻頭城。Pāli: Nagaravinda.

khát, không lìa niệm, trong tâm họ không tịch tịnh, hành động phi pháp, hành vi thô tháo và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Chúng tôi tìm sự sai biệt ở đây, nhưng không thấy họ khác biệt chúng tôi chỗ nào. Vì vậy, chúng tôi không cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự cúng dường các hạng Sa-môm, Bà-la-môn như vậy.'

"Nếu có người hỏi: 'Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường?' Các ông nên trả lời: 'Nếu những vị ấy mắt thấy sắc mà lìa dục, lìa tham, lìa ái, lìa khao khát, lìa niệm, trong tâm tịch tịnh, không hành động phi pháp, làm những hạnh bình đẳng, việc làm không lôi thôi và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy, thì những hạng Sa-môn, Bà-la-môn như vậy đáng được cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường.'

"Nếu lại hỏi: 'Vì sao những Sa-môn, Bà-la-môn này được cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường?' Các ông nên trả lời: 'Chúng tôi mắt thấy sắc mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa niệm, trong tâm không tịch tịnh, hành động phi pháp, hành vi thô tháo và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn này lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa khao khát, lìa niệm, nội tâm tịch tịnh, hành động đúng pháp, hành động không thô tháo; và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Ở đây, chúng tôi tìm sự khác biệt và thấy và những vị ấy có chỗ khác chúng tôi. Vì thấy có sự sai biệt, nên chúng tôi cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn ấy.'

"Đã trả lời như vậy, nếu có người lại hỏi: 'Những Sa-môn, Bà-la-môn này có hành vi gì, có hình mạo thế nào và có dấu hiệu nào để khiến cho các ông biết những Sa-môn, Bà-la-môn này lìa tham, hướng đến điều phục tham; lìa sân, hướng đến điều phục lìa sân; lìa si, hướng đến điều phục lìa si?' Các ông nên trả lời rằng: 'Chúng tôi thấy Sa-môn, Bà-la-môn này có những biểu hiện như thế này: Ở trong rừng vắng, dưới bóng cây, giường thấp, hoặc nơi nệm cỏ, tu hạnh viễn ly, xa lìa người nữ, ưa gần người độc cư để cùng thiền định tư duy; nếu ở những chỗ đó mà không có sắc được thấy bởi mắt có thể sanh tâm tham đắm; và không có tiếng được nghe bởi tai có thể sanh tâm tham đắm; mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, có thể sanh tâm tham đắm. Những Sa-môn, Bà-la-môn này có hành vi như vậy, có hình mạo như vậy và có dấu hiệu như vậy để khiến cho các chúng tôi biết những Sa-môn, Bà-la-môn này lìa tham,

hướng đến điều phục tham; lìa sân, hướng đến điều phục lìa sân; lìa si, hướng đến điều phục lìa si."

Khi ấy, các Sa-môn và gia chủ Bà-la-môn, bạch Phật:

"Kỳ diệu thay, Thế Tôn! Không tự khen mình, không chê người, mà chỉ nói ý nghĩa. Mỗi người nơi các nhập xứ tự mình phân biệt nhiễm ô hay thanh tịnh, nói rộng duyên khởi đúng lời nói của Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Giống như người cứu được kẻ chết chìm, như mở chỗ bít kín, như chỉ lối cho kẻ lầm đường, như thắp đèn nơi tối. Cũng vậy, Thế Tôn không khen mình, chê người, mà chỉ nói ý nghĩa… cho đến, như lời Như Lai nói."

Các gia chủ Bà-la-môn ở thành Tần-đầu, sau khi nghe những gì Đức Phật đã nói, vui vẻ, làm lễ ra về.

□

Kinh 281. Oanh phát Mục-kiền-liên[43]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá.

Bấy giờ có Mục-kiền-liên búi tóc[44] xuất gia, đi đến chỗ Phật, cùng nhau hỏi thăm xong, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Mục-kiền-liên búi tóc:

"Ông từ đâu đến?"

Mục-liên liền bạch Phật:

"Tôi theo chúng ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn Giá-la-ca[45] xuất gia, vừa hội họp ở giảng đường Vị tằng[46] để nghe pháp và từ rừng đó đến đây."

Phật bảo Mục-kiền-liên tóc búi:

"Ông vì những phước lực[47] gì mà nghe thuyết pháp từ các chúng Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo Giá-la-ca xuất gia kia?"

Mục-kiền-liên tóc búi bạch:

"Tôi thử nghe phước lợi mà họ luận nghị tranh hơn nhau, nghe phước lợi mà họ phản bác luận nghị nhau."

---

43. Đạo sĩ búi tóc. Pāli, Sikha-Moggallāna.

44. Hán: Oanh phát Mục-kiền-liên 縈髮目揵連。Pāli: Sikha-Moggallāna.

45. Giá-la-ca 遮羅迦。Pāli: caraka, chỉ du sĩ lang thang.

46. Vị tằng giảng đường, 未曾講堂。Xem kinh 975 ở sau.

47. Tức hỏi "Vì mục đích gì".

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Từ xưa tới nay, các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo Giá-la-ca xuất gia, luận nghị tranh hơn nhau, phản bác luận nghị nhau về phước lợi, phá hoại lẫn nhau."

Mục-kiền-liên tóc búi bạch Phật:

"Cù-đàm vì phước lợi mà nói những pháp gì cho các đệ tử, để cho các đệ tử nói lại cho người khác nghe mà không phỉ báng Như Lai, không thêm, không bớt; nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng theo thuận thứ của pháp, để không một người nào có thể đến so sánh, nạn vấn, chỉ trích?"

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Vì phước lợi quả báo của minh, giải thoát, mà nói lại cho người nghe, thì không phỉ báng Như Lai, không trái đạo lý, nói đúng pháp, đúng thuận thứ của pháp, không ai có thể đến so sánh, nạn vấn, chỉ trích."

Mục-kiền-liên tóc búi bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, có pháp nào mà các đệ tử tu tập, thường xuyên tu tập, thì sẽ khiến thành tựu viên mãn phước lợi, minh[48], giải thoát chăng?"

Phật bảo Mục-kiền-liên tóc búi:

"Có bảy giác phần, tu tập và thường xuyên tu tập, thì sẽ khiến thành tựu viên mãn phước lợi, minh, giải thoát."

Mục-kiền-liên tóc búi bạch Phật:

"Có pháp nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì sẽ khiến cho bảy giác phần đầy đủ chăng?"

Phật bảo:

"Có bốn Niệm xứ, tu tập, tu tập nhiều, sẽ khiến bảy giác phần được đầy đủ."

Mục-kiền-liên tóc búi lại bạch Phật:

"Lại có pháp nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì sẽ khiến cho bốn Niệm xứ đầy đủ chăng?"

Phật bảo Mục-kiền-liên tóc búi:

"Có ba diệu hành, tu tập, tu tập nhiều, thì sẽ khiến cho bốn Niệm xứ đầy đủ."

Mục-kiền-liên bạch Phật:

"Lại có pháp nào mà tu tập, tu tập, thì sẽ khiến cho ba diệu hạnh đầy đủ chăng?"

---

48. Minh 明, chỉ ba minh. Giải thoát 解脫, chỉ tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Có luật nghi của sáu xúc nhập xứ[49], tu tập, tu tập nhiều, thì sẽ khiến ba diệu hạnh đầy đủ."

Mục-kiền-liên tóc búi bạch Phật:

"Thế nào là luật nghi của sáu xúc nhập xứ mà tu tập, tu tập nhiều, thì sẽ khiến cho ba diệu hạnh đầy đủ?"

Phật bảo Mục-kiền-liên tóc búi:

"Nếu sắc được nhận thức bởi mắt, vừa ý, đáng ưa, đáng nhớ, có khả năng nuôi lớn dục lạc, khiến cho người hệ lụy; Tỳ-kheo kia, khi thấy sắc này, không hoan hỷ, không tán thán, không duyên theo, không đắm trước, không trụ vào. Hoặc sắc được nhận thức bởi mắt, không vừa ý, không đáng ưa, không đáng nhớ, đưa đến cảm giác khổ; các Tỳ-kheo này khi thấy, không sợ, không ghét, không hiềm, không tức tối. Đối với sắc đẹp kia, khi mắt đã thấy, hoàn toàn không duyên đắm. Đối với sắc không đẹp, khi mắt đã thấy, hoàn toàn không duyên đắm, nội tâm an trụ bất động, khéo tu giải thoát, tâm không lười mỏi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, thức pháp lại cũng như vậy. Như vậy, đối với sáu xúc nhập mà tu tập, tu tập nhiều, thì đầy đủ ba diệu hành.

"Thế nào là tu ba diệu hành khiến đầy đủ bốn Niệm xứ? Đa văn Thánh đệ tử ở chỗ vắng vẻ trong rừng, dưới bóng cây, tu học như vầy, tư duy như vầy: 'Ác hành của thân này, đời này và đời sau phải chịu báo ác. Nếu ta hành động với ác hành của thân, chắc phải tự sanh chán nản, hối hận, bị người khác chê trách, Đại Sư cũng chê trách, những người phạm hạnh[50] cũng đúng pháp mà chê trách ta; tiếng ác đồn khắp mọi nơi, thân hoại mạng chung thì sẽ rơi vào địa ngục.' Đối với ác hành của thân, thấy quả báo đời này, đời sau như vậy, cho nên phải dứt trừ ác hành của thân, phải tu thân diệu hành. Đối với ác hành của miệng, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là đã tu tập ba diệu hành. Được bốn Niệm xứ thanh tịnh đầy đủ.

"Thế nào là tu tập bốn Niệm xứ để được bảy giác phần đầy đủ? Này Mục-kiền-liên, như vậy, an trụ với quán thân trên toàn thân. Khi an trụ với quán thân trên toàn thân, nhiếp niệm an trú không xao lãng; bấy giờ, phương tiện[51] tu tập niệm giác phần. Khi đã phương tiện tu tập niệm

---

49. Tức phòng hộ sáu căn môn.

50. Chỉ đồng phạm hạnh, tức bạn đồng tu.

51. Phương tiện, ở đây hiểu là tinh cần nỗ lực.

giác phần rồi, được niệm giác phần đầy đủ, ở nơi tâm niệm kia mà chọn lựa pháp, rồi suy tầm, suy tưởng, tư lường; bấy giờ, phương tiện tu tập trạch pháp giác phần. Khi phương tiện tu tập trạch pháp giác phần rồi, được trạch pháp giác phần đầy đủ, chọn lựa pháp này, suy tầm, suy tưởng, tư lường, phương tiện tu tập tinh tấn giác phần. Khi đã phương tiện tu tập tinh tấn giác phần rồi, được tinh tấn giác phần đầy đủ, nhờ siêng năng tinh tấn nên sanh tâm hoan hỷ; bây giờ, phương tiện tu tập hoan hỷ giác phần. Khi phương tiện tu tập hoan hỷ giác phần rồi, được hoan hỷ giác phần đầy đủ; do tâm hoan hỷ, thân tâm tịch tĩnh; bây giờ, tu tập ỷ tức[52] giác phần. Khi đã tu tập ỷ tức giác phần rồi, được ỷ giác phần đầy đủ, thân tâm tịch tĩnh, được tam-ma-đề[53]; bây giờ, tu tập định giác phần. Khi đã tu tập định giác phần rồi, được định giác phần đầy đủ. Tức là tâm chuyên nhất, tham ưu đình chỉ, nội tâm hành xả[54]; phương tiện tu tập xả giác phần. Khi đã phương tiện tu tập xả giác phần, được xả giác phần thanh tịnh đầy đủ. Đối với thọ, tâm, pháp niệm xứ cũng nói như vậy. Tu tập bốn Niệm xứ như vậy, bảy giác phần được đầy đủ.

"Thế nào là tu tập bảy giác phần để đầy đủ minh, giải thoát? Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo tu tập niệm giác phần, y viễn ly[55], y ly dục, y diệt tận, hướng đến xả[56], tiến đến tu niệm giác phần, chứng đắc minh, giải thoát, thanh tịnh viên mãn. *(Chi tiết, cho đến)* tu tập xả giác phần cũng nói như vậy. Đó gọi là tu tập bảy giác phần, chứng đắc minh, giải thoát, thanh tịnh viên mãn. Như vậy, Mục-kiền-liên, pháp pháp nương nhau từ bờ này mà đến bờ kia."

Sau khi nghe Phật thuyết pháp xong, Mục-kiền-liên tóc búi xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

Lúc này, Mục-kiền-liên thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, hết những nghi ngờ mê hoặc, không do ai khác mang đến. Ở trong Chánh pháp luật, tâm đạt được sự không sợ hãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, chắp tay bạch rằng:

---

52. Ỷ tức giác phần 猗息覺分, cũng nói là khinh an giác chi.

53. Tức được định tĩnh.

54. Hành xả 行捨, tức xả đối với các hành; chỉ trạng thái quân bình (xả) đối với mọi hiện tượng sanh diệt của các hành.

55. Sống xa lánh, ẩn mình nơi thanh vắng.

56. Nỗ lực xả bỏ trạng thái thấp để đạt trang thái cao hơn. Hán: y diệt xả 依滅捨: xem kinh 741: y diệt hướng xả 依滅向捨。

"Nay con có được xuất gia, thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật không?"

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Nay ông đã được[57] xuất gia, được thọ Cụ túc giới trong Chánh pháp luật."

Sau khi được xuất gia rồi, Mục-kiền-liên chuyên cần tư duy, không buông lung, cho đến thành A-la-hán.

□

Kinh 282. Chư căn tu[58]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại Ca-vi-già-la Mâu-chân-lân-đà[59].

Bấy giờ có một niên thiếu tên là Uất-đa-la[60], là đệ tử của Ba-la-xa-na[61], đi đến chỗ Phật, cung kính hỏi thăm, rồi lui ngồi một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Uất-đa-la:

"Thầy con là Ba-la-xà-na có dạy cho các con tu tập các căn không?"

Uất-đa-la trả lời:

"Bạch Cù-đàm, đã có dạy."

Đức Phật bảo Uất-đa-la:

"Thầy con dạy tu về các căn như thế nào?"

Uất-đa-la bạch Phật:

"Thầy con nói, mắt không nhìn thấy sắc, tai không nghe tiếng[62]; đó là tu về căn.

Phật bảo Uất-đa-la:

"Nếu như lời thầy con nói thì những người mù tu căn chăng? Vì sao? Vì chỉ có người mù mới không thấy sắc bằng mắt."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật. Tôn giả nói với Uất-đa-la:

---

57. Nguyên Hán: dĩ đắc 已得。

58. Tu tập các căn. Pāli, M. 152. Indriyabhāvanā-sutta.

59. Ca-vi-già-la Mâu-chân-lân-đà 迦微伽羅牟真鄰陀。Pāli: Kajaṅgala Mukkheouvana.

60. Niên thiếu Uất-đa-la 年少鬱多羅。Pāli: Uttara māṇva.

61. Ba-la-xa-na 波羅奢那。Pāli: Pārāsariya.

62. Pāli: cakkhunà rūpaṃ na passati; sotena saddaṃ na suịāti, không thấy sắc bằng mắt, không nghe tiếng bằng tai.

"Như lời của Ba-la-xà-na nói, thì người điếc tu căn chăng? Vì sao? Vì chỉ có người điếc tai mới không nghe tiếng."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan:

"Khác sự tu căn vô thượng[63] trong pháp luật của Hiền thánh."

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Xin Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về sự tu căn vô thượng trong pháp luật của Hiền thánh, để cho các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng lời thực hành theo."

Phật bảo A-nan:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, thấy sắc vừa ý, muốn tu sự nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, không vừa ý, muốn tu sự không nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, vừa ý không vừa ý, muốn tu sự nhàm tởm không nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, không vừa ý vừa ý, muốn tu sự không nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, vừa ý không vừa ý, vừa không vừa ý, muốn tu lìa bỏ cả hai, sự nhàm tởm và không nhàm tởm của Như Lai, an trụ xả tâm, với chánh niệm chánh trí.[64]

"Như vậy, A-nan, nếu có người nào đối với năm trường hợp[65] này, tâm khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo thủ hộ, khéo nhiếp trì, khéo tu tập, thì đó là ở nơi mắt và sắc mà tu tập căn vô thượng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý… pháp cũng lại như vậy.

"Này A-nan, đó gọi là tu căn vô thượng trong pháp luật của Hiền thánh."

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là sự tu căn của Hiền thánh trong pháp luật của Hiền thánh?"

Phật bảo A-nan:

"Duyên và sắc, nhãn thức sanh; cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không

---

63. Vô thượng tu căn 無上修根。Pāli: ariyassa vinaye anuttarā indriyabhāvanā.

64. Đoạn kinh này, chi tiết có khác với bản Pāli. Xem thêm cht. dưới.

65. Ngũ cú 五句, Ấn Thuận Hội Biên, dẫn Du-già Sư Địa Luận, gọi đây là ngũ chuyển vô thượng tu căn, theo đó là năm phẩm bậc tu căn của đệ tử mà Như Lai vừa ý hoặc không vừa ý.

vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử kia cũng phải biết như thật như vầy: 'Ta, duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh; cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Đây là tịch diệt, đấy là thắng diệu, tức là xả. Khi đã xả, lìa bỏ cả nhàm tởm và không nhàm tởm[66]. Giống như người lực sĩ trong khoảnh khắc khảy móng tay; cũng vậy, duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh; sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, trong chốc lát như vậy đều diệt hết, đạt đến chỗ lìa bỏ nhàm tởm và không nhàm tởm, an trụ xả.'

"Cũng vậy duyên tai và tiếng, sanh nhĩ thức; cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử biết như thật như vầy: 'Ta, nhĩ thức nghe tiếng, cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Đấy là tịch diệt, đây là thắng diệu, tức là xả. Khi đã xả, lìa bỏ cả nhàm tởm và không nhàm tởm. Giống như người lực sĩ trong khoảnh khắc khảy móng tay ra tiếng liền mất; cũng vậy, duyên tai và tiếng, sanh nhĩ thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý; sanh rồi đều diệt tận, đó là xả. Đạt được xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm.'

"Duyên mũi và mùi, sanh tỷ thức, cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử biết như thật như vầy: 'Ta, duyên mũi và mùi, sanh tỷ thức, cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Đây là tịch diệt, đây là thắng diệu, tức là xả. Khi đã xả, lìa bỏ cả nhàm tởm và không nhàm tởm. Thí như hoa sen ở dưới nước không nhiễm bùn; cũng vậy, duyên mũi và mùi, sanh tỷ thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý; sanh rồi đều diệt hết. Có nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm.'

"Duyên lưỡi và vị, sanh thiệt thức, cái đã sanh vừa ý, cái đã sanh không vừa ý, cái đã sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử kia biết như thật như vầy: 'Ta, duyên lưỡi và vị, sanh thiệt thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận, tịch diệt, thắng diệu. Có nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm. Như người lực sĩ nhổ hết vị ra không còn gì nữa; cũng vậy, duyên lưỡi và vị, sanh

---

66. Pāli: taṃ uppannam manāpaṃ uppannaṃ amanāpam uppanaṃ manāpāmanāpam nirujjhati, upekkhā saṇṭhāti, cái đã khởi lên ấy khả ý, không khả ý, hay vừa khả ý vừa không khả ý, thảy đều diệt, xả tồn tại.

thiệt thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý; sanh rồi đều diệt tận. Nghĩa là xả. Khi xả rồi, xa lìa nhàm tởm, không nhàm tởm.'

"Duyên thân và thức, sanh thân thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật như vầy: 'Ta, duyên thân và xúc sanh thân thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận, tịch diệt, thắng diệu. Nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm. Thí như viên sắt đốt thật nóng, rưới vào một giọt nước, giọt nước liền tiêu mất; cũng vậy, duyên thân và xúc sanh thân thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận. Nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm.'

"Duyên ý và pháp sanh ý thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý; sanh rồi đều diệt tận. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật như vầy: 'Ta, duyên ý và pháp sanh ý thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận, đó là tịch diệt, thắng diệu. Nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm. Thí như người lực sĩ chặt ngọn cây ta-la, cũng vậy, duyên ý và pháp sanh ý thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi đều diệt tận. Nghĩa là xả. Khi xả rồi, lìa nhàm tởm, không nhàm tởm.'

"Này A-nan, đó là sự tu căn của Hiền thánh trong pháp luật của Hiền thánh.

"Thế nào là vị hữu học thấy đạo[67] trong pháp luật Hiền thánh?"

Phật bảo A-nan:

"Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, đa văn Thánh đệ tử kia hổ thẹn, ghét tởm. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm duyên nhau sanh ra ý thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, đa văn Thánh đệ tử kia hổ thẹn, ghét tởm. Này A-nan, đó gọi là hữu học thấy đạo trong pháp luật Hiền thánh.

"Này A-nan, đó gọi là sự tu căn của Hiền thánh trong pháp luật của Hiền thánh.

"Ta đã nói về sự tu căn của Hiền thánh trong pháp luật của Hiền

---

67. Trong bản: giác kiến tích 覺見跡。Sửa lại là học kiến tích 學見跡, chỉ vị hữu học bắt đầu thấy Thánh đế.

thánh; đã nói hữu học thấy đạo trong pháp luật Hiền thánh.

"Này A-nan, Ta vì các Thanh văn đã làm việc cần làm. Các ông cũng hãy làm những việc cần làm. Nói chi tiết như kinh Giỏ rắn độc.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

TẠP A-HÀM QUYỂN 12

Kinh 283. Chủng thọ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với pháp kết sử hệ phược mà tùy thuận nếm vị, rồi đoái tưởng, tâm hệ lụy, thì ái sanh[2]; ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành thuần một khối khổ lớn như vậy. Như người trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ yếu mềm, cần yêu quý bảo vệ làm cho nó an ổn, vun bồi đất, tùy thời tưới nước, nóng lạnh điều hòa. Nhờ những nhân duyên này nên cây mới lớn dần. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp kết sử ràng buộc mà nếm vị, chăm sóc cho lớn, thì ân ái sanh; ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Nếu đối với các pháp kết sử ràng buộc mà thùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả, chẳng sanh đoái tưởng, tâm không hệ lụy, thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và khối khổ lớn đã tụ tập thuần thành cũng diệt. Cũng giống trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ, mềm yếu, mà không yêu quý bảo vệ, không

---

[1] Nguyên Đại Chánh quyển 12. Ấn Thuận xếp lại, đưa xuống quyển 13, Tương ưng nhập xứ sẽ tiếp tục từ kinh 304, tụng iii Tạp nhân tụng. Quốc Dịch, cũng quyển 13, bắt đầu tụng iii. Nhân duyên tụng. Tương đương Pāli, S. ii. Nidāna-vaggo. Tương ưng Nhân duyên, Ấn Thuận, Quốc Dịch đồng, gồm các kinh, Đại Chánh: 283-303, 343-378. Tương đương Pāli, S. 12. Nidāna-saṃyutta. Trồng cây, Phật Quang, kinh 321. Pāli, S. 12. 57. Taruṇa.

[2] Pāli: saṃyujaniyesu dhammesu assādādupassino viharato taṇhā pavaḍḍhati. Sống với sự tìm kiếm vị ngọt trong các pháp bị kết buộc, thì khát ái tăng trưởng.

làm cho nó an ổn, không vun bồi phân đất, không tưới nước theo thời, không tạo sự thích hợp nóng lạnh, thì cây ấy sẽ không thể tăng trưởng. Lại còn chặt gốc, bẻ cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần, để cho gió thổi nắng táp; hay dùng lửa thiêu đốt, cây cháy thành tro; hoặc để cho gió lốc bốc lên; hoặc bị quăng xuống nước, thì này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào, làm như vậy há không phải là chặt đứt gốc rễ cây này, cho đến thiêu đốt khiến cho nó bị tiêu diệt, thành pháp không sanh khởi trong đời vị lai chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng như vậy."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp kết sử ràng buộc mà tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả, chẳng sanh đoái tưởng, tâm không hệ lụy, thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và khối khổ lớn đã tụ tập thuần thành cũng diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 284. Đại thọ[3]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu đối với pháp bị chấp thủ mà tùy thuận nếm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, tâm dong ruổi, đuổi theo danh sắc[4]; danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành một khối khổ lớn như vậy. Thí như gốc cây lớn, có rễ, có cành, nhánh, lá, hoa, quả; rễ nó được trồng sâu, bền chắc, được vun đắp phân tro, dùng nước để tưới, thì cây ấy vững chắc, trọn đời không bị mục hư.

---

[3] Cây lớn. Pāli, S. 12. 55-56. Mahārukkha.

[4] Pāli, upādāniyesu, bhikkhave, dhammesu assādādupassino viharato taṇhā pavaḍḍhati; taṇhāpaccayā upādānaṃ, sống tìm kiếm vị ngọt trong các pháp bị chấp thủ thì ái tăng trưởng. Duyên ái có thủ.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, đối với pháp bị chấp thủ mà tùy thuận nếm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, tâm dong ruổi, đuổi theo danh sắc; danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành một khối khổ lớn như vậy.

"Nếu đối với pháp bị chấp thủ, mà tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán nhàm tởm, tâm không tham luyến, không hệ lụy, thức không dong ruổi chạy theo danh sắc, do đó danh sắc diệt. Danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não sẽ diệt và như vậy thuần khối khổ lớn đã tụ tập cũng sẽ diệt. Giống như trồng cây, nếu không tùy thời bảo vệ để cho cây an ổn, không bón phân đất, không tùy thời tưới nước, để cho lạnh nóng bất thường, thì cây sẽ không tăng trưởng được. Lại còn chặt gốc, bẻ cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần, để cho gió thổi nắng táp; hay dùng lửa thiêu đốt, cây cháy thành tro; hoặc để cho gió lốc bốc lên; hoặc bị quăng xuống nước, thì này các Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào, làm như vậy há không phải là chặt đứt cây này, cho đến thiêu đốt khiến cho nó bị tiêu diệt, thành pháp không sanh khởi trong đời vị lai chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng như vậy."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với pháp bị chấp thủ mà tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán nhàm tởm, tâm không tham luyến, không hệ lụy, thức không dong ruổi chạy theo danh sắc, do đó danh sắc diệt. Danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não sẽ diệt và như vậy thuần khối khổ lớn đã tụ tập cũng sẽ diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 285. Phật phược[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta nhớ về kiếp trước, khi chưa thành Chánh giác, sống một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên cần tinh tấn thiền định, tư duy, khởi nghĩ như vầy: 'Thế gian bị hãm nhập tai họa[6]; đó là sanh, già, bệnh, chết, đổi dời, thọ sanh. Nhưng chúng sanh lại không biết như thật về bên trên và sở y[7] của sanh, già, bệnh, chết.'

"Ta nghĩ rằng: 'Do có pháp gì nên có sanh, do pháp gì làm duyên nên có sanh?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức[8]: 'Do có hữu nên có sanh, duyên hữu nên có sanh.'

"Ta lại tư duy: 'Do có pháp gì nên có hữu, do pháp gì làm duyên nên có hữu?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Do có thủ nên có hữu, duyên thủ nên có hữu.'

"Ta lại nghĩ rằng: 'Thủ lại do duyên gì và vì có pháp gì nên có thủ, vì duyên pháp gì nên có thủ?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Đối với pháp bị chấp thủ mà tham đắm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, ái dục tăng trưởng. Vì ái kia có nên có thủ. Do ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành thuần một khối khổ lớn như vậy.'

"Này các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Giống như nhờ dầu, tim đèn, nên đèn được đốt sáng, vậy khi thường xuyên dầu và tim được thêm lên, thì ánh sáng ngọn đèn này có tồn tại lâu không?"

"Bạch Thế Tôn, tồn tại lâu vậy."

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc bị chấp thủ, mà tham đắm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, ái dục tăng trưởng. Vì ái kia có nên có thủ. Do ái duyên

---

5. Pāli, S. 12. 10 Gotama.

6. Pāli: kicchaṃ vatāyaṃ loko āpanno, quả thật, thế gian này đang rơi vào khổ nạn.

7. Thượng cập sở y 上及所依; không rõ nghĩa. Pāli: atha ca panimassa dukkhassa nissaraṇaṃ nappajānāti jarāmaṇassa, nhưng lại không biết sự thoát ly của khổ già và chết này. Trong bản Hán, nissaraṇana (thoát ly), được đọc là nissaya, sở y.

8. Pāli: yoniso manasikārā ahu paññāya abhisamayo, bằng như lý tác ý, bằng trí tuệ, ta có hiện quán (chứng nghiệm thực tế).

thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Lúc ấy Ta lại nghĩ: 'Do không có pháp gì mà không có lão, bệnh, tử này? Vì pháp gì diệt mà lão, bệnh, tử bị diệt?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Vì không có sanh nên không có lão, bệnh, tử; và vì sanh diệt nên lão, bệnh, tử diệt.'

"Ta lại suy nghĩ như vầy: 'Vì không có pháp gì mà không có sanh? Do pháp gì diệt mà sanh diệt?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Vì không có hữu nên không có sanh; vì hữu diệt nên sanh diệt.'

"Ta lại tư duy: 'Vì không có pháp gì nên không có hữu? Vì pháp gì diệt nên hữu diệt?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Pháp bị chấp thủ là vô thường, là sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả ly, tâm không tham luyến, tâm không hệ lụy, thì diệt ái. Vì diệt ái nên thủ bị diệt; vì diệt thủ nên hữu bị diệt; vì diệt hữu nên sanh bị diệt; vì diệt sanh nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và luôn khối khổ lớn thuần nhất đã tụ tập như vậy cũng diệt.'

"Này các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Thí như dầu, tim đèn, nếu không châm thêm dầu và sửa tim, thì phải chăng ánh sáng của cây đèn này trong vị lai không còn nữa và nó sẽ bị tắt mất chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp bị chấp thủ nên quán sát là vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả, tâm không tham luyến, tâm không hệ lụy, thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, cho đến luôn khối khổ lớn thuần nhất đã tụ tập như vậy cũng diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 286. Thủ[9]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

---

[9] *Pāli, S. 12. 52. Upādāna.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta nhớ về thuở trước, khi chưa thành Chánh giác, sống một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên cần tinh tấn thiền định, tư duy. *Nói đầy đủ như kinh trên, chỉ có một vài sự sai biệt là:*

"Ví như vác mười bó củi, hai mươi bó, ba mươi bó, bốn mươi bó, năm mươi bó, trăm bó, ngàn bó, trăm ngàn bó, gom chất lại thành một đống, đốt lên thành một đống lửa lớn. Nếu có người nào cho thêm củi và cỏ khô vào, thì các Tỳ-kheo, các ông nghĩ sao, lửa này có tiếp tục cháy mãi được không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có như vậy."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với pháp bị chấp thủ, mà tham đắm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, thì ái dục tăng trưởng. Ái này lấy thủ làm duyên. Thủ duyên hữu và cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

"Này các Tỳ-kheo, nếu đống lửa đang cháy kia mà không thêm củi và cỏ khô vào, thì các Tỳ-kheo nghĩ sao, lửa kia có bị tắt không?"

"Bạch Thế Tôn, có như vậy."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp bị chấp thủ nên quán sát là vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả, tâm không tham luyến, tâm không hệ lụy, thì ái diệt. Ái diệt thì thủ diệt; nói đầy đủ như vậy cho đến, khối khổ lớn thuần nhất đã tụ tập kia cũng diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 287. Thành ấp[10]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta nhớ về thuở trước, khi chưa thành Chánh giác, một mình ở chỗ vắng, tinh tấn chuyên cần thiền định tư duy, khởi nghĩ như vầy: 'Do có pháp gì nên có già chết; duyên pháp gì nên có già chết?' Ta liền tư duy

[10] *Pāli, S. 12. 65. Nagaraṃ.*

chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức[11]: 'Vì có sanh nên có già chết; vì duyên sanh nên có già chết; và đối với hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc cũng như vậy.

"Do có pháp gì nên có danh sắc, vì duyên pháp gì nên có danh sắc?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Vì có thức nên có danh sắc, vì duyên thức nên có danh sắc.' Khi Ta tư duy như vậy, ngang đến thức thì quay trở lại, không thể vượt qua nó được[12]. Nghĩa là duyên thức nên có danh sắc. Duyên danh sắc nên có lục nhập. Duyên lục nhập nên có xúc. Duyên xúc nên có thọ. Duyên thọ nên có ái. Duyên ái nên có thủ. Duyên thủ nên có hữu. Duyên hữu nên có sanh. Duyên sanh nên có lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Bấy giờ, Ta suy nghĩ: 'Do không có pháp gì nên không có già chết; do pháp gì diệt nên già chết diệt?' Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Vì không có sanh nên không già chết; vì sanh diệt nên già chết diệt.' Đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành cũng như vậy. *Nói đầy đủ như kinh trên.*

"Ta lại tư duy: 'Do không có pháp gì, nên không có hành; do pháp gì diệt nên hành diệt?" Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: 'Vì không có vô minh nên không có hành; vì vô minh diệt nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt; thức diệt nên danh sắc diệt; danh sắc diệt nên lục nhập diệt; lục nhập diệt nên xúc diệt; xúc diệt nên thọ diệt; thọ nên ái diệt; ái diệt nên thủ diệt; thủ diệt nên hữu diệt; hữu diệt nên sanh diệt; sanh diệt nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và thuần một khối khổ lớn tụ tập cũng bị diệt.'

"Bấy giờ, Ta nghĩ rằng: 'Ta đã gặp được con đường của cổ Tiên nhân, lối mòn của cổ Tiên nhân; dấu chân của cổ Tiên nhân. Cổ Tiên nhân đã từng đi theo dấu này, nay Ta cũng đi theo[13].' Ví như có người đi giữa đồng hoang, vạch lối tìm đường đi, chợt gặp đường cũ chỗ người xưa đã đi, người kia liền theo đó mà đi. Đi lần về trước, thấy được thành ấp cũ, cung điện vua xưa, vườn cảnh, ao tắm, rừng cây sạch sẽ, người ấy nghĩ

---

[11] Xem cht.8 kinh 285.

[12] Pāli: paccudāvattati kho idaṃ viññāṇaṃ nāmarūpamhà na paraṃ gacchati, rồi thức này quay trở lại; nó không đi quá danh sắc.

[13] Pāli: adhigato mayhaṃ maggo bodhāya, Ta đã đến con đường dẫn đến giác ngộ.

rằng: ‘Bây giờ ta nên đến tâu cho vua biết.’ Người ấy vội vàng đi đến quốc vương tâu: ‘Đại vương biết cho, tôi đang đi giữa đồng hoang, vạch lối tìm đường đi, chợt gặp đường cũ chỗ người xưa đã đi, người kia liền theo đó mà đi. Đi lần về trước, thấy được thành ấp cũ, cung điện vua xưa, vườn cảnh, ao tắm, suối rừng sạch trong. Đại vương có thể đến đó nghỉ ngơi.’ Quốc vương liền đến đó, cư trú nơi đó, rất an lạc, yên ổn và nhân dân cũng được phồn thịnh.

“Nay Ta cũng như vậy, gặp được con đường của cổ Tiên nhân, lối mòn của cổ Tiên nhân; dấu chân của cổ Tiên nhân; chỗ Tiên nhân xưa đã đi, nay Ta cũng đi theo. Con đường đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Ta từ nơi đạo này mà thấy được lão, bệnh, tử; sự tập khởi của lão, bệnh, tử; sự diệt tận của lão, bệnh, tử; con đường đưa đến sự diệt tận của lão, bệnh, tử; thấy được về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, thấy sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Ta đối với pháp này tự biết, tự giác ngộ, thành tựu Đẳng chánh giác. Rồi khai thị, hiển phát, vì an lạc và lợi ích của các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-ba-tắc, Ưu-bà-di và các Sa-môn, ngoại đạo, Bà-la-môn, tại gia, xuất gia, cả bốn chúng, được nghe, chân chánh hướng theo, khởi lòng tin ưa, biết pháp lành, khiến cho phạm hạnh thêm rộng.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 288. Lô[14]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Bấy giờ là buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, cùng nhau hỏi thăm, chúc tụng, rồi ngồi xuống một bên, bạch Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

---

[14]. Lau sậy. Pāli, S. 12. 67. Naḷakalāpiya.

"Tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả có rảnh để giải đáp cho không?"

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đáp lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Nhân giả cứ hỏi, điều gì biết được tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, thế nào, có sự già không?"

Đáp: "Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, có."

Lại hỏi: "Có sự chết không?"

Đáp: "Có."

Lại hỏi: "Thế nào, già chết là tự tác hay tha tác, là tự và tha tác, hay là chẳng phải tự chẳng phải tha mà vô nhân tác chăng?"

Đáp:

"Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, già chết chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự và tha tác, cũng chẳng phải chẳng tự tha tác mà vô nhân tác. Nhưng do duyên sanh nên có già chết."

"Như vậy, sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc có phải là tự tác, là tha tác, là tự và tha tác, hay là chẳng phải tự tha tác mà vô nhân tác chăng?"

Đáp:

"Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, danh sắc chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự và tha tác, cũng chẳng phải chẳng tự tha tác mà vô nhân tác. Nhưng danh sắc này do duyên thức mà sanh."

Lại hỏi:

"Thức này có phải là tự tác, là tha tác, là tự và tha tác, hay là chẳng phải tự tha tác mà vô nhân tác chăng?"

Đáp:

"Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, thức này chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự và tha tác, cũng chẳng phải chẳng tự tha tác mà vô nhân tác. Nhưng thức này do duyên danh sắc mà sanh."

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

"Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, trước đây Hiền giả nói danh sắc chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự và tha tác, chẳng phải chẳng tự và tha, vô nhân tác, nhưng danh sắc này duyên thức mà sanh ra. Bây giờ, lại nói danh sắc duyên thức, vậy nghĩa này là thế nào?"

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đáp:

"Nay tôi sẽ nói thí dụ, nếu là người trí thì nhờ thí dụ sẽ hiểu được. Thí như ba cây lau được dựng lên nơi đất trống, nhờ nương tựa vào nhau

mà có thể đứng vững; nếu lấy ra một cây thì hai cây kia cũng không đứng được; nếu lấy đi hai cây thì một cây cũng không đứng vững, vì chúng phải nương vào nhau mới có thể đứng được. Thức duyên danh sắc lại cũng như vậy, phải nương tựa lẫn nhau mới sanh trưởng được."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Lành thay! Lành thay! Trong hàng Thanh văn đệ tử của Thế Tôn, Tôn giả Câu-hi-la là người trí tuệ sáng suốt, khéo điều phục, không sợ hãi, thấy pháp cam lộ, tự thân chứng nghiệm đầy đủ với pháp cam lộ. Nghĩa là Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la có nghĩa biện tài[15] sâu xa như vậy, thì có thể giải đáp tất cả các nạn vấn. Như ngọc quý vô giá, mà thế gian đội trên đầu; nay tôi cũng xin đội Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la trên đầu.

"Bạch Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, hôm nay tôi rất vui mừng vì đã được nhiều lợi ích từ nơi Tôn giả. Còn những người phạm hạnh khác nhiều lần gặp được Tôn giả thì chắc chắn cũng được thiện lợi, vì Tôn giả khéo thuyết pháp. Nay tôi sẽ đem những điều được nghe từ Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la thuyết pháp, dùng ba mươi cách tán thán mà khen ngợi, tùy hỷ.

"Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, nói già, chết là đáng ghê tởm, ly dục, diệt tận, đó gọi là Pháp sư. Hay nói rằng: Sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức là đáng chán chê, ly dục, diệt tận, thì đó cũng gọi là Pháp sư. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với già, chết mà nhàm tởm, lo sợ, hướng đến ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Pháp sư. Cho đến, đối với thức mà nhàm tởm, lo sợ, hướng đến ly dục, diệt tận, thì đó cũng gọi là Pháp sư. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với già chết mà nhàm tởm, lo sợ, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu, tâm khéo giải thoát, thì đó gọi là Pháp sư. Cho đến, đối với thức mà nhàm tởm, lo sợ, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu, tâm khéo giải thoát, thì đó gọi là Pháp sư."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Lành thay! Lành thay! Trong hàng Thanh văn đệ tử của Thế Tôn, người có trí tuệ sáng suốt, khéo điều phục, không sợ hãi, thấy pháp cam lộ, tự thân chứng nghiệm đầy đủ với pháp cam lộ. Vì Tôn giả Xá-lợi-phất là người có khả năng hỏi những điều sâu xa của chánh trí. Giống như hạt châu vô giá được người thế gian đội trên đầu. Ngày nay Tôn giả cũng vậy,

---

[15] Nghĩa biện 義辯, hay nghĩa biện tài, một trong bốn biện tài hay vô ngại giải (Pāli: paṭisambhidà).

được tất cả phạm hạnh cung kính, phụng sự một cách trân trọng. Hôm nay tôi rất vui mừng, vì được nhiều lợi ích nhờ cuộc đàm luận với Tôn giả về diệu nghĩa.”

Hai vị Chánh sĩ tùy hỷ lẫn nhau, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

□

Kinh 289. Vô văn (1)[16]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phàm phu ngu si vô học[17], đối với thân bốn đại mà ghê tởm, lìa dục, quay lưng xả bỏ. Nhưng không phải là đối với thức. Vì sao? Vì họ thấy thân bốn đại có thêm, bớt, có lấy, bỏ. Nhưng đối với tâm, ý, thức, thì kẻ phàm phu ngu si vô học không thể sanh nhàm tởm, lìa dục, giải thoát. Vì sao? Vì họ từ lâu đời ở nơi đây[18] mà ấp ủ, nâng niu, hệ lụy ngã, hoặc sở đắc, hoặc chấp thủ, nói rằng ‘Đây là ta, đây là của ta, hay ở trong nhau[19].’ Cho nên kẻ phàm phu ngu si vô học không thể ở nơi đây này mà sanh nhàm tởm, lìa dục, quay lưng xả bỏ được. Kẻ phàm phu ngu si thà ở nơi thân do bốn đại mà chấp là ngã, là ngã sở, chứ không thể ở nơi thức mà chấp là ngã, là ngã sở. Vì sao? Vì thân do bốn đại, hoặc thấy chỉ tồn tại trong khoảng mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, cho đến trăm năm rồi thì tiêu vong, hoặc kéo dài hơn một chút. Còn tâm, ý, thức này thì sự sanh diệt, biến chuyển, đổi khác, ở trong từng ngày, từng đêm, từng giờ, từng khắc, trong từng thoáng chốc. Cũng như con vượn rong chơi trong rừng cây kia, thoáng chốc ở nơi này, chợt thoắt đi nơi khác, chuyền từ cành này qua nhánh nọ, buông cây này nắm cây kia. Tâm, ý, thức cũng lại như vậy, thoáng sanh, thoáng diệt.

“Đa văn Thánh đệ tử đối với các duyên khởi khéo tư duy quán sát như vầy: Lạc xúc làm duyên sanh ra lạc thọ. Khi cảm giác lạc thọ, biết như thật là đang có cảm giác lạc thọ. Khi lạc xúc kia diệt, thọ do lạc xúc

---

16. Không nghe, chỉ phàm ngu không được nghe chánh pháp. Pāli, S. 12. 61. Assutavà.

17. Nguyên Hán: vô văn 無聞。Pāli: assutavà.

18. Tức ở nơi tâm, ý, thức.

19. Pāli: etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ti, cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi (là cái tôi của tôi: Hán dịch, tương tại?).

làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, tịch tĩnh. Như lạc thọ; các thọ sanh bởi nhân duyên là khổ xúc, hỷ xúc, ưu xúc, xả xúc cũng vậy. Khi cảm giác xả thọ, biết như thật là đang có cảm giác xả thọ. Khi xả xúc kia diệt; xả thọ do xả xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, tịch tĩnh. Người ấy tư duy rằng: 'Thọ này sanh bởi xúc, lạc do xúc, hệ lụy xúc. Do có lạc bởi xúc thế này thế kia mà có lạc bởi thọ thế này thế kia. Khi lạc do xúc chạm thế này thế kia ấy diệt thì lạc do cảm thọ thế này thế kia ấy cũng diệt, mát mẻ, tịch tĩnh. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử đối với sắc sanh ra nhàm tởm; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm tởm. Vì nhàm tởm nên không ưa thích. Vì không ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 290. Vô văn (2)[20]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Phàm phu ngu si vô học, đối với thân bốn đại mà ghê tởm, lìa dục, quay lưng xả bỏ. Nhưng không phải là đối với thức. Vì sao? Vì họ thấy thân bốn đại có thêm, bớt, có lấy, bỏ. Nhưng đối với tâm, ý, thức, thì kẻ phàm phu ngu si vô học không thể sanh nhàm tởm, lìa dục, giải thoát. Vì họ từ lâu đời ở nơi đây mà ấp ủ, nâng niu, hệ lụy ngã, hoặc sở đắc, hoặc chấp thủ, nói rằng 'Đây là ta, đây là của ta, hay ở trong nhau.' Cho nên kẻ phàm phu ngu si vô học không thể ở nơi đây mà sanh nhàm tởm, lìa dục, quay lưng xả bỏ được.

"Kẻ phàm phu ngu si thà ở nơi thân do bốn đại mà chấp là ngã, là ngã sở, chứ không thể ở nơi thức mà chấp là ngã, là ngã sở. Vì sao? Vì thân do bốn đại, hoặc thấy chỉ tồn tại trong khoảng mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, cho đến trăm năm rồi thì tiêu vong, hoặc kéo dài hơn một chút. Còn tâm, ý, thức này thì sự sanh diệt, biến chuyển, đổi khác, ở

[20] *Pāli, S. 12. 62. Assutavà.*

trong từng ngày, từng đêm, từng giờ, từng khắc, trong từng thoáng chốc. Cũng như con vượn rong chơi trong rừng cây kia, thoáng chốc ở nơi này, chợt thoắt đi nơi khác, chuyền từ cành này qua nhánh nọ, buông cây này nắm cây kia. Tâm, ý, thức cũng lại như vậy, thoáng sanh, thoáng diệt.

"Đa văn Thánh đệ tử đối với các duyên khởi khéo tư duy quán sát như vầy: Lạc xúc làm duyên sanh ra lạc thọ. Khi cảm giác lạc thọ, biết như thật là đang có cảm giác lạc thọ. Khi lạc xúc kia diệt, thọ do lạc xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, tịch tĩnh. Như lạc thọ; các thọ sanh bởi nhân duyên là khổ xúc, hỷ xúc, ưu xúc, xả xúc cũng vậy. Khi cảm giác xả thọ thì biết như thật là đang có cảm giác xả thọ. Khi xả xúc kia diệt; xả thọ do xả xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, tịch tĩnh.

"Ví như hai thanh gỗ cọ xát vào nhau, hòa hợp sanh ra lửa. Nếu hai thanh gỗ rời nhau, thì lửa cũng theo đó mà diệt mất. Cũng vậy, các thọ duyên xúc mà tập khởi, do xúc mà sanh, do xúc mà tập khởi; nếu khi sự xúc chạm thế này thế kia mà tập khởi, thì những cảm thọ thế này thế kia cũng tập khởi. Khi sự tập khởi của sự xúc chạm thế này thế kia diệt, thì sự tập khởi của cảm thọ thế này thế kia cũng diệt mất, mát mẻ, tịch tĩnh.

"Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, đối với sắc được giải thoát; và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng được giải thoát; đối với sanh già bệnh chết ưu bi não khổ cũng được giải thoát. Ta nói người này đối với khổ đã được giải thoát."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 291. Xúc[21]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta đã nói về nội xúc pháp[22], các ông có bắt nắm[23] không?"

---

[21] *Pāli. S. 12. 66. Sammasaṃ.*

[22] *Nội xúc pháp 內觸法, sự tiếp xúc bằng nội tâm. Pāli: sammasatha no tumhe bhikkhave antaraṃ sammasanti, các ông có nắm bắt sự tiếp xúc của tâm ý chăng?*

[23] *Thủ 取, lấy hay nhận lấy, ở đây hiểu là tư duy, nghiệm xét. Pāli: sammasati, tiếp xúc*

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ dưới chân Phật, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, pháp nội xúc được nói, con đã bắt nắm rồi."

Lúc Tỳ-kheo này ở trước Phật tự mình xác nhận như vậy, nhưng dù là như vậy Thế Tôn vẫn tỏ vẻ không hài lòng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật. Phật bảo A-nan:

"Nội xúc pháp theo như pháp luật của bậc Thánh, khác với những điều Tỳ-kheo này nói."

A-nan, bạch Phật:

"Nay thật đúng lúc, cúi xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói về nội xúc pháp trong pháp luật của Hiền thánh. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, thực hành."

Phật bảo A-nan:

"Này, A-nan, lành thay! Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, khi nắm bắt nội xúc pháp, nên tư duy như vầy: 'Có nhiều loại khổ khác nhau của chúng sanh; khổ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc[24]? Lúc nắm bắt như vậy, nên biết cái khổ này do nhân là ức-ba-đề[25], tập là ức-ba-đề, sanh bởi ức-ba-đề, chuyển hiện[26] ức-ba-đề.'

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, với nội xúc pháp, lại nữa, ức-ba-đề do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì chuyển hiện[27]? Vị ấy, trong khi nắm bắt, biết rằng, ức-ba-đề do ái là nhân, ái là tập, do ái mà sanh, do ái mà chuyển hiện. Lại nữa này các Tỳ-kheo, khi nắm bắt nội xúc pháp, nên biết ái do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì chuyển hiện?

---

bằng tâm ý, phán xét. Danh từ phát xuất: sammasa, Hán dịch là nội xúc.

24. Trong bản: xúc 觸。Theo văn đoạn dưới, nên sửa lại là chuyển 轉。Xem chú thích 27 ở dưới. Có lẽ chính xác là duyên 緣 , trong bốn hành tướng của tập đế, theo Hữu bộ (nhân, tập, sanh duyên). Pāli: idaṃ kho dukkhaṃ kiṃnidānaṃ kiṃsamudayaṃ kiṃ jātikaṃ kiṃ pabhavaṃ, khổ này, cái gì là nguyên do (nhân duyên), cái gì là tập khởi, cái già là sanh, cái gì là hiện khởi.

25. Ức-ba-đề nhân 億波提因。Pāli: upadhi-nidānaṃ. Nghĩa gốc của upadhi là cơ bàn hay cơ sở; theo nghĩa kinh, là sở y của tồn tại. Hán dịch: y, vật, sự, uẩn, tư, tham ái, phiền não.

26. Nhân, tập, sanh, chuyển 因集生轉。Pāli: nidānaṃ, sanudayaṃ, jātikaṃ, pabhavaṃ.

27. Trong bản: xúc 觸。Theo trên, sửa lại là chuyển. Pāli: taṇhānidānaṃ taṇsamudayaṃ taṇhājātikaṃ taṇhāpabhavaṃ.

Khi nắm như vậy, thì nên biết rằng sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ[28]; ở nơi sắc này, ái sanh khi sanh nơi đó, ái hệ lụy khi hệ lụy nơi đó, ái cư trú khi cư trú nơi đó[29].

"Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà khởi tưởng là thường, tưởng là hằng, tưởng an ổn, tưởng không bệnh; tưởng là ngã, là ngã sở, thì ở nơi sắc này ái càng tăng trưởng. Khi ái đã tăng trưởng thì ức-ba-đề tăng trưởng; ức-ba-đề tăng trưởng thì khổ tăng trưởng. Nếu khổ tăng trưởng thì chắc chắn sẽ không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này đối với khổ không giải thoát.

"Ví như ao nước trong mát ở bên đường, đầy đủ hương vị, có người lén lấy chất độc bỏ vào ao. Tháng nắng mùa xuân, người đi đường bị gió nóng làm bức khát, tranh nhau muốn đến uống nước. Có người nói rằng: 'Này các anh, đây là ao nước trong mát, đầy đủ hương vị sắc màu, nhưng trong ấy có chất độc, các anh chớ uống; nếu uống vào các anh sẽ chết, hoặc sẽ bị khổ như sắp chết.' Những người khát nước này không tin lời, cứ uống; tuy được vị ngon, nhưng trong chốc lát lại bị chết, hoặc bị khổ đến gần chết. Cũng vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà khởi tưởng là thường, tưởng là hằng, tưởng an ổn, tưởng không bệnh; tưởng là ngã, là ngã sở, *(chi tiết như trên, cho đến)* sẽ không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

"Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc đẹp đẽ được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì đối với ái này chắc chắn được dứt lìa. Vì ái lìa nên ức-ba-đề lìa, ức-ba-đề lìa nên khổ lìa, khổ đã lìa nên sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não lìa.

"Ví như bên đường có ao nước trong mát, đầy đủ hương vị, có kẻ lén dùng chất độc bỏ vào trong nước. Tháng nắng mùa xuân, người đi đường bị gió nóng làm bức khát, tranh nhau muốn đến uống nước. Có người nói rằng: 'Này các anh, đây là ao nước trong mát, đầy đủ hương vị sắc màu, nhưng trong ấy có chất độc, các anh chớ uống; nếu uống vào các anh sẽ chết, hoặc sẽ bị khổ như sắp chết.' Những người kia nghĩ thầm:

---

[28] *Trong bản: đế chánh chi sắc 諦正之色, Ấn Thuận sửa lại là đoan chánh chi sắc 端正之色。*

[29] *Hán: ái sanh nhi sanh, hệ nhi hệ, trú nhi trú 愛生而生繫而繫住而住。Pāli: etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati ettha nivisamānā nivasati.*

‘Nước này có chất độc, nếu ta uống vào thì sẽ chết, hoặc bị khổ đến gần chết. Thôi ta cố chịu khát, ăn đỡ cơm khô, không dám uống nước.’

“Cũng như vậy, Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc được thế gian quan niệm là đẹp đẽ, mà quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã, cho đến… sẽ giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

“Vì vậy, này A-nan, đối với pháp này thấy như vậy, nghe như vậy, cảm nhận như vậy, nhận thức như vậy; đối với quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng theo như đạo lý này nên quán sát như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 292. Tư lương[30]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tư lương quán sát như thế để chân chánh diệt tận khổ, đạt đến nơi tột cùng của mé khổ? Khi tư lương về tất cả những cái khổ khác nhau của chúng sanh; các khổ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc[31]? Khi suy nghĩ thì biết rằng, do thủ làm nhân, thủ tập, thủ sanh, thủ xúc. Nếu thủ này diệt, không còn sót, thì chắc chắn các khổ này cũng sẽ diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp[32]; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là thủ đã diệt.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đạt đến nơi tột cùng của mé khổ; khi ấy, tư duy thủ kia do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Tư duy, thủ này do ái làm nhân, ái tập, ái sanh, ái xúc. Khi ái này vĩnh viễn diệt, không còn, thì thủ cũng theo đó mà diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt

---

30. Pāli, S. 12. 51. Parivìmaṃsana.

31. Xem cth.24 kinh 291 trên.

32. Hán: hướng thứ pháp 向次法。Pāli: tahā paṭipanno ca hoti anudhamamma-carì, thực hành như vậy là người tùy pháp hành (tùy thuận pháp).

khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là ái đã diệt.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy quán sát, để chân chánh diệt khổ và đạt đến nơi tột cùng của mé khổ; khi ấy, tư duy ái này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Tư lương ái là do thọ làm nhân, thọ tập, thọ sanh, thọ xúc. Khi thọ này vĩnh viễn diệt, không còn, thì ái cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là thọ diệt.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy thọ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết thọ này do xúc làm nhân, xúc tập, xúc sanh, xúc duyên. Khi xúc này vĩnh viễn diệt mất, không còn sót, thì thọ cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy xúc này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết xúc này do sáu nhập xứ làm nhân, sáu nhập xứ tập, sáu nhập xứ sanh, sáu nhập xứ xúc. Khi sáu nhập xứ này diệt, không còn sót, thì xúc cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy sáu nhập xứ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết sáu nhập xứ này là do danh sắc làm nhân, danh sắc tập, danh sắc sanh, danh sắc xúc; nên khi danh sắc này diệt hết, không còn sót, thì sáu nhập xứ cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là danh sắc diệt.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy danh sắc này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết danh sắc là do thức làm nhân, thức tập, thức sanh, thức xúc; khi thức này diệt không còn, thì danh sắc cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo

chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là thức diệt.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy thức này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết thức này là do hành làm nhân, hành tập, hành sanh, hành xúc. Khi làm các phước hành[33], thì thiện thức sanh; làm những hành không phước, không thiện thì thức bất thiện sanh; làm hành vô sở hữu[34], thì thức vô sở hữu sanh. Vì cái thức này do hành làm nhân, hành tập, hành sanh, hành xúc; nên khi hành kia diệt, không còn thì thức cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là hành diệt.

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy hành này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết hành này do vô minh làm nhân, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh xúc. Phước hành này do vô minh làm duyên, phi phước hành cũng do vô minh làm duyên, phi phước phi phi phước hành cũng do vô minh làm duyên. Nên biết hành này do vô minh là nhân, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh xúc. Khi vô minh này hoàn toàn bị diệt không còn, thì hành này cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là vô minh diệt."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Ý các ông nghĩ sao? Nếu không ái nhiễm vô minh mà sanh minh[35] thì người ấy còn duyên vô minh này làm các phước hành, phi phước hạnh, hoặc làm vô sở hữu hành chăng[36]?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không vậy. Vì sao? Vì đa văn Thánh đệ tử không

---

33. Có ba loại hành: phước hành và phi phước hành (thiện và bất thiện Dục giới) và bất động hành (thiện thượng giới). Xem Trường A-hàm 7 (kinh Chúng tập); Pāli, D. 33. Saṅgīti, tayo saṭkhārā: puññābhisaṃkhāro, apuññābhisaṃkhāro, àneñjābhisaṃkhāro.

34. Vô sở hữu hành 無所有行, tức bất động hành, thiện do tu tập thiền định. Pāli: àneñjābhisaṃkhāra.

35. Pāli: so avijjāvirāgà vijuppādā, vị ấy, do ly nhiễm đối với vô minh và minh phát sanh...

36. Nghĩa là, có còn tạo các nghiệp thiện, bất thiện và phước báo do thiền định để tái sanh hay không?

ái nhiễm vô minh thì sanh minh; vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, như vậy cho đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy cũng diệt."

Phật nói:

"Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, Ta cũng nói như vậy, các Tỳ-kheo cũng biết như vậy. Ở nơi pháp này pháp kia mà khởi lên pháp này pháp kia; sanh pháp này pháp kia, diệt pháp này pháp kia, diệt, tĩnh chỉ, thanh lương, tịch tĩnh. Đa văn Thánh đệ tử nếu ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chừng nào[37], thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chừng ấy; khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chừng nào, thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chừng ấy; khi thân hoại, mạng sống chấm dứt, thì ở đây tất cả cảm thọ được cảm nghiệm này đều diệt hết, không còn sót.

"Ví như người lực sĩ lấy món đồ gốm vừa mới nung, còn nóng, đặt trên đất, chỉ trong chốc lát vật này bị tan hoại, sức nóng cũng tan mất. Cũng vậy, Tỳ-kheo ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chừng nào, thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chừng ấy; khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chừng nào, thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chừng ấy; khi thân hoại, mạng sống chấm dứt, thì ở đây tất cả cảm thọ được cảm nghiệm này đều diệt hết, không còn sót."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 293. Thậm thâm

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta đã vượt nghi, dứt trừ do dự, nhổ sạch gai tà kiến, không còn thoái chuyển, tâm không chấp trước nữa, thì nơi nào có ngã? Ta vì các

---

[37] *Pāli: kāyapariyantikam vedanaṃ vedayamāno.*

Tỳ-kheo thuyết pháp, Ta vì các Tỳ-kheo nói pháp tùy thuận duyên khởi xuất thế của bậc Hiền thánh tương ưng với Không. Nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; tức là duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, duyên thức nên có danh sắc, duyên danh sắc nên có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ nên có xúc, duyên xúc nên có thọ, duyên thọ nên có ái, duyên ái nên có thủ, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sanh, duyên sanh nên có lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy, *(chi tiết ....)* cho đến, thuần khối khổ lớn tụ tập như vậy bị diệt.

"Thuyết pháp như vậy, nhưng Tỳ-kheo kia vẫn còn nghi hoặc, còn do dự. Trước chẳng đắc mà tưởng đắc, chẳng đạt mà tưởng đạt, chẳng chứng mà tưởng chứng. Nay nghe pháp xong tâm sanh lo khổ, hối hận, mê mờ, chướng ngại. Vì sao? Vì đây là chỗ sâu xa, tức là pháp duyên khởi. Lại càng sâu xa, khó thấy gấp bội, đó là lìa tất cả thủ, ái tận, vô dục, tịch tĩnh, Niết-bàn. Như hai pháp này, là pháp hữu vi và vô vi. Hữu vi, hoặc sanh. hoặc trụ, hoặc dị, hoặc diệt. Vô vi, là chẳng sanh, chẳng trụ, chẳng dị, chẳng diệt. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là các hành là khổ; Niết-bàn là tịch diệt. Nhân tập nên khổ tập; nhân diệt nên khổ diệt; cắt đứt các nẻo, diệt hẳn tương tục. Tương tục diệt[38], đây gọi là khổ biên. Này các Tỳ-kheo, cái gì diệt? Đó là khổ hữu dư. Cái ấy nếu diệt, tĩnh chỉ, thanh lương, tịch tĩnh, nghĩa là đã diệt hết tất cả thủ, ái tận, vô dục, tịch tịnh, Niết-bàn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 294. Ngu si hiệt tuệ[39]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Kẻ phàm phu ngu si không học bị vô minh che lấp, ái duyên ràng buộc, nên có được thức thân[40] này. Bên trong thân có thức này, ngoài thân

---

38. Trong bản, in dư một chữ diệt 滅。

39. Pāli, S. 12. 19. Bālena paṇḍito.

40. Thức thân, chỉ thân có thức. Pāli: taṃhāya samyuttassa evamayaṃ kāyo samudāgato,

có danh sắc. Hai nhân duyên này sanh ra xúc. Bị xúc chạm sáu xúc nhập[41] này, phàm phu ngu si không học cảm nghiệm các cảm thọ khổ lạc, nhân đây khởi lên các thứ sai biệt. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ.

"Người có trí thông bác, bị vô minh che mờ, ái duyên ràng buộc nên có được thức thân này. Như vậy, bên trong có thức thân, ngoài có danh sắc. Hai duyên này sanh ra sáu xúc nhập xứ. Bị xúc chạm bởi sáu xúc, người trí cảm nghiệm các cảm thọ khổ và lạc, nhân đây khởi lên những thứ sai biệt. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ.

"Người ngu tối và người trí tuệ, hai hạng người này ở nơi Ta tu các phạm hạnh, có cái gì sai khác không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Lành thay, bạch Thế Tôn, cúi xin diễn nói, các Tỳ-kheo nghe xong, sẽ lãnh thọ và thực hành."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, đối với kẻ phàm phu ngu si không học vì bị vô minh che khuất, ái duyên ràng buộc, nên có được thức thân này. Vô minh chẳng dứt, ái duyên chẳng hết, nên sau khi chết rồi lại tái sanh. Vì trở lại thọ thân nên không được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Vì sao? Vì kẻ phàm phu ngu si vốn chẳng tu phạm hạnh, chân chánh hướng đến dứt sạch khổ, tận cùng của mé khổ, nên người này sau khi chết trở lại tái sanh. Bởi thọ thân trở lại nên không giải thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não.

"Người trí tuệ vì bị vô minh che khuất, ái duyên ràng buộc, nên có được thức thân này. Kia vô minh dứt trừ, ái duyên hết sạch. Do vô minh dứt trừ, ái duyên hết sạch, nên sau khi chết không còn tái sanh nữa. Vì chẳng thọ sanh trở lại nên giải thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Vì sao? Vì người này trước đây đã tu phạm hạnh, chân chánh hướng đến dứt sạch khổ, tận cùng của mé khổ, nên người này sau khi chết không tái sanh trở lại. Bởi không thọ thân nên giải thoát khỏi sanh, già,

---

do bị hệ phược bởi ái, thân này sanh khởi.

41. Xúc nhập, tức xúc nhập xứ, hay xúc xứ. Pāli: phassa-āyatana.

bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Đó là chỗ sai khác giữa phàm phu và người trí tuệ khi ở nơi Ta tu các phạm hạnh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 295. Phi nhữ sở hữu[42]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, nơi thành Vương xá Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thân này chẳng phải sở hữu của các ông, chẳng phải là sở hữu của người khác. Nghĩa là sáu xúc nhập xứ, vốn do ước nguyện mà tu hành trước kia[43] nên thọ được thân này. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Đa văn Thánh đệ tử đối với các duyên khởi mà khéo tư duy, quán sát chân chánh là có sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân này. Nghĩa là vì cái này có nên sẽ có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong tương lai và tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy. Đó gọi là có nhân có duyên để tập khởi thế gian. Trái lại, nếu cái này không, thì sáu thức thân không; sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân cũng không. Nghĩa là vì cái này không, nên không có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong tương lai, thuần một khối khổ lớn tụ tập cũng diệt.

"Đa văn Thánh đệ tử, nếu đối với sự tập khởi của thế gian, sự diệt tận của thế gian, mà chánh trí như thật, khéo léo thấy, khéo tỉnh giác, khéo thể nhập, thì đó gọi là Thánh đệ tử chiêu cảm được pháp lành này, đạt được pháp lành này, biết pháp lành này, nhập pháp lành này; giác ngộ biết, giác ngộ thấy được sự sanh diệt của thế gian; thành tựu được sự xuất ly của Hiền thánh, dứt sạch khổ và đến nơi tận cùng của mé khổ một cách chân chánh. Vì sao? Vì đa văn Thánh đệ tử đã biết như thật về sự tập khởi của thế gian, về sự diệt tận của thế gian, nên khéo thấy, khéo tỉnh giác, khéo thể nhập."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy,

---

42. Không phải của ngươi. Pāli, S. 12. 37. Natumha.

43. Pāli: purāṇaṃ kammaṃ, nghiệp đời trước.

hoan hỷ phụng hành.

Kinh 296. Nhân duyên[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói pháp nhân duyên và pháp duyên sanh.

"Thế nào là pháp nhân duyên[45]? Là cái này có nên cái kia có, như duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, cho đến, tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Thế nào là pháp duyên sanh[46]? Là vô minh, hành,... dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới[47]. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: Duyên vô minh có hành, cho đến, duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

"Dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

"Các pháp này, pháp trụ, pháp không[48], pháp như, pháp nhĩ, pháp chẳng lìa như, pháp chẳng khác như, chân đế, chân thật, không điên đảo. Tùy thuận duyên khởi như vậy, đó gọi là pháp duyên sanh[49]. Tức là: vô

---

44. Pāli, S. 12. 20. Paccaya.

45. Nhân duyên pháp, hay lý duyên khởi. Pāli: paṭiccasamuppāda.

46. Duyên sanh pháp, hay duyên dĩ sanh. Pāli: paṭiccasamuppanna dhamma, pháp đã sanh bởi duyên.

47. Pāli: uppādā và tathāgatānaṃ anuppādā và tathāgatānaṃ, ṭhitā va sà dhātu dhammaṭṭhitatà dhammaniyāmatà idappaccayatà, các Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện, giới này (đạo lý này) vốn thường trú; đó là tánh an trụ của pháp (pháp trụ tánh), tính quyết định của pháp (pháp vị tánh) và tánh y duyên (tương y tương duyên).

48. Pháp trụ, pháp không 法住法空; trong bản Pāli: dhammāṭṭhitatà (pháp trụ tánh), dhammaniyāma (pháp vị tánh, pháp định tánh).

49. Pāli: katame ca, bhikkhave, paṭiccasamuppannā dhammā? jarāmaraṇaṃ, bhikkhave, aniccaṃ saṃkhataṃ paṭiccasamuppannaṃ khayadhammư vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammaṃ, các pháp duyên sanh (duyên sanh pháp) là gì? Già chết là vô thường, hữu vi, do duyên mà khởi, chịu quy luật đào thải, tiêu vong, ly

minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Đó gọi là pháp duyên sanh.

"Đa văn Thánh đệ tử đối với pháp nhân duyên và pháp duyên sanh này bằng chánh tri mà thấy rõ như thật, không truy tìm về đời trước[50] mà nói rằng: 'Tôi trong đời quá khứ hoặc có, hay không có? Tôi trong quá khứ là loài gì, tôi trong quá khứ như thế nào[51]?' Không truy tìm tương lai mà nói rằng: 'Tôi ở đời vị lai hoặc có, hay không có? Tôi là loài gì, tôi sẽ như thế nào?' Bên trong chẳng do dự[52]: 'Đây là những thứ gì? Tại sao có cái này? Trước đây chúng là cái gì? Sau này chúng sẽ là cái gì? Chúng sanh này từ đâu đến? Ở đây mất rồi sẽ đi về đâu[53]?'

"Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào khởi các kết sử kiến[54] phàm tục, tức là, kết sử của ngã kiến, kết sử của chúng sanh, kết sử của thọ mệnh, hoặc kết sử của kiến chấp cữ kiêng tốt xấu[55]. Khi tất cả những điều đó được đoạn tận, được biến tri, cắt đứt gốc rễ, như chặt ngọn cây đa-la, ở đời vị lai thành pháp bất sanh. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử đối với pháp nhân duyên và pháp duyên sanh bằng chánh trí mà như thật khéo thấy, khéo tỉnh giác, khéo tu tập, khéo thể nhập."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 297. Đại không pháp

Tôi nghe như vầy:

---

tham, diệt tận.

50. Hán: tiền tế 前際。Pāli: pubbantaṃ.

51. Pāli: ahosiṃ nu kho ahaṃ atītamaddhānaṃ, nanu kho ahosiṃ atītamaddhānaṃ, kiṃ nu kho ahosiṃ atītamaddhānaṃ, kathaṃ nu kho ahosiṃ atītamaddhānaṃ, kiṃ hutvà kiṃ ahosi nu kho ahaṃ atītamaddhānaṃ: Quá khứ tôi hiện hữu hay không hiện hữu? Quá khứ tôi là gì, tôi là thế nào? Quá khứ, do hiện hữu cái gì mà tôi hiện hữu?

52. Pāli: etarahi paccuppannaṃ addhānaṃ ajjhattaṃ kathaṃkathì bhavissati, hoặc ở đây trong đời hiện tại mà bên trong có nghi hoặc.

53. Pāli: ahaṃ nu kho'smi, no nu kho' smi, kiṃ nu kho'smi, kathaṃ nu kho'smi, ayaṃ nu kho sattā kuto āgato, so kuhiṃ gamissatī'ti, ta đang hiện hữu, hay không đang hiện hữu? Ta đang là cái gì? Ta đang là thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến? Rồi nó sẽ đi đâu?

54. Hán: kiến sở hệ 見所繫。Pāli: diṭṭhi-saṃyojana.

55. Nguyên Hán: kỵ húy cát khánh kiến sở hệ 忌諱吉慶見所繫。

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu[56], Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ vì các ông nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng sau cùng đều thiện; thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch; đó gọi là kinh Đại không pháp. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo tư duy. Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là kinh Đại không pháp? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; tức là duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức,… cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

"Vì duyên sanh nên có già chết. Nếu có người hỏi: 'Ai già chết, già chết thuộc về ai?' Người ấy sẽ đáp: 'Ngã chính là già chết, nay già chết thuộc về ngã, già chết là ngã.' Điều được nói rằng: 'Mệnh tức là thân,' hoặc nói 'Mệnh khác, thân khác,' thì đây chỉ có một nghĩa mà lại nói có nhiều loại. Nếu thấy rằng 'Mệnh tức là thân', với người tu phạm hạnh, điều này không có. Hoặc lại thấy rằng 'Mệnh khác, thân khác', với người tu phạm hạnh, điều này cũng không có. Đối với hai bên này, tâm chẳng theo bên nào, mà chân chánh hướng Trung đạo. Hiền thánh xuất thế chánh kiến như thật, chẳng điên đảo, nghĩa là duyên sanh nên có già chết…

"Cũng vậy sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành; do duyên vô minh nên có hành. Nếu lại hỏi: 'Cái gì là hành, hành thuộc về ai?' Người này sẽ đáp: 'Hành là ngã, hành là của ngã.' Điều được nói rằng: 'Mệnh tức là thân,' hoặc nói 'Mệnh khác, thân khác,' thì đây chỉ có một nghĩa mà lại nói có nhiều loại. Nếu thấy rằng 'Mệnh tức là thân', với người tu phạm hạnh, điều này không có. Hoặc lại thấy rằng 'Mệnh khác, thân khác', với người tu phạm hạnh, điều này cũng không có. Đối với hai bên này, tâm chẳng theo bên nào, mà chân chánh hướng Trung đạo. Hiền thánh xuất thế chánh kiến như thật, chẳng điên đảo, nghĩa là vô minh duyên hành. Nếu các Tỳ-kheo, ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, thì còn ai già chết, già chết thuộc về ai? Khi già chết đã dứt trừ, thì biết là đã dứt hẳn cội gốc của nó, như chặt ngọn cây đa-la, đời vị lai không thể tái sanh.

"Nếu Tỳ-kheo nào ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, thì còn ai sanh, sự sanh thuộc về ai, cho đến ai hành, hành thuộc về ai? Khi hành đã chắc chắn dứt trừ, thì biết là đã dứt cội gốc của nó, như chặt ngọn cây

---

[56] *Điều ngưu tụ lạc 調牛聚落; chỗ khác dịch là Bác ngưu 駁牛 Mục ngưu 牧牛。*

đa-la, đời sau không thể tái sanh.

"Nếu Tỳ-kheo nào ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, thời khi vô minh này diệt, hành cũng diệt, cho đến việc tụ tập thuần một khối khổ lớn cũng bị diệt. Đó gọi là kinh Đại không pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 298. Pháp thuyết nghĩa thuyết[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ thuyết pháp, thuyết nghĩa[58] về pháp duyên khởi, các ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là thuyết pháp về pháp duyên khởi? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành… cho đến thuần một khối khổ lớn. Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi.

"Thế nào là thuyết nghĩa? Tức là, duyên vô minh nên có hành. Thế nào là vô minh? Nếu chẳng biết tiền tế, chẳng biết hậu tế, chẳng biết cả tiền hậu tế; chẳng biết trong, chẳng biết ngoài, chẳng biết cả trong lẫn ngoài; chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sanh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập; hoặc kém, hoặc hơn; nhiễm ô, hoặc thanh tịnh; phân biệt duyên khởi, tất cả đều chẳng biết; đối với sáu xúc nhập xứ không giác tri như thật, đối với các pháp này không thấy không biết, không hiện quán[59], bị si ám, không có minh, tối mù mịt, đó gọi là vô minh.

"Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là hành? Hành gồm có thân hành, miệng hành, ý hành.

"Duyên hành nên có thức. Thế nào là thức? Chỉ sáu thức thân: nhãn

---

57. Pāli, S. 12. 1. Desanā; 2. Vibhaṅga.

58. Hán: nghĩa thuyết 義說。Pāli: vibhajjssāmi, Ta sẽ phân tích (phân biệt).

59. Nguyên Hán: vô vô gián đẳng 無無間等。

thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

"Duyên thức có danh sắc; thế nào là danh? Chỉ bốn ấm vô sắc: thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm. Thế nào là sắc? Chỉ bốn đại, sắc do bốn đại tạo thành. Sắc này hợp cùng với danh đã nói ở trên, gọi là danh sắc.

"Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ. Thế nào là sáu nhập xứ? Sáu nội nhập xứ; nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ.

"Duyên sáu nhập xứ nên có xúc. Thế nào là xúc? Chỉ sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.

"Duyên xúc nên có thọ. Thế nào là thọ? Ba thọ: thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui.

"Duyên thọ nên có ái. Thế nào là ái? Ba ái: dục ái, sắc ái, vô sắc ái.

"Duyên ái nên có thủ. Thế nào là thủ? Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ.

"Duyên vào thủ nên có hữu. Thế nào là hữu? Ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

"Duyên hữu nên có sanh. Thế nào là sanh? Nếu mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia[60], siêu việt, hòa hợp, xuất sanh61, được ấm, được giới, được nhập xứ, được mệnh căn. Đó gọi là sanh.

"Duyên sanh nên có già chết. Thế nào là già? Như tóc bạc đầu hói, da nhăn, các căn suy sụp, tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên rỉ, hơi thở ngắn, mệt nhọc, chống gậy đi, thân thể đen sạm, tay chân nổ ban đốm, lú lẫn, làm việc gì cũng khó khăn, kém cỏi. Đó gọi là già. Thế nào là chết? Là mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia chết đi, tuổi thọ chấm dứt, thân hoại, đổi dời, hơi ấm lìa thân, mệnh sống kết thúc, là đã đến lúc từ bỏ cái ấm thân. Đó gọi là chết. Chết này cùng già đã nói trước, gọi chung là già chết. Đó là thuyết nghĩa duyên khởi."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

60. Bỉ bỉ thân chủng loại sanh 彼彼身種類生。Pāli: taṃhi taṃhi sattanikaye jāti, sự sanh nơi từng bộ loại của chúng sanh kia.

61. Pāli: sañjāti okkanti nibbatti abhinibbatti, xuất sanh, nhập thai, sản sanh, chuyển sanh.

Kinh 299. Duyên khởi pháp

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, pháp duyên khởi mà Ngài nói, là do Thế Tôn làm ra hay do người khác làm ra?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Pháp duyên khởi chẳng phải do Ta tạo ra, cũng chẳng phải do người khác tạo ra. Nhưng dù Như Lai có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp giới này vẫn thường trụ. Như Lai tự giác ngộ pháp này, thành Đẳng chánh giác, vì tất cả chúng sanh mà phân biệt, diễn nói, chỉ dạy hiển bày; đó là: Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành, … cho đến việc tụ tập thuần một khối khổ lớn. Do vô minh diệt nên hành cũng diệt,… cho đến việc thuần một khối khổ lớn tụ tập cũng bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 300. Tha[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ có một Bà-la-môn đến chỗ Phật; cùng Đức Thế Tôn đón chào vui vẻ. Sau khi vui vẻ chào hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, thế nào, tự mình làm và tự mình cảm thọ chăng[63]?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ta nói điều này không khẳng định. Tự mình làm và tự mình cảm thọ, điều này không được khẳng định[64]."

Bà-la-môn hỏi:

"Bạch Cù-đàm, người khác làm và người khác cảm thọ chăng?"

Phật bảo Bà-la-môn:

---

62. Pāli, S. 12. 46. Aññataraṃ (Người khác).

63. Pāli: so karoti so paṭisaṃvedayati, tự tác tự thọ.

64. Vô ký 無記。Pāli: ayaṃ eko anto, đây là một cực đoan.

"Người khác làm và người khác cảm thọ; điều này không khẳng định[65]."

Bà-la-môn bạch Phật:

"Tôi hỏi, tự mình làm và tự mình cảm thọ chăng? Ngài đáp không khẳng định. Tôi hỏi, người khác làm và người khác cảm thọ chăng? Ngài đáp không khẳng định, nghĩa này như thế nào?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Nếu tự mình làm và tự mình cảm thọ thì sẽ rơi vào thường kiến. Nếu người khác làm và người khác cảm thọ thì sẽ rơi vào đoạn kiến. Thuyết nghĩa, thuyết pháp là lìa hai bên này, Ta thuyết pháp ở nơi Trung đạo. Tức là nói rằng: 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, duyên vô minh nên có hành… cho đến thuần một khối khổ lớn tụ tập. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến việc thuần một khối khổ lớn bị diệt.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 301. Ca-chiên-diên[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nhà khách trong rừng sâu, xóm Na-lê[67]. Bấy giờ Tôn giả Tán-đà Ca-chiên-diên[68] đi đến chỗ Phật, đảnh lễ, ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như Ngài nói 'Chánh kiến.' Vậy thế nào là chánh kiến? Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn thi thiết chánh kiến?"

Phật bảo Tán-đà Ca-chiên-diên:

"Thế gian có hai sở y, hoặc có hoặc không[69], bị xúc chạm bởi thủ. Do bị xúc chạm bởi thủ nên hoặc y có hoặc y không. Nếu không có chấp

---

65. *Pāli: ayaṃ dutiyo anto, đây là cực đoan thứ hai.*

66. *Pāli, S. 12. 15. Kaccāyanagotta.*

67. *Na-lê tụ lạc thâm lâm trung đãi khách xá□那梨聚落深林中待賓舍; địa danh kinh 926: Na-lê tụ lạc Thâm cốc tinh xá; kinh 1037: Na-lê tụ lạc Khúc cốc tinh xá. Pāli: Nadika Giñjakāvasatha.*

68. *Tán-đà Ca-chiên-diên 跋陀迦旃延。*

69. *Pāli: dvayanissito... atthitña ceva natthitañca, hai sở y... tồn tại và không tồn tại.*

thủ này vốn là kết sử hệ lụy của tâm và cảnh[70]; nếu không thủ, không trụ, không còn chấp ngã, thì khi khổ sanh là sanh, khổ diệt là diệt, đối với việc này không nghi, không hoặc, không do người khác mà tự biết; đó gọi là chánh kiến. Đó gọi là chánh kiến do Như Lai thi thiết. Vì sao? Thế gian tập khởi, bằng chánh trí mà quán sát như thật, thì thế gian này không phải là không[71]. Thế gian diệt, bằng chánh trí mà thấy như thật, thế gian này không phải là có. Đó gọi là lìa hai bên, nói pháp theo Trung đạo. Nghĩa là, 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; tức là, duyên vô minh nên có hành,… cho đến, thuần một khối khổ lớn. Do vô minh diệt nên hành diệt,… cho đến, thuần một khối khổ lớn diệt.'"

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tán-đà Ca-chiên-diên nghe những gì Phật đã dạy, chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát, thành A-la-hán.

□

Kinh 302. A-chi-la[72]

Tôi nghe như vầy:

Khi Đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá. Bấy giờ vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y, mang bát ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Bấy giờ, A-chi-la Ca-diếp[73] có chút việc đi ra khỏi thành Vương xá, hướng về núi Kỳ-xà-quật, từ xa trông thấy Đức Phật, vọi vàng đi đến, bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh để giải đáp cho không?"

Phật bảo Ca-diếp:

"Nay không phải là lúc để bàn luận. Ta đang vào thành khất thực. Chờ khi trở về, Ta sẽ nói cho ông nghe."

Đức Phật nói như vậy lần thứ hai.

---

70. Tâm cảnh hệ trước sử 心境繫著使。Pāli: cetaso adhiṭṭhānaṃ abhinivesānysayaṃ, (vốn là) tùy miên tham đắm nắm giữ chặt tâm.

71. Pāli: lokasamudayaṃ kho, kaccāna, yathābhūtaṃ sampaññāya passato yā loke natthitā sà na hoti, bằng chánh trí mà quán sát như thật sự tập khởi của thế gian, thì thế gian không phải không tồn tại. Hán dịch: Nhược thế gian vô giả bất hữu 若世間無者不有, tức Pāli: yā loke natthitā sà na hoti, trong thế gian này không tồn tại cái không (nghĩa là: thế gian này có).

72. Pāli, S. 12. 17. Acela.

73. A-chi-la Ca-diếp 阿支羅迦葉。Pāli Acela-Kassapa, Ca-diếp lõa thể.

Ca-diếp lại bạch lần thứ ba.

"Bạch Cù-đàm, sao lại làm khó tôi! Tại sao có sự khác biệt này?[74] Nay tôi có điều muốn hỏi, xin Ngài giải đáp cho[75]."

Phật bảo A-chi-la Ca-diếp:

"Vậy thì tùy ý ông hỏi."

A-chi-la Ca-diếp bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, thế nào, khổ, lạc có phải do tự tác không?"

Phật đáp:

"Nói khổ, lạc do tự tác, điều này Ta không khẳng định."

Ca-diếp lại hỏi:

"Bạch Cù-đàm, thế nào khổ, lạc là do người khác làm ra chăng?"

Phật bảo Ca-diếp:

"Nói khổ do người khác làm ra, điều này Ta cũng không khẳng định."

Ca-diếp lại hỏi:

"Khổ, lạc do tự mình và người khác làm ra chăng?"

Phật bảo Ca-diếp:

"Nói khổ do tự mình và người khác làm ra, điều này Ta cũng không khẳng định."

Ca-diếp lại hỏi:

"Bạch Cù-đàm, thế nào, khổ chẳng phải tự, chẳng phải tha, vô nhân tác chăng?"

Phật bảo Ca-diếp:

"Khổ chẳng phải tự, chẳng phải tha, vô nhân tác, điều này Ta cũng không khẳng định."

Ca-diếp hỏi:

"Bạch Cù-đàm, thế nào, tôi hỏi khổ tự tác chăng? Ngài đáp không ký thuyết. Tôi hỏi khổ tha tác, tự tha tác chăng? Chẳng phải tự, tha, vô nhân tác chăng? Ngài cũng đáp là không ký thuyết. Vậy, nay không có cái khổ này chăng?"

Phật bảo Ca-diếp:

"Chẳng phải không có cái khổ này, mà thật có cái khổ này."

Ca-diếp bạch Phật:

---

74. Ý nói: đối xử không giống với người khác.

75. Bản Pāli: na kho... bahudeva pucchitukāmā ti, tôi không muốn hỏi nhiều đâu.

"Lành thay, bạch Cù-đàm! Ngài nói có cái khổ này. Vậy xin vì tôi thuyết pháp khiến cho tôi biết khổ, thấy khổ."

Phật bảo Ca-diếp:

"Nếu thọ tức là tự cảm thọ[76], thì Ta mới có thể nói nói khổ do tự tạo. Nếu người khác thọ người khác tức là thọ giả[77], thì Ta nói là tha tạo. Nhưng nếu nói thọ, vừa tự thọ vừa cái khác cảm thọ rồi mang lại khổ, như thế thì tự làm vừa do người khác làm, nhưng Ta cũng chẳng nói như vậy. Hoặc chẳng phải nhân tự, tha, mà là vô nhân sanh ra khổ, Ta cũng chẳng nói như vậy. Như Lai thuyết pháp lìa hai bên này mà nói Trung đạo; tức là 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh nên có hành,… cho đến thuần một khối khổ lớn. Nếu vô minh diệt thì hành diệt,… cho đến thuần một khối khổ lớn bị diệt."

Phật nói kinh này xong, A-chi-la Ca-diếp liền lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Bấy giờ, A-chi-la Ca-diếp thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, vượt qua mọi hồ nghi, không do người khác mà biết, chẳng do người khác độ thoát, đối với Chánh pháp luật, tâm được không sợ hãi.

Ca-diếp chắp tay bạch Phật:

"Thế Tôn, nay con đã được Phật hóa độ, từ hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời làm Ưu-bà-tắc, xin Ngài chứng tri cho con."

A-chi-la Ca-diếp nghe Phật dạy xong, vui mừng, hài lòng làm lễ mà đi.

A-chi-la Ca-diếp sau khi từ giã Phật đi không lâu, thì bị một con nghé đực húc chết. Lúc mạng chung, các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng.

Bấy giờ, Thế Tôn vào thành khất thực. Lúc ấy cũng có nhiều Tỳ-kheo vào thành Vương xá khất thực, nghe đồn A-chi-la Ca-diếp được nghe pháp từ Thế Tôn; sau khi từ giã Phật chẳng bao lâu bị một con nghé đực húc chết, khi mạng chung các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Các Tỳ-kheo khất thực xong trở về, thu cất y bát, rửa chân, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

---

[76] Thọ tức tự thọ giả 受即自受者。Pāli: sà vedanā so vedayatī 'ti (S. 12. 18), thọ tự nó cảm thọ.

[77] Pāli: aññā vedanā añño vedayatī ti (S. 12. 18), thọ là cái khác, cảm thọ là cái khác (thọ và hành vi cảm thọ là hai cái khác nhau).

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm nay nhiều Tỳ-kheo vào thành khất thực, nghe chuyện A-chi-la Ca-diếp, sau khi được nghe pháp luật, ra về chẳng bao lâu bị tai nạn một con nghé đực húc chết. Lúc từ trần các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Bạch Thế Tôn, A-chi-la Ca-diếp sanh vào loài nào, thọ sanh nơi đâu và có sở đắc gì?"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Ông ấy đã thấy pháp, biết pháp và thứ pháp[78], không còn chấp thủ nơi pháp, đã đạt đến Bát-niết-bàn. Các ông nên đến cúng dường thân A-chi-la Ca-diếp."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thọ ký A-chi-la Ca-diếp bậc nhất.

□

Kinh 303. Điếm-mâu-lưu[79]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Bấy giờ vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực, dọc đường gặp tu sĩ ngoại đạo tên là Điếm-mâu-lưu[80], có chút việc đi đến núi Kỳ-xà-quật, từ xa trông thấy liền đi đến chỗ Thế Tôn; hai bên chào đón ân cần xong, rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, tôi có vài điều muốn hỏi, Ngài có rảnh để giải đáp cho chăng?"

"Nay không phải là lúc để bàn luận; Ta đang vào thành khất thực. Chờ khi trở về, Ta sẽ nói cho ông nghe."

Đức Phật nói như vậy lần thứ hai.

Điếm-mâu-lưu lại bạch lần thứ ba.

"Bạch Cù-đàm, sao lại làm khó tôi! Tại sao có sự khác biệt này? Nay tôi có điều muốn hỏi, xin Ngài giải đáp cho."

Phật bảo Điếm-mâu-lưu:

"Vậy thì tùy ý ông hỏi."

Xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu liền hỏi Sa-môn Cù-đàm:

"Bạch Ngài, khổ, lạc do tự tạo chăng?"

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu:

---

78. *Pháp thứ pháp 法次法, tức pháp và tùy pháp. Pāli: dhammānudhamma.*

79. *Pāli, S. 12. 18. Timbaruka.*

80. *Điếm-mâu-lưu 玷牟留。Pāli: Timbaruka.*

“Bảo khổ, lạc do tự tạo, điều này Ta không ký thuyết.”

Lại hỏi Sa-môn Cù-đàm:

“Khổ, lạc có phải do người khác tạo chăng?”

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu:

“Nói khổ, lạc do người khác tạo, điều này Ta không ký thuyết.”

Lại hỏi Sa-môn Cù-đàm:

“Khổ, lạc tự người khác tạo chăng?”

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu:

“Nói khổ, lạc do tự người khác tạo, điều này Ta không ký thuyết.”

Lại hỏi Cù-đàm:

“Khổ, lạc chẳng phải do tự, chẳng phải do người khác, vô nhân tác chăng?

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu:

“Nói rằng khổ, lạc chẳng phải tự, chẳng phải người khác, vô nhân tạo, điều này Ta không ký thuyết.”

Phật dạy đầy đủ như kinh A-chi-la Ca-diếp ở trên, cho đến Thế Tôn thọ ký cho xuất gia ngoại đạo Điếm-mâu-lưu đầu tiên.

□

TẠP A-HÀM QUYỂN 13

Kinh 304. Lục lục[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu[2], Câu-lưu-sấu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hôm nay, Ta sẽ vì các ông nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch. Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ. Có sáu pháp sáu[3]. Những gì là sáu? Đó là, sáu nội nhập xứ, sáu ngoại nhập xứ, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu ái thân.

"Sáu nội nhập xứ[4] là những gì? Đó là, nhãn nhập xứ, nhĩ nhập xứ, tỷ nhập xứ, thiệt nhập xứ, thân nhập xứ, ý nhập xứ.

"Sáu ngoại nhập xứ[5] là những gì? Đó là, sắc nhập xứ, thanh nhập xứ, hương nhập xứ, vị nhập xứ, xúc nhập xứ, pháp nhập xứ. Sáu thức thân[6] là những gì? Đó là, nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. Sáu xúc thân[7] là những gì? Đó là, nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc thân. Sáu thọ thân[8] là những gì? Đó là, nhãn xúc sanh thọ, nhĩ xúc sanh thọ, tỷ xúc sanh thọ,

---

1. *Kinh Sáu Sáu; Đại Chánh, quyển 13, kinh 304. Ấn Thuận xếp lại vào quyển 12. Quốc Dịch quyển 11. Phẩm x, Tương ưng Lục nhập (tiếp theo kinh 282). Pāli, M.148. Chachakka-sutta.*
2. *Câu-lưu-sưu Điều ngưu tụ lạc 拘留搜調牛聚落, xem cht.38, kinh 245; cũng dịch là Điều phục bác ngưu tụ lạc 調伏駁牛聚落, kinh 247.*
3. *Lục lục pháp 六六法。Pāli: cha chakāni.*
4. *Nội nhập xứ 內入處。Pāli: ajjhatika āyatana.*
5. *Ngoại nhập xứ 外入處。Pāli: bāhira āyatana.*
6. *Thức thân 識Ñ身。Pāli: viññāṇakāya.*
7. *Xúc thân 觸身。Pāli: phassakāya.*
8. *Thọ thân 受身。Pāli: vedanakāya.*

thiệt xúc sanh thọ, thân xúc sanh thọ, ý xúc sanh thọ. Sáu ái thân[9] là những gì? Đó là, mắt tiếp xúc sanh ái, tai tiếp xúc sanh ái, mũi tiếp xúc sanh ái, lưỡi tiếp xúc sanh ái, thân tiếp xúc sanh ái, ý tiếp xúc sanh ái.

"Nếu có người nói rằng 'mắt là ta'[10], điều này chẳng đúng. Vì sao? Vì mắt là sanh diệt. Nếu mắt là ta thì ta này phải chịu sanh tử[11]. Cho nên nói mắt là ta, điều này chẳng đúng. Cũng vậy, hoặc là sắc, hoặc nhãn thức, hoặc nhãn xúc, hoặc cảm thọ sanh bởi nhãn xúc, nếu là ta, thì điều này cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì thọ do mắt tiếp xúc sanh ra, nó là pháp sanh diệt; nếu thọ do mắt tiếp xúc sanh ra là ta, thì ta này phải chịu sanh tử. Cho nên nói thọ do nhãn xúc sanh ra là ta, thì điều này không đúng. Vì vậy, thọ do mắt tiếp xúc sanh ra chẳng phải là ta. Cũng vậy, thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tiếp xúc sanh ra chẳng phải ta. Vì sao? Vì thọ do ý tiếp xúc sanh ra, nó là pháp sanh diệt; nếu là ta thì ta này phải chịu sanh tử, cho nên nói thọ do ý tiếp xúc sanh ra là ta, thì điều này chẳng đúng. Cho nên thọ do ý tiếp xúc sanh ra chẳng phải là ta.

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên biết như thật cái được tác thành bởi trí, cái được tác thành bởi mắt, cái được tác thành bởi tịch diệt, khai phát thần thông, chánh hướng Niết-bàn. Thế nào là thấy biết như thật về cái được tác thành bởi do mắt, cho đến hướng đúng Niết-bàn?"

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, mắt chẳng phải ta. Nếu sắc, nhãn thức, nhãn xúc, hoặc cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi nhãn xúc[12]; kia cũng quán sát là chẳng phải ta. Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy. Đó gọi là biết thấy như thật về sự tác thành do mắt, cho đến chánh hướng Niết-bàn. Đó gọi là kinh nói về Sáu pháp sáu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

□

---

9. Ái thân 愛身。Pāli: taṇhākāya.

10. Pāli: cakkhu attā ti, mắt là tự ngã.

11. Pāli: attā me uppajjati ca veti cà ti, tự ngã của tôi sanh và diệt.

12. Pāli: cakkhuñca bhikkhave paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhu viññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso; samphassa-paccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ và dukkhaṃ và adukkhamasukhaṃ và, duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh; ba sự hòa hợp sanh xúc; do duyên xúc, cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc sanh.

Kinh 305. Lục nhập xứ[13]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu[14], Câu-lưu-sấu, bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hôm nay, Ta sẽ vì các ông mà nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch. Đó là kinh Sáu phân biệt sáu nhập xứ. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là kinh Sáu phân biệt sáu nhập xứ? Ở nơi nhãn nhập xứ mà không thấy biết như thật; sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi nhãn xúc, không thấy biết như thật. Vì không thấy biết như thật nên đắm nhiễm nơi mắt; đắm nhiễm nơi sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi nhãn xúc. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi ý xúc. Như vậy, sự niệm tưởng, sự ngu tối, tương ưng, luyến tiếc, kết buộc tâm, năm thọ ấm được tăng trưởng[15]; và tham ái hữu đương lai[16] câu hữu với hỷ tham cũng đều được tăng trưởng; do đó, thân tâm mệt nhọc[17], thân tâm thiêu đốt, thân tâm hẫy hừng, thân tâm cuồng loạn, thân sanh ra cảm giác khổ. Vì thân sanh ra cảm giác khổ nên sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong đời vị lai sẽ tăng trưởng. Đó gọi là thuần một khối khổ lớn.

"Này các Tỳ-kheo, nếu đối với mắt thấy biết như thật; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi nhãn xúc, thấy biết như thật; vì thấy rồi, nên đối với mắt không đắm nhiễm; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với cảm giác bên

---

13. Pāli, M. 149. Mahāsaḷāyatana-sutta.

14. Xem cht.2, kinh 304.

15. Pāli: tassa sārattassa samyuttassa samāḷhassa assādādupassino viharato āyatiṃ pañcupādānakkhandhà upacayam gacchanti, vị ấy an trụ với quán sát vị ngọt, tham đắm, hệ phược, mê muội; do vậy năm thủ uẩn tương lai được tích tập.

16. Đương lai hữu ái tham hỷ (...) 當來有愛(trong bản in nhầm thụ 受) 貪喜。Ấn Thuận thêm: bỉ bỉ lạc trước 彼彼樂著。Pāli: taṇhā cassa ponobbha vikà nandì-rāgasahagatà tatratatrābhinandinì, khát ái hữu đương lai, câu hữu với hỷ tham, thích thú (sẽ sinh) chỗ này chỗ kia.

17. Thân tâm bì ác 身心疲惡。Pāli: kàyikāpi darathà... cetasikāpi darathà pavaḍḍhanti, những sự bất an của thân, của tâm đều tăng trưởng.

trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi nhãn xúc, không đắm nhiễm. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý… pháp thấy biết như thật; đối với pháp, ý thức, ý xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi ý xúc, thấy biết như thật. Do thấy biết như thật nên đối với ý không đắm nhiễm; đối với pháp, ý thức, ý xúc, cảm thọ với cảm giác bên trong khổ, lạc, phi khổ lạc sanh bởi ý xúc, mà không đắm nhiễm. Do không đắm nhiễm nên không tương tạp[18], không ngu tối, không niệm tưởng, không hệ lụy, tổn giảm năm thọ ấm và tham ái hữu tương lai câu hữu tham, hỷ, nhiễm trước nơi này hay nơi kia, tất cả đều bị tiêu diệt; do đó, thân không khổ nhọc, tâm không khổ nhọc, thân không cháy, tâm không bị thiêu đốt, thân không hẫy hừng, tâm không hẫy hừng, thân cảm thấy khoái lạc, tâm cảm thấy an vui. Vì thân tâm cảm thấy an vui nên sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong đời vị lai đều bị tiêu diệt và thuần một khối khổ ấm lớn cũng bị diệt.

"Biết như vậy, thấy như vậy, gọi là đã tu tập đầy đủ chánh kiến, chánh chí, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh ngữ đã nói trước, chánh nghiệp, chánh mạng, tu tập thanh tịnh đầy đủ, thì đó gọi là tu tập tám Thánh đạo thanh tịnh đầy đủ. Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi, thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ. Đối với pháp nên biết, nên thấu rõ, tất sẽ biết, sẽ thấu rõ; pháp nên biết, nên đoạn trừ, tất sẽ biết, sẽ đoạn trừ; pháp nên biết, nên chứng, tất sẽ biết, sẽ chứng; pháp nên biết, nên tu tập, sẽ tu tập[19].

"Những pháp nào nên biết, nên thấu rõ? Đó là danh sắc. Những pháp nào cần phải biết, cần phải dứt trừ? Đó là vô minh, hữu ái. Những pháp nào nên biết, nên chứng? Đó là minh, giải thoát. Những pháp nào nên biết, nên tu? Đó là chánh quán.

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp nên biết, nên thấu rõ này, mà tất biết, tất thấu rõ; pháp nên biết, nên đoạn trừ, mà tất biết, tất đoạn trừ; pháp nên biết, nên chứng, mà tất biết, tất chứng; pháp nên biết, nên tu, mà tất biết, tất tu; thì đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ mọi ràng buộc của ái, thật sự chứng đắc vô gián đẳng[20], đạt đến cứu cánh của mé khổ.

---

18. Xem lại đoạn trên: (…) không tương ưng.

19. Đối với bốn Thánh đế: Khổ nên biết, Tập nên đoạn, Diệt nên chứng, Đạo nên tu.

20. Nghĩa là thành tựu hiện quán Thánh đế, chứng đắc Tu-đà-hoàn.

"Này các Tỳ-kheo, đó gọi là kinh Sáu phân biệt sáu nhập xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 306. Nhân

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng vẻ, chuyên tinh tư duy, nghĩ thầm: "Tỳ-kheo nên biết thế nào, thấy thế nào để được thấy pháp?" Suy nghĩ như vậy rồi, từ chỗ ngồi thiền đứng dậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, một mình con ở nơi vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, nghĩ rằng: 'Tỳ-kheo nên biết thế nào, nên thấy thế nào để được thấy pháp?'"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

"Ngươi hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Có hai pháp. Hai pháp gì? Mắt và sắc là hai. *(Nói chi tiết như trên*[21] *cho đến)...* những thứ chẳng phải là cảnh giới. Vì sao? Vì mắt và sắc làm duyên sanh ra nhãn thức. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc, thọ, tưởng, tư câu sanh với xúc, bốn vô sắc ấm này, mắt và sắc, những pháp này gọi là con người. Ở nơi những pháp này mà khởi ý tưởng là con người, là chúng sanh, Na-la, ma-nậu-xà, ma-na-bà, sĩ phu[22], phước-già-la, kỳ-bà, thiền-đầu[23].

"Lại nói như vầy: 'Mắt tôi thấy sắc, tai tôi nghe tiếng, mũi tôi ngửi mùi, lưỡi tôi nếm vị, thân tôi chạm biết, ý tôi phân biệt pháp.' Kia giả lập rồi nói như vầy: 'Vị Tôn giả này tên như vậy, sanh như vậy, họ như vậy, ăn uống như vậy, cảm khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, thọ mạng như vậy.' Này Tỳ-kheo, đó là tưởng, là ghi nhớ, là

---

21. Xem kinh 213.

22. Trong bản: sĩ kỳ 士其; đây sửa lại sĩ phu 士夫。Xem cht. dưới.

23. Các danh từ và ý niệm liên hệ tự ngã: na-la (Pāli: nara, con người, nói chung), ma-nậu-xà (manussa, con người trong xã hội), ma-na-bà (māṇavaka, niên thiếu), sĩ phu (puggala, con người nhân vị hay nhân xưng), phước-già-la (puggala, tức sĩ phu, hay con người), kỳ-bà (jìva, mạng, sanh mạng hay linh hồn), thiền-đầu (jantu, sanh loại).

ngôn thuyết[24]; tất cả các pháp này đều là hữu vi, vô thường, do suy nghĩ mong cầu mà sanh ra. Nếu là pháp hữu vi, vô thường, do suy nghĩ mong cầu mà sanh ra, thì chúng là khổ. Khổ này phát sanh, rồi khổ đình trụ, rồi khổ diệt; và rồi khổ này tái diễn xuất sanh nhiều lần; tất cả đều khổ. Nếu cái khổ này dứt đi, không còn dư tàn, nhả ra hết, ly dục, tịch diệt, tịch tĩnh mà các khổ khác không tiếp nối, không phát sanh nữa; thì đây là tịch diệt, đây là thắng diệu, tức là xả tất cả hữu dư, tất cả ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn. Tai, mũi, lưỡi, thân,… thân, xúc làm duyên sanh thức thân, cả ba hòa hợp sanh ra xúc; thọ câu sanh với xúc, tưởng, tư; bốn vô sắc ấm này, với thân căn là sắc ấm, gọi đó là con người. Chi tiết như trên cho đến diệt tận Niết-bàn.

"Duyên ý và pháp sanh ra ý thức. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc, thọ câu sanh với xúc, tưởng, tư; bốn vô sắc ấm này, và bốn đại, là sở y của con người; những pháp này gọi là con người. Chi tiết đầy đủ như trên, cho đến diệt tận Niết-bàn.

"Nếu có người nào, đối với các pháp này, tâm tùy nhập, an trú, giải thoát, không thoái chuyển, đối với người ấy những hệ lụy khởi lên đều không có ngã. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, thì đó là thấy pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 307. Kiến pháp

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở một mình nơi vắng vẻ, chuyên cần tinh tấn tư duy, nghĩ rằng: "Biết thế nào, thấy thế nào, để được gọi là thấy pháp?" Suy nghĩ xong, từ nơi thiền tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi vắng vẻ, chuyên cần tinh tấn tư duy, nghĩ rằng: 'Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào, gọi là thấy pháp?' Hôm nay con xin hỏi Thế Tôn, cúi mong Ngài giải thích cho."

---

[24] *Hán: tưởng, chí, ngôn thuyết 想, 誌, 言說, tức chỉ cho giả tưởng, giả tự xưng và giả ngôn thuyết.*

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói. Có hai pháp: Mắt và sắc làm duyên sanh ra nhãn thức… *Nói đầy đủ như trên."*

Tỳ-kheo này như lời Phật dạy, trình bài kệ:

"Mắt, sắc, hai thứ duyên,
Sanh tâm và tâm pháp,
Thức, xúc cùng câu sanh,
Thọ, tưởng… đều có nhân.
Chẳng ngã, chẳng của ngã,
Chẳng phải phước-già-la,
Chẳng phải ma-nậu-xà,
Cũng chẳng ma-na-bà.
Đây là pháp sanh diệt,
Khổ ấm, pháp biến dịch,
Nơi pháp này giả tưởng,
Giả lập là chúng sanh.
Na-la, ma-nậu-xà,
Cùng với ma-na-bà,
Cũng còn nhiều tưởng khác,
Đều từ khổ ấm sanh.
Các nghiệp ái vô minh,
Ấm tích lũy đời khác.
Sa-môn các đạo khác,
Nói về hai pháp khác.
Nếu họ nói như vậy,
Nghe rồi càng nghi hoặc.
Tham ái dứt không còn,
Vô minh lặng, diệt hẳn,
Ái sạch, các khổ dứt,
Vô thượng, Phật nói rõ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 308. Bất nhiễm trước

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chư Thiên, người thế gian, đối với sắc thì yêu thích, đắm nhiễm, bám trụ. Sắc này nếu vô thường, biến đổi, hoặc diệt mất, thì trời và người sẽ cảm thấy rất khổ đau. Đối với âm thanh, mùi, vị, xúc, pháp cũng yêu thích, đắm nhiễm, bám trụ; nếu các pháp này vô thường, biến đổi, hoặc diệt mất, thì trời, người sẽ sống trong đau khổ. Đối với sự hiện hữu của sắc, sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, Như Lai biết như thật. Vì đã biết như thật, nên đối với sắc không còn yêu thích, đắm nhiễm, bám vào. Cho dù nếu sắc này là vô thường, biến đổi, diệt tận đi nữa, thì vẫn sống an vui. Đối với sự hiện hữu, sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, xuất ly của thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên biết như thật. Khi đã biết như thật thì không còn ưa thích, đắn nhiễm, bám vào. Cho dù sắc này là vô thường, biến đổi, diệt tận đi nữa, thì vẫn sống an vui. Vì sao? Vì mắt và sắc làm duyên sanh ra nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh ra nhãn xúc; xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, nên sự tập khởi của thọ này, sự diệt tận của thọ này, vị ngọt của thọ này, sự tai hại của thọ này, xuất ly thọ này, nên biết như thật. Do nhân duyên sắc kia sự ách ngại phát sanh. Ách ngại bị diệt tận, đó gọi là vô thượng an ổn, Niết-bàn. Đối với sự hiện hữu của tai, mũi, lưỡi, thân, ý và… pháp làm duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp này sanh ra xúc. Xúc duyên thọ, hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui như vậy, đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự xuất ly thọ này cũng phải biết như thật. Khi đã biết như thật rồi, pháp này làm nhân duyên sanh ra trở ngại và khi đã hết trở ngại rồi thì gọi là vô thượng an ổn, Niết-bàn."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Nơi sắc, thanh, hương, vị,
Xúc, pháp, sáu cảnh giới,
Một hướng sanh vui thích,
Ái nhiễm, vui đắm sâu.
Chư Thiên và Người thế,
Chỉ vì cái vui này,
Khi biến đổi, diệt mất,
Họ sanh ra khổ đau.
Chỉ có bậc Hiền thánh,

Thấy chúng diệt, an vui,
Cái vui của thế gian,
Quán sát đều là oán.
Hiền thánh thấy là khổ,
Thế gian cho là vui,
Cái khổ của thế gian,
Đối với Thánh là vui.
Pháp sâu xa khó hiểu,
Thế gian sanh nghi hoặc,
Chìm đắm trong tối tăm,
Mờ mịt chẳng thấy gì.
Chỉ có người trí tuệ,
Mở bày sự sáng tỏ,
Lời sâu xa như vậy,
Phi Thánh nào ai biết?
Không lại thọ thân sau,
Đạt xa lẽ chân thật.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 309. Lộc Nữu (1)[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở bên cạnh bờ hồ Yết-già[26] tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ Tôn giả Lộc Nữu[27], đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như Đức Thế Tôn đã dạy, "Có người sống với người thứ hai; có người sống đơn độc một mình[28]." Vậy thế nào là sống với người thứ hai? Sống đơn độc một mình?"

Phật bảo Lộc Nữu:

"Lành thay! Lành thay! Ông đã hỏi Như Lai nghĩa này."

---

[25] *Lưới bắt nai. Tên người. Pāli, S. 35. 63. Migajāla.*

[26] *Yết-già trì 揭伽池。Pāli: Gaggarā pokkharaṇī.*

[27] *Lộc Nữu 鹿紐。Pāli: Migajāla.*

[28] *Đệ nhị trú 第二住。Pāli: sadutiyavihārī, sống với người thứ hai. Nhất nhất trú 一一住。Pāli: ekavihārī, sống một mình.*

Phật bảo Lộc Nữu:

"Nếu sắc được biết bởi mắt mà vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục[29]. Nếu Tỳ-kheo kia thấy rồi, sanh ra hỷ lạc, tán thán, hệ lụy; do hỷ lạc, tán thán, hệ lụy, tâm càng hoan hỷ; do hoan hỷ, càng đắm sâu hoan lạc; đắm sâu hoan lạc mà tham ái sanh; do tham ái sanh, mà bị ách ngại[30]. Ở đây, hoan hỷ, đắm sâu hoan lạc, tham ái, ách ngại; chúng được gọi là sống với người thứ hai [31]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

"Này Lộc Nữu, nếu có Tỳ-kheo nào giống như vậy, thì dù ngay lúc ở một mình nơi vắng vẻ, cũng gọi là sống với người thứ hai. Vì sao? Vì hỷ ái không đoạn, không diệt. Ái dục không được đoạn trừ, không được biến tri, chư Phật Như Lai gọi là sống với người thứ hai.

"Nếu có Tỳ-kheo nào đối với sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục vọng, Tỳ-kheo này thấy rồi, không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy. Do không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy, nên không hoan hỷ. Do không hoan hỷ, không đắm sâu hoan lạc; không đắm sâu hoan lạc nên không tham ái; do không tham ái, nên không bị ách ngại. Ở đây, không hoan hỷ, không đắm sâu hoan lạc, không tham ái, không ách ngại; được gọi là sống đơn độc một mình. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

"Này Lộc Nữu, nếu có Tỳ-kheo nào giống như vậy, thì dù ở nơi lầu các, gác cao, cũng vẫn là sống đơn độc một mình. Vì sao? Vì tham ái đã diệt tận, đã biến tri. Người mà tham ái diệt tận, đã biến tri, chư Phật Như Lai gọi là người sống đơn độc một mình."

Bấy giờ Tôn giả Lộc Nữu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, đảnh lễ mà đi.

Kinh 310. Lộc Nữu (2)[32]

Tôi nghe như vầy:

---

29. Pāli: kàmupasaṃhitā rajaniyā, (sắc bị) tham nhiễm liên kết với ái dục.

30. Ách ngại 阨（= 軛）礙，bị cái ách cùm cổ. Pāli: saṃyogo, sự kết buộc (buộc cổ hai con bò vào một cái ách).

31. Tức người sống chung thứ hai.

32. Pāli, như kinh 309.

Một thời, Phật ở bên cạnh bờ hồ Yết-già[33] tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ Tôn giả Lộc Nữu, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay, bạch Thế Tôn! Cúi xin vì con mà nói pháp. Con nghe pháp rồi, sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung,… cho đến: tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Phật bảo:

"Lành thay! Lành thay! Lộc Nữu có thể hỏi Như Lai nghĩa như vậy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói."

Phật bảo Lộc Nữu:

"Nếu có Tỳ-kheo mắt thấy sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục vọng, Tỳ-kheo này thấy rồi, hỷ lạc, tán thán, hệ lụy. Do hỷ lạc, tán thán, hệ lụy, nên hoan hỷ tập khởi. Do hoan hỷ tập khởi nên khổ tập khởi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

"Này Lộc Nữu, nếu có Tỳ-kheo nào, mắt thấy sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục vọng, Tỳ-kheo này thấy rồi, không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy. Do không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy, nên hoan hỷ không tập khởi. Do hoan hỷ không tập khởi nên diệt tận khổ. Các pháp tai, mũi, lưỡi, thân, ý… pháp lại cũng nói như vậy."

Tôn giả Lộc Nữu sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ lui ra.

Bấy giờ, Tôn giả Lộc Nữu nghe Phật giáo giới xong, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

□

Kinh 311. Phú-lan-na[34]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Phú-lan-na đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

---

33. Yết-già trì 揭伽池。Pāli: Gaggarā pokkharaṇī.

34. Pāli, M. 145. Puṇṇovāda-sutta.

"Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin vì con mà thuyết pháp. Con ở nơi vắng vẻ một mình, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung,... cho đến: tự biết không tái sanh đời sau nữa."

Phật bảo Phú-lan-na:

"Lành thay! Lành thay! Ông có thể hỏi Như Lai nghĩa như vậy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Nếu có Tỳ-kheo nào, mắt thấy sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục; Tỳ-kheo kia thấy rồi, sanh ra hỷ lạc, tán thán, hệ lụy; do hỷ lạc, tán thán, hệ lụy, tâm càng hoan hỷ; do hoan hỷ, càng đắm sâu hoan lạc; đắm sâu hoan lạc mà tham ái sanh; do tham ái sanh, mà bị ách ngại. Do đó cách xa Niết-bàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

"Này Phú-lan-na, nếu Tỳ-kheo nào, mắt thấy sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục; Tỳ-kheo kia thấy rồi, không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy; do không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy, nên không hoan hỷ; do không hoan hỷ, nên không hoan lạc; không hoan lạc nên không tham; do không tham, mà không bị ách ngại; cho nên dần dần tiếp cận Niết-bàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng nói như vậy."

Phật bảo Phú-lan-na:

"Ta đã tóm lược giáo pháp, vậy Phú-lan-na muốn an trú chỗ nào?"

Tôn giả Phú-lan-na bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con đã được Thế Tôn tóm lược giáo giới, nay con muốn du hành trong nhân gian đi về xứ Thâu-lô-na ở phương Tây[35]."

Phật bảo Phú-lan-na:

"Người ở Thâu-lô-na phương Tây hung dữ, nóng nảy, thô bạo, ưa chưởi bới. Phú-lan-na, nếu ngươi nghe những lời hung ác, nóng nảy, thô bạo, ưa mắng rủa, hủy nhục, thì ngươi sẽ như thế nào?"

Phú-lan-na bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu người nước Thâu-lô-na phương Tây kia mà trước mặt con có những lời hung ác, mắng chửi, hủy nhục, thì con nghĩ rằng: 'Những người Thâu-lô-na ở phương Tây này vẫn tốt lành, có trí tuệ. Tuy họ ở trước mặt ta tỏ ra hung ác, thô bạo, mắng chưởi hay hủy nhục, ta vẫn chưa bị họ dùng tay để đánh hoặc ném đá.'"

---

[35] *Tây phương Thâu-lô-na 西方輸盧那。Pāli: Sunāparantaka; quê của Phú-lan-na.*

Phật bảo Phú-lan-na:

"Người Thâu-lô-na ở phương Tây này tuy hung ác, nóng nảy, thô bạo, mắng chửi, hủy nhục đối với ngươi, ngươi có thể tránh được. Nhưng nếu họ lại còn dùng tay đánh, đá ném nữa, thì ngươi như thế nào?"

Phú-lan-na bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu người Thâu-lô-na ở phương Tây dùng tay đánh, hay dùng đá ném con đi nữa, thì con nghĩ rằng: 'Những người Thâu-lô-na vẫn còn tốt lành, có trí tuệ. Tuy họ dùng tay đánh, đá ném nhưng họ chẳng dùng dao gậy.'"

Phật bảo Phú-lan-na:

"Nếu những người này dùng dao gậy để hại ngươi, thì sẽ như thế nào?"

Phú-lan-na bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu những người này, lại dùng dao gậy để hại con, thì con nghĩ rằng: 'Những người Thâu-lô-na này vẫn còn tốt lành, có trí tuệ. Tuy họ dùng dao gậy hại ta, nhưng chưa giết ta.'"

Phật bảo Phú-lan-na:

"Giả sử những người này giết ngươi, thì sẽ như thế nào?"

Phú-lan-na bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu những người Thâu-lô-na phương Tây giết con, thì con nghĩ rằng: 'Các đệ tử của Thế Tôn có người nhàm chán thân này, hoặc dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự thắt cổ, hoặc gieo mình xuống hố sâu. Người Thâu-lô-na phương Tây này vẫn còn tốt lành, có trí tuệ. Đối với cái thân hủ bại của ta, chỉ tạo chút phương tiện khiến ta được giải thoát.'"

Phật bảo:

"Lành thay! Phú-lan-na! Ông khéo học hạnh nhẫn nhục. Nay ngươi có thể đến ở lại Thâu-lô-na. Ngươi nên đến độ cho người chưa được độ, an cho người chưa được an, người chưa được Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn."

Bấy giờ, Tôn giả Phú-lan-na, sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phấn khởi, làm lễ rồi đi.

Sáng hôm sau Tôn giả Phú-lan-na đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, trở ra, giao lại ngọa cụ, đem y bát du hành đến nước Thâu-lô-na phương Tây và an cư tại đó. Tôn giả thuyết pháp cho năm trăm vị Ưu-bà-tắc và kiến lập năm trăm Tăng-già-lam, cúng dường

các thứ giường nằm, chăn, mền đều đầy đủ. Trải qua ba tháng hạ, đầy đủ Tam minh, liền ở nơi ấy nhập Vô dư Niết-bàn.

□

Kinh 312. Ma-la-ca-cữu[36]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Ma-la-ca-cữu[37] đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin vì con mà nói pháp. Khi nghe pháp xong, một mình con ở chỗ vắng vẻ, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung,… cho đến: không còn tái sanh đời sau nữa."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma-la-ca-cữu:

"Những người trẻ tuổi, thông minh, lanh lợi, xuất gia chưa bao lâu, đối với pháp luật của Ta còn không biếng nhác; huống chi là ngày nay tuổi của ngươi đã già, các căn đã suy yếu, mà đối với pháp luật của Ta lại muốn nghe Ta giáo giới vắn tắt."

Ma-la-ca-cữu bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con tuy tuổi già, các căn suy yếu, nhưng con vẫn còn muốn nghe Thế Tôn sơ lược chỉ dạy, nhắc nhở. Xin Thế Tôn vì con mà chỉ dạy sơ lược, nhắc nhở. Sau khi nghe pháp xong, một mình con sẽ ở chỗ vắng vẻ, chuyên cần tinh tấn tư duy,… cho đến: tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Ma-la-ca-cữu bạch như vậy ba lần.

Phật bảo Ma-la-ca-cữu:

"Hãy thôi đi!"

Ba lần nói như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma-la-ca-cữu:

"Bây giờ, Ta hỏi ngươi, cứ tùy ý mà đáp lời của Ta."

Phật bảo Ma-la-ca-cữu:

"Nếu đối với sắc mà mắt chưa từng thấy, ngươi sẽ muốn thấy. Ở nơi sắc này ngươi có khởi lên dục, khởi lên ái, khởi niệm, khởi nhiễm trước

---

[36] *Pāli, S. 35. 95. Saṅgayha.*

[37] *Ma-la-ca-cữu 摩羅迦舅。Pāli: Mālukyaputta.*

không?"

Ma-la-ca-cữu đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Tai đối với âm thanh, mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp cũng nói như vậy."

Phật bảo Ma-la-ca-cữu:

"Lành thay! Này Ma-la-ca-cữu, thấy, do thấy giới hạn; nghe, do nghe giới hạn[38]; cảm giác, do cảm giác giới hạn; nhận thức, do nhận thức giới hạn."

Và Phật nói bài kệ:

Nếu ngươi chẳng phải kia,
Kia cũng chẳng phải đây,
Cũng chẳng giữa hai bên,
Thì đây là mé khổ[39].

Ma-la-ca-cữu bạch Phật:

"Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ."

Phật bảo Ma-la-ca-cữu:

"Ngươi hiểu thế nào về cái nghĩa rộng rãi của pháp mà Ta đã nói lược?"

Ma-la-ca-cữu trình lên Phật bài kệ:

"Nếu mắt đã thấy sắc,
Mà mất đi chánh niệm,
Thì đối sắc được thấy,
Giữ lấy tướng yêu nhớ.
Người giữ tướng yêu thích,
Tâm thường bị vướng mắc,
Khởi lên các thứ ái,
Vô lượng sắc tập sanh.
Tham dục, nhuế, hại, giác,
Khiến tâm mình sụt giảm,
Nuôi lớn thêm các khổ,
Vĩnh viễn lìa Niết-bàn.

---

38. Kiến dĩ kiến vi lượng 見以見爲量。Pāli: diṭṭhe diṭṭhamattaṃ bhavissati, sẽ chỉ thấy nơi cái được thấy.

39. Pāli: tato tvaṃ, mākukyaputta, nevidha, nahuraṃ na ubhayam antarena. Esevanto dhussà'ti, vì vậy, Māluhyaputta, ngươi đời này không có, đời sau không có, giữa hai đời không có. Đây chính là chỗ tận cùng sự khổ.

Thấy sắc chẳng chấp tướng,
Tâm mình theo chánh niệm,
Không nhiễm ái, ác tâm,
Cũng chẳng sanh hệ lụy.
Không khởi lên các ái,
Vô lượng sắc tập sinh,
Tham dục, nhuế, hại, giác,
Chẳng thể hại tâm mình.
Ít nuôi lớn các khổ,
Lần lượt gần Niết-bàn.
Đấng Nhật Tôn đã nói,
Lìa ái, đạt Niết-bàn.
Nếu tai nghe các tiếng,
Tâm mất đi chánh niệm,
Cứ giữ tướng âm thanh,
Giữ chặt mà không xả.
Mũi, hương, lưỡi thưởng vị,
Thân, xúc, ý nhớ pháp,
Quên mất đi chánh niệm,
Giữ tướng cũng như vậy;
Tâm mình sanh yêu thích,
Buộc đắm bám vững chắc,
Khởi lên các thứ ái,
Vô lượng pháp tập sanh,
Tham dục, nhuế, hại, giác,
Sụt giảm hại tâm mình,
Nuôi lớn các tụ khổ,
Vĩnh viễn lìa Niết-bàn.
Chẳng nhiễm nơi các pháp,
Chánh trí, trụ chánh niệm,
Tâm mình chẳng nhiễm ô,
Lại cũng không thích đắm,
Chẳng khởi lên các ái,
Vô lượng pháp tập sanh,
Tham, sân, nhuế, hại, giác,
Chẳng lui giảm tâm mình,
Các khổ theo đó giảm,
Dần dần gần Niết-bàn.

Ái tận, Bát-niết-bàn,
Thế Tôn đã nói thế.

"Đó gọi là giải rộng nghĩa của pháp Phật đã lược nói."

Phật bảo Ma-la-ca-cữu:

"Thật sự ngươi đã giải thích rộng nghĩa của nó đối với pháp Ta đã nói lược. Vì sao? Vì như ngươi đã nói kệ:

Nếu mắt thấy các sắc,
Quên mất đi chánh niệm,
Thì đối sắc được thấy,
Giữ lấy tướng ái niệm.

Như trên, nói đầy đủ chi tiết.

Tôn giả Ma-la-ca-cữu, sau khi nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ, làm lễ rồi đi.

Sau khi, Tôn giả Ma-la-ca-cữu đã giải thích rộng nghĩa của nó, đối với pháp Thế Tôn đã nói lược, rồi một mình ở chỗ vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung,… cho đến thành A-la-hán, tâm được giải thoát.

□

Kinh 313. Kinh pháp[40]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có kinh pháp, mà các Tỳ-kheo sùng kính, hướng tới; tuy đối với kinh pháp, khác tín tâm, khác sở thích, khác sở văn, khác tư duy sở hành, khác kiến giải thẩm sát và nhẫn khả[41], nhưng có thể bằng chánh trí mà nói rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

---

40. Pāli, S. 35. 152. Atthinukhopariyāya.

41. Pāli: atthi nu kho, bhikkhave, pariyāyo yaṃ pariyāyaṃ āgamma bhikkhu aññatreva saddhāya aññatra ruciyā, aññatra anussavà, aññatra ākāraparivitakkà aññatra diṭṭhinijjhānakkhantiyā aññanaṃ vyākāreyya: khīṇā jāti…, có pháp môn nào, mà y trên pháp môn đó, chứ không y nơi tín tâm, không y theo sở thích, không y nơi sự học hỏi, không y nơi luận biện, y nơi sự đam mê suy lý huyền tưởng, mà Tỳ-kheo có thể tuyên bố: "sự sanh đã dứt".

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của mắt pháp, là sở y của pháp. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Ngài nói rộng thêm; các Tỳ-kheo sau khi nghe sẽ y theo lời dạy mà thực hành."

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe kỹ và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, khi mắt đã thấy sắc rồi, có nhận biết sắc nhưng không cảm giác tham đối với sắc, vị ấy biết như thật rằng: 'Ta trước kia có tham đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Nhưng hiện tại không có tham đối với sắc được nhận thức bởi mắt.' Nếu Tỳ-kheo nào mắt đã thấy sắc rồi, có nhận biết sắc nhưng không khởi tham đối với sắc, vị ấy biết như thật rằng: 'Ta trước kia có tham đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Nhưng hiện tại không có tham đối với sắc được nhận thức bởi mắt.' Các ông nghĩ sao? Ở đây, người này có tín, có sở thích, có sở văn, có tư duy sở hành, có kiến giải thẩm sát và nhẫn khả không?[42]"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, có như vậy[43]."

"Quy hướng trên pháp này, thì có biết như thật bằng chánh trí những điều sở tri sở kiến ấy chăng?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng như vậy."

"Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý… pháp cũng nói như vậy."

"Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có kinh pháp, mà các Tỳ-kheo sùng kính, hướng tới. Tuy đối với kinh pháp này, khác tín tâm, khác sở thích, khác sở văn, khác tư duy sở hành, khác kiến giải thẩm sát và nhẫn khả, nhưng có thể bằng chánh trí mà nói rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

[42] Pāli: api nume bhikkhave dhammā saddhāya và viditabbà, ruciyā và veditabbà... No hetam bhante, những pháp này có phải được do bởi có tín, do bởi có sở thích...? Bạch Thế Tôn, không.

[43] Bản Pāli: trả lời "không phải".

Kinh 314. Đoạn dục[44]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy đoạn dục. Sau khi đã đoạn trừ dục nơi mắt, mắt cũng được đoạn tận, được biến tri, cắt đứt gốc rễ của nó, như chặt đầu cây đa-la, ở đời vị lai vĩnh viễn không tái sanh nữa. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 315. Nhãn sanh[45]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu mắt sanh khởi, đình trú, chuyển sanh, xuất hiện, thì khổ sanh khởi, bệnh đình trú, già, chết xuất hiện. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Nếu mắt diệt tận, thì khổ sanh cũng diệt, bệnh dứt, (già) chết biến mất. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 316. Nhãn vô thường

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Mắt là vô thường. Nếu mắt là thường thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách và cũng có thể nói: 'Đối với con mắt ta muốn nó phải như thế này, hay không muốn nó phải như thế này.' Nhưng vì mắt là vô thường

---

44. Pāli, S. 27. 1. Cakkhu.

45. Pāli, S. 26. 1. Cakkhu.

nên mắt phải chịu khổ bức bách sanh ra và đối với mắt không thể muốn nó như thế này, hay không muốn nó như thế này. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 317. Nhãn khổ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Mắt là khổ. Nếu mắt là lạc, thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách; và đối với mắt có thể muốn nó phải được như thế này, hay không muốn nó phải như thế này. Nhưng vì mắt là khổ nên phải chịu khổ bức bách và đối với mắt không thể muốn nó phải như thế này, hay không muốn nó phải như thế này. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 318. Nhãn phi ngã

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Mắt chẳng phải ngã. Nếu mắt là ngã thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách và đối với mắt có thể muốn nó phải được như thế này, hay không muốn nó phải như thế này. Nhưng vì mắt chẳng phải là ngã, nên phải chịu khổ bức bách và đối với mắt không thể muốn nó phải như thế này, hay không muốn nó phải như thế này. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như ba kinh Nội lục nhập xứ, ba kinh Ngoại lục nhập xứ cũng nói như vậy.

Kinh 319. Nhất thiết[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi chào đón hỏi thăm nhau, ngồi một bên bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, nói rằng 'tất cả', vậy thế nào là tất cả?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Tất cả, nghĩa là chỉ cho mười hai nhập xứ, mắt đối với sắc, tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc chạm, ý đối với pháp, đó gọi là tất cả. Nếu có người lại nói rằng: 'Đó không phải là tất cả, mà Sa-môn Cù-đàm nói là tất cả. Nay ta bỏ tất cả này mà lập riêng tất cả khác,' thì người này chỉ nói trên ngôn thuyết. Nếu hỏi đến thì họ lại không biết và chỉ tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới ấy."

Bà-la-môn Sanh Văn nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 320. Nhất thiết hữu[47]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi cùng Phật chào hỏi xong, ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Cù-đàm, Ngài nói tất cả đều có[48], vậy thế nào là tất cả đều có?"

Phật bảo Bà-la-môn Sanh Văn:

"Nay Ta hỏi, ông cứ tùy ý mà trả lời câu hỏi của Ta. Này Bà-la-môn, ý ông thế nào, mắt là có chăng?"

Đáp: "Bạch Sa-môn Cù-đàm, có."

"Sắc là có chăng?"

Đáp: "Bạch Sa-môn Cù-đàm, có."

---

46. Pāli, S. 35. 23. Sabba.

47. Pāli, như kinh trên; nhưng nội dung không hoàn toàn tương đồng. Hình như kinh này riêng biệt của Hữu bộ, là cơ sở giáo lý về chủ trương "Nhất thiết hữu". Chú thích của Ấn Thuận.

48. Nhất thiết hữu 一切有。

"Này Bà-la-môn, vì có sắc, có nhãn thức, có nhãn xúc, nên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc chăng?"

Bà-la-môn Sanh Văn đáp:

"Bạch Sa-môn Cù-đàm, có."

"Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Nói rộng ra như trên cho đến chẳng phải cảnh giới ấy."

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đứng lên từ giã.

Kinh 321. Nhất thiết

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi cùng Phật chào hỏi xong, ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Sa-môn Cù-đàm, nói là tất cả pháp, vậy thế nào là tất cả pháp?"

Phật bảo Bà-la-môn Sanh Văn:

"Mắt, sắc, nhãn thức sanh ra nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý… pháp, ý thức sanh ra ý xúc; ý xúc làm hân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc, đó gọi là tất cả pháp. Nếu có người lại nói: 'Ở đây không phải là tất cả các pháp, như Sa-môn Cù-đàm nói là tất cả pháp. Nay ta bỏ tất cả pháp này mà lập riêng tất cả pháp khác,' thì người ấy chỉ nói trên ngôn thuyết, nếu hỏi đến thì lại không biết, chỉ tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới ấy."

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như ba kinh Bà-la-môn Sanh Văn đã hỏi, ba kinh có Tỳ-kheo khác hỏi và ba kinh Tôn giả A-nan hỏi, ba kinh Đức Thế Tôn nói về pháp nhãn, pháp căn, pháp y cũng dạy như trên.

Kinh 322. Nhãn nội nhập xứ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như lời Thế Tôn đã dạy, mắt là nội nhập xứ, Thế Tôn chỉ nói lược, không phân biệt đầy đủ. Vậy thế nào mắt là nội nhập xứ?"

Phật bảo Tỳ-kheo này:

"Mắt là nội nhập xứ, là tịnh sắc do bốn đại tạo, không thể thấy, có đối ngại[49]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý nội nhập xứ cũng nói như vậy."

Lại bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như lời Thế Tôn đã dạy, ý là nội nhập xứ, nhưng không phân biệt rộng. Vậy thế nào ý là nội nhập xứ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ý nội nhập xứ là tâm, ý, thức, phi sắc, không thể thấy, không đối ngại, thì đó gọi là ý nội nhập xứ."

Lại hỏi:

"Như lời Đức Thế Tôn đã dạy về sắc ngoại nhập xứ, Thế Tôn nói lược, không phân biệt đầy đủ. Vậy bạch Thế Tôn, thế nào là sắc ngoại nhập xứ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Sắc ngoại nhập xứ, là sắc do bốn đại tạo, có thể thấy, có đối ngại. Đó gọi là sắc ngoại nhập xứ."

Lại hỏi Phật:

"Thế Tôn nói thanh là ngoại nhập xứ, nhưng không phân biệt đầy đủ. Vậy thế nào thanh là ngoại nhập xứ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nếu thanh do bốn đại tạo, không thể thấy, nhưng có đối ngại. Như thanh, mùi vị cũng như vậy."

Lại hỏi:

"Thế Tôn đã nói về xúc ngoại nhập xứ, nhưng không phân biệt đầy đủ, vậy thế nào là xúc ngoại nhập xứ?"

---

[49]. Vô kiến, hữu đối 無見有對。Quan điểm về nội xứ của Hữu bộ. Xem Câu-xá luận 1 và 2.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Xúc ngoại nhập xứ, là bốn đại và sắc do tứ đại tạo, không thể thấy, nhưng có đối ngại. Đó gọi là xúc ngoại nhập xứ."

Lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, Ngài chỉ nói pháp ngoại nhập xứ, chứ không phân biệt đầy đủ?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Pháp ngoại nhập xứ là những pháp không gồm trong mười một loại nhập xứ này, không thể thấy, không đối ngại. Đó gọi là pháp ngoại nhập xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 323. Lục nội nhập xứ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu nội nhập xứ, là mắt nội nhập xứ và tai, mũi, lưỡi, thân, ý nội nhập xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 324. Lục ngoại nhập xứ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu ngoại nhập xứ. Vậy thế nào là sáu ngoại nhập xứ? Sắc ngoại nhập xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp ngoại nhập xứ. Đó gọi là sáu ngoại nhập xứ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 325. Lục thức thân

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu thức thân. Đó là nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. Đó gọi là sáu thức thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Kinh 326. Lục xúc thân

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu xúc thân. Đó là nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân. Đó là sáu xúc thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 327. Lục thọ thân

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thọ thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra thọ và tai mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra thọ. Đó gọi là sáu thọ thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 328. Lục tưởng thân

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu tưởng thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra tưởng và tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra tưởng. Đó gọi là sáu tưởng thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Kinh 329. Lục tư thân

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu tư thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra tư và tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra tư. Đó gọi là sáu tư thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 330. Lục ái thân

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có sáu ái thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra ái và tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra ái. Đó gọi là sáu ái thân."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 331. Lục cô niệm

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thứ luyến nhớ[50]. Đó là luyến nhớ sắc, luyến nhớ thanh, luyến nhớ hương, luyến nhớ vị, luyến nhớ xúc, luyến nhớ pháp. Đó gọi là

[50] *Lục cố niệm* 六顧念。

sáu thứ luyến nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Kinh 332. Lục phú

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có sáu thứ che đậy[51]. Đó là sắc hữu lậu giữ tâm che đậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp hữu lậu giữ tâm che đậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 333. Vô thường[52]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Mắt quá khứ, vị lai là vô thường, huống chi là mắt hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, chẳng luyến tiếc mắt quá khứ, chẳng hân hoan mắt vị lai, đối với mắt hiện tại sanh ra nhàm tởm, ly dục, hướng đến diệt tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.”

Như vô thường, thì khổ, không, vô ngã cũng nói như vậy.

Như bốn kinh Nội nhập xứ, bốn kinh Ngoại nhập xứ cũng nói như vậy.

Kinh 334. Hữu nhân hữu duyên hữu phược pháp

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay, Ta sẽ nói pháp cho các Tỳ-kheo, ban đầu, khoảng giữa, sau

---

[51] *Lục phú* 六覆。

[52] *Pāli, S. 35. 7-12. Anicca, v.v...*

cùng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Đó là kinh có nhân, có duyên, có pháp hệ phược.

"Thế nào là kinh có nhân, có duyên, có pháp hệ phược? Mắt có nhân, có duyên, có hệ phược. Những gì là nhân của mắt, là duyên của mắt, là hệ phược của mắt? Đó là, nghiệp là nhân, nghiệp là duyên, nghiệp là hệ phược của mắt.

"Nghiệp có nhân, có duyên, có hệ phược. Những gì là nhân của nghiệp, là duyên của nghiệp, là hệ phược của nghiệp? Ái là nhân của nghiệp, ái là duyên của nghiệp, ái là hệ phược của nghiệp.

"Ái có nhân, có duyên, có hệ phược. Những gì là nhân của ái, là duyên của ái, là hệ phược của ái? Vô minh là nhân của ái, vô minh là duyên của ái, vô minh là hệ phược của ái.

"Vô minh có nhân, có duyên, có hệ phược. Những gì nhân của vô minh, là duyên của vô minh, là hệ phược của vô minh? Không tư duy đúng là nhân, không tư duy đúng là duyên, không tư duy đúng là hệ phược của vô minh.

"Không tư duy đúng có nhân, có duyên, có hệ phược. Những gì là nhân của không tư duy đúng? là duyên của không tư duy đúng, là hệ phược của không tư duy đúng? Do mắt thấy sắc không tư duy đúng nên sanh ra si mê. Sự ngu si ấy là vô minh. Dục cầu si mê gọi là ái. Hành vi do ái tạo tác nên gọi là nghiệp.

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, không tư duy đúng là nhân của vô minh. Vô minh là nhân của ái. Ái là nhân của nghiệp. Nghiệp là nhân của mắt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đó gọi là kinh có nhân, có duyên, có pháp hệ phược."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

□

Kinh 335. Đệ nhất nghĩa không

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay, Ta sẽ vì các ông mà nói pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng

đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch, đó là kinh Đệ nhất nghĩa không. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Thế nào là kinh Đệ nhất nghĩa không? Này các Tỳ-kheo, khi mắt sanh thì nó không có chỗ đến; lúc diệt thì nó không có chỗ đi. Như vậy mắt chẳng thật sanh, sanh rồi diệt mất; có nghiệp báo mà không tác giả. Ấm này diệt rồi, ấm khác tương tục, trừ pháp tục số[53]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy, trừ pháp tục số.

"Pháp tục số, tức là nói, cái này có thì cái kia có, cái này khởi thì cái kia khởi, như vô minh duyên hành, hành duyên thức, nói chi tiết đầy đủ cho đến thuần một khối khổ lớn tập khởi. Lại nữa, cái này không thì cái kia không, cái này diệt thì cái kia diệt, vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt. Như vậy, nói rộng cho đến thuần một khối khổ lớn tụ diệt.

"Này các Tỳ-kheo, đó gọi là kinh Đệ nhất nghĩa không."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 336. Lục hỷ hành

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu hỷ hành[54]. Đó là: Này các Tỳ-kheo, nếu ngay khi thấy sắc, hỷ tiến hành nơi sắc xứ ấy. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý tiếp xúc pháp trần, khi ấy hỷ tiến hành nơi pháp xứ hành này. Các Tỳ-kheo gọi đó là sáu hỷ hành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

53. Tục số pháp, tức pháp nói theo tục đế.

54. Lục hỷ hành 六喜行, Tập Dị Môn Túc Luận 15: sáu hỷ cận hành. Pāli, D. 33. Saṅgīti, cha somanassūpavicārā: cakkhunà rūpaṃ disvà somanassaṭhāniyaṃ rūpaṃ upavicarati, sau khi nhận thức sắc bằng con mắt vị ấy tư niệm (đi sát, tiếp cận) sắc tùy thuận với hỷ.

Kinh 337. Lục ưu hành

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu ưu hành[55]. Đó là, này các Tỳ-kheo, nếu mắt thấy sắc, mà ưu tiến hành nơi sắc xứ đó. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà ưu tiến hành nơi pháp xứ này, các Tỳ-kheo gọi đó là sáu ưu hành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 338. Lục xả hành

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu xả hành[56]. Đó là, này các Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc, xả tiến hành nơi sắc xứ này. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp cũng vậy, xả tiến hành nơi pháp xứ này, thì đó gọi là sáu hành xả của Tỳ-kheo."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 339. Lục thường hành (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thường hành[57]. Đó là, nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, mà an trụ

---

55. Lục ưu hành 六憂行; cũng nói là sáu ưu cận hành; sđd. như kinh trên.

56. Sáu xả hành, hay sáu xả cận hành, xem sđd. như kinh 315 trên.

57. Sáu thường hành, cũng nói là sáu hằng trú; xem Tập Dị Môn Túc Luận 15. Pāli, D. 33. Saṅgīti, cha satata-vihārā: bhikkhu cakkhunà rūpaṃ disvà n'eva sumano hoti na dummano upekkho viharati sato sampajāno, Tỳ-kheo khi thấy sắc bởi mắt mà không

với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí, thì đó gọi là sáu thường hành của Tỳ-kheo."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 340. Lục thường hành (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thường hành. Đó là, nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí.

"Tỳ-kheo thành tựu sáu thường hành này, là điều thế gian khó làm được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 341. Lục thường hành (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có sáu thường hành. Đó là, nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí.

"Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu pháp thường hành này, là điều thế gian khó làm được, thì người này đáng được phụng sự, cung kính, cúng

---

khoái ý cũng không bất mãn nhưng an trụ xả với chánh niệm chánh trí.

dường, là ruộng phước vô thượng của thế gian.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 342. Lục thường hành (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có sáu thường hành. Đó là, nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí.

“Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu được sáu pháp thường hành này, thì nên biết đó là Xá-lợi-phất v.v… Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khi mắt thấy sắc, an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí.

“Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thành tựu sáu pháp thường hành mà thế gian khó làm được, nên xứng đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng của thế gian.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

TẠP A-HÀM QUYỂN 14

Kinh 343. Phù-di[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Tỳ-kheo Phù-di[2] ở tại núi Kỳ-xà-quật. Lúc ấy có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả Phù-di, cùng chào hỏi và chúc tụng nhau. Sau khi chào hỏi và chúc tụng nhau, rồi ngồi qua một bên, nói với Tôn giả Phù-di:

"Chúng tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ giải đáp cho không?"

Tôn giả Phù-di bảo các xuất gia ngoại đạo:

"Tùy theo những gì các vị hỏi, tôi sẽ trả lời các vị."

Lúc ấy, chúng xuất gia ngoại đạo hỏi Tôn giả Phù-di:

"Khổ lạc có phải là do tự tác không?"[3]

Tôn giả Phù-di đáp:

"Này các vị xuất gia ngoại đạo, nói 'khổ lạc là do tự tác'; điều này Đức Thế Tôn bảo, 'Ta không khẳng định[4] '."

Lại hỏi:

"Khổ lạc có phải là do tha nhân tác không?"

Đáp:

"Khổ lạc là do tha nhân tác; điều này Đức Thế Tôn bảo 'Ta không khẳng định'."

Lại hỏi:

"Khổ lạc có phải là do vừa tự vừa tha nhân tác không?"

---

1. Pāli, S. 12. 24. Aññatitthiyā; 25. Bhùmija.

2. Phù-di 浮彌。Pāli: Bhùmija, lúc bấy giờ ở tại Sāvatthi (S. 12. 25).

3. Pāli: sayaṃkataṃ dukkhaṃ, khổ do tự mình tạo ra.

4. Hán: ký thuyết 記說。

Đáp:

"Khổ lạc là do vừa tự vừa tha nhân tác; những điều này Đức Thế Tôn bảo 'Ta không khẳng định'."

Lại hỏi:

"Khổ lạc có phải là chẳng phải vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo không?"

Đáp:

"Khổ lạc là chẳng vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo, những điều này Đức Thế Tôn bảo 'Ta không khẳng định.'"

Chúng xuất gia ngoại đạo lại hỏi:

"Thế nào, Tôn giả Phù-di, khi chúng tôi hỏi có phải khổ lạc là do tự tác; thì bảo là không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải do tha nhân tác, thì bảo rằng không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải là do vừa tự vừa tha nhân tác, thì bảo rằng không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải là chẳng vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo, thì bảo rằng không khẳng định. Vậy hiện tại Sa-môn Cù-đàm nói khổ lạc được sanh ra như thế nào?"

Tôn giả Phù-di đáp:

"Này chúng xuất gia ngoại đạo, Đức Thế Tôn bảo khổ lạc được sanh ra từ duyên khởi."

Lúc ấy chúng xuất gia ngoại đạo nghe những gì Tôn giả Phù-di nói, tâm không hoan hỷ, chỉ trích, rồi bỏ ra đi.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách chỗ Tôn giả Phù-di không xa, đang ngồi dưới bóng cây. Lúc ấy Tôn giả Phù-di biết chúng xuất gia ngoại đạo đã đi rồi, mới đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, hai vị cùng chào hỏi và chúc tụng nhau. Sau khi chúc tụng rồi, Tôn giả đem những câu hỏi của chúng xuất gia ngoại đạo trình lại đầy đủ cho Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi đã giải đáp như vậy, không mắc tội hủy báng Đức Thế Tôn chăng? Nói như thuyết chăng? Nói như pháp chăng? Nói tùy thuận pháp, hành pháp chăng? Không bị những người khác nhân nơi luận pháp đến nạn vấn chỉ trích chăng?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Này Tôn giả Phù-di, những điều thầy nói là đúng như lời Phật dạy, không hủy báng Như Lai, nói như những gì Phật đã nói, nói như pháp, pháp hành, pháp thuyết, không bị những người khác nhân nơi luận nghĩa, mà đến cật vấn, quở trách. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn dạy khổ lạc được sanh ra từ duyên khởi.

"Tôn giả Phù-di, những gì các Sa-môn, Bà-la-môn kia hỏi về khổ lạc là do tự tác, điều này cũng sanh ra từ duyên khởi. Nếu bảo rằng chúng không sanh ra từ duyên khởi, điều này không thể có được. Khổ lạc là do tha nhân tác, do tự tha tác, cũng chẳng phải do tự chẳng phải do tha tác, hay bảo là vô duyên tạo, chúng cũng đều sanh ra từ duyên khởi. Nếu bảo không phải sanh ra từ duyên khởi, điều này không thể có được.

"Tôn giả Phù-di, những gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn kia nói về khổ lạc là do tự tác, chúng cũng duyên xúc mà sanh ra; nếu bảo là chúng không sanh ra từ xúc, điều này không thể có được. Khổ lạc là do tha tạo, là do tự tha nhân tác, do tự tha tác, cũng chẳng phải do tự chẳng phải do tha tác, vô nhân tác, chúng cũng duyên vào xúc mà sanh ra. Nếu bảo không phải sanh ra từ xúc, điều này không thể có được."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang ngồi dưới bóng cây cách Tôn giả Xá-lợi-phất không xa, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả Phù-di bàn luận những việc như vậy. Sau khi nghe, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem những lời bàn luận giữa Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả Phù-di bạch một cách đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Phật bảo A-nan:

"Lành thay! Lành thay! A-nan, Tôn giả Xá-lợi-phất có người đến hỏi, đã có thể tùy thời mà đáp. Lành thay! Vì Xá-lợi-phất là người có trí ứng phó kịp thời, nên có người đến hỏi, liền có thể tùy thời mà giải đáp. Hàng Thanh văn của Ta nếu gặp có người hỏi, thì cũng nên tùy thời mà đáp như cách Xá-lợi-phất đã nói.

"Này A-nan, trước đây khi Ta ở trong núi tại Tiên nhân trú xứ, thành Vương xá, bấy giờ có chúng xuất gia ngoại đạo đã đem ý vị như vậy, văn cú như vậy, nghĩa lý như vậy đến hỏi Ta. Ta vì họ mà đem ý vị thế này, văn cú thế này, nghĩa lý thế này nói cho họ, giống như những gì Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói.

"A-nan, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng khổ lạc là do tự tác, Ta liền đến hỏi họ: 'Thật sự các vị có nói khổ lạc là do tự tác không?' Họ đáp: 'Tôi nói như vậy' Ta liền nói với họ: 'Các vị có thể chấp chặt lấy nghĩa này cho đây là chân thật, còn những gì khác đều là ngu dối. Ta không chấp nhận như vậy. Vì sao? Vì Ta nói sự sanh khởi của khổ lạc khác hẳn với điều này.' Nếu họ hỏi Ta: 'Cù-đàm nói sự sanh khởi của khổ lạc là khác như thế nào?' Ta đáp: 'Khổ lạc sanh ra từ duyên khởi.' Cũng

vậy nếu họ nói: 'Khổ lạc là do tha nhân tác, do tự tha tác, chẳng phải do tự, chẳng phải do tha, vô nhân tạo, Ta cũng đến chỗ họ nói như trên.'"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Như nghĩa lý Thế Tôn vừa nói, con đã hiểu. Có sanh nên có già chết, chẳng phải duyên nào khác mà có sanh nên có già chết. Cho đến vì vô minh nên có hành, chẳng phải duyên nào khác mà có vô minh nên có hành. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não cũng diệt; và thuần một khối khổ lớn diệt."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 344. Câu-hi-la[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đang ở tại núi Kỳ-xà-quật. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, Tôn giả Câu-hi-la đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau chào hỏi. Sau khi chào hỏi, ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có điều muốn hỏi. Tôn giả có rảnh để giải đáp cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Nhân giả cứ hỏi. Nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đa văn Thánh đệ tử, ở trong pháp luật này, thành tựu pháp nào để gọi là có đầy đủ chánh kiến[6], thành tựu được trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật[7], thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này?"

---

5. Tham chiếu, Trung A-hàm kinh 9; Pāli, M. 9. Sammadiṭṭhi.

6. Pāli (M.9): Kittavatā nu kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, cho đến mức nào Thánh đệ tử có chánh kiến.

7. Pāli: dhamme aveccappasādena samannāgato, thành tựu bất hoại tín ở trong pháp. Bất hoại tín, hay bất động tín, cũng nói là chứng tịnh (Pāli: aveccapasāda). Có bốn chứng tịnh, được gọi là bốn thành phần của Dự lưu quả: Phật chứng tịnh, Pháp chứng tịnh, Tăng chứng tịnh, Thánh giới chứng tịnh. Xem Trường A-hàm kinh 7; Pāli, D. 33. Saṅgīti: cattāri sotāpannassa aṅgāni, (...) buddhe aveccapasādena samannāgato hoti (……..), dhamme... saṅghe... ariya-kantehi sīlehi samannāgato hoti.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với pháp bất thiện, biết như thật bất thiện căn, biết như thật thiện pháp, biết như thật thiện căn.

"Thế nào là biết như thật pháp bất thiện? Các nghiệp chẳng lành của thân, miệng, ý; đó gọi là pháp bất thiện. Biết như thật pháp bất thiện là như vậy.

"Thế nào là biết như thật bất thiện căn? Ba căn chẳng lành, tham là gốc (căn) chẳng lành, sân là gốc chẳng lành, si là gốc chẳng lành; đó gọi là bất thiện căn. Biết như thật bất thiện căn là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về thiện pháp? Các nghiệp lành của thân, miệng, ý; đó gọi là thiện pháp. Biết như thật về thiện pháp là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về thiện căn? Ba căn lành không tham, không sân, không si; đó gọi là ba thiên căn. Biết như thật về thiện căn là như vậy.

"Này Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, như vậy, đa văn Thánh đệ tử biết như thật pháp bất thiện, biết như thật pháp thiện, biết như thật căn bất thiện, biết như thật về thiện pháp, biết như thật về thiện căn; cho nên ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có những pháp này, hay ngoài ra còn có pháp nào khác?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, về sự diệt tận của thức ăn, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn.

"Thế nào là biết như thật về thức ăn? Có bốn loại thức ăn; đó là: Một là thức ăn nắm thô, hai là thức ăn tế xúc, ba là thức ăn bởi ý tư và bốn là thức ăn của thức[8]; đó gọi là thức ăn. Biết như thật về thực là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia[9];

---

8. Bốn loại thức ăn, hay tứ thực: thô đoàn thực, tế xúc thực, ý tư thực, thức thực 粗摶食 細觸食意思食識食。Pāli: cattaro āhārā; kabaliṭko āhāro oḷāriko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, mano-sañcetanā tatiyā, viññāṇaṃ catutthaṃ.

9. Bỉ bỉ lạc trước 彼彼樂著: ham muốn đời sau ta sẽ sanh chỗ này, chỗ kia. Pāli:

đó gọi là sự tập khởi của thức ăn. Biết như thật về sự tập khởi của thực là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thảy đều dứt bỏ không còn sót, xả bỏ, nhả ra, đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; đó gọi là sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về sự diệt tận của thức ăn là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn? Tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định; đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn là như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, biết như thật về sự diệt tận của thức ăn, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn; cho nên đa văn Thánh đệ tử ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có những pháp này, hay còn có những pháp nào khác?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Lại còn có những pháp khác. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về lậu[10], biết như thật về sự tập khởi của lậu, biết như thật về sự diệt tận của lậu, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu.

"Thế nào là biết như thật về lậu? Có ba thứ lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu[11], đó gọi là lậu. Phải biết như thật về sự hiện hữu của lậu là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của lậu? Vô minh tập khởi là lậu tập khởi. Biết như thật về sự tập khởi của lậu là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của lậu? Vô minh diệt là lậu diệt. Biết như thật về sự diệt tận của lậu là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu?

---

tatratatrābhinandì (S. iii. 158).

[10]. Trong bản, bệnh 病。Theo nội dung trả lời dưới, sửa lại là lậu 漏。

[11]. Ba thứ lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu 欲漏有漏無明漏; xem Trường A-hàm kinh 7. Pāli, D. 33. Saṅgīti, tayo āsavā: kāmāsavo, bhavāsavo, avijjāsavo.

Tám Thánh đạo *(nói như trên)*. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu là như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về lậu, biết như thật về sự tập khởi của lậu, biết như thật về sự diệt tận của lậu, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu; cho nên đa văn Thánh đệ tử ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có những pháp này, hay còn có những pháp nào khác?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Cũng có những pháp khác nữa. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về khổ, biết như thật về sự tập khởi của khổ, biết như thật về sự diệt tận của khổ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ.

"Thế nào là biết như thật về khổ? Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái xa lìa là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, mong muốn không được là khổ. Như vậy, nói tóm, năm thọ ấm là khổ; đó gọi là khổ. Biết như thật về khổ là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của khổ? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia; đó gọi là sự tập khởi của khổ. Biết như thật về sự tập khởi của khổ là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của khổ? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thảy đều đoạn trừ, không còn sót, cho đến, tịch tĩnh; đó gọi là sự diệt tận của khổ. Biết như thật về sự diệt tận của khổ là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ? Tám Thánh đạo như đã nói ở trên. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ là như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về khổ, biết như thật về sự tập khởi của khổ, biết như thật về sự diệt tận của khổ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Như vậy Thánh đệ tử ở trong pháp luật này[12], có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất

[12] *Trong bản: "Trong pháp luật của Ta".*

hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có pháp này, còn có pháp nào khác nữa không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Còn có pháp khác. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về già chết, biết như thật về sự tập khởi của già chết, biết như thật về sự diệt tận của già chết, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như kinh Phân biệt đã nói ở trước.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của già chết? Sanh tập khởi thì già chết tập khởi, sanh diệt tận thì già chết diệt tận… Con đường đưa đến sự diệt tận của già chết là gồm tám Thánh đạo như trước đã nói. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với già chết này… cho đến, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như vậy Thánh đệ tử ở trong pháp luật này[13], có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

"Cũng vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành. Thánh đệ tử biết như thật về hành, sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

"Thế nào là biết như thật về hành? Hành có ba thứ: thân hành, khẩu hành và ý hành. Biết như thật về sự hiện hữu của hành là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Vô minh tập khởi thì hành tập khởi. Biết như thật về sự tập khởi của hành là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Vô minh diệt tận thì hành diệt tận. Biết như thật về sự diệt tận của hành là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Là tám Thánh đạo như trước đã nói.

"Này Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, đó gọi là Thánh đệ tử biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, biết như thật về sự diệt tận của hành, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành; trong pháp luật này[14], có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này,

---

13. Như cht. 12 trên.

14. Như cht.12 trên.

tỏ ngộ Chánh pháp này.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Chỉ có những pháp này, hay còn có pháp nào khác không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, thầy đuổi theo cái gì vậy, rốt cuộc rồi Thầy cũng không thể đến chỗ tột cùng của các luận thuyết, đạt đến biên tế của chúng được! Nếu Thánh đệ tử đã đoạn trừ vô minh và phát sanh minh trí, thì đâu cần tìm cầu gì nữa!”

Sau khi đàm đạo xong, hai vị Chánh sĩ mỗi người trở về trú xứ của mình.

□

Kinh 345. Tập sanh[15]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Như những gì Ta đã nói về những câu hỏi của A-dật-đa trong Ba-la-diên-da[16] bằng bài kệ:

Người đã thông pháp số[17],
Người thành các môn học[18],
Oai nghi, hạnh đầy đủ,
Vì con phân biệt nói.

“Này Xá-lợi-phất, học những gì? Những gì là pháp số[19]?”

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng, không đáp; lần thứ hai, lần thứ ba cũng im lặng.

Phật bảo:

---

15. Pāli, S. 12. 31. Bhūtaṃ; 32. Kaḷāra.

16. Ba-la-diên-da A-dật-đa sở vấn 波羅延耶阿逸多所問。Pāli: vuttaṃ, sāriputta, pārāyane ajitapañhe, điều đã được nói trong câu hỏi của Ajita trong (kinh) Pārayana (Suttanipāte pañcassa Pārāyanavagassa Ajitapañhā, Kinh tập bộ, phẩm Pārāyayana, những câu hỏi của Ajita).

17. Pháp số 法数。Pāli: sankhātadhamma, (người) đã truy cứu pháp, đã thấu hiểu pháp. Do saṭkhāta: được tính toán, nên Hán dịch là pháp số. Bản Ấn Thuận sửa lại là pháp giáo 法教，Quốc Dịch cũng vậy.

18. Pāli: ye ca sekkhā putthù idha, ở đây, những vị hữu học và các phàm phu.

19. Xem cht.17 trên.

"Xá-lợi-phất, thực thể[20]!"

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Thế Tôn, thực thể! Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đối với thực thể[21] mà nhàm tởm, ly dục, hướng đến diệt tận. Nó sanh khởi do tập khởi của thức ăn. Tỳ-kheo đối với thức ăn mà sanh nhàm tởm, ly dục, hướng đến diệt tận; đó gọi là thực thể diệt tận. Vị ấy, thức ăn diệt nên thực thể diệt, đã giác tri rồi, Tỳ-kheo này nhàm tởm, ly dục, hướng đến diệt tận. Đó gọi là học.

"Lại nữa, Xá-lợi-phất, thực thể!"

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Thế Tôn, thực thể! Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo đối với thực thể mà nhàm tởm, ly dục, diệt tận, chẳng khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát. Nó sanh khởi do tập khởi của thức ăn. Vị ấy, thức ăn diệt nên thực thể diệt, đã giác tri rồi, Tỳ-kheo này nhàm tởm, ly dục, diệt tận, chẳng khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát. Đó gọi là pháp số."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Đúng thế, đúng thế! Như Xá-lợi-phất nói, Tỳ-kheo đối với thực thể mà sanh ra nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đây gọi là pháp số."

Nói như vậy rồi, Thế Tôn đứng lên đi vào thất tọa thiền. Tôn giả Xá-lợi-phất biết Đức Thế Tôn đã đi, sau đó không lâu nói với các Tỳ-kheo:

"Chư vị, vì tôi không thể hiểu rõ câu hỏi đầu tiên của Đức Thế Tôn nên tôi im lặng. Sau một hồi, Đức Thế Tôn lại vì tôi hoan hỷ hỏi lại, tôi liền giải thích được nghĩa của nó như vậy. Giả sử Đức Thế Tôn trong một ngày một đêm hay cho đến bảy ngày đêm lại hỏi nghĩa này với những văn cú khác, ý vị khác thì tôi cũng có thể giải thích, nói rộng nghĩa này với những văn cú khác, ý vị khác suốt bảy ngày đêm."

Bây giờ, có một số Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói những điều kỳ đặc chưa từng có. Ở trong đại chúng đã nói lên tiếng rống con sư tử: 'Đối với câu hỏi đầu tiên của Đức Thế Tôn, tôi đã không thể trả lời, vì không thể hiểu

---

[20] Nguyên Hán: chân thật 眞實。Pāli: bhūtam idanti sāriputta passasī ti? Này Sāriputta, đây là sinh vật, ngươi có thấy chăng? Tiếng Phạm: bhūta, có nghĩa là chân thật (hình dung từ) và cũng có nghĩa là sinh vật (danh từ), chỉ các loài có sự sống hay mầm sống.

[21] Trong nghĩa này, Hán "chân thật" rõ ràng là sai. Xem cht. trên.

rõ, nên cho đến ba lần Ngài hỏi tôi đều im lặng, không đáp được. Sau đó Đức Thế Tôn lại đã vì tôi hoan hỷ hỏi lại, tôi liền giải thích được. Giả sử Đức Thế Tôn trong một ngày một đêm, hay cho đến suốt bảy ngày đêm, lại hỏi nghĩa lý của nó với những văn cú khác, ý vị khác, thì tôi có thể giải thích với văn cú khác, ý vị khác suốt bảy ngày đêm.'"

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Quả thật, nếu Ta một ngày một đêm, cho đến bảy ngày đêm, lại hỏi nghĩa lý của nó với những văn cú khác, ý vị khác, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, trong ý nghĩa những điều được hỏi, cũng có thể giải thích với câu khác, ý vị khác cho đến bảy ngày đêm. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khéo nhập vào pháp giới."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 346. Tam pháp[22]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba pháp mà thế gian không yêu thích, không nhớ nghĩ, không vừa ý. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Thế gian nếu không có ba pháp không đáng yêu thích, không đáng nhớ nghĩ, không vừa ý này thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở thế gian; thế gian cũng không biết có Chánh pháp luật được tri kiến và được tuyên thuyết bởi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Vì thế gian có ba pháp già, bệnh, chết, không đáng yêu thích, không đáng nhớ nghĩ và không vừa ý này, cho nên Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác mới xuất hiện ở thế gian; thế gian biết có Chánh pháp luật được tri kiến và được tuyên thuyết bởi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

"Vì ba pháp chưa đoạn nên không thể thoát khỏi già, bệnh, chết. Ba pháp đó là tham, nhuế, si.

"Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa tham, nhuế, si. Ba pháp đó là thân kiến, giới thủ, nghi.

---

[22] *Pāli, A. 10. 76. Tayodhamma.*

"Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được thân kiến, giới thủ, nghi. Ba pháp đó là không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác.

"Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác. Ba pháp đó là thất niệm[23], không chánh tri, loạn tâm.

"Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa thất niệm, không chánh tri, loạn tâm. Ba pháp đó là dao động[24], không luật nghi, chẳng học giới.

"Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa dao động, không luật nghi, chẳng học giới. Ba pháp đó là không tin, khó dạy, lười biếng.

"Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa không tin, khó dạy, lười biếng. Ba pháp đó là không muốn thấy bậc Thánh, chẳng muốn nghe pháp, thường hay tìm điều dở của người.

"Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể xa lìa không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, ưa tìm cầu điều dở của người. Ba pháp đó là không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu.

"Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu. Ba pháp đó là không tàm, không quý, buông lung. Vì ba pháp này không đoạn trừ nên không thể lìa được không cung kính, nói năng ngang trái, quen bạn xấu. Vì sao? Vì do không tàm, không quý nên buông lung; vì buông lung nên không cung kính; vì không cung kính nên quen theo bạn xấu; vì quen theo bạn xấu nên không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, hay ưa tìm điều dở của người; vì ưa tìm điều dở của người nên không tin, khó dạy, nói năng ngang trái, lười biếng; vì lười biếng nên dao động, không luật nghi, không học giới; vì không học giới nên thất niệm, không chánh tri, loạn tâm; vì loạn tâm nên không chánh tư duy, thân cận tà đạo, tâm biếng nhác; vì tâm biếng nhác nên thân kiến, giới thủ, nghi; vì nghi nên không lìa tham, nhuế, si; vì không lìa tham, nhuế, si nên không thể lìa được già, bệnh, chết.

"Nếu dứt được ba pháp này thì mới có thể lìa được già, bệnh, chết.

---

23. Thất niệm 失念, tức quên mất chánh niệm, xao lãng. Pāli: muṭṭhasacca.

24. Hán: điệu, bất luật nghi, bất học giới 掉不律儀不學戒。Pāli: uddhaccaṃ asaṃvaraṃ dusslīyaṃ, trạo cử, không phòng hộ, ác giới.

Ba pháp đó là tham, nhuế, si. Ba pháp này dứt rồi mới có thể lìa già, bệnh, chết.

"Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa được tham, nhuế, si. Ba pháp đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Vì dứt được ba pháp này nên có thể lìa được tham, sân, si.

"Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa thân kiến, giới thủ, nghi. Ba pháp đó là không chánh tư duy, thân cận tà đạo, khởi tâm biếng nhác. Vì dứt ba pháp này nên lìa thân kiến, giới thủ, nghi.

"Lại vì dứt ba pháp nên có lìa không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác. Ba pháp đó là thất niệm, không chánh tri, loạn tâm. Vì dứt ba pháp này nên lìa được không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác.

"Lại vì dứt được ba pháp này nên lìa được thất niệm, tâm không chánh tri, loạn tâm. Ba pháp đó là dao động, không luật nghi, phạm giới. Vì dứt ba pháp này nên lìa được thất niệm, tâm không chánh tri, loạn tâm.

"Lại vì dứt ba pháp nên lìa được dao động, chẳng luật nghi, phạm giới. Ba pháp đó là không tin, khó dạy, biếng nhác. Vì dứt được ba pháp này nên lìa được dao động, không luật nghi, phạm giới.

"Lại vì dứt được ba pháp nên lìa được chẳng tin, khó dạy, biếng nhác. Ba pháp đó là không muốn thấy bậc Thánh, không ưa nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Vì dứt ba pháp này nên có thể lìa được không tin, khó dạy, biếng nhác.

"Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa được tâm không muốn thấy bậc Thánh, không ưa nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Ba pháp đó là không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu. Vì dứt được ba pháp này nên lìa sự không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, ưa tìm điều dở của người.

"Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa chẳng cung kính, nói năng ngang ngược, tập theo bạn xấu. Ba pháp đó là không tàm, không quý, buông lung. Vì sao? Vì do tàm quý nên không buông lung. Vì không buông lung nên tâm cung kính, nói năng hòa nhã, làm thiện tri thức. Vì là thiện tri thức nên ưa thấy Hiền thánh, ưa nghe Chánh pháp, chẳng tìm điều dở của người. Vì chẳng ưa tìm điều dở của người nên sanh lòng tin, nói năng hòa nhã và tinh tấn. Vì tinh tấn nên không dao động, an trú trong luật nghi, học giới. Nhờ học giới nên không thất niệm, an trú chánh tri, chẳng loạn tâm. Nhờ không loạn tâm nên chánh tư duy, gần gũi chánh

đạo, tâm không biếng nhác. Nhờ tâm không biếng nhác nên không chấp trước thân kiến, không chấp trước giới thủ, vượt khỏi nghi hoặc. Nhờ chẳng nghi nên chẳng khởi tham, nhuế, si. Nhờ lìa tham, nhuế, si nên có thể dứt già, bệnh, chết."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 347. Tu-thâm[25]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có các quốc vương, đại thần, gia chủ, Bà-la-môn, cư sĩ và những người khác ở thế gian, cung kính tôn trọng, cúng dường; Phật và chúng Thanh văn được nhiều lợi dưỡng: y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men. Còn đối với các ngoại đạo tà giáo, họ hoàn toàn chẳng cung kính, tôn trọng, cúng dường các thứ y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men.

Bấy giờ, các ngoại đạo tụ tập tại giảng đường Vị tằng, bàn luận như vầy: 'Chúng ta từ trước đến nay, thường được nhà vua, đại thần, gia chủ, cư sĩ và tất cả những người khác phụng sự, cung kính, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men mà ngày nay lại bị dứt tuyệt. Họ chỉ cung kính, cúng dường Sa-môn Cù-đàm và đại chúng Thanh văn. Nay trong chúng này, ai là người có trí tuệ, là bậc đại sĩ, có thể lén đến trong chúng Sa-môn Cù-đàm, xuất gia, nghe pháp Sa-môn Cù-đàm, rồi trở về nói lại đầy đủ. Chúng ta sẽ dùng pháp được nghe đó để giáo hóa quốc vương, đại thần, gia chủ, cư sĩ khiến cho họ tin ưa, có thể họ sẽ trở lại cúng dường chúng ta như trước?' Lúc ấy có người lên tiếng:

"Có một thiếu niên tên là Tu-thâm[26], thông minh, có trí tuệ, có thể lén vào trong chúng Sa-môn Cù-đàm xuất gia, nghe pháp Cù-đàm xong rồi trở về trình bày lại."

Bấy giờ, các ngoại đạo đi đến chỗ Tu-thâm bảo rằng:

"Hôm nay chúng tôi tập hợp đại chúng tại giảng đường Vị tằng bàn luận như vầy: 'Từ trước đến nay chúng ta được nhà vua, đại thần, gia chủ,

---

25. Pāli, S. 12. 70. Susima.

26. Tu-thâm (niên thiếu) 須深。Pāli: Susima-paribbājaka, Susima, ngoại đạo xuất gia.

cư sĩ và những người khác cung kính, phụng sự, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men, nhưng ngày nay bỗng bị dứt tuyệt. Nhà vua, đại thần, gia chủ, cư sĩ và mọi người đều đua nhau phụng sự Cù-đàm và đại chúng Thanh văn. Trong đại chúng này ai là người thông minh, trí tuệ có thể lén đến trong chúng Sa-môn Cù-đàm xuất gia, học đạo, nghe pháp Sa-môn Cù-đàm rồi trở về nói lại và đem ra giáo hóa quốc vương, các đại thần, gia chủ, cư sĩ để chúng của ta trở lại được cung kính, tôn trọng cúng dường?' Trong chúng có người nói rằng: 'Chỉ có Tu-thâm thông minh trí tuệ, có thể lén đến trong pháp của Cù-đàm xuất gia học đạo, nghe Cù-đàm thuyết pháp chắc chắn có thể lãnh hội được để trở về nói lại.' Cho nên chúng tôi cùng nhau đến đây mời Nhân giả nên nhận lời đi."

Bấy giờ, Tu-thâm im lặng nhận lời, đi đến trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng, đi kinh hành ngoài đất trống. Tu-thâm liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Bạch các Tôn giả, nay con có thể được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu phạm hạnh không?"

Bấy giờ các Tỳ-kheo đưa Tu-thâm đi đến chỗ Đức Thế Tôn, thành kính đảnh lễ dưới chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay ngoại đạo Tu-thâm muốn cầu xin được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu phạm hạnh."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết rõ tâm niệm của Tu-thâm, nên bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông nên độ cho ngoại đạo Tu-thâm này được xuất gia."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo giúp cho Tu-thâm xuất gia, trải qua được nửa tháng. Một hôm có vị Tỳ-kheo nói với Tu-thâm[27]:

"Tu-thâm nên biết, chúng tôi đã chấm dứt sanh tử, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Tu-thâm bạch Tỳ-kheo:

"Bạch Tôn giả, thế nào, có phải học ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu Sơ thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?"

---

[27] Trong bản Pāli, Susima thấy thỉnh thoảng có nhiều Tỳ-kheo đến trước Thế Tôn tuyên bố chánh trí, tức tự xác nhận đã chứng quả A-la-hán (bhgavato santike aññā vyākatā hoti). Susima tò mò nên đi theo hỏi.

Tỳ-kheo đáp:

"Không phải vậy, Tu-thâm!"

Lại hỏi:

"Thế nào, có phải lìa có giác, lìa có quán, nội tịnh nhất tâm, không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu Nhị thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?"

Tỳ-kheo đáp:

"Không phải vậy, Tu-thâm!"

Lại hỏi:

"Thế nào, có phải lìa hỷ, an trụ tâm xả, có chánh niệm, chánh tri, thân tâm thọ lạc, điều mà Thánh nói đến là xả[28], thành tựu Tam thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?"

Đáp:

"Không phải vậy, Tu-thâm!"

Lại hỏi:

"Bạch Tôn giả, thế nào, có phải là lìa khổ dứt lạc, đoạn trừ ưu, hỷ từ trước, không khổ, không lạc, xả tịnh, niệm nhất tâm[29], thành tựu đệ Tứ thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?"

Đáp:

"Không phải vậy, Tu-thâm!"

Lại hỏi:

"Chứng tịch tĩnh giải thoát[30], vượt sắc, vô sắc, tự thân tác chứng và thành tựu, phải chăng là không còn khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát chăng?"

Đáp:

"Không phải vậy, Tu-thâm!"

Lại hỏi:

"Thế nào, bạch Tôn giả, lời nói của Tôn giả chẳng đồng nhất, trước

---

28. Hán: Thánh thuyết cập xả 聖說及捨。Pāli: yan taṃ ariyā ācikkhanti upekkhako satimasukhāvihārī ti, điều mà các Thánh nói là xả, có chánh niệm, an trụ lạc.

29. Xả tịnh niệm nhất tâm 捨淨念一心。Pāli: upekkha-sati-pārisuddhiṃ, xả và niệm thanh tịnh.

30. Đề cập tám giải thoát (Pāli: aṭṭha vimokhā); từ căn bản đệ Tứ thiền Sắc giới, vượt qua Sắc và Vô sắc, cuối cùng nhập tưởng thọ diệt tận định. Pāli: ye te santā vimokhā atikkamma rūpe āruppā te kāyena phusitvā viharati, tịch tĩnh giải thoát, siêu việt Sắc Vô sắc, sau khi xúc cảm bằng thân, vị ấy an trụ.

sau mâu thuẫn. Tại sao không đắc thiền định nhưng lại tuyên bố như vậy[31]?"

Tỳ-kheo đáp:

"Tôi được tuệ giải thoát[32]."

Khi nói vậy rồi, các Tỳ-kheo đều từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Sau khi các Tỳ-kheo đi rồi, Tu-thâm suy nghĩ: 'Những gì các Tôn giả này nói không đồng nhất, trước sau mâu thuẫn, đã nói không chứng đắc chánh thọ[33], mà lại tuyên bố là tự thân tác chứng.' Suy nghĩ xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo kia ở trước mặt con đã tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Con liền hỏi Tôn giả kia: 'Có phải được ly dục và pháp ác bất thiện… cho đến tự tri tự tác chứng, thì không còn khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát chăng?' Vị ấy trả lời con: 'Không phải vậy, Tu-thâm.' Con liền hỏi: 'Những gì Tôn giả nói là bất đồng, trước sau mâu thuẫn, đã nói không nhập chánh thọ mà lại tuyên bố là tự tri tự tác chứng?' Vị ấy đáp với con rằng: 'Tôi được tuệ giải thoát.' Nói như vậy xong, mỗi người đều từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Hôm nay, con xin hỏi Thế Tôn, vì sao những lời nói của họ không đồng nhất, trước sau mâu thuẫn, không đắc chánh định mà lại nói tự biết tác chứng?"

Phật bảo Tu-thâm:

"Trước hết họ biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn[34]. Các thiện nam ấy một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát."

Tu-thâm bạch Phật:

"Nay con không hiểu, trước hết phải biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn. Các thiện nam tử kia, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh

---

31. Pāli: ida ñca veyyākaraṇaṃ imesañca dhammānaṃ asamāpatti, không có sự chứng đắc đối với lời tuyên bố (ký thuyết) này và những pháp này.

32. Tuệ giải thoát 慧解脫; được giải thoát (đắc A-la-hán) do tuệ chớ không do định. Pāli: paññāvimutta.

33. Chánh thọ 止受 (Pāli: samāpatti), nghĩa thường: đã đi đến nơi, thành tựu; nghĩa chuyên biệt: đạt đến trạng thái thiền và định; theo nghĩa này, phiên âm là tam-ma-bát-đề, hoặc dịch là chánh thọ, định lực, đẳng chí. Trong ngữ cảnh đoạn văn này, nó chỉ có nghĩa chưa chứng đắc (Pāli: asamāpatti).

34. Pāli: pubbe (...) dhammaṭṭhitiñāṇaṃ, pacchā nibbāne ñāṇaṃ, trước hết là pháp trụ trí, sau đó là Niết-bàn trí.

tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát."

Phật bảo Tu-thâm:

"Không luận là ngươi biết hay không biết, mà trước hết phải tự biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn, như các thiện nam tử kia một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, tâm khéo giải thoát đã."

Tu-thâm bạch Phật:

"Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp khiến cho con biết được trí pháp trụ, thấy được trí pháp trụ."

Phật bảo Tu-thâm:

"Nay Ta hỏi ngươi, tùy ý mà đáp cho Ta. Tu-thâm nghĩ thế nào? Có phải vì có sanh nên có già, chết; không phải lìa sanh mà có già, chết chăng?"

Tu-thâm đáp:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì có sanh nên có già, chết; không thể lìa sanh mà có già, chết được."

Phật bảo:

"Đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh cũng vậy. Có phải vì có vô minh nên có hành; không phải lìa vô minh mà có hành chăng?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì có vô minh nên có hành; không thể lìa vô minh mà có hành được."

Phật bảo Tu-thâm:

"Có phải vì không sanh nên không có già, chết; không thể lìa cái diệt của sanh, mà già, chết diệt chăng?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì không sanh nên không già chết và không thể lìa cái diệt của sanh mà già chết diệt được."

"Như vậy cho đến không có vô minh, nên không có hành và không thể lìa cái diệt của vô minh mà hành diệt chăng?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì không có vô minh nên không có hành và không thể lìa cái diệt của vô minh mà hành diệt được."

Phật bảo Tu-thâm:

"Người biết như vậy, thấy như vậy, có phải là ly dục và pháp ác bất thiện, cho đến tự thân tác chứng an trụ đầy đủ chăng?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không phải vậy."

Phật bảo Tu-thâm:

"Đó gọi là trước hết biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn, mà các thiện nam tử kia, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tu-thâm xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, Tu-thâm thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp, thoát khỏi nghi, được niềm tin không do ai khác, được độ không do người khác, ở trong Chánh pháp tâm được vô sở úy, cúi đầu lễ dưới chân Phật và bạch:

"Bạch Thế Tôn, nay con xin sám hối. Con đã ở trong Chánh pháp trộm lén xuất gia, cho nên con xin sám hối."

Phật bảo Tu-thâm:

"Thế nào là ở trong Chánh pháp trộm lén xuất gia?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có nhiều người ngoại đạo đến chỗ con nói với con: 'Tu-thâm nên biết, chúng ta trước đây được quốc vương, đại thần, gia chủ, cư sĩ và người thế gian đều cung kính, cúng dường, mà nay bị đoạn tuyệt. Bởi vì họ đều cúng dường Sa-môn Cù-đàm và đại chúng Thanh văn. Ngày nay ông hãy lén đến trong chúng Thanh văn của Sa-môn Cù-đàm xuất gia, thọ giới pháp; khi đã thông đạt pháp của họ rồi, trở về nói cho chúng tôi nghe và đem giáo pháp đã nghe đó giáo hóa thế gian khiến họ trở lại cung kính, cúng dường như trước.' Bạch Thế Tôn vì vậy nên con đã ở trong Chánh pháp luật trộm lén xuất gia, hôm nay con xin sám hối. Xin Thế Tôn thương xót cho phép con được sám hối."

Vì lòng từ bi nên Phật bảo Tu-thâm:

"Ta nhận sự sám hối của ngươi. Ngươi nên nói đầy đủ: 'Ngày xưa vì con ngu si, bất thiện, vô trí nên ở trong Chánh pháp luật trộm lén xuất gia. Ngày nay ăn năn lỗi lầm, tự thấy tội, tự biết tội, trong đời sau sẽ thành tựu luật nghi, công đức tăng trưởng, cuối cùng không thoái giảm.' Vì sao? Vì người có tội tự thấy, tự biết và ăn năn lỗi lầm nên ở đời sau luật nghi sẽ thành tựu, công đức tăng trưởng, cuối cùng không thoái giảm."

Phật lại bảo Tu-thâm:

"Hôm nay Ta sẽ nói thí dụ, người trí tuệ nhờ thí dụ sẽ được hiểu. Ví như nhà vua có người tuần canh, bắt được giặc cướp trói lại, đưa đến chỗ nhà vua tâu rằng: 'Bạch Đại vương, người này là trộm cướp, xin Đại vương xử tội.' Vua ra lệnh: 'Đem tội nhân đi, trói ngược hai tay và hãy công bố tiếng xấu khắp nước; sau đó đem tội nhân đến chỗ hành phạt ở ngoài kinh thành, dùng trăm mũi giáo đâm khắp thân thể tội nhân.' Người đứng ra hành hình theo lệnh vua, bắt tội nhân này trói ngược hai tay, loan tin xấu khắp thành ấp; sau đó đem tội nhân đến chỗ thọ hình ở ngoài thành và dùng trăm mũi giáo nhọn đâm khắp thân thể tội nhân. Đến trưa vua hỏi: 'Tội nhân còn sống không?' Các quan đáp: 'Còn sống.' Vua lại ra lệnh các quan đâm thêm một trăm mũi giáo nữa; đến chiều lại đâm thêm trăm mũi giáo nữa, mà người kia vẫn không chết."

Phật hỏi Tu-thâm:

"Nhà vua trị tội dùng ba trăm mũi giáo đâm vào thân người tội này, vậy có còn chỗ nào toàn vẹn bằng lòng bàn tay chăng?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không."

Lại hỏi Tu-thâm:

"Khi tội nhân này vì nhân duyên bị ba trăm mũi giáo đâm vào thân, người ấy phải chịu khổ cùng cực phải không?"

Tu-thâm bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, khổ tột cùng! Nếu bị một mũi giáo đâm vào cũng đã là đau đớn, không chịu nổi, huống chi là ba trăm mũi giáo mà có thể cam chịu được sao!"

Phật bảo Tu-thâm:

"Việc này còn có thể chịu đựng được, nhưng nếu như ở nơi Chánh pháp luật mà có kẻ trộm lén xuất gia, trộm thọ trì giới pháp rồi đem nói lại cho người, sẽ phải chịu thống khổ gấp bội hơn cả người kia."

Trong lúc Phật nói pháp ấy rồi, ngoại đạo Tu-thâm nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 348. Thập lực[35]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như Lai thành tựu mười lực, được bốn vô úy, biết trú xứ của Phật trước kia[36], thường chuyển Phạm luân[37], ở trong đại chúng phát lên tiếng gầm sư tử: 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, có nghĩa là duyên vô minh nên có hành. Nói đầy đủ cho đến tập khởi thuần một khối khổ lớn và thuần một khối khổ lớn bị diệt.' Này các Tỳ-kheo, đây là giáo pháp chân thật được hiển hiện, cắt đứt dòng sanh tử; cho đến[38], người ấy tất khéo hiển hiện. Giáo pháp chân thật được hiển hiện, cắt đứt dòng sanh tử như vậy, đủ khiến cho người thiện nam phát lòng tin, chân chánh xuất gia, phương tiện tu tập, sống không buông lung. Ở trong Chánh pháp luật, tinh tấn chuyên cần khổ hạnh, dù da bọc xương, máu thịt khô kiệt, nếu chưa đạt được điều cần phải đạt, thì không xả bỏ phương tiện ân cần tinh tấn, cứng rắn chịu đựng. Vì sao? Vì biếng nhác thì an trụ với khổ, hay sanh ra các ác pháp bất thiện, nên kết sử hữu tương lai[39] bừng bừng, làm tăng trưởng sự sanh, già, bệnh, chết, ở trong đời sau; nghĩa lớn bị thoái giảm[40]. Người tinh tấn vui đời sống cô độc, không sanh các ác pháp bất thiện đưa đến kết sử hữu tương lai, quả báo khổ bừng bừng; không làm tăng trưởng sự sanh, già, bệnh, chết, ở trong đời sau; đây đủ nghĩa lớn, đạt thành trường giáo pháp bậc nhất[41]. Đó là những người ở trước Đại sư, tự thân được nghe nói pháp, tịch diệt, Niết-bàn, chánh hướng

---

35. Pāli, S. 12. 21-22. Dasabala.

36. Tri tiên Phật trú xứ 知先佛住處, tức là tự xác nhận ở vị trí của chư Phật quá khứ. Pāli: āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, tự tuyên bố vị trí ngưu vương, tức tự xác nhận vị trí hướng dẫn chúng sanh.

37. Chuyển Phạm luân 轉梵輪。Pāli: brahmacakkaṃ pavatteti.

38. Trong nguyên bản, tiết lược theo đoạn văn tương tự; nhưng từ trước, chưa tìm thấy đoạn nào tương tợ.

39. Đương lai hữu kết 當來有結; kết sử dẫn đến hữu tương lai, tức dẫn đến tái sanh đời sau.

40. Thoái kỳ đại nghĩa, tức là đánh mất mục đích cao thượng, tổn thất ích lợi lớn. Pāli: mahantīa ca sadatthaṃ parihāpeti, tổn thất đại lợi.

41. Đệ nhất giáo pháp chi trường 弟一教法之場。Pāli: na, bhikkhave, hīnena agassa patti hoti. aggena ca kho, bhikkhave, aggassa patti hoti, không bằng cái thấp hèn mà đạt đến cái cao thượng (đệ nhất). Chính bằng cái cao thượng mà đạt đến cái cao thượng.

Bồ-đề, chánh giác của Thiện Thệ[42]. Cho nên các Tỳ-kheo phải quán sát tự lợi, lợi tha, tự tha đều lợi, nên siêng năng tu học; rằng 'Ta nay xuất gia không ngu, không mê, có quả có lạc[43]; những ai cúng dường các thứ y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men, tất đều được quả báo lớn, phước lợi lớn'. Các ông nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 349. Thánh xứ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thiện lai Tỳ-kheo! Nếu khéo xuất gia, khéo được lợi mình, thì trong thời gian lâu dài lúc nào cũng được sanh ra chỗ có bậc Thánh, các căn đầy đủ, không ngu, không si, không câm ngọng[44]; nói hay, nói dở đều có khả năng hiểu nghĩa.

"Ta nay trong đời này là Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, nói pháp tịch diệt, Niết-bàn, chánh hướng đúng Bồ-đề, khéo đến Đẳng chánh giác[45]. Tức là, 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức… cho đến tập khởi thành thuần một khối khổ lớn; vô minh diệt thì hành diệt… cho đến thuần một khối khổ lớn diệt.'

"Này các Tỳ-kheo, các ông chỗ khó được đã được, sanh chỗ có bậc Thánh, các căn đầy đủ… cho đến tập khởi thành thuần một khối khổ lớn và thuần một khối khổ lớn diệt. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy: Tự lợi, lợi tha, tự tha đều lợi; sự xuất gia như vậy, không ngu, không si,

---

42. Tức pháp được khéo hiển hiện nên dẫn đến tịch tĩnh; dẫn đến Niết-bàn; dẫn đến Bồ-đề của Thanh văn và Chánh giác của Phật.

43. Pāli: evaṃ no ayaṃ amhākaṃ pabbajjā avañjhā bhavissati saphalā sa-udrayā, sự xuất gia của ta như vậy sẽ không phải là vô tích sự, mà có kết quả, có thành quả.

44. Hán: bất tu thủ ngữ 不須手語, không cần nói bằng tay.

45. Xem cht. 42 trên.

có quả, có lạc, có quả báo lạc. Và người cúng dường y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men, chắc chắn sẽ được quả báo tốt, phước lớn và lợi ích rộng lớn. Các Tỳ-kheo nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 350. Thánh đệ tử[46]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đa văn Thánh đệ tử không nên nghĩ rằng: ‘Vì cái gì có nên cái này có, vì cái gì khởi nên cái này khởi[47]; vì cái gì không nên cái này không; vì cái gì diệt nên cái này diệt.’ Nhưng đa văn Thánh đệ tử nên biết rằng: ‘Vì cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, tức là duyên vô minh nên có hành… cho đến tập khởi thành thuần một khối khổ lớn; vô minh diệt nên hành diệt… cho đến thuần một khối khổ lớn diệt.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 351. Mậu-sư-la[48]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Na-la, Tôn giả Mậu-sư-la, Tôn giả Thù Thắng và Tôn giả A-nan[49] đang ở bên ao Tượng nhĩ tại nước Xá-vệ[50]. Bấy giờ Tôn giả Na-la nói với Tôn giả Mậu-sư-la:

“Ngoại trừ tín, ngoại trừ sở thích, ngoại trừ sở văn, ngoại trừ giác tưởng hành tướng, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân

---

46. Pāli, S. 12. 49. Ariyasāvaka.

47. Pāli: kiṃ nu kho kismiṃ sati kiṃ hoti; kissūppadā kiṃ uppajjati, trong khi cái gì hiện hữu, cái đó hiện hữu? Do cái gì sanh mā cái gì đó sanh?

48. S. 12. 68. Kosambī.

49. Na-la 那羅 (Pāli: Nārada), Mậu-sư-la 茂師羅 (Musila), Thù-thắng (Paviṭṭha) A-nan 阿難 (Ānanda).

50. Bản Pāli: ở tại Kosambiyaṃ Ghositārāme.

chánh nào như vậy phát sanh không, tức là nói 'Do sanh nên có già chết; không lìa sanh mà có già chết[51]'?"

Tôn giả Mậu-sư-la nói:

"Ngoại trừ tín, ngoại trừ sở thích, ngoại trừ sở văn, ngoại trừ giác tưởng hành tướng, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: 'Vì có sanh nên có già, chết, không thể ngoại trừ sanh mà có già, chết.' Có thuyết như vậy[52]."

"Bạch Tôn giả Mậu-sư-la, có tin tưởng khác… cho đến, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh nào như vậy phát sanh, tức là nói: 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn[53]' chăng?"

Tôn giả Mậu-sư-la đáp:

"Ngoại trừ tín,… cho đến, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn.'"

Tôn giả Na-la lại hỏi Tôn giả Mậu-sư-la:

"Nói rằng 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn;' vậy thì thầy có phải là A-la-hán đã dứt các lậu chăng?'"

Tôn giả Mậu-sư-la im lặng, không đáp. Hỏi lần thứ hai, lần thứ ba, cũng không đáp. Khi ấy Tôn giả Thù Thắng nói với Tôn giả Mậu-sư-la:

"Thôi, Tôn giả cứ im lặng, tôi sẽ thay Tôn giả trả lời Tôn giả Na-la."

Tôn giả Mậu-sư-la nói:

"Tôi xin dừng nơi đây, Tôn giả hãy giải đáp giúp tôi."

Khi ấy Tôn giả Thù Thắng nói với Tôn giả Na-la:

"Ngoại trừ tín,… cho đến, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn.'"

Bấy giờ, Tôn giả Na-la hỏi Tôn giả Thù Thắng:

"Ngoại trừ tín,… cho đến, ngoại trừ thẩm sát nhẫn thọ, có tri kiến

---

51. Hán: dị tín, dị dục, dị văn, dị hành giác tưởng, dị kiến thẩm đế nhẫn 異信異欲異聞異行覺想異見審諦忍。Pāli: aññatreva (...) saddhāya aññatra ruciyā aññatra anussavà aññatra ākāraparivitakkà aññatra diṭṭhinijjhānakkhantiyā. Tiếng Phạn: aññatra, một cách khác biệt, hay ngoại trừ; Hán dịch là dị, nên hiểu là trạng từ chứ không phải tính từ.

52. Pāli: paccattam eva ñāṇaṃ, tự mình có nhận thức như vậy.

53. Pāli: bhavanirodho nibbānan ti, sự diệt tận của hữu là Niết-bàn.

tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn; vậy nay Tôn giả là A-la-hán lậu tận' chăng?"

Tôn giả Thù Thắng nói:

"Tôi nói 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn,' nhưng tôi chẳng phải là A-la-hán sạch hết các lậu."

Tôn giả Na-la nói:

"Lời nói của Tôn giả không đồng nhất, trước sau mâu thuẫn. Như Tôn giả nói 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn;' nhưng lại nói không phải là A-la-hán sạch hết các lậu, như vậy là thế nào?"

Tôn giả Thù Thắng nói với Tôn giả Na-la:

"Bây giờ sẽ nói thí dụ, người trí nhờ thí dụ sẽ hiểu liền. Như giữa cánh đồng vắng bên đường có giếng nước, nhưng không có dây cũng không có gàu để lấy nước. Người đi đường lúc ấy bị cơn khát bức bách, đi quanh giếng tìm nhưng không có dây, cũng không có gàu. Người ấy xem xét kỹ nước giếng thấy biết như thật mà chẳng chạm vào thân. Cũng như thế tôi nói 'Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn,' nhưng tự mình chưa được là bậc A-la-hán sạch hết các lậu."

Khi ấy Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Na-la:

"Tôn giả Na-la nghĩ thế nào về điều Tôn giả Thù Thắng nói."

Tôn giả Na-la trả lời Tôn giả A-nan:

"Tôn giả Thù Thắng khéo nói và biết như thật, đâu còn gì để nói nữa."

Sau khi đàm đạo xong, các vị Chánh sĩ rời chỗ ngồi đứng lên, rồi ra đi.

□

Kinh 352. Sa-môn Bà-la-môn (1)[54]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, ở nơi pháp mà không biết như thật về pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì người này chẳng

[54] *S. 12. 13. Samaṇa-brāhmaṇā.*

phải là Sa-môn, chẳng được kể vào hàng Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được kể vào hàng Bà-la-môn. Người này chẳng đúng với ý nghĩa Sa-môn hay Bà-la-môn[55], ngay trong đời này không tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Thế nào là chẳng biết như thật về pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về sự tập khởi của pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về sự diệt tận của pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp? Là đối với pháp già chết mà không biết như thật; và không biết như thật về sự tập khởi đối với già chết, về sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, không biết như thật đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ,… không biết như thật về sự tập khởi của lục nhập xứ, về sự diệt tận của lục nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của lục nhập xứ. Như vậy là không biết như thật về các pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về pháp; biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì Sa-môn, Bà-la-môn này được kể vào hàng Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh, đúng với nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn, ngay trong đời này mà tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Biết như thật những pháp gì? Biết như thật những pháp gì, sự tập khởi của pháp gì, sự diệt tận của pháp gì, con đường đưa đến sự diệt tận của pháp gì? Đó là pháp già chết nên biết như thật. Nên biết như thật về sự tập khởi của già chết, về sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, đối với sanh, hữu, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ nên biết như thật. Nên biết như thật về sự tập khởi của lục nhập xứ, về sự diệt tận của lục nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của lục nhập xứ. Đó là biết như thật về các pháp; biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp."

---

55. Sa-môn nghĩa, Bà-la-môn nghĩa 沙門義，婆羅門義。Pāli: sāmaññatthaṃ brāhamaññatthaṃ, đối với mục đích của Sa-môn, Bà-la-môn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 353. Sa-môn Bà-la-môn (2)[56]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, ở nơi pháp mà không biết như thật về pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì người này chẳng phải là Sa-môn, chẳng được kể vào hàng Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được kể vào hàng Bà-la-môn; người này chẳng đúng với ý nghĩa Sa-môn, hay Bà-la-môn, ngay trong đời này không tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Không biết như thật về những pháp nào, không biết như thật về sự tập khởi của những pháp nào, về sự diệt tận của những pháp nào, về con đường đưa đến sự diệt tận của những pháp nào? Không biết như thật về pháp sáu nhập xứ; không biết như thật về sự tập khởi của sáu nhập xứ, về sự diệt tận của sáu nhập xứ diệt, về con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ. Nhưng nếu đối với xúc mà vị này lại biết như thật thì không thể được; đối với sự tập khởi của xúc, về sự diệt tận của xúc, về con đường đưa đến sự diệt tận của xúc mà biết như thật, thì không thể có được. Cũng vậy, đối với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết mà biết như thật thì cũng không thể có được.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật về của sáu nhập xứ; biết như thật về sự tập khởi của sáu nhập xứ, về sự diệt tận của sáu nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ, thì việc biết như thật về sự hiện hữu của xúc, điều này có thể có được. Cũng vậy, biết như thật đối với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết…, điều này có thể có được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[56] *S. 12. 14. Samaṇa-brāhmaṇā.*

Kinh 354. Sa-môn Bà-la-môn (3)[57]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nói như trên, chỉ có một vài điểm sai biệt như:

"Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết như thật về sáu nhập xứ mà muốn vượt thoát khỏi xúc, thì không thể có được; đối với sự tập khởi của xúc, sự diệt tận của xúc, con đường đưa đến sự diệt tận của xúc mà muốn vượt thoát, thì cũng không thể có được. Cũng vậy, đối với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết mà muốn vượt thoát khỏi chúng, điều này cũng không thể có được. Và muốn vượt thoát khỏi sự tập khởi của già chết, sự diệt tận của già chết, con đường đưa đến sự diệt tận của già chết, điều này không thể có được.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật sáu nhập xứ; biết như thật đối với sự tập khởi của sáu nhập xứ, đối với sự diệt tận của sáu nhập xứ, đối với con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ, thì vượt thoát khỏi sự hiện hữu của xúc; điều này có thể có được. Cũng vậy, muốn vượt thoát khỏi thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết, điều này có thể có được,… muốn vượt thoát khỏi con đường đưa đến sự diệt tận của già chết, điều này có thể có được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng vậy, từ già chết… lục nhập xứ có ba kinh, từ già chết đến hành có ba kinh cũng nói như vậy.

□

Kinh 355. Lão tử[58]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Hãy giác tri về già chết[59], giác tri về sự tập khởi của già chết, về

---

57. S. 12. 71-81. Samaṇa-brāhmaṇā.

58. Pāli, S. 12. 28. Bhikkhu.

59. Pāli: bhikkhu jarāmaraṇam pajānāti.

sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như vậy, cho đến giác tri về hành, về sự tập khởi của hành, về sự diệt tận của hành, về con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về già chết? Giác tri rằng duyên sanh nên có già chết, như vậy gọi là giác tri về già chết.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về sự tập khởi của già chết? Sanh tập khởi thì già chết tập khởi, như vậy gọi là giác tri về sự tập khởi của già chết.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về sự diệt tận của già chết? Sanh diệt đi thì già chết cũng diệt, như vậy gọi là giác tri về sự diệt tận của già chết.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết? Tám Thánh đạo, đó là con đường đưa đến sự diệt tận của già chết, như vậy gọi là giác tri lão về con đường đưa đến sự diệt tận của tử.

"Cho đến, thế nào là hãy giác tri thế nào về hành? Có ba hành: thân hành, khẩu hành, ý hành; như vậy gọi là giác tri về sự hiện hữu của hành.

"Thế nào là hãy giác tri về sự tập khởi của hành? Vô minh tập khởi thì hành tập khởi; như vậy gọi là giác tri về sự tập khởi của hành.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về sự diệt tận của hành? Vô minh diệt đi thì hành cũng diệt, như vậy gọi là giác tri về sự diệt tận của hành.

"Thế nào là hãy giác tri thế nào về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Tám Thánh đạo, đó là con đường đưa đến sự diệt tận của hành, như vậy gọi là giác tri về con đường đưa đến sự diệt tận của hành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 356. Chủng trí[60]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

[60] *Pāli, S. 12. 33. Ñāṇavatthùni (1).*

"Có bốn mươi bốn thứ trí[61], hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Bốn mươi bốn thứ trí là gì? Đó là trí về già chết, trí về sự tập khởi của già chết, trí về sự diệt tận của già chết, trí về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, đối với trí sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành; trí về sự tập khởi của hành, trí về sự diệt tận của hành, trí về con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Đây gọi là bốn mươi bốn trí."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 357. Vô minh tăng (1)[62]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy mươi bảy thứ trí, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là bảy mươi bảy thứ trí? Đó là trí về sanh duyên nên có già chết; trí về sự không phải ngoài sanh làm duyên mà có già chết[63]; trí về sanh quá khứ làm duyên nên có già chết; trí về sự không phải ngoài sanh quá khứ làm duyên mà có già chết; trí về sanh vị lai làm duyên nên có già chết; cùng với trí về pháp trụ, là trí về vô thường, hữu vi, tâm duyên mà sanh, là pháp đoạn tận, là pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, đoạn biến tri[64]. Cũng vậy, trí về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành; trí về vô minh duyên nên có hành, trí về sự không phải ngoài vô minh làm duyên mà có hành; trí về vô minh quá khứ làm duyên nên có hành, trí về sự không phải ngoài vô minh quá khứ làm duyên mà có hành; trí về vô minh vị lai làm duyên nên có hành, trí về sự

---

61. Tứ thập tứ chủng trí 四十四種智。Pāli: catucattārīsaṃñāṇavatthùni, bốn mươi bốn sự kiện của trí.

62. Pāli, S. 12. 34. Ñāṇavatthùni (2).

63. Pāli: asati jātiyā natthi jarāmaraṇanti, trí (nhận thức) về sự kiện, khi không có sanh thì không có già chết.

64. Pāli: yampissa taṃ dhammaṭṭhitiñāṇaṃ taṃpi khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhamman ti ñāṇaṃ, nơi nào có pháp trụ trí, nơi đó cũng có trí (nhận thức) về pháp tận diệt, pháp hủy hoại, pháp ly tham, pháp diệt.

chẳng phải ngoài vô minh vị lai làm duyên mà có hành; cùng với trí pháp trụ là trí về vô thường, hữu vi, tâm duyên mà sanh, là pháp đoạn tận, là pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, đoạn biến tri. Đó gọi là bảy mươi bảy thứ trí."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 358. Vô minh tăng (2)[65]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có pháp tăng, pháp giảm, hãy lắng nghe, khéo tư duy, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là pháp tăng? Vì cái này có nên cái kia có, vì cái này khởi nên cái kia khởi, là do duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức… cho đến thuần một khối khổ lớn tụ tập. Đó gọi là pháp tăng.

"Thế nào là pháp giảm? Vì cái này không nên cái kia không, do cái này diệt nên cái kia diệt, là vì vô minh diệt nên hành diệt… cho đến thuần một khối khổ lớn diệt. Đó gọi là pháp giảm."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như pháp tăng và pháp giảm. Cũng vậy, pháp sanh, pháp biến dịch, pháp tập khởi, pháp diệt tận cũng nói như trên.

Như ba kinh đang nói, nên biết có ba kinh cũng nói như trên.

Kinh 359. Tư lương (1)[66]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu để cho suy lường, để cho vọng tưởng sanh khởi, để cho kia sai

---

65. *Pāli, S. 12. 35-36. Avijjā-paccāya.*

66. *Pāli, S. 12. 38. Cetanā (1).*

sử, thì thức duyên níu mà tồn tại[67]. Vì có chỗ duyên níu cho thức trụ nên trong đời vị lai có sanh, lão, tử, ưu, bi, khổ, não và tập hợp thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Nếu không suy lường, không vọng tưởng, không để cho kia sai sử thì thức không có chỗ duyên níu mà tồn tại. Vì thức không có chỗ duyên níu mà tồn tại nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai đều bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 360. Tư lương (2)[68]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu suy lường, vọng tưởng thì chắc chắn sẽ bị sai sử[69] khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó nhập vào danh sắc. Vì nhập vào danh sắc nên có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai và tập hợp thuần một khối khổ lớn.

"Nếu không suy lường, không vọng tưởng thì sẽ không bị sai sử khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì không có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó không nhập vào danh sắc; vì không nhập vào danh sắc nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

67. Pāli: yañca bhikkhave ceteti yañca pakappeti yañca anuseti, ārammaṇam etaṃ hoti ñāṇassa ṭhitiyā, tư duy về cái gì, trù tính về cái gì, ấp ủ cái gì, thức sẽ vin níu vào cái đó mà trụ.

68. Pāli, S. 12. 39. Cetanā (2).

69. Hữu sử 有使; kinh 359: bỉ sử 彼使。Pāli: yañca anusevati: nó tiềm phục theo cái gì, nó thầm nghĩ về cái gì. Bản Hán đọc là anusevati: theo phục vụ. Xem cht.67 kinh 359 trên.

Kinh 361. Tư lương (3)[70]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu suy lường, vọng tưởng thì chắc chắn sẽ bị sai sử khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó nhập vào danh sắc[71]. Vì nhập vào danh sắc nên có qua lại. Vì có qua lại nên có sanh tử. Vì có sanh tử nên có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai và tập hợp thuần một khối khổ lớn như vậy.

"Nếu không suy lường, không vọng tưởng thì sẽ không bị sai sử khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì không có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó không nhập vào danh sắc. Vì không nhập vào danh sắc nên không qua lại. Vì không qua lại nên không sanh tử. Vì không sanh tử nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai đều bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy cũng bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 362. Đa văn đệ tử

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có Tỳ-kheo đa văn. Như Lai tuyên bố như thế nào là một Tỳ-kheo đa văn?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, sở y của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

---

70. S. 12. 40. Cetanā.

71. Pāli: tasmiṃ patiṭṭhe viññāṇe virāḷhe nati hoti; natiyā sati āgatigati hoti, khi thức an trụ và tăng trưởng, nó có xu hướng. Do có xu hướng, có sự đến và đi.

"Này các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào nghe pháp già, bệnh, chết sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Tỳ-kheo đa văn. Cũng vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Tỳ-kheo đa văn. Đó là Như Lai tuyên bố về Tỳ-kheo đa văn."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 363. Thuyết pháp Tỳ-kheo (1)[72]

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Gọi là Tỳ-kheo thuyết pháp[73]. Thế nào là Tỳ-kheo thuyết pháp? Như Lai tuyên bố như thế nào là một Tỳ-kheo thuyết pháp?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, sở y của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào nói về già, bệnh, chết, sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đó là Tỳ-kheo thuyết pháp. Cũng vậy, nói các pháp sanh, thủ, hữu, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành, sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Tỳ-kheo nói pháp. Các Tỳ-kheo, đó là Như Lai nói về Tỳ-kheo nói pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 364. Thuyết pháp Tỳ-kheo (2)[74]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

---

72. Pāli, S. 12. 16. Dhammakathika.

73. Pāli: dhammakathiko.

74. S. 12. 16. Dhammakathika.

"Gọi là hướng đến pháp thứ pháp[75], vậy này các Tỳ-kheo, thế nào là hướng đến pháp thứ pháp?"

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, sở y của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với già, bệnh, chết mà sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là hướng đến pháp thứ pháp. Cũng vậy, từ sanh cho đến hành, mà sanh nhàm tởm, ly dục, hướng đến diệt tận, thì đó gọi là hướng đến pháp thứ pháp. Đây cũng gọi là Như Lai thi thiết sự hướng đến pháp thứ pháp."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

[75] *Pháp thứ pháp hướng 法次法向; cũng nói là pháp tùy pháp hành 法隨法行。Pāli: dhammānudhammā-paṭipanno, thực hành pháp và tùy pháp, thực hành tùy thuận theo tuần tự của pháp.*

TẠP A-HÀM QUYỂN 15

Kinh 365. Thuyết pháp[1140]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Gọi là 'Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại[1141].' Vậy thế nào là Như Lai nói về Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin vì chúng con mà nói về Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Nếu có Tỳ-kheo đối với già, bệnh, chết sanh nhàm tởm, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 366. Tỳ-bà-thi[1142]

Tôi nghe như vầy:

1140. Pāli, S. 12. 16. Dhammakathika.

1141. Kiến (=hiện) pháp Bát-niết-bàn 見法般涅槃。Pāli: diṭṭhadhamma nibbānapatta, chứng đắc Niết-bàn ngay trong thực tế được thấy, nghĩa là ngay trong đời này.

1142. S. 12. 4-9. Vipassì.

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đức Phật Tỳ-bà-thi[1143] khi chưa thành Chánh giác, một mình ở chỗ vắng vẻ chuyên cần tinh tấn thiền định tư duy và nghĩ như vầy: 'Tất cả thế gian đều nhập vào trong sanh tử, tự sanh, tự chín, tự diệt và tự chìm mất[1144], nhưng những chúng sanh này chẳng biết như thật về con đường xuất thế gian, vượt qua khỏi già chết.' Ngài liền tự quán sát: 'Do duyên gì mà có già chết này?' Ngài quán sát tư duy chân chánh như vậy, đạt được hiện quán như thật[1145], khởi lên biết: 'Vì có sanh nên có già chết này, vì duyên vào sanh nên có già chết.' Ngài lại chân chánh tư duy: 'Do duyên gì nên có sanh này?' Ngài lại chân chánh tư duy nên đạt được hiên quán như thật, biết rằng: 'Do duyên hữu nên có sanh.' Ngài lại chân chánh tư duy: 'Vì duyên gì nên có hữu?' Ngài lại chân chánh tư duy, phát khởi hiện quán như thật, biết rằng: 'Do có thủ nên có hữu.' Ngài lại tư duy chân chánh: 'Do duyên gì nên có thủ?' Ngài lại tư duy chân chánh, phát khởi hiện quán như thật, quán sát thấy chấp thủ pháp, đắm trước vị, tham luyến, ái được tăng trưởng do duyên xúc. Nên biết, duyên ái nên có thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có lão, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy. Ví như nhờ vào dầu và tim đèn nên đèn sáng. Nếu người kia lúc nào cũng châm thêm dầu và khơi tim, thì đèn kia luôn sáng, thắp sáng không ngừng.' *Chi tiết như thí dụ về cái thành trước đây[1146].*"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như Phật Tỳ-bà-thi; cũng vậy Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-bà-phù, Phật Ca-la-ca-tôn-đề, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp[1147] đều nói chi tiết như trên.

□

1143. Tỳ-bà-thi 毗婆尸。Pāli: Vipassì.

1144. Pāli: kicchaṃ vatāyaṃ loko āpanno jāyati ca jīyati ca mīyati ca cavati ca uppajjati ca, quả thật thế gian này bị rơi hãm vào trong khổ nạn, sanh ra, già cỗi, chết, tiêu vong, rồi tái sanh.

1145. Nguyên Hán: như thật vô gián đẳng 如寔無間等。Xem cht.67, kinh 23.

1146. Xem kinh 287.

1147. Thi-khí 尸棄。(Pāli: sikkhi); Tỳ-thấp-bà-phù 毗濕婆浮(Vessabhù); Ca-la-ca-tôn-đề 迦羅迦孫提，(Kakusandha); Ca-na-ca Mâu-ni 迦那迦牟尼(Koṇagāmana); Ca-diếp 迦葉(Kassapa).

Kinh 367. Tu tập[1148]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện tu tập thiền định, tư duy, nội tâm tĩnh lặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo cần phải tinh tấn siêng năng phương tiện thiền định, tư duy, khiến nội tâm tĩnh lặng, hiển hiện như thật như vậy. Thế nào là hiển hiện như thật? Già chết được hiển hiện như thật[1149], sự tập khởi của già chết, sự diệt tận của già chết, con đường đưa đến sự diệt tận của già chết được hiển hiện như thật. Sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành được hiển hiện như thật; sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành được hiển hiện như thật. Các pháp này vốn vô thường, hữu vi, hữu lậu, được hiển hiện như thật."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 368. Tam-ma-đề[1150]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nên tu vô lượng tam-ma-đề, chuyên cần tinh tấn cột niệm tu vô lượng Tam-ma-đề, khi đã chuyên cần tinh tấn cột niệm rồi, thì sẽ hiển hiện như thật như vậy. Thế nào là hiển hiện như thật? Già chết hiển hiện như thật, cho đến hành hiển hiện như thật. Các pháp này vốn vô thường, hữu vi, hữu lậu, được hiển hiện như thật như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

1148. S. 12. 83. Sikkhā; 84. Yoga.

1149. Như thật hiển hiện 如 實 顯 現。Pāli: (...) jarāmaraṇe yathābhūtaṃ sikkhā karaṇīyā, cần phải học tập để có trí tuệ như thật về già chết.

1150. Pāli, xem kinh 367.

Kinh 369. Thập nhị nhân duyên (1)[1151]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Thuở xưa Đức Phật Tỳ-bà-thi khi chưa thành Chánh giác, trụ chỗ Bồ-đề[1152] không bao lâu thì thành Phật. Rồi đến dưới cây Bồ-đề trải cỏ làm tòa ngồi kiết già, ngồi thẳng, chánh niệm. Ngồi suốt bảy ngày, đối với mười hai duyên khởi, quán sát thuận nghịch như vầy: 'Do cái này có nên cái kia có, vì cái này khởi nên cái kia khởi; duyên vô minh nên có hành… cho đến, duyên sanh nên có già chết và tụ tập thuần một khối khổ lớn và thuần một khối khổ lớn diệt."

Đức Phật Tỳ-bà-thi sau đúng bảy ngày tịnh tọa, từ tam-muội tỉnh giác nói kệ này:

Các pháp sanh như thế,
Phạm chí siêng thiền tư,
Lìa hẳn các nghi hoặc,
Biết pháp nhân duyên sanh.
Nếu biết nhân sanh khổ,
Biết các thọ diệt tận,
Biết pháp nhân duyên hết,
Thì biết hữu lậu hết.
Các pháp sanh như thế,
Phạm chí siêng thiền tư,
Lìa hẳn các nghi hoặc,
Biết có nhân sanh khổ.
Các pháp sanh như thế,
Phạm chí siêng thiền tư,
Lìa hẳn các nghi hoặc,
Biết các thọ diệt hết.
Các pháp sanh như thế,
Phạm chí siêng thiền tư,
Lìa hẳn các nghi hoặc,
Biết pháp nhân duyên hết.
Các pháp sanh như thế,

1151. Pāli, xem kinh 366.

1152. Bồ-đề sở 菩提所, chỉ Bồ-đề đạo tràng (P. bodhimaṇḍa).

Phạm chí siêng thiền tư,
Lìa hẳn các nghi hoặc,
Biết hết các hữu lậu.
Các pháp sanh như thế,
Phạm chí siêng thiền tư,
Chiếu sáng khắp thế gian,
Như mặt trời giữa không,
Phá tan các quân ma,
Biết các kết giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như Phật Tỳ-bà-thi; cũng vậy Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-ba-phù, Phật Ca-la-ca-tôn-đề, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp[1153] *cũng nói như vậy.*

Kinh 370. Thập nhị nhân duyên (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tòa đại Bồ-đề[1154], bên bờ sông Ni-liên-thiền, tại Uất-tỳ-la[1155], thì sau đó một thời gian ngắn Ngài thành Chánh giác. Ngài đến dưới bóng cây Bồ-đề trải cỏ làm tòa, ngồi kiết già, chánh thân, chánh niệm. Nói đầy đủ như trên.

Kinh 371. Thực[1156]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Một là thức ăn thô từng nắm; hai là

1153. *Xem cht.8 kinh 366.*

1154. *Đại Bồ-đề sở, xem cht.13, kinh 369.*

1155. *Uất-tỳ-la Ni-liên-thiền hà 鬱毗羅尼連禪河。Pāli: sông Nerañjarā, ở thôn Uruvelà, chỗ Phật tắm trước khi thành đạo.*

1156. *Pāli, 12. 11. Āhāra.*

thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức[1157]. Bốn loại thức ăn này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc[1158] gì? Bốn loại thức ăn này do ái là nhân, ái là tập, ái là sanh, ái là xúc. Ái này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Ái do thọ là nhân, thọ là tập, thọ là sanh, thọ là xúc. Thọ này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Thọ do xúc là nhân, xúc là tập, xúc là sanh, xúc là xúc. Xúc này do nhân là gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Xúc do sáu nhập xứ là nhân, sáu nhập xứ là tập, sáu nhập xứ là sanh, sáu nhập xứ là xúc. Khi sáu nhập xứ tụ tập thì xúc tụ tập, xúc tụ tập thì thọ tụ tập, thọ tụ tập thì ái tụ tập, ái tụ tập thì thức ăn tụ tập. Vì thức ăn tụ tập nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai tụ tập và thuần một khối khổ lớn tụ tập như vậy. Ngược lại nếu sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thức ăn diệt. Vì thức ăn diệt nên sanh, lão, bênh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai cũng diệt và thuần một khối khổ lớn đã tụ tập cũng bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 372. Phả-cầu-na[1159]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Khi ấy, có Tỳ-kheo tên là Phả-cầu-na[1160] đang đứng sau, quạt hầu, bạch Phật:

1157. Tứ thực: thô đoàn thực, tế xúc thực, ý tư thực, thức thực 粗摶食細觸食意思食識食。Pāli: cattārome... āhārā (...): kabaḷīkāro āhāro oḷāriko vā sukhumo (thức ăn vật chất, thô hoặc tế); phasso (xúc chạm), manosañcetanā (tư duy và ý chí), viññāṇaṃ (thức).

1158. Nhân tập sanh xúc 因集生觸：nơi khác dịch: nhân tập sanh chuyển Âà. Pāli: nidāna nguyên do), samudaya (tập họp sanh khởi), jātika (sản sanh), pabhava (xuất hiện).

1159. S. 12. 12. Phagguna.

1160. Phả-cầu-na 頗求那。Pāli: Moḷiyaphagguna.

"Bạch Thế Tôn ai ăn thức này[1161]?"

Phật bảo Phả cầu na:

"Ta không nói có người ăn thức[1162]. Nếu Ta nói có người ăn thức, thì ngươi nên hỏi câu ấy. Ở đây Ta nói thức là thức ăn, vậy ngươi nên hỏi như vầy: 'Do nhân duyên gì mà có thức ăn của thức?' Ta sẽ đáp: 'Thức ăn của thức, có thể chiêu cảm hữu trong vị lai khiến cho nó tiếp tục sanh; do có hữu nên có sáu nhập xứ; do sáu nhập xứ làm duyên nên có xúc.'"

Phả cầu na lại hỏi:

"Ai xúc?"

Phật bảo Phả-cầu-na:

"Ta không nói có người xúc. Nếu Ta nói có người xúc thì ngươi nên hỏi câu này: 'Ai xúc?' Ở đây ngươi nên hỏi như vầy: 'Do nhân duyên gì mà sanh xúc?' Ta sẽ đáp như vầy: 'Do sáu nhập xứ làm duyên nên sanh xúc; do xúc làm duyên nên sanh thọ.'"

Lại hỏi:

"Ai thọ?"

Phật bảo Phả-cầu-na:

"Ta không nói có người thọ. Nếu Ta nói có người thọ, thì ngươi nên hỏi: 'Ai thọ?' Ở đây ngươi nên hỏi: 'Do nhân duyên gì nên có thọ?' Ta sẽ đáp như vầy: 'Do xúc làm duyên nên có thọ; thọ làm duyên nên có ái.'"

Lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, ai ái[1163]?"

Phật bảo Phả cầu na:

"Ta không nói có người ái. Nếu Ta nói có người ái, thì ngươi nên hỏi: 'Ai ái?' Ở đây ngươi nên hỏi: 'Do nhân duyên gì nên có ái?' Ta sẽ đáp như vầy: 'Do duyên thọ nên có ái; do ái làm duyên nên có thủ.'"

Lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, ai thủ?"

Phật bảo Phả-cầu-na:

"Ta không nói có người thủ. Nếu Ta nói có người thủ thì ngươi nên hỏi: 'Ai thủ?' Ở đây ngươi nên hỏi: 'Vì duyên gì nên có thủ?' Ta sẽ đáp: 'Do duyên ái nên có thủ; do thủ làm duyên nên có hữu.'"

1161. Pāli: ko nu kho, bhante, viññāṇāhāraṃ āhāretī ti, ai hấp thụ thức ăn của thức này?

1162. Pāli: "āhāretī ti" na ahaṃ vadāmi, Ta không nói: "Nó ăn".

1163. Pāli: ko nu kho tasatī ti, ai khát ái (khát vọng)?

Lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, ai hữu[1164]?"

Phật bảo Phả-cầu-na:

"Ta không nói có người hữu. Nếu Ta nói có người hữu thì ngươi nên hỏi: 'Ai hữu?' Ở đây ngươi nên hỏi: 'Do duyên gì nên có hữu?' Ta sẽ đáp: 'Do duyên thủ nên có hữu; có thể chiêu cảm sự chuyện hiện của hữu[1165] trong vị lai.' Đó gọi là do có hữu nên có sáu nhập xứ; sáu nhập xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và thuần một khối khổ tụ tập như vậy. Ngược lại nếu lục nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 373. Tử nhục[1166]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức.

"Tỳ-kheo quán sát thức ăn từng nắm như thế nào?

"Ví như hai vợ chồng chỉ có một đứa con để thương yêu nuôi nấng. Họ muốn vượt qua con đường hiểm trong hoang mạc, chỗ có tai nạn. Lương thực thì đã hết sạch, đói khát cùng cực, không còn kế sách nào để cứu vãn, họ bàn nhau: 'Chúng ta có một đứa con rất mực là thương yêu; nếu ăn thịt con thì mới có thể thoát qua cơn hiểm nạn này. Chớ để cả ba

---

1164. Bản Pāli, từ chi này trở đi, không có câu hỏi như vậy.

1165. Trong nguyên bản: đương lai hữu xúc 當來有觸; đây sửa lại là đương lai hữu chuyển 轉。Xem cht.19 kinh 371.

1166. Ăn thịt con. Pāli, S. 12. 63. Puttamaṃsa.

ở đây cùng chịu chết!' Suy tính như vậy xong, họ ngậm ngùi thương xót rơi lệ, liền giết chết con, gượng ăn thịt con để đi qua khỏi hoang mạc. Thế nào, các Tỳ-kheo, vợ chồng người kia cùng nhau ăn thịt con há vì để nhận vị ngọt hay vì ham thích ngon sướng mà ăn?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, không phải vậy!"

Lại hỏi:

"Này các Tỳ-kheo, có phải vợ chồng người kia gượng ăn thịt con để vượt qua khỏi đường hiểm trong hoang mạc chăng?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Phàm ăn thức ăn vo nắm nên quán như vậy. Khi quán như vậy thì thức ăn vo nắm được đoạn, được biết; thức ăn vo nắm được đoạn, được biết[1167] rồi, đối với năm công đức của dục, tâm tham ái sẽ đoạn trừ. Đối với ngũ dục tâm tham ái đã đoạn trừ, Ta không thấy đa văn Thánh đệ tử kia trên năm công đức của dục còn có một kết sử nào mà không dứt. Bởi vì còn có một kết sử trói buộc thì sẽ tái sanh lại cõi đời này.

"Tỳ-kheo quán sát thức ăn bằng xúc chạm như thế nào? Ví như con bò bị lột da sống, khắp mọi nơi trên thân bị các sâu bọ rút rỉa, đất cát, bụi bặm, cây cỏ châm chích. Nếu như nằm nơi đất thì bị trùng ở đất ăn, nếu nằm nơi nước thì bị trùng ở nước ăn, nếu ở nơi hư không thì bị phi trùng ăn; nằm xuống đứng lên thường bị đau đớn thân mình. Như vậy, Tỳ-kheo đối với xúc thực nên quán như thế. Khi quán như thế thì xúc thực được đoạn, được biết. Người đã đoạn đã biết xúc thực, thì ba thọ ắt sẽ đoạn trừ. Ba thọ đã được đoạn trừ, đa văn Thánh đệ tử không còn điều gì cần phải làm thêm nữa, vì những việc cần làm đã làm xong.

"Tỳ-kheo quán sát thức ăn bằng ý chí như thế nào? Ví như ven làng xóm hay thành ấp bốc lửa, nhưng không có khói, không có ngọn lửa. Bấy giờ có người thông minh, có trí tuệ, xả bỏ khổ, hướng đến an vui, chán chết, thích sống, liền nghĩ như vầy: 'Nơi kia có lửa lớn, nhưng không khói, không ngọn, người đi qua phải tránh, chớ để bị lạc vào trong đó, chắc chắn sẽ chết, không nghi gì nữa.' Suy nghĩ như vậy rồi người này thường mong ước phải bỏ đi xa. Quán ý tư thực cũng như vậy. Người nào quán như vậy thì ý tư thực được đoạn; người trừ được ý tư thực thì ba ái chắc chắn sẽ dứt. Ba ái đã đoạn trừ, đa văn Thánh đệ tử không còn điều

---

1167. Đoạn tri 斷知, tức hoàn toàn đoạn trừ. Pāli: pariññāto hoti, được biến tri.

gì cần phải làm thêm nữa, vì những việc cần làm đã làm xong.

"Tỳ-kheo quán sát thức ăn của thức như thế nào? Ví như quốc vương có quân lính tuần phòng bắt được trộm cướp, trói lại đem đến chỗ nhà vua. *(Như trong kinh Tu-thâm đã nói ở trước)*. Vì nhân duyên này nên phải chịu ba trăm mũi giáo, bị đau đớn khổ sở suốt ngày đêm. Quán sát thức thực cũng lại như vậy. Người nào quán như vậy thì thức thực được đoạn, được biết. Thức thực đã đoạn, đã biết rồi thì danh sắc sẽ được đoạn, được biết. Danh sắc đã đoạn, đã biết, đa văn Thánh đệ tử không còn điều gì cần phải làm thêm nữa, vì những việc cần làm đã làm xong."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 374. Hữu tham (1)[1168]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn cách ăn này mà có hỷ, có tham thì thức ăn sẽ trụ và tăng trưởng. Do thức trụ và tăng trưởng nó nên nhập vào danh sắc[1169]. Vì nó nhập vào danh sắc nên các hành tăng trưởng. Vì hành tăng trưởng nên hữu đời sau sẽ tăng trưởng. Vì hữu đời sau tăng trưởng nên tụ tập sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thuần một khối khổ lớn.

"Nếu đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ thì vì không tham không hỷ nên thức ăn không trụ, không tăng trưởng; vì thức ăn không trụ, không tăng trưởng nên nó không nhập vào danh sắc; vì không nhập vào danh sắc nên hành không tăng trưởng; vì hành không tăng trưởng nên hữu đời sau không sanh, không lớn; vì hữu đời sau không sanh

---

1168. S. 12. 64. Atthirāgo.

1169. Pāli: yatthà paṭiṭṭhitaṃ viññāṇaṃ virāḷhaṃ atthi tattha nāmarūpassa avakkan ti, nơi nào có thức trụ và tăng trưởng, nơi đó danh sắc thác vào (hiện ra). Bản Hán: thức nhập danh sắc. Pāli: danh sắc nhập thức.

không lớn nên không khởi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai và thuần một khối khổ đã tụ tập sẽ diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 375. Hữu tham (2)[1170]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời, đó là: một đoàn thực, hai là xúc thực, ba là ý tư thực, bốn là thức thực. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì ắt phải có ưu bi, có trần cấu. Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì ắt không có ưu bi, cũng không có trần cấu."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 376. Hữu tham (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trụ và tăng trưởng, cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

"Ví như lầu các cung điện Bắc, Tây dài rộng; Đông, Tây có cửa sổ. Mặt trời mọc ở hướng Đông, ánh sáng chiếu trên vách phía Tây. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ *(như đã nói*

1170. Xem kinh 373 và các kinh sau.

rộng ở trước cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn). Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ… *(như đã nói rộng ở trước cho đến thuần một khối khổ lớn tụ tập diệt đi).*

"Các Tỳ-kheo, ví như lầu các cung điện Bắc, Tây dài rộng; Đông, Tây có cửa sổ. Mặt trời mọc ở hướng Đông sẽ chiếu vào đâu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Rọi vào vách phía Tây."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu không có vách phía Tây, thì mặt trời sẽ chiếu vào đâu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Mặt trời sẽ chiếu sáng hư không, không có chỗ duyên vào."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ, thì thức không có chỗ trụ, cho đến thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 377. Hữu tham (4)[1171]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trụ và tăng trưởng, cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

Này các Tỳ-kheo, ví như lầu các cung điện Bắc, Tây dài rộng; Đông, Tây có cửa sổ. Mặt trời mọc ở hướng Đông sẽ chiếu sáng hướng nào?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Sẽ chiếu sáng ở vách phía Tây."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

[1171] *Xem kinh 375, 376 trên.*

"Cũng vậy, đối với bốn loại thức ăn mà có tham, có hỷ, thời thức trụ và tăng trưởng, cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn. Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì thức cũng không trụ, tăng trưởng; cho đến thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt.

"Này các Tỳ-kheo, ví như họa sư và học trò của họa sư, gom các màu sắc muốn tô điểm vẽ vời giữa hư không, thì có thể vẽ được không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch không thể được. Vì sao? Vì hư không này không phải sắc, không có đối ngại, không thể thấy. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì không có thức tồn tại, tăng trưởng cho đến thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 378. Hữu tham (5)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trừ và tăng trưởng cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

"Này các Tỳ-kheo, thí như họa sư hoặc đệ tử của họa sư gom các màu sắc, muốn trang trí vẽ vời những hình ảnh trên sắc chất. Các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Họa sư này hoặc đệ tử của ông này có thể dùng màu sắc trang trí vẽ vời trên sắc chất được không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy, họ có thể trang trí vẽ vời trên sắc chất."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo, đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trụ và tăng trưởng… cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn. Này các Tỳ-kheo, nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì không có thức tồn tại, tăng trưởng,… cho đến thuần một khối khổ lớn đã

tụ tập bị diệt. Này các Tỳ-kheo, ví như họa sư hoặc đệ tử của họa sư gom các màu sắc, mà muốn không cần sắc chất để trang trí vẽ vời các hình ảnh, thì có thể vẽ vời được không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thể được."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ, thì không có thức tồn tại, tăng trưởng,… cho đến thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 379. Chuyển pháp luân[1172]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

"Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác[1173]. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là vốn pháp chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ Thánh đế đã biết, cần phải biết[1174], là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, cần phải đoạn, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, cần phải tác chứng; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn,

---

1172. Ấn Thuận, Tụng 3 Tạp nhân duyên, "4. Tương ưng đế", gồm một trăm năm mươi kinh, nhưng chỉ sáu mươi lăm kinh có nội dung; Đại Chánh 379-443. phần lớn tương đương Pāli S.56. Sacca-Samyutta. Pāli, S. 56. 11- 12. Tathāgatena vuttā.

1173. Pāli: idaṃ dukkhaṃ ariyasaccan ti me, bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññāṇaṃ udapādi vijjā udapādi, āloko udapādi, Này các Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế, trong các pháp mà trước đây Ta chưa từng nghe, phát sanh nhãn, phát sanh trí, phát sanh tuệ, phát sanh minh, phát sanh ánh sáng.

1174. Tri đương phục tri 知當復知。

trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, cần phải tu, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế đã biết, đã xuất[1175], là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn[1176], đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã tác chứng, đã xuất[1177]; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu, đã xuất[1178]; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Này các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, với ba chuyển, mười hai hành[1179], Ta nếu không sanh nhãn, sanh trí, sanh minh, sanh giác, thì ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng nghe pháp[1180], Ta không bao giờ được coi là đã giải thoát, đã xuất ly và cũng không tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với bốn

---

1175. Dĩ tri dĩ xuất 已知已出。Pāli: taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyanti me, (...), taṃ kho panidư dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātan ti me, Khổ Thánh đế này, cần biến tri, Ta đã biến tri.

1176. Dĩ tri dĩ đoạn xuất 知已斷出。Pāli: (...) idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahātabban ti me (...) pahìnanti me; đây là Khổ tập Thánh đế cần phải đoạn, Ta đã đoạn.

1177. Dĩ tri dĩ tác chứng xuất 已知已作證出。Pāli: (...) idaṃ dukkhanirodham ariyasaccaṃ sacchikātabbanti me (...) sacchikatanti me, đây là Khổ diệt Thánh đế cần chứng, Ta đã chứng.

1178. Dĩ tri dĩ tu xuất 已知已修出。Pāli: (...) idaṃ dukkhanirodhagāminì paṭipadà ariyasaccaṃ bhāvetabbanti me (...) bhāvitanti me, đây là Khổ diệt đạo Thánh đế cần tu, Ta đã tu.

1179. Tam chuyển thập nhị hành 三轉十二行。Pāli: tiparivattaṃ dvādasākāraṃ, ba vận chuyển, mười hai hình thái (hành tướng).

1180. Pāli: sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya, trong thế giới gồm có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, cùng giữa quần sanh loại gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, các trời và con người.

Thánh đế này, với ba chuyển, mười hai hành, Ta sanh nhãn, sanh trí, sanh minh, sanh giác; do đó, ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng nghe pháp, Ta đã giải thoát, đã xuất ly và tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này, Tôn giả Kiều-trần-như[1181] cùng tám vạn chư Thiên xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Kiều-trần-như:

"Biết pháp chưa?"

Kiều-trần-như bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đã biết."

Lại hỏi Tôn giả Kiều-trần-như[1182]:

"Biết pháp chưa?"

Câu-lân bạch Phật:

"Bạch Thiện Thệ, đã biết."

Vì Tôn giả Câu-lân đã biết pháp cho nên gọi là A-nhã Câu-lân[1183].

Sau khi Tôn giả A-nhã Câu-lân đã biết pháp, Địa thần xướng lên rằng:

"Các Nhân giả, Đức Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại, đã ba lần chuyển pháp luân mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc; vì lòng thương xót thế gian, bằng nghĩa lợi và sự hữu ích, làm lợi ích an vui cho Trời, Người, làm tăng thêm số chúng cõi Trời, giảm bớt chúng A-tu-la."

Địa thần xướng lên xong, vọng đến các thần hư không, vua trời Tứ thiên, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, lần lượt truyền xướng, trong khoảnh khắc, lại vọng đến cõi Phạm thiên, nghe truyền vang âm thanh rằng:

"Các Nhân giả, Đức Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại đã ba lần chuyển pháp luân mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc; vì lòng thương xót thế gian, bằng nghĩa lợi và sự hữu ích, làm lợi ích an vui cho trời, người, làm tăng thêm số chúng

---

1181. Trong bản: Kiều-trần-như 憍陳如, nhưng đoạn dưới, phiên âm là Câu-lân. Pāli: Koṇḍañña.

1182. Trong nguyên bản: Câu-lân 拘鄰。

1183. A-nhã Câu-lân 阿若拘鄰。Pāli: Aññāta-Koṇḍañña.

cõi trời, giảm bớt chúng A-tu-la.”

Vì Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại chuyển pháp luân, cho nên kinh này được gọi là kinh Chuyển pháp luân[1184].

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 380. Tứ đế (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 381. Tứ đế (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nếu Tỳ-kheo nào đối với bốn Thánh đế mà chưa hiện quán[1185], thì phải nên tu tập hiện quán, khởi ý muốn tăng thượng, nỗ lực tìm phương tiện, chánh niệm, chánh tri, cần phải học[1186].”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

1184. Chuyển pháp luân kinh 轉法輪經。Pāli: Dhamma cakkappa vattanasuttam.

1185. Nguyên Hán: vô gián đẳng.

1186. Nguyên bản: giác 覺。Trưởng lão Ấn Thuận sửa lại là học 學。

Kinh 382. Đương tri[1187]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế nên biết, nên hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế nên biết, nên đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế nên biết, nên chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của khổ Thánh đế nên biết, nên tu[1188]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 383. Dĩ tri

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu[1189]. Như vậy, Tỳ-kheo đoạn ái dục, cởi bỏ các kết sử, đối với mạn, chứng đắc hiện quán[1190], đến nơi tột cùng của mé khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

1187. S. 56. 29. Abhiñeyyaṃ (cần được thắng tri).

1188. Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

1189. Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

1190. Nguyên văn: ư mạn vô minh đẳng 於慢無明等 (đối với mạn và vô minh mà cứu cánh khổ biên); Ấn Thuận sửa lại là ư mạn vô gián đẳng 於慢無間等, theo định nghĩa của kinh. Xem các kinh 23, 24: đoạn trừ ái dục, chuyển khứ chư kết, chánh vô gián đẳng; kinh 107: ư mạn khởi vô gián đẳng.

Kinh 384. Lậu tận[1191]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu[1192]. Như vậy, Tỳ-kheo này được gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, việc làm đã xong, lìa các gánh nặng, đã đạt được mục đích mình[1193], hết sạch các kết sử, chánh trí, khéo giải thoát."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 385. Biên tế[1194]

Tôi nghe như vầy:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu[1195]. Như vậy, Tỳ-kheo này đạt đến tận cùng cứu cánh, tận cùng lìa hết cấu nhiễm, tận cùng phạm hạnh đã hoàn thành, thuần nhất trong sạch, được gọi là Thượng sĩ[1196]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

1191. S. 56. 25. Āsavakkhayo.

1192. Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

1193. Đãi đắc kỷ lợi 逮得己利。

1194. Xem kinh 384 trên.

1195. Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

1196. Thượng sĩ 上士。Pāli: uttamapurisa?

Kinh 386. Hiền Thánh (1)

Tôi nghe như vầy:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu. Như vậy, Tỳ-kheo không còn then khóa, san bằng thành hào, vượt qua các hiểm nạn, cởi mở các ràng buộc, được gọi là Hiền thánh dựng ngọn cờ Thánh[1197]."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 387. Hiền Thánh (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của khổ Thánh đế đã biết, đã tu. Như vậy, Tỳ-kheo không còn then khóa, san bằng thành hào, vượt qua các hiểm nạn, cởi mở các ràng buộc, được gọi là Hiền thánh dựng ngọn cờ Thánh[1198]."

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là không còn then khóa[1199]? Năm hạ phần kết sử[1200] đã lìa, đã biết; đó gọi là không còn then khóa.

1197. Tham chiếu Trung A-hàm kinh 200; Pāli, M. 200. Alagadūpama-sutta: ayaṃ vuccati, bhikkhave, bhikkhu ukkhitta pāligho itipi, saṃkiṇṇaparikkho itipi, abbāḷhesiko itipi, niraggaḷo itipi, ariyo pannaddhajo pannabhāro visaṃyutto itipi, Tỳ-kheo như vậy được gọi là vị đã dẹp bỏ chướng ngại vật, lấp bằng giao thông hào, nhổ bỏ cọc trụ, tháo bỏ then khóa. Xem giải thích kinh tiếp.

1198. Xem cht.58, kinh 386.

1199. Vô hữu quan kiện 無有關鍵。Pāli: niraggaḷo, vị đã tháo bỏ then cửa.

1200. Ngũ hạ phần kết, năm kết sử dẫn tái sanh Dục giới (hạ giới): thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân; xem Trường A-hàm kinh 7. Pāli, D. 33. Saṅgīti, pañc'oram-bhāgiyāni saṃyojanāni: sakkāya-diṭṭhi, vicikicchà, sīlabbata-parāmāso, kāmacchando,

"Thế nào là san bằng thành hào[1201]? Hào sâu vô minh đã đoạn, đã biết; đó gọi là san bằng thành hào[1202].

"Thế nào là vượt qua các hiểm nạn[1203]? Giải thoát sanh tử, tận cùng mé khổ[1204]; đó gọi là vượt qua các hiểm nạn.

"Thế nào là cởi mở các ràng buộc[1205]? Ái đã đoạn, đã biết[1206].

"Thế nào là dựng ngọn cờ Thánh đạo[1207]? Ngã mạn đã đoạn[1208], đã biết; đó gọi là dựng ngọn cờ Thánh."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 388. Ngũ chi lục phần[1209]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn năm chi, thành sáu phần, thủ hộ một, nương dựa vào bốn, trừ bỏ các đế, lìa các đường ngả tư, chứng các giác tưởng, tự chính mình tạo tác, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, thuần nhất trong sạch, đó gọi là Thượng sĩ."

---

vyāpādo.

1201. Bình trị thành tiệm 平治城塹。Pāli: saṃkiṇṇa-parikkha, lấp đầy các hào rãnh.

1202. Bản Pāli: saṃkiṇṇparikkho (...) ponobbhaviko jatisaṃsāro pahīno hoti, đã lấp đầy các hào rãnh, là đã đoạn trừ vòng luân chuyển tái sanh.

1203. Pāli: ukkhitta pāligho, đã dẹp bỏ chướng ngại vật.

1204. Pāli: ukkhitta pāligho (...) avijjā pahīna hoti, đã dẹp bỏ chướng ngại, là đã đoạn trừ vô minh.

1205. Giải thoát kết phược 解脫結縛。Pāli: abbhāḷhesika, đã nhổ bỏ cọc trụ.

1206. Pāli: abbhāḷhesiko (...) taṇhā pahīno hoti, đã nhổ bỏ cọc trụ, là đã đoạn trừ khát ái.

1207. Kiến lập Thánh tràng 建立聖幢。Pāli: ariyo pannaddhajo pannabhāro visaṃyutto, là vị Thánh đã hạ cờ, trút gánh nặng, bứt ràng buộc.

1208. Pāli: asmimāno pahīno, đoạn trừ phức cảm "tôi hiện hữu" (ngã mạn).

1209. S. 56. 13. Khandha; 14. Āyatana.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 389. Lương y

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn pháp, nếu thành tựu thì được gọi là bậc Đại y vương, đầy đủ các chi phần cần phải có. Những gì là bốn? Một là khéo biết bệnh; hai là khéo biết nguyên nhân của bệnh; ba là khéo biết cách đối trị bệnh; bốn là khéo biết trị bệnh để về sau bệnh không còn tái phát nữa.

"Thế nào gọi là lương y khéo biết bệnh? Lương y biết rành các chủng loại bệnh như vậy, như vậy; đó gọi là lương y khéo biết bệnh.

"Thế nào là lương y khéo biết căn nguyên của bệnh? Lương y biết rành bệnh này do gió gây nên, do đàm ấm gây nên, nước nhớt nước dãi gây nên, khí lạnh gây nên, do các sự việc hiện tại gây nên, do thời tiết gây nên; đó gọi là lương y khéo biết căn nguyên của bệnh.

"Thế nào là lương y khéo biết cách đối trị bệnh? Lương y biết rành các loại bệnh, nên thoa thuốc, nên cho mửa, cho xổ, nên nhỏ mũi, nên xông, nên cho ra mồ hôi; và những cách đối trị đại loại như vậy; đó gọi là lương y khéo biết cách đối trị.

"Thế nào là lương y khéo biết trị bệnh rồi về sau bệnh không còn tái phát nữa? Lương y khéo trị tất cả các chứng bệnh, khiến dứt trừ hoàn toàn, vĩnh viễn không tái phát trở lại sau này nữa; đó gọi là lương y khéo biết trị bệnh không còn tái phát nữa.

"Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác là Bậc Đại Y vương đã thành tựu bốn đức, chữa lành bệnh chúng sanh cũng lại như vậy. Bốn đức là gì? là Như Lai biết như thật đây là Khổ Thánh đế; biết như thật đây là Khổ tập Thánh đế; đã biết như thật đây là Khổ diệt Thánh đế, biết như thật đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

"Này các Tỳ-kheo, các lương y thế gian không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc sanh, không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác là vị Đại Y vương, biết như thật cách đối trị đối với cội gốc sanh, lão, tử,

ưu, bi, khổ, não. Vì thế nên Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác được gọi là Đại Y vương."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 390. Sa-môn Bà-la-môn (1)[1210]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Thánh đế về khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự diệt tận của khổ này, không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chẳng phải là Sa-môn của Sa-môn, là Bà-la-môn của Bà-la-môn. Những người ấy, đối với nghĩa của Sa-môn, nghĩa Bà-la-môn, không thể trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng rằng[1211] 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Thánh đế về khổ này, biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, biết như thật Thánh đế về sự diệt tận của khổ này, biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, thì nên biết các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chính là Sa-môn của Sa-môn, là Bà-la-môn của Bà-la-môn; những người ấy, đối với nghĩa của Sa-môn, nghĩa Bà-la-môn, trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng rằng 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Cho nên, này các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế hiện quán, nên

---

1210. S. 56. 12.Vajji (Koṭigāma).

1211. Tham chiếu kinh 352. Pāli, tham chiếu S. 12. 13; 56.12, na me te, bhikkhave, samaṇā và brāhmaṇā và samaịesu và samaṇasamatà brāhmaịesu va brāhmaṇasamatà; na ca pana te āyasmanto sāmaññatthaṃ và brāhmaññatthaṃ và diṭṭtheva dhamme sayaṃ abhiññā sacchikatvà... Các Sa-môn, Bà-la-môn này không phải những Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh giữa các Sa-môn, Bà-la-môn; đối với mục đích của các Sa-môn, Bà-la-môn này, ngay trong đời này, không bằng thắng trí mà tự mình chứng nghiệm (...).

khởi lòng mong muốn hơn lên, tinh cần, nỗ lực, phương tiện tu học. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 391. Sa-môn Bà-la-môn (2)[1212]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

Nói rộng như trên, chỉ có một vài sự sai biệt là:

"Nếu không biết như thật bốn Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này chẳng phải Sa-môn số, chẳng phải Bà-la-môn số[1213]. Nếu biết như thật đối với Thánh đế, thì Sa-môn, Bà-la-môn này…" cho đến,

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 392. Như thật tri[1214]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Thánh đế về khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự diệt tận của khổ này, không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không thoát được khổ.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Thánh đế về khổ này, biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, biết như thật Thánh đế

1212. Xem kinh 390.

1213. Phi Sa-môn số, phi Bà-la-môn số 非沙門數非婆羅門數。Pāli: na (...) samaṇasaṃkhyā, brāhmaṇasaṃkhyā, không đúng danh nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn.

1214. Xem kinh 390.

về sự diệt tận của khổ này, biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thoát được khổ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như đối với Khổ không giải thoát và giải thoát, chi tiết như trên; cũng vậy: [1215]

Đối với (xả) đường ác không giải thoát và giải thoát.

Có thể xả giới thoái giảm và không xả giới thoái giảm.

Có thể tự tuyên bố đã chứng đắc pháp thượng nhân và không thể tự tuyên bố đã chứng đắc pháp thượng nhân.

Có thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu phước điền tốt và không thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu phước điền tốt.

Có thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu bậc Đại sư và không thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu Đại sư.

Không thể vượt qua khỏi khổ và có thể vượt qua khỏi khổ.

Không thể thoát khổ và có thể thoát khổ.

Như những kinh trên đều lập lại tiếp theo bằng kệ:

"Nếu không biết cái khổ
Và nhân các khổ này;
Và tất cả pháp khổ
Tịch diệt trọn không còn;
Nếu không biết dấu đạo,
Tư duy[1216] *tất cả khổ;*
Không có tâm giải thoát,
Tuệ giải thoát cũng không,
Không thể vượt các khổ,
Để cứu cánh thoát khổ.
Nếu biết khổ như thật;
Cùng biết nhân các khổ;
Và tất cả các khổ
Tịch diệt hết không còn;
Nếu lại biết như thật,
Dấu đạo của dứt khổ,
Ý giải thoát đầy đủ,

[1215] *Tóm tắt bảy kinh.*

[1216] *Nguyên bản: tư 思。Ấn Thuận nghi là chữ tức 息：dập tắt.*

Tuệ giải thoát cũng vậy,
Có thể vượt các khổ,
Cứu cánh được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 393. Thiện nam tử[1217]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu có thiện nam tử, chánh tín, không gia đình, xuất gia học đạo[1218], thì tất cả điều cần làm là cần biết pháp bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện tu tập hiện quán."

Cũng như chương cú này, tất cả kinh bốn Thánh đế, đều nên nói đầy đủ như vậy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Các kinh với nội dung: Biết như vậy, thấy như vậy, hiện quán như vậy, cũng nói như trên.[1219]

Lại nữa, cũng như kinh trên, với nội dung thêm bớt như sau:

"Đoạn tận ba kết, đắc quả Tu-đà-hoàn. Tất cả nên biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy[1220]. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

(...)

"Nếu ba kết sử đã đoạn tận, tham, nhuế, si mỏng, chứng đắc Tư-

---

[1217] *Pāli, S. 56. 3-4. Kulaputta.*

[1218] *Chánh tín phi gia xuất gia học đạo* 正信非家出家學道。*Pāli (định cú): agārasmā anagāriyaṃ pabbajati.*

[1219] *Tóm tắt có hai kinh.*

[1220] *Tóm tắt có ba kinh.*

đà-hàm. Tất cả đều biết như thật đối với bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy.(...)"[1221] cũng nói như trên.

(...)

"Nếu năm hạ phần kết đã đoạn tận, chứng đắc A-na-hàm hạng Sanh Bát-niết-bàn[1222], không còn tái sanh vào cõi thế gian này nữa. Tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy. (...)" cũng nói như trên.

(...)

"Nếu tất cả lậu đã đoạn tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời, tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy. (...)" cũng nói như trên.

(...)

"Nếu chứng được đạo Bích-chi-phật, tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy.(...)" cũng nói như trên.

(...)

"Nếu đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy. (...)" cũng nói như trên.

"Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

□

1221. Tóm tắt có ba kinh.

1222. Sanh Bát-niết-bàn; năm hạng Bất hoàn, đây chỉ nêu một.

Kinh 394. Nhật nguyệt (1)[1223]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như mặt trời mọc, ánh sáng hiện trước. Cũng vậy, chân chánh diệt tận khổ cũng có dấu hiệu xuất hiện trước[1224]; tức là biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 395. Nhật nguyệt (2)[1225]

Tôi nghe như vầy:

Khi Đức Phật ở trong vườn Nai, chỗ ở của Tiên nhân, nước Ba-la-nại, thì bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu mặt trời, mặt trăng không xuất hiện giữa thế gian, tất cả các vì tinh tú cũng không xuất hiện giữa thế gian này, thì ngày và đêm, nửa tháng, thời tiết, số năm, thời khắc, khoảnh khắc, tất cả đều không xuất hiện. Như thế, thế gian sẽ luôn luôn tối tăm, không có ánh sáng, chỉ có đêm dài, thuần là một khối mù tối lớn hiện ra ở thế gian.

"Nếu Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở thế gian, không nói về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thế gian này sẽ mù tối, không có ánh sáng chiếu rọi, như thế đêm dài thuần là bóng tối trùm khắp thế gian.

"Nếu mặt trời, mặt trăng xuất hiện ở thế gian, các tinh tú cũng xuất hiện, ngày và đêm nửa tháng, thời tiết, số năm, thời khắc, khoảnh khắc, tất cả đều xuất hiện ở thế gian. Cũng thế, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian nói Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì thế gian không còn

---

1223. Pāli, S. 56. 38. Suriyapamā.

1224. Pāli: yato ca kho, bhikkhave, tathāgato loke uppajjati (...) atha mahato ālokassa pātubhāvo (...): Như Lai xuất hiện trong đời, ánh sáng vĩ đại xuất hiện (đó là bốn Thánh đế).

1225. Pāli, như kinh 394.

tối tăm và đêm dài được soi sáng, thuần nhất, trí tuệ sẽ hiện ra ở thế gian."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 396. Thánh đệ tử

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như mặt trời xuất hiện, đi vòng khắp giữa không trung, phá tan mọi tăm tối, ánh sáng chiếu rõ. Cũng vậy, Thánh đệ tử, có những pháp tập khởi, tất cả đều diệt hết rồi, xa lìa các trần cấu, sanh được mắt pháp cùng sanh với hiện quán, đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết này đoạn tận, gọi là Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường ác pháp, chắc chắn hướng đến Chánh giác, bảy lần qua lại cõi trời, cõi người, rồi giải thoát được khổ. Thánh đệ tử kia, trong lúc đó tuy có khởi lên ưu, khổ, chỉ nghe nói Thánh đệ tử kia ly dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, đầy đủ an trụ Sơ thiền; chứ không thấy Thánh đệ tử kia có một pháp không đoạn, để có thể khiến tái sanh vào đời này. Ở đây, đệ tử của bậc Thánh này được nghĩa lớn của mắt pháp. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế này nếu chưa hiện quán thì nên siêng năng, tinh cần tìm phương tiện, khởi ý muốn tinh tấn tu học."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 397. Khư-đề-la[1226]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu ai nói như vầy 'Tôi đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán; đối

[1226.] *S. 56. 32. Khadira.*

với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, chưa hiện quán,' mà lại nói 'Tôi sẽ đạt được hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế'.[1227] Lời nói này không đúng. Vì sao? Vì không có điều này. Nếu Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, chưa hiện quán mà muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì điều này không thể có được. Ví như có người nói: 'Tôi muốn lấy lá khư-đề-la[1228] kết lại làm thành món đồ đựng nước để mang đi.' Điều này không thể có được. Vì sao? Vì không có điều này. Hay nói như vầy: 'Tôi đối với Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, chưa hiện quán mà muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế chưa hiện quán', điều này cũng không thể có được.

"Nếu lại nói: 'Tôi sau khi hiện quán Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, sẽ chứng đắc hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế', đó là lời nói khéo. Vì sao? Vì việc này có thể có được. Nếu Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, đã được hiện quán rồi, mà muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì điều này có thể có được. Ví như có người nói: 'Tôi lấy lá bát-đàm-ma[1229], lá ma-lâu-ca[1230] kết lại thành đồ đựng nước mang đi', đó là lời nói khéo. Vì sao? Vì điều này có thể có được. Như vậy, nếu nói rằng: 'Tôi sau khi hiện quán Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt[1231] Thánh đế, nay muốn đắc hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế', đó là lời nói khéo. Vì sao? Vì điều này có thể có được. Nếu đối với Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, đã hiện quán và muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì điều này có thể có được."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

1227. ... vị vô gián đẳng... 未無間等。Pāli: ahaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ yathābhūtaṃ anabhisamecca,..., dukkhanirodhagāminiṃ paṭipadaṃ ariyasaccaṃ yathābhūtaṃ anabhisamecca, sammā dukkhassantam karissàmīti, tôi chưa chân thật hiện quán Khổ Thánh đế,..., chưa chân thật hiện quán đạo tích diệt Khổ Thánh đế, nhưng tôi sẽ chân chánh diệt tận khổ.

1228. Khư-đề-la 佉提羅。Pāli: khadira, loại cây gỗ rất cứng (Acacia Catechu),nhựa dùng làm thuốc.

1229. Bát-đàm-ma diệp 鉢盤摩葉。Pāli: padumapatta: lá sen. Nguyên bản chép nhầm là thuần-đàm-ma diệp 純曇摩葉。

1230. Ma-lâu-ca 摩樓迦。Pāli: māluvà (một giống khoai); Hán âm theo Skt. māluka, một loại cây (Acimum Sanctum).

1231. S. 56. 39. Indakhīlo.

Kinh 398. Nhân-đà-la trụ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như một cục bông gòn nhỏ, hay cục bông kiếp-bối, đặt ở ngã tư đường, khi bốn phương gió thổi, thì tùy theo chiều gió mà bông bay về một hướng. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thường hay nhìn mặt người và thường hay nói theo người[1232]. Vì không biết như thật, nên nghe người khác nói, hướng theo lời nói đó mà thọ nhận, nên biết người này đời trước không tu tập trí tuệ.

"Giống như cây trụ nhân-đà-la[1233] dùng đồng, thiếc làm nên, rồi đem cắm sâu xuống đất, dù bốn phương gió mạnh cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không xem mặt người, không nói theo người; vì Sa-môn, Bà-la-môn này là người có trí tuệ vững chắc. Vì người này trước kia đã tùy tu tập nên không theo lời nói của người. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 399. Luận xứ[1234]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Giống như trụ đá dài mười sáu khuỷu tay, được cắm sâu xuống đất

---

1232. Pāli: te aññassa samaṇassa và brāhmaṇassa và mukhaṃ ullokenti, 'ayaṃ nūna bhavaṃ jānaṃ jānāti passaṃ passatī'ti: các Sa-môn Bà-la-môn không có nhận thức ấy trông nhìn mặt mà nói, 'vị tôn giả này biết và đang biết, thấy và đang thấy'.

1233. Nhân-đà-la trụ 因陀羅柱。Pāli: indakhīla, cột nêu ở cổng chợ.

1234. S. 56. 40. Vādino (Vāditthika).

tám khuỷu tay, dù bốn phương có gió thổi cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, Sa-môn, Bà-la-môn này có đến các chỗ luận nghị mà không thể bị khuất phục, tâm người này giải thoát, tuệ giải thoát, có thể khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn khác ngược lại sanh ra lo khổ. Biết như thật, thấy như thật như vậy đều là do tập hành của đời trước nên khiến trí tuệ không thể khuynh động. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 400. Thiêu y[1235]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Giống như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, liền khởi ý muốn mãnh liệt[1236], khẩn cấp dập tắt[1237]."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chớ nên nói như vậy[1238]! Hãy gác qua việc đầu và áo. Đối với bốn Thánh đế phải khởi ý muốn mãnh liệt, tinh tấn, siêng năng tìm phương tiện, tu tập hiện quán. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, tu tập hiện quán. Vì sao?

"Này Tỳ-kheo, vì ở địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, luôn luôn bị thiêu đốt mà các Tỳ-kheo không thấy đó là khổ cùng cực. Nếu như Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế mà chưa được hiện quán, Tỳ-kheo này nên nhẫn chịu khổ, lạc, ưu, bi; đối với bốn Thánh đế lại càng siêng năng tinh tấn tìm phương tiện, tu tập hiện

---

1235. S. 56. 34. Cela.

1236. Tăng thượng dục 增上欲。Pāli: adhimatto chando, ý muốn mãnh liệt.

1237. Nguyên bản có thiếu: Phật hỏi các Tỳ-kheo, phải làm thế nào. Tỳ-kheo trả lời: khẩn cấp dập tắt. Phật nói tiếp.

1238. Nguyên bản, câu này có vẻ thừa.

quán, cần nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 401. Bách thương[1239]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Giống như có người sống lâu trăm tuổi, có người nói với người ấy rằng: ‘Ông nếu muốn nghe pháp thì mỗi ngày ba thời phải chịu khổ: Sáng sớm chịu khổ của trăm mũi thương đâm vào; trưa, chiều lại cũng như vậy. Trong một ngày, chịu khổ ba trăm mũi thương đâm; như vậy ngày nào cũng tiếp tục cho đến trăm năm rồi sau đó nghe pháp, được hiện quán. Ông có thể chịu như vậy được không?’ Bấy giờ, người này vì muốn nghe pháp nên có thể chịu đựng tất cả. Vì sao? Vì con người sanh ra ở thế gian luôn luôn chịu khổ ở trong ba đường ác, khi thì địa ngục, khi thì súc sanh, khi thì ngạ quỷ, mà không cảm nhận các thứ khổ, cũng không nghe pháp. Cho nên nay vì muốn được hiện quán, nên chẳng cho rằng cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào người trọn đời là cái khổ lớn. Thế nên các Tỳ-kheo nếu đối với bốn Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 402. Bình đẳng chánh giác[1240]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

1239. Một trăm mũi giáo. Pāli, S. 56. 35. Sattisata.

1240. S. 56. 23. Sammāsambuddha.

"Đối với bốn Thánh đế mà bình đẳng giác ngộ[1241], thì gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Những gì là bốn? Đó là Khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đối với bốn Thánh đế này, mà bình đẳng giác ngộ thì gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh 403. Như thật tri[1242]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Ma-kiệt-đà, du hành trong nhân gian. Giữa Vương xá và Ba-la-lị-phất có một xóm Rừng trúc[1243]; tại đây vua dựng một ngôi nhà Phúc đức. Bấy giờ cùng với đại chúng dừng lại nghỉ một đêm trong nhà này. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta cùng với các ông, đối với bốn Thánh đế mà không biết, không thấy, không tùy thuận giác[1244], không tùy thuận lãnh thọ[1245], cho nên phải dong ruổi trường kỳ trong sanh tử. Những gì là bốn? Đó là Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

"Nhưng vì Ta cùng các ông đối với Khổ Thánh đế này đã tùy thuận giác tri, tùy thuận thâm nhập[1246], nên dứt các dòng hữu[1247], đoạn tận sanh tử, không tái sanh nữa; đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã tùy thuận giác tri, tùy thuận thâm nhập, nên dứt các dòng hữu, đoạn tận sanh tử, không tái sanh nữa. Cho nên, các Tỳ-kheo nếu đối với bốn Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì nên siêng

---

1241. *Bình đẳng chánh giác. Pāli: abhisambuddhata, giác ngộ siêu việt.*

1242. *S. 56. 21. Vajji.*

1243. *Pāli gọi là xóm Koṭigāma.*

1244. *Tùy thuận giác 隨順覺。Pāli: anubodha, được giác ngộ một cách phù hợp, được giác tri, liễu giải, nhận thức chính xác.*

1245. *Vô tùy thuận thọ 無隨順受。Pāli: appaṭivedha, chưa được quán triệt, thông đạt.*

1246. *Thuận nhập 價入; ở trên nói: tùy thuận thọ.*

1247. *Hữu lưu 有流, dòng xoáy của hữu; Pāli: bhavogha. Nhưng bản Pāli: ucchinnā bhataṇhā, cắt đứt khát ái đối với hữu.*

năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu tập hiện quán."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Ta thường cùng các ông,
Trường kỳ lội sanh tử;
Vì không thấy Thánh đế,
Khổ lớn ngày càng tăng.
Nếu thấy bốn Thánh đế,
Dứt dòng biển hữu lớn,
Sanh tử đã trừ hết,
Không tái sanh đời sau.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 404. Thân-thứ[1248]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Ma-kiệt-đà, du hành trong nhân gian. Giữ Vương xá và Ba-la-lị-phất có một xóm Rừng trúc; tại đây vua dựng một ngôi nhà Phúc đức. Bấy giờ cùng với đại chúng dừng lại nghỉ một đêm trong nhà này. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông hãy cùng Ta đi đến rừng Thân-thứ[1249]."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đại chúng đi đến rừng Thân-thứ, rồi ngồi dưới bóng cây. Khi ấy, Đức Thế Tôn tay cầm nắm lá cây, hỏi các Tỳ-kheo:

"Lá cây trong nắm tay này nhiều hay lá cây trong rừng nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, lá cây trong nắm tay Phật rất ít, còn lá cây trong rừng thì nhiều vô lượng, gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần cho đến tính toán thí dụ cũng không thể so sánh.

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta thành Đẳng chánh giác, những pháp mà Ta đã tự thấy, rồi tuyên thuyết[1250] cho mọi người như lá cây trong

---

1248. Pāli, S. 56. 31. Siṃsapā.

1249. Thân-thứ lâm 申恕林; rừng cây siṃsapā (loại cây Dalbergia Sissoo).

1250. Trong bản: định thuyết 定說。Có lẽ tuyên 宣 mà chép nhầm.

tay. Vì sao? Vì pháp này[1251] có lợi ích cho nghĩa[1252], có ích lợi cho pháp, ích lợi cho Phạm hạnh, minh tuệ chánh giác, hướng thẳng Niết-bàn. Cũng nhiều như lá cây trong rừng lớn, chánh pháp mà Ta tự mình chứng tri, thành Đẳng chánh giác, không được Ta nói ra, cũng nhiều như thế. Vì sao? Vì những pháp ấy[1253] không lợi ích cho nghĩa, không ích lợi cho pháp, không ích lợi cho Phạm hạnh, minh tuệ chánh giác, hướng thẳng Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 405. Khổng[1254]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Tỳ-da-ly khất thực. Sáng sớm hôm ấy có đám đông thiếu niên Ly-xa[1255] từ trong thành đi ra đến cửa tinh xá, đem cung tên tranh nhau bắn vào lỗ trống nơi cửa tinh xá[1256]. Tất cả các mũi tên đều lọt vào lỗ trống nơi cửa. Tôn giả A-nan thấy vậy, lấy làm lạ, thắc mắc "Các thiếu niên Ly-xa này có thể làm được một việc khó khăn như vậy!"

Sau khi Tôn giả vào thành khất thực trở về, cất y bát, rửa chân rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, con đắp y mang bát vào thành Tỳ-da-ly khất thực, gặp có đám đông thiếu niên Ly-xa từ trong thành đi ra đến trước cửa tinh xá, đem cung tên tranh nhau bắn vào lỗ trống nơi

---

1251. *Chỉ pháp được tuyên thuyết.*

1252. *Ích lợi cho mục đích. Pāli: atthasaṃhitaṃ, liên hệ đến mục đích (giải thoát).*

1253. *Những pháp không được công bố.*

1254. *Lỗ khóa. Pāli, S. 56. 45. Vāla (cọng lông).*

1255. *Ly-xa đồng tử 離車童子。Pāli: Licchavikumāraka, con trai người Licchavi.*

1256. *Tinh xá môn khổng 精舍門孔。Pāli: āḷacchigaḷena, xuyên qua lỗ khóa.*

cửa tinh xá. Tất cả các mũi tên đều lọt vào lỗ trống nơi cửa. Con nghĩ thầm 'Kỳ diệu thật, các thiếu niên Ly-xa này, có thể làm được một việc khó khăn như vậy!'"

Phật bảo A-nan:

"Ngươi nghĩ thế nào? các thiếu niên Ly-xa tranh nhau bắn tên vào lỗ cửa và tất cả những mũi tên đó đều trúng vào. Việc này là khó hay chẻ một sợi lông thành trăm phần, rồi bắn trúng vào một phần sợi lông và tất cả những mũi tên đó đều trúng, là khó?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Nếu chẻ sợi lông thành trăm phần, rồi bắn vào một phần sợi lông, mỗi một phát đều trúng, điều này rất là khó."

Phật bảo A-nan:

"Chưa bằng đối với Khổ Thánh đế mà biết như thật, thì điều này mới thật là khó hơn. Cũng vậy, đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế mà thấy biết như thật, điều này mới thật sự là khó."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ rằng:

Sợi lông chẻ trăm phần,
Khó bắn trúng một phần.
Quán mỗi một khổ ấm,
Là phi ngã, khó hơn!

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

Kinh 406. Manh[1257]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ví như đất liền đều biến thành biển lớn, có một con rùa mù, sống vô lượng kiếp; trăm năm mới trồi đầu lên một lần. Trong biển có một khúc gỗ nổi, chỉ có một lỗ hổng, lênh đênh trên sóng nước theo gió trôi nổi Đông Tây. Con rùa mù một trăm năm mới trồi đầu lên một lần kia, sẽ gặp

1257. *Con rùa mù.*

được cái lỗ hổng này không?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì con rùa mù này, nếu đến biển phía Đông, thì khúc gỗ có thể theo gió, hoặc đến biển phía Tây, Nam, Bắc. Cũng vậy, bốn phía xung quanh không dễ gì gặp được."

Phật bảo A-nan:

"Con rùa mù và khúc gỗ nổi tuy trái chiều nhau, nhưng có thể gặp được. Phàm phu ngu si phiêu lưu trong năm đường, tạm thời được thân người còn khó hơn việc trên. Vì sao? Vì những chúng sanh này không thực hành nghĩa này, không thực hành pháp, không thực hành điều lành, không thực hành chân thật, lần lượt sát hại lẫn nhau, kẻ mạnh lấn áp người yếu, tạo ra vô lượng điều ác. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□